

MỤC LỤC
(BÁT-NHÃ – BỘ 14)

SỐ 223 – KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT	3
QUYỂN 1	3
Phẩm 1: TỰA	3
Phẩm 2: PHỤNG BÁT	15
Phẩm 3: TẬP ỨNG	17
QUYỂN 2	28
Phẩm 4: VÃNG SINH	28
Phẩm 5: THÁN BA-LA-MẬT	43
Phẩm 6: TƯỚNG LUỖI	45
Phẩm 7: TAM GIẢ	46
QUYỂN 3	53
Phẩm 8: KHUYẾN HỌC	53
Phẩm 9: TẬP TÁN	58
Phẩm 10: HÀNH TƯỚNG	66
QUYỂN 4	74
Phẩm 11: HUYỄN HỌC	74
Phẩm 12: CÚ NGHĨA	79
Phẩm 13: KIM CANG	84
Phẩm 14: DỨT TRỪ CÁC KIẾN CHẤP	86
Phẩm 15: PHÚ-LÂU-NA	89
Phẩm 16: NGỒI XE ĐẠI THỪA	97
QUYỂN 5	99
Phẩm 17: TRANG NGHIÊM	99
Phẩm 18: HỎI VỀ THỪA	106
Phẩm 19: QUẢNG THỪA	123
QUYỂN 6	134
Phẩm 20: HƯỚNG ĐẾN	134
Phẩm 21: RA ĐẾN	150
Phẩm 22: VƯỢT HƠN	155

Phẩm 23: ĐỒNG VỚI HỮ KHÔNG	159
QUYỂN 7	169
Phẩm 24: HỘI TÔNG	169
Phẩm 25: MƯỜI KHÔNG	170
Phẩm 26: KHÔNG SINH	181
Phẩm 27: VUA TRỜI	190
QUYỂN 8	199
Phẩm 28: NGƯỜI HUYẾN NGHE PHÁP	199
Phẩm 29: RẢI HOA	202
Phẩm 30: BA LẦN KHEN NGỢI	211
Phẩm 31: DỨT TRANH CÃI	215
QUYỂN 9	222
Phẩm 32: THÁP BÁU SÁNG RỰC	222
Phẩm 33: THUẬT THÀNH	230
Phẩm 34: KHUYẾN KHÍCH THỌ TRÌ	231
Phẩm 35: KHIỂN TRÁCH DỊ ĐẠO	235
Phẩm 36: NGƯỜI DẪN DẮT TÔN QUÝ	237
QUYỂN 10	245
Phẩm 37: XÁ-LỢI	245
Phẩm 38: PHÁP THÍ	257
QUYỂN 11	268
Phẩm 39: TÙY HỖ	268
Phẩm 40: CHIẾU MINH	282
Phẩm 41: TIN VÀ HỦY	289
QUYỂN 12	298
Phẩm 42: KHEN NGỢI THANH TỊNH	298
Phẩm 43: VÔ TÁC	308
Phẩm 44: KHEN NGỢI CÙNG KHẮP	319
QUYỂN 13	332
Phẩm 45: NGHE ĐƯỢC THỌ TRÌ	332
Phẩm 46: VIỆC MA	348
QUYỂN 14	355
Phẩm 47: LỖI HAI BÊN KHÔNG HÒA HỢP	355
Phẩm 48: PHẬT MẪU	363

Phẩm 49: HỎI VỀ TƯỚNG	369
QUYỂN 15	379
Phẩm 50: THÀNH BIỆN	379
Phẩm 51: THÍ DỤ	384
Phẩm 52: TRI THỨC	388
Phẩm 53: HƯỚNG ĐẾN NHẤT THIẾT TRÍ	394
QUYỂN 16	397
Phẩm 54: ĐẠI NHƯ.....	397
Phẩm 55: KHÔNG THOÁI CHUYỂN.....	410
QUYỂN 17	418
Phẩm 56: KIÊN CỐ	418
Phẩm 57: SÂU KÍN	425
Phẩm 58: THỰC HÀNH TRONG MỘNG.....	436
QUYỂN 18	446
Phẩm 59: HẰNG-GIÀ ĐỀ-BÀ	446
Phẩm 60: HỌC VỀ KHÔNG, CHẴNG CÓ CHỨNG	448
Phẩm 61: TRONG MỘNG KHÔNG CHỨNG	453
QUYỂN 19	468
Phẩm 62: MA SẼU.....	468
Phẩm 63: HỌC BÌNH ĐẲNG	472
Phẩm 64: TỊNH NGUYỆN	477
Phẩm 65: ĐỘ HỬ KHÔNG.....	484
QUYỂN 20	490
Phẩm 66: CHÚC LỤY	490
Phẩm 67: KHÔNG THỂ CÙNG TẬN	498
Phẩm 68: SỰ TƯƠNG QUAN GIỮA SÁU ĐỘ.....	501
QUYỂN 21	511
Phẩm 69: ĐẠI PHƯƠNG TIỆN	511
Phẩm 70: BA TUỆ	526
QUYỂN 22	542
Phẩm 71: CÂY CHÁNH ĐẠO	542
Phẩm 72: HẠNH BỒ-TÁT	548
Phẩm 73: GIEO TRỒNG THIÊN CĂN	551
Phẩm 74: HỌC KHẮP.....	554

QUYỂN 23	565
Phẩm 75: LÀM THEO BA LẦN	565
Phẩm 76: NHẤT NIỆM.....	574
Phẩm 77: SÁU VÍ DỤ.....	585
QUYỂN 24	595
Phẩm 78: BỐN NHIẾP	595
Phẩm 79: KHÉO LÉO THÔNG ĐẠT.....	617
QUYỂN 25	627
Phẩm 80: THẬT TẾ.....	627
Phẩm 81: CỤ TÚC.....	639
QUYỂN 26	650
Phẩm 82: THANH TỊNH CÔI PHẬT.....	650
Phẩm 83: QUYẾT ĐỊNH.....	657
Phẩm 84: TỬ ĐẾ	665
Phẩm 85: BẢY VÍ DỤ.....	669
Phẩm 86: BÌNH ĐẲNG	673
Phẩm 87: NHỮ HÓA.....	679
QUYỂN 27	682
Phẩm 88: TÁT-ĐÀ-BA-LUÂN	682
Phẩm 89: ĐÀM-VÔ-KIỆT.....	698
Phẩm 90: CHÚC LỤY	706
SỐ 224 – KINH ĐẠO HÀNH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT	707
QUYỂN 1	707
Phẩm 1: ĐẠO HÀNH	707
Phẩm 2: NẠN VẤN	722
QUYỂN 2	730
Phẩm 3: CÔNG ĐỨC	730
QUYỂN 3	758
Phẩm 4: PHƯƠNG TIỆN THIỆN XẢO KHUYẾN TRỢ.....	758
Phẩm 5: ĐỊA NGỤC.....	767
Phẩm 6: THANH TỊNH	774
QUYỂN 4	783
Phẩm 7: KHEN NGỢI	783
Phẩm 8: TRÌ	787

Phẩm 9: GIÁC MA	796
QUYỂN 5	805
Phẩm 10: CHIẾU MINH.....	805
Phẩm 11: CHẴNG THỂ TÍNH KỂ	812
Phẩm 12: THÍ DỤ	817
Phẩm 13: PHÂN BIỆT.....	819
Phẩm 14: VỐN LÀ KHÔNG.....	824
QUYỂN 6	830
Phẩm 15: KHÔNG THOÁI CHUYỂN.....	830
Phẩm 16: ƯU-BÀ-DI ĐÁT-KIỆT.....	837
QUYỂN 7	849
Phẩm 17: THỦ KHÔNG	849
Phẩm 18: XA LÀ.....	852
Phẩm 19: THIÊN TRI THỨC	862
QUYỂN 8	869
Phẩm 20: THÍCH ĐỀ-HOÀN NHÂN.....	869
Phẩm 21: KIÊU NGẠO.....	871
Phẩm 22: HỌC.....	874
Phẩm 23: GIỮ GÌN VÀ HÀNH TRÌ.....	877
Phẩm 24: CƯỜNG NHƯỢC	883
QUYỂN 9	890
Phẩm 25: DẶN DÒ, ỦY THÁC GIÁO PHÁP.....	890
Phẩm 26: CHẴNG THỂ CÙNG TẬN	894
Phẩm 27: TÙY	896
Phẩm 28: BỒ-TÁT TÁT-ĐÀ-BA-LUÂN	898
QUYỂN 10	911
Phẩm 29: BỒ-TÁT ĐÀM-VÔ-KIỆT	911
Phẩm 30: CHÚC LỤY	923

LINH SƠN PHÁP BẢO ĐẠI TẠNG KINH
TẬP 31

BỘ BÁT-NHÃ
14

SỐ 223 → 224

HỘI VĂN HÓA GIÁO DỤC
LINH SƠN ĐÀI BẮC XUẤT BẢN

SỐ 223

KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

Hán dịch: Pháp sư Cưu-ma-la-thập

QUYỂN 1

Phẩm 1: TỰA

Tôi nghe như vậy:

Một thuở nọ, Đức Phật ngự tại núi Kỳ-xà-quật trong thành Vương xá, cùng đại chúng Tỳ-kheo trên trăm ngàn vị, đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, không còn phiền não, tâm hoàn toàn giải thoát, tuệ hoàn toàn giải thoát, tâm ý mềm mỏng, là bậc Đại tượng vương, việc làm đã xong, đã được lợi mình, sạch hết kết sử, bỏ gánh nặng, đạt được chánh trí, được giải thoát. Chỉ riêng ngài A-nan là còn ở bậc Hữu học, chứng quả Tu-đà-hoàn.

Lại có năm trăm Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di đều đã thấy Thánh đế.

Lại có các vị Đại Bồ-tát đều đã được Tổng trì và các Tam-muội, thực hành không, vô tướng, vô tác, đã được Đăng nhãn, Vô ngại Đà-la-ni, đều được năm thần thông, lời nói ra đều được mọi người kính tin, không còn biếng trễ, đã rời bỏ danh lợi, nói pháp không cầu báo đáp, vượt qua pháp nhãn sâu xa, được năng lực vô úy, vượt qua các việc ma, tất cả nghiệp chướng khéo nói pháp nhân duyên. Từ vô số kiếp đến nay, các ngài đã phát thệ nguyện lớn, nhan sắc hòa vui, thường thưa hỏi trước, lời nói dịu dàng, ở giữa đại

chúng tự tại không sợ, đã giỏi nói pháp. Từ vô số ức kiếp, biết rõ các pháp như huyễn, như sóng nắng, như trăng đáy nước, như hư không, như tiếng vang, như thành Càn-thát-bà, như mộng, như bóng, như hình tượng trong gương, như biến hóa, đã được sự không ngăn ngại, không sợ hãi, biết rõ tâm hành chí hướng của chúng sinh, dùng trí tuệ nhiệm mầu mà cứu độ chúng sinh. Các vị đã thành tựu đại nhân, ý chí không ngăn ngại, được quán pháp như thật, nguyện nhận lãnh vô lượng thế giới của chư Phật, nhớ nghĩ đến chư Phật trong vô lượng thế giới, chánh định thường hiện tiền, có thể thỉnh vô lượng chư Phật, có thể dứt trừ các kiến chấp, phiền não, an trú và xuất sinh trăm ngàn Tam-muội. Các Đại Bồ-tát đã thành tựu vô lượng công đức như vậy. Danh hiệu các ngài là: Bồ-tát Bạt-đà-ba-la, Bồ-tát Kế-na-dà-la, Bồ-tát Đạo Sư, Bồ-tát Na-la-đạt, Bồ-tát Tinh Đắc, Bồ-tát Thủy Thiên, Bồ-tát Chủ Thiên, Bồ-tát Đại Ý, Bồ-tát Ích Ý, Bồ-tát Tăng Ý, Bồ-tát Bát Hư Kiến, Bồ-tát Thiện Tấn, Bồ-tát Thế Thắng, Bồ-tát Thường Cần, Bồ-tát Bất Xả Tinh Tấn, Bồ-tát Nhật Tạng, Bồ-tát Bất Khuyết Ý, Bồ-tát Quán Thế Âm, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi, Bồ-tát Chấp Bảo Ấn, Bồ-tát Thường Cử Thủ, Bồ-tát Di-lặc, có trăm ngàn muôn ức na-do-tha Đại Bồ-tát như vậy. Hàng Đại Bồ-tát này đều là bậc Nhất sinh bổ xứ, tiếp nối thành Phật.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn tự trải tòa Sư tử rồi ngồi kiết già ngay thẳng, chánh niệm hiện tiền, nhập vào Tam-muội vua của Tam-muội, tất cả Tam-muội vào trong Tam-muội đó. Sau đó, Đức Phật khoan thai xuất định, dùng Thiên nhãn nhìn xem thế giới, rồi nhẹ nhàng mỉm cười. Từ tướng bánh xe ngàn căm dưới lòng bàn chân phát ra sáu trăm muôn ức tia sáng. Từ mười ngón chân, hai mắt cá, hai bắp chân, hai gối, hai vế, eo, lưng, rún, bụng, hông, ngực, chữ vạn, vai, cánh tay, mười ngón tay, cổ, miệng, bốn mươi răng, mũi, mắt, tai, sợi lông trắng, nhục kế, mỗi chỗ trên thân Phật phóng ra sáu trăm muôn ức tia sáng. Từ những tia sáng này phát ra ánh sáng rực rỡ chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới. Từ tam thiên đại thiên thế giới cũng chiếu đến các cõi nước chư Phật số như cát sông Hằng ở phương Đông, phương Nam, Tây, Bắc, bốn bên trên dưới. Chúng sinh nào gặp được ánh sáng này, thì chắc chắn đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ánh sáng chiếu qua các cõi Phật ở phương Đông số như cát sông Hằng và các cõi ở phương Nam, Tây, Bắc, bốn bên trên dưới cũng như vậy. Bảy giờ toàn thân Thế Tôn tất cả lỗ chân lông đều phát ra ánh sáng chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới suốt đến hằng sa thế giới ở khắp mười phương. Chúng sinh nào được thấy ánh sáng này thì quyết định đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bảy giờ Thế Tôn dùng hào quang thường phát ra chiếu đến tam thiên đại thiên thế giới cũng chiếu đến các cõi Phật ở phương Đông số như cát sông Hằng cho đến khắp mười phương. Chúng sinh nào thấy được ánh sáng này thì chắc chắn đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bảy giờ Thế Tôn mỉm cười vui vẻ, hiện tướng lưỡi rộng dài, trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới, phát ra vô lượng ngàn muôn ức tia sáng. Mỗi tia sáng này hóa thành hoa báu ngàn cánh màu vàng ròng. Trên hoa báu đều có Hóa Phật ngồi kiết già giảng nói sáu pháp Ba-la-mật. Chúng sinh nào được nghe thì chắc chắn đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ánh sáng này đều chiếu đến hằng sa thế giới ở khắp mười phương, cũng hiện ra hoa báu trên đó có Hóa Phật nói pháp như vậy.

Bảy giờ, Đức Phật vẫn ngồi trên tòa Sư tử nhập Tam-muội Sư tử du hý. Do thần lực Phật, cả tam thiên đại thiên thế giới đều rung chuyển sáu cách, làm cho mọi loài đều vui mừng.

Trong tam thiên đại thiên thế giới này, các loài nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và tám nạn liền được sinh lên tầng trời Tứ vương, cho đến tầng trời Tha hóa tự tại. Các vị trời này tự biết túc mạng, đều rất vui mừng đồng đến chỗ Đức Phật ngự, đánh lễ dưới chân Phật, rồi ngồi qua một phía. Hằng hà sa thế giới ở khắp mười phương cũng rung chuyển sáu cách, các loài ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh và tám nạn đều được sinh lên sáu tầng trời cõi Dục.

Bảy giờ, chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới này, người mù thấy được, người điếc nghe được, người câm nói được, người điên được tỉnh, người loạn được định, người bệnh được lành, người tàn tật được nguyên vẹn, người rách rưới được áo mặc, người đói khát được ăn uống.

Tất cả mọi loài đều phát tâm lành, xem nhau như cha mẹ, anh em, chị em ruột thịt, đồng thực hành mười nghiệp lành, tịnh tu phạm hạnh, không phạm lỗi lầm, an nhiên hỷ lạc như Tỳ-kheo nhập đệ Tam thiên. Họ đều được trí tuệ tốt, giữ mình theo giới luật không làm tổn hại kẻ khác.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ngự trên tòa Sư tử, trong tam thiên đại thiên thế giới này với quang minh sắc tướng oai đức rực rỡ tôn nghiêm bậc nhất, chiếu đến hằng sa thế giới ở khắp mười phương, như núi Tu-di cao hơn tất cả núi non.

Lúc Đức Thế Tôn dùng thân thường hiển bày cho chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới, bấy giờ chư Thiên của trời Thủ-đà-hội, chư Thiên Phạm chúng, chư Thiên của trời Tha hóa tự tại, trời Hóa lạc, trời Đâu-suất-đà, trời Dạ-ma, trời Ba mươi ba, tứ Thiên vương cùng với người và phi nhân của tam thiên đại thiên thế giới đều đem hoa, hương, chuỗi anh lạc, hương xông, hương bột của cõi trời, họ dùng hoa sen xanh, sen trắng, sen đỏ, hoa hồng và hương lá cây của cõi trời đến cõi Phật an trụ và rải trên Đức Phật. Các hoa hương báu này dùng trên hư không hóa thành đài báu lớn rữ những chuỗi ngọc cùng lọng báu nhiều màu giăng trùm tam thiên đại thiên thế giới. Do đó, khắp tam thiên đại thiên thế giới thành màu vàng ròng, đến hằng sa thế giới ở khắp mười phương cũng giống như vậy. Chúng sinh ở cõi này và chúng sinh ở các thế giới ở khắp mười phương đều tự cho là Đức Phật chỉ nói pháp riêng cho mình mà thôi (chứ không thuyết cho ai khác).

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ngự tòa Sư tử vui vẻ mỉm cười, miệng phát ra ánh sáng chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới. Do ánh sáng này, chúng sinh đồng thấy chư Phật và Tăng chúng trong hằng sa thế giới ở khắp mười phương. Chúng sinh ở hằng sa thế giới ở khắp mười phương cũng thấy Phật Thích-ca Mâu-ni và đại chúng ở cõi tam thiên đại thiên này.

Đi về phương Đông qua hằng sa thế giới, tận cùng có cõi Đa bảo của Phật Bảo Tích. Đức Phật ấy đang giảng Bát-nhã ba-la-mật cho chúng Đại Bồ-tát. Nơi đó có Bồ-tát hiệu là Phổ Minh, thấy ánh sáng, thấy rung chuyển lại thấy thân Phật Thích-ca Mâu-ni, nên

đến thưa hỏi lý do với Phật Bảo Tích.

Đức Phật Bảo Tích dạy:

–Đó là thần lực của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni ở cõi Ta-bà cách đây hằng sa thế giới về phương Tây. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni sắp giảng nói Bát-nhã ba-la-mật cho chúng Đại Bồ-tát nghe.

Bồ-tát Phổ Minh bạch Phật:

–Nay con muốn đến lễ bái, cúng dường Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và gặp các vị Đại Bồ-tát.

Đức Phật Bảo Tích trao hoa sen ngàn cánh màu vàng ròng cho Bồ-tát Phổ Minh, dặn rằng:

–Ông đem hoa này cúng dường Phật Thích-ca Mâu-ni. Ông nên nhất tâm đến cõi Ta-bà, vì các vị Bồ-tát sinh về cõi Ta-bà đó thật là khó sánh bằng, khó vượt hơn.

Bồ-tát Phổ Minh lãnh hoa sen ngàn cánh màu vàng ròng, từ tạ Phật Bảo Tích rồi cùng vô số đại chúng đem những hoa hương phướn lọng đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni đảnh lễ dưới chân Phật rồi đứng sang một bên, bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đức Bảo Tích Như Lai kính lời hỏi thăm Đức Thế Tôn ít não ít bệnh, đi đứng nhẹ nhàng, khí lực an ổn chăng? Nói xong, Bồ-tát Phổ Minh dâng hoa sen màu vàng ngàn cánh này cúng dường Đức Thế Tôn.

Phật Thích-ca Mâu-ni nhận hoa sen ngàn cánh màu vàng ròng rồi rải khắp cúng dường hằng sa chư Phật phương Đông. Hoa sen ấy hóa thành hằng sa đóa hoa ở khắp hằng sa thế giới ở phương Đông. Trên mỗi đóa sen đều có Hóa Bồ-tát ngồi kiết già nói sáu pháp Ba-la-mật. Những ai được nghe pháp này đều quyết định đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đại chúng theo Bồ-tát Phổ Minh cũng đem hoa, hương, phướn lọng của mình dâng cúng Phật Thích-ca Mâu-ni.

Đi về phương Nam qua hằng sa thế giới có cõi Ly nhất thiết ưu của Phật Vô Ưu Đức, nơi đó có Bồ-tát hiệu là Ly Ưu.

Đi về phương Tây qua hằng sa thế giới có cõi Diệt ác của Phật Bảo Sơn, nơi đó có Bồ-tát hiệu là Nghĩa Ý.

Đi về phương Bắc qua hằng sa thế giới có cõi Thắng quốc của Đức Phật Thắng Vương, nơi đó có Bồ-tát hiệu là Đức Thắng.

Đi về phương dưới qua hằng sa thế giới có cõi nước tên là Thiện của Đức Phật Thiện Đức, nơi đó có Bồ-tát hiệu Hoa Thượng.

Đi về phương trên qua hằng sa thế giới có cõi nước tên là Hỷ của Đức Phật Hỷ Đức, nơi đó có Bồ-tát hiệu Đức Hỷ.

Các Bồ-tát trên đây ở cõi mình thấy ánh sáng chiếu khắp và mặt đất rung chuyển... liền cùng đại chúng cầm hương hoa, phướn lọng đến thế giới Ta-bà kính lễ cúng dường Phật Thích-ca Mâu-ni, đồng như Bồ-tát Phổ Minh ở phương Đông.

Bấy giờ, tam thiên đại thiên thế giới trở thành trang nghiêm nhiệm mầu như thế giới Hoa tích cùng thế giới Phổ hoa.

Đức Như Lai biết các Đại Bồ-tát cùng các trời, người và tám bộ chúng ở hằng sa thế giới đều đã nhóm họp nên gọi Tôn giả Xá-lợi-phất dạy:

–Đại Bồ-tát muốn dùng Nhất thiết chủng trí để biết rõ tất cả pháp, thì phải tu tập Bát-nhã ba-la-mật.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát muốn dùng Nhất thiết chủng trí để biết tất cả pháp, thì phải tu tập Bát-nhã ba-la-mật như thế nào?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát dùng phương pháp chẳng an trụ mà an trụ trong Bát-nhã ba-la-mật.

Vì pháp không có sự để xả bỏ nên được đầy đủ Bồ thí ba-la-mật; vì người cho, kẻ nhận và vật cho đều chẳng thật có; vì tội và không tội đều chẳng thật có nên đầy đủ Trì giới ba-la-mật; vì tâm chẳng động nên đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật; vì thân tâm tinh tấn chẳng biếng trễ nên đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật; vì chẳng tán loạn, chẳng say mê nên đầy đủ Thiền định ba-la-mật; vì chẳng chấp trước tất cả pháp nên đầy đủ Trí tuệ ba-la-mật.

Đại Bồ-tát dùng phương pháp chẳng an trụ mà an trụ trong Bát-nhã ba-la-mật. Vì bất sinh nên đầy đủ bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm niệm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám phần

Thánh đạo, Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô tác, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, tám Bội xả, tám Thắng xứ, chín Định thứ đệ, mười Nhất thiết xứ.

Cũng đầy đủ chín pháp tướng về thân chết: Tướng sinh, tướng nứt, tướng máu chảy, tướng thối rã, tướng bầm xanh, tướng giòi trùng ăn, tướng vữa nát, tướng xanh trắng, tướng đốt cháy tiêu tan.

Cũng đầy đủ tám chánh niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí xả, niệm thiên, niệm hơi thở ra vào, niệm chết.

Cũng đầy đủ mười pháp quán: Quán vô thường, quán khổ, quán vô ngã, quán món ăn như nhớp, quán tất cả thế gian đều không đáng ưa thích, quán chết, quán bất tịnh, quán dứt trừ, quán lìa dục, quán diệt tận.

Cũng đầy đủ mười một trí: Pháp trí, Tỷ trí, Tha tâm trí, Thế trí, Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí, Tận trí, Vô sinh trí, Như thật trí.

Cũng đầy đủ ba Tam-muội: Tam-muội có giác có quán, Tam-muội không giác có quán, Tam-muội không giác không quán.

Cũng đầy đủ ba căn: Căn chưa biết muốn biết, căn biết và căn đã biết.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn biết khắp tất cả công đức của Phật, như mười Trí lực, bốn Vô sở úy, bốn Trí vô ngại, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, thì phải tu tập Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát muốn được đầy đủ đạo tuệ, muốn dùng tuệ để được đầy đủ đạo chủng tuệ, muốn dùng đạo chủng tuệ để được đầy đủ Nhất thiết trí, muốn dùng Nhất thiết trí để được đầy đủ Nhất thiết chủng trí, muốn dùng Nhất thiết chủng trí để dứt trừ tập khí phiền não, đều phải tu tập Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát phải học tập Bát-nhã ba-la-mật như vậy.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn bước lên quả vị Bồ-tát, muốn hơn bậc Thanh văn, Duyên giác, muốn trụ bậc không thoái chuyển, muốn có sáu thần thông, muốn biết chí hướng của tất cả chúng sinh, muốn có trí tuệ hơn trí tuệ của tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật, muốn được các môn Đà-la-ni, các môn Tam-muội, đều phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát muốn dùng tâm tùy hỷ để vượt hơn những sự Bồ thí, Trì giới, Thiền định, Trí tuệ, Giải thoát, Giải thoát tri kiến, các thiền định giải thoát Tam-muội của tất cả những người cầu Thanh văn, Bích-chi-phật, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát thực hành ít Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ mà muốn do năng lực phương tiện hồi hướng để được vô lượng, vô biên công đức, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát muốn thực hành Bồ thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát muốn đời đời thân thể giống như thân Phật, có đủ ba mươi hai tướng Đại nhân, tám mươi vẻ đẹp tùy hình thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn sinh nơi nhà Bồ-tát, muốn được bậc đồng chân, muốn chẳng rời Phật, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn đem những cội lành cúng dường chư Phật và cung kính tôn trọng khen ngợi thành tựu tùy ý, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn làm cho chúng sinh thỏa mãn các thứ uống ăn, y phục, giường nệm, đèn đuốc, phòng nhà, xe cộ, thuốc men, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn làm cho chúng sinh ở hàng sa thế giới đứng vững nơi sáu pháp Ba-la-mật, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn gieo một cội lành trong ruộng phước của Phật, còn mãi cho đến khi được đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vẫn không hết, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn chư Phật mười phương khen ngợi danh hiệu mình thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn vừa phát ý thì thân liền đến hàng sa thế giới ở khắp mười phương, muốn vừa phát âm thì tiếng vang đến hàng sa thế giới ở khắp mười phương, đều phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn thế giới của chư Phật chẳng dứt mất thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát muốn an trụ trong nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, rốt ráo không, vô thủ không, tán không, tánh không, tự tướng không, các pháp không, vô sở đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn biết nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên và tăng thượng duyên của các pháp, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn biết chân như, thể tánh và thật tế các pháp, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát phải như vậy mà an trụ trong Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn đếm biết số hạt bụi của những hòn núi, những quả đất thuộc tam thiên đại thiên thế giới; muốn phân tích đầu một sợi lông làm trăm phần rồi lấy một phần lông ấy chấm hết nước của các suối ao, sông ngòi, biển cả trong tam thiên đại thiên thế giới mà không kinh động đến các loài thủy tộc; muốn thổi một cái liên tắt ngọn lửa cháy khắp tam thiên đại thiên thế giới như hỏa tai lúc kiếp tận; muốn lấy một ngón tay ngăn dừng những cơn gió lớn có thể làm tan nát tam thiên đại thiên thế giới cho đến tất cả các núi Tu-di như thổi tan đồng cỏ mục, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn một lần ngồi kiết già có thể làm cho thân thể ở khắp tất cả không gian trong tam thiên đại thiên thế giới, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn dùng một sợi lông nâng các núi Tu-di trong tam thiên đại thiên thế giới ném qua khỏi vô số thế giới ở phương khác mà không làm các chúng sinh trong đó kinh hãi, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn đem một bữa ăn, một bộ y phục, một nén hương, một cành hoa, một chuỗi ngọc, một cây đèn, một cờ phướn, một lọng báu mà cúng dường đầy đủ khắp chư Phật và chư Tăng trong hằng sa thế giới ở khắp mười phương, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn làm cho chúng sinh trong hằng sa thế giới ở khắp mười phương đều đầy đủ giới hạnh, thiên

định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, giúp cho chứng quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, cho đến được Vô dư Niết-bàn, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, lúc bố thí nên biết rõ rằng: Bố thí như vậy được quả báo rất lớn; bố thí như vậy được sinh vào dòng tôn quý; bố thí như vậy được sinh lên tầng trời Tứ vương, trời Đao-lợi, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa; bố thí như vậy được nhập Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, nhờ bố thí này mà được tám phần Thánh đạo, nhờ bố thí này chứng được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả Phật, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, lúc bố thí nhờ năng lực trí tuệ theo phương tiện nên có thể đầy đủ Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tỳ-lê-gia ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật và Bát-nhã ba-la-mật.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát lúc bố thí, nhờ năng lực trí tuệ phương tiện mà đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Vì người bố thí, kẻ thọ và vật thí đều chẳng thật có nên đầy đủ Bố thí ba-la-mật. Vì có tội và không tội đều không thật có nên đầy đủ Trì giới ba-la-mật. Vì tâm bất động nên đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật. Vì thân tâm tinh tấn nên đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật. Vì chẳng tán loạn, chẳng say đắm nên đầy đủ Thiền định ba-la-mật. Vì biết tất cả pháp đều không thật có nên đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn được công đức của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn đến bờ kia của pháp hữu vi và pháp vô vi, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn biết chân như, pháp tướng và ranh giới không sinh của các pháp quá khứ, hiện tại, vị lai, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn ở trước tất cả hàng Thanh

văn, Duyên giác, muốn hầu hạ chư Phật, muốn làm nội quyến thuộc của chư Phật, muốn được quyền thuộc lớn, muốn được quyền thuộc Bồ-tát, muốn bố thí lớn được kết quả thanh tịnh, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn không sinh tâm keo kiệt, phá giới, giận dữ, biếng trễ, tán loạn, ngu si thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn giúp cho tất cả chúng sinh đứng vững trong phước bố thí, trong phước trì giới, trong phước tu tập thiền định, trong phước khuyến đạo, trong tài phước và trong pháp phước, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn được năm loại mắt thì phải học Bát-nhã ba-la-mật. Năm loại mắt là Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn và Phật nhãn.

Đại Bồ-tát muốn dùng Thiên nhãn thấy chư Phật trong hằng sa thế giới, muốn dùng Thiên nhĩ nghe pháp của chư Phật khắp mười phương giảng nói, muốn hiểu biết tâm Phật, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn nghe được pháp của chư Phật ở mười phương giảng nói, nghe xong nhớ mãi đến khi thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vẫn không quên, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn thấy thế giới của chư Phật quá khứ, thấy thế giới của chư Phật vị lai và các thế giới ở khắp mười phương của chư Phật hiện tại, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn nghe mười hai bộ kinh, từ Khế kinh, Trường hàng đến Luận nghị mà hàng Thanh văn được nghe và chẳng được nghe, nghe xong đều muốn đọc tụng, thọ trì trọn vẹn, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Chánh pháp của chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai trong hằng sa thế giới đã giảng nói, đang giảng nói và sẽ giảng nói, nghe xong đều muốn tin nhận thọ trì, thực hành và giảng nói lại cho người khác nghe thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn đem ánh sáng chiếu khắp những chỗ mà mặt trời mặt trăng chẳng chiếu đến trong hằng sa thế giới ở khắp mười phương

thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn giúp cho tất cả chúng sinh trong hằng sa thế giới ở khắp mười phương, những nơi không có danh hiệu Phật, Pháp, Tăng, đều được chánh kiến, nghe danh hiệu Tam bảo, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn làm cho chúng sinh trong hằng sa thế giới ở khắp mười phương, do năng lực của mình mà người mù thấy được, người điếc nghe được, người cuồng được tỉnh, kẻ rách được áo mặc, kẻ đói khát được no đủ, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn làm cho chúng sinh trong hằng sa thế giới ở khắp mười phương, do năng lực của mình mà những loài trong ba đường ác đều được thân người, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn giúp cho chúng sinh trong hằng sa thế giới ở khắp mười phương, nhờ năng lực của mình mà được đứng vững trong giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát muốn học oai nghi của chư Phật, muốn ánh mắt nhìn như voi chúa, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát nguyện rằng khiến cho lúc ta đi, chân ta cách đất bốn ngón tay không đạp mặt đất, ta sẽ được vô lượng các vị trời cõi Dục, cõi Sắc, từ Tứ thiên vương đến trời Sắc cứu cánh cung kính vây quanh cùng đến dưới cõi Bồ-đề, ta sẽ ngồi dưới cõi Bồ-đề và các vị trời sẽ trải tòa cho ta. Muốn được như vậy, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nguyện lúc ta thành Phật, chỗ ta đi, đứng, ngồi, nằm đều bằng Kim cang, muốn được như vậy, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Nếu Đại Bồ-tát muốn trong ngày xuất gia liền thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, liền xoay bánh xe pháp, lúc xoay bánh xe pháp có vô lượng, vô số chúng sinh xa lìa bụi nhơ, đối với các pháp được Pháp nhãn thanh tịnh, có vô lượng, vô số chúng sinh vì chẳng chấp tất cả pháp nên được giải thoát vô lậu. Có vô lượng, vô số chúng sinh được không thoái

chuyển với đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát muốn lúc thành Phật sẽ có vô lượng, vô số Thanh văn làm tăng, lúc nói một thời pháp, tất cả chư Tăng này liền được quả A-la-hán, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát muốn lúc thành Phật, sẽ có vô lượng, vô số Bồ-tát làm Tăng, lúc nói một thời pháp, tất cả chư Tăng này đều được không thoái chuyển, được tuổi thọ vô lượng, đầy đủ ánh sáng thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát muốn lúc thành Phật, trong thế giới không có ba độc thâm dục, giận dữ, ngu si và danh từ ba độc, tất cả chúng sinh đều thành tựu trí tuệ như thế, khéo bố thí, khéo trì giới, khéo thiền định, khéo tu phạm hạnh, khéo không nhiều hại chúng sinh thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát muốn sau khi nhập Niết-bàn, chánh pháp không diệt mất, cũng không có danh từ diệt mất thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát muốn lúc thành Phật, chúng sinh trong hằng sa thế giới ở khắp mười phương nghe danh hiệu chắc chắn sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn được những công đức như vậy, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

M

Phẩm 2: PHỤNG BÁT

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Nếu Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật mà làm được những công đức ấy thì bốn vị Thiên vương đều rất vui mừng, nghĩ rằng chúng ta phải đem bốn cái bát dâng lên Bồ-tát như những bát mà chư Thiên vương thỏ trước đã dâng cho Phật quá khứ.

Lúc đó, trời Đao-lợi cho đến trời Tha hóa tự tại cũng rất vui mừng nghĩ rằng: “Chúng ta phải hầu hạ cúng dường Bồ-tát để các vị

trời được thêm đông và giảm bớt các A-tu-la.”

Chư Thiên trong tam thiên đại thiên thế giới, từ cõi Tứ vương đến cõi Sắc cứu cánh đều rất vui mừng, mà nghĩ: “Chúng ta phải cầu thỉnh Bồ-tát chuyển pháp luân.”

Này Xá-lợi-phất! Lúc vị Đại Bồ-tát này thực hành Bát-nhã ba-la-mật, làm tăng thêm sự lợi ích của sáu pháp Ba-la-mật, các thiện nam và thiện nữ đều vui mừng mà tự nghĩ rằng chúng ta phải làm cha mẹ, vợ con, thân tộc, họ hàng với người này.

Lúc đó, trời Tứ vương cho đến trời Sắc cứu cánh đều rất vui mừng, nghĩ rằng: “Chúng ta phải tìm cách giúp cho Bồ-tát này xa lìa dâm dục, từ lúc mới phát tâm ý thường làm đồng chân, chớ để vị này gắn bó với sắc dục, nếu thọ hưởng năm dục thì sẽ bị chướng ngại sinh về tầng trời Phạm thiên, huống chi là quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát phải là người dứt dục xuất gia mới được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chớ phải là người không dứt dục mà được.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát phải có cha mẹ, vợ con, thân tộc, họ hàng hay không?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát có cha mẹ, vợ con, thân tộc. Có Bồ-tát từ khi mới phát tâm dứt dục tu hạnh đồng chân mãi đến thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng phạm sắc dục. Có Bồ-tát dùng năng lực phương tiện thọ hưởng năm dục xong, mới xuất gia thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ví như nhà ảo thuật khéo dùng ảo thuật hóa ra cảnh năm dục rồi vui đùa trong đó. Ý ông nghĩ sao? Nhà ảo thuật có thật thọ hưởng cảnh năm dục ấy chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Xá-lợi-phất! Cũng giống như vậy, Đại Bồ-tát dùng năng lực phương tiện hóa ra cảnh năm dục rồi ở trong đó thọ hưởng để độ chúng sinh.

Đại Bồ-tát này chẳng nhiễm năm dục, lại dùng nhiều cách quở trách năm dục: Năm dục là lửa cháy, năm dục là nhơ nhớp xấu xa, năm dục là thứ phá hoại, năm dục như kẻ thù.

Do đó mà biết, vì độ chúng sinh mà Bồ-tát thọ hưởng năm dục.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật thế nào?

–Này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng thấy Bồ-tát, chẳng thấy danh tự Bồ-tát, chẳng thấy Bát-nhã ba-la-mật, cũng chẳng thấy mình có thực hành Bát-nhã ba-la-mật và không thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Vì sao? Vì Bồ-tát tự tánh là không, trong tánh không chẳng có sắc, chẳng có thọ, tưởng, hành, thức, cũng là không vô, lia thọ, tưởng, hành, thức, cũng là không vô, sắc tức là không, không tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức tức là không, không tức là thức.

Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Vì chỉ có danh tự nên gọi là Bồ-đề, chỉ có danh tự nên gọi là Bồ-tát, chỉ có danh tự nên gọi là tánh không.

Vì sao? Vì thật tánh các pháp là không sinh, không diệt, vô cấu, không tịnh.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy cũng chẳng thấy sinh, chẳng thấy diệt, cũng chẳng thấy cấu, chẳng thấy tịnh.

Vì sao? Vì danh tự là các pháp do nhân duyên hòa hợp mà thành, chỉ do nhớ tưởng phân biệt giả danh mà nói.

Thế nên Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng thấy tất cả danh tự, vì chẳng thấy nên chẳng chấp trước.

M

Phẩm 3: TẬP ỨNG

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát phải nghĩ như vậy: “Bồ-tát chỉ có danh tự; Phật cũng chỉ có danh tự; Bát-nhã ba-la-mật cũng chỉ có danh tự; sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng chỉ có danh tự.”

Này Xá-lợi-phất! Như là ngã, chúng sinh, thọ mạng, sự sống, sự sinh trưởng, sự nuôi dưỡng, sự tạo tác, khiến tạo tác, sự dấy khởi, khiến dấy khởi, sự thọ nhận, khiến thọ nhận, sự hiểu biết, sự nhận thức, tất cả đều chẳng thật có, vì chẳng thật có nên không. Vì không nên chỉ dùng danh tự để nói.

Đại Bồ-tát cũng thực hành Bát-nhã ba-la-mật, chẳng thấy ngã, chẳng thấy chúng sinh, cho đến chẳng thấy sự nhận thức, hiểu biết. Đối với các danh tự giảng nói đó cũng chẳng thấy.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy vượt trên tất cả hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, trừ trí tuệ Phật, vì dụng là không, là chẳng thật có.

Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này đối với pháp danh tự, chỗ danh tự dính mắc, tất cả đều chẳng thật có.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát thực hành được như vậy, đó là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Ví như số Tỳ-kheo nhiều bằng số tre, lau, mía, mè, lúa, đậu, lùm rừng, đầy cả cõi Diêm-phù-đề, tất cả đều có trí tuệ như Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, dùng tất cả trí tuệ ấy so sánh với trí tuệ của Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, thì không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, không bằng một phần trăm ngàn ức, cho đến không bằng một phần ví dụ.

Vì sao? Vì Bồ-tát dùng trí tuệ này mà độ thoát tất cả chúng sinh.

Này Xá-lợi-phất! Không nói đến trí tuệ như Xá-lợi-phất và Đại mục-kiền-liên vui đầy cả cõi Diêm-phù-đề, mà đầy cả tam thiên đại thiên thế giới, cho đến đầy cả hằng sa thế giới ở khắp mười phương, đem tất cả trí tuệ ấy mà so sánh với trí tuệ của Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật cũng không bằng một phần trăm, cho đến không bằng một phần ví dụ.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, một ngày tu tập trí tuệ thì vượt hơn tất cả hàng Thanh văn, Bích-chi-phật.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Trí tuệ của hàng Thanh văn, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, trí tuệ của hàng Bích-chi-phật, trí

tuệ của Phật, các trí tuệ này không khác nhau, không chống trái nhau, đều là không sinh, tánh không. Nếu đã là pháp không sinh tánh không, chẳng trái nhau thì không có khác nhau. Vì sao Đức Thế Tôn lại dạy rằng Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật một ngày tu tập thì trí tuệ vượt hơn tất cả hàng Thanh văn, Bích-chi-phật?

Phật nói:

–Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật một ngày tu tập trí tuệ, tâm nghĩ rằng: “Ta hành đạo trí tuệ đem lại lợi ích cho tất cả chúng sinh, ta sẽ dùng Nhất thiết chủng trí để biết rõ tất cả pháp, độ thoát tất cả chúng sinh.”

Này Xá-lợi-phất! Ý ông nghĩ sao? Trí tuệ của hàng Thanh văn, Bích-chi-phật có việc ấy không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Xá-lợi-phất! Hàng Thanh văn, Bích-chi-phật có nghĩ: “Ta sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, độ thoát tất cả chúng sinh, giúp cho họ đều được Vô dư y Niết-bàn, như các Đại Bồ-tát hay không?”

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Xá-lợi-phất! Do những việc trên đây mà biết rằng trí tuệ của hàng Thanh văn, Bích-chi-phật sánh với trí tuệ của Đại Bồ-tát không bằng một phần trăm, cho đến không bằng một phần thí dụ.

Này Xá-lợi-phất! Hàng Thanh văn, Bích-chi-phật nghĩ rằng: “Ta thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thành tựu tất cả chúng sinh, trang nghiêm cõi Phật, đầy đủ mười Trí lực, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, mười tám pháp Bất cộng, độ thoát vô lượng, vô số chúng sinh đến quả Niết-bàn” như các Đại Bồ-tát hay không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Xá-lợi-phất! Ví như loài đom đóm kia chẳng bao giờ nghĩ rằng mình như mặt trời mọc, phát ra ánh sáng chiếu khắp cõi Diêm-phù-đề. Cũng vậy, hàng Thanh văn, Bích-chi-phật chẳng hề nghĩ như Đại Bồ-tát: “Ta thực hành sáu pháp Ba-la-mật cho đến mười tám pháp Bất cộng, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, độ vô lượng, vô số chúng sinh đến quả Niết-bàn.”

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao Đại Bồ-tát vượt hơn Thanh văn, Bích-chi-phật, đạt đến địa vị không thoái chuyển thanh tịnh Phật đạo?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm thực hành sáu pháp Ba-la-mật, trụ trong pháp không, vô tướng, vô tác thì sẽ vượt hơn tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát an trụ ở địa vị nào mà có thể làm ruộng phước cho hàng Thanh văn, Bích-chi-phật?

–Này Xá-lợi-phất! Từ lúc mới phát tâm thực hành sáu pháp Ba-la-mật cho đến lúc ngồi đạo tràng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong khoảng thời gian ấy, Đại Bồ-tát thường làm ruộng phước cho hàng Thanh văn, Bích-chi-phật.

Vì sao? Vì có nhân duyên các Đại Bồ-tát nên các pháp lành của thế gian phát sinh. Như các pháp mười điều lành, năm Giới, tám Quan trai, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám phần Thánh đạo, sáu pháp Ba-la-mật, mười tám Không, mười Lực, bốn Vô úy, bốn Trí vô ngại, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, Nhất thiết chủng trí, do Bồ-tát làm nhân duyên mà các pháp này hiện ra trên thế gian. Cũng do Bồ-tát làm nhân duyên mà những dòng dõi lớn như Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Cư-sĩ, bốn thiên vương cho đến trời Phi phi tướng, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật và Đức Phật đều xuất hiện trên thế gian.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát.. có làm cho phước bố thí được thanh tịnh hoàn tất không?

–Này Xá-lợi-phất! Không có! Vì căn bản đã hoàn hảo. Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát là vị đại thí chủ bố thí các pháp lành như mười điều lành, năm Giới cho đến Nhất thiết chủng trí.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát tu tập đúng với Bát-nhã ba-la-mật, tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát tu tập đúng với sắc không, tu tập đúng với thọ, tưởng, hành, thức không, đó gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát tu tập đúng với nhãn không, tu tập đúng với nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý không, đó gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát tu tập đúng với sắc không, tu tập đúng với thanh, hương, vị, xúc, pháp không, đó gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát tu tập đúng với nhãn giới không, đúng với sắc giới không, nhãn thức giới không, cho đến tu tập đúng với ý thức giới không, đó gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát tu tập đúng với Khổ không, tu tập đúng với Tập, Diệt, Đạo không, đó gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát tu tập đúng với vô minh không, tu tập đúng với hành, thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, già, chết không, đó gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát tu tập đúng với tất cả pháp không, hoặc hữu vi hoặc vô vi không, đó gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát tu tập đúng với tánh không, tự tướng không, các pháp không, vô sở đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không, đủ bảy môn không, đó gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Lúc tu tập bảy môn không, Đại Bồ-tát chẳng thấy sắc có tương ứng hay không tương ứng; chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc tương ứng hay không tương ứng, chẳng thấy sắc hoặc có tướng sinh hay tướng diệt, chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc có tướng sinh hay tướng diệt; chẳng thấy sắc hoặc có tướng dơ cấu uế hay tướng thanh tịnh, chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức hoặc có tướng hay dơ cấu uế hay tướng thanh tịnh; chẳng thấy sắc hợp với thọ, chẳng thấy thọ hợp với tưởng, chẳng thấy tưởng hợp với hành, chẳng thấy hành hợp với thức. Vì sao? Vì tánh các pháp vốn không, nên không có pháp nào hợp với pháp nào.

Này Xá-lợi-phất! Trong sắc không chẳng có sắc, trong thọ không, tưởng không, hành không, thức không chẳng có thọ, tưởng, hành, thức.

Này Xá-lợi-phất! Vì sắc không nên có tướng não hoại, vì thọ không nên chẳng có tướng thọ, vì tưởng không nên chẳng có tướng nhận biết, vì hành không nên chẳng có tướng tạo tác, vì thức không nên chẳng có tướng tri giác. Vì sao? Vì chẳng phải sắc khác không, cũng chẳng phải không khác sắc, mà sắc chính là không và không chính là sắc; thọ, tưởng, hành, thức chính là không và không chính là thọ, tưởng, hành, thức.

Này Xá-lợi-phất! Tướng không của các pháp vốn chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng cấu uế, chẳng thanh tịnh, chẳng thêm, chẳng bớt, chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, vì thế nên trong pháp không ấy không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức; không có nhãn nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; không có sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới; không có vô minh cũng không có hết vô minh, cho đến không có già chết, cũng không có hết già chết; không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo; không có trí, cũng không có đắc; không có đạo Tu-đà-hoàn và quả Tu-đà-hoàn, không có các đạo Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật và Phật, cũng không có quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích-chi-phật và quả Phật.

Đại Bồ-tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng thấy Bát-nhã ba-la-mật hoặc tương ứng hay chẳng tương ứng, cũng chẳng thấy Bồ thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật và Thiền định ba-la-mật tương ứng hay chẳng tương ứng. Đại Bồ-tát cũng chẳng thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức, chẳng thấy nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, chẳng thấy sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, chẳng thấy nhãn giới cho đến ý thức giới tương ứng hay chẳng tương ứng. Đại Bồ-tát cũng chẳng thấy bốn Niệm xứ đến tám phần Thánh đạo, cho đến Nhất thiết chủng trí hoặc tương ứng hay chẳng tương ứng.

Xá-lợi-phất phải biết! Như trên đây là Đại Bồ-tát tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Lúc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, không chẳng hợp với không; vô tướng chẳng hợp với vô tướng; vô tác chẳng hợp với vô tác. Vì sao? Vì không, vô tướng và vô tác chẳng có hợp hay chẳng hợp.

Đại Bồ-tát tu tập đúng như vậy gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát nhập vào tự tướng không của các pháp, nhập vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức, Bồ-tát chẳng cho là hợp chẳng cho là chẳng hợp; sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng hợp với ở trước cũng chẳng hợp với ở sau, chẳng hợp với hiện tại. Vì sao? Vì Bồ-tát chẳng thấy ở trước, chẳng thấy ở sau, cũng chẳng thấy hiện tại.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, vì ba đời gọi là không, nên ở trước chẳng hợp với ở sau; ở sau chẳng hợp với ở trước; hiện tại chẳng hợp với ở trước, ở sau; ở trước cùng ở sau cũng chẳng hợp với hiện tại. Như đó gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Nhất thiết trí chẳng hợp với đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại. Vì sao? Vì đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại đều chẳng thể thấy, huống chi là có hợp. Như thế gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể thấy, vì nhãn đến ý chẳng thể thấy, vì sắc cho đến pháp chẳng thể thấy, vì nhãn thức cho đến ý thức chẳng thể thấy, nên sắc, thọ đến ý thức đều chẳng hợp với Nhất thiết trí, như thế gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, vì Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật đều chẳng thể thấy, nên Đàn-na cho đến Bát-nhã ba-la-mật chẳng hợp với Nhất thiết trí. Vì bốn Niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo cho đến mười Lực, mười tám pháp Bất cộng đều chẳng thể thấy, nên tất cả đều

chẳng thể hợp với Nhất thiết trí. Như thế gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Phật và Bồ-đề chẳng hợp với Nhất thiết trí. Vì sao? Vì Phật chính là Nhất thiết trí, Bồ-đề cũng chính là Nhất thiết trí, Nhất thiết trí chính là Phật cũng chính là Bồ-đề. Như thế gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng tu tập sắc là hữu hay vô, chẳng tu tập sắc là hữu thường hay vô thường, chẳng tu tập sắc là khổ hay lạc, chẳng tu tập sắc là ngã hay phi ngã, chẳng tu tập sắc là vắng lặng hay chẳng phải vắng lặng, chẳng tu tập sắc là không hay chẳng phải không, chẳng tu tập sắc là hữu tướng hay vô tướng, chẳng tu tập sắc là hữu tác hay vô tác; thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy. Như thế gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng nghĩ ta thực hành hay chẳng thực hành Bát-nhã ba-la-mật, cũng chẳng nghĩ chẳng thực hành cũng chẳng phải chẳng thực hành. Như thế gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Chẳng vì Bát-nhã ba-la-mật mà Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Cũng chẳng vì Đàn-na, Thi-la, Sằn-đề, Tỳ-lê-da, Thiền định ba-la-mật, mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật cũng chẳng vì địa vị không thoái chuyển thành tựu chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật, cũng chẳng vì mười Lực, bốn Vô úy, bốn Vô ngại trí, mười tám pháp Bất cộng mà Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, cũng chẳng vì nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, rốt ráo không, vô thủ không, tán không, tánh không, các pháp không, tự tướng không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không, cũng chẳng vì như pháp tánh, thật tế mà Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng hủy hoại tướng các pháp. Tu tập đúng như thế thì gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Chẳng vì sáu môn thần thông Thiên nhãn, Thiên nhĩ, Tha tâm, Túc mạng, Thần túc, Lộ tận mà Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì lúc thực hành, Đại Bồ-tát còn chẳng thấy Bát-nhã ba-la-mật, huống chi là thấy thần thông của Bồ-tát. Như thế gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng hề nghĩ rằng ta dùng Như ý thần thông bay đến phương Đông và bay đến khắp mười phương để cúng dường hằng sa chư Phật; cũng chẳng hề nghĩ rằng ta dùng Thiên nhĩ nghe hằng sa chư Phật ở khắp mười phương nói pháp; dùng Tha tâm trí biết tâm niệm của hằng sa chúng sinh ở khắp mười phương; dùng Túc mạng trí biết việc làm trong vô lượng đời của hằng sa chúng sinh ở mười phương; cũng chẳng hề nghĩ rằng ta dùng Thiên nhãn thấy hằng sa chúng sinh chết ở đây, sinh về nơi kia. Như thế gọi là Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật, và cũng có khả năng độ thoát vô lượng, vô số chúng sinh.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát có khả năng thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy thì ác ma không hại được, tất cả việc thế gian đều tùy theo ý muốn, hằng sa chư Phật ở khắp mười phương đều ủng hộ Bồ-tát này, chẳng để rơi vào hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Chư Thiên ở các tầng trời Tứ vương cho đến Sắc cứu cánh cũng đều ủng hộ Bồ-tát, không để bị trở ngại. Nếu Bồ-tát này có trọng tội thì hiện đời bị quả báo nhẹ. Vì sao? Vì Bồ-tát này dùng tâm từ bình đẳng đem đến mọi lợi ích cho chúng sinh. Như thế gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát mau được các môn Đà-la-ni và các môn Tam-muội, sinh về đâu cũng thường gặp chư Phật, mãi đến khi chứng quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không bao giờ rời chư Phật. Đó gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng hề nghĩ rằng có pháp này và pháp này, hoặc hợp nhau hay chẳng hợp nhau, hoặc bằng nhau hay chẳng bằng nhau. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát chẳng thấy có pháp này và những pháp khác, hoặc hợp,

hoặc bằng hay chẳng hợp chẳng bằng. Đó gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng hề nghĩ rằng ta sẽ mau chứng được pháp tánh hoặc chẳng mau chứng được. Vì sao? Vì pháp tánh chẳng phải là tướng được. Đó gọi là tu tập tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng thấy có pháp nào ngoài pháp tánh, cũng chẳng nghĩ rằng pháp tánh khác với các pháp, cũng chẳng nghĩ rằng pháp này có công năng đạt được pháp tánh hay chẳng được. Vì sao? Vì Bồ-tát chẳng thấy dùng pháp này có thể được pháp tánh hay chẳng được pháp tánh. Đại Bồ-tát tu tập đúng như thế thì gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Lúc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, pháp tánh chẳng hợp với không, không cũng chẳng hợp với pháp tánh, đó gọi là tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Lúc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nhãn giới chẳng hợp với không, không cũng chẳng hợp với nhãn giới; sắc giới chẳng hợp với không, không cũng chẳng hợp với sắc giới; nhãn thức giới cũng chẳng hợp với không, không cũng chẳng hợp với nhãn thức giới; cho đến ý giới, pháp giới và ý thức giới chẳng hợp với không, không cũng chẳng hợp với ý giới, pháp giới và ý thức giới. Tương ứng với không như vậy gọi là tương ứng bậc nhất.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát thực hành pháp không chẳng rơi vào hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, có khả năng thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, chóng được Vô thượng Bồ-đề.

Này Xá-lợi-phất! Trong các môn tương ứng, thì tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật là tối thượng bậc nhất, là tối tôn, tối thắng, tối diệu không có gì trên. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này thực hành tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật, chính đó là không, vô tướng, vô tác. Phải biết rằng Bồ-tát này đã được thọ ký hoặc gần được thọ ký.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát tương ứng như vậy có khả năng làm lợi ích cho vô lượng, vô số chúng sinh. Đại Bồ-tát này cũng chẳng nghĩ rằng ta tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật, chư Phật sẽ thọ

ký cho ta, ta sẽ được thọ ký, ta sẽ làm thanh tịnh cõi Phật, sẽ thành Phật chuyển pháp luân. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này chẳng thấy có pháp nào ngoài pháp tánh, cũng chẳng thấy có pháp nào thực hành Bát-nhã ba-la-mật, chẳng thấy có pháp nào được Phật thọ ký, chẳng thấy có pháp nào thành Phật chuyển pháp luân. Vì sao? Vì lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng sinh tướng ngã, tướng chúng sinh, cho đến chẳng sinh tướng hiểu biết, tướng nhận thức. Vì sao? Vì rốt ráo của chúng sinh là bất sinh bất diệt, nên chúng sinh không có sinh, không có diệt. Nếu các pháp đã không có tướng sinh diệt thì làm sao có pháp thực hành Bát-nhã ba-la-mật?

Này Xá-lợi-phất! Thế nên Đại Bồ-tát chẳng thấy chúng sinh đó chính là thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì chúng sinh chẳng không thọ là chúng sinh không, chúng sinh không thật có nên chúng sinh lìa, chính đây là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Trong các môn tương ứng của Đại Bồ-tát, tương ứng với không là hơn hết, là bậc nhất. Tương ứng với không là hơn hẳn tất cả các môn tương ứng khác.

Đại Bồ-tát tu tập pháp không như vậy có thể phát sinh đại Từ, đại Bi, chẳng sinh các tâm keo kiệt, phạm giới, sân hận, biếng trễ, tán loạn, không sinh tâm vô trí.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 2

Phẩm 4: VẮNG SINH

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì hãy tu tập tương ứng như vậy, các vị ấy từ cõi nào chết rồi sinh đến cõi này, từ cõi này chết rồi sẽ sinh về đâu?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Các Đại Bồ-tát ấy hoặc từ cõi khác sinh đến cõi này, hoặc từ tầng trời Đâu-suất sinh xuống đây, hoặc có vị từ nhân gian sinh trở lại nhân gian này.

Này Xá-lợi-phất! Các Bồ-tát từ cõi khác sinh đến đây mau tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật. Vì đã tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật nên khi sinh đến cõi này, thì các pháp thâm diệu đều hiện ra, rồi lại tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát này sinh đến đâu cũng thường gặp chư Phật.

Này Xá-lợi-phất! Có vị Bồ-tát Nhất sinh bồ xứ từ tầng trời Đâu-suất sinh xuống đây. Bồ-tát này chẳng mất sáu pháp Ba-la-mật, sinh đến chỗ nào, tất cả môn Đà-la-ni, tất cả môn Tam-muội đều mau hiện ra.

Này Xá-lợi-phất! Có vị Bồ-tát từ nhân gian sinh trở lại nhân gian, Bồ-tát này căn tánh chậm lụt, trừ địa vị không thoái chuyển, chẳng thể mau chóng tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật, các môn Đà-la-ni, các môn Tam-muội chẳng thể mau hiện ra.

Này Xá-lợi-phất! Như lời ông hỏi, Đại Bồ-tát tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật, từ cõi này chết sẽ sinh về đâu? Ông nên biết rằng, các Đại Bồ-tát này từ một cõi Phật chết sẽ sinh đến một cõi Phật khác, thường chẳng xa lìa chư Phật.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát chẳng dùng phương tiện mà nhập Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên và cũng thực hành sáu pháp Ba-la-mật. Vì chứng đắc thiên định nên Đại Bồ-tát này sinh lên tầng trời Trường thọ. Rồi từ tầng trời ấy sinh xuống nhân gian, gặp chư Phật, hàng Bồ-tát này căn tánh không được lanh lẹ.

Này Xá-lợi-phất! Có vị Đại Bồ-tát nhập Sơ thiên đến Tứ thiên và cũng thực hành Bát-nhã ba-la-mật, vì chẳng dùng phương tiện nên xả thiên sinh xuống cõi Dục. Hàng Bồ-tát này căn tánh cũng chậm lụt.

Này Xá-lợi-phất! Có vị Đại Bồ-tát nhập Sơ thiên đến Tứ thiên, nhập tâm Từ đến tâm Xả, nhập định không xứ đến định Phi phi tưởng xứ, tu tập bốn Niệm xứ đến tám Thánh đạo, thực hành mười Lực, đại Từ, đại Bi. Vị Đại Bồ-tát này dùng năng lực phương tiện chẳng sinh theo thiên cõi Sắc, chẳng sinh theo tâm Vô lượng, chẳng sinh theo định Vô sắc, mà sinh nơi nào có Phật ra đời, thường chẳng lìa hạnh Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát này sẽ thành Phật trong Hiền kiếp.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát nhập Sơ thiên cho đến Tứ thiên, nhập tâm Từ đến tâm Xả, nhập định không xứ đến định Phi phi tưởng xứ. Vì dùng năng lực phương tiện nên chẳng sinh theo thiên mà sinh trở lại cõi Dục để thành tựu cho mọi tất cả chúng sinh.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát nhập Sơ thiên đến Tứ thiên, nhập tâm Từ đến tâm Xả, nhập định không xứ đến định Phi phi tưởng xứ. Vì dùng năng lực phương tiện nên chẳng sinh theo thiên mà sinh vào các tầng trời cõi Dục, như cõi Tứ vương hoặc cõi Đao-lợi, Dạ-ma, Đâu-suất, Hóa lạc, Tha hóa để thành tựu tất cả chúng sinh ở các cõi này và cũng để làm thanh tịnh cõi Phật, gần gũi chư Phật.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng năng lực phương tiện nhập Sơ thiên, ở cõi này qua đời sinh lên tầng trời Phạm thiên, làm Đại Phạm vương, rồi đến các cõi Phật, nơi nào có Phật mới thành Vô thượng Chánh giác mà chưa chuyển pháp luân thì khuyến thỉnh chuyển pháp luân.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát là bậc Nhất sinh bổ xứ thực

hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng năng lực phương tiện nhập Sơ thiên đến Tứ thiên, nhập tâm Từ đến tâm Xả, nhập định không xứ đến định Phi phi tưởng xứ, tu bốn Niệm xứ đến tám Thánh đạo, nhập Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô tác, chẳng sinh theo thiên mà sinh về nơi có Phật ra đời, tu phạm hạnh, hoặc sinh lên tầng trời Đâu-suất, lúc qua đời chẳng mất chánh niệm, đầy đủ cõi lành, cùng vô số trăm ngàn ức muôn các vị trời cung kính vây quanh, sinh đến nơi đây mà thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát được sáu thần thông chẳng sinh vào cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, cung kính cúng dường tôn trọng khen ngợi chư Phật.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát với du hý thần thông từ một cõi Phật đến một cõi Phật, nơi nào mà Bồ-tát này đến thì không có Thanh văn và Bích-chi-phật thừa, cũng không có danh từ Nhị thừa.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát với thần thông tự tại từ một cõi Phật đến một cõi Phật, chỗ nào Bồ-tát này đến thì cõi đó chúng sinh có tuổi thọ vô lượng.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát với thần thông tự tại từ một cõi Phật đến một cõi Phật, nơi không có Tam bảo Phật, Pháp, Tăng thì khen ngợi công đức của Phật, Pháp, Tăng. Chúng sinh nơi đó nhờ được nghe danh hiệu Phật, Pháp, Tăng, nên sau khi qua đời được sinh về chỗ chư Phật.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát lúc mới phát tâm được Sơ thiên, cho đến bốn Thiên, được bốn Tâm vô lượng, được bốn Định vô sắc, tu bốn Niệm xứ, tám Thánh đạo cho đến mười tám pháp Bát cộng. Bồ-tát này không sinh trong ba cõi mà thường sinh nơi có lợi ích cho chúng sinh.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát lúc mới phát tâm thực hành sáu pháp Ba-la-mật đạt được quả vị Bồ-tát không thoái chuyển.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát lúc mới phát tâm liền được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chuyển pháp luân, sau khi đem lại sự lợi ích cho chúng sinh xong liền nhập Niết-bàn; chánh pháp trụ thế hoặc một kiếp hoặc dưới một kiếp.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát lúc mới phát tâm liền tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật, cùng vô số trăm ngàn ức Bồ-tát từ một cõi Phật đến một cõi Phật để làm thanh tịnh cõi Phật.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật được bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, rồi an trú tự tại trong đó: nhập Sơ thiên, xuất Sơ thiên, nhập định Diệt tận, xuất định Diệt tận, cho đến nhập Tứ thiên, xuất Tứ thiên, nhập định Diệt tận, xuất định Diệt tận, nhập Hư không xứ định, xuất Hư không xứ định, nhập định Diệt tận, xuất định Diệt tận, nhập định Phi phi tưởng xứ, xuất định Phi phi tưởng xứ, nhập định Diệt tận. Đó là Đại Bồ-tát dùng năng lực phương tiện, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nhập định siêu việt.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tu bốn Niệm xứ đến mười tám pháp Bất cộng mà chẳng trụ vào các quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật. Bồ-tát này dùng năng lực phương tiện để độ chúng sinh nên phát khởi tám phần Thánh đạo, dùng tám phần Thánh đạo này giúp cho chúng sinh được quả Tu-đà-hoàn đến quả Bích-chi-phật.

Này Xá-lợi-phất! Tất cả quả A-la-hán, Bích-chi-phật và trí, các Đại Bồ-tát này đều đã được Vô sinh pháp nhẫn.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát ấy đã thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, an trú trong địa vị không thoái chuyển như vậy.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát an trú nơi sáu pháp Ba-la-mật, làm trang nghiêm tầng trời Đâu-suất. Nên biết đây là Bồ-tát ở Hiền kiếp.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát tu bốn Thiên cho đến mười tám pháp Bất cộng mà chưa chứng bốn Đế. Nên biết đây là bậc Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát tu hành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát an trú nơi sáu pháp Ba-la-mật, thường siêng năng tinh tấn, làm lợi ích cho chúng sinh, không nói việc vô ích.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát an trú trong sáu pháp Ba-la-

mật, thường siêng năng tinh tấn làm lợi ích cho chúng sinh, từ một cõi Phật đến một cõi Phật để dứt trừ ba đường ác của chúng sinh.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát an trụ trong sáu pháp Ba-la-mật, lấy Bồ thí làm đầu, để đem sự an vui cho tất cả chúng sinh, ban cho họ những thức ăn uống, y phục, giường phòng, hương hoa, đèn đuốc, châu ngọc, hễ chúng sinh cần dùng gì đều cung cấp cho họ.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật biến thân hình như Phật để nói pháp cho chúng sinh trong địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ nghe.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật biến thân hình như Phật đến hằng sa thế giới ở khắp mười phương để nói pháp cho chúng sinh nghe, cũng để cúng dường chư Phật và nghe pháp, cũng để xem xét lựa lấy những quang cảnh thanh tịnh tốt đẹp của các cõi nước hầu phát khởi cõi nước của mình cho được siêu thắng, các Đại Bồ-tát như vậy đều là bậc Nhất sinh bổ xứ.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật thành tựu ba mươi hai tướng tốt, sáu căn thanh tịnh lạnh lợi. Vì sáu căn của Bồ-tát này, thanh tịnh lạnh lợi nên được chúng sinh kính mến. Do chúng sinh kính mến nên Bồ-tát này dần dần dùng pháp ba thừa cứu độ họ.

Này Xá-lợi-phất! Vì như vậy nên lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát phải giữ thân thanh tịnh và miệng thanh tịnh.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát từ lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật được các căn thanh tịnh vẫn không tự cao, cũng chẳng xem thường người khác.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm an trụ nơi Bồ thí ba-la-mật, cho đến địa vị không thoái chuyển, chẳng rơi vào ba đường ác.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến địa vị không thoái chuyển thường chẳng bỏ hạnh mười điều lành.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát an trụ trong Bồ thí và Trì giới ba-la-mật mà làm Chuyển luân thánh vương, đưa chúng sinh vào

mười đường lành và cũng bố thí tài vật cho chúng sinh.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát an trụ trong Bố thí và Trì giới ba-la-mật, trong vô lượng ngàn muôn đời làm Chuyển luân thánh vương, gặp vô lượng trăm ngàn Đức Phật và đều cung kính, cúng dường tôn trọng khen ngợi.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát thường dùng chánh pháp soi sáng cho chúng sinh, cũng được lợi ích tự soi sáng, cho đến lúc thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng rời sự soi sáng đó.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát như vậy đã được tôn trọng ở trong Phật pháp. Cho nên, Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, thân, khẩu và ý đều thanh tịnh chẳng để vọng tưởng phát sinh.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát thân nghiệp bất tịnh, khẩu nghiệp bất tịnh, ý nghiệp bất tịnh?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Nếu Đại Bồ-tát nghĩ rằng đây là thân, là miệng, là ý. Thấy có tướng dạng tác dụng như vậy thì gọi là thân, khẩu, ý bất tịnh.

Này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng thấy có thân, chẳng thấy có miệng, chẳng thấy có ý.

Nếu thấy có thân, khẩu, ý, thì do thấy có nên thân, khẩu, ý có thể sinh những tâm niệm tham lam, phạm giới, giận dữ, biếng trễ, tán loạn, ngu si. Phải biết Bồ-tát như vậy, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, chẳng có thể dứt trừ được nghiệp thô của thân, khẩu và ý.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát dứt trừ nghiệp thô của thân, khẩu và ý?

Phật dạy:

–Nếu chẳng thấy có thân, khẩu, ý, Đại Bồ-tát này có thể dứt trừ nghiệp thô của thân, khẩu, ý.

Này Xá-lợi-phất! Nếu Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm thực hành mười điều lành, chẳng sinh tâm Thanh văn, chẳng sinh tâm Bích-chi-phật, thì sẽ dứt trừ nghiệp thô của thân, khẩu, ý. Có Đại

Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật theo Phật đạo thanh tịnh, mà thực hành Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn và Thiền định ba-la-mật, Bồ-tát này trừ được nghiệp thô của thân, khẩu, ý.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Phật đạo của Đại Bồ-tát?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Nếu chẳng thấy có thân, khẩu và ý, chẳng thấy có Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn và Thiền định và Bát-nhã ba-la-mật, chẳng thấy có Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát và Phật, đó gọi là Phật đạo của Đại Bồ-tát. Chính đó có nghĩa là vì tất cả các pháp đều chẳng thật có.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật không ai hủy hoại được.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật không ai hủy hoại được?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Nếu lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng hề nghĩ rằng có sắc, thọ, tưởng, hành và thức; chẳng hề nghĩ rằng có nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý; chẳng hề nghĩ rằng có sắc, thanh, hương, vị, xúc và pháp; chẳng nghĩ rằng có nhãn giới, nhĩ giới, tỷ giới, thiệt giới, thân giới, ý giới; sắc giới, thanh giới, hương giới, vị giới, xúc giới, pháp giới; nhãn thức giới, nhĩ thức giới, tỷ thức giới, thiệt thức giới, thân thức giới và ý thức giới; chẳng hề nghĩ rằng có bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Bồ-đề phần, tám phần Thánh đạo, chẳng nghĩ rằng có Bồ thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật; chẳng hề nghĩ rằng có mười Lực, bốn Vô úy, bốn Vô ngại trí, mười tám pháp Bất cộng; chẳng hề nghĩ rằng có quả Tu-đà-hoàn cho đến quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thực hành tăng thêm lợi ích sáu pháp Ba-la-mật như vậy thì không ai hủy hoại được.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát an trụ trong Bát-nhã ba-la-mật-đầy đủ trí tuệ, nhờ trí tuệ này mà không đọa vào đường ác, cũng

chẳng sinh vào trong loài người tẻ ác, nghèo cùng. Thân của Bồ-tát này chẳng bị hàng Trời, Người và A-tu-la ghét bỏ.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là trí tuệ của Đại Bồ-tát?

Phật dạy:

– Nhờ trí tuệ ấy mà Đại Bồ-tát thấy hằng sa chư Phật ở mười phương và cũng nghe Phật nói pháp, cũng thấy tăng chúng và thấy cõi Phật trang nghiêm thanh tịnh.

Do trí tuệ ấy mà Đại Bồ-tát chẳng nhớ nghĩ Phật, Bồ-tát, Bích-chi-phật, Thanh văn, cũng chẳng nhớ nghĩ về ngã và cõi nước.

Nhờ trí tuệ ấy mà Đại Bồ-tát thực hành Đàn-na cho đến Bát-nhã ba-la-mật mà chẳng thấy có Bồ thí đến Bát-nhã ba-la-mật, thực hành bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng mà chẳng thấy có bốn Niệm xứ đến mười tám pháp Bất cộng.

Trên đây gọi là trí tuệ của Đại Bồ-tát. Nhờ trí tuệ ấy mà Đại Bồ-tát đạt được đầy đủ tất cả pháp mà vẫn không thấy có tất cả pháp.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật mà thanh tịnh được Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn và Phật nhãn. Đây cũng gọi là năm loại mắt thanh tịnh.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Nhục nhãn thanh tịnh của Đại Bồ-tát?

Phật dạy:

– Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát với Nhục nhãn thấy xa trăm do-tuần, có vị thấy hai trăm do-tuần, có vị thấy toàn cõi Diêm-phù-đề, có vị thấy hai cõi thiên hạ, hoặc ba, bốn cõi thiên hạ, có vị thấy khắp tiểu thiên thế giới hoặc thấy trung thiên thế giới, có Bồ-tát nhục nhãn thấy suốt tam thiên đại thiên thế giới. Đây là Nhục nhãn thanh tịnh của Đại Bồ-tát.

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Thiên nhãn thanh tịnh của Đại Bồ-tát?

– Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát với Thiên nhãn thấy như Tứ

Thiên vương đã thấy, hoặc như các vị trời Đao-lợi, như các vị trời Dạ-ma, như các vị trời Đâu-suất, như các vị trời Hóa lạc, như các vị trời Tha hóa, như các vị trời Phạm thiên vương cho đến như các vị trời Sắc cứu cánh đã thấy.

Thiên nhân của Đại Bồ-tát lại thấy chúng sinh trong hàng sa thế giới, chết nơi đây sinh nơi kia. Chỗ thấy này, chư Thiên từ Tứ vương đến Sắc cứu cánh Thiên chẳng biết, chẳng thấy được và cũng chính là Thiên nhân thanh tịnh của Đại Bồ-tát.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Tuệ nhân thanh tịnh của Đại Bồ-tát?

–Này Xá-lợi-phất! Tuệ nhân của Bồ-tát chẳng hề nghĩ rằng có pháp gì là hữu vi, là vô vi, là thế gian, là xuất thế gian, là hữu lậu, là vô lậu mà không pháp nào chẳng thấy, không pháp nào chẳng nghe, không pháp nào chẳng hay, không pháp nào chẳng biết. Đây là Tuệ nhân thanh tịnh của Đại Bồ-tát.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Pháp nhân thanh tịnh của Đại Bồ-tát?

–Này Xá-lợi-phất! Nhờ Pháp nhân, Đại Bồ-tát biết người này là Tùy tín hành, người này là Tùy pháp hành, người này là Vô tướng hành, cũng biết người này tu môn giải thoát Không, người này tu môn giải thoát Vô tướng, người này tu môn giải thoát Vô tác; người này được năm Căn, nhờ có năm Căn mà được Tam-muội Vô gián, nhờ có Tam-muội Vô gián mà được trí giải thoát, nhờ có trí giải thoát mà dứt trừ ba kết sử là thấy có ngã, nghi, và giới thủ, người này gọi là được quả Tu-đà-hoàn. Người này được tư duy đạo làm giảm bớt tham, sân, si, được quả Tư-đà-hàm, người này tăng tấn tư duy đạo dứt tham, sân, si Dục giới, được quả A-na-hàm, người này tăng tiến tư duy đạo, dứt tham, si, mạn cõi Sắc, và cõi Vô sắc, được quả A-la-hán. Người này tu môn giải thoát không, vô tướng, vô tác được năm Căn, được Tam-muội Vô gián, nhờ Tam-muội Vô gián mà được trí giải thoát, nhờ có trí giải thoát mà rõ biết rất nhiều phiền não nghiệp nhân chứa nhóm đều là pháp vắng lặng, được quả Bích-chi-phật. Pháp nhân thanh tịnh của Bồ-tát thấy biết như vậy.

Này Xá-lợi-phất! Nhờ có Pháp nhân, Đại Bồ-tát biết người này

là mới phát tâm Bồ-đề, thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thành tựu Tín căn và Tinh tấn căn; người này thiện căn thuần thực, vì dùng năng lực phương tiện mà thọ thân để làm lợi ích cho chúng sinh; hoặc sinh vào dòng Sát-đế-lợi, hoặc sinh vào dòng Bà-la-môn, hoặc sinh vào dòng Cư sĩ, hoặc sinh lên tầng trời Tứ vương, trời Đao-lợi, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa, thường giáo hóa thành tựu chúng sinh và cung cấp bố thí cho họ đầy đủ mọi thứ cần dùng, đồng thì làm thanh tịnh cõi Phật, cung kính cúng dường chư Phật, mãi đến đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng rời vào hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Pháp nhãn thanh tịnh của Bồ-tát thấy biết như vậy.

Này Xá-lợi-phất! Nhờ Pháp nhãn mà Đại Bồ-tát biết vị Bồ-tát này thoái chuyển nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vị Bồ-tát này không thoái chuyển, vị Bồ-tát này đã được thọ ký thành Phật, vị Bồ-tát này chưa được thọ ký, vị Bồ-tát này đã đến địa vị không thoái chuyển, vị Bồ-tát này chưa đến địa vị không thoái chuyển, cũng biết vị Bồ-tát này đã đầy đủ thần thông, vị này chưa đầy đủ thần thông, cũng biết vị này đầy đủ thần thông bay đến hàng sa thế giới ở khắp mười phương, cung kính, cúng dường chư Phật, cũng biết vị này chưa được thần thông rồi sẽ được thần thông, cũng biết vị này làm thanh tịnh cõi Phật, vị này chưa làm thanh tịnh cõi Phật, vị này thành tựu chúng sinh, vị này chưa thành tựu chúng sinh, vị này được chư Phật khen ngợi, vị này chưa được chư Phật khen ngợi, vị này hầu gần chư Phật, vị này không hầu gần chư Phật, vị này tuổi thọ vô số vô lượng, vị này tuổi thọ có số lượng, vị Bồ-tát này lúc thành Phật chúng Tỳ-kheo có số lượng, vị Bồ-tát này lúc thành Phật chúng Tỳ-kheo vô số lượng, vị này lúc thành Phật dùng Bồ-tát làm tăng, vị này không dùng Bồ-tát làm tăng, vị này tu hạnh khổ khó làm, vị này không tu hạnh khổ khó làm, vị này là Nhất sinh bổ xứ, vị này chưa phải là Nhất sinh bổ xứ, vị này thọ thân sau cùng, vị này chưa thọ thân sau cùng, vị này có khả năng ngồi đạo tràng, vị này chưa thể ngồi đạo tràng, vị này có pháp ma, vị này chưa có pháp ma. Những sự thấy biết này là Pháp nhãn thanh tịnh của Đại Bồ-tát.

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Phật nhãn thanh tịnh của Đại Bồ-tát?

– Nay Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát từ trong tâm cầu Phật đạo, thứ lớp nhập Tam-muội Kim cang được Nhất thiết chủng trí, bấy giờ thành tựu mười Lục, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi. Với Nhất thiết chủng trí, đối với tất cả pháp, không pháp nào chẳng thấy, chẳng nghe, chẳng hay, chẳng biết. Nên biết đây là Phật nhãn thanh tịnh lúc Đại Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Xá-lợi-phất! Muốn được năm loại mắt thì phải học sáu pháp Ba-la-mật.

Vì sao? Vì trong sáu pháp Ba-la-mật bao gồm tất cả pháp lành, là pháp Thanh văn, pháp Bích-chi-phật, pháp Bồ-tát, và pháp Phật.

Này Xá-lợi-phất! Nếu có thật ngữ thâm nhiếp tất cả pháp lành thì chính đó là Bát-nhã ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Bát-nhã ba-la-mật làm phát sinh năm loại mắt. Bồ-tát học năm loại mắt thì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật tu Thần thông ba-la-mật, do đấy được những việc như ý, như là làm rung chuyển mặt đất, biến một thân thành vô số thân, vô số thân hoàn lại một thân, hoặc ẩn hoặc hiện đều tự tại, đi qua vách núi, cây đá không chướng ngại, như đi trong hư không, đi trên mặt nước như đi trên đất bằng, đi trong không gian như chim bay, vào ra trong đất đá như trời lặn trong nước, trong thân tuôn lửa, tuôn nước, như đồng lửa to, như nước chảy trên núi tuyết, có thể đưa tay sờ mặt trời, mặt trăng, có thể chạm đến Phạm thiên, thân thường được tự tại. Dầu hiện những thần thông như ý mà Đại Bồ-tát này chẳng hề thấy có thần thông như ý, chẳng thấy có năng lực thần thông, cũng chẳng thấy có thân, tất cả đều chẳng thật có, vì tự tánh là không, vì tự tánh là lìa, vì tự tánh là không sinh. Chẳng hề nghĩ rằng ta được thần thông như ý, trừ tâm Phật.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát được Thần thông trí chứng như ý.

Này Xá-lợi-phất! Nhờ Thiên nhĩ thanh tịnh hơn tai người thường, Bồ-tát này nghe hai thứ tiếng: tiếng của cõi trời và tiếng của loài người. Dầu như vậy nhưng Bồ-tát này cũng chẳng thấy có Thiên nhĩ thần thông. Thiên nhĩ cùng âm thanh và thân mình đều chẳng thật có. Vì tự tánh là không, tự tánh là lìa, tự tánh là không sinh nên Bồ-tát này chẳng nghĩ rằng ta có Thiên nhĩ, trừ tâm Phật.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát này được Thiên nhĩ thần thông trí chứng.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát này biết đúng như thật về tâm của các chúng sinh khác. Nếu là tâm dục, tâm sân, tâm si, tâm khát ái, tâm thọ, tâm tán, tâm loạn, tâm tiểu, tâm chẳng giải thoát, tâm hữu thượng thì Bồ-tát này biết đúng là tâm dục cho đến biết đúng là tâm hữu thượng. Nếu là tâm lìa dục, tâm lìa sân, tâm lìa si, tâm không khát ái, tâm vô thọ, tâm nhiếp phục, tâm định, tâm đại, tâm giải thoát, tâm vô thượng thì Bồ-tát này biết đúng là tâm lìa dục cho đến biết đúng là tâm vô thượng. Dầu biết đúng như thật nhưng Bồ-tát này chẳng thấy có các tâm ấy. Vì sao? Vì tâm ấy chẳng phải là tâm tướng, không thể nghĩ bàn. Vì tự tánh là không, vì tự tánh là lìa, vì tự tánh là không sinh, nên Bồ-tát này chẳng nghĩ rằng ta được Tha tâm trí chứng, trừ tâm Phật.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát này được Tha tâm thần thông trí chứng.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát dùng Túc mạng trí chứng thần thông nhớ một ngày, một tháng, một năm, một kiếp cho đến nhớ vô số trăm ngàn muôn ức kiếp ta ở chỗ đó, tên họ đó, sinh hoạt ăn uống như vậy, sống bao lâu, chịu khổ hưởng vui như vậy, từ chỗ đó chết, sinh đến chỗ kia, từ chỗ kia chết, sinh đến chỗ đó, có tướng dạng, có nhân duyên như vậy. Dầu nhớ rõ như vậy nhưng Bồ-tát này chẳng mê đắm Túc mạng thần thông, việc túc mạng thần thông và thân mình, tất cả đều chẳng thật có. Vì tự tánh là không, vì tự tánh là lìa, vì tự tánh là không sinh, nên Bồ-tát này chẳng hề nghĩ rằng ta có Túc mạng thần thông, trừ tâm Phật.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát này được Túc mạng thần thông trí chứng.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát này dùng Thiên nhãn thấy các chúng sinh lúc sinh, lúc chết, thân đẹp hay xấu, chỗ ở tốt xấu, hoặc thân lớn hoặc thân nhỏ, cũng thấy các chúng sinh theo nhân duyên của nghiệp, có những chúng sinh vì nghiệp ác do thân, khẩu, ý gây ra nên hủy báng Hiền thánh, do nhân duyên tà kiến mà khi chết phải đọa vào cõi ác, đọa vào địa ngục, có những chúng sinh thân, khẩu, ý do nghiệp lành thành tựu mà kính tin Hiền thánh, nhờ nhân duyên chánh kiến mà khi chết được vào cõi lành, sinh lên các tầng trời. Dầu thấy biết như vậy mà Bồ-tát này chẳng thấy có Thiên nhãn, thần thông cùng năng lực Thiên nhãn thần thông và thân mình, tất cả đều không thật có, vì tự tánh là không, vì tự tánh là xa lìa, vì tự tánh là không sinh nên Bồ-tát này chẳng hề nghĩ rằng ta có Thiên nhãn thần thông, trừ tâm Phật.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát này được Thiên nhãn thần thông trí chứng.

Bồ-tát này cũng thấy rõ chúng sinh trong hằng sa thế giới ở mười phương, chết đây sinh kia, cho đến sinh lên các cõi trời, tất cả bốn thần thông đều có công năng thấu suốt như vậy. Đây là Lưu tận thần thông của Bồ-tát. Dù được Lưu tận thần thông mà Bồ-tát này chẳng rơi vào hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, thẳng đến quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vẫn chẳng dựa vào pháp nào khác ngoài Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát này cũng chẳng thấy có Lưu tận thần thông và năng lực Lưu tận thần thông và thân mình, tất cả đều chẳng thật có. Vì tự tánh là không, vì tự tánh là xa lìa, vì tự tánh là không sinh nên Bồ-tát này chẳng hề nghĩ rằng ta được Lưu tận thần thông, trừ tâm Phật.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát được Lưu tận thần thông trí chứng.

Này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát đầy đủ Thần thông ba-la-mật, nhờ đó mà quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được thêm lớn.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, an trụ trong Bồ thí ba-la-mật để làm thanh tịnh Nhất thiết chủng trí, vì rất ráo là không, nên chẳng sinh tâm bồn sển.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật an trụ trong Trì giới ba-la-mật để làm thanh tịnh Nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo là không, nên chẳng vướng mắc nơi có tội và chẳng tội.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật an trụ trong Nhẫn nhục ba-la-mật để làm thanh tịnh Nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo là không, nên chẳng sân hận.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật an trụ trong Tinh tấn ba-la-mật để làm thanh tịnh Nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo là không, nên thân tâm tinh tấn, chẳng biếng nhác.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật an trụ trong Thiền định ba-la-mật để làm thanh tịnh Nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo là không, nên chẳng loạn động, chẳng mê đắm thiền vị.

Này Xá-lợi-phất! Có Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật an trụ trong Bát-nhã ba-la-mật để làm thanh tịnh Nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo là không, chẳng sinh tâm ngu si.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật an trụ trong sáu pháp Ba-la-mật như vậy để làm thanh tịnh Nhất thiết chủng trí, vì rốt ráo là không, vì chẳng đến chẳng đi, vì chẳng bố thí chẳng thọ nhận, vì chẳng phải giới cấm, chẳng phải phạm tội, vì chẳng phải nhẫn nhục chẳng phải sân hận, vì chẳng phải siêng năng chẳng phải lười biếng, vì chẳng phải định tĩnh chẳng phải tán loạn, vì chẳng phải trí tuệ chẳng phải ngu si.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát chẳng phân biệt bố thí và chẳng bố thí, chẳng phân biệt trì giới và phạm giới, chẳng phân biệt nhẫn nhục và sân hận, chẳng phân biệt tinh tấn và biếng trễ, chẳng phân biệt trí tuệ và ngu si, chẳng phân biệt hủy hoại khinh mạn và cung kính, tôn trọng.

Vì sao? Vì trong pháp không sinh chẳng có ai lãnh thọ sự phá hủy, chẳng có ai lãnh thọ sự làm hại, chẳng có ai lãnh thọ sự khinh mạn, cung kính.

Này Xá-lợi-phất! Thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát

được những công đức như vậy, Thanh văn và Bích-chi-phật không có được những công đức này. Do đó, Đại Bồ-tát đầy đủ các thứ thành tựu cho chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật, được Nhất thiết chủng trí.

Này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, đối với tất cả chúng sinh, Đại Bồ-tát sinh tâm bình đẳng. Đã sinh tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, nên Bồ-tát được tất cả pháp bình đẳng. Đã được tất cả pháp bình đẳng, thì Bồ-tát đặt để tất cả chúng sinh trong pháp bình đẳng đó.

Đại Bồ-tát này hiện đời được chư Phật ở mười phương yêu mến, cũng được tất cả Bồ-tát, Bích-chi-phật, Thanh văn kính trọng.

Bất luận thọ sinh ở chỗ nào, Đại Bồ-tát này, trong nhãn căn chẳng thấy có sắc, cũng chẳng ái sắc, cho đến trong ý căn chẳng biết có pháp, cũng chẳng ái pháp.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy chẳng hề làm tổn giảm đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc Đức Phật giảng nói phẩm Bát-nhã ba-la-mật này, trong pháp hội có ba trăm Tỳ-kheo đứng dậy, dâng y mình mặc cúng dường Đức Phật và phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật mỉm cười, từ miệng Phật phát ra những tia sáng nhiều màu.

Tôn giả A-nan liền đứng dậy sửa y phục, quỳ thẳng, chấp tay, gối phải chầm đất, bạch Phật rằng:

– Vì duyên cơ gì mà Đức Phật mỉm cười?

Phật dạy:

– Này A-nan! Sáu mươi mốt kiếp sau, ba trăm Tỳ-kheo này sẽ thành Phật, hiệu là Đại Tướng. Sau khi bỏ thân này, ba trăm Tỳ-kheo ấy sẽ sinh về cõi nước của Đức Phật A-súc, cùng với sáu vạn Thiên tử nơi cõi Dục đồng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ xuất gia tu hành Phật đạo trong chánh pháp của Đức Phật Di-lặc.

Bấy giờ, do oai thần Phật mà bốn chúng trong pháp hội thấy được ngàn Đức Phật ở các phương trong mười phương, cõi nước

trong mười phương ấy đều trang nghiêm thanh tịnh hơn cõi Ta-bà này. Có mười ngàn người phát nguyện tu tịnh hạnh để sinh về thế giới của chư Phật đó.

Đức Phật biết tâm nguyện của các thiện nam này nên lại mỉm cười, từ miệng Phật phát ra những tia sáng.

Tôn giả A-nan bạch Phật hỏi duyên cớ.

Phật dạy:

–Mười ngàn vị ấy sẽ sinh về các thế giới ở khắp mười phương, mãi không lìa chư Phật, về sau đều sẽ thành Phật, đồng hiệu là Như Lai Trang Nghiêm Vương.

M

Phẩm 5: THÁN BA-LA-MẬT

Bấy giờ, các Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Tu-bồ-đề, Ma-ha Ca-diếp cùng chúng đại Tỳ-kheo, chúng Đại Bồ-tát, chúng Ưu-bà-tắc, chúng Ưu-bà-di đều đứng dậy quỳ thẳng, chấp tay bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Ma-ha ba-la-mật là Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát, là Ba-la-mật tối tôn, Ba-la-mật bậc nhất, Ba-la-mật cao quý, Ba-la-mật nhiệm mầu, Ba-la-mật vô thượng, Ba-la-mật không gì hơn, Ba-la-mật không gì so sánh được, Ba-la-mật như hư không, đều là Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Bạch Đức Thế Tôn! Ba-la-mật tự tánh không là Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát, Ba-la-mật của các pháp không, Ba-la-mật của vô pháp hữu pháp không, Ba-la-mật mở bày tất cả công đức, Ba-la-mật thành tựu tất cả công đức, Ba-la-mật chẳng thể hủy hoại, đều là Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành các Bát-nhã ba-la-mật này... bố thí đầy đủ. Bố thí ba-la-mật không gì hơn, thân được pháp không gì sánh bằng, đây chính là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như Bố thí ba-la-mật, năm pháp Ba-la-mật kia cũng giống như vậy.

Đức Thế Tôn cũng nhờ đã thực hành Bát-nhã ba-la-mật này mà đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, được các pháp không gì hơn, được sắc, thọ, tưởng, hành, thức không gì hơn, thành Phật chuyển pháp luân tối thượng.

Quá khứ chư Phật cũng thực hành Bát-nhã ba-la-mật này mà đầy đủ bố thí không gì hơn, cho đến chuyển pháp luân tối thượng.

Chư Phật vị lai cũng thực hành Bát-nhã ba-la-mật này, sẽ đầy đủ bố thí không gì hơn cho đến sẽ chuyển pháp luân tối thượng.

Cho nên các Đại Bồ-tát muốn vượt đến bờ kia của tất cả pháp phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả thế gian, hàng Trời, Người và A-tu-la đều phải lễ kính, cúng dường Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Phật dạy:

–Đúng vậy, đúng vậy, đúng như vậy! Này thiện nam! Tất cả thế gian, hàng Trời, Người và A-tu-la đều phải lễ kính cúng dường người thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì nhờ các Bồ-tát này qua lại mà thế gian sinh ra các đường lành như loài người, loài trời từ Tứ Thiên vương đến trời Sắc cứu cánh, cũng xuất sinh các quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật và chư Phật. Nhờ Bồ-tát này qua lại mà thế gian sinh ra những thứ cần dùng như đồ uống ăn, y phục, đồ nằm, đèn đuốc, phòng nhà, châu báu, ma-ni, pha lê, lưu ly, san hô, vàng bạc...

Này Xá-lợi-phất! Tất cả những thứ ưa thích của thế gian, hoặc trên các cõi trời đều lia dục lạc, tất cả những thứ ưa thích ấy đều từ Bồ-tát này mà có.

Vì sao? Vì lúc thực hành đạo Bồ-tát, Đại Bồ-tát này an trụ trong sáu pháp Ba-la-mật, tự hành bố thí, cũng đem sự bố thí để tạo mọi thành tựu chúng sinh, cho đến tự hành Bát-nhã ba-la-mật và cũng đem Bát-nhã ba-la-mật để thành tựu chúng sinh.

Này Xá-lợi-phất! Thế nên vì đem đến sự an vui cho tất cả chúng sinh mà Đại Bồ-tát xuất hiện ở thế gian.

Phẩm 6: TUỔNG LƯỚI

Bấy giờ, Đức Thế Tôn hiện ra chiếc lưới rộng dài trùm khắp tam thiên đại thiên thế giới. Từ nơi chiếc lưới phát ra vô số tia sáng, vô lượng màu sắc chiếu suốt hằng sa thế giới ở khắp mười phương.

Trong hằng sa thế giới ở phương Đông có vô lượng, vô số Bồ-tát thấy ánh sáng này đều thưa hỏi Đức Phật của mình về ánh sáng ấy. Chư Phật bảo đó là từ tướng lưới của Đức Như Lai Thích-ca Mâu-ni ở thế giới Ta-bà thuộc phương Tây phát ra ánh sáng ấy để giảng nói Bát-nhã ba-la-mật Bồ-tát nghe.

Cũng giống như phương Đông, ở chín phương kia, các vị Bồ-tát thưa hỏi và chư Phật giải đáp cũng giống như vậy.

Các vị Bồ-tát ở mười phương đều bạch với Đức Phật của mình cầu được đến Ta-bà để kính lễ Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, gặp gỡ các Đại Bồ-tát và nghe Bát-nhã ba-la-mật. Chư Phật đều bằng lòng.

Các vị Bồ-tát ở mười phương đem theo những hoa báu, hương báu, cờ phướn, lọng báu, vàng bạc, châu ngọc đến thế giới Ta-bà. Chư Thiên ở cõi Tứ thiên vương đều đến tầng trời Sắc cứu cánh, cũng đem những hoa trời, hương trời, cây thơm, lá thơm cùng nhiều loại hoa sen xanh, đỏ, hồng, trắng cõi trời, đồng đến chỗ Phật Thích-ca Mâu-ni.

Hoa của các Đại Bồ-tát và của chư Thiên rải cúng dường đều dừng ở trong hư không hóa thành đài báu có bốn trụ nhiều màu sắc rất trang nghiêm.

Trong chúng hội của Phật Thích-ca Mâu-ni có mười muôn ức người đều đứng dậy chấp tay bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Ở đời vị lai, chúng con cũng sẽ được các pháp như Đức Phật Thích-ca Mâu-ni hiện nay, vì đệ tử trong chúng hội mà nói pháp cũng giống như vậy.

Vì biết đại chúng này dốc lòng đối với pháp chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng xuất sinh, chẳng tạo tác đã đạt được pháp nhẫn

nên Đức Phật mỉm cười, từ miệng Đức Thế Tôn phát ra những tia sáng nhiều màu.

Tôn giả A-nan bạch Phật hỏi duyên cớ.

Phật dạy:

–Này A-nan! Mười muôn ức người này đã được Vô sinh nhẫn, sáu mươi tám ức kiếp sau sẽ thành tựu quả Phật ở kiếp Hoa tích, đồng hiệu là Giác Hoa Như Lai.

M

Phẩm 7: TAM GIẢ

Phật bảo Tuệ mạng Tu-bồ-đề:

–Ông nên dạy các Đại Bồ-tát về Bát-nhã ba-la-mật đúng như chỗ các Đại Bồ-tát nên thành tựu.

Liền đó, toàn thể chúng hội Bồ-tát, Thanh văn, các người, trời đều nghĩ rằng: “Tuệ mạng Tu-bồ-đề sẽ tự dùng trí tuệ của mình hay nương thần lực Phật mà giảng nói Bát-nhã ba-la-mật cho các Đại Bồ-tát nghe?”

Biết ý nghĩ của chúng hội, Tôn giả Tu-bồ-đề thưa với Tuệ mạng Xá-lợi-phất:

–Các đệ tử Thanh văn có nói pháp, có dạy bảo gì đều là nương thần lực Phật. Lời Phật giảng dạy chẳng trái với pháp tướng, như ngọn đèn sáng. Các thiện nam tu học theo pháp ấy, được chứng pháp ấy. Các vị Thanh văn và Bích-chi-phật thật sự không có khả năng giảng nói Bát-nhã ba-la-mật cho các Đại Bồ-tát.

Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Các vị Bồ-tát đã được nói, vậy pháp gì gọi là Bồ-tát? Chúng con chẳng thấy pháp chính xác nào gọi là Bồ-tát, thì làm sao dạy các Đại Bồ-tát về Bát-nhã ba-la-mật?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Thật ra cũng chỉ có danh tự gọi là Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát và tên gọi Bồ-tát cũng chỉ có danh tự mà thôi. Danh tự này chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở giữa.

Này Tu-bồ-đề! Ví như nói ngã, chúng sinh, thọ mạng, sự sống, sự sinh trưởng, sự hiểu biết, sự nhận thức, sự tạo tác, sự dấy khởi, đều là các pháp do hòa hợp mà có. Các tên gọi ấy vốn là chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ nói theo danh tự thế gian.

Cũng vậy, Bát-nhã ba-la-mật cùng Bồ-tát và tên gọi Bồ-tát đều do hòa hợp mà có, cũng vốn là chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ nói theo danh tự thế gian.

Ví như thân do hòa hợp mà có, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng do hòa hợp mà có, đều là chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ nói theo danh tự thế gian. Bát-nhã ba-la-mật cùng Bồ-tát và tên Bồ-tát cũng giống như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Ví như nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; nhãn giới, nhĩ giới cho đến ý thức giới; tất cả mười hai xứ cùng mười tám giới ấy, đều do hòa hợp mà có, vốn là chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ nói theo danh tự thế gian. Những thứ ấy chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở giữa.

Cũng vậy, Bát-nhã ba-la-mật cùng Bồ-tát và tên Bồ-tát đều do hòa hợp mà có, vốn là bất sinh, bất diệt, chỉ dùng danh tự thế gian để nói, chẳng ở trong chẳng ở ngoài, chẳng ở trung gian.

Này Tu-bồ-đề! Ví như trong thân gọi là đầu, cổ, vai, cánh, lưng, hông, vế, chân; vật bên trong gọi là cỏ, cây, nhánh, lá, cộng, mắt, đều do hòa hợp mà có, vốn chẳng sinh, chẳng diệt, chỉ nói theo danh tự thế gian, cũng chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở giữa.

Bát-nhã ba-la-mật cùng Bồ-tát và tên gọi Bồ-tát cũng giống như vậy, đều do hòa hợp mà có, vốn là không sinh, không diệt, chỉ nói theo danh tự thế gian, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở giữa.

Này Tu-bồ-đề! Ví như danh hiệu chư Phật quá khứ do hòa hợp mà có, cũng là không sinh, không diệt, chỉ nói theo danh tự thế gian, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở giữa. Bát-nhã ba-la-mật cùng Bồ-tát và tên gọi Bồ-tát cũng giống như vậy.

Ví như mộng, tiếng vang, bóng, ảo thuật, sóng nắng, sự biến hóa đều do hòa hợp mà có, chỉ nói theo danh tự thế gian, những thứ ấy cùng tên gọi vốn không sinh, không diệt, chẳng phải trong, chẳng

phải ngoài, chẳng phải ở giữa. Bát-nhã ba-la-mật cùng Bồ-tát và tên Bồ-tát cũng giống như vậy, đều do hòa hợp mà có, là không sinh, không diệt, chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở giữa.

Này Tu-bồ-đề! Phải học tập như vậy: Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, danh tự của Bát-nhã ba-la-mật cùng sự nhận lấy Bát-nhã ba-la-mật và chính pháp Bát-nhã ba-la-mật đều là giả nêu bày.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng thấy tên gọi của sắc, cùng tên gọi của thọ, tưởng, hành, thức là thường, là vô thường, là khổ, là lạc, là ngã, là vô ngã, là dơ, là sạch, cũng chẳng thấy tên gọi của năm uẩn ấy là không, là vô tướng, là vô tác, là vắng lặng, là sinh, là diệt, là ở trong, ở ngoài, ở giữa.

Như năm uẩn, nhãn căn, sắc trần, nhãn thức, nhãn xúc cùng nhân duyên của nhãn xúc sinh ra những cảm thọ, cho đến ý căn, pháp trần, ý thức, ý xúc cùng nhân duyên của ý xúc sinh ra các cảm thọ cũng giống như vậy. Đại Bồ-tát đều chẳng thấy là thường, là vô thường, cho đến chẳng thấy ở giữa.

Vì sao? Vì lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát đối với tánh hữu vi, tánh vô vi đều không thấy Bát-nhã ba-la-mật cùng Bồ-tát và tên gọi Bồ-tát, đối với các pháp này, Đại Bồ-tát chẳng có ý niệm phân biệt.

Thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát này an trụ trong pháp bất hoại, lúc tu bốn Niệm xứ cho đến lúc tu mười tám pháp Bát cộng, chẳng thấy Bát-nhã ba-la-mật và danh tự của Bát-nhã ba-la-mật, chẳng thấy Bồ-tát và danh tự của Bồ-tát.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chỉ biết thật tướng các pháp, thật tướng này là chẳng ô uế, chẳng thanh tịnh.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát phải biết tên gọi là giả nêu bày. Đã biết danh tự là giả nêu bày thì chẳng chấp trước sắc, thọ, tưởng, hành, thức; chẳng chấp trước nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; chẳng chấp trước nhãn xúc và nhân duyên của nhãn xúc cho đến ý xúc, nhân duyên của ý xúc sinh ra sự cảm thọ hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ, không vui; chẳng chấp trước tánh hữu vi, tánh vô vi; chẳng chấp trước Đàn-na,

Thi-la, Sần-đề, Tỳ-lê-da, Thiên-na và Bát-nhã ba-la-mật; chẳng chấp trước ba mươi hai tướng; chẳng chấp trước thân Bồ-tát; chẳng chấp trước Nhục nhãn, Thiên nhãn, Tuệ nhãn, Pháp nhãn, Phật nhãn; chẳng chấp trước Trí ba-la-mật, Thần thông ba-la-mật; chẳng chấp trước nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; chẳng chấp trước sự đem lại sự thành tựu cho chúng sinh, chẳng chấp trước việc làm thanh tịnh cõi Phật; chẳng chấp trước pháp phương tiện.

Vì sao? Vì các pháp này đều là rỗng không nên chẳng có người chấp trước, chẳng có pháp bị chấp trước, chẳng có việc chấp trước.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng chấp trước tất cả pháp nên tăng tướng sáu pháp Ba-la-mật lên bậc Bồ-tát không thoái chuyển, có đại thần thông đến cõi Phật này, tới cõi Phật kia để cúng dường chư Phật, độ thoát chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật, cũng để nghe chư Phật nói pháp. Nghe xong nhớ mãi đến lúc thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vẫn chẳng quên, được các môn Đà-la-ni và các môn Tam-muội.

Cho nên, Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật phải biết rõ các pháp danh tự là giả nêu bày.

Này Tu-bồ-đề! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức có phải là Bồ-tát chẳng?

–Không phải, bạch Đức Thế Tôn!

–Này Tu-bồ-đề! Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức có phải là Bồ-tát chẳng?

–Không phải, bạch Đức Thế Tôn!

–Này Tu-bồ-đề! Thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng, không chủng, thức chủng có phải là Bồ-tát chẳng?

–Không phải, bạch Đức Thế Tôn!

–Này Tu-bồ-đề! Vô minh, hành, thức, danh sắc, sáu nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sinh, già chết có phải là Bồ-tát chẳng?

–Không phải, bạch Đức Thế Tôn!

–Này Tu-bồ-đề! Lìa năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, lìa

sáu đại chúng, mười hai nhân duyên có phải là Bồ-tát chăng?

–Không phải, bạch Đức Thế Tôn!

–Này Tu-bồ-đề! Tướng như như của năm uẩn cho đến tướng như như của mười hai nhân duyên có phải là Bồ-tát chăng?

–Không phải, bạch Đức Thế Tôn!

–Này Tu-bồ-đề! Là tướng như như ấy có phải là Bồ-tát chăng?

–Không phải, bạch Đức Thế Tôn!

–Này Tu-bồ-đề! Ông thấy nghĩa gì mà cho rằng tất cả các pháp kể trên và lia các pháp ấy không phải là Bồ-tát?

–Bạch Đức Thế Tôn! Chúng sinh còn rối ráo chẳng thật có, huống chi là Bồ-tát. Sắc còn chẳng thật có huống chi là sắc hay lia sắc là Bồ-tát, tướng như như của sắc hay lia tướng như như của sắc là Bồ-tát, cho đến mười hai nhân duyên còn chẳng thật có, huống chi là mười hai nhân duyên hay lia mười hai nhân duyên là Bồ-tát, tướng như như hay lia tướng như như của mười hai nhân duyên là Bồ-tát.

–Lành thay, lành thay! Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Vì Đại Bồ-tát và chúng sinh chẳng thật có nên Bát-nhã ba-la-mật cũng chẳng thể thủ đắc, phải học như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức có phải là nghĩa của Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không phải!

–Này Tu-bồ-đề! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, thường hay vô thường, lạc hay khổ, ngã hay vô ngã có phải là nghĩa của Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không phải!

–Này Tu-bồ-đề! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là không hay chẳng phải không, là tướng hay vô tướng, là tác hay vô tác có phải là nghĩa của Bồ-tát chăng? Cho đến già chết cũng giống như vậy.

–Bạch Đức Thế Tôn, không phải!

–Này Tu-bồ-đề! Ông thấy nghĩa gì mà cho rằng năm uẩn cho đến mười hai nhân duyên không phải nghĩa của Bồ-tát, năm uẩn đến mười hai nhân duyên là thường hay vô thường cho đến là tạo tác hay

không tạo tác đều không phải nghĩa của Bồ-tát?

–Bạch Đức Thế Tôn! Năm uẩn cho đến mười hai nhân duyên còn rất ráo chằng thật có hướng chi là nghĩa của Bồ-tát. Năm uẩn cho đến mười hai nhân duyên là thường cho đến không tạo tác còn rất ráo chằng thật có hướng chi là nghĩa của Bồ-tát.

–Lành thay, lành thay, đúng như vậy! Nay Tu-bồ-đề, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nghĩa của sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến nghĩa không tạo tác đều chằng thật có. Phải học Bát-nhã ba-la-mật như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Ông nói rằng không thấy có pháp nào gọi là Bồ-tát. Nay Tu-bồ-đề! Các pháp chằng thấy các pháp. Các pháp chằng thấy pháp tánh, pháp tánh chằng thấy các pháp, pháp tánh chằng thấy địa chủng, địa chủng chằng thấy pháp tánh, cho đến thức chủng cũng giống như vậy. Pháp tánh chằng thấy nhãn và sắc cùng nhãn thức tánh cho đến ý thức tánh, nhãn sắc, nhãn thức tánh cho đến ý thức tánh cũng chằng thấy pháp tánh.

Này Tu-bồ-đề! Tánh hữu vi chằng thấy tánh vô vi, tánh vô vi cũng chằng thấy tánh hữu vi. Vì sao? Vì lia hữu vi chằng thể nói vô vi, lia vô vi chằng thể nói hữu vi.

Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật đối với các pháp đều không thấy. Bấy giờ, Bồ-tát không kinh sợ, chằng hối tiếc, tâm cũng không mất, không hối.

Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này chằng thấy năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới cho đến chằng thấy mười hai nhân duyên; chằng thấy ngã, chúng sinh, cho đến sự hiểu biết, sự nhận thức; chằng thấy cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc; chằng thấy Thanh văn, Bích-chi-phật, chằng thấy Bồ-tát và pháp của Bồ-tát; chằng thấy Phật, Phật pháp và Phật đạo. Vì chằng thấy tất cả pháp nên Bồ-tát chằng kinh sợ, không mất, không hối.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao tâm Bồ-tát này không mất, không hối?

–Này Tu-bồ-đề! Tất cả tâm và tâm sở của Đại Bồ-tát đều chằng thật có, chằng thể thấy. Vì thế nên tâm của Bồ-tát không mất, không hối.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao tâm Bồ-tát chẳng kinh sợ?

–Này Tu-bồ-đề! Ý và ý thức của Bồ-tát này đều chẳng thật có và chẳng thể thấy, cho nên Bồ-tát chẳng kinh sợ.

Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Vì tất cả pháp không thật có nên Đại Bồ-tát phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Đối với tất cả chỗ, Đại Bồ-tát chẳng thấy Bát-nhã ba-la-mật, chẳng thấy Bồ-tát, chẳng thấy tên gọi Bồ-tát, cũng chẳng thấy tâm Bồ-tát. Đây chính là dạy bảo Đại Bồ-tát.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 3

Phẩm 8: KHUYẾN HỌC

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát muốn đầy đủ Bồ thí ba-la-mật thì phải học Bát-nhã ba-la-mật, muốn đầy đủ Trì giới ba-la-mật, Nhân nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật và Bát-nhã ba-la-mật, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát muốn biết năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, muốn biết nhân xúc cùng các thọ do nhân xúc làm duyên sinh ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát muốn dứt trừ các tham, sân, si, mạn, nghi, thân kiến, giới thủ, các tâm sở phiền não, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn dứt bốn phược, bốn kết, bốn điên đảo, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát muốn biết mười nghiệp lành, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng, đều phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát muốn thể nhập Tam-muội Giác ý, muốn thể nhập sáu phép Thần thông, muốn thể nhập chín Định thứ đệ, muốn nhập Tam-muội Siêu việt, đều phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát muốn được Tam-muội Sư tử du hý, Tam-muội Sư tử Phấn tấn, muốn được tất cả pháp môn Đà-la-ni, muốn được Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, Tam-muội Bảo ấn, Tam-muội Diệu nguyệt, Tam-muội Nguyệt tràng tướng, Tam-muội Nhất thiết pháp ấn, Tam-muội Quán ấn, Tam-muội Tất pháp tánh, Tam-muội Tất trụ tướng, Tam-muội Như kim cang, Tam-muội Nhập nhất thiết pháp môn,

Tam-muội Tam-muội vương, Tam-muội Vương ấn, Tam-muội Tịnh lực, Tam-muội Cao xuất, Tam-muội Tất nhập nhất thiết biện tài, Tam-muội Nhập các pháp danh, Tam-muội Quán thập phương, Tam-muội Chư Đà-la-ni môn ấn, Tam-muội Nhất thiết pháp bất vong, Tam-muội Nhiếp nhất thiết pháp tụ ấn, Tam-muội Hư không trụ, Tam-muội Tam phần thanh tịnh, Tam-muội Bất thoái thần thông, Tam-muội Xuất bát, Tam-muội Chư tam-muội tràng tướng, đều phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát muốn thỏa mãn nguyện vọng của tất cả chúng sinh thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Muốn được đầy đủ những thiện căn như vậy, thường chẳng đọa vào đường ác, chẳng sinh vào nhà thấp hèn, muốn chẳng ở trong hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, chẳng rơi vào Bồ-tát Đảnh, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Thế nào là rơi vào Bồ-tát Đảnh?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Nếu Đại Bồ-tát chẳng dùng pháp phương tiện mà thực hành sáu pháp Ba-la-mật, nhập vào pháp Tam-muội không, vô tướng, vô tác, chẳng đi vào hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, cũng chẳng nhập Bồ-tát Vị, đó gọi là Đại Bồ-tát sinh khởi pháp ái, vì thế nên rơi vào Bồ-tát Đảnh.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Thế nào gọi là Bồ-tát sinh?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Sinh tức là pháp ái.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Thế nào là pháp ái?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì sắc, thọ, tưởng, hành, thức là không, là vô tướng, là vô tác, là vắng lặng, là vô thường, là khổ, là vô ngã, Bồ-tát ghi nhớ nắm giữ, thì gọi là Bồ-tát thuận theo đạo pháp ái sinh.

Đây là Khổ phải biết, đây là Tập phải dứt, đây là Diệt phải chứng, đây là Đạo phải tu, pháp này nhiệm ô, pháp này thanh tịnh, nên gần pháp này, chẳng nên gần pháp này, chỗ này nên làm, chỗ này chẳng nên làm, đây là đạo Bồ-tát, đây chẳng phải đạo Bồ-tát, đây là chỗ học của Bồ-tát, đây chẳng phải chỗ học của Bồ-tát, đây là Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát, đây chẳng phải sáu pháp Ba-la-mật của Bồ-tát, đây là phương tiện của Bồ-tát, đây chẳng phải phương tiện của Bồ-tát, đây là chỗ thành thực của Bồ-tát, đây chẳng phải chỗ thành thực của Bồ-tát. Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nếu Đại Bồ-tát tiếp nhận ghi nhớ các pháp trên đây thì gọi là Bồ-tát thuận đạo pháp ái sinh.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

– Thế nào là Bồ-tát bất sinh?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

– Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, trong nội không chẳng thấy ngoại không, trong ngoại không chẳng thấy nội không, trong ngoại không chẳng thấy nội ngoại không, trong nội ngoại không chẳng thấy ngoại không, trong nội ngoại không chẳng thấy không không, trong không không chẳng thấy nội ngoại không, trong đại không chẳng thấy không không, trong đại không chẳng thấy đệ nhất nghĩa không, trong đệ nhất nghĩa không chẳng thấy đại không, trong đệ nhất nghĩa không chẳng thấy hữu vi không, trong hữu vi không chẳng thấy đệ nhất nghĩa không, trong hữu vi không chẳng thấy vô vi không, trong vô vi không chẳng thấy hữu vi không, trong vô vi không chẳng thấy rốt ráo không, trong rốt ráo không chẳng thấy vô vi không, trong rốt ráo không chẳng thấy vô thủ không, trong vô thủ không chẳng thấy rốt ráo không, trong vô thủ không chẳng thấy tán không, trong tán không chẳng thấy vô thủ không, trong tán không chẳng thấy tánh không, trong tánh không chẳng thấy tán không, trong tánh không chẳng thấy các pháp không, trong các pháp không chẳng thấy tánh không, trong các pháp không chẳng thấy tự tướng không, trong tự tướng không chẳng thấy các pháp không, trong tự tướng không chẳng thấy vô sở đắc không, trong vô sở đắc không chẳng thấy tự tướng không trong tán không chẳng thấy vô thủ không,

trong tán không chẳng thấy tánh không, trong tánh không chẳng thấy tán không, trong tánh không chẳng thấy các pháp không, trong các pháp không chẳng thấy tánh không, trong các pháp không chẳng thấy tự tướng không, trong tự tướng không chẳng thấy các pháp không, trong tự tướng không chẳng thấy vô sở đắc không, trong vô sở đắc không chẳng thấy tự tướng không, trong vô sở đắc không chẳng thấy vô pháp không, trong vô pháp không chẳng thấy vô sở đắc không, trong vô pháp không chẳng thấy hữu pháp không, trong hữu pháp không chẳng thấy vô pháp hữu pháp không, trong vô pháp hữu pháp không chẳng thấy hữu pháp không.

Như trên tức là Bồ-tát bất sinh, là được nhập vào Bồ-tát vị.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát muốn học Bát-nhã ba-la-mật phải học thế này: Chẳng nghĩ nhớ năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, chẳng nghĩ nhớ sáu pháp Ba-la-mật cho đến mười tám pháp Bất cộng.

Lúc được những tâm này, tâm không gì hơn, tâm rộng lớn, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng nên nghĩ nhớ, chẳng nên tự cho là đã đạt được.

Vì sao? Vì tâm này chẳng phải tâm, vì tướng của tâm vốn thường thanh tịnh.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

– Thế nào là tướng của tâm thường thanh tịnh?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

– Bồ-tát biết rõ tướng của tâm và tham, sân, si, tất cả kết sử, phiền não vốn chẳng hợp, chẳng lìa, vốn chẳng hợp, chẳng lìa tâm Thanh văn, tâm Bích-chi-phật. Đó gọi là tướng tâm của Bồ-tát thường thanh tịnh.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

– Có tâm không có tướng của tâm ấy chăng?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

– Trong tâm không tướng này có thể được những tướng hữu tâm và tướng vô tâm hay chăng?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

– Chẳng thể được.

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

– Nếu cho là chẳng thể được thì chẳng nên hỏi có tâm không có tướng của tâm chăng.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

– Thế nào là không có tướng của tâm?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

– Các pháp chẳng hư hoại, chẳng phân biệt, đó gọi là không có tướng của tâm.

Tôn giả Xá-lợi-phất lại hỏi:

– Chỉ có tâm này chẳng hư hoại, chẳng phân biệt, sắc cũng bất hoại, không phân biệt, cho đến Phật đạo cũng chẳng hư hoại, chẳng phân biệt chăng?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

– Nếu biết được tướng của tâm chẳng hư hoại, chẳng phân biệt, thì cũng biết được sắc cho đến Phật đạo cũng chẳng hư hoại, chẳng phân biệt.

Tôn giả Xá-lợi-phất khen ngài Tu-bồ-đề:

– Lành thay, lành thay! Tu-bồ-đề là chân Phật tử, từ miệng Phật sinh ra, từ thấy pháp sinh ra, từ pháp hóa sinh, lấy được pháp phần, chẳng lấy tài phần, đối với chánh pháp tự tin là thân được chứng.

Đúng như lời Đức Phật từng khen ngài là bậc nhất trong những người đạt được Tam-muội Vô tránh.

Đại Bồ-tát phải học Bát-nhã ba-la-mật như vậy. Trong đây cũng phải biết rõ Bồ-tát đúng như lời ông đã nói mà thực hành, thì chẳng rời Bát-nhã ba-la-mật.

Những thiện nam, thiện nữ nào muốn học pháp Thanh văn cũng phải nghe Bát-nhã ba-la-mật để thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ, thực hành. Người muốn học pháp Bích-chi-phật cũng phải nghe Bát-nhã ba-la-mật để thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ, thực hành. Người muốn học pháp Bồ-tát cũng phải nghe Bát-nhã ba-la-mật để thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ, thực hành.

Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật có nói rộng về ba thừa, nên Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi-phật đều phải học.

M

Phẩm 9: TẬP TÁN

Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con chẳng cảm thấy, cũng chẳng nắm bắt được thế nào là Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, thì sẽ vì ai mà giảng nói Bát-nhã ba-la-mật?

Bạch Đức Thế Tôn! Con chẳng thấy được tất cả các pháp tập hợp, rời tan, nếu con vì Bồ-tát mà gọi là Bồ-tát thì có thể con sẽ hối hận.

Bạch Đức Thế Tôn! Tên gọi ấy chẳng an trụ, cũng chẳng phải chẳng an trụ. Vì sao? Vì tên gọi vốn không thật có, cho nên tên gọi ấy chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ.

Bạch Đức Thế Tôn! Con chẳng thấy được sắc cho đến thức, nhãn cho đến ý, sắc cho đến pháp, nhãn thức cho đến ý thức, nhãn xúc cho đến ý xúc, các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, cũng giống như thế.

Bạch Đức Thế Tôn! Con cũng chẳng thấy được vô minh cho đến già chết hợp tan, vô minh diệt cho đến già chết diệt hợp tan. Nếu đã chẳng thấy được thì làm thế nào đặt tên. Vậy cho nên tên gọi là chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì tên gọi là không thật có.

Bạch Đức Thế Tôn! Con chẳng thấy được tham, sân, si, các phiền não, kết sử hợp tan, chẳng thấy được sáu pháp Ba-la-mật cho đến mười tám pháp Bát cộng tập hợp, rời tan, thì làm thế nào đặt tên là Bồ-tát, tên gọi này chẳng an trụ. Vì sao? Vì tên gọi là không thật có.

Bạch Đức Thế Tôn! Con chẳng thấy được năm ấm hợp tan như mộng, như tiếng vang, như bóng, như sóng nắng, như biến hóa.

Con chẳng đạt được chỗ xa lìa, hợp tan, không đạt được vắng

lặng, không sinh, không diệt, không thị, không cấu, không tịnh, hợp tan.

Con chẳng đạt được pháp tánh, thật tế, pháp tướng, pháp vị hợp tan.

Con chẳng đạt được các pháp thiện, pháp bất thiện hợp tan.

Con chẳng đạt được các pháp hữu vi, vô vi, hữu lậu, vô lậu hợp tan.

Con chẳng đạt được các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại hợp tan.

Con chẳng đạt được các pháp chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại hợp tan.

Thế nào là pháp chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại? Đó chính là pháp vô vi.

Bạch Đức Thế Tôn! Con chẳng thấy được pháp vô vi hợp tan. Chẳng thấy được Phật hợp tan, cũng chẳng thấy được hằng sa cõi Phật, chư Phật và Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi-phật hợp tan. Vì đều là không thật có nên chẳng trụ, chẳng phải chẳng trụ. Như thế thì làm sao là có thể chỉ dạy cho Bồ-tát về Bát-nhã ba-la-mật.

Bạch Đức Thế Tôn! Danh tự Bồ-tát này chẳng an trụ, cũng chẳng phải chẳng an trụ. Vì sao? Vì danh tự này không thật có, thế nên chẳng an trụ, cũng chẳng phải chẳng an trụ.

Bạch Đức Thế Tôn! Con chẳng thấy được thật tướng của các pháp hợp tan thì làm sao đặt tên cho Bồ-tát mà gọi là Bồ-tát. Thật tướng danh tự của các pháp là chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ. Vì tên gọi này không thật có, thế nên tên gọi chẳng an trụ, cũng chẳng phải chẳng an trụ.

Bạch Đức Thế Tôn! Các pháp do nhân duyên hòa hợp mà có là giả danh nêu bày. Tên gọi Bồ-tát trong năm ấm, mười hai xứ, mười tám giới cho đến trong mười tám pháp Bất cộng đều chẳng thể nói, đối với pháp hòa hợp cũng chẳng thể nói.

Ví như mộng, tiếng vang, ảnh, sóng năng, biến hóa, đối với các pháp đều chẳng thể nói.

Ví như tên gọi của hư không, địa, thủy, hỏa, phong cũng không có pháp để nói.

Tên gọi giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, tên gọi Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật cũng không có pháp để nói.

Tên gọi Phật, Pháp cũng không có pháp để nói. Đó là thiện, bất thiện, thường, vô thường, khổ, lạc, ngã, vô ngã, vắng lặng, xa lìa, hữu, vô.

Bạch Đức Thế Tôn! Vì thế nên lòng con sẽ hối hận nếu con đặt tên gọi Bồ-tát gọi là Bồ-tát, vì tướng hợp tan của tất cả pháp đều chẳng thật có. Tên gọi ấy chẳng trụ, cũng chẳng phải chẳng trụ, vì không thật có.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát nghe nói tướng và nghĩa của Bát-nhã ba-la-mật như vậy mà tâm chẳng chìm đắm, chẳng hối tiếc, chẳng kinh, chẳng sợ, thì phải biết Bồ-tát này quyết định an trụ trong tánh không thoái chuyển, vì chẳng an trụ trong các pháp.

Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát muốn thực hành Bát-nhã ba-la-mật, chẳng nên an trụ trong năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, chẳng nên an trụ trong sáu đại chủng, mười hai nhân duyên.

Vì sao? Vì sắc và tướng của sắc là không, cho đến già chết và tướng của già chết cũng là không.

Sắc là không cho đến già chết là không thì chẳng gọi là sắc, cho đến chẳng gọi là già chết. Rồi không cũng chẳng có sắc, cho đến rồi không cũng chẳng có già chết. Sắc tức là không, không tức là sắc, cho đến già chết tức là không, không tức là già chết.

Vì lẽ trên đây nên lúc muốn thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng nên an trụ trong sắc, cho đến chẳng nên an trụ trong già chết. Chẳng nên an trụ trong bốn Niệm xứ cho đến chẳng nên an trụ trong mười tám pháp Bất cộng. Vì sao? Vì bốn Niệm xứ và tướng của bốn Niệm xứ là không. Bốn Niệm xứ là không nên chẳng gọi là bốn Niệm xứ, lìa không cũng chẳng có bốn Niệm xứ. Bốn Niệm xứ tức là không, không tức là bốn Niệm xứ. Cho đến mười tám pháp Bất cộng cũng giống như vậy.

Bạch Đức Thế Tôn! Lúc muốn thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng nên an trụ trong sáu pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì sáu pháp Ba-la-mật và tướng của sáu pháp Ba-la-mật là không. Sáu

pháp Ba-la-mật là không thì chẳng gọi là sáu pháp Ba-la-mật. Là không cũng chẳng có sáu pháp Ba-la-mật, sáu pháp Ba-la-mật tức là không, không tức là sáu pháp Ba-la-mật.

Bạch Đức Thế Tôn! Lúc muốn thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng nên an trụ trong pháp môn một chữ, pháp môn hai chữ cho đến môn vô lượng chữ. Vì ý nghĩa cũng như trên đã nói.

Bạch Đức Thế Tôn! Lúc muốn thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng nên an trụ trong các môn thần thông; vì ý nghĩa cũng như trên đã nói.

Bạch Đức Thế Tôn! Lúc muốn thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng nên an trụ trong sắc là vô thường, sắc là khổ, sắc là vô ngã, sắc là không, sắc là vắng lặng, là xa lìa. Vì sao? Vì vô thường và tướng của vô thường là không. Vô thường là không thì chẳng gọi là vô thường, lìa không cũng chẳng có vô thường. Vô thường tức là không, không tức là vô thường. Khổ, vô ngã, không, vắng lặng và xa lìa cũng giống như vậy. Cho đến thọ, tưởng, hành, thức là xa lìa, Đại Bồ-tát chẳng nên an trụ, cũng giống như vậy.

Bạch Đức Thế Tôn! Lúc muốn thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng nên an trụ trong Như như. Vì sao? Vì tướng của Như là không, nên chẳng gọi là Như như, lìa không cũng chẳng có như như. Như tức là không, không tức là như.

Bạch Đức Thế Tôn! Muốn thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì Đại Bồ-tát chẳng nên an trụ trong pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế. Vì sao? Vì thật tế và tướng của thật tế là không, thật tế là không thì không gọi là thật tế, lìa không cũng không có thật tế, thật tế tức là không, không tức là thật tế.

Bạch Đức Thế Tôn! Muốn thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì Đại Bồ-tát chẳng nên an trụ trong tất cả pháp môn Đà-la-ni, pháp môn Tam-muội. Vì sao? Vì tướng của Đà-la-ni và Tam-muội là không, đã là không thì chẳng gọi là môn Đà-la-ni, môn Tam-muội. Là không cũng chẳng có môn Đà-la-ni, môn Tam-muội. Môn Đà-la-ni và môn Tam-muội tức là không, không tức là môn Đà-la-ni và môn Tam-muội.

Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát muốn thực hành Bát-nhã ba-la-

mật, vì không có phương tiện nên an trụ trong sắc, vì có tâm chấp ngã nên Bồ-tát này tâm trụ trong thọ, tưởng, hành, theo thức. Nếu đã sinh khởi thức hành thì chẳng thọ nhận Bát-nhã ba-la-mật, cũng chẳng đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật. Vì chẳng đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật nên chẳng thành tựu Nhất thiết chủng trí.

Như năm uẩn, mười hai xứ đến môn Tam-muội cũng giống như vậy. Do tâm chấp ngã mà Bồ-tát sinh khởi hành ở môn Tam-muội. Vì có hành nên chẳng tiếp nhận và chẳng đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật. Vì thế nên chẳng thành tựu được Nhất thiết chủng trí.

Vì sao? Vì sắc cho đến môn Tam-muội vốn chẳng thọ nhận. Vì chẳng thọ nhận nên sắc chẳng phải sắc, cho đến môn Tam-muội, chẳng phải môn Tam-muội bởi vì tánh không. Bát-nhã ba-la-mật cũng chẳng thọ nhận, cho nên chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật, bởi vì tánh không.

Cho nên muốn thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát phải quán các pháp tánh không, quán hành xứ của tâm là không. Đó gọi là Đại Bồ-tát chẳng thọ nhận, điều dụng của Tam-muội rộng lớn này chẳng chung với Thanh văn, Bích-chi-phật.

Nhất thiết chủng trí này cũng chẳng thọ nhận, vì là nội không, vì là ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, rốt ráo không, vô thủ không, tán không, tánh không, tự tướng không, các pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không.

Vì sao? Vì Nhất thiết chủng trí chẳng thể dùng tướng và hành mà được tướng hành. Vì tướng của hành là tướng cấu uế.

Thế nào là tướng cấu uế? Tướng của sắc cho đến tướng của môn Tam-muội gọi là tướng cấu uế.

Nếu tiếp nhận, nếu tu tập tướng cấu uế này mà được Nhất thiết chủng trí thì Phạm chí Tiên-ni sẽ chẳng phát tín tâm.

Tin là thế nào? Là tin Bát-nhã ba-la-mật. Suy gẫm phân biệt rõ biết chẳng do pháp hữu tướng, chẳng do pháp vô tướng. Như thế, Phạm chí Tiên-ni chẳng chấp tướng mà an trụ. Trong tín hành, Phạm chí Tiên-ni dùng tín không trí nhập vào pháp tướng, chẳng tiếp nhận

sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vì tự tướng các pháp vốn không, nên chẳng thể tiếp nhận.

Vì Phạm chí Tiên-ni chẳng phải nội quán, ngoại quán và nội ngoại quán mà được trí tuệ này, cũng vì chẳng phải không trí tuệ quán nên được trí tuệ này.

Vì sao? Phạm chí ấy chẳng thấy có pháp, vì người trí biết pháp, biết xứ.

Chẳng phải ở trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng phải ở ngoài sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà Phạm chí này được trí tuệ, cũng chẳng phải ở trong ngoài sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà được trí tuệ này, cũng chẳng phải lìa ngoài sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà được trí tuệ này, vì trong ngoài đều không.

Trong đây, Phạm chí Tiên-ni tâm được tín giải đối với trí Nhất thiết, cho nên Phạm chí tin thật tướng các pháp, vì tất cả pháp là chẳng thật có. Tín giải như vậy rồi thì không có pháp để tiếp nhận, vì tướng các pháp là không, không nhớ nghĩ.

Đối với các pháp, Phạm chí Tiên-ni cũng vô sở đắc, không nắm giữ, không xả bỏ, vì nắm giữ hay xả bỏ đều chẳng thật có.

Phạm chí Tiên-ni cũng chẳng nhớ nghĩ trí tuệ, vì tướng các pháp vốn vô niệm.

Ở đây gọi là Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát, vì Bát-nhã ba-la-mật chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát chẳng tiếp nhận sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vì tất cả pháp chẳng tiếp nhận. Cho đến chẳng nhận môn Tam-muội, vì tất cả pháp chẳng nhận.

Trong đây, Bồ-tát này cũng chẳng nhập Niết-bàn, vì chưa đủ bốn Niệm xứ cho đến chưa đủ mười tám pháp Bất cộng. Bốn Niệm xứ này chẳng phải bốn Niệm xứ, cho đến mười tám pháp Bất cộng chẳng phải pháp Bất cộng. Các pháp này chẳng phải pháp, cũng chẳng phải chẳng phải pháp.

Đây gọi là Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát chẳng tiếp thọ sắc, cho đến chẳng tiếp thọ pháp Bất cộng.

Bạch Đức Thế Tôn! Muốn thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại

Bồ-tát phải suy nghĩ như vậy: “Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật? Tại sao gọi là Bát-nhã ba-la-mật? Bát-nhã ba-la-mật là của ai?”

Nếu thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát nên nghĩ nhớ rằng: “Nếu các pháp là không thật có, chẳng thật có thì đó là Bát-nhã ba-la-mật.”

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

– Những pháp mà là không thật có, chẳng thật có?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

– Bát-nhã ba-la-mật là pháp không thật có, chẳng thật có, Thiên-na, Tỳ-lê-da, Sần-đề, Thi-la, Bồ thí ba-la-mật là pháp không thật có, chẳng thật có. Vì sao? Vì là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, rốt ráo không, vô tử không, tán không, tánh không, tự tướng không, các pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là pháp không thật có, chẳng thật có, cho đến vô pháp hữu pháp không là pháp không thật có, chẳng thật có. Bốn Niệm xứ cho đến pháp Bất cộng là pháp không thật có, chẳng thật có. Các môn thần thông cùng như như pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, pháp trụ và thật tế đều là pháp không thật có, chẳng thật có.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Phật và trí Nhất thiết, Nhất thiết chủng trí là pháp không thật có, chẳng thật có. Vì là nội không cho đến vô pháp hữu pháp không.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu lúc suy nghĩ như vậy, quán sát như vậy, Đại Bồ-tát tâm chẳng chìm đắm, chẳng hối tiếc, chẳng kinh, chẳng sợ, phải biết Đại Bồ-tát này chẳng lìa hạnh Bát-nhã ba-la-mật.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

– Làm sao biết được Bồ-tát chẳng lìa hạnh Bát-nhã ba-la-mật?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

– Sắc lìa tánh sắc, cho đến thức lìa tánh thức. Sáu pháp Ba-la-mật rời tánh sáu pháp Ba-la-mật, cho đến thật tế lìa tánh của thật tế.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

– Thế nào là tánh của sắc cho đến tánh của thật tế?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

– Không thật có là tánh của sắc, cho đến không thật có là tánh của thật tế. Vì lý do này nên biết rằng sắc lia tánh sắc, cho đến thật tế lia tánh của thật tế.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Sắc cũng lia tướng của sắc, cho đến thật tế cũng lia tướng của thật tế. Tướng cũng lia tướng, tánh cũng lia tánh.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

– Nếu học như vậy, Đại Bồ-tát thành tựu được Nhất thiết chủng trí hay chăng?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

– Đúng thế, nếu Đại Bồ-tát học như vậy thì thành tựu Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì các pháp là chẳng sinh khởi, chẳng thành tựu.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

– Vì sao các pháp chẳng sinh, chẳng thành?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

– Vì sắc tức là sắc không, cho đến vì thật tế là thật tế không, nên sắc sinh thành chẳng thật có cho đến thật tế sinh thành chẳng thật có.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Học như vậy, Đại Bồ-tát dần dần gần Nhất thiết chủng trí, dần dần được thân thanh tịnh, tâm thanh tịnh và tướng thanh tịnh. Vì được thân và tâm cùng tướng thanh tịnh nên Đại Bồ-tát này chẳng phát sinh các tâm phiền não, tham, sân, si, mạn, keo kiệt, tà kiến. Vì chẳng phát sinh tâm phiền não nên Bồ-tát này chẳng sinh từ bụng mẹ mà thường hóa sinh từ cõi Phật này đến một Phật khác để đem lại sự thành tựu cho chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật, cho đến khi được quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng lúc nào lìa chư Phật.

Đại Bồ-tát phải học và thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy.

M

Phẩm 10: HÀNH TƯỚNG

Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát không dùng phương tiện mà muốn thực hành Bát-nhã ba-la-mật, hoặc duyên theo sắc, hoặc duyên theo thọ, tưởng, hành, thức, thì là hành tướng; nếu duyên theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức, hoặc thường hay vô thường, hoặc lạc hay khổ, hoặc có hay không, hoặc ngã hay vô ngã, hoặc xa lìa, hoặc vắng lặng, tất cả đều là hành tướng.

Nếu Đại Bồ-tát không dùng phương tiện mà duyên nơi bốn Niệm xứ, cho đến duyên nơi mười tám pháp Bất cộng, đấy là hành tướng.

Nếu lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát nghĩ rằng: “Ta có thực hành Bát-nhã ba-la-mật”, thì đó là hành tướng. Hoặc lại nghĩ rằng: “Phải thực hành như vậy mới là tu hành Bát-nhã ba-la-mật”, đó cũng là hành tướng. Nên biết Đại Bồ-tát này không có phương tiện mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Tôn giả Tu-bồ-đề lại nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

– Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nếu Đại Bồ-tát phân biệt duyên theo sắc, vì sắc mà khởi hành. Nếu vì sắc mà khởi hành, thì chẳng thể thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não và quả khổ đời sau. Như sắc, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy.

Như năm ấm, đối với sáu căn, sáu trần, mười tám giới với bốn Niệm xứ, cho đến mười tám pháp Bất cộng cũng giống như vậy. Nếu Đại Bồ-tát phân biệt duyên theo pháp Bất cộng, vì pháp Bất cộng mà khởi hành. Nếu vì pháp Bất cộng mà khởi hành thì chẳng thể thoát khỏi sinh, già, bệnh, chết, ưu bi, khổ não và quả khổ đời sau.

Như vậy Bồ-tát còn chẳng thể chứng quả Thanh văn, Bích-chi-phật, hưởng chi chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nên biết Bồ-tát như vậy là thực hành Bát-nhã ba-la-mật không có phương tiện.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Làm sao biết được Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật mà có phương tiện?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Lúc muốn thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng duyên theo sắc, chẳng duyên theo thọ, tưởng, hành, thức, chẳng duyên theo tướng của sắc, chẳng duyên theo tướng của thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng duyên theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức là thường, là vô thường, là lạc, là khổ, là ngã, là vô ngã, là không, là vô tướng, là vô tác, là xa lìa, là vắng lặng. Đối với tất cả, Đại Bồ-tát đều chẳng duyên.

Vì sao? Nay Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì không của sắc ấy chẳng phải sắc, lìa không cũng chẳng có sắc, lìa sắc cũng chẳng có không, sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy.

Cho đến mười tám pháp Bất cộng, pháp Bất cộng là không thì chẳng phải pháp Bất cộng, lìa không chẳng có pháp Bất cộng, lìa pháp Bất cộng cũng chẳng có không, pháp Bất cộng tức là không, không tức là pháp Bất cộng.

Nên biết đây là Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật có phương tiện.

Thực hành Bát-nhã ba-la-mật mà có phương tiện như vậy, thì Đại Bồ-tát này sẽ đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát này chẳng nhận lấy thực hành; chẳng nhận lấy chẳng thực hành, chẳng nhận lấy thực hành chẳng thực hành, cũng chẳng nhận lấy chẳng phải thực hành chẳng phải chẳng thực hành. Chẳng nhận lấy, cũng chẳng phải chẳng nhận lấy.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Vì sao mà Đại Bồ-tát chẳng nhận lấy?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Vì tự tánh của Bát-nhã ba-la-mật-đa là chẳng thật có nên chẳng nhận lấy.

Vì sao? Vì không có tánh, đó chính là Bát-nhã ba-la-mật. Cho

nên Đại Bồ-tát đối với tất cả đều chẳng nhận lấy. Đối với chẳng nhận lấy, cũng chẳng nhận lấy.

Vì sao? Vì pháp tánh là không thật có nên chẳng duyên theo pháp, cũng chẳng nhận lấy các tướng của pháp.

Đó gọi là diệu dụng rộng lớn đối với các pháp Tam-muội không chỗ thọ của Đại Bồ-tát. Tam-muội này chẳng chung với Thanh văn, Bích-chi-phật.

Đại Bồ-tát thường thực hành pháp Tam-muội ấy chẳng lìa thì mau đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Chỉ cần chẳng lìa Tam-muội ấy mà Đại Bồ-tát mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hay còn các pháp Tam-muội khác?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Các pháp Tam-muội sau đây cũng làm cho Đại Bồ-tát mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Như là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, Tam-muội Bảo ấn, Tam-muội Sư tử du hý, Tam-muội Diệu nguyệt, Tam-muội Nguyệt tràng tướng, Tam-muội Xuất chư pháp ấn, Tam-muội Quán đảnh, Tam-muội Tất pháp tánh, Tam-muội Tất tràng tướng, Tam-muội Kim cang, Tam-muội Nhập pháp ấn, Tam-muội Tam-muội vương an lập, Tam-muội Vương ấn, Tam-muội Phóng quang, Tam-muội Lực tấn, Tam-muội Xuất sinh, Tam-muội Tất nhập biện tài, Tam-muội Nhập danh tự, Tam-muội Quán phương, Tam-muội Đà-la-ni ấn, Tam-muội Bất vong, Tam-muội Nhiếp chư pháp hải ấn, Tam-muội Biến phú hư không, Tam-muội Kim cang luân, Tam-muội Bảo đoạn, Tam-muội Năng chiếu diệu, Tam-muội Bất cầu, Tam-muội Tam-muội vô xứ trụ, Tam-muội Vô tâm, Tam-muội Tịnh đẳng, Tam-muội Vô biên minh, Tam-muội Năng tác minh, Tam-muội Phổ chiếu minh, Tam-muội Kiên tịnh Chư tam-muội, Tam-muội Vô cấu minh, Tam-muội Tác nhạc, Tam-muội Điển quang, Tam-muội Vô tịnh, Tam-muội Oai đức, Tam-muội Ly tận, Tam-muội Bất động, Tam-muội Trang nghiêm, Tam-muội Nhật quang, Tam-muội Nguyệt tịnh, Tam-muội Tịnh minh, Tam-muội Tác hành, Tam-muội Tri tướng, Tam-muội Như Kim cang, Tam-muội Tâm trụ, Tam-muội Biến chiếu, Tam-muội An lập,

Tam-muội Bảo đánh, Tam-muội Diệu pháp ấn, Tam-muội Pháp đẳng, Tam-muội Lập sinh hỷ, Tam-muội Đáo pháp đánh, Tam-muội Năng tán, Tam-muội Hoại chư pháp xứ, Tam-muội Tự đẳng tướng, Tam-muội Ly tự, Tam-muội Đoạn duyên, Tam-muội Bất hoại, Tam-muội Vô chủng tướng, Tam-muội Vô xứ hành, Tam-muội Ly ám, Tam-muội Vô khứ, Tam-muội Độ duyên, Tam-muội Tập chư đức, Tam-muội Trụ vô tâm, Tam-muội Tịnh diệu hoa, Tam-muội Giác ý, Tam-muội Vô lượng biện, Tam-muội Vô đẳng đẳng, Tam-muội Độ chư pháp, Tam-muội Phân biệt chư pháp, Tam-muội Tán nghi, Tam-muội Vô trụ xứ, Tam-muội Nhất tướng, Tam-muội Sinh hạnh, Tam-muội Nhất hạnh, Tam-muội Bất nhất hạnh, Tam-muội Diệu hạnh, Tam-muội Đạt nhất thiết hữu để tán, Tam-muội Nhập ngôn ngữ, Tam-muội Ly âm thanh tự ngữ, Tam-muội Nhiên cự, Tam-muội Tịnh tướng, Tam-muội Phá tướng, Tam-muội Nhất thiết chủng như tức, Tam-muội Bất hỷ khổ lạc, Tam-muội Bất tận hành, Tam-muội Đa Đà-la-ni, Tam-muội Thủ chư tà chánh tướng, Tam-muội Diệt tắng ái, Tam-muội Nghịch thuận, Tam-muội Tịnh quang, Tam-muội Kiên cố, Tam-muội Mãn nguyệt tịnh quang, Tam-muội Đại trang nghiêm, Tam-muội Năng chiếu nhất thiết thế, Tam-muội Đẳng, Tam-muội Vô tránh hạnh, Tam-muội Vô trụ xứ lạc, Tam-muội Như trụ định, Tam-muội Hoại thân, Tam-muội Hoại ngữ như hư không, Tam-muội Ly trước như hư không bất nhiễm.

Này Tôn giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát thực hành các môn Tam-muội trên đây và vô lượng, vô số môn Tam-muội, môn Đà-la-ni khác đều sẽ mau được Vô thượng Bồ-tát.

Thuận theo ý Phật, Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Nên biết rằng các Đại Bồ-tát thực hành các Tam-muội ấy, thì đã được chư Phật quá khứ thọ ký, chư Phật hiện tại ở mười phương cũng thọ ký cho Đại Bồ-tát này.

Các Đại Bồ-tát này chẳng thấy, chẳng nhớ những Tam-muội ấy, cũng chẳng nghĩ rằng: “Tôi sẽ nhập, đang nhập hay đã nhập những Tam-muội ấy. Các Đại Bồ-tát này hoàn toàn không có quan niệm phân biệt.”

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Đại Bồ-tát an trụ trong các Tam-muội này, có phải đã được thọ ký từ chư Phật quá khứ chăng?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Không phải, vì sao? Đây Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì Bát-nhã ba-la-mật chẳng khác các Tam-muội. Các Tam-muội chẳng khác Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát chẳng khác Bát-nhã ba-la-mật và Tam-muội, Bát-nhã ba-la-mật và Tam-muội chẳng khác Bồ-tát, Bát-nhã ba-la-mật tức là Tam-muội, Tam-muội tức là Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát tức là Bát-nhã ba-la-mật và Tam-muội, Bát-nhã ba-la-mật và Tam-muội tức là Bồ-tát.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Nếu Tam-muội chẳng khác Bồ-tát, Bồ-tát chẳng khác Tam-muội, Tam-muội tức là Bồ-tát, Bồ-tát tức là Tam-muội, thì Bồ-tát làm sao biết tất cả pháp là Tam-muội?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Lúc Bồ-tát nhập Tam-muội này chẳng nghĩ rằng: “Tôi dùng pháp này để nhập Tam-muội ấy, cho nên đối với các Tam-muội, Bồ-tát chẳng biết chẳng nhớ.”

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Vì sao chẳng biết, chẳng nhớ?

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

–Vì các Tam-muội không thật có, nên Bồ-tát chẳng biết, chẳng nhớ.

Đức Phật khen:

–Lành thay, lành thay! Đây Tu-bồ-đề! Đúng như lời Phật có nói, ông là người thực hành pháp Tam-muội Vô tránh bậc nhất, tương ứng với nghĩa ấy.

Đại Bồ-tát phải y theo nghĩa ấy mà học sáu pháp Ba-la-mật, bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bát cộng.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát học như vậy có phải là học Bát-nhã ba-la-mật chăng?

Phật dạy:

–Đại Bồ-tát học như vậy chính là học Bát-nhã ba-la-mật, vì pháp ấy là chẳng thật có. Cũng chính là học năm pháp Ba-la-mật kia cùng bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bát cộng, vì pháp ấy là chẳng thật có.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật như vậy, có phải pháp ấy là chẳng thật có chăng?

Phật dạy:

–Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật như vậy, pháp ấy là chẳng thật có.

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Các pháp gì là chẳng thật có?

Phật dạy:

–Ngã là chẳng thật có, cho đến sự hiểu biết nhận thức là chẳng thật có, vì rốt ráo thanh tịnh. Năm ấm, mười hai xứ, mười tám giới là chẳng thật có, vì rốt ráo thanh tịnh. Bốn Đế, mười hai nhân duyên là chẳng thật có, vì rốt ráo thanh tịnh. Cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc là chẳng thật có, vì rốt ráo thanh tịnh. Bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bát cộng là chẳng thật có, vì rốt ráo thanh tịnh. Sáu pháp Ba-la-mật là chẳng thật có, vì rốt ráo thanh tịnh. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát, Phật là chẳng thật có, vì rốt ráo thanh tịnh.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy:

–Chẳng xuất, chẳng sinh, không thủ đắc, không tạo tác, đó gọi là rốt ráo thanh tịnh.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát học như vậy, đó là học các pháp gì?

–Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát học như vậy, đối với các pháp là không có chỗ học. Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Vì tướng các pháp chẳng phải như chỗ chấp trước của phàm phu.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thật tướng các pháp thế nào là có?

–Này Xá-lợi-phất! Các pháp là không thật có. Có như vậy, không thật có như vậy, đối với việc này mà chẳng biết thì gọi là Vô minh.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là không thật có, nơi sự việc này chẳng biết thì gọi là vô minh?

–Này Xá-lợi-phất! Năm ấm cho đến mười tám giới là không thật có, bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng là không thật có. Vì sao? Vì là nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không.

Ở đây, do năng lực của vô minh làm cho khát ái nên phàm phu vọng thấy phân biệt, đó gọi là vô minh. Phàm phu này bị hai bên trói buộc nên chẳng biết, chẳng thấy các pháp là không thật có. Do đó mà nhớ tưởng phân biệt, chấp trước các sắc, cho đến mười tám pháp Bất cộng.

Đối với pháp không thật có, vì chấp trước nên người này sinh ra sự phân biệt về thấy biết. Đây là do phàm phu chẳng biết, chẳng thấy. Chẳng thấy, chẳng biết thế nào? Là chẳng thấy, chẳng biết về sắc, cho đến chẳng thấy, chẳng biết về pháp Bất cộng. Do đó mà rơi vào hàng phàm phu như trẻ con.

Người này chẳng ra khỏi, là chẳng ra khỏi chỗ nào? Là chẳng ra khỏi cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, chẳng ra khỏi pháp Thanh văn, Bích-chi-phật.

Người này cũng chẳng tin, chẳng tin thế nào? Chẳng tin sắc không, cho đến chẳng tin pháp Bất cộng không.

Người này cũng chẳng an trụ, chẳng an trụ ở đâu? Là chẳng an trụ vào sáu pháp Ba-la-mật, chẳng an trụ vào địa vị không thoái chuyển, cho đến chẳng an trụ vào pháp Bất cộng.

Do đó mà gọi là phàm phu như trẻ con. Cũng gọi là kẻ chấp trước. Chấp trước thế nào? Chấp trước đối với sắc, cho đến ý thức giới, chấp trước về tham, cho đến tà kiến, chấp trước về bốn Niệm xứ, cho đến Phật đạo.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát học như vậy, có phải cũng chính là chẳng học Bát-nhã ba-la-mật, chẳng đạt được Nhất thiết chủng trí hay chăng?

–Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát học như vậy cũng chính là chẳng học Bát-nhã ba-la-mật, chẳng đạt được Nhất thiết chủng trí.

Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này không dùng phương tiện nên nghĩ tưởng, phân biệt chấp trước về Bát-nhã, Thiên-na, Tỳ-lê-da, Sần-đề, Thi-la và Bồ thí ba-la-mật, cho đến nghĩ tưởng, phân biệt, chấp trước về pháp Bát cộng và Nhất thiết chủng trí. Vì thế cho nên Đại Bồ-tát học như vậy cũng chính là chẳng học Bát-nhã ba-la-mật, chẳng đạt được Nhất thiết chủng trí.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu như vậy thì Đại Bồ-tát phải học Bát-nhã ba-la-mật như thế nào mới là học Bát-nhã ba-la-mật, đạt được Nhất thiết chủng trí?

–Này Xá-lợi-phất! Lúc học Bát-nhã ba-la-mật, nếu Đại Bồ-tát chẳng thấy có Bát-nhã ba-la-mật thì đó là học Bát-nhã ba-la-mật, đạt được Nhất thiết chủng trí, vì chúng đều là chẳng thật có.

–Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao gọi là chẳng thật có?

–Này Xá-lợi-phất! Vì tất cả pháp đều là không bên trong cho đến không cả pháp không pháp có.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 4

Phẩm 11: HUYỄN HỌC

Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có người hỏi rằng: “Người huyền học Bát-nhã ba-la-mật cho đến Bồ thí ba-la-mật, người huyền học bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng có được Nhất thiết chủng trí hay chăng?” Thì con phải giải đáp thế nào?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Phật hỏi lại ông, ông nghĩ thế nào thì đáp thế đấy. Này Tu-bồ-đề, sắc với huyền có khác nhau chăng? Thọ, tưởng, hành, thức và huyền có khác nhau chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không khác!

–Này Tu-bồ-đề! Từ nhãn cho đến ý, từ sắc cho đến pháp, từ nhãn giới cho đến ý thức giới và huyền có khác nhau chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không khác!

–Này Tu-bồ-đề! Sáu pháp Ba-la-mật, bốn Niệm xứ đến mười tám pháp Bất cộng và huyền có khác nhau chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không khác nhau!

–Này Tu-bồ-đề! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và huyền có khác nhau chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không khác! Vì sao? Vì sắc chẳng khác huyền, huyền chẳng khác sắc, sắc tức là huyền, huyền tức là sắc. Cho đến vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng khác huyền, huyền chẳng khác Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là huyền, huyền tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

–Này Tu-bồ-đề! Huyền có cấu uế, có thanh tịnh chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn, không!

– Này Tu-bồ-đề! Huyền có sinh, có diệt chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn, không!

– Này Tu-bồ-đề! Nếu huyền chẳng sinh, chẳng diệt thì huyền này có thể học Bát-nhã ba-la-mật để được Nhất thiết chủng trí chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn, không!

– Này Tu-bồ-đề! Năm ấm giả danh có phải là Bồ-tát chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn, phải!

– Này Tu-bồ-đề! Năm ấm giả danh có sinh, diệt, cấu uế, thanh tịnh chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn, không!

– Này Tu-bồ-đề! Nếu các pháp nào chỉ có tên gọi, chẳng phải thân, ngữ, ý, chẳng phải thân nghiệp, ngữ nghiệp, ý nghiệp, chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng cấu uế, chẳng thanh tịnh, thì có thể học Bát-nhã ba-la-mật được Nhất thiết chủng trí hay chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn, không!

– Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát có thể học Bát-nhã ba-la-mật như vậy thì sẽ được Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì chúng đều là không thật có.

– Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát phải học Bát-nhã ba-la-mật như vậy để được thành Phật, vì không thật có. Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật như thế để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như người huyền. Vì sao? Nên biết rằng năm ấm tức là người huyền, người huyền tức là năm ấm.

– Này Tu-bồ-đề! Năm ấm ấy học Bát-nhã ba-la-mật có được Nhất thiết chủng trí chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn, không! Vì năm ấm này tánh không thật có. Tánh không thật có cũng là chẳng thật có.

– Này Tu-bồ-đề! Năm ấm như mộng, như ảo ảnh, như tiếng vang, như sóng nắng, như sự biến hóa, học Bát-nhã ba-la-mật có được Nhất thiết chủng trí chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Vì tánh của mộng cho đến tánh của sự biến hóa là không thật có, tánh không thật có cũng chẳng thật có. Sáu căn cũng giống như vậy. Năm ấm tức là sáu Căn, sáu Căn tức là năm ấm. Vì những pháp ấy đều là nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không, nên chẳng thật có.

Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát mới phát tâm nghe nói về Bát-nhã ba-la-mật có kinh sợ rụt rè hay không?

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát mới phát tâm đối với Bát-nhã ba-la-mật, nếu không có phương tiện cũng chẳng gặp được Thiện tri thức thì có khi kinh sợ, có khi rụt rè.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là phương tiện mà Bồ-tát thực hành theo đó được chẳng kinh sợ, chẳng rụt rè đối với Bát-nhã ba-la-mật?

–Này Tu-bồ-đề! Có Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật đúng với tâm của Nhất thiết chủng trí, quán tướng vô thường của năm uẩn cũng chẳng thật có, đó gọi là có phương tiện.

Quán tướng khổ, tướng vô ngã của năm uẩn cũng chẳng thật có, đó gọi là có phương tiện.

Quán tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác của năm uẩn cũng chẳng thật có, đó gọi là có phương tiện.

Quán tướng xa lìa, tướng vắng lặng của năm uẩn cũng chẳng thật có, đó gọi là Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật có phương tiện.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật quán tướng vô thường của năm uẩn cũng chẳng thật có, quán tướng khổ, tướng vô ngã, tướng vô tướng, tướng vô tác, tướng xa lìa, tướng vắng lặng của năm uẩn cũng chẳng thật có. Bấy giờ, Đại Bồ-tát nghĩ rằng: “Ta nên vì tất cả chúng sinh mà giảng nói tướng vô thường cũng chẳng thật có, tướng khổ, tướng vô ngã cho đến tướng vắng lặng cũng chẳng thật có, đó gọi là Bồ thí ba-la-mật của Đại Bồ-tát.”

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát chẳng dùng tâm Thanh văn, Bích-chi-phật để quán năm uẩn, vô thường cũng chẳng thật có, cho đến chẳng dùng tâm Thanh văn, Bích-chi-phật để quán năm uẩn,

vắng lặng cũng chẳng thật có. Đó gọi là Trì giới ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật nhận lấy sự ưa thích đối với tướng vô thường, cho đến tướng vắng lặng của các pháp cũng chẳng thật có. Đó gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật đúng với tâm của Nhất thiết chủng trí, quán tướng vô thường cho đến tướng vắng lặng của năm uẩn cũng chẳng thật có, chẳng rời bỏ, chẳng dừng nghỉ. Đó gọi là Tinh tấn ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật nghĩ rằng: “Chẳng vì không sắc nên sắc không, sắc tức là không, không tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cho đến ý thức giới cũng giống như vậy, chẳng vì không ý thức giới nên ý thức giới là không, mà ý thức giới tức là không, không tức là ý thức giới. Bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng cũng giống như vậy, chẳng phải vì không pháp Bất cộng nên pháp Bất cộng là không, nên pháp Bất cộng tức là không, không tức là pháp Bất cộng.” Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy nên không có kinh sợ, không có rụt rè.

Tôn giả Tu-bồ-đề bạch:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát được Thiện tri thức hộ trì nên chẳng kinh sợ, chẳng rụt rè?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Có Thiện tri thức giảng nói về sắc, cho đến ý thức giới, vô thường, khổ, vô ngã, cho đến vắng lặng, cũng đều chẳng thật có, gìn giữ thiện căn này, chẳng hướng về đường Thanh văn, đường Bích-chi-phật mà chỉ hướng về Nhất thiết chủng trí, đó gọi là Thiện tri thức của Đại Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Có Thiện tri thức giảng nói tu bốn Niệm xứ cho đến tu mười tám pháp Bất cộng cũng chẳng thật có, gìn giữ thiện căn này chẳng hướng về đường Thanh văn, Bích-chi-phật, chỉ hướng về Nhất thiết chủng trí, đó gọi là Thiện tri thức của Đại Bồ-tát.

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát vì không có phương tiện mà theo tri thức xấu ác nên kinh sợ, rụt rè khi nghe nói Bát-nhã ba-la-mật?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát lìa tâm của Nhất thiết trí mà tu Bát-nhã ba-la-mật nên được và nhớ Bát-nhã ba-la-mật này, cũng được và nhớ Thiền định ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Bố thí ba-la-mật.

Bồ-tát lìa tâm của Nhất thiết trí mà quán các pháp năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, đối với pháp không ấy có nhớ, có được.

Bồ-tát lìa tâm của Nhất thiết trí mà tu bốn Niệm xứ, cho đến tu mười tám pháp Bất cộng cũng nhớ, cũng được.

Như trên đây là không phương tiện nên có kinh sợ, rụt rè khi nghe Bát-nhã ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Có tri thức xấu ác bảo Bồ-tát lìa bỏ sáu pháp Ba-la-mật, hoặc chẳng giảng nói về việc ma, chẳng giảng nói về ma tội, chẳng nói rằng ác ma hiện thân Phật, đến bảo Bồ-tát lìa bỏ sáu pháp Ba-la-mật mà nói rằng: “Này thiện nam, cần gì tu sáu pháp Ba-la-mật!” Này Tu-bồ-đề! Phải biết đây là tri thức xấu ác của Bồ-tát.

Lại có ác ma hiện thân Phật đến chỗ Bồ-tát mà giảng nói kinh pháp theo Thanh văn, hoặc Trường hàng cho đến Luận nghị. Chẳng vì Bồ-tát mà nói việc ma, ma tội này, phải biết đây là tri thức xấu ác của Bồ-tát.

Cũng chẳng vì Bồ-tát mà nói việc ma, ma tội. Ác ma hiện thân Phật đến bảo Bồ-tát: “Này thiện nam, ông không có tâm Bồ-tát chân thật, ông chẳng phải là bậc không thoái chuyển, ông cũng chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.” Này Tu-bồ-đề, phải biết đây là tri thức xấu ác của Bồ-tát.

Cũng chẳng giảng, chẳng dạy việc ma, ma tội. Ác ma hiện thân Phật đến bảo Bồ-tát rằng: “Sắc không cho đến pháp Bất cộng không, Bát-nhã ba-la-mật không, cho đến Bố thí ba-la-mật không, vậy ông cầu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm gì!” Này Tu-bồ-đề! Phải biết đây là tri thức xấu ác của Bồ-tát.

Cũng chẳng giảng, chẳng dạy việc ma, ma tội. Ác ma hiện thân Bích-chi-phật đến bảo Bồ-tát rằng: “Mười phương đều trống không, trong đó chẳng có Phật, Bồ-tát và Thanh văn.”

Này Tu-bồ-đề! Phải biết đây là tri thức xấu ác của Bồ-tát.

Cũng chẳng giảng dạy việc ma, ma tội. Ác ma hiện thân Hòa thượng A-xà-lê đến bảo Bồ-tát bỏ Nhất thiết chủng trí, bỏ đạo Bồ-tát, bảo Bồ-tát bỏ bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng, bảo Bồ-tát nhập không, vô tướng, vô tác để chứng quả Thanh văn, cần gì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Phải biết đây là tri thức xấu ác của Bồ-tát.

Cũng chẳng giảng dạy việc ma, ma tội. Ác ma hiện thân cha mẹ đến bảo Bồ-tát tinh tấn cầu chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, cần gì phải cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác sẽ phải chịu sinh tử trong vô lượng, vô số kiếp, phải bị chặt tay, chặt chân đau khổ.

Này Tu-bồ-đề! Phải biết đây là tri thức xấu ác của Bồ-tát.

Có tri thức chẳng giảng chẳng dạy về việc ma, ma tội. Ác ma hiện thân Tỳ-kheo đến bảo Bồ-tát, Nhân là pháp vô thường khả đắc cho đến ý là pháp vô thường khả đắc, nhân khổ, nhân vô ngã, không, vô tướng, vô tác, vắng lặng đều là pháp khả đắc cho đến ý cũng như thế, dùng pháp có thể thủ đắc để nói về bốn Niệm xứ cho đến dùng pháp có sở đắc để nói về mười tám pháp Bất cộng.

Này Tu-bồ-đề! Phải biết đây là tri thức xấu ác của Bồ-tát. Đã biết rồi thì phải lánh xa hạng tri thức xấu ác ấy.

M

Phẩm 12: CÚ NGHĨA

Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là cú nghĩa của Bồ-tát?

Phật dạy:

– Này Tu-bồ-đề! Cú nghĩa không là cú nghĩa của Bồ-tát.

Vì sao? Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có nghĩa

xứ cũng không có ngã, thế nên cú nghĩa không là cú nghĩa của Bồ-tát.

Ví như chim bay trong hư không chẳng có dấu vết, cú nghĩa của Bồ-tát không hề thật có cũng giống như vậy.

Ví như những việc thấy trong giấc mộng không hề có, cú nghĩa của Bồ-tát không hề thật có cũng giống như vậy.

Ví như ảo thuật, sóng nắng, ảo ảnh, tiếng vang, sự biến hóa đều không có thật nghĩa, cú nghĩa của Bồ-tát không hề thật có cũng vậy.

Ví như pháp như, pháp tánh, pháp tướng, pháp vị và thật tế không có nghĩa, cú nghĩa của Bồ-tát không thật có cũng giống như vậy.

Ví như sắc, thọ, tưởng, hành, thức của người huyễn không có nghĩa, Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa của Bồ-tát không thật có cũng giống như vậy.

Ví như sáu căn, sáu trần, sáu thức của người huyễn không có nghĩa, ví như các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra của người ảo huyễn không có nghĩa, cú nghĩa của Bồ-tát không thật có cũng giống như vậy.

Như lúc người huyễn thực hành nội không cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng có nghĩa, cú nghĩa của Bồ-tát không thật có cũng giống như vậy.

Như lúc người huyễn thực hành bốn Niệm xứ cho đến pháp Bất cộng không có nghĩa, cú nghĩa của Bồ-tát không thật có cũng giống như vậy.

Như Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức không có nghĩa, vì năm uẩn ấy không có, cú nghĩa của Bồ-tát không thật có cũng giống như vậy.

Như Đức Phật, từ nhãn cho đến ý, từ sắc cho đến pháp, từ nhãn xúc cho đến ý xúc, làm nhân duyên sinh thọ đều không nơi chốn, Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa của Bồ-tát không thật có cũng giống như vậy.

Như Đức Phật, nội không đến vô pháp hữu pháp không, bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng đều không nơi chốn, cú

nghĩa của Bồ-tát không thật có cũng giống như vậy.

Như trong tánh hữu vi không, tánh nghĩa vô vi, trong tánh vô vi không, tánh nghĩa hữu vi, Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa của Bồ-tát không thật có cũng giống như vậy.

Như chẳng sinh, chẳng diệt không nơi chốn, như chẳng tạo tác, chẳng xuất phát, chẳng thủ đắc, chẳng cấu uế, chẳng thanh tịnh đều không nơi chốn, cú nghĩa của Bồ-tát không thật có cũng giống như vậy.

Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Pháp gì chẳng sinh, chẳng diệt nên không nơi chốn? Pháp gì không tạo tác, không phát xuất, không thủ đắc, không cấu uế, không thanh tịnh nên không nơi chốn?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Này Tu-bồ-đề! Vì năm uẩn, mười hai xứ, mười tám giới đều không sinh, không diệt cho đến không cấu uế, không thanh tịnh, nên không nơi chốn. Vì bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bát cộng đều không sinh, không diệt cho đến không cấu uế, không thanh tịnh nên không có nơi chốn.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa của Bồ-tát không thật có cũng giống như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Như nơi bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bát cộng thanh tịnh hoàn toàn, rốt ráo không thật có, Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa của Bồ-tát không thật có cũng giống như vậy.

Như trong tịnh, ngã cho đến sự hiểu biết, sự nhận thức đều không thật có, vì ngã đến sự nhận thức đều không thật có, cú nghĩa của Bồ-tát không thật có cũng giống như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Ví như lúc mặt trời mọc thì không có tối tăm, Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa của Bồ-tát không thật có cũng giống như vậy.

Như thời kỳ kiếp thiêu không còn vật gì cả, Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa của Bồ-tát không thật có cũng giống như vậy.

Như trong giới của Phật không có phá giới, Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa của Bồ-tát không thật có cũng giống như vậy.

Như trong định của Phật không có tâm loạn, trong tuệ của Phật không có ngu si, trong giải thoát của Phật không có chẳng giải thoát, trong tri kiến giải thoát của Phật không có chẳng tri kiến giải thoát, Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa của Bồ-tát không thật có cũng giống như vậy.

Như trong ánh sáng Phật thì ánh sáng mặt trăng, ánh sáng mặt trời không hiện, như trong ánh sáng Phật thì ánh sáng của các vị trời cõi Dục, cõi Sắc đều không hiện. Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, cú nghĩa của Bồ-tát không thật có cũng giống như vậy.

Vì sao? Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cùng Bồ-tát và cú nghĩa của Bồ-tát, tất cả pháp này đều chẳng hợp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, là một tướng, chính là vô tướng.

Này Tu-bồ-đề! Tướng không ngăn ngại trong tất cả pháp này, Đại Bồ-tát phải nên học, cũng phải nên biết.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Những gì là tất cả pháp? Thế nào là tướng không ngăn ngại, trong tất cả pháp phải học, phải biết?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Tất cả pháp là pháp thiện, pháp chẳng thiện, pháp hữu ký, pháp vô ký, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp cộng, pháp Bất cộng. Đây gọi là tất cả pháp, đối với tướng không ngăn ngại của tất cả pháp này, Đại Bồ-tát phải học, phải biết.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Những gì là pháp lành thế gian cho đến những gì là pháp Bất cộng?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Pháp lành thế gian là hiếu thuận với cha mẹ, cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, kính thờ bậc Tôn trưởng, chỗ phước bố thí, chỗ phước trì giới, chỗ phước tu thiền định, chỗ phước khuyến

đạo, phương tiện sinh phước đức, mười nghiệp thiện thế gian, quán tưởng tướng bất tịnh: tướng xanh, tướng sinh, tướng máu, tướng nứt, tướng nát vữa, tướng bị giòi ăn, tướng tan rã, tướng xương trắng, tướng bị thiêu; bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Vô sắc định, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm thiên, niệm thiện, niệm hơi thở, niệm thân thể, niệm chết. Đây gọi là pháp lành thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là pháp bất thiện? Sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối, nói hai chiều, nói lời ác, nói phù phiếm, tham lam, gây hại, tà kiến, mười điều không lành này gọi là pháp bất thiện.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là pháp hữu ký? Pháp thiện hoặc pháp bất thiện gọi là pháp hữu ký.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là pháp vô ký? Thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp vô ký, bốn đại vô ký, năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới vô ký, quả báo vô ký, đó gọi là pháp Vô ký.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là pháp thế gian? Năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, mười nghiệp thiện, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, đó gọi là pháp thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là pháp xuất thế gian? Bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám phần Thánh đạo, Không giải thoát môn, Vô tướng giải thoát môn, Vô tác giải thoát môn, căn Vị tri dục tri, căn tri, căn dĩ tri, Tam-muội Hữu giác hữu quán, Tam-muội Vô giác hữu quán, Tam-muội vô giác vô quán, tám Bội xả, nội không đến vô pháp hữu pháp không, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, mười tám pháp Bất cộng, trí Nhất thiết, đó gọi là pháp xuất thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là pháp hữu lậu? Năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, sáu chủng, sáu xúc, sáu thọ, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, đó gọi là pháp hữu lậu.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là pháp vô lậu? Bốn Niệm xứ cho đến pháp Bất cộng và Nhất thiết chủng trí, đó gọi là pháp vô lậu.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là pháp hữu vi? Nếu là pháp có sinh, có trụ, có diệt, cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, năm ấm cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, bốn Niệm xứ cho đến pháp Bất

cộng và trí Nhất thiết, đó gọi là hữu vi.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là pháp vô vi? Nếu là pháp không sinh, không trụ, không diệt, sạch tham, sân, si, pháp như, pháp tánh, pháp tướng, pháp vị, thật tế, đó gọi là pháp Vô vi.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là pháp cộng? Bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, đó gọi là Pháp cộng.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là pháp Bất cộng? Bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng, đó gọi là pháp Bất cộng.

Này Tu-bồ-đề! Đối với pháp tự tướng không này Đại Bồ-tát chẳng nên chấp trước, vì là bất động. Đại Bồ-tát cũng phải biết tất cả pháp chẳng có hai tướng, vì là bất động.

Đó gọi là nghĩa của Bồ-tát.

M

Phẩm 13: KIM CANG

Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào được gọi là Tất định chúng, Đại Bồ-tát này là bậc thượng thủ?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Về chúng tất định, là bậc Tánh địa nhân, bậc Bát nhân, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát mới phát tâm cho đến Bồ-tát an trụ ở địa vị không thoái chuyển. Này Tu-bồ-đề, Đại Bồ-tát phát đại tâm chẳng hư hoại như kim cang, thì sẽ là bậc Thượng thủ quyết định trong chúng.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát phát tâm thế nào mà gọi là phát đại tâm như kim cang chẳng hư hoại?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát sinh tâm như vậy: “Trong vô lượng đời sinh tử, ta sẽ trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn, ta sẽ bỏ tất cả sở hữu, ta sẽ đối với tất cả chúng sinh bằng tâm bình đẳng, ta sẽ dùng ba thừa độ thoát tất cả chúng sinh, làm cho họ nhập vào Niết-

bàn Vô dư, ta độ tất cả chúng sinh xong rồi cho đến không còn có một người nhập Niết-bàn, ta phải hiểu rõ tướng không sinh của tất cả pháp, ta chỉ dùng tâm của Nhất thiết chủng trí để thực hành sáu pháp Ba-la-mật, ta phải học trí tuệ tỏ thấu tất cả pháp, ta phải tỏ thấu trí môn nhất tướng của các pháp, ta phải tỏ thấu cho đến vô lượng tướng trí môn.”

Đó gọi là Đại Bồ-tát phát sinh đại tâm chẳng hư hoại như kim cang. An trụ trong đại tâm này, Đại Bồ-tát là bậc Thượng thủ trong chúng quyết định, vì pháp dụng này vô sở đắc.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phát tâm như vậy: “Tôi sẽ thay thế tất cả chúng sinh trong mười phương mà chịu những sự đau khổ, hoặc chúng sinh địa ngục, hoặc chúng sinh trong các loài súc sinh, hoặc chúng sinh ngạ quỷ, cho đến thay thế chịu khổ nhọc cho từng chúng sinh trong vô lượng trăm ngàn ức kiếp, đến khi nào chúng sinh ấy đã được nhập Niết-bàn Vô dư, sau đó tôi tự vun trồng thiện căn trong vô lượng trăm ngàn ức vô số kiếp sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Đây là đại tâm như kim cang chẳng hư hoại. An trụ trong đại tâm này, Đại Bồ-tát là bậc Thượng thủ trong chúng quyết định.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lại sinh tâm rất vui mừng. Từ lúc bắt đầu phát tâm cho đến khi thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Đại Bồ-tát này chẳng sinh tâm tham lam, sân hận, ngu si, kiêu mạn, cũng chẳng sinh tâm Thanh văn, tâm Bích-chi-phật.

Đây là tâm rất vui mừng, an trụ trong tâm rất vui mừng này, Đại Bồ-tát là bậc Thượng thủ trong chúng quyết định. Đại Bồ-tát cũng chẳng nghĩ nhớ có tâm rất vui mừng này.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lại phải sinh tâm bất động, chính là tâm thường nghĩ nhớ Nhất thiết chủng trí, cũng chẳng nghĩ nhớ là mình có tâm bất động này.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lại phải sinh tâm làm lợi ích an vui cho tất cả chúng sinh, chính là cứu giúp tất cả chúng sinh và chẳng rời bỏ tất cả chúng sinh, cũng chẳng nghĩ nhớ có tâm làm lợi ích an vui này.

Do đó, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật là bậc

Thượng thủ trong chúng quyết định.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải phát sinh tâm dục pháp, hỷ pháp, lạc pháp là pháp gì? Chính là thật tướng các pháp. Đối với pháp này mà tin chịu và lãnh thọ thì gọi là dục pháp và hỷ pháp; còn thường tu hành pháp này thì gọi là Lạc pháp.

Do đó nên Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật sẽ làm bậc Thượng thủ trong chúng quyết định. Vì pháp dụng này không thủ đắc.

Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát an trụ nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không, thì sẽ làm bậc Thượng thủ trong chúng quyết định. Vì pháp dụng này không thủ đắc.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát an trụ trong bốn Niệm xứ cho đến trong mười tám pháp Bất cộng, thì có thể làm bậc Thượng thủ trong chúng quyết định, vì pháp dụng này không thủ đắc.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát an trụ trong Tam-muội Như kim cang, cho đến an trụ trong Tam-muội Lìa chấp đắm như hư không bất nhiễm, thì là bậc Thượng thủ trong chúng quyết định. Vì pháp dụng này không thủ đắc.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ trong các pháp như vậy thì có thể làm bậc Thượng thủ trong chúng quyết định. Do duyên cố này mà Bồ-tát được gọi là Đại Bồ-tát.

M

Phẩm 14: DỨT TRỪ CÁC KIẾN CHẤP

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con cũng muốn nói vì sao Bồ-tát được gọi là Đại Bồ-tát.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Ông cứ nói.

Ngài Xá-lợi-phất nói:

–Kiến chấp về: Ngã, kiến chấp về thọ, kiến chấp về mạng, kiến chấp về chúng sinh, kiến chấp về sự sinh, kiến chấp về dưỡng dục, kiến chấp về chúng số kiến, kiến chấp về người, kiến chấp về sự tạo tác, kiến chấp về sự sai khiến tạo tác, kiến chấp về sự khởi lên, kiến chấp về sự sai khiến khởi lên, kiến chấp về thọ nhận, kiến chấp về khiến thọ nhận, kiến chấp về sự hiểu biết, kiến chấp về sự nhận thức, kiến chấp về đoạn, kiến chấp về thường, kiến chấp về có, kiến chấp về không, kiến chấp về âm, kiến chấp về nhập, kiến chấp về giới, kiến chấp về đế, kiến chấp về nhân duyên, kiến chấp về niệm xứ, cho đến kiến chấp về pháp Bất cộng, kiến chấp về Phật đạo, kiến chấp về sự thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi nước Phật, Phật, kiến chấp về chuyển pháp luân. Vì dứt trừ các kiến chấp trên đây mà nói pháp cho người nên Bồ-tát được gọi là Đại Bồ-tát.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Vì sao kiến chấp về sắc là kiến chấp luống dối? Vì sao kiến chấp về thọ, tưởng, hành, thức cho đến kiến chấp về chuyển pháp luân là kiến chấp luống dối?

Xá-lợi-phất nói:

–Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, vì không có phương tiện nên Bồ-tát đối với sắc sinh kiến chấp, đối với thọ, tưởng, hành, thức cho đến chuyển pháp luân sinh kiến chấp, vì pháp dụng có thủ đắc.

Ở đây, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật dùng năng lực phương tiện mà nói pháp cho họ nghe để dứt trừ các kiến chấp luống dối, vì pháp dụng không thủ đắc.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con cũng muốn nói vì sao mà Bồ-tát được gọi là Đại Bồ-tát.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ông cứ nói.

Tu-bồ-đề nói:

–Tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm không gì sánh bằng này chẳng chung với tâm Thanh văn, Bích-chi-phật. Vì sao? Vì

đây là tâm của Nhất thiết trí vô lậu, chẳng bị trói buộc, cũng chẳng chấp trước tâm của Nhất thiết trí vô lậu chẳng bị trói buộc này, vì vậy mà Bồ-tát được gọi là Đại Bồ-tát.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Thế nào là tâm không gì sánh bằng của Đại Bồ-tát chẳng chung với tâm Thanh văn, Bích-chi-phật?

Tu-bồ-đề nói:

–Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm trở đi không bao giờ thấy một pháp nào có sinh, có diệt, có cấu uế, có thanh tịnh, có thêm, có bớt. Nếu đã là pháp chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng cấu uế, chẳng thanh tịnh, chẳng thêm, chẳng bớt thì trong đó không có tâm Thanh văn, không có tâm Bích-chi-phật, không có tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có tâm Phật. Đó gọi là tâm không gì sánh bằng của Đại Bồ-tát, chẳng chung với tâm Thanh văn, Bích-chi-phật.

Xá-lợi-phất nói:

–Như lời Tôn giả Tu-bồ-đề nói, đối với tâm của Nhất thiết trí vô lậu chẳng bị trói buộc này cũng chẳng chấp trước.

Này Tu-bồ-đề! Sắc cũng chẳng chấp trước; thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng chấp trước, bốn Niệm xứ cho đến pháp Bất cộng cũng chẳng chấp trước. Sao ngài chỉ nói tâm này chẳng chấp trước?

Tu-bồ-đề nói:

–Phải lắm, sắc cho đến pháp Bất cộng cũng chẳng chấp trước.

Xá-lợi-phất:

–Tâm phàm phu cũng là vô lậu chẳng bị trói buộc, vì tánh rỗng không. Tâm Thanh văn, tâm Bích-chi-phật, tâm chư Phật cũng là vô lậu chẳng bị trói buộc, vì tánh rỗng không.

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng lắm!

Xá-lợi-phất nói:

–Sắc cũng là vô lậu chẳng bị trói buộc, vì tánh là không. Thọ, tưởng, hành, thức cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng là vô lậu chẳng bị trói buộc, vì tánh là không. Bốn Niệm xứ cho

đến mười tám pháp Bất cộng cũng là vô lậu chẳng bị trói buộc, vì tánh là không.

Tu-bồ-đề nói:

–Vâng, như lời Tôn giả Xá-lợi-phất đã nói, tâm phàm phu cho đến pháp Bất cộng cũng là vô lậu chẳng bị trói buộc, vì tánh là không.

Xá-lợi-phất nói:

–Như lời Tu-bồ-đề đã nói, vì tâm là không nên chẳng chấp trước tâm.

Này Tu-bồ-đề! Vì sắc là không nên chẳng chấp trước sắc. Vì thọ, tưởng, hành, thức cho đến ý xúc sinh thọ là không, nên chẳng chấp trước, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến chẳng chấp trước ý xúc sinh thọ. Vì bốn Niệm xứ là không cho đến pháp Bất cộng là không, nên chẳng chấp trước bốn Niệm xứ, cho đến chẳng chấp trước pháp Bất cộng.

Tu-bồ-đề nói:

–Vâng, vì sắc là không nên đối với sắc chẳng chấp trước. Cho đến vì pháp Bất cộng là không nên đối với pháp Bất cộng chẳng chấp trước.

Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật dùng tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm không gì sánh bằng chẳng chung với tâm Thanh văn, Bích-chi-phật, cũng chẳng nghĩ nhớ có tâm không gì bằng này, cũng chẳng chấp trước tâm không gì sánh bằng này, vì tất cả pháp dụng là có không thật. Do đó mà Đại Bồ-tát được gọi là Đại Bồ-tát.

M

Phẩm 15: PHÚ-LÂU-NA

Bấy giờ, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con cũng muốn nói vì sao mà Bồ-tát được gọi là Đại Bồ-tát.

Phật bảo Phú-lâu-na:

–Ông cứ nói.

Phú-lâu-na nói:

–Bồ-tát này trang nghiêm bằng thế nguyện rộng lớn, Bồ-tát này hướng về Đại thừa, Bồ-tát này ngồi nơi Đại thừa, nên Bồ-tát này được gọi là Đại Bồ-tát.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Thế nào gọi là trang nghiêm bằng thế nguyện rộng lớn?

Phú-lâu-na nói:

–Đại Bồ-tát chẳng phân biệt vì từng ấy người mà an trụ Bồ thí ba-la-mật, thực hành Bồ thí ba-la-mật, mà chính vì tất cả chúng sinh mà Đại Bồ-tát an trụ Bồ thí ba-la-mật, thực hành Bồ thí ba-la-mật.

Như Bồ thí ba-la-mật, về Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định và Bát-nhã ba-la-mật cũng giống như vậy. Chẳng phải vì từng ấy người, mà chính vì tất cả chúng sinh mà Đại Bồ-tát an trụ Bát-nhã ba-la-mật, thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát trang nghiêm bằng thế nguyện rộng lớn, chẳng hạn cuộc trong một số chúng sinh. Chẳng nghĩ rằng: “Tôi sẽ cứu độ những người này mà chẳng độ những người khác. Cũng chẳng nghĩ rằng mình sẽ giúp cho những người này đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác còn những người kia thì không. Đại Bồ-tát vì tất cả chúng sinh mà trang nghiêm bằng thế nguyện rộng lớn.”

Đại Bồ-tát lại nghĩ rằng: “Tôi sẽ tự đầy đủ Bồ thí ba-la-mật cho đến tự đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật, cũng giúp cho tất cả chúng sinh thực hành sáu pháp Ba-la-mật.”

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật, Đại Bồ-tát có bồ thí bao nhiêu cũng đều đúng với tâm của Nhất thiết trí, cùng tất cả chúng sinh hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây là Bồ thí ba-la-mật trang nghiêm bằng thế nguyện rộng lớn lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật.

Lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật, Đại Bồ-tát đúng với tâm của Nhất thiết trí mà bồ thí, chẳng hướng về quả Thanh văn, Bích-chi-phật. Đó gọi là Trì giới ba-la-mật trang nghiêm bằng thế nguyện

rộng lớn lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật.

Lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật, Đại Bồ-tát đúng với tâm của Nhất thiết trí mà bố thí. Kính tin ưa thích pháp bố thí này. Đó gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật.

Lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật, Đại Bồ-tát đúng với tâm của Nhất thiết trí mà bố thí, thường siêng năng bố thí như vậy không dừng nghỉ. Đó gọi là Tinh tấn ba-la-mật trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật.

Lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật, Đại Bồ-tát đúng với tâm của Nhất thiết trí mà bố thí. Thường giữ tâm, chẳng để sinh tâm Thanh văn, Bích-chi-phật, đó gọi là Thiền định ba-la-mật trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật.

Lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật, Đại Bồ-tát đúng với tâm của Nhất thiết trí mà bố thí. Quán các pháp như hư huyễn. Chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có vật cho, chẳng thấy có người thọ. Đó gọi là Bát-nhã ba-la-mật trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn, lúc Đại Bồ-tát thực hành Bồ thí ba-la-mật.

Đại Bồ-tát đúng với tâm của Nhất thiết trí, chẳng chấp, chẳng được các tướng của các Ba-la-mật, phải biết đó là Đại Bồ-tát trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Trì giới ba-la-mật, Đại Bồ-tát đúng với tâm của Nhất thiết trí mà bố thí, cùng tất cả chúng sinh hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó gọi là Đại Bồ-tát Bồ thí ba-la-mật trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn lúc thực hành Trì giới ba-la-mật.

Lúc thực hành Trì giới ba-la-mật, đối với các pháp này, Đại Bồ-tát kính tin ưa thích. Đó gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn lúc thực hành Trì giới ba-la-mật.

Lúc thực hành Trì giới ba-la-mật, Đại Bồ-tát siêng tu chẳng dừng nghỉ. Đó gọi là Tinh tấn ba-la-mật trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn lúc thực hành Trì giới ba-la-mật.

Lúc thực hành Trì giới ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng tiếp nhận tâm Thanh văn, Bích-chi-phật. Đó gọi là Thiền định ba-la-mật trang

nghiêm bằng thệ nguyện rộng lúc thực hành Trì giới ba-la-mật.

Lúc thực hành Trì giới ba-la-mật, Đại Bồ-tát quán tất cả pháp như hư huyễn, cũng chẳng nghĩ nhớ có giới luật này, vì pháp dụng là không chỗ thủ đắc. Đó gọi là Bát-nhã ba-la-mật trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn lúc thực hành Trì giới ba-la-mật.

Đại Bồ-tát lúc thực hành Trì giới ba-la-mật, bao gồm cả năm pháp Ba-la-mật kia nên gọi là trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật, Đại Bồ-tát cùng tất cả chúng sinh hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó gọi là Bố thí ba-la-mật lúc thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật.

Lúc thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật, Đại Bồ-tát chỉ thọ lấy tâm của Nhất thiết trí mà chẳng thọ lấy tâm Thanh văn, Bích-chi-phật. Đó gọi là Trì giới ba-la-mật lúc thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật.

Lúc thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật, Đại Bồ-tát thân tâm tinh tấn chẳng thôi nghỉ, đúng với tâm của Nhất thiết trí. Đó gọi là Tinh tấn ba-la-mật lúc thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật.

Lúc thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật, Đại Bồ-tát thu nhiếp tâm ở một chỗ, dầu có bị đau khổ cũng chẳng tán loạn. Đó gọi là Thiền định ba-la-mật lúc thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật.

Lúc thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật, Đại Bồ-tát đúng với tâm của Nhất thiết trí, quán các pháp rỗng không, chẳng có người tạo tác, chẳng có kẻ thọ nhận, dầu bị người mắng nhiếc, đâm chém, Bồ-tát xem như hư huyễn, như mộng. Đó gọi là Bát-nhã ba-la-mật lúc thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật.

Đại Bồ-tát lúc thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật bao gồm cả các môn Ba-la-mật kia nên gọi là trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Tinh tấn ba-la-mật, Đại Bồ-tát đúng với tâm của Nhất thiết trí mà bố thí, chẳng để thân tâm biếng nhác. Đó gọi là Bố thí ba-la-mật lúc thực hành Tinh tấn ba-la-mật.

Lúc thực hành Tinh tấn ba-la-mật, Đại Bồ-tát từ đầu đến cuối

vẫn trì giới thanh tịnh đầy đủ. Đó gọi là Trì giới ba-la-mật lúc thực hành Tinh tấn ba-la-mật.

Lúc thực hành Tinh tấn ba-la-mật, Đại Bồ-tát đúng với tâm của Nhất thiết trí mà tu hành nhẫn nhục. Đó gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật lúc thực hành Tinh tấn ba-la-mật.

Lúc thực hành Tinh tấn ba-la-mật, Đại Bồ-tát đúng với tâm của Nhất thiết trí mà thu nhiếp tâm, lìa dục nhập các môn thiền định. Đó gọi là Thiền định ba-la-mật lúc thực hành Tinh tấn ba-la-mật.

Lúc thực hành Tinh tấn ba-la-mật, Đại Bồ-tát đúng với tâm của Nhất thiết trí, chẳng chấp tướng các pháp, đối với tướng chẳng chấp này cũng chẳng chấp trước. Đó gọi là Bát-nhã ba-la-mật lúc thực hành Tinh tấn ba-la-mật.

Đại Bồ-tát lúc thực hành Tinh tấn ba-la-mật bao gồm các môn Ba-la-mật kia nên gọi là trang nghiêm bằng thế nguyện rộng lớn.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Thiền định ba-la-mật, Đại Bồ-tát đúng với tâm của trí Nhất thiết mà bố thí, tâm vẫn ở trong định không xao động. Đó gọi là Bố thí ba-la-mật lúc thực hành Thiền định ba-la-mật.

Lúc thực hành Thiền định ba-la-mật, Đại Bồ-tát đúng với trí Nhất thiết trí mà trì giới, do năng lực thiền định nên các pháp phá giới không xen vào được. Đó gọi là Trì giới ba-la-mật lúc thực hành Thiền định ba-la-mật.

Lúc thực hành Thiền định ba-la-mật, Đại Bồ-tát đúng với Nhất thiết trí, nhờ năng lực Từ bi Tam-muội nên nhẫn chịu tất cả khổ hại. Đó gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật lúc thực hành Thiền định ba-la-mật.

Lúc thực hành Thiền định ba-la-mật, Đại Bồ-tát đúng với Nhất thiết trí, đối với thiền định chẳng tham, chẳng chấp, thường cầu tăng tiến từ một thiền này đến một thiền khác. Đó gọi là Tỳ-lê-gia ba-la-mật lúc thực hành Thiền định ba-la-mật.

Lúc thực hành Thiền định ba-la-mật, Đại Bồ-tát đúng với Nhất thiết trí, không y chỉ tất cả pháp, cũng chẳng thọ sinh theo thiền. Đó gọi là Bát-nhã ba-la-mật lúc thực hành Thiền định ba-la-mật.

Đại Bồ-tát lúc thực hành Thiền định ba-la-mật, bao gồm cả các

môn Ba-la-mật kia nên gọi là trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát đứng với tâm của Nhất thiết trí mà bố thí, không bỏn sẻn các sở hữu trong thân, chẳng thấy người cho, kẻ thọ và tài vật cho. Đó gọi là Bố thí ba-la-mật lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát đứng với tâm của Nhất thiết trí nên không thấy có hai việc trì giới và phá giới. Đó gọi là Trì giới ba-la-mật lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát đứng với tâm của Nhất thiết trí, chẳng thấy kẻ mắng nhiếc, kẻ đánh đập, kẻ giết hại, cũng chẳng thấy dùng pháp không này để nhấn nhục. Đó gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát đứng với tâm của Nhất thiết trí, quán các pháp hoàn toàn là không, do tâm đại Bi mà siêng năng thực hành các pháp lành. Đó gọi là Tinh tấn ba-la-mật lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát đứng với tâm của Nhất thiết trí mà nhập thiền định, quán các thiền định lìa tướng, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác. Đó gọi là Thiền định ba-la-mật lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, gồm cả năm môn Ba-la-mật kia nên gọi là trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn.

Bồ-tát trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn này được chư Phật mười phương vui mừng nêu danh hiệu giữa đại chúng để khen ngợi rằng cõi nước đó có Đại Bồ-tát đó trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn để thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Thế nào là Đại Bồ-tát hướng về Đại thừa?

Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử nói:

–Lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, Đại Bồ-tát xa lìa ái dục và các pháp ác bất thiện, lìa dục sinh hỷ lạc có giác có quán nhập Sơ thiền, cho đến xả niệm thanh tịnh nhập Tứ thiền, dùng tâm Từ,

Bi, Hỷ, Xả rộng lớn không hai, vô lượng khắp cùng một phương cho đến mười phương thế gian. Lúc nhập thiền, xuất định, Bồ-tát này đem các thiền, các tâm vô lượng cùng tất cả chúng sinh hưởng về trí Nhất thiết. Đó gọi là Đại Bồ-tát bằng Thiền định ba-la-mật hưởng về Đại thừa.

Bồ-tát này an trụ trong tâm thiền vô lượng nghĩ rằng: “Tôi sẽ được Nhất thiết chủng trí, vì dứt sạch phiền não cho tất cả chúng sinh nên sẽ nói pháp cho họ nghe. Đó gọi là Bồ thí ba-la-mật lúc Đại Bồ-tát thực hành Thiền định ba-la-mật.

Nếu Đại Bồ-tát đúng với tâm của Nhất thiết trí mà tu bốn Thiền và trụ trong bốn Thiền, chẳng tiếp nhận Thanh văn, Bích-chi-phật. Đó gọi là Trì giới ba-la-mật lúc Đại Bồ-tát thực hành Thiền định ba-la-mật.

Nếu Đại Bồ-tát đúng với tâm của Nhất thiết trí nhập các thiền mà nghĩ rằng: “Tôi vì dứt trừ phiền não cho tất cả chúng sinh nên sẽ nói pháp, chỉ chấp nhận ưa thích Nhất thiết trí. Đó gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật lúc Đại Bồ-tát thực hành Thiền định ba-la-mật.”

Nếu Đại Bồ-tát đúng với tâm của Nhất thiết trí nhập các thiền, bao nhiêu thiện căn đều hưởng về trí Nhất thiết, siêng tu không dừng nghỉ. Đó gọi là Tinh tấn ba-la-mật lúc Đại Bồ-tát thực hành Thiền định ba-la-mật.

Nếu Đại Bồ-tát đúng với tâm của trí Nhất thiết trí nhập bốn Thiền, quán tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác, cùng tất cả chúng sinh hưởng về trí Nhất thiết. Đó gọi là Bát-nhã ba-la-mật lúc Đại Bồ-tát thực hành Thiền định ba-la-mật.

Đó gọi là Đại Bồ-tát hưởng về Đại thừa.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát hưởng về Đại thừa thực hành tâm Từ nghĩ rằng: “Ta sẽ làm cho tất cả chúng sinh được an vui.” Nhập vào tâm Bi nghĩ rằng: “Ta sẽ cứu giúp tất cả chúng sinh.” Nhập vào tâm Hỷ nghĩ rằng: “Ta sẽ độ tất cả chúng sinh.” Nhập vào tâm Xả nghĩ rằng: “Ta sẽ làm cho tất cả chúng sinh được lậu tận.” Đó gọi là Bồ thí ba-la-mật lúc Đại Bồ-tát thực hành bốn Tâm vô lượng.

Đại Bồ-tát thực hành bốn Tâm vô lượng, Tam-muội này chỉ hướng về trí Nhất thiết mà chẳng hướng về tâm Thanh văn, Bích-chi-phật. Đó gọi là Trì giới ba-la-mật lúc Đại Bồ-tát thực hành bốn Tâm vô lượng.

Đại Bồ-tát thực hành bốn Tâm vô lượng chẳng tham quả Thanh văn, Bích-chi-phật, chỉ chấp nhận ưa thích trí Nhất thiết. Đó gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật lúc Đại Bồ-tát thực hành bốn Tâm vô lượng.

Đại Bồ-tát đúng với tâm của Nhất thiết trí mà thực hành bốn Tâm vô lượng chỉ thực hành hạnh thanh tịnh. Đó gọi là Tinh tấn ba-la-mật lúc Đại Bồ-tát thực hành bốn Tâm vô lượng.

Đại Bồ-tát đúng với tâm của Nhất thiết trí nhập Tam-muội Tâm vô lượng cũng chẳng thọ sinh theo thiên tâm vô lượng. Đó gọi là phượng tiện Bát-nhã ba-la-mật lúc Đại Bồ-tát thực hành bốn Tâm vô lượng.

Đó gọi là Đại Bồ-tát hướng về Đại thừa.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát đúng với tâm của Nhất thiết trí mà tu bốn Niệm xứ đến tám phần Thánh đạo, đúng với tâm của Nhất thiết trí mà tu ba pháp môn giải thoát cho đến mười tám pháp Bất cộng. Đó gọi là Đại Bồ-tát hướng về Đại thừa.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát đối với trí tuệ nội không, dùng pháp không thủ đắc. Cho đến với trí tuệ trong vô pháp hữu pháp không, vì dụng pháp không thủ đắc. Đó gọi là Đại Bồ-tát hướng về Đại thừa.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp có trí tuệ chẳng loạn, chẳng định. Đó gọi là Đại Bồ-tát hướng về Đại thừa.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát với trí tuệ chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, trí tuệ chẳng phải lạc, chẳng phải khổ, chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã. Đó gọi là Đại Bồ-tát hướng về Đại thừa, vì dùng pháp không thủ đắc.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Trí tuệ của Đại Bồ-tát chẳng đi trong ba thời gian quá khứ, hiện tại, vị lai, cũng chẳng phải chẳng biết rõ

ba thời gian. Đó gọi là Đại Bồ-tát hướng về Đại thừa, vì dùng pháp không thủ đắc.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Trí tuệ của Đại Bồ-tát chẳng đi trong ba cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, cũng chẳng phải chẳng biết rõ ba cõi, vì dùng pháp không thủ đắc. Đó gọi là Đại Bồ-tát hướng về Đại thừa.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Trí tuệ của Đại Bồ-tát chẳng đi trong pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, cũng chẳng phải chẳng biết rõ tất cả pháp, vì dùng pháp không thủ đắc. Đó gọi là Đại Bồ-tát hướng về Đại thừa.

M

Phẩm 16: NGÔI XE ĐẠI THỪA

Xá-lợi-phất hỏi:

– Thế nào là Đại Bồ-tát ngồi xe Đại thừa?

Phú-lâu-na nói:

– Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát nương vào Bồ thí ba-la-mật cho đến nương vào Bát-nhã ba-la-mật, cũng chẳng thấy có Đàn-na, cho đến chẳng thấy có Bát-nhã, cũng chẳng thấy có Bồ-tát, vì dùng pháp không thủ đắc. Đây là Đại Bồ-tát nương vào sáu pháp Ba-la-mật, cũng gọi là ngồi xe Đại thừa.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát nhất tâm đứng với trí Nhất thiết mà tu bốn Niệm xứ cho đến tu mười tám pháp Bất cộng, vì pháp không, nên cũng không thể nắm giữ. Đó gọi là Đại Bồ-tát ngồi xe Đại thừa.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát nghĩ rằng Bồ-tát chỉ có tên gọi vì chúng sinh không thể nắm giữ. Đó gọi là Đại Bồ-tát ngồi xe Đại thừa.

Đại Bồ-tát lại nghĩ rằng từ sắc cho đến thức, từ nhãn đến ý, từ sắc đến pháp, nhãn giới cho đến ý thức giới đều chỉ có tên gọi, vì đều không thể nắm giữ. Lại nghĩ rằng bốn Niệm xứ cho đến tám

phần Thánh đạo, nội không, vô pháp hữu pháp không cho đến mười tám pháp Bất cộng đều chỉ có tên gọi vì đều không thật có. Lại nghĩ rằng pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp vị, thật tế đều chỉ có danh tự vì đều không thật có. Lại nghĩ rằng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và Phật chỉ có tên gọi vì không thật có. Đó gọi là Đại Bồ-tát ngồi xe Đại thừa.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Từ khi bắt đầu phát tâm, Đại Bồ-tát có đủ thần thông để thành tựu chúng sinh, từ một cõi nước này đến một cõi nước khác, Đại Bồ-tát cúng dường, kính trọng, khen ngợi chư Phật, nghe chư Phật dạy pháp Đại thừa. Đó gọi là Đại Bồ-tát ngồi xe Đại thừa.

Đại Bồ-tát từ một cõi Phật này đến một cõi Phật khác để thanh tịnh cõi nước, thành tựu chúng sinh, hoàn toàn không có tưởng về cõi Phật, cũng không nghĩ về chúng sinh. Bồ-tát này an trụ trong pháp không hai, vì chúng sinh mà thọ thân, tùy chỗ đáng được độ mà tự hiện thân để nói pháp, giáo hóa chúng sinh. Như vậy cho đến Nhất thiết chủng trí vẫn không rời Đại thừa. Đó gọi là Đại Bồ-tát ngồi xe Đại thừa.

Ngồi xe Đại thừa này, Đại Bồ-tát được Nhất thiết chủng trí chuyển pháp luân mà Thanh văn, Bích-chi-phật và trời, rồng, tám bộ chúng cho đến tất cả người trong thế gian không thể xoay được. Bảy giờ, chư Phật mười phương đều vui mừng nêu lên danh hiệu để khen ngợi rằng phương đó, cõi nước đó có Đại Bồ-tát ngồi xe Đại thừa được Nhất thiết chủng trí chuyển pháp luân.

Đó gọi là Đại Bồ-tát ngồi xe Đại thừa.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 5

Phẩm 17: TRANG NGHIÊM

Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Đức Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Đại trang nghiêm của Đại Bồ-tát, thế nào là đại trang nghiêm? Bồ-tát nào có khả năng đại trang nghiêm?

Phật dạy:

– Này Tu-bồ-đề! Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát có công năng đại trang nghiêm. Chính là trang nghiêm bằng Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật. Trang nghiêm bằng bốn Niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo. Trang nghiêm bằng nội không cho đến vô pháp hữu pháp không. Trang nghiêm bằng mười Lực cho đến pháp Bất cộng và Nhất thiết chủng trí.

Trang nghiêm bằng cách biến hóa thân như Phật, ánh sáng chiếu khắp tam thiên đại thiên thế giới, cũng chiếu khắp hằng sa cõi nước ở phương Đông; phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên dưới cũng chiếu như vậy. Làm rung chuyển tam thiên đại thiên thế giới, cũng rung chuyển hằng sa cõi nước ở phương Đông; phương Nam, Tây, Bắc, bốn góc, trên dưới cũng rung chuyển như vậy.

Bồ-tát này an trụ trong Đại thừa Bồ thí ba-la-mật để đại trang nghiêm thì tam thiên đại thiên thế giới này biến thành cõi lưu ly. Bồ-tát này hóa thành Chuyển luân thánh vương, chúng sinh cần dùng thứ gì thì đều cung cấp đầy đủ thứ ấy, cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần mặc cho y phục, cần chỗ ở cho phòng nhà, giường nệm, cần ánh sáng cho đèn đuốc, cần lành bệnh cho thuốc men, cần trang điểm cho chuỗi ngọc, châu báu, cùng các thứ hoa hương, cấp cho rồi lại nói pháp cho nghe, giúp họ tu hành pháp Đại thừa. Chúng sinh nghe xong, chẳng bao giờ rời sáu pháp Ba-la-mật

cho đến thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như thế, này Tu-bồ-đề! Đó gọi là Đại Bồ-tát đại trang nghiêm bằng Đại thừa.

Này Tu-bồ-đề! Ví như nhà ảo thuật giỏi hoặc học trò của ông ta, ở ngã tư đường hóa ra đại chúng, rồi đối với người cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cho đến tất cả nhu cầu đều cung cấp đầy đủ. Tu-bồ-đề ý ông nghĩ sao? Đối với nhà ảo thuật này thật có đại chúng được cung cấp cho chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không thật có!

–Này Tu-bồ-đề! Cũng giống như vậy, Đại Bồ-tát hóa thành Chuyển luân thánh vương cung cấp nhu cầu đầy đủ cho tất cả chúng sinh, mặc dầu có thực hành mà thật không hề cho. Vì sao? Vì tướng của pháp như hư huyễn.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ Trì giới ba-la-mật hiện thân sinh vào nhà Chuyển luân thánh vương, dùng mười điều lành giáo hóa chúng sinh. Có vị dùng bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng để giáo hóa chúng sinh. Chúng sinh nghe pháp tin hiểu, thọ trì mãi đến thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không bao giờ lia pháp ấy.

Ví như nhà ảo thuật hoặc học trò của ông ta, ở ngã tư đường hóa ra đại chúng rồi đem pháp mười điều lành giáo hóa khiến thực hành; cũng dùng bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng để giáo hóa khiến thực hành. Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao? Có chúng sinh thật được nhà ảo thuật giáo hóa khiến thực hành mười điều lành, cho đến mười tám pháp Bất cộng chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không thật có!

–Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát giáo hóa chúng sinh thực hành mười điều lành cho đến mười tám pháp Bất cộng, nhưng thật không có chúng sinh thực hành mười điều lành, cho đến pháp Bất cộng. Vì sao? Vì tướng của pháp là hư huyễn.

Này Tu-bồ-đề! Đó gọi là đại trang nghiêm của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ Nhẫn nhục ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh, làm cho họ thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ Nhẫn nhục ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh khiến họ thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật như thế nào?

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến nay đã đại trang nghiêm như thế này: Dầu bị tất cả chúng sinh mắng nhiếc, dùng dao gậy làm thương tổn, Đại Bồ-tát đối với việc ấy vẫn không khởi lên một niệm tức giận và cũng dạy tất cả chúng sinh thực hành nhẫn nhục này. Ví như nhà ảo thuật hoặc học trò ông ta ở ngã tư đường hóa hiện ra đại chúng rồi dạy thực hành nhẫn nhục, như trên đã nói.

Này Tu-bồ-đề! Đó gọi là đại trang nghiêm của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ Tinh tấn ba-la-mật, giáo hóa tất cả chúng sinh dạy họ thực hành Tinh tấn ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ Tinh tấn ba-la-mật, giáo hóa tất cả chúng sinh khiến họ thực hành Tinh tấn ba-la-mật như thế nào?

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tương ứng với tâm của Nhất thiết trí, thân tâm tinh tấn, giáo hóa chúng sinh. Ví như nhà ảo thuật hoặc học trò ông ta ở ngã tư đường hóa ra đại chúng rồi dạy họ thân tâm tinh tấn, như trên đã nói.

Này Tu-bồ-đề! Đó gọi là đại trang nghiêm của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ Thiền định ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh khiến họ thực hành Thiền định ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ Thiền định ba-la-mật, giáo hóa tất cả chúng sinh khiến họ thực hành Thiền định ba-la-mật như thế nào?

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ trong các pháp, chẳng thấy có loạn, chẳng thấy có định, giáo hóa tất cả chúng sinh khiến cho thực hành Thiền định ba-la-mật, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng bao giờ rời Thiền định ba-la-mật. Ví như nhà ảo thuật hoặc học trò ông ta ở ngã tư đường hóa ra đại chúng, rồi giáo hóa khiến họ thực hành Thiền định ba-la-mật, như trên đã nói.

Này Tu-bồ-đề! Đó gọi là đại trang nghiêm của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ Bát-nhã ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh khiến họ thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ Bát-nhã ba-la-mật, giáo hóa tất cả chúng sinh khiến thực hành Bát-nhã ba-la-mật như thế nào?

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, không có pháp được bỏ này bỏ kia. Như thế, Đại Bồ-tát trụ trong Bát-nhã ba-la-mật giáo hóa tất cả chúng sinh thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Ví như nhà ảo thuật hoặc học trò ông ta ở ngã tư đường hóa ra đại chúng, rồi giáo hóa khiến thực hành Bát-nhã ba-la-mật, như trên đã nói.

Này Tu-bồ-đề! Đó gọi là đại trang nghiêm của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đại trang nghiêm tùy theo chúng sinh đáng được độ trong hàng sa cỗi nước khắp mười phương, Đại Bồ-tát tự biến thân hình, an trụ vào Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, cũng giáo hóa chúng sinh thực hành Bồ thí ba-la-mật, cho đến Bát-nhã ba-la-mật. Chúng sinh vâng hành pháp này cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng bao giờ rời pháp này. Này Tu-bồ-đề, ví như nhà ảo thuật hoặc học trò ông ta ở ngã tư đường hóa ra đại chúng, rồi giáo hóa khiến họ thực hành sáu pháp Ba-la-mật, như trên đã nói.

Như thế, này Tu-bồ-đề! Đó gọi là đại trang nghiêm của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đại trang nghiêm đúng với tâm của Nhất thiết trí, chẳng nghĩ rằng: “Tôi giáo hóa từng ấy người này an trụ Bồ thí ba-la-mật mà chẳng dạy từng ấy người kia an trụ Bồ thí ba-la-mật; cho đến Bát-nhã ba-la-mật cũng giống như thế.”

Cũng chẳng nghĩ rằng: “Tôi dạy từng ấy người này an trụ bốn Niệm xứ mà chẳng dạy từng ấy người kia an trụ bốn Niệm xứ; cho đến mười tám pháp Bát cộng cũng lại như thế.”

Cũng chẳng nghĩ rằng: “Tôi dạy từng ấy người này khiến cho họ được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Nhất thiết chủng trí mà chẳng dạy từng ấy người kia chứng được quả Tu-đà-hoàn cho đến Nhất thiết chủng trí.”

Đại Bồ-tát đúng với tâm của Nhất thiết trí, nghĩ rằng: “Tôi sẽ làm cho vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ chúng sinh an trụ Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật. Ta sẽ an lập tất cả chúng sinh nơi bốn Niệm xứ, cho đến mười tám pháp Bát cộng. Ta sẽ làm cho tất cả chúng sinh được quả Tu-đà-hoàn cho đến Nhất thiết chủng trí. Ví như nhà ảo thuật hoặc học trò ông ta ở ngã tư đường hóa ra đại chúng, rồi giáo hóa khiến thực hành sáu pháp Ba-la-mật, cho đến đạt được Nhất thiết chủng trí, như trên đã nói.

Này Tu-bồ-đề! Đó gọi là đại trang nghiêm của Đại Bồ-tát.

Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Theo ý nghĩa mà con được nghe Đức Phật dạy, thì Đại Bồ-tát không đại trang nghiêm là đại trang nghiêm. Vì tự tướng các pháp là rỗng không.

Nghĩa là tự tướng của sắc rỗng không, cho đến tự tướng của thức là rỗng không, tự tướng của nhãn rỗng không, cho đến tự tướng của ý là rỗng không, tự tướng của sắc rỗng không, cho đến tự tướng của pháp là rỗng không, tự tướng của nhãn thức rỗng không, cho đến tự tướng của ý thức là rỗng không, tự tướng của nhãn xúc rỗng không, cho đến tự tướng của ý xúc là rỗng không, tự tướng của các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra rỗng không, cho đến tự tướng của các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là rỗng không, tự tướng của Bồ thí ba-la-mật, cho đến Bát-nhã ba-la-mật rỗng không, tự tướng của nội không cho đến vô pháp hữu pháp không là rỗng không, tự tướng bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bát cộng là rỗng không, tự tướng Bồ-tát cũng rỗng không.

Do đó mà biết rằng Đại Bồ-tát không đại trang nghiêm là đại trang nghiêm.

Phật dạy:

– Phải lắm, đúng như lời ông nói. Này Tu-bồ-đề, trí Nhất thiết chẳng phải là tác pháp, chúng sinh cũng chẳng phải tác pháp. Đại Bồ-tát vì chúng sinh này mà đại trang nghiêm.

Vì sao? Vì tác giả không thật có.

Này Tu-bồ-đề! Trí Nhất thiết chẳng phải pháp được làm ra, sinh ra, chúng sinh này cũng chẳng phải là pháp được làm ra, sinh ra.

Vì sao? Vì sắc chẳng phải làm ra, chẳng phải chẳng làm ra, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải làm ra, chẳng phải chẳng làm ra, cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải làm ra, chẳng phải chẳng làm ra; ngã, nhân cho đến người biết, người thấy chẳng phải làm ra chẳng phải chẳng làm ra.

Vì sao? Vì các pháp rốt ráo không thật có.

Này Tu-bồ-đề! Mộng chẳng phải làm ra, chẳng phải chẳng làm ra, vì hoàn toàn không thật có.

Này Tu-bồ-đề! Nội không cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng phải làm ra, chẳng phải chẳng làm ra, vì hoàn toàn không thật có. Bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng chẳng phải làm ra, chẳng phải chẳng làm ra, vì hoàn toàn không thật có.

Này Tu-bồ-đề! Pháp như, pháp tướng pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế chẳng phải làm ra, chẳng phải chẳng làm ra, vì hoàn toàn không thật có. Bồ-tát chẳng phải làm ra, chẳng phải chẳng làm ra, vì hoàn toàn không thật có. Nhất thiết trí và Nhất thiết chủng trí chẳng phải làm ra, chẳng phải chẳng làm ra, vì hoàn toàn không thật có.

Này Tu-bồ-đề! Do duyên cơ này nên trí Nhất thiết chẳng phải pháp được làm ra, sinh ra, chúng sinh này cũng chẳng phải pháp được làm ra sinh ra. Đại Bồ-tát vì chúng sinh này mà đại trang nghiêm.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như con quán sát nghĩa của Đức Phật nói thì sắc không trói, không mở; thọ, tưởng, hành, thức không trói, không mở.

Phú-lâu-na hỏi Tu-bồ-đề:

–Thế nào là sắc không trói, không mở; thế nào là thọ, tưởng, hành, thức không trói, không mở?

Tu-bồ-đề nói:

–Sắc như mộng và thọ, tưởng, hành, thức như mộng, không trói, không mở. Sắc như hình bóng, như tiếng vang, như ảo ảnh, như sóng nắng, như biến hóa, cũng vậy thọ, tưởng, hành, thức như hình

bóng, như tiếng vang, như ảo ảnh, như sóng nắng, như biến hóa không trói, không mở.

Này Phú-lâu-na! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức ở quá khứ không trói, không mở. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức ở vị lai không trói, không mở. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức ở hiện tại không trói, không mở.

Vì sao không trói, không mở?

Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức này là không thật có nên không trói, không mở.

Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức này là xa lìa, là vắng lặng, là bất sinh nên không trói, không mở.

Này Phú-lâu-na! Thiện, bất thiện và vô ký, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không trói, không mở.

Thế gian, xuất thế gian, hữu lậu, vô lậu, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng không trói, không mở.

Vì sao? Vì không thật có, là xa lìa, là vắng lặng, là bất sinh nên không trói, không mở.

Tất cả pháp cũng không trói, không mở. Vì sao? Vì không thật có, là xa lìa, là vắng lặng, là bất sinh nên không trói, không mở.

Này Phú-lâu-na! Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật không trói, không mở. Vì không thật có, là xa lìa, là vắng lặng, là bất sinh nên không trói, không mở.

Này Phú-lâu-na! Nội không đến vô pháp hữu pháp không, bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trí Nhất thiết, Nhất thiết chủng trí, Bồ-tát và Phật cũng đều không trói, không mở. Vì không thật có, là xa lìa, là vắng lặng, là bất sinh nên không trói, không mở.

Này Phú-lâu-na! Pháp như, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, pháp vô vi cũng đều không trói, không mở. Vì không thật có, là xa lìa, là vắng lặng, là không sinh nên không trói, không mở.

Này Phú-lâu-na! Đó gọi là Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát không trói, không mở, bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết chủng trí không trói, không mở.

Đại Bồ-tát an trụ trong sáu pháp Ba-la-mật không trí, không mở, cho đến an trụ trong Nhất thiết chủng trí không trí, không mở, để thực hành không trí, không mở, thành tựu chúng sinh, không trí, không mở thanh tịnh cõi Phật, không trí, không mở, cúng dường chư Phật, không trí, không mở, nghe chánh pháp, không trí, không mở chẳng bao giờ rời chư Phật, không trí, không mở chẳng bao giờ rời các thần thông, không trí, không mở chẳng bao giờ rời năm loại mắt, không trí, không mở, chẳng bao giờ rời các môn Đà-la-ni, không trí, không mở, chẳng bao giờ rời các môn Tam-muội, không trí, không mở sẽ sinh Đạo chủng trí, không trí, không mở, sẽ được Nhất thiết chủng trí, không trí, không mở, chuyển pháp luân, không trí, không mở, an lập chúng sinh trong ba thừa.

Này Phú-lâu-na! Đại Bồ-tát thực hành không trí, không mở sáu pháp Ba-la-mật, phải biết tất cả pháp đều không trí, không mở, vì không thật có, là xa lìa, là vắng lặng, là bất sinh nên không trí, không mở.

Này Phú-lâu-na! Đó gọi là Đại Bồ-tát không trí, không mở đại trang nghiêm.

M

Phẩm 18: HỎI VỀ THỪA

Tu-bồ-đề bạch Đức Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại thừa của Bồ-tát? Thế nào sẽ biết Đại Bồ-tát hướng về Đại thừa? Thừa ấy phát từ đâu? Thừa ấy đến chỗ nào? Sẽ an trụ chỗ nào? Ai sẽ ngồi thừa ấy để ra?

Phật dạy:

– Này Tu-bồ-đề! Sáu pháp Ba-la-mật là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Đây là sáu pháp Ba-la-mật: Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật và Bát-nhã ba-la-mật.

Thế nào gọi là Bố thí ba-la-mật?

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát dùng tâm đúng với trí Nhất thiết để bố thí các sở hữu trong thân ngoài thân, cùng tất cả chúng sinh hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì dụng không thật có. Đó gọi là Bố thí ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Thế nào gọi là Trì giới ba-la-mật?

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát dùng tâm đúng với trí Nhất thiết, để tự thực hành mười nghiệp lành và cũng dạy người khác thực hành, vì không thật có. Đó gọi là Trì giới ba-la-mật của Bồ-tát.

Thế nào gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật?

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát dùng tâm đúng với trí Nhất thiết, tự đầy đủ nhẫn nhục và cũng dạy người khác thực hành nhẫn nhục, vì không thật có. Đó gọi là Nhẫn nhục ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Thế nào gọi là Tinh tấn ba-la-mật?

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát dùng tâm đúng với trí Nhất thiết, thực hành năm pháp Ba-la-mật kia, siêng tu không dừng nghỉ, cũng an lập chúng sinh nơi năm pháp Ba-la-mật, vì không thật có. Đó gọi là Tinh tấn ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Thế nào gọi là Thiền định ba-la-mật?

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát dùng tâm đúng với trí Nhất thiết, tự dùng phương tiện nhập vào các thiền, chẳng thọ sinh theo thiền và cũng dạy người khác nhập các thiền, vì không thật có. Đó gọi là Thiền định ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Thế nào gọi là Bát-nhã ba-la-mật?

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát dùng tâm đúng với trí Nhất thiết, chẳng chấp đắm tất cả pháp và quán pháp tánh, vì không thật có. Cũng dạy người khác chẳng chấp đắm tất cả pháp và quán pháp tánh, vì không thật có. Đó gọi là Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Đây là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Đại Bồ-tát lại có Đại thừa, như nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, rốt ráo không, vô thủ không, tán không, tánh không, tự tướng không, các pháp không, bất khả đắc không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không.

Thế nào là nội không?

Nội pháp là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý. Xét về nhãn thì nhãn rỗng không, cho đến xét về ý thì ý rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì sao? Vì tánh tự như vậy, đó gọi là nội không.

Thế nào là ngoại không?

Ngoại pháp là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Xét về sắc thì sắc rỗng không, cho đến xét về pháp thì pháp rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì sao? Vì tánh tự như vậy, đó gọi là ngoại không.

Thế nào là nội ngoại không?

Pháp nội ngoại là mười hai nhập: Sáu nhập bên trong là sáu Căn và sáu nhập bên ngoài là sáu trần. Xét về nội pháp thì nội pháp rỗng không, xét về ngoại pháp thì ngoại pháp rỗng không, vì đều chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì sao? Vì tánh tự như vậy. Đó gọi là nội ngoại không.

Thế nào là không không?

Không là tất cả pháp rỗng không. Không này cũng là rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì sao? Vì tánh tự như vậy, đó gọi là không không.

Thế nào là Đại không?

Đại là nói mười phương. Xét về phương Đông thì phương Đông rỗng không, cho đến phương dưới thì phương dưới rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì sao? Vì tánh tự như vậy. Đó gọi là Đại không.

Thế nào là Đệ nhất nghĩa không?

Đệ nhất nghĩa là nói Niết-bàn. Xét về Niết-bàn thì Niết-bàn rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì sao? Vì tánh tự như vậy, đây là Đệ nhất nghĩa không.

Thế nào là hữu vi không?

Pháp hữu vi là nói ba cõi: cõi Dục, cõi Sắc và cõi Vô sắc. Xét về cõi Dục thì cõi Dục rỗng không, cõi Sắc thì cõi Sắc rỗng không, cõi Vô sắc thì cõi Vô sắc rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng

phải diệt. Vì sao? Vì tánh tự như vậy, đó gọi là hữu vi không.

Thế nào là vô vi không?

Pháp vô vi là không có tướng sinh, không có tướng trụ, không có tướng diệt. Xét về pháp vô vi thì pháp vô vi rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì sao? Vì tánh tự như vậy. Đó gọi là vô vi không.

Thế nào là rốt ráo không?

Rốt ráo là nói các pháp hoàn toàn không thật có, tức là rốt ráo rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì sao? Vì tánh tự như vậy, đó gọi là rốt ráo không.

Thế nào là vô thủ không?

Xét về chỗ khởi đầu của các pháp thì không thật có, do chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì sao? Vì tánh tự như vậy, đó gọi là vô thủ không.

Thế nào là tán không?

Tán là nói các pháp bất diệt. Bất diệt này cũng rỗng không, do chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì sao? Vì tánh tự như vậy, đó gọi là tán không.

Thế nào là tánh không?

Hoặc pháp tánh của hữu vi, hoặc pháp tánh của vô vi, tánh này chẳng phải Thanh văn, Bích-chi-phật làm ra, chẳng phải Phật làm ra, cũng chẳng phải người khác làm ra. Xét về tánh này thì tánh này rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì sao? Vì tánh tự như vậy, đó gọi là tánh không.

Thế nào là tự tướng không?

Nói theo tự tướng nói sắc là tướng hư hoại, thọ là tướng lãnh thọ, tưởng là tướng chấp, hành là tướng tạo tác, thức là tướng biết. Tự tướng của các pháp hữu vi, pháp vô vi đều rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì sao? Vì tánh tự như vậy, đó gọi là tự tướng không.

Thế nào là các pháp không?

Các pháp là nói năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới. Xét về các pháp này thì các pháp này rỗng không, do chẳng phải thường,

chẳng phải diệt. Vì sao? Vì tánh tự như vậy, đó gọi là các pháp không.

Thế nào là chẳng thể nắm bắt không?

Tìm cầu các pháp chẳng thể nắm bắt này là chẳng thể nắm bắt không, do chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì sao? Vì tánh tự như vậy, đó gọi là không thật có không.

Thế nào là vô pháp không?

Nếu pháp không mà có thì cũng rỗng không, do chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì sao? Vì tánh tự như vậy, đó gọi là vô pháp không.

Thế nào là hữu pháp không?

Hữu pháp là nói trong các pháp hòa hợp có tự tánh tướng. Hữu pháp này rỗng không, do chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì sao? Vì tánh tự như vậy, đó gọi là hữu pháp không.

Thế nào là vô pháp hữu pháp không?

Vô pháp trong các pháp và hữu pháp trong các pháp đều rỗng không, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì sao? Vì tánh tự như vậy, đó gọi là vô pháp hữu pháp không.

Này Tu-bồ-đề! Lại có pháp pháp tướng không, vô pháp vô pháp tướng không, tự pháp tự pháp tướng không, tha pháp tha pháp tướng không.

Thế nào gọi là Pháp pháp tướng không?

Pháp ở đây là nói năm ấm. Năm ấm rỗng không, đó gọi là Pháp pháp tướng không.

Thế nào gọi là vô pháp vô pháp tướng không?

Vô pháp ở đây là nói pháp vô vi, đó gọi là vô pháp vô pháp tướng không.

Thế nào gọi là tự pháp tự pháp tướng không?

Xét về các pháp thì tự pháp rỗng không. Rỗng không này chẳng phải do biết cũng chẳng phải do thấy, đó gọi là tự pháp tự pháp tướng không.

Thế nào gọi là Tha pháp tha pháp tướng không?

Hoặc Phật ra đời hoặc Phật không ra đời, thì pháp trụ, pháp tướng, pháp vị, pháp tánh là như thật tế. Vượt quá các pháp không

này, đó gọi là tha pháp tha pháp tướng không.

Như trên gọi là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát, đó là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm, Tam-muội Bảo ấn, Tam-muội Sư tử du hý, Tam-muội Diệu nguyệt, Tam-muội Nguyệt tràng tướng, Tam-muội Xuất chư pháp, Tam-muội Quán đảnh, Tam-muội Tất pháp tánh, Tam-muội Tất tràng tướng, Tam-muội Kim cang, Tam-muội Nhập pháp ấn, Tam-muội Vương an lập Tam-muội, Tam-muội Phóng quang, Tam-muội Lực tấn, Tam-muội Cao xuất, Tam-muội Tất nhập biện tài, Tam-muội Thích danh tự, Tam-muội Quán phương, Tam-muội Đà-la-ni, Tam-muội Vô cuống, Tam-muội Nhiếp chư pháp hải, Tam-muội Biến phú hư không, Tam-muội Kim cang luân, Tam-muội Bảo đoạn, Tam-muội Năng chiếu, Tam-muội Bất cầu, Tam-muội Vô trụ, Tam-muội Vô tâm, Tam-muội Tịnh đặng, Tam-muội Vô biên minh, Tam-muội Năng tác minh, Tam-muội Phổ chiếu minh, Tam-muội Kiên tịnh chư Tam-muội, Tam-muội Vô cấu minh, Tam-muội Hoan hỷ, Tam-muội Điển quang, Tam-muội Vô tận, Tam-muội Oai đức, Tam-muội Ly tận, Tam-muội Bất động, Tam-muội Bất thoái, Tam-muội Nhật đặng, Tam-muội Nguyệt tịnh, Tam-muội Tịnh minh, Tam-muội Năng tác minh, Tam-muội Tác hành, Tam-muội Tri tướng, Tam-muội Như kim cang, Tam-muội Tâm trụ, Tam-muội Phổ minh, Tam-muội An lập, Tam-muội Bảo tụ, Tam-muội Diệu pháp ấn, Tam-muội Pháp đặng, Tam-muội Đoạn hỷ, Tam-muội Đáo pháp đảnh, Tam-muội Năng tán, Tam-muội Phân biệt chư pháp cú, Tam-muội Tự đặng tướng, Tam-muội Ly tự, Tam-muội Đoạn duyên, Tam-muội Bất hoại, Tam-muội Vô Chủng tướng, Tam-muội Vô xứ hành, Tam-muội Ly môn muội, Tam-muội Vô khứ, Tam-muội Bất biến dị, Tam-muội Độ duyên, Tam-muội Tập chư công đức, Tam-muội Trụ vô tâm, Tam-muội Tịnh diệu hoa, Tam-muội Giác ý, Tam-muội Vô lượng biện, Tam-muội Vô đặng đặng, Tam-muội Độ chư pháp, Tam-muội Phân biệt chư pháp, Tam-muội Tán nghi, Tam-muội Vô xứ, Tam-muội Nhất trang nghiêm, Tam-muội Sinh hành, Tam-muội Nhất hành, Tam-muội Bất nhất hành, Tam-muội Diệu hành, Tam-muội Đạt nhất

thiết hữu để tán, Tam-muội Nhập danh ngữ, Tam-muội Ly âm thanh tự ngữ, Tam-muội Nhiên cự, Tam-muội Tịnh tướng, Tam-muội Phá tướng, Tam-muội Nhất thiết chủng diệu túc, Tam-muội Bất hỷ khổ lạc, Tam-muội Vô tận tướng, Tam-muội Đà-la-ni, Tam-muội Nhiếp chư tà chánh tướng, Tam-muội Diệt tắng ái, Tam-muội Nghịch thuận, Tam-muội Tịnh quang, Tam-muội Kiên cố, Tam-muội Mãn nguyệt tịnh quang, Tam-muội Đại trang nghiêm, Tam-muội Năng chiếu nhất thiết thế, Tam-muội Đẳng Tam-muội, Tam-muội Nhiếp nhất thiết hữu tránh vô tránh, Tam-muội Bất lạc nhất thiết trụ xứ, Tam-muội Như trụ định, Tam-muội Hoại thân suy, Tam-muội Hoại ngữ như hư không, Tam-muội Ly trước như hư không bất nhiễm.

Thế nào là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm?

Biết chỗ hành của các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Thủ-lăng-nghiêm.

Thế nào là Tam-muội Bảo ấn?

An trụ trong Tam-muội này thì có khả năng ấn chứng các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Bảo ấn.

Thế nào là Tam-muội Sư tử du hý?

An trụ trong Tam-muội này thì có khả năng đi khắp trong các Tam-muội như sư tử, đó gọi là Tam-muội Sư tử du hý.

Thế nào là Tam-muội Diệu nguyệt?

An trụ trong Tam-muội này thì có khả năng soi sáng các Tam-muội như mặt trăng sáng, đó gọi là Tam-muội Diệu nguyệt.

Thế nào là Tam-muội Nguyệt tràng tướng?

An trụ trong Tam-muội này thì có khả năng nắm giữ tướng của các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Nguyệt tràng tướng.

Thế nào là Tam-muội Xuất chư pháp?

An trụ trong Tam-muội này thì có khả năng sinh ra các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Xuất chư pháp.

Thế nào là Tam-muội Quán đảnh?

An trụ trong Tam-muội này thì có khả năng xem thấy tột đỉnh của các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Quán đảnh.

Thế nào là Tam-muội Tất pháp tánh?

Vì an trụ trong Tam-muội này thì chắc chắn biết được pháp tánh, đó gọi là Tam-muội Tất pháp tánh.

Thế nào là Tam-muội Tất tràng tướng?

An trụ trong Tam-muội này thì có khả năng nắm giữ cờ báu của các Tam-muội.

Thế nào là Tam-muội Kim cang?

An trụ trong Tam-muội này thì có khả năng phá các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Kim cang.

Thế nào là Tam-muội Nhập pháp ấn?

An trụ trong Tam-muội này thì nhập vào các pháp ấn, đó gọi là Tam-muội Nhập pháp ấn.

Thế nào là Tam-muội Vương an lập Tam-muội?

An trụ trong Tam-muội này thì an trụ vững vàng trong tất cả Tam-muội như bậc Đế vương, đó gọi là Tam-muội Vương an lập Tam-muội.

Thế nào là Tam-muội Phóng quang?

An trụ trong Tam-muội này thì có khả năng phát ra ánh sáng chiếu soi các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Phóng quang.

Thế nào là Tam-muội Lực tấn?

An trụ trong Tam-muội này thì có thể lực đối với các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Lực tấn.

Thế nào là Tam-muội Cao xuất?

An trụ trong Tam-muội này thì có công năng nuôi lớn các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Cao xuất.

Thế nào là Tam-muội Tất nhập biện tài?

An trụ trong Tam-muội này thì có khả năng biện thuyết các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Tất nhập biện tài.

Thế nào là Tam-muội Thích danh tự?

An trụ trong Tam-muội này thì có khả năng giải thích danh tự các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Thích danh tự.

Thế nào là Tam-muội Quán phương?

An trụ trong Tam-muội này thì có khả năng quán sát phương hướng các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Quán phương.

Thế nào là Tam-muội Đà-la-ni ấn?

An trụ trong Tam-muội này thì có khả năng nắm giữ các Tam-muội ấn, đó gọi là Tam-muội Đà-la-ni ấn.

Thế nào là Tam-muội Không đối trá?

An trụ trong Tam-muội này thì không đối trá đối với các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội không đối trá.

Thế nào là Tam-muội Nhiếp chư pháp hải?

An trụ trong Tam-muội này thì có khả năng gom lấy các Tam-muội nhiều như số giọt nước biển, đó gọi là Tam-muội Nhiếp các pháp hải.

Thế nào là Tam-muội Biến phú hư không?

An trụ trong Tam-muội này thì bao trùm các Tam-muội như hư không, đó gọi là Tam-muội Biến phú hư không.

Thế nào là Tam-muội Kim cang luân?

An trụ trong Tam-muội này thì có khả năng nắm giữ các phần Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Kim cang luân.

Thế nào là Tam-muội Bảo đoạn?

An trụ trong Tam-muội này thì có khả năng dứt trừ cấu bần phiền não của các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Bảo đoạn.

Thế nào là Tam-muội Năng chiếu?

An trụ trong Tam-muội này thì có khả năng dùng ánh sáng soi rõ các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Năng chiếu.

Thế nào là Tam-muội Bất cầu?

An trụ trong Tam-muội này thì không có pháp để cầu, đó gọi là Tam-muội Bất cầu.

Thế nào là Tam-muội Vô trụ?

An trụ trong Tam-muội này thì chẳng thấy tất cả pháp trụ, đó gọi là Tam-muội Vô trụ.

Thế nào là Tam-muội Vô tâm?

An trụ trong Tam-muội này thì tâm và tâm sở chẳng hiện hành, đó gọi là Tam-muội Vô tâm.

Thế nào là Tam-muội Tịnh đấng?

An trụ trong Tam-muội này thì đối với các Tam-muội chiếu sáng như đèn, đó gọi là Tam-muội Tịnh đấng.

Thế nào là Tam-muội Vô biên minh?

An trụ trong Tam-muội này thì làm ánh sáng vô biên cho các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Vô biên minh.

Thế nào là Tam-muội Năng tác minh?

An trụ trong Tam-muội này thì liền có khả năng làm sáng cho các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Năng tác minh.

Thế nào là Tam-muội Phổ chiếu minh?

An trụ trong Tam-muội này thì có khả năng chiếu soi các môn Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Phổ chiếu minh.

Thế nào là Tam-muội Kiên tịnh chư Tam-muội?

An trụ trong Tam-muội này thì có khả năng làm cho tướng của các Tam-muội bền chắc trong sạch, đó gọi là Tam-muội Kiên tịnh chư Tam-muội.

Thế nào là Tam-muội Vô cấu minh?

An trụ trong Tam-muội này thì có khả năng trừ cấu nhơ của các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Vô cấu minh.

Thế nào là Tam-muội Hoan hỷ?

An trụ trong Tam-muội này thì lãnh thọ sự vui mừng của các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Hoan hỷ.

Thế nào là Tam-muội Điện quang?

An trụ trong Tam-muội này thì chiếu suốt các Tam-muội Như ánh điện, đó gọi là Tam-muội Điện quang.

Thế nào là Tam-muội Vô tận?

An trụ trong Tam-muội này thì đối với các Tam-muội chẳng thấy cùng tận, đó gọi là Tam-muội Vô tận.

Thế nào là Tam-muội Oai đức?

An trụ trong Tam-muội này thì có oai đức chiếu rõ các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Oai đức.

Thế nào là Tam-muội Ly tận?

An trụ trong Tam-muội này thì chẳng thấy các Tam-muội cùng tận, đó gọi là Tam-muội Ly tận.

Thế nào là Tam-muội Bất động?

An trụ trong Tam-muội này thì làm cho các Tam-muội chẳng động, chẳng lay, đó gọi là Tam-muội Bất động.

Thế nào là Tam-muội Bất thoái?

An trụ trong Tam-muội này thì sẽ chẳng bị lui mất các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Bất thoái.

Thế nào là Tam-muội Nhật đăng?

An trụ trong Tam-muội này thì phát ra ánh sáng chiếu soi các Tam-muội môn, đó gọi là Tam-muội Nhật đăng.

Thế nào là Tam-muội Nguyệt tịnh?

An trụ trong Tam-muội này thì dứt trừ sự tối tăm của các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Nguyệt tịnh.

Thế nào là Tam-muội Tịnh minh?

An trụ trong Tam-muội này, đối với các Tam-muội được bốn Trí vô ngại, đó gọi là Tam-muội Tịnh minh.

Thế nào là Tam-muội Năng tác minh?

An trụ trong Tam-muội này thì đối với các môn Tam-muội có khả năng làm sáng tỏ, đó gọi là Tam-muội Năng tác minh.

Thế nào là Tam-muội Tác hành?

An trụ trong Tam-muội này thì làm cho các Tam-muội có sự tạo tác, đó gọi là Tam-muội Tác hành.

Thế nào là Tam-muội Tri tướng?

An trụ trong Tam-muội này khi thấy các Tam-muội liền biết tướng của các Tam-muội ấy, đó gọi là Tam-muội Tri tướng.

Thế nào là Tam-muội Như kim cang?

An trụ trong Tam-muội này thì có khả năng quán sát thấu suốt các pháp, nhưng chẳng thấy có thấu suốt, đó gọi là Tam-muội Như kim cang.

Thế nào là Tam-muội Tâm trụ?

An trụ trong Tam-muội này thì tâm chẳng động, chẳng chuyển,

chẳng nào, cũng chẳng nghĩ rằng mình có tâm này, đó gọi là Tam-muội Tâm trụ.

Thế nào là Tam-muội Phổ minh?

An trụ trong Tam-muội này thì thấy hết ánh sáng của các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Phổ minh.

Thế nào là Tam-muội An lập?

An trụ trong Tam-muội này thì đối với các Tam-muội an lập chẳng động, đó gọi là Tam-muội An lập.

Thế nào là Tam-muội Bảo tụ?

An trụ trong Tam-muội này thì thấy khắp các Tam-muội như thấy đồng châu báu, đó gọi là Tam-muội Bảo tụ.

Thế nào là Tam-muội Diệu pháp ấn?

An trụ trong Tam-muội này thì ấn chứng được các Tam-muội, vì dùng vô ấn để ấn, đó gọi là Tam-muội Diệu pháp ấn.

Thế nào là Tam-muội Pháp đẳng?

An trụ trong Tam-muội này thì quán sát các pháp bình đẳng, không pháp nào chẳng bình đẳng, đó gọi là Tam-muội Pháp đẳng.

Thế nào là Tam-muội Đoạn hỷ?

An trụ trong Tam-muội này thì dứt sự vui mừng đối với tất cả pháp, đó gọi là Tam-muội Đoạn hỷ.

Thế nào là Tam-muội Đáo pháp đánh?

An trụ trong Tam-muội này thì diệt các pháp tối tăm, cũng ở trên các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Đáo pháp đánh.

Thế nào là Tam-muội Năng tán?

An trụ trong Tam-muội này thì có công năng phá tan các pháp, đó gọi là Tam-muội Năng tán.

Thế nào là Tam-muội Phân biệt chư pháp cú?

An trụ trong Tam-muội này thì phân biệt các câu pháp của các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Phân biệt chư pháp cú.

Thế nào là Tam-muội Tự đẳng tướng?

An trụ trong Tam-muội này thì được chữ bình đẳng của các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Tự đẳng tướng.

Thế nào là Tam-muội Ly tự?

An trụ trong Tam-muội này thì đối với các Tam-muội dù một chữ cũng không thấy, đó gọi là Tam-muội Ly tự.

Thế nào là Tam-muội Đoạn duyên?

An trụ trong Tam-muội này thì dứt duyên đối với các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Đoạn duyên.

Thế nào là Tam-muội Bất hoại?

An trụ trong Tam-muội này thì chẳng thấy các pháp thay đổi, đó gọi là Tam-muội Bất hoại.

Thế nào là Tam-muội Vô chủng tướng?

An trụ trong Tam-muội này thì chẳng thấy các pháp có nhiều loại, đó gọi là Tam-muội Vô chủng tướng.

Thế nào là Tam-muội Vô xứ hành?

An trụ trong Tam-muội này thì chẳng thấy sự hoạt động của các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Vô xứ hành.

Thế nào là Tam-muội Ly mộng muội?

An trụ trong Tam-muội này thì lìa bỏ sự tối tăm sâu kín của các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Ly mộng muội.

Thế nào là Tam-muội Vô khứ?

An trụ trong Tam-muội này thì chẳng thấy tướng đi của tất cả Tam-muội, đâu gọi là Tam-muội Vô khứ.

Thế nào là Tam-muội Bất biến dị?

An trụ trong Tam-muội này thì chẳng thấy tướng thay đổi của các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Bất biến dị.

Thế nào là Tam-muội Độ duyên?

An trụ trong Tam-muội này thì vượt qua cảnh giới duyên khởi của các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Độ duyên.

Thế nào là Tam-muội Tập chư công đức?

An trụ trong Tam-muội này thì chứa nhóm công đức của các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Tập chư công đức.

Thế nào là Tam-muội Trụ vô tâm?

An trụ trong Tam-muội này thì đối với các Tam-muội, tâm

không bị xâm nhập, đó gọi là Tam-muội Trụ vô tâm.

Thế nào là Tam-muội Tịnh diệu hoa?

An trụ trong Tam-muội này thì làm cho các Tam-muội được như hoa xinh đẹp thơm tho, đó gọi là Tam-muội Tịnh diệu hoa.

Thế nào là Tam-muội Giác ý?

An trụ trong Tam-muội này thì được bảy Giác phần trong các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Giác ý.

Thế nào là Tam-muội Vô lượng biện?

An trụ trong Tam-muội này thì đối với các pháp được tài biện luận vô lượng, đó gọi là Tam-muội Vô lượng biện.

Thế nào là Tam-muội Vô đẳng đẳng?

An trụ trong Tam-muội này thì được tướng không gì sánh bằng đối với các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Vô đẳng đẳng.

Thế nào là Tam-muội Độ các pháp?

An trụ trong Tam-muội này thì vượt qua ba cõi, đó gọi là Tam-muội Độ các pháp.

Thế nào là Tam-muội Phân biệt các pháp?

An trụ trong Tam-muội này thì phân biệt thấy các Tam-muội và các pháp, đó gọi là Tam-muội Phân biệt các pháp.

Thế nào là Tam-muội Tấn nghi?

An trụ trong Tam-muội này thì làm tiêu tan sự nghi ngờ đối với các pháp, đó gọi là Tam-muội Tấn nghi.

Thế nào là Tam-muội Vô trụ xứ?

An trụ trong Tam-muội này thì chẳng thấy chỗ trụ của các pháp, đó gọi là Tam-muội Vô trụ xứ.

Thế nào là Tam-muội Nhất trang nghiêm?

An trụ trong Tam-muội này thì hoàn toàn chẳng thấy các pháp có hai tướng, đó gọi là Tam-muội Nhất trang nghiêm.

Thế nào là Tam-muội Sinh hành?

An trụ trong Tam-muội này thì chẳng thấy các hành sinh khởi, đó gọi là Tam-muội Sinh hành.

Thế nào là Tam-muội Nhất hành?

An trụ trong Tam-muội này thì chẳng thấy các Tam-muội ở bờ này, bờ kia, đó gọi là Tam-muội Nhất hành.

Thế nào là Tam-muội Bất nhất hành?

An trụ trong Tam-muội này thì chẳng thấy các Tam-muội là một tướng, đó gọi là Tam-muội Bất nhất hành.

Thế nào là Tam-muội Diệu hành?

An trụ trong Tam-muội này thì chẳng thấy các Tam-muội là hai tướng, đó gọi là Tam-muội Diệu hành.

Thế nào là Tam-muội Đạt nhất thiết hữu để tán?

An trụ trong Tam-muội này thì nhập vào tất cả cõi, tất cả Tam-muội, trí tuệ thông đạt cũng không có sự thông đạt, đó gọi là Tam-muội Đạt nhất thiết hữu để tán.

Thế nào là Tam-muội Nhập danh ngữ?

An trụ trong Tam-muội này thì nhập vào tên gọi của tất cả Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Nhập danh ngữ.

Thế nào là Tam-muội Ly âm thanh tự ngữ?

An trụ trong Tam-muội này thì chẳng thấy âm thanh, văn tự, ngôn ngữ của các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Ly âm thanh tự ngữ.

Thế nào là Tam-muội Nhiên cự?

An trụ trong Tam-muội này thì oai đức chiếu sáng như ngọn đuốc, đó gọi là Tam-muội Nhiên cự.

Thế nào là Tam-muội Tịnh tướng?

An trụ trong Tam-muội này thì dứt sạch tướng các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Tịnh tướng.

Thế nào là Tam-muội Phá tướng?

An trụ trong Tam-muội này thì chẳng thấy tướng của các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Phá tướng.

Thế nào là Tam-muội Nhất thiết chủng diệu túc?

An trụ trong Tam-muội này thì tất cả các thứ Tam-muội đều đầy đủ, đó gọi là Tam-muội Nhất thiết chủng diệu túc.

Thế nào là Tam-muội Bất hỷ khổ lạc?

An trụ trong Tam-muội này thì chẳng thấy các Tam-muội khổ

lạc, đó gọi là Tam-muội Bất hỷ khổ lạc.

Thế nào là Tam-muội Vô tận tướng?

An trụ trong Tam-muội này thì chẳng thấy các Tam-muội có tận cùng, đó gọi là Tam-muội Vô tận tướng.

Thế nào là Tam-muội Đà-la-ni?

An trụ trong Tam-muội này thì có khả năng giữ gìn các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Đà-la-ni.

Thế nào là Tam-muội Nhiếp chư tà chánh tướng?

An trụ trong Tam-muội này thì đối với các Tam-muội chẳng thấy tướng tà chánh, đó gọi là Tam-muội Nhiếp chư tà chánh tướng.

Thế nào là Tam-muội Diệt tắng ái?

An trụ trong Tam-muội này thì không thấy sự ưa ghét của các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Diệt tắng ái.

Thế nào là Tam-muội Nghịch thuận?

An trụ trong Tam-muội này thì chẳng thấy sự nghịch thuận của các pháp, của các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Nghịch thuận.

Thế nào là Tam-muội Tịnh quang?

An trụ trong Tam-muội này thì chẳng thấy sự cấu nhơ của ánh sang của các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Tịnh quang.

Thế nào là Tam-muội Kiên cố?

An trụ trong Tam-muội này thì chẳng thấy các Tam-muội chẳng vững chắc, đó gọi là Tam-muội Kiên cố.

Thế nào là Tam-muội Mãn nguyệt tịnh quang?

An trụ trong Tam-muội này thì các Tam-muội viên mãn như mặt trăng đêm rằm, đó gọi là Tam-muội Mãn nguyệt tịnh quang.

Thế nào là Tam-muội Đại trang nghiêm?

An trụ trong Tam-muội này thì đại trang nghiêm thành tựu các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Đại trang nghiêm.

Thế nào là Tam-muội Năng chiếu nhất thiết thế?

An trụ trong Tam-muội này thì có công năng soi chiếu các Tam-muội và tất cả pháp, đó gọi là Tam-muội Năng chiếu nhất thiết thế.

Thế nào là Tam-muội Tam-muội đấng?

An trụ trong Tam-muội này thì đối với các Tam-muội chẳng thấy tướng định, tướng loạn, đó gọi là Tam-muội Tam-muội đấng.

Thế nào là Tam-muội Nhiếp nhất thiết hữu tránh vô tránh?

An trụ trong Tam-muội này làm cho các Tam-muội chẳng phân biệt có kia đây, không kia đây, đó gọi là Tam-muội Nhiếp nhất thiết hữu tránh vô tránh.

Thế nào là Tam-muội Bất lạc nhất thiết trụ xứ?

An trụ trong Tam-muội này thì chẳng thấy chỗ nương tựa của các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Bất lạc nhất thiết trụ xứ.

Thế nào là Tam-muội Như trụ định?

An trụ trong Tam-muội này thì chẳng vượt quá tướng như của các Tam-muội, đó gọi là Tam-muội Như trụ định.

Thế nào là Tam-muội Hoại thân suy?

An trụ trong Tam-muội này thì chẳng thấy thân tướng, đó gọi là Tam-muội Hoại thân suy.

Thế nào là Tam-muội Hoại ngữ như hư không?

An trụ trong Tam-muội này thì chẳng thấy ngữ nghiệp của các Tam-muội như hư không, đó gọi là Tam-muội Hoại ngữ như hư không.

Thế nào là Tam-muội Ly trước như hư không bất nhiễm?

An trụ trong Tam-muội này thì thấy các Tam-muội Như hư không vô ngại, cũng chẳng nhiễm Tam-muội này, đó gọi là Tam-muội Ly trước như hư không bất nhiễm.

Này Tu-bồ-đề! Đó gọi là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Phẩm 19: QUẢNG THỪA

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại thừa của Đại Bồ-tát chính là bốn Niệm xứ, bốn Niệm xứ gồm:

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đối với bên trong thân, quán sát thân mình, cũng không có thân giác, vì không thật có. Đối với bên ngoài thân, quán sát thân mình, cũng không có thân giác, vì không thật có. Đối với trong và ngoài thân, quán sát thân mình, cũng không có thân giác, vì không thật có. Đại Bồ-tát quán thân, siêng năng tinh tấn nhất tâm dứt trừ sự tham ưu của thế gian.

Đối với thọ, tâm, pháp bên trong; thọ, tâm, pháp bên ngoài, thọ, tâm, pháp cả trong lẫn ngoài, Đại Bồ-tát đều theo thọ, tâm, pháp quán sát, cũng không có thọ giác, tâm giác, pháp giác, vì không thật có, siêng tinh tấn nhất tâm trừ sự tham ưu của thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Đại Bồ-tát đối với bên trong thân quán sát thân mình?

Lúc Đại Bồ-tát đi thì biết là đi, lúc đứng thì biết là đứng, lúc ngồi thì biết là ngồi, lúc nằm thì biết là nằm. Thân hành động thế nào thì biết đúng như vậy. Đây là đối với bên trong thân, Đại Bồ-tát quán sát thân mình, siêng năng tinh tấn, nhất tâm dứt trừ sự tham ưu của thế gian, vì không thật có.

Đại Bồ-tát lúc đến, lúc đi, lúc nhìn ngó, co duỗi, cúi ngửa, lúc đắp y, ôm bát, lúc ăn uống, lúc nằm nghỉ, ngủ, thức, ngồi, đứng, nói, nín, lúc nhập thiền, xuất tịnh cũng thường nhất tâm. Đây là đối với bên trong thân, Đại Bồ-tát quán sát thân mình lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, vì không thật có.

Lúc quán sát thân mình đối với bên trong thân, Đại Bồ-tát nhất tâm niệm, lúc thở vào biết là thở vào, lúc thở ra biết là thở ra, lúc thở vào dài thì biết là thở vào dài, lúc thở ra dài thì biết là thở ra dài, lúc thở vào ngắn thì biết là thở vào ngắn, lúc thở ra ngắn thì biết là thở ra ngắn. Đây là bên trong thân Đại Bồ-tát quán sát thân

mình, siêng năng tinh tấn nhất tâm dứt trừ sự tham ưu của thế gian, vì không thật có.

Đại Bồ-tát quán sát thân bốn đại nghĩ rằng trong thân thể có địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại.

Ví như người giết mổ dùng dao bén giết bò, chia làm bốn phần, rồi đứng hoặc ngồi, quán sát bốn phần thịt bò này.

Cũng giống như vậy, Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật quán sát thân thể bốn đại: địa đại, thủy đại, hỏa đại, phong đại. Đây là bên trong thân, Đại Bồ-tát quán sát thân mình, vì không thật có.

Đại Bồ-tát lại quán sát thân thể từ đỉnh đầu đến chân, da mỏng bao bọc, nhiều thứ bất tịnh đầy đầy trong thân, nghĩ rằng thân thể có tóc, lông, móng, răng, da mỏng, da dày, gân, thịt, xương, tủy, tim, gan, phổi, tỳ, cật, mật, ruột non, ruột già, dạ dày, bàng quang, phân, đãi, mồ hôi, cáu ghét, nước mắt, nước mũi, nước miếng, máu, mủ, đàm nhớt, não óc.

Ví như trong kho của người làm ruộng chứa lẫn lộn đầy các thứ lúa, nếp, mè, đậu, bắp. Người có mắt sáng mở kho liền thấy rõ là lúa, là nếp, là mè, là đậu, là bắp.

Đại Bồ-tát quán sát trong thân từ đầu đến chân thấy rõ từng chi tiết bất tịnh, siêng năng tinh tấn, nhất tâm dứt trừ sự tham ưu của thế gian, vì không thật có.

Đại Bồ-tát nếu thấy thân người chết đã trải qua một ngày, hai ngày đến năm ngày, xanh ứ sinh tương, máu nước rỉ chảy, tự nghĩ rằng thân ta đây rồi cũng sẽ như vậy, chẳng thể thoát khỏi như thế ấy. Đây là Đại Bồ-tát bên trong thân, quán sát thân mình, siêng năng tinh tấn nhất tâm dứt trừ sự tham ưu của thế gian, vì không thật có.

Đại Bồ-tát nếu thấy thân người chết bị vất bỏ đã sáu ngày, bảy ngày, bị chồn, chó, sói, quạ, kên kên xé ăn, tự nghĩ rằng thân ta rồi cũng sẽ như vậy, chẳng thể thoát khỏi thế. Đây là Đại Bồ-tát đối với bên trong thân, quán sát thân mình, siêng năng tinh tấn nhất tâm dứt trừ sự tham ưu của thế gian, vì không thật có vậy.

Đại Bồ-tát nếu thấy thân người chết bị vất bỏ, cầm thú xé ăn,

vung vãi hôi thối bất tịnh, tự nghĩ rằng thân ta rồi cũng sẽ như vậy, chẳng thể thoát khỏi như thế.

Nếu thấy thân người chết bị vất bỏ, da thịt đã tan, lộ bày gân xương rành rọt nhau, Đại Bồ-tát tự nghĩ rằng thân ta rồi cũng sẽ như vậy, chẳng thể thoát khỏi như thế.

Nếu thấy thân người chết bị vất bỏ, xương cốt rã rời trên đất, Đại Bồ-tát tự nghĩ rằng thân ta rồi cũng giống như vậy, chẳng thể thoát khỏi như thế.

Nếu thấy thân người chết bị vất bỏ, xương cốt vung vãi dưới đất, xương chân chỗ này, xương đầu chỗ nọ, mỗi lóng, mỗi đốt đều khác chỗ, Đại Bồ-tát tự nghĩ rằng thân ta rồi cũng sẽ như vậy, chẳng thể thoát khỏi như thế.

Nếu thấy xương khô bị bỏ lâu ngày, gió thổi, nắng chiếu, màu trắng như vỏ ốc, Đại Bồ-tát tự nghĩ rằng thân ta rồi cũng sẽ như vậy, chẳng thể thoát khỏi như thế.

Nếu thấy xương khô bị bỏ dưới đất lâu ngày mục rã nát bấy lẫn lộn với đất, Đại Bồ-tát tự nghĩ rằng thân ta rồi cũng sẽ như vậy, chẳng thể thoát khỏi như thế. Thân Đại Bồ-tát quán sát thân mình bên trong thân siêng năng tinh tấn nhất dứt tâm trừ sự tham ưu của thế gian, vì không thật có.

Như quán sát bên trong thân, đối với bên ngoài thân và bên trong lẫn ngoài thân, cũng quán sát thân mình như vậy.

Cũng phải y theo như trên đây mà giảng giải chi tiết về Thọ niệm xứ, Tâm niệm xứ và Pháp niệm xứ.

Đây gọi là Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.

Này Tu-bồ-đề! Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát, chính là bốn Chánh cần, bốn Chánh cần gồm:

1. Đại Bồ-tát đối với những pháp ác bất thiện chưa phát sinh, vì làm cho pháp ác chẳng sinh nên muốn có tâm siêng năng tinh tấn mà nhất tâm hành đạo.

2. Đối với pháp ác bất thiện đã phát sinh, vì muốn dứt trừ nên muốn có tâm siêng năng tinh tấn mà nhất tâm hành đạo.

3. Đối với pháp thiện chưa phát sinh, vì muốn phát sinh nên

muốn có tâm siêng năng tinh tấn mà nhiếp tâm hành đạo.

4. Đối với pháp lành đã phát sinh, vì làm cho còn mãi để tu tập được đầy đủ rộng lớn nên muốn có tâm siêng năng tinh tấn mà thu nhiếp tâm để hành đạo, vì không thật có.

Đây gọi là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát, đó là bốn phần Như ý, bốn phần Như ý gồm:

1. Đại Bồ-tát vì sự mong muốn quyết định hạnh thành tựu mà tu phần Như ý.

2. Vì sự nhất tâm quyết định hạnh thành tựu mà tu phần Như ý.

3. Vì sự tinh tấn quyết định hạnh thành tựu mà tu phần Như ý.

4. Vì sự tư duy quyết định hạnh thành tựu mà tu phần Như ý.

Đây là Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.

Này Tu-bồ-đề! Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát, đó là năm Căn, năm Căn gồm:

Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn. Đây là Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.

Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát, đó là năm Lực, năm Lực gồm có.

Tín lực, tinh tấn lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, đây là Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.

Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát, đó là bảy Giác phần, bảy Giác phần gồm: Đại Bồ-tát tu phần giác Niệm, phần giác, phần giác Tinh tấn, phần giác Hỷ, phần giác Trừ, phần giác Định, phần giác Xả, nương vào sự xa lìa, nơi không nhiễm, hướng đến Niết-bàn. Đó gọi là Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.

Lại có tám phần Thánh đạo là Đại thừa của Đại Bồ-tát, tám phần Thánh đạo đó gồm: Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định. Đó gọi là Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.

Lại có ba môn Tam-muội là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Ba môn Tam-muội là: Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng và Tam-muội Vô tác.

Tam-muội không là nói các pháp tự tướng rỗng không, đó gọi là giải thoát môn Không.

Tam-muội Vô tướng là nói diệt hoại các pháp tướng, không nghĩ, không nhớ, đó gọi là giải thoát môn Vô tướng.

Tam-muội Vô tác là nói đối với các pháp không mong cầu tạo tác, đó gọi là giải thoát môn Vô tác.

Ba môn này là Đại thừa của Đại Bồ-tát vì không thật có.

Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát, chính là Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí, Tận trí, Vô sinh trí, Pháp trí, Tỷ trí, Thế trí, Tha tâm trí và Như thật trí.

Thế nào là Khổ trí? Biết khổ chẳng sinh, đó gọi là Khổ trí.

Thế nào là Tập trí? Biết tập phải dứt, đó gọi là Tập trí.

Thế nào là Diệt trí? Biết khổ diệt, đó gọi là Diệt trí.

Thế nào là Đạo trí? Biết tám phần Thánh đạo, đó gọi là Đạo trí.

Thế nào là Tận trí? Biết tham, sân, si diệt tận, đó gọi là Tận trí.

Thế nào là Vô sinh trí? Biết không còn sinh trong các cõi hữu lậu, đó gọi là Vô sinh trí.

Thế nào là Pháp trí? Biết căn bản của năm ấm, đó gọi là Pháp trí.

Thế nào là Tỷ trí? Biết nhân vô thường cho đến biết các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là vô thường, đó gọi là Tỷ trí.

Thế nào là Thế trí? Biết nhân duyên danh tự, đó gọi là Thế trí.

Thế nào là Tha tâm trí? Biết tâm niệm của các chúng sinh khác, đó gọi là Tha tâm trí.

Thế nào là Như thật trí? Biết Nhất thiết chủng trí của chư Phật, đó gọi là Như thật trí.

Mười một trí này là Đại thừa của Đại Bồ-tát vì không thật có.

Lại có ba căn là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Ba căn ấy gồm: Căn vị tri dục tri, Căn tri và Căn trí giả.

1. Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn và Tuệ căn, năm Căn của hàng Hữu học chưa đắc quả, đó gọi là Căn vị tri dục tri.

2. Năm Căn của hàng Hữu học đã đăc quả, đó gọi là Tri căn.

3. Năm Căn của bậc Vô học, hoặc A-la-hán, Bích-chi-phật, hoặc chư Phật, đó gọi là Căn trí giả.

Ba căn này là Đại thừa của Đại Bồ-tát vì không thật có.

Lại có ba Tam-muội là Đại thừa của Đại Bồ-tát. Ba Tam-muội ấy gồm: Tam-muội Hữu giác hữu quán, Tam-muội Vô giác hữu quán và Tam-muội Vô giác vô quán.

1. Rời những dục nhiễm và rời các pháp ác bất thiện có giác, có quán, rời dục nhiễm phát sinh hỷ lạc nhập vào Thiền thứ nhất, đó gọi là Tam-muội hữu giác hữu quán.

2. Chặng giữa của Thiền thứ nhất và Thiền thứ hai, đó gọi là Tam-muội Vô giác hữu quán.

3. Từ Thiền thứ hai đến Phi hữu tướng phi vô tướng định, đó gọi là Tam-muội Vô giác vô quán.

Ba Tam-muội này là Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.

Lại có mười niệm là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Mười niệm ấy là: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm thiên, niệm thiện, niệm hơi thở ra vào, niệm thân và niệm chết.

Mười chánh niệm này là Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.

Lại có bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn định Vô sắc, tám Bội xả và chín Định thứ đệ là Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.

Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát, đó là mười Lực.

Mười Lực ấy là:

1. Phật biết như thật các tướng chỗ đúng, chỗ không đúng của tất cả pháp.

2. Phật biết như thật những nghiệp, những pháp lãnh thọ của chúng sinh khác, biết chỗ tạo nghiệp, biết nhân duyên, biết quả báo của chúng sinh khác.

3. Phật biết như thật các tướng cấu tịnh khác nhau của các

thiền giải thoát, các Tam-muội và các định.

4. Phật biết như thật các tướng căn tánh thượng, hạ của chúng sinh khác.

5. Phật biết như thật các thứ dục giải của chúng sinh khác.

6. Phật biết như thật vô số tánh loại khác nhau của thế gian.

7. Phật thấy biết như thật chỗ đến của tất cả đạo hạnh.

8. Phật như thật biết túc mạng của mình và của chúng sinh khác từ một đời đến vô lượng đời trong vô lượng kiếp có tướng như vậy, có nhân duyên như vậy.

9. Phật có Thiên nhãn thanh tịnh hơn các vị trời, biết như thật chúng sinh chết đây sinh kia, hoặc đường lành hoặc đường ác.

10. Phật biết như thật các lậu hết nên tâm vô lậu giải thoát, tuệ vô lậu giải thoát, trong pháp hiện tại tự chứng biết nhập vào pháp ấy, nghĩa là chúng biết như thật ta đã hết sinh tử, đã thành phạm hạnh, từ đời này chẳng còn thấy có đời sau nữa.

Mười Trí lực này là Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.

Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát, đó là bốn Vô sở úy, bốn Vô sở ý gồm:

1. Phật nói lời thành thật rằng ta là Bạc Nhất Thiết Chánh Trí. Đối với những điều như thật gạn hỏi về các pháp của tất cả đại chúng, Phật tự thấy không có mảy may e sợ. Vì thế nên Phật rất được an ổn, được vô sở úy, an trụ, ngôi Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng sư tử rống, chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả hàng Sa-môn, Bà-la-môn, Thiên vương, Phạm vương, Ma vương, cùng chúng sinh khác đều không thể xoay được, đây là vô sở úy thứ nhất.

2. Phật nói lời thành thật rằng ta là bậc mà tất cả lậu đã dứt trừ sạch hết. Đối với lời gạn hỏi như thật về dứt trừ phiền não hữu lậu của tất cả đại chúng, Phật tự thấy không có mảy may e sợ. Vì thế nên Phật rất được an ổn, được vô sở úy, an trụ trên ngôi Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng như sư tử rống chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả trời, người và chúng sinh khác không xoay được. Đây là vô sở úy thứ hai.

3. Phật nói lời thành thật rằng đây là những pháp chương ngại chánh đạo giải thoát. Đối với những lời gạn hỏi như thật về pháp chương đạo này của tất cả đại chúng, Phật tự thấy không có mảy may e sợ. Vì thế nên Phật rất được an ổn, được vô sở úy, an trụ bậc Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng như sư tử rống chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả trời, người và cùng chúng sinh khác đều không chuyển được. Đây là vô sở úy thứ ba.

4. Phật nói lời thành thật rằng các Thánh đạo mà ta đã dạy chắc chắn giúp ra khỏi thế gian, theo đây thực hành thì sẽ hết khổ. Đối với những lời gạn hỏi như thật về Thánh đạo này của tất cả đại chúng, Phật tự thấy không có mảy may e sợ. Vì thế nên Phật rất được an ổn, được vô sở úy, an trụ bậc Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng như sư tử rống chuyển pháp luân thanh tịnh mà tất cả trời, người và chúng sinh khác đều không xoay được. Đây là vô sở úy thứ tư.

Bốn Vô sở úy này là Đại thừa của Đại Bồ-tát vì không thật có.

Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát, đó là bốn Trí vô ngại.

Bốn trí ấy là: Trí Pháp vô ngại, trí Nghĩa vô ngại, trí Từ vô ngại và trí Nhạo thuyết vô ngại. Đây là Đại thừa của Đại Bồ-tát vì không thật có.

Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát đó là mười tám pháp Bất cộng, mười tám pháp ấy gồm:

1. Thân chư Phật không lỗi.
2. Miệng chư Phật không lỗi.
3. Ý niệm của chư Phật không lỗi.
4. Chư Phật không có dị tướng.
5. Chư Phật không có tâm bất định.
6. Chư Phật không có tâm chẳng biết nên xả.
7. Nguyện dục không diệt.
8. Tinh tấn không diệt.
9. Chánh niệm không diệt.
10. Tuệ không diệt.
11. Giải thoát không diệt.
12. Giải thoát tri kiến không diệt.

13. Tất cả thân nghiệp của Phật đều thực hành theo trí tuệ.
14. Tất cả khẩu nghiệp đều thực hành theo trí tuệ.
15. Tất cả ý nghiệp đều thực hành theo trí tuệ.
16. Trí tuệ của Phật thấy biết quá khứ không ngại, không chướng.
17. Trí tuệ thấy biết thuở vị lai không ngại, không chướng.
18. Trí tuệ thấy biết hiện tại không ngại, không chướng.
- Đây là Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.
- Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát, đó là các chữ nhập môn của các văn tự, các ngôn ngữ.
- Các chữ nhập môn của các văn tự, ngôn ngữ ấy là:
- Môn chữ A, vì tất cả pháp từ đầu vốn là không sinh.
- Môn chữ La, vì tất cả pháp lia cấu.
- Môn chữ Ba, vì tất cả pháp Đệ nhất nghĩa vậy.
- Môn chữ Giá, tất cả pháp hoàn toàn không thật có, vì tất cả pháp bất diệt, bất sinh.
- Môn chữ Na, vì tất cả pháp lia danh tướng không được, không mất.
- Môn chữ Lã, vì tất cả pháp thoát khỏi thế gian, cũng là vì nhân duyên thuộc chi ái đã dứt diệt.
- Môn chữ Đà, vì tất cả pháp tâm thiện phát sinh, cũng là tướng xả thí.
- Môn chữ Bà, vì các pháp bà tự rời lia.
- Môn chữ Đồ vì các pháp đồ tự thanh tịnh.
- Môn chữ Sa, vì các pháp tánh tự tại thanh tịnh.
- Môn chữ Hòa, vì nhập vào các pháp, dứt bật ngữ ngôn.
- Môn chữ Đa, vì nhập vào các pháp, như tướng bất động.
- Môn chữ Dạ, vì nhập vào các pháp, như thật bất sinh.
- Môn chữ Tra, vì nhập vào các pháp, chiết phục không thật có.
- Môn chữ Ca, vì nhập vào các pháp, tác giả không thật có.
- Môn chữ Ta, vì nhập vào các pháp, thời gian không thật có, vì các pháp thời gian lay chuyển.

Môn chữ Ma, vì nhập vào các pháp, ngã sở không thật có.
 Môn chữ Già, vì nhập vào các pháp, các khứ khác không thật có.
 Môn chữ Tha, vì nhập vào các pháp, nơi chốn không thật có.
 Môn chữ Xà, vì nhập vào các pháp, sinh không thật có.
 Môn chữ Bả, vì nhập vào các pháp, chữ Bả không thật có.
 Môn chữ Đà, vì nhập vào các pháp, tánh không thật có.
 Môn chữ Xa, vì nhập vào các pháp, định không thật có.
 Môn chữ Khư, vì nhập vào các pháp, hư không không thật có.
 Môn chữ Xoa, vì nhập vào các pháp, diệt tận không thật có.
 Môn chữ Đá, vì nhập vào các pháp, hữu không thật có.
 Môn chữ Nhã, vì nhập vào các pháp, trí không thật có
 Môn chữ Tha, vì nhập vào các pháp, tha tự không thật có.
 Môn chữ Bà, vì nhập vào các pháp, phá hoại không thật có.
 Môn chữ Xa, vì nhập vào các pháp, dục không thật có, năm ấm
 như ảnh cũng không thật có.

Môn chữ Ma, vì nhập vào các pháp, chữ ma không thật có.
 Môn chữ Hỏa, vì nhập vào các pháp, kêu gọi không thật có.
 Môn chữ Ta, vì nhập vào các pháp, ta tự không thật có.
 Môn chữ Noa, vì nhập vào các pháp, chẳng đến, chẳng đi,
 chẳng đứng, chẳng ngồi, chẳng nằm.

Môn chữ Phả, vì nhập vào các pháp, bờ mé không thật có.
 Môn chữ Ca, vì nhập vào các pháp, chữ Ca không thật có.
 Môn chữ Sai, vì nhập vào các pháp, chữ Sai không thật có.
 Môn chữ Già, vì nhập vào các pháp hiện hành không thật có.
 Môn chữ Tra, vì nhập vào các pháp, cong vạy không thật có.
 Môn chữ Đồ, vì nhập vào các pháp, chỗ cùng tốt bến bờ nên
 chẳng diệt, chẳng sinh.

Ngoài chữ Đồ thì không còn chữ nào có thể giảng nói. Vì sao?
 Vì không còn có chữ. Những chữ vô ngại, vô danh, cũng diệt, chẳng
 nói được, chẳng chỉ được, chẳng thấy được, chẳng biên chép được.

Nay Tu-bồ-đề! Phải biết tất cả pháp như hư không. Đó gọi là
 Đà-la-ni môn, chính là nghĩa chữ A.

Nếu Đại Bồ-tát, đối với các tự môn ấn, A tự ấn này, hoặc nghe, hoặc thọ, hoặc đọc, hoặc tụng, hoặc trì, hoặc giảng nói cho người khác nghe thì biết rằng sẽ được hai mươi công đức. Hai mươi công đức ấy gồm:

1. Được nhớ dai.
2. Biết hổ thẹn.
3. Được tâm kiên cố.
4. Được chỉ thú của kinh.
5. Được trí tuệ.
6. Được lạc thuyết vô ngại.
7. Dễ được những môn Đà-la-ni khác.
8. Được tâm không nghi ngờ hối hận.
9. Được nghe lành chẳng mừng, nghe dữ chẳng giận.
10. Được chẳng cao, chẳng thấp, an trụ tâm không thêm, không bớt.
11. Được khéo léo, biết lời nói của chúng sinh.
12. Được phân biệt hoàn toàn về năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới, mười hai nhân duyên, bốn duyên và bốn đế.
13. Phân biệt hoàn toàn về các căn tánh lợi độn của chúng sinh.
14. Khéo biết tâm niệm của người khác.
15. Khéo phân biệt ngày, tháng, năm, mùa.
16. Khéo phân biệt Thiên nhĩ thông.
17. Khéo phân biệt Túc mạng thông.
18. Khéo phân biệt sinh tử thông.
19. Khéo giảng nói nơi đúng, nơi sai.
20. Khéo biết oai nghi qua, lại, ngồi, đứng của thân.

Các môn Đà-la-ni, môn tự, môn chữ A này gọi là pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát, vì không thật có.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 6

Phẩm 20: HUỐNG ĐẾN

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Ông hỏi thế nào là Đại Bồ-tát hướng đến Đại thừa?

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, từ một địa này đến một địa khác, đó gọi là Đại Bồ-tát hướng đến Đại thừa.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát từ một địa này đến một địa khác?

Phật dạy:

– Đại Bồ-tát biết tất cả pháp không có tướng đến và đi, cũng không có pháp hoặc đến đi, hoặc đến, chẳng đến, vì các pháp tướng bất diệt.

Đại Bồ-tát đối với các địa chẳng nghĩ nhớ, chẳng tư duy mà tu tập trị địa nghiệp, cũng chẳng thấy địa.

Thế nào là Trị địa nghiệp?

Lúc an trụ Sơ địa, Đại Bồ-tát thực hành mười việc:

1. Thâm tâm kiên cố, vì dụng không thật có.
2. Đối với tất cả chúng sinh tâm bình đẳng, vì chúng sinh không thật có.
3. Bố thí cho người, vì thọ giả không thật có.
4. Gần gũi Thiện tri thức, cũng chẳng tự cao.
5. Cầu pháp, vì tất cả pháp không thật có.
6. Thường xuất gia, vì gia không thật có.
7. Ưa thích thân Phật, vì tướng tốt không thật có.

8. Giảng nói giáo pháp xuất thế, vì phân biệt các pháp không thật có.

9. Phá kiêu mạn, vì pháp sinh tuệ không thật có.

10. Thật ngữ, vì các ngữ ngôn không thật có.

Trên đây là mười việc trị địa nghiệp mà Đại Bồ-tát an trụ ở Địa thứ nhất tu tập.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ trong bậc Địa thứ hai thường nhớ tám pháp, tám pháp đó là:

1. Giới thanh tịnh.
2. Biết ân và báo ân.
3. An trụ trong năng lực nhẫn nhục.
4. Được vui mừng.
5. Chẳng rời bỏ tất cả chúng sinh.
6. Nhập tâm đại Bi.
7. Kính tin và thưa hỏi thầy.
8. Cần cầu các môn Ba-la-mật.

Đây là Đại Bồ-tát an trụ trong Địa thứ hai đầy đủ tám pháp.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ trong Địa thứ ba thực hành năm pháp, năm pháp gồm:

1. Học vấn nhiều nhưng không tự mãn.
2. Thanh tịnh pháp thí cũng chẳng tự cao.
3. Thanh tịnh cả Phật cũng chẳng tự cao.
4. Chịu đựng vô lượng sự đau khổ thế gian mà vẫn chẳng nhàm chán.

5. An trụ trong hổ thẹn.

Đây là năm pháp mà Đại Bồ-tát an trụ trong bậc Địa thứ ba phải đầy đủ.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ trong Địa thứ tư phải lãnh thọ thực hành chẳng bỏ mười pháp. Mười pháp ấy là:

1. Chẳng bỏ chỗ A-lan-nhã.
2. Ít muốn.
3. Biết đủ.

4. Chẳng bỏ công đức Đầu-đà.
5. Chẳng bỏ giới.
6. Quở trách chán ghét các dục nhiễm.
7. Nhàm lìa tâm thế gian, thuận theo tâm Niết-bàn.
8. Xả bỏ tất cả những gì mình có.
9. Tâm chẳng dính mắc nặng nề.
10. Chẳng tiếc tất cả vật.

Đây là mười pháp mà Đại Bồ-tát an trụ trong Địa thứ tư chẳng bỏ.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ trong Địa thứ năm xa lìa mười hai pháp, mười hai pháp ấy là:

1. Xa lìa sự gần gũi người tại gia.
2. Xa lìa Tỳ-kheo-ni.
3. Xa lìa sự tham tiếc nhà người khác.
4. Xa lìa việc nói suông vô ích.
5. Lìa bỏ sự giận hờn.
6. Lìa bỏ sự tự tôn tự đại.
7. Không khinh miệt người khác.
8. Xa lìa mười nghiệp bất thiện.
9. Không gặp đại nạn.
10. Lìa bỏ tự dụng.
11. Xa lìa điên đảo.
12. Dứt bỏ tham, sân, si.

Đây là mười hai điều mà Đại Bồ-tát an trụ trong Địa thứ năm phải xa lìa.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ trong Địa thứ sáu nên có đủ sáu pháp, chính là sáu pháp Ba-la-mật.

Địa thứ sáu lại có sáu pháp chẳng nên làm, sáu pháp ấy là:

1. Chẳng sinh tâm Thanh văn, Bích-chi-phật.
2. Chẳng có ý lo ngại khi bố thí.
3. Bị đòi hỏi cầu xin, không có tâm trốn tránh.
4. Những vật mình có đều đem bố thí.

5. Sau khi bố thí, không có ý hối tiếc.

6. Chẳng nghi ngờ pháp thâm diệu.

Đây là sáu pháp phải đầy đủ và sáu pháp phải xa lìa của Đại Bồ-tát an trụ trong Địa thứ sáu, hai mươi pháp ấy là:

1. Không chấp ngã.

2. Không chấp chúng sinh.

3. Không chấp thọ giả.

4. Không chấp số chúng sinh cho đến người biết, người thấy.

5. Không chấp đoạn kiến.

6. Không chấp thường kiến.

7. Không nên khởi tướng trạng.

8. Không nên khởi duyên kiến.

9. Không chấp danh sắc.

10. Không chấp năm ấm.

11. Không chấp mười hai nhập.

12. Không chấp mười tám giới.

13. Không chấp ba giới.

14. Không khởi tâm chấp trước.

15. Không khởi chỗ mong cầu.

16. Không khởi chỗ y chỉ.

17. Không chấp trước vào sự thấy biết là phải nương nơi Phật.

18. Không chấp trước vào sự thấy biết là phải nương nơi Pháp.

19. Không chấp trước vào sự thấy là phải nương nơi Tăng.

20. Không chấp trước vào sự thấy biết là phải nương nơi giới.

Đây là hai mươi điều chẳng nên chấp trước.

Lại có hai mươi pháp mà bậc trụ Địa thứ bảy phải đầy đủ, hai mươi pháp ấy là:

1. Đầy đủ không.

2. Chứng vô tướng.

3. Biết vô tác.

4. Ba phần thanh tịnh.

5. Đối với chúng sinh có trí Từ bi.

6. Chẳng nhớ tướng tất cả chúng sinh.
7. Bình đẳng quán tất cả pháp, ở đây cũng chẳng chấp trước.
8. Biết thật tướng các pháp, cũng chẳng niệm tưởng việc này.
9. Vô sinh pháp nhãn.
10. Vô sinh trí.
11. Không giảng nói các pháp là một tướng.
12. Pháp tướng phân biệt.
13. Chuyển đổi nhớ tưởng.
14. Chuyển đổi các kiến chấp.
15. Chuyển đổi phiên não.
16. Đồng định tuệ bằng nhau.
17. Điều phục ý.
18. Tâm vắng lặng.
19. Không có trí hạn hẹp.
20. Chẳng nhiễm ái.

Trên đây là hai mươi điều chẳng nên chấp trước và hai mươi điều mà bậc Đại Bồ-tát Địa thứ bảy phải đầy đủ.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ trong bát địa phải đầy đủ năm pháp, năm pháp ấy là:

1. Thuận nhập theo tâm chúng sinh.
2. Đạo chơi trong các thần thông.
3. Thấy các cõi Phật.
4. Tự trang nghiêm cõi nước mình như cõi Phật đã thấy.
5. Quán thân Phật như thật, tự trang nghiêm thân Phật.

Lại phải có đủ năm điều:

1. Biết các căn tánh thượng hạ.
2. Thanh tịnh cõi Phật.
3. Nhập Tam-muội như huyễn.
4. Thường nhập Tam-muội.
5. Tùy theo cội lành thích ứng với chúng sinh mà thọ thân.

Này Tu-bồ-đề! Đây là năm pháp và năm điều mà Đại Bồ-tát Địa thứ tám phải có đủ.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ ở Địa thứ chín phải có đủ mười hai pháp, mười hai pháp ấy là:

1. Nhận lấy vô biên thế giới thuộc phần mình hóa độ.
2. Bồ-tát được như chỗ nguyện cầu.
3. Biết tiếng nói của các Trời, Rồng, Càn-thát-bà để nói pháp cho họ nghe.
4. Thành tựu thai sinh.
5. Thành tựu nhà.
6. Thành tựu chỗ sinh.
7. Thành tựu họ.
8. Thành tựu quyển thuộc.
9. Thành tựu xuất sinh.
10. Thành tựu xuất gia.
11. Thành tựu trang nghiêm cây Bồ-đề.
12. Thành tựu tất cả các công đức lành.

Này Tu-bồ-đề! Đó là mười hai pháp mà vị Đại Bồ-tát Địa thứ chín phải có đủ.

Này Tu-bồ-đề! Phải biết bậc Đại Bồ-tát ở Địa thứ mười giống như Đức Phật.

Bấy giờ, Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là thâm tâm tri địa nghiệp của Đại Bồ-tát?

Phật dạy:

– Nếu Đại Bồ-tát tương ứng với tâm của Nhất thiết trí, chứa tích tất cả cội lành, đó gọi là Đại Bồ-tát thâm tâm tri địa nghiệp của Đại Bồ-tát.

Thế nào là Đại Bồ-tát khởi tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh?

Đức Phật dạy:

– Đại Bồ-tát tương ứng với tâm Nhất thiết trí, sinh khởi bốn Tâm vô lượng là Từ, Bi, Hỷ, Xả, đó gọi là tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh.

Thế nào là Đại Bồ-tát tu tập bố thí?

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát bố thí cho tất cả chúng sinh mà không phân biệt, đó gọi là tu bố thí.

Thế nào là Đại Bồ-tát gần gũi Thiện tri thức?

Đức Phật dạy:

–Nếu gần gũi học hỏi, cung kính cúng dường các bậc có khả năng giáo hóa người an trụ trong trí Nhất thiết, đó gần gũi Thiện tri thức.

Thế nào là Đại Bồ-tát có tâm cầu pháp?

Đức Phật dạy:

–Nếu Đại Bồ-tát tâm cầu pháp tương ứng với trí Nhất thiết không theo các Thanh văn, Bích-chi-phật, đó gọi là cầu pháp.

Thế nào là Đại Bồ-tát thường xuất gia trị địa nghiệp?

Đức Phật dạy:

–Nếu Đại Bồ-tát đời đời chẳng lìa tâm xuất gia, thường xuất gia trong Phật pháp không ai ngăn trở được, đó gọi là thường xuất gia trị địa nghiệp.

Thế nào là Đại Bồ-tát ưa thích thân tướng Phật tu trị địa nghiệp?

Đức Phật dạy:

–Nếu Đại Bồ-tát thấy thân tướng Phật, cho đến khi thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng bao giờ rời niệm Phật, đó gọi là ưa thích thân tướng Phật tu trị địa nghiệp.

Thế nào là Đại Bồ-tát giảng nói giáo pháp xuất thế tu trị địa nghiệp?

Đức Phật dạy:

–Nếu Đại Bồ-tát hoặc Phật hiện tại, hoặc Phật đã nhập diệt, nói pháp cho chúng sinh nghe, đầu, giữa, cuối đều lành, lời và nghĩa tuyệt hảo, thuần tịnh hoàn hảo, từ Tu-đa-la cho đến Ưu-ba-đề-xá. đó gọi là giảng nói giáo pháp xuất thế tu trị địa nghiệp.

Thế nào là Đại Bồ-tát phá trừ kiêu mạn tu trị địa nghiệp?

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát vì phá trừ kiêu mạn nên chẳng bao giờ thọ sinh

vào nhà thấp hèn. Đó gọi là phá trừ kiêu mạn tu trì địa nghiệp.

Thế nào là Đại Bồ-tát thật ngữ tu trì địa nghiệp?

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát đúng như lời mà thực hành, đó gọi là thật ngữ tu trì địa nghiệp.

Trên đây là mười sự tu trì địa nghiệp của Đại Bồ-tát an trụ trong bậc Địa thứ nhất mà tu hành.

Thế nào là Bồ-tát giữ giới thanh tịnh?

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát chẳng khởi tâm Thanh văn, Bích-chi-phật và những việc phá giới làm chướng ngại Phật đạo, đó gọi là giới thanh tịnh.

Thế nào là Bồ-tát biết ân, báo ân?

Nếu Đại Bồ-tát thực hành hạnh Bồ-tát, cho đến một chút ân nhỏ còn chẳng quên, huống chi là ân lớn, đó gọi là biết ân, báo ân.

Thế nào là Bồ-tát an trụ vào năng lực nhẫn nhục?

Nếu Đại Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh không giận hờn, không làm não hại, đó gọi là an trụ năng lực nhẫn nhục.

Thế nào là Bồ-tát được vui mừng?

Nghĩa là lấy sự giáo hóa thành tựu chúng sinh làm niềm vui, đó gọi là được vui mừng.

Thế nào là Bồ-tát chẳng bỏ tất cả chúng sinh?

Nếu Bồ-tát nghĩ nhớ muốn cứu giúp tất cả chúng sinh, đó gọi là chẳng bỏ tất cả chúng sinh.

Thế nào là Bồ-tát nhập vào tâm đại Bi?

Nếu Bồ-tát nghĩ rằng: “Ta từng vì chúng sinh mà chịu sự đau khổ trong địa ngục suốt hằng hà sa kiếp cho đến khi chúng sinh ấy thành Phật, nhập Niết-bàn.” Đó là vì tất cả chúng sinh mười phương mà chịu đựng sự khổ nhọc, nên gọi là nhập tâm đại Bi.

Thế nào là Bồ-tát tin tưởng, cung kính học hỏi với bậc Sư trưởng?

Nếu Bồ-tát đối với bậc Sư trưởng xem như Phật, đó gọi là tin tưởng cung kính học hỏi với bậc Sư trưởng.

Thế nào là Bồ-tát siêng cầu các Ba-la-mật?

Nếu Bồ-tát nhất tâm siêng năng cầu các môn Ba-la-mật mà không cầu việc khác, đó gọi là cần cầu các Ba-la-mật.

Trên đó gọi là tám pháp mà Đại Bồ-tát an trụ trong bậc Địa thứ hai phải có đủ.

Thế nào là Đại Bồ-tát học vấn nhiều nhưng không tự mãn?

Này Tu-bồ-đề! Hoặc ở thế giới này hay ở các thế giới trong mười phương có bao nhiêu chánh pháp của chư Phật giảng nói thì đều muốn được nghe nhớ thọ trì, đó gọi là học vấn nhiều mà không tự mãn.

Thế nào là pháp thí thanh tịnh của Bồ-tát?

Tất cả pháp thí, cho đến còn chẳng cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác huống là những việc khác, đó gọi là pháp thí chẳng cầu danh lợi.

Thế nào là Bồ-tát trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật?

Hồi hương tất cả căn lành làm thanh tịnh cõi Phật, đó gọi là trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật.

Thế nào là Bồ-tát chịu đựng vô lượng sự khổ nhọc thế gian mà chẳng nhàm chán?

Vì đầy đủ thiện căn nên có khả năng thành tựu chúng sinh, cũng trang nghiêm cõi Phật, cho đến đầy đủ Nhất thiết trí không bao giờ nhàm chán, đó gọi là chịu đựng vô lượng sự đau khổ mà chẳng nhàm chán.

Thế nào là Bồ-tát an trụ trong hổ thẹn?

Hổ thẹn với các Thanh văn, Bích-chi-phật, đó gọi là an trụ trong hổ thẹn.

Trên đây là Đại Bồ-tát an trụ bậc Địa thứ ba có đủ năm pháp.

Thế nào là Bồ-tát chẳng bỏ chỗ A-lan-nhã?

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát có khả năng cao hơn bậc Thanh văn, Bích-chi-phật, đó gọi là chẳng bỏ chỗ A-lan-nhã.

Thế nào là Bồ-tát ít muốn?

Vì niệm mong muốn đạt được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác còn không có, huống chi là những sự mong muốn khác, đó gọi là ít muốn.

Thế nào là Bồ-tát biết đủ?

Được Nhất thiết chủng trí, đó gọi là biết đủ.

Thế nào là Bồ-tát chẳng bỏ công đức Đâu-đà?

Quán sát các pháp nhãn sâu xa, đó gọi là chẳng bỏ công đức Đâu-đà.

Thế nào là Bồ-tát chẳng bỏ giới?

Chẳng chấp giới tương, đó gọi là chẳng bỏ giới.

Thế nào là Bồ-tát quả trách chán ghét các dục nhiễm?

Vì tâm dục chẳng phát sinh, đó gọi là quả trách chán ghét các dục nhiễm.

Thế nào là Bồ-tát nhàm chán tâm thế gian mà thuận theo tâm Niết-bàn?

Vì biết tất cả pháp chẳng tạo tác, đó gọi là nhàm chán tâm thế gian mà thuận theo tâm Niết-bàn.

Thế nào là Bồ-tát xả bỏ tất cả vật mình có?

Chẳng tiếc tất cả nội pháp, ngoại pháp, đó gọi là xả bỏ tất cả sở hữu.

Thế nào là Bồ-tát tâm chẳng dính mắc nặng nề?

Tâm chẳng sinh khởi ở hai thứ thức và xứ, đó gọi là tâm chẳng dính mắc nặng nề.

Thế nào là Bồ-tát chẳng tiếc tất cả vật?

Đối với tất cả vật chẳng chấp trước, chẳng nghĩ nhớ, đó gọi là chẳng tiếc tất cả vật.

Trên đây là mười pháp chẳng bỏ của Đại Bồ-tát an trụ ở bậc Địa thứ tư.

Thế nào là Bồ-tát xa lìa sự gần gũi người tại gia?

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát sinh nơi đâu cũng đều xuất gia, từ cõi Phật này đến cõi Phật khác thường xuất gia cạo tóc mặc ca-sa, đó gọi là xa lìa sự gần gũi người tại gia.

Thế nào là Bồ-tát xa lìa Tỳ-kheo-ni?

Chẳng ở chung chỗ với Tỳ-kheo-ni, cho đến chẳng nghĩ nhớ dù trong khoảng thời gian như búng ngón tay, đó gọi là xa lìa Tỳ-kheo-ni.

Thế nào là Bồ-tát xa lìa sự lẩn tiếc nhà người khác?

Bồ-tát nghĩ rằng: “Tôi phải tạo sự an vui cho chúng sinh, nay họ giúp tôi an vui sao lại sinh tâm lẩn tiếc”, đó gọi là xa lìa sự lẩn tiếc nhà người khác.

Thế nào là Bồ-tát dứt bỏ những lời luận bàn vô ích?

Nếu có chỗ nào luận bàn có thể phát sinh tâm Thanh văn, Bích-chi-phật, thì ta phải xa lìa, đó gọi là xa lìa chỗ luận bàn vô ích.

Thế nào là Bồ-tát xa lìa tâm sân?

Chẳng để cho tâm giận hờn, tâm não hại, tâm đấu tranh xen vào, đó gọi là xa lìa tâm sân.

Thế nào là Bồ-tát xa lìa sự tự tôn tự đại?

Chẳng thấy có nội pháp, đó gọi là xa lìa sự tự tôn tự đại.

Thế nào là Bồ-tát không khinh dễ người?

Chẳng thấy có ngoại pháp, đó gọi là không khinh dễ người.

Thế nào là Bồ-tát xa lìa mười nghiệp bất thiện?

Mười nghiệp bất thiện làm chướng ngại tám Thánh đạo, huống chi quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó gọi là xa lìa mười nghiệp đạo bất thiện.

Thế nào là Bồ-tát lìa bỏ đại kiêu mạn?

Chẳng thấy pháp gì có thể làm đại kiêu mạn, đó gọi là xa lìa đại kiêu mạn.

Thế nào là Bồ-tát xa lìa tự dụng?

Chẳng thấy pháp gì có thể tự dùng được, đó gọi là xa lìa tự dụng.

Thế nào là Bồ-tát xa lìa điên đảo?

Chỗ điên đảo không thật có, đó gọi là xa lìa điên đảo.

Thế nào là Bồ-tát xa lìa tham, sân, si?

Chẳng thấy được chỗ tham, sân, si, đó gọi là xa lìa tham, sân, si.

Trên đây là Đại Bồ-tát an trụ trong Địa thứ năm xa lìa mười hai pháp.

Thế nào là Bồ-tát an trụ trong Địa thứ sáu đầy đủ sáu pháp?

An trụ trong sáu pháp Ba-la-mật có khả năng vượt đến bờ kia, đó gọi là đầy đủ sáu pháp.

Thế nào là Bồ-tát chẳng sinh tâm Thanh văn, Bích-chi-phật?

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nghĩ rằng tâm Thanh văn, Bích-chi-phật chẳng phải đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thế nào là Bồ-tát bố thí chẳng sinh tâm lo phiền?

Bồ-tát nghĩ rằng nếu như vậy thì chẳng phải đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thế nào là Bồ-tát chẳng có lòng trốn tránh khi bị cầu xin?

Bồ-tát nghĩ rằng nếu như vậy thì chẳng phải đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thế nào là Bồ-tát bố thí những vật mình có?

Bồ-tát mới phát tâm, lúc bố thí chẳng nói cái này cho được, cái này chẳng cho được.

Thế nào là Bồ-tát bố thí rồi tâm không hối hận?

Vì năng lực từ bi nên sau khi bố thí chẳng ăn năn.

Thế nào là Bồ-tát chẳng nghi ngờ pháp thâm diệu?

Vì năng lực của công đức kính tin cho nên chẳng nghi ngờ pháp thâm diệu.

Trên đây là Đại Bồ-tát an trụ ở Địa thứ sáu xa lìa sáu pháp.

Bồ-tát chẳng chấp đắm ngã nên hoàn toàn vô ngã.

Bồ-tát chẳng chấp đắm chúng sinh, chẳng chấp đắm thọ mạng, chẳng chấp trước hữu tình cho đến cái biết, cái thấy nên các pháp rốt ráo không thật có.

Bồ-tát chẳng chấp đoạn kiến, không có pháp đoạn diệt nên các pháp hoàn toàn không sinh.

Bồ-tát chẳng chấp thường kiến, vì pháp chẳng sinh nên cũng chẳng thường còn.

Bồ-tát chẳng tương ứng với sự chấp chặt tướng nên không có các phiền não.

Bồ-tát chẳng tương ứng với sự tạo tác nhân duyên kiến chấp nên các kiến chấp đều chẳng thật có.

Bồ-tát chẳng chấp trước danh sắc, nên danh sắc, các xứ, tướng trạng đều không thật có.

Bồ-tát chẳng chấp trước năm ấm, chẳng chấp trước mười tám giới, chẳng chấp trước mười hai nhập, nên tánh các pháp đều không thật có.

Bồ-tát chẳng chấp trước ba cõi, nên tánh ba cõi đều không thật có.

Bồ-tát chẳng tương ưng với sự khởi tâm, chẳng tương ưng với sự phát nguyện và chẳng tương ưng với sự tạo tác, chỗ nương tựa, nên tánh các pháp đều không.

Bồ-tát chẳng chấp vào quan điểm nương tựa Phật, vì thấy nương tựa Phật là chẳng thấy Phật.

Bồ-tát chẳng chấp vào quan điểm nương tựa Pháp, vì Pháp chẳng thể thấy.

Bồ-tát chẳng chấp vào quan điểm nương tựa Tăng, vì tướng vô vi của tăng chẳng thể nương tựa.

Bồ-tát chẳng chấp vào quan điểm nương tựa giới, vì tội và vô tội đều không dính mắc.

Trên đây là hai mươi pháp chẳng nên chấp trước của Đại Bồ-tát an trụ trong bậc Địa thứ bảy.

Bồ-tát tương ưng với cụ túc không, nên có đủ các pháp, tự tướng không.

Bồ-tát chứng vô tướng, nên chẳng nghĩ nhớ các tướng.

Bồ-tát biết không có tạo tác, nên chẳng tạo tác trong ba cõi.

Bồ-tát do ba phần thanh tịnh, nên có đủ mười nghiệp lành.

Bồ-tát vì đầy đủ trí từ bi đối với tất cả chúng sinh nên được đại Bi.

Bồ-tát vì chẳng nhớ tướng tất cả chúng sinh, nên trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật đầy đủ.

Bồ-tát bình đẳng quán sát tất cả pháp nên đối với tất cả pháp chẳng tổn ích.

Bồ-tát vì biết thật tướng các pháp, vì thật tướng các pháp đều không biết.

Do các pháp không sinh, không diệt, không tạo tác nên Bồ-tát được pháp Nhẫn vô sinh.

Do biết danh sắc không sinh nên Bồ-tát được Trí không sinh.

Do tâm chẳng hiện hành hai tướng nên Bồ-tát giảng nói các pháp một tướng.

Do tất cả các pháp chẳng phân biệt nên Bồ-tát phá tướng phân biệt.

Do vô lượng tướng niệm lớn nhỏ đều chuyển nên Bồ-tát chuyển vận sự nhớ tướng.

Do kiến chấp Thanh văn, Bích-chi-phật chuyển nên Bồ-tát chuyển kiến chấp.

Do dứt trừ các phiền não nên Bồ-tát chuyển phiền não.

Do được Nhất thiết chủng trí nên Bồ-tát định, tuệ đều ngang bằng nhau.

Bồ-tát bất động đối với ba cõi nên ý được điều thuận.

Bồ-tát chế ngự sáu Căn nên tâm vắng lặng.

Bồ-tát vì được mắt Phật nên được trí vô ngại.

Bồ-tát vì xả bỏ sáu trần nên chẳng nhiễm ái.

Trên đây là hai mươi pháp phải đầy đủ của Đại Bồ-tát an trụ ở Địa thứ bảy.

Thế nào là Đại Bồ-tát thuận nhập theo tâm chúng sinh?

Đại Bồ-tát dùng một tâm biết rõ tâm, tâm sở của tất cả chúng sinh.

Thế nào là Đại Bồ-tát dạo chơi trong các thần thông?

Đại Bồ-tát dùng thần thông từ một cõi Phật đến một cõi Phật, cũng không có nhớ nghĩ cõi Phật.

Thế nào là Đại Bồ-tát quán sát các cõi Phật?

Đại Bồ-tát ở cõi mình mà thấy vô lượng cõi Phật, cũng không có nghĩ nhớ cõi Phật.

Thế nào là Đại Bồ-tát tự trang nghiêm cõi nước mình như cõi Phật đã được thấy?

Đại Bồ-tát ở ngôi Chuyển luân thánh vương đi khắp tam thiên đại thiên thế giới để tự trang nghiêm cõi nước của mình.

Thế nào là Đại Bồ-tát như thật quán thân Phật?

Đại Bồ-tát như thật quán Pháp thân.

Trên đây là Đại Bồ-tát an trụ ở Địa thứ tám đầy đủ năm pháp.

Thế nào là Đại Bồ-tát biết các căn tánh thượng, hạ?

Đại Bồ-tát an trụ trong mười Lực của Phật, biết các căn tánh thượng hạ của tất cả chúng sinh.

Thế nào là Đại Bồ-tát trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật?

Đó là làm thanh tịnh chúng sinh nên cõi Phật thanh tịnh.

Thế nào là Đại Bồ-tát trụ trong Tam-muội Như huyễn?

Đại Bồ-tát trụ trong Tam-muội này thì có khả năng thành tựu tất cả việc, cũng chẳng phát sinh tâm tướng?

Thế nào là Đại Bồ-tát thường nhập Tam-muội?

Đại Bồ-tát được Tam-muội Báo sinh.

Thế nào là Đại Bồ-tát tùy theo chúng sinh mà ứng hiện căn lành thọ thân?

Đại Bồ-tát biết chúng sinh tương ứng với căn lành nào, tùy theo đó thọ thân để giáo hóa thành tựu chúng sinh.

Trên đây là năm điều mà Đại Bồ-tát trụ ở Địa thứ tám được đầy đủ.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thọ nhận vô biên thế giới thuộc phần mình hóa độ, thọ nhận chúng sinh trong mười phương vô lượng thế giới, đúng như pháp của chư Phật tùy chỗ đáng độ mà hóa độ, khiến cho giải thoát.

Đại Bồ-tát đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, nên được đúng như những điều mình nguyện cầu.

Đại Bồ-tát nhờ năng lực của Từ vô ngại biện, nên biết tiếng nói của các hàng Trời, Rồng, Càn-thát-bà.

Đại Bồ-tát được thai sinh thành tựu, nên đời đời thường hóa sinh.

Đại Bồ-tát được gia đình thành tựu, nên thường sinh trong nhà vọng tộc.

Đại Bồ-tát được chỗ sinh thành tựu, nên sinh trong dòng Sát-đế-lợi hoặc Bà-la-môn.

Đại Bồ-tát theo đúng như họ của Bồ-tát sinh ở quá khứ mà sinh trong đó, nên danh tánh được thành tựu.

Đại Bồ-tát thuần dùng các Đại Bồ-tát làm quyến thuộc, nên quyến thuộc được thành tựu.

Đại Bồ-tát lúc sinh ra, ánh sáng chiếu khắp vô lượng, vô biên thế giới, cũng chẳng chấp lấy tướng ánh sáng, nên sinh ra được thành tựu.

Đại Bồ-tát khi xuất gia có vô lượng các vị trời theo hầu hạ và quyết định đưa chúng sinh đến quả Tam thừa, nên xuất gia thành tựu.

Đại Bồ-tát trang nghiêm cây giác ngộ thành tựu, đó là cây Bồ-đề có gốc bằng vàng ròng, bảy báu làm thân, nhánh, cành, lá; ánh sáng của thân, nhánh, cành, lá chiếu sáng khắp a-tăng-kỳ tam thiên đại thiên thế giới ở mười phương.

Đại Bồ-tát thành tựu đầy đủ tất cả công đức lành, nên được chúng sinh thanh tịnh, cõi Phật cũng thanh tịnh.

Trên đây là mười hai pháp mà Đại Bồ-tát ở Địa thứ chín thành tựu đầy đủ.

Thế nào là Đại Bồ-tát an trụ ở Địa thứ mười phải biết giống như Phật?

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát có đủ sáu pháp Ba-la-mật, bốn Niệm xứ, cho đến đầy đủ mười tám pháp Bất cộng và Nhất thiết chủng trí, dứt tất cả phiền não và tập khí, thì gọi là Đại Bồ-tát an trụ ở Địa thứ mười phải biết là giống như Phật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ ở Địa thứ mười này dùng năng lực phương tiện để thực hành sáu pháp Ba-la-mật, bốn Niệm xứ cho đến thực hành mười tám pháp Bất cộng, vượt qua bậc Càn tuệ địa, bậc Tánh địa, bậc Bát nhân địa, bậc Kiến địa, bậc Bạc địa, bậc Ly dục địa, bậc Dĩ tác địa, bậc Bích-chi-phật địa, bậc Bồ-tát địa. Vượt qua chín bậc trên mà an trụ Phật địa, đây là mười địa của Bồ-tát.

Như thế, này Tu-bồ-đề! Đó gọi là hương về Đại thừa của Đại Bồ-tát.

M

Phẩm 21: RA ĐẾN

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Ông hỏi Đại thừa này từ chỗ nào xuất phát và đến an trụ chỗ nào?

Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Đại thừa này thể hiện ra từ trong ba cõi đến an trụ trong trí Nhất thiết, vì pháp không hai.

Vì sao?

Đại thừa và trí Nhất thiết là hai pháp chẳng hợp, chẳng tan, không sắc tướng, không hình dạng, không đối đãi, là một tướng, chính là vô tướng.

Nếu có người muốn thật tế thể hiện ra, là người muốn pháp vô tướng được thể hiện ra. Nếu có người muốn chân như, pháp tánh, tánh chẳng suy nghĩ bàn luận thể hiện ra, là người muốn pháp vô tướng thể hiện ra.

Nếu có người muốn sắc không thể hiện ra, là người muốn pháp vô tướng thể hiện ra. Nếu có người muốn thọ, tướng, hành, thức thể hiện ra, là người muốn pháp vô tướng thể hiện ra.

Vì sao?

Này Tu-bồ-đề! Tướng không của sắc chẳng ngoài ba cõi, cũng chẳng an trụ trí Nhất thiết; tướng không của thọ, tướng, hành, thức chẳng ngoài ba cõi, cũng chẳng an trụ trí Nhất thiết. Vì sao? Vì sắc, tướng sắc rỗng không; thọ, tướng, hành, thức và tướng thức cũng rỗng không.

Nếu có người muốn tướng không của nhãn thể hiện ra, là người muốn pháp vô tướng thể hiện ra. Nếu có người muốn tướng không của nhĩ, tỷ, thiệt thân, ý thể hiện ra, là người muốn pháp vô tướng thể hiện ra.

Nếu có người muốn cho đến tướng không của các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra không thể hiện ra, là người muốn pháp vô tướng thể hiện ra.

Vì sao?

Này Tu-bồ-đề! Tướng không của nhãn chẳng ra ngoài ba cõi, cũng chẳng an trụ trí Nhất thiết; tướng không của các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng ra ngoài ba cõi, cũng chẳng an trụ trí Nhất thiết. Vì sao? Vì nhãn, nhãn tướng rỗng không cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, tướng các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều rỗng không.

Nếu có người muốn tướng trong mộng thể hiện ra, là người muốn pháp vô tướng thể hiện ra.

Nếu có người muốn sự huyền ảo, sóng năng, tiếng vang, hình bóng và sự biến hóa thể hiện ra, là người muốn pháp vô tướng thể hiện ra.

Vì sao?

Này Tu-bồ-đề! Tướng mộng chẳng ra ngoài ba cõi cũng chẳng an trụ trong trí Nhất thiết; tướng huyền ảo, sóng năng, tiếng vang, hình bóng, sự biến hóa chẳng ra ngoài ba cõi cũng chẳng an trụ trong trí Nhất thiết. Vì sao? Vì mộng, tướng mộng rỗng không cho đến sự biến hóa, tướng biến hóa cũng rỗng không.

Nếu có người muốn Bồ thí ba-la-mật thể hiện ra, là người muốn pháp vô tướng thể hiện ra.

Nếu có người muốn Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật phát ra thì đó là muốn cho pháp vô tướng thể hiện ra.

Vì sao?

Này Tu-bồ-đề! Bồ thí ba-la-mật chẳng ra ngoài ba cõi, cũng chẳng an trụ trong trí Nhất thiết; Trì giới ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật chẳng ra ngoài ba cõi, cũng chẳng an trụ trong trí Nhất thiết. Vì sao? Vì Đàn-na, tướng Đàn-na rỗng không; Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật và tướng Bát-nhã ba-la-mật rỗng không.

Nếu có người muốn nội không cho đến vô pháp hữu pháp không thể hiện ra, là người muốn pháp vô tướng thể hiện ra.

Vì sao?

Này Tu-bồ-đề! Tướng nội không cho đến tướng vô pháp hữu pháp không, chẳng ra ngoài ba cõi, cũng chẳng an trụ trong trí Nhất

thiết. Vì sao? Vì nội không, tánh nội không là rỗng không, cho đến vô pháp hữu pháp không và tánh vô pháp hữu pháp không là rỗng không.

Nếu có người muốn bốn Niệm xứ thể hiện ra, là người muốn pháp vô tướng thể hiện ra. Vì sao? Vì tánh bốn Niệm xứ chẳng ra ngoài ba cõi, cũng chẳng an trụ trong trí Nhất thiết. Vì sao? Vì bốn Niệm xứ và tánh bốn Niệm xứ là rỗng không.

Nếu có người muốn bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo thể hiện ra, là người muốn pháp vô tướng thể hiện ra. Vì sao? Vì tánh của tám Thánh đạo chẳng ra ngoài ba cõi cũng chẳng an trụ trong trí Nhất thiết. Vì sao? Vì tám Thánh đạo và tánh của tám Thánh đạo là rỗng không; cho đến mười tám pháp Bất cộng cũng giống như thế.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có người muốn A-la-hán thể hiện ra, là người muốn pháp vô tướng thể hiện ra.

Nếu có người muốn Bích-chi-phật thể hiện ra thì là muốn cho pháp vô tướng thể hiện ra.

Nếu có người muốn Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Giác thể hiện ra, là người muốn pháp vô tướng thể hiện ra.

Vì sao?

Này Tu-bồ-đề! Tánh A-la-hán, tánh Bích-chi-phật và tánh Phật chẳng ra ngoài ba cõi, cũng chẳng an trụ trong trí nhất thiết. Vì sao? Vì tánh A-la-hán, tánh A-la-hán rỗng không; tánh Bích-chi-phật, tánh Bích-chi-phật rỗng không; Phật tánh, Phật tánh rỗng không.

Nếu có người muốn quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, Bích-chi-phật đạo, Phật đạo và Nhất thiết chủng trí thể hiện ra, là người muốn pháp vô tướng thể hiện ra.

Như trên đã nói, nếu có người muốn cho tướng lập bày tên gọi giả danh chỉ có lời nói ra thì người này muốn cho pháp vô tướng thể hiện ra. Vì sao? Vì danh tự là không, không ngoài ba cõi, cũng không trụ trong Nhất thiết trí. Vì sao? Vì tướng danh tự, tướng danh tự là không, cho đến sự lập bày cũng như thế. Người này muốn cho pháp bất sinh bất diệt không như không sạch, không phải pháp làm ra, người này muốn cho pháp vô tướng thể hiện ra. Vì sao? Vì bất

sinh cho đến không phải là pháp làm ra, không ngoài ba cõi, cũng không trụ trong Nhất thiết trí. Vì sao? Vì tánh bất sinh, cho đến tánh vô tác là tánh không.

Này Tu-bồ-đề! Do nhân duyên trên đây nên Đại thừa này phát ra từ ba cõi, đến an trụ trong trí Nhất thiết, vì bất động.

Này Tu-bồ-đề! Ông hỏi Đại thừa này đến an trụ chỗ nào?

Này Tu-bồ-đề! Đại thừa này không có chỗ an trụ, vì tất cả pháp không có tướng an trụ. Đại thừa này nếu có an trụ thì chẳng phải an trụ.

Này Tu-bồ-đề! Ví như pháp tánh bất sinh, bất diệt, không như, không sạch, không khởi, không tác, chẳng phải trụ, chẳng phải chẳng trụ. Này Tu-bồ-đề! Đại thừa này cũng như thế, chẳng trụ, chẳng phải không trụ. Vì sao? Vì pháp tánh chẳng trụ, chẳng phải chẳng trụ. Vì sao? Vì pháp tánh là không, cho đến tánh vô tác, tánh vô tác là không. Các pháp khác cũng giống như vậy. Này Tu-bồ-đề! Vì nhân duyên đó cho nên thừa này không chỗ trụ, vì pháp bất trụ là không động. Này Tu-bồ-đề! Ông hỏi ai sẽ ngồi Đại thừa này để phát xuất?

Này Tu-bồ-đề! Không có ai ngồi nơi Đại thừa này để phát xuất. Vì sao? Vì Đại thừa này cùng người phát xuất, pháp bị sử dụng thời gian phát xuất đều không thật có.

Nếu tất cả pháp là không thật có thì dùng pháp gì để phát xuất? Vì sao? Vì ngã không thật có, cho đến người biết, người thấy đều không thật có, vì hoàn toàn thanh tịnh.

Tánh chẳng thể nghĩ bàn không thật có, vì thanh tịnh.

Năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới không thật có, vì hoàn toàn thanh tịnh.

Bố thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật không thật có, vì hoàn toàn thanh tịnh.

Nội không cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng thật có, vì hoàn toàn thanh tịnh.

Bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng không thật có, vì hoàn toàn thanh tịnh.

Tu-đà-hoàn cho đến Bồ-tát, chư Phật không thật có, vì hoàn toàn thanh tịnh.

Quả Tu-đà-hoàn cho đến Nhất thiết chủng trí không thật có, vì hoàn toàn thanh tịnh.

Bất sinh, bất diệt, chẳng như, chẳng sạch, vô khởi, vô tác không thật có, vì hoàn toàn thanh tịnh.

Đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại, sinh trụ diệt không thật có, vì hoàn toàn thanh tịnh.

Thêm, bớt không thật có, vì hoàn toàn thanh tịnh.

Vì các pháp nào không thật có nên không thật có?

Này Tu-bồ-đề! Vì pháp tánh không thật có nên không thật có.

Vì như thật tế, tánh chẳng thể nghĩ bàn, pháp tướng, pháp vị không thật có nên không thật có.

Vì Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật không thật có nên không thật có.

Vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không thật có nên không thật có.

Vì bốn Niệm xứ đến bất cộng pháp không thật có nên là không thật có.

Vì Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, chư Phật không thật có nên không thật có.

Vì quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, Bích-chi-phật đạo, Phật đạo không thật có nên không thật có.

Vì bất sinh, bất diệt cho đến vô khởi, vô tác không thật có nên không thật có.

Lại vì Địa thứ nhất đến Địa thứ mười không thật có nên không thật có, vì hoàn toàn là không.

Thế nào là Địa thứ nhất đến Địa thứ mười? Chính là Càn-tuệ-địa, Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạc địa, Ly dục địa, Dĩ tác địa, Bích-chi-phật địa, Bồ-tát địa và Phật địa.

Trong nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, chẳng thật có Địa thứ nhất cho đến Địa thứ mười.

Vì sao? Vì Địa thứ nhất chẳng phải được chẳng phải chẳng

được, cho đến Địa thứ mười chẳng phải được, chẳng phải chẳng được, vì hoàn toàn thanh tịnh.

Trong nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, thành tựu chúng sinh không thật có, thanh tịnh cõi Phật không thật có, vì hoàn toàn thanh tịnh.

Trong nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, năm loại mắt không thật có, vì hoàn toàn thanh tịnh.

Này Tu-bồ-đề! Vì thế nên Đại Bồ-tát do tất cả pháp không thật có mà ngồi Đại thừa này, từ ba cõi phát xuất; an trụ trong trí Nhất thiết.

M

Phẩm 22: VƯỢT HƠN

Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại thừa và người Đại thừa vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Bạch Đức Thế Tôn! Đại thừa này ngang bằng với hư không.

Như hư không dung chứa vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ chúng sinh. Cũng giống như vậy, Đại thừa này dung thọ vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ chúng sinh.

Đại thừa này, chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ dừng ở.

Đại thừa này, chẳng thật có quá khứ, chẳng thật có vị lai, chẳng thật có hiện tại. Ba đời bình đẳng là Đại thừa này. Do đó nên gọi là Đại thừa.

Phật dạy:

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Đại thừa của Đại Bồ-tát là sáu pháp Ba-la-mật: Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật và Bát-nhã ba-la-mật.

Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát là tất cả Đà-la-ni môn, tất cả

Tam-muội môn. Như Tam-muội Thủ-lãng-nghiêm cho đến Tam-muội Ly trước như hư không bất nhiễm.

Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát là pháp nội không cho đến vô pháp hữu pháp không.

Lại có Đại thừa của Đại Bồ-tát là bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng.

Này Tu-bồ-đề! Như lời ông nói, Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Này Tu-bồ-đề! Nếu cõi Dục là chân thật chẳng luống dối, là đế lý chẳng điên đảo, thường hằng chẳng hư hoại, chẳng phải pháp không có, thì Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Bởi cõi Dục là luống dối, nhớ nghĩ, phân biệt, hòa hợp danh tự... có tất cả tướng vô thường phá hoại, là pháp không có, cho nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Này Tu-bồ-đề! Nếu cõi Sắc và cõi Vô sắc là chân thật có chẳng luống dối, là đế lý chẳng điên đảo, thường hằng chẳng hư hoại, chẳng phải pháp không có, thì Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Bởi cõi Sắc và cõi Vô sắc là luống dối, nhớ nghĩ, phân biệt, hòa hợp danh tự... có tất cả tướng vô thường phá hoại, là pháp không có, cho nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Này Tu-bồ-đề! Nếu sắc uẩn cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là chân thật có chẳng luống dối, là đế lý chẳng điên đảo, thường hằng chẳng hư hoại, chẳng phải pháp không có, thì Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Bởi sắc uẩn đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra là luống dối, nhớ tưởng, phân biệt, hòa hợp danh tự... có tất cả tướng vô thường phá hoại, là pháp không thật có, cho nên Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Này Tu-bồ-đề! Nếu pháp tánh như thật tế, tánh chẳng thể suy nghĩ bàn luận, là pháp có, chẳng phải pháp không có, thì Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Bởi pháp tánh cho đến tánh chẳng thể nghĩ bàn tánh không có pháp, chẳng phải pháp, nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật là pháp có, chẳng phải pháp không thì Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Bởi Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật không có pháp nào chẳng phải pháp, nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Này Tu-bồ-đề! Nếu pháp nội không cho đến vô pháp hữu pháp không là pháp có, chẳng phải pháp không có thì Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Bởi pháp nội nói không cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng có pháp, chẳng pháp, nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Này Tu-bồ-đề! Nếu bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bát cộng là pháp có, chẳng phải không có thì Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Bởi bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bát cộng không có pháp, chẳng pháp, nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Này Tu-bồ-đề! Nếu pháp Bát nhân, pháp Tu-đà-hoàn, pháp Tư-đà-hàm, pháp A-na-hàm, pháp A-la-hán, pháp Bích-chi-phật và pháp Phật là pháp có, chẳng phải pháp không có, thì Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Bởi pháp tánh nhân cho đến pháp Phật không có pháp, chẳng pháp, nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Này Tu-bồ-đề! Nếu bậc Tánh địa, bậc Bát nhân, bậc Tu-đà-hoàn cho đến Phật là pháp có chẳng phải pháp không có, thì Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Bởi tánh địa đến chư Phật không có pháp chẳng phải pháp, nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Này Tu-bồ-đề! Nếu tất cả pháp thế gian và Trời, Người, A-tu-la là pháp có, chẳng phải pháp không có thì Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Bởi tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la không có pháp, chẳng phải pháp, nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, các tâm trong khoảng thời gian đó là pháp có, chẳng phải pháp không thì Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Bởi các tâm trong khoảng giữa từ lúc phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng của Đại Bồ-tát không có pháp, chẳng phải pháp, cho nên Đại thừa này vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Này Tu-bồ-đề! Nếu như trí tuệ kim cang tuệ của Đại Bồ-tát là pháp có, chẳng phải pháp không có, thì Đại Bồ-tát này không thể biết được tất cả kết sử và tập khí không có pháp, chẳng phải pháp để được Nhất thiết chủng trí.

Bởi như trí tuệ kim cang tuệ không có pháp, chẳng phải pháp, nên Đại Bồ-tát biết được tất cả kết sử và tập khí không có pháp, chẳng phải pháp được Nhất thiết chủng trí. Thế nên, Đại thừa này không thể vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Này Tu-bồ-đề! Nếu ba mươi hai tướng của chư Phật là pháp có chẳng phải pháp không có, thì oai đức của chư Phật chẳng thể chiếu sáng vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Bởi ba mươi hai tướng không có pháp, chẳng phải pháp, nên oai đức của chư Phật chiếu sáng vượt hơn tất cả thế gian và Trời, Người, A-tu-la.

Này Tu-bồ-đề! Nếu ánh sáng của chư Phật là pháp có, chẳng phải pháp không có, thì chẳng thể chiếu khắp hằng sa cõi nước.

Bởi ánh sáng của chư Phật không có pháp, chẳng phải pháp nên có công năng chiếu khắp hằng sa cõi nước.

Này Tu-bồ-đề! Nếu sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm của chư Phật là pháp có, chẳng phải pháp không thì chư Phật chẳng thể dùng sáu mươi thứ âm thanh trang nghiêm ấy thấu đến khắp vô

lượng a-tăng-kỳ cõi nước ở khắp mười phương.

Này Tu-bồ-đề! Nếu pháp luân của chư Phật là pháp có, chẳng phải pháp không thì chư Phật không thể chuyển pháp luân mà tất cả Sa-môn, Bà-la-môn hoặc chư Thiên vương, Ma vương, Phạm vương và tất cả thế gian chúng sinh đều chẳng chuyển xoay được.

Bởi pháp luân của chư Phật không có pháp, chẳng phải pháp, nên chư Phật có khả năng chuyển pháp luân mà tất cả Sa-môn, Bà-la-môn hoặc Trời, người và tất cả chúng khác trong thế gian đều chẳng thể xoay được.

Này Tu-bồ-đề! Chư Phật vì chúng sinh chuyển pháp luân. Nếu chúng sinh ấy là pháp thật có, chẳng phải pháp không có, thì không thể làm cho chúng sinh ấy đối với Niết-bàn Vô dư y mà nhập Niết-bàn.

Bởi chư Phật vì chúng sinh chuyển pháp luân. Chúng sinh ấy không có pháp, chẳng phải pháp, nên có thể làm cho chúng sinh ấy đối với Niết-bàn Vô dư y đã được diệt độ, đang được diệt độ, sẽ được diệt độ.

M

Phẩm 23: ĐỒNG VỚI HƯ KHÔNG

–Này Tu-bồ-đề! Ông nói Đại thừa đồng với hư không.

–Đúng vậy, Đại thừa đồng với hư không.

–Này Tu-bồ-đề! Như hư không chẳng có mười phương như Đông, Tây, Đại thừa cũng không có mười phương.

Như hư không chẳng có dài, ngắn, vuông, tròn, Đại thừa cũng chẳng phải dài, ngắn, vuông, tròn.

Như hư không chẳng có màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen, Đại thừa cũng chẳng có màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen.

Cho nên nói Đại thừa đồng với hư không.

Này Tu-bồ-đề! Như hư không chẳng có quá khứ, vị lai, hiện tại. Cũng vậy, Đại thừa chẳng có quá khứ, vị lai, hiện tại.

Như hư không chẳng thêm, chẳng bớt, cũng giống như vậy, Đại thừa chẳng thêm, chẳng bớt.

Như hư không chẳng nhơ, chẳng sạch. Cũng giống như vậy, Đại thừa chẳng nhơ, chẳng sạch.

Như hư không chẳng sinh, chẳng diệt, không dừng, không đổi. Cũng giống như vậy, Đại thừa chẳng sinh, chẳng diệt, không dừng, không đổi.

Như hư không chẳng phải thiện, bất thiện, chẳng phải ký, vô ký. Cũng giống như vậy, Đại thừa chẳng phải thiện, bất thiện, chẳng phải ký, vô ký.

Như hư không chẳng thấy nghe, chẳng hay biết. Cũng vậy, Đại thừa chẳng thấy nghe, hay biết.

Như hư không chẳng thể biết được, chẳng thể hay được, chẳng thể thấy được, chẳng thể dứt được, chẳng thể chứng được, chẳng thể tu được. Cũng vậy, Đại thừa chẳng thể biết được, hay được, thấy được, dứt được, cũng chẳng thể chứng được, tu được.

Cho nên nói rằng Đại thừa đồng với hư không.

Này Tu-bồ-đề! Hư không chẳng phải tướng nhiễm, tướng lìa. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải tướng nhiễm, chẳng phải tướng lìa.

Như hư không chẳng thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc. Cũng vậy, Đại thừa chẳng thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Như hư không chẳng có bắt đầu phát tâm cho đến tâm thứ mười. Cũng vậy, Đại thừa không có bắt đầu phát tâm cho đến tâm thứ mười.

Như hư không chẳng có Càn tuệ địa, Tánh nhân địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạc địa, Ly dục địa, Dĩ tác địa. Cũng vậy, Đại thừa không có Càn tuệ địa cho đến Dĩ tác địa.

Như hư không chẳng có quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán. Cũng vậy, Đại thừa không có quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán.

Như hư không chẳng có Thanh văn địa, Bích-chi-phật địa. Cũng vậy, Đại thừa không có Thanh văn địa cho đến Phật địa.

Thế nên nói rằng Đại thừa đồng với hư không.

Này Tu-bồ-đề! Như hư không chẳng phải sắc, vô sắc, chẳng phải khả kiến, bất khả kiến, chẳng phải hữu đối, vô đối, chẳng phải hợp, chẳng phải tán. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải sắc cho đến chẳng phải tán.

Như hư không chẳng phải thường, vô thường, chẳng phải lạc, khổ, chẳng phải ngã, vô ngã. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải Thường vô thường, lạc, khổ, ngã, vô ngã.

Như hư không chẳng phải không, bất không, chẳng phải tướng, vô tướng, chẳng phải tác, vô tác. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải không cho đến chẳng phải vô tác.

Như hư không chẳng phải vắng lặng chẳng vắng lặng, chẳng phải lìa chẳng lìa. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải vắng lặng cho đến chẳng phải lìa.

Như hư không chẳng phải tối sáng. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải tối sáng.

Như hư không chẳng phải được, chẳng thể được. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải được, chẳng phải chẳng được.

Như hư không chẳng phải khả thuyết, chẳng phải bất khả thuyết. Cũng vậy, Đại thừa chẳng phải khả thuyết, chẳng phải chẳng bất khả thuyết.

Cho nên nói rằng Đại thừa đồng với hư không.

Này Tu-bồ-đề! Như lời ông nói, như hư không dung chứa vô lượng, vô biên vô số chúng sinh, Đại thừa cũng dung thọ vô lượng, vô biên vô số chúng sinh.

Đúng vậy. Vì chúng sinh không thật có, nên biết hư không chẳng thật có. Vì hư không chẳng thật có, nên biết Đại thừa cũng không thật có. Do đó nên Đại thừa dung chứa vô lượng, vô biên vô số chúng sinh.

Vì sao? Vì chúng sinh, hư không và Đại thừa đều chẳng thật có.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì Đại thừa không thật có nên biết vô số không thật có, vì vô số không thật có nên biết vô lượng không thật có, vì vô lượng không thật có nên biết vô biên không thật có, vì

vô biên không thật có nên biết tất cả các pháp không thật có. Do đó, nên Đại thừa dung thọ vô lượng, vô biên vô số chúng sinh.

Vì sao? Vì chúng sinh, hư không, Đại thừa, vô số vô lượng, vô biên, tất cả các pháp đều không thật có.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì ngã cho đến người biết, người thấy đều không thật có, nên biết rằng pháp như, pháp tánh, thật tế không thật có.

Vì pháp như, pháp tánh, thật tế không thật có, nên biết cho đến vô số lượng vô biên đều không thật có.

Vì vô số, vô lượng, vô biên không thật có cho nên biết tất cả pháp không thật có.

Do nhân duyên này nên Đại thừa dung chứa vô lượng, vô biên vô số chúng sinh. Vì sao? Vì chúng sinh, ngã cho đến người biết, người thấy cùng thật tế đến vô biên và tất cả pháp đều không thật có.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì ngã cho đến người biết, người thấy đều không thật có, nên biết chẳng thể nghĩ bàn tánh không thật có.

Vì không nghĩ bàn tánh chẳng thật có nên biết sắc, thọ, tưởng, hành, thức không thật có.

Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng thật có nên biết hư không chẳng thật có.

Vì hư không chẳng thật có, nên biết Đại thừa không thật có.

Vì Đại thừa chẳng thật có nên biết vô số, vô lượng, vô biên đều chẳng thật có.

Vì vô biên chẳng thật có, nên biết tất cả pháp không thật có.

Do nhân duyên này nên Đại thừa dung chứa vô lượng, vô biên vô số chúng sinh. Vì ngã cho đến người biết, người thấy tất cả các pháp đều không thật có.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì ngã không thật có cho đến người biết, người thấy không thật có, nên biết nhãn, tỷ, thiệt, thân, ý không thật có.

Vì nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý không thật có nên biết hư không chẳng thật có.

Vì hư không chẳng thật có nên biết Đại thừa không thật có.

Vì Đại thừa không thật có nên biết vô số, vô lượng, vô biên và tất cả pháp không thật có.

Do nhân duyên này nên Đại thừa dung chứa vô lượng, vô biên vô số chúng sinh. Vì ngã cho đến tất cả các pháp đều không thật có.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì ngã cho đến người biết, người thấy đều không thật có nên Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật đều không thật có.

Vì Bát-nhã ba-la-mật không thật có nên biết hư không chẳng thật có.

Vì hư không chẳng thật có nên biết Đại thừa không thật có.

Vì Đại thừa không thật có nên biết vô số, vô lượng, vô biên không thật có.

Vì vô số, vô lượng, vô biên không thật có nên biết tất cả các pháp không thật có.

Do nhân duyên này nên Đại thừa dung chứa vô lượng, vô biên vô số chúng sinh. Vì sao? Vì ngã, chúng sinh cho đến tất cả các pháp đều không thật có.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì ngã cho đến người biết, người thấy đều không thật có nên biết nội không cho đến vô pháp hữu pháp không đều chẳng thật có.

Vì vô pháp hữu pháp chẳng thật có nên biết hư không chẳng thật có.

Vì hư không chẳng thật có nên biết Đại thừa chẳng thật có.

Vì Đại thừa không thật có nên biết vô số, vô lượng, vô biên không thật có.

Vì vô biên không thật có nên biết tất cả pháp không thật có.

Do nhân duyên này nên Đại thừa dung chứa vô lượng, vô biên vô số chúng sinh. Vì sao? Vì ngã, chúng sinh cho đến tất cả các pháp đều không thật có.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì ngã, chúng sinh cho đến người biết, người thấy không thật có nên biết bốn Niệm xứ đến bất cộng pháp không thật có.

Vì bất cộng pháp không thật có nên biết hư không chẳng thật có.

Vì hư không chẳng thật có nên biết Đại thừa chẳng thật có.

Vì Đại thừa không thật có nên biết vô số, vô lượng, vô biên không thật có.

Vì vô biên không thật có nên biết tất cả pháp không thật có.

Do nhân duyên này nên Đại thừa dung chứa vô lượng, vô biên vô số chúng sinh. Vì sao? Vì ngã chúng sinh cho đến tất cả các pháp đều không thật có.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì ngã chúng sinh cho đến người biết, người thấy không thật có nên biết tánh địa cho đến Dĩ tác địa không thật có.

Vì Dĩ tác địa không thật có nên biết hư không chẳng thật có.

Vì hư không chẳng thật có nên biết Đại thừa không thật có.

Vì Đại thừa không thật có nên biết vô số, vô lượng, vô biên không thật có.

Vì vô biên không thật có nên biết tất cả pháp không thật có.

Do nhân duyên này nên Đại thừa dung chứa vô lượng, vô biên vô số chúng sinh. Vì sao? Vì ngã, chúng sinh cho đến tất cả các pháp đều không thật có.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì ngã cho đến người thấy, người biết không thật có nên biết Tu-đà-hoàn cho đến A-la-hán không thật có.

Vì A-la-hán không thật có nên biết tất cả các pháp không thật có.

Do nhân duyên này nên Đại thừa dung chứa vô lượng, vô biên vô số chúng sinh. Vì sao? Vì không thật có.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì ngã cho đến người biết, người thấy không thật có nên biết thừa Thanh văn không thật có.

Vì thừa Thanh văn không thật có nên biết thừa Bích-chi-phật không thật có.

Vì thừa Bích-chi-phật không thật có nên biết Phật thừa không thật có.

Vì Phật thừa không thật có nên biết hàng Thanh văn không thật có.

Vì hàng Thanh văn không thật có nên biết Tu-đà-hoàn không thật có, cho đến Phật không thật có.

Vì Phật không thật có nên biết Nhất thiết chủng trí không thật có.

Vì Nhất thiết chủng trí không thật có nên biết hư không không thật có.

Vì hư không chẳng thật có nên biết Đại thừa không thật có.

Vì Đại thừa không thật có nên vô số cho đến tất cả pháp không thật có.

Do nhân duyên này nên Đại thừa dung chứa vô lượng, vô biên vô số chúng sinh. Vì sao?

Vì không thật có.

Này Tu-bồ-đề! Như trong tánh Niết-bàn dung chứa vô lượng, vô biên vô số chúng sinh, Đại thừa này cũng dung chứa vô lượng, vô biên vô số chúng sinh.

Do nhân duyên này nên nói rằng Đại thừa đồng đẳng với hư không, cũng dung chứa vô lượng, vô biên vô số chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Như lời ông nói, Đại thừa này chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chỗ ở. Đúng vậy. Đại thừa này chẳng thấy chỗ đến, chỗ đi, chỗ ở. Vì sao? Vì tất cả các pháp tướng chẳng lay động, cho nên các pháp chẳng có chỗ đến, chỗ đi, chỗ ở.

Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Sắc không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không có chỗ ở. Thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy.

Sắc pháp, thọ pháp, tưởng pháp, hành pháp, thức pháp không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không có chỗ ở.

Như cửa sắc, như cửa thọ, như cửa tưởng, như cửa hành, như cửa thức không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không có chỗ ở.

Tánh cửa sắc, cho đến tánh cửa thức không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không có chỗ ở.

Tướng cửa sắc cho đến tướng cửa thức không từ đâu đến, cũng

chẳng đi đâu, cũng không có chỗ ở.

Như năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, sáu đại chủng cũng giống như vậy. Nhân, nhân pháp, nhân như, nhân tánh, nhân tướng, cho đến thức chủng, thức chủng pháp, thức chủng như, thức chủng tánh, thức chủng tướng không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không có chỗ ở.

Này Tu-bồ-đề! Như, pháp như, như như, tánh như, tướng như, thật tế, pháp thật tế, như thật tế, tánh thật tế, tướng thật tế, chẳng thể nghĩ bàn, pháp chẳng thể nghĩ bàn, như chẳng thể nghĩ bàn, tánh chẳng thể nghĩ bàn, tướng chẳng thể nghĩ bàn, đều không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không có chỗ ở.

Này Tu-bồ-đề! Bồ thí ba-la-mật đến pháp Bồ thí ba-la-mật, như Bồ thí ba-la-mật, tánh Bồ thí ba-la-mật, tướng ba-la-mật, không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không có chỗ ở.

Bốn Niệm xứ, pháp bốn Niệm xứ, như bốn Niệm xứ, tánh bốn Niệm xứ, tướng bốn Niệm xứ, không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không có chỗ ở, cho đến mười tám pháp Bát cộng cũng giống như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát, pháp Bồ-tát, như Bồ-tát, tánh Bồ-tát, tướng Bồ-tát không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không có chỗ ở.

Phật, pháp Phật, như Phật, tánh Phật, tướng Phật không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không có chỗ ở.

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, pháp Chánh giác, như Chánh giác, tánh Chánh giác, tướng Chánh giác không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không có chỗ ở.

Này Tu-bồ-đề! Hữu vi, pháp hữu vi, như hữu vi, tánh hữu vi, tướng hữu vi không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không có chỗ ở.

Vô vi, pháp vô vi, như vô vi, tánh vô vi, tướng vô vi, không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, cũng không có chỗ ở.

Do nhân duyên này nên Đại thừa này chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy có chỗ ở.

Này Tu-bồ-đề! Như lời ông nói, Đại thừa này, trước, sau, giữa đều không thật có, Đại thừa đó gọi là ba đời bình đẳng, nên gọi là Đại thừa.

Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Đại thừa này ở trước không thật có, ở sau không thật có, ở giữa không thật có, ba đời bình đẳng, nên gọi là Đại thừa.

Vì sao? Vì đời quá khứ thì đời quá khứ rỗng không, đời vị lai thì đời vị lai rỗng không, đời hiện tại, thì đời hiện tại rỗng không, ba đời bình đẳng thì ba đời bình đẳng rỗng không, Đại thừa thì Đại thừa rỗng không, Bồ-tát thì Bồ-tát rỗng không. Vì sao? Tánh không này chẳng phải một, chẳng phải hai, chẳng phải khác, cho nên gọi là ba đời bình đẳng, là Pháp Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Trong Đại thừa này, bình đẳng và chẳng bình đẳng đều không thật có, nhiễm và chẳng nhiễm, sân và chẳng sân, si và chẳng si, mạn và chẳng mạn đều bất khả đắc, cho đến tất cả pháp thiện và pháp bất thiện đều không thật có.

Trong Đại thừa này, thường và vô thường, lạc cùng khổ, thật và không thật, ngã cùng vô ngã đều không thật có.

Trong Đại thừa này, cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc đều không thật có, vượt qua cõi Dục, vượt qua cõi Sắc, vượt qua cõi Vô sắc đều không thật có.

Vì sao? Vì Đại thừa này, tự pháp không thật có.

Này Tu-bồ-đề! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức ở quá khứ, sắc, thọ, tưởng, hành, thức ở quá khứ là rỗng không. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức ở vị lai, sắc, thọ, tưởng, hành, thức ở vị lai là rỗng không. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức ở hiện tại, sắc, thọ, tưởng, hành, thức ở hiện tại là rỗng không.

Trong tánh không, sắc, thọ, tưởng, hành, thức ở quá khứ, vị lai, hiện tại đều không thật có. Vì sao? Vì trong tánh không, không đó còn không thật có hướng chi trong tánh không mà có các năm uẩn trong ba đời.

Này Tu-bồ-đề! Trong sáu pháp Ba-la-mật, quá khứ, vị lai, hiện tại đều không thật có. Trong ba đời bình đẳng, sáu pháp Ba-la-mật cũng không thật có. Vì sao? Vì trong bình đẳng, quá khứ, vị lai, hiện

tại đều không thật có. Trong bình đẳng, bình đẳng cũng còn không thật có, hướng chi trong bình đẳng mà có quá khứ, hiện tại, vị lai.

Như sáu pháp Ba-la-mật, bốn Niệm xứ đến mười tám pháp Bất cộng cũng giống như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Trong quá khứ, vị lai, hiện tại, phàm phu không thật có. Trong ba đời bình đẳng, người phàm phu cũng không thật có.

Vì sao? Vì chúng sinh cho đến người biết, người thấy đều không thật có.

Này Tu-bồ-đề! Trong quá khứ, vị lai, hiện tại, Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát và Phật đều không thật có. Trong ba đời bình đẳng, Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát và Phật cũng đều không thật có.

Vì sao? Vì chúng sinh cho đến người biết, người thấy đều không thật có.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ trong Bát-nhã ba-la-mật, học tướng ba đời bình đẳng sẽ có được đầy đủ Nhất thiết chủng trí. Đó gọi là Đại thừa của Đại Bồ-tát, cũng chính là tướng ba đời bình đẳng.

Đại Bồ-tát an trụ trong đây thì hơn tất cả thế gian, trời, người, A-tu-la, thành tựu trí Nhất thiết.

Bấy giờ Ngài Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Lành thay, lành thay! Đại thừa của Đại Bồ-tát này, các Đại Bồ-tát quá khứ học trong đây đã được Nhất thiết chủng trí. Các Đại Bồ-tát vị lai học trong đây sẽ được Nhất thiết chủng trí. Các Đại Bồ-tát hiện tại trong vô lượng, vô số cõi nước ở khắp mười phương cũng học trong đây mà được Nhất thiết chủng trí.

Bạch Đức Thế Tôn! Do đó nên Đại thừa này thật là Đại thừa của Đại Bồ-tát.

Phật dạy:

–Đúng vậy, chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại học trong Đại thừa này đã được, sẽ được và hiện được Nhất thiết chủng trí.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 7

Phẩm 24: HỘI TÔNG

Bấy giờ, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Đức Phật sai Tu-bồ-đề giảng nói Bát-nhã ba-la-mật cho các vị Đại Bồ-tát nghe. Nay sao lại nói Đại thừa làm chi?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Con nói Đại thừa có lia Bát-nhã ba-la-mật chăng?

Phật dạy:

– Tu-bồ-đề nói Đại thừa không lia Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì tất cả pháp thiện, pháp trợ đạo, hoặc pháp Thanh văn, hoặc pháp Bích-chi-phật, hoặc pháp Bồ-tát, hoặc pháp Phật đều bao gồm trong Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Các pháp thiện, pháp trợ đạo, pháp Thanh văn, pháp Bích-chi-phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật nào đều gồm trong Bát-nhã ba-la-mật?

Phật dạy:

– Sáu pháp Ba-la-mật, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám phần Thánh đạo, ba pháp môn giải thoát, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, đại Từ, đại Bi, mười tám pháp Bát cộng này và các pháp thiện, pháp trợ đạo khác, hoặc pháp Thanh văn, hoặc pháp Bích-chi-phật, hoặc pháp Bồ-tát, hoặc pháp Phật đều bao gồm trong Bát-nhã ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Hoặc Đại thừa của Đại Bồ-tát, hoặc sáu pháp Ba-la-mật, hoặc năm ấm cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh

ra, hoặc sáu đại chúng, hoặc bốn Niệm xứ đến tám phần Thánh đạo, ba môn Giải thoát và các pháp thiện, hoặc hữu lậu, vô lậu, hoặc hữu vi, vô vi, hoặc bốn Đế, hoặc ba cõi, hoặc mười tám không, hoặc các môn Tam-muội, các môn Đà-la-ni cho đến mười tám pháp Bất cộng, hoặc Phật, pháp Phật, tánh Phật, như thật tế, chẳng thể nghĩ bàn, tánh Niết-bàn, tất cả các pháp này đều chẳng hợp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, không ngại, một tướng không gì bằng, chính là vô tướng.

Này Tu-bồ-đề! Do nhân duyên này nên Đại thừa của ông nói thuận theo Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì Đại thừa chẳng khác Bát-nhã ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật chẳng khác Đại thừa, Bát-nhã ba-la-mật và Đại thừa không hai, không khác. Năm pháp Ba-la-mật kia cũng giống như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Bốn Niệm xứ chẳng khác Đại thừa, Đại thừa chẳng khác bốn Niệm xứ, bốn Niệm xứ và Đại thừa không hai, không khác. Bốn Chánh cần cho đến mười tám pháp Bất cộng cũng giống như vậy.

Do nhân duyên này nên Tu-bồ-đề nói Đại thừa chính là nói Bát-nhã ba-la-mật.

M

Phẩm 25: MƯỜI KHÔNG

Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát đời trước không thật có, đời sau không thật có, đời giữa không thật có.

Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức vô biên nên Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Đại Bồ-tát, đây cũng không thật có.

Ở tất cả loài, tất cả chỗ tìm Đại Bồ-tát đều không thật có.

Bạch Đức Thế Tôn! Con sẽ dạy cho các Đại Bồ-tát nào về Bát-nhã ba-la-mật?

Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát chỉ có tên gọi, như nói tên gọi ngã, ngã rốt ráo chẳng sinh. Như ngã, các pháp cũng không có tự tánh như vậy.

Các sắc nào rốt ráo chẳng sinh? Các thọ, tưởng, hành, thức nào rốt ráo chẳng sinh?

Bạch Đức Thế Tôn! Rốt ráo chẳng sinh thì chẳng gọi là Sắc. Rốt ráo chẳng sinh thì chẳng gọi là thọ, tưởng, hành, thức.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu pháp rốt ráo chẳng sinh thì có dạy Bát-nhã ba-la-mật này chăng? Rồi pháp rốt ráo chẳng sinh cũng không có Bồ-tát thực hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu Bồ-tát nghe lời nói này mà tâm chẳng dính mắc nặng nề, chẳng ăn năn, chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt, phải biết rằng đây là Đại Bồ-tát có khả năng thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

– Vì nhân duyên gì mà nói đời trước của Đại Bồ-tát không thật có, đời sau không thật có, đời giữa không thật có?

Vì nhân duyên gì mà nói rằng vì sắc vô biên nên biết Bồ-tát cũng vô biên, vì thọ, tưởng, hành, thức vô biên nên biết Bồ-tát cũng vô biên?

Vì nhân duyên gì mà nói sắc là Bồ-tát đây cũng không thật có; thọ, tưởng, hành, thức là Bồ-tát đây cũng không thật có?

Vì nhân duyên gì mà nói rằng ở tất cả loài, tất cả chỗ, Bồ-tát đều không thật có, thì sẽ dạy những Bồ-tát nào về Bát-nhã ba-la-mật?

Vì nhân duyên gì mà nói Bồ-tát chỉ có tên gọi?

Vì nhân duyên gì mà nói rằng như nói tên gọi ngã, ngã rốt ráo chẳng sinh? Như ngã, các pháp cũng không tự tánh như vậy. Các sắc nào rốt ráo chẳng sinh, các thọ, tưởng, hành, thức nào rốt ráo chẳng sinh?

Vì nhân duyên gì mà nói rốt ráo chẳng sinh chẳng gọi là sắc, rốt ráo chẳng sinh chẳng gọi là thọ, tưởng, hành, thức?

Vì nhân duyên gì mà nói rằng nếu pháp rốt ráo chẳng sinh thì có dạy Bát-nhã ba-la-mật này chăng?

Vì nhân duyên gì mà nói lìa pháp rốt ráo chẳng sinh cũng không có Bồ-tát thực hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Vì nhân duyên gì mà nói nếu Bồ-tát nghe lời nói này mà tâm chẳng chìm đắm, chẳng ăn năn, chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt thì gọi là bậc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề đáp lời Xá-lợi-phất:

– Vì chúng sinh không thật có, nên đời trước của Bồ-tát không thật có, đời sau không thật có, đời giữa không thật có. Vì chúng sinh không, vì chúng sinh lìa nên đời trước Bồ-tát không thật có.

Vì sắc không thật có, vì thọ, tưởng, hành, thức không thật có nên đời trước Bồ-tát không thật có. Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức không, vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức lìa, nên đời trước của Bồ-tát không thật có.

Vì năm ấm tánh không thật có nên đời trước của Bồ-tát không thật có. Vì sáu pháp Ba-la-mật không thật có nên đời trước của Bồ-tát không thật có.

Vì sao? Vì trong tánh không, đời trước không thật có, đời sau không thật có, đời giữa không thật có.

Tánh không chẳng khác Bồ-tát, Bồ-tát chẳng khác đời trước.

Tánh không, Bồ-tát và đời trước, ba pháp ấy không hai, không khác. Vì nhân duyên này mà đời trước của Bồ-tát không thật có.

Này Xá-lợi-phất! Vì sáu pháp Ba-la-mật rỗng không, vì sáu pháp Ba-la-mật xa lìa, vì sáu pháp Ba-la-mật tánh không thật có nên đời trước của Bồ-tát không thật có.

Vì sao? Vì trong tánh không, đời trước không thật có, đời sau không thật có, đời giữa không thật có.

Tánh không chẳng khác Bồ-tát. Bồ-tát chẳng khác đời trước. Tánh không, Bồ-tát và đời trước, ba pháp này không hai không khác. Do đó nên đời trước của Bồ-tát không thật có.

Này Xá-lợi-phất! Vì nội không cho đến pháp vô pháp hữu không là không thật có, là rỗng không, là xa lìa, là tánh không thật có cho nên đời trước của Bồ-tát không thật có.

Vì bốn Niệm xứ cho đến pháp Bất cộng là không thật có, là

rỗng không, là xa lìa, là tánh không thật có, cho nên đời trước của Bồ-tát không thật có.

Vì sao? Vì trong tánh không, đời trước, đời sau và đời giữa đều không thật có. Tánh không, Bồ-tát và đời trước ba thứ không hai, không khác. Do đó nên đời trước của Bồ-tát không thật có.

Này Xá-lợi-phất! Vì tất cả môn Tam-muội, tất cả môn Đà-la-ni là không thật có, là rỗng không, là xa lìa, là tánh không thật có cho nên đời trước của Bồ-tát không thật có.

Vì pháp tánh, pháp như, thật tế, tánh chẳng thể nghĩ bàn là không thật có, rỗng không, tánh xa lìa không thật có, cho nên đời trước của Bồ-tát không thật có.

Này Xá-lợi-phất! Vì Thanh văn, Bích-chi-phật, Phật là không thật có, rỗng không, tánh xa lìa không thật có cho nên đời trước của Bồ-tát không thật có.

Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Nhất thiết chủng trí là không thật có, rỗng không, tánh xa lìa không thật có cho nên đời trước của Bồ-tát không thật có.

Vì sao? Vì trong tánh không, đời trước, đời sau, đời giữa đều không thật có, Bồ-tát cũng không thật có.

Không chẳng khác Bồ-tát, cũng chẳng khác đời trước. Không, Bồ-tát và đời trước, ba pháp này không hai, không khác. Do đó nên đời trước của Bồ-tát không thật có.

Như đời trước, đời sau và đời giữa cũng giống như vậy.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Sắc như hư không, thọ, tưởng, hành, thức như hư không.

Vì sao? Như hư không, ngoài bờ và chính giữa đều không thật có. Vì không có ngoài bờ và chính giữa nên chỉ gọi tên là hư không.

Cũng vậy, sắc, thọ, tưởng, hành, thức, ngoài bờ và chính giữa đều không thật có. Vì sắc rỗng không, trong rỗng không cũng không có ngoài bờ, không có chính giữa. Thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy.

Do nhân duyên này, vì sắc vô biên nên biết Bồ-tát cũng vô biên. Vì thọ, tưởng, hành, thức vô biên nên biết Bồ-tát cũng vô biên,

cho đến pháp Bất cộng cũng luận thuyết như vậy.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Sắc, tướng của sắc rỗng không, cho đến tướng của thức rỗng không, Bồ thí ba-la-mật và tướng của Bồ thí ba-la-mật rỗng không, cho đến Bát-nhã ba-la-mật, tướng của Bát-nhã ba-la-mật cũng rỗng không.

Nội không, tướng nội không là rỗng không, cho đến vô pháp hữu pháp không, tướng vô pháp hữu pháp không là rỗng không.

Bốn Niệm xứ, tướng của bốn Niệm xứ là rỗng không, cho đến pháp Bất cộng, tướng của pháp Bất cộng là rỗng không.

Pháp như, tướng của pháp như là rỗng không, cho đến tánh của chẳng thể nghĩ bàn, tướng của tánh chẳng thể nghĩ bàn là rỗng không.

Tam-muội môn, tướng của môn Tam-muội là rỗng không, cho đến Nhất thiết chủng trí, tướng của Nhất thiết chủng trí là rỗng không.

Thanh văn thừa, tướng Thanh văn thừa rỗng không, cho đến Phật thừa, tướng của Phật thừa rỗng không.

Hàng Thanh văn, tướng của hàng Thanh văn rỗng không, cho đến tướng của Phật là rỗng không.

Trong rỗng không thì sắc không thật có, thọ, tướng, hành, thức cũng không thật có. Do đó, sắc là Bồ-tát này cũng không thật có. Thọ, tướng, hành, thức là Bồ-tát này cũng không thật có.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Trong sắc, sắc không thật có. Trong thọ, sắc không thật có. Trong thọ, sắc không thật có. Trong thọ, thọ không thật có. Trong sắc, thọ không thật có. Trong tướng, tướng không thật có. Trong sắc, thọ, tướng không thật có. Trong hành, tướng không thật có. Trong hành, hành không thật có.

Trong sắc thì thọ, tướng, hành không thật có. Trong thức thì hành không thật có. Trong thức thì thức không thật có. Trong sắc thì thọ, tướng, hành, thức không thật có.

Này Xá-lợi-phất! Trong nhãn thì nhãn không thật có. Trong nhĩ thì nhãn không thật có. Trong nhĩ thì nhĩ không thật có. Trong nhãn thì nhĩ không thật có. Trong tỷ thì nhĩ không thật có. Trong tỷ thì tỷ

không thật có. Trong nhãn thì nhĩ, tử không thật có. Trong thiệt thì tử không thật có. Trong thiệt thì thiệt không thật có. Trong nhãn thì nhĩ, tử, thiệt không thật có. Trong thân thì thiệt không thật có. Trong thân thì thân không thật có. Trong ý thì thân không thật có. Trong ý thì ý không thật có. Trong nhãn thì nhĩ, tử, thiệt, thân, ý không thật có.

Như năm ấm và sáu Căn, sáu trần, sáu thức và sáu xúc cùng các thọ do sáu xúc làm duyên sinh ra cũng giống như vậy.

Bố thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn Niệm xứ đến mười tám pháp Bất cộng, tất cả pháp môn Tam-muội đến tất cả pháp môn Đà-la-ni, tánh pháp cho đến Bích-chi-phật pháp, Địa thứ nhất đến Địa thứ mười, Nhất thiết trí, Đạo chủng trí và Nhất thiết chủng trí cũng giống như vậy.

Tu-đà-hoàn cho đến Phật cũng giống như vậy.

Này Xá-lợi-phất! Trong Bồ-tát thì Bồ-tát không thật có. Trong Bát-nhã ba-la-mật thì Bồ-tát không thật có. Trong Bát-nhã ba-la-mật thì Bát-nhã ba-la-mật không thật có. Trong Bồ-tát thì Bát-nhã ba-la-mật không thật có. Trong Bát-nhã ba-la-mật thì giáo hóa không thật có không thật có. Trong giáo hóa thì giáo hóa không thật có. Trong giáo hóa thì Bồ-tát và Bát-nhã ba-la-mật không thật có.

Tất cả pháp không thật có như vậy. Do nhân duyên này nên trong tất cả loài, tất cả chỗ, Bồ-tát không thật có thì sẽ dạy các Bồ-tát nào về Bát-nhã ba-la-mật?

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Sắc là giả danh. Thọ, tưởng, hành, thức là giả danh. Sắc là chẳng phải thật sắc, cho đến thức là chẳng phải thật thức.

Vì sao? Vì danh, tướng của danh là rỗng không. Nếu rỗng không thì chẳng phải Bồ-tát. Do nhân duyên này nên Bồ-tát chỉ có giả danh.

Này Xá-lợi-phất! Bố thí ba-la-mật chỉ có tên gọi. Trong tên gọi chẳng thật có Bố thí ba-la-mật. Trong Bố thí ba-la-mật chẳng thật có tên gọi. Do nhân duyên này nên Bồ-tát chỉ có giả danh.

Như Bố thí ba-la-mật, năm pháp Ba-la-mật kia cũng giống như vậy.

Như sáu pháp Ba-la-mật, nội không cho đến vô hữu pháp không, bốn Niệm xứ cho đến pháp Bất cộng, pháp môn Tam-muội, pháp môn Đà-la-ni cho đến Nhất thiết chủng trí cũng giống như vậy. Do đó nên Bồ-tát chỉ có giả danh.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Ngã rốt ráo không thật có thì làm sao có sinh. Cho đến người biết, người thấy rốt ráo không thật có thì làm sao có sinh?

Sắc cho đến thức rốt ráo không thật có thì làm sao có sinh?

Nhãn cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra rốt ráo không thật có thì làm sao có sinh?

Bố thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật rốt ráo không thật có thì làm sao có sinh?

Nội không cho đến vô pháp hữu pháp không rốt ráo không thật có thì làm sao có sinh?

Bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng rốt ráo không thật có thì làm sao có sinh?

Pháp môn Tam-muội cho đến Nhất thiết chủng trí rốt ráo không thật có thì làm sao có sinh?

Thanh văn cho đến Phật rốt ráo không thật có thì làm sao có sinh?

Do nhân duyên này nên nói rằng như ngã, danh tự ngã cũng rốt ráo chẳng sinh.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Vì các pháp hòa hợp sinh nên không có tự tánh.

Thế nào hòa hợp sinh nên không có tự tánh?

Sắc hòa hợp sinh nên không có tự tánh.

Thọ, tưởng, hành, thức hòa hợp sinh nên không có tự tánh.

Nhãn cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra hòa hợp sinh nên không có tự tánh.

Bố thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật hòa hợp sinh nên không có tự tánh.

Bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng hòa hợp sinh nên không có tự tánh.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Tất cả pháp vô thường cũng không mất.

Xá-lợi-phất hỏi:

– Các pháp nào là vô thường cũng không mất?

Tu-bồ-đề nói:

– Sắc vô thường cũng không mất. Thọ, tưởng, hành, thức vô thường cũng không mất.

Vì sao? Vì nếu pháp vô thường thì là tướng lay động, tướng rỗng không. Do đó nên tất cả pháp hữu vi vô thường cũng không mất.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Hoặc pháp hữu lậu hoặc pháp vô lậu, hoặc pháp hữu ký, hoặc pháp vô ký, là pháp vô thường cũng không mất.

Vì sao? Vì pháp vô thường thì là tướng lay động, là tướng rỗng không. Do đó nên tất cả pháp có tạo tác vô thường cũng không mất.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Tất cả pháp chẳng phải thường, chẳng phải diệt.

Xá-lợi-phất hỏi:

– Các pháp nào chẳng phải thường, chẳng phải diệt?

Tu-bồ-đề nói:

– Sắc chẳng phải thường, chẳng phải diệt, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì sao? Vì tánh tự như vậy. Cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải thường, chẳng phải diệt. Vì sao? Vì tánh tự như vậy.

Do các nhân duyên trên đây, nên các pháp hòa hợp sinh không có tự tánh.

Xá-lợi-phất hỏi:

– Vì sao mà sắc cho đến thức rốt ráo chẳng sinh?

Tu-bồ-đề nói:

– Sắc cho đến thức chẳng phải pháp tạo tác, vì tác giả không thật có.

Nhân cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra chẳng phải pháp tạo tác, vì tác giả không thật có.

Tất cả pháp đều chẳng phải thật khởi, chẳng phải tác, vì tác giả không thật có.

Do đó nên sắc cho đến thức rốt ráo bất sinh.

Xá-lợi-phất hỏi:

– Vì sao rốt ráo chẳng sinh thì chẳng gọi là sắc cho đến thức?

Tu-bồ-đề nói:

– Tánh của sắc rỗng không, rỗng không này không có sinh, không có diệt, không có trụ, không có dị. Thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy.

Nhãn cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra và tất cả pháp hữu vi tánh là rỗng không. Rỗng không này không có sinh, diệt, trụ, dị.

Do đó nên rốt ráo chẳng sinh thì chẳng gọi là sắc. Rốt ráo chẳng sinh thì chẳng gọi là thọ, tưởng, hành, thức.

Xá-lợi-phất hỏi:

– Pháp rốt ráo chẳng sinh, có nên dạy Bát-nhã ba-la-mật này chăng?

Tu-bồ-đề nói:

– Rốt ráo chẳng sinh chính là Bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật chính là rốt ráo chẳng sinh. Bát-nhã ba-la-mật và rốt ráo chẳng sinh không hai, không khác. Do đó nên nói rằng rốt ráo chẳng sinh, nên dạy Bát-nhã ba-la-mật này.

Xá-lợi-phất hỏi:

– Vì sao xa lìa rốt ráo chẳng sinh thì không có Bồ-tát thực hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu-bồ-đề nói:

– Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì chẳng thấy rốt ráo chẳng sinh khác với Bát-nhã ba-la-mật, cũng chẳng thấy rốt ráo chẳng sinh khác với Bồ-tát, rốt ráo chẳng sinh và Bồ-tát không hai, không khác.

Chẳng thấy rốt ráo chẳng sinh khác với sắc, vì rốt ráo chẳng sinh và sắc không hai, không khác.

Chẳng thấy rốt ráo chẳng sinh khác với thọ, tưởng, hành, thức,

vì rốt ráo chẳng sinh và thọ, tưởng, hành, thức không hai, không khác. Cho đến Nhất thiết chủng trí cũng giống như vậy.

Do đó nên lìa rốt ráo chẳng sinh không có Bồ-tát thực hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá-lợi-phất hỏi:

– Vì sao Bồ-tát nghe nói những việc trên đây tâm chẳng chìm đắm, chẳng ăn năn, chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt, thì gọi là Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật?

Tu-bồ-đề nói:

– Đại Bồ-tát chẳng thấy các pháp có tướng giác tri. Đại Bồ-tát thấy tất cả các pháp như mộng, như tiếng vang, như ảnh, như ảo, như sóng nắng, như biến hóa. Do đó nên nghe nói những việc trên đây, Bồ-tát tâm chẳng chìm đắm, chẳng ăn năn, chẳng kinh hãi, chẳng sợ sệt.

Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật quán sát các pháp như vậy. Lúc ấy, Đại Bồ-tát chẳng lãnh thọ sắc, chẳng hiển bày sắc, chẳng an trụ sắc, chẳng chấp trước sắc, cũng chẳng nói là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy.

Với nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý chẳng lãnh thọ, chẳng hiển bày, chẳng an trụ, chẳng chấp trước, cũng chẳng nói là nhãn cho đến ý.

Bố thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, chẳng lãnh thọ, chẳng hiển bày, chẳng an trụ, chẳng chấp trước, cũng chẳng nói là Bố thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật.

Với nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, chẳng lãnh thọ, chẳng hiển bày, chẳng an trụ, chẳng chấp trước, cũng chẳng nói là nội không cho đến vô pháp hữu pháp không.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát đối với bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng cho đến Nhất thiết chủng trí, chẳng lãnh thọ, chẳng hiển bày, chẳng an trụ, chẳng chấp trước.

Bạch Đức Thế Tôn! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng thấy sắc, cho đến chẳng thấy Nhất thiết chủng trí.

Vì sao? Sắc chẳng sinh thì chẳng phải sắc. Thọ, tưởng, hành,

thức chẳng sinh thì chẳng phải thọ, tướng, hành, thức.

Nhãn chẳng sinh thì chẳng phải nhãn. Nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý chẳng sinh thì chẳng phải nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý.

Bố thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật chẳng sinh thì chẳng phải Bố thí ba-la-mật cho đến chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật.

Nội không cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng sinh thì chẳng phải nội không cho đến chẳng phải vô pháp hữu pháp không.

Vì sao? Sắc chẳng sinh thì chẳng hai, chẳng khác. Cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng sinh thì chẳng hai, chẳng khác.

Bạch Đức Thế Tôn! Bốn Niệm xứ chẳng sinh thì chẳng phải bốn Niệm xứ cho đến pháp Bất cộng chẳng sinh thì chẳng phải pháp Bất cộng.

Pháp như, pháp tánh cho đến tánh chẳng thể nghĩ bàn chẳng sinh thì chẳng phải pháp như cho đến chẳng phải tánh chẳng thể nghĩ bàn. Cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng sinh thì chẳng phải Nhất thiết chủng trí.

Vì sao? Bốn Niệm xứ đến Nhất thiết chủng trí chẳng sinh thì chẳng hai, chẳng khác. Bất sinh này chẳng phải một, chẳng phải hai, ba, chẳng phải khác nhau. Cho nên pháp ấy chẳng sinh thì chẳng phải pháp ấy.

Bạch Đức Thế Tôn! Sắc tướng chẳng diệt thì chẳng phải sắc.

Vì sao? Sắc và tướng chẳng diệt là chẳng hai, chẳng khác. Vì pháp chẳng diệt này chẳng phải một, chẳng phải hai, ba, chẳng phải khác. Cho nên sắc tướng chẳng diệt thì chẳng phải sắc.

Như sắc, còn thọ, tướng, hành, thức cho đến pháp Bất cộng cũng giống như vậy.

Do đó nên xếp sắc vào pháp số không hai, thọ, tướng, hành, thức vào trong pháp số không hai, cho đến xếp Nhất thiết chủng trí vào pháp số không hai.

Phẩm 26: KHÔNG SINH

Bấy giờ, Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật quán các pháp. Thế nào là Bồ-tát? Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật? Thế nào là quán?

Tu-bồ-đề nói:

–Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà phát tâm rộng lớn, cho nên gọi là Bồ-tát. Người này cũng biết tất cả pháp, tất cả tướng mà chẳng chấp trước, biết tướng của sắc cho đến biết tướng của pháp Bất cộng cũng chẳng chấp trước.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Thế nào là tất cả pháp tướng?

Tu-bồ-đề nói:

–Nếu dùng danh tự, nhân duyên hòa hợp... để biết các pháp, đây là sắc, đây là thanh, hương, vị, xúc, pháp, là pháp hữu vi, là pháp vô vi. Dùng tướng danh tự, ngữ ngôn để biết các pháp thì gọi là biết các pháp tướng.

Như lời Xá-lợi-phất hỏi, thế nào là Bát-nhã ba-la-mật? Vì xa lìa nên gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

Xa lìa các pháp nào? Xa lìa ấm, giới, nhập, xa lìa Ba-la-mật, xa lìa không, do đó nên xa lìa gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

Lại xa lìa bốn Niệm xứ cho đến xa lìa mười tám pháp Bất cộng, xa lìa trí Nhất thiết. Do đó nên xa lìa gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

Thế nào là quán? Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát quán sắc chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, chẳng phải lạc, chẳng phải khổ, chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã, chẳng phải không, chẳng phải bất không, chẳng phải tướng, chẳng phải vô tướng, chẳng phải tác, chẳng phải vô tác, chẳng phải vắng lặng, chẳng phải chẳng vắng lặng, chẳng phải lìa, chẳng phải chẳng lìa. Thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy. Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn Niệm xứ cho đến pháp Bất cộng, tất cả pháp môn Tam-muội cho

đến Nhất thiết chủng trí cũng giống như vậy. Đó gọi là Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật quán các pháp.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Vì sao sắc chẳng sinh là chẳng phải sắc; cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng sinh là chẳng phải Nhất thiết chủng trí?

Tu-bồ-đề nói:

–Sắc, tướng của sắc là rỗng không. Trong sắc không ấy chẳng có sắc cũng chẳng có sinh, cho đến Nhất thiết chủng trí cũng giống như vậy. Do đó nên sắc chẳng sinh là chẳng phải sắc, cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng sinh là chẳng phải Nhất thiết chủng trí.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Do nhân duyên gì mà nói sắc chẳng hai là chẳng phải sắc, cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng hai là chẳng phải Nhất thiết chủng trí?

Tu-bồ-đề nói:

–Có sắc là có chẳng hai, cho đến có Nhất thiết chủng trí là có chẳng hai. Tất cả các pháp này đều chẳng hợp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối một tướng, tức là không có tướng. Do đó nên sắc chẳng hai là chẳng phải sắc, cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng hai là chẳng phải Nhất thiết chủng trí.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Vì sao nói rằng sắc này được xếp vào pháp số chẳng hai, cho đến nhất thiết chủng trí vào pháp số chẳng hai?

Tu-bồ-đề nói:

–Sắc chẳng khác không sinh, không sinh chẳng khác sắc. Sắc tức là không sinh, không sinh tức là sắc. Do đó nên xếp sắc vào pháp số chẳng hai. Cho đến Nhất thiết chủng trí cũng giống như vậy.

Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật quán các pháp như vậy thì thấy sắc không sinh, vì rốt ráo thanh tịnh. Thấy thọ, tưởng, hành, thức không sinh vì rốt ráo thanh tịnh. Cho đến thấy Phật và pháp Phật không sinh, vì rốt ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất nói:

–Cứ theo nghĩa của Tu-bồ-đề nói mà tôi được nghe thì sắc là chẳng sinh, thọ, tưởng, hành, thức là chẳng sinh, cho đến Phật và pháp Phật là chẳng sinh.

Nếu như vậy thì lẽ ra nay chẳng nên được Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, quả A-na-hàm, A-la-hán, quả A-la-hán, Bích-chi-phật, đạo Bích-chi-phật, chẳng nên được Nhất thiết chủng trí của Đại Bồ-tát, cũng không có chúng sinh khác nhau trong sáu đường, chẳng nên được năm thứ Bồ-đề của Đại Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Nếu tất cả pháp là tướng chẳng sinh, vì sao Tu-đà-hoàn tu đạo để để dứt ba kết sử? Tư-đà-hàm tu đạo để để bào mỏng tham, sân, si? A-na-hàm tu đạo để để dứt năm kết sử phần hạ? A-la-hán tu đạo để để dứt năm kết sử phần thượng? Bích-chi-phật vì pháp Bích-chi-phật nên tu đạo? Vì sao Đại Bồ-tát vì chịu khổ thay cho chúng sinh mà làm những việc khó làm? Vì sao Phật chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Vì sao Phật chuyển pháp luân?

Tu-bồ-đề nói:

–Tôi chẳng muốn cho pháp không sinh có sở đắc. Tôi cũng chẳng muốn cho trong pháp không sinh có được Tu-đà-hoàn và quả Tu-đà-hoàn, cho đến có được Bích-chi-phật và đạo Bích-chi-phật. Tôi cũng chẳng muốn trong pháp không sinh có Bồ-tát làm việc khó làm để thay thế chịu khổ cho chúng sinh, Bồ-tát cũng chẳng dùng tâm khó làm để hành đạo.

Vì sao? Vì nếu sinh tâm khó, tâm khổ thì chẳng thể lợi ích cho vô lượng, vô số chúng sinh.

Này Xá-lợi-phất! Nay đây Bồ-tát thương xót chúng sinh. Với chúng sinh, Bồ-tát tưởng như cha mẹ, anh em, con cháu, cũng tưởng như thân mình. Thế nên Bồ-tát có thể lợi ích cho vô lượng, vô số chúng sinh, vì pháp dụng không thật có.

Bồ-tát nên nghĩ: “Như ngã không thật có, đối với tất cả loài, tất cả chỗ, nội pháp, ngoại pháp cũng giống như vậy, đều không thật có.” Nếu sinh tâm như trên đây thì Bồ-tát không có tâm khó, tâm

khổ. Vì sao? Vì Bồ-tát này đối với tất cả loài, tất cả chỗ, tất cả pháp đều chẳng lãnh thọ.

Này Xá-lợi-phất! Tôi cũng chẳng muốn cho trong không sinh có Phật chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong không sinh có chuyển pháp luân, tôi cũng chẳng muốn dùng pháp không sinh để đắc đạo.

Xá-lợi-phất nói:

–Nay Tu-bồ-đề muốn dùng pháp sinh để đắc đạo hay pháp không sinh để đắc đạo?

Tu-bồ-đề nói:

–Tôi chẳng muốn dùng pháp sinh để đắc đạo.

Xá-lợi-phất nói:

–Vậy thì Tu-bồ-đề muốn dùng pháp không sinh để đắc đạo phải không?

Tu-bồ-đề nói:

–Tôi cũng chẳng muốn dùng pháp Vô sinh để đắc đạo.

Xá-lợi-phất nói:

–Như lời Tu-bồ-đề nói thì là vô tri, vô đắc.

Tu-bồ-đề nói:

–Có tri, có đắc không phải hai pháp. Nay theo danh tự thế gian nên có tri, có đắc. Theo danh tự thế gian nên có Tu-đà-hoàn cho đến có chư Phật.

Trong Đệ nhất nghĩa đế thì vô tri, vô đắc, cũng không có Tu-đà-hoàn cho đến không có chư Phật.

Xá-lợi-phất nói:

–Nếu theo danh tự thế gian nên có tri, có đắc, thời sáu loài khác nhau cũng do danh tự thế gian mà có, chẳng phải Đệ nhất nghĩa đế.

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng vậy, theo danh tự thế gian nên có tri, có đắc. Sáu loài khác nhau cũng do danh tự thế gian mà có, chẳng phải Đệ nhất nghĩa đế.

Vì sao? Vì trong Đệ nhất nghĩa đế không có nghiệp, không có

báo, không có sinh, không có diệt, không có sạch, không có nhơ.

Xá-lợi-phất hỏi:

– Pháp chẳng sinh có sinh chăng? Pháp sinh có sinh chăng?

Tu-bồ-đề nói:

– Tôi chẳng muốn làm cho pháp chẳng sinh có sinh, cũng chẳng muốn làm cho pháp sinh có sinh.

Xá-lợi-phất hỏi:

– Pháp chẳng sinh nào không muốn cho sinh?

Tu-bồ-đề nói:

– Sắc là pháp chẳng sinh, tự tánh nó rỗng không chẳng muốn cho sinh. Cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là pháp chẳng sinh, tự tánh nó rỗng không, chẳng muốn cho sinh.

Xá-lợi-phất hỏi:

– Sinh có sinh hay chẳng sinh mà sinh?

Tu-bồ-đề nói:

– Chẳng phải sinh có sinh, cũng chẳng phải chẳng sinh có sinh.

Vì sao? Vì sinh và chẳng sinh là hai pháp chẳng hợp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, một tướng, tức là không có tướng. Do đó nên chẳng phải sinh có sinh, cũng chẳng phải chẳng sinh có sinh.

Xá-lợi-phất nói:

– Tu-bồ-đề khéo ưa thích nói về pháp không sinh và tướng không sinh.

Tu-bồ-đề nói:

– Tôi thích nói pháp không sinh và tướng không sinh.

Vì sao? Vì pháp không sinh, tướng không sinh và những lời thích nói đều chẳng hợp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, một tướng, tức là không có tướng.

Xá-lợi-phất nói:

– Tu-bồ-đề ưa thích nói pháp chẳng sinh, cũng ưa thích nói tướng chẳng sinh, những lời thích nói này cũng chẳng sinh.

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng vậy, vì sắc chẳng sinh cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng sinh. Do đó nên tôi thích nói pháp chẳng sinh, cũng thích nói tướng chẳng sinh, lời ưa thích nói này cũng chẳng sinh.

Xá-lợi-phất nói:

–Trong những người nói pháp, Tu-bồ-đề xứng đáng là người trên hết. Vì có hỏi điều chi, Tu-bồ-đề đều đáp được cả.

Tu-bồ-đề nói:

–Vì các pháp không có sở y.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Thế nào là các pháp không có sở y?

Tu-bồ-đề nói:

–Tánh sắc thường không, chẳng nương tựa trong, chẳng nương tựa ngoài, chẳng nương tựa chính giữa. Cho đến tánh của Nhất thiết chủng trí thường không, chẳng nương tựa trong, chẳng nương tựa ngoài, chẳng nương tựa chính giữa. Do đó nên tất cả pháp không chỗ nương tựa, vì tánh thường không.

Này Xá-lợi-phất! Thế nên Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật phải thanh tịnh sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến phải thanh tịnh Nhất thiết chủng trí.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Thế nào Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật làm thanh tịnh Bồ-tát đạo?

Tu-bồ-đề nói:

–Có Bồ thí ba-la-mật thế gian, có Bồ thí ba-la-mật xuất thế gian. Năm pháp Ba-la-mật kia cũng đều có thế gian và xuất thế gian.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Thế nào là Bồ thí ba-la-mật thế gian? Thế nào là Bồ thí ba-la-mật xuất thế gian?

Tu-bồ-đề nói:

–Nếu Đại Bồ-tát làm thí chủ bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn và người nghèo đi xin: cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần mặc cho áo, cần chỗ ở cho chỗ ở, cần tiền bạc, châu báu, hoa hương cho tiền

bạc, châu báu, hoa hương, cần thuốc men cho thuốc men, tất cả thứ cần dùng đều cung cấp cho.

Lúc bố thí, Bồ-tát nghĩ rằng: “Ta cho họ nhận, tôi chẳng bỏn sẻn, tham lam, tôi là thí chủ, tôi có khả năng thí xả tất cả, tôi y theo lời Phật dạy mà thực hành Bồ thí ba-la-mật.”

Bố thí xong, Bồ-tát dùng pháp đã được, cùng tất cả chúng sinh hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà nghĩ rằng nhân duyên bố thí này giúp chúng sinh được sự an vui đời nay, về sau khiến họ được sự an vui nhập Niết-bàn.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát này bố thí có ba điều chướng ngại: Một là ngã tướng, hai là tha tướng, ba là thí tướng. Vì bố thí mà có ba tướng này nên gọi là Bồ thí ba-la-mật thế gian.

Thế nào gọi là thế gian? Vì còn ở trong thế gian chẳng đổi dời, chẳng siêu xuất.

Này Xá-lợi-phất! Thế nào gọi là Bồ thí ba-la-mật xuất thế gian? Chính là ba phần thanh tịnh.

Ba phần thanh tịnh là: Lúc bố thí, Đại Bồ-tát chẳng thấy có mình cho, chẳng thấy có người nhận, chẳng thấy có vật bố thí, cũng chẳng mong được báo đáp. Đó gọi là Đại Bồ-tát ba phần thanh tịnh Bồ thí ba-la-mật.

Lại lúc bố thí, Đại Bồ-tát bố thí cho tất cả chúng sinh mà không thấy có chúng sinh, hồi hướng sự bố thí này về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến không thấy có pháp tướng sâu kín.

Đó gọi là Bồ thí ba-la-mật xuất thế gian.

Thế nào gọi là xuất thế gian? Vì trong thế gian có thể đổi dời, có thể siêu xuất.

Năm môn Ba-la-mật kia nếu có sự y cứ thì gọi là thế gian, nếu không có sự y cứ thì gọi là xuất thế gian, ngoài ra như đã giải thích về Bồ thí ba-la-mật. Lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, Đại Bồ-tát thanh tịnh đạo Bồ-tát như vậy.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Thế nào là Đại Bồ-tát vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu-bồ-đề nói:

–Tu hành bốn Niệm xứ là Đại Bồ-tát vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến tám phần Thánh đạo, môn giải thoát, nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không, tất cả pháp môn Tam-muội và môn Đà-la-ni, mười Lục, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, đó gọi là Đại Bồ-tát vì đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá-lợi-phất khen:

–Lành thay, lành thay! Nay Tu-bồ-đề! Thế nào là Năng lực ba-la-mật?

Tu-bồ-đề nói:

–Là Năng lực Bát-nhã ba-la-mật, vì Bát-nhã ba-la-mật có công năng sinh ra tất cả pháp lành của Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát và Phật.

Bát-nhã ba-la-mật có công năng nạp thọ tất cả pháp lành, hoặc pháp Thanh văn, pháp Bích-chi-phật, hoặc pháp Bồ-tát và pháp Phật.

Này Xá-lợi-phất! Chư Phật quá khứ thực hành Bát-nhã ba-la-mật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chư Phật vị lai cũng thực hành Bát-nhã ba-la-mật sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hiện tại nay, chư Phật trong các cõi nước ở mười phương cũng thực hành Bát-nhã ba-la-mật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu lúc nghe nói Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng nghi ngờ, chẳng cho là khó, thì nên biết Đại Bồ-tát này thực hành đạo Bồ-tát.

Người thực hành đạo Bồ-tát vì cứu tất cả chúng sinh nên tâm chẳng lìa bỏ tất cả chúng sinh, bởi không thật có.

Bồ-tát phải thường chẳng lìa niệm này: chính là niệm đại Bi.

Xá-lợi-phất lại hỏi:

–Muốn khiến cho Đại Bồ-tát thường chẳng lìa niệm này: chính là niệm đại Bi. Nếu Đại Bồ-tát thường chẳng lìa niệm đại Bi, thì nay đây tất cả chúng sinh sẽ thành Bồ-tát, vì tất cả chúng sinh cũng chẳng lìa các niệm.

Tu-bồ-đề nói:

–Lành thay, lành thay! Xá-lợi-phất muốn hỏi tôi mà trở thành giải nghĩa cho tôi.

Vì sao? Vì chúng sinh không thật có nên niệm cũng không. Vì chúng sinh tánh không thật có nên niệm tánh cũng không. Vì chúng sinh pháp không thật có nên niệm pháp cũng không. Vì chúng sinh lìa nên niệm cũng lìa. Vì chúng sinh rỗng không nên niệm cũng rỗng không. Vì chúng sinh không thể biết nên niệm cũng không thể biết.

Này Xá-lợi-phất! Vì sắc không thật có nên niệm cũng không. Vì sắc tánh không thật có nên niệm tánh cũng không. Vì sắc pháp không thật có nên niệm pháp cũng không. Vì sắc lìa nên niệm cũng lìa. Vì sắc rỗng không nên niệm cũng rỗng không. Vì sắc không thể biết nên niệm cũng không thể biết. Cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng giống như vậy.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát thực hành đạo Bồ-tát, tôi muốn chẳng lìa niệm này: chính là niệm đại Bi.

Bấy giờ, Đức Phật khen:

–Lành thay, lành thay! Đây chính là Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát. Ai muốn nói thì phải nói như vậy.

Tu-bồ-đề nói về Bát-nhã ba-la-mật đều là vâng theo ý Phật. Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật phải học như lời của Tu-bồ-đề nói.

Lúc Tu-bồ-đề nói phẩm Bát-nhã ba-la-mật, cõi tam thiên đại thiên rung chuyển sáu cách.

Bấy giờ, Đức Phật mỉm cười.

Tu-bồ-đề thưa hỏi duyên do.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Như ta nói Bát-nhã ba-la-mật tại cõi nước này, trong vô lượng, vô số cõi nước ở khắp mười phương, chư Phật cũng nói Bát-nhã ba-la-mật như vậy.

Lúc Đức Phật nói phẩm Bát-nhã ba-la-mật, có mười hai na-do-tha người, trời được pháp Nhẫn vô sinh.

Lúc mười phương chư Phật nói Bát-nhã ba-la-mật cũng có vô lượng, vô số chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

M

Phẩm 27: VUA TRỜI

Bấy giờ, trong tam thiên đại thiên thế giới, các vị trời ở tầng trời tứ Thiên vương cùng vô số trăm ngàn ức vị trời đồng đến pháp hội.

Các vị vua trời Dao-lợi cùng vô số trăm ngàn ức vua trời, các vị vua trời Dạ-ma cùng vô số trăm ngàn ức vị vua trời, các vị vua trời Đâu-suất cùng vô số trăm ngàn ức vị vua trời, các vị vua trời Hóa lạc, cùng vô số trăm ngàn ức vị vua trời, các vị vua trời Tự tại, cùng vô số trăm ngàn ức vị vua trời, các vị vua trời Phạm cho đến vua trời Đại tự tại, cùng vô số trăm ngàn ức vị vua trời đồng đến pháp hội.

Thân phát ra ánh sáng do nghiệp báo sinh của bốn vị thiên vương cho đến các vị trời Đại tự tại so với ánh sáng bình thường của Đức Phật không bằng một phần muôn ức, đứng ở bên Phật khác nào cây cột cháy nám sánh với đồng vàng Diêm-phù-đàn.

Thích Đề-hoàn nhân, vị vua trời của tầng trời Dao-lợi bạch Tu-bồ-đề:

–Các vị vua trời ở đây đều muốn nghe Đại đức Tu-bồ-đề nói Bát-nhã ba-la-mật.

Bạch ngài Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát nên an trụ trong Bát-nhã ba-la-mật như thế nào? Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát? Thế nào là Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật?

Tu-bồ-đề nói:

–Này Kiều-thi-ca! Tôi sẽ nương vào ý của Đức Phật và nương thân lực Phật mà nói Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát, đúng như chỗ các Đại Bồ-tát phải an trụ trong Bát-nhã ba-la-mật.

Nay các vị trời nào chưa phát tâm Vô thượng Chánh đẳng

Chánh giác thì nên phát tâm. Người nào nhập chánh vị Thanh văn thì chẳng thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì chướng cách với sinh tử.

Người này nếu phát tâm Bồ-đề, tôi cũng tùy hỷ. Vì bậc thượng nhân phải cầu thượng pháp. Tôi không bao giờ dứt bật công đức của họ.

Này Kiều-thi-ca! Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật?

Đại Bồ-tát đúng với tâm của Nhất thiết trí để nhớ nghĩ sắc là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã. Tư niệm sắc như bệnh, như mụn nhọt vỡ bể, như mũi tên ghim vào thân, làm cho đau đớn, suy hoại, lo sợ chẳng an, vì không thật có.

Nhớ nghĩ thọ, tưởng, hành, thức cho đến địa thủy, hỏa, phong không thức, sáu đại chủng cũng giống như vậy, vì đều không thật có.

Bồ-tát lại quán sắc đến thức chủng là vắng lặng, là lìa, là bất sinh, là bất diệt, là bất cấu, là bất tịnh, vì không thật có.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Đại Bồ-tát đúng với tâm của Nhất thiết trí quán vô minh duyên ra các hành, cho đến nhân duyên già chết, nhóm họp những sự khổ lớn, vì cũng không thật có.

Đại Bồ-tát quán vì vô minh diệt nên các hành diệt, cho đến vì sinh diệt nên già chết diệt. Vì già chết diệt nên nhóm khổ lớn lo buồn khổ não cũng diệt, vì không thật có.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Đại Bồ-tát đúng với tâm của Nhất thiết trí tu bốn Niệm xứ, vì không thật có. Cho đến tu mười tám pháp Bất cộng, vì không thật có.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Đại Bồ-tát đúng với tâm của Nhất thiết trí mà thực hành Bồ thí ba-la-mật cho đến Thiền định ba-la-mật, vì không thật có nên không thật có.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát quán như vậy: Chỉ có các pháp và các pháp làm nhân duyên cho nhau mà có nhuận ích, tăng trưởng, phân biệt, so lường, trong đây không có ngã và ngã sở.

Tâm hồi hướng của Bồ-tát chẳng ở trong tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm Bồ-đề chẳng ở trong hồi hướng.

Đối với tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm hồi hướng không thật có.

Ở trong tâm hồi hướng, tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thật có.

Đại Bồ-tát đầu quán tất cả pháp, nhưng cũng không có pháp thật có.

Đó gọi là Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Tu-bồ-đề:

–Thế nào là tâm hồi hướng của Bồ-tát chẳng ở trong tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến ở trong tâm hồi hướng, tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thật có.

Tu-bồ-đề nói:

–Này Kiều-thi-ca! Tâm hồi hướng và tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng phải tâm, chẳng phải tướng của tâm.

Trong chẳng phải tướng của tâm thì không thể hồi hướng. Chẳng phải tâm tướng này thường chẳng phải tâm tướng. Chẳng thể tướng nghĩ bàn thường là chẳng thể tướng nghĩ bàn. Đó gọi là Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Đức Phật khen:

–Lành thay, lành thay! Tu-bồ-đề vì các Đại Bồ-tát mà nói Bát-nhã ba-la-mật, an ủi tâm các vị Đại Bồ-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con phải báo ân, không nên không báo ân.

Thuở quá khứ, chư Phật và các đệ tử vì hàng Đại Bồ-tát nói sáu pháp Ba-la-mật dạy bảo lợi ích vui mừng. Lúc ấy Đức Thế Tôn cũng ở nơi đó học được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hôm nay con cũng phải vì các Bồ-tát nói sáu pháp Ba-la-mật, dạy bảo lợi ích vui mừng, khiến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Kiều-thi-ca! Ngài nên nghe chỗ an trụ và chỗ chẳng nên an trụ trong Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Này Kiều-thi-ca! Sắc sắc rỗng không, cho đến thức thức rỗng không, Bồ-tát Bồ-tát rỗng không.

Sắc không và Bồ-tát không này chẳng hai, chẳng khác, cho đến thức không và Bồ-tát không chẳng hai, chẳng khác.

Này Kiều-thi-ca! Trong Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát nên an trụ như vậy.

Lại nhãn nhãn rỗng không, cho đến ý ý rỗng không, Bồ-tát Bồ-tát rỗng không.

Nhãn không cho đến Bồ-tát không chẳng hai, chẳng khác.

Sáu trần, cũng như thế, địa chủng địa chủng không, cho đến thức chủng thức chủng không, Bồ-tát Bồ-tát rỗng không. Này Kiều-thi-ca! Địa chủng không cho đến thức chủng không, Bồ-tát không chẳng hai, chẳng khác.

Vô minh vô minh rỗng không cho đến già chết già chết rỗng không. Vô minh diệt vô minh diệt rỗng không, cho đến già chết diệt già chết diệt rỗng không, Bồ-tát Bồ-tát rỗng không. Này Kiều-thi-ca! Vô minh không cho đến già chết diệt không và Bồ-tát không chẳng hai, chẳng khác.

Này Kiều-thi-ca! Trong Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát phải an trụ như vậy.

Lại Bồ thí ba-la-mật cho đến Nhất thiết chủng, Nhất thiết chủng trí trí rỗng không, Bồ-tát Bồ-tát rỗng không.

Nhất thiết chủng trí không và Bồ-tát không chẳng hai, chẳng khác.

Này Kiều-thi-ca! Trong Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát phải an trụ như vậy.

Thế nào là chỗ chẳng nên an trụ trong Bát-nhã ba-la-mật?

Này Kiều-thi-ca! Đại Bồ-tát chẳng nên an trụ trong sắc, thọ, tưởng, hành, thức, vì có sở đắc. Chẳng nên an trụ trong nhãn cho đến ý. Chẳng nên an trụ trong sắc cho đến pháp. Chẳng nên an trụ trong nhãn thức cho đến ý thức. Chẳng nên an trụ trong các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, vì có sở đắc.

Chẳng nên an trụ trong Bồ thí ba-la-mật cho đến Nhất thiết chủng trí, vì có sở đắc.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Đại Bồ-tát đối với sắc là thường, sắc là vô thường, sắc là lạc, là khổ, sắc là tịnh, sắc là bất tịnh, sắc là ngã, sắc là vô ngã, sắc là không, sắc là bất không, sắc là vắng lặng, sắc là chẳng vắng lặng, sắc là lia, sắc là chẳng lia, đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc. Như sắc, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Đại Bồ-tát đối với tướng vô vi và ruộng phước của quả Tu-đà-hoàn, cho đến của Phật đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc.

Đại Bồ-tát đối với Địa thứ nhất cho đến Địa thứ mười đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc.

Trong lúc mới phát tâm, ta phải đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, sẽ nhập vào địa vị Bồ-tát, sẽ ở bậc không thoái chuyển, có đủ năm thứ thần thông, như thế Đại Bồ-tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc.

Có đủ năm thứ thần thông rồi ta sẽ đến vô lượng, vô số cõi Phật để lễ kính cúng dường, nghe chư Phật nói pháp, nghe xong nói lại cho người khác nghe như vậy, Đại Bồ-tát đều chẳng nên trụ, vì có sở đắc.

Như cõi nước trang nghiêm thanh tịnh của chư Phật, tôi sẽ trang nghiêm thanh tịnh cõi nước như vậy, sẽ thành tựu chúng sinh, khiến họ nhập vào Phật đạo, sẽ đến chỗ vô lượng, vô số chư Phật để khen ngợi, cung kính, cúng dường, sẽ giúp cho vô lượng, vô số chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như vậy, Đại Bồ-tát đều chẳng nên trụ, vì có sở đắc.

Tôi sẽ sinh năm loại mắt, sẽ sinh tất cả Tam-muội, tất cả Đà-la-ni, sẽ được mười Lực, bốn Vô úy, bốn Vô ngại trí, mười tám pháp Bất cộng, sẽ đầy đủ đại Từ bi, ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình đẹp. Tất cả như vậy, Đại Bồ-tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc.

Đây là Bát nhân, tín hành nhân, pháp hành nhân, Tu-đà-hoàn còn sinh bảy đời, Tu-đà-hoàn khi qua đời dứt sạch phiền não, Tu-đà-

hoàn trung gian nhập Niết-bàn, người này hưởng về chứng quả Tư-đà-hàm, Tư-đà-hàm một đời nhập Niết-bàn, người này hưởng về chứng quả A-na-hàm, A-na-hàm nơi kia nhập Niết-bàn, người này hưởng về chứng quả A-la-hán, A-la-hán đời này nhập Niết-bàn Vô dư, người này là Bích-chi-phật, trụ Bồ-tát địa, vượt hơn Thanh văn, Bích-chi-phật, được Đạo chủng trí, Nhất thiết chủng trí, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ chuyển pháp luân, làm Phật sự độ vô lượng chúng sinh nhập Niết-bàn. Tất cả như vậy, Đại Bồ-tát đều chẳng nên trụ, vì có sở đắc.

Được bốn Như ý túc, trụ trong Tam-muội này sẽ sống lâu với số kiếp như số cát sông Hằng, sẽ được ba mươi hai tướng, mỗi tướng có trăm phước trang nghiêm, thế giới của ta như hằng sa thế giới ở mười phương, đại thiên thế giới của ta thuần là Kim cang, cây bồ-đề của ta sẽ phát ra mùi thơm giúp cho chúng sinh dứt sạch thân bệnh và tâm bệnh, chúng sinh nghe mùi thơm này sẽ dứt sạch tham, sân, si, cũng không có tâm Thanh văn, Bích-chi-phật, tất cả sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tất cả như vậy, Đại Bồ-tát đều chẳng nên an trụ, vì có sở đắc.

Sẽ khiến trong thế giới của ta không có tên gọi về sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không có tên gọi Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, không có danh tự bốn Niệm xứ cho đến pháp Bất cộng, cũng không có tên gọi Tu-đà-hoàn cho đến Phật. Tất cả như vậy, Đại Bồ-tát đều chẳng nên trụ, vì có sở đắc.

Vì sao? Vì chư Phật lúc đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả pháp đều không sở đắc.

Này Kiều-thi-ca! Thế nên đối với Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát chẳng nên an trụ, vì có sở đắc.

Xá-lợi-phất nghĩ: “Nay Bồ-tát phải an trụ trong Bát-nhã ba-la-mật thế nào?”

Biết tâm niệm của Xá-lợi-phất, Tu-bồ-đề nói:

–Này Xá-lợi-phất! Theo ý Tôn giả thì chư Phật an trụ chỗ nào?

Xá-lợi-phất nói:

–Chư Phật không có chỗ trụ. Chư Phật chẳng trụ trong sắc, chẳng trụ trong thọ, tưởng, hành, thức, chẳng trụ trong tánh hữu vi,

trong tánh vô vi, chẳng an trụ trong bốn Niệm xứ cho đến pháp Bất cộng, chẳng an trụ trong Nhất thiết chủng trí.

Trong Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát phải an trụ như chư Phật an trụ. Đối với tất cả pháp chẳng phải an trụ, chẳng phải chẳng an trụ.

Trong Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát phải học như vậy, phải an trụ trong pháp chẳng trụ.

Bấy giờ trong pháp hội có các vị trời nghĩ rằng lời nói, câu chữ của các Dạ-xoa còn có thể biết rõ được, Đại đức Tu-bồ-đề luận bàn, giải thích Bát-nhã ba-la-mật, chúng tôi hoàn toàn chẳng biết chi cả.

Tu-bồ-đề biết tâm niệm của các vị trời nên hỏi rằng:

–Các ngài chẳng hiểu, chẳng biết phải không?

Các vị trời nói:

–Bạch Đại đức! Chúng tôi chẳng hiểu, chẳng biết.

Tu-bồ-đề nói:

–Lẽ ra thì các ngài phải chẳng biết, còn tôi thì không có luận nói, cho đến chẳng có một chữ, cũng không có người nghe.

Vì sao? Vì các chữ chẳng phải Bát-nhã ba-la-mật. Trong Bát-nhã ba-la-mật không có người nghe.

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật không có chữ, không có lời.

Này các vị! Như Đức Phật biến hóa thành hóa nhân. Hóa nhân này lại biến hóa thành bốn bộ chúng Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc và Ưu-bà-di. Hóa nhân ở giữa bốn bộ chúng này nói pháp.

Ý các vị nghĩ sao, trong đó có người nói, có người nghe, có người hiểu chẳng?

Các vị trời nói:

–Bạch Đại đức, không có!

Tu-bồ-đề nói:

–Này các vị! Tất cả pháp đều như biến hóa, trong đó không có người nói, không có người nghe, cũng không có người biết.

Này các vị! Ví như có người chiêm bao thấy Phật nói pháp. Ý

các vị nghĩ sao? Trong đó có người nói, người nghe và người hiểu hay chẳng?

Các vị trời nói:

–Bạch Đại đức, không có!

Tu-bồ-đề nói:

–Này các vị! Tất cả pháp đều như chiêm bao, không có người nói, không có người nghe, không có người hiểu. Này các vị! Ví như có hai người, mỗi người ở một bên bờ khe sâu lên tiếng khen ngợi Phật, Pháp và Tăng phát ra hai tiếng vang. Ý các vị nghĩ sao? Hai tiếng vang ấy có hiểu lẫn nhau chẳng?

Các Thiên tử nói:

–Bạch Đại đức, không!

Tu-bồ-đề nói:

–Này các vị! Tất cả pháp cũng như tiếng vang, không có người nói, không có người nghe, không có người hiểu. Này các vị, như nhà ảo thuật giỏi, ở ngã tư đường hóa thành Phật và bốn bộ chúng rồi nói pháp. Ý các vị nghĩ sao? Trong đó có người nói, người nghe, người hiểu hay không?

Các vị trời nói:

–Bạch Đại đức, không có!

Tu-bồ-đề nói:

–Này các vị! Tất cả pháp như huyễn ảo, trong đó không có người nói, người nghe, cũng không có người hiểu.

Bấy giờ các vị trời nghĩ rằng Đại đức Tu-bồ-đề giải thích muốn cho dễ hiểu mà trở lại càng thâm, càng diệu.

Tu-bồ-đề biết tâm niệm của các vị trời nên nói rằng:

–Này các vị! Sắc chẳng phải thâm, chẳng phải diệu, thọ, tưởng, hành, thức chẳng phải thâm, chẳng phải diệu. Tánh sắc cho đến tánh thức chẳng phải thâm, chẳng phải diệu. Tánh nhãn đến tánh ý, tánh sắc cho đến tánh pháp, tánh nhãn giới cho đến tánh ý thức giới, nhãn xúc cho đến ý xúc, các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra đều chẳng phải thâm, chẳng phải diệu.

Bố thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn Niệm xứ cho đến pháp Bất cộng, tất cả Tam-muội cho đến tất cả Đà-la-ni, Nhất thiết chủng trí và Nhất thiết chủng trí tánh đều chẳng phải thâm, chẳng phải diệu.

Các vị trời nghĩ rằng trong nói pháp ấy chẳng nói sắc cho đến chẳng nói Nhất thiết chủng trí, chẳng nói quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, chẳng nói đạo Bích-chi-phật, chẳng nói đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đạo, đối với các pháp ấy chẳng nói danh tự ngữ ngôn.

Tu-bồ-đề biết tâm niệm các vị trời bèn nói rằng:

–Này các vị, đúng vậy! Trong pháp ấy, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của chư Phật không có tướng nói được, trong ấy không có người nói, không có người nghe, không có người biết.

Này các vị! Do đó nên thiện nam, người thiện nữ nào nếu muốn an trụ quả Tu-đà-hoàn, muốn y chứng quả Tu-đà-hoàn, người này chẳng lìa trí nhẫn trên đây. Người muốn an trụ, muốn chứng quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi-phật và Phật đạo, người này chẳng lìa trí nhẫn trên đây.

Này các vị! Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm, đối với Bát-nhã ba-la-mật, phải an trụ như vậy. Vì không có nói, không có nghe.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 8

Phẩm 28: NGƯỜI HUYỄN NGHE PHÁP

Bấy giờ, các vị trời nghĩ rằng:

–Nên dùng những người nào để nghe pháp do Đại đức Tu-bồ-đề nói?

Biết tâm niệm của các vị trời, Tu-bồ-đề nói:

–Này các vị! Như người huyễn hóa nghe pháp, tôi phải dùng người như vậy. Vì người như vậy không có nghe, không có hiểu, không có chứng.

Các vị trời hỏi:

–Bạch Đại đức! Chúng sinh như huyễn, người nghe pháp cũng như huyễn chẳng? Chúng sinh như hóa, người nghe pháp cũng như hóa chẳng?

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng vậy, này các vị! Chúng sinh như huyễn, người nghe pháp cũng như huyễn. Chúng sinh như hóa, người nghe pháp cũng như hóa.

Này các vị! Ngã như huyễn, như mộng, chúng sinh cho đến người biết, người thấy cũng như huyễn, như mộng.

Sắc cho đến thức, nhãn cho đến ý, sắc cho đến pháp, nhãn thức cho đến ý thức, nhãn xúc cho đến ý xúc, các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng như huyễn, như mộng.

Nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng cũng đều như huyễn, như mộng.

Quả Tư-đà-hoàn cho đến Phật đạo cũng như huyễn, như mộng.

Các vị trời hỏi:

–Đại đức nói Phật đạo như huyễn, như mộng. Đối với Niết-bàn, Đại đức cũng nói như huyễn, như mộng chẳng?

Tu-bồ-đề nói:

–Tôi nói Phật đạo như huyễn, như mộng, tôi nói Niết-bàn cũng như huyễn, như mộng. Nếu còn có pháp nào hơn Niết-bàn tôi nói cũng như huyễn, như mộng. Vì sao? Vì huyễn mộng và Niết-bàn không hai, không khác.

Bấy giờ, các Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Ma-ha Câu-si-la, Ma-ha Ca-chiên-diên, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, Ma-ha Ca-diếp và vô số Bồ-tát hỏi Tu-bồ-đề:

–Bát-nhã ba-la-mật như vậy rất sâu xa, khó thấy, khó hiểu, khó biết, vắng lặng nhiệm mầu. Ai sẽ là người lãnh thọ được?

Tôn giả A-nan nói với các đại đệ tử và các vị Bồ-tát:

–Các Đại Bồ-tát không thoái chuyển có khả năng lãnh thọ Bát-nhã ba-la-mật rất sâu, khó thấy, khó hiểu, khó biết, vắng lặng nhiệm mầu này. Những người thành tựu chánh kiến, những bậc A-la-hán lậu tận, sở nguyện đã mãn cũng có khả năng tin nhận.

Lại các thiện nam, thiện nữ đã gặp nhiều Đức Phật, ở chỗ chư Phật đã cúng dường nhiều trông căn lành, thường gần gũi Thiện tri thức, có căn tánh lành lợi, những người này có thể lãnh thọ, chẳng nói là phải hay chẳng phải.

Tu-bồ-đề nói:

–Chẳng dùng không để phân biệt sắc, chẳng dùng sắc để phân biệt không, chẳng dùng vô tướng, vô tác để phân biệt sắc, chẳng dùng sắc để phân biệt vô tướng, vô tác, chẳng dùng không sinh, không diệt, vắng lặng và xa lìa để phân biệt sắc, chẳng dùng sắc để phân biệt không sinh, không diệt, vắng lặng và xa lìa. Như sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy, nhãn đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra cũng giống như vậy. Bồ thí ba-la-mật đến Nhất thiết chủng trí cũng giống như vậy. Chẳng dùng không cho đến xa lìa để phân biệt Nhất thiết chủng trí, chẳng dùng Nhất thiết chủng trí để phân biệt không.

Tu-bồ-đề lại bảo các vị trời:

–Bát-nhã ba-la-mật rất sâu xa này ai có khả năng lãnh thọ? Đây các vị! Trong Bát-nhã ba-la-mật này không có pháp chỉ bày được, không có pháp luận bàn được. Nếu đã không có pháp chỉ bày được, không có pháp giảng nói được, thì người lãnh thọ cũng không thể được.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Trong Bát-nhã ba-la-mật nói rộng giáo pháp ba thừa và giáo pháp bao gồm Bồ-tát từ người mới phát tâm cho đến người ở Địa thứ mười, từ Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, từ bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, thường hóa sinh chẳng mất thần thông, đầy đủ thiện căn đi đến các cõi Phật, muốn có phẩm vật để cúng dường thì liền được như nguyện. Ở chỗ chư Phật nghe lãnh giáo pháp mãi cho đến trí Nhất thiết không dứt mất, không hề rời chánh định, sẽ được biện tài mau chóng, biện tài lạnh lợi, biện tài bất tận, biện tài không đui lý, biện tài đúng cơ, biện tài đúng nghĩa, biện tài hơn tất cả thế gian.

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng vậy, như lời Xá-lợi-phất nói, Bát-nhã ba-la-mật nói rộng giáo pháp ba thừa và giáo pháp hộ trì Bồ-tát, cho đến Đại Bồ-tát được biện tài tối thượng của tất cả thế gian, vì không thật có.

Ngã cho đến người biết, người thấy, đều không thật có. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, Bồ thí ba-la-mật đến Bát-nhã ba-la-mật không thật có. Nội không cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng thật có. Bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết chủng trí không thật có.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Vì sao trong Bát-nhã ba-la-mật nói rộng về giáo pháp ba thừa vì không thật có?

Vì sao trong Bát-nhã ba-la-mật hộ trì Bồ-tát vì không thật có?

Vì sao Đại Bồ-tát được biện tài lạnh lợi cho đến biện tài tối thượng trong tất cả thế gian vì không thật có?

Tu-bồ-đề nói:

– Vì nội không cho đến Bát-nhã ba-la-mật nói rộng giáo pháp ba thừa không thật có. Vì ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không nên nói rộng giáo pháp ba thừa không thật có.

Vì nội không cho nên hộ trì Bồ-tát đến được biện tài tối thượng trong tất cả thế gian không thật có. Vì ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không cho nên Bát-nhã ba-la-mật hộ trì Bồ-tát cho đến biện tài tối thượng trong tất cả thế gian đều không thật có.

M

Phẩm 29: RẢI HOA

Bấy giờ, trời Thích Đề-hoàn Nhân và các vị Thiên vương trong đại thiên thế giới nghĩ rằng Đại đức Tu-bồ-đề vì chúng ta mà ban mưa pháp. Chúng ta nên hóa hiện hoa đẹp rải trên Đức Phật, các Đại Bồ-tát, các Đại Bồ-tát, các Tỳ-kheo Tăng, Đại đức Tu-bồ-đề và Bát-nhã ba-la-mật.

Liền đó, các Thiên vương hóa hiện hoa đẹp rải trên Đức Phật, các Đại Bồ-tát, các Tỳ-kheo Tăng, Đại đức Tu-bồ-đề và cũng cúng dường Bát-nhã ba-la-mật. Khắp thế giới đại thiên lúc bấy giờ đầy hoa trong hư không. Các hoa này hóa thành những hoa đài trang nghiêm nhiệm mầu.

Tu-bồ-đề nghĩ rằng hoa trên hư không do các vị trời rải chưa từng thấy. Đây là hóa hoa, chẳng phải hoa từ cây sinh ra. Đây là hoa từ tâm thọ sinh, chẳng phải từ cây sinh.

Biết tâm niệm của Tu-bồ-đề, trời Đế Thích nói:

– Bạch Đại đức! Hoa này chẳng phải hoa sinh, cũng chẳng từ cây ý sinh.

Tu-bồ-đề nói:

– Này Kiều-thi-ca! Ngài nói hoa này chẳng phải hoa sinh, cũng chẳng phải từ cây ý sinh. Hoa này nếu chẳng phải sinh pháp thì chẳng gọi là hoa.

Trời Đế Thích nói:

– Bạch Đại đức! Chỉ có hoa này là chẳng sinh, hay sắc và thọ,

tưởng, hành, thức cũng chẳng sinh?

Tu-bồ-đề nói:

–Này Kiều-thi-ca! Chẳng phải chỉ có hoa này là chẳng sinh, mà sắc cũng chẳng sinh. Nếu đã chẳng sinh thì chẳng gọi là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng chẳng sinh. Nếu chẳng sinh thì chẳng gọi là thọ, tưởng, hành, thức. Như năm ấm, sáu nhập, sáu thức, sáu xúc và các thọ do sáu xúc làm duyên sinh ra cũng giống như vậy.

Bố thí ba-la-mật đến Bát-nhã ba-la-mật chẳng sinh, nếu chẳng sinh thì chẳng gọi là Bố thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật. Nội không cho đến vô pháp hữu pháp không cũng giống như vậy. Bốn Niệm xứ cho đến pháp Bất cộng chẳng sinh, Nhất thiết chủng trí cũng chẳng sinh. Nếu chẳng sinh thì chẳng gọi là bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết chủng trí.

Thiên đế nghĩ rằng Đại đức Tu-bồ-đề có trí tuệ rất sâu xa, chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng.

Phật biết tâm niệm của Thiên đế nên nói rằng:

–Đúng như vậy! Này Kiều-thi-ca! Tu-bồ-đề có trí tuệ rất sâu, chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng.

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại đức Tu-bồ-đề chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng như thế nào?

Phật dạy:

–Sắc chỉ là giả danh, Tu-bồ-đề chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng. Thọ, tưởng, hành, thức cũng chỉ là giả danh, Tu-bồ-đề cũng chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng.

Vì sao? Vì các pháp tướng không có hoại và chẳng hoại, chỗ Tu-bồ-đề nói cũng không có hoại và chẳng hoại.

Như năm ấm, sáu nhập cho đến các thọ do sáu xúc làm duyên sinh ra, Bố thí ba-la-mật cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn Niệm xứ cho đến pháp Bất cộng, quả Tu-đà-hoàn cho đến Phật đạo, trí Nhất thiết đến Nhất thiết chủng trí, Tu-đà-hoàn cho đến Phật, tất cả chỉ là giả danh, Tu-bồ-đề cũng chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng.

Vì sao? Vì các pháp tướng không có hoại và chẳng hoại, điều Tu-bồ-đề nói cũng không có hoại và chẳng hoại.

Này Kiều-thi-ca! Đúng vậy. Tu-bồ-đề chẳng hoại giả danh mà nói các pháp tướng.

Tu-bồ-đề nói với Thiên đế:

–Đúng vậy, này Kiều-thi-ca! Như lời Phật nói, các pháp chỉ là giả danh.

Đại Bồ-tát phải biết các pháp chỉ là giả danh như vậy. Phải học Bát-nhã ba-la-mật như vậy.

Đại Bồ-tát học như vậy là chẳng học sắc, chẳng học thọ, tưởng, hành, thức.

Vì sao? Vì chẳng thấy có sắc để học, cũng chẳng thấy có thọ, tưởng, hành, thức để học.

Đại Bồ-tát học như vậy là chẳng học Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật.

Vì sao? Vì chẳng thấy có Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật để học.

Đại Bồ-tát học như vậy là chẳng học nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, là chẳng học bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng.

Vì sao? Vì chẳng thấy có nội không cho đến pháp Bất cộng để học.

Đại Bồ-tát học như vậy là chẳng học quả Tu-đà-hoàn cho đến Nhất thiết chủng trí.

Vì sao? Vì chẳng thấy có quả Tu-đà-hoàn cho đến có Nhất thiết chủng trí để học.

Thiên đế hỏi:

–Bạch Đại đức! Vì sao chẳng thấy sắc cho đến chẳng thấy Nhất thiết chủng trí?

Tu-bồ-đề nói:

–Sắc sắc không cho đến Nhất thiết chủng trí, Nhất thiết chủng trí không.

Này Kiều-thi-ca! Sắc không chẳng học sắc không, cho đến

Nhất thiết chủng trí không chẳng học Nhất thiết chủng trí không.

Này Kiều-thi-ca! Nếu chẳng học không như vậy thì gọi là học không, vì chẳng hai.

Đại Bồ-tát này học sắc không cho đến học Nhất thiết chủng trí không, vì chẳng hai.

Nếu học sắc không vì chẳng hai, cho đến học Nhất thiết chủng trí không vì Nhất thiết chủng trí chẳng hai Đại Bồ-tát này có thể học Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật vì chẳng hai. Nên học bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng vì chẳng hai. Nên học quả Tu-đà-hoàn cho đến Nhất thiết chủng trí vì chẳng hai. Đại Bồ-tát này có khả năng học vô lượng vô biên a-tăng-kỳ Phật pháp, nếu có khả năng học vô lượng vô biên a-tăng-kỳ Phật pháp thì Bồ-tát này không bị sắc tăng học, không bị sắc giảm học, cho đến không bị Nhất thiết chủng trí tăng học, Nhất thiết chủng trí giảm học. Nếu không bị sắc thêm bớt học, cho đến không bị Nhất thiết chủng trí thêm bớt học thì Bồ-tát này không bị sắc thọ học, không bị sắc diệt học, không bị thọ, tưởng, hành, thức thọ học, cũng không bị diệt học, cho đến Nhất thiết chủng trí cũng không bị thọ học, cũng không bị diệt học.

Ngài Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát học như thế không bị thọ sắc học, không bị giảm sắc học, cho đến Nhất thiết chủng trí cũng không bị thọ học, cũng không bị diệt học.

Tu-bồ-đề nói:

–Nếu Đại Bồ-tát học như thế thì không bị thọ sắc học, không bị diệt sắc học, cho đến Nhất thiết chủng trí cũng không bị thọ học cũng không bị diệt học.

–Này Tu-bồ-đề! Vì nhân duyên gì Đại Bồ-tát không bị thọ sắc học, không bị diệt sắc học, cho đến Nhất thiết chủng trí cũng không bị thọ học, cũng không bị diệt học?

Nếu Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp chẳng thọ, thì đến được Nhất thiết chủng trí?

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, chẳng thấy sắc sinh, chẳng thấy sắc diệt, chẳng thấy sắc thọ, chẳng thấy sắc chẳng thọ, chẳng thấy sắc nhớ, chẳng thấy sắc sạch, chẳng thấy sắc thêm, chẳng thấy sắc bớt. Vì sao? Vì sắc, tánh là rỗng không.

Cho đến Nhất thiết chủng trí cũng chẳng thấy sinh, chẳng thấy diệt, chẳng thấy thọ, chẳng thấy chẳng thọ, chẳng thấy nhớ, chẳng thấy sạch, chẳng thấy thêm, chẳng thấy bớt. Vì sao? Vì Nhất thiết chủng trí tánh là rỗng không.

Đại Bồ-tát vì tất cả pháp chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng thọ, chẳng xả, chẳng nhớ, chẳng sạch, chẳng hợp, chẳng tan, chẳng thêm, chẳng bớt, nên học Bát-nhã ba-la-mật sẽ đến Nhất thiết chủng trí. Vì không chỗ học nên không có chỗ đến.

Bấy giờ, trời Đế Thích hỏi Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát nên cầu Bát-nhã ba-la-mật ở chỗ nào?

Xá-lợi-phất nói:

–Đại Bồ-tát nên cầu Bát-nhã ba-la-mật ở trong phẩm Tu-bồ-đề.

Thiên đế hỏi Tu-bồ-đề:

–Có phải nhờ thần lực của Đại đức khiến ngài Xá-lợi-phất nói Đại Bồ-tát nên cầu Bát-nhã ba-la-mật ở trong phẩm Tu-bồ-đề chăng?

Tu-bồ-đề nói:

–Chẳng phải thần lực của tôi.

Thiên đế hỏi:

–Vậy là thần lực của ai?

Tu-bồ-đề nói:

–Đó là thần lực của Đức Phật.

Thiên đế hỏi:

–Tất cả pháp đều không có chỗ thọ. Vì sao? Nói là thần lực của Đức Phật, lìa tướng không thọ xứ thì Như Lai không thật có, lìa pháp như thì Như Lai cũng không thật có.

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng vậy, này Kiều-thi-ca! Lìa tướng không có chỗ thọ thì

Như Lai không thật có, lìa pháp như thì Như Lai cũng không thật có. Trong tướng không có chỗ thọ, Như Lai Không thật có. Trong như của pháp, Như Lai không thật có.

Trong như của sắc, như của Như Lai không thật có, trong như của Như Lai, như của sắc không thật có.

Trong pháp tướng của sắc, pháp tướng của Như Lai không thật có. Trong pháp tướng của Như Lai, pháp tướng của sắc không thật có. Cho đến Nhất thiết chủng trí cũng giống như vậy.

Này Kiều-thi-ca! Như Lai trong như của sắc chẳng hợp, chẳng tan, Như Lai trong như của thọ, tướng, hành, thức chẳng hợp, chẳng tan. Như Lai lìa như của sắc chẳng hợp, chẳng tan, Như Lai lìa như của thọ, tướng, hành, thức chẳng hợp, chẳng tan.

Cho đến Nhất thiết chủng trí cũng giống như vậy.

Như Lai đối với pháp tướng của sắc chẳng hợp, chẳng tan, Như Lai đối với pháp tướng của thọ, tướng, hành, thức chẳng hợp, chẳng tan.

Như Lai lìa pháp tướng của sắc, chẳng hợp, chẳng tan, Như Lai lìa pháp tướng của thọ, tướng, hành, thức chẳng hợp, chẳng tan. Cho đến Nhất thiết chủng trí cũng giống như vậy.

Này Kiều-thi-ca! Đối với cả pháp chẳng hợp, chẳng tan là thần lực của Như Lai, vì dùng pháp không có lãnh thọ. Như lời Kiều-thi-ca nói, Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật nên cầu ở chỗ nào?

Này Kiều-thi-ca! Chẳng nên ở trong sắc hay lìa sắc mà cầu Bát-nhã ba-la-mật. Chẳng nên ở trong thọ, tướng, hành, thức hay lìa thọ, tướng, hành, thức mà cầu Bát-nhã ba-la-mật.

Vì sao? Bát-nhã ba-la-mật này và sắc, thọ, tướng, hành, thức, tất cả pháp này đều chẳng hợp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, một tướng duy nhất tức là vô tướng.

Cho đến chẳng nên ở trong Nhất thiết chủng trí mà cầu Bát-nhã ba-la-mật, cũng chẳng nên lìa nhất thiết chủng trí mà cầu Bát-nhã ba-la-mật.

Vì sao? Bát-nhã ba-la-mật này và nhất thiết chủng trí, tất cả

pháp này đều chẳng hợp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, một tướng duy nhất là vô tướng.

Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng phải lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Cho đến chẳng phải Nhất thiết chủng trí, cũng chẳng phải lìa Nhất thiết chủng trí.

Bát-nhã ba-la-mật chẳng phải như của sắc, cũng chẳng phải lìa như của sắc. Cho đến chẳng phải như của Nhất thiết chủng trí, cũng chẳng phải lìa như của Nhất thiết chủng trí.

Bát-nhã ba-la-mật chẳng phải sắc pháp, cũng chẳng phải lìa sắc pháp. Cho đến chẳng phải Nhất thiết chủng trí pháp, cũng chẳng phải lìa Nhất thiết chủng trí pháp.

Vì sao? Nay Kiều-thi-ca! Tất cả pháp này đều không thật có, không thể đắc.

Không thật có không thủ đắc, cho nên Bát-nhã ba-la-mật chẳng phải sắc cũng chẳng phải lìa sắc, cho đến chẳng phải Nhất thiết chủng trí, cũng chẳng phải lìa Nhất thiết chủng trí. Chẳng phải như của sắc cũng chẳng phải rời như của sắc, cho đến chẳng phải như của Nhất thiết chủng trí, cũng chẳng phải lìa như của Nhất thiết chủng trí. Chẳng phải như của sắc, cũng chẳng phải lìa như của sắc, cho đến chẳng phải như của Nhất thiết chủng trí cũng chẳng phải lìa như của Nhất thiết chủng trí. Chẳng phải sắc pháp, cũng chẳng phải lìa sắc pháp, cho đến chẳng phải pháp của Nhất thiết chủng trí, chẳng phải rời pháp của Nhất thiết chủng trí.

Thiên đế nói:

–Ma-ha ba-la-mật này là Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát. Vô lượng ba-la-mật, vô biên ba-la-mật là Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Các Tu-đà-hoàn và quả Tu-đà-hoàn cho đến các A-la-hán và quả A-la-hán, các Bích-chi-phật và đạo Bích-chi-phật, các Đại Bồ-tát đều từ trong Bát-nhã ba-la-mật này mà học thành.

Có khả năng thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật, chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều từ trong Bát-nhã ba-la-mật này mà học thành.

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng vậy, này Kiều-thi-ca! Ma-ha ba-la-mật này là Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát. Vô lượng ba-la-mật, vô biên ba-la-mật là Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát. Cũng từ trong Bát-nhã ba-la-mật này mà học thành quả Tu-đà-hoàn cho đến thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Kiều-thi-ca! Vì sắc rộng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật cũng rộng lớn. Vì sao? Vì sắc đời trước, sau, giữa đều không thật có. Vì thọ, tưởng, hành, thức rộng lớn nên Bát-nhã ba-la-mật cũng rộng lớn, vì thọ, tưởng, hành, thức, đời trước, đời sau, đời giữa đều không thật có. Cho đến Nhất thiết chủng trí cũng giống như vậy. Do nhân duyên này nên Bát-nhã ba-la-mật này là Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Này Kiều-thi-ca! Vì sắc vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật vô lượng, vì lượng của sắc không thật có. Như lượng của hư không không thật có, cũng vậy lượng của sắc không thật có. Hư không vô lượng nên sắc vô lượng, vì sắc vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật vô lượng. Cho đến vì Nhất thiết chủng trí vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật vô lượng.

Vì sao? Vì Nhất thiết chủng trí lượng không thật có. Như lượng của hư không không thật có, cũng vậy lượng của Nhất thiết chủng trí không thật có. Hư không vô lượng nên Nhất thiết chủng trí cũng vô lượng. Vì Nhất thiết chủng trí vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật cũng vô lượng. Do nhân duyên này nên Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát là vô lượng.

Này Kiều-thi-ca! Sắc vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát vô biên. Vì sao? Vì sắc, đời trước, đời sau, đời giữa đều không thật có. Cho đến Nhất thiết chủng trí vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên. Vì Nhất thiết chủng trí, đời trước, đời sau, đời giữa đều không thật có. Do nhân duyên này nên Bát-nhã ba-la-mật là vô biên.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Vì duyên vào vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên.

Thiên đế hỏi:

–Thế nào là duyên vào vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên?

Tu-bồ-đề nói:

–Vì duyên tất cả pháp vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên.

Thiên đế hỏi:

–Thế nào là duyên vào tất cả pháp vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên?

Tu-bồ-đề nói:

–Vì duyên vô biên pháp tánh nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Vì duyên vô biên pháp như nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên.

Thiên đế hỏi:

–Thế nào là duyên vô biên pháp như nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên?

Tu-bồ-đề nói:

–Vì như của pháp vô biên nên duyên cũng vô biên. Vì duyên vô biên nên như của pháp cũng vô biên. Do nhân duyên này nên Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát cũng vô biên.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Vì chúng sinh vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên.

Thiên đế hỏi:

–Thế nào là chúng sinh vô biên nên Bát-nhã ba-la-mật vô biên?

Tu-bồ-đề nói:

–Này Kiều-thi-ca! Theo ý ngài thì những pháp nào gọi là chúng sinh?

Thiên đế nói:

–Không có pháp nào gọi là chúng sinh, vì giả danh nên gọi là chúng sinh. Tên gọi ấy vốn không có pháp, cũng không có chỗ đến. Chỉ gượng đặt tên thôi.

Tu-bồ-đề nói:

–Ý ông nghĩ sao? Trong Bát-nhã ba-la-mật này nói chúng sinh có thật chăng?

Thiên đế nói:

– Không thật.

Tu-bồ-đề nói:

– Nếu trong Bát-nhã ba-la-mật chẳng nói thật có, thì chúng sinh vô biên cũng không thật có.

Này Kiều-thi-ca! Ý ông nghĩ sao? Chư Phật trong hằng sa kiếp nói chúng sinh và tên gọi chúng sinh, thì có pháp chúng sinh nào có sinh, có diệt chẳng?

Thiên đế nói:

– Không có. Vì xưa nay chúng sinh thường thanh tịnh.

Tu-bồ-đề nói:

– Này Kiều-thi-ca! Do nhân duyên này, vì chúng sinh vô biên nên biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên.

M

Phẩm 30: BA LẦN KHEN NGỢI

Bấy giờ, các Thiên vương và các vị trời, các Phạm vương và các Phạm thiên, các Thần tiên và các Thiên nữ đồng thời ba lần khen ngợi:

– Hay thay, hay thay! Pháp của Đại đức Tu-bồ-đề giảng nói đều do nhân duyên, do ân lực của Đức Phật ra đời ban bố giáo pháp này.

Nếu có Đại Bồ-tát nào thực hành chẳng xa lìa Bát-nhã ba-la-mật này, thì chúng tôi xem vị đó như Đức Phật.

Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật này đều không có pháp nào thật có, từ sắc cho đến Nhất thiết chủng trí, nhưng có giáo pháp ba thừa, tức là Thanh văn thừa, Bích-chi Phật thừa và Phật thừa.

Phật dạy:

– Đúng vậy, này các Thiên tử! Như lời của các vị nói: Trong Bát-nhã ba-la-mật này đều không có pháp nào thật có, từ sắc cho đến Nhất thiết chủng trí, nhưng có giáo pháp ba thừa: Thanh văn

thừa, Bích-chi-phật thừa và Phật thừa.

Này các Thiên tử! Nếu có Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật này mà chẳng lia thì nên xem như Đức Phật, vì không thật có vậy.

Vì sao?

Trong Bát-nhã ba-la-mật nói rộng về giáo pháp ba thừa: Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa và Phật thừa. Trong Bồ thí ba-la-mật, Phật không thật có. Rồi Bồ thí ba-la-mật, Phật cũng không thật có.

Cho đến Nhất thiết chủng trí, Phật không thật có, lia Nhất thiết chủng trí, Phật cũng không thật có.

Này các Thiên tử! Nếu Đại Bồ-tát học tất cả pháp này, thì từ Bồ thí ba-la-mật cho đến Nhất thiết chủng trí, vì việc trên đây nên xem vị ấy như Phật.

Này Thiên tử! Thuở xưa, vào thời Phật Nhiên Đăng, ở đầu ngã tư đường trong thành Hoa nghiêm, ta được thấy Phật và nghe pháp, liền chẳng lia công hạnh Bồ thí ba-la-mật cho đến chẳng lia công hạnh Bát-nhã ba-la-mật; chẳng lia nội không cho đến vô pháp hữu pháp không; chẳng lia bốn Niệm xứ đến tám phần Thánh đạo; chẳng lia bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn Vô sắc định; chẳng lia tất cả môn Tam-muội, tất cả môn Đà-la-ni; chẳng lia bốn Vô sở úy, mười Lực, bốn Vô ngại trí, mười tám pháp Bất cộng; chẳng lia đại Từ, đại Bi và vô lượng Phật pháp khác, vì không thật có.

Bấy giờ, Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký cho ta, qua một a-tăng-kỳ kiếp ở vị lai, sẽ thành Phật hiệu là Thích-ca Mâu-ni Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn.

Các vị trời thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Rất là ít có, Bát-nhã ba-la-mật này có công năng làm cho các Đại Bồ-tát được trí Nhất thiết, vì từ sắc đến Nhất thiết chủng trí chẳng thủ, chẳng xả.

Bấy giờ, Đức Phật nhìn khắp hội chúng các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, các Đại Bồ-tát, các Thiên vương, các Phạm

vương và các Thiên tử, Thiên nữ. Nhìn khắp hội chúng xong, Đức Phật bảo trời Đế Thích:

–Này Kiều-thi-ca! Hoặc Đại Bồ-tát, hoặc bốn chúng, hoặc các Thiên tử, Thiên nữ, nếu ai nghe, thọ trì, đọc tụng, gắm gùi, giảng nói, nhớ nghĩ Bát-nhã ba-la-mật này, chẳng rời tâm của Nhất thiết trí thì các loài ma chẳng phá hoại được.

Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này biết rõ sắc không cho đến Nhất thiết chủng trí là không. Không chẳng thể phá hoại không, vô tướng chẳng thể phá hoại vô tướng, vô tác chẳng thể phá hoại vô tác.

Vì sao? Vì các pháp này tự tánh, tự tướng không thật có cho nên không việc gì phá hoại được thì đâu có ai chịu não hại!

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Thiện nam và thiện nữ này, các người, chẳng phải người không thể hại được.

Vì sao? Vì thiện nam và thiện nữ này, đối với tất cả chúng sinh khéo tu tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả, vì không thật có.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Thiện nam và thiện nữ này không bao giờ bị chết bất ngờ.

Vì sao? Vì thiện nam và thiện nữ này thực hành Bồ thí ba-la-mật, đối với tất cả chúng sinh đều dùng tâm bình đẳng mà cung cấp.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Trong tam thiên đại thiên thế giới, các Thiên vương, các Phạm vương và các Thiên tử, các Thiên nữ, có ai phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chưa nghe Bát-nhã ba-la-mật này và chưa thọ trì, gắm gùi thì vị trời ấy nay phải nghe, thọ trì, gắm gùi, đọc tụng, chánh nhớ nghĩ, chẳng lìa tâm của Nhất thiết trí.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Các thiện nam và thiện nữ nghe Bát-nhã ba-la-mật rồi thọ trì, gắm gùi, đọc tụng, chánh nhớ nghĩ, chẳng lìa tâm của Nhất thiết trí, thì hoặc ở nhà vắng, hoặc ở núi rừng, hoặc ở chỗ đông người không bao giờ có sự kinh sợ.

Vì sao? Vì các thiện nam và thiện nữ này biết rõ nội không, biết rõ ngoại không, cho đến biết rõ vô pháp hữu pháp không, vì không thật có.

Các vị trời bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Các thiện nam và thiện nữ thọ trì Bát-nhã ba-la-mật và gần gũi, đọc tụng, chánh nhớ nghĩ, chẳng lìa tâm của Nhất thiết trí, thì các vị trời chúng tôi sẽ thường che chở người đó.

Vì sao? Bạch Đức Thế Tôn! Vì nhân duyên của Đại Bồ-tát nên dứt được ba đường ác, dứt được sự nghèo cùng của trời, người, dứt được các tai hoạn, tật bệnh, đói khát.

Vì Đại Bồ-tát làm nhân duyên nên có mười nghiệp lành xuất hiện ở thế gian, và cũng xuất hiện ở bốn Thiên cho đến Nhất thiết chủng trí.

Vì Đại Bồ-tát làm nhân duyên nên thế gian mới có những nhà đại tộc, những dòng họ tôn quý và Chuyển luân thánh vương cùng các vị trời từ Tứ vương cho đến trời Sắc cứu cánh.

Vì Đại Bồ-tát làm nhân duyên nên có quả xuất thế Tu-đà-hoàn cho đến đạo Bích-chi-phật.

Vì Đại Bồ-tát làm nhân duyên nên có thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật mà có chư Phật xuất hiện ở thế gian, mà có chuyển pháp luân, mà biết có Phật bảo, Pháp bảo và Tỳ-kheo Tăng bảo.

Bạch Đức Thế Tôn! Do nhân duyên trên đây nên tất cả thế gian, các vị trời, người và A-tu-la phải che chở vị Đại Bồ-tát này.

Phật dạy:

–Đúng vậy, này các Thiên tử! Vì Đại Bồ-tát làm nhân duyên mà dứt ba đường ác cho đến có Tam bảo xuất hiện trên thế gian. Vì thế nên các vị trời, người, A-tu-la phải thường che chở, cúng dường cung kính, tôn trọng khen ngợi vị Đại Bồ-tát này.

Này các Thiên tử! Cúng dường kính trọng Đại Bồ-tát này tức là cúng dường Phật.

Này các Thiên tử! Ví như trong cõi tam thiên đại thiên, hàng Thanh văn và Bích-chi-phật đông đúc như rừng rậm, lúa mè, tre lau, có thiện nam, thiện nữ cúng dường, cung kính khắp tất cả các vị ấy cũng không bằng phước đức cúng dường, kính trọng vị Đại Bồ-tát

mới phát tâm chẳng lìa sáu pháp Ba-la-mật.

Vì sao? Vì chẳng do Thanh văn và Bích-chi-phật làm nhân duyên nên có Đại Bồ-tát và chư Phật ra đời, mà do Đại Bồ-tát làm nhân duyên nên có Thanh văn, Bích-chi-phật và chư Phật xuất hiện ở thế gian.

Cho nên, này Kiều-thi-ca! Tất cả thế gian, các vị trời, người và A-tu-la phải thường che chở, cúng dường, cung kính, tôn trọng khen ngợi vị Đại Bồ-tát này.

M

Phẩm 31: DỨT TRANH CÁI

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Rất lạ lùng ít có, Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát! Nếu ai được nghe, thọ trì, gạn gỏi, đọc tụng, giảng nói, ghi nhớ thì được công đức trong hiện đời như vậy, cũng thành tựu chúng sinh, trang nghiêm thanh tịnh cõi Phật, từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường chư Phật, muốn có đồ cúng dường liền được tùy ý, theo chư Phật nghe pháp, đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không bao giờ giữa chừng quên sót. Vị Đại Bồ-tát này cũng được thành tựu về nhà, thành tựu về mẫu, thành tựu về sinh, thành tựu về quyến thuộc, thành tựu về tướng, thành tựu về ánh sáng, thành tựu về nhãn, thành tựu về nhĩ, thành tựu về Tam-muội, thành tựu về Đà-la-ni.

Đại Bồ-tát này dùng năng lực phương tiện biến thân như Phật, đến các cõi nước không có Phật để khen ngợi sáu pháp Ba-la-mật, bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng, dùng năng lực phương tiện mà nói pháp, dùng pháp ba thừa là Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa và Phật thừa để độ thoát chúng sinh.

Bạch Đức Thế Tôn! rất là ít có! Thọ trì Bát-nhã ba-la-mật là đã gồm nhiếp năm pháp Ba-la-mật cho đến mười tám pháp Bất cộng, cũng là gồm nhiếp quả Tu-đà-hoàn cho đến Phật đạo và Nhất thiết chủng trí.

Phật dạy:

–Đúng vậy, này Kiều-thi-ca! Thọ trì Bát-nhã ba-la-mật là đã gồm nhiếp năm pháp Ba-la-mật cho đến Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Thiện nam, thiện nữ thọ trì, gần gũi, đọc tụng, giảng nói, chánh nhớ nghĩ Bát-nhã ba-la-mật này thì hiện đời được công đức, nên nhất tâm nghe kỹ.

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con kính xin thọ giáo.

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Nếu có các ngoại đạo Phạm chí, hoặc ma vương, ma dân, hoặc người tăng thượng mạn muốn chống trái, phá hoại tâm Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát, những kẻ ấy vừa sinh tâm ác thì liền tan biến, chẳng bao giờ được theo ý muốn.

Vì sao? Vì Đại Bồ-tát thường thực hành sáu pháp Ba-la-mật.

Do các chúng sinh mãi mãi tham lam tranh đua nên Đại Bồ-tát buông xả tất cả các nội vật, ngoại vật để an lập chúng sinh trong Bồ thí ba-la-mật.

Do các chúng sinh mãi mãi phá giới nên Đại Bồ-tát buông xả tất cả nội pháp, ngoại pháp để an lập chúng sinh trong Giới ba-la-mật.

Do các chúng sinh mãi mãi đấu tranh nên Đại Bồ-tát buông xả tất cả nội pháp, ngoại pháp để an lập chúng sinh trong Nhẫn nhục ba-la-mật.

Do các chúng sinh mãi mãi biếng nhác nên Đại Bồ-tát buông xả tất cả nội pháp, ngoại pháp để an lập chúng sinh trong Tinh tấn ba-la-mật.

Do các chúng sinh mãi mãi loạn tâm nên Đại Bồ-tát buông xả tất cả nội pháp, ngoại pháp để an lập chúng sinh trong Thiền định ba-la-mật.

Do các chúng sinh mãi mãi ngu si nên Đại Bồ-tát buông xả tất cả nội pháp, ngoại pháp để an lập chúng sinh trong Bát-nhã ba-la-mật.

Do các chúng sinh mãi mãi vì ái kết mà trôi lăn trong sinh tử,

nên Đại Bồ-tát này dùng năng lực phương tiện dứt ái kết của chúng sinh, để an lập chúng sinh trong bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm xứ cho đến Phật đạo.

Trên đây là Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật được công đức ở đời hiện tại, còn công đức đời sau thì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chuyển pháp luân, đầy đủ hạnh nguyện, nhập Niết-bàn Vô dư.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam, thiện nữ nghe, thọ trì, gạn gỏi, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ Bát-nhã ba-la-mật này, thì chỗ người này ở, các hàng ngoại đạo, ma vương, ma dân, người tăng thượng mạn muốn khinh hủy, bắt bẻ, phá hoại Bát-nhã ba-la-mật chẳng bao giờ thành. Tâm ác của người này lần giảm bớt mà công đức dần thêm lớn. Nhờ nghe Bát-nhã ba-la-mật này nên từ đạo ba thừa dứt hết những việc khổ.

Này Kiều-thi-ca! Ví như có vị thuốc tên ma-kỳ. Có con rắn đói đi kiếm ăn thấy con mồi muốn mổ ăn, con mồi chạy, đến chỗ vị thuốc ma-kỳ. Do năng lực của hơi thuốc nên rắn không dám tiến lại mà phải quay đầu bỏ chạy. Vì năng lực thuốc hơn năng lực chất độc.

Này Kiều-thi-ca! Thiện nam, thiện nữ này nghe, thọ trì, gạn gỏi, đọc tụng, giảng nói, ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật này, nếu có những việc đấu tranh muốn đến phá hoại, do oai lực của Bát-nhã ba-la-mật, nên việc ác liền tiêu diệt, người này liền sinh tâm lành, thêm nhiều công đức.

Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật này có công năng dứt trừ những sự đấu tranh.

Thế nào là sự đấu tranh? Chính là tham, sân, si, vô minh cho đến những cái, kết, sử, triền, nhóm khổ lớn, ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, đoạn kiến, thường kiến, cấu kiến, tịnh kiến, hữu kiến, vô kiến, xan tham, phạm giới, sân nhuế, biếng nhác, loạn ý, vô trí, thường tưởng, lạc tưởng, tịnh tưởng, ngã tưởng, chấp sắc, chấp thọ, tưởng, hành, thức, chấp Bồ thí ba-la-mật, cho đến chấp Nhất thiết chủng trí, chấp Niết-bàn, những sự đấu tranh này đều bị tiêu diệt, không cho tăng trưởng.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Trong tam thiên đại thiên thế giới, các Thiên vương cho đến các vị trời ở tầng trời Sắc cứu cánh thường che chở thiện nam, thiện nữ nào nghe, thọ trì Bát-nhã ba-la-mật, cúng dường người đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ Bát-nhã ba-la-mật.

Chư Phật mười phương hiện tại cũng đồng ủng hộ thiện nam, thiện nữ này.

Các thiện nam, thiện nữ này dứt pháp ác, thêm lớn pháp lành, như Bồ thí ba-la-mật tăng đến Nhất thiết chủng trí, càng tăng vì không thật có. Các thiện nam, thiện nữ này có nói ra lời gì đều được người tín nhận, tình bạn thân bền chặt. Thiện nam, thiện nữ này không nói lời vô ích, chẳng bị sân khuể che đậy, chẳng bị kiêu mạn, xan tham, tật đố che đậy. Người này tự mình chẳng sát sinh, chẳng xúi giục người sát sinh, khen ngợi pháp chẳng sát sinh, cũng vui mừng khen ngợi người chẳng sát sinh. Người này tự mình xa lìa trộm cắp, dạy người chẳng trộm cắp, khen ngợi pháp chẳng trộm cắp, cũng vui mừng khen ngợi người chẳng trộm cắp. Người này tự mình chẳng tà dâm, dạy người chẳng tà dâm, khen ngợi pháp chẳng tà dâm, cũng vui mừng khen ngợi người chẳng tà dâm. Người này tự mình chẳng vọng ngữ, dạy người chẳng nói dối, khen ngợi pháp chẳng nói dối, cũng vui mừng khen ngợi người chẳng nói dối. Đối với chẳng nói hai lưỡi, chẳng ác khẩu, chẳng nói lời vô ích cũng giống như vậy.

Người này tự mình chẳng tham, dạy người chẳng tham, khen ngợi pháp chẳng tham, cũng vui mừng khen ngợi người chẳng tham. Đối với chẳng sân não và chẳng tà kiến cũng giống như vậy.

Người này tự thực hành Bồ thí ba-la-mật, dạy người thực hành Bồ thí ba-la-mật, khen ngợi pháp Bồ thí ba-la-mật, cũng vui mừng khen ngợi người thực hành Bồ thí ba-la-mật. Cho đến tự được Nhất thiết chủng trí, dạy người được Nhất thiết chủng trí, khen ngợi pháp Nhất thiết chủng trí, cũng vui mừng khen ngợi người được Nhất thiết chủng trí.

Đại Bồ-tát này lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, có bố thí bao nhiêu đều cùng chúng sinh hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì không thật có.

Lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật như vậy, thiện nam, thiện nữ này nghĩ rằng nếu không bố thí, thì ta sẽ sinh vào nhà nghèo cùng, chẳng thể thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật, cũng chẳng thể được Nhất thiết chủng trí.

Nếu không giữ giới thì ta sẽ đọa vào ba đường ác, thân người còn chẳng được hưởng chi thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu không tu nhẫn nhục thì thân ta sẽ bị hủy hoại các căn, sắc lực sẽ không đầy đủ, chẳng thể được sắc thân toàn vẹn của Bồ-tát mà chúng sinh nhìn thấy sẽ thêm lớn căn lành, mãi đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không thể thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật, được Nhất thiết chủng trí.

Nếu biếng nhác thì ta chẳng thể được đạo Bồ-tát, thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật, được Nhất thiết chủng trí.

Nếu loạn tâm thì ta sẽ chẳng sinh được các thiền định, cũng chẳng thể thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật, được Nhất thiết chủng trí.

Nếu ta vô trí, không có trí phương tiện thì không thể vượt hơn bậc Thanh văn, Bích-chi-phật để thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật, được Nhất thiết chủng trí.

Đại Bồ-tát này lại nghĩ rằng: “Ta chẳng nên theo xan tham mà chẳng đầy đủ Bố thí ba-la-mật, chẳng nên theo phạm giới mà chẳng đầy đủ Thi-la ba-la mật, chẳng nên theo sân khuể mà chẳng đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật, chẳng nên theo biếng nhác mà chẳng đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật, chẳng nên theo loạn ý mà chẳng đầy đủ Thiền định ba-la-mật, chẳng nên theo tâm si mà chẳng đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật.”

Nếu chẳng có đủ sáu pháp Ba-la-mật, thì tôi trọn chẳng thể thành tựu Nhất thiết chủng trí.

Thiện nam, thiện nữ này thọ trì, gần gũi, đọc tụng, giảng nói, nhớ nghĩ Bát-nhã ba-la-mật như vậy, cũng chẳng lìa tâm của Nhất thiết trí, được các công đức đời ở này và đời sau.

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Ít có thay, Bát-nhã ba-la-mật của Đại

Bồ-tát vì hồi hướng tâm của Nhất thiết trí, cũng vì không có tâm cao ngạo.

Phật bảo:

–Này Kiều-thi-ca! Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát vì hồi hướng tâm của Nhất thiết trí, cũng vì không có tâm cao ngạo.

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát thực hành thế gian Bồ thí ba-la-mật bồ thí cho chữ Phật, Bích-chi-phật, Thanh văn và người nghèo nàn khổ khổ, vì không có năng lực phương tiện nên sinh tâm cao ngạo. Nếu thực hành thế gian Trì giới ba-la-mật, nghĩ rằng: “Ta thực hành trì giới, ta có thể đầy đủ Giới ba-la-mật, vì không có năng lực phương tiện nên sinh tâm cao ngạo. Cho đến thực hành thế gian Bát-nhã ba-la-mật, nghĩ rằng: Ta thực hành Bát-nhã ba-la-mật, ta tu Bát-nhã ba-la-mật, vì không có năng lực phương tiện nên sinh tâm cao ngạo.”

Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát lúc tu bốn Niệm xứ thế gian, tự nghĩ rằng: “Ta tu bốn Niệm xứ, ta đầy đủ bốn Niệm xứ, vì không có phương tiện nên sinh tâm cao ngạo. Cho đến mười tám pháp Bất cộng cho đến Nhất thiết chủng trí, nghĩ rằng: Ta tu pháp Bất cộng, ta sẽ thành tựu chúng sinh, ta sẽ thanh tịnh cõi Phật, ta sẽ được Nhất thiết chủng trí. Vì còn có ngã, không có năng lực phương tiện nên sinh tâm cao ngạo.”

Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành pháp lành thế gian như vậy, vì thấy có ngã nên sinh tâm cao ngạo.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát thực hành Bồ thí ba-la-mật xuất thế gian chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có kẻ nhận, chẳng thấy có vật bồ thí.

Thực hành Bồ thí ba-la-mật xuất thế gian như vậy, vì hồi hướng Nhất thiết chủng trí, cũng chẳng sinh tâm cao ngạo.

Thực hành Trì giới ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật không thật có.

Thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật không thật có.

Thực hành Tinh tấn ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật không thật có.

Thực hành Thiền định ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật không thật có.

Thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật không thật có.

Tu bốn Niệm xứ, bốn Niệm xứ không thật có.

Cho đến tu Nhất thiết chủng trí, Nhất thiết chủng trí không thật có.

Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát là như vậy, vì hồi hướng Nhất thiết chủng trí, vì chẳng sinh tâm cao ngạo.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 9

Phẩm 32: THÁP BÁU SÁNG RỰC

Đức Phật bảo Thiên đế:

–Này Kiều-thi-ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát-nhã ba-la-mật này mà thọ trì, gìn giữ, đọc tụng, giảng nói, ghi nhớ, chẳng rời tâm của Nhất thiết trí, lúc lâm trận, nhờ tụng Bát-nhã ba-la-mật nên xông vào quân trận chẳng bao giờ mất mạng, đao tên không hại được. Vì sao? Thiện nam, thiện nữ này mãi mãi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, tự nhỏ bỏ đao tên đâm dục của mình, cũng nhỏ bỏ đao tên đâm dục của người khác, cũng nhỏ bỏ đao tên sân hận của mình, cũng nhỏ bỏ đao tên sân hận của người khác, tự nhỏ bỏ đao tên ngu si của mình, cũng nhỏ bỏ đao tên ngu si của người khác, tự nhỏ bỏ đao tên tà kiến của mình, cũng nhỏ bỏ đao tên tà kiến của người, tự nhỏ bỏ đao tên triền cấu của mình, cũng nhỏ bỏ đao tên triền cấu của người, tự nhỏ bỏ đao tên kết sử của mình, cũng nhỏ bỏ đao tên kết sử của người.

Này Kiều-thi-ca! Do nhân duyên này nên thiện nam, thiện nữ này chẳng bị đao tên làm hại.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Thiện nam, thiện nữ nghe Bát-nhã ba-la-mật này rồi thọ trì, gìn giữ, đọc tụng, giảng nói, ghi nhớ, chẳng rời tâm của Nhất thiết trí, hoặc dùng thuốc độc, xông hoặc cổ độc, hầm lửa, nước sâu, dao chém đều không làm hại được.

Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật này là chú đại minh, là vô chú thượng.

Nếu thiện nam, thiện nữ mà học chú đại minh này thì chẳng tự gây hại cho thân mình, cũng chẳng gây hại cho người khác, cũng chẳng gây hại cho cả mình và người.

Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này chẳng thấy có ngã, chẳng thấy có chúng sinh, cho đến người biết, người thấy đều không thật có. Chẳng thấy có sắc, cho đến chẳng thấy có Nhất thiết chủng trí.

Vì chẳng thấy có, nên chẳng tự gây hại cho thân mình, chẳng gây hại cho người khác, cũng chẳng gây hại cho cả mình lẫn người.

Vì học chú đại minh này cho nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, quán tâm của tất cả chúng sinh mà tùy ý nói pháp.

Vì sao? Vì chư Phật quá khứ học chú đại minh này đã được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chư Phật vị lai học chú đại minh này sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chư Phật hiện tại học chú đại minh này đang được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Nếu có người chỉ biên chép kinh Bát-nhã ba-la-mật này mà thờ trong nhà, mà không thọ trì, không đọc tụng, chẳng giảng nói, chẳng ghi nhớ, tất cả Nhân, Phi nhân cũng không thể phá hại chỗ đó được.

Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật này được tất cả các Thiên vương, các Phạm vương cùng các vị trời trong thế giới đại thiên và trong vô số, vô lượng các thế giới ở mười phương đồng che chở.

Chỗ thờ Bát-nhã ba-la-mật này, các vị trời đều đến cúng dường, kính trọng, khen ngợi, lễ lạy rồi đi.

Chỉ có biên chép Bát-nhã ba-la-mật để thờ tại nhà, mà thiện nam, thiện nữ ấy còn được công đức trong hiện đời như vậy.

Ví như có người hoặc có súc vật đến dưới cây Bồ-đề, thì Nhân, Phi nhân có ác ý đến cũng không làm hại được.

Vì sao? Vì chỗ cây Bồ-đề này là nơi mà chư Phật quá khứ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chư Phật vị lai và chư Phật hiện tại cũng ở đó được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Khi được thành Phật rồi, đều bố thí sự không kinh sợ cho tất cả chúng sinh, làm cho vô lượng, vô số chúng sinh được phước lạc trong loài Người, trên cõi Trời, cũng làm cho vô lượng, vô số chúng sinh được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Do oai lực của Bát-nhã ba-la-mật, nên chỗ ấy được sự cung kính, lễ bái, cúng dường.

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào biên chép, cúng dường Bát-nhã ba-la-mật, hoặc có thiện nam, thiện nữ sau khi Đức Phật nhập diệt xây tháp cúng dường xá-lợi, hai người này ai được phước nhiều?

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Ta hỏi lại ông, tùy ý ông đáp.

Do học đạo gì mà Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cùng thân tướng tốt đẹp này?

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Do học Bát-nhã ba-la-mật mà Đức Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cùng thân tướng tốt đoan nghiêm.

Phật dạy:

–Đúng vậy, này Kiều-thi-ca! Đức Phật từ trong Bát-nhã ba-la-mật mà học được Nhất thiết chủng trí.

Này Kiều-thi-ca! Chẳng phải do thân tướng tốt mà gọi là Phật. Chính là do được Nhất thiết chủng trí mới gọi là Phật.

Này Kiều-thi-ca! Nhất thiết chủng trí của Phật sinh ra từ Bát-nhã ba-la-mật.

Này Kiều-thi-ca! Thân Phật đây là chỗ sở y của Nhất thiết chủng trí. Nhờ thân này mà Phật được Nhất thiết chủng trí. Nên nghĩ rằng thân Phật đây là chỗ sở y của Nhất thiết chủng trí. Vì thế nên sau khi Phật nhập Niết-bàn, xá-lợi sẽ được cúng dường, tôn thờ.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát-nhã ba-la-mật này rồi biên chép, thọ trì, gằn gủi, đọc tụng, ghi nhớ, cung kính, cúng dường, tôn trọng, khen ngợi, thì tức là cúng dường Nhất thiết chủng trí.

Vì thế nên thiện nam, thiện nữ nên biên chép Bát-nhã ba-la-mật này, rồi thọ trì, gằn gủi, đọc tụng, ghi nhớ, kính trọng, cúng dường, khen ngợi.

Sau khi Đức Phật nhập Niết-bàn, nếu có thiện nam, thiện nữ nào xây tháp cúng dường xá-lợi, kính lễ, khen ngợi.

Lại có thiện nam, thiện nữ nào biên chép, thọ trì Bát-nhã ba-la-mật này và kính trọng, cúng dường, khen ngợi, thì được phước rất nhiều.

Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật này sinh ra nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không, sinh ra bốn Niệm xứ đến mười tám pháp Bát cộng, sinh ra tất cả Tam-muội, tất cả thiền định, tất cả Đà-la-ni, thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật đều sinh ra từ Bát-nhã ba-la-mật này. Bồ-tát, thành tựu tất cả công hạnh cũng từ trong Bát-nhã ba-la-mật này. Tất cả phước quả của loài người và cõi trời, cho đến trời Sắc cứu cánh đều từ Bát-nhã ba-la-mật này sinh ra. Các quả Thánh từ Tu-đà-hoàn cho đến chư Phật và Nhất thiết chủng trí của chư Phật đều từ Bát-nhã ba-la-mật này sinh ra.

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Người ở cõi Diêm-phù-đề chẳng cúng dường, cung kính, khen ngợi Bát-nhã ba-la-mật, phải chăng vì họ chẳng biết cúng dường thì được nhiều lợi ích?

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Trong cõi Diêm-phù-đề, đối với Phật, Pháp, Tăng có bao nhiêu người có lòng tin bất hoại? Có bao nhiêu người không nghi? Có bao nhiêu người quyết định?

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đối với Phật, Pháp, Tăng, trong cõi Diêm-phù-đề ít người có lòng tin bất hoại, cũng ít có người không nghi ngờ và quyết định.

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Trong cõi Diêm-phù-đề, có bao nhiêu người được ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba cửa Giải thoát, tám Bội xả, chín Định thứ đệ, bốn Trí vô ngại, sáu Thần thông?

Trong cõi Diêm-phù-đề có bao nhiêu người dứt ba kết sử, được đạo Tu-đà-hoàn? Có bao nhiêu người dứt ba kết sử và mỏng dần tham, sân, si, được đạo Tư-đà-hàm? Bao nhiêu người dứt năm kiết hạ phần, được đạo A-na-hàm? Bao nhiêu người dứt năm kiết thượng phần, được đạo A-la-hán? Bao nhiêu người cầu đạo Bích-chi-phật? Bao nhiêu người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thiên đế thưa:

–Trong cõi Diêm-phù-đề, ít người được ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, cho đến ít người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật dạy:

–Đúng vậy, này Kiều-thi-ca! Trong cõi Diêm-phù-đề ít người đối với Phật, Pháp, Tăng có lòng tin bất hoại, không nghi và quyết định. Cũng ít người được ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, cho đến ít người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trong những người phát tâm này lại ít người thực hành hạnh Bồ-tát.

Vì sao? Vì những chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề, đời trước họ chẳng thấy Phật, chẳng nghe Pháp, chẳng cúng dường Tỳ-kheo Tăng, chẳng bố thí, chẳng trì giới, chẳng nhẫn nhục, chẳng tinh tấn, chẳng thiền định, chẳng trí tuệ, chẳng nghe nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, chẳng nghe, chẳng tu bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng, chẳng nghe, chẳng tu Tam-muội, các môn Đà-la-ni, cũng chẳng tu trí Nhất thiết và Nhất thiết chủng trí.

Do đó nên ít chúng sinh có lòng tin bất hoại đối với Tam bảo, cho đến ít người phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trong những người phát tâm lại ít người thực hành đạo Bồ-tát.

Trong những người thực hành đạo Bồ-tát lại ít người được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Kiều-thi-ca! Ta dùng Phật nhãn thấy trong các thế giới phương Đông có vô lượng, vô số chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thực hành đạo Bồ-tát, nhưng vì xa lìa năng lực phương tiện Bát-nhã ba-la-mật nên có rất ít người được an trụ không thoái chuyển, còn phần nhiều thì đi vào hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Trong chín phương kia cũng giống như vậy.

Vì thế nên thiện nam, thiện nữ nào phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác phải nghe Bát-nhã ba-la-mật và phải thọ trì, gần gũi, đọc tụng, giảng nói, ghi nhớ, lại phải biên chép, cung kính, tôn trọng, khen ngợi và cúng dường Bát-nhã ba-la-mật.

Các pháp lành khác thuộc về Bát-nhã ba-la-mật cũng phải

nghe, thọ trì, cho đến cúng dường. Thế nào là các pháp lành khác? Chính là Đàn.

Này Kiều-thi-ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát-nhã ba-la-mật này rồi thọ trì, gắm gùi, đọc tụng, giảng nói, ghi nhớ, chẳng lìa tâm của Nhất thiết trí.

Này Kiều-thi-ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát-nhã ba-la-mật này rồi thọ trì, gắm gùi, đọc tụng, giảng nói, ghi nhớ, chẳng lìa tâm của Nhất thiết trí.

Ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, các môn Tam-muội, môn Đà-la-ni, bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi.

Vô lượng pháp lành như vậy đều thuộc về Bát-nhã ba-la-mật cũng phải nghe, thọ trì, cho đến ghi nhớ và khen ngợi, cúng dường.

Thiện nam, thiện nữ này phải nghĩ rằng lúc làm Bồ-tát, Đức Phật đã học và thực hành Bát-nhã ba-la-mật và vô lượng pháp lành như vậy, chúng ta cũng phải học theo như vậy.

Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật và vô lượng, vô biên pháp là chỗ tôn quý của ta, là pháp ấn của chư Phật, cũng là pháp ấn của Thanh văn, Bích-chi-phật.

Chư Phật nhờ học Bát-nhã ba-la-mật, cho đến Nhất thiết chủng trí mà được đến bờ bên kia.

Này Kiều-thi-ca, thế nên thiện nam, thiện nữ nào lúc Phật còn tại thế hoặc sau khi nhập Niết-bàn, phải nương theo Bát-nhã ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Bố thí ba-la-mật, cho đến phải nương theo Nhất thiết chủng trí.

Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật cho đến Nhất thiết chủng trí là chỗ mà các Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát, chư Phật và tất cả thế gian, Trời, Người, A-tu-la đều đáng nương theo đó.

Sau khi Phật nhập Niết-bàn, nếu thiện nam, thiện nữ nào vì cúng dường Phật mà xây tháp bảy báu cao một do-tuần, dùng hoa hương, anh lạc, phan cái, kỹ nhạc cõi trời dâng lên cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi.

Này Kiều-thi-ca! Nhờ nhân duyên này, thiện nam, thiện nữ ấy được phước có nhiều chăng?

Thiên đế bạch rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Nhưng vẫn không bằng phước của thiện nam, thiện nữ nghe pháp Bát-nhã ba-la-mật này và biên chép, thọ trì, gẫm gùi, đọc tụng, ghi nhớ, chẳng lìa tâm Nhất thiết trí và cung kính, tôn trọng, khen ngợi, cúng dường.

Này Kiều-thi-ca! Chẳng phải chỉ một tháp bảy báu, mà sau khi Phật nhập Niết-bàn, vì cúng dường Phật nên thiện nam, thiện nữ xây tháp bảy báu khắp cõi Diêm-phù-đề cũng đều cao một do-tuần, dùng hoa hương, anh lạc, phướn lọng, kỹ nhạc cõi trời để cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi. Thiện nam, thiện nữ ấy được phước nhiều chăng?

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Phước của thiện nam, thiện nữ ấy rất nhiều.

Phật dạy:

–Nhưng vẫn chẳng bằng phước của thiện nam, thiện nữ nghe pháp Bát-nhã ba-la-mật, cho đến cúng dường, cung kính, khen ngợi.

Này Kiều-thi-ca! Bất luận xây tháp khắp một Diêm-phù-đề, mà sau khi Phật nhập Niết-bàn, thiện nam, thiện nữ vì cúng dường Phật nên xây tháp bảy báu đều cao một do-tuần khắp trong bốn châu thiên hạ, vậy thiện nam, thiện nữ này được phước có nhiều chăng?

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều!

Phật dạy:

–Nhưng vẫn chẳng bằng phước của thiện nam, thiện nữ biên chép cho đến cúng dường Bát-nhã ba-la-mật. Này Kiều-thi-ca! Lại bất luận xây tháp bảy báu khắp bốn châu thiên hạ.

Sau khi Phật nhập Niết-bàn, thiện nam, thiện nữ vì cúng dường

Phật nên xây tháp bảy báu đều cao một do-tuần khắp tiểu thiên thế giới. Thiện nam, thiện nữ này được phước nhiều chăng?

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều, rất nhiều!

Phật dạy:

–Nhưng vẫn chẳng bằng phước của thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-la-mật này, rồi thọ trì, cung kính, tôn trọng, khen ngợi, cúng dường.

Này Kiều-thi-ca! Lại bất luận xây tháp bảy báu đầy khắp thế giới đại thiên. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, vì cúng dường Phật nên mỗi chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều xây tháp bảy báu và cúng dường trọn đời, vẫn chẳng bằng phước của thiện nam, thiện nữ biên chép, thọ trì Bát-nhã ba-la-mật, cho đến ghi nhớ, chẳng rời tâm của Nhất thiết trí, cung kính, tôn trọng, khen ngợi, cúng dường.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đúng vậy. Nếu có ai cúng dường, tôn trọng, khen ngợi Bát-nhã ba-la-mật này thì đó là cúng dường chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại.

Bạch Đức Thế Tôn! Sau khi Phật nhập Niết-bàn, nếu mỗi chúng sinh trong hằng hà sa cõi nước ở mười phương, vì cúng dường Phật nên xây tháp bảy báu cao một do-tuần, rồi cúng dường bảo tháp báu hoặc một kiếp hoặc dưới một kiếp.

Bạch Đức Thế Tôn! Những người cúng dường như vậy, có được phước nhiều chăng?

Phật dạy:

–Rất nhiều.

Thiên đế thưa:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-la-mật, cho đến ghi nhớ, cung kính, tôn trọng, khen ngợi và cúng dường, thì được phước lại nhiều hơn. Vì sao? Vì tất cả pháp lành đều xếp vào Bát-nhã ba-la-mật. Các pháp lành, như mười điều lành, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba cửa

Giải thoát, bốn Đế, sáu Thần thông, tám Bội xả, chín Định thứ đệ, sáu pháp Ba-la-mật, mười tám không, các môn Tam-muội, các môn Đà-la-ni, mười Trí lực, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, đại Từ, đại Bi, mười tám pháp Bất cộng, Nhất thiết trí, Đạo chủng trí, Nhất thiết chủng trí.

Bạch Đức Thế Tôn! Đó gọi là pháp ấn của tất cả chư Phật. Trong pháp này, tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật và chư Phật ba đời do học pháp này mà được đến bờ kia.

M

Phẩm 33: THUẬT THÀNH

Bấy giờ, Đức Phật bảo trời Đế Thích:

–Đúng vậy, này Kiều-thi-ca! Các thiện nam, thiện nữ ấy biên chép Bát-nhã ba-la-mật này và học tập, thọ trì, đọc tụng, gẫm gùi, giảng nói, ghi nhớ, lại thêm dùng hoa hương, chuỗi ngọc, phướn lọng, kỹ nhạc cúng dường, sẽ được vô số vô lượng chẳng thể nghĩ bàn, bất khả xưng lượng vô biên phước đức.

Vì sao?

Vì trí Nhất thiết và Nhất thiết chủng trí của chư Phật đều từ Bát-nhã ba-la-mật mà sinh ra.

Vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không đều từ Bát-nhã ba-la-mật mà sinh ra.

Vì bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng và năm loại mắt của Phật đều từ Bát-nhã ba-la-mật mà sinh ra.

Vì thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật, Đạo chủng trí, Nhất thiết chủng trí, tất cả Phật pháp, Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa và Phật thừa đều từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra.

Này Kiều-thi-ca! Thế nên phước đức biên chép cho đến cúng dường Bát-nhã ba-la-mật này hơn phước đức cúng dường tháp báu trước kia, trăm ngàn muôn phần chẳng bằng một phần, cho đến tính số thí dụ đều chẳng bằng được.

Vì sao?

Vì nếu Bát-nhã ba-la-mật tồn tại trên thế gian thì Phật bảo, Pháp bảo và Tỳ-kheo Tăng bảo chẳng bao giờ dứt mất.

Vì nếu Bát-nhã ba-la-mật tồn tại trên thế gian, thì mười nghiệp lành, bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, sáu pháp Ba-la-mật, bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng, trí Nhất thiết, Nhất thiết chủng trí đều hiện ra đời.

Vì nếu Bát-nhã ba-la-mật tồn tại trên thế gian thì có những đại tộc, trưởng giả, cư sĩ, trời Tứ Thiên vương cho đến trời Sắc cứu cánh, quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi-phật, đạo Bồ-tát, đạo Phật vô thượng, chuyển pháp luân, thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật.

M

Phẩm 34: KHUYẾN KHÍCH THỌ TRÌ

Bấy giờ, các cõi nước trong đại thiên thế giới có bao nhiêu hàng Tứ thiên vương cho đến trời Sắc cứu cánh, bảo trời Đế Thích và chư Thiên rằng:

–Các vị phải thọ trì, phải gìn giữ, phải đọc tụng, phải giảng nói, phải ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật này.

Vì sao?

Vì thọ trì cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật này thì tất cả pháp lành tu tập sẽ được đầy đủ. Các vị trời thêm đông, A-tu-la giảm bớt.

Vì thọ trì cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật này thì hạt giống Phật chẳng dứt, hạt giống Vô học chẳng dứt, hạt giống Tăng chẳng dứt.

Vì hạt giống Phật, Pháp và Tăng chẳng dứt, nên có sáu pháp Ba-la-mật, bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng xuất hiện ở đời, nên có quả Tu-đà-hoàn đến quả Phật xuất hiện ở đời.

Đức Phật bảo Thiên đế:

–Này Kiều-thi-ca! Ông nên thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật này.

Vì sao?

Nếu A-tu-la muốn chiến đấu với các vị trời ở tầng trời Tam thập tam, ông nên tụng niệm Bát-nhã ba-la-mật, tâm ác của A-tu-la liền tiêu diệt, chẳng còn muốn chiến đấu.

Nếu có vị Thiên tử hay Thiên nữ hiện ra năm tướng chết và sẽ rơi vào loài chẳng vừa ý, ông nên ở trước mặt họ mà đọc tụng Bát-nhã ba-la-mật. Nhờ nghe Bát-nhã ba-la-mật, các Thiên tử, Thiên nữ ấy sẽ thêm lớn công đức nên được sinh trở lại chỗ cũ. Vì nghe Bát-nhã ba-la-mật thì được lợi ích lớn.

Này Kiều-thi-ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ hay Thiên tử, Thiên nữ nghe Bát-nhã ba-la-mật này, vì được công đức nên dần dần sẽ được Vô thượng Chánh giác.

Vì sao?

Chư Phật vì quá khứ và các đệ tử đều học Bát-nhã ba-la-mật này mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhập Vô dư y Niết-bàn.

Chư Phật vị lai và hiện tại cùng các đệ tử cũng đều học Bát-nhã ba-la-mật này mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhập Niết-bàn Vô dư y.

Này Kiều-thi-ca! Bát-nhã ba-la-mật này bao gồm tất cả pháp lành như pháp Thanh văn, pháp Bích-chi-phật, pháp Bồ-tát và pháp Phật.

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật là chú Đại minh, là chú Vô thượng minh, là chú Vô đẳng đẳng minh.

Vì sao?

Vì Bát-nhã ba-la-mật này thường có công năng dứt trừ tất cả pháp bất thiện, đem đến tất cả pháp thiện.

Phật dạy:

–Đúng vậy, này Kiều-thi-ca! Bát-nhã ba-la-mật là chú Đại minh, là chú Vô thượng minh, là chú Vô đẳng đẳng minh.

Vì sao?

Vì chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều nhờ minh chú này mà

được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nhờ minh chú này nên thế gian có mười nghiệp lành, có bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, có Bồ thí ba-la-mật cho đến pháp Bất cộng, có pháp tánh, pháp như, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, thật tế, có năm loại mắt, quả Tu-đà-hoàn cho đến trí Nhất thiết và Nhất thiết chủng trí.

Này Kiều-thi-ca! Do Đại Bồ-tát nên thế gian xuất hiện mười pháp lành, bốn Thiên cho đến Nhất thiết chủng trí, Tu-đà-hoàn cho đến Phật.

Ví như trăng tròn chiếu sáng, các ngôi sao cũng có khả năng chiếu sáng.

Tất cả pháp lành cho đến Nhất thiết chủng trí ở thế gian, nếu thời kỳ không có Phật ra đời thì đều phát sinh từ các vị Bồ-tát.

Phương tiện lực của Đại Bồ-tát này đều sinh từ Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát dùng năng lực phương tiện này để thực hành Bồ thí ba-la-mật đến Thiên định ba-la-mật, để thực hành nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, để thực hành bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng, chẳng chứng bậc Thanh văn, Bích-chi-phật, cũng có công năng thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật, có thể thành tựu thọ, thành tựu cõi nước, thành tựu quyến thuộc Bồ-tát, được Nhất thiết chủng trí. Tất cả như thế đều từ Bát-nhã ba-la-mật phát sinh.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam, thiện nữ nghe Bát-nhã ba-la-mật, thọ trì, gìn giữ cho đến ghi nhớ thì sẽ thành tựu công đức đời này, đời sau.

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ thọ trì, cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật thì được công đức ở hiện tại như thế nào?

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát-nhã ba-la-mật cho đến ghi nhớ, thì chẳng bao giờ bị trúng độc mà chết, đao thương chẳng hại được, nước lửa cũng chẳng chìm đốt được, cho đến

bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh chẳng xâm nhập được, trừ nghiệp báo đời trước của người ấy.

Nếu có việc quan xảy ra, thiện nam, thiện nữ này đến trước mặt quan không bị khiển trách. Vì sao? Vì nhờ oai lực của Bát-nhã ba-la-mật.

Nếu thiện nam, thiện nữ đọc tụng Bát-nhã ba-la-mật đến trước mặt vua chúa, đại thần, thì vua chúa, đại thần đều vui mừng đón tiếp, chuyện trò niềm nở. Vì sao? Vì nhờ thiện nam, thiện nữ này thường có tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả đối với chúng sinh.

Này Kiều-thi-ca! Đó là thiện nam, thiện nữ thọ trì cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật được công đức ở đời hiện tại.

Thế nào là công đức ở đời vị lai?

Thiện nam, thiện nữ thọ trì cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật thì chẳng bao giờ rời mười điều lành, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định không, sáu pháp Ba-la-mật, bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bát cộng. Người này chẳng bao giờ rơi vào ba đường ác, thân thể tốt đẹp, chẳng bao giờ sinh vào nhà nghèo nàn thấp kém. Thường được ba mươi hai tướng. Thường được hóa sinh trong cõi nước hiện có Phật. Chẳng bao giờ lìa thân thông của Bồ-tát. Nếu muốn từ một cõi Phật đến một cõi Phật để cúng dường chư Phật và nghe Phật pháp thì được như ý. Những cõi nước đã đến thì người này đều có khả năng thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật, dần dần được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Kiều-thi-ca! Đó là công đức ở đời sau.

Vì thế nên thiện nam, thiện nữ phải thọ trì, gạn gũi, đọc tụng, ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật này, dùng hoa hương, phướn lọng, âm nhạc cúng dường, thường chẳng rời tâm của Nhất thiết trí. Thiện nam, thiện nữ này được thành tựu công đức đời này, đời sau cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phẩm 35: KHIỂN TRÁCH DỊ ĐẠO

Bấy giờ, các ngoại đạo Phạm chí muốn đến tìm sở đoản của Đức Phật.

Thiên đế nghĩ rằng các ngoại đạo Phạm chí này muốn đến tìm sở đoản của Đức Phật, ta nên tụng niệm Bát-nhã ba-la-mật mà Đức Phật vừa dạy bảo, thì các ngoại đạo Phạm chí này không bao giờ làm trở ngại việc giảng nói Bát-nhã ba-la-mật của Phật được.

Nghĩ đoạn, Thiên đế liền tụng Bát-nhã ba-la-mật.

Lúc đó, các ngoại đạo Phạm chí chỉ ở xa nhiều quanh Đức Phật rồi trở về.

Xá-lợi-phất suy nghĩ vì sao các ngoại đạo Phạm chí chỉ ở xa nhiều quanh Đức Phật rồi trở về như thế?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

– Vì Thích Đề-hoàn Nhân tụng niệm Bát-nhã ba-la-mật, nên các ngoại đạo Phạm chí ở xa đến nhiều quanh Đức Phật rồi đi trở về.

Này Xá-lợi-phất! Ta chẳng thấy các ngoại đạo Phạm chí ấy có chút tâm tốt, họ mang ác ý đến muốn tìm sở đoản của Đức Phật.

Này Xá-lợi-phất! Lúc nói Bát-nhã ba-la-mật, ta chẳng thấy tất cả thế gian hoặc chư Thiên, chư Ma, chư Phạm, hoặc trong chúng Samôn, có ai mang ác ý đến phá hoại được.

Vì sao? Vì trong tam thiên đại thiên thế giới này, các Tứ Thiên vương cho đến trời Đại Tự tại, các Thanh văn, các Bích-chi-phật, các vị Bồ-tát và chư Phật đều cùng giữ gìn Bát-nhã ba-la-mật này.

Vì sao? Vì chư Thiên cho đến chư Phật đều sinh ra từ Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, này Xá-lợi-phất! Trong hằng sa cõi nước mười phương, chư Thiên cho đến chư Phật cũng đồng giữ gìn Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì chư Thiên đến chư Phật mười phương cũng đều sinh ra từ Bát-nhã ba-la-mật.

Bấy giờ, có ác ma nghĩ rằng nay Phật cùng bốn chúng hội họp với chư Thiên cõi Dục, cõi Sắc, trong đó tất có các vị Đại Bồ-tát

được thọ ký sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ta phải đến đó để phá hoại đạo tâm của họ.

Nghĩ đoạn, ác ma liền hóa ra bốn bộ binh kéo đến chỗ Đức Phật.

Thiên đế biết không phải binh chủng của vua Tần-bà-la hay vua Ba-tư-nặc, cũng không phải của dòng Thích-ca và dòng Lê-xa. Mà đây chính là binh của ác ma hóa hiện. Ác ma này thường tìm dịp hại chúng sinh, ta phải tụng niệm Bát-nhã ba-la-mật.

Thiên đế liền tụng niệm Bát-nhã ba-la-mật.

Ác ma nghe tiếng tụng niệm, liền tan rã trở về.

Chư Thiên cõi Tứ vương cho đến cõi Sắc cứu cánh ở cõi này và hàng sa cõi nước ở mười phương cùng hóa hiện các hoa trời từ trên hư không rải lên mình Đức Phật và cùng xưng rằng:

– Cầu nguyện Bát-nhã ba-la-mật trụ lâu ở cõi Diêm-phù-đề.

Vì sao? Vì người cõi Diêm-phù-đề thọ trì Bát-nhã ba-la-mật thì Bát-nhã ba-la-mật được trụ ở thế gian. Tùy thời gian Bát-nhã ba-la-mật an trụ mà Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo ở Diêm-phù-đề cũng an trụ chẳng diệt, cũng phân biệt biết rõ đạo của Đại Bồ-tát.

Vả lại, chỗ nào có thiện nam, thiện nữ biên chép kinh Bát-nhã ba-la-mật, thì chỗ đó sẽ chói sáng, rời xa sự tối tăm.

Đức Phật bảo Thiên đế và tất cả chư Thiên:

– Đúng vậy, này Kiều-thi-ca và các Thiên tử! người ở Diêm-phù-đề thọ trì Bát-nhã ba-la-mật, theo thời gian mà sự thọ trì này còn tồn tại, thì cũng là thời gian mà Tam bảo tồn tại. Cho đến chỗ nào có người thiện nam, thiện nữ biên chép kinh Bát-nhã ba-la-mật thì chỗ ấy sẽ chói sáng, rời xa sự tối tăm.

Chư Thiên tử hóa hiện hoa trời rải trên mình Đức Phật mà bạch rằng:

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát-nhã ba-la-mật cho đến ghi nhớ thì ma chúa, ma dân không làm hại được.

Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con cũng sẽ ủng hộ những người này, vì chúng con xem những người này như Đức Phật, hoặc kế thừa Đức Phật.

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào thọ trì Bát-nhã ba-la-mật cho đến ghi nhớ, phải biết những người này đời trước đã làm nhiều công đức ở chỗ Phật, đã gần gũi cúng dường chư Phật, được Thiện tri thức hộ niệm.

Bạch Đức Thế Tôn! Trí Nhất thiết của chư Phật phải tìm cầu trong Bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật cũng phải tìm cầu trong trí Nhất thiết.

Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật chẳng khác trí Nhất thiết, trí Nhất thiết chẳng khác Bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật và trí Nhất thiết chẳng phải hai, chẳng phải khác.

Do đó nên chư Thiên chúng tôi xem những người này như Đức Phật hoặc kế thừa Đức Phật.

Phật bảo:

–Đúng vậy, này Kiều-thi-ca! Trí Nhất thiết của chư Phật tức là Bát-nhã ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật tức là trí Nhất thiết.

Vì sao? Này Kiều-thi-ca, trí Nhất thiết của chư Phật đều sinh ra từ Bát-nhã ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật chẳng khác trí Nhất thiết, trí Nhất thiết chẳng khác Bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật và trí Nhất thiết chẳng phải hai, chẳng phải khác.

M

Phẩm 36: NGƯỜI DẪN DẮT TÔN QUÝ

Bấy giờ, Tuệ mạng A-nan bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Cớ sao chẳng khen ngợi Bồ thí ba-la-mật cho đến mười tám pháp Bất cộng, mà chỉ khen ngợi Bát-nhã ba-la-mật?

Phật bảo A-nan:

–Đối với năm môn Ba-la-mật cho đến mười tám pháp Bất cộng thì Bát-nhã ba-la-mật là người dẫn dắt cao quý của tất cả.

Này A-nan! Bồ thí mà chẳng hồi hướng trí Nhất thiết thì có

được gọi là Bồ thí ba-la-mật chăng? Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ mà chẳng hồi hương trí Nhất thiết thì có được gọi là Trì giới ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật chăng?

A-nan thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn, không!

Phật nói:

– Do đó nên biết rằng Bát-nhã ba-la-mật là người dẫn dắt cao quý đối với năm pháp Ba-la-mật cho đến mười tám pháp Bất cộng, nên phải khen ngợi.

A-nan thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là bồ thí cho đến trí tuệ hồi hương trí Nhất thiết được thành Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật?

Phật dạy:

– Dùng bồ thí không có hai pháp mà hồi hương trí Nhất thiết, thì gọi là Bồ thí ba-la-mật, vì bất sinh không thật có nên bồ thí, hồi hương trí Nhất thiết thì gọi là Bồ thí ba-la-mật.

Cho đến dùng trí tuệ không có hai pháp hồi hương trí Nhất thiết thì gọi là Bát-nhã ba-la-mật, vì bất sinh không thật có nên trí tuệ hồi hương trí Nhất thiết thì gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

A-nan thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là dùng pháp không hai mà bồ thí cho đến dùng pháp không hai mà trí tuệ hồi hương trí Nhất thiết, thì gọi là Bồ thí ba-la-mật cho đến Bồ thí ba-la-mật?

Phật dạy:

– Nay A-nan! Vì sắc không phải hai pháp, vì thọ, tưởng, hành, thức không phải hai pháp, cho đến vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không phải hai pháp.

Vì sao?

Vì tướng của sắc rỗng không, Bồ thí ba-la-mật và sắc không hai, không khác, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và Bồ thí ba-la-mật không hai, không khác. Năm pháp Ba-la-mật kia cũng giống như vậy.

Thế nên, này A-nan! Chỉ khen ngợi Bát-nhã ba-la-mật là người dẫn dắt cao quý của năm pháp Ba-la-mật cho đến Nhất thiết chủng trí.

Này A-nan! Ví như mặt đất, rải hạt giống xuống, đủ nhân duyên hòa hợp nên mọc lên. Các hạt giống ấy nương nơi đất mà mọc lên.

Cũng vậy, năm pháp Ba-la-mật nương vào Bát-nhã ba-la-mật mà sinh. Bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết chủng trí đều nương vào Bát-nhã ba-la-mật mà sinh, cho nên Bát-nhã ba-la-mật là người dẫn dắt cao quý của năm pháp Ba-la-mật cho đến mười tám pháp Bát cộng.

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đức Phật nói không hết công đức của người thọ trì cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật.

Vì sao? Vì người thọ trì cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật thì được đạo Vô thượng của chư Phật ba đời. Vì muốn được trí Nhất thiết phải tìm cầu trong Bát-nhã ba-la-mật. Muốn được Bát-nhã ba-la-mật phải tìm cầu trong trí Nhất thiết.

Bạch Đức Thế Tôn! Do thọ trì cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật mà thế gian xuất hiện mười nghiệp lành, bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc cho đến mười tám pháp Bát cộng.

Do thọ trì cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật mà thế gian có những danh nhân vọng tộc, có trời Tứ vương cho đến trời Sắc cứu cánh.

Do thọ trì cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật mà thế gian có Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Đại Bồ-tát.

Do thọ trì cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật mà có chư Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian.

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Người thọ trì cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật.

Này Kiều-thi-ca! Thiện nam, thiện nữ thọ trì cho đến ghi nhớ

Bát-nhã ba-la-mật ta chẳng nói họ chỉ được ngân ấy công đức chẳng lia tâm của Nhất thiết trí thì thành tựu vô lượng giới phẩm, thành tựu vô lượng định phẩm, tuệ phẩm, giải thoát phẩm, giải thoát tri kiến phẩm, phải biết người này như Phật.

Tất cả giới phẩm, định phẩm, tuệ phẩm, giải thoát phẩm, giải thoát tri kiến phẩm của các Thanh văn, Bích-chi-phật đối với người này không bằng một phần trăm ngàn muôn ức, cho đến tính số thí dụ đều không bằng.

Này Kiều-thi-ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép, thọ trì kinh Bát-nhã ba-la-mật rồi cúng dường, cung kính, tôn trọng cũng được công đức ở đời này và đời sau.

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con sẽ thường che chở các thiện nam, thiện nữ thọ trì cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật chẳng lia tâm của Nhất thiết trí, cúng dường, cung kính, tôn trọng Bát-nhã ba-la-mật.

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Lúc thiện nam, thiện nữ muốn đọc tụng, giảng nói Bát-nhã ba-la-mật, thì vô lượng trăm ngàn chư Thiên đều đến nghe pháp.

Thiện nam, thiện nữ giảng nói pháp Bát-nhã ba-la-mật, thì chư Thiên giúp thêm năng lực cho những người ấy.

Nếu các Pháp sư ấy mỗi một thì được chư Thiên giúp thêm năng lực nên lại có thể giảng nói nữa.

Thiện nam, thiện nữ thọ trì cho đến ghi nhớ, cúng dường Bát-nhã ba-la-mật cũng được công đức ở đời này.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Thiện nam, thiện nữ ấy ở giữa bốn bộ chúng, lúc giảng nói Bát-nhã ba-la-mật, tâm không sợ hãi. Lúc bị hỏi bắt bẻ cũng không sợ sệt. Vì sao? Vì thiện nam, và thiện nữ ấy được sự che chở của Bát-nhã ba-la-mật.

Trong Bát-nhã ba-la-mật cũng phân biệt tất cả pháp, hoặc thế gian hay xuất thế gian, hoặc hữu lậu hay vô lậu, hoặc thiện hay bất thiện, hoặc hữu vi hay vô vi, hoặc pháp Thanh văn, pháp Bích-chi-

phật, pháp Bồ-tát hay pháp Phật.

Vì thiện nam, thiện nữ ấy an trụ trong nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, nên chẳng thấy có gì chướng nạn được Bát-nhã ba-la-mật, cũng chẳng thấy người bị bắt bẻ, cũng chẳng thấy Bát-nhã ba-la-mật.

Thiện nam, thiện nữ ấy được Bát-nhã ba-la-mật che chở, nên không ai phá hoại được.

Lúc thọ trì cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật, thiện nam, thiện nữ ấy chẳng mất, chẳng kinh, chẳng sợ.

Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ ấy chẳng thấy có pháp mất, chẳng thấy có pháp kinh sợ.

Này Kiều-thi-ca! Thiện nam, thiện nữ thọ trì cho đến ghi nhớ, cúng dường Bát-nhã ba-la-mật, lại được công đức ở đời hiện tại.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Thiện nam, thiện nữ thọ trì đến ghi nhớ, biên chép, cúng dường kinh Bát-nhã ba-la-mật, người này được cha mẹ yêu thương, thân tộc, bè bạn kính mến, được Sa-môn, Bà-la-môn kính nể, được chư Phật, các Đại Bồ-tát, các Bích-chi-phật, các A-la-hán cho đến các vị Tu-đà-hoàn ái kính, tất cả thế gian, chư Thiên, Ma, Phạm, A-tu-la cũng ái kính người này.

Người này thực hành Bồ thí ba-la-mật, Bồ thí ba-la-mật không lúc nào dứt mất. Trì giới ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật cũng giống như vậy, không lúc nào dứt mất.

Người này tu nội không chẳng dứt, cho đến tu vô pháp hữu pháp không chẳng dứt, bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng chẳng dứt, tu các pháp môn Tam-muội chẳng dứt, tu các pháp môn Đà-la-ni chẳng dứt, tu thần thông của các Bồ-tát chẳng dứt, thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật chẳng dứt, cho đến tu Nhất thiết chủng trí chẳng dứt. Người này cũng có khả năng hàng phục kẻ bắt bẻ hủy báng.

Này Kiều-thi-ca! Thiện nam, thiện nữ thọ trì cho đến cúng dường Bát-nhã ba-la-mật cũng được công đức ở đời này, đời sau như vậy.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Tại chỗ ở của thiện nam, thiện nữ biên chép kinh này, chư Thiên cõi trời Tứ vương, Đạo-lợi cho đến

cõi trời Sắc cứu cánh, toàn thể chư Thiên trong cõi đại thiên này và trong các thế giới ở mười phương, những vị đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều đến chỗ ấy để ra mắt kinh Bát-nhã ba-la-mật và thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ lạy rồi trở về.

Ngoài ra các vị Thiên, Long, Bát bộ trong cõi này và ở các thế giới mười phương cũng đều đến chỗ ấy để ra mắt kinh Bát-nhã ba-la-mật và thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ lạy rồi trở về.

Thiện nam, thiện nữ này nghĩ rằng chư Thiên cùng tám bộ thần chúng trong cõi này và trong các thế giới ở mười phương đều đến ra mắt kinh Bát-nhã ba-la-mật và thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ bái, như thế thì tôi đã ban pháp bố thí rồi.

Này Kiều-thi-ca! Chư Thiên ở cõi đại thiên cùng chư Thiên trong các thế giới ở mười phương, từ trời Tứ vương cho đến trời Sắc cứu cánh, những vị đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều ủng hộ các thiện nam, thiện nữ này, làm cho những kẻ ác, những việc ác không xâm hại được. Ngoại trừ người ấy đời trước có tội nặng.

Này Kiều-thi-ca! Các thiện nam, thiện nữ này cũng được công đức ở đời hiện tại. Các vị Thiên tử đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều đến chỗ ở của người này.

Vì sao? Vì những Thiên tử đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều muốn cứu hộ tất cả chúng sinh, chẳng bỏ tất cả chúng sinh, muốn tất cả chúng sinh được an vui.

Thiên đế bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ này làm sao biết được chư Thiên trong thế giới này và các chư Thiên ở các thế giới trong mười phương đều ra mắt kinh Bát-nhã ba-la-mật để thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ lạy?

Phật hỏi:

–Này Kiều-thi-ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ thấy ánh sáng thanh tịnh rực rỡ, thì biết chắc là lúc có các chư Thiên đến ra mắt Bát-nhã ba-la-mật để thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ lạy.

Lại nếu các thiện nam, thiện nữ nghe mùi hương lạ nhiệm mầu,

cũng biết chắc là lúc có các chư Thiên đến ra mắt Bát-nhã ba-la-mật để thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, lễ lạy.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Vì các thiện nam, thiện nữ công hạnh thanh tịnh trong sạch, nên các chư Thiên đến ra mắt kinh Bát-nhã ba-la-mật để thọ trì, đọc tụng, giảng nói, cúng dường, vui mừng lễ lạy.

Trong chỗ đó, nếu có bọn tiểu quỷ thì chúng liền đi ra, vì chẳng chịu nổi oai đức rộng lớn của các chư Thiên.

Do các vị trời có oai đức lớn đến, nên thiện nam, thiện nữ này phát đại tâm. Vì thế nên chỗ nào có Bát-nhã ba-la-mật, thì bốn phía phải sạch sẽ, thấp đèn, đốt hương thơm, rải những hoa đẹp, dầu thơm rưới đất, trang sức với những lọng báu, cờ phướn.

Lúc nói pháp, các thiện nam, thiện nữ này không bao giờ mỏi mệt, tự cảm thấy thân thể thư thái, tâm thần an vui. Đúng pháp nằm nghỉ, an ổn không thấy ác mộng. Trong giấc mơ thấy Phật có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Chúng Tỳ-kheo cung kính vây quanh. Đức Phật nói pháp cho chư Tăng nghe.

Các thiện nam, thiện nữ này nghe và lãnh thọ pháp giác, như là sáu pháp Ba-la-mật, bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bát cộng. Cũng phân biệt nghĩa của sáu pháp Ba-la-mật cho đến nghĩa của pháp Bát cộng.

Trong giấc mơ, các thiện nam, thiện nữ này cũng thấy cây bồ-đề trang nghiêm đẹp đẽ. Thấy các vị Bồ-tát đến cội cây bồ-đề thành Đẳng chánh giác, chuyển pháp luân. Cũng thấy trăm ngàn muôn ức Bồ-tát cùng kết tập chánh pháp, luận nghị rằng: Phải cầu trí Nhất thiết như vậy, phải thành tựu chúng sinh như vậy, phải thanh tịnh cõi Phật như vậy. Cũng thấy mười phương vô số trăm ngàn muôn ức chư Phật. Cũng nghe danh hiệu chư Phật ấy ở phương nào, cõi nào, hiệu gì, có bao nhiêu Bồ-tát, bao nhiêu Thanh văn vây quanh cung kính, Đức Phật ấy nói pháp cho đại chúng nghe. Lại thấy vô số trăm ngàn muôn ức chư Phật ở mười phương nhập Niết-bàn. Lại thấy vô số trăm ngàn ức tháp bảy báu của chư Phật. Lại thấy cúng dường tháp báu với những hương hoa, cho đến phướn lọng, cung kính, tôn trọng, khen ngợi.

Này Kiều-thi-ca! Các thiện nam, thiện nữ này nằm chiêm bao thấy những cảnh lành như vậy, nên lúc ngủ yên, lúc thức cũng yên. Chư Thiên giúp thêm khí lực, nên người này tự cảm thấy thân thể nhẹ nhàng, chẳng quá ham những đồ uống ăn, y phục, đồ nằm, thuốc men. Đối với bốn thứ cúng dường, lòng người này xem nhẹ. Như Tỳ-kheo ngồi thiền, sau khi xuất định, tâm hợp với thiền định, chẳng ham uống ăn, tâm họ thanh thản.

Vì sao? Vì chư Thiên tự nhiên dùng tinh chất của món ăn để thêm khí lực cho người này.

Chư Phật mười phương và hàng Trời, Rồng, Quỷ, Thần, A-tu-la, Càn-thát-bà, Ca-lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già cũng giúp thêm khí lực cho người này.

Này Kiều-thi-ca! Vì thế nên các thiện nam, thiện nữ muốn được công đức ở hiện đời như vậy thì phải thọ trì, gạn gủi, đọc tụng, giảng nói, suy nghĩ đúng Bát-nhã ba-la-mật, cũng chẳng lìa tâm của Nhất thiết trí.

Nếu không thể thọ trì cho đến ghi nhớ thì các thiện nam, thiện nữ phải biên chép kinh này rồi cung kính, tôn trọng, khen ngợi, cúng dường hoa hương, anh lạc, cờ phướn, lọng báu.

Này Kiều-thi-ca! Nếu các thiện nam, thiện nữ nghe Bát-nhã ba-la-mật này rồi thọ trì, đọc tụng, giảng nói, ghi nhớ, biên chép kinh này, cung kính, tôn trọng, khen ngợi, cúng dường hoa hương, anh lạc, phướn lọng, thì công đức rất nhiều, hơn công đức bốn việc cúng dường chư Phật mười phương và các đệ tử, cùng xây tháp bảy báu cúng dường sau khi chư Phật và đệ tử nhập Niết-bàn.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 10

Phẩm 37: XÁ-LỢI

Phật bảo trời Đế Thích:

–Này Kiều-thi-ca! Nếu đem xá-lợi của Phật đầy cả Diêm-phù-đề làm một phần, lại có người chếp kinh Bát-nhã ba-la-mật làm một phần, trong hai phần này ông lấy phần nào?

Thiên đế thưa:

–Bach Đức Thế Tôn! Con lấy phần kinh Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì đối với xá-lợi Phật, chẳng phải là con chẳng cung kính tôn trọng, nhưng vì xá-lợi này sinh ra từ Bát-nhã ba-la-mật, do Bát-nhã ba-la-mật huân tu, nên xá-lợi này mới được cung kính, cúng dường, tôn trọng, khen ngợi.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Thiên đế:

–Bát-nhã ba-la-mật này chẳng thể chấp được, nó không sắc, không hình, không đối, một tướng duy nhất, tức là vô tướng, sao ông lại muốn lấy? Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật này chẳng do lấy mà có, chẳng do bỏ mà có, chẳng do thêm bớt, tụ tán, tổn ích, cấu tịnh mà có. Bát-nhã ba-la-mật này chẳng cùng pháp Phật, chẳng bỏ pháp phàm phu, không cùng pháp Bích-chi-phật, pháp A-la-hán, pháp Hữu học, chẳng bỏ pháp phàm phu, chẳng cùng với tánh vô vi, chẳng bỏ tánh hữu vi, chẳng cùng với nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, chẳng cùng với bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết chủng trí, chẳng bỏ pháp phàm phu.

Thiên đế nói:

–Đúng vậy, thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu có người biết Bát-nhã ba-la-mật này chẳng cùng với pháp Phật, cũng chẳng bỏ pháp phàm phu, cho đến chẳng cùng với pháp Nhất thiết chủng trí, cũng

chẳng bỏ pháp phạm phu. Đại Bồ-tát này hãy thực hành Bát-nhã ba-la-mật, hãy tu Bát-nhã ba-la-mật.

Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật chẳng hiện hành hai pháp. Pháp chẳng hai là Bát-nhã ba-la-mật. Pháp chẳng hai là Thiên-na cho đến Bồ thí ba-la-mật.

Đức Phật khen:

–Lành thay, lành thay! Này Kiều-thi-ca! Đúng như lời ông nói. Vì Bát-nhã ba-la-mật chẳng hiện hành hai pháp. Pháp chẳng hai là Bát-nhã ba-la-mật, cho đến Bồ thí ba-la-mật.

Này Kiều-thi-ca! Nếu có người muốn được hai tướng pháp tánh, là người này muốn được hai tướng Bát-nhã ba-la-mật.

Vì sao? Vì pháp tánh và Bát-nhã ba-la-mật là không hai không khác, cho đến Bồ thí ba-la-mật cũng như vậy.

Nếu có người muốn được thật tế không nghĩ bàn tánh hai tướng, thì người này muốn được hai tướng Bát-nhã ba-la-mật.

Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật và thật tế không nghĩ bàn tánh, không hai không khác, cho đến Bồ thí ba-la-mật cũng như vậy.

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả thế gian, loài người và chư Thiên, A-tu-la đều phải kính lạy, cúng dường Bát-nhã ba-la-mật.

Vì sao? Vì từ Bát-nhã ba-la-mật mà Đại Bồ-tát học được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Đức Thế Tôn! Con thường ngồi tại Thiện pháp đường.

Những lúc con không ngồi tại Thiện pháp đường, các Thiên tử đến cúng dường con, hướng về phía tòa con ngồi kính lễ đi nhiều rồi trở về. Các Thiên tử này nghĩ rằng vì Thiên đế thường ngồi tại tòa này nói pháp cho chư Thiên cõi trời Đao-lợi.

Bạch Đức Thế Tôn! Cũng như vậy, chỗ nào có biên chép kinh Bát-nhã ba-la-mật này, chỗ nào thọ trì, đọc tụng, giảng nói Bát-nhã ba-la-mật này, thì các Trời, Rồng, tám bộ chúng đều đến kính lễ Bát-nhã ba-la-mật, cúng dường xong rồi đi.

Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật này sinh ra chư Phật, và sinh ra tất cả những đồ cần thiết vừa ý tất cả chúng sinh.

Xá-lợi Phật cũng là vật làm nhân duyên cho Nhất thiết chủng trí.

Vì thế nên, bạch Đức Thế Tôn! Trong hai phần, con lấy phần Bát-nhã ba-la-mật.

Lại bạch Đức Thế Tôn! Lúc thọ trì, đọc tụng Bát-nhã ba-la-mật, nếu tâm con nhập vào pháp thì lúc ấy con chẳng thấy tướng sợ hãi.

Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật này không có tướng mạo, không có lời nói.

Bạch Đức Thế Tôn! Không có tướng mạo, không có lời nói là Bát-nhã ba-la-mật, cho đến Nhất thiết chủng trí.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Bát-nhã ba-la-mật là có tướng chẳng phải vô tướng thì chư Phật lẽ ra chẳng nên biết tất cả pháp không có tướng mạo, không có lời nói mà chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, rồi lại vì hàng đệ tử giảng nói các pháp cũng không có tướng mạo, không có lời nói.

Bạch Đức Thế Tôn! Bởi Bát-nhã ba-la-mật đích thật là không có tướng mạo, không có lời nói nên chư Phật biết các pháp không có tướng mạo, không có lời nói mà chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, rồi vì hàng đệ tử giảng nói các pháp cũng không có tướng mạo, không có lời nói.

Bạch Đức Thế Tôn! Vì thế nên tất cả thế gian, loài người, chư Thiên, A-tu-la đều phải tôn trọng, khen ngợi, cung kính, cúng dường Bát-nhã ba-la-mật này các hương hoa, anh lạc, cho đến các thứ phướn lọng.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có người nào thọ trì, gạn gūi, đọc tụng, ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật, và biên chép, cúng dường với hương hoa, anh lạc, phướn lọng, thì chẳng bị đọa vào các loài địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cũng chẳng đi vào bậc Thanh văn, Bích-chi-phật, cho đến khi thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thường thấy chư Phật, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, cung kính, tôn trọng, khen ngợi, cúng dường chư Phật.

Bạch Đức Thế Tôn! Xá-lợi Phật đầy cả cõi đại thiên làm một phần, chép kinh Bát-nhã ba-la-mật thành một phần. Trong hai phần

này con vẫn chọn lấy phần Bát-nhã ba-la-mật.

Vì sao? Vì từ Bát-nhã ba-la-mật này sinh ra xá-lợi chư Phật. Thế nên xá-lợi được cung kính, cúng dường, tôn trọng, khen ngợi.

Thiện nam, thiện nữ do cung kính, cúng dường xá-lợi nên được hưởng phước lạc trên cõi trời, trong loài người, thường chẳng đọa vào ba đường ác, theo ý nguyện dần dần do pháp ba thừa mà nhập Niết-bàn.

Thế nên, bạch Đức Thế Tôn! Nếu người được thấy Đức Phật hiện tại, nếu được thấy kinh Bát-nhã ba-la-mật, cũng đồng nhau không khác. Vì Bát-nhã ba-la-mật và Phật không hai không khác.

Bạch Đức Thế Tôn! Như Đức Phật trụ thế có ba việc thị hiện, nói mười hai bộ kinh từ Tu-đa-la đến Ưu-bà-đề-xá.

Có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng, giảng nói Bát-nhã ba-la-mật này thì cũng đồng như Đức Phật trụ thế không khác.

Vì sao? Vì từ Bát-nhã ba-la-mật này sinh ra ba việc thị hiện và mười hai bộ kinh.

Lại có người thọ trì Bát-nhã ba-la-mật rồi giảng lại cho người khác nghe thì cũng đồng như trên không khác.

Vì sao? Vì từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra chư Phật, cũng sinh ra mười hai bộ kinh, từ Tu-đa-la đến Ưu-bà-đề-xá.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có người cúng dường chư Phật trong hằng sa thế giới ở mười phương, cũng cung kính, tôn trọng, khen ngợi. Lại có người chép kinh Bát-nhã ba-la-mật, cung kính, tôn trọng, khen ngợi, cúng dường với những hoa hương, phướn lọng. Hai người này được phước như nhau.

Vì sao? Vì chư Phật mười phương đều sinh ra từ Bát-nhã ba-la-mật.

Bạch Đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát-nhã ba-la-mật này rồi thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ, cũng giảng nói cho người khác nghe thì chẳng còn rơi vào ba đường ác, cũng chẳng theo các Thanh văn, Bích-chi-phật.

Vì sao? Vì phải biết người này đã trụ trong không thoái chuyển.

Bát-nhã ba-la-mật này xa lìa tất cả khổ não suy bệnh.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào biên chép kinh Bát-nhã ba-la-mật này mà thọ trì, đọc tụng, cung kính, tôn trọng, khen ngợi, cúng dường, thì xa lìa các sợ hãi.

Ví như người mang nợ mà gần gũi hầu hạ cung cấp bên quốc vương, thì chủ nợ trở lại cung kính, cúng dường người này. Người này không còn sợ hãi, vì nường oai lực của quốc vương.

Cũng như vậy, nhờ sự huân tu Bát-nhã ba-la-mật mà xá-lợi chư Phật được cúng dường, cung kính. Xá-lợi ví như người mang nợ, còn Bát-nhã ba-la-mật ví như quốc vương, nhờ nường gần quốc vương mà người mang nợ được cúng dường.

Cũng vậy, xá-lợi nường sự huân tu của Bát-nhã ba-la-mật mà được cúng dường.

Nhất thiết chủng trí của chư Phật cũng do Bát-nhã ba-la-mật huân tu mà được thành tựu.

Vì những lẽ như trên, nên trong hai phần, con lấy phần Bát-nhã ba-la-mật.

Vì sao?

Bạch Đức Thế Tôn! Vì từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra xá-lợi và ba mươi hai tướng của chư Phật.

Từ Bát-nhã ba-la-mật cũng sinh ra mười Trí lực, bốn Vô úy, bốn Vô ngại trí, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi của chư Phật.

Từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra năm pháp Ba-la-mật, cũng làm cho được danh tự Ba-la-mật.

Từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra Nhất thiết chủng trí của chư Phật.

Bạch Đức Thế Tôn! Trong đại thiên thế giới, nếu có ai thọ trì, cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi Bát-nhã ba-la-mật thì chỗ đó tất cả người, hoặc quỷ thần không làm hại được, người này lần lần được nhập Niết-bàn.

Bát-nhã ba-la-mật có lợi ích rộng lớn như vậy, có thể làm Phật sự trong đại thiên thế giới.

Bạch Đức Thế Tôn! Chỗ nào có Bát-nhã ba-la-mật thì chỗ đó chính là có Phật.

Ví như chỗ để bảo châu ma-ni thì các phi nhân không xâm hại được. Nếu có người bị bệnh sốt, hay bị bệnh cảm lạnh, đem bảo châu này cho người bệnh đeo thì liền được lành mạnh.

Bảo châu này lại làm cho chỗ tối thành sáng, nóng bức thành mát mẻ, lạnh lẽo thành ấm áp.

Chỗ nào có bảo châu này thì chỗ đó chẳng lạnh, chẳng nóng, thời tiết điều hòa thích hợp, cũng không có các loài trùng độc.

Có ai bị rắn độc cắn, đem bảo châu đến gần thì nọc độc liền tiêu.

Có người nào đau mắt, mù lòa, đem bảo châu đến gần thì mắt liền sáng tỏ hết bệnh.

Nếu người bị bệnh phong cùi ghẻ độc, cho đeo bảo châu này thì được lành mạnh.

Bỏ bảo châu này vào nước thì nước thành một màu.

Nếu dùng vật màu xanh gói bảo châu này bỏ vào nước, thì nước liền có màu xanh.

Nếu dùng vật màu vàng, đỏ, trắng, hồng hay nhiều màu gói bảo châu này để vào nước, thì nước liền có màu ấy.

Nếu bỏ bảo châu vào nước đục, thì nước đục liền trong.

A-nan hỏi Thiên đế:

–Bảo châu ma-ni ấy là vật trên cõi trời hay là vật ở nhân gian?

Thiên đế nói:

–Là bảo châu trên cõi trời, người ở Diêm-phù-đề cũng có bảo châu như vậy, nhưng công lực có chỗ chẳng đầy đủ.

Bảo châu cõi trời thanh tịnh nhẹ nhàng, tốt đẹp, không thể lấy gì để ví dụ được.

Đựng bảo châu này vào hộp, khi lấy bảo châu ra rồi, vì công đức của bảo châu xông ướp, nên hộp ấy được người quý trọng.

Cũng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Chỗ nào có người biên chép kinh Bát-nhã ba-la-mật thì chỗ ấy không có sự náo hại.

Sau khi Phật nhập Niết-bàn, xá-lợi được cúng dường, đều là do công lực của Bát-nhã ba-la-mật, công lực của Thiền định ba-la-mật cho đến Bồ thí ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng, Nhất thiết trí, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, pháp tánh, thật tế, tánh không nghĩ bàn cho đến Nhất thiết chủng trí.

Thiện nam, thiện nữ nghĩ: “Xá-lợi Phật là chỗ của Nhất thiết chủng trí đại Từ, đại Bi, là chỗ của các công đức dứt hẳn tất cả kết sử và tập khí, hành pháp bình đẳng không sai lầm, thường xả, trụ xứ công đức của chư Phật, do đó nên xá-lợi được cung kính, cúng dường.”

Bạch Đức Thế Tôn! Xá-lợi là trụ xứ của Ba-la-mật các công đức báu, là trụ xứ của Ba-la-mật bất cấu bất tịnh, là trụ xứ của Ba-la-mật bất sinh bất diệt, là trụ xứ của Ba-la-mật bất nhập bất xuất, là trụ xứ của Ba-la-mật bất tăng bất giảm, là trụ xứ của bất lai Ba-la-mật bất khứ bất trụ.

Xá-lợi Phật là trụ xứ của các pháp tướng Ba-la-mật. Do các pháp tướng Ba-la-mật huân tu nên xá-lợi được kính trọng, cúng dường.

Bạch Đức Thế Tôn! Bất luận xá-lợi đầy khắp đại thiên thế giới. Dùng cho xá-lợi Phật đầy cả hằng sa thế giới làm một phần, lại có người chép kinh Bát-nhã ba-la-mật làm một phần, trong hai phần trên đây, con lấy phần Bát-nhã ba-la-mật.

Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật này sinh ra xá-lợi chư Phật, do Bát-nhã ba-la-mật này huân tu nên xá-lợi được cúng dường.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ nào cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi xá-lợi, được công đức quả báo vô biên, hưởng thọ phước vui nhân gian và trên cõi trời, cho đến do nhân duyên phước đức này nên sẽ được hết khổ.

Nếu thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng, giải thích, ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật này, sẽ được đầy đủ Thiền định ba-la-mật cho đến Bồ thí ba-la-mật, sẽ được đầy đủ bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng, hơn bậc Thanh văn, Bích-chi-phật mà an trụ địa vị Bồ-tát.

Đã an trụ địa vị Bồ-tát thì được thần thông Bồ-tát, từ một cõi Phật đến một cõi Phật.

Bồ-tát này vì chúng sinh mà thọ thân. Tùy theo chỗ chúng sinh đáng được thành tựu mà Bồ-tát này hoặc hiện làm Chuyển luân thánh vương, hoặc làm Sát-đế-lợi, Bà-la-môn để giúp cho chúng sinh được thành tựu.

Bạch Đức Thế Tôn! Chẳng phải khinh mạn bất kính mà con chẳng lấy xá-lợi, vì thiện nam, thiện nữ nào cúng dường Bát-nhã ba-la-mật thì chính là cúng dường xá-lợi.

Bạch Đức Thế Tôn! Có người muốn thấy pháp thân và sắc thân chư Phật hiện tại trong vô lượng, vô số thế giới ở mười phương, người này phải nghe Bát-nhã ba-la-mật và thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ, giảng nói cho người khác nghe. Thiện nam, thiện nữ này sẽ được thấy pháp thân và sắc thân của chư Phật hiện tại trong vô lượng, vô số thế giới ở mười phương.

Thiện nam, thiện nữ thực hành Bát-nhã ba-la-mật cũng phải dùng pháp tướng để tu Tam-muội niệm Phật.

Thiện nam, thiện nữ nào muốn thấy chư Phật hiện tại thì phải thọ trì Bát-nhã ba-la-mật này cho đến ghi nhớ.

Bạch Đức Thế Tôn! Có hai loại pháp tướng: các pháp tướng hữu vi và các pháp tướng vô vi.

Thế nào gọi là các pháp tướng hữu vi? Chính là trí tuệ trong nội không cho đến trí tuệ trong vô pháp hữu pháp không, trí tuệ trong bốn Niệm xứ cho đến trí tuệ trong mười tám pháp Bất cộng, trí tuệ trong pháp thiện, trong pháp bất thiện, trí tuệ trong pháp hữu lậu, trong pháp vô lậu, trí tuệ trong pháp thế gian, trong pháp xuất thế gian. Trên đây là các pháp tướng của pháp hữu vi.

Thế nào gọi là các pháp tướng vô vi? Chính là tự tánh của các pháp, tự tánh này không sinh, không diệt, không trụ, không dị, không nhớ, không sạch, không thêm, không bớt. Thế nào gọi là tự tánh các pháp? Tánh không thật có của các pháp là tự tánh của các pháp. Đó gọi là các pháp tướng vô vi.

Phật dạy:

–Đúng vậy, này Kiều-thi-ca! Chư Phật quá khứ do nơi Bát-nhã

ba-la-mật mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Các đệ tử của chư Phật quá khứ cũng do Bát-nhã ba-la-mật mà được đạo Tu-đà-hoàn cho đến đạo A-la-hán, đạo Bích-chi-phật.

Chư Phật vị lai và hiện tại và các đệ tử cũng giống như vậy.

Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật nói rộng nghĩa ba thừa. Vì là pháp không tướng. Vì là pháp không sinh, không diệt. Vì là pháp không nhớ, không sạch. Vì là pháp không tác, không khởi. Vì là pháp không nhập, không xuất, không thêm, không bớt, không lấy, không bỏ. Bởi là pháp thế tục nên chẳng phải Đệ nhất nghĩa.

Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật này chẳng phải đây kia, chẳng phải cao, thấp, chẳng phải bằng, không bằng, chẳng phải tướng, phi tướng, chẳng phải thế gian, xuất thế gian, chẳng phải hữu lậu, vô lậu, chẳng phải hữu vi, vô vi, chẳng phải thiện, bất thiện, chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại.

Này Kiều-thi-ca! Bát-nhã ba-la-mật chẳng lấy pháp Thanh văn, Bích-chi-phật, cũng chẳng bỏ pháp phàm phu.

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật biết rõ tâm của tất cả chúng sinh, cũng chẳng thật có chúng sinh, cho đến chẳng thật có người biết, người thấy.

Đại Bồ-tát này chẳng thật có sắc, thọ, tưởng, hành, thức, chẳng thật có được nhân cho đến ý, chẳng được sắc đến pháp, chẳng thật được các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra, chẳng thật được bốn Niệm xứ cho đến pháp Bất cộng, chẳng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng thật được pháp Phật, chẳng thật được Phật.

Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật chẳng vì được pháp mà xuất hiện.

Vì sao? Vì tánh Bát-nhã ba-la-mật là không thật có, chẳng có cái của mình. Chỗ chẳng thật có của pháp cũng chẳng thật có.

Phật dạy:

–Đúng vậy, này Kiều-thi-ca! Như lời ông nói, Đại Bồ-tát thường thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Vô thượng Chánh đẳng Chánh

giác còn không thật có, hướng chi là Bồ-tát và pháp Bồ-tát.

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Có phải Đại Bồ-tát chỉ thực hành Bát-nhã ba-la-mật, mà chẳng thực hành ba-la-mật khác hay không?

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Đại Bồ-tát thực hành cả sáu pháp Ba-la-mật, vì không thật có.

Thực hành Bồ thí ba-la-mật, chẳng thấy người bố thí, chẳng thấy người nhận, chẳng thấy tài vật cho.

Thực hành Trì giới ba-la-mật, chẳng thấy giới, chẳng thấy người trì giới, chẳng thấy người phá giới.

Cho đến thực hành Bát-nhã ba-la-mật, chẳng thấy trí tuệ, chẳng thấy người trí tuệ, chẳng thấy người không trí tuệ.

Này Kiều-thi-ca! Lúc Đại Bồ-tát thực hành bố thí, chính Bát-nhã ba-la-mật làm người dẫn dắt sáng suốt cho bố thí, nên được đầy đủ Bồ thí ba-la-mật.

Lúc Đại Bồ-tát thực hành trì giới, chính Bát-nhã ba-la-mật làm người dẫn dắt sáng suốt cho trì giới, nên được đầy đủ Trì giới ba-la-mật.

Lúc Đại Bồ-tát thực hành nhẫn nhục, chính Bát-nhã ba-la-mật làm người dẫn dắt sáng suốt cho nhẫn nhục, nên được đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật.

Lúc Đại Bồ-tát thực hành tinh tấn, chính Bát-nhã ba-la-mật làm người dẫn dắt sáng suốt cho tinh tấn, nên được đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật.

Lúc Đại Bồ-tát thực hành Thiền-na, chính Bát-nhã ba-la-mật làm người dẫn dắt sáng suốt cho Thiền-na, nên được đầy đủ Thiền định ba-la-mật.

Lúc Đại Bồ-tát quán các pháp, chính Bát-nhã ba-la-mật làm người dẫn dắt sáng suốt cho quán trí, nên được đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật.

Vì tất cả pháp từ sắc cho đến Nhất thiết chủng trí đều không thật có.

Này Kiều-thi-ca! Ví như cây Diêm-phù-đề, các lá, các hoa, các quả, các màu sắc, có nhiều thứ khác nhau, nhưng bóng mát của cây thì không khác nhau.

Các Ba-la-mật vào trong Bát-nhã ba-la-mật cho đến Nhất thiết trí, không khác nhau cũng giống như vậy, vì không thật có.

Thiên đế bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật thành tựu công đức rộng lớn, thành tựu tất cả công đức, Bát-nhã ba-la-mật thành tựu vô lượng công đức, thành tựu vô biên công đức, thành tựu vô đẳng công đức.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào biên chép kinh Bát-nhã ba-la-mật này, cung kính, cúng dường, tôn trọng, khen ngợi, lại ghi nhớ như lời kinh Bát-nhã ba-la-mật.

Lại có thiện nam, thiện nữ nào chép kinh Bát-nhã ba-la-mật này rồi đem cho người khác. Bạch Đức Thế Tôn! Hai người trên đây ai được phước nhiều?

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Nay Phật hỏi lại ông, ông nghĩ sao thì đáp như vậy.

Nếu có người cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi xá-lợi của chư Phật, lại có người chia xá-lợi ra nhỏ như hạt cải để cho người khác cúng dường, ai được phước nhiều hơn?

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như con nghe pháp nghĩa của Phật dạy: người tự mình cúng dường xá-lợi, nếu lại có người phân xá-lợi ra nhỏ như hạt cải để cho người khác cúng dường, người này được phước rất nhiều.

Vì thấy phước này lợi ích chúng sinh, nên Đức Phật nhập Tam-muội Kim cang, làm nát thân Kim cang thành hạt xá-lợi.

Vì sao? Vì sau khi Đức Phật nhập diệt, người cúng dường xá-lợi Phật đầu nhỏ bằng hạt cải, người này cũng được phước vô biên cho đến diệt hết khổ.

Phật dạy:

–Đúng vậy, này Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam, thiện nữ biên chép kinh Bát-nhã ba-la-mật, cúng dường, cung kính. Lại có người biên chép kinh Bát-nhã ba-la-mật đem cho người khác học, thiện nam, thiện nữ này được phước rất nhiều.

Nếu có thiện nam, thiện nữ đúng với nghĩa trong Bát-nhã ba-la-mật mà giảng nói cho người khác được hiểu biết. Công đức của người này hơn người trước.

Những người theo nghe Bát-nhã ba-la-mật thì phải xem người này như Phật. Cũng xem như người có phạm hạnh cao siêu.

Vì sao? Vì phải biết Bát-nhã ba-la-mật tức là Phật, Bát-nhã ba-la-mật chẳng khác Phật, Phật chẳng khác Bát-nhã ba-la-mật.

Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều từ Bát-nhã ba-la-mật mà học được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Người phạm hạnh cao siêu tức là bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển cũng do học Bát-nhã ba-la-mật mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Các Thanh văn học Bát-nhã ba-la-mật này mà được đạo A-la-hán.

Người cầu đạo Bích-chi-phật học Bát-nhã ba-la-mật này mà được đạo Bích-chi-phật.

Hàng Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật mà được bước lên địa vị Bồ-tát.

Này Kiều-thi-ca! Vì thế nên thiện nam, thiện nữ muốn cung kính, cúng dường chư Phật hiện tại, thì nên cúng dường Bát-nhã ba-la-mật.

Vì thấy có lợi ích này, nên lúc mới thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta nghĩ rằng có ai là người đáng được cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi, nương theo hay không?

Này Kiều-thi-ca! Trong tất cả thế gian, trong các hàng chư Thiên, Ma, Phạm, hoặc Sa-môn, Bà-la-môn, ta chẳng thấy ai sánh bằng Phật cả, huống chi là có người hơn.

Ta lại tự nghĩ rằng pháp của ta được, tự làm cho ta thành Phật. Ta cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi pháp này và

nướng theo pháp này mà an trụ.

Pháp này là gì? Chính là Bát-nhã ba-la-mật.

Này Kiều-thi-ca! Phật còn tự mình cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi và nướng theo Bát-nhã ba-la-mật. Huống chi là thiện nam, thiện nữ muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chẳng cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi Bát-nhã ba-la-mật? Vì sao? Vì từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra các Đại Bồ-tát. Trong các Đại Bồ-tát sinh ra chư Phật.

Này Kiều-thi-ca! Thế nên thiện nam, thiện nữ nào hoặc cầu Phật đạo, hoặc cầu đạo Bích-chi-phật, hoặc cầu đạo Thanh văn, thì đều phải, cung kính, tôn trọng, khen ngợi Bát-nhã ba-la-mật, cúng dường hoa hương, anh lạc cho đến phước lọng.

M

Phẩm 38: PHÁP THÍ

Phật bảo trời Đế Thích:

–Này Kiều-thi-ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào dạy người trong cõi Diêm-phù-đề thực hành mười nghiệp lành thì người này được phước có nhiều chăng?

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Người này được phước rất nhiều.

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Vẫn không bằng phước của người biên chép, thọ trì kinh Bát-nhã ba-la-mật rồi đem cho người khác bảo đọc tụng, giảng nói. Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật có nói rộng các pháp vô lậu. Các thiện nam, thiện nữ từ đây tu học, đã học, sẽ học, đang học, đã được, sẽ được, đang được, nhập vào chánh vị, đã được, sẽ được, đang được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán. Người cầu đạo Bích-chi-phật cũng giống như vậy.

Các Đại Bồ-tát cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đã nhập, sẽ nhập, đang nhập chánh pháp vị, đã được, sẽ được, đang

được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Kiều-thi-ca! Thế nào là pháp vô lậu?

Đó là bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng.

Thiện nam, thiện nữ nào học pháp này thì đã được, sẽ được, đang được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Kiều-thi-ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào dạy cho một người chứng quả Tu-đà-hoàn, người này được phước nhiều hơn dạy cho người trong một Diêm-phù-đề thực hành mười nghiệp lành.

Vì sao? Vì dạy cho người trong một Diêm-phù-đề thực hành mười nghiệp lành, chẳng được lia hẳn khổ ba đường ác.

Còn dạy cho một người chứng quả Tu-đà-hoàn thì lia hẳn khổ địa ngục, nga quỷ, súc sinh.

Cho đến quả A-la-hán và đạo Bích-chi-phật cũng giống như vậy.

Này Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam, thiện nữ nào dạy cho người trong một Diêm-phù-đề chứng quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, chẳng bằng dạy cho một người chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được phước rất nhiều.

Vì sao? Vì từ nhân duyên của Bồ-tát mà sinh ra Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi-phật, từ nhân duyên Bồ-tát mà sinh ra chư Phật.

Này Kiều-thi-ca! Vì thế nên biết rằng thiện nam, thiện nữ nào chép kinh Bát-nhã ba-la-mật đem cho người khác đọc tụng, giải thích thì được phước rất nhiều.

Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật này có nói rộng các pháp lành. Học các pháp lành này thì sinh ra các đại tộc ở nhân gian và chư Thiên các tầng trời cho đến trời Phi phi tưởng.

Học các pháp lành này thì sinh ra bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết chủng trí, thì có Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi-phật, thì có chư Phật.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Bất luận dạy người trong một Diêm-phù-đề, nếu có thiện nam, thiện nữ nào dạy cả chúng sinh trong bốn thiên hạ thực hành mười nghiệp lành, chẳng bằng người chép kinh

Bát-nhã ba-la-mật đem cho người khác đọc tụng, giải thích, được phước rất nhiều, những điều khác như trên đã nói.

Bất luận bốn thiên hạ, nếu có thiện nam, thiện nữ nào dạy cả chúng sinh trong tiểu thiên thế giới, trung thiên thế giới, đại thiên thế giới, cho đến dạy cả chúng sinh trong hằng sa thế giới thực hành mười nghiệp lành, chẳng bằng người chép kinh Bát-nhã ba-la-mật đem cho người khác đọc tụng, giải thích, được phước rất nhiều. Những điều khác như trên đã nói.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Có người dạy chúng sinh trong một Diêm-phù-đề cho họ đứng vững trên bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng. Bốn Định vô sắc, năm Thần thông. Người này được phước nhiều chăng?

Thiên đế thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Người này được phước rất nhiều!

Phật dạy:

– Vẫn chẳng bằng thiện nam, thiện nữ kia viết chép kinh Bát-nhã ba-la-mật đem cho người khác đọc tụng, giải thích, được phước rất nhiều.

Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật có nói rộng các pháp lành. Những điều khác như trên đã nói. Cho đến dạy cả chúng sinh trong hằng sa thế giới ở mười phương thực hành mười nghiệp lành, so sánh phước đức cũng giống như vậy.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng, giải thích, ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật thì người này được phước hơn người dạy cho cả chúng sinh trong Diêm-phù-đề thực hành mười nghiệp lành cùng an lập trong bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, đến năm Thần thông.

Người thọ trì, gần gũi cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật, chẳng do hai pháp, cũng chẳng do pháp không hai.

Thọ trì, gần gũi cho đến ghi nhớ Thiên định ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Bố thí ba-la-mật, chẳng do hai pháp, cũng chẳng do pháp không hai.

Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên ghi nhớ nội không

cho đến Nhất thiết chủng trí, chẳng do pháp hai, cũng chẳng do pháp không hai.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào do nhiều nhân duyên vì người khác mà giảng nói nghĩa Bát-nhã ba-la-mật, phân biệt, khai thị cho họ được hiểu biết.

Thế nào là nghĩa Bát-nhã ba-la-mật?

Nghĩa Bát-nhã ba-la-mật là:

Chẳng nên dùng hai tướng để quán, chẳng nên dùng tướng không hai để quán, chẳng phải tướng có, chẳng phải tướng không, chẳng vào, chẳng ra, chẳng thêm, chẳng bớt, chẳng nhớ, chẳng sạch, chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng thủ, chẳng xả, chẳng trụ, chẳng bất trụ, chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải hợp, chẳng phải tan, chẳng phải trước, chẳng phải chẳng trước, chẳng nhân, chẳng phải chẳng nhân, chẳng phải pháp, chẳng phải chẳng phải pháp, chẳng phải như, chẳng phải bất như, chẳng phải thật tế, chẳng phải chẳng phải thật tế.

Thiện nam, thiện nữ nào dùng nhiều nhân duyên giảng nói, khai thị, phân biệt cho người khác được hiểu biết nghĩa Bát-nhã ba-la-mật này. Người này được phước đức rất nhiều, hơn là tự mình thọ trì, đọc tụng cho đến ghi nhớ.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Thiện nam, thiện nữ tự thọ trì cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật, cũng dùng nhiều nhân duyên giảng nói, phân biệt, khai thị cho người khác được hiểu biết, thì người này được công đức rất nhiều.

Thiên đế bạch Phật rằng:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ này phải giảng nói, khai thị, phân biệt nghĩa Bát-nhã ba-la-mật như vậy làm cho người khác được hiểu biết ư?

Phật dạy:

–Đúng vậy, này Kiều-thi-ca! Thiện nam, thiện nữ giảng nói, khai thị, phân biệt nghĩa Bát-nhã ba-la-mật như vậy giúp cho người khác được hiểu biết, được vô lượng, vô biên, vô số phước đức.

Nếu có người cúng dường vô lượng, vô số chư Phật mười

phương, trọn đời tùy theo những việc cần dùng mà cung kính, tôn trọng, khen ngợi, cúng dường hoa hương, cho đến phướn lọng.

Nếu có người dùng nhiều nhân duyên giảng rộng nghĩa Bát-nhã ba-la-mật, khai thị, phân biệt nghĩa làm cho người khác hiểu biết thì được công đức rất nhiều. Vì sao? Vì quá khứ, vị lai, hiện tại chư Phật học từ Bát-nhã ba-la-mật này mà đã được, sẽ được, đang được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam, thiện nữ trong vô lượng, vô biên, vô số kiếp thực hành Bồ thí ba-la-mật, chẳng bằng thiện nam, thiện nữ giảng nói nghĩa Bát-nhã ba-la-mật, khai thị, phân biệt cho người khác hiểu biết phước đức rất nhiều.

Vì sao? Vì không có sở đắc.

Thế nào gọi là có sở đắc?

Này Kiều-thi-ca! Nếu Đại Bồ-tát có sở đắc mà bố thí. Lúc bố thí, thấy có người cho, người nhận, vật để cho, đó gọi là được Đàng-na mà chẳng được ba-la-mật.

Lúc trì giới, cho rằng ta trì giới, đây là giới, đó gọi là được Thi-la mà chẳng được ba-la-mật.

Lúc nhẫn nhục, cho rằng ta nhẫn nhục, vì người ấy mà nhẫn nhục, đó gọi là được Sằn-đề mà chẳng được Ba-la-mật.

Lúc tinh tấn, cho rằng mình tinh tấn, vì việc đó mà siêng năng tinh tấn, đó gọi là được Tỳ-lê-da mà chẳng được Ba-la-mật.

Lúc tu thiền, cho rằng mình tu thiền, việc tu tập là thiền, đó gọi là được Thiên-na mà chẳng được Ba-la-mật.

Lúc tu tuệ, cho rằng mình tu tuệ, việc tu tập là tuệ, đó gọi là được Bát-nhã mà chẳng được Ba-la-mật.

Thiện nam, thiện nữ nào thực hành như vậy thì chẳng được đầy đủ Bồ thí ba-la-mật, cho đến chẳng được đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật.

Thiên đế thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát tu thế nào để được đầy đủ Bồ thí ba-la-mật, cho đến đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật?

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Lúc bố thí, Đại Bồ-tát chẳng thấy người cho, chẳng thấy người nhận, chẳng thấy vật đem cho. Người này được đầy đủ Bồ thí ba-la-mật.

Cho đến lúc tu tuệ, Đại Bồ-tát chẳng thấy tuệ, chẳng thấy tuệ được tu tập thì người này được đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật.

Thiện nam, thiện nữ nào thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, nên vì người khác mà giảng nói nghĩa Bát-nhã ba-la-mật, khai thị, phân biệt cho họ được hiểu. Năm pháp Ba-la-mật kia cũng giống như vậy.

Vì sao? Vì đời vị lai có người muốn nói Bát-nhã ba-la-mật nhưng chỉ nói tương tự Bát-nhã ba-la-mật.

Có thiện nam, thiện nữ nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì nghe tương tự Bát-nhã ba-la-mật này mà mất chánh đạo.

Thế nên Đại Bồ-tát phải vì người này mà giảng nói đủ nghĩa Bát-nhã ba-la-mật, khai thị, phân biệt cho họ hiểu.

Trời Đế Thích thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là tương tự Bát-nhã ba-la-mật?

Phật dạy:

–Có thiện nam, thiện nữ nào nói có sở đắc Bát-nhã ba-la-mật, đây là tương tự Bát-nhã ba-la-mật.

Thiên đế thưa:

–Thế nào là thiện nam, thiện nữ nào nói có sở đắc Bát-nhã ba-la-mật, đây là tương tự Bát-nhã ba-la-mật?

Phật bảo:

–Thiện nam, thiện nữ nói rằng sắc là vô thường, thọ, tưởng, hành, thức là vô thường, thực hành như vậy là thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Người tu hành tìm sắc vô thường, tìm thọ, tưởng, hành, thức vô thường, đó là thực hành tương tự Bát-nhã ba-la-mật.

Nói nhãn vô thường cho đến ý vô thường, nói sắc vô thường cho đến pháp vô thường, nói nhãn giới, sắc giới, nhãn thức giới vô thường cho đến ý giới, pháp giới, ý thức giới vô thường, nói địa chủng vô thường cho đến thức chủng vô thường, nói nhãn xúc vô

thường cho đến ý xúc vô thường, nói các thọ do nhãn xúc làm duyên sinh ra vô thường cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra vô thường.

Như nói về vô thường, đối với nói khổ, nói vô ngã cũng giống như vậy.

Lúc hành giả thực hành Bồ thí ba-la-mật, vì nói sắc cho đến các thọ do ý xúc làm duyên sinh ra vô thường, khổ, vô ngã, nếu thực hành được như vậy là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Như lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật, lúc thực hành Trì giới ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, lúc thực hành bốn Thiền cho đến bốn Định vô sắc, lúc thực hành bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết trí, cũng nói cho nghe vô thường, khổ, vô ngã, nếu thực hành được như vậy là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Này Kiều-thi-ca! Như trên gọi là tướng tự Bát-nhã ba-la-mật.

Lại này, Kiều-thi-ca! Thuở vị lai có thiện nam, thiện nữ nào nói tướng tự Bát-nhã ba-la-mật rằng các người tu hành Bát-nhã ba-la-mật, lúc tu hành Bát-nhã ba-la-mật, các người sẽ được Địa thứ nhất cho đến Địa thứ mười. Với Thiền-na cho đến Bồ thí ba-la-mật cũng nói như vậy.

Nghe lời giải thích như trên, hành giả dùng tướng tự có sở đắc, dùng tổng tướng tu Bát-nhã ba-la-mật này, đó gọi là tướng tự Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Thiện nam, thiện nữ nào muốn nói Bát-nhã ba-la-mật, bảo rằng các người tu hành Bát-nhã ba-la-mật rồi sẽ vượt hơn các Thanh văn, Bích-chi-phật, đó gọi là nói tướng tự Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Thiện nam, thiện nữ vì cầu Phật đạo, nên giải thích rằng các người tu hành Bát-nhã ba-la-mật xong, sẽ nhập vào địa vị Bồ-tát, được pháp Nhẫn vô sinh. Đã được pháp Nhẫn vô sinh nên trụ vào thần thông của Bồ-tát, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi chư Phật. Đây là giải thích tướng tự Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Vì cầu Phật đạo nên thiện nam, thiện nữ giải thích rằng các người học Bát-nhã ba-la-mật này, thọ trì, đọc

tụng, ghi nhớ thì sẽ được vô lượng, vô biên, vô số công đức, đó gọi là nói tương tự Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Vì cầu Phật đạo nên thiện nam, thiện nữ nói rằng như chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, tất cả công đức thiện căn từ khi bắt đầu phát tâm cho đến thành Phật, đều hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây là giải thích tương tự Bát-nhã ba-la-mật.

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao thiện nam, thiện nữ vì cầu Phật đạo, không nói tương tự Bát-nhã ba-la-mật?

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Nếu thiện nam, thiện nữ vì cầu Phật đạo mà nói Bát-nhã ba-la-mật như vậy: Này thiện nam! Người tu hành Bát-nhã ba-la-mật chớ quán sắc vô thường. Vì sao? Vì sắc, tánh sắc là rỗng không. Tánh sắc ấy chẳng phải pháp, pểu chẳng phải pháp, thì gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

Trong Bát-nhã ba-la-mật, sắc chẳng phải thường, chẳng phải vô thường. Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật, sắc còn không thật có, huống chi là thường và vô thường. Giải thích thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy. Giải thích như vậy thì gọi là chẳng nói tương tự Bát-nhã ba-la-mật.

Lại này, Kiều-thi-ca! Vì cầu Phật đạo, nên thiện nam, thiện nữ nói rằng: “Người tu hành Bát-nhã ba-la-mật, đối với các pháp chớ có đi qua cũng chớ có đứng lại.” Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật, không có pháp gì qua được, đứng được. Bởi tất cả pháp tự tánh là rỗng không. Tự tánh rỗng không là chẳng phải pháp, nếu chẳng phải pháp thì tức là Bát-nhã ba-la-mật.

Trong Bát-nhã ba-la-mật không có pháp gì vào được, ra được, sinh được, diệt được. Giải thích như vậy thì gọi là chẳng nói tương tự Bát-nhã ba-la-mật. Cho đến nói rộng như vậy trái hẳn với tương tự, thì gọi là chẳng nói tương tự Bát-nhã ba-la-mật.

Này Kiều-thi-ca! Thiện nam, thiện nữ phải nói nghĩa Bát-nhã ba-la-mật như vậy. Nếu nói nghĩa Bát-nhã ba-la-mật như vậy, thì được công đức hơn trước.

Này Kiều-thi-ca! Nếu có người giáo hóa tất cả chúng sinh trong Diêm-phù-đề, trong bốn thiên hạ, trong tiểu thiên thế giới, trong trung thiên thế giới, trong đại thiên thế giới, cho đến giáo hóa tất cả chúng sinh trong hằng sa cõi nước ở mười phương đều được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích-chi-phật. Ý ông nghĩ sao? Người này được phước có nhiều chăng?

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Người này được phước rất nhiều.

Phật dạy:

–Vẫn không bằng thiện nam, thiện nữ dùng nhiều nhân duyên vì người khác giảng nói, khai thị, phân biệt nghĩa Bát-nhã ba-la-mật này cho họ hiểu. Bảo rằng các vị đến lãnh thọ Bát-nhã ba-la-mật này, siêng đọc siêng tụng, giảng nói, ghi nhớ, thực hành đúng như trong Bát-nhã ba-la-mật này nói. Vì sao? Vì từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra Tu-đà-hoàn cho đến đạo Bích-chi-phật.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Thiện nam, thiện nữ giáo hóa chúng sinh trong một Diêm-phù-đề cho đến giáo hóa chúng sinh trong hằng sa cõi nước ở mười phương, khiến phát tâm Bồ-đề, cho đến giúp họ không thoái chuyển, đều được phước rất nhiều, nhưng vẫn không bằng người giảng nói Bát-nhã ba-la-mật cho người nghe, dùng mọi nhân duyên khai thị, phân biệt cho họ hiểu, bảo họ tu hành đúng như lời dạy trong Bát-nhã ba-la-mật, sẽ được Nhất thiết trí, pháp Nhất thiết trí và Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao? Vì từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra các Đại Bồ-tát mới phát tâm, cho đến sinh ra các Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Chúng sinh trong một Diêm-phù-đề cho đến trong hằng sa thế giới ở mười phương phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu có thiện nam, thiện nữ vì họ mà nói rộng nghĩa Bát-nhã ba-la-mật và khai thị, phân biệt cho họ được hiểu biết.

Có người vì một Bồ-tát không thoái chuyển mà giảng nói Bát-nhã ba-la-mật và khai thị, phân biệt cho được hiểu biết thì người này được phước rất nhiều.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Nếu có chúng sinh trong một Diêm-phù-đề, cho đến trong hằng sa thế giới ở mười phương đều được không thoái chuyển. Có thiện nam, thiện nữ đem giảng giải ý nghĩa Bát-nhã ba-la-mật cho những người này nghe. Trong đây có một Bồ-tát muốn mau chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu có người giảng giải ý nghĩa Bát-nhã ba-la-mật cho Bồ-tát này thì được phước nhiều hơn.

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như Đại Bồ-tát càng gần đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lại càng nên giáo hóa thực hành sáu pháp Ba-la-mật, càng nên giáo hóa thực hành nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng. Lại nên cúng dường y phục, đồ nằm, ẩm thực, thuốc men, tùy theo sự cần dùng mà cung cấp.

Thiện nam, thiện nữ dùng pháp thí và tài thí cúng dường Đại Bồ-tát này thì được công đức hơn những công đức trước. Vì Đại Bồ-tát này mau thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề nói:

–Lành thay, lành thay! Này Kiều-thi-ca! Ông vì đệ tử bậc Thánh mà an ủi các Đại Bồ-tát vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên đem pháp thí, tài thí làm lợi ích, theo lẽ thì phải như vậy.

Vì sao? Vì từ các Bồ-tát sinh ra chư Phật, Thánh chúng.

Nếu Bồ-tát chẳng phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thời Bồ-tát này chẳng thể học sáu pháp Ba-la-mật cho đến mười tám pháp Bất cộng, chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì không có Thanh văn và Bích-chi-phật.

Này Kiều-thi-ca! Vì thế nên các Đại Bồ-tát học sáu pháp Ba-la-mật cho đến mười tám pháp Bất cộng.

Do học sáu pháp Ba-la-mật cho đến mười tám pháp Bất cộng mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Do được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên dứt diệt ba

đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Thế gian có các dòng hào tộc, có các tầng trời từ tầng trời Tứ vương cho đến trời Phi phi tưởng, có Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, có nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, có bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng, có Thanh văn thừa, Bích-chi-phật thừa và Phật thừa đều xuất hiện ở thế gian.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 11

Phẩm 39: TÙY HỖ

Bấy giờ, Đại Bồ-tát Di-lặc bảo Tu-bồ-đề:

–Có Đại Bồ-tát tùy hỷ phước đức, cùng tất cả chúng sinh hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vì không thật có. Có Thanh văn, hoặc Bích-chi-phật, hoặc tất cả chúng sinh, do bố thí, trì giới, hoặc tu thiền định mà tùy hỷ phước đức.

Vị Đại Bồ-tát này tùy hỷ phước đức, cùng tất cả chúng sinh hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phước đức này là bậc nhất trên hết, nhiệm mầu trên hết không gì sánh bằng. Vì sao? Vì Thanh văn, Bích-chi-phật và tất cả chúng sinh bố thí, trì giới, tu thiền định mà tùy hỷ phước đức, là để tự điều phục, tự thanh tịnh, tự độ, mà tu hành những bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo và không, vô tướng, vô tác.

Bồ-tát tùy hỷ phước đức, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dùng công đức này để điều phục tất cả chúng sinh, để thanh tịnh tất cả chúng sinh, để độ thoát tất cả chúng sinh, vì không thật có.

Tu-bồ-đề nói:

–Các Đại Bồ-tát tưởng niệm vô lượng, vô biên, vô số chư Phật diệt độ trong vô lượng, vô biên vô số cõi nước ở mười phương, từ lúc mới phát tâm cho đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhập Niết-bàn Vô dư y cho đến chánh pháp diệt tận, có tất cả thiện căn đúng với sáu pháp Ba-la-mật. Cùng với thiện căn của hàng Thanh văn, như phước đức bố thí, phước đức trì giới, phước đức tu tập thiền định, và thiện căn vô lậu của hàng hữu học, vô học, giới tụ, định tụ, tuệ tụ, nhóm giải thoát, nhóm giải thoát tri

kiến, Nhất thiết trí, đại Từ, đại Bi của chư Phật, cùng với vô lượng, vô số các pháp Phật khác và pháp của chư Phật giảng nói. Trong các pháp này tu được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán và đạo Bích-chi-phật, bước lên địa vị Đại Bồ-tát, cùng các chúng sinh khác vun trồng thiện căn.

Tất cả các thiện căn ấy hòa hợp tùy hỷ phước đức hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì đó là phước đức bậc nhất trên hết, nhiệm mầu trên hết không gì sánh bằng.

Tùy hỷ như vậy rồi, hồi hướng phước đức tùy hỷ này về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu có thiện nam, thiện nữ tu hành thừa Bồ-tát, nghĩ rằng tâm ta hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đây là sinh tâm duyên vào sự.

Nếu thiện nam, thiện nữ thực hành tướng hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì có được như chỗ đã nghĩ tưởng chăng?

Bồ-tát Di-lặc nói:

–Nếu thiện nam, thiện nữ thực hành tướng, thì chẳng được như chỗ đã nghĩ tưởng.

Tu-bồ-đề nói:

–Nếu các duyên, các sự không thật có, thiện nam, thiện nữ này thực hành thừa Bồ-tát, giữ gìn lấy tướng, đối với thiện căn từ lúc phát tâm cho đến lúc chánh pháp diệt hết của chư Phật mười phương, cùng với thiện căn của hàng Thanh văn hữu học vô học, đều hòa hợp tất cả, công đức tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì vô tướng.

Như thế thì Bồ-tát này chẳng phải là điên đảo, vô thường cho là thường, khổ cho là vui, vô ngã cho là ngã, bất tịnh cho là tịnh, mà thành ra tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo sao?

Nếu duyên và sự hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng giống như vậy.

Tâm hồi hướng cũng giống như vậy.

Bố thí ba-la-mật cho đến mười tám pháp Bát cộng cũng như vậy.

Nếu như vậy, thời thế nào là duyên, thế nào là sự, thế nào là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thế nào là thiện căn, thế nào là tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Bồ-tát Di-lặc nói:

–Nếu các Đại Bồ-tát từ lâu đã thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thường cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn, luôn gần gũi Thiện tri thức, khéo tu học pháp tự tướng không. Các Đại Bồ-tát này dùng duyên như vậy và sự như vậy, đối với thiện căn của chư Phật, tùy hỷ phước đức, chẳng chấp lấy tướng hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vì chẳng phải hai pháp, chẳng phải chẳng phải hai pháp, chẳng phải tướng chẳng phải vô tướng, chẳng phải pháp thật có, chẳng phải pháp chẳng thật có, chẳng phải pháp như, chẳng phải pháp sạch, chẳng phải pháp sinh, chẳng phải pháp diệt, nên đó gọi là hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu các vị Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật chưa được bao lâu, cúng dường chư Phật chẳng được nhiều, chẳng gieo trồng căn lành, chẳng gần gũi Thiện tri thức, chẳng khéo tu học pháp tự tướng không. Bồ-tát này dùng duyên như vậy, sự như vậy mà tùy hỷ phước đức của chư Phật, tâm giữ lấy tướng hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đây chẳng gọi là chân thật hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Nghĩa Bát-nhã ba-la-mật như vậy, cho đến nghĩa của Nhất thiết chủng trí, như nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, chẳng nên giảng nói cho hàng Bồ-tát tân học nghe, vì sẽ làm mất lòng kính tin thanh tịnh mà Bồ-tát này đã được chút ít.

Nên nói với các Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Hoặc với người được sự hộ trì của Thiện tri thức, hoặc với người từ lâu cúng dường chư Phật, gieo trồng thiện căn thì cũng nên giảng nói nghĩa Bát-nhã ba-la-mật này, cho đến nghĩa của Nhất thiết chủng trí như nội không cho đến vô pháp hữu pháp không.

Những người này nghe pháp như vậy không mất, không kinh, không sợ.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tùy hỷ phước đức phải hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như vậy.

Nghĩa là Bồ-tát dùng tâm tùy hỷ phước đức hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm này diệt hết biến lìa. Duyên ấy, sự ấy, các thiện căn ấy cũng diệt hết biến lìa.

Trong đây, thế nào là tâm tùy hỷ, thế nào là duyên, thế nào là sự, thế nào là thiện căn tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Hai tâm chẳng chung khởi. Tâm tánh này cũng hồi hướng không thủ đắc.

Bồ-tát thế nào dùng tâm tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Nếu Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, biết rõ Bát-nhã ba-la-mật này không có pháp như vậy, cho đến Bồ thí ba-la-mật không có pháp, sắc, thọ, tưởng, hành, thức đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có pháp như vậy.

Đại Bồ-tát phải tùy hỷ công đức như vậy mà hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu có thể hồi hướng như vậy, thì gọi là tùy hỷ công đức hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thiên đế hỏi Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát mới phát tâm nghe việc này há không kinh sợ ư?

Thế nào là Bồ-tát mới phát tâm tu các thiện căn hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Lại thế nào là tùy hỷ phước đức hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu-bồ-đề nói:

–Nếu Bồ-tát mới phát tâm thực hành Bát-nhã ba-la-mật, chẳng thọ Bát-nhã ba-la-mật này, vì không có sở đắc, vì vô tướng, cho đến Bồ thí ba-la-mật cũng giống như vậy. Lại tin hiểu nhiều về nội không cho đến vô pháp hữu pháp không. Tin hiểu nhiều về bốn Niệm xứ đến mười tám pháp Bát cộng, thường theo Thiện tri thức.

Thiện tri thức này giảng nói nghĩa sáu pháp Ba-la-mật và khai thị, phân biệt cho. Dạy dỗ như vậy làm cho thường chẳng lìa Bát-nhã ba-la-mật, cho đến được bước lên địa vị Bồ-tát chẳng lìa Bát-nhã ba-

la-mật, cho đến chẳng lia Bồ thí ba-la-mật. Chẳng lia bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bát cộng. Cũng dạy nói về việc ma. Nghe những việc ma rồi vẫn chẳng thêm, chẳng bớt.

Vì sao? Vì Bồ-tát này chẳng thọ tất cả pháp.

Bồ-tát này cũng thường chẳng lia chư Phật. Cho đến lúc nào Bồ-tát cũng vun trồng thiện căn. Do thiện căn này mà sinh vào nhà Bồ-tát. Cho đến lúc thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng khi nào rời thiện căn này.

Lại Đại Bồ-tát mới phát tâm này đối với chư Phật quá khứ trong vô lượng, vô biên, vô số cõi nước ở khắp mười phương, dứt đường sinh tử, dứt đường hý luận, bỏ hẳn gánh nặng, diệt gai xóm làng, dứt các hữu lậu, được chánh trí giải thoát, cùng các đệ tử tu hành công đức. Hoặc các đại tộc, trưởng giả cư sĩ, chư Thiên từ cõi trời Tứ vương cho đến Sắc cứu cánh vun trồng thiện căn, tất cả công đức đều hòa hợp. Dùng tâm tùy hỷ bậc nhất trên hết, hơn hết, không gì bằng mà tùy hỷ, tùy hỷ rồi hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Di-lặc nói với Tu-bồ-đề:

–Nếu Bồ-tát mới phát tâm nghĩ nhớ đến thiện căn của chư Phật và các đệ tử, dùng tâm tùy hỷ bậc nhất nhiệm mầu hơn hết không gì bằng mà tùy hỷ công đức. Tùy hỷ rồi hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát này làm thế nào chẳng rơi vào tưởng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo?

Tu-bồ-đề nói:

–Nếu Đại Bồ-tát niệm Phật và Tăng. Trong đây, chẳng tưởng là Phật, tưởng là Tăng, cũng chẳng tưởng là thiện căn. Dùng tâm này hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trong tâm này cũng chẳng có tưởng là tâm. Bồ-tát hồi hướng như vậy thì tưởng chẳng điên đảo, tâm chẳng điên đảo, kiến chẳng điên đảo.

Nếu Đại Bồ-tát nhớ nghĩ thiện căn của Phật và Tăng, nắm lấy tưởng. Nắm lấy tưởng rồi hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát hồi hướng như vậy, thì gọi là tưởng điên đảo, tâm điên đảo và kiến điên đảo.

Nếu Đại Bồ-tát dùng tâm này nhớ nghĩ thiện căn của chư Phật

và chúng Tăng. Lúc niệm như vậy liền biết diệt hết. Nếu diệt hết thì pháp ấy không thật có. Tâm dùng để hồi hướng cũng là tướng diệt hết. Chỗ hồi hướng và pháp cũng là tướng diệt hết.

Nếu hồi hướng như vậy thì gọi là chánh hồi hướng, chẳng phải tà hồi hướng.

Đại Bồ-tát phải hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như vậy.

Vả lại, nếu đối với thiện căn của chư Phật quá khứ và các đệ tử, thiện căn của phàm phu nghe pháp, thiện căn của tám bộ trời rồng cho đến của trời Sắc cứu cánh nghe pháp phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tất cả phước đức này đều hòa hợp, Bồ-tát dùng tâm bậc nhất nhiệm mầu hơn hết, không gì sánh bằng mà tùy hỷ công đức rồi hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bấy giờ, nếu Đại Bồ-tát biết các pháp ấy diệt hết, chỗ hồi hướng và pháp cũng tự tánh không. Hồi hướng được như vậy thì gọi là chân thật hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại Đại Bồ-tát biết không có pháp nào hồi hướng được pháp nào, vì tất cả pháp tự tướng không. Hồi hướng như thế thì gọi là chánh hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật cho đến Bồ thí ba-la-mật như vậy, thì chẳng rơi vào tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Bởi Bồ-tát này chẳng chấp lấy sự hồi hướng ấy, cũng chẳng thấy hồi hướng các thiện căn về tâm Bồ-đề, đó gọi là hồi hướng vô thượng của Đại Bồ-tát.

Lại nếu Đại Bồ-tát biết phước đức đã vun trồng, lia hẳn năm ấm, mười hai xứ, mười tám giới. Cũng biết Bát-nhã ba-la-mật cho đến Bồ thí ba-la-mật là lừa tướng, biết nội không cho đến vô pháp hữu pháp không là lừa tướng, biết bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bát cộng là lừa tướng. Đại Bồ-tát khởi tâm tùy hỷ phước đức như vậy, thì gọi là hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, nếu Đại Bồ-tát tùy hỷ phước đức, biết tùy hỷ phước đức tự tánh lia, cũng biết chư Phật lia, Phật tánh các thiện căn cũng lia, tánh của thiện căn cũng lia, tâm Bồ-đề và tánh của tâm Bồ-đề

cũng lìa, hồi hướng và hồi hướng tánh cũng ly, Bồ-tát và Bồ-tát tánh cũng lìa, Bát-nhã ba-la-mật cho đến Bồ thí ba-la-mật cũng lìa, tánh Bát-nhã ba-la-mật cho đến tánh Bồ thí ba-la-mật cũng lìa, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không cũng lìa, tánh nội không cho đến tánh của vô pháp hữu pháp không cũng lìa, bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng cũng lìa, tánh bốn Niệm xứ cho đến tánh bất cộng pháp cũng lìa.

Đại Bồ-tát phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật lìa tướng như vậy.

Đó gọi là Đại Bồ-tát từ Bát-nhã ba-la-mật phát sinh tùy hỷ phước đức.

Lại Đại Bồ-tát đối với thiện căn của chư Phật quá khứ đã diệt độ, nếu muốn hồi hướng thì phải hồi hướng như vậy: Phải nghĩ rằng như tướng chư Phật diệt độ, tướng các thiện căn cũng như vậy, tướng pháp diệt độ cũng giống như vậy. Ta dùng tâm hồi hướng, tướng của tâm này cũng giống như vậy.

Nếu hồi hướng được như vậy thì gọi là hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Hồi hướng như vậy thì chẳng rơi vào điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Nếu Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật mà chấp lấy tướng thiện căn của chư Phật để hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì chẳng gọi là hồi hướng. Vì sao? Vì chư Phật quá khứ và thiện căn chẳng phải tướng duyên, chẳng phải không có tướng duyên.

Nếu Đại Bồ-tát chấp lấy tướng như vậy thì chẳng gọi là hồi hướng thiện căn về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát này rơi vào tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Nếu Bồ-tát chẳng chấp lấy tướng chư Phật, các thiện căn, cũng chẳng chấp lấy tướng hồi hướng, thì gọi là hồi hướng các thiện căn về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát chẳng sa vào tướng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo.

Bồ-tát Di-lặc hỏi Tu-bồ-đề:

– Thế nào là Đại Bồ-tát đối với các thiện căn chẳng chấp lấy tướng mà hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu-bồ-đề nói:

– Do việc này nên phải biết trong Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát cần có năng lực phương tiện Bát-nhã ba-la-mật.

Nếu là phước đức lìa Bát-nhã ba-la-mật, thì chẳng được hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật, chư Phật không thật có, các thiện căn không thật có, tâm hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không thật có.

Ở đây, lúc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nên nghĩ rằng thân chư Phật quá khứ và đệ tử đều diệt hết, các thiện căn cũng diệt hết. Nay nếu ta chấp lấy tướng phân biệt chư Phật, thiện căn và tâm mà hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thời chư Phật chẳng chấp nhận. Vì sao? Vì chấp lấy tướng thì có nắm bắt.

Nghĩa là đối với chư Phật quá khứ chấp lấy tướng phân biệt.

Thế nên, Đại Bồ-tát muốn dùng các thiện căn hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì chẳng nên chấp lấy để hồi hướng.

Nếu có được và chấp lấy để hồi hướng thì chư Phật chẳng nói có lợi ích lớn.

Vì sao? Vì hồi hướng như vậy là tạp độc.

Ví như đồ ăn ngon có lẫn chất độc, dầu có màu đẹp hương thơm được người ham thích mà trong đó có chất độc. Kẻ ngu dại thích ăn vì ham màu đẹp hương thơm vị ngon vừa miệng. Lúc thức ăn này tiêu hóa, kẻ ngu ấy phải chịu sự khổ đau chết chóc.

Nếu thiện nam, thiện nữ chẳng thọ trì, đọc tụng rành rẽ, chẳng hiểu nghĩa trong đây mà giảng dạy cho người khác rằng:

Chư Phật ở quá khứ, vị lai, hiện tại khắp mười phương, từ mới phát tâm đến thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhập Niết-bàn Vô dư y cho đến chánh pháp diệt hết, trong thời gian đó, lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật gieo trồng căn lành, lúc tu bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm xứ cho đến mười tám

pháp Bất cộng, vun trồng căn lành, lúc thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, vun trồng căn lành cùng với những giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, Nhất thiết chủng trí, pháp không sai lầm thường hành xả của chư Phật, các đệ tử gieo trồng, cùng với những người được chư Phật thọ ký sẽ thành Bích-chi-phật, tám bộ trời rồng gieo trồng căn lành, tất cả phước đức ấy hòa hợp lại rồi tùy hỷ hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sự hồi hướng này chấp lấy tướng và có pháp được nên giống như món ăn có lẫn chất độc.

Người có pháp được thì không bao giờ có chánh hồi hướng.

Vì sao? Vì có pháp được thì đây là có lẫn độc, có tướng, có động, có hý luận.

Nếu hồi hướng như vậy thì là hủy báng Phật, là chẳng theo lời Phật dạy, là chẳng theo chánh pháp đã nói.

Thiện nam, thiện nữ này cầu Phật đạo phải học như thế này:

Thiện căn của chư Phật ba đời từ lúc bắt đầu phát tâm cho đến thành Phật, nhập Niết-bàn Vô dư y chánh pháp diệt hết, các đệ tử lúc tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đã gieo trồng, cho đến lúc tu Nhất thiết chủng trí, tất cả phước đức hồi hướng như vậy: Như trí tuệ vô thượng mà chư Phật đã biết, các tướng thiện căn, tánh các thiện căn ấy, tôi cũng tùy hỷ như vậy. Như chư Phật đã biết, tôi cũng hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như vậy.

Nếu thiện nam, thiện nữ hồi hướng như vậy thì chẳng hủy báng Phật, đúng như lời Phật dạy, đúng với pháp Phật đã nói. Hồi hướng như vậy là không lẫn lộn chất độc.

Lại thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật phải hồi hướng thiện căn như vậy:

Như sắc chẳng thuộc cõi Dục, chẳng thuộc cõi Sắc, chẳng thuộc cõi Vô sắc, chẳng thuộc pháp, chẳng gọi quá khứ, vị lai, hiện tại. Nội không cho đến vô pháp hữu pháp không cũng giống như vậy. Bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng cũng giống như vậy.

Như pháp tánh, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, thật tế, tánh chẳng nghĩ bàn, giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, Nhất thiết chủng trí chẳng thuộc cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, chẳng thuộc

pháp, chẳng gọi quá khứ, vị lai và hiện tại.

Hồi hướng này, chỗ hồi hướng này và hành giả đều chẳng hệ thuộc cũng giống như vậy. Chư Phật và các thiện căn này cũng chẳng hệ thuộc. Thiện căn của Thanh văn, Bích-chi-phật đây cũng chẳng hệ thuộc, chẳng thuộc pháp, chẳng thuộc quá khứ, vị lai, hiện tại.

Nếu lúc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật biết sắc... đều chẳng hệ thuộc, chẳng thể dùng pháp chấp lấy tướng có chỗ nắm để hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Sắc... này đây là không sinh. Nếu pháp đã không sinh thì là vô pháp, pháp vô pháp không thể hồi hướng.

Hồi hướng như trên đây thì không có lẫn chất độc.

Nếu thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo chấp lấy tướng có sở đắc hồi hướng thiện căn về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì gọi là tà hồi hướng.

Nếu là tà hồi hướng thì chư Phật chẳng khen ngợi.

Dùng tà hồi hướng này thì chẳng đầy đủ được Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật. Chẳng đầy đủ được bốn Niệm xứ cho đến mười Lực. Chẳng thể thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh.

Nếu chẳng thể thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh thì chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao? Vì hồi hướng này có lẫn chất độc.

Lại lúc Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, phải nghĩ rằng như những thiện căn hồi hướng mà chư Phật đã biết, đó là chân thật hồi hướng, tôi cũng dùng pháp tướng hồi hướng ấy, đó gọi là chánh hồi hướng.

Đức Phật khen Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay! Vì làm Phật sự, vì các Đại Bồ-tát mà ông nói pháp hồi hướng chân chánh phải thực hành. Bởi không tướng, không được, không xuất, không nhớ, không sạch, không pháp tánh, tự tướng rỗng không, thường tự tánh rỗng không, như pháp tánh, như thật tế.

Này Tu-bồ-đề! Nếu chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế

giới đều thực hành mười nghiệp lành, bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, năm Thần thông, ông nghĩ sao, chúng sinh ấy có được nhiều phước chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, được phước rất nhiều!

Phật dạy:

–Chẳng bằng thiện nam, thiện nữ đối với các thiện căn, tâm chẳng chấp lấy mà hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Phước đức này bậc nhất hơn hết, rất nhiệm mầu, vô thượng, không gì sánh bằng.

Này Tu-bồ-đề! Nếu chúng sinh trong tam thiên đại thiên thế giới đều tu được quả Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi-phật.

Có thiện nam, thiện nữ trọn đời cúng dường bốn thứ và cung kính, tôn trọng, khen ngợi, cung cấp đầy đủ đồ cần dùng. Nhân duyên này được phước có nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, người này được phước rất nhiều!

Phật dạy:

–Vẫn chẳng bằng thiện nam, thiện nữ đối với các thiện căn, tâm chẳng chấp lấy mà hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Phước đức này bậc nhất hơn hết, rất nhiệm mầu vô thượng, không gì sánh bằng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu chúng sinh trong cõi nước đại thiên đều phát tâm Bồ-đề. Các chúng sinh trong hằng sa thế giới, đều cung kính, cúng dường Bồ-tát này trong hằng sa kiếp. Nhân duyên này có được phước nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Được rất nhiều vô lượng, vô biên không gì thí dụ được. Nếu phước đức này có hình dạng thì hằng sa cõi nước cũng không dung chứa hết.

Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Đúng như lời ông nói. Dầu vậy, nhưng chẳng bằng thiện nam, thiện nữ đối với các thiện căn, tâm chẳng

chấp lấy mà hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Công đức hồi hướng không chấp lấy này, sánh với công đức trên thì hơn cả trăm ngàn muôn ức lần, cho đến tính số thí dụ cùng không sánh bằng.

Vì sao? Vì người trên kia chấp lấy tướng có pháp được mà thực hành mười nghiệp lành, bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, năm Thần thông, và chấp lấy tướng có pháp được mà cúng dường, cung kính Tu-đà-hoàn cho đến cung kính, cúng dường Bồ-tát.

Tứ Thiên vương và hai muôn vị trời chấp tay lễ Phật mà bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát hồi hướng rất rộng lớn, vì là năng lực phương tiện. Vì không thật có. Vì vô tướng, vì là vô giác. Hồi hướng các thiện căn về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như vậy thì chẳng đi vào hai pháp.

Trời Đế Thích cũng và vô số chư Thiên ở cõi Đao-lợi và các Thiên tử khác đồng đem hoa trời, hương trời, anh lạc, cờ phướn trời, trống trời, nhạc trời cúng dường lên Đức Phật, bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát hồi hướng rất rộng lớn, vì là năng lực phương tiện, vì không thật có, vì là vô tướng, vì là vô giác. Hồi hướng thiện căn về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như vậy thì chẳng rơi vào hai pháp.

Các Phạm thiên cùng vô số chư Thiên đến lễ dưới chân Phật, bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn! Thật chưa từng có, Đại Bồ-tát được sự giúp của Bát-nhã ba-la-mật, nhờ năng lực nên hơn người chấp lấy tướng có pháp được ở trên.

Trời Quang âm cho đến trời Sắc cứu cánh cũng lễ Phật, bạch như vậy.

Phật bảo Tứ Thiên vương cho đến chư Thiên Sắc cứu cánh:

– Nay các Thiên tử! Nếu tất cả chúng sinh trong đại thiên thế giới đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tất cả Bồ-tát này nhờ nghĩ thiện căn ở quá khứ, vị lai, hiện tại của chư Phật và các Thanh văn, Bích-chi-phật, từ lúc mới phát tâm đến pháp trụ, cùng

với thiện căn của tất cả chúng sinh như bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, và vô lượng Phật pháp khác đều hòa hợp tùy hỷ tất cả. Tùy hỷ xong, đều hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì chấp lấy tướng có chỗ nắm bắt.

Lại có thiện nam, thiện nữ nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng nhớ nghĩ thiện căn của chư Phật ba đời và các Thanh văn, Bích-chi-phật, cùng thiện căn của tất cả chúng sinh và các Phật pháp khác đều hòa hợp tùy hỷ, nhưng vì không có chỗ nắm bắt, vì không có hai pháp, vì không có tướng, vì chẳng chấp lấy pháp, vì không thấy có, đây là sự tùy hỷ bậc nhất hơn hết, nhiệm mầu vô thượng, không gì sánh bằng. Tùy hỷ xong, hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Công đức của thiện nam, thiện nữ này nhiều hơn công đức trên cả trăm ngàn muôn ức lần, cho đến không thể ví dụ được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đức Phật nói thiện nam, thiện nữ hòa hợp tùy hỷ bậc nhất hơn hết, nhiệm mầu vô thượng, không gì sánh bằng.

Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là tùy hỷ bậc nhất cho đến không gì sánh bằng?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam, thiện nữ đối với các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại mà chẳng lấy, chẳng bỏ, chẳng nhớ chẳng phải chẳng nhớ, chẳng được chẳng phải chẳng được. Trong các pháp đó cũng chẳng có pháp sinh diệt, nhớ sạch, thêm bớt, đến đi, hợp tán, ra vào. Như các pháp tướng, như như tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, quá khứ, vị lai, hiện tại, tôi cũng tùy hỷ như vậy. Tùy hỷ xong, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đây là hồi hướng bậc nhất hơn hết, nhiệm mầu vô thượng, không gì sánh bằng.

Này Tu-bồ-đề! Pháp tùy hỷ này sánh với các pháp tùy hỷ khác nhiều trăm ngàn muôn ức lần hơn, cho đến thí dụ cũng không sánh bằng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, đối với thiện căn ba đời từ lúc mới phát tâm cho đến pháp trụ của chư Phật và các Thanh văn, Bích-chi-phật, cho đến vô lượng pháp Phật khác, cùng thiện căn của các chúng sinh khác, nếu muốn tùy hỷ thì phải tùy hỷ như thế này:

Phải nghĩ rằng bố thí đồng với giải thoát, năm độ kia cũng đồng với giải thoát, sắc, thọ, tưởng, hành, thức đồng với giải thoát, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không đồng với giải thoát, bốn Niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo đồng với giải thoát, mười Lực cho đến Nhất thiết chủng trí đồng với giải thoát, giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến đồng với giải thoát, tùy hỷ đồng với giải thoát, các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại đồng với giải thoát, chư Phật mười phương đồng với giải thoát, chư Phật hồi hướng đồng với giải thoát, chư Phật đồng với giải thoát, chư Phật diệt độ đồng với giải thoát, Thanh văn, Bích-chi-phật đồng với giải thoát, Thanh văn, Bích-chi-phật diệt độ đồng với giải thoát, pháp tướng của chư Phật đồng với giải thoát, pháp tướng của Thanh văn, Bích-chi-phật đồng với giải thoát. Tất cả các pháp tướng đồng với giải thoát, tôi dùng tướng các thiện căn này tùy hỷ công đức, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng đồng với giải thoát, vì bất sinh bất diệt.

Này Tu-bồ-đề! Đó gọi là Đại Bồ-tát tùy hỷ công đức bậc nhất hơn hết, nhiệm mầu, vô thượng, không gì sánh bằng.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thành tựu công đức này thì mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Hiện tại nếu có thiện nam, thiện nữ vì cầu Phật đạo nên trọn đời cúng dường hằng sa chư Phật và Thanh văn, Bích-chi-phật ở mười phương hiện tại cung phụng tất cả đồ cần dùng và cung kính, tôn trọng, khen ngợi. Sau khi chư Phật này diệt độ, thiện nam, thiện nữ ấy ngày đêm siêng năng sửa soạn đồ cúng dường và cung kính, tôn trọng, khen ngợi, vì nắm lấy tướng sở đắc. Thực hành trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, vì chấp lấy tướng sở đắc.

Lại có thiện nam, thiện nữ nào phát tâm cầu vô thượng, thực

hành sáu pháp Ba-la-mật, đem những thiện căn chẳng chấp lấy tướng không sở đắc, năng lực phương tiện hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phước đức này bậc nhất hơn hết, nhiệm mầu vô thượng, không gì sánh bằng, hơn phước đức trên trăm ngàn muôn ức lần, cho đến ví dụ cũng không bằng được.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật như vậy, vì năng lực phương tiện nên phải đem thiện căn hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì chẳng chấp lấy tướng vô sở đắc.

M

Phẩm 40: CHIẾU MINH

Bấy giờ, Tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Đây chính là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Chính là Bát-nhã ba-la-mật!

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật có công năng chiếu sáng tất cả pháp, vì rốt ráo thanh tịnh.

Bạch Đức Thế Tôn! Nên kính lễ Bát-nhã ba-la-mật.

Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật chẳng dính mắc ba cõi.

Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật xua tan các sự tối tăm, vì tất cả phiền não kiến chấp đều bị dứt trừ.

Bạch Đức Thế Tôn! Trong tất cả pháp trợ đạo thì Bát-nhã ba-la-mật là tối thượng.

Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật là an ổn vì có công năng dứt trừ tất cả lo sợ khổ não.

Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật có công năng đem lại ánh sáng, vì trang nghiêm với năm loại mắt.

Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật có công năng dắt dẫn

các chúng sinh tránh khỏi rơi vào tà kiến, vì lìa hẳn hai bên.

Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật là Nhất thiết chủng trí, vì tất cả phiền não và tập khí đều dứt.

Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật là mẹ của các Đại Bồ-tát, vì có công năng sinh ra các pháp Phật.

Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật bất sinh bất diệt, vì tự tướng là rỗng không.

Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật xa lìa sinh tử, vì chẳng phải thường, chẳng phải diệt.

Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật là chỗ che chở người không ai cứu giúp, vì ban bố cho tất cả châu báu.

Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật-đầy đủ năng lực, vì không gì phá hoại được.

Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật có công năng ba lần chuyển mười hai hành pháp luân, vì tất cả các pháp chẳng lưu chuyển, chẳng hoàn diệt.

Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật có công năng hiển bày các pháp tánh, vì là vô pháp hữu pháp không.

Bạch Đức Thế Tôn! Phải cúng dường Bát-nhã ba-la-mật thế nào?

Phật dạy:

– Phải cúng dường Bát-nhã ba-la-mật như cúng dường Phật, phải lễ Bát-nhã ba-la-mật như lễ Phật.

Vì sao? Vì Phật chẳng khác Bát-nhã ba-la-mật và Bát-nhã ba-la-mật chẳng khác Phật. Phật tức là Bát-nhã ba-la-mật và Bát-nhã ba-la-mật tức là Phật.

Trong Bát-nhã ba-la-mật này sinh ra chư Phật, các vị Bồ-tát, Bích-chi-phật, A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn.

Trong Bát-nhã ba-la-mật này sinh ra mười nghiệp lành, bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, năm thần thông, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo.

Trong Bát-nhã ba-la-mật này sinh ra mười Lực, mười tám pháp

Bất cộng, đại Từ, đại Bi, Nhất thiết chủng trí.

Bấy giờ, trời Đế Thích nghĩ rằng: “Vì sao ngài Xá-lợi-phất hỏi Đức Phật những việc như vậy.” Nghĩ đoạn, Thiên đế bèn hỏi Xá-lợi-phất.

Xá-lợi-phất nói:

–Này Kiều-thi-ca! Đại Bồ-tát được Bát-nhã ba-la-mật che chở, do năng lực phương tiện, đối với thiện căn của chư Phật ba đời từ khi bắt đầu phát tâm cho đến bậc Pháp trụ, đều hòa hợp tùy hỷ, tất cả hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì vậy nên tôi thưa hỏi việc ấy.

Này Kiều-thi-ca! Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát hơn Bồ thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, và Thiền định ba-la-mật.

Ví như người mù bẩm sinh, hoặc số trăm, số ngàn, hoặc cả trăm ngàn người, mà không ai dẫn đường thì họ không thể đi vào thành được.

Cũng vậy, năm pháp Ba-la-mật mà lìa Bát-nhã ba-la-mật thì như kẻ mù không người dẫn đường, không thể tiến đạo, không thể được Nhất thiết chủng trí.

Nếu được Bát-nhã ba-la-mật dắt dẫn thì năm pháp Ba-la-mật gọi là mắt và được tên gọi Ba-la-mật.

Thiên đế hỏi Xá-lợi-phất:

–Như lời Tôn giả nói là nhờ Bát-nhã ba-la-mật dắt dẫn mà năm pháp Ba-la-mật được tên gọi Ba-la-mật.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu không có Bồ thí ba-la-mật giúp sức thì năm pháp Ba-la-mật chẳng được tên gọi Ba-la-mật. Nếu không có Trì giới ba-la-mật, hoặc nếu không có Nhẫn nhục ba-la-mật, hoặc không có Tinh tấn ba-la-mật hay Thiền định ba-la-mật giúp sức thì năm pháp Ba-la-mật chẳng được tên gọi Ba-la-mật.

Nếu như thế vì sao chỉ khen ngợi Bát-nhã ba-la-mật?

Xá-lợi-phất nói:

–Đúng như lời Kiều-thi-ca nói, nếu không có Bồ thí ba-la-mật... thì năm pháp Ba-la-mật chẳng được tên gọi Ba-la-mật.

Nhưng vì Đại Bồ-tát an trụ trong Bát-nhã ba-la-mật thì có thể đầy đủ Bồ thí ba-la-mật cho đến Thiền định ba-la-mật.

Vì thế nên đối với năm pháp Ba-la-mật thì Bát-nhã ba-la-mật là bậc nhất trên hết, là nhiệm mầu vô lượng, không gì sánh bằng.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Phải phát sinh Bát-nhã ba-la-mật thế nào?

Phật dạy:

– Vì sắc chẳng sinh nên Bát-nhã ba-la-mật sinh. Vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng sinh nên Bát-nhã ba-la-mật sinh. Vì Bồ thí ba-la-mật cho đến Thiền định ba-la-mật chẳng sinh nên Bát-nhã ba-la-mật sinh. Vì nội không cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng sinh, vì bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng sinh nên Bát-nhã ba-la-mật sinh.

Vì tất cả các pháp chẳng sinh như vậy nên Bát-nhã ba-la-mật sinh.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là vì sắc chẳng sinh nên Bát-nhã ba-la-mật sinh, cho đến thế nào là vì tất cả pháp chẳng sinh nên Bát-nhã ba-la-mật sinh?

Phật bảo:

– Sắc chẳng khởi, chẳng sinh vì chẳng được, chẳng mất. Cho đến tất cả các pháp chẳng khởi, chẳng sinh vì chẳng được, chẳng mất. Do đó, mà Bát-nhã ba-la-mật sinh.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Sinh Bát-nhã ba-la-mật như vậy hợp với các pháp nào?

Phật nói:

– Không có cùng hợp, cho nên được gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Không có cùng hợp với các pháp nào?

Đức Phật nói:

– Chẳng hợp với pháp bất thiện, chẳng hợp với pháp thiện,

chẳng hợp với pháp thế gian, chẳng hợp với pháp xuất thế gian, chẳng hợp với pháp hữu lậu, chẳng hợp với pháp vô lậu, chẳng hợp với pháp tội, chẳng hợp với pháp vô tội, chẳng hợp với pháp hữu vi, chẳng hợp với pháp vô vi. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật chẳng vì được các pháp mà sinh, cho nên đối với các pháp không có chỗ hợp.

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật này chẳng hợp với Nhất thiết trí phải không?

Phật dạy:

–Đúng vậy, này Kiều-thi-ca! Bát-nhã ba-la-mật cũng chẳng hợp và Nhất thiết trí cũng chẳng được. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật chẳng như danh tự, chẳng như tướng, chẳng như pháp khởi tác hợp.

Thiên đế thưa:

–Hợp thế nào?

Phật nói:

–Nếu Đại Bồ-tát chẳng lấy, chẳng thọ, chẳng ở, chẳng mắc, chẳng dứt, hợp như vậy cũng không có chỗ hợp, cũng như vậy Bát-nhã ba-la-mật tất cả pháp hợp cũng không có chỗ hợp.

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thật chưa từng có. Bát-nhã ba-la-mật này vì tất cả pháp chẳng khởi, chẳng sinh, chẳng được, chẳng mất cho nên sinh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật mà nghĩ rằng Bát-nhã ba-la-mật hoặc hợp với tất cả pháp, hoặc chẳng hợp thì vị Bồ-tát này đã bỏ Bát-nhã ba-la-mật, đã lìa Bát-nhã ba-la-mật.

Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Lại có nhân duyên khiến Đại Bồ-tát bỏ và xa lìa Bát-nhã ba-la-mật. Nếu Đại Bồ-tát nghĩ rằng Bát-nhã ba-la-mật này không thật có, trống rỗng, chẳng bền chắc thì Đại Bồ-tát này là bỏ và lìa xa Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Tin Bát-nhã ba-la-mật thì chẳng tin pháp nào?

Phật dạy:

– Tin Bát-nhã ba-la-mật thì chẳng tin sắc, chẳng tin thọ, tưởng, hành, thức, chẳng tin nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, chẳng tin sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, chẳng tin nhãn giới cho đến ý thức giới, chẳng tin Bố thí ba-la-mật cho đến Thiền định ba-la-mật, chẳng tin nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, chẳng tin bốn Niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo, chẳng tin mười Lực cho đến mười tám pháp Bất cộng, chẳng tin quả Tu-đà-hoàn cho đến đạo Bích-chi-phật, chẳng tin đạo Bồ-tát, chẳng tin Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho đến Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì sắc không thật có nên tin Bát-nhã ba-la-mật thì chẳng tin sắc, cho đến vì Nhất thiết chủng trí không thật có nên tin Bát-nhã ba-la-mật thì chẳng tin Nhất thiết chủng trí.

Thế nên, này Tu-bồ-đề! Lúc tin Bát-nhã ba-la-mật thì chẳng tin sắc cho đến Nhất thiết chủng trí.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật này gọi là Đại ba-la-mật. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật này chẳng là sắc lớn, chẳng là sắc nhỏ, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng là lớn, chẳng là nhỏ, chư Phật chẳng là lớn, chẳng là nhỏ.

Vì Bát-nhã ba-la-mật này chẳng là sắc hợp, chẳng là sắc tan, cho đến chư Phật chẳng là hợp, chẳng là tan.

Vì Bát-nhã ba-la-mật này chẳng là sắc vô lượng, chẳng là sắc chẳng phải vô lượng, cho đến chư Phật chẳng là vô lượng, chẳng là sắc chẳng phải vô lượng.

Vì Bát-nhã ba-la-mật này chẳng là sắc rộng, chẳng là sắc hẹp, cho đến chư Phật chẳng là rộng, chẳng là hẹp.

Vì Bát-nhã ba-la-mật này chẳng phải sắc có năng lực, chẳng phải sắc không có năng lực, cho đến chư Phật chẳng phải có năng lực, chẳng phải không có năng lực.

Do nhân duyên trên đây nên Bát-nhã ba-la-mật gọi là Đại ba-la-mật.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Bồ-tát mới phát tâm chẳng xa lìa Bát-nhã ba-la-mật, chẳng xa lìa Thiên định ba-la-mật cho đến Bồ thí ba-la-mật, nghĩ rằng Bát-nhã ba-la-mật này chẳng phải sắc lớn, chẳng phải sắc nhỏ, chẳng phải sắc hợp, chẳng phải sắc tan, chẳng phải sắc vô lượng, chẳng phải sắc chẳng phải vô lượng, chẳng phải sắc có năng lực, chẳng phải sắc không năng lực, cho đến chư Phật cũng giống như vậy. Bồ-tát biết như vậy thì chẳng hiện hành Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì chẳng phải tướng Bát-nhã ba-la-mật. Nghĩa là sắc lớn, nhỏ cho đến có năng lực, không năng lực, cho đến chư Phật là lớn, nhỏ, có năng lực, không năng lực.

Bạch Đức Thế Tôn! Vì dụng có sở đắc, Bồ-tát này liền mắc lỗi lớn. Nghĩa là lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật là sắc lớn, nhỏ, cho đến chư Phật là có năng lực, không có năng lực.

Vì sao? Vì người có sở đắc thì không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao? Vì chúng sinh chẳng sinh nên Bát-nhã ba-la-mật chẳng sinh, cho đến vì Phật chẳng sinh nên Bát-nhã ba-la-mật chẳng sinh.

Vì tánh chúng sinh không nên tánh Bát-nhã ba-la-mật không, vì tánh sắc là không nên tánh Bát-nhã ba-la-mật là không. Cho đến vì tánh Phật là không nên tánh Bát-nhã ba-la-mật là không.

Vì chúng sinh chẳng phải pháp nên Bát-nhã ba-la-mật chẳng phải pháp, vì sắc chẳng phải pháp nên Bát-nhã ba-la-mật chẳng phải pháp, cho đến vì Phật chẳng phải pháp nên Bát-nhã ba-la-mật chẳng phải pháp.

Vì sắc của chúng sinh cho đến Phật rỗng không nên Bát-nhã ba-la-mật rỗng không.

Vì sắc của chúng sinh cho đến Phật lìa nên Bát-nhã ba-la-mật lìa.

Vì sắc của chúng sinh cho đến Phật là không có nên Bát-nhã ba-la-mật không có.

Vì sắc của chúng sinh cho đến Phật chẳng thể suy nghĩ bàn luận nên Bát-nhã ba-la-mật chẳng thể suy nghĩ bàn luận.

Vì sắc của chúng sinh cho đến Phật chẳng diệt nên Bát-nhã ba-la-mật chẳng diệt.

Vì sắc của chúng sinh cho đến Phật không thể biết nên Bát-nhã ba-la-mật không thể biết.

Vì năng lực của chúng chẳng thành tựu cho nên năng lực Bát-nhã ba-la-mật chẳng thành tựu. Vì sắc lực không thành tựu nên năng lực của Bát-nhã ba-la-mật không thành tựu, cho đến Phật lực không thành tựu, năng lực Bát-nhã ba-la-mật không thành tựu.

Thế nên, bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát gọi là Đại ba-la-mật.

M

Phẩm 41: TIN VÀ HỦY

Bấy giờ, Tuệ mạng Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Có Đại Bồ-tát tin hiểu Bát-nhã ba-la-mật này. Đại Bồ-tát ấy từ đâu sinh đến đây? Phát tâm Bồ-đề đã được bao lâu? Đã cúng dường bao nhiêu Đức Phật? Thực hành sáu pháp Ba-la-mật được bao lâu mà nay có khả năng thuận theo và hiểu sâu ý nghĩa của Bát-nhã ba-la-mật?

Phật nói:

– Đại Bồ-tát này đã cúng dường chư Phật mười phương mà sinh đến đây. Đại Bồ-tát này đã phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác từ vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ trăm ngàn muôn ức kiếp. Từ lúc mới phát tâm Bồ-đề, Đại Bồ-tát này thường thực hành sáu pháp Ba-la-mật.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát này hoặc thấy, hoặc nghe Bát-nhã ba-la-mật liền nghĩ rằng: “Tôi thấy Phật, nghe Phật nói pháp.”

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát này có khả năng thuận theo hiểu sâu ý nghĩa của Bát-nhã ba-la-mật vì không có tướng, không hai và không sở đắc.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật này có thể nghe, có thể thấy được chăng?

Phật nói:

–Bát-nhã ba-la-mật này không có ai nghe, cũng không có ai thấy.

Bát-nhã ba-la-mật không nghe không thấy, vì các pháp sâu kín.

Thiền định ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật và Bố thí ba-la-mật không nghe không thấy, vì các pháp sâu kín.

Bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo không nghe không thấy, vì các pháp sâu kín.

Mười Lực cho đến mười tám pháp Bất cộng không nghe không thấy, vì các pháp sâu kín.

Phật và Phật đạo không nghe không thấy, vì các pháp sâu kín.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thực hành đạo bao lâu mà Bồ-tát này có khả năng thực hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này?

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Trong đây phải nói theo thứ lớp.

Có Đại Bồ-tát bắt đầu phát tâm thực hành sáu pháp Ba-la-mật sâu xa, do năng lực phương tiện nên đối với các pháp không có sự phá hoại, chẳng thấy trong các pháp có pháp nào chẳng lợi ích, cũng chẳng bao giờ xa lìa thực hành sáu pháp Ba-la-mật, cũng chẳng xa lìa chư Phật. Từ một thế giới cho đến một thế giới, nếu muốn dùng năng lực thiện căn để cúng dường chư Phật, thì tùy ý liền được, chẳng bao giờ còn gá sinh trong bụng mẹ. Chẳng bao giờ lìa các thần thông, chẳng bao giờ sinh ra các phiền não và tâm niệm Thanh văn, Bích-chi-phật. Đi từ một cõi nước này cho đến một cõi nước khác để thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật.

Này Tu-bồ-đề! Các Đại Bồ-tát nên tu tập thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Có Đại Bồ-tát thường thấy chư Phật, hoặc từ vô lượng trăm ngàn muôn ức kiếp theo chư Phật thực hành

sáu pháp Ba-la-mật, vì không có năng lực phương tiện, đều vì có sở đắc cho nên lúc nghe giảng nói Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, liền bỏ chúng hội, chẳng cung kính Bát-nhã ba-la-mật sâu xa và chư Phật. Các vị Bồ-tát ấy hiện ngồi trong đại chúng này, nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, vì không thích nên bỏ đi.

Vì sao? Vì những người này đời trước lúc nghe nói về Bát-nhã ba-la-mật sâu xa bèn bỏ đi nên đời nay nghe nói về Bát-nhã ba-la-mật sâu xa cũng bỏ đi, thân tâm không hòa hợp. Những người này gieo giống nghiệp duyên ngu si.

Do nghiệp duyên ngu si nên khi nghe giảng Bát-nhã ba-la-mật sâu xa bèn khinh chê, vì khinh chê Bát-nhã ba-la-mật sâu xa tức là khinh chê Nhất thiết trí và Nhất thiết chủng trí của chư Phật ba đời.

Vì người này khinh chê Nhất thiết trí của chư Phật ba đời nên phát khởi nghiệp phá pháp. Do tội phá pháp kết hợp đủ nhân duyên nên đọa vào đại địa ngục trong vô lượng trăm ngàn muôn ức năm.

Những người phá pháp này, từ một đại địa ngục đến một đại địa ngục. Nơi đó, lúc kiếp hỏa phát khởi, người này lại gá sinh vào một đại địa ngục ở cõi khác, từ một đại địa ngục đến một đại địa ngục. Nếu lúc cõi đó hỏa tai phát khởi, thì người này lại gá sinh vào đại địa ngục ở cõi khác. Lần lượt gá sinh như vậy cho đến các thế giới ở khắp mười phương. Vì tội phá pháp chưa hết, nên sinh trở lại cõi này, từ một đại địa ngục cho đến một đại địa ngục, chịu vô lượng khổ. Khi cõi này phát khởi hỏa kiếp lại gá sinh vào đại địa ngục ở cõi khác.

Người này lúc gá sinh vào súc sinh chịu khổ vì tội phá pháp cũng như vậy.

Lúc tội nặng mỏng dần thì người này được thân người, sinh vào nhà người mù bẩm sinh, hoặc sinh vào nhà Chiên-đà-la, sinh vào những nhà thấp hèn như quét rác hay khiêng thầy chết... Hoặc không có mắt, hoặc một mắt, hoặc mắt mù, không lưỡi, không tai, không chân tay. Nơi người này gá sinh không có Phật, không có chánh pháp, không có đệ tử Phật. Vì sao? Vì tội phá pháp chưa nhóm quá sâu nặng nên chịu lấy quả báo như vậy.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Năm tội nghịch và tội phá pháp có tương tự nhau không?

Phật bảo:

–Chẳng nên nói là tương tựa. Vì sao? Vì nếu có người nghe nó Bát-nhã ba-la-mật sâu xa mà chẳng tin rồi hủy báng rằng chẳng nên học pháp ấy. Đó là phi pháp, chẳng phải pháp lành, chẳng phải lời Phật dạy, chẳng phải Phật giáo.

Người này tự hủy báng, cũng xúi giục người khác hủy báng Bát-nhã ba-la-mật.

Người này tự phá hoại thân mình, cũng phá hoại thân người khác.

Người này uống thuốc độc giết thân mình, cũng đầu độc người khác.

Người này tự làm mất thân mình, cũng làm mất thân người khác.

Người này tự chẳng tin, chẳng biết Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, cũng làm cho người khác chẳng tin, chẳng biết.

Này Xá-lợi-phất! Ta còn chẳng cho nghe tên người ấy, huống chi là mắt thấy và ở chung. Vì sao? Vì phải biết người này gọi là kẻ làm nhơ chánh pháp, bị rơi vào tánh ô trược suy hoại. Ai nghe và tin theo lời người này thì cũng chịu khổ như vậy.

Này Xá-lợi-phất! Nếu người nào phá hủy Bát-nhã ba-la-mật thì gọi là kẻ hoại pháp.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Đức Thế Tôn nói người hoại pháp phải mang lấy tội nặng mà chẳng nói thân thể lớn nhỏ của người này phải chịu.

Phật dạy:

–Chẳng nên nói người này chịu thân lớn nhỏ. Vì sao? Vì người phá pháp này nếu nghe thân lớn nhỏ mà mình phải chịu thì sẽ bất tỉnh ngạt thở, hoặc chết, hoặc sắp chết. Người phá pháp này nghe thân như vậy, có tội nặng như vậy, sẽ rất buồn lo như mũi tên đâm vào tim, sẽ dần khô héo mà nghĩ rằng tội phá pháp phải mang thân đại quý, chịu vô lượng khổ như vậy.

Vì thế nên Phật chẳng cho Xá-lợi-phất hỏi thân lớn nhỏ mà người phá pháp này phải chịu.

Xá-lợi-phất thưa:

– Xin Đức Thế Tôn nói để làm điều răn sáng suốt cho người đời sau, khiến họ biết rằng tội nghiệp phá pháp phải mang thân lớn xấu, chịu khổ như vậy.

Đức Phật nói:

– Nếu người đời sau nghe tội phá pháp làm nghiệp nhân nặng nề phải chịu vô lượng khổ lâu dài trong đại địa ngục, cũng đủ làm điều răn sáng suốt rồi.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ tánh lành thanh tịnh được nghe pháp này cũng đủ làm chỗ y chỉ, thà mất thân mạng chớ chẳng hủy phá chánh pháp. Họ tự nghĩ rằng nếu ta hủy phá chánh pháp thì sẽ phải chịu lấy sự khổ như vậy.

Tu-bồ-đề thưa:

– Các thiện nam, thiện nữ phải khéo giữ gìn ba nghiệp thân, khẩu, ý chớ để chịu lấy sự khổ như vậy, hoặc chẳng được thấy Phật, hoặc chẳng được nghe pháp, hoặc chẳng được gần gũi chư Tăng, hoặc sinh ở cõi nước không có Phật, hoặc sinh vào nhà nghèo hèn, hoặc bị mọi người chẳng tin nhận lời mình nói.

Bạch Đức Thế Tôn! Do nhân duyên khẩu nghiệp, có tội nặng phá pháp như vậy chăng?

Phật nói:

– Do nhân duyên khẩu nghiệp cũng có tội nặng phá pháp như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Người ngu si ấy ở trong Phật pháp xuất gia thọ giới rồi, phá hoại Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, chê bai chẳng tin nhận.

Này Tu-bồ-đề! Nếu phá Bát-nhã ba-la-mật, chê bai Bát-nhã ba-la-mật, thì là phá Nhất thiết trí của chư Phật mười phương. Phá Nhất thiết trí là phá Phật bảo, phá Phật bảo là phá Pháp bảo, phá Pháp bảo là phá Tăng bảo, phá Tăng bảo là phá chánh kiến của

thế gian, phá chánh kiến của thế gian là phá bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết chủng trí, phá Nhất thiết chủng trí thì mắc vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ tội, phải chịu vô lượng, vô biên a-tăng-kỳ sự buồn khổ.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Có mấy nhân duyên mà người ngu si này chê bai, phá hoại Bát-nhã ba-la-mật sâu xa?

Phật nói:

–Có bốn nhân duyên.

1. Bị ma sai khiến.
2. Chẳng tin pháp sâu xa, chẳng tin, chẳng hiểu, tâm không thanh tịnh.
3. Gần gũi thầy bạn xấu ác, tâm mê tối biếng nhác, chấp chặt thân năm ấm.

4. Thường tức giận, tự cao, khinh người.

Này Tu-bồ-đề! Do bốn nhân duyên trên đây mà người ngu si muốn phá hoại Bát-nhã ba-la-mật sâu xa.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Người tương đắc với bạn ác, gieo trồng hạt giống bất thiện, chẳng siêng năng tinh tấn tu pháp lành thì khó tin, khó hiểu Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này.

Phật bảo:

–Đúng vậy, người ấy khó tin, khó hiểu Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao Bát-nhã ba-la-mật này rất sâu khó tin, khó hiểu?

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Sắc chẳng trói, chẳng mở. Vì sao? Vì tánh không thật là sắc.

Thọ, tưởng, hành, thức chẳng trói, chẳng mở. Vì sao? Vì tánh không thật có thọ, tưởng, hành, thức.

Bố thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật chẳng trói, chẳng

mở. Vì sao? Vì tánh không thật có là sáu pháp Ba-la-mật.

Nội không cho đến vô pháp hữu pháp không chẳng trói, chẳng mở. Vì sao? Vì tánh không thật có nội không cho đến vô pháp hữu pháp không.

Bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết trí và Nhất thiết chủng trí chẳng trói, chẳng mở. Vì sao? Vì tánh không thật có là bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết trí và Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bồ-đề! Căn bản của sắc chẳng trói, chẳng mở. Vì sao? Vì tánh căn bản không thật có là sắc.

Cho đến căn bản của Nhất thiết chủng trí chẳng trói, chẳng mở. Vì sao? Vì tánh căn bản không thật có là Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bồ-đề! Phần sau của sắc cho đến phần sau của Nhất thiết chủng trí chẳng trói, chẳng mở. Vì sao? Vì tánh của phần sau không thật có sắc, cho đến Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bồ-đề! Sắc hiện tại cho đến Nhất thiết chủng trí hiện tại chẳng trói, chẳng mở. Vì sao? Vì hiện tại tánh không thật có sắc, cho đến là Nhất thiết chủng trí.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Những người chẳng siêng năng tinh tấn, chẳng gieo trồng căn lành, gần gũi bạn ác, biếng nhác, ưa quên, không có trí tuệ phương tiện khéo léo, thật khó tin, khó hiểu Bát-nhã ba-la-mật.

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề, đúng vậy! Những người ấy thật khó tin khó hiểu Bát-nhã ba-la-mật này. Vì sao? Vì sắc thanh tịnh thì quả cũng thanh tịnh. Thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh thì quả cũng thanh tịnh, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thanh tịnh thì quả cũng thanh tịnh.

Lại vì sắc thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh, Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh tức là sắc thanh tịnh. Cho đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh tức là Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh, Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh tức là Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

Sắc thanh tịnh và Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh không hai,

không khác, không đoạn, không hoại. Cho đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh và Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh không hai, không khác, không đoạn, không hoại.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì chẳng hai thanh tịnh nên sắc thanh tịnh. Vì chẳng hai thanh tịnh nên Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

Vì sao? Vì chẳng hai thanh tịnh này và sắc thanh tịnh cho đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh không hai, không khác.

Vì ngã thanh tịnh, chúng sinh cho đến người biết, người thấy thanh tịnh nên sắc cho đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

Vì sắc cho đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh nên ngã, chúng sinh cho đến người biết, người thấy thanh tịnh.

Vì sao? Vì ngã cho đến người thấy thanh tịnh này và sắc cho đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh chẳng hai, chẳng khác, không đoạn, không hoại.

Này Tu-bồ-đề! Vì tham, sân, si thanh tịnh nên sắc cho đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh.

Vì sao? Vì tham, sân, si thanh tịnh và sắc cho đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh chẳng hai, chẳng khác.

Này Tu-bồ-đề! Vì vô minh thanh tịnh nên hành thanh tịnh, vì hành thanh tịnh nên thức thanh tịnh, vì thức thanh tịnh nên danh sắc thanh tịnh, vì danh sắc thanh tịnh nên lục nhập thanh tịnh, vì lục nhập thanh tịnh nên xúc thanh tịnh, vì xúc thanh tịnh nên thọ thanh tịnh, vì thọ thanh tịnh nên ái thanh tịnh, vì ái thanh tịnh nên thủ thanh tịnh, vì thủ thanh tịnh nên hữu thanh tịnh, vì hữu thanh tịnh nên sinh thanh tịnh, vì sinh thanh tịnh nên già chết thanh tịnh, vì già chết thanh tịnh nên Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh, vì Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh nên Thiên-na thanh tịnh, cho đến vì Đàn-na thanh tịnh nên nội không thanh tịnh, vì nội không thanh tịnh nên cho đến vô pháp hữu pháp không thanh tịnh, vì vô pháp hữu pháp không thanh tịnh nên bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết trí thanh tịnh, vì Nhất thiết trí thanh tịnh nên Nhất thiết chủng trí thanh tịnh. Vì sao? Vì Nhất thiết trí này và Nhất thiết chủng trí không hai, không khác, không đoạn, không hoại.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh nên

sắc thanh tịnh, cho đến vì Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh nên Nhất thiết trí thanh tịnh.

Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật này và Nhất thiết trí không hai, không khác.

Này Tu-bồ-đề! Vì Thiền định ba-la-mật thanh tịnh nên cho đến Nhất thiết trí thanh tịnh, cho đến Bồ thí ba-la-mật thanh tịnh nên cho đến Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì nội không thanh tịnh nên cho đến Nhất thiết trí thanh tịnh. Vì bốn Niệm xứ thanh tịnh nên cho đến Nhất thiết trí thanh tịnh.

Này Tu-bồ-đề! Vì Nhất thiết trí thanh tịnh nên cho đến Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh.

Này Tu-bồ-đề! Vì hữu vi thanh tịnh nên vô vi thanh tịnh.

Vì sao? Vì hữu vi thanh tịnh và vô vi thanh tịnh không hai, không khác, không đoạn, không hoại.

Này Tu-bồ-đề! Vì quá khứ thanh tịnh nên vị lai và hiện tại thanh tịnh. Vì vị lai thanh tịnh nên quá khứ và hiện tại thanh tịnh. Vì hiện tại thanh tịnh nên quá khứ và vị lai thanh tịnh.

Vì sao? Vì hiện tại thanh tịnh và quá khứ và vị lai thanh tịnh không hai, không khác, không đoạn, không hoại.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 12

Phẩm 42: KHEN NGỢI THANH TỊNH

Bấy giờ, Xá-lợi-phất bạch Phật rằng:

– Bạch Đức Thế Tôn! Thanh tịnh này rất sâu xa?

Phật bảo:

– Vì rốt ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

– Vì các pháp nào thanh tịnh nên thanh tịnh này rất sâu xa?

Phật bảo:

– Vì sắc thanh tịnh nên thanh tịnh này rất sâu xa. Vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh, vì bốn Niệm xứ thanh tịnh, cho đến vì mười tám pháp Bất cộng thanh tịnh, vì Bồ-tát thanh tịnh, vì Phật thanh tịnh, vì Nhất thiết trí và Nhất thiết chủng trí thanh tịnh cho nên sự thanh tịnh này rất sâu xa.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Sự thanh tịnh này rất sáng?

Phật bảo:

– Vì rốt ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

– Vì pháp nào thanh tịnh nên sự thanh tịnh này rất sáng?

Phật bảo:

– Vì Bát-nhã ba-la-mật cho đến Bồ thí ba-la-mật thanh tịnh nên sự thanh tịnh này rất sáng. Vì bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh nên sự thanh tịnh này rất sáng.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Sự thanh tịnh này chẳng nối nhau?

Đức Phật nói:

– Vì rốt ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

– Vì các pháp nào chẳng tương tục nên sự thanh tịnh này chẳng nối nhau?

Phật bảo:

– Vì sắc chẳng đi, chẳng nối nhau nên sự thanh tịnh này chẳng nối nhau, cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng đi, chẳng nối nhau nên sự thanh tịnh này chẳng nối nhau.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Sự thanh tịnh này vô cấu?

Phật bảo:

– Vì rốt ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất hỏi:

– Vì các pháp nào vô cấu nên sự thanh tịnh này vô cấu?

Đức Phật nói:

– Vì sắc tánh thường thanh tịnh nên sự thanh tịnh này vô cấu, cho đến vì Nhất thiết chủng trí tánh thường thanh tịnh nên sự thanh tịnh này vô cấu.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Sự thanh tịnh này vô đắc, vô trước?

Đức Phật nói:

– Vì rốt ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

– Vì các pháp nào vô đắc, vô trước nên sự thanh tịnh này vô đắc, vô trước?

Phật bảo:

– Vì sắc vô đắc, vô trước cho đến vì Nhất thiết chủng trí vô đắc, vô trước nên sự thanh tịnh này vô đắc, vô trước.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Sự thanh tịnh này không sinh?

Phật bảo:

– Vì rất ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Vì các pháp nào không sinh nên sự thanh tịnh này không sinh?

Phật bảo:

– Vì sắc không sinh, cho đến vì Nhất thiết chủng trí không sinh nên sự thanh tịnh này không sinh.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Sự thanh tịnh này chẳng sinh trong cõi Dục?

Phật bảo:

– Vì rất ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất hỏi:

– Vì sao sự thanh tịnh này chẳng sinh trong cõi Dục?

Phật bảo:

– Tánh cõi Dục không thật có nên sự thanh tịnh này chẳng sinh trong cõi Dục.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Sự thanh tịnh này chẳng sinh trong cõi Sắc?

Phật bảo:

– Vì rất ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

– Vì sao sự thanh tịnh này chẳng sinh trong cõi Sắc?

Phật bảo:

– Tánh cõi Sắc không thật có nên sự thanh tịnh này chẳng sinh trong cõi Sắc.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Sự thanh tịnh này chẳng sinh trong cõi Vô sắc?

Phật dạy:

– Vì rất ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất hỏi:

– Vì sao sự thanh tịnh này chẳng sinh trong cõi Vô sắc?

Phật dạy:

– Tánh của cõi Vô sắc không thật có nên sự thanh tịnh này chẳng sinh trong cõi Vô sắc.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Sự thanh tịnh này vô tri?

Phật nói:

– Vì rất ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất hỏi:

– Vì sao sự thanh tịnh này vô tri?

Phật bảo:

– Vì các pháp sâu kín sự thanh tịnh này vô tri.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Vì sắc vô tri nên sự thanh tịnh này thanh tịnh?

Phật nói:

– Vì rất ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất hỏi:

– Vì sao sắc vô tri nên sự thanh tịnh này thanh tịnh?

Phật dạy:

– Vì tự tánh của sắc rỗng không nên sắc vô tri mà sự thanh tịnh này thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Thọ, tưởng, hành, thức vô tri nên sự thanh tịnh này thanh tịnh?

Phật bảo:

– Vì rất ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất hỏi:

– Vì sao thọ, tưởng, hành, thức vô tri nên sự thanh tịnh này thanh tịnh?

Phật đáp:

– Vì thọ, tưởng, hành, thức tự tánh rỗng không nên thọ, tưởng, hành, thức vô tri, sự mà thanh tịnh này thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả pháp thanh tịnh nên sự thanh tịnh này thanh tịnh?

Phật bảo:

– Vì rốt ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất hỏi:

– Vì sao tất cả pháp thanh tịnh nên sự thanh tịnh này thanh tịnh?

Phật dạy:

– Vì tất cả pháp không thật có nên tất cả pháp thanh tịnh mà sự thanh tịnh này thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật này đối với Nhất thiết trí không làm thêm, không làm bớt?

Phật nói:

– Vì rốt ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất hỏi:

– Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao đối với Nhất thiết trí, Bát-nhã ba-la-mật này không làm thêm, không làm bớt?

Phật dạy:

– Vì pháp thường trụ, nên đối với Nhất thiết trí, Bát-nhã ba-la-mật này không làm thêm, không làm bớt.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh này đối với các pháp không chỗ thọ nhận?

Phật nói:

– Vì rốt ráo thanh tịnh.

Xá-lợi-phất hỏi:

– Vì sao Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh đối với các pháp không có thọ nhận?

Phật dạy:

– Vì pháp tánh bất động nên Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh này không có thọ nhận đối với các pháp.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Vì ngã thanh tịnh nên sắc thanh tịnh?

Phật bảo:

– Vì rốt ráo thanh tịnh.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Vì sao ngã thanh tịnh nên sắc thanh tịnh rốt ráo thanh tịnh?

Phật bảo:

– Vì ngã không thật có nên sắc không thật có mà rốt ráo thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Vì ngã thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh?

Phật bảo:

– Vì rốt ráo thanh tịnh.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Vì sao ngã thanh tịnh nên thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh rốt ráo thanh tịnh?

Phật dạy:

– Vì ngã không thật có nên thọ, tưởng, hành, thức không thật có mà rốt ráo thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Vì ngã thanh tịnh nên sáu pháp Ba-la-mật, bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng thanh tịnh?

Phật bảo:

– Vì rốt ráo thanh tịnh. Vì sao? Vì ngã không thật có nên sáu pháp Ba-la-mật cho đến mười tám pháp Bất cộng không thật có mà rốt ráo thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Vì ngã thanh tịnh nên quả Tu-đà-hoàn cho đến Phật đạo thanh tịnh?

Phật bảo:

– Vì rốt ráo thanh tịnh. Vì sao? Vì tự tướng không.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Ngã thanh tịnh nên Nhất thiết trí thanh tịnh?

Phật bảo:

– Vì rốt ráo thanh tịnh. Vì sao? Vì vô tướng vô niệm.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Do hai thanh tịnh nên vô đắc, vô trước là thanh tịnh?

Phật bảo:

– Vì rốt ráo thanh tịnh. Vì sao? Vì vô cấu, vô tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Vì ngã vô biên nên sắc, thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh?

Phật bảo:

– Vì rốt ráo thanh tịnh. Vì sao? Vì rốt ráo không và vô thỉ không.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát biết được như vậy thì gọi là Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát?

Phật bảo:

– Vì rốt ráo thanh tịnh. Vì sao? Vì biết hạt giống đạo.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, do năng lực phương tiện nên nghĩ rằng sắc chẳng biết sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng biết thọ, tưởng, hành, thức; pháp quá khứ chẳng biết pháp quá khứ; pháp vị lai chẳng biết pháp vị lai; pháp hiện tại chẳng biết pháp hiện tại.

Phật dạy:

– Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, do năng lực phương tiện nên chẳng nghĩ ta bố thí cho người, cũng chẳng nghĩ rằng: “Ta

trì giới, trì giới như vậy, ta nhẫn nhục, nhẫn nhục như vậy, ta tinh tấn, tinh tấn như vậy, ta nhập thiền, nhập thiền như vậy, ta tu trí tuệ, tu trí tuệ như vậy, ta được phước đức, được phước đức như vậy.”

Đại Bồ-tát này cũng chẳng nghĩ rằng: “Tôi sẽ bước lên bậc Bồ-tát, ta sẽ thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, ta sẽ được Nhất thiết chủng trí.”

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát này thực hành Bát-nhã ba-la-mật, do năng lực phương tiện nên không có các nhớ tưởng phân biệt, vì nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, rốt ráo không, vô thủ không, tán không, tánh không, các pháp không, tự tướng không.

Này Tu-bồ-đề! Đó gọi là Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, do năng lực phương tiện nên được vô ngại.

Trời Đế Thích hỏi Tu-bồ-đề:

– Thế nào là thiện nam cầu đạo Bồ-tát bị pháp chướng ngại?

Tu-bồ-đề nói:

– Này Kiều-thi-ca! Có các thiện nam, thiện nữ tìm đạo Bồ-tát mà chấp lấy tâm tướng. Đó là chấp lấy tướng Bồ thí ba-la-mật, chấp lấy tướng Trì giới ba-la-mật cho đến tướng Bát-nhã ba-la-mật, chấp lấy tướng nội không cho đến tướng vô pháp hữu pháp không, chấp lấy tướng bốn Niệm xứ cho đến tướng tám Thánh đạo, chấp lấy tướng mười Lực cho đến tướng mười tám pháp Bất cộng, chấp lấy tướng chư Phật, chấp lấy tướng thiện căn mà chư Phật gieo trồng. Đem tướng do chấp lấy tất cả phước đức hòa hợp đó hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó là pháp chướng ngại của thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ-tát.

Dụng pháp trên đây thì chẳng thể thực hành vô ngại đối với Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì tướng sắc, tướng thọ, tướng, hành, thức chẳng thể hồi hướng, cho đến tướng của Nhất thiết chủng trí chẳng thể hồi hướng.

Này Kiều-thi-ca! Nếu giáo hóa cho người đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Đại Bồ-tát phải giáo hóa bằng thật tướng của tất cả pháp.

Nếu thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ-tát, lúc thực hành Bồ thí

ba-la-mật, chẳng nên phân biệt rằng ta bố thí, ta trì giới, ta nhẫn nhục, ta tinh tấn, ta nhập định, ta tu trí tuệ, chẳng nên phân biệt rằng ta tu nội không đến ta tu vô pháp hữu pháp không, ta tu bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bát cộng cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu giáo hóa bằng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như vậy, thì tự mình không sai lầm cũng như sự nói pháp của Đức Phật, làm cho thiện nam, thiện nữ xa lìa tất cả pháp chướng ngại.

Phật khen Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay! Đúng như lời ông nói về các pháp chướng ngại của các Bồ-tát.

Nay ông lại lắng nghe tướng chướng ngại vi tế.

Có thiện nam, thiện nữ nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chấp tướng để nhớ nghĩ chư Phật.

Này Tu-bồ-đề! Các tướng có thể có, thì đều là tướng chướng ngại.

Lại đối với chư Phật, từ lúc mới phát tâm cho đến lúc Pháp trụ, có bao nhiêu thiện căn, các thiện nam, thiện nữ này chấp lấy tướng mà tướng nhớ, rồi hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Các tướng có được thì đều là tướng chướng ngại.

Lại đối với những thiện căn của chư Phật, của đại đệ tử, của các chúng sinh khác, mà chấp lấy tướng hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Các tướng có được đều là tướng chướng ngại.

Vì sao? Vì chẳng nên chấp lấy tướng để nghĩ nhớ chư Phật, cũng chẳng nên chấp lấy tướng để nhớ nghĩ thiện căn của chư Phật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật này rất sâu xa!

Phật bảo:

–Vì tất cả pháp thường lìa.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Con phải kính lễ Bát-nhã ba-la-mật.

Phật nói:

– Vì Bát-nhã ba-la-mật này không khởi, không tác nên không ai có thể được.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả pháp cũng chẳng thể biết, chẳng thể được.

Phật bảo:

– Tất cả pháp một tánh duy nhất, chẳng phải hai tánh.

Pháp tánh duy nhất này cũng là vô tánh. Vô tánh này chính là tánh. Tánh này chẳng khởi, chẳng tác.

Đúng vậy, nếu Đại Bồ-tát biết các pháp một tánh duy nhất là vô tánh không khởi, không tác, thì xa lìa tất cả chướng ngại.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật này khó biết, khó hiểu.

Phật bảo:

– Đúng như lời ông nói, Bát-nhã ba-la-mật này không người thấy, không người nghe, không người hay, không người biết, không người được.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật này chẳng thể suy nghĩ bàn luận.

Phật dạy:

– Đúng như lời ông nói! Bát-nhã ba-la-mật này chẳng từ tâm sinh, chẳng từ sắc, thọ, tưởng, hành, thức sinh ra, cho đến chẳng từ mười tám pháp Bát cộng sinh ra.

M

Phẩm 43: VÔ TÁC

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật này là vô sở tác?

Phật bảo:

– Vì tác giả không thật có. Vì sắc không thật có cho đến tất cả pháp không thật có.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Nếu Đại Bồ-tát muốn thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì phải thực hành thế nào?

Phật dạy:

– Muốn thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng thực hành sắc, chẳng thực hành thọ, tưởng, hành, thức, cho đến chẳng thực hành Nhất thiết chủng trí, thì đó là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát, đối với sắc cho đến Nhất thiết chủng trí, chẳng thực hành thường hay vô thường, thì là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát, đối với sắc cho đến Nhất thiết chủng trí, chẳng thực hành là ngã hay chẳng phải ngã, thì là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát, đối với sắc cho đến Nhất thiết chủng trí, chẳng thực hành tịnh hay bất tịnh, thì là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Vì sao? Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Nhất thiết chủng trí này vốn không có tánh thì làm sao lại có thường, có vô thường, có khổ, có vui, có ngã, có chẳng ngã, có tịnh, có bất tịnh được?

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng thực hành sắc chẳng đầy đủ, cho đến chẳng thực hành Nhất thiết chủng trí chẳng đầy đủ, thì đó là thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì sắc chẳng đầy đủ thì chẳng gọi là sắc, như đây cũng chẳng hành thì gọi là thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng đầy đủ thì chẳng gọi là Nhất thiết chủng trí, như đây cũng chẳng hành thì gọi là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thật chưa từng có, Đức Thế Tôn khéo nói tướng dạng ngại và tướng dạng chẳng ngại của các thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ-tát.

Phật nói:

–Đúng vậy, Phật khéo nói tướng dạng ngại và tướng dạng chẳng ngại của các thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nếu Đại Bồ-tát chẳng thực hành sắc, chẳng chướng ngại, thì đó là thực hành Bát-nhã ba-la-mật, cho đến chẳng thực hành Nhất thiết chủng trí, chẳng chướng ngại, thì đó là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, Đại Bồ-tát biết sắc là chẳng chướng ngại, biết thọ, tưởng, hành, thức là chẳng chướng ngại, cho đến biết Nhất thiết chủng trí là chẳng chướng ngại. Biết quả Tu-đà-hoàn là chẳng chướng ngại, cho đến biết đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là chẳng chướng ngại.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thật chưa từng có, bạch Đức Thế Tôn!

Pháp sâu xa này, hoặc giảng nói, hoặc chẳng giảng nói cũng đều chẳng thêm, chẳng bớt.

Phật nói:

–Đúng vậy, pháp sâu xa này, hoặc nói, hoặc chẳng nói cũng đều chẳng thêm, chẳng bớt.

Ví như đối với Đức Phật, hoặc khen ngợi hoặc chê bai cho đến trọn đời vẫn như hư không, hoặc khen ngợi hoặc chê bai, cũng đều chẳng thêm, chẳng bớt.

Này Tu-bồ-đề! Như người huyễn, lúc khen hay lúc chê cũng đều chẳng thêm, chẳng bớt. Lúc khen chẳng mừng, lúc chê chẳng buồn.

Này Tu-bồ-đề! Pháp tướng của các pháp cũng giống như vậy, lúc nói cũng giống như vậy không khác, lúc chẳng nói cũng giống như vậy không khác.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Việc mà các Đại Bồ-tát làm rất khó. Lúc

tu hành Bát-nhã ba-la-mật này, các Ngài chẳng mừng chẳng lo, mà có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật, cũng chẳng thoái chuyển trên đường tiến tới Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao? Vì bạch Đức Thế Tôn! Tu hành Bát-nhã ba-la-mật như tu hành hư không. Như trong hư không, chẳng có Bát-nhã ba-la-mật cho đến không có Bồ thí ba-la-mật. Như trong hư không, không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến không có mười tám pháp Bát cộng. Như trong hư không, không có quả Tu-đà-hoàn, cho đến đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tu Bát-nhã ba-la-mật cũng giống như vậy.

Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả đều nên kính lễ các Đại Bồ-tát có thể trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn này.

Bạch Đức Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát này vì chúng sinh mà trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn siêng năng tinh tấn, như hư không được trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn siêng năng tinh tấn.

Bạch Đức Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát này muốn độ chúng sinh như muốn độ hư không.

Bạch Đức Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát này trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn như là hư không, trang nghiêm khắp cả chúng sinh bằng thệ nguyện rộng lớn.

Bạch Đức Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát này trang nghiêm bằng thệ nguyện rộng lớn để độ chúng sinh, như toàn thể hư không.

Bạch Đức Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát này được năng lực đại tinh tấn, vì muốn độ chúng sinh mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Đức Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát này rất mạnh mẽ, vì độ chúng sinh đồng như hư không mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao? Bạch Đức Thế Tôn! Vì nếu các Đức Phật đầy khắp trong cõi đại thiên như tre, lau, mía, lúa, mè, lùm rừng, thường nói pháp suốt trong một kiếp. Mỗi Đức Phật độ vô lượng, vô biên vô số chúng sinh giúp cho họ nhập Niết-bàn.

Tánh chúng sinh này cũng vẫn chẳng thêm, chẳng bớt.

Vì sao? Vì chúng sinh vốn không thật có, là lia.

Cho đến các Đức Phật trong các cõi nước ở mười phương độ chúng sinh, tánh chúng sinh vẫn không thêm, không bớt cũng giống như vậy.

Bạch Đức Thế Tôn! Do nhân duyên ấy con nói rằng các Đại Bồ-tát này vì muốn độ chúng sinh mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì muốn độ hư không.

Bấy giờ có một vị Tỳ-kheo nói:

–Tôi phải đánh lễ Bát-nhã ba-la-mật. Trong Bát-nhã ba-la-mật đầu không có pháp sinh, không có pháp diệt, mà có các giới, các định, các tuệ, có chúng giải thoát, có chúng giải thoát tri kiến. Có các bậc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, các Đức Phật. Có Phật bảo, Pháp bảo, Tỳ-kheo Tăng bảo, có chuyển pháp luân.

Lúc đó, Thiên đế hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Nếu Đại Bồ-tát tu tập Bát-nhã ba-la-mật là tu tập pháp gì?

Tu-bồ-đề bảo Thiên đế:

–Này Kiều-thi-ca! Đại Bồ-tát này tu tập Bát-nhã ba-la-mật là tu tập không.

Thiên đế bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ thọ trì Bát-nhã ba-la-mật này và gần gũi, đọc tụng giải nói, nhớ nghĩ, thì chúng con phải giữ gìn những gì?

Tu-bồ-đề hỏi Thiên đế:

–Này Kiều-thi-ca! Ông có thấy pháp gì để giữ gìn được được chẳng?

Thiên đế nói:

–Không, bạch Đại đức! Con chẳng thấy pháp gì để giữ gìn cả.

Tu-bồ-đề nói:

–Nếu thiện nam, thiện nữ nào tu hành đúng như lời dạy trong Bát-nhã ba-la-mật, thì chính là giữ gìn, nghĩa là thường tu hành đúng như lời dạy trong Bát-nhã ba-la-mật mà chẳng xa lìa thì người hay phi nhân không làm hại được thiện nam, thiện nữ này.

Phải biết rằng thiện nam, thiện nữ này chẳng xa lìa Bát-nhã ba-la-mật.

Này Kiều-thi-ca! Nếu ai muốn giữ gìn che chở các Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật, thì đó là muốn giữ gìn che chở hư không.

Này Kiều-thi-ca! Ý ông nghĩ sao? Ngài có thể giữ gìn chiêm bao, sóng nắng, bóng dáng, tiếng vang, ảo hóa được chăng?

Thiên đế nói:

–Không thể giữ gìn được.

Tu-bồ-đề nói:

–Nếu ai muốn giữ gìn che chở các Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật thì cũng giống như vậy, chỉ lống nhọc nhằn mà thôi.

Này Kiều-thi-ca! Ông có giữ gìn được chỗ biến hóa của Phật hay chăng?

Thiên đế nói:

–Tôi chẳng giữ gìn được.

Tu-bồ-đề nói:

–Nếu ai muốn giữ gìn che chở được các Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì cũng giống như vậy.

Này Kiều-thi-ca! Có thể giữ gìn pháp tánh, thật tế, pháp như, tánh chẳng nghĩ bàn được chăng?

Thiên đế nói:

–Không thể giữ gìn được.

Tu-bồ-đề nói:

–Nếu ai muốn giữ gìn các Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì cũng giống như vậy.

Thiên đế hỏi:

–Thưa Ngài Tu-bồ-đề! Thế nào là Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thấy biết các pháp như mộng, như sóng nắng, như ảnh, như tiếng vang, như huyễn, như hóa? Thế nào là các Đại Bồ-tát như sự thấy biết của mình nên chẳng quan niệm mộng, chẳng quan niệm là mộng, chẳng nhớ nghĩ dùng mộng, chẳng nghĩ ta nằm mộng?

Như mộng đối với sóng nắng, hình ảnh, tiếng vang, huyễn và hóa cũng giống như vậy.

Tu-bồ-đề nói:

–Này Kiều-thi-ca! Nếu Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, chẳng nghĩ là sắc, chẳng quan niệm là sắc, chẳng quan niệm dùng sắc, chẳng quan niệm sắc của ta thì Đại Bồ-tát này cũng có thể chẳng nghĩ mộng, chẳng nghĩ là mộng, chẳng nghĩ dùng mộng, chẳng nghĩ ta nằm mộng, cho đến huyễn và hóa cũng như vậy.

Nếu Đại Bồ-tát cho đến Nhất thiết trí, chẳng cho rằng Nhất thiết trí, chẳng quan niệm là Nhất thiết trí, chẳng quan niệm dùng Nhất thiết trí, chẳng quan niệm Nhất thiết trí của ta thì Đại Bồ-tát này cũng có thể cho đến chẳng quan niệm hóa, chẳng quan niệm là hóa, chẳng quan niệm dùng hóa, chẳng quan niệm hóa của ta.

Này Kiều-thi-ca! Địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh như vậy biết các pháp như mộng, như sóng nắng, như hình bóng, như tiếng vang, như huyễn, như hóa.

Bấy giờ do thần lực Phật, nên trong đại thiên thế giới, các tầng trời Tứ Thiên vương, trời Đao-lợi, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm thiên, trời Phạm phụ, trời Phạm chúng, trời Đại phạm, trời Thiểu quang, cho đến tầng trời Tịnh cư, tất cả những các tầng trời này đều tung rải hương Chiên-đàn cõi trời lên mình Đức Phật, cùng nhau đến chỗ Phật, đầu mặt lay dưới chân Phật, rồi đứng qua một phía.

Do thần lực Phật, nên các vị trời này đều thấy ngàn Đức Phật ở phương Đông nói pháp, cũng tướng trạng như vậy, danh hiệu như vậy, giảng nói phẩm Bát-nhã ba-la-mật này, các Tỳ-kheo đều tên Tu-bồ-đề, người gạn hỏi phẩm Bát-nhã ba-la-mật đều tên là Thích Đề-hoàn Nhân.

Như phương Đông, chín phương kia cũng đều hiện ngàn Đức Phật như vậy.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Vào thời Đại Bồ-tát Di-lặc chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng sẽ nói Bát-nhã ba-la-mật tại chỗ này. Các Đại Bồ-tát trong hiện kiếp, lúc chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng ở tại chỗ này mà nói Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Lúc Bồ-tát Di-lặc thành Phật dùng tướng gì, nhân gì, nghĩa gì mà nói nghĩa Bát-nhã ba-la-mật?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Lúc Bồ-tát Di-lặc chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác sẽ nói pháp như vậy:

Sắc chẳng phải thường, chẳng phải vô thường.

Sắc chẳng phải khổ, chẳng phải vui.

Sắc chẳng phải ngã, chẳng phải vô ngã.

Sắc chẳng phải tịnh, chẳng phải bất tịnh.

Sắc chẳng phải trói buộc, chẳng phải giải thoát.

Sắc chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại.

Sắc rốt ráo thanh tịnh.

Thọ, tưởng, hành, thức cho đến Nhất thiết trí cũng giống như vậy.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật này thanh tịnh?

Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Vì sắc thanh tịnh nên Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh. Vì thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là sắc, thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh nên Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh?

Đức Phật nói:

–Này Tu-bồ-đề! Nếu sắc chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng cấu, chẳng sạch thì gọi là sắc thanh tịnh. Nếu thọ, tưởng, hành, thức chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng nhớ, chẳng sạch thì gọi là thọ, tưởng, hành, thức thanh tịnh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì hư không thanh tịnh nên Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là vì hư không thanh tịnh nên Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh?

Phật dạy:

– Này Tu-bồ-đề! Vì hư không chẳng sinh, chẳng diệt nên thanh tịnh. Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì sắc chẳng nhiễm ô nên Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh. Vì thọ, tưởng, hành, thức chẳng nhiễm ô nên Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh.

Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì như hư không vì chẳng nhiễm ô được cho nên hư không thanh tịnh.

Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì hư không chẳng thật có nên hư không thanh tịnh. Vì hư không thanh tịnh nên Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì hư không có thể nói về nó được nên Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh.

Vì sao? Vì từ hư không có hai âm thanh phát ra, cho nên Bát-nhã ba-la-mật cũng như hư không có thể nói cho nên Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh.

Này Tu-bồ-đề! Vì hư không chẳng thể thuyết minh nên Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh. Bạch Đức Thế Tôn, vì sao? Hư không chẳng thể nói nên Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh.

Phật bảo:

Này Tu-bồ-đề! Như hư không chẳng thể nói nên Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh. Lại như hư không không thật có nên hư không thanh tịnh, Bát-nhã ba-la-mật cũng không thật có nên Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì tất cả pháp chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng nhớ, chẳng sạch, nên Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh.

Vì sao? Vì tất cả pháp rốt ráo thanh tịnh nên Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu thiện nam, thiện nữ nào thọ trì Bát-nhã ba-la-mật này và gần gũi, ghi nhớ thì chẳng bao giờ bị bệnh,

nhãn, nhĩ, tử, thiệt, thân cũng chẳng bao giờ bệnh, thân không tàn tật cũng chẳng suy già, chẳng chết oan, vô số các vị trời, từ trời Tứ vương cho đến trời Tịnh cư đều theo để nghe học. Mỗi tháng đến sáu ngày trai: mùng tám, mười bốn, mười lăm, hai mươi ba, hai mươi chín và ngày ba mươi, ở chỗ thiện nam, thiện nữ này làm Pháp sư, giảng nói Bát-nhã ba-la-mật, các thiên chúng đều nhóm họp đến. Ở giữa đại chúng, thiện nam, thiện nữ giảng nói Bát-nhã ba-la-mật này được vô lượng, vô biên, vô số chẳng thể nghĩ bàn, không thể so lường phước đức.

Phật bảo:

– Đúng như lời Tu-bồ-đề nói. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật là châu báu lớn. Châu báu lớn là gì? Là Bát-nhã ba-la-mật này, có công năng nhổ được sự nghèo nàn của địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ và loài người. Bát-nhã ba-la-mật có công năng ban cho hào tộc, đại tánh, Sát-lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ, ban cho cõi trời Tứ vương cho đến Phi phi tướng, ban cho quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật nói rộng về mười pháp lành, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám phần Thánh đạo, Bồ thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật, mười tám Không, mười Lực, bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng, cho đến Nhất thiết chủng trí.

Học theo đây thì sinh ra đại tánh Sát-lợi, đại tánh Bà-la-môn, đại tánh Cư sĩ, trời Tứ vương, trời Đao-lợi, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất-đà, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời Phạm chúng, trời Phạm phụ, trời Phạm vương, trời Thiểu quang, trời Vô lượng quang, trời Quang âm, trời Thiểu tịnh, trời Vô lượng tịnh, trời Biến tịnh, trời Vô vân, trời Phước sinh, trời Quảng quả, trời Vô tướng, trời Vô phiến, trời Vô nhiệt, trời Thiện kiến, trời Thiện hiện, trời Sắc cứu cánh, trời Không vô biên xứ, trời Thức vô biên xứ, trời Vô sở hữu xứ, trời Phi hữu tướng phi vô tướng xứ.

Học từ pháp này được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-

na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi-phật, đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Thế nên Bát-nhã ba-la-mật gọi là châu báu lớn.

Trong châu báu Ba-la-mật, không pháp gì thật có, hoặc sinh, hoặc diệt, hoặc nơ, hoặc sạch, hoặc lầy, hoặc bỏ.

Trong châu báu Ba-la-mật cũng không có pháp thiện, hoặc bất thiện, hoặc thế gian, hoặc xuất thế gian, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi.

Thế nên gọi là châu báu ba-la-mật không có sở đắc.

Này Tu-bồ-đề! Châu báu Ba-la-mật này không có pháp gì làm nhiệm ô được.

Vì sao? Vì nhiệm pháp được dùng là không thật có.

Vì thế nên gọi là châu báu Ba-la-mật không nhiễm.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, cũng chẳng biết như vậy, chẳng phân biệt như vậy, cũng không thể chấp đắm như vậy, chẳng hý luận như vậy. Đó là có thể tu hành Bát-nhã ba-la-mật, cũng có thể kính lễ các Phật, từ một cõi Phật đến một cõi Phật để cúng dường, cung kính khen ngợi các Đức Phật, đi đến các cõi Phật để thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật.

Này Tu-bồ-đề! Đối với các pháp, Bát-nhã ba-la-mật này không có năng lực, chẳng phải không có năng lực, cũng không lãnh thọ, không ban cho, chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng nơ, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt.

Bát-nhã ba-la-mật này cũng chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại, chẳng lìa cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, cũng chẳng trụ cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Bát-nhã ba-la-mật này chẳng ban cho Bồ thí ba-la-mật đến Thiên định ba-la-mật và Bát-nhã ba-la-mật; cũng chẳng bỏ Bồ thí ba-la-mật đến Thiên định ba-la-mật và Bát-nhã ba-la-mật.

Bát-nhã ba-la-mật này chẳng cho nội không đến vô pháp hữu pháp không, cũng chẳng bỏ; chẳng cho bốn Niệm xứ đến tám Thánh đạo, cũng chẳng bỏ; chẳng cho mười Lực đến mười tám pháp Bất

cộng cũng chẳng bỏ, chẳng cho quả Tu-đà-hoàn đến Nhất thiết trí cũng chẳng bỏ.

Bát-nhã ba-la-mật này chẳng cho pháp A-la-hán, chẳng bỏ pháp phạm phu, chẳng cho pháp Bích-chi-phật, chẳng bỏ pháp A-la-hán, chẳng cho pháp Phật, chẳng bỏ pháp Bích-chi-phật.

Bát-nhã ba-la-mật này cũng chẳng cho pháp vô vi, chẳng bỏ pháp hữu vi.

Vì sao? Vì hoặc có Phật hoặc không Phật, các pháp tướng này luôn thường trụ không đổi khác, vì pháp tướng, pháp trụ, pháp vị thường trụ chẳng sai, chẳng mất.

Bấy giờ, các vị trời đứng trong hư không, vui mừng hơn hở phát ra âm thanh lớn, đem hoa Ưu-bát-la, hoa Ba-đầu-ma, hoa Câu-vật-đầu, hoa Phân-đà-lợi rải lên trên mình Đức Phật mà nói rằng ở Diêm-phù-đề chúng tôi thấy pháp luân chuyển lần thứ hai.

Trong đây có vô lượng trăm ngàn vị trời được pháp Nhãn vô sinh.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Pháp luân này chuyển, chẳng phải chuyển lần thứ nhất, chẳng phải chuyển lần thứ hai.

Bát-nhã ba-la-mật này chẳng do lưu chuyển, chẳng do hoàn diệt mà xuất hiện, vì vô pháp hữu pháp rỗng không.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là vô pháp hữu pháp rỗng không nên Bát-nhã ba-la-mật chẳng do lưu chuyển, chẳng do hoàn diệt mà xuất hiện?

Phật bảo:

–Này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật, tướng Bát-nhã ba-la-mật rỗng không, cho đến Bồ thí ba-la-mật tướng Bồ thí ba-la-mật rỗng không, nội không, tướng nội không rỗng không cho đến vô pháp hữu pháp không, tướng vô pháp hữu pháp không tướng rỗng không, bốn Niệm xứ tướng bốn Niệm xứ rỗng không cho đến tám Thánh đạo tướng tám Thánh đạo rỗng không, mười Lực của Phật tướng mười Lực rỗng không cho đến mười tám pháp Bất cộng tướng mười

tám pháp Bất cộng rỗng không, quả Tu-đà-hoàn tương quả Tư-đà-hàm rỗng không cho đến Nhất thiết trí, tướng của Nhất thiết trí rỗng không.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật của các Đại Bồ-tát là Ma-ha ba-la-mật. Vì sao?

Dầu tất cả pháp, tự tánh là rỗng không, nhưng các Đại Bồ-tát nhờ Bát-nhã ba-la-mật mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có pháp được chuyển pháp luân, cũng không có pháp lưu chuyển, cũng không có pháp hoàn diệt.

Trong Bát-nhã ba-la-mật này cũng không có pháp thấy được.

Vì sao? Vì pháp này không có được hoặc lưu chuyển hoặc hoàn diệt, vì tất cả pháp rốt ráo chẳng sinh.

Vì sao? Vì tướng không này, tướng vô tướng này, tướng vô tác này chẳng phải lưu chuyển, chẳng phải hoàn diệt.

Nếu giải thích Bát-nhã ba-la-mật được như vậy, có khả năng giảng dạy, khai thị, phân biệt rành rẽ, giải thích cặn kẽ, thì gọi là thanh tịnh giải thích Bát-nhã ba-la-mật. Cũng không có người nói, cũng không có người nghe, cũng không có người chứng.

Nếu không nói, không nghe, không chứng, thì cũng không diệt mất.

Trong nói pháp này, cũng không có ruộng phước quyết định.

M

Phẩm 44: KHEN NGỢI CÙNG KHẮP

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Ba-la-mật vô biên là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì như hư không vô biên.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật bình đẳng là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì các pháp bình đẳng.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật xa lìa là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì rốt ráo rỗng không.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật bất hoại là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tất cả pháp không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật không bờ kia là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì không danh, không thân.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật không đại chủng là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì thở ra, thở vào không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật không thể nói là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì giác quán không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật vô danh là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì thọ, tưởng, hành, thức không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật không đi là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tất cả pháp không đến.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật không di chuyển là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tất cả pháp không thể nép phục được.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật tận là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tất cả pháp rốt ráo cùng tận.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật bất sinh là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tất cả pháp bất diệt.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật bất diệt là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tất cả pháp bất sinh.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật vô tác là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tác giả không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật vô tri là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì người biết không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật bất đáo là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì sinh tử không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật không mất là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tất cả pháp chẳng mất.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật mộng là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì cho đến những việc thấy trong mộng đều không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật tiếng vang là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì người nghe tiếng không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật hình bóng là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì hình bóng trong gương không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật sóng nắng là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì dòng nước ấy không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật huyễn là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì ảo thuật không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật không nhớ là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì các phiền não không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật không sạch là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì các phiền não luống dối.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật không ô trược là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì nơi chốn không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật bất hý luận là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tất cả hý luận bị phá hoại.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật bất niệm là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tất cả niệm bị phá hoại.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật bất động là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì pháp tánh thường trụ.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật không nhiễm là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì biết tất cả pháp vọng giải.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật bất khởi là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tất cả pháp vô phân biệt.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật tịch diệt là Bát-nhã ba-la-mật.

Đức Phật bảo:

– Vì tất cả pháp tướng không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật vô dục là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì dục không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật vô sân là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì sân nhuế không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật vô si là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì vô minh đen tối dứt diệt.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật vô phiền não là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì phân biệt ức tướng là luống dối.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật vô chúng sinh là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì chúng sinh không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật vô đoạn là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì các pháp chẳng sinh khởi.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật không hai bên là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì không hai bên.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật bất phá là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tất cả pháp chẳng lìa nhau.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật bất thủ là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì vượt hơn các Thanh văn, Bích-chi-phật.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật bất phân biệt là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì các vọng tưởng không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật vô lượng là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì các pháp hạn lượng không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật hư không là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tất cả pháp không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật vô thường là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tất cả pháp phá hoại.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật khổ là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tất cả pháp là tướng khổ não.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật vô ngã là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tất cả pháp chẳng chấp.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật không là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tất cả pháp không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật vô tướng là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tất cả pháp chẳng sinh.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật nội không là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì nội pháp không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật ngoại không là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì ngoại pháp không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật nội ngoại không là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì nội ngoại pháp không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật không không là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì pháp không không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật đại không là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tất cả pháp không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật đệ nhất nghĩa không là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì Niết-bàn không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật hữu vi không là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì pháp hữu vi không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật vô vi không là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì pháp vô vi không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật rốt ráo không là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì các pháp rốt ráo không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật vô thủ không là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì các pháp vô thủ không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật tán không là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tán pháp không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật tánh không là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì hữu vi vô vi tánh không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật các pháp không là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tất cả pháp không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật vô sở đắc không là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật tự tướng không là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì các pháp, tự tướng là xa lìa.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật vô pháp không là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì vô pháp không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật hữu pháp không là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì hữu pháp không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật Vô pháp hữu pháp không là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì vô pháp hữu pháp đều không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật Niệm xứ là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì thân, thọ, tâm và pháp không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật Chánh cần là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì pháp thiện và pháp bất thiện không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật Như ý túc là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì bốn Như ý túc không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật Căn là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì năm Căn không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật Lực là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì năm Lực không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật Giác là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì bảy Giác phần không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật Đạo là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tám phần Thánh đạo không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật Vô tác là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì vô tác không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật Không là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tướng không không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật Vô tướng là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tướng vắng lặng không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật Bội là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tám Bội xả không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật Định là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì chín Định thứ đệ không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bồ thí ba-la-mật là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì xan tham không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật Thi-la là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì phá giới không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật Sần-đê là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì nhẫn và chẳng nhẫn đều không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật Tỳ-lê-da là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì biếng nhác và tinh tấn đều không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật Thiên-na là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì định và loạn đều không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật Bát-nhã là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì ngu si và trí tuệ đều không thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật mười Lực là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tất cả pháp chẳng thể khuất phục.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật bốn Vô sở úy là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì Đạo chủng trí chẳng mất.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật Vô ngại trí là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tất cả pháp vô chương, vô ngại.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật Phật pháp là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì vượt hơn tất cả pháp.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật Như thật thuyết là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì lời nói đều như thật.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật Tự nhiên là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì tự tại đối với tất cả pháp.

Tu-bồ-đề thưa:

– Ba-la-mật Phật là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo:

– Vì biết Nhất thiết chủng trí.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 13

Phẩm 45: NGHE ĐƯỢC THỌ TRÌ

Lúc đó, trời Đế Thích suy nghĩ: “Nếu tai của thiện nam, thiện nữ được nghe Bát-nhã ba-la-mật thì người này đã ở chỗ Phật đời trước tu tạo các công đức, đã gần gũi Thiệu tri thức. Huống chi người thọ trì, gần gũi, đọc tụng, nhớ nghĩ, đúng như lời dạy mà tu hành Bát-nhã ba-la-mật này, phải biết thiện nam, thiện nữ này đã gần gũi nhiều Đức Phật. Người được nghe, thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ, tu hành đúng như lời dạy, có khả năng hỏi, có khả năng đáp Bát-nhã ba-la-mật này, phải biết người này đời trước đã nhiều đời cúng dường, gần gũi các Đức Phật. Người nghe Bát-nhã ba-la-mật này mà chẳng kính sợ, phải biết người này cũng đã từ vô lượng ức kiếp thực hành Bồ thí ba-la-mật, Thi ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật.”

Tôn giả Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Có thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này mà chẳng kính sợ. Nghe rồi thọ trì, gần gũi, đúng như lời mà tu tập. Phải biết người này là bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển. Vì sao? Bạch Đức Thế Tôn! Vì Bát-nhã ba-la-mật này rất sâu xa. Nếu là người đời trước thực hành sáu pháp Ba-la-mật chưa lâu, thì nay không thể tin được.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào khinh chê Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, phải biết người ấy đời trước cũng đã từng khinh chê Bát-nhã ba-la-mật sâu xa. Vì sao? Vì lúc nghe nói Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, người ấy không tin ưa, lòng không thanh tịnh. Người ấy đời trước chẳng thưa hỏi các Đức Phật và đệ tử Phật thực hành sáu pháp Ba-la-mật như thế nào, phải tu tập nội không cho đến

vô pháp hữu pháp không như thế nào, phải tu bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo như thế nào, phải tu mười Lực cho đến mười tám pháp Bất cộng như thế nào.

Thiên đế thưa ngài Xá-lợi-phất:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đời trước chẳng có nhiều ngày tu tập sáu pháp Ba-la-mật, cho đến mười tám pháp Bất cộng. Những người này nghe nói Bát-nhã ba-la-mật này không có tâm tin hiểu, thì không có gì đáng làm lạ.

Thưa ngài Xá-lợi-phất! Tôi kính lễ Bát-nhã ba-la-mật, kính lễ Bát-nhã ba-la-mật tức là kính lễ Nhất thiết trí.

Phật dạy:

–Đúng vậy, kính lễ Bát-nhã ba-la-mật tức là kính lễ Nhất thiết trí. Vì sao? Vì Nhất thiết trí của các Đức Phật đều sinh ra từ Bát-nhã ba-la-mật. Nhất thiết trí tức là Bát-nhã ba-la-mật.

Thế nên, này Kiều-thi-ca! Thiện nam, thiện nữ muốn trụ Nhất thiết trí, thì phải trụ vào Bát-nhã ba-la-mật. Muốn sinh ra Đạo chủng trí thì phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Muốn dứt tất cả kết sử và tập khí thì phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Muốn chuyển pháp luân thì phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Thiện nam, thiện nữ nào muốn được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích-chi-phật, thì phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Thiện nam, thiện nữ nào muốn giáo hóa chúng sinh chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả Bích-chi-phật, thì phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Thiện nam, thiện nữ nào muốn giáo hóa chúng sinh cho được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, muốn che chở tất cả Tỳ-kheo Tăng, thì phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Thiên đế thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Lúc muốn thực hành Bát-nhã ba-la-mật, thế nào gọi là Đại Bồ-tát trụ Bát-nhã ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Bố thí ba-la-mật? Thế nào trụ trong nội không cho đến vô pháp hữu pháp không? Thế nào là trụ bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định

vô sắc, năm thần thông? Thế nào là trụ bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo? Thế nào là trụ mười Lực đến pháp Bất cộng?

Thế nào là Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật cho đến Bồ thí ba-la-mật, thế nào là thực hành nội không cho đến mười tám pháp Bất cộng?

Phật bảo:

–Lành thay, lành thay! Này Kiều-thi-ca! Ông hỏi được những điều như vậy, đó là do thần lực của Phật cả.

Này Kiều-thi-ca! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát nếu không trụ trong sắc, không trụ trong thọ, tưởng, hành, thức, không trụ trong nhãn, nhĩ, cho đến không trụ trong ý thức giới, thì đó là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Nếu Đại Bồ-tát không trụ trong Bát-nhã ba-la-mật thì đó là thực hành Bát-nhã ba-la-mật; không trụ trong Thiền định ba-la-mật thì đó là thực hành Thiền định ba-la-mật; không trụ trong Tinh tấn ba-la-mật thì đó là thực hành Tinh tấn ba-la-mật; không trụ trong Nhẫn nhục ba-la-mật thì đó là thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật; chẳng trụ trong Trì giới ba-la-mật thì đó là thực hành Trì giới ba-la-mật; không trụ trong Bồ thí ba-la-mật thì đó là thực hành Bồ thí ba-la-mật.

Đó gọi là Đại Bồ-tát không trụ trong Bát-nhã ba-la-mật thì là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Này Kiều-thi-ca! Chẳng trụ trong nội không thì đó là thực hành nội không, cho đến không trụ trong vô pháp hữu pháp không thì đó là thực hành vô pháp hữu pháp không.

Chẳng trụ trong bốn Thiền thì đó là thực hành bốn Thiền.

Chẳng trụ trong bốn Tâm vô lượng thì đó là thực hành bốn Tâm vô lượng.

Chẳng trụ trong bốn Định vô sắc thì đó là thực hành bốn Định vô sắc.

Chẳng trụ trong năm Thần thông thì đó là thực hành năm Thần thông.

Chẳng trụ trong bốn Niệm xứ thì đó là thực hành bốn Niệm xứ.

Cho đến chẳng trụ trong tám Thánh đạo thì đó là thực hành tám Thánh đạo.

Chẳng trụ trong mười Lực thì đó là thực hành mười Lực. Cho đến chẳng trụ trong mười tám pháp Bất cộng thì đó là tập hành mười tám pháp Bất cộng. Vì sao?

Này Kiều-thi-ca! Đại Bồ-tát này đối với sắc, chẳng được chỗ trụ, chẳng được chỗ thực hành, cho đến đối với mười tám pháp Bất cộng, chẳng được chỗ trụ, chẳng được chỗ thực hành.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Đại Bồ-tát chẳng thực hành sắc cho đến chẳng tập hành pháp Bất cộng, đó gọi là thực hành sắc cho đến thực hành mười tám pháp Bất cộng. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này, đối với sắc, chẳng trước, không thật có, chẳng giữa, không thật có, chẳng sau, không thật có, cho đến pháp Bất cộng cũng giống như vậy.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật này rất sâu xa!

Phật bảo:

– Vì sắc như rất sâu xa, cho đến vì pháp Bất cộng như rất sâu xa nên Bát-nhã ba-la-mật rất sâu xa.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bát-nhã ba-la-mật khó đo lường được!

Phật bảo:

– Vì sắc khó đo lường được, cho đến pháp Bất cộng khó đo lường được nên Bát-nhã ba-la-mật khó đo lường được.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bát-nhã ba-la-mật này là vô lượng!

Phật bảo:

– Vì sắc vô lượng, cho đến pháp Bất cộng vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật vô lượng. Này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nếu Đại Bồ-tát chẳng hành sắc sâu xa thì đó là hành Bát-nhã ba-la-mật, chẳng hành sắc khó đo lường thì là hành Bát-nhã ba-la-mật, chẳng hành sắc vô lượng thì đó là hành Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì tướng sâu xa của sắc là chẳng phải sắc, cho đến tướng

thậm thâm của pháp Bất cộng là chẳng phải pháp Bất cộng. Vì tướng khó đo lường của sắc là chẳng phải sắc, cho đến tướng khó đo lường của pháp Bất cộng là chẳng phải pháp Bất cộng. Vì tướng vô lượng của sắc là chẳng phải sắc, cho đến tướng vô lượng của pháp Bất cộng là chẳng phải pháp Bất cộng. Chẳng thực hành như vậy là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật này rất sâu xa. Tướng rất sâu, khó thấy, khó hiểu, chẳng nghĩ lường được. Chẳng nên nói cho Bồ-tát mới phát tâm nghe. Vì sao? Vì Bồ-tát mới phát tâm nghe Bát-nhã ba-la-mật rất sâu xa, hoặc sẽ kinh sợ rồi sinh tâm nghi hối mà chẳng tin, chẳng tu hành.

Bát-nhã ba-la-mật rất sâu xa này nên nói với bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển. Nghe Bát-nhã ba-la-mật rất sâu xa, bậc Đại Bồ-tát này chẳng kinh sợ, chẳng sinh tâm nghi hối, sẽ kính tin và thực hành.

Thiên đế hỏi Xá-lợi-phất:

– Nếu đối với các Bồ-tát mới phát tâm mà nói Bát-nhã ba-la-mật rất sâu, thì sẽ có lỗi thế nào?

Xá-lợi-phất nói:

– Nay Kiều-thi-ca! Nghe Bát-nhã ba-la-mật rất sâu này, các Bồ-tát mới phát tâm có thể sẽ kinh sợ, hủy báng chẳng tin; hủy báng chẳng tin Bát-nhã ba-la-mật rất sâu này thì sẽ gieo nghiệp nhân ba đường ác. Do nghiệp nhân này nên khó được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thiên đế hỏi:

– Có Bồ-tát được thọ ký nào nghe Bát-nhã ba-la-mật rất sâu này mà chẳng kinh sợ chẳng?

Xá-lợi-phất nói:

– Nay Kiều-thi-ca! Nếu có Bồ-tát nào nghe Bát-nhã ba-la-mật rất sâu xa này mà chẳng kinh sợ thì phải biết đó là Bồ-tát chẳng bao lâu sẽ được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng quá một hai Đức Phật.

Phật dạy:

–Đúng vậy, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát đó từ lâu đã phát tâm thực hành sáu pháp Ba-la-mật, đã cúng dường nhiều Đức Phật, nghe Bát-nhã ba-la-mật rất sâu xa này, chẳng kinh sợ, nghe rồi thọ trì, tu hành đúng như lời dạy trong Bát-nhã ba-la-mật.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Con muốn nói thí dụ.

Như thiện nam, thiện nữ nào cầu đạo Bồ-tát, trong chiêm bao thấy mình tu hành Bát-nhã ba-la-mật, nhập thiền định, siêng năng tinh tấn, đầy đủ nhẫn nhục, giữ gìn giới cấm, thực hành bố thí, tu tập nội không, ngoại không cho đến ngồi đạo tràng. Phải biết thiện nam, thiện nữ này gần đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Huống chi là bậc Đại Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lúc thức thì chân thật tu hành Bát-nhã ba-la-mật, lúc nhập thiền định thì siêng năng tinh tấn, đầy đủ nhẫn nhục, giữ gìn giới cấm, thực hành bố thí mà lại chẳng mau thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ngồi đạo tràng ư?

Bạch Đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ thành tựu thiện căn nên được nghe Bát-nhã ba-la-mật liền thọ trì và tu hành đúng như lời dạy.

Phải biết người này là bậc Đại Bồ-tát, đã phát tâm từ lâu, gieo trồng căn lành, đã cúng dường nhiều Đức Phật, gần gũi Thiện tri thức.

Người này có thể thọ trì cho đến nhớ nghĩ Bát-nhã ba-la-mật. Phải biết đó là người gần được thọ ký đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Phải biết người này như bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Người này chẳng thoái chuyển đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có thể được Bát-nhã ba-la-mật rất sâu. Được rồi có thể thọ trì, đọc tụng cho đến nhớ nghĩ.

Bạch Đức Thế Tôn! Ví như có người đã đi qua trăm do-tuần, hoặc hai trăm, ba trăm, bốn trăm do-tuần đường hiểm trở hoang vắng. Người này trước tiên thấy người chặn súc vật, hoặc thấy ranh giới, hoặc thấy vườn tược, thì biết là đã đến gần thành ấp, xóm làng.

Tâm người này an ổn, chẳng còn sợ thú dữ, độc trùng, giặc cướp, đói khát.

Bạch Đức Thế Tôn! Cũng như vậy. Đại Bồ-tát nếu được Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này mà thọ trì, đọc tụng cho đến ghi nhớ, thì biết là gần được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nên biết Đại Bồ-tát này chẳng còn sợ theo các Thanh văn hay Bích-chi-phật. Vì đã phát hiện những tướng tiên khởi, đó là được nghe thấy, được thọ trì cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đúng vậy, nếu người thích nói thí dụ nữa thì nên nói.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như muốn người thấy biển cả mà đi về hướng biển cả. Đến lúc chẳng còn thấy cây, chẳng còn thấy núi thì biết đã gần đến biển, mặc dầu chưa thấy biển, vì mặt biển bằng phẳng, không cây, không núi.

Cũng vậy, Đại Bồ-tát được nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này rồi thọ trì, đọc tụng cho đến ghi nhớ thì biết là gần được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như đầu xuân, trên các cây lá cũ đã rụng hết thì biết những cây ấy sẽ nảy mầm, trở lá, đơm bông, kết trái. Mọi người thấy tướng lá cũ rụng hết đều sinh tâm vui mừng.

Cũng vậy, Đại Bồ-tát được nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này rồi thọ trì, đọc tụng cho đến ghi nhớ và thực hành đúng như lời. Phải biết Đại Bồ-tát này đã thành tựu thiện căn, cúng dường nhiều Đức Phật. Đại Bồ-tát này nên nghĩ rằng mình nhờ thiện căn hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ở đời trước nên đời này được nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này, rồi thọ trì, đọc tụng cho đến ghi nhớ, thực hành đúng như lời dạy. Các Thiên tử đã từng thấy các Đức Phật đều vui mừng mà nghĩ rằng các Bồ-tát trước cũng có tướng tiên khởi được thọ ký như vậy. Hiện nay, Đại Bồ-tát này chắc sẽ gần được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Đức Thế Tôn! Như người mẹ mang thai, thân thể nặng nhọc, đi đứng bất tiện, ngồi nằm chẳng an, ăn ngủ càng kém, chẳng thích nói cười, chán việc quen trước. Có các người mẹ khác

thấy thế biết bà mẹ này sắp sinh sản.

Cũng như vậy, Đại Bồ-tát gieo thiện căn cứng dướng nhiều Đức Phật, thực hành sáu độ, gần gũi Thiện tri thức, nay thiện căn thành tựu, được nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, thọ trì, đọc tụng, cho đến ghi nhớ, thực hành đúng như lời dạy. Mọi người cũng biết Đại Bồ-tát này sắp được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Lời của Xá-lợi-phất vừa nói đều nhờ vào Phật lực.

Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Hy hữu thay Đức Thế Tôn Vô Thượng Ứng Cúng Đẳng Chánh Giác rất khéo phước thác sự việc cho các Đại Bồ-tát!

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Các Đại Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh giác, an ổn cho đa số chúng sinh, làm cho vô lượng chúng sinh được lợi lạc vì Đại Bồ-tát thương xót hàng trời, người.

Lúc thực hành đạo Bồ-tát, các Bồ-tát này dùng bốn sự kiện để nhiếp độ vô lượng chúng sinh. Đó là: Bố thí, Ái ngữ, Lợi ích, Đồng sự.

Các Bồ-tát này cũng đem mười nghiệp lành để thành tựu chúng sinh. Tự mình tu Sơ thiền cho đến định Phi phi tưởng. Cũng dạy mọi người tu Sơ thiền cho đến Phi phi tưởng định. Tự mình thực hành Bố thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, cũng dạy mọi người thực hành Bố thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật.

Các Bồ-tát này được Bát-nhã ba-la-mật, dùng năng lực phương tiện dạy cho chúng sinh được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán mà tự mình chẳng chứng quả ấy, cũng dạy cho chúng sinh được quả Bích-chi-phật mà tự mình chẳng chứng quả.

Các Bồ-tát này tự tu sáu pháp Ba-la-mật, cũng dạy cho vô lượng Bồ-tát khác tu sáu pháp Ba-la-mật, tự trụ bậc không thoái, cũng dạy người khác trụ vào địa vị không lui sụt, tự tịnh cõi Phật, cũng dạy người khác thanh tịnh cõi Phật, tự thành tựu chúng sinh, cũng dạy người khác thành tựu chúng sinh, tự được thần thông, tự

được môn Đà-la-ni, cũng dạy người khác được Đà-la-ni, tự đầy đủ biện tài vô ngại, cũng dạy người khác đủ biện tài vô ngại, tự thọ sắc thân trọn vẹn ba mươi hai tướng, cũng dạy người khác thành tựu sắc thân ba mươi hai tướng, tự thành tựu bậc đồng chân, cũng dạy người khác thành tựu bậc đồng chân. Tự thành tựu mười Trí lực, cũng dạy người khác thành tựu mười Trí lực, tự thực hành bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, cũng dạy người khác thực hành bốn Vô úy, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, tự được Nhất thiết chủng trí, cũng dạy người khác được Nhất thiết chủng trí, tự xa lìa tất cả kết sử và tập khí, cũng dạy người khác rời lìa tất cả kết sử và tập khí, tự chuyển pháp luân, cũng dạy người khác chuyển pháp luân.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Hy hữu thay, Đức Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát thành tựu công đức lớn, vì tất cả chúng sinh mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là các Đại Bồ-tát tu hành Bát-nhã ba-la-mật-đầy đủ?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu lúc tu hành Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát chẳng thấy tướng thêm cũng chẳng thấy tướng bớt của sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến của Nhất thiết chủng trí, đó là lúc Bồ-tát đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát chẳng thấy pháp, phi pháp, cũng chẳng thấy pháp quá khứ, pháp vị lai, pháp hiện tại, pháp lành, pháp ác, pháp vô ký, pháp hữu vi, pháp vô vi, cũng chẳng thấy cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, cũng chẳng thấy Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật, cho đến chẳng thấy Nhất thiết chủng trí. Đó là Bồ-tát tu hành đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì các pháp đều không có tướng, các pháp là không, là luống dối, là chẳng bền chắc, không có giác biết, không có thọ mạng.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Lời dạy của Đức Thế Tôn quả thật chẳng thể suy nghĩ bàn luận.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Vì sắc chẳng thể suy nghĩ bàn luận nên lời Phật nói chẳng thể suy nghĩ bàn luận. Vì thọ, tưởng, hành, thức cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng thể suy nghĩ bàn luận nên lời Phật nói chẳng thể suy nghĩ bàn luận.

Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nếu Đại Bồ-tát biết sắc chẳng thể suy nghĩ bàn luận, biết thọ, tưởng, hành, thức, cho đến Nhất thiết chủng trí là chẳng thể suy nghĩ bàn luận thì Bồ-tát này chẳng đầy đủ được Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này ai là người sẽ tìm hiểu?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Nếu có Đại Bồ-tát nào từ lâu đã thực hành sáu pháp Ba-la-mật, gieo căn lành, cúng dường nhiều Đức Phật, gần gũi Thiện tri thức thì Bồ-tát này tin hiểu được Bát-nhã ba-la-mật sâu xa.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát tu hành sáu pháp Ba-la-mật, gieo căn lành, cúng dường nhiều Đức Phật, gần gũi Thiện tri thức?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Nếu Đại Bồ-tát chẳng phân biệt sắc, chẳng phân biệt tướng sắc, chẳng phân biệt tánh sắc, cho đến chẳng phân biệt Nhất thiết chủng trí, chẳng phân biệt tướng của Nhất thiết chủng trí, chẳng phân biệt tánh của Nhất thiết chủng trí.

Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì sắc chẳng thể nghĩ bàn cho đến vì Nhất thiết chủng trí chẳng thể nghĩ bàn.

Thế nên, Đại Bồ-tát trên đây được gọi là tu hành sáu pháp Ba-la-mật từ lâu, gieo căn lành, cúng dường nhiều Đức Phật, thường gần gũi Thiện tri thức.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sắc rất sâu xa nên Bát-nhã ba-la-mật rất sâu xa. Vì thọ, tưởng, hành, thức, cho đến Nhất thiết chủng trí rất sâu xa nên Bát-nhã ba-la-mật rất sâu xa.

Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật này là kho châu báu, vì nơi đó có báu Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì nơi đó có báu bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, năm Thần thông, bốn Niệm xứ cho đến tám Chánh đạo, mười Trí lực, bốn Vô úy, bốn Vô ngại trí, đại Từ, đại Bi, mười tám pháp Bất cộng và Nhất thiết chủng trí.

Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật này là kho thanh tịnh. Vì sắc thanh tịnh nên Bát-nhã ba-la-mật là kho thanh tịnh. Vì thọ, tưởng, hành, thức cho đến Nhất thiết chủng trí thanh tịnh nên Bát-nhã ba-la-mật là kho thanh tịnh.

Bạch Đức Thế Tôn, rất lạ thay! Lúc nói Bát-nhã ba-la-mật này có nhiều sự chướng ngại.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật rất sâu xa này có nhiều sự chướng ngại. Vì lẽ ấy nên lúc thiện nam, thiện nữ nào muốn biên chép Bát-nhã ba-la-mật này thì nên mau biên chép. Lúc muốn đọc tụng, tư duy, giảng nói, nhớ nghĩ, tu hành thì nên mau tu hành. Vì sao? Vì lúc biên chép, đọc tụng cho đến tu hành Bát-nhã ba-la-mật rất sâu này chẳng muốn có các chướng ngại phát khởi.

Thiện nam, thiện nữ nào nếu có thể một tháng, hai tháng, ba tháng hoặc cho đến một năm biên chép xong thì nên siêng năng biên chép cho xong. Nếu đọc tụng cho đến tu hành trong một tháng hoặc một năm được thành tựu thì nên siêng năng làm cho thành tựu, vì kho châu báu này có nhiều trở ngại phát khởi.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Trong Bát-nhã ba-la-mật rất sâu xa này ác ma ưa gây trở ngại, chẳng cho biên chép, đọc tụng, tư duy, giảng nói, ghi nhớ, tu hành.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Dầu ác ma muốn gây chướng ngại cho Bát-nhã ba-la-mật rất

sâu xa này, chẳng cho biên chép, cho đến tu hành, nhưng ác ma cũng chẳng phá hoại được sự biên chép, cho đến tu hành Bát-nhã ba-la-mật của các Đại Bồ-tát này.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Do năng lực nào làm cho ác ma chẳng gây chướng ngại được các Đại Bồ-tát biên chép, cho đến tu hành Bát-nhã ba-la-mật rất sâu xa này?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

– Đó là do Phật lực làm cho ác ma chẳng chướng ngại được các Đại Bồ-tát biên chép cho đến tu hành Bát-nhã ba-la-mật rất sâu xa này.

Này Xá-lợi-phất! Cũng do thần lực của các Đức Phật hiện tại các cõi nước ở mười phương che chở cho Đại Bồ-tát này nên ác ma chẳng chướng ngại được.

Này Xá-lợi-phất! Thiện nam, thiện nữ đó phải nghĩ rằng mình biên chép, cho đến tu hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này đều do thần lực của các Đức Phật mười phương.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào biên chép cho đến tu hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này đều do thần lực của các Đức Phật nên biết rằng những người này được các Đức Phật che chở.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

– Đúng vậy, này Xá-lợi-phất! Vì biên chép cho đến tu hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này đều do Phật lực nên biết rằng cũng được các Phật che chở.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Hiện tại vô lượng, vô biên vô số các Phật ở mười phương đều biết, đều thấy lúc thiện nam, thiện nữ biên chép cho đến tu hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này phải chăng?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

– Đúng vậy, này Xá-lợi-phất! Hiện tại vô lượng, vô biên, vô số các Đức Phật ở mười phương đều biết, đều thấy lúc thiện nam, thiện

nữ biên chép cho đến tu hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này.

Này Xá-lợi-phất! Ở đây, thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ-tát mà biên chép cho đến tu hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này, thì nên biết rằng những người ấy đã đến gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Xá-lợi-phất! Thiện nam, thiện nữ biên chép cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này thì những người này đối với Bát-nhã ba-la-mật sâu xa có sự tin hiểu sâu chắc, lại cũng cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi. Các Phật đều biết, đều thấy thiện nam, thiện nữ này.

Do công đức cúng dường mà thiện nam, thiện nữ này sẽ được lợi ích lớn, sẽ được quả báo lớn.

Này Xá-lợi-phất! Do công đức cúng dường này mà thiện nam, thiện nữ ấy chẳng bao giờ rơi vào đường ác, không bao giờ xa lìa các Phật cho đến khi bước lên địa vị không lui sụt.

Này Xá-lợi-phất! Do nhân duyên căn lành này mà thiện nam, thiện nữ ấy mãi đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng bao giờ xa lìa sáu pháp Ba-la-mật, chẳng xa lìa nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, chẳng xa lìa bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo, chẳng xa lìa mười Trí lực cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Xá-lợi-phất! Sau khi Phật nhập diệt, Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này sẽ đến cõi nước phương Nam. Nơi đó, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di sẽ biên chép, sẽ thọ trì, đọc tụng, tư duy, giảng nói, ghi nhớ, tu hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này.

Do nhân duyên căn lành này mà bốn chúng ấy chẳng còn rơi vào đường ác, được hưởng phước vui cõi trời, cõi người, thêm lớn sáu pháp Ba-la-mật, cúng dường, cung kính, ngợi khen các Đức Phật, lần lần đắc quả Thanh văn, Bích-chi-phật và Phật thừa.

Này Xá-lợi-phất! Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này sẽ từ phương Nam truyền đến phương Tây, từ phương Tây sẽ truyền đến phương Bắc, hàng bốn chúng ở các cõi nước ấy sẽ biên chép, thọ trì, đọc tụng, tư duy, giảng nói, ghi nhớ, tu hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này. Do nhân duyên căn lành ấy mà họ chẳng còn rơi vào đường ác,

hưởng phước vui cõi trời, cõi người, thêm lớn sáu pháp Ba-la-mật, cúng dường, cung kính, ngợi khen các Đức Phật, lần lần đắc quả Thanh văn, Bích-chi-phật và Phật thừa.

Này Xá-lợi-phất! Bây giờ ở phương Bắc, Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này sẽ làm Phật sự ở đó.

Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Vào thời kỳ chánh pháp của ta thanh hành không có tướng hoại diệt. Này Xá-lợi-phất! Ta đã nhớ các thiện nam, thiện nữ thọ trì cho đến tu hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này. Các thiện nam, thiện nữ ấy có thể biên chép, cung kính, cúng dường, khen ngợi Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này.

Các thiện nam, thiện nữ ấy do nhân duyên căn lành trên mà chẳng còn rơi vào đường ác, được hưởng phước vui cõi trời, cõi người, thêm lớn sáu pháp Ba-la-mật, cúng dường, cung kính, ngợi khen các Đức Phật, lần lần đắc quả Thanh văn, Bích-chi-phật và Phật thừa.

Này Xá-lợi-phất! Ta dùng Phật nhãn thấy các người ấy, ta cũng ngợi khen các người ấy. Vô lượng, vô biên vô số các Đức Phật ở mười phương cũng thấy, cũng ngợi khen các người ấy.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này về sau sẽ thanh hành ở phương Bắc phải chăng?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

– Đúng vậy, Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này về sau sẽ thanh hành ở phương Bắc.

Này Xá-lợi-phất! Sau này ở phương Bắc, nếu thiện nam, thiện nữ nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này mà biên chép, thọ trì, đọc tụng, tư duy, giảng nói, ghi nhớ, tu hành như lời dạy, phải biết các người ấy từ lâu đã phát tâm Đại thừa, đã cúng dường nhiều các Đức Phật, gieo trồng căn lành, thường gần gũi Thiện tri thức.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Sau này ở phương Bắc có bao nhiêu thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo mà biên chép cho đến tu hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Sau này ở phương Bắc có nhiều thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo nhưng có ít người nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này mà không kinh sợ. Vì sao? Vì các người này gần gũi cúng dường nhiều Đức Phật, nhiều học hỏi các Đức Phật. Các người này đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, đầy đủ bốn Niệm xứ, đầy đủ mười tám pháp Bát cộng.

Này Xá-lợi-phất! Các người này nhờ căn lành thuần thực, vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà có thể đem lợi ích nhiều cho chúng sinh. Nay ta cũng như các Phật quá khứ vì thiện nam, thiện nữ này mà nói pháp Nhất thiết chủng trí. Do nhân duyên này nên đời sau các người ấy tiếp nối được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, rồi cũng vì người khác mà nói pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Các thiện nam, thiện nữ ấy đều nhất tâm hòa hợp. Ma và dân ma còn không phá hoại được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của họ, huống chi là những kẻ ác chê bai người thực hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này mà phá hoại được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của họ.

Này Xá-lợi-phất! Các thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ-tát, nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này thì được pháp hỷ lớn, được pháp lạc lớn, cũng gây dựng nhiều người ở nơi căn lành để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Các thiện nam, thiện nữ này đời quá khứ ở trước chư Phật tuyên thệ nguyện rằng lúc tôi thực hành đạo Bồ-tát sẽ độ vô số chúng sinh phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dạy bảo cho họ được lợi ích vui mừng cho đến thọ ký được không lui sụt. Chư Phật quá khứ cũng biết rõ tâm họ mà tùy hỷ.

Này Xá-lợi-phất! Các thiện nam, thiện nữ ấy tâm nguyện của họ rộng lớn nên sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp của họ thọ hưởng cũng rộng lớn, họ cũng có thể bố thí lớn, gieo căn lành lớn. Họ gieo căn lành lớn nên được quả báo rộng lớn. Vì để giúp đỡ chúng sinh nên họ dùng quả báo lớn, ở giữa chúng sinh cho đến xả thí những vật sở hữu trong thân, ngoài thân. Do nhân duyên căn lành này họ phải

nguyện muốn sinh về cõi nước phương khác, nơi mà các Đức Phật hiện đương nói Bát-nhã ba-la-mật sâu xa. Đời trước các Phật nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa rồi, họ cũng chỉ dạy lợi ích vui mừng cho trăm ngàn muôn ức chúng sinh nơi đó, đều khiến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Đức Phật đối với các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại không pháp nào chẳng biết, không pháp như nào mà Phật chẳng biết, tất cả hạnh nghiệp của chúng sinh không việc nào mà Phật chẳng biết. Nay Đức Phật biết rõ các Phật và Bồ-tát, Thanh văn quá khứ. Đức Phật cũng biết rõ các Phật và Bồ-tát, Thanh văn ở hiện tại, biết rõ các Phật và Bồ-tát, Thanh văn đời vị lai.

Bạch Đức Thế Tôn! Đời vị lai các thiện nam, thiện nữ siêng cầu sáu pháp Ba-la-mật để thọ trì, đọc tụng cho đến tu hành có được hay không?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

– Nếu thiện nam, thiện nữ nhất tâm tinh tấn siêng cầu sẽ được các kinh đúng sáu pháp Ba-la-mật sâu xa.

Xá-lợi-phất thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ siêng năng thực hành như vậy có được bộ kinh tương ứng với sáu pháp Ba-la-mật sâu xa hay không?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

– Các thiện nam, thiện nữ ấy được bộ kinh tương ứng với sáu pháp Ba-la-mật sâu xa này. Vì sao? Các thiện nam, thiện nữ ấy vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà nói pháp lợi ích an vui cho chúng sinh an trụ sáu pháp Ba-la-mật. Do đó nên các thiện nam, thiện nữ chuyển sinh đời sau để được kinh tương ứng với sáu pháp Ba-la-mật sâu xa. Khi được rồi họ tu hành đúng như sáu pháp Ba-la-mật-đã nói. Họ tinh tấn chẳng nghỉ cho đến thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

M

Phẩm 46: VIỆC MA

Bấy giờ, Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Đức Phật đã ngợi khen, đã nói công đức của các thiện nam, thiện nữ phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi nước Phật.

Bạch Đức Thế Tôn! Các thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, có những trở ngại gì?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Biện tài thuyết giảng chẳng phát sinh ngay, phải biết đây là việc ma của Bồ-tát. Vì sao? Vì có Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật khó đầy đủ được sáu pháp Ba-la-mật, thế nên tài thuyết giảng chẳng phát sinh ngay, đó là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Biện tài thuyết giảng phát khởi gấp cũng là việc ma của Bồ-tát.

Vì sao? Vì Đại Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật ưa thích nói pháp. Thế nên biện tài thuyết giảng phát khởi gấp cũng là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc biên chép kinh Bát-nhã ba-la-mật mà khinh lờn ngạo mạn, phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc biên chép kinh này mà cười đùa loạn tâm, phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc biên chép kinh này mà khinh cười, chẳng cung kính, phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc biên chép kinh này nếu tâm tán loạn bất định, phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc biên chép kinh này nếu mọi người chẳng hòa hợp, phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Thiện nam, thiện nữ nào nghĩ rằng ta không được ý vị hay trong kinh, bèn bỏ đi, phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thọ trì, đọc tụng, giảng nói, ghi

nhớ mà khinh lờn, ngạo mạn, phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thọ trì kinh này, lúc gần gũi, ghi nhớ, nếu cùng nhau ra dấu cười cợt, phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thọ trì cho đến tu hành kinh này nếu khinh miệt lẫn nhau, phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thọ trì cho đến ghi nhớ kinh này nếu tâm tán loạn, phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thọ trì cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật mà tâm chẳng hòa hợp, phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Như Đức Phật dạy rằng thiện nam, thiện nữ tự nghĩ ta không được ý vị hay trong kinh, bèn bỏ đi.

Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát chẳng được ý vị hay trong kinh bèn bỏ đi?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Bồ-tát này đời trước chẳng dày công thực hành sáu pháp Ba-la-mật, nên nghe nói Bát-nhã ba-la-mật liền nghĩ rằng ta chẳng ghi nhận Bát-nhã ba-la-mật, ta chẳng thanh tịnh, bèn đứng dậy bỏ đi.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao Phật chẳng thọ ký cho người nghe Bát-nhã ba-la-mật đứng dậy bỏ đi?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Nếu Bồ-tát chưa vào trong pháp vị thì chư Phật chẳng thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu lúc nghe nói Bát-nhã ba-la-mật mà nghĩ rằng trong đây không có nói đến tên tôi, do đó mà tâm chẳng thanh tịnh, phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề thưa:

– Vì sao trong Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này chẳng nói tên của Bồ-tát ấy?

Đức Phật nói:

–Các Đức Phật chẳng nói tên Bồ-tát chưa được thọ ký.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc nghe Bát-nhã ba-la-mật mà nghĩ rằng trong đây không nói đến nơi sinh của tôi, người này không muốn nghe bèn đứng dậy rời pháp hội bỏ đi. Lúc người này đứng dậy, cứ mỗi niệm phải một kiếp tinh tấn cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trở lại.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bỏ Bát-nhã ba-la-mật mà học các kinh khác, Bồ-tát này không thể nào đến được Nhất thiết chủng trí, đây là bỏ gốc mà níu nhánh lá, phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Các kinh nào mà thiện nam, thiện nữ học theo chẳng thể nào đến được Nhất thiết chủng trí?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đó là các kinh hàng Thanh văn thực hành. Như là bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám Thánh đạo, các môn không, vô tướng, vô tác, giải thoát. Các thiện nam, thiện nữ trụ trong các pháp trên đây được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả, A-na-hàm, quả A-la-hán, đây là chỗ của hàng Thanh văn đi, không thể đến được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bồ-đề! Từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra các Đại Bồ-tát, thành tựu pháp thế gian và xuất thế gian. Lúc học Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát cũng học pháp thế gian và xuất thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Ví như con chó chẳng theo chủ nhà để đòi ăn mà theo gã phục vụ. Cũng vậy, đời sau có thiện nam, thiện nữ bỏ Bát-nhã ba-la-mật sâu xa cội gốc, lại chấp theo kinh pháp nhánh lá là sở hành của Thanh văn, Bích-chi-phật, phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như có người muốn thấy voi, được voi rồi lại nhìn dấu chân voi, theo ý ông thì kẻ đó có khôn khéo chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn! Người ấy chẳng khôn khéo.

–Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo được Bát-nhã ba-la-mật sâu xa lại bỏ đi, cầu lấy kinh pháp sở hành của Thanh văn, Bích-chi-phật, phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Như có người muốn thấy biển lớn trở lại tìm nước đọng ở dấu chân trâu mà nghĩ rằng nước biển lớn có bằng nước dấu chân trâu chẳng? Ý ông nghĩ sao? Người ấy có khôn khéo chẳng?

– Bạch Đức Thế Tôn! Người ấy chẳng khôn khéo.

– Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Đời sau có thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, được Bát-nhã ba-la-mật sâu xa lại bỏ đi, cầu lấy kinh pháp sở hành của Thanh văn, Bích-chi-phật, phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Như chàng họa sĩ, định vẽ cung điện huy hoàng của Thiên đế mà lại vẽ cung điện nhật nguyệt. Ý ông nghĩ sao? Người họa sĩ này có khôn khéo chẳng?

– Bạch Đức Thế Tôn! Người họa sĩ này chẳng khôn khéo.

– Này Tu-bồ-đề! Cũng vậy, đời sau có thiện nam, thiện nữ phước đức mỏng cầu Phật đạo, được Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này lại bỏ đi, cầu lấy kinh sở hành của hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như có người muốn thấy Chuyển luân thánh vương, được gặp mà chẳng biết, về sau thấy các Tiểu quốc vương cho rằng không khác gì Chuyển luân thánh vương. Ý ông nghĩ sao? Người này có khôn khéo chẳng?

– Bạch Đức Thế Tôn! Người này chẳng khôn khéo.

– Này Tu-bồ-đề! Cũng như vậy, đời sau có thiện nam, thiện nữ phước đức mỏng cầu Phật đạo, được Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này lại bỏ đi, cầu lấy kinh tu hành của hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như có người đang đói, bỏ cơm nóng ngon, lại ăn cơm thiêu lâu ngày. Ý ông nghĩ sao? Người đói này có khôn ngoan chẳng?

– Bạch Đức Thế Tôn! Người đói này chẳng khôn ngoan tí nào.

– Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Đời sau có thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, được nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này lại bỏ đi, lấy kinh tu hành của hàng Thanh văn, Bích-chi-phật để cầu được Nhất thiết

chúng trí, phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như người được châu ma-ni vô giá, lại đem sánh với châu thủy tinh. Ý ông nghĩ sao? Người này có khôn ngoan chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn! Người này chẳng khôn ngoan.

– Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Đời sau có thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, được nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này lại bỏ đi, lấy các kinh sở hành của Thanh văn, Bích-chi-phật để cầu được Nhất thiết chủng trí, phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Các thiện nam, thiện nữ ấy lúc biên chép Bát-nhã ba-la-mật này ưa nói những việc chẳng đúng pháp, biên chép Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này chẳng thành. Thế nào là ưa nói những việc chẳng đúng pháp? Đó là ưa nói sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Ưa nói trì giới, các thiền, các định, ưa nói sáu pháp Ba-la-mật, ưa nói bốn Niệm xứ cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì trong Bát-nhã ba-la-mật này không có tướng ưa nói.

Này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật là tướng chẳng thể nghĩ bàn, là tướng bất sinh, bất diệt, bất cấu, bất loạn, bất tán. Bát-nhã ba-la-mật là tướng không nói, không dạy, không lời, không nghĩa. Bát-nhã ba-la-mật là tướng không thật có.

Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật không có tất cả các pháp ấy.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, lúc biên chép kinh Bát-nhã ba-la-mật này mà tâm tán loạn duyên theo các pháp ấy, phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật này có biên chép được chăng?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Không biên chép được. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật tự tánh không. Vì Thiên-na Bát-nhã ba-la-mật cho đến Nhất thiết chủng trí

tự tánh không. Tự tánh đã không thì chẳng gọi là pháp, không pháp chẳng thể biên chép được không pháp.

Này Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ-tát, nghĩ rằng không pháp là Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ-đề, dùng văn tự để biên chép Bát-nhã ba-la-mật, tự nghĩ rằng mình biên chép Bát-nhã ba-la-mật, dùng chữ biên dịch Bát-nhã ba-la-mật, phải biết cũng là việc ma của Bồ-tát.

Vì sao? Bạch Đức Thế Tôn! Vì Bát-nhã ba-la-mật này không có văn tự, Thiền định ba-la-mật cho đến Bồ thí ba-la-mật không có văn tự, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Nhất thiết chủng trí không có văn tự.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu chấp không văn tự là Bát-nhã ba-la-mật cho đến chấp không văn tự là Nhất thiết chủng trí, cũng là việc ma của Bồ-tát.

Như biên chép, đọc tụng, giảng nói, ghi nhớ, tu hành đúng như lời dạy cũng giống như vậy.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, lúc biên chép Bát-nhã ba-la-mật này mà tưởng nhớ cõi nước, thành ấp, phương hướng, nghe hủy báng thầy mình mà nghĩ đến cha mẹ, anh em, chị em, bà con, nghĩ đến kẻ cướp, nam nữ, nghĩ đến những việc khác như vậy sẽ bị ác ma xúi giục nghĩ nhớ thêm, phá hư việc biên chép Bát-nhã ba-la-mật, phá hư việc đọc tụng, giảng nói, ghi nhớ, tu hành Bát-nhã ba-la-mật. Phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, lúc biên chép cho đến lúc tu hành Bát-nhã ba-la-mật này mà ham muốn danh dự, cung kính, lợi lộc thì không thể hoàn thành công việc biên chép cho đến tu hành Bát-nhã ba-la-mật. Phải biết đó cũng là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo, biên chép cho đến tu hành Bát-nhã ba-la-mật, ác ma tìm

phương tiện đem những bộ kinh sâu xa khác đến tặng cho. Người có năng lực phương tiện chẳng nên ham muốn những kinh sâu xa khác của ác ma đem đến vì các kinh ấy không đưa người đến Nhất thiết chủng trí.

Kẻ không đủ năng lực phương tiện, nghe nói các kinh sâu xa khác bèn bỏ Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này. Trong Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này Đức Phật có giảng dạy nhiều đạo phương tiện của Đại Bồ-tát. Đại Bồ-tát nên tìm ở trong đây. Nếu thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ-tát mà bỏ Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này, lại cầu phương tiện ở các kinh sâu xa của Thanh văn, Bích-chi-phật, phải biết đó cũng là việc ma của Bồ-tát.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 14

Phẩm 47: LỖI HAI BÊN KHÔNG HÒA HỢP

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Người nghe pháp, đối với Bát-nhã ba-la-mật muốn biên chép, đọc tụng, hỏi nghĩa, ghi nhớ mà người nói pháp lười biếng chẳng muốn nói, phải biết đây là việc ma của Bồ-tát.

Người nói pháp chẳng lười biếng mà người nghe pháp chẳng chịu nghe nhận, tâm hai bên chẳng hòa hợp, phải biết đây là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người nghe pháp muốn biên chép cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật mà người nói pháp muốn đi đến chỗ khác, phải biết đây cũng là việc ma của Bồ-tát.

Người nói pháp muốn cho biên chép, thọ trì mà người nghe pháp lại đi đến chỗ khác, tâm hai bên chẳng hòa hợp, phải biết đây là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người nói pháp coi trọng vật bố thí, các thứ y phục, thực phẩm, phòng xá, thuốc men; người nghe pháp lại ít muốn biết đủ, chánh niệm tinh tấn, thiền định, trí tuệ, tâm hai bên chẳng hòa hợp, chẳng biên chép được cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đây là việc ma của Bồ-tát.

Người nói pháp ít muốn biết đủ, chánh niệm tinh tấn, thiền định, trí tuệ, người nghe pháp coi trọng vật bố thí, bốn thứ cần dùng, của cải riêng tư, tâm hai bên chẳng hòa hợp, chẳng biên chép được, cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đây là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người nói pháp thọ mười hai hạnh Đầu-đà: Một là thường khát thực, hai là thứ lớp khát thực, ba là giữa

ngày ăn một bữa, bốn là ăn vừa no, năm là sau giờ Ngọ chẳng uống nước trái cây, sáu là chỉ chứa ba y, bảy là ba nạp y, tám là ở chỗ A-lan-nhã, chín là ở trong gò mả, mười là ở gốc cây, mười một là ở đất trống, mười hai là thường ngồi không nằm, người nghe pháp chẳng thọ mười hai hạnh Đầu-đà, hai bên chẳng hòa hợp, chẳng biên chép được cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đây là việc ma của Bồ-tát.

Người nghe pháp thọ mười hai hạnh Đầu-đà, người nói pháp chẳng thọ mười hai hạnh Đầu-đà, hai bên chẳng hòa hợp, chẳng biên chép được, cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đây là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người nói pháp có tín tâm, có giới hạnh, muốn biên chép, thọ trì Bát-nhã ba-la-mật cho đến ghi nhớ; người nghe pháp không có tín tâm, không có giới hạnh, chẳng muốn biên chép cho đến chẳng muốn ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đây là việc ma của Bồ-tát.

Người nghe pháp có tín tâm, có giới hạnh, người nói pháp không có tín tâm, không có giới hạnh, hai bên chẳng hòa hợp, phải biết đây là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người nói pháp bố thí tất cả, chẳng lẫn tiếc, người nghe pháp bôn sễn, chẳng thí xả, hai bên chẳng hòa hợp, phải biết đây là việc ma.

Người nghe pháp hay bố thí tất cả, chẳng lẫn tiếc, người nói pháp bôn sễn, chẳng thí xả, hai bên chẳng hòa hợp, phải biết đây là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người nghe pháp muốn cúng dường người thuyết pháp những đồ vật dụng cụ sinh hoạt, người thuyết pháp chẳng chịu nhận, phải biết đây là việc ma.

Người nói pháp muốn cung cấp dụng cụ sinh hoạt cho người nghe pháp, người nghe pháp chẳng chịu nhận, hai bên chẳng hòa hợp, chẳng biên chép được, cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đây là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người nói pháp để tỏ ngộ, người nghe pháp ám độn, phải biết đây là việc ma.

Người nghe pháp mau tỏ ngộ, người nói pháp ám độn, hai bên chẳng hòa hợp, chẳng biên chép được, cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đây là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người nói pháp biết nghĩa thứ lớp của mười hai bộ kinh là Khế kinh cho đến Luận nghị, người nghe pháp chẳng biết. Hoặc người nghe pháp biết nghĩa thứ lớp của mười hai bộ kinh, người nói pháp chẳng biết, hai bên chẳng hòa hợp nên chẳng biên chép được cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đều là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người nói pháp thành tựu sáu pháp Ba-la-mật, người nghe pháp chẳng thành tựu. Hoặc người nghe pháp có sáu pháp Ba-la-mật, người nói pháp chẳng có. Hai bên chẳng hòa hợp, chẳng biên chép được, cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đều là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người nói pháp có năng lực phương tiện đối với sáu pháp Ba-la-mật, người nghe pháp không có. Hoặc người nghe pháp có năng lực phương tiện đối với sáu pháp Ba-la-mật, người nói pháp không có. Hai bên chẳng hòa hợp nên chẳng biên chép được, cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đều là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người nói pháp được Đà-la-ni, người nghe pháp không được. Hoặc người nghe pháp được Đà-la-ni, người nói pháp không được. Hai bên chẳng hòa hợp nên chẳng biên chép được cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đều là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người nói pháp muốn cho biên chép, cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật, người nghe pháp chẳng muốn. Hoặc người nghe pháp muốn biên chép cho đến ghi nhớ, người nói pháp chẳng muốn cho biên chép cho đến chẳng muốn cho ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật, hai bên chẳng hòa hợp nên chẳng biên chép được, cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đều là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người nói pháp không có tham dục, giận hờn, ngu ngốc, trạo hối, nghi ngờ, người nghe pháp lại có tham

dục cho đến nghi ngờ. Hoặc người nghe pháp lìa năm cái: tham dục cho đến nghi ngờ, người nói pháp lại có năm cái. Hai bên chẳng hòa hợp nên chẳng biên chép được, cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đều là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc biên chép cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật, có người nói về những việc đau khổ trong ba đường ác rồi bảo rằng sao ngay đời này ngài chẳng dứt khổ nhập Niết-bàn, lại cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm gì?

Hai bên chẳng hòa hợp nên chẳng biên chép được, cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đây là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc biên chép cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật, có người đến khen ngợi các cõi trời, khen ngợi trời Tứ vương cho đến trời Phi phi tướng, khen ngợi sơ thiên cho đến định Phi phi tướng rồi bảo rằng: Thừa ngài, ba cõi đầu thọ hưởng phước vui nhưng cũng đều là vô thường, là khổ, không, vô ngã, tướng đều khắp chia lìa, sao ngài chẳng đời này chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, quả Bích-chi-phật, lại ở trong thế gian sinh tử chịu khổ để cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm gì?

Vì hai bên chẳng hòa hợp nên chẳng biên chép được cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đây là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người nói pháp một thân không phiền lụy, tự tại vô ngại, người nghe pháp dốt theo nhiều người; hoặc người nghe pháp một thân không phiền lụy, tự tại vô ngại, người nói pháp dốt theo nhiều người, hai bên chẳng hòa hợp nên chẳng biên chép được, cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đây là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người nói pháp bảo người nghe pháp rằng nếu người có thể tùy theo ý ta, thì sẽ cho người biên chép cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật, bằng không tùy theo ý ta, thì ta sẽ không cho. Vì hai bên chẳng hòa hợp nên chẳng biên chép được cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đây là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người nghe pháp muốn thuận theo ý người nói pháp mà người nói pháp chẳng cho, vì hai bên chẳng hòa

hợp nên chẳng biên chép được, cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đây là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người nói pháp vì muốn được tài lợi mà cho biên chép cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật, người nghe pháp vì thế nên chẳng chịu nghe. Hoặc người nghe pháp vì tài lợi mà muốn biên chép, cho đến muốn ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật, vì thế nên người nói pháp chẳng muốn cho. Vì hai bên chẳng hòa hợp nên chẳng biên chép được, cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đều là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người nói pháp muốn đến chỗ nguy hiểm tai nạn, người nghe pháp chẳng muốn đi theo. Hoặc người nghe pháp muốn đến chỗ nguy hiểm tai nạn, người nói pháp chẳng muốn đến. Vì hai bên chẳng hòa hợp nên chẳng biên chép được, cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đều là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người nói pháp muốn đến chỗ lúc bị nghèo đói, người nghe pháp không muốn đi theo. Hoặc người nghe pháp muốn đến chỗ đói khát, người nói pháp chẳng muốn đến. Vì hai bên chẳng hòa hợp nên chẳng biên chép được, cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đều là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người nói pháp muốn đến xứ giàu vui, người nghe pháp muốn đi theo. Người nói pháp bảo rằng ông vì tài lợi mà đi theo ta, ông nên suy nghĩ kỹ, hoặc được tài lợi hoặc chẳng được, chớ để ngày sau ăn năn, người nghe pháp nghe nói cho rằng không muốn mình đi theo nên sinh tâm chán nản mà không đi. Vì hai bên chẳng hòa hợp nên chẳng biên chép được, cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đây là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người nói pháp muốn đến chỗ hoang vắng có nạn giặc cướp, thú dữ, trùng độc, người nghe pháp muốn đi theo. Người nói bảo rằng người đến chỗ hoang vắng hiểm nạn làm chi. Người nghe pháp nghe nói cho rằng không muốn cho mình biên chép cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật, sinh tâm chán nản chẳng đi theo. Vì hai bên chẳng hòa hợp nên đây là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người nói pháp có nhiều thí chủ,

thường phải đến nhà họ viếng thăm, bảo người nghe pháp rằng ta có việc đến nhà họ. Người nghe pháp biết ý nên chẳng cùng đi. Vì hai bên chẳng hòa hợp nên chẳng biên chép được, cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đều là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ác ma làm Tỳ-kheo đến chỗ thiện nam, thiện nữ dùng phương tiện phá hoại chẳng cho biên chép, cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Ác ma giả làm Tỳ-kheo dùng cách nào để phá hoại?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ác ma giả làm Tỳ-kheo đến chỗ thiện nam, thiện nữ bảo rằng kinh của ta nói mới là Bát-nhã ba-la-mật, còn kinh đó không phải. Lúc ác ma dùng lời phá hoại tín tâm như vậy thì có thiện nam, thiện nữ chưa được thọ ký bèn sinh tâm nghi, vì nghi nên chẳng biên chép cho đến chẳng ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật. Chẳng hòa hợp, phải biết đây là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ác ma giả làm Tỳ-kheo đến bảo rằng Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, chứng thật tế, được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả Bích-chi-phật. Do đó mà chẳng hòa hợp, chẳng biên chép được cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đều là việc ma.

Này Tu-bồ-đề! Lúc nói Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này, có nhiều việc ma khởi lên làm trở ngại. Đại Bồ-tát phải sớm biết để xa lìa.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Những việc ma nào làm trở ngại Bát-nhã ba-la-mật mà Bồ-tát phải sớm biết để xa lìa?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Tương tự Bát-nhã ba-la-mật cho đến tương tự Bồ thí ba-la-mật là việc ma phát khởi, Bồ-tát phải sớm biết để xa lìa.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Các kinh tu hành của hàng Thanh văn, Bích-chi-phật là việc ma của Bồ-tát, phải sớm biết để xa lìa.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ác ma giả làm Tỳ-kheo tìm phương

tiện trao cho Bồ-tát các kinh dạy về nội không, ngoại không, cho đến vô pháp hữu pháp không, dạy về bốn Niệm xứ cho đến tám chánh đạo, ba môn Giải thoát, không, vô tướng, vô tác để được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả Bích-chi-phật. Do đó mà chẳng hòa hợp nên chẳng biên chép được, cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đây là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ác ma hóa thành thân Phật màu vàng cao một trượng sáu chói sáng, đến chỗ Bồ-tát. Vì ham thích thân Phật này mà Bồ-tát hao tổn chánh trí tuệ. Do đó chẳng hòa hợp, chẳng biên chép được, cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đây là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ác ma hóa thành Phật và chúng Tỳ-kheo đến chỗ Bồ-tát. Các Tỳ-kheo này nói pháp cho Bồ-tát nghe. Bồ-tát ham thích tự nghĩ rằng đời sau tôi cũng sẽ được như vậy. Vì ham thích thân ma mà hao tổn chánh trí tuệ, chẳng biên chép được, cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đây là việc ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ác ma hóa thành vô số Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, chỉ dạy cho thiện nam, thiện nữ. Vì ham thích mà thiện nam, thiện nữ hao tổn chánh trí tuệ, chẳng biên chép được, cho đến chẳng ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật, phải biết đây là việc ma.

Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến không có Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bồ-đề! Vì không có sắc cho đến không có Nhất thiết chủng trí, nên trong Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này không có Phật, không có Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi-phật. Vì sao? Vì tất cả pháp tự tánh là không.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như vàng bạc, châu ngọc ở Diêm-phù-đề có nhiều nạn, nhiều cướp. Cũng vậy, lúc thiện nam, thiện nữ biên chép cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật phát khởi nhiều nạn, nhiều oán.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đúng vậy. Vàng bạc châu ngọc ở cõi

Diêm-phù-đề có nhiều nạn, nhiều cướp. Lúc thiện nam, thiện nữ biên chép cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật phát khởi nhiều nạn, nhiều oán, nhiều việc ma.

Vì sao? Vì hạng người ngu si bị ma sai sử mà phá hoại, xa lìa việc biên chép cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật sâu xa.

Bạch Đức Thế Tôn! Thiện nam, thiện nữ ngu si ít trí ít tuệ này lúc biên chép cho đến lúc ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật sâu xa lại phá hoại, xa lìa.

Bạch Đức Thế Tôn! Hạng người ngu si này tâm họ chẳng ưa thích pháp Đại thừa nên họ chẳng biên chép, đọc tụng, thọ trì, ghi nhớ, chẳng tu hành đúng như lời dạy, họ lại phá hoại người khác, chẳng cho biên chép cho đến ghi nhớ.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy, các thiện nam, thiện nữ mới phát tâm Đại thừa vì bị ma sai sử, chẳng gieo trồng căn lành, chẳng cúng dường các Đức Phật, chẳng theo Thiện tri thức nên chẳng biên chép cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật sâu xa mà lại gây trở ngại.

Này Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam, thiện nữ nào hay biên chép cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này thì việc ma chẳng phát khởi. Người này đầy đủ được Thiên định ba-la-mật cho đến Bồ thí ba-la-mật, đầy đủ được bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bồ-đề! Phải biết đó là do năng lực của Phật nên thiện nam, thiện nữ ấy sẽ biên chép được cho đến ghi nhớ được Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này, cũng đầy đủ được Thiên định ba-la-mật cho đến Bồ thí ba-la-mật, đầy đủ được nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, đầy đủ được bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bồ-đề! Hiện tại vô lượng, vô biên, vô số các Đức Phật, các Đại Bồ-tát không thoái chuyển ở mười phương cũng trợ giúp, ủng hộ thiện nam, thiện nữ này biên chép cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật sâu xa.

Phẩm 48: PHẬT MẪU

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Ví như bà mẹ có con trai, hoặc năm, hoặc mười, hoặc trăm ngàn người con trai. Bà mẹ bị bệnh, các con đều lo buồn tìm cách cứu chữa, vì nhớ ân mẹ sinh dục và dạy dỗ mình.

Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Phật và các Đức Phật hiện tại ở mười phương đều thường dùng mắt Phật nhìn Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này thường hiển bày tướng thế gian, thường sinh ra các Phật, thường cho Nhất thiết chủng trí, cũng thường sinh ra Thiền ba-la-mật cho đến Bồ thí ba-la-mật, thường sinh ra nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, thường sinh ra bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết chủng trí, thường sinh ra Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, thường sinh ra các Phật.

Này Tu-bồ-đề! Các Đức Phật đã được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, các Phật đang được và các Đức Phật sẽ được đều từ Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này mà được.

Này Tu-bồ-đề! Thiện nam, thiện nữ cầu Phật đạo nên biên chép cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này. Các Đức Phật thường dùng Phật nhãn nhìn người này, che chở cho họ được chẳng thoái chuyển Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Như lời Phật dạy, Bát-nhã ba-la-mật thường sinh ra các Phật, thường hiển bày tướng thế gian.

Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật thường sinh ra các Đức Phật? Thường hiển bày tướng thế gian? Thế nào là các Đức Phật từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra? Các Đức Phật nói tướng thế gian như thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Trong Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này sinh ra mười Trí lực cho đến Nhất thiết chủng trí. Vì được các pháp trên đây nên gọi là Phật, nên Bát-nhã ba-la-mật sinh ra các Phật.

Này Tu-bồ-đề! Các Đức Phật nói năm ấm là tướng thế gian.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là trong Bát-nhã ba-la-mật nói tướng năm ấm? Thế nào là trong Bát-nhã ba-la-mật hiển bày tướng năm ấm?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Bát-nhã ba-la-mật chẳng hiển bày năm ấm bị phá, chẳng hiển bày năm ấm bị hoại, chẳng hiển bày sinh, diệt, nhơ, sạch, thêm, bớt, chẳng hiển bày ra, vào, chẳng hiển bày quá khứ, vị lai, hiện tại.

Vì sao? Vì tướng không chẳng phá chẳng hoại, vì tướng vô tướng chẳng phá chẳng hoại, vì tướng vô tác chẳng phá chẳng hoại. Vì pháp không khởi, pháp không sinh, pháp không thật có, pháp tánh chẳng phá chẳng hoại. Vì tướng hiển bày như vậy nên Phật nói từ Bát-nhã ba-la-mật sâu xa hiển bày tướng thế gian.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Do Bát-nhã ba-la-mật mà các Đức Phật biết rõ tâm niệm của vô lượng, vô biên, vô số chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Trong Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này không có chúng sinh, không có danh từ chúng sinh, không sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến không có Nhất thiết chủng trí, không có danh từ Nhất thiết chủng trí. Thế nên Bát-nhã ba-la-mật sâu xa hiển bày tướng thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này chẳng hiển bày sắc thọ, tưởng, hành, thức, cho đến chẳng hiển bày Nhất thiết chủng trí.

Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này còn không Bát-nhã ba-la-mật hướng chi là sắc cho đến Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Có bao nhiêu chúng sinh đối với các tên gọi hoặc loài có sắc hay không sắc, có tướng hay không tướng, hoặc chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, ở cõi nước này cho đến khắp cõi nước ở mười phương. Các chúng sinh ấy hoặc tâm định, hoặc tâm loạn, Đức Phật đều biết rõ tất cả tâm niệm của họ.

Do đâu mà Đức Phật biết thật rõ tướng trạng tâm niệm của chúng sinh?

Vì Đức Phật dùng pháp tướng nên biết rõ.

Dùng pháp tướng gì để biết?

Này Tu-bồ-đề! Trong pháp tướng này còn không có tướng pháp tướng hướng chi là tâm định và tâm loạn. Vì dùng pháp tướng này mà Đức Phật biết rõ về tâm định, tâm loạn của tất cả chúng sinh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đức Phật biết thật rõ tâm định, tâm loạn của chúng sinh.

Do đâu mà biết? Vì do tướng cùn tận nên biết, do tướng không nhiễm nên biết, do tướng diệt nên biết, do tướng đoạn nên biết, do tướng vắng lặng nên biết, do tướng lia nên biết. Đức Phật do Bát-nhã ba-la-mật mà biết rõ tâm định, tâm loạn của chúng sinh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Do Bát-nhã ba-la-mật mà Đức Phật biết thật rõ tâm nhiễm của chúng sinh, biết thật rõ tâm sân, tâm si của chúng sinh, nếu chúng sinh có tâm nhiễm, tâm sân, tâm si.

Vì sao Đức Phật biết thật rõ như vậy? Này Tu-bồ-đề, vì thật tướng của tâm nhiễm không có tướng nhiễm, vì thật tướng của tâm sân, tâm si không có tướng sân, không có tướng si.

Vì sao? Vì trong thật tướng không có tâm vương, tâm sở, hướng chi có được tâm nhiễm, tâm sân, tâm si, hướng chi có được tâm chẳng nhiễm, chẳng sân, chẳng si.

Thế nên này Tu-bồ-đề! Do Bát-nhã ba-la-mật mà Đức Phật biết thật rõ tâm nhiễm, tâm sân, tâm si của tất cả chúng sinh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Do Bát-nhã ba-la-mật mà Đức Phật biết thật rõ tâm không nhiễm, không sân, không si của tất cả chúng sinh nếu chúng sinh không có tâm nhiễm, sân, si.

Vì sao? Vì trong tâm không nhiễm, không sân, không si này chẳng có tướng nhiễm, sân, si, chẳng có tướng chẳng nhiễm, sân, si. Vì hai tâm chẳng đi chung. Thế nên, này Tu-bồ-đề! Do Bát-nhã ba-la-mật mà Đức Phật biết thật rõ tâm không nhiễm, sân, si của chúng sinh nếu chúng sinh không có tâm nhiễm, sân, si.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Do Bát-nhã ba-la-mật, nếu chúng sinh có tâm rộng lớn thì Đức Phật biết thật rõ tâm rộng lớn của chúng sinh.

Vì sao? Vì Đức Phật biết rõ tướng tâm của chúng sinh chẳng rộng, chẳng hẹp, chẳng thêm, chẳng bớt, chẳng đến, chẳng đi, vì tâm tướng xa lìa, vì tâm tánh vốn không nên không có gì làm rộng, làm hẹp, làm thêm, làm bớt, làm đến, làm đi.

Thế nên, này Tu-bồ-đề! Do Bát-nhã ba-la-mật mà Đức Phật biết thật rõ tâm rộng lớn của chúng sinh nếu chúng sinh có tâm rộng lớn.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Do Bát-nhã ba-la-mật, nếu chúng sinh có tâm rộng lớn, Đức Phật biết thật rõ tâm rộng lớn của chúng sinh. Vì sao? Vì Đức Phật chẳng thấy tâm chúng sinh có tướng đến, tướng đi, tướng sinh, trụ, dị, diệt. Vì sao? Vì tâm tánh vốn không nên không có ai đến, đi, không có ai sinh, trụ, dị, diệt.

Cho nên, này Tu-bồ-đề! Nếu chúng sinh có tâm rộng lớn, do Bát-nhã ba-la-mật mà Đức Phật biết thật rõ tâm rộng lớn của chúng sinh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu chúng sinh có tâm vô lượng, do Bát-nhã ba-la-mật mà Đức Phật biết thật rõ tâm vô lượng của chúng sinh. Vì sao? Vì nhờ Bát-nhã ba-la-mật mà Đức Phật biết rõ tâm ấy của chúng sinh: chẳng thấy an trụ, chẳng thấy chẳng an trụ. Vì tướng của tâm vô lượng không chỗ nương tựa, đâu có chỗ trụ, chẳng trụ.

Thế nên, này Tu-bồ-đề! Chúng sinh có tâm vô lượng, do Bát-nhã ba-la-mật mà Đức Phật biết thật rõ tâm vô lượng ấy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Tâm chẳng thể thấy được của chúng sinh, do Bát-nhã ba-la-mật mà Đức Phật biết thật rõ tâm chẳng thể thấy được ấy. Vì sao? Vì tâm chúng sinh là vô tướng, vì tự tướng vốn không, Đức Phật biết thật rõ vô tướng. Tâm của chúng sinh cả năm loại mắt đều không thấy được.

Thế nên, này Tu-bồ-đề! Tâm chẳng thể thấy được của chúng sinh, do Bát-nhã ba-la-mật mà Đức Phật biết thật rõ tâm chẳng thể thấy được ấy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Do Bát-nhã ba-la-mật, các loại tâm xuất hiện chìm mất, co giãn của chúng sinh, Đức Phật biết thật rõ. Vì sao? Vì tất cả loại tâm xuất hiện, chìm mất, co giãn của chúng sinh đều y cứ vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà sinh khởi. Ở trong

ấy, Đức Phật biết rõ các thứ tâm xuất hiện, chìm mất, co giãn của chúng sinh. Đó là thần ngã và thế gian thường còn, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai. Kiến chấp này y cứ vào sắc thí cho thần ngã và thế gian vô thường, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai. Kiến chấp này y cứ vào sắc thí cho thần ngã và thế gian vừa thường vừa vô thường, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai. Kiến chấp này y cứ vào sắc thí cho thần ngã và thế gian chẳng phải thường chẳng phải vô thường, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai. Kiến chấp này y cứ vào sắc thí cho thần ngã và thế gian thường, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai.

Cũng như kiến chấp này y cứ vào sắc, kiến chấp này y cứ vào thọ, y cứ vào tưởng, y cứ vào hành, y cứ vào thức cũng giống như vậy.

Kiến chấp này y cứ vào sắc và thế gian hữu biên, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai. Kiến chấp này y cứ vào sắc và thế gian vô biên, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai. Kiến chấp này y cứ vào sắc và thế gian vừa hữu biên vừa vô biên, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai. Kiến chấp này y cứ vào sắc và thế gian chẳng phải hữu biên chẳng phải vô biên, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai.

Như y cứ vào sắc, kiến chấp này y cứ vào thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy.

Thần chính là thân, kiến chấp này y cứ vào sắc. Thần khác thân khác, y cứ vào sắc. Kiến chấp này y cứ vào thọ, tưởng, hành và thức cũng giống như vậy.

Sau khi chết có như đi, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai. Kiến chấp này y cứ vào sắc, sau khi chết có như đi hoặc không có như đi, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai. Kiến chấp này y cứ vào sắc, sau khi chết chẳng phải có như đi, chẳng phải không có như đi, đây là sự thật, ngoài ra là nói sai.

Như kiến thức y cứ vào sắc, y cứ vào thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy.

Thế nên, này Tu-bồ-đề! Do Bát-nhã ba-la-mật mà Đức Phật biết thật rõ các loại tâm xuất hiện, chìm mất co giãn của chúng sinh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đức Phật biết rõ tướng sắc. Biết rõ

tướng sắc như thế nào? Như là tướng như: chẳng hoại, không phân biệt, không tướng, không ghi nhớ, không hý luận, không được, sắc tướng cũng giống như vậy, cũng chẳng hoại cho đến cũng không được.

Này Tu-bồ-đề! Đức Phật biết rõ tướng thọ, cho đến biết rõ tướng thức là chẳng hoại, cho đến không được như là như tướng.

Thế nên, này Tu-bồ-đề! Đức Phật biết rõ tướng như của chúng sinh và tướng như của loại tâm xuất hiện chìm mất co giãn của chúng sinh, tướng như của năm ấm, tướng như của các hành, cũng chính là tất cả tướng như của các pháp, đó là tướng như của sáu pháp Ba-la-mật, đó là tướng như của ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, đó là tướng như của mười tám không, đó là tướng như bội xả, đó là tướng như chín Định thứ đệ, đó là tướng như mười Trí lực, đó là tướng như của bốn Vô úy, bốn Vô ngại trí, đại Từ, đại Bi, mười tám pháp Bát cộng, đó là tướng như của Nhất thiết chủng trí, đó là tướng như của pháp thiện, pháp bất thiện, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp quá khứ, vị lai, hiện tại, pháp hữu vi, pháp vô vi, đó là tướng như của quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, quả Bích-chi-phật, quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của các Phật. Tướng như của các Đức Phật đều là tướng nhất như, chẳng hai, chẳng khác, chẳng tận, chẳng hoại. Đó gọi là tướng như của tất cả pháp.

Đức Phật do Bát-nhã ba-la-mật mà được tướng như như vậy. Cho nên Bát-nhã ba-la-mật thường sinh ra các Đức Phật, hiển bày tướng thế gian. Thế nên, này Tu-bồ-đề! Đức Phật biết rõ tướng như của tất cả pháp, chẳng khác biệt, chẳng phải chẳng như. Vì được tướng như như vậy nên Đức Phật được gọi là Như Lai.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Tướng như của các pháp chẳng khác biệt, chẳng phải chẳng như ấy rất là sâu xa.

Bạch Đức Thế Tôn! Các Phật dùng pháp ấy nói cho người nghe pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ai là người tin hiểu được? Chỉ có Bồ-tát không thoái, người có đủ chánh kiến, bậc A-la-hán vô lậu. Vì pháp này rất sâu xa.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Vì pháp tướng này vô tận nên rất sâu xa.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Pháp nào là tướng vô tận nên rất là sâu xa?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Vì tất cả pháp vô tận nên rất sâu xa.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đức Phật được tất cả pháp ấy rồi nên nói pháp cho chúng sinh nghe.

M

Phẩm 49: HỎI VỀ TƯỚNG

Bấy giờ, trong cõi đại thiên có các vị trời cõi Dục, cõi Sắc rải hoa hương rồi bay đến chỗ Phật, đảnh lễ dưới chân Phật, sau đó đứng qua một phía mà bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Nói Bát-nhã ba-la-mật rất sâu, thế nào là tướng Bát-nhã ba-la-mật rất sâu?

Đức Phật bảo các vị trời cõi Dục, cõi Sắc:

– Này các Thiên tử! Tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác là tướng Bát-nhã ba-la-mật rất sâu, tướng vô khởi, không sinh, không diệt, chẳng nhớ, chẳng sạch, vô sở hữu, vô tướng, vô sở y, tướng hư không là tướng Bát-nhã ba-la-mật rất sâu xa.

Này các Thiên tử! Các tướng như là tướng Bát-nhã ba-la-mật rất sâu.

Đức Phật dùng pháp thế gian để giảng nói cho chúng sinh nghe, chớ chẳng phải Đệ nhất nghĩa.

Này các Thiên tử! Các tướng ấy, tất cả Trời, Người, A-tu-la trong đời không phá hoại được. Vì sao? Vì Trời, Người, A-tu-la trong đời cũng là tướng.

Này các Thiên tử! Tướng không thể phá hoại tướng, tướng không thể biết tướng, tướng không thể biết vô tướng, vô tướng không

thể biết tướng, tướng này là vô tướng, tướng, vô tướng là vô sở hữu. Nghĩa là biết tướng, người biết và pháp biết đều chẳng thật có. Vì sao? Nay các Thiên tử, các tướng ấy chẳng phải sắc làm ra, chẳng phải thọ, tướng, hành, thức làm ra, chẳng phải sáu pháp Ba-la-mật làm ra, cho đến chẳng phải Nhất thiết chủng trí làm ra.

Này các Thiên tử! Các tướng ấy chẳng phải sở hữu của người, của trời, chẳng phải thế gian, xuất thế gian, chẳng phải hữu lậu, vô lậu, chẳng phải hữu vi, vô vi.

Này các Thiên tử! Như có người hỏi rằng thế nào là tướng của hư không? Câu hỏi này có đúng chăng?

Các vị trời thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Câu hỏi ấy không đúng. Vì hư không chẳng có tướng để nói, vì hư không chẳng sinh khởi, chẳng phải là cái được làm ra.

Phật bảo các vị trời cõi Dục, cõi Sắc:

–Có Phật hay không có Phật, tánh tướng vẫn thường trụ. Vì tánh tướng đúng như thật mà Phật được gọi là Như Lai.

Các vị trời thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đức Phật được tánh tướng rất sâu của các pháp. Được tánh tướng ấy rồi thì được trí vô ngại. Trụ trong tướng này dùng Bát-nhã ba-la-mật nhóm họp tự tướng các pháp.

Bát-nhã ba-la-mật này là chỗ thường hành đạo của các Đức Phật. Do hành đạo này nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà thông đạt tất cả pháp tướng, hoặc tướng của sắc cho đến tướng của Nhất thiết chủng trí.

Phật dạy:

–Đúng vậy, này các Thiên tử! Tướng não hoại là tướng của sắc, cảm giác là tướng của thọ, duyên lấy là tướng của tưởng, sinh khởi tạo tác là tướng của hành, sẽ biết là tướng của thức. Đức Phật được tánh không của các tướng ấy.

Này các vị trời! Xả thí là tướng của Bố thí ba-la-mật, không nóng bức là tướng của Trì giới ba-la-mật, chẳng đổi khác là tướng

của Nhãn ba-la-mật, chẳng thoái lui là tướng của Tấn ba-la-mật, nhiếp tâm là tướng của Thiền ba-la-mật, xa lìa là tướng của Bát-nhã ba-la-mật. Đức Phật được tánh không của các tướng ấy.

Này các vị trời! Tâm không nhiều loạn là tướng của bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc. Đức Phật được tánh không của các tướng ấy.

Này các vị trời! Xuất thế gian là tướng của ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, xa lìa là tướng của không giải thoát, vắng lặng là tướng của vô tướng giải thoát, khổ là tướng của vô tác giải thoát. Đức Phật được tánh không của các tướng ấy.

Này các vị trời! Siêu thắng là tướng của mười Trí lực, chẳng kinh sợ là tướng của bốn Vô úy, biết khắp là tướng của bốn Trí vô ngại, người khác không được là tướng của mười tám pháp Bất cộng. Đức Phật được tánh không của các tướng ấy.

Này các vị trời! Thương xót chúng sinh là tướng của đại Từ, đại Bi, chân thật là tướng của không sai lầm, không chấp là tướng của thường xả, hiện tại biết rõ là tướng của Nhất thiết chủng trí. Đức Phật được tánh không của các tướng ấy.

Này các vị trời! Vì được tướng của tất cả pháp nên Đức Phật được gọi là bậc trí vô ngại.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bát-nhã ba-la-mật là mẹ của các Đức Phật. Bát-nhã ba-la-mật hiển bày tướng thế gian. Thế nên Phật nương vào pháp để trụ, cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi pháp ấy. Pháp ấy là gì? Chính là Bát-nhã ba-la-mật. Đức Phật nương vào Bát-nhã ba-la-mật để trụ, cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi Bát-nhã ba-la-mật. Vì Bát-nhã ba-la-mật này sinh ra các Đức Phật.

Này Tu-bồ-đề! Vì Đức Phật là người biết về tác giả. Nếu có người hỏi để biết về tác giả thì người đáp đúng, không ai hơn Đức Phật.

Này Tu-bồ-đề! Vì Đức Phật là người biết tác giả nên đối với pháp của Đức Phật đi và đạo của Đức Phật sẽ chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật lại cúng dường, cung kính, tôn trọng, khen ngợi pháp

ấy, đạo ấy và thọ trì, giữ gìn pháp ấy, đạo ấy.

Này Tu-bồ-đề! Đó gọi là Đức Phật là người biết tác giả.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đức Phật biết tất cả pháp không có tướng tạo tác vì không có tướng tác giả. Tất cả pháp không có tướng sinh khởi vì không có hình dáng sự việc.

Này Tu-bồ-đề! Do Bát-nhã ba-la-mật mà Đức Phật biết các pháp không có tướng tạo tác, không có tướng sinh khởi. Vì vậy mà Đức Phật là người biết tác giả.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đức Phật nhờ Bát-nhã ba-la-mật mà được tất cả pháp chẳng sinh, vì không có sở đắc. Thế nên Bát-nhã ba-la-mật sinh ra các Đức Phật, hiển bày tướng thế gian.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp là không biết, là không thấy tại sao Bát-nhã ba-la-mật lại sinh ra các Đức Phật, hiển bày tướng thế gian?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Đúng vậy, tất cả pháp không biết, không thấy. Thế nào là không biết, là không thấy? Vì tất cả pháp vốn không, là luống dối chẳng bền chắc, nên tất cả pháp không biết, không thấy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Tất cả pháp không nương tựa, không có lệ thuộc, thế nên tất cả pháp không biết, không thấy.

Do đó mà Bát-nhã ba-la-mật sinh ra các Đức Phật, hiển bày tướng thế gian.

Vì chẳng thấy sắc, chẳng thấy thọ, tưởng, hành, thức, cho đến chẳng thấy Nhất thiết chủng trí nên Bát-nhã ba-la-mật hiển bày tướng thế gian, sinh ra các Đức Phật.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao chẳng thấy sắc cho đến chẳng thấy Nhất thiết chủng trí nên Bát-nhã ba-la-mật hiển bày tướng thế gian?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Nếu chẳng duyên theo sắc để sinh phân biệt, chẳng duyên theo thọ, tưởng, hành, thức để sinh phân biệt, cho đến chẳng duyên

theo Nhất thiết chủng trí để sinh phân biệt, đó gọi là chẳng thấy tướng của sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến chẳng thấy tướng của Nhất thiết chủng trí, nên hiển bày tướng thế gian. Do đó mà Bát-nhã ba-la-mật sinh ra các Đức Phật, hiển bày tướng thế gian.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật sinh ra các Đức Phật, hiển bày tướng thế gian?

Này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật hiển bày thế gian không. Hiển bày thế gian không như thế nào?

Là hiển bày năm ấm thế gian không, hiển bày mười hai nhập thế gian không, hiển bày mười tám giới thế gian không, hiển bày mười hai nhân duyên thế gian không, hiển bày ngã kiến cùng sáu mươi hai kiến chấp thế gian không, hiển bày mười nghiệp lành thế gian không, hiển bày bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định thế gian không, hiển bày ba mươi bảy phẩm Trợ đạo thế gian không, hiển bày sáu pháp Ba-la-mật thế gian không, hiển bày nội không, ngoại không, cho đến vô pháp hữu pháp không thế gian không, hiển bày tánh hữu vi, tánh vô vi thế gian không, hiển bày mười Trí lực cho đến Nhất thiết chủng trí thế gian không. Đó là hiển bày thế gian không.

Thế nên, này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật sinh ra các Đức Phật, hiển bày tướng thế gian.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đức Phật do Bát-nhã ba-la-mật hiển bày thế gian không, nên biết thế gian không, giác thế gian không, tư duy thế gian không, phân biệt thế gian không. Thế nên, Bát-nhã ba-la-mật sinh ra các Đức Phật, hiển bày tướng thế gian.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật hiển bày Phật thế gian không.

Thế nào là hiển bày Phật thế gian không? Là hiển bày không của năm ấm thế gian, cho đến hiển bày không của Nhất thiết chủng trí thế gian.

Thế nên Bát-nhã ba-la-mật sinh ra các Đức Phật, hiển bày tướng thế gian.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật hiển bày Phật là chẳng thể nghĩ bàn của thế gian. Hiển bày chẳng thể nghĩ bàn của

năm ấm thế gian, cho đến hiển bày chẳng thể nghĩ bàn của Nhất thiết chủng trí thế gian.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật hiển bày Phật lia thế gian. Hiển bày năm ấm ly thế gian cho đến hiển bày Nhất thiết chủng trí lia thế gian.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật bày tướng vắng lặng của Phật và thế gian. Hiển bày năm ấm thế gian vắng lặng cho đến Nhất thiết chủng trí thế gian là vắng lặng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật hiển bày rốt ráo không của Phật và thế gian, thế nào là rốt ráo không của thế gian. Hiển bày năm ấm rốt ráo không của thế gian, cho đến hiển bày rốt ráo không của Nhất thiết chủng trí và thế gian.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật hiển bày tánh không của Phật và thế gian. Hiển bày năm ấm tánh không của thế gian cho đến hiển bày Nhất thiết chủng trí tánh không của thế gian.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật hiển bày Phật pháp không của thế gian. Hiển bày năm ấm pháp không của thế gian, cho đến vô pháp không của Nhất thiết chủng trí ở thế gian.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật hiển bày Phật vô pháp không của Phật và thế gian. Hiển bày năm ấm hữu pháp không của thế gian, cho đến hiển bày hữu pháp không của Nhất thiết chủng trí ở thế gian.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật hiển bày hữu pháp không của thế gian, hiển bày năm ấm hữu pháp không của thế gian, cho đến hiển bày hữu pháp không của Nhất thiết chủng trí ở thế gian.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật hiển bày vô pháp hữu pháp không của Phật và thế gian. Hiển bày năm ấm vô pháp hữu pháp không của thế gian cho đến hiển bày vô pháp hữu pháp không của Nhất thiết chủng trí ở thế gian.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật hiển bày độc nhất không của Phật và thế gian. Hiển bày năm ấm độc nhất không của thế gian, cho đến hiển bày độc nhất không của Nhất thiết chủng trí ở thế gian.

Thế nên, này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật thường sinh ra các Đức Phật, hiển bày tướng Phật và thế gian.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này hiển bày tướng thế gian, đó là tướng chẳng sinh ở đời này, đời sau. Vì sao? Vì các pháp không có tướng để sinh ra đời này, đời sau được.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật này vì việc lớn mà phát khởi, vì việc chẳng thể nghĩ bàn mà phát khởi, vì việc không thể nói mà phát khởi, vì việc vô lượng mà phát khởi, vì việc vô đẳng mà phát khởi.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật này vì việc lớn, vì việc chẳng thể nghĩ bàn, vì việc không thể nói, vì việc vô đẳng đẳng mà phát khởi.

Thế nào Bát-nhã ba-la-mật vì việc lớn nên phát khởi?

Này Tu-bồ-đề! Việc lớn của các Phật là: cứu tất cả chúng sinh, chẳng lìa bỏ tất cả chúng sinh.

Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật vì việc chẳng thể nghĩ bàn nên phát khởi?

Này Tu-bồ-đề! Việc chẳng thể nghĩ bàn là Phật pháp, là pháp của Như Lai, là pháp của Đấng Tự Nhiên, là pháp của Bạc Nhất Thiết Trí.

Thế nào Bát-nhã ba-la-mật vì sự bất khả nêu lên mà phát khởi?

Này Tu-bồ-đề! Việc không thể nói là vì trong tất cả chúng sinh không ai có thể tư duy, nói lên, so lường được pháp của Phật, pháp của Như Lai, pháp của Đấng Tự Nhiên, là pháp của Bạc Nhất thiết trí.

Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật vì việc vô lượng mà phát khởi?

Này Tu-bồ-đề! Trong tất cả chúng sinh không ai lường được pháp của Phật, pháp của Như Lai, pháp của Đấng Tự Nhiên, là pháp của Bạc Nhất Thiết Trí, thế nên Bát-nhã ba-la-mật vì việc không thể so lường mà phát khởi.

Thế nào Bát-nhã ba-la-mật vì việc không gì sánh bằng mà phát khởi?

Này Tu-bồ-đề! Trong tất cả chúng sinh không ai sánh ngang với Đức Phật huống chi là hơn, thế nên Bát-nhã ba-la-mật vì sự không sánh bằng mà phát khởi.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật chỉ vì pháp của Phật, pháp của Như Lai, pháp của Đấng Tự Nhiên, là pháp của Bạc Nhất Thiết Trí, là sự chẳng thể nghĩ bàn, không thể nêu lên, không thể lường, không sánh bằng mà phát khởi ư?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy, pháp của Phật, của Như Lai, của Đấng Tự Nhiên, của Bạc Nhất Thiết Trí là sự chẳng thể nghĩ bàn, không thể nói lên, không thể so lường, không thể sánh bằng. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Nhất thiết chủng trí, pháp tánh, pháp tướng đều cũng chẳng thể nghĩ bàn, không thể nêu lên, không thể so lường, không thể sánh bằng. Trong đây, tâm và tâm sở đều không thật có.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì sắc không thật có cho đến Nhất thiết chủng trí không thật có nên sắc cho đến Nhất thiết chủng trí đều chẳng thể nghĩ bàn, không thể nói lên, không thể so lường, không thể sánh bằng.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao vì sắc không thật có nên chẳng thể nghĩ bàn đến không gì sánh bằng? Cho đến do đâu mà Nhất thiết chủng trí không thật có nên Nhất thiết chủng trí chẳng thể nghĩ bàn đến không thể sánh bằng?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Vì không ai so lường được sắc cho đến không ai lường được Nhất thiết chủng trí nên sắc không thật có, cho đến Nhất thiết chủng trí không thật có.

Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì sắc tướng chẳng thể nghĩ bàn nên không ai lường được cho đến vì sắc tướng không gì sánh bằng nên không ai so lường được. Vì Nhất thiết chủng trí chẳng thể nghĩ bàn

nên không ai so lường được, cho đến vì Nhất thiết chủng trí không sánh bằng nên không ai so lường được.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Trong chẳng thể nghĩ bàn, cho đến đối với không sánh bằng có thể được chăng? Sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Nhất thiết chủng trí có thể được chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn, không thể được!

– Thế nên, này Tu-bồ-đề! Tất cả pháp đều chẳng thể nghĩ bàn cho đến cũng đều không sánh bằng.

Này Tu-bồ-đề! Phật pháp đây chẳng thể nghĩ bàn, không thể nói lên, không thể so lường, không thể sánh bằng. Đó gọi là Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn cho đến nói là không gì sánh bằng.

Này Tu-bồ-đề! Phật pháp không thể nghĩ bàn vì vượt quá sự suy nghĩ bàn luận. Phật pháp không thể nói lên vì vượt quá sự nói lên. Phật pháp không thể so lường vì vượt quá sự so lường. Phật pháp không gì sánh bằng vì vượt quá sự sánh bằng.

Này Tu-bồ-đề! Do đó nên tất cả pháp không thể nghĩ bàn cho đến không gì sánh bằng.

Này Tu-bồ-đề! Không thể nghĩ bàn là nói nghĩa ấy không thể nghĩ bàn, không thể nói lên, là nói nghĩa ấy không thể nói lên, không thể so lường là nói nghĩa ấy không thể so lường, không thể sánh bằng là nói nghĩa ấy không gì sánh bằng.

Này Tu-bồ-đề! Pháp của các Đức Phật này không thể nghĩ bàn cho đến không sánh bằng.

Không thể nghĩ bàn như hư không chẳng thể nghĩ bàn, không thể nói lên như hư không chẳng thể nói lên, không thể so lường như hư không không thể so lường, không sánh bằng như hư không không gì sánh bằng.

Này Tu-bồ-đề! Đó gọi là không thể nghĩ bàn cho đến không gì sánh bằng của Phật pháp.

Phật pháp vô lượng như vậy, tất cả Trời, Người, A-tu-la không ai có thể tính lường, nghĩ bàn được.

Lúc Đức Phật nói phẩm Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn, không thể nói lên, không thể suy lường, không thể sánh bằng này có năm

trăm Tỳ-kheo và hai mươi Tỳ-kheo-ni vì chẳng lệ thuộc tất cả pháp nên phiền não dứt, tâm được giải thoát, chứng A-la-hán, sáu muôn Ưu-bà-tắc và ba muôn Ưu-bà-di xa lìa bụi nhơ, được Pháp nhãn thanh tịnh, hai mươi Đại Bồ-tát được pháp Nhẫn vô sinh, sẽ được thọ ký trong Hiền kiếp này.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 15

Phẩm 50: THÀNH BIỆN

Bấy giờ Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật rất sâu này vì việc lớn mà phát khởi, vì việc không thể nghĩ bàn, vì việc không thể nói lên, vì việc không thể so lường, vì việc không thể sánh bằng mà phát khởi.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Đúng vậy, Bát-nhã ba-la-mật rất sâu này vì việc không thể nghĩ bàn cho đến vì việc không thể sánh bằng mà phát khởi.

Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật chứa đựng năm pháp Ba-la-mật, chứa đựng mười tám không, chứa đựng bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo, chứa đựng mười Trí lực cho đến Nhất thiết chủng trí.

Ví như nhà vua là bậc tôn quý trong nước, bao nhiêu việc nước đều ủy nhiệm cho đại thần, nhà vua vô sự, an vui nhàn nhã.

Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Bao nhiêu pháp Thanh văn, pháp Bích-chi-phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật, tất cả đều ở trong Bát-nhã ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật có công năng hoàn thành những việc đó.

Thế nên, này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật vì việc lớn mà phát khởi, cho đến vì việc không gì sánh bằng mà phát khởi.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật này chẳng chấp sắc, chẳng dính sắc, nên hoàn thành được, chẳng lấy, chẳng dính vào thọ, tưởng, hành, thức cho đến chẳng chấp, chẳng dính vào Nhất thiết chủng trí nên có thể hoàn thành được, chẳng chấp, chẳng dính quả Tu-đà-hoàn, cho đến chẳng lấy, chẳng dính vào Vô thượng Chánh

đẳng Chánh giác nên Bát-nhã ba-la-mật này có công năng hoàn thành được tất cả pháp.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào vì chẳng chấp, chẳng dính vào sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến vì chẳng chấp, chẳng dính vào Nhất thiết chủng trí mà Bát-nhã ba-la-mật thường có công năng hoàn thành tất cả pháp?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Ý ông nghĩ sao? Thấy sắc, thọ, tưởng, hành, thức có thể chấp, có thể dính mắc được chăng? Cho đến Nhất thiết chủng trí có thể chấp, có thể dính mắc được chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn, không thể được!

– Lành thay, này Tu-bồ-đề! Đức Phật cũng chẳng thấy sắc có thể chấp, có thể dính mắc được cho đến chẳng thấy Nhất thiết chủng trí có thể chấp, có thể dính mắc được. Vì chẳng thấy nên chẳng chấp, vì chẳng chấp nên chẳng dính mắc.

Này Tu-bồ-đề! Đức Phật cũng chẳng thấy pháp của Phật, pháp của Như Lai, pháp của Đấng Tự nhiên, pháp của bậc Nhất thiết trí có thể chấp, có thể dính mắc được. Vì chẳng thấy nên chẳng chấp, vì chẳng chấp nên chẳng dính mắc.

Thế nên, này Tu-bồ-đề! Các Đại Bồ-tát chẳng nên chấp, chẳng nên dính mắc sắc, cho đến chẳng nên chấp, chẳng nên dính mắc vào pháp của bậc Nhất thiết trí.

Bấy giờ các trời cõi Dục, cõi Sắc bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật rất sâu này khó thấy, khó hiểu chẳng thể suy nghĩ, so lường biết được, người có trí tuệ vắng lặng khéo léo mới biết được.

Người tin được Bát-nhã ba-la-mật này, phải biết đó là Đại Bồ-tát đã cúng dường nhiều Đức Phật, trồng nhiều căn lành, gần gũi Thiện tri thức, nên tin hiểu được Bát-nhã ba-la-mật rất sâu này.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu trong cõi đại thiên có bao nhiêu chúng sinh, tất cả đều làm người tín hành, người pháp hành, làm Bát nhân, làm Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, làm Bích-

chi-phật hoặc trí hoặc đoạn, đều chẳng bằng được Bồ-tát này thực hành Bát-nhã ba-la-mật trong một ngày. Vì sao? Vì người tín hành, người pháp hành cho đến Bích-chi-phật hoặc trí hoặc đoạn chính là pháp Nhẫn vô sinh của Bồ-tát.

Phật bảo các vị trời cõi Dục, cõi Sắc:

–Đúng vậy, này các trời người, người tín hành, người pháp hành, cho đến Bích-chi-phật chính là pháp Nhẫn vô sinh của Đại Bồ-tát. Này các trời, người, nếu thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này rồi biên chép, thọ trì, đọc tụng, cho đến ghi nhớ thì sẽ mau được Niết-bàn hơn thiện nam, thiện nữ vì cầu Thanh văn hay Bích-chi-phật mà lìa bỏ Bát-nhã ba-la-mật, thực hành theo kinh khác một kiếp hoặc dưới một kiếp. Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này có nói rộng về pháp thượng diệu mà người tín hành, người pháp hành cho đến Đại Bồ-tát đều phải học. Học xong chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ các vị trời cõi Dục, cõi Sắc đồng thanh thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật này gọi là Ma-ha ba-la-mật, gọi là Ba-la-mật không thể nghĩ bàn, không thể nói lên, không thể so lường, không thể sánh bằng. Người tín hành, người pháp hành cho đến Bích-chi-phật học Bát-nhã ba-la-mật này được thành Đại Bồ-tát, được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bát-nhã ba-la-mật này cũng chẳng thêm, chẳng bớt.

Bạch xong, các vị trời cõi Dục, cõi Sắc đánh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh Phật rồi trở về cõi trời.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này mà liền tin, liền hiểu thì người này từ nơi nào chết rồi sinh vào nhân gian?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu Đại Bồ-tát nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này liền tin, liền hiểu, chẳng quên, chẳng bỏ, chẳng thối mắc, chẳng nghi ngờ, chẳng ăn năn, mà vui mừng thích nghe, nghe xong ghi nhớ, chẳng xa lìa, hoặc đi đứng, hoặc lúc nằm ngồi chẳng hề quên sót, thường theo sát Pháp sư.

Như trâu nghe theo sát trâu mẹ, Bồ-tát vì nghe Bát-nhã ba-la-mật mà thường theo sát Pháp sư, khi được Bát-nhã ba-la-mật rồi miệng niệm tụng, tâm hiểu, chánh kiến thông suốt.

Này Tu-bồ-đề! Phải biết Đại Bồ-tát này từ loài người chết mà sinh lại trong nhân gian này.

Vì sao? Người cầu Phật đạo, đời trước nghe Bát-nhã ba-la-mật rồi biên chép, cung kính, cúng dường, nên sau khi chết sinh trở lại nhân gian, được nghe Bát-nhã ba-la-mật liền tin, liền hiểu.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Có vị Bồ-tát nào ở cõi khác thành tựu công đức trên đây, cúng dường các Phật rồi bỏ thân mà sinh đến nhân gian này, được nghe Bát-nhã ba-la-mật liền tin, liền hiểu, biên chép thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ hay chăng?

Phật dạy:

–Có, ở cõi khác, Bồ-tát thành tựu công đức trên đây cúng dường các Đức Phật, bỏ thân sinh đến nhân gian này, được nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa liền tin, liền hiểu, biên chép thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ. Phải biết đó là do công đức thành tựu ở đời trước nên được như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Có Bồ-tát ở chỗ Bồ-tát Di-lặc được nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, do căn lành ấy mà sinh đến nhân gian này.

Này Tu-bồ-đề! Lại có Bồ-tát đời trước nghe Bát-nhã ba-la-mật mà chẳng thưa hỏi những việc trong đó. Vì không thưa hỏi nên sinh đến nhân gian này nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này lòng họ tiếp tục nghi ngờ, khó tỏ ngộ.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát đời trước hoặc nghe Thiền ba-la-mật, hoặc nghe Tịnh tấn ba-la-mật, hoặc nghe Nhẫn nhục ba-la-mật, hoặc nghe Trì giới ba-la-mật, hoặc nghe Bố thí ba-la-mật mà không thưa hỏi những việc trong đó. Vì đời trước không thưa hỏi nên sinh đến nhân gian này, nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa tâm họ tiếp tục nghi ngờ, khó tỏ ngộ.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu đời trước Bồ-tát hoặc nghe nội không, ngoại không, cho đến nghe Nhất thiết chủng trí mà không

thừa hỏi những việc trong đó, vì đời trước không thừa hỏi để được hiểu chính xác nên sinh đến nhân gian này, nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa tâm họ tiếp tục nghi ngờ, khó tỏ ngộ.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu đời trước Bồ-tát nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa rồi thừa hỏi những việc trong ấy mà không thực hành, khi bỏ thân này sinh đến đời sau, nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này trong khoảng một ngày hoặc hai, ba, bốn, năm ngày, tâm họ tin hiểu vững chắc không ai phá hoại được. Nếu họ xa lìa điều được nghe thì sẽ lui sụt. Vì sao? Vì ở đời trước lúc nghe Bát-nhã ba-la-mật đầu họ có thừa hỏi việc ấy nhưng chẳng thực hành đúng như lời dạy. Người này có lúc muốn nghe, có lúc chẳng muốn nghe, tâm chẳng vững chắc, chí chẳng quyết định, như cái lông nhẹ, theo gió mà bay đến chỗ này chỗ khác.

Này Tu-bồ-đề! Phải biết Bồ-tát này phát tâm chẳng được bao lâu, chẳng thường gần gũi Thiện tri thức, chẳng cúng dường nhiều Đức Phật, đời trước đầu được nghe mà chẳng biên chép, chẳng đọc tụng, chẳng ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật, chẳng học sáu pháp Ba-la-mật, chẳng học nội không, ngoại không, cho đến chẳng học Nhất thiết chủng trí. Bồ-tát này mới phát tâm Đại thừa, vì ít tin ít thích nên chẳng đọc tụng, chẳng nhớ nghĩ Bát-nhã ba-la-mật, chẳng thể biên chép, cho đến ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này.

Này Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo mà chẳng biên chép, chẳng thọ trì cho đến chẳng ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này, cũng chẳng được sự che chở của Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này, cho đến cũng chẳng được sự che chở của Nhất thiết chủng trí. Người này cũng chẳng thực hành Bát-nhã ba-la-mật đúng như lời cho đến đối với Nhất thiết chủng trí cũng chẳng thực hành đúng như lời dạy. Người này hoặc theo các Thanh văn hoặc Bích-chi-phật.

Vì sao? Người này chẳng biên chép cho đến chẳng thực hành Bát-nhã ba-la-mật, chẳng được sự che chở của Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, thế nên họ sẽ đi vào một trong hai thừa ấy.

M

Phẩm 51: THÍ DỤ

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Ví như thuyền hư bị chìm giữa biển lớn, nếu người nào trong thuyền chẳng nắm phao, chẳng ôm cây ván hoặc thây chết thì những người ấy không thể vào bờ và sẽ chìm chết. Người nào nắm phao hoặc ôm cây ván, thây chết thì người này chẳng bị chìm chết, sẽ được vào đến bờ, an ổn tự do.

Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, nếu chỉ có tâm tin ưa mà chẳng theo Bát-nhã ba-la-mật, chẳng biên chép, chẳng thọ trì, chẳng đọc, chẳng tụng, chẳng giảng nói, chẳng ghi nhớ, với năm pháp Ba-la-mật kia cho đến Nhất thiết chủng trí cũng đều chẳng y cứ, chẳng biên chép, đọc tụng, ghi nhớ, phải biết thiện nam, thiện nữ này giữa đường suy hao, chẳng đến được Nhất thiết chủng trí, sẽ chứng quả Thanh văn hoặc Bích-chi-phật.

Này Tu-bồ-đề! Nếu thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, có đức tin, đức nhẫn, có tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, có hiểu biết, có xả, có tinh tấn, theo Bát-nhã ba-la-mật, biên chép, thọ trì, đọc tụng, giảng nói, ghi nhớ, người này được sự che chở của Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, cho đến được sự che chở của Nhất thiết chủng trí. Nhờ sự che chở nên người này chẳng bị giữa đường suy hao, vượt khỏi bậc Thanh văn, Bích-chi-phật, thường thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, sẽ chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Ví như có người dùng cái bình đất chứa nung chín để múc nước, phải biết không bao lâu cái bình ấy sẽ bể rã, trở về với đất.

Cũng như vậy, nếu thiện nam, thiện nữ đều có tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có đức tin, đức nhẫn, có tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, có hiểu biết, có xả, có tinh tấn, mà chẳng được sự che chở của Bát-nhã ba-la-mật sâu xa cho đến của Nhất thiết chủng trí, người này giữa đường bị suy hao, sẽ rơi vào các Thanh văn, Bích-chi-phật.

Này Tu-bồ-đề! Ví như có người dùng cái bình đất đã nung chín để đựng nước, phải biết cái bình này sẽ chứa được nước mà không bị rã.

Cũng vậy, có thiện nam, thiện nữ nào cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có đức tin, đức nhẫn, có tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, có hiểu chắc tinh tấn, lại được sự che chở của Bát-nhã ba-la-mật cho đến Nhất thiết chủng trí, phải biết người này chẳng bị suy hao giữa đường mà vượt khỏi hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, thường thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ví như thuyền trang bị chưa hoàn thành mà chở tài vật vượt biển khơi, phải biết thuyền này sẽ bị chìm giữa biển, người một nơi, thuyền và tài vật chìm trôi một ngả. Vì phương tiện không đầy đủ nên lái buôn phải mất tài vật.

Cũng như vậy, thiện nam, thiện nữ nào dầu có tâm Bồ-tát, có đức tin, đức nhẫn, nguyện tịnh tâm, thâm tâm cho đến tinh tấn mà không được năng lực phương tiện của Bát-nhã ba-la-mật, cho đến Nhất thiết chủng trí che chở, phải biết người này giữa đường bị suy hao mất châu báu lớn, Nhất thiết chủng trí, đi theo các Thanh văn, Bích-chi-phật.

Này Tu-bồ-đề! Ví như người có trí, trang bị thuyền lớn đầy đủ, sau đó mới cho thuyền hạ thủy chuyên chở tài vật, phải biết thuyền này sẽ không bị hư giữa đường, sẽ đến được chỗ muốn đến.

Cũng như vậy, thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, có đức tin, có nhẫn, có tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, hiểu chắc, tinh tấn, lại được năng lực phương tiện của Bát-nhã ba-la-mật cho đến Nhất thiết chủng trí che chở, phải biết người này sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không bị suy hao giữa đường, không theo các Thanh văn, Bích-chi-phật.

Này Tu-bồ-đề! Ví như có người già hơn trăm tuổi, suy yếu nhiều bệnh. Người già bệnh này nằm liệt trên giường không thể dậy đi được, hoặc có dậy đi được cũng không thể bước đi xa một, hai mươi dặm.

Cũng như vậy, thiện nam, thiện nữ nào dầu có tâm Bồ-đề, có

đức tin, đức nhẫn, có tịnh tâm, thâm tâm, có nguyện, hiểu chắc, tinh tấn nhưng chẳng được năng lực phương tiện của Bát-nhã ba-la-mật che chở, cho đến chẳng được năng lực phương tiện của Nhất thiết chủng trí che chở, phải biết người này giữa đường cũng rơi vào hàng Thanh văn, Bích-chi-phật.

Như người già hơn trăm tuổi, suy yếu nhiều bệnh, muốn đứng dậy bước đi, có hai người khỏe mạnh hết lòng dìu hai bên, nhờ đó người già bệnh đến được chỗ muốn đến.

Cũng như vậy, thiện nam, thiện nữ nào cầu Phật đạo, có đức tin, có nhẫn, có tịnh tâm, thâm tâm, có dục, hiểu chắc, xả, tinh tấn, lại được năng lực phương tiện của Bát-nhã ba-la-mật cho đến Nhất thiết chủng trí che chở, phải biết người này giữa đường không rơi vào các Thanh văn, Bích-chi-phật mà đến được chỗ muốn đến, đó là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đến đây Đức Phật lại khen Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay! Tu-bồ-đề! Vì các Bồ-tát mà thưa hỏi Như Lai việc như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào từ lúc mới phát tâm đến nay, dùng tâm ngã ngã sở mà bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Lúc bố thí cho đến trí tuệ, người này nghĩ rằng: mình là thí chủ, mình bố thí cho người ấy, mình bố thí vật ấy, cho đến nghĩ rằng mình là người tu trí tuệ, mình tu trí tuệ ấy, mình có trí tuệ. Người này chẳng biết bờ này, bờ kia, chẳng được sự che chở của Bát-nhã ba-la-mật, cho đến chẳng được sự che chở của Nhất thiết chủng trí. Vì trong Bát-nhã ba-la-mật cho đến Bố thí ba-la-mật không có sự phân biệt như vậy. Xa lìa bờ này bờ kia, đó là tướng của sáu pháp Ba-la-mật. Vì không được che chở nên người này chẳng đến được Nhất thiết chủng trí mà theo các Thanh văn, Bích-chi-phật.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là người cầu Phật đạo mà không có phương tiện?

Người cầu Phật đạo từ lúc bắt đầu phát tâm đến nay không có năng lực phương tiện khi thực hành sáu độ, người này cho rằng mình là thí chủ bố thí cho người và dùng tài vật ấy để bố thí, cho đến nghĩ rằng mình tu tuệ ấy, có tuệ ấy, do đó mà có quan niệm tự cao: Nơi

bố thí tự cao, trì giới tự cao, nhẫn nhục tự cao, tinh tấn tự cao, thiền định tự cao, trí tuệ tự cao. Người này chẳng biết rằng không phân biệt nhớ tưởng, xa lìa bờ này, bờ kia là tướng của sáu pháp Ba-la-mật. Vì không biết bờ này, không biết bờ kia nên người này không được sự che chở của Bố thí ba-la-mật, cho đến không được sự che chở của Nhất thiết chủng trí, do đó không thể đến được Nhất thiết chủng trí mà theo các hàng Thanh văn, Bích-chi-phật.

Thế nên, này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát chẳng được năng lực phương tiện của Bát-nhã ba-la-mật che chở thì sẽ theo các Thanh văn, Bích-chi-phật. Nếu được sự che chở của năng lực phương tiện Bát-nhã ba-la-mật thì Đại Bồ-tát sẽ mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không bị đi theo Thanh văn, Bích-chi-phật.

Thế nào là được sự che chở?

Này Tu-bồ-đề! Từ ban sơ đến nay, Bồ-tát dùng năng lực phương tiện mà bố thí, không có tâm ngã, ngã sở, cho đến không có tâm ngã, ngã sở mà tu trí tuệ. Bồ-tát này chẳng nghĩ rằng: “Mình có bố thí, đó là của mình bố thí, chẳng vì bố thí mà tự cao, cho đến chẳng vì trí tuệ mà tự cao.” Bồ-tát này chẳng nghĩ rằng: “Mình là thí chủ, mình bố thí cho người ấy, mình đem vật ấy để bố thí.” Cho đến chẳng nghĩ rằng: “Mình tu trí tuệ, mình có trí tuệ ấy.” Vì sao? Vì trong Bố thí ba-la-mật không có sự phân biệt như vậy, xa lìa bờ này, bờ kia là tướng của Bố thí ba-la-mật, cho đến xa lìa bờ này, bờ kia là tướng của Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật không sự nhớ nghĩ, phân biệt như vậy.

Bồ-tát này biết bờ này, biết bờ kia. Bồ-tát này được Bố thí ba-la-mật che chở, cho đến được Bát-nhã ba-la-mật che chở, được nội không, ngoại không cho đến được Nhất thiết chủng trí che chở. Vì được sự che chở đó nên Bồ-tát này chẳng theo các Thanh văn, Bích-chi-phật mà đến được Nhất thiết chủng trí.

Thế nên, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát vì được năng lực phương tiện của Bát-nhã ba-la-mật che chở nên chẳng theo các Thanh văn, Bích-chi-phật mà mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

M

Phẩm 52: TRI THỨC

Bấy giờ, Tuệ mạng Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát tân học phải học sáu pháp Ba-la-mật như thế nào?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Nếu muốn học sáu pháp Ba-la-mật thì Bồ-tát tân học trước phải cúng dường gần gũi Thiện tri thức thường giảng nói Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này. Thiện tri thức ấy giảng dạy: Này thiện nam! Có bao nhiêu bố thí đều hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tất cả, có bao nhiêu trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ đều hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tất cả. Người chớ cho rằng sắc, thọ, tưởng, hành, thức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chớ cho sáu pháp Ba-la-mật là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chớ cho nội không cho đến vô pháp hữu pháp không là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chớ cho bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chớ cho mười Trí lực cho đến mười tám pháp Bất cộng là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì chẳng chấp sắc, thọ, tưởng, hành, thức thì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng chấp sáu pháp Ba-la-mật, cho đến chẳng nắm lấy mười tám pháp Bất cộng thì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này thiện nam! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này chớ tham sắc, tham thọ, tưởng, hành, thức, chớ tham sáu pháp Ba-la-mật, cho đến chớ tham Nhất thiết chủng trí. Vì sắc chẳng phải cái để tham, cho đến vì Nhất thiết chủng trí chẳng phải là cái để tham.

Này thiện nam! Chớ tham quả Tu-đà-hoàn cho đến chớ tham địa vị Bồ-tát, chớ tham Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng phải cái để tham. Vì sao? Vì các pháp là tánh không.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Các vị Bồ-tát thường làm được việc khó: Đối với tất cả pháp tánh không mà cầu Vô thượng Chánh đẳng

Chánh giác, muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật dạy:

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thường làm được việc khó: Đối với pháp tánh không mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Vì muốn an ổn thế gian nên các Đại Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì muốn an vui thế gian, cứu giúp thế gian, làm chỗ trở về cho thế gian, làm chỗ y cứ cho thế gian, làm cội bãi cho thế gian, làm người dìu dắt thế gian, làm con đường rớt ráo cho thế gian, làm chỗ đến cho thế gian mà các Đại Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào vì an ổn thế gian, vì an vui thế gian mà các Đại Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Đại Bồ-tát lúc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cứu vượt chúng sinh sáu đường ra khỏi lo khổ sầu não, đặt lên bờ Niết-bàn không còn sợ hãi.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào vì cứu giúp thế gian mà các Đại Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Đại Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cứu khổ sinh tử cho chúng sinh, nói pháp cho chúng sinh, chúng sinh được nghe pháp dần dần từ ba thừa mà được độ thoát.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là vì làm chỗ trở về cho thế gian mà các Đại Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Đại Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cứu vượt chúng sinh ra khỏi tướng sinh, già, bệnh, chết, lo buồn sầu não, đặt chúng trên bờ Niết-bàn không còn sợ hãi.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là vì làm chỗ y cứ cho thế gian mà các Đại Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Đại Bồ-tát lúc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vì chúng sinh mà nói tất cả pháp không chỗ y cứ.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là tất cả pháp không chỗ y cứ?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Sắc chẳng nối nhau đó là sắc không sinh, sắc không sinh đó là sắc không diệt, sắc không sinh diệt đó là sắc không chỗ y cứ. Như sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Nhất thiết chủng trí cũng như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là vì làm con đường rốt ráo chỗ thế gian mà các Đại Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Lúc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Đại Bồ-tát vì chúng sinh mà nói pháp như vậy: Tướng rốt ráo của sắc, của thọ, tưởng, hành, thức cho đến của Nhất thiết chủng trí chẳng phải sắc, chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức cho đến chẳng phải Nhất thiết chủng trí.

Như tướng rốt ráo, tất cả pháp tướng đều như vậy.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều như tướng rốt ráo, tại sao các Đại Bồ-tát đều được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì trong tướng rốt ráo của sắc, của thọ, tưởng, hành, thức cho đến trong tướng rốt ráo của Nhất thiết chủng trí đều không có phân biệt là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức, cho đến không có phân biệt là Nhất thiết chủng trí.

Phật dạy:

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Trong tướng rốt ráo của sắc, của thọ, tưởng, hành, thức, cho đến trong tướng rốt ráo của Nhất thiết chủng trí không có phân biệt là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức, cho đến không có phân biệt là Nhất thiết chủng trí.

Tu-bồ-đề! Đây là việc khó của Đại Bồ-tát: quán sát tướng vắng lặng của các pháp mà tâm Bồ-tát chẳng mất, chẳng bỏ. Vì Đại Bồ-tát nghĩ rằng pháp sâu xa như vậy mình phải biết như vậy, lúc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác sẽ vì chúng sinh mà nói pháp vắng lặng nhiệm mầu như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là vì làm cồn bãi cho thế gian mà Đại Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Trong sông trong biển, chỗ đất bốn phía đều bị nước cắt đứt thì gọi là cồn bãi. Cũng vậy, sắc trước sau đứt đoạn, thọ, tưởng, hành, thức trước sau đứt đoạn, cho đến Nhất thiết chủng trí trước sau đứt đoạn. Vì trước sau đứt đoạn nên tất cả pháp đều đứt đoạn.

Tu-bồ-đề! Tất cả pháp trước sau đứt đoạn đó là vắng lặng, đó là vật bảo, tức là không, không có sở đắc, nhiệm ái đứt sạch, là lià dục Niết-bàn.

Lúc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Đại Bồ-tát vì chúng sinh mà nói pháp vắng lặng nhiệm mầu.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là vì làm người diu dắt thế gian mà các Đại Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Đại Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vì chúng sinh mà giảng nói sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng nhớ, chẳng sạch, vì chúng sinh mà giảng nói mười hai nhập, mười tám giới, bốn Thiền, vốn Tâm vô lượng, bốn không định, bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo, năm thần thông là chẳng sinh, diệt, chẳng nhớ, sạch, giảng nói quả Tu-đà-hoàn cho đến Nhất thiết chủng trí là chẳng sinh, diệt, nhớ, sạch.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là vì làm chỗ đến cho chúng sinh mà các Đại Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Đại Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vì chúng sinh mà giảng nói sắc cho đến không, thọ, tưởng, hành, thức đến không, cho đến Nhất thiết chủng trí đến không. Vì chúng sinh giảng nói sắc chẳng phải đến chẳng phải chẳng đến, cho đến giảng nói Nhất thiết chủng trí chẳng phải đến chẳng phải chẳng đến. Vì sao? Vì tướng không của sắc chẳng phải đến chẳng phải chẳng đến, vì tướng không của thọ, tưởng, hành, thức cho đến tướng không của Nhất thiết chủng trí chẳng phải đến chẳng phải chẳng đến. Vì tất cả pháp đến không tức là đến mà chẳng có đến đâu cả. Vì sao? Vì trong Không đều không có đến hay chẳng đến.

Tu-bồ-đề! Tất cả pháp cho đến vô tướng. Sự đến này chẳng đi qua đến đâu cả. Vì sao? Vì trong vô tướng, đến và chẳng đến đều không thật có.

Tu-bồ-đề! Tất cả pháp cho đến vô tác. Sự đến này chẳng đi đến đâu cả. Vì sao? Vì trong vô tác, đến và chẳng đến đều không thật có.

Tu-bồ-đề! Tất cả pháp đến không sinh khởi, đến không sinh diệt, đến không nhớ sạch, đến không thật có. Sự đến này chẳng đi

đến đâu cả. Vì sao? Vì trong không sinh khởi, trong không thật có, trong không sinh diệt, không nhớ sạch, đến và chẳng đến đều không thật có.

Tu-bồ-đề! Tất cả pháp cho đến mộng, huyền, tiếng vang, ảnh, hóa. Sự đến này chẳng đến đâu cả. Vì sao? Vì trong mộng, huyền, tiếng vang, ảnh, hóa, đến và chẳng đến đều không thật có.

Tu-bồ-đề! Tất cả pháp đến vô lượng, vô biên. Sự đến này chẳng đi đến đâu cả. Vì sao? Vì trong vô lượng, vô biên, đến và chẳng đến đều không thật có.

Tu-bồ-đề! Tất cả pháp đến chẳng cho, chẳng lấy. Sự đến này chẳng đi đến đâu cả. Vì sao? Vì trong chẳng cho, chẳng lấy này, đến và chẳng đến đều không thật có.

Tu-bồ-đề! Tất cả pháp đến chẳng cao, chẳng thấp. Sự đến này chẳng đi đến đâu cả. Vì sao? Vì trong chẳng cao, chẳng thấp này, đến và chẳng đến đều không thật có.

Tu-bồ-đề! Tất cả pháp đến không thêm, không bớt. Sự đến này chẳng đi đến đâu cả. Vì sao? Vì trong không thêm, không bớt này, đến và chẳng đến đều không thật có.

Tu-bồ-đề! Tất cả pháp cho đến không tới lui, không ra vào, không hợp tan, không chấp trước đoạn diệt. Sự đến này chẳng qua đến đâu. Vì sao? Vì trong chẳng đến đi, nhập xuất, hợp tán, trước đoạn, đến và chẳng đến đều không thật có.

Tu-bồ-đề! Tất cả pháp cho đến ngã, đến nhân, đến chúng sinh, đến thọ giả, đến khởi lên, đến làm cho khởi lên, đến hành động, đến làm cho hành động, đến người biết, đến người thấy. Sự đến này chẳng đi đến đâu. Vì sao? Vì ngã cho đến người biết, người thấy đều rốt ráo không thật có thì làm sao có đến, chẳng đến?

Tu-bồ-đề! Tất cả pháp cho đến thường, đến lạc, đến ngã, đến tịnh. Sự đến này chẳng đến đâu. Vì sao? Vì thường, lạc, ngã, tịnh rốt ráo không thật có thì làm sao có đến, chẳng đến?

Tu-bồ-đề! Tất cả pháp đến vô thường, đến khổ, đến bất tịnh, đến vô ngã. Sự đến này chẳng đi đến đâu. Vì sao? Vì vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã rốt ráo không thật có thì làm sao có đến, chẳng đến?

Tu-bồ-đề! Tất cả pháp đến tham, sân, si, mạn, nghi, kiến. Sự đến này chẳng đi đến đâu. Vì sao? Vì tham, sân, si, mạn, nghi, kiến rốt ráo không thật có thì làm sao có đến, chẳng đến?

Tu-bồ-đề! Tất cả pháp đến như, đến pháp tánh, đến thật tế, đến tánh chẳng nghĩ bàn. Sự đến này chẳng đi đến đâu. Vì sao? Vì trong như, trong pháp tánh, thật tế, tánh chẳng nghĩ bàn không có đến, không có đi.

Tu-bồ-đề! Tất cả pháp đến bình đẳng, đến tướng bất động. Sự đến này chẳng đi đến đâu. Vì sao? Vì trong bình đẳng, trong tướng bất động không có đến và chẳng đến.

Tu-bồ-đề! Tất cả pháp đến sắc, đến thọ, tưởng, hành, thức, đến mười hai nhập, mười tám giới. Sự đến này chẳng đi đến đâu. Vì sao? Vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức, nhập, giới đều chẳng thật có được thì làm sao có đến, chẳng đến?

Tu-bồ-đề! Tất cả pháp đến sáu pháp Ba-la-mật cho đến mười tám không, đến ba mươi bảy trợ đạo. Sự đến này là chẳng đi đến đâu. Vì sao? Vì sáu pháp Ba-la-mật cho đến tám Thánh đạo đều không thật có thì làm sao có đến, chẳng đến.

Tu-bồ-đề! Tất cả pháp cho đến mười Trí lực cho đến Nhất thiết chủng trí. Sự đến này chẳng đi đến đâu. Vì sao? Vì trong Nhất thiết chủng trí không có đến, chẳng đến.

Tu-bồ-đề! Tất cả pháp đến quả Tu-đà-hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sự đến này là chẳng đi đến đâu. Vì sao? Vì trong quả Tu-đà-hoàn cho đến trong Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có đến, chẳng đến.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Ai là người thường hay tin hiểu Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Có Đại Bồ-tát từ trước ở chỗ các Đức Phật đã tu sáu pháp Ba-la-mật, thiện căn thuần thực, cúng dường vô số trăm ngàn muôn ức các Đức Phật, thường gần gũi Thiện tri thức. Những người này thường tin hiểu Bát-nhã ba-la-mật sâu xa.

–Bạch Đức Thế Tôn! Người thường hay tin hiểu Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này có tánh gì, tướng gì, mao gì?

–Tánh, tướng, mao xa lia tham, sân, si, Đại Bồ-tát này tin hiểu Bát-nhã ba-la-mật sâu xa.

M

Phẩm 53: HƯỚNG ĐẾN NHẤT THIẾT TRÍ

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát hiểu Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này sẽ đến chỗ nào?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát hiểu Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này sẽ đến Nhất thiết chủng trí.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát đến được Nhất thiết chủng trí này làm chỗ trở về cho tất cả chúng sinh, vì tu Bát-nhã ba-la-mật.

Bạch Đức Thế Tôn! Tu Bát-nhã ba-la-mật là tu tất cả pháp.

Bạch Đức Thế Tôn! Không chỗ tu là tu Bát-nhã ba-la-mật, chẳng thọ nhận tu, hư hoại tu là tu Bát-nhã ba-la-mật.

–Do pháp gì hư hoại mà Bát-nhã ba-la-mật là hư hoại tu?

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sắc hư hoại nên Bát-nhã ba-la-mật là Hoại tu.

Vì thọ, tưởng, hành, thức hư hoại, vì mười hai nhập, mười tám giới hoại, nên Bát-nhã ba-la-mật là Hoại tu.

Vì ngã cho đến người biết, người thấy hoại, nên Bát-nhã ba-la-mật là Hoại tu.

Vì Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật hoại nên Bát-nhã ba-la-mật là Hoại tu.

Vì nội không hoại, cho đến mười tám pháp Bất cộng hoại, nên Bát-nhã ba-la-mật là Hoại tu.

Vì bốn Niệm xứ hoại, cho đến Nhất thiết chủng trí hoại, nên Bát-nhã ba-la-mật là Hoại tu.

Phật dạy:

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Vì sắc hoại cho đến Nhất thiết chủng trí hoại nên Bát-nhã ba-la-mật là Hoại tu.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Trong Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này, bậc Bồ-tát ở địa vị không lui sụt phải nghiệm biết.

Nếu đối với Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này mà chẳng chấp trước, phải biết đó là bậc Bồ-tát ở địa vị không lui sụt.

Nếu đối với Thiên định ba-la-mật cho đến đối với Nhất thiết chủng trí mà chẳng trước chấp, phải biết đó là bậc Bồ-tát ở địa vị không lui sụt.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, vị Bồ-tát ở địa vị không lui sụt chẳng lấy lời người khác làm khẩn yếu, cũng chẳng làm theo lời chỉ bảo của người khác.

Vị Bồ-tát ở địa vị không lui sụt chẳng bị tâm dục, tâm sân, tâm si dẫn dắt, chẳng bao giờ xa lìa sáu pháp Ba-la-mật.

Lúc nghe nói Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, vị Bồ-tát ở địa vị không lui sụt chẳng kinh sợ, chẳng ăn năn, nghi ngờ mà hoan hỷ ưa nghe, thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ và thực hành đúng như lời.

Này Tu-bồ-đề! Phải biết Bồ-tát này đời trước đã từng nghe những việc trong Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này và đã thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này hiện có oai đức lớn rộng, nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa mà tâm không kinh sợ, ăn năn, nghi ngờ, lại vui mừng ưa nghe, thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này mà không kinh sợ, lại ưa nghe cho đến ghi nhớ thì phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật này thế nào?

Phật dạy:

–Thuận theo tâm của Nhất thiết chủng trí, đây là chỗ phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào gọi là thuận theo tâm của Nhất

thiết chủng trí mà Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật phải như vậy?

–Này Tu-bồ-đề! Lấy không để thuận theo lấy vô tướng, vô tác để thuận theo lấy vô sở hữu, bất sinh, bất diệt, không nhớ, không sạch để thuận theo đó là Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa.

Lấy như mộng, như huyễn, sóng nắng, tiếng vang, biến hóa để thuận theo đó là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Như Đức Phật giảng dạy lấy không cho đến lấy như mộng, huyễn để thuận theo người thực hành Bát-nhã ba-la-mật phải như vậy. Đại Bồ-tát này thực hành pháp gì?

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát chẳng thực hành sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến chẳng thực hành nơi Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì chỗ thực hành của Bồ-tát này không pháp làm, không pháp hoại, không từ đâu đến, cũng chẳng đi đâu, không chỗ trụ, không tính được, không lường được. Nếu không tính được, không lường được thì pháp ấy là chẳng thật có, chẳng thể dùng sắc để được cho đến chẳng thể dùng Nhất thiết chủng trí để được. Vì sao? Vì sắc tức là Bát-nhã ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật tức là sắc, cho đến Nhất thiết chủng trí tức là Bát-nhã ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật tức là Nhất thiết chủng trí.

Nếu như của sắc tướng cho đến như của Nhất thiết chủng trí tướng thì đều là như duy nhất, không hai, không khác.

Như sắc tướng, như của tướng Bát-nhã ba-la-mật là như duy nhất, không hai, không khác.

Cho đến như của tướng Nhất thiết chủng trí, như của tướng Bát-nhã ba-la-mật là như duy nhất, không hai, không khác.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 16

Phẩm 54: ĐẠI NHƯ

Bấy giờ các vị trời ở các tầng trời cõi Dục, cõi Sắc đem hương bột Chiên-đàn cõi trời, và các hoa sen sinh, đỏ, hồng, trắng cõi trời vói rải cúng dường Đức Phật, đến chỗ Đức Phật đánh lễ dưới chân Phật, rồi đứng qua một phía, mà bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của các Phật là rất sâu, khó thấy, khó hiểu chẳng thể suy gẫm mà biết được, là nhiệm mầu vắng lặng, chỉ có người trí mới biết được, ngoài ra tất cả thế gian chẳng thể tin được. Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật sâu xa có nói rằng: Sắc tức là Bát-nhã ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật tức là sắc, cho đến Nhất thiết chủng trí tức là Bát-nhã ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật tức là Nhất thiết chủng trí. Tướng như của sắc, tướng như của Bát-nhã ba-la-mật, là một như, không hai, không khác. Cho đến tướng như của Nhất thiết chủng trí, tướng như của Bát-nhã ba-la-mật là một như, không hai, không khác.

Phật dạy:

–Đúng vậy, này các vị trời! Sắc tức là Bát-nhã ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật tức là sắc. Cho đến Nhất thiết chủng trí là Bát-nhã ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật là Nhất thiết chủng trí.

Tướng như của sắc, cho đến tướng như của Nhất thiết chủng trí là một như, không hai, không khác.

Thế nên, này các vị trời! Lúc mới thành đạo, tâm Phật muốn yên lặng, chẳng muốn nói pháp. Vì sao? Vì pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Phật chứng được rất sâu, khó thấy, khó hiểu, chẳng thể suy gẫm biết được, là nhiệm mầu vắng lặng, chỉ người trí biết được, còn tất cả thế gian chẳng thể tin được.

Vì sao? Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có người được, không có chỗ được, không có thời gian được, đó gọi là tướng rất sâu của các pháp, chính là không có hai pháp.

Này các vị trời! Ví như vì hư không rất sâu nên pháp này rất sâu, vì như rất sâu nên pháp này rất sâu, vì pháp tánh, thật tế, chẳng thể nghĩ bàn, vô biên rất sâu nên pháp này rất sâu, vì không đến, không đi rất sâu nên pháp này rất sâu, vì bất sinh, bất diệt, chẳng như, chẳng sạch, vô trí, vô đắc rất sâu nên pháp này rất sâu.

Này các vị trời vì ngã rất sâu cho đến người biết, người thấy rất sâu nên pháp này rất sâu.

Này các vị trời! Vì sắc rất sâu, thọ, tưởng, hành, thức rất sâu nên pháp này rất sâu. Vì sáu pháp Ba-la-mật cho đến vô pháp hữu pháp không rất sâu nên pháp này rất sâu. Vì bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết chủng trí rất sâu nên pháp này rất sâu.

Các vị trời ở cõi Dục, cõi Sắc bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Pháp vừa được Đức Phật dạy, tất cả thế gian chẳng thể tin được.

Bạch Đức Thế Tôn! Pháp rất sâu xa này chẳng nói vì lấy hay bỏ sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến chẳng nói vì bỏ hay lấy Nhất thiết chủng trí.

Các thế gian đều thọ lấy mà thực hành, nào sắc là ngã, là ngã sở, nào thọ, tưởng, hành, thức là ngã, là ngã sở, cho đến Nhất thiết chủng trí là ngã, là ngã sở.

Phật dạy:

–Đúng vậy, này các vị trời! Pháp rất sâu xa này chẳng phải nói vì lấy hay bỏ sắc, cho đến chẳng phải nói vì lấy hay bỏ Nhất thiết chủng trí.

Này các vị trời! Nếu có Bồ-tát vì thọ lấy sắc cho đến vì thọ lấy Nhất thiết chủng trí mà tu hành, Bồ-tát này chẳng tu hành được Bát-nhã ba-la-mật, chẳng tu hành được Thiền ba-la-mật, cho đến chẳng tu hành được Nhất thiết chủng trí.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Pháp rất sâu xa này thuận theo tất cả

pháp thuận theo Bồ thí ba-la-mật cho đến thuận theo Nhất thiết chủng trí.

Pháp này vô ngại: Chẳng ngại sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến chẳng ngại Nhất thiết chủng trí.

Này các vị trời! Pháp này tên là tướng vô ngại, vì đồng như hư không, vì đồng như pháp tánh, pháp trụ, thật tế, chẳng thể nghĩ bàn tánh, vì đồng như không, vô tướng, vô tác.

Pháp này chẳng sinh tướng: Sắc chẳng sinh cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng sinh, vì không thật có.

Pháp này không nơi chốn, vì nơi chốn của sắc cho đến nơi chốn của Nhất thiết chủng trí không thật có.

Bấy giờ các vị trời ở cõi Dục, cõi Sắc bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Tu-bồ-đề là Phật tử, từ Phật sinh ra, vì sao? Vì lời nói của Tu-bồ-đề đều hợp với Không.

Tu-bồ-đề nói:

– Này các vị trời! Các ông bảo Tu-bồ-đề là Phật tử, từ Phật sinh ra, thế nào là từ Phật sinh ra?

Vì tướng như nên Tu-bồ-đề từ Phật sinh ra. Vì sao? Vì tướng như của Đức Như Lai chẳng đến, chẳng đi, tướng như của Tu-bồ-đề cũng chẳng đến, chẳng đi, thế nên Tu-bồ-đề từ Phật sinh ra.

Lại Tu-bồ-đề từ xưa đến giờ vẫn từ Phật sinh. Vì sao? Vì tướng Như của Đức Như Lai, tức là tướng như của tất cả pháp, tướng như của tất cả pháp tức là tướng như của Đức Như Lai. Trong tướng như này cũng không có tướng Như. Thế nên, Tu-bồ-đề là từ Phật sinh ra.

Lại, Như của Đức Như Lai là tướng thường trụ, Như của Tu-bồ-đề cũng là tướng thường trụ. Tướng như của Đức Như Lai không riêng, không khác, tướng Như của Tu-bồ-đề cũng không riêng, không khác. Cho nên Tu-bồ-đề là từ Phật sinh ra.

Tướng Như của Đức Như Lai không có chỗ ngại, tướng Như của tất cả pháp cũng không có chỗ ngại, đây là tướng Như của Như Lai và tướng Như của tất cả pháp là một như, không hai, không khác. Tướng như này vô tác hoàn toàn không chẳng như, nên tướng như

này là như duy nhất, không hai, không khác. Thế nên Tu-bồ-đề là từ Phật sinh ra.

Tướng Như của Đức Như Lai ở tất cả chỗ vô niệm, vô biệt, tướng như của Tu-bồ-đề cũng ở tất cả chỗ vô niệm, vô biệt. Tướng Như của Đức Như Lai chẳng riêng khác, chẳng thật có, Tu-bồ-đề cũng vậy, thế nên Tu-bồ-đề là từ Phật sinh ra.

Tướng Như của Đức Như Lai chẳng xa lìa tướng Như của các pháp, nên hoàn toàn không chẳng như, vì như chẳng khác nên Tu-bồ-đề là từ Phật sinh ra ra, mà cũng không có việc từ.

Lại tướng Như của Đức Như Lai chẳng có quá khứ, chẳng có vị lai, chẳng có hiện tại, tướng Như của pháp cũng chẳng có quá khứ, chẳng có vị lai, chẳng có hiện tại, thế nên Tu-bồ-đề là từ Phật sinh ra.

Lại Như của Đức Như Lai chẳng ở trong như quá khứ, chẳng ở trong như vị lai, chẳng ở trong như hiện tại. Như quá khứ, như vị lai, như hiện tại cũng chẳng ở trong như của Như Lai, là một như, không hai, không khác.

Như của sắc, như của Như Lai, Như của thọ, tướng, hành, thức, như của Như Lai, là một như, không hai, không khác.

Như của ngã cho đến như của người biết, như của người thấy, như của Như Lai, là một như, không hai, không khác.

Như của Bồ thí ba-la-mật cho đến như của Nhất thiết chủng trí, như của Như Lai, là một như, không hai, không khác.

Đại Bồ-tát do được như vậy nên gọi là Như Lai.

Lúc Tu-bồ-đề nói phẩm Như Tướng trên đây, đại thiên thế giới này rung chuyển sáu cách. Các vị trời cõi Dục, cõi Sắc đem bột Chiên-đàn hương cõi trời rải trên mình Đức Phật và cũng rải trên Ngài Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thật chưa từng có. Ngài Tu-bồ-đề do Như của Đức Như Lai mà từ Phật sinh ra.

Tu-bồ-đề lại nói với các vị trời:

–Này các ngài! Tu-bồ-đề chẳng từ trong sắc mà từ Phật sinh ra, cũng chẳng từ trong Như của sắc mà từ Phật sinh ra. Tu-bồ-đề

chẳng rời sắc mà từ Phật sinh ra, cũng chẳng rời Như của sắc mà từ Phật sinh ra, cho đến Tu-bồ-đề chẳng từ Nhất thiết chủng trí mà từ Phật sinh ra, cũng chẳng trong như của Nhất thiết chủng trí mà từ Phật sinh ra, chẳng lìa Nhất thiết chủng trí mà từ Phật sinh ra, cũng chẳng lìa Như của Nhất thiết chủng trí mà từ Phật sinh ra.

Tu-bồ-đề chẳng từ trong vô vi mà từ Phật sinh ra, chẳng từ trong Như của vô vi mà từ Phật sinh ra, chẳng lìa vô vi mà từ Phật sinh ra, cũng chẳng lìa như của vô vi mà từ Phật sinh ra.

Vì sao? Vì tất cả pháp ấy đều không thật có, đều không có sở đắc, không có người từ đó sinh ra, cũng không có pháp từ đó sinh ra.

Bấy giờ Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Như ấy chân thật chẳng lường dối. Pháp tướng, pháp trụ, pháp vị rất sâu. Trong đây, sắc không thật có, như của sắc không thật có. Vì sao? Vì sắc còn không thật có, huống chi Như của sắc mà lại thật có hay sao?

Cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng thật có, Như của Nhất thiết chủng trí chẳng thật có. Vì sao? Vì Nhất thiết chủng trí còn chẳng thật có, huống chi Như của Nhất thiết chủng trí mà lại thật có hay sao?

Phật dạy:

– Đúng vậy, này Xá-lợi-phất! Như ấy chân thật chẳng lường dối. Pháp tướng, pháp trụ, pháp vị rất sâu. Trong đây, sắc cho đến Nhất thiết chủng trí đều chẳng thật có, Như của sắc cho đến Như của Nhất thiết chủng trí đều chẳng thật có. Vì sao? Vì sắc cho đến Nhất thiết chủng trí còn chẳng thật có, huống chi Như của sắc cho đến như của Nhất thiết chủng trí mà thật có hay sao?

Lúc Xá-lợi-phất nói tướng của Như trên đây, trong pháp hội có hai trăm vị Tỳ-kheo vì chẳng còn lệ thuộc tất cả pháp nên dứt hết phiền não, thành A-la-hán, năm trăm Tỳ-kheo-ni xa lìa bụi nhơ, được Pháp nhãn thanh tịnh, năm ngàn Đại Bồ-tát được pháp Nhãn vô sinh. Sáu ngàn Bồ-tát vì chẳng còn lệ thuộc tất cả pháp nên dứt hết phiền não, tâm được giải thoát, chứng quả A-la-hán.

Phật dạy:

– Này Xá-lợi-phất! Sáu ngàn Bồ-tát chứng quả A-la-hán trên

đây, đời trước họ được cúng dường, gấn gũi năm trăm Đức Phật. Họ thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định. Vì không có năng lực phương tiện của Bát-nhã ba-la-mật nên họ thực hành theo tướng khác. Họ nghĩ đây là bố thí, đây là trì giới, đây là nhẫn nhục, đây là tinh tấn, đây là thiền định. Vì không có Bát-nhã ba-la-mật nên không có năng lực phương tiện. Vì không có năng lực phương tiện nên thực hành theo tướng khác. Vì theo tướng khác nên không được tướng không khác. Vì không được tướng không khác nên chẳng được bước lên địa vị Bồ-tát. Vì chẳng được bước lên bậc Bồ-tát nên được quả Tu-đà-hoàn cho đến được quả A-la-hán.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát đầu thực hành đạo Bồ-tát mà xa lìa Bát-nhã ba-la-mật thì không có năng lực phương tiện, nên đối với thật tế chứng lấy mà thành quả vị Thanh văn thừa.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì cũng đồng tu hành pháp không, vô tướng, vô tác, mà người không có năng lực phương tiện thì chứng lấy thật tế, thành Thanh văn thừa, người có năng lực phương tiện lại được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát vì lìa tâm Bát-nhã ba-la-mật mà tu pháp không, vô tướng, vô tác nên không có năng lực phương tiện, do đó mà thành Thanh văn thừa.

Này Xá-lợi-phất! Lại có Bồ-tát chẳng lìa tâm Bát-nhã ba-la-mật mà tu pháp không, vô tướng, vô tác nên có năng lực phương tiện, do đó mà bước lên địa vị Bồ-tát, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Xá-lợi-phất! Như thân chim dài lớn đến một trăm do-tuần, hoặc hai trăm, ba trăm do-tuần mà không có cánh, từ trời Đao-lợi rơi xuống Diêm-phù-đề. Ý ông nghĩ sao, này Xá-lợi-phất, giữa đường đang rơi, chim không cánh ấy muốn trở về cõi trời có được chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không thể được!

–Này Xá-lợi-phất! Chim ấy mong rằng sau khi rơi xuống

Diêm-phù-đề, thân chim sẽ nguyên vẹn không đau đớn có được chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không thể được! Lúc đã rơi xuống đất, chim ấy sẽ phải đau đớn hoặc chết. Vì chim ấy thân đã lớn lại không có cánh.

–Cũng giống như vậy, này Xá-lợi-phất! Bồ-tát dẫu có thời gian với số kiếp nhiều như cát sông Hằng, tu hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, sinh đại tâm, làm việc lớn vì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà thọ vô lượng nguyện, nếu xa lìa năng lực phương tiện của Bát-nhã ba-la-mật thì phải đi vào Thanh văn thừa hoặc đạo Bích-chi-phật.

Này Xá-lợi-phất! Nếu Bồ-tát dẫu nhớ nghĩ trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của các Đức Phật quá khứ, vị lai, hiện tại nhưng lại chấp tướng thọ trì, Bồ-tát này chẳng biết, chẳng hiểu giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của các Đức Phật, chỉ nghe nói về các danh từ: không, vô tướng, vô tác rồi chấp lấy các danh từ ấy để hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ-tát này trụ trong hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, không thể vượt qua được. Vì sao? Vì Bồ-tát này xa lìa năng lực phương tiện của Bát-nhã ba-la-mật mà thọ trì các thiện căn để hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Xá-lợi-phất! Có Bồ-tát từ khi mới phát tâm đến nay không xa lìa tâm Bát-nhã ba-la-mật, tu hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, vì có năng lực phương tiện của Bát-nhã ba-la-mật nên không chấp lấy tướng, đối với giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của các Phật quá khứ, vị lai, hiện tại chẳng chấp lấy tướng, ba môn Giải thoát, không, vô tướng, vô tác. Phải biết Bồ-tát này chẳng theo các Thanh văn, Duyên giác, mà thẳng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì Bồ-tát này lúc nào vẫn không chấp lấy tướng trong khi tu các thiện căn, không chấp lấy tướng bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, không chấp lấy tướng giới, định, tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến của các Đức Phật quá khứ, vị lai, hiện tại.

Này Xá-lợi-phất! Đó gọi là Bồ-tát có năng lực phương tiện

dùng tâm lìa tướng mà tu hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, cho đến dùng tâm lìa tướng tu hành Nhất thiết chủng trí.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như con nhận hiểu nghĩa của Phật nói, nếu Đại Bồ-tát chẳng xa lìa năng lực phương tiện của Bát-nhã ba-la-mật thì phải biết Bồ-tát này gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì từ khi mới phát tâm đến nay, Bồ-tát này vẫn không cách nào biết được hoặc là sắc hoặc là thọ, tướng, hành, thức cho đến Nhất thiết chủng trí.

Bạch Đức Thế Tôn! Có thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ-tát mà xa lìa Bát-nhã ba-la-mật và năng lực phương tiện thì phải biết người ấy đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác có khi được có khi chẳng được. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ cầu đạo Bồ-tát ấy có bố thí đều chấp tướng, có trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, đều chấp tướng, thế nên chẳng chắc chắn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Đức Thế Tôn! Vì yếu tố trên đây nên Đại Bồ-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng nên xa lìa năng lực phương tiện của Bát-nhã ba-la-mật. Đại Bồ-tát này trụ trong năng lực phương tiện của Bát-nhã ba-la-mật, dùng tâm vô tướng, vô đắc xứng đáng tu hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định. Cho đến dùng tâm vô tướng, vô đắc xứng đáng tu Nhất thiết chủng trí.

Lúc Bấy giờ các vị trời cõi Sắc, cõi Dục bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thật là khó được. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát phải biết tất cả các pháp rồi mới được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, pháp ấy cũng chẳng thật có.

Phật dạy:

–Đúng vậy, này các vị Thiên tử! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rất khó được. Đức Phật cũng đã được tất cả pháp Nhất thiết chủng trí rồi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng vô sở đắc, không hay biết, không bị biết, không người biết. Vì sao? Vì các pháp rất ráo thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Như lời Phật dạy, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rất khó được. Theo con hiểu nghĩa của Phật dạy thì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác này rất dễ được. Vì sao? Vì không có người được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có pháp bị được, tất cả pháp, tất cả pháp tướng không: không pháp bị được, không có người được, vì tất cả pháp không. Cũng không có pháp thêm, không có pháp bớt. Từ bố thí cho đến Nhất thiết chủng trí, các pháp này đều không có pháp bị được, không có người được. Do đó nên theo ý con thì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác dễ được. Vì sao? Vì sắc, tướng sắc là không cho đến Nhất thiết chủng trí, tướng Nhất thiết chủng trí là không.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Thưa Tôn giả! Nếu tất cả pháp không như hư không, hư không kia chẳng nghĩ rằng: “Tôi sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.” Nếu Đại Bồ-tát tin hiểu tất cả pháp không như hư không mà Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác này dễ được, tại sao hiện nay có hàng hà sa Bồ-tát cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác lại thoái chuyển? Cho nên biết rằng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng phải dễ được.

Tu-bồ-đề nói:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sắc, thọ, tưởng, hành, thức có thoái chuyển chăng? Cho đến Nhất thiết chủng trí có thoái chuyển chăng?

–Không có thoái chuyển.

–Thưa Xá-lợi-phất! Đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, rời sắc, thọ, tưởng, hành, thức có pháp gì thoái chuyển chăng? cho đến rời Nhất thiết chủng trí có pháp gì thoái chuyển chăng?

–Không có thoái chuyển!

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Ý ngài nghĩ sao? Tướng như của sắc, tướng như của thọ cho đến lìa tướng như của Nhất thiết chủng trí, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác có thoái chuyển chăng?

–Không có gì thoái chuyển!

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Là tướng như cửa sắc cho đến rời tướng như cửa Nhất thiết chủng trí, có pháp gì thoái chuyển nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

–Không có pháp thoái chuyển.

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Đối với như cửa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác có thoái chuyển chăng? Cho đến pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, tánh chẳng nghĩ bàn, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác có thoái chuyển chăng?

–Không có thoái chuyển.

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Là như, là pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế, tánh chẳng nghĩ bàn, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác có pháp gì thoái chuyển chăng?

–Không có pháp gì thoái chuyển.

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu các pháp rất ráo chẳng thật có thì pháp gì thoái chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

–Như lời Tôn giả Tu-bồ-đề nói, trong pháp nhãn ấy không có Bồ-tát thoái chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu không thoái chuyển, theo Đức Phật dạy, người cầu đạo có ba hạng: đạo A-la-hán, đạo Bích-chi-phật và đạo Phật, ba hạng là không khác nhau. Như lời Tu-bồ-đề nói thì chỉ có một hạng Đại Bồ-tát cầu Phật đạo mà thôi.

Bây giờ, Mãn Từ Tử bảo Xá-lợi-phất:

–Tôn giả nên hỏi Tu-bồ-đề là có một Bồ-tát thừa chăng?

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Phải chăng Tôn giả muốn nói có một Bồ-tát thừa?

Tu-bồ-đề nói:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Đối với như cửa các pháp, ngài muốn có ba thừa Thanh văn, Bích-chi-phật và Phật thừa chăng?

–Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề, không!

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Trong ba thừa khác nhau ấy có Như để được chăng?

–Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề, không!

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Như ấy có một tướng, hai tướng, ba tướng chẳng?

–Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề, không!

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Trong như ấy, Tôn giả muốn có nhiều Bồ-tát cho đến có một Bồ-tát được chẳng?

–Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề, không!

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Trong bốn thứ ấy đều không thể có được người ba thừa, sao Xá-lợi-phất lại nghĩ rằng người cầu thừa Thanh văn, người cầu thừa Bích-chi-phật, người cầu Phật thừa?

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất, Đại Bồ-tát nghe tướng như của các pháp này mà lòng chẳng kinh, chẳng sợ, chẳng ăn năn, chẳng nghi ngờ thì gọi là Đại Bồ-tát thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật khen Tu-bồ-đề:

–Lành thay, lành thay! Nay Tu-bồ-đề! Lời của Tôn giả nói đó đều là năng lực của Phật.

Nếu Đại Bồ-tát nghe nói pháp Như ấy không có các pháp khác nhau mà chẳng kinh sợ, nghi ngờ, phải biết Bồ-tát này sẽ thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thành tựu Bồ-đề nào?

Đức Phật dạy:

–Thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Phật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Đại Bồ-tát phải tu hành thế nào?

Đức Phật dạy:

–Phải sinh khởi tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sinh, cũng dùng tâm bình đẳng khi nói với họ, không có thiên lệch.

Đối với tất cả chúng sinh phát khởi tâm đại Từ, cũng dùng tâm đại Từ khi nói với họ.

Đối với tất cả chúng sinh phải có tâm nhún mình, cũng dùng

tâm nhún mình khi nói với họ.

Đối với tất cả chúng sinh phải có tâm làm an ổn, cũng dùng âm làm an ổn khi nói với họ.

Đối với tất cả chúng sinh phải có tâm vô ngại, cũng dùng tâm vô ngại khi nói với họ.

Đối với tất cả chúng sinh phải có tâm không não hại, cũng dùng tâm không não hại nói với họ.

Đối với tất cả chúng sinh phải có tâm kính mến, cũng dùng tâm kính mến khi nói với họ. Kính mến họ như cha mẹ, như anh chị em, như con cháu, như bà con, như bạn bè.

Đại Bồ-tát này phải tự mình chẳng sát sinh, cũng dạy người chẳng sát sinh, khen ngợi pháp chẳng sát sinh, vui mừng khen ngợi những người chẳng sát sinh. Cho đến tự mình phải không tà kiến, cũng dạy người khác không tà kiến, khen ngợi pháp không tà kiến, vui mừng khen ngợi những người không tà kiến.

Muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Đại Bồ-tát phải tu hành như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Đại Bồ-tát phải tự tu hành Thiền thứ nhất, Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư, phải tự tu hành tâm Từ, tâm Bi, tâm Hỷ, tâm Xả, phải tự tu hành định Không xứ, định Thức xứ, định Vô sở hữu xứ, định Phi phi tưởng xứ, khen ngợi pháp Thiền thứ nhất cho đến pháp định Phi phi tưởng xứ, vui mừng khen ngợi những người tu hành Thiền thứ nhất đến tu hành định Phi phi tưởng xứ.

Phải tự mình đầy đủ Bố thí ba-la-mật, Thi ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật, cũng dạy người khác tu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, khen ngợi sáu pháp Ba-la-mật, vui mừng khen ngợi những người tu đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Đại Bồ-tát phải tự mình tu nội không cho đến tám Thánh đạo, tự tu Tam-muội không, vô tướng, vô tác, tự tu tám Bội xả, tự tu chín Định thứ đệ, cũng dạy người khác tu nội không, cho đến chín Định thứ đệ, khen ngợi các pháp nội không cho đến chín

Định thứ đệ, vui mừng ngợi khen những người tu nội không, cho đến chín Định thứ đệ.

Đại Bồ-tát phải tự đầy đủ mười Trí lực, bốn Vô úy, bốn Trí vô ngại, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, cũng dạy người khác đầy đủ mười Trí lực cho đến đại Từ, đại Bi, khen ngợi các pháp ấy, vui mừng khen ngợi những người đầy đủ mười Trí lực cho đến đại Từ, đại Bi.

Đại Bồ-tát phải tự mình quán thuận, quán nghịch mười hai nhân duyên, cũng dạy người khác quán thuận, quán nghịch mười hai nhân duyên, khen ngợi pháp quán ấy và vui mừng khen ngợi người thực hành.

Muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Đại Bồ-tát phải tu hành như vậy.

Đại Bồ-tát lại phải tự mình biết khổ, dứt tập, chứng diệt, tu đạo, cũng dạy người khác biết khổ, dứt tập, chứng diệt, tu đạo, khen ngợi pháp biết dứt chứng tu ấy và vui mừng khen ngợi người biết khổ, dứt tập, chứng diệt, tu đạo.

Đại Bồ-tát tự mình phát sinh chứng trí quả Tu-đà-hoàn cho đến tự phát sinh chứng trí quả Bích-chi-phật, mà chẳng tự chứng lấy quả Tu-đà-hoàn cho đến chẳng tự chứng lấy quả Bích-chi-phật, cũng dạy người khác chứng quả Tu-đà-hoàn, cho đến dạy người khác chứng quả Bích-chi-phật, khen ngợi pháp quả Tu-đà-hoàn cho đến khen ngợi pháp đạo Bích-chi-phật, vui mừng khen ngợi người chứng nhập quả Tu-đà-hoàn, cho đến người chứng nhập đạo Bích-chi-phật.

Đại Bồ-tát tự mình bước lên địa vị Bồ-tát, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, cũng dạy người khác bước lên địa vị Bồ-tát, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, khen ngợi pháp bước lên địa vị Bồ-tát, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, vui mừng khen ngợi người bước lên địa vị Bồ-tát, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh.

Đại Bồ-tát tự mình phát khởi thần thông của Bồ-tát, tự sinh Nhất thiết chủng trí, cũng dạy người khác phát khởi thần thông của Bồ-tát, sinh Nhất thiết chủng trí, khen ngợi pháp phát khởi thần

thông của Bồ-tát, phát sinh Nhất thiết chủng trí, vui mừng khen ngợi người phát khởi thân thông của Bồ-tát, sinh Nhất thiết chủng trí.

Đại Bồ-tát phải tự dứt tập khí tất cả kết sử, cũng dạy người dứt tập khí tất cả kết sử, khen ngợi pháp dứt tập khí, vui mừng khen ngợi người dứt tập khí tất cả kết sử.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Đại Bồ-tát phải tự giữ gìn thành tựu về thọ mạng, cũng dạy người giữ gìn lấy thành tựu về thọ mạng, khen ngợi pháp giữ gìn thành tựu về thọ mạng, vui mừng khen ngợi người giữ gìn thành tựu về thọ mạng.

Đại Bồ-tát thành tựu pháp trụ, cũng dạy người thành tựu pháp trụ, khen ngợi pháp thành tựu pháp trụ, vui mừng khen ngợi người thành tựu pháp trụ.

Này Tu-bồ-đề! Muốn thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Đại Bồ-tát phải tu hành như vậy. Cũng phải học năng lực phương tiện của Bát-nhã ba-la-mật như vậy.

Lúc học như vậy, lúc tu hành như vậy, Bồ-tát này sẽ được sắc vô ngại, sẽ được thọ, tưởng, hành, thức vô ngại, cho đến sẽ được pháp trụ vô ngại. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này từ trước đến nay chẳng thọ lấy sắc, chẳng thọ lấy thọ, tưởng, hành, thức, cho đến chẳng thọ lấy Nhất thiết chủng trí.

Vì sao? Vì sắc mà chẳng người thọ là chẳng phải sắc, cho đến Nhất thiết chủng trí mà chẳng người thọ là chẳng phải Nhất thiết chủng trí.

Lúc nói hạnh Bồ-tát này, có hai ngàn Bồ-tát được pháp Nhẫn vô sinh.

M

Phẩm 55: KHÔNG THOÁI CHUYỂN

Bấy giờ, Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Do hạnh gì, loại gì, tướng mạo gì mà biết là bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát biết được phạm phu, hàng Thanh văn, hàng Bích-chi-phật và Phật. Trong tướng Như của các vị ấy không hai, không khác, cũng chẳng nghĩ, chẳng phân biệt. Vào trong Như ấy, nghe việc ấy vượt thẳng qua không nghi ngờ. Vì sao? Vì trong Như ấy không có một tướng, không có hai tướng.

Đại Bồ-tát này chẳng nói lời vô ích, chỉ nói toàn những lời lợi ích, chẳng nhìn đến chỗ hay dở của người khác.

Này Tu-bồ-đề! Do những hạnh, loại, tướng mạo như vậy mà biết bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

–Bạch Đức Thế Tôn! Lại còn do hạnh, loại, tướng mạo nào mà biết là bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển?

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát có thể thấy được tất cả pháp không hạnh, không loại, không tướng mạo, phải biết đây là bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không hạnh, không loại, không tướng mạo, Đại Bồ-tát chuyển những pháp gì mà gọi là bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát chuyển sắc địa cho đến chuyển thọ, tướng, hành, thức, chuyển Bố thí ba-la-mật cho đến chuyển Trí tuệ ba-la-mật, chuyển nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, chuyển bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng, chuyển Thanh văn, Bích-chi-phật, chuyển Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì gọi là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Vì sao? Vì tánh sắc là không cho đến tánh Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là không thì Bồ-tát này sẽ trụ chỗ nào.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát chẳng xét theo diện mạo, ngôn ngữ của ngoại đạo, của Sa-môn, của Bà-la-môn. Bồ-tát chẳng bao giờ nghĩ rằng các ngoại đạo, Sa-môn, Bà-la-môn này thật biết, thật thấy, hoặc nói chánh kiến.

Bồ-tát chẳng có tâm nghi ngờ, chẳng chấp giới thủ, chẳng rơi vào tà kiến, cũng chẳng cầu việc tốt của thế tục để làm thanh tịnh, chẳng lễ lạy cúng dường các vị trời.

Do các hạnh, loại, tướng mạo này mà biết là bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát chẳng sinh vào nhà thấp hèn, cho đến chẳng sinh chỗ tám nạn, thường chẳng làm thân nữ. Do những hạnh, loại, tướng mạo này mà biết bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thường thực hành mười nghiệp lành: tự mình chẳng sát sinh cho đến chẳng tà kiến, cũng dạy người chẳng sát sinh cho đến chẳng tà kiến, vui mừng khen ngợi người chẳng sát sinh cho đến chẳng tà kiến. Bồ-tát này dầu trong giấc chiêm bao cũng chẳng phạm mười nghiệp ác. Do những hạnh, loại, tướng mạo trên đây mà biết là bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì lợi ích cho chúng sinh mà Đại Bồ-tát thực hành Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, đó gọi là bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Tất cả mười hai bộ kinh, từ Khế kinh cho đến Nghị luận, Đại Bồ-tát thọ trì, đọc tụng, giảng nói, ghi nhớ. Lúc ban pháp thí, Đại Bồ-tát nghĩ rằng do pháp thí mà tâm nguyện của tất cả chúng sinh hoàn mãn, đem công đức pháp thí này cho tất cả chúng sinh cùng hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó gọi là bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp rất sâu, Đại Bồ-tát chẳng nghi ngờ. Vì sao? Vì bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển này đều chẳng thấy có pháp nào sinh được sự nghi ngờ. Từ sắc cho đến Nhất thiết chủng trí, chẳng thấy pháp nào sinh được sự nghi ngờ. Do những hạnh, loại, tướng mạo này mà biết là bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ba nghiệp thân, khẩu, ý của Đại Bồ-tát đều dùi dằm. Do đức từ mà thân, khẩu, ý thành tựu. Do đó mà biết là bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát chẳng chung cùng với năm triền cái: dâm dục, sân hận, thù miên, điệu hối và nghi. Do hạnh, loại, tướng mạo này mà biết bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với tất cả chỗ, Đại Bồ-tát đều

không luyến ái. Do đó mà biết là bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc ra vào, đi lại, ngồi, nằm, đi, đứng, giở chân, đặt chân, Đại Bồ-tát luôn an ổn, thường tự chánh niệm, nhất tâm nhìn dưới đất mà bước. Do những hạnh, loại, tướng mạo này mà biết bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Y phục, mền nệm của Đại Bồ-tát mặc dùng không ai gồm nhớ, Bồ-tát này ưa thích sạch sẽ, ít bị bệnh tật. Do đó mà biết là bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Thân người thường có tám vạn hộ trùng xâm phạm cắn ăn. Thân của bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển không có các hộ trùng ấy. Vì công đức của Bồ-tát này vượt ngoài thế gian. Tùy theo công đức xuất thế này tăng ích mà Bồ-tát được thân thanh tịnh. Do các hạnh, loại, tướng mạo này mà biết bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát được thân thanh tịnh, được tâm thanh tịnh thế nào?

Phật dạy:

– Này Tu-bồ-đề! Tùy thiện căn tăng ích đã được mà dứt trừ tâm vạy vò, tâm tà vọng, đó gọi là thân thanh tịnh và tâm thanh tịnh. Nhờ thân thanh tịnh và tâm thanh tịnh này mà Đại Bồ-tát vượt hơn các Thanh văn, Bích-chi-phật để bước lên địa vị Bồ-tát, đó gọi là bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát chẳng ham lợi dưỡng. Dầu thực hành mười hai hạnh Đầu-đà mà chẳng quý pháp Đầu-đà. Do đó mà biết là bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thường chẳng sinh tâm xan tham, tâm ganh ghét, tâm ngu si, thường chẳng sinh tâm phá giới, tâm sân động, tâm biếng nhác, tâm tán loạn. Do các hạnh, loại, tướng mạo này mà biết là bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tâm an trụ chẳng lay động, thâm nhập trí tuệ, nhất tâm nghe nhận pháp theo nghe, sự việc thế gian đều hợp với Bát-nhã ba-la-mật. Chẳng thấy có sự nghiệp nào

chẳng nhập vào pháp tánh, thấy tất cả đều hợp với Bát-nhã ba-la-mật. Đây là tướng mạo không thoái chuyển của bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ở trước Đại Bồ-tát, nếu ác ma hóa thành tám đại địa ngục, trong đó có ngàn ức muôn Bồ-tát đang bị đốt nấu đau khổ. Ác ma bảo Đại Bồ-tát này:

–Những người trong địa ngục này toàn là bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển được Đức Phật thọ ký mà đọa vào đây. Nếu ông được Đức Phật thọ ký không thoái chuyển thì cũng sẽ đọa vào đại địa ngục này. Chi bằng ngài xả bỏ tâm Bồ-tát thì chẳng bị đọa địa ngục mà sẽ được sinh lên cõi trời.

Dầu thấy việc trên, dầu nghe lời nói trên, Bồ-tát này vẫn chẳng động tâm, chẳng nghi, chẳng sợ mà tự nghĩ rằng không bao giờ có việc ấy. Do những hạnh, loại, tướng mạo trên đây mà biết là bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Ác ma lại hóa thành Tỳ-kheo đắp y đến bảo Bồ-tát:

–Trước kia ngài nghe bảo phải tu sáu pháp Ba-la-mật cho đến bảo phải tịnh tu để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đó, ngài nên mau bỏ đi, từ lúc mới phát tâm đến nay có bao nhiêu thiện căn hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ông cũng nên mau bỏ đi. Nếu ngài bằng lòng bỏ, tôi sẽ dạy ngài Phật pháp chân thật. Sự nghe học trước kia của ông đều chẳng phải Phật pháp, chẳng phải của Phật dạy, đó đều là văn chương nhóm hợp làm ra thôi. Lời nói của tôi mới thật là Phật pháp.

Nếu Bồ-tát nghe nói như vậy rồi mà sinh tâm kinh sợ, nghi ngờ, phải biết đây là người chưa được Đức Phật thọ ký, chưa vào trong tánh không lui sụt. Nếu là bậc Đại Bồ-tát không lui sụt dầu nghe nói như vậy mà tâm chẳng lay động, chẳng sợ, chẳng nghi, luôn thuận theo y chỉ vào pháp vô tác, không sinh, chẳng tin làm theo lời người khác. Lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật chẳng theo lời người khác, cho đến lúc thực hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng chẳng nghe theo lời người khác, hiện thấy thật tướng các pháp, ví như bậc A-la-hán lậu tận thì ác ma chẳng lay chuyển được.

Này Tu-bồ-đề! Với Đại Bồ-tát không thoái chuyển thì những hàng cầu Thanh văn, Bích-chi-phật chẳng thể phá hoại được, chẳng thể thu phục được tâm của Bồ-tát này.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát này quyết định an trụ trong địa vị không thoái chuyển chẳng nghe theo lời người khác, dầu là lời của Phật dạy cũng chẳng tin ngay, hướng chỉ là lời của những người cầu Thanh văn, cầu Bích-chi-phật và của ác ma, ngoại đạo, Phạm chí mà lại tin theo, không bao giờ có việc ấy.

Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này chẳng thấy có pháp gì để tin theo: chẳng thấy có sắc, hoặc thọ, tưởng, hành, thức, hoặc Như của sắc cho đến Như của thức, cho đến chẳng thấy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hoặc Như của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do hạnh, loại, tướng mạo này mà biết là bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ác ma hóa thân thành Tỳ-kheo đến bảo Bồ-tát: Hạnh tu hành của ngài là pháp sinh tử, chẳng phải đạo của Nhất thiết trí, trong đời này ông nên chứng quả khổ tận. Khi đó ác ma dùng hạnh thế gian nói pháp tương tự đạo, pháp tự đạo này là sự trói buộc trong ba cõi, như là tướng xương trắng, hoặc nói về Sơ thiên cho đến nói về Phi phi tướng xứ. Ông thực hành đạo này, hạnh này sẽ được quả Tu-đà-hoàn cho đến sẽ được quả A-la-hán. Ông thực hành đạo này thì ngay đời nay sẽ dứt hết khổ sinh tử, sao ngài lại mãi chịu lấy những khổ não trong sinh tử làm gì, chẳng cần thọ lấy thân tứ đại đời này, hướng chỉ là thọ thân đời sau.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát này nghe lời nói ấy lòng chẳng kinh sợ, nghi ngờ, tự nghĩ rằng vị Tỳ-kheo này làm lợi ích cho tôi chẳng ít, vì tôi mà nói pháp tự đạo, thực hành pháp tự đạo này còn chẳng chứng được quả Tu-đà-hoàn, hướng chỉ chứng được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đại Bồ-tát này càng thêm vui mừng mà nghĩ rằng: “Vị Tỳ-kheo này làm lợi cho tôi không ít, vì tôi mà nói pháp chướng đạo, tôi biết đó là pháp chướng đạo, chướng học ba thừa.”

Khi đó, ác ma biết Bồ-tát vui mừng nên bảo:

–Ngài muốn thấy hàng Đại Bồ-tát cúng dường hằng sa các

Phật, cũng ở chỗ hằng sa các Phật tu hành sáu pháp Ba-la-mật, cũng hầu hạ hằng sa các Đức Phật thừa hỏi đạo Bồ-tát: Thế nào là an trụ thừa Bồ-tát? Thế nào là thực hành sáu pháp Ba-la-mật, bốn Niệm xứ cho đến đại Từ, đại Bi? Hàng Đại Bồ-tát theo đúng như lời các Đức Phật dạy mà an trụ, mà thực hành, mà tu tập. Hàng Đại Bồ-tát tu học như vậy mà còn chẳng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng được Nhất thiết chủng trí huống chi ngài sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ư?

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát này khi nghe nói như vậy mà tâm chẳng kinh lạ, càng thêm vui mừng mà tự nghĩ: “Tỳ-kheo này làm lợi cho tôi chẳng ít, vì tôi mà nói pháp chương đạo.”

Bấy giờ, ác ma biết tâm Bồ-tát này chẳng kinh nghi nên liền hóa thành rất nhiều Tỳ-kheo mà bảo Bồ-tát này:

–Những vị này đều là Bồ-tát phát tâm cầu Phật đạo, hiện nay đều an trụ địa vị không thoái chuyển cả. Những vị này còn chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, huống là ngài có thể được hay sao?

Nghe và thấy sự việc trên đây, Đại Bồ-tát này liền nghĩ đây là ác ma nói pháp tướng tự đạo, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng nên thoái chuyển tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng để rơi vào trong đạo Thanh văn, đạo Bích-chi-phật. Lại nghĩ: “Thực hành Bồ thí ba-la-mật cho đến Nhất thiết chủng trí mà chẳng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không bao giờ có sự ấy.”

Này Tu-bồ-đề! Do những hạnh, loại, tướng mạo trên đây mà biết là bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tự nghĩ: “Nếu Bồ-tát theo đúng lời Phật dạy, chẳng xa lìa Bát-nhã ba-la-mật cho đến Nhất thiết chủng trí, Bồ-tát này chẳng bao giờ thoái chuyển Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu Bồ-tát biết việc ma cũng chẳng mất Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Do những hạnh, loại, tướng mạo này mà biết tướng Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thế Tôn! Chuyển pháp gì gọi là không thoái chuyển?

Phật dạy:

– Chuyển tướng của sắc, chuyển tướng của thọ, tưởng, hành, thức, cho đến chuyển tướng của Phật, do đó mà gọi là tướng của Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này dùng pháp tự tướng không thể nhập địa vị Bồ-tát, được pháp Nhẫn vô sinh.

Thế nào gọi là pháp Nhẫn vô sinh? Vì trong đây không có chút pháp nào thật có, vì chẳng thật có nên chẳng làm, vì chẳng làm nên chẳng sinh, đó gọi là pháp Nhẫn vô sinh. Do những hạnh, loại, tướng mạo này nên gọi là bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 17

Phẩm 56: KIÊN CỐ

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ác ma đến chỗ Bồ-tát, muốn phá hoại tâm của Bồ-tát nên bảo: Nhất thiết chủng trí đồng với hư không rỗng không, chẳng có tướng, các pháp cũng đồng với hư không rỗng không, chẳng có tướng. Đối với các pháp đồng với hư không rỗng không, chẳng có tướng ấy, không có ai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có ai chẳng được, các pháp ấy đều như hư không, chẳng có tướng. Ngài chịu khổ siêng tu vô ích. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của ngài nghe đó đều là việc ma, chẳng phải lời Phật dạy. Ngài nên buông bỏ tâm nguyện ấy đi. Ngài chớ mãi chịu đựng sự khổ, lo lắng chẳng an ấy mà phải rơi vào đường ác.

Lúc nghe lời trách cứ ấy, Bồ-tát này nghĩ rằng đây là ác ma muốn phá hoại tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của ta.

Các pháp đều như hư không, chẳng thật có, tự tướng rỗng không, nhưng chúng sinh chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu.

Tôi cũng do thế nguyện rộng lớn trang nghiêm rỗng không, chẳng có tự tướng, đồng như hư không mà được Nhất thiết chủng trí rồi vì chúng sinh mà nói pháp cho họ được giải thoát, chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát từ lúc bắt đầu phát tâm về sau, nếu nghe những việc trên tự phải vững tâm, chẳng để xao động. Do tâm vững chắc, chẳng xao động này mà thực hành sáu pháp Ba-la-mật, sẽ được vào địa vị Bồ-tát.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì chẳng chuyển mà gọi là chẳng thoái chuyển hay bị chuyển mà gọi là chẳng thoái chuyển?

–Này Tu-bồ-đề! Vì chẳng chuyển mà gọi là chẳng thoái chuyển, bị chuyển cũng gọi là chẳng thoái chuyển.

Vì sao?

Này Tu-bồ-đề! Vì nếu Đại Bồ-tát chẳng bị chuyển đổi với bậc Thanh văn, Bích-chi-phật thì gọi là chẳng thoái chuyển. Nếu Đại Bồ-tát chuyển bậc Thanh văn, Bích-chi-phật thì cũng gọi là chẳng thoái chuyển.

Do những hạnh, loại, tướng mạo trên đây mà được gọi là Đại Bồ-tát chẳng thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát chẳng thoái chuyển lúc muốn nhập Thiền thứ nhất đến định diệt tận thì liền được nhập. Lúc muốn tu bốn Niệm xứ cho đến năm thần thông thì liền tu. Dầu tu bốn Niệm xứ đến năm thần thông, nhưng Đại Bồ-tát này chẳng thọ lấy quả của bốn Niệm xứ, dầu tu các thiền mà chẳng thọ lấy quả của các thiền, cho đến chẳng thọ lấy quả A-la-hán, quả Bích-chi-phật. Đại Bồ-tát này vì chúng sinh mà thọ lấy thân để tùy theo chỗ đáng là, chỗ nên làm, để lợi ích cho họ.

Do những hạnh, loại, tướng mạo này mà gọi là Đại Bồ-tát chẳng thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát chẳng chuyển thường nghĩ nhớ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng bao giờ xa lìa tâm của Nhất thiết chủng trí.

Vì chẳng xa lìa tâm của Nhất thiết chủng trí nên chẳng coi trọng sắc, chẳng coi trọng tướng, chẳng coi trọng Thanh văn, Bích-chi-phật, chẳng coi trọng sáu độ, chẳng coi trọng bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng cho đến năm thần thông, chẳng coi trọng bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo, chẳng coi trọng mười Trí lực cho đến mười tám pháp Bất cộng, chẳng coi trọng thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, chẳng coi trọng thấy Phật, chẳng coi trọng trồng thiện căn.

Vì sao? Vì tất cả pháp tự tướng không, chẳng thấy có pháp được coi trọng và tâm thường coi trọng. Tất cả pháp không thật có, tự tướng không đồng như hư không.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát chẳng thoái chuyển này thành tựu

có tâm như trên, trong bốn oai nghi của thân: đi, đứng, nằm, ngồi, tới lui, ra vào thường nhất tâm bất loạn.

Do các thứ hạnh, loại, tướng mạo này mà gọi là Đại Bồ-tát chẳng thoái chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát hiện thân tại gia vì lợi ích chúng sinh mà thọ lấy năm dục để bố thí cho chúng sinh: người cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần y phục, ngọc cụ, thuốc men đều cung cấp cho. Đại Bồ-tát này tự thực hành Bố thí ba-la-mật và dạy người thực hành Bố thí ba-la-mật, khen ngợi pháp Bố thí ba-la-mật, cũng vui mừng khen ngợi người thực hành Bố thí ba-la-mật, cho đến Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy. Ở tại gia, Đại Bồ-tát này đem châu báu đầy khắp Diêm-phù-đề, đầy cõi đại thiên để cung cấp bố thí cho mọi loài chúng sinh, chẳng tự vì mình mà thường tu phạm hạnh, chẳng hiếp đáp, khinh dễ, cướp giựt của kẻ khác khiến họ phải sầu lo.

Do những hạnh, loại, tướng mạo này mà gọi là Đại Bồ-tát chẳng thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Chấp Kim Cang Thần Vương cho đến Ngũ Tánh Chấp Kim Cang Thần thường theo gần gũi che chở Đại Bồ-tát này và nghĩ rằng: “Đại Bồ-tát này sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do đó nên các Thiên tử, hoặc các Ma vương, Phạm vương, hoặc người có thế lực ở nhân gian đều chẳng phá hoại được tâm của Nhất thiết trí của Đại Bồ-tát này, cho đến thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Đó gọi là tướng Đại Bồ-tát chẳng thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thường đầy đủ năm Căn của bậc Bồ-tát: Tín căn, Tinh tấn căn, Niệm căn, Định căn, Tuệ căn. Đó gọi là tướng chẳng thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không thoái chuyển làm Thượng nhân chớ chẳng làm Hạ nhân.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Thượng nhân?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát nhất tâm thực hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tâm chẳng tán loạn thì gọi là Thượng nhân.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thường nhất tâm niệm Phật đạo, vì sinh hoạt thanh tịnh nên chẳng làm những nghề chú thuật, hòa hợp, thuốc men, chẳng phù chú quý thần sai nhập vào nam nữ để hỏi việc lành dữ, phước lộc, sống chết. Vì sao? Vì biết rõ các pháp tự tướng không, chẳng thấy các tướng nên chẳng làm việc tà mạng mà làm chánh mạng. Đó gọi là tướng Đại Bồ-tát chẳng thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nay Phật sẽ nói hạnh, loại, tướng mạo của Đại Bồ-tát chẳng thoái chuyển, người nên nhất tâm lắng nghe.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Vì thường chẳng xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nên chẳng nói việc năm ấm, chẳng nói việc mười hai nhập, chẳng nói việc mười tám giới. Vì sao? Vì thường quan niệm tướng của năm ấm, mười hai nhập, mười tám giới là không.

Đại Bồ-tát này chẳng thích nói về việc quan. Vì sao? Vì an trụ trong tướng không của các pháp nên chẳng thấy có việc sang, việc hèn.

Chẳng thích nói việc trộm cướp, vì các pháp tự tướng không nên chẳng thấy hoặc được, hoặc mất.

Chẳng thích nói việc quân trận, vì các pháp tự tướng không nên chẳng thấy hoặc nhiều, hoặc ít.

Chẳng thích nói việc chiến đấu, vì các pháp tự tướng không nên chẳng thấy hoặc thương, hoặc ghét.

Chẳng thích nói việc phụ nữ, trụ trong pháp không nên chẳng thấy hoặc đẹp, hoặc xấu.

Chẳng thích nói việc xóm làng, vì các pháp tự tướng không nên chẳng thấy hoặc hợp, hoặc tan.

Chẳng thích nói việc thành thị, vì trụ trong thật tế chẳng thấy hoặc thắng, hoặc thua.

Chẳng thích nói quốc sự, vì an trụ trong thật tế chẳng thấy có pháp thuộc nơi đó, hoặc chẳng thuộc nơi đó.

Chẳng thích nói về chính mình, vì an trụ trong pháp tánh nên

chẳng thấy có pháp nào là ngã, hoặc vô ngã, cho đến chẳng thấy có ai biết, ai thấy.

Như vậy, Đại Bồ-tát chẳng thích nói các việc thế gian, chỉ ưa nói Bát-nhã ba-la-mật, chẳng xa lìa tâm của Nhất thiết trí.

Lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật chẳng thực hành xan tham. Lúc thực hành Thi ba-la-mật chẳng thực hành phá giới, lúc thực hành Nhẫn ba-la-mật chẳng thực hành sự tức giận cãi cọ, lúc thực hành Tấn ba-la-mật chẳng thực hành sự biếng nhác, lúc thực hành Thiền ba-la-mật chẳng thực hành sự tán loạn, lúc thực hành Tuệ ba-la-mật chẳng thực hành sự ngu si.

Đại Bồ-tát này dầu thực hành tất cả pháp không, nhưng ưa thích chánh pháp, kính mến chánh pháp. Dầu thực hành pháp tánh nhưng thường khen ngợi pháp bất hoại mà mến thích Thiện tri thức như các Đức Phật và các Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi-phật. Có thể giáo hóa người ưa muốn Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đại Bồ-tát này thường muốn thấy các Đức Phật. Khi nghe nói Phật hiện ở cõi nước nào liền nguyện vãng sinh về. Ngày đêm luôn khởi tâm tưởng nhớ nghĩ Phật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát này nhập vào Thiền thứ nhất cho đến định Phi phi tưởng xứ, vì dùng năng lực phương tiện nên phát khởi tâm cõi Dục, gá sinh vào trong hàng chúng sinh hay thực hành mười nghiệp lành, vào trong chỗ hiện tại có Phật trụ.

Do các hạnh, loại, tướng mạo trên đây, phải biết đó là bậc Đại Bồ-tát chẳng thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát trụ trong nội không, ngoại không cho đến vô pháp hữu pháp không, an trụ trong bốn Niệm xứ cho đến ba môn Giải thoát: không, vô tướng, vô tác. Với địa vị của mình tự biết rất rõ, chẳng còn nghi là phải hay không phải bậc Đại Bồ-tát chẳng thoái chuyển.

Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này chẳng còn thấy có chút pháp nào trong Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hoặc chuyển hay chẳng thoái chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Ví như có người được quả Tu-đà-hoàn, trụ trong quả Tu-đà-hoàn, tự biết rõ ràng, chẳng hề nghi ngờ. Cũng vậy, an

trụ trong địa vị chẳng thoái chuyển, Đại Bồ-tát này tự biết rõ ràng, chẳng hề nghi ngờ. An trụ trong địa vị này, Đại Bồ-tát thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh. Lúc các việc ma phát khởi thì liền hay biết, cũng chẳng theo việc ma, phá hoại việc ma.

Này Tu-bồ-đề! Ví như có người phạm năm tội nghịch, tâm năm tội nghịch luôn theo dính người đó, cho đến chết chẳng rời, dầu có nghĩ việc khác cũng vẫn không ngăn cách tâm tội ấy. Cũng giống như vậy, Đại Bồ-tát này tự an trụ trong địa vị của mình, tâm thường bất động. Tất cả Trời, Người, A-tu-la trong đời không làm xao động được tâm Bồ-tát này. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này vượt trên tất cả hàng Trời, Người, A-tu-la mà vào trong địa vị chánh pháp, trụ trong nơi bậc mình đã chứng, đầy đủ thần thông Bồ-tát, thường hay tịnh Phật, thành tựu chúng sinh, từ một cõi Phật đến một cõi Phật. Ở chỗ chư Phật mười phương gieo trồng các thiện căn, hầu gần thưa hỏi các Phật. Đại Bồ-tát này an trụ như vậy, lúc có việc ma phát khởi liền hay biết mà chẳng theo, dùng năng lực phương tiện đặt việc ma vào trong thật tế. Với địa vị tự chứng, Đại Bồ-tát này chẳng nghi ngờ, hối tiếc. Vì trong thật tế chẳng có tướng nghi, tiếc. Biết rõ thật tế này chẳng phải một, chẳng phải hai. Do cố trên đây mà Đại Bồ-tát này cho đến lúc chuyển thân, chẳng bao giờ hướng về hàng Thanh văn, Bích-chi-phật.

Trong các pháp tự tướng không, Đại Bồ-tát này chẳng thấy có pháp nào hoặc sinh hoặc diệt, hoặc nhớ hoặc sạch.

Này Tu-bồ-đề! Cho đến lúc chuyển thân, Đại Bồ-tát này chẳng bao giờ nghi ngờ rằng mình sẽ được hay chẳng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì các pháp tự tướng không chính đó là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát này an trụ trong địa vị của mình chứng, chẳng theo lời người khác, không ai phá hoại được. Vì người này đã thành tựu trí tuệ bất động.

Do những hạnh, loại, tướng mạo trên đây, phải biết đó gọi là bậc Đại Bồ-tát chẳng thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có ác ma hiện thân Phật đến bảo Đại Bồ-tát này rằng: Nay ngài ở trong đây chứng quả A-la-hán, ngài

cũng chẳng được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chưa được pháp Nhẫn vô sinh, ngài không có hạnh, loại, tướng mạo của bậc không thoái chuyển, cũng không có tướng để được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lúc nghe lời nói như trên, Đại Bồ-tát này không bao giờ kinh sợ, nghi ngờ mà tự biết chắc chắn sẽ được các Phật thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì các Bồ-tát do pháp ấy mà được thọ ký, nay tôi cũng có pháp ấy sẽ được thọ ký.

Này Tu-bồ-đề! Nếu ác ma hoặc người bị ma sai hiện hình Phật đến thọ ký quả Thanh văn, Bích-chi-phật cho Đại Bồ-tát này.

Đại Bồ-tát này liền tự nghĩ đây là ác ma hoặc người bị ác ma sai hiện hình Phật đến làm như vậy. Vì các Đức Phật chẳng bao giờ bảo Bồ-tát xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác để an trụ bậc Thanh văn, Bích-chi-phật.

Do những hạnh, loại, tướng mạo như trên, mà gọi là bậc Đại Bồ-tát chẳng thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ác ma hiện thân Phật đến chỗ Bồ-tát và bảo: Kinh sách của Ngài học chẳng phải của Phật nói, cũng chẳng phải của Thanh văn nói, đó là của ma nói.

Đại Bồ-tát này liền tự nghĩ, biết là ác ma hiện ra bảo ta xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Phải biết Đại Bồ-tát này đã được các Đức Phật quá khứ thọ ký cho, đã ở địa vị không thoái chuyển.

Vì sao? Vì các Đại Bồ-tát có bao nhiêu hạnh, loại, tướng mạo không thoái chuyển thì Đại Bồ-tát này cũng có đủ những hạnh, loại, tướng mạo ấy. Đó gọi là bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát này vì hộ trì chánh pháp mà chẳng tiếc thân mạng huống là những vật khác. Lúc hộ trì Phật pháp, Đại Bồ-tát nghĩ rằng: “Chẳng phải vì hộ trì chánh pháp của một Đức Phật mà vì hộ trì chánh pháp của tất cả chư Phật ba đời mười phương nên chẳng tiếc thân mạng.”

Này Tu-bồ-đề! Như lời Phật dạy: “Tất cả pháp đều không”.

Lúc có kẻ ngu si phá hoại, chẳng nghe theo lời Phật mà nói rằng đó là phi pháp, là chẳng lành, chẳng phải lời Phật dạy. Này Tu-

bồ-đề! Vì hộ trì pháp chân không như vậy mà Đại Bồ-tát chẳng tiếc thân mạng.

Đại Bồ-tát cũng phải tự nghĩ rằng: “Tôi cũng ở trong số các Phật vị lai, đã được thọ ký trong số đó, pháp chân không ấy cũng là pháp của ta. Tôi vì hộ trì pháp ấy mà chẳng tiếc thân mạng.”

Này Tu-bồ-đề! Vì thấy sự lợi ích quan trọng như vậy nên Đại Bồ-tát chẳng tiếc thân mạng để giữ gìn.

Do những hạnh, loại, tướng mạo ấy mà biết là tướng của bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nghe Đức Phật nói pháp, Đại Bồ-tát chẳng nghi hối, nghe xong ghi nhớ, thọ trì, chẳng hề quên mất. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đã được Đà-la-ni.

–Bạch Đức Thế Tôn! Được Đà-la-ni gì mà khi nghe Đức Phật nói các kinh pháp lại chẳng quên mất?

–Này Tu-bồ-đề! Vì Bồ-tát được Đà-la-ni văn trì nên chẳng quên mất các kinh pháp của Đức Phật đã dạy và chẳng nghi ngờ hối hận.

–Bạch Đức Thế Tôn! Chỉ là chẳng quên, chẳng nghi kinh pháp của Đức Phật dạy, còn của Thanh văn, Bích-chi-phật, tám bộ trời rồng nói có chẳng quên, chẳng nghi ngờ chăng?

–Này Tu-bồ-đề! Tất cả lời nói về các việc, Bồ-tát được Đà-la-ni này đều chẳng quên, chẳng nghi ngờ.

Này Tu-bồ-đề! Những hạnh, loại, tướng mạo như vậy, phải biết đó là bậc Đại Bồ-tát chẳng thoái chuyển.

M

Phẩm 57: SÂU KÍN

Lúc ấy, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát không thoái chuyển thành tựu công đức rộng lớn, thành tựu vô lượng công đức, thành tựu vô biên công đức.

Phật dạy:

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không thoái chuyển

thành tựu đại công đức, thành tựu vô lượng công đức, thành tựu vô biên công đức.

Vì sao? Vì Đại Bồ-tát không thoái chuyển được vô lượng, vô biên trí tuệ, chẳng đồng với hàng Thanh văn, Bích-chi-phật.

Trụ trong trí tuệ ấy, Đại Bồ-tát này phát sinh bốn Trí vô ngại. Vì được bốn Trí vô ngại này nên tất cả trời, người, thế gian không thể cùng tận được.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đức Phật có thể ở trong hàng sa kiếp khen ngợi những hạnh, loại, tướng mạo của Đại Bồ-tát chẳng thoái chuyển.

Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát chẳng thoái chuyển này trụ trong chỗ sâu kín nào mà lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật được đầy đủ bốn Niệm xứ cho đến đầy đủ Nhất thiết chủng trí?

–Lành thay, lành thay! Nay Tu-bồ-đề! Ông vì Đại Bồ-tát chẳng thoái chuyển mà hỏi chỗ sâu kín đó.

Này Tu-bồ-đề! Chỗ sâu kín này nghĩa của nó là không, là vô tướng, vô tác, vô khởi, không sinh, không nhiễm, là lia, là vắng lặng, là như, là pháp tánh, thật tế, là Niết-bàn. Các pháp trên đây là nghĩa của sâu kín.

–Bạch Đức Thế Tôn! Chỉ có không, vô tướng, vô tác cho đến Niết-bàn là sâu kín, còn tất cả pháp là chẳng phải ư?

–Này Tu-bồ-đề! Tất cả pháp khác cũng đều là nghĩa sâu kín cả: sắc cũng sâu kín, thọ, tưởng, hành, thức cũng sâu kín, cho đến ý cũng sâu kín, sắc đến pháp cũng sâu kín, nhãn giới cho đến ý thức giới cũng sâu kín, Bồ thí ba-la-mật cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng sâu kín.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là sắc cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng đều sâu kín?

–Này Tu-bồ-đề! Vì Như của sắc sâu kín nên sắc cũng sâu kín, cho đến vì như của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác sâu kín nên Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng sâu kín.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Như của sắc sâu kín cho đến

như của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác sâu kín?

–Này Tu-bồ-đề! Như đó của sắc chẳng phải sắc chẳng phải là sắc, cho đến Như đó của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng phải Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng phải là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

–Bạch Đức Thế Tôn, thật là hy hữu!

Đức Phật dùng năng lực phương tiện nhiệm mầu làm cho Đại Bồ-tát chẳng thoái chuyển là Niết-bàn của sắc xứ, cũng làm cho là tất cả Niết-bàn của pháp xứ.

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Đức Phật dùng năng lực phương tiện nhiệm mầu làm cho Đại Bồ-tát chẳng thoái chuyển là Niết-bàn của sắc xứ, cũng làm cho là tất cả Niết-bàn của pháp xứ.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát có pháp sâu kín như vậy với tương ưng Bát-nhã ba-la-mật, quan sát, so lường, suy gẫm, nghĩ rằng: “Ta phải thực hành như thế đúng như lời dạy trong Bát-nhã ba-la-mật, ta phải học tập như thế, đúng như trong Bát-nhã ba-la-mật-đã nói.”

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát có thể làm, có thể học đúng như lời, quán sát đúng như trong Bát-nhã ba-la-mật, siêng năng tinh tấn đầy đủ thì lúc phát khởi một niệm sẽ được vô lượng, vô biên vô số phước đức, vượt qua vô lượng kiếp, gần quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hướng chi là thực hành Bát-nhã ba-la-mật đúng với niệm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ví như người tánh nặng về dâm dục, hẹn ước với một cô gái xinh đẹp, đến giờ hẹn cô gái vì trở ngại nên không đến được. Ý ông nghĩ sao? Này Tu-bồ-đề! Sự nhớ tưởng của gã đàn ông đó sẽ đặt ở đâu?

–Bạch Đức Thế Tôn! Gã ấy trong tâm luôn nghĩ đến cô gái, mong cô sẽ đến để cùng ngồi, cùng nằm, cùng vui.

–Này Tu-bồ-đề! Trong một ngày đêm, trong tâm gã ấy có mấy niệm phát sinh?

–Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều!

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát niệm Bát-nhã ba-la-mật đúng như lời trong Bát-nhã ba-la-mật, thực hành trong khoảng một niệm sẽ

vượt qua số kiếp, cũng bằng với số tâm niệm trong một ngày đêm của gã đó.

Đại Bồ-tát này thực hành Bát-nhã ba-la-mật, xa lìa những: tội của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đại Bồ-tát này trong một ngày thực hành Bát-nhã ba-la-mật được thiện căn công đức chẳng bớt, công đức đầy cả hằng sa cõi đại thiên. Với những công đức kém khác sánh chẳng bằng một phần trăm, một phần ngàn, cho đến tính số thí dụ cũng chẳng bằng được một phần công đức này.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người xa lìa Bát-nhã ba-la-mật mà cúng dường Tam bảo: Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo trong thời gian hằng sa kiếp được phước có nhiều chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn! Rất nhiều, được vô lượng, vô biên vô số phước.

–Này Tu-bồ-đề! Vẫn không bằng phước đức của Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật thực hành đúng như lời dạy.

Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật là đạo của các Đại Bồ-tát. Thực hành đạo này mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có người xa lìa Bát-nhã ba-la-mật, trải qua số kiếp như hằng sa, cúng dường các vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật và các Phật. Người này được phước có nhiều chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, được phước rất nhiều!

–Này Tu-bồ-đề! Vẫn không bằng phước đức của Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật tu hành đúng như lời dạy.

Vì sao? Vì Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật này thì hơn hẳn các vị Thanh văn, Bích-chi-phật, nhập vào địa vị Bồ-tát, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Các người xa lìa Bát-nhã ba-la-mật, trong hằng sa kiếp tu tập bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Người này được phước đức có nhiều chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, được phước rất nhiều!

–Này Tu-bồ-đề! Phước đức đó vẫn không bằng phước đức của

Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật đúng như lời dạy, tu hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ trong một ngày.

Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật là mẹ của các Đại Bồ-tát, sinh ra các Đại Bồ-tát. Vì các Đại Bồ-tát trụ trong Bát-nhã ba-la-mật thì đầy đủ được tất cả Phật pháp.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát xa lìa Bát-nhã ba-la-mật, trong hằng sa kiếp làm việc pháp thí. Người này được phước có nhiều chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn, được phước rất nhiều!

– Này Tu-bồ-đề! Vẫn không bằng làm phước pháp thí trong một ngày của người đối với Bát-nhã ba-la-mật thực hành đúng như lời dạy.

Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này chẳng xa lìa Bát-nhã ba-la-mật thì chẳng xa lìa Nhất thiết chủng trí, chẳng xa lìa Nhất thiết chủng trí thì chẳng xa lìa Bát-nhã ba-la-mật.

Thế nên Đại Bồ-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì chẳng nên xa lìa Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có Đại Bồ-tát xa lìa Bát-nhã ba-la-mật mà tu hành bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết chủng trí trải qua hằng sa kiếp. Người này được phước có nhiều chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn, được phước rất nhiều!

– Này Tu-bồ-đề! Vẫn không nhiều bằng phước một ngày tu tập bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết chủng trí của người đối với Bát-nhã ba-la-mật thực hành đúng như lời dạy.

Vì sao? Vì Đại Bồ-tát chẳng xa lìa Bát-nhã ba-la-mật thì không bao giờ thoái chuyển Nhất thiết chủng trí, còn xa lìa thì có thể thoái chuyển.

Thế nên, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành chẳng nên xa lìa Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát xa lìa Bát-nhã ba-la-mật, trải hằng sa kiếp thực hành tài thí, pháp thí và thiền định, rồi hồi hướng công đức về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, người này được phước có nhiều chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, được phước rất nhiều!

Này Tu-bồ-đề! Vẫn không bằng một ngày tài thí, pháp thí, thiện định, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật thực hành đúng như lời dạy.

Vì sao? Vì hồi hướng bằng Bát-nhã ba-la-mật là hồi hướng bậc nhất. Nếu lìa Bát-nhã ba-la-mật mà hồi hướng thì chẳng gọi là hồi hướng. Thế nên, muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì Đại Bồ-tát phải học hồi hướng bằng Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát xa lìa Bát-nhã ba-la-mật, trải qua hàng sa kiếp hòa hợp, tùy hỷ thiện căn của các Đức Phật ba đời và của hàng đệ tử Phật rồi hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người này được phước có nhiều chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, được phước rất nhiều!

Này Tu-bồ-đề! Nhiều không bằng phước một ngày tùy hỷ thiện căn, hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của thiện nam, thiện nữ đối với Bát-nhã ba-la-mật thực hành đúng như lời dạy.

Cho nên, muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì Đại Bồ-tát phải học phương tiện trong Bát-nhã ba-la-mật để hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

–Bạch Đức Thế Tôn! Cứ theo lời Đức Phật đã dạy thì các pháp do nhân duyên sinh khởi tác dụng đều từ vọng tưởng sinh ra, chẳng phải chân thật, thế sao thiện nam, thiện nữ lại được phước đức lớn?

Bạch Đức Thế Tôn! Vì là pháp nhân duyên sinh khởi tác dụng thì chẳng thể được chánh kiến, nhập vào pháp vị, chẳng thể được quả Tu-đà-hoàn, cho đến chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

–Này Tu-bồ-đề, đúng vậy! Vì là pháp làm nhân duyên sinh khởi tác dụng thì chẳng thể được chánh kiến, nhập vào pháp vị, cho đến chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật biết pháp làm nhân duyên phát khởi tác dụng cũng không, chẳng bền chắc, luống dối chẳng thật. Vì Đại Bồ-tát này khéo học nội không

cho đến khéo học vô pháp hữu pháp không. An trụ trong mười tám pháp không này, Đại Bồ-tát quán sát pháp thực hành phát khởi tác dụng là không, thì chẳng xa lìa Bát-nhã ba-la-mật, dần dần được vô lượng, vô biên vô số phước đức.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vô số và vô lượng, vô biên có gì khác nhau?

–Này Tu-bồ-đề! Vô số là nói chẳng ở trong số các pháp hữu vi hoặc vô vi. Vô lượng là nói các pháp chẳng lường được, hoặc ở quá khứ hoặc ở vị lai, hoặc ở hiện tại. Vô biên là nói các pháp không thể có bờ mé.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vả lại có sắc, thọ, tưởng, hành, thức nào cũng có vô số vô lượng, vô biên chăng?

–Này Tu-bồ-đề! Có nhân duyên nên sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng có vô số vô lượng, vô biên.

–Bạch Đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng có vô số vô lượng, vô biên?

–Này Tu-bồ-đề! Vì sắc không, vì thọ, tưởng, hành, thức không nên cũng vô số vô lượng, vô biên.

–Bạch Đức Thế Tôn! Chỉ có sắc không, chỉ có thọ, tưởng, hành, thức không chứ chẳng phải tất cả pháp đều không cả ư?

–Này Tu-bồ-đề! Phật chẳng thường nói tất cả pháp không hay sao?

–Bạch Đức Thế Tôn! Đức Phật thường phán dạy tất cả pháp không.

Bạch Đức Thế Tôn! Các pháp không tức là vô tận, vô số, vô lượng, vô biên.

Bạch Đức Thế Tôn! Trong Không đó, số chẳng thật có, lượng chẳng thật có, biên chẳng thật có. Thế nên vô tận, vô số, vô lượng, và vô biên ý nghĩa không khác nhau.

–Này Tu-bồ-đề, đúng vậy! Những pháp ấy ý nghĩa khác biệt.

Này Tu-bồ-đề! Pháp ấy chẳng nói được. Đức Phật dùng năng lực phương tiện mà phân biệt giảng nói, đó là vô tận, vô số, vô lượng, vô biên, vô trước, không, vô tướng, vô tác, vô khởi, không

sinh, không diệt, không nhiễm, Niết-bàn. Dùng năng lực phương tiện mà Đức Phật phân biệt, giảng nói.

–Bạch Đức Thế Tôn, thật là hy hữu! Các pháp thật tướng chẳng nói được mà Đức Phật dùng sức phương tiện giảng nói.

Cứ theo chỗ con hiểu nghĩa của Đức Phật dạy thì tất cả pháp chẳng nói được.

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Tất cả pháp chẳng nói được. Tướng chẳng nói được tất cả pháp tức là không. Tướng không đó cũng chẳng nói được.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nghĩa chẳng nói được có thêm, có bớt hay chẳng?

–Này Tu-bồ-đề! Nghĩa chẳng nói được chẳng thêm, chẳng bớt.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu nghĩa chẳng nói được đó chẳng thêm, chẳng bớt thì Bồ thí ba-la-mật cũng chẳng thêm bớt, cho đến mười tám pháp Bát cộng cũng chẳng thêm bớt.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu sáu pháp Ba-la-mật cho đến pháp Bát cộng chẳng thêm bớt vì sao Đại Bồ-tát lại được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

–Này Tu-bồ-đề, đúng như vậy! Nghĩa chẳng nói được đó chẳng thêm, chẳng giảm.

Đại Bồ-tát lúc tu tập Bát-nhã ba-la-mật, vì có năng lực phương tiện nên chẳng nghĩ rằng: “Ta làm thêm lên Bát-nhã ba-la-mật cho đến thêm lên Bồ thí ba-la-mật, mà nghĩ rằng chỉ vì danh tự mà gọi là Bồ thí ba-la-mật thôi.”

Đại Bồ-tát lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật, tâm và thiện căn hồi hướng đúng như tướng của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cho đến lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tâm và hồi hướng đúng như tướng của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

–Này Tu-bồ-đề! Như tướng của tất cả pháp, đó gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là tướng như của tất cả pháp gọi

là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

–Này Tu-bồ-đề! Như tướng của sắc, như tướng của thọ, tướng, hành, thức cho đến như tướng của Niết-bàn là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tướng như ấy cũng chẳng thêm, chẳng bớt.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát chẳng lìa Bát-nhã ba-la-mật, thường quán sát pháp Như ấy chẳng thấy có thêm, có bớt. Cho nên nghĩa chẳng thể nêu bày không thêm bớt, Bồ thí ba-la-mật cho đến pháp Bát cộng cũng không thêm bớt. Đại Bồ-tát do pháp không thêm bớt này tương ứng với hạnh Bát-nhã ba-la-mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát dùng tâm đầu tiên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay là dùng tâm sau cùng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Bạch Đức Thế Tôn! Tâm đầu tiên ấy chẳng đến tâm sau cùng, còn tâm sau cùng kia chẳng ở tại tâm ban đầu. Tâm và tâm sở chẳng cùng chung như vậy thì làm sao thiện căn lại tăng ích. Nếu thiện căn chẳng thêm thì làm sao được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

–Này Tu-bồ-đề! Vì ông mà Phật sẽ dùng ví dụ. Người có trí có được ví dụ thì dễ hiểu nghĩa.

Này Tu-bồ-đề! Như thắp đèn, là dùng ngọn lửa ban đầu để đốt cháy tim đèn hay dùng ngọn lửa sau cùng?

–Bạch Đức Thế Tôn! Chẳng phải ngọn lửa ban đầu đốt cháy tim đèn, cũng chẳng phải lìa ngọn lửa ban đầu. Chẳng phải ngọn lửa sau cùng đốt cháy tim đèn, cũng chẳng lìa ngọn lửa sau cùng.

–Này Tu-bồ-đề! Tim đèn ấy có bị đốt cháy không?

–Bạch Đức Thế Tôn! Tim đèn ấy có bị đốt cháy.

–Cũng như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát chẳng dùng tâm ban đầu để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng lìa tâm ban đầu để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng dùng tâm sau cùng cũng chẳng lìa tâm sau cùng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà thật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Trong đây Đại Bồ-tát bắt đầu phát tâm thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đầy đủ mười Địa, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là mười Địa mà Đại Bồ-tát đầy đủ rồi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đầy đủ Càn tuệ địa, Tánh địa, Bát Nhân địa, Kiến địa, Bạc địa, Ly Dục địa, Dĩ Tác địa, Bích-chi-phật địa, Bồ-tát địa và Phật địa. Đầy đủ các địa đó rồi Đại Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát học đủ mười địa đó rồi, chẳng phải do tâm ban đầu cũng chẳng lìa tâm ban đầu, chẳng phải tâm sau cùng cũng chẳng lìa tâm sau cùng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà thật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

–Bạch Đức Thế Tôn! Pháp nhân duyên ấy rất sâu: chẳng phải tâm ban đầu cũng lìa tâm ban đầu, chẳng phải tâm sau cùng cũng chẳng lìa tâm sau cùng mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mà Đại Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

–Này Tu-bồ-đề! Nếu tâm đã diệt thì tâm ấy có sinh trở lại chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Tâm sinh là tướng diệt phải không?

–Bạch Đức Thế Tôn, là tướng diệt!

–Này Tu-bồ-đề! Tướng diệt của tâm là diệt phải không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Cũng vẫn trụ như vậy chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn! Cũng trụ như vậy, trụ như như.

–Này Tu-bồ-đề! Tâm đó trụ như như sẽ chứng thật tế chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Như thế có phải là rất sâu xa chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, thật là rất sâu xa!

–Này Tu-bồ-đề! Chỉ là tâm như vậy phải không?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Có lìa tâm như vậy chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Như thấy được Như chẳng?

– Bạch Đức Thế Tôn, không!

– Nay Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát thực hành được như vậy thì có phải là thực hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn! Đó là thực hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa.

– Nay Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát hành như vậy, đó là thực hành chỗ nào?

– Bạch Đức Thế Tôn! Đó là hành mà không có chỗ hành. Vì Đại Bồ-tát nếu hành Bát-nhã ba-la-mật thì trụ trong Như của các pháp, không có quan niệm như thế, không chỗ quan niệm, không ai quan niệm.

– Nay Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát thực hành như vậy, đó là thực hành chỗ nào?

– Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát ấy thực hành chỗ như vậy: thực hành trong nghĩa Đệ nhất, vì không có tướng khác nhau.

– Nay Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát thực hành vô niệm bậc nhất, đó là tướng thực hành phải không?

– Bạch Đức Thế Tôn, không!

– Nay Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát ấy có hoại các tướng chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn, không!

– Nay Tu-bồ-đề! Thế nào là không hoại các tướng?

– Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát ấy thực hành Bát-nhã ba-la-mật mà chẳng nghĩ rằng ta sẽ hoại tướng các pháp. Bạch Đức Thế Tôn, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật mà chưa đủ mười Trí lực, bốn Vô úy, bốn Trí vô ngại, đại Từ, đại Bi, mười tám pháp Bất cộng thì chẳng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Đức Thế Tôn! Vì năng lực phương tiện nên Đại Bồ-tát đối với các pháp cũng chẳng chấp lấy tướng, cũng chẳng phá hoại tướng.

Vì sao? Vì Đại Bồ-tát biết rõ tất cả tự tướng các pháp là không.

An trụ trong tự tướng không, Đại Bồ-tát vì chúng sinh mà nhập ba Tam-muội. Dùng ba Tam-muội đó để thành tựu chúng sinh.

Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát nhập ba Tam-muội thành tựu chúng sinh thế nào?

–Này Tu-bồ-đề! An trụ trong ba Tam-muội, Đại Bồ-tát thấy chúng sinh thực hành pháp tạo tác, bèn dùng năng lực phương tiện dạy cho họ được vô tác. Thấy chúng sinh sống trong ngã tướng, bèn dùng năng lực phương tiện dạy cho họ thực hành không. Thấy chúng sinh sống trong tất cả tướng, bèn dùng năng lực phương tiện dạy cho họ thực hành vô tướng.

Này Tu-bồ-đề! Đó là Đại Bồ-tát thực hành ba Tam-muội và Bát-nhã ba-la-mật, dùng ba Tam-muội đó để thành tựu chúng sinh.

M

Phẩm 58: THỰC HÀNH TRONG MỘNG

Lúc đó, Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Nếu Đại Bồ-tát lúc chiêm bao nhập vào ba Tam-muội: không, vô tướng và vô tác Tam-muội, có lợi ích gì với Bát-nhã ba-la-mật hay chăng?

Tu-bồ-đề nói:

–Nếu lúc ban ngày, Đại Bồ-tát nhập ba Tam-muội có lợi ích đối với Bát-nhã ba-la-mật thì ban đêm trong chiêm bao cũng sẽ có lợi ích. Vì sao? Vì ngày chiêm bao, đêm chiêm bao giống nhau không khác.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Nếu ban ngày, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật có lợi ích đối với Bát-nhã ba-la-mật thì trong chiêm bao, thực hành Bát-nhã ba-la-mật cũng phải có lợi ích.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Trong chiêm bao, Đại Bồ-tát hành động tạo nghiệp, những nghiệp đó có hợp thành chăng? Theo như lời Phật dạy thì tất cả pháp như chiêm bao, vì thế lẽ ra chẳng nên có hợp thành. Vì sao? Vì trong chiêm bao không có pháp hợp thành, lúc thức nhớ tưởng, phân biệt nên mới có hợp thành.

Tu-bồ-đề nói:

–Nếu người trong chiêm bao giết chết chúng sinh, khi thức dậy nghĩ nhớ, phân biệt hành động đó: ta giết như thế là đúng được lắm!

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Việc đó thế nào?

Xá-lợi-phất nói:

–Không có cảnh duyên thì nghiệp chẳng sinh, không có cảnh duyên thì tâm sở tư chẳng sinh. Có duyên thì nghiệp sinh, có duyên thì tâm sở tư mới sinh.

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng vậy, không có duyên thì nghiệp chẳng sinh, không có duyên thì tâm sở tư chẳng sinh. Có duyên thì nghiệp sinh, có duyên thì tâm sở tư sinh.

Tâm phát sinh ở trong thấy nghe, hay biết tâm chẳng sinh từ nơi chẳng có thấy, nghe, hay biết.

Trong đây tâm có sạch, có nhớ cho nên vì có cảnh duyên mà nghiệp sinh, nghiệp chẳng sinh nơi không có duyên. Vì có cảnh duyên mà tâm sở tư sinh, tâm sở tư chẳng sinh nơi không có duyên.

Xá-lợi-phất nói:

–Như lời Phật nói: Tất cả nghiệp, tất cả tâm sở đều tự tướng lìa, sao lại bảo rằng vì có duyên nên nghiệp sinh, không duyên thì nghiệp chẳng sinh. Vì có duyên nên tâm sở tư sinh, không duyên thì tâm sở tư chẳng sinh?

Tu-bồ-đề nói:

–Vì chấp lấy tướng nên có duyên thì nghiệp sinh, không có duyên thì chẳng sinh. Vì chấp lấy tướng nên có duyên thì tâm sở tư sinh, không duyên thì chẳng sinh.

Xá-lợi-phất nói:

–Nếu Đại Bồ-tát trong chiêm bao thấy mình bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, đem hồi hướng thiện căn phước đức này về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây có phải là thật hồi hướng hay chăng?

Tu-bồ-đề nói:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Hiện đây có Bồ-tát Di-lặc đã được Đức Phật thọ ký không thoái chuyển, sẽ thành Phật, Tôn giả nên hỏi Bồ-tát Di-lặc sẽ giải đáp.

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Bồ-tát Di-lặc:

–Thưa Tôn giả, như lời Tôn giả Tu-bồ-đề vừa bảo rằng hiện đây có Bồ-tát Di-lặc đã được Đức Phật thọ ký không thoái chuyển sẽ thành Phật, Bồ-tát Di-lặc sẽ giải đáp.

Bồ-tát Di-lặc bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Sẽ dùng danh từ Di-lặc để đáp chăng? Hoặc là sắc, thọ, tưởng, hành, thức để đáp chăng? Hoặc dùng không của sắc, thọ, tưởng, hành, thức để đáp chăng?

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức thì chẳng thể đáp được. Không của sắc, thọ, tưởng, hành, thức chẳng thể đáp được. Tôi chẳng thấy pháp đáp được, cũng chẳng thấy ai đáp được. Tôi chẳng thấy người ấy được thọ ký, cũng chẳng thấy pháp được thọ ký, chẳng thấy nơi chốn thọ ký. Tất cả các pháp ấy đều không hai, không khác.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Như lời Tôn giả nói đó, có được pháp tác chứng chăng?

Bồ-tát Di-lặc nói:

–Như pháp của tôi nói, như vậy chẳng có chứng.

Lúc đó, Xá-lợi-phất nghĩ rằng: “Bồ-tát Di-lặc có trí tuệ sâu xa, từ lâu đã thực hành sáu pháp Ba-la-mật, vì dùng vô sở đắc nên nói được như vậy.”

Bấy giờ Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Ông dùng pháp ấy được A-la-hán, ông có thấy pháp ấy chăng?

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn, chẳng thấy!

Phật dạy:

–Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật cũng giống như vậy, chẳng nghĩ rằng pháp ấy sẽ được thọ ký, pháp ấy đã được thọ ký, pháp ấy đang được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng nghi ngờ rằng ta được hay chẳng được mà tự biết mình thật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Có Đại Bồ-tát lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật, hoặc thấy chúng sinh đói rét, y phục rách rưới, phải phát nguyện: Theo thời gian tôi thực hành Bồ thí ba-la-mật đó, nguyện lúc tôi được thành Phật, chúng sinh trong cõi nước tôi không có sự đói rét như vậy. Những đồ dùng, đồ uống ăn, y phục như cõi trời. Tứ vương, trời Đao-lợi, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy thì sẽ đầy đủ Bồ thí ba-la-mật, gần kề Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Trì giới ba-la-mật, Đại Bồ-tát thấy chúng sinh sát sinh, trộm cướp cho đến tà kiến, bị chết yểu, nhiều bệnh, xấu tướng, thiếu oai đức, nghèo hèn, tàn tật, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi thực hành Trì giới ba-la-mật này, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sinh trong cõi nước tôi không có nghiệp ác và quả báo xấu như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy thì sẽ đầy đủ Trì giới ba-la-mật, gần kề Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật, Đại Bồ-tát thấy chúng sinh giận ghét, mắng nhiếc, đánh đập, giết hại lẫn nhau, phải phát nguyện rằng: “Theo thời gian tôi thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật này, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sinh trong cõi nước tôi không có những việc đó, tất cả đều xem nhau, như cha như mẹ, anh em, chị em, như Thiên tri thức, đều có tâm Từ bi.”

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy thì sẽ đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật, gần kề Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Tinh tấn ba-la-mật, Đại Bồ-tát thấy chúng sinh lười biếng, chẳng siêng tu pháp lành, rời bỏ ba thừa Thanh văn, Bích-chi-phật, Phật thừa thì phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi thực hành Tinh tấn ba-la-mật, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sinh trong cõi nước tôi không có việc như vậy, tất cả đều siêng tu tinh tấn, đều được độ bằng pháp ba thừa.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy sẽ đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật, gần kề Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Thiền ba-la-mật, Đại

Bồ-tát thấy chúng sinh bị năm triền cái che đầy như: dâm dục, giận thù, hôn trầm, điệu hối, nghi ngờ; mất thiền, mất định, mất tâm vô lượng, phải phát nguyện rằng: Theo thời gian tôi tu Thiên ba-la-mật, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sinh trong cõi nước tôi đều không có những việc như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy sẽ đầy đủ Thiên định ba-la-mật, gần kề Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát thấy chúng sinh ngu si, mất chánh kiến thế gian, xuất thế gian hoặc cho rằng không có nghiệp, không có nhân duyên nghiệp, hoặc cho rằng thân là thường còn, hoặc cho rằng đoạn diệt, hoặc cho là không có gì cả thì phải phát nguyện: Theo thời gian tôi thực hành Bát-nhã ba-la-mật, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sinh trong cõi nước tôi không có những việc như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy thì sẽ đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật, gần kề Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, Đại Bồ-tát thấy chúng sinh an trụ trong ba tụ: một là nhóm chánh định, hai là nhóm tà định, ba là nhóm bất định thì phải phát nguyện: Theo thời gian tôi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sinh trong cõi nước tôi không có nhóm tà định, cũng không có danh từ nhóm tà.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần kề Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, Đại Bồ-tát thấy chúng sinh trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, phải phát nguyện: Theo thời gian tôi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, nguyện lúc tôi thành Phật, trong cõi nước tôi không có ba đường ác, cũng không có danh từ ba đường ác.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần kề Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc hành sáu pháp Ba-la-mật, Đại Bồ-tát thấy mặt đất gai chông, hầm hố, gò nổng, mương rãnh như uế thì

phải phát nguyện: Theo thời gian tôi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, nguyện lúc tôi thành Phật, cõi nước tôi không có những việc như vậy, mặt đất bằng phẳng như bàn tay.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần kề Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, Đại Bồ-tát thấy cõi này thuần là đất thì phải phát nguyện: Theo thời gian tôi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, nguyện lúc tôi thành Phật, cõi nước tôi mặt đất toàn bằng vàng ròng trải đầy khắp nơi.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần kề Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, Đại Bồ-tát thấy chúng sinh luyến ái tham đắm thì phải phát nguyện: Theo thời gian tôi thực hành sáu pháp Ba-la-mật thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sinh trong cõi nước tôi không có luyến ái tham đắm như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy sẽ được đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần kề Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc hành sáu pháp Ba-la-mật, Đại Bồ-tát thấy bốn giai cấp của chúng sinh: Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà-la thì phải phát nguyện: Theo thời gian tôi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, nguyện lúc tôi thành Phật, trong cõi nước tôi không có danh từ bốn giai cấp.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, Đại Bồ-tát thấy chúng sinh có những hạng hạ, trung, thượng, có nhà hạ, trung, thượng thì phải phát nguyện: Theo thời gian tôi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sinh trong cõi nước tôi không có sự hơn kém như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy thì sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-

la-mật, thấy chúng sinh có thân hình khác nhau thì phải phát nguyện: Theo thời gian tôi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, nguyện lúc tôi thành Phật, chúng sinh trong cõi nước tôi không có thân hình khác nhau, tất cả đều xinh đẹp, khôi ngô, sạch sẽ, đầy đủ tướng mạo.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy thì sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thấy chúng sinh có chúa, có tôi, phải phát nguyện: Theo thời gian tôi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, nguyện lúc tôi thành Phật, cõi nước tôi không có danh từ chúa tôi, cũng không có hình tượng khác nhau, chỉ trừ Đức Phật Pháp vương.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy, thì sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thấy chúng sinh chia ra sáu loài khác nhau thì phải phát nguyện: Theo thời gian tôi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, nguyện lúc tôi thành Phật, cõi nước tôi không có sáu loài: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, loài người, các Thần, các vị trời, tất cả chúng sinh trong nước tôi đều đồng tu hành bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy thì sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thấy chúng sinh có bốn loài sinh: noãn, thai, thấp và hóa sinh thì phải phát nguyện: Theo thời gian tôi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, nguyện lúc tôi thành Phật, trong cõi nước tôi tất cả chúng sinh chỉ có hóa sinh mà không có ba thứ sinh kia.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy thì sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thấy chúng sinh không có năm thứ thần thông, phải phát

nguyện: Theo thời gian tôi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, nguyện lúc tôi thành Phật, tất cả chúng sinh trong cõi nước tôi đều được năm thứ thần thông.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy thì sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thấy chúng sinh đại tiểu tiện như bần thì phải phát nguyện: Theo thời gian tôi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, nguyện lúc tôi thành Phật, tất cả chúng sinh trong cõi nước tôi đều dùng pháp hỷ làm thức ăn, hoàn toàn không có đại tiểu tiện dơ bẩn.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy thì sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thấy chúng sinh không có ánh sáng thì phải phát nguyện: Theo thời gian tôi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, nguyện lúc tôi thành Phật, tất cả chúng sinh trong cõi nước tôi thân đều có ánh sáng.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy thì sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thấy có thời tiết, ngày giờ, tháng, năm, phải phát nguyện: Lúc tôi thành Phật, cõi nước tôi không có danh từ ngày, giờ, tháng, năm.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy thì sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thấy chúng sinh yếu mạng thì phải phát nguyện: Lúc tôi thành Phật, tất cả chúng sinh trong cõi nước tôi đều sống lâu vô lượng kiếp.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy thì sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thấy chúng sinh thân không có tướng đẹp thì phải phát

nguyện: Lúc tôi thành Phật, chúng sinh trong cõi nước tôi đều đầy đủ ba mươi hai tướng tốt.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy thì sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thấy chúng sinh xa lìa thiện căn, phải phát nguyện: Lúc tôi thành Phật, chúng sinh trong cõi nước tôi đều thành tựu thiện căn, do phước đức ấy mà cúng dường các Đức Phật mười phương.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy thì sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thấy chúng sinh có ba độc, bốn bệnh thì phải phát nguyện: Lúc tôi thành Phật, tất cả chúng sinh trong cõi nước tôi không có bốn bệnh lạnh, nóng, phong, đàm, không có ba độc tham, sân, si.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy thì sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thấy chúng sinh có ba thừa, phải phát nguyện: Lúc tôi thành Phật, chúng sinh trong cõi nước tôi không có tên gọi Nhị thừa, chỉ có thuần một Đại thừa.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy thì sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thấy chúng sinh tăng thượng mạn thì phải phát nguyện: Lúc tôi thành Phật, chúng sinh trong cõi nước tôi không có danh từ tăng thượng mạn.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy thì sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, tự nghĩ ánh sáng, tuổi thọ của tôi có số lượng, tăng thêm hữu hạn, phải phát nguyện rằng: Lúc tôi thành Phật, ánh sáng, tuổi thọ vô số lượng tăng thêm vô hạn.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy thì đầy đủ sáu pháp

Ba-la-mật, gần Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thì phải phát nguyện: Theo thời gian tôi thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, nguyện lúc tôi thành Phật, cõi nước tôi như hằng sa cõi nước của các Đức Phật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy thì sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật, Đại Bồ-tát nên nghĩ rằng dầu đường sinh tử dài, tánh chúng sinh rất nhiều, nhưng bờ sinh tử như hư không, bờ tánh của chúng sinh cũng như hư không. Trong đó thật không có sinh tử qua lại, cũng không có ai giải thoát.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát tu hành như vậy thì sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, gần Nhất thiết chủng trí.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 18

Phẩm 59: HẰNG-GIÀ ĐỀ-BÀ

Bấy giờ, trong đại chúng có một người nữ tên Hằg-già Đề-bà, liền đứng dậy, trích y bày vai phải, gối phải chấm đất, chấp tay bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Con sẽ thực hành sáu pháp Ba-la-mật để thanh tịnh cõi Phật, đúng như lời dạy của Đức Phật trong Bát-nhã ba-la-mật.

Người nữ này đem hoa vàng, hoa bạc, hoa tươi dưới nước, trên đất rải lên mình Phật và những món cúng dường trang nghiêm, hai tám trăm dật bằng chỉ vàng, dâng lên Đức Phật. Trên hư không, ngay đánh Đức Phật, các món người nữ vừa rải cúng dường đó liền hóa thành bốn cột đài báu ngay ngắn xinh đẹp. Người nữ này cùng tất cả chúng sinh hồi hướng công đức cúng dường Phật về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Khi đó, Đức Phật biết rõ thâm tâm của người nữ này nên Ngài liền mỉm cười, đúng như cách thức của các Đức Phật, các tia sáng nhiều màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng từ miệng Đức Phật chiếu khắp vô lượng, vô biên cõi Phật ở mười phương, các tia sáng ấy xoay trở về nhiều quanh bên phải Đức Phật ba vòng rồi nhập vào đánh Phật.

A-nan liền đứng dậy, quỳ gối phải, chấp tay bạch Phật rằng:

– Bạch Đức Thế Tôn! Do nhân duyên gì mà Đức Phật mỉm cười? Theo pháp của các Đức Phật, không bao giờ vô cớ mà mỉm cười.

Phật dạy:

– Nay A-nan! Hằg-già Đề-bà này sẽ thành Phật ở đời vị lai

trong kiếp Tinh tú, hiệu là Phật Kim Hoa.

Này A-nan! Cô gái này sau khi qua đời sẽ làm thân nam, sinh về cõi Diêu hỷ của Đức Phật A-súc. Ở nước Diêu hỷ đó tu phạm hạnh thanh tịnh.

Này A-nan! Ở cõi Diêu hỷ, Bồ-tát đó hiệu là Kim Hoa. Khi mãn báo thân ở nước Diêu hỷ, Bồ-tát Kim Hoa sẽ sinh về cõi nước của các Đức Phật khác, mãi mãi chẳng xa lìa các Phật.

Như Chuyển luân thánh vương từ một hành cung này đến một hành cung khác, trọn đời chân vua chẳng đạp đất.

Cũng vậy, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, mãi đến khi thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ-tát Kim Hoa không có lúc nào chẳng thấy Phật.

A-nan thâm nghĩ: “Đại Bồ-tát Kim Hoa về sau thành Phật, phải biết đại hội của Bồ-tát này cũng như pháp hội của Phật Thích-ca.”

Phật bảo A-nan:

–Đúng như ông vừa nghĩ, vào thời Phật Kim Hoa, đại hội Bồ-tát phải biết là pháp hội của Phật.

Này A-nan! Vào thời Phật Kim Hoa, Tỳ-kheo Tăng đông vô lượng, vô biên, chẳng đếm được, chẳng nói được, có thể là trăm ngàn muôn ức na-do-tha, trong cõi đó không có những thứ xấu ược như cõi này.

–Bạch Đức Thế Tôn! Từ nơi nào mà người nữ này gieo cội phước đức, trồng căn lành?

–Này A-nan! Từ chỗ Phật Nhiên Đăng, người nữ này bắt đầu phát tâm Bồ-đề, trồng căn lành, hồi hướng Phật đạo.

Lúc đó, người nữ này cũng dùng hoa vàng, rải cúng dường Phật Nhiên Đăng để cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này A-nan! Lúc đó chính ta dùng năm cành hoa, rải cúng dường Phật Nhiên Đăng để cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Phật Nhiên Đăng biết thiện căn của ta đã thành tựu nên thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho ta. Nữ nhân này nghe ta được thọ ký liền nguyện: “Cầu mong cho tôi ở đời sau cũng được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như Đại Bồ-tát này.”

Này A-nan! Ông nên biết rằng từ chỗ Phật Nhiên Đăng, cô gái này mới đầu phát tâm Bồ-đề.

–Bạch Đức Thế Tôn! Phải chăng người nữ này từ lâu đã tu tập Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

–Đúng vậy, này A-nan! Từ lâu người nữ này đã tu tập Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

M

Phẩm 60: HỌC VỀ KHÔNG, CHẴNG CÓ CHỨNG

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Muốn thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát học không Tam-muội và nhập không Tam-muội như thế nào? Học vô tướng Tam-muội, vô tác Tam-muội và nhập vô tướng, vô tác Tam-muội như thế nào? Học bốn Niệm xứ cho đến học tám Thánh đạo và tu bốn Niệm xứ cho đến tu tám Thánh đạo thế nào?

–Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát phải quán sắc không, phải quán thọ, tưởng, hành, thức không, phải quán mười hai nhập, mười tám giới không, cho đến phải quán cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc không.

Lúc quán như vậy chớ để tâm tán loạn.

Nếu tâm chẳng tán loạn thì Đại Bồ-tát chẳng thấy pháp ấy. Nếu chẳng thấy pháp ấy thì chẳng chứng. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này khéo học tự tướng không, chẳng có dư, chẳng có phần chứng, pháp chứng, đều chẳng thể thấy.

–Bạch Đức Thế Tôn! Như Đức Phật dạy: Đại Bồ-tát chẳng nên đối với pháp không mà tác chứng.

Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao Đại Bồ-tát trụ trong pháp không mà chẳng tác chứng?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát quán về không được đầy đủ, trước hết nguyện như vậy: Tôi chẳng nên đối với pháp không mà tác chứng, nay là lúc tôi học, chẳng phải lúc tôi chứng. Đại Bồ-tát chẳng chuyên nhiếp tâm cột vào cảnh duyên, vì thế mà Đại Bồ-tát chẳng

thoái chuyển trong Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng chứng quả vô lậu.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát rất khéo thực hành như vậy thì pháp mâu được thành tựu. Vì sao? Lúc trụ trong pháp không, Đại Bồ-tát tự nghĩ nay là lúc tôi học, chẳng phải lúc chứng.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải nghĩ rằng: “Nay là lúc tôi học Bồ thí ba-la-mật cho đến là lúc tôi học Bát-nhã ba-la-mật, chẳng phải là lúc chứng, là lúc tôi tu bốn Niệm xứ, chẳng phải là lúc chứng, cho đến là lúc tôi tu tám Thánh đạo, chẳng phải là lúc chứng, là lúc tôi tu ba Tam-muội, chẳng phải là lúc chứng, là lúc tu mười Trí lực, chẳng phải là lúc chứng, cho đến là lúc tôi học Nhất thiết chủng trí, chẳng phải là lúc chứng quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán và đạo Bích-chi-phật.”

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật học, quán niệm về không, an trụ trong không, học vô tướng, vô tác quán, an trụ trong vô tướng, vô tác, tu bốn Niệm xứ cho đến tu tám Thánh đạo, chẳng chứng lấy bốn Niệm xứ cho đến chẳng chứng lấy tám Thánh đạo.

Đại Bồ-tát này dầu tu học, dầu thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo mà chẳng tác chứng quả Tu-đà-hoàn, cho đến chẳng tác chứng quả Bích-chi-phật.

Này Tu-bồ-đề! Ví như người tráng sĩ có sức mạnh, giỏi sáu mươi bốn môn binh pháp, tay nắm chặt binh khí đứng yên bất động, tài nghệ giỏi, tướng sạch đẹp, mọi người ai cũng kính mến, làm ít việc, được lợi ích nhiều. Vì vậy nên được đại chúng cung kính, tôn trọng, khen ngợi. Thấy mọi người kính trọng, tráng sĩ này càng vui mừng, vì ít việc làm nên đến xứ khác để giúp đỡ người già yếu qua khỏi chỗ hiểm nạn sợ hãi. Giữa đường hiểm trở có nhiều giặc cướp ẩn núp, lén cướp hại. Do tráng sĩ đó có đủ trí lực nên mọi người qua được đường hiểm trở, về đến nhà chẳng bị cướp hại, đều an ổn vui mừng.

Này Tu-bồ-đề! Cũng giống như vậy, Đại Bồ-tát đối với tất cả chúng sinh, tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả tràn đầy cùng khắp, khi đó Đại Bồ-tát trụ trong bốn Tâm vô lượng, đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, chẳng

chứng lấy quả vô lậu, học Nhất thiết chủng trí, nhập ba môn Giải thoát: không, vô tướng, vô tác. Bấy giờ, Bồ-tát chẳng theo tất cả các tướng, cũng chẳng chứng Tam-muội vô tướng nên chẳng theo các vị Thanh văn và Bích-chi-phật.

Này Tu-bồ-đề! Ví như chim có đủ cánh, bay lượn trong hư không chẳng bị rơi, dầu chim ở trong hư không mà cũng chẳng an trụ trong hư không.

Cũng vậy, Đại Bồ-tát dầu học ba môn Giải thoát không, vô tướng, vô tác mà chẳng tác chứng. Vì chẳng tác chứng nên chẳng rơi vào hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Dầu chưa có đủ mười Trí lực, đại Từ, đại Bi, vô lượng Phật pháp, Nhất thiết chủng trí mà cũng chẳng chứng lấy ba môn Giải thoát không, vô tướng, vô tác.

Này Tu-bồ-đề! Ví như người có tài bắn giỏi, bắn tên lên hư không, lại bắn tiếp lên, tên sau ghim lấy tên trước, các mũi tên ghim giữ nhau chẳng cho rơi xuống đất theo ý của người bắn. Nếu muốn cho rớt thì thôi không bắn tên lên nữa. Bấy giờ các mũi tên mới rớt xuống đất.

Cũng giống như vậy, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác có năng lực phương tiện, lúc các thiện căn chưa đầy đủ thì chẳng chứng lấy thật tế, nếu thiện căn đã đầy đủ mới chứng lấy thật tế.

Thế nên, Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát nên như vậy mà quán pháp tướng của các pháp.

–Bạch Đức Thế Tôn! Việc làm của Đại Bồ-tát thật là rất sâu. Vì sao? Vì dù cho Đại Bồ-tát học các pháp tướng ấy, học thật tế, học như, học pháp tánh, học rốt ráo không, cho đến học tự tướng không và ba môn Giải thoát mà chẳng bao giờ giữa đường bị rơi vào hàng Nhị thừa: Thanh văn, Bích-chi-phật thì thật là ít có.

–Này Tu-bồ-đề! Vì chẳng rời bỏ tất cả chúng sinh nên Đại Bồ-tát này phát nguyện như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát nghĩ rằng: “Ta chẳng nên lìa bỏ tất cả chúng sinh. Tất cả chúng sinh chìm trong pháp không thật có, ta phải cứu độ họ.”

Lúc đó Bồ-tát liền nhập môn giải thoát không, môn giải thoát

vô tướng, môn giải thoát vô tác. Phải biết Đại Bồ-tát này thành tựu năng lực phương tiện, lúc chưa được Nhất thiết chủng trí, thực hành ba môn Giải thoát mà chẳng ở giữa đường chứng lấy thật tế.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát muốn quán các pháp sâu xa, đó là nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn Niệm xứ cho đến ba môn Giải thoát. Bấy giờ, Đại Bồ-tát phải có tâm niệm như vậy: Các chúng sinh mãi đi trong tướng ngã cho đến tướng người biết, người thấy, dính mắc các pháp có sở đắc, tôi vì dứt các tướng này cho chúng sinh nên lúc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tôi sẽ nói pháp. Bấy giờ Đại Bồ-tát thực hành ba môn Giải thoát không, vô tướng, vô tác mà chẳng chứng thật tế. Vì chẳng chứng nên chẳng theo hàng Thanh văn và Bích-chi-phật.

Này Tu-bồ-đề! Do tâm muốn thành tựu thiện căn như vậy nên Đại Bồ-tát chẳng ở giữa đường tác chứng thật tế, chẳng mất bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm xứ, cho đến chẳng mất mười tám pháp Bất cộng. Khi đó, Đại Bồ-tát thành tựu tất cả pháp trợ đạo, cho đến thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng bao giờ hao tổn, chẳng bao giờ giảm bớt. Vì có năng lực phương tiện nên Bồ-tát này thường tăng ích pháp lành, căn trí lanh lợi hơn cả căn trí A-la-hán và Bích-chi-phật.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát nghĩ rằng: Các chúng sinh mãi dính mắc bốn điên đảo: chấp thường, chấp lạc, chấp tịnh và chấp ngã. Vì các chúng sinh này mà tôi cầu Nhất thiết chủng trí. Lúc tôi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ vì họ mà nói pháp vô thường, khổ, bất tịnh và pháp vô ngã. Đại Bồ-tát thành tựu tâm nguyện như vậy, dùng năng lực phương tiện thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dầu chưa được Tam-muội Như Phật, chưa đầy đủ mười Trí lực, bốn Vô úy, bốn Vô ngại trí, đại Từ, đại Bi, mười tám pháp Bất cộng, nhưng chẳng chứng lấy thật tế. Lúc ấy Bồ-tát tu môn giải thoát vô tác, dầu chưa được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nhưng chẳng chứng lấy thật tế.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát nghĩ rằng: Các chúng sinh mãi chấp trước pháp có sở đắc. Đó là ngã, chúng sinh cho đến người biết, người thấy. Ấy là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức, là nhập, là giới,

là bốn Thiên, là bốn Tâm vô lượng, là bốn Định vô sắc, là tu hành như vậy. Lúc tôi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ làm cho các chúng sinh chẳng chấp pháp có sở đắc như vậy.

Bồ-tát thành tựu tâm đó, dùng năng lực phương tiện thực hành Bát-nhã ba-la-mật, lúc chưa đầy đủ mười Trí lực cho đến mười tám pháp Bất cộng thì chẳng chứng lấy thật tế, khi đó Bồ-tát tu đầy đủ Tam-muội không.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát nghĩ rằng: Chúng sinh mãi mãi sống trong các tướng, đó là những tướng nam, nữ, sắc, vô sắc. Nếu lúc tôi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ làm cho chúng sinh không có các nhận thức các tướng sai lầm như vậy. Bồ-tát thành tựu tâm đó, dùng năng lực phương tiện thực hành Bát-nhã ba-la-mật, lúc chưa đầy đủ mười Trí lực cho đến pháp Bất cộng thì không chứng lấy thật tế. Khi đó, Bồ-tát tu Tam-muội vô tướng đầy đủ.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát học sáu pháp Ba-la-mật, học nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, học bốn Niệm xứ cho đến học ba pháp môn giải thoát, học mười Trí lực, bốn Vô úy, bốn vô ngại, đại Từ, đại Bi, học mười tám pháp Bất cộng, thành tựu trí tuệ như vậy thì chẳng bao giờ chấp trước các pháp tạo tác, hoặc trụ trước trong tâm giới.

Lúc Đại Bồ-tát này học pháp trợ đạo và hành pháp trợ đạo, nên thử hỏi rằng: Đại Bồ-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác sao lại học quán các pháp không mà chẳng chứng lấy thật tế, vì chẳng chứng lấy nên chẳng theo hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Quán vô tướng, vô tác, vô khởi, không sinh, không thật có, cũng chẳng chứng lấy thật tế mà tu Bát-nhã ba-la-mật?

Này Tu-bồ-đề! Lúc thử hỏi như trên, nếu Đại Bồ-tát đó đáp: Đại Bồ-tát chỉ nên quán không, chỉ nên quá vô tướng, vô tác, vô khởi, không sinh, không thật có, Đại Bồ-tát chẳng nên học không, vô tướng, vô tác, không sinh, không khởi, không thật có, chẳng nên học pháp trợ đạo.

Này Tu-bồ-đề! Phải biết Bồ-tát đó chưa được các Phật thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì người này chẳng nói

được sở học của bậc Bồ-tát không thoái chuyển, chẳng trình bày được, chẳng giải đáp được.

Nếu Đại Bồ-tát đó nói được, trình bày được, giải đáp được chỗ sở học của Bồ-tát không thoái chuyển, phải biết đó là người đã học đạo Bồ-tát, nhập vào Bồ-tát Bạc địa như các Đại Bồ-tát không thoái chuyển khác.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Có Bồ-tát nào chưa được không thoái mà giải đáp được chăng?

Phật dạy:

–Có. Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát đó đối với Bát-nhã ba-la-mật hoặc đã nghe, hoặc chẳng nghe, mà giải đáp được thì như bậc Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Có rất nhiều Bồ-tát cầu Phật đạo mà ít có Bồ-tát giải đáp được, như các Đại Bồ-tát không thoái chuyển trong hàng Hữu học và vô học như vậy.

Phật dạy:

–Đúng vậy, Bồ-tát đó rất ít. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát ít được thọ ký Càn tuệ không thoái chuyển. Nếu người nào được thọ ký thì giải đáp được. Thiện căn của người đó sáng rõ. Tất cả các vị trời cùng người đời không ai phá hoại được.

M

Phẩm 61: TRONG MỘNG KHÔNG CHỨNG

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu Đại Bồ-tát dù trong chiêm bao, chẳng tham muốn quả vị Thanh văn, Bích-chi-phật, cũng chẳng tham muốn ba cõi. Quán biết các pháp như mộng, như huyễn, như tiếng vang, như sóng nắng, như biến hóa, cũng chẳng chứng lấy.

Này Tu-bồ-đề! Phải biết đó là tướng không thoái chuyển của Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trong chiêm bao thấy Phật và vô số Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, Trời, Rồng, Quỷ thần. Thấy Đức Phật nói pháp cho đại chúng. Bồ-tát này theo Phật nghe pháp liền hiểu nghĩa rồi thực hành theo pháp.

Phải biết đó là tướng không thoái chuyển của Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Trong chiêm bao, Đại Bồ-tát thấy Đức Phật đủ ba mươi hai tướng, hai mươi tám vẻ đẹp tùy hình, phát ra ánh sáng vọt lên không nói pháp cho chúng đại Tỳ-kheo, nghe rồi hiện thần lực rộng lớn biến thành hóa nhân đến cõi Phật khác mà làm Phật sự.

Phải biết đó là tướng không thoái chuyển của Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu trong chiêm bao, Đại Bồ-tát thấy giấc nổi dậy đánh phá xóm làng, thành thị, hoặc phóng hỏa, hoặc thấy các thú dữ cạp, sói, sư tử, hoặc thấy có kẻ muốn đến chặt đầu mình, hoặc thấy cha mẹ, anh chị, bạn thân chết. Dầu thấy rất nhiều sự hung ác, khổ sầu như vậy mà chẳng kinh sợ, buồn lo. Sau khi thức giấc liền suy gẫm ba cõi luống dối đều như cảnh chiêm bao. Lúc ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ giảng nói cho chúng sinh nghe mà ba cõi như chiêm bao.

Phải biết đó là tướng không thoái chuyển của Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Làm sao biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển lúc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong cõi nước không có ba đường ác đạo?

Trong chiêm bao, nếu Đại Bồ-tát thấy các súc sinh, ngựa quỳ, địa ngục liền nghĩ rằng: “Ta phải siêng năng tinh tấn, lúc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong cõi nước ta không có ba đường ác. Vì sao? Vì cảnh chiêm bao và các pháp không, hai không khác.”

Phải biết đó là tướng không thoái chuyển của Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Trong chiêm bao, Đại Bồ-tát thấy lửa

địa ngục nấu đốt chúng sinh, liền phát thệ nguyện: Nếu tôi thật là bậc không thoái chuyển, nguyện lửa này tắt ngay.

Nếu lửa địa ngục tắt ngay theo lời nguyện, phải biết đó là tướng không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ban ngày Đại Bồ-tát thấy thành thị bị lửa cháy liền nghĩ rằng: “Trong chiêm bao, tôi thấy hành động, loại, tướng mạo không thoái chuyển, nay tôi thật có như vậy.” Tự lập thệ: “Xin cho lửa này tắt ngay.”

Sau khi lập thệ, nếu lửa tắt ngay thì phải biết đó là Đại Bồ-tát được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trụ vào địa vị không thoái chuyển.

Nếu lửa đó chẳng tắt ngay mà đốt cháy từ nhà này đến nhà khác, từ xóm này đến xóm khác, này Tu-bồ-đề, phải biết các ngôi nhà bị cháy là do đời trước nghiệp nhân phá pháp sâu dày nên đời nay mang tai họa thừa ấy.

Vì nhân duyên đó, phải biết đó là tướng không thoái chuyển của Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nay Đức Phật lại vì người mà nói hành động, loại, tướng mạo của Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Nếu có người nam hay người nữ bị quỷ thần dựa. Khi đó, Bồ-tát tự nghĩ: Nếu tôi được các Đức Phật quá khứ thọ ký, tâm tôi thanh tịnh cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thực hành chánh đạo thanh tịnh, xa lìa tâm cầu Thanh văn, Bích-chi-phật. Xa lìa tâm Thanh văn, Bích-chi-phật, đáng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tôi chắc chắn sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng phải không được. Hiện tại vô lượng các Đức Phật ở các cõi nước ở mười phương không gì chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, chẳng chứng. Các Phật biết thâm tâm tôi, quyết chắc sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do tâm chí thành phát thệ ấy, người nam hay người nữ bị quỷ thần dựa vào não hại này sẽ được khỏi khổ nạn, quỷ thần sẽ xa lìa.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát phát thệ như vậy, nếu quỷ thần chẳng rời đi, thì phải biết Bồ-tát chưa được các Đức Phật quá khứ thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu quỷ thần rời đi, thì phải

biết đã được các Đức Phật quá khứ thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Do các hành động, loại, tướng mạo đó mà biết là Đại Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát xa lìa sáu pháp Ba-la-mật và năng lực phương tiện, tu hành bốn Niệm xứ cho đến ba môn Tam-muội chưa lâu, chưa nhập địa vị Bồ-tát. Bồ-tát đó bị ác ma nhiều hại nên phát thệ: Nếu tôi thật được các Đức Phật thọ ký thì quỷ thần này phải rời đi. Lúc đó, ác ma liền bảo quỷ thần rời đi. Ác ma có oai lực hơn quỷ thần nên quỷ thần liền rời đi. Bồ-tát này nghĩ rằng do năng lực thệ nguyện của tôi mà quỷ thần phải rời đi, chớ chẳng biết là năng lực của ác ma. Vì cậy vào chỗ chứng đắc đó nên vị này xem thường các Bồ-tát khác: Tôi đã được các Phật thọ ký, còn các Ngài thì chưa. Do đó, vị này sinh tâm tăng thượng mạn mà xa lìa Nhất thiết chủng trí, xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Phải biết người đó đi theo hàng Thanh văn, hoặc hàng Bích-chi-phật.

Do nhân duyên thệ nguyện luống dối như trên, không có năng lực phương tiện nên việc ma phát khởi. Người đó vì chẳng gần gũi, nương tựa Thiện tri thức, chẳng hỏi rành tướng mạo không thoái chuyển nên bị ma trói buộc càng thêm bền chắc.

Vì sao? Vì Bồ-tát đó thực hành sáu pháp Ba-la-mật chẳng được bao lâu nên không có năng lực phương tiện.

Phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật chẳng được bao lâu, cho đến chưa nhập địa vị Bồ-tát, bị ác ma nhiều hại?

Này Tu-bồ-đề! Ác ma hóa hiện các thứ thân hình đến bảo Bồ-tát: Ở chỗ các Phật, ngài được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ngài tên ấy, cha tên ấy, mẹ tên ấy, anh chị em tên ấy, bảy đời cha mẹ của ngài tên họ như vậy, ngài sinh trong ấp ấy, làng ấy, thành ấy, nước ấy, tại địa phương ấy. Nếu thấy Bồ-tát tánh hạnh mềm mỏng, ác ma nói: Đời trước ngài cũng mềm mỏng. Nếu thấy

Bồ-tát tánh hạnh nóng gấp, ác ma nói: Đời trước ngài cũng giống như vậy. Nếu thấy Bồ-tát tu hạnh vắng lặng, ác ma nói: Đời trước ngài cũng tu như vậy. Nếu thấy Bồ-tát khát thực, mặc y lượm, chiều chẳng uống nước trái cây, giữa ngày ăn một bữa, ăn một bát, ở nơi gò mả, ở chỗ trống, ở dưới cây, thường ngồi chẳng nằm, ngồi kiết già, chỉ thọ ba y, hoặc ít muốn, hoặc biết đủ, hoặc tu hạnh xa lìa, hoặc chẳng thoa chân, hoặc ít nói chuyện, ác ma bèn nói: Đời trước ngài cũng tu hạnh như vậy, đời nay ngài có công đức Đầu-đà này, đời trước ngài cũng có công đức như vậy.

Bồ-tát đó nghe nói việc đời trước và họ tên, lại nghe khen ngợi công đức Đầu-dà liền vui mừng, sinh tâm kiêu mạn.

Bấy giờ ác ma nói: Ngài có công đức như vậy, có tướng như vậy, ngài thật đã được các Đức Phật thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Ác ma hoặc hiện thành Tỳ-kheo quán y, hoặc hiện làm cư sĩ, hoặc hiện hình cha mẹ đến bảo Bồ-tát: Ngài đã được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì bao nhiêu tướng không thoái chuyển, ngài đều có đủ.

Này Tu-bồ-đề! Thật ra những tướng mạo không thoái chuyển chân thật theo như Đức Phật nói, người này hoàn toàn không có.

Phải biết Bồ-tát đó bị ma nhiều hại. Vì sao? Vì Bồ-tát đó hoàn toàn không có tướng mạo không thoái chuyển, nhờ nghe khen tặng mà sinh tâm kiêu mạn, xem thường người khác.

Phải biết đó là việc ma của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật chưa được lâu, chẳng biết tướng danh tự, chẳng biết tướng sắc, tướng thọ, tướng, hành, thức. Ác ma đến nói: Đời sau, lúc Ngài được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ có các danh hiệu như vậy. Rồi ác ma tùy theo chỗ tướng niệm của Bồ-tát mà nói danh hiệu. Bồ-tát vô trí, không có phương tiện bèn nghĩ rằng: “Mình đã có danh hiệu thành Phật như người này nói, hợp với bản ý của mình. Chắc là mình đã được các Đức Phật thọ ký.”

Này Tu-bồ-đề! Tướng mạo không thoái chuyển của Đức Phật nói, người này hoàn toàn không có. Chỉ theo danh hiệu trống rỗng ấy

rồi kiêu mạn, khinh thường người khác. Vì thế mà xa lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát này xa lìa Bát-nhã ba-la-mật, không có năng lực phương tiện, xa lìa Thiện tri thức, theo ác tri thức, theo hai hàng Thanh văn và Bích-chi-phật. Nếu ngay ở đời này vị ấy ăn năn sám hối, thì phải qua lại lâu dài trong sinh tử, sau mới trở lại y chỉ Bát-nhã ba-la-mật. nếu gặp Thiện tri thức, thường gần gũi thì sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Còn nếu người ấy ở đời này chẳng sám hối ngay thì sẽ đi theo hai hàng Thanh văn, hoặc Bích-chi-phật.

Này Tu-bồ-đề! Đối với bốn giới trọng, nếu Tỳ-kheo phạm một giới thì chẳng phải Sa-môn, chẳng phải Thích tử, hiện đời này chẳng được bốn quả Sa-môn.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát đó ham thích danh hiệu giả dối, có tâm kiêu mạn, khinh thường người khác, phải biết tội này nặng hơn tội phạm giới trọng của Tỳ-kheo. Này Tu-bồ-đề! Chẳng những nặng hơn bốn giới trọng mà còn hơn cả năm tội nghịch. Bởi ham thích danh hiệu giả dối mà sinh tâm cao ngạo khinh thường người khác, phải biết là tội rất nặng. Đó là các những danh hiệu, còn các việc ma nhỏ nhặt khác, Bồ-tát phải cảnh giác biết rõ.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát ở chỗ vắng vẻ núi đầm hoang vắng. Ma đến khen ngợi rằng: Hạnh ngài làm là pháp xa lìa của Phật khen ngợi.

Này Tu-bồ-đề! Đức Phật chẳng khen ngợi sự xa lìa như vậy, nghĩa là chỉ ở nơi vắng vẻ, núi non hoang vắng mà gọi là xa lìa.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu ở chỗ vắng vẻ núi non hoang vắng như vậy mà chẳng phải là pháp xa lìa thì có pháp xa lìa khác thế nào?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát xa lìa tâm Thanh văn, Bích-chi-phật, ở chỗ vắng vẻ núi non hoang vắng đây là pháp xa lìa mà Đức Phật hứa khả. Pháp xa lìa này Bồ-tát phải tu hành. Ngày đêm thực hành pháp xa lìa này thì gọi là hạnh xa lìa của Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Nếu pháp xa lìa của ác ma nói, ở chỗ vắng vẻ núi non hoang vắng mà tâm Bồ-tát này ở tại nơi ồn náo: đó là chẳng xa lìa tâm niệm Thanh văn, Bích-chi-phật, chẳng siêng tu Bát-nhã

ba-la-mật, Bồ-tát này chẳng đầy đủ được Nhất thiết chủng trí. Bồ-tát này thực hành pháp xa lìa của ác ma nói, lòng chẳng thanh tịnh mà khinh thường các Bồ-tát, ở gần thành thị mà tâm thanh tịnh, không có tâm niệm ồn náo, Thanh văn, Bích-chi-phật, cũng không có tâm tạp ác khác, đầy đủ thiền định, giải thoát, trí tuệ, thần thông.

Bồ-tát xa lìa Bát-nhã ba-la-mật không có năng lực phương tiện đó, dẫu ở chỗ rất hoang vắng ngoài trăm do-tuần, chỗ cấm thú, quý thần, la-sát ở, hoặc một năm cho đến trăm ngàn muôn ức năm, hoặc lâu hơn thời gian trên, mà chẳng biết pháp xa lìa chân thật của Bồ-tát: đó là thâm tâm phát Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng có tâm tạp ác, ồn náo. Việc làm của Bồ-tát này Đức Phật không cho phép.

Này Tu-bồ-đề! Đức Phật nói pháp xa lìa chân thật. Bồ-tát này chẳng ở trong đó, cũng chẳng thấy tướng xa lìa đó. Vì sao? Vì Bồ-tát này chỉ thực hành pháp xa lìa luống dối. Bấy giờ, ác ma đến đứng trong hư không khen: Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Đó là pháp xa lìa chân thật của Phật nói. Ngài thực hành pháp xa lìa ấy sẽ mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nghe lời khen ấy, Bồ-tát này có tâm niệm ham thích pháp xa lìa ấy thì sẽ khinh dễ các người cầu Phật đạo khác mà cho là ồn náo.

Đó là lấy ồn náo làm chẳng ồn náo, lấy chẳng ồn náo làm ồn náo, đáng cung kính mà chẳng cung kính, chẳng đáng cung kính mà cung kính. Bồ-tát này nói: Các quý thần nhớ tưởng đến khen ngợi tôi. Việc mà tôi hành trì đúng là hạnh xa lìa, không ai khen tặng những người ở gần thành thị. Do đó mà Bồ-tát này khinh thường các Bồ-tát khác.

Này Tu-bồ-đề! Phải biết Bồ-tát này gọi là Bồ-tát Chiên-đà-la, làm ô nhiễm các Bồ-tát. Người này giống hình dạng Bồ-tát mà thật là kẻ đại tặc ở nhân gian và trên cõi trời, cũng là kẻ giặc quẩn y trong hàng Sa-môn. Với người như vậy, những người cầu Phật đạo chẳng nên gần gũi, cúng dường, cung kính. Vì sao?

Này Tu-bồ-đề! Vì phải biết người này rơi vào hàng tăng thượng mạn.

Thế nên nếu Đại Bồ-tát muốn chẳng lìa bỏ Nhất thiết trí, muốn

được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nhất tâm mong cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, muốn lợi ích tất cả chúng sinh thì nên gần gũi hạng người như vậy để cung kính, cúng dường.

Theo pháp của Đại Bồ-tát, phải thương cầu tự lợi, nhằm chán thế gian, tâm luôn xa lìa ba cõi, đối với hạng người ấy phải có tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả. Khi ta thực hành đạo Bồ-tát chẳng nên sinh ra tội lỗi như vậy. Nếu có lỗi như vậy thì phải mau dứt trừ.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải khéo cảnh giác việc ma ấy. Ở trong việc ma ấy phải khéo cố gắng ra khỏi.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát với tâm muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phải gần gũi, cung kính, cúng dường Thiện tri thức.

– Bạch Đức Thế Tôn! Ai là Thiện tri thức của Đại Bồ-tát?

– Này Tu-bồ-đề! Các Đức Phật là Thiện tri thức của Đại Bồ-tát. Các Đại Bồ-tát cũng là Thiện tri thức của Bồ-tát. A-la-hán cũng là Thiện tri thức của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Sáu pháp Ba-la-mật là Thiện tri thức của Bồ-tát. Bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng cũng là Thiện tri thức của Bồ-tát. Như, thật tế, pháp tánh cũng là Thiện tri thức của Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Sáu pháp Ba-la-mật là Thế Tôn, sáu pháp Ba-la-mật là đạo, là rất sáng, là đước, là trí, là tuệ, là cứu, là quy, là cõn đảo, là đường rớt ráo, là cha, là mẹ. Bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết chủng trí cũng giống như vậy.

Vì sao? Vì sáu pháp Ba-la-mật và ba mươi bảy phẩm Trợ đạo là cha, là mẹ của các Đức Phật quá khứ, các Đức Phật vị lai, các Đức Phật hiện tại ở mười phương. Vì sao? Vì sáu pháp Ba-la-mật và ba mươi bảy phẩm Trợ đạo sinh ra các Đức Phật quá khứ, vị lai, hiện tại ở mười phương.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh thì phải học sáu pháp Ba-la-mật ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và bốn nhiếp pháp để giáo hóa chúng sinh. Đây là bố nhiếp pháp: bố thí, ái ngữ, lợi ích và đồng sự.

Này Tu-bồ-đề! Vì có công năng lợi ích như vậy nên ta nói sáu pháp Ba-la-mật và ba mươi bảy phẩm Trợ đạo là Đại Bồ-tát, là Thế Tôn, là đạo, là rất sáng, là đước, là trí, là tuệ, là cứu, là quy, là cõn đảo, là đường rớt ráo, là cha, là mẹ.

Thế nên Đại Bồ-tát muốn an trụ chẳng nghe theo lời người khác, muốn dứt nghi cho tất cả chúng sinh, muốn thanh tịnh cõi Phật, muốn thành tựu chúng sinh, thì phải học Bát-nhã ba-la-mật này.

Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật có nói rộng các pháp mà các Đại Bồ-tát cần phải học.

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là tướng của Bát-nhã ba-la-mật?

– Này Tu-bồ-đề! Như tướng hư không là tướng Bát-nhã ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật không có tướng.

– Bạch Đức Thế Tôn! Có duyên cớ nào mà tướng các pháp cũng như tướng Bát-nhã ba-la-mật chẳng?

– Này Tu-bồ-đề, đúng vậy! Tướng các pháp cũng như tướng Bát-nhã ba-la-mật. Vì tất cả pháp là tướng lìa, tướng không. Do nhân duyên ấy nên tướng các pháp cũng như tướng Bát-nhã ba-la-mật. đó là tướng lìa, tướng không.

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp là tất cả pháp lìa, tất cả pháp là tất cả pháp không, thì làm sao biết chúng sinh là nhớ hoặc sạch?

Bạch Đức Thế Tôn! Pháp lìa tướng không nhớ, không sạch. Pháp không tướng không nhớ, không sạch. Pháp lìa tướng, không tướng chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lìa tướng và không tướng chẳng có pháp để được.

Bạch Đức Thế Tôn! Trong ly tướng, trong không tướng chẳng có Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Đức Thế Tôn! Như vậy thì con làm sao biết được nghĩa của Đức Phật giảng nói?

– Này Tu-bồ-đề! Tâm ngã, ngã sở của chúng sinh có mãi mãi hiện hành chẳng?

– Bạch Đức Thế Tôn, có! Tâm ngã, ngã sở của chúng sinh mãi mãi hiện hành.

–Này Tu-bồ-đề! Tâm ngã, ngã sở đó có lia tướng chẳng? Có không tướng chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn! Tâm ngã, ngã sở lia tướng, không tướng.

–Này Tu-bồ-đề! Do tâm ngã, ngã sở đó, chúng sinh có qua lại trong sinh tử chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn! Do tâm ngã, ngã sở đó, chúng sinh qua lại trong sinh tử.

–Này Tu-bồ-đề! Vì chúng sinh qua lại trong sinh tử nên biết là có cấu, có não.

–Này Tu-bồ-đề! Nếu biết chúng sinh không có tâm ngã, ngã sở, tâm không chấp trước thì chẳng còn qua lại trong sinh tử. Nếu chẳng qua lại trong sinh tử thì không có cấu, não. Cho nên chúng sinh có tịnh.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát thực hành như vậy, đó là chẳng thực hành sắc, thọ, tưởng, hành, thức, là chẳng thực hành bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo, là chẳng thực hành nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, là chẳng thực hành mười Trí lực cho đến Nhất thiết chủng trí.

Vì sao? Vì pháp ấy chẳng thật có, cũng không có người thực hành, cũng không có chỗ hành, cũng không có pháp hành.

Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành như vậy, tất cả Trời, Người, A-tu-la ở thế gian chẳng hàng phục được Đại Bồ-tát này. Tất cả Thanh văn, Bích-chi-phật chẳng bằng được Bồ-tát này.

Vì sao? Vì chỗ an trụ của Bồ-tát này không ai bằng được, đó là địa vị Bồ-tát.

Bạch Đức Thế Tôn! Sở hành của Đại Bồ-tát này đúng với tâm của Nhất thiết chủng trí, không ai bằng được.

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành như vậy mau gần với Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu tất cả mọi loài chúng sinh ở Diêm-phù-đề đều thực hành nghiệp người, đều được thân người và đều được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cả. Nếu có thiện nam, thiện nữ trọn đời cung kính, cúng dường, ngợi khen tất cả các Đức

Phật đó, rồi hồi hướng tất cả thiện căn về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì cơ ấy có được phước nhiều chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều!

–Này Tu-bồ-đề! Phước không nhiều bằng thiện nam, thiện nữ ở giữa đại chúng giảng nói Bát-nhã ba-la-mật, chỉ dạy rành rẽ, khai giảng rõ ràng đúng với Bát-nhã ba-la-mật và cũng ghi nhớ, cho đến chúng sinh trong cõi đại thiên cũng giống như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Như tất cả chúng sinh trong cõi Diêm-phù-đề đồng thời đều được thân người. Có thiện nam, thiện nữ dạy họ thực hành mười pháp lành, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, dạy họ được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả Bích-chi-phật, dạy họ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hồi hướng thiện căn dạy bảo đó về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thiện nam, thiện nữ đó được phước có nhiều chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều!

–Này Tu-bồ-đề! Phước nhiều không bằng thiện nam, thiện nữ giảng nói Bát-nhã ba-la-mật này, chỉ dạy rõ ràng, rành rẽ cho chúng sinh, cũng chẳng xa lìa Nhất thiết chủng trí.

Như Diêm-phù-đề, cho đến cõi đại thiên cũng giống như vậy.

Đại Bồ-tát này chẳng xa lìa tâm của Nhất thiết chủng trí thì đến tột cùng bờ tất cả ruộng phước. Trừ các Đức Phật, không có pháp nào bằng thế lực của Đại Bồ-tát ấy.

Vì sao? Vì Đại Bồ-tát ấy lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, đối với tất cả chúng sinh phát khởi tâm đại Từ, vì thấy chúng sinh hướng đến chỗ chết nên sinh tâm đại Bi. Lúc hành đạo, Bồ-tát ưa thích nên sinh tâm đại Hỷ. Vì chẳng chung với tướng niệm nên được đại Xả.

Này Tu-bồ-đề! Đó là Đại Bồ-tát được ánh sáng đại trí. Ánh sáng đại trí này tức là sáu pháp Ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Thiện nam, thiện nữ đó dầu chưa thành Phật mà có thể làm ruộng phước lớn cho tất cả chúng sinh, chẳng thoái chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thọ hưởng bốn việc cúng dường, thực hành đúng tâm Bát-nhã ba-la-mật, chắc chắn báo được ân thí chủ, mau gần Nhất thiết chủng trí.

Cho nên, Đại Bồ-tát muốn chẳng thọ hưởng uống phí bốn việc cúng thí của người, muốn dạy đạo ba thừa cho chúng sinh, muốn làm ánh sáng rực rỡ cho chúng sinh, muốn cứu vớt lao ngục ba cõi, muốn ban con mắt sáng cho tất cả chúng sinh, thì phải thường thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát muốn nói thì chỉ nói Bát-nhã ba-la-mật. Nói Bát-nhã ba-la-mật rồi thường ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật.

Thường ghi nhớ Bát-nhã ba-la-mật rồi thì thường thực hành Bát-nhã ba-la-mật, chẳng để cho tâm niệm khác phát sinh, ngày đêm siêng năng thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tâm niệm tương ứng, chẳng thôi, chẳng nghỉ.

Này Tu-bồ-đề! Ví như có người chưa từng được châu ma-ni, lúc sau được, tâm vui mừng hơn hở. Về sau lại đánh mất, bèn rất lo rầu, thường nhớ tưởng châu ma-ni đó, tự nghĩ tại sao tôi lại đánh mất châu ma-ni.

Cũng như vậy, Đại Bồ-tát thường nghĩ nhớ Bát-nhã ba-la-mật, chẳng rời tâm Nhất thiết chủng trí.

–Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả niệm tưởng, tánh của nó tự lìa, tánh của nó tự không, vì sao Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng lìa tâm của Nhất thiết chủng trí? Trong pháp xa lìa, pháp không đó, chẳng có Bồ-tát, cũng không có niệm, không có Nhất thiết chủng trí.

–Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát biết tất cả pháp như vậy, tánh nó tự lìa, tánh nó tự không, chẳng phải do Thanh văn, Bích-chi-phật làm ra, cũng chẳng phải do Phật làm ra. Các pháp tướng thường trụ, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, như, thật tế, đó gọi là Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, chẳng lìa tâm của Nhất thiết chủng trí. Vì sao? vì Bát-nhã ba-la-mật tánh tự lìa, tánh tự không, chẳng thêm, chẳng bớt.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Bát-nhã ba-la-mật, tánh nó tự lìa, tánh nó tự không, thì làm sao Đại Bồ-tát bằng với Bát-nhã ba-la-mật, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát bằng với Bát-nhã ba-la-mật, chẳng

thêm, chẳng bớt. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật chẳng phải một, chẳng phải khác.

Nếu Đại Bồ-tát nghe tướng Bát-nhã ba-la-mật như vậy mà chẳng kinh sợ, nghi ngờ. Phải biết Đại Bồ-tát này thực hành Bát-nhã ba-la-mật, phải biết Đại Bồ-tát này an trụ địa vị không thoái chuyển.

– Bạch Đức Thế Tôn! Không vô sở hữu là thực hành Bát-nhã ba-la-mật chăng?

– Không phải.

– Bạch Đức Thế Tôn! Lìa không, có phải pháp thực hành Bát-nhã ba-la-mật chăng?

– Không có.

– Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật đó phải là thực hành Bát-nhã ba-la-mật chăng?

– Không.

– Bạch Đức Thế Tôn! Lìa Bát-nhã ba-la-mật có phải là thực hành Bát-nhã ba-la-mật chăng?

– Không.

– Bạch Đức Thế Tôn! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức có phải là thực hành Bát-nhã ba-la-mật chăng?

– Không.

– Bạch Đức Thế Tôn! Sáu pháp Ba-la-mật là thực hành Bát-nhã ba-la-mật phải chăng?

– Không.

– Bạch Đức Thế Tôn! Bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng có phải là hành Bát-nhã ba-la-mật chăng?

– Không.

– Bạch Đức Thế Tôn! Tướng của sắc, thọ, tưởng, hành, thức là không, là luống dối chẳng thật, không có gì, tướng chẳng bền chắc, tướng như, pháp tướng, pháp trụ, pháp vị, thật tế là thực hành Bát-nhã ba-la-mật phải chăng?

– Không.

– Bạch Đức Thế Tôn! Bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp

Bất cộng tướng không, luống dối chẳng thật, cho đến thật tế là thực hành Bát-nhã ba-la-mật phải chăng?

–Không.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các pháp đó đều chẳng thực hành, thì thực hành Bát-nhã ba-la-mật như thế nào mới gọi là Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật?

–Này Tu-bồ-đề! Ông có thấy pháp nào thực hành Bát-nhã ba-la-mật chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Ông có thấy sở hành Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Pháp mà ông chẳng thấy đó, pháp ấy có thật có chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Pháp ấy chẳng thật có, pháp ấy có sinh chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Đó gọi là pháp Nhẫn vô sinh của Đại Bồ-tát. Bồ-tát thành tựu nhẫn này thì được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó gọi là vô sở úy, trí vô ngại của Phật. Đại Bồ-tát thực hành pháp đó siêng năng tinh tấn thì chẳng mất Nhất thiết chủng trí, đó là trí Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Không bao giờ chẳng được. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát được pháp Nhẫn vô sinh, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng lui sụt, chẳng giảm bớt.

–Bạch Đức Thế Tôn! Các pháp tướng không sinh, trong đó được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

–Không.

–Bạch Đức Thế Tôn! Các pháp tướng sinh, trong đó được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

–Không.

–Bạch Đức Thế Tôn! Các pháp tướng sinh, không sinh, trong

đó được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

–Không.

–Bạch Đức Thế Tôn! Các pháp chẳng phải sinh, chẳng phải không sinh, trong đó được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

–Không.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát làm sao biết là các pháp được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

–Này Tu-bồ-đề! Người thấy có pháp được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Con chẳng thấy có pháp được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Con cũng chẳng thấy có người được sở đắc.

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Nếu lúc Đại Bồ-tát đối với tất cả pháp không thật có, chẳng nghĩ rằng: “Ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng nghĩ rằng nhờ việc đó mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Vì sao? Vì các Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật không có tưởng nhớ, phân biệt.

Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật không có tưởng nhớ, phân biệt.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 19

Phẩm 62: MA SẦU

Khi đó, Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật này rất sâu khó thấy, không có nhớ tưởng, phân biệt, vì là rốt ráo xa lìa.

Bạch Đức Thế Tôn! Chúng sinh nào nghe Bát-nhã ba-la-mật này mà thọ trì, đọc tụng, giảng nói, ghi nhớ, gắm giữ, thực hành đúng như lời dạy, cho đến lúc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng xen lẫn tâm và tâm sở khác, phải biết là chẳng từ công đức nhỏ mà có.

Phật dạy:

– Đúng vậy, này Kiều-thi-ca! Người nghe Bát-nhã ba-la-mật này cho đến chẳng xen lẫn các tâm, tâm sở khác, thì chẳng phải từ công đức nhỏ mà có.

Này Kiều-thi-ca! ý ông nghĩ sao? Nếu chúng sinh trong Diêm-phù-đề thành tựu mười nghiệp lành, thành tựu bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc. Lại có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì Bát-nhã ba-la-mật, đọc tụng, gắm giữ, ghi nhớ, thực hành đúng như lời dạy thì thiện nam, thiện nữ này hơn hẳn chúng sinh kia trăm ngàn muôn ức lần, cho đến tính số ví dụ đều chẳng bằng được.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

– Thiện nam, thiện nữ thực hành Bát-nhã ba-la-mật đó, công đức nhiều hơn ông.

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

– Thiện nam, thiện nữ đó chỉ một lần phát tâm là hơn tôi, huống chi nghe Bát-nhã ba-la-mật này, thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ, thực hành đúng như lời dạy.

Thiện nam, thiện nữ đó chẳng những chỉ hơn tôi, mà còn hơn tất cả Trời, người, A-tu-la ở thế gian. Chẳng phải chỉ hơn tất cả Trời, người, A-tu-la ở thế gian mà cũng hơn các vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán và Bích-chi-phật. Chẳng phải chỉ hơn các vị Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi-phật, mà còn hơn các Bồ-tát thực hành năm pháp Ba-la-mật mà lìa Bát-nhã ba-la-mật, cũng hơn Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật mà không có năng lực phương tiện.

Thiện nam, thiện nữ đó thực hành Bát-nhã ba-la-mật đúng như lời dạy, thì chẳng mất dứt hạt giống Phật, thường được thấy Phật, sớm gần đạo tràng.

Đại Bồ-tát thực hành như vậy là vì muốn cứu vớt chúng sinh khỏi bị chìm đắm trong biển mộng.

Đại Bồ-tát học như vậy là vì chẳng học những môn học của Thanh văn, Bích-chi-phật.

Đại Bồ-tát học như vậy, bốn Thiên vương đến chỗ Bồ-tát thưa: Ngài nên siêng năng học gấp. Lúc ngồi đạo tràng thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như các Phật quá khứ thọ bốn cái bát, chúng tôi sẽ mang đến dâng lên Ngài. Và các vị trời khác cho đến trời Đại Tự Tại cũng sẽ cúng dường. Các Đức Phật ở mười phương cũng thường hộ niệm Đại Bồ-tát này.

Đối với tất cả việc nạn ách khốn khổ thế gian, Bồ-tát này đều thoát khỏi cả, cũng không có bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh thế gian.

Vì thực hành Bát-nhã ba-la-mật mà Đại Bồ-tát này được công đức ở đời hiện tại.

A-nan nghĩ: “Trời Đế Thích bằng tự lực mình nói như vậy, hay là nhờ thần lực Phật?”

Biết tâm niệm của A-nan, Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Lời tôi vừa nói đều là nhờ thần lực Phật.

Phật bảo A-nan:

–Đúng như lời Thích Đề-hoàn Nhân nói, đều là oai thần Phật. Nay A-nan! Lúc Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này, các ác ma trong cõi đại thiên đều nghi ngờ: Bồ-tát này sẽ được Vô

thượng Chánh đẳng Chánh giác, hay sẽ giữa chừng chứng thật tế, rơi vào hàng Thanh văn, Bích-chi-phật.

Lại nữa, này A-nan! Nếu lúc Đại Bồ-tát chẳng lìa Bát-nhã ba-la-mật thì ác ma rất sâu khổ như mũi tên nhọn xuyên vào tim. Ác ma lại phát ra gió lửa lớn nổi lên bốn phía, muốn làm cho Bồ-tát khiếp sợ biếng trễ, cho đến sinh một niệm loạn tâm đối với Nhất thiết chủng trí.

–Bạch Đức Thế Tôn! Các Bồ-tát đều bị ác ma làm nhiều loạn, hay có người chẳng bị làm nhiều loạn?

–Này A-nan! Có người bị nhiều loạn, có người chẳng bị nhiều loạn.

–Bạch Đức Thế Tôn! Các Bồ-tát nào bị ác ma làm nhiều loạn?

–Này A-nan! Có Bồ-tát ở đời trước nghe Bát-nhã ba-la-mật mà tâm không tin, không hiểu. Bồ-tát này bị ma nhiều loạn.

Lại nữa, này A-nan! Lúc nghe Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát có ý nghi ngờ: chẳng biết Bát-nhã ba-la-mật là thật có hay không? Bồ-tát này bị ma nhiều loạn.

Lại nữa, này A-nan! Có Bồ-tát lìa bỏ Thiện tri thức, theo ác tri thức, chẳng nghe Bát-nhã ba-la-mật. Vì chẳng nghe nên chẳng thấy, chẳng thưa hỏi nên thực hành Bát-nhã ba-la-mật như thế nào? Nên tu Bát-nhã ba-la-mật như thế nào? Bồ-tát này ác ma nhiều loạn.

Lại nữa, này A-nan! Nếu Bồ-tát lìa bỏ Bát-nhã ba-la-mật để thọ những pháp khác. Bồ-tát này bị ác ma nhiều loạn. Ác ma nghĩ: “Bọn này sẽ có bạn có đảng, sẽ thỏa mãn nguyện vọng của ta.” Bồ-tát này tự mình rơi vào Nhị thừa, cũng làm cho người khác rơi vào Nhị thừa.

Lại nữa, này A-nan! Lúc nghe nói Bát-nhã ba-la-mật, nếu Đại Bồ-tát bảo người rằng: Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này, chính ta còn chẳng thấu đáo được, các vị nghe học làm gì? Bồ-tát này bị ác ma nhiều loạn.

Lại nữa, này A-nan! Nếu Bồ-tát khinh thường Bồ-tát khác: Tôi thực hành Bát-nhã ba-la-mật, thực hành xa lìa không, ngài không có công đức đó. Bấy giờ, ác ma rất vui mừng hơn hởi: Nếu có Bồ-tát tự cậy danh tánh bề đảng đông đảo mà khinh thường các

Bồ-tát tốt khác, thì Bồ-tát này chẳng thật có công đức không thoái chuyển. Vì không có thật nên sinh các phiền não, chỉ ham hư danh mà khinh thường người khác, không ở trong pháp của mình được. Ác ma nghĩ: “Cảnh giới cung điện của ta sẽ trống không, ba đường ác sẽ đông thêm.”

Bấy giờ, ác ma giúp oai lực cho Bồ-tát đó làm cho người tin lời nói của Bồ-tát đó.

Vì tin lời nói nên thọ lãnh sự tu học theo kinh của Bồ-tát đó. Lúc tu học theo kinh đó, thêm nhiều các kết sử. Vì tâm của những người này điên đảo nên ba nghiệp thân khẩu ý gây ra tội mà đều chịu ác báo, do đó thêm nhiều ba đường ác mà cung điện quyến thuộc ma càng đông. Vì thấy lợi ích như vậy nên ác ma vui mừng, hớn hở.

Này A-nan! Nếu người thực hành đạo Bồ-tát tranh đấu với người cầu Thanh văn, ác ma thấy vậy nghĩ rằng đó là xa lìa Nhất thiết chủng trí.

Nếu Bồ-tát tranh đấu giận dữ mắng nhiếc, ác ma rất mừng rằng cả hai đều xa bỏ Nhất thiết chủng trí.

Này A-nan! Nếu Bồ-tát chưa được thọ ký có tâm ác tranh đấu mắng nhiếc đối với Bồ-tát đã được thọ ký, thì tùy theo khởi niệm nhiều ít, sẽ phải trải qua từng ấy số kiếp. Nếu chẳng bỏ Nhất thiết chủng trí, thì sau đó phải bù lại từng ấy số kiếp rồi mới được đại trang nghiêm.

–Bạch Đức Thế Tôn! Tâm ác đó trải qua bao nhiêu kiếp số như vậy, giữa chừng có được dứt trừ chăng?

–Này A-nan! Tuy ta có nói người cầu đạo Bồ-tát và người cầu Thanh văn đều được khỏi tội, nhưng với người cầu đạo Bồ-tát mà giận dữ tranh đấu mắng nhiếc ôm hờn mà chẳng ăn năn, chẳng bỏ lỗi, thì ta chẳng nói được khỏi tội. Họ phải chịu lại từng ấy kiếp số đó. Nếu họ chẳng bỏ Nhất thiết chủng trí thì sau mới được đại trang nghiêm.

Nếu Bồ-tát đó tự sửa đổi: Ta có lỗi lớn, ta sẽ chịu khuất dưới tất cả chúng sinh, đời nay và đời sau ta đều làm cho họ được hòa giải. Ta sẽ nhận chịu sự đập lên mà đi của tất cả chúng sinh như cầu,

như đờ, như kẻ điếc câm. Vì sao ta lại mắng nhiếc người? Ta chẳng nên phá hoại tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lúc ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta sẽ độ tất cả chúng sinh khổ não này, sao ta lại giận dữ đối với họ.

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát ở chung với Bồ-tát thì phải thế nào?

–Này A-nan! Cùng ở chung thì Bồ-tát phải xem nhau như Phật. Vì sao? Vì Bồ-tát phải nghĩ rằng: Bồ-tát này là bạn cùng ngồi một thuyền với tôi, cùng tôi đồng học sáu pháp Ba-la-mật đến Nhất thiết chủng trí.

Nếu Bồ-tát đó tu tạp hạnh, lìa tâm của Nhất thiết chủng trí thì tôi không nên học theo.

Nếu Bồ-tát đó chẳng tu tạp hạnh, chẳng lìa tâm của Nhất thiết chủng trí thì tôi học theo như vậy.

Bồ-tát học như vậy thì gọi là bạn đồng học.

M

Phẩm 63: HỌC BÌNH ĐẲNG

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là pháp bình đẳng của Đại Bồ-tát mà Bồ-tát phải học?

–Này Tu-bồ-đề! Nội không cho đến vô pháp hữu pháp không là pháp bình đẳng của Bồ-tát.

Sắc và không của tướng sắc, thọ, tưởng, hành, thức và không của tướng thọ, tưởng, hành, thức cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và tướng không của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là pháp bình đẳng của Bồ-tát.

Đó gọi là pháp bình đẳng của Đại Bồ-tát. An trụ trong pháp bình đẳng này mà Đại Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát vì sắc tận, vì sắc ly, vì sắc diệt, vì sắc bất sinh nên học, đó là học Nhất thiết chủng trí? Cho đến

vì bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng: tận, ly, diệt và bất sinh nên học Nhất thiết chủng trí?

–Này Tu-bồ-đề! Vì sắc cho đến pháp Bất cộng: tận, ly, diệt và bất sinh nên học, đó là học Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như cửa sắc cho đến Như của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Như của Phật. Các như đó có tận, có diệt, có đoạn chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát học như vậy là học Nhất thiết chủng trí, chẳng tác chứng, chẳng diệt, chẳng đoạn như vậy. Học như thế là Đại Bồ-tát học Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát học như vậy là học sáu pháp Ba-la-mật, học bốn Niệm xứ đến học pháp Bất cộng. Nếu học bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bất cộng, đó là học Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bồ-đề! Học như vậy là cùng tận bờ mé của các môn học. Ma và thiên ma chẳng phá hoại được. Học như vậy thì thẳng đến địa vị không thoái chuyển. Học như vậy là học theo đường đã đi của Phật. Học như vậy thì được pháp che chở, là học đại Từ, đại Bi, là học thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Học như vậy là học ba lần chuyển mười hai hành pháp luân. Học như vậy là học độ chúng sinh. Học như vậy là học chẳng dứt dòng giống Phật. Học như vậy là học mở cửa cam lộ. Học như vậy là học muốn hiện bày tánh vô vi.

Này Tu-bồ-đề! Người thấp kém chẳng thể học được như vậy. Người học như vậy là vì muốn cứu vớt chúng sinh chìm đắm trong sinh tử.

Người học như vậy chẳng bao giờ đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, chẳng bao giờ sinh ở biên địa, chẳng bao giờ sinh vào nhà Chiên Đà-la, chẳng bao giờ bị các tật điếc đui, câm ngọng, què thọt, các căn đầy đủ, quyến thuộc thành tựu, chẳng bao giờ cô độc, nghèo cùng.

Người học như vậy chẳng bao giờ sát sinh, cho đến chẳng bao giờ có kiến.

Người học như vậy chẳng sống theo tà mạng, chẳng gần người ác, người phá giới.

Người học như vậy, nhờ năng lực phương tiện nên chẳng sinh lên tầng Trời Trường Thọ. Thế nào là năng lực phương tiện? Như trong Bát-nhã ba-la-mật có nói: Đại Bồ-tát nhờ năng lực phương tiện mà nhập bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc mà chẳng theo Định vô sắc để thọ sinh.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát học như vậy, đối với tất cả pháp được thanh tịnh, đó là thanh tịnh tâm Thanh văn, tâm Bích-chi-phật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả pháp bốn tánh thanh tịnh thì sao Đức Phật dạy rằng Bồ-tát đối với tất cả pháp được thanh tịnh?

–Này Tu-bồ-đề, đúng như vậy! Tất cả pháp bốn tánh thanh tịnh. Đối với các pháp đó, nếu Đại Bồ-tát tâm được thông đạt, chẳng mê mờ, đó chính là Bát-nhã ba-la-mật.

Các pháp như vậy, tất cả phàm phu chẳng biết, chẳng thấy.

Vì những chúng sinh đó mà Đại Bồ-tát thực hành Bố thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, thực hành bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bồ-đề! Học như vậy, Bồ-tát đối với tất cả pháp được mười Trí lực, bốn Vô sở úy. Học như vậy để biết tâm xu hướng của tất cả chúng sinh.

Ví như trên quả đất, có ít chỗ xuất sinh ra vàng bạc, châu báu.

Cũng vậy, trong chúng sinh có ít người học được Bát-nhã ba-la-mật, còn phần nhiều tu theo Thanh văn, Bích-chi-phật.

Ví như trong loài người, có ít người gieo nghiệp Chuyển luân thánh vương, còn người gieo nghiệp Tiểu vương thì nhiều.

Cũng vậy, một số ít chúng sinh thực hành Bát-nhã ba-la-mật cầu Nhất thiết chủng trí, phần đông học đạo Thanh văn, đạo Bích-chi-phật.

Này Tu-bồ-đề! Trong các Bồ-tát phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ít có người hành đúng như lời dạy, mà phần nhiều thực hành theo Thanh văn, bậc Bích-chi-phật. Nhiều Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật không có năng lực phương tiện, nên ít người trụ vào địa vị không thoái chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Vì thế nên Đại Bồ-tát muốn trụ vào địa vị không thoái chuyển, muốn trụ trong số không thoái chuyển, phải học Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc học Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng tham lam, căm giận, ngu si, biếng nhác, tán loạn, phá giới, chẳng sinh tâm lầm lỗi khác, chẳng chấp lấy tướng của sắc, chấp lấy tướng của thọ, tưởng, hành, thức, chẳng chấp lấy tướng của bốn Niệm xứ cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao? Vì Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật này thì không có pháp để được. Vì không có pháp để được nên chẳng chấp lấy tướng.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật sâu xa như vậy thì bao gồm tất cả ba-la-mật, làm cho các Ba-la-mật được thêm nhiều, các Ba-la-mật khác đều theo. Vì Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này là chỗ vào của tất cả ba-la-mật.

Ví như trong ngã kiến bao gồm hết sáu mươi hai kiến. Cũng giống như vậy, Bát-nhã ba-la-mật này bao gồm hết các Ba-la-mật.

Ví như người chết, vì mạng căn diệt nên các căn khác cũng đều diệt theo. Cũng giống như vậy, lúc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này thì các Ba-la-mật đều theo.

Này Tu-bồ-đề! Muốn cho các Ba-la-mật được thành tựu rốt ráo, thì Đại Bồ-tát phải học Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này.

Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này thì vượt trên tất cả chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Trong cõi đại thiên, chúng sinh có nhiều chẳng?

– Bạch Đức Thế Tôn! Chúng sinh trong Diêm-phù-đề còn rất nhiều huống chi là trong cõi đại thiên.

– Này Tu-bồ-đề! Nếu tất cả chúng sinh trong cõi đại thiên đồng thì được thân người, đều chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, có vị Bồ-tát đem y phục, đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc men cúng dường từng ấy Phật như vậy, do nhân duyên cúng dường đó có được phước nhiều chẳng?

– Bạch Đức Thế Tôn, rất nhiều, rất nhiều!

–Này Tu-bồ-đề! Phước ấy không nhiều bằng thiện nam, thiện nữ học Bát-nhã ba-la-mật, ghi nhớ, thực hành đúng như lời dạy.

Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật có thể lực làm cho Đại Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thế nên, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát muốn vượt trên tất cả chúng sinh thì phải học Bát-nhã ba-la-mật. Muốn làm chỗ cứu hộ cho chúng sinh không được cứu hộ, muốn làm chỗ nương náu cho chúng sinh không có chỗ nương náu, muốn làm con đường rớt ráo cho chúng sinh không có đường rớt ráo, muốn làm mắt sáng cho chúng sinh mù lòa, muốn được công đức của Phật, muốn làm theo tự tại du hý của Phật, muốn làm tiếng rống sư tử của Phật, muốn động chuông Phật, lên tòa cao của Phật nói pháp, muốn dứt nghi cho tất cả chúng sinh thì phải học Bát-nhã ba-la-mật sâu xa.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật sâu xa thì không công đức lành nào mà chẳng được.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát đó có được công đức như của Thanh văn, Bích-chi-phật hay chăng?

–Này Tu-bồ-đề! Điều có thể được cả, nhưng chẳng trụ trong đó, dùng trí quán xong liền nhập thẳng vào trong địa vị Bồ-tát.

Đại Bồ-tát học như vậy thì gần Nhất thiết chủng trí, mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đại Bồ-tát học như vậy thì làm ruộng phước cho tất cả Trời, Người, A-tu-la ở thế gian.

Học như vậy, thì Đại Bồ-tát vượt trên hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, mau gần Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát học như vậy thì gọi là chẳng bỏ, chẳng lìa Bát-nhã ba-la-mật, thường thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật sâu xa như vậy, phải biết là Bồ-tát không thoái chuyển Bồ-tát, mau gần Nhất thiết chủng trí, rời bỏ Thanh văn, Bích-chi-phật, gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nếu Đại Bồ-tát này nghĩ rằng: “Đây là Bát-nhã ba-la-mật, ta nhờ Bát-nhã ba-la-

mật này mà được Nhất thiết chủng trí.” Nếu Bồ-tát có ý nghĩ như trên thì chẳng gọi là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Nếu Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật mà không nghĩ: “Đây là Bát-nhã ba-la-mật, đây là người có Bát-nhã ba-la-mật, đây là pháp Bát-nhã ba-la-mật, đây là người thực hành Bát-nhã ba-la-mật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.” Nếu Bồ-tát chẳng có ý nghĩ như trên thì gọi là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nghĩ rằng không có Bát-nhã ba-la-mật ấy, không có người có Bát-nhã ba-la-mật ấy, không có thực hành Bát-nhã ba-la-mật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì tất cả pháp như, pháp tánh, thật tế thường trụ. Thực hành như vậy gọi là Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

M

Phẩm 64: TỊNH NGUYỆN

Khi đó, Thích Đề-hoàn Nhân nghĩ rằng: “Lúc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Thí ba-la-mật, cho đến mười tám pháp Bát cộng, thì vượt trên tất cả chúng sinh, huống chi là lúc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Các chúng sinh nghe Nhất thiết chủng trí này, nếu người nào tin hiểu thì được lợi lành trong loài người, được hơn hết trong người có tuổi thọ, huống chi là phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chúng sinh này phát được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, các chúng sinh khác đều phải mong muốn.

Thích Đề-hoàn Nhân rải hoa Mạn-đà-la cõi Trời lên mình Đức Phật mà tuyên bố:

–Do phước đức này, nếu có ai phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì làm cho người ấy đầy đủ Phật pháp, đầy đủ Nhất thiết chủng trí, đầy đủ pháp tự nhiên, nếu ai cầu Thanh văn thì làm cho họ đầy đủ pháp Thanh văn.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có người Bồ-tát phát tâm Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác, con chẳng bao giờ sinh một niệm muốn họ thoái chuyển, con cũng chẳng sinh một niệm khiến họ thoái chuyển, vào hàng Thanh văn, Bích-chi-phật.

Bạch Đức Thế Tôn! Con nguyện cho các Bồ-tát thêm tinh tấn đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hơn, thấy chúng sinh ở trong sinh tử bị nhiều khổ não nên muốn lợi ích an vui cho tất cả thế gian, Trời, Người, A-tu-la, do tâm đó mà nguyện rằng: Ta đã tự độ cũng sẽ độ người chưa được độ, ta đã tự giải thoát, cũng sẽ giải thoát cho người chưa giải thoát, ta đã an ổn cũng sẽ an ổn cho người chưa được an ổn, ta đã diệt độ cũng sẽ khiến người chưa được diệt độ được diệt độ.

Bạch Đức Thế Tôn! Đối với Bồ-tát mới phát tâm, thiện nam, thiện nữ có tâm tùy hỷ công đức thì được bao nhiêu phước? Với Bồ-tát phát tâm lâu, có tâm tùy hỷ công đức thì được bao nhiêu phước? Với Bồ-tát không thoái chuyển, có tâm tùy hỷ công đức thì được bao nhiêu phước? Với Bồ-tát Nhất sinh bồ xứ, có tâm tùy hỷ công đức thì được bao nhiêu phước?

Phật dạy:

–Này Kiều-thi-ca! Cõi nước Tứ thiên hạ có thể cân để biết cân lượng nhưng không thể cân lường được phước đức tùy hỷ này. Cõi nước đại thiên có thể cân biết được cân lượng nhưng không thể cân lường được phước đức tùy hỷ này.

Lại nữa, này Kiều-thi-ca! Cõi nước đại thiên, nước biển đầy trong đó, chỉ một sợi tóc ra làm trăm phần, lấy một phần sợi tóc đó chấm lấy nước biển có thể biết được số giọt, nhưng không thể đếm biết được phước đức tùy hỷ này.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu chúng sinh nào tâm chẳng tùy hỷ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì đều là quyến thuộc của ma. Các người tâm chẳng tùy hỷ là từ trong ma sinh ra. Vì sao? Vì những người phát tâm tùy hỷ đều vì phá cảnh giới ma mà thọ sinh. Thế nên muốn kính mến Tam bảo thì phải có tâm tùy hỷ, rồi hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì chẳng phải một tướng, chẳng phải hai tướng.

Phật dạy:

–Đúng vậy, này Kiều-thi-ca! với các Bồ-tát, nếu người có tâm tùy hỷ hồi hướng như vậy thì thường được gặp các Đức Phật. Người đó chẳng bao giờ thấy sắc xấu, chẳng bao giờ nghe tiếng dữ, chẳng bao giờ ngửi mùi hôi, chẳng bao giờ ăn vị dữ, chẳng bao giờ chạm vật xấu, chẳng bao giờ theo niệm ác, chẳng bao giờ xa lìa các Đức Phật. Người đó sẽ sinh từ một cõi Phật đến một cõi Phật, luôn ở gần bên Phật và gieo trồng căn lành.

Vì sao? Vì người đó đối với vô lượng, vô số thiện căn của các Bồ-tát mới phát tâm của các Bồ-tát đệ Nhị địa đến đệ Tam địa, đệ Thập địa, Nhất sinh bổ xứ mà tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Do nhân duyên căn lành này, người đó mau gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Các Bồ-tát này được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi độ thoát vô lượng, vô biên vô số chúng sinh.

Này Kiều-thi-ca! Vì thế nên thiện nam, thiện nữ mà doái với thiện căn của Bồ-tát mới phát tâm phải tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng phải tâm cũng chẳng phải lìa tâm. Đối với thiện căn của Bồ-tát phát tâm lâu, của Bồ-tát không thoái chuyển, của Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ phải tùy hỷ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng phải tâm cũng chẳng phải lìa tâm.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Tâm ấy như huyễn, làm sao có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

–Này Tu-bồ-đề! Ông có thấy được tâm như huyễn đó hay chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Con chẳng thấy huyễn, cũng chẳng thấy tâm như huyễn.

–Này Tu-bồ-đề! Nếu không huyễn, cũng không có tâm như huyễn, ông có thấy tâm đó chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Lìa huyễn và lìa tâm như huyễn, người thấy có

pháp nào được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Con chẳng thấy lìa huyễn và lìa tâm như huyễn lại có pháp được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Đức Thế Tôn! Con chẳng thấy có những pháp nào để nói được là có, là không, vì pháp tướng đó rất ráo lìa, nên chẳng rơi vào có, chẳng rơi vào không.

Nếu pháp rất ráo lìa thì chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Pháp không thật có cũng chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì tất cả pháp vô sở hữu, trong đó không có gì nhớ, không có gì sạch.

Thế nên Bát-nhã ba-la-mật rất ráo lìa, Thiền ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Giới ba-la-mật và Thí ba-la-mật đều rất ráo lìa, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng rất ráo lìa.

Nếu pháp đã rất ráo lìa thì chẳng nên tu, chẳng nên hoại. Thực hành Bát-nhã ba-la-mật cũng không có pháp nào để được, vì rất ráo lìa.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Bát-nhã ba-la-mật rất ráo lìa, sao lại nhân nơi Bát-nhã ba-la-mật để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng rất ráo lìa. Trong hai thứ rất ráo lìa đó làm sao có cái bị được.

Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Bát-nhã ba-la-mật rất ráo lìa, Thiền, Tấn, Nhẫn, Giới và Thí ba-la-mật đều rất ráo lìa, cho đến Nhất thiết chủng trí rất ráo lìa.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Bát-nhã ba-la-mật rất ráo lìa, cho đến Nhất thiết chủng trí rất ráo lìa. Vì thế nên có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Nếu chẳng phải rất ráo lìa thì chẳng gọi là Bát-nhã ba-la-mật, chẳng gọi là Thiền, Tấn, Nhẫn, Giới, Thí ba-la-mật, cho đến chẳng gọi là Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bồ-đề! Nếu là Bát-nhã ba-la-mật thì rất ráo lìa, cho đến Nhất thiết chủng trí rất ráo lìa. Vì thế nên chẳng phải do Bát-

nhã ba-la-mật mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cũng chẳng do lia mà được lia. Nhưng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng phải chẳng do Bát-nhã ba-la-mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Sự hành động đúng nghĩa của Đại Bồ-tát thật rất sâu xa.

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Sự hành động đúng nghĩa của Đại Bồ-tát thật rất sâu xa.

Này Tu-bồ-đề! Các Đại Bồ-tát làm được những việc khó làm, đó là hành động đúng nghĩa sâu xa mà chẳng chứng quả Thanh văn, Bích-chi-phật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Như con nghe nghĩa lý của Phật dạy thì sự hành động của Đại Bồ-tát chẳng lấy làm khó. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát chẳng được sự đúng nghĩa sâu xa đó để tác chứng, cũng chẳng được Bát-nhã ba-la-mật tác chứng, cũng không có người tác chứng.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp chẳng thật có thì nghĩa lý gì có thể tác chứng, thế nào là Bát-nhã ba-la-mật tác chứng, thế nào là người tác chứng, tác chứng rồi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hay chẳng?

Bạch Đức Thế Tôn! Đó gọi là hạnh vô sở đắc của Đại Bồ-tát. Bồ-tát thực hành như vậy thì đều được sáng tỏ tất cả pháp.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát nghe pháp đó mà tâm chẳng kinh sợ, mê mờ thì gọi là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng thấy mình thực hành Bát-nhã ba-la-mật, chẳng thấy là Bát-nhã ba-la-mật, cũng chẳng thấy mình sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao? Vì lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng nghĩ: “Thanh văn, Bích-chi-phật cách xa mình, Nhất thiết chủng trí gần mình.”

Bạch Đức Thế Tôn! Như hư không kia chẳng nghĩ rằng có pháp cách xa nó hay gần nó, vì hư không chẳng có phân biệt.

Cũng như vậy, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng nghĩ hàng Thanh văn, Bích-chi-phật cách xa mình, Nhất thiết chủng trí gần mình. Vì trong Bát-nhã ba-la-mật không có phân biệt.

Bạch Đức Thế Tôn! Như người huyễn chẳng nghĩ rằng nhà ảo thuật gần mình, khán giả xa mình. Vì người huyễn không có phân biệt.

Cũng như vậy, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng nghĩ là gần là xa, vì không có phân biệt.

Bạch Đức Thế Tôn! Như hình ảnh trong gương chẳng nghĩ rằng hình ảnh gần mình, thứ khác thì xa mình. Vì hình ảnh không có phân biệt.

Cũng như vậy, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng nghĩ là gần, là xa, vì không có phân biệt.

Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật không thương, không ghét. Vì tự tánh của Bát-nhã ba-la-mật là không thật có.

Bạch Đức Thế Tôn! Như Đức Phật không thương, không ghét. Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật cũng không thương, không ghét. Vì trong Bát-nhã ba-la-mật không có thương, không có ghét.

Bạch Đức Thế Tôn! Như Đức Phật, tất cả phân biệt, tưởng niệm đã dứt mất. Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì tất cả phân biệt, tưởng niệm cũng dứt mất, vì rốt ráo không.

Bạch Đức Thế Tôn! Như Đức Phật hiện ra hóa nhân, hóa nhân đó chẳng nghĩ hàng Thanh văn, Bích-chi-phật cách xa mình, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác gần mình, vì hóa nhân đó không có phân biệt.

Cũng như vậy, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng nghĩ rằng Thanh văn, Bích-chi-phật cách xa mình, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cách mình gần.

Bạch Đức Thế Tôn! Như người vì có việc cần làm nên biến hóa, việc biến hóa đó không có phân biệt.

Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, vì có việc phải làm mà tu. Việc ấy thành tựu mà Bát-nhã ba-la-mật cũng không có phân biệt.

Bạch Đức Thế Tôn! Như người thợ, vì có việc phải làm nên thầy trò tạo ra người gỗ, hoặc voi, ngựa, trâu, dê bằng gỗ. Các hình gỗ đó cũng làm được việc mà không có phân biệt.

Bát-nhã ba-la-mật cũng như vậy, vì có việc phải làm nên nói việc ấy thành tựu, nhưng Bát-nhã ba-la-mật không có phân biệt.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Chỉ có Bát-nhã ba-la-mật là không có phân biệt thôi, còn năm pháp Ba-la-mật kia có phân biệt phải chăng?

Tu-bồ-đề nói:

–Năm pháp Ba-la-mật kia cũng đều không phân biệt.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Sắc không phân biệt, thọ, tưởng, hành, thức không phân biệt, mười hai nhập, mười tám giới không phân biệt, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm xứ đến tám Thánh đạo, không, vô tướng, vô tác, mười Trí lực, bốn Vô úy, bốn Vô ngại, đại Từ, đại Bi, mười tám pháp Bát cộng, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tánh vô vi cũng đều không phân biệt.

Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Nếu tất cả pháp từ sắc đến vô vi tánh đều không phân biệt thì làm sao phân biệt có sáu đạo sinh tử: đó là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người, là A-tu-la? Làm sao phân biệt được Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, là các Đức Phật?

Tu-bồ-đề nói:

–Vì nhân duyên chúng sinh điên đảo tạo nghiệp nơi thân, khẩu, ý, theo nghiệp trước mà thọ thân trong sáu đường là: thân địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A-tu-la, người, trời.

Như lời Tôn giả nói, làm sao phân biệt có Tu-đà-hoàn cho đến các Đức Phật?

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Tu-đà-hoàn tức là không phân biệt mà có. Quả Tu-đà-hoàn cũng là không phân biệt mà có, cho đến Phật và quả Phật cũng là không phân biệt mà có.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Các Đức Phật thời quá khứ cũng là không phân biệt, do dứt phân biệt mà có.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Vì thế nên phải biết tất cả pháp không có phân biệt, vì tướng bất hoại, các pháp như, pháp tánh, thật tế.

Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Thế nên Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật không phân biệt, thực hành Bát-nhã ba-la-mật không phân biệt rồi thì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không phân biệt.

M

Phẩm 65: ĐỘ HU KHÔNG

Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật là thực hành pháp chân thật hay thực hành pháp không chân thật?

Tu-bồ-đề nói:

–Thưa Tôn giả Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật là thực hành pháp không chân thật. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật này không chân thật, cho đến Nhất thiết chủng trí cũng không chân thật.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật không chân thật, còn chẳng thật có, hướng chi là chân thật. Cho đến thực hành Nhất thiết chủng trí pháp không chân thật còn chẳng thật có, hướng chi là pháp chân thật.

Lúc đó, các vị trời cõi Dục, cõi Sắc nghĩ: “Có thiện nam, thiện nữ nào phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thực hành đúng như nghĩa Bát-nhã ba-la-mật-đã nói, đối với tất cả pháp chẳng chứng thật tế, chẳng rơi vào hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, người như vậy đáng được đánh lễ.”

Tu-bồ-đề nói với các vị trời:

–Các Đại Bồ-tát đối với pháp bình đẳng chẳng chứng quả Thanh văn, Bích-chi-phật chẳng lấy gì làm khó.

Các Đại Bồ-tát đối với đại trang nghiêm, ta sẽ độ vô lượng, vô biên, vô số chúng sinh. Biết chúng sinh hoàn toàn chẳng thật có mà độ chúng sinh, đó mới là khó.

Này các Thiên tử! Đại Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng

Chánh giác nguyện: Ta sẽ độ tất cả chúng sinh.

Chúng sinh chẳng thật có, người này muốn độ chúng sinh như muốn độ hư không.

Vì sao? Vì hư không là lìa, phải biết chúng sinh cũng là lìa. Vì hư không là không, phải biết chúng sinh cũng là không. Vì hư không chẳng bền chắc, phải biết chúng sinh cũng không bền chắc. Vì hư không luống dối, phải biết chúng sinh cũng luống dối.

Này các Thiên tử! Thế nên biết việc làm của Đại Bồ-tát là khó. Vì lợi ích chúng sinh vô sở hữu nên đại trang nghiêm. Bồ-tát này vì chúng sinh mà kết thệ nguyện, là muốn tranh đấu với hư không.

Bồ-tát này kết thệ nguyện rồi cũng chẳng thấy có chúng sinh mà vì chúng sinh kết thệ nguyện.

Vì sao? Vì chúng sinh là lìa, phải biết thệ nguyện cũng lìa. Vì chúng sinh luống dối, phải biết thệ nguyện cũng luống dối.

Nếu Đại Bồ-tát nghe pháp như vậy mà tâm chẳng sợ, chẳng mê, phải biết đó là Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Vì sao? Vì tướng lìa của sắc tức là lìa của chúng sinh, lìa của thọ, tưởng, hành, thức tức là lìa của chúng sinh. Lìa của sắc tức là lìa của sáu pháp Ba-la-mật; lìa của thọ, tưởng, hành, thức tức là lìa của sáu pháp Ba-la-mật, cho đến lìa của Nhất thiết chủng trí tức là lìa của sáu pháp Ba-la-mật.

Nếu nghe tất cả tướng lìa của pháp như vậy mà lòng chẳng kinh sợ, mê mờ, phải biết đó là Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Vì sao Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật lòng không mê mờ?

– Bạch Đức Thế Tôn! Vì Bát-nhã ba-la-mật không thật có nên không mê mờ, vì Bát-nhã ba-la-mật lìa nên không mê mờ, vì Bát-nhã ba-la-mật vắng lặng nên không mê mờ.

Bạch Đức Thế Tôn! Do nhân duyên như vậy nên Đại Bồ-tát đối với Bát-nhã ba-la-mật tâm chẳng mê mờ. Đối với Bồ-tát này thì

chẳng có người mê mờ, chẳng có sự mê mờ, chẳng có chỗ mê mờ, vì tất cả pháp này đều chẳng thật có.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát nghe pháp như vậy mà tâm chẳng sợ sệt, chẳng mê mờ, phải biết Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì người, sự và chỗ đều chẳng thật có.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, các vị trời, Thích Đề-hoàn Nhân, trời Phạm thiên vương và các Thiên chủ thế giới đều nên làm lễ.

Đức Phật dạy:

–Chẳng những các vị trời ấy nên đánh lễ, mà các vị trời cõi trên nữa như trời Quang âm, trời Biến tịnh, trời Quảng quả, trời Tịnh cư, đều nên đánh lễ Bồ-tát đó.

Này Tu-bồ-đề! Hiện tại các Đức Phật ở mười phương cũng che chở Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật đó, phải biết Bồ-tát đó như Phật.

Này Tu-bồ-đề! Nếu chúng sinh trong hằng sa thế giới đều thành ma, mỗi ma này lại biến hóa thành hằng sa ma. Tất cả số ma đó chẳng gây trở ngại được Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thành tựu hai pháp sau đây thì ma chẳng phá hoại được: Một là quán tất cả pháp không, hai là chẳng lìa bỏ tất cả chúng sinh. Bồ-tát thành tựu hai pháp này thì ma chẳng phá hoại được.

Lại có hai pháp mà Đại Bồ-tát thành tựu thì ma chẳng phá hoại được: một là việc làm đúng như lời nói, hai là được các Phật che chở.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành như vậy, các vị trời đều đến chỗ Bồ-tát để gần gũi, thăm hỏi, khuyến dụ, an ủi: Không lâu, ngài sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ông thường phải thực hành các hạnh không, vô tướng, vô tác. Vì sao? Vì ông thực hành các hạnh đó thì ông ủng hộ cho chúng sinh không được ủng hộ, ông là chỗ nương cho chúng sinh không chỗ nương, ông cứu chúng sinh không được cứu, ông làm con đường tốt ráo cho chúng sinh không có con đường tốt ráo, ông làm chỗ trở về cho chúng sinh

không có trở về, làm cồn đảo cho chúng sinh không có cồn đảo, làm ánh sáng cho kẻ tối, làm mất sáng cho kẻ mù.

Vì sao? Vì Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì hiện tại vô lượng, vô số các Đức Phật ở mười phương lúc ở trong đại chúng nói pháp, đều khen ngợi tuyên dương tên họ của Đại Bồ-tát rằng: Đại Bồ-tát danh hiệu ấy thành tựu công đức Bát-nhã ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Như lúc ta nói pháp, ta khen ngợi Bồ-tát Bảo Tướng, Bồ-tát Thi Khí.

Lại có các Đại Bồ-tát ở tại cõi nước của Đức Phật A-súc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tịnh tu phạm hạnh. Ta cũng khen ngợi tên họ của Bồ-tát đó.

Này Tu-bồ-đề! Cũng như phương Đông các Đức Phật hiện đang nói pháp. Trong đó có Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tịnh tu phạm hạnh. Ta cũng vui mừng khen ngợi Bồ-tát đó. Chín phương kia cũng giống như vậy.

Lại có Bồ-tát từ khi mới phát tâm muốn đầy đủ Phật đạo cho đến được Nhất thiết chủng trí. Lúc nói pháp các Đức Phật cũng vui mừng khen ngợi Bồ-tát đó. Vì sao? Vì việc làm của các Đại Bồ-tát rất khó, là các công hạnh chẳng làm dứt mất dòng giống Phật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Các Bồ-tát nào, lúc các Đức Phật nói pháp được khen ngợi tuyên dương?

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không thoái chuyển, lúc các Đức Phật nói pháp được khen ngợi tuyên dương.

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát không thoái chuyển nào được Phật ngợi khen?

–Này Tu-bồ-đề! Như Đức Phật A-súc lúc còn làm Bồ-tát thực hành tu tập, các Bồ-tát cũng học giống như vậy. Các Bồ-tát không thoái chuyển này được các Đức Phật vui mừng khen ngợi lúc nói pháp.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Có Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật tin hiểu tất cả pháp không sinh mà chưa được pháp Nhẫn vô sinh, tin hiểu tất cả pháp không mà chưa được pháp Nhẫn vô sinh, tin hiểu tất

cả pháp luống dối chẳng thật, không có gì, chẳng bền chắc mà chưa được pháp Nhẫn vô sinh.

Này Tu-bồ-đề! Các Đại Bồ-tát như vậy, được các Đức Phật vui mừng khen ngợi, tuyên dương tên họ lúc nói pháp.

Này Tu-bồ-đề! Nếu các Đại Bồ-tát nào được các Đức Phật vui mừng khen ngợi lúc nói pháp thì vượt khỏi hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, sẽ được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát nào được các Đức Phật vui mừng khen ngợi khi nói pháp thì sẽ được trụ địa vị không thoái chuyển. Trụ vào địa vị đó rồi sẽ được Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này, Đại Bồ-tát tâm sáng suốt chẳng nghi ngờ mà nghĩ: “Việc đó đúng như Đức Phật đã nói.”

Đại Bồ-tát đó cũng ở chỗ Đức Phật A-súc và các Bồ-tát được nghe rộng Bát-nhã ba-la-mật này cũng tin hiểu. Tin hiểu rồi thực hành đúng như lời Phật dạy sẽ được trụ vào địa vị không thoái chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Chỉ nghe Bát-nhã ba-la-mật được lợi ích lớn, huống chi là tin hiểu, tin hiểu rồi giữ đúng lời, thực hành đúng như lời. Giữ gìn và thực hành đúng như lời dạy rồi an trụ trong Nhất thiết chủng trí.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu như Đức Phật nói các Đại Bồ-tát giữ gìn đúng như lời, thực hành đúng như lời, trụ trong Nhất thiết chủng trí. Đại Bồ-tát không có pháp để được thì làm thế nào trụ trong Nhất thiết chủng trí?

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ trong pháp như đó là trụ trong Nhất thiết chủng trí.

–Bạch Đức Thế Tôn! Trừ Như ra, không còn pháp nào thật có thì ai trụ trong Như? Trụ trong Như rồi sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Ai trụ trong Như để thuyết pháp? Như ấy còn chẳng thật có, huống chi là trụ trong Như được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Không bao giờ có ai trụ trong Như để thuyết pháp.

–Này Tu-bồ-đề! Đúng như vậy. Trừ Như ra không còn pháp nào thật có, ai trụ trong Như, trụ trong như rồi sẽ được Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác. Ai trụ trong như để nói pháp. Như ấy còn chẳng thật có, huống là ai trụ trong Như được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ai trụ trong Như để nói pháp.

Vì sao? Như là không có sinh, không có diệt, không có trụ, không có dị. Nếu pháp không có sinh, diệt, trụ, dị thì trong đó ai sẽ trụ Như. Ai sẽ trụ Như rồi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ai sẽ trụ Như mà nói pháp, không bao giờ có việc đó.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Việc làm của các Đại Bồ-tát rất khó: đối với trong Bát-nhã ba-la-mật sâu xa muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao? Vì không có ai trụ trong Như, cũng không ai sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không ai nói pháp. Đại Bồ-tát đối với việc này chẳng kinh sợ, nghi ngờ.

Tu-bồ-đề nói với Trời Đế Thích: Ông nói việc làm của Đại Bồ-tát rất khó: đối với pháp rất khó đó mà chẳng kinh sợ, nghi ngờ.

Này Kiều-thi-ca! Đối với các pháp không, ai kinh sợ? Ai nghi ngờ?

Trời Đế Thích nói:

–Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Điều Tôn giả nói chỉ là pháp không, chẳng có chướng ngại. Như bắn mũi tên lên hư không, mũi tên bay đi không chướng ngại. Tu-bồ-đề nói pháp vô ngại cũng giống như vậy.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 20

Phẩm 66: CHÚC LỤY

Khi đó Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Con nói như vậy, đáp như vậy, có phải là thuận theo pháp, có phải là đáp đúng không?

Phật dạy:

– Này Kiều-thi-ca! Lời đáp của ông đều thuận theo pháp.

– Bạch Đức Thế Tôn! Thật là hy hữu! Lời Tu-bồ-đề nói đều là không, là vô tướng, là vô tác, là bốn Niệm xứ cho đến là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

– Này Kiều-thi-ca! Tỳ-kheo Tu-bồ-đề lúc thực hành về không, Bồ thí ba-la-mật còn không thật có huống chi là người thực hành Bồ thí ba-la-mật. Cho đến Bát-nhã ba-la-mật còn không có sở đắc, huống chi là người thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Bốn Niệm xứ còn không có sở đắc, huống chi là người tu bốn Niệm xứ. Cho đến bát thánh đạo còn không có sở đắc, huống chi là người thực hành tám thánh đạo. Thiên, giải thoát, Tam-muội định còn không có sở đắc, huống chi là người tu mười Trí lực. Bốn Vô úy còn không thật có, huống chi là người phát sinh bốn Vô úy. Bốn Vô ngại trí còn không có sở đắc, huống chi là người phát sinh bốn Vô ngại trí. Đại Từ, đại Bi còn không có sở đắc, huống chi là người hành đại Từ, đại Bi. mười tám pháp Bất cộng còn không có sở đắc, huống chi người thường sinh ra mười tám pháp Bất cộng. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác còn không có sở đắc, huống chi là người được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhất thiết trí còn không có sở đắc, huống chi là người được Nhất thiết trí. Như Lai còn không có sở đắc, huống chi là người sẽ thành Như Lai. Pháp không sinh còn

không có sở đắc, huống chi là người chứng được pháp không sinh. Ba mươi hai tướng còn không có sở đắc, huống chi là người được ba mươi hai tướng tốt. Tám mươi vẻ đẹp còn không có sở đắc, huống chi là người được tám mươi vẻ đẹp.

Vì sao? Này Kiều-thi-ca! Vì Tỳ-kheo Tu-bồ-đề đối với tất cả pháp hành lìa, hành không thật có, hành không, hành vô tướng, hành vô tác.

Này Kiều-thi-ca! Nếu đem việc làm này của Tỳ-kheo Tu-bồ-đề sánh với hạnh Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát thì không bằng một phần trăm, không bằng một phần ngàn, không bằng một phần ngàn muôn ức, cho đến tính số thí dụ cũng không bằng được.

Vì sao? Vì trừ công hạnh của Phật, so với công hạnh của Thanh văn và Bích-chi-phật, thì công hạnh Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát là tối tôn, tối thượng, tối diệu. Thế nên, Đại Bồ-tát muốn được tối thượng trong tất cả chúng sinh thì phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát vượt trên hàng Thanh văn và Bích-chi-phật mà bước lên địa vị Bồ-tát, đầy đủ Phật pháp, được Nhất thiết chủng trí, dứt tất cả tập khí phiền não, chứng thành quả Phật.

Bấy giờ trong đại hội, các vị trời Đao-lợi rải hoa Mạn-đà-la cõi trời lên mình Đức Phật và các vị Tăng.

Khi đó, tám trăm vị Tỳ-kheo đứng dậy rải hoa cúng Phật, vén y, quỳ thẳng chấp tay bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Chúng con sẽ thực hành công hạnh vô thượng mà hàng Thanh văn và Bích-chi-phật không thể thực hành được.

Đức Phật biết tâm niệm của các vị Tỳ-kheo nên Ngài mỉm cười. Như pháp của các Đức Phật, những tia sáng nhiều màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía từ miệng Đức Phật phát ra chiếu khắp cõi đại thiên, nhiều quanh Đức Phật ba vòng rồi rớt vào đảnh Đức Phật.

Tôn giả A-nan liền đứng dậy vén y, quỳ thẳng chấp tay bạch:

– Bạch Đức Thế Tôn! Duyên cơ gì mà Đức Phật mỉm cười? Các Đức Phật không bao giờ chẳng có nhân duyên mà cười.

Phật dạy:

–Này A-nan! Tám trăm vị Tỳ-kheo này vào kiếp Tinh tú sẽ thành Phật đồng hiệu là Tấn Hoa, đại chúng, cõi nước và tuổi thọ cũng đều đồng. Mỗi vị đều qua tám muôn tuổi đi xuất gia thành Phật. Thời kỳ đó, các cõi nước của các Phật ấy thường rải hoa trời năm màu như mưa.

Thế nên, này A-nan! Đại Bồ-tát muốn thực hành công hạnh tối thượng thì phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Này A-nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thực hành được Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này thì phải biết đó là Bồ-tát bỏ thân trong loài người mà sinh đến cõi này, hoặc từ trên tầng trời Đâu-suất mà đến sinh xuống cõi này, đã từ trong loài người hoặc trên tầng trời Đâu-suất nghe nhiều về Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này.

Này A-nan! Ta thấy các Đại Bồ-tát đó thường hay thực hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này.

Này A-nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này rồi thọ trì, đọc tụng, gạn gỏi, ghi nhớ, lại dạy cho người hành đạo Bồ-tát, phải biết thiện nam, thiện nữ đó đích thân gặp các Đức Phật, nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa, rồi thọ trì, đọc tụng, gạn gỏi, cũng đã trồng căn lành ở chỗ các Đức Phật.

Thiện nam, thiện nữ đó nên nghĩ: “Ta gieo trồng căn lành chẳng phải từ chỗ Thanh văn, cũng chẳng phải từ chỗ Thanh văn nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa.”

Này A-nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì, đọc tụng, gạn gỏi, tùy nghĩa, tùy pháp mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này, phải biết đó là người đích thân thấy Phật.

Này A-nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào nghe Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này mà lòng tin thanh tịnh không bị ngăn phá, phải biết đó là người đã từng cúng dường Phật, gieo trồng căn lành, cùng Thiện tri thức tương đắc.

Này A-nan! Người ở chỗ ruộng phước của chư Phật gieo trồng căn lành dầu rằng chẳng luống dối nhưng phải cần Thanh văn, Bích-chi-phật và Phật mà được giải thoát thì phải rành rẽ thấu đáo thực hành sáu pháp Ba-la-mật cho đến Nhất thiết chủng trí. Như vậy,

không bao giờ có việc người này chẳng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà trụ vào hàng Thanh văn, Bích-chi-phật.

Này A-nan! Thế nên ta chúc lụy Bát-nhã ba-la-mật cho ông.

Này A-nan! Nếu người nào thọ trì tất cả pháp, trừ Bát-nhã ba-la-mật, nếu quên mất thì lỗi còn ít, chẳng thành tội lớn. Người thọ trì Bát-nhã ba-la-mật sâu xa nếu quên mất thì tội rất nặng. Thế nên ta chúc lụy Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này cho ông, ông phải khéo thọ trì đọc tụng thông thuộc.

Này A-nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì Bát-nhã ba-la-mật, đó là thọ trì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của các Đức Phật ba đời quá khứ, vị lai và hiện tại.

Này A-nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào hiện tại cúng dường ta các hoa hương, chuỗi ngọc, y phục, phướn lọng và cung kính, tôn trọng, khen ngợi, thì phải thọ trì Bát-nhã ba-la-mật và đọc tụng, giảng nói, gắm gũ, cung kính, tôn trọng, khen ngợi, cúng dường hoa hương chuỗi ngọc, phướn lọng.

Này A-nan! Cúng dường Bát-nhã ba-la-mật là cúng dường ta, cũng là đã cúng dường các Đức Phật ba đời.

Nếu thiện nam, thiện nữ nào nghe nói Bát-nhã ba-la-mật mà lòng tin thanh tịnh, cung kính ưa thích, đó là đã có lòng tin thanh tịnh cung kính, ưa mến các Đức Phật ba đời.

Này A-nan! Người mến thích chẳng lìa Phật thì phải mến thích chẳng lìa Bát-nhã ba-la-mật, dù chỉ một câu chớ để quên mất.

Này A-nan! Ta nói nhân duyên chúc lụy rất nhiều, nay chỉ nói tóm lược:

Như ta là Thế Tôn thì Bát-nhã ba-la-mật cũng là Thế Tôn. Thế nên vì nhiều nhân duyên, ta chúc lụy Bát-nhã ba-la-mật cho ông.

Này A-nan! Ở trong tất cả thế gian, Trời, Người, A-tu-la, ta chúc lụy cho ông: những ai chẳng muốn bỏ Phật, bỏ Pháp, bỏ Tăng, chẳng bỏ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của các Đức Phật quá khứ, vị lai, hiện tại thì cần thận chớ lìa bỏ Bát-nhã ba-la-mật.

Này A-nan! Đây chính là pháp mà ta dạy bảo cho các đệ tử.

Này A-nan! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì Bát-nhã

ba-la-mật sâu xa, đọc tụng, giảng nói, ghi nhớ, rồi lại nói rộng các ý nghĩa của Bát-nhã ba-la-mật đó cho người khác và chỉ dạy, giảng nói rành rẽ làm cho dễ hiểu. Người này mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, mau gần Nhất thiết chủng trí. Vì trong Bát-nhã ba-la-mật sinh ra Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của các Đức Phật.

Này A-nan! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của các Đức Phật quá khứ và vị lai đều sinh ra từ Bát-nhã ba-la-mật. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của các Phật hiện tại ở mười phương cũng sinh ra từ Bát-nhã ba-la-mật.

Thế nên, Đại Bồ-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác phải nên học sáu pháp Ba-la-mật. Vì sáu pháp Ba-la-mật là mẹ của Bồ-tát, sinh ra các Bồ-tát.

Này A-nan! Nếu có Đại Bồ-tát học sáu pháp Ba-la-mật này thì sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế, ta chúc lụy sáu pháp Ba-la-mật cho ông lần nữa.

Này A-nan! Sáu pháp Ba-la-mật này là tạng pháp vô tận của các Đức Phật:

Pháp mà các Đức Phật hiện tại đang nói ở mười phương đều từ trong tạng pháp sáu pháp Ba-la-mật.

Các Đức Phật quá khứ cũng học từ trong sáu pháp Ba-la-mật mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Các Đức Phật tương lai sẽ học từ trong sáu pháp Ba-la-mật mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đệ tử của các Đức Phật ba đời đều học từ trong sáu pháp Ba-la-mật mà được diệt độ: hoặc đã diệt độ, hoặc đang diệt độ, hoặc sẽ diệt độ.

Này A-nan! Người vì hàng Thanh văn mà nói pháp, làm cho chúng sinh trong cõi đại thiên đều chứng được quả A-la-hán, vẫn chưa phải là việc của đệ tử Phật. Nếu có người đem một câu đúng với Bát-nhã ba-la-mật dạy cho Đại Bồ-tát mới là việc của đệ tử Phật. Ta cũng vui mừng hơn là đối với người dạy cho chúng sinh trong cõi đại thiên đều chứng được quả A-la-hán.

Lại nữa, này A-nan! Chúng sinh trong cõi đại thiên này, không

trước không sau, đồng thời đều chứng quả A-la-hán. Các A-la-hán này thực hành công đức bố thí, trì giới, thiền định. Công đức đó có nhiều chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn, xông đức đó rất nhiều!

– Vẫn chẳng bằng đệ tử của ta đem pháp đúng với Bát-nhã ba-la-mật nói cho Đại Bồ-tát nghe dù chừng một ngày. Phước đức người này rất nhiều.

Chẳng những một ngày, chỉ chừng nửa ngày, hoặc chừng khoảng bữa ăn, hoặc chỉ nói pháp đó trong giây phút, phước đức cũng rất nhiều. Vì căn lành của Đại Bồ-tát hơn tất cả Thanh văn và Bích-chi-phật.

Đại Bồ-tát tự mình muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng dạy bảo người khác cho họ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này A-nan! Nếu Bồ-tát như vậy thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thực hành bốn Niệm xứ cho đến thực hành Nhất thiết chủng trí, thêm lớn căn lành mà chẳng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì không bao giờ có.

Lúc nói Bát-nhã ba-la-mật như vậy, ở giữa bốn chúng trời, người, quỷ thần, tám bộ, Đức Phật hiện thân thông biến hóa. Tất cả đại chúng đều thấy Đức Phật A-súc đang nói pháp cho các Tỳ-kheo Tăng nghe. Chư Tăng này số đông như số giọt nước biển, đều là bậc A-la-hán sạch hết phiền não, đều được tự tại giải thoát: tâm giải thoát và tuệ giải thoát, tâm điều hòa mềm mỏng như voi đầu đàn, việc phải làm đã xong, đã được tự lợi, hết kết sử, được chánh trí giải thoát, tất cả tâm và tâm sở đều được tự tại. Cũng thấy các Đại Bồ-tát thành tựu vô lượng công đức.

Bấy giờ, Đức Phật thu lại thần túc, đại chúng không còn thấy Đức Phật A-súc và đại hội Thanh văn Bồ-tát cùng nước Diệu hỷ ở trước mắt nữa.

Phật bảo A-nan:

– Này A-nan! Tất cả pháp chẳng đối lập trước mắt, các pháp chẳng thấy nhau, các pháp chẳng biết nhau.

Như cõi nước Phật A-súc và Thanh văn Bồ-tát chẳng đối lập

trước mắt, các pháp cũng chẳng đối lập trước mắt: các pháp chẳng thấy nhau, các pháp chẳng biết nhau. Vì các pháp không thấy, không biết, không tác, không động, chẳng nắm bắt được, chẳng nghĩ bàn được.

Như người huyễn hóa không lãnh thọ, không cảm giác, không chân thật. Đại Bồ-tát thực hành như vậy là thực hành Bát-nhã ba-la-mật, chẳng chấp lấy các pháp.

Này A-nan! Đại Bồ-tát học như vậy gọi là học Bát-nhã ba-la-mật. Người muốn được các Ba-la-mật phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Học như vậy gọi là Đệ nhất học, là tối thượng học, là vi diệu học.

Học như vậy là làm an vui lợi ích cho tất cả thế gian, làm người cứu hộ cho kẻ không được cứu hộ.

Học như vậy là chỗ học của các Đức Phật. Các Đức Phật an trụ trong sự học đó nên có thể dùng tay phải nâng cõi đại thiên lên rồi đặt lại chỗ cũ mà chúng sinh trong đó vẫn không hề hay biết. Vì sao? Này A-nan! Các Đức Phật học Bát-nhã ba-la-mật này, được tri kiến vô ngại đối với tất cả pháp quá khứ, vị lai và hiện tại.

Này A-nan! Trong các sự học, Bát-nhã ba-la-mật là tối tôn đệ nhất, nhiệm mầu vô thượng.

Này A-nan! Có người nào muốn được bờ mé của Bát-nhã ba-la-mật, đó là muốn được bờ mé của hư không.

Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật là vô lượng, ta chẳng bao giờ nói lượng của Bát-nhã ba-la-mật. Những danh từ, những câu, những chữ là hữu lượng. Bát-nhã ba-la-mật là vô lượng.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao Bát-nhã ba-la-mật là vô lượng?

–Này A-nan! Vì Bát-nhã ba-la-mật vô tận nên vô lượng. Vì Bát-nhã ba-la-mật lia nên vô lượng.

Này A-nan! Các Phật quá khứ học Bát-nhã ba-la-mật này mà được giải thoát nên là vô tận. Các Phật vị lai học Bát-nhã ba-la-mật này mà được giải thoát nên là vô tận. Các Đức Phật hiện tại ở mười phương học Bát-nhã ba-la-mật này mà được giải thoát nên là vô tận, đã, đang và sẽ vô tận.

Người nào muốn cùng tận Bát-nhã ba-la-mật này thì đó là người muốn cùng tận hư không.

Bát-nhã ba-la-mật chẳng cùng tận; đã, sẽ và đang chẳng cùng tận.

Năm pháp Ba-la-mật: Thiền cho đến Thí ba-la-mật cũng chẳng cùng tận; đã, sẽ và đang chẳng cùng tận.

Cho đến Nhất thiết chủng trí cũng giống như vậy.

Vì sao? Vì tất cả các pháp đó đều không sinh. Nếu các pháp đó không sinh thì làm sao có cùng tận.

Khi đó, Đức Phật hiện chiếc lưỡi che trùm cả mặt, mà bảo A-nan:

– Từ ngày nay ở giữa bốn bộ chúng nên giảng dạy rộng rãi Bát-nhã ba-la-mật, phải cho rõ ràng, dễ hiểu.

Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này có nói rộng các pháp tướng. Trong đại chúng đây, người cầu Thanh văn, cầu Bích-chi-phật, cầu Phật đạo đều phải học trong này. Học xong thì đều được thành tựu cả.

Này A-nan! Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này là tất cả tự môn. Thực hành ở đây sẽ vào được môn Đà-la-ni. Bồ-tát học môn Đà-la-ni này thì được tất cả biện tài vô ngại.

Này A-nan! Bát-nhã ba-la-mật là pháp mẫu của tất cả ba đời các Đức Phật.

Vì thế nên ta vì người mà giảng dạy rành rẽ.

Nếu có người nào thọ trì, đọc tụng, gẫm gủi Bát-nhã sâu xa thì có thể thọ trì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của các Đức Phật ba đời.

Này A-nan! Ta nói Bát-nhã ba-la-mật là hai chân của hành giả. Người thọ trì Bát-nhã ba-la-mật này thì có khả năng thọ trì tất cả pháp, vì được Đà-la-ni.

M

Phẩm 67: KHÔNG THỂ CÙNG TẬN

Khi đó, Tu-bồ-đề nghĩ: “Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của các Đức Phật rất sâu xa, ta phải hỏi Đức Phật.”

Nghĩ đoạn, Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật này chẳng thể cùng tận. Như Đức Phật dạy vì hư không chẳng thể cùng tận nên Bát-nhã ba-la-mật chẳng thể cùng tận.

Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao phải sinh khởi Bát-nhã ba-la-mật?

Phật dạy:

– Này Tu-bồ-đề! Vì sắc không thể cùng tận nên Bát-nhã ba-la-mật phải sinh. Vì thọ, tưởng, hành, thức không thể cùng tận nên Bát-nhã ba-la-mật phải sinh. Vì Bố thí ba-la-mật không thể cùng tận nên Bát-nhã ba-la-mật phải sinh. Vì Thí ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật không thể cùng tận nên Bát-nhã ba-la-mật phải sinh. Cho đến vì Nhất thiết chủng trí chẳng thể cùng tận nên Bát-nhã ba-la-mật phải sinh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì không của vô minh chẳng thể cùng tận nên Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát phải sinh. Vì không của hành không thể cùng tận nên Bát-nhã ba-la-mật phải sinh. Vì không của thức không thể cùng tận nên Bát-nhã ba-la-mật phải sinh. Vì không của danh sắc không thể cùng tận nên Bát-nhã ba-la-mật phải sinh. Vì không của sáu nhập không thể cùng tận nên Bát-nhã ba-la-mật phải sinh, vì không của lục xúc không thể cùng tận nên Bát-nhã ba-la-mật phải sinh, vì không của thọ không thể cùng tận nên Bát-nhã ba-la-mật phải sinh, vì không của ái không thể cùng tận nên Bát-nhã ba-la-mật phải sinh, vì không của thủ không thể cùng tận nên Bát-nhã ba-la-mật phải sinh, vì không của hữu không thể cùng tận nên Bát-nhã ba-la-mật phải sinh. Vì không của sinh không thể cùng tận nên Bát-nhã ba-la-mật phải sinh. Vì không của già, chết, lo, buồn khổ não không thể cùng tận nên Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát phải sinh.

Như vậy, cho nên Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát phải sinh.

Mười hai nhân duyên như vậy là pháp riêng của Bồ-tát, thường dứt trừ được các kiến chấp điên đảo.

Lúc ngồi đạo tràng nên quán như vậy sẽ được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bồ-đề! Nếu có Đại Bồ-tát nào dùng pháp hư không chẳng thể cùng tận mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật, quán mười hai nhân duyên, thì chẳng rơi vào hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, được an trụ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Người cầu đạo Bồ-tát mà thoái chuyển, đó là vì xa lìa tâm niệm Bát-nhã ba-la-mật.

Người đó chẳng biết thực hành Bát-nhã ba-la-mật là dùng pháp hư không chẳng thể cùng tận như thế nào để quán mười hai nhân duyên.

Này Tu-bồ-đề! Vì người cầu đạo Bồ-tát mà chẳng được năng lực phương tiện như vậy nên thoái chuyển đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát không bị thoái chuyển nơi Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều do được năng lực phương tiện như vậy cả.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải dùng pháp hư không chẳng thể cùng tận để quán Bát-nhã ba-la-mật. Phải dùng pháp hư không chẳng thể cùng tận để sinh khởi Bát-nhã ba-la-mật.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc quán mười hai nhân duyên, chẳng thấy có pháp nào không từ nhân duyên sinh, chẳng thấy có pháp nào thường còn chẳng diệt, chẳng thấy có pháp nào có ngã, có nhân, có tuổi thọ, mạng sống, chúng sinh, cho đến người biết, người thấy, chẳng thấy có pháp vô thường, chẳng thấy pháp khổ, vô ngã, chẳng thấy pháp vắng lặng và chẳng vắng lặng.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật phải quán mười hai nhân duyên như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát có thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, thì lúc đó chẳng thấy sắc là thường hay vô thường, là khổ hay lạc, là ngã hay vô ngã, là vắng lặng hay chẳng vắng lặng.

Như sắc, đối với thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy.

Lúc đó, Đại Bồ-tát cũng chẳng thấy Bát-nhã ba-la-mật, cũng chẳng thấy dùng pháp ấy để thấy Bát-nhã ba-la-mật. Cho đến chẳng thấy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng thấy dùng pháp ấy để thấy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì tất cả pháp đều không thật có. Đó là đúng với hạnh Bát-nhã ba-la-mật.

Nếu lúc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật không có chỗ đắc, thì ác ma sâu khổ như bị mũi tên xuyên qua tim, như người có cha mẹ mới qua đời.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Chỉ một ác ma bị sâu khổ, hay ác ma trong cõi đại thiên đều bị sâu khổ?

–Này Tu-bồ-đề! Các ác ma trong cõi đại thiên đều sâu khổ như tên xuyên qua tim, không được an ổn.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật được như vậy thì lúc đó tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la chẳng thể nào hại được.

Thế nên Đại Bồ-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật này.

Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì tu trọn vẹn Thí, Giới, Nhẫn, Tấn, Thiền và Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì đầy đủ các môn Ba-la-mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì thế nào đầy đủ các Ba-la-mật?

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát có bố thí bao nhiêu đều hồi hướng Nhất thiết trí, thế nên lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát đầy đủ Bố thí ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát có trì giới đều hồi hướng về Nhất thiết trí, thế nên lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát đầy đủ Trì giới ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát có bao nhiêu nhẫn nhục đều hồi hướng về Nhất thiết trí, thế nên lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật,

Đại Bồ-tát đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát có bao nhiêu tinh tấn đều hồi hướng về Nhất thiết trí, thế nên lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát có bao nhiêu thiên định đều hồi hướng về Nhất thiết trí, thế nên lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát đầy đủ Thiền ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát có bao nhiêu trí tuệ đều hồi hướng về Nhất thiết trí, thế nên lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật.

M

Phẩm 68: SỰ TƯƠNG QUAN GIỮA SÁU ĐỘ

Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát an trụ Bồ thí ba-la-mật mà giữ được Trì giới ba-la-mật?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Lúc bố thí, Đại Bồ-tát hồi hướng sự bố thí đó về Nhất thiết trí, đối với tất cả chúng sinh, cả thân, khẩu, ý an trụ trong đức từ. Đó là Đại Bồ-tát an trụ Bồ thí ba-la-mật mà giữ được Trì giới ba-la-mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát an trụ Bồ thí ba-la-mật mà chấp lấy Nhẫn nhục ba-la-mật?

–Này Tu-bồ-đề! Lúc Đại Bồ-tát bố thí, người lãnh thọ giận mắng Bồ-tát, Bồ-tát nhìn nhục chẳng sinh tâm phiền giận. Đó là Đại Bồ-tát an trụ Bồ thí ba-la-mật mà giữ được Nhẫn nhục ba-la-mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát an trụ Bồ thí ba-la-mật mà chấp lấy Tinh tấn ba-la-mật?

–Này Tu-bồ-đề! Lúc Đại Bồ-tát bố thí, người lãnh thọ giận mắng, Bồ-tát bố thí thêm và nghĩ rằng: “Ta phải bố thí chẳng nên

hối tiếc, liền lúc đó phát sinh hai thứ tinh tấn: thân tinh tấn và tâm tinh tấn.” Đó là Bồ-tát an trụ Bồ thí ba-la-mật mà giữ được Tinh tấn ba-la-mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát an trụ Bồ thí ba-la-mật mà giữ được Thiên định ba-la-mật?

–Này Tu-bồ-đề! Lúc bố thí, Bồ-tát hồi hướng về Nhất thiết trí, chẳng mong hàng Thanh văn, Bích-chi-phật chỉ nhất tâm nghĩ đến Nhất thiết trí. Đây là Đại Bồ-tát an trụ Bồ thí ba-la-mật mà giữ được Thiên định ba-la-mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát an trụ Bồ thí ba-la-mật mà giữ được Bát-nhã ba-la-mật?

–Này Tu-bồ-đề! Lúc bố thí, Đại Bồ-tát biết bố thí là không, cũng như huyễn ảo, chẳng thấy vì chúng sinh có ích hay vô ích mà bố thí. Đây là Đại Bồ-tát trụ trong Bồ thí ba-la-mật mà giữ được Bát-nhã ba-la-mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát trụ trong Trì giới ba-la-mật mà giữ được năm pháp Ba-la-mật kia?

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ trong Trì giới ba-la-mật, ba nghiệp thân, khẩu, ý phát sinh phước đức bố thí, giúp nên Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, giữ mong hàng đức này, chẳng lấy bậc Thanh văn, Bích-chi-phật, trụ trong Trì giới ba-la-mật, chẳng biết đoạt mạng sống kẻ khác, chẳng cướp trộm tài vật của kẻ khác, chẳng tà dâm, chẳng nói dối, chẳng nói hai lưỡi, chẳng ác khẩu, chẳng thù dật, chẳng tham lam bòn sẻn, chẳng giận dữ ganh ghét, chẳng tà kiến; thực hành bố thí: cho kẻ đói ăn, cho kẻ khát uống, cần xe cho xe, cần áo cho áo, cần chuỗi ngọc cho chuỗi ngọc, cần hương hoa cho hương hoa, cần giường nệm, phòng nhà, đèn đuốc, tất cả đồ sinh hoạt đều cung cấp cho cả, đem sự bố thí đó cùng các chúng sinh hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hồi hướng như vậy thì chẳng rơi vào hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Đây là Đại Bồ-tát trụ trong Trì giới ba-la-mật mà giữ Bồ thí ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ trong Trì giới ba-la-mật, nếu có ai đến làm rã rời thân thể, lúc đó Bồ-tát chẳng sinh một niệm giận

thù, tự nghĩ: “Ta được lợi ích rất lớn, họ đến làm thân thể ta rã rời, ta không có một niệm giận thù”, đó là Đại Bồ-tát trụ trong Trì giới ba-la-mật mà giữ lấy Nhẫn nhục ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thân tinh tấn và tâm tinh tấn thường chẳng lìa bỏ, tự nghĩ: “Tất cả chúng sinh ở trong biển sinh tử, ta phải cứu vớt, đặt họ trên bờ cam lộ.” Đây là Đại Bồ-tát trụ trong Trì giới ba-la-mật mà giữ lấy Tinh tấn ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát nhập Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, chẳng tham hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, tự nghĩ: “Ta phải trụ trong Thiên định ba-la-mật để độ tất cả chúng sinh trong sinh tử.” Đây là Đại Bồ-tát trụ trong Trì giới ba-la-mật mà giữ lấy Thiên định ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ trong Trì giới ba-la-mật không có pháp nào thấy được: hoặc pháp tác, hoặc vô tác, pháp số, pháp tướng, hoặc có, hoặc không, chỉ thấy tất cả đều chẳng ngoài tướng Như, nhờ năng lực phương tiện Bát-nhã ba-la-mật nên chẳng rơi vào hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Đó là Đại Bồ-tát trụ trong Trì giới ba-la-mật mà giữ được Bát-nhã ba-la-mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát trụ trong Nhẫn nhục ba-la-mật mà giữ được năm pháp Ba-la-mật kia?

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát lúc mới phát tâm cho đến lúc ngồi đọa tràng, trong khoảng thời gian đó, nếu có chúng sinh nào đến giận mắng, hoặc chặt đứt thân thể, Bồ-tát trụ trong Nhẫn nhục, tự nghĩ: Ta phải bố thí cho tất cả chúng sinh, chẳng nên chẳng cho, chúng sinh cần ăn uống cho ăn uống, cho đến tất cả đồ sinh hoạt nếu cần tôi đều cho họ tất cả, đem công đức đó cùng với tất cả chúng sinh hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lúc Bồ-tát hồi hướng chẳng sinh hai tâm niệm: ai hồi hướng và hồi hướng về chỗ nào. Đây là Đại Bồ-tát trụ trong Nhẫn nhục ba-la-mật mà giữ lấy Bố thí ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến lúc ngồi đọa tràng, trong khoảng thời gian đó chẳng bao giờ giết hại, trộm cướp, tà dâm cho đến chẳng tà kiến, cũng chẳng tham hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Đem công đức đó cùng với tất cả chúng sinh hồi

hương về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lúc hồi hương, Bồ-tát chẳng sinh ba tâm niệm: ai hồi hương, dùng pháp gì để hồi hương và hồi hương chỗ nào. Đây là Đại Bồ-tát trụ trong Nhẫn nhục ba-la-mật mà giữ lấy Trì giới ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ trong Nhẫn nhục ba-la-mật, phát sinh Tinh tấn, tự nghĩ: Tôi sẽ qua một do-tuần, hoặc mười, trăm, ngàn muôn ức do-tuần, tôi sẽ qua một thế giới, cho đến qua trăm ngàn muôn ức thế giới, hoặc chỉ để khuyên dạy một người giữ năm giới thôi, hướng chi làm cho họ chứng được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, Bích-chi-phật hay quả Phật. Dem công đức đó cùng với tất cả chúng sinh hồi hương về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây là Đại Bồ-tát trụ trong Nhẫn nhục ba-la-mật mà giữ lấy Tinh tấn ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ trong Nhẫn nhục ba-la-mật, lià dục, lià ác, các pháp bất thiện, có giác, có quán, lià sinh hỷ lạc, nhập Thiền thứ nhất, cho đến xả niệm thanh tịnh nhập Thiền thứ tư, trong các thiền ấy, với tâm, tâm sở thanh tịnh đều hồi hương về Nhất thiết trí. Lúc hồi hương, Bồ-tát này đối với thiền và thiền chi đều không thật có. Đây là Đại Bồ-tát trụ trong Nhẫn nhục ba-la-mật mà giữ lấy Thiền định ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ trong Nhẫn nhục ba-la-mật, quán các pháp: hoặc tướng lià, tướng vắng lặng, tướng vô tận, chẳng chứng lấy tướng vắng lặng, cho đến ngồi đạo tràng được Nhất thiết chủng trí, rời đạo tràng để chuyển pháp luân. Đây là Đại Bồ-tát trụ trong Nhẫn nhục ba-la-mật mà giữ lấy Bát-nhã ba-la-mật, vì chẳng lấy bỏ.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát trụ trong Tinh tấn ba-la-mật mà giữ lấy năm pháp Ba-la-mật kia?

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát an trụ Tinh tấn ba-la-mật, thân tâm tinh tấn chẳng lười chẳng nghỉ, tự nghĩ: Ta chắc chắn sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng phải không được. Vì lợi ích cho chúng sinh mà Bồ-tát này đến một do-tuần, hoặc đến trăm ngàn muôn ức do-tuần, hoặc qua một thế giới, hoặc qua trăm ngàn muôn ức thế giới, hoặc chỉ dạy được một người vào trong Phật đạo, hay

vào trong đạo Bích-chi-phật, đạo Thanh văn, hoặc chỉ dạy được một người thực hành mười nghiệp lành, tinh tấn chẳng biếng trễ, thực hành pháp thí và tài thí cho họ được đầy đủ. Dem công đức này cùng tất cả chúng sinh hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng hồi hướng về hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Đây là Đại Bồ-tát trụ trong Tinh tấn ba-la-mật mà giữ lấy Bồ thí ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát trụ trong Tinh tấn ba-la-mật từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, tự mình chẳng sát sinh, chẳng bảo người sát sinh, khen ngợi pháp chẳng sát sinh, vui mừng khen ngợi người chẳng sát sinh, cho đến tự mình xa lìa tà kiến, bảo người xa lìa tà kiến, khen ngợi pháp chẳng tà kiến, vui mừng khen ngợi người chẳng tà kiến. Bồ-tát trụ trong Trì giới ba-la-mật, chẳng cầu phước cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, chẳng cầu hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Dem công đức này cùng tất cả chúng sinh hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ-tát chẳng sinh ba tâm niệm: chẳng thấy người hồi hướng, chẳng thấy pháp hồi hướng và chẳng thấy chỗ hồi hướng về. Đây là Bồ-tát trụ trong Tinh tấn ba-la-mật mà giữ lấy Trì giới ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ trong Tinh tấn ba-la-mật, từ lúc mới phát tâm cho đến lúc ngồi đạo tràng, trong khoảng thời gian đó, hoặc có người hay phi nhân đến chặt đứt thân thể, Bồ-tát suy nghĩ: “Ai chém ta, ai chặt ta, ai cướp hại ta.” Bồ-tát lại nghĩ: “Ta được lợi lành rất lớn, ta vì chúng sinh mà thọ lấy thân này, hôm nay chúng sinh đến lấy lại.” Khi đó, Bồ-tát ghi nhớ thật tướng các pháp. Dem công đức này cùng các chúng sinh hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng cầu hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Đây là Đại Bồ-tát an trụ Tinh tấn ba-la-mật mà giữ lấy Nhẫn nhục ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát trụ trong Tinh tấn ba-la-mật lìa dục ác, bất thiện, có giác, có quán, lìa sinh hỷ lạc nhập Thiền thứ nhất, nhập Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư, nhập Từ, Bi, Hỷ, Xả, cho đến nhập định Phi tưởng phi phi tưởng xứ, thọ trì bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng và bốn Định vô sắc này, nhưng chẳng thọ quả báo mà thọ sinh nơi lợi ích cho chúng sinh để dùng sáu pháp Ba-la-mật thành

tự chúng sinh, đó là Bồ thí ba-la-mật đến Bát-nhã ba-la-mật, từ một cõi Phật này đến một cõi Phật khác, cúng dường gần gũi các Đức Phật để gieo trồng căn lành. Đây là Đại Bồ-tát trụ trong Tinh tấn ba-la-mật mà giữ lấy Thiền định ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát trụ trong Tinh tấn ba-la-mật, chẳng thấy pháp Bồ thí ba-la-mật, chẳng thấy tướng Bồ thí ba-la-mật, cho đến chẳng thấy pháp Thiền định ba-la-mật, chẳng thấy tướng Thiền định ba-la-mật, chẳng thấy pháp bốn Niệm xứ, chẳng thấy tướng bốn Niệm xứ, cho đến chẳng thấy pháp Nhất thiết chủng trí, chẳng thấy tướng của Nhất thiết chủng trí. Thấy tất cả pháp, phi pháp, phi phi pháp. Đối với tất cả pháp, Bồ-tát không chấp trước. Bồ-tát này việc làm đúng như lời nói, đó là Đại Bồ-tát trụ trong Tinh tấn ba-la-mật mà giữ lấy Bát-nhã ba-la-mật.

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát trụ trong Thiền định ba-la-mật mà giữ lấy năm pháp Ba-la-mật kia?

– Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát trụ trong Thiền định ba-la-mật lìa dục, lìa ác bất thiện, có giác, có quán, lìa sinh hỷ lạc, nhập Thiền thứ nhất, Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư, nhập Từ, Bi, Hỷ, Xả, cho đến nhập định Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, trụ trong Thiền định ba-la-mật, tâm chẳng loạn động, thực hành hai việc bồ thí tài, pháp lợi ích chúng sinh. Bồ-tát này tự mình thực hành hai việc bồ thí, dạy người thực hành bồ thí, khen ngợi pháp bồ thí và vui mừng khen ngợi người thực hành bồ thí. Đem công đức này cùng tất cả chúng sinh hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng cầu hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Đây là Bồ-tát trụ trong Thiền định ba-la-mật mà giữ lấy Bồ thí ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát trụ trong Thiền định ba-la-mật chẳng sinh tâm dâm dục, sân hận, ngu si, chẳng não hại người, chỉ tu hành tâm tương ứng với Nhất thiết trí. Đem công đức này cùng tất cả chúng sinh hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng cầu hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Đây là Đại Bồ-tát trụ trong Thiền định ba-la-mật mà giữ lấy Trì giới ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát trụ trong Thiền định ba-la-mật quán sắc như chùm bọt, quán thọ như bóng bóng nước, quán tưởng như sóng

nắng, quán hành như cây chuối, quán thức như huyễn ảo. Lúc quán như vậy, thấy năm ấm là tướng không bền chắc, tự nghĩ: Chém ta là ai? Chặt ta là ai? Ai là thọ, là tưởng, ai là hành, là thức, ai là người mắng, ai là người bị mắng, ai sinh lòng giận. Đây là Bồ-tát trụ trong Thiên định ba-la-mật mà giữ lấy Nhãn nhục ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát trụ trong Thiên định ba-la-mật nhập vào các thiên định. Các thiên, các định và những tướng thiên chi đó phát sinh ra các thần thông: đi trên nước như đi trên đất, vào trong đất xuống nước, có Thiên nhĩ, biết tâm niệm người khác là loạn hay định, biết những đời trước, có Thiên nhãn. Nương năm thứ thần thông đó, Bồ-tát đi từ cõi Phật này đến cõi Phật khác, gần gũi cúng dường các Đức Phật để vun trồng gốc lành, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh. Đem công đức này cùng với tất cả chúng sinh hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đây là Bồ-tát an trụ Thiên định ba-la-mật mà giữ lấy Tinh tấn ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát an trụ Thiên định ba-la-mật chẳng thấy có sắc, chẳng thấy có thọ, tưởng, hành, thức, chẳng thấy có sáu pháp Ba-la-mật, chẳng thấy có bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết chủng trí, chẳng thấy có tánh hữu vi, tánh vô vi, vì chẳng thấy có nên chẳng tác, vì chẳng tác nên chẳng sinh, vì chẳng sinh nên chẳng diệt. Vì sao? Vì có Phật hay không Phật vẫn là như, pháp tướng, pháp tánh thường trụ, chẳng sinh, chẳng diệt. Bồ-tát này thường nhất tâm đứng với Nhất thiết chủng trí. Đây là Đại Bồ-tát an trụ Thiên định ba-la-mật mà giữ lấy Bát-nhã ba-la-mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát trụ trong Bát-nhã ba-la-mật mà giữ lấy năm pháp Ba-la-mật kia?

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát trụ trong Bát-nhã ba-la-mật: nội không, nội không chẳng thể nắm bắt được, ngoại không, ngoại không chẳng thể nắm bắt được, nội ngoại không, nội ngoại không chẳng thể nắm bắt được, không không, không không chẳng thể nắm bắt được, cho đến tất cả pháp không, tất cả pháp không chẳng thể nắm bắt được. Bồ-tát trụ trong mười bốn không đó, chẳng thấy có tướng sắc hoặc không, hay chẳng không, chẳng thấy có tướng thọ, tưởng, hành, thức hoặc không, hay chẳng không, chẳng thấy có

bốn Niệm xứ hoặc không, hay chẳng không, cho đến chẳng thấy có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác hoặc không, hay chẳng không, chẳng thấy có tánh hữu vi, tánh vô vi hoặc không, hay chẳng không. Bồ-tát này trụ trong Bát-nhã ba-la-mật như vậy có bố thí đều quán bố thí không. Thế nào là không? Người thí, kẻ thọ và vật thí đều không, chẳng cho tâm niệm bỏn sẻn tham đắm sinh khởi. Vì sao? Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng không có vọng tưởng phân biệt, như các Đức Phật lúc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có tâm tham đắm, Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật cũng không có tâm tham đắm. Chỗ đáng tôn trọng nhất của Bồ-tát này chính là Bát-nhã ba-la-mật. Đây là Bồ-tát trụ trong Bát-nhã ba-la-mật mà giữ lấy Bố thí ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát trụ trong Bát-nhã ba-la-mật chẳng sinh tâm Thanh văn, Bích-chi-phật. Với Bồ-tát này thì hàng Thanh văn, Bích-chi-phật không thật có, tâm hướng về Thanh văn, Bích-chi-phật cũng không thật có. Bồ-tát này từ lúc mới phát tâm cho đến lúc ngồi đạo tràng, trong khoảng thời gian đó tự mình chẳng sát sinh, chẳng bảo người sát sinh, khen ngợi pháp chẳng sát sinh, vui mừng khen ngợi người chẳng sát sinh, cho đến tự mình không tà kiến, khen ngợi pháp chẳng tà kiến, chẳng bảo người tà kiến, khen ngợi pháp chẳng tà kiến, vui mừng khen ngợi người chẳng tà kiến. Nhờ nhân duyên trì giới này không có pháp thật có, hoặc hàng Thanh văn, Bích-chi-phật hướng chi là các pháp khác. Đây là Bồ-tát trụ trong Bát-nhã ba-la-mật mà giữ lấy Trì giới ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ trong Bát-nhã ba-la-mật phát sinh tùy thuận pháp nhẫn, nghĩ rằng trong pháp này không có gì hoặc sinh hoặc diệt, hoặc sinh hoặc tử, không có pháp gì hoặc chửi hoặc mắng, hoặc chém hoặc chặt, hoặc trói hoặc đánh, hoặc đập hoặc giết. Bồ-tát này từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, nếu có tất cả chúng sinh đến mắng chửi, dùng dao gậy, ngói đá chém chặt tổn hại, Bồ-tát cũng chẳng động tâm, tự nghĩ: “Lạ thay, trong pháp này chẳng có ai bị mắng giết, tổn hại cả, mà chúng sinh lại nhận lấy sự khổ não này.” Đây là Bồ-tát trụ trong Bát-nhã ba-

la-mật mà giữ lấy Nhãn nhục ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát trụ trong Bát-nhã ba-la-mật vì chúng sinh mà nói pháp khiến họ thực hành sáu pháp Ba-la-mật, dạy họ tu bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo, cho họ được quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, cho họ được quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng trụ trong tánh hữu vi, chẳng trụ trong tánh vô vi. Đây là Đại Bồ-tát trụ trong Bát-nhã ba-la-mật mà giữ lấy Tinh tấn ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát trụ trong Bát-nhã ba-la-mật, nhập vào tất cả các Tam-muội, ngoại trừ Tam-muội của các Đức Phật, hoặc Tam-muội của Thanh văn, Bích-chi-phật, Bồ-tát đều thực hành, đều nhập vào cả. Đối với các Tam-muội đó, Bồ-tát nghịch thuận, ra vào tám Bội xả: bội xả thứ nhất là trong có sắc tướng ngoài quán sắc, bội xả thứ hai là trong không sắc tướng ngoài quán sắc, bội xả thứ ba là tịnh bội xả thân tác chứng, bội xả thứ tư là vượt qua tất cả sắc tướng, dứt diệt tướng có đối đãi, vì chẳng nghĩ nhớ các thứ sắc tướng nên nhập vào Hư không vô biên xứ, bội xả thứ năm là vượt qua tất cả Hư không xứ, nhập thức Vô biên xứ, bội xả thứ sáu là vượt qua tất cả thức xứ, nhập vào Vô sở hữu xứ, bội xả thứ bảy là vượt qua tất cả Vô sở hữu xứ, nhập Phi hữu tướng phi vô tướng xứ, bội xả thứ tám là vượt qua tất cả phi tướng phi phi tướng xứ, nhập vào diệt thọ, tướng, định. Đối với chánh định của tám Bội xả, Bồ-tát này nghịch thuận, ra vào chín Định thứ đệ: bốn Thiền, bốn Định vô sắc và định Diệt thọ tưởng.

Bồ-tát này y theo tám Bội xả và chín Định thứ đệ mà nhập Tam-muội Sư tử phấn tấn. Tu-bồ-đề, Tam-muội Sư tử phấn tấn nghĩa là Bồ-tát nhập và xuất các định theo thứ lớp. Nhập Thiền thứ nhất, xuất định thứ nhất, nhập Thiền thứ hai cho đến xuất định Phi phi tướng xứ, nhập định diệt tận, xuất định diệt tận, nhập định Phi phi tướng xứ, cho đến xuất Thiền thứ hai, lại nhập Thiền thứ nhất. Bồ-tát này y theo Tam-muội Sư tử phấn tấn mà nhập siêu việt Tam-muội: nhập Thiền thứ nhất, xuất Thiền thứ nhất, nhập Thiền thứ hai, cho đến xuất Phi phi tướng xứ, nhập định diệt thọ tướng, xuất định diệt tận, nhập Thiền thứ nhất, xuất Thiền thứ nhất, nhập định diệt

tận, xuất định diệt tận nhập Thiền thứ hai, xuất Thiền thứ hai nhập định diệt tận, xuất định diệt tận, nhập Thiền thứ ba, xuất Thiền thứ ba nhập định diệt tận, xuất định diệt tận nhập Thiền thứ tư, xuất Thiền thứ tư nhập định diệt tận, xuất định diệt tận nhập Hư không xứ, xuất hư không xứ nhập định diệt tận, xuất định diệt tận nhập Thức xứ, xuất Thức xứ, nhập định diệt tận, xuất định diệt tận, nhập Vô sở hữu xứ, xuất vô sở hữu xứ nhập định diệt tận, xuất định diệt tận nhập Phi phi tướng xứ, xuất Phi phi tướng xứ, nhập định diệt tận, xuất định diệt tận nhập Tán tâm, xuất tán tâm nhập định diệt tận, xuất định diệt tận lại nhập Tán tâm, xuất tán tâm nhập Phi phi tướng xứ, xuất Phi phi tướng xứ lại vào Tán tâm, xuất tán tâm nhập vào Vô sở hữu xứ, xuất vô sở hữu xứ vào Tán tâm, xuất tán tâm nhập Thức xứ, xuất thức xứ vào Tán tâm, xuất tán tâm, nhập vào Không xứ, xuất không xứ nhập vào Tán tâm, xuất tán tâm, nhập Thiền thứ tư, xuất Thiền thứ tư nhập vào tán tâm, xuất tán tâm nhập Thiền thứ ba, xuất Thiền thứ ba nhập vào tán tâm, xuất tán tâm nhập Thiền thứ hai, xuất Thiền thứ hai vào tán tâm, xuất tán tâm nhập Thiền thứ nhất, xuất Thiền thứ nhất nhập vào tán tâm. Bồ-tát này đối với Tam-muội siêu việt chứng được tướng bình đẳng của tất cả pháp. Đây là Bồ-tát trụ trong Bát-nhã ba-la-mật mà giữ lấy Thiền định ba-la-mật.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 21

Phẩm 69: ĐẠI PHƯƠNG TIỆN

Khi đó, Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát đó thành tựu năng lực phương tiện như vậy, từ lúc phát tâm đến nay được bao lâu?

Phật dạy:

– Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đó thành tựu được năng lực phương tiện, từ lúc phát tâm đến nay đã vô lượng, vô số kiếp.

– Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát đó thành tựu năng lực phương tiện như vậy là do cúng dường bao nhiêu Đức Phật?

– Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đó thành tựu năng lực phương tiện như vậy là do cúng dường các Đức Phật nhiều như số cát sông Hằng.

– Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát được năng lực phương tiện như vậy là do trồng căn lành nào?

– Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thành tựu năng lực phương tiện như vậy, từ lúc mới phát tâm đến nay đầy đủ cả Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật và Bát-nhã ba-la-mật.

– Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát thành tựu năng lực phương tiện như vậy thật rất là ít có.

– Này Tu-bồ-đề! Như mặt trời, mặt trăng xoay quanh soi sáng bốn thiên hạ, đem lại nhiều sự lợi ích. Cũng như vậy, Bát-nhã ba-la-mật chiếu soi năm pháp Ba-la-mật kia đem lại nhiều sự lợi ích.

Này Tu-bồ-đề! Như Chuyển luân thánh vương, do thành tựu luân bảo nên được gọi là Chuyển luân thánh vương. Cũng như vậy, năm pháp Ba-la-mật kia nếu lia Bát-nhã ba-la-mật thì chẳng được

gọi là Ba-la-mật. Nếu chẳng lìa Bát-nhã ba-la-mật thì năm pháp Ba-la-mật kia được gọi là Ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Như phụ nữ không chồng dễ bị xâm phạm. Cũng giống như vậy, nếu năm pháp Ba-la-mật kia xa lìa Bát-nhã ba-la-mật thì ác ma, hoặc thiên ma phá hoại rất dễ dàng. Nếu năm pháp Ba-la-mật kia có được Bát-nhã ba-la-mật thì ma không ngăn phá được. Như phụ nữ có chồng thì khó bị xâm phạm.

Này Tu-bồ-đề! Như binh tướng trang bị áo giáp khí trượng đầy đủ thì các nước mạnh láng giềng không xâm lăng được. Cũng giống như vậy, năm pháp Ba-la-mật kia chẳng xa lìa Bát-nhã ba-la-mật thì ác ma hoặc thiên ma, hoặc kẻ tăng thượng mạn, hoặc Bồ-tát, Chiên-đà-la không phá hoại được.

Này Tu-bồ-đề! Như các Tiểu vương đúng thời về châu Chuyển luân thánh vương. Cũng giống vậy, năm pháp Ba-la-mật thuận theo Bát-nhã ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Như các dòng nước chảy vào sông Hằng rồi đổ ra biển cả. Cũng giống như vậy, năm pháp Ba-la-mật nhờ Bát-nhã ba-la-mật che chở mà theo đến Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bồ-đề! Như tay mặt của người làm việc tiện lợi, Bát-nhã ba-la-mật cũng giống như vậy. Như tay trái của người làm việc chẳng tiện, năm pháp Ba-la-mật cũng giống như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Như các dòng nước hoặc lớn hoặc nhỏ đều chảy ra biển lớn. Cũng vậy, năm pháp Ba-la-mật được Bát-nhã ba-la-mật che chở mà, theo Bát-nhã ba-la-mật nhập vào Nhất thiết chủng trí được gọi là Ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Như bốn binh chủng của Chuyển luân thánh vương, luân bảo dẫn đường đi trước. Ý vua muốn dừng lại thì luân bảo liền dừng lại, khiến bốn binh chủng đều được mãn nguyện mà luân bảo cũng chẳng rời khỏi vị trí của nó. Cũng giống như vậy, Bát-nhã ba-la-mật dẫn dắt năm pháp Ba-la-mật đến Nhất thiết chủng trí, luôn ở trong đó chẳng rời khỏi chỗ.

Này Tu-bồ-đề! Như luân bảo dẫn dắt bốn binh chủng của Luân vương. Cũng giống như vậy, Bát-nhã ba-la-mật dẫn đường năm pháp Ba-la-mật đến Nhất thiết chủng trí.

Trụ trong Bát-nhã ba-la-mật cũng chẳng phân biệt rằng Bồ thí ba-la-mật tùy tùng, còn bốn Ba-la-mật kia thì không tùy tùng. Bồ thí ba-la-mật cũng chẳng phân biệt rằng mình tùy tùng Bát-nhã ba-la-mật, còn bốn Ba-la-mật kia thì không tùy tùng. Các Ba-la-mật kia cũng đều chẳng phân biệt giống như vậy. Vì sao? Vì tánh của các Ba-la-mật không có sự tạo tác, tự tánh là không, là luống dối như sóng nắng.

Khi đó, Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp tự tánh không, vì sao Đại Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành sáu pháp Ba-la-mật nghĩ rằng tâm thế gian này đều điên đảo, nếu ta không dùng năng lực phương tiện thì không thể độ chúng sinh thoát khỏi sinh tử. Vì chúng sinh mà ta thực hành Bồ thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật và Bát-nhã ba-la-mật.

Vì chúng sinh mà Bồ-tát xả thí vật sở hữu trong thân, ngoài thân. Lúc xả nghĩ rằng: “Ta không xả chi cả.” Vì sao? Vì những vật đó sẽ bại hoại.

Suy nghĩ như vậy, Bồ-tát sẽ trọn vẹn được Bồ thí ba-la-mật.

Vì chúng sinh mà Bồ-tát không bao giờ phá giới, nghĩ rằng: “Tôi vì chúng sinh mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu giết hại chúng sinh thì không đúng.” Cho đến nghĩ: “Tôi vì chúng sinh mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu tà kiến hay ưa thích hàng Thanh văn, Bích-chi-phật thì không đúng.”

Suy nghĩ như vậy, Bồ-tát sẽ trọn vẹn được Trì giới ba-la-mật.

Vì chúng sinh mà Bồ-tát chẳng sinh tâm sân hận dầu chỉ một niệm, nghĩ rằng: “Ta phải làm lợi ích cho chúng sinh vì sao lại sinh tâm sân hận.”

Suy nghĩ như vậy, Bồ-tát sẽ trọn vẹn được Nhẫn nhục ba-la-mật.

Vì chúng sinh nên từ lúc phát tâm đến lúc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ-tát không hề sinh tâm lười biếng.

Siêng năng như vậy, Bồ-tát sẽ trọn vẹn được Tinh tấn ba-la-mật.

Vì chúng sinh nên từ lúc phát tâm đến lúc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ-tát không để tâm tán loạn.

Nhiếp tâm như vậy, Bồ-tát sẽ trọn vẹn được Thiền định ba-la-mật.

Vì chúng sinh nên từ lúc phát tâm đến lúc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Bồ-tát chẳng bao giờ xa rời trí tuệ. Vì ngoài trí tuệ không còn pháp nào để độ chúng sinh.

Tu trí tuệ như vậy, Bồ-tát sẽ trọn vẹn được Bát-nhã ba-la-mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các Ba-la-mật không có tướng khác nhau, tại sao trong năm pháp Ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật lại nhiệm mầu tối thượng bậc nhất?

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Các Ba-la-mật vẫn không khác nhau, nhưng nếu không có Bát-nhã ba-la-mật thì năm pháp Ba-la-mật kia không được gọi là Ba-la-mật. Do Bát-nhã ba-la-mật mà năm pháp Ba-la-mật kia được gọi là Ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Như những loài chim nhiều màu sắc, đến gần bên núi Tu-di thì đều đồng một màu.

Năm pháp Ba-la-mật cũng giống như vậy, do Bát-nhã cho đến trong Nhất thiết chủng trí chuyển thành một thứ không khác nhau. Chẳng còn phân biệt là Bồ thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật.

Vì sao? Vì các Ba-la-mật không tự tánh, do đó mà các Ba-la-mật không khác nhau.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu theo thật nghĩa không phân biệt thì vì sao Bát-nhã ba-la-mật trong năm pháp Ba-la-mật lại nhiệm mầu tối thượng?

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Dầu trong thật nghĩa không có phân biệt, nhưng vì thế tục mà nói là Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật.

Vì muốn độ chúng sinh thoát khỏi sinh tử, nhưng thật thì chúng

sinh chẳng sinh, chẳng chết, chẳng khởi, chẳng lụi.

Này Tu-bồ-đề! Vì chúng sinh vô sở hữu nên phải biết tất cả pháp vô sở hữu. Do đó mà Bát-nhã ba-la-mật trong năm pháp Ba-la-mật là nhiệm mầu tối tôn tối thượng.

Này Tu-bồ-đề! Như ở Diêm-phù-đề trong các phụ nữ, thì ngọc nữ là bậc nhất tối thượng tối diệu.

Cũng giống như vậy, trong năm pháp Ba-la-mật thì Bát-nhã ba-la-mật là bậc nhất tối thượng nhiệm mầu.

– Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao Phật nói Bát-nhã ba-la-mật là tối thượng tối diệu?

– Này Tu-bồ-đề! Vì Bát-nhã ba-la-mật này giữ lấy tất cả pháp lành cho đến trong Nhất thiết chủng trí, trụ mà chẳng trụ.

– Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật có pháp lấy được, bỏ được chẳng?

– Này Tu-bồ-đề, không! Bát-nhã ba-la-mật không có pháp lấy được, không pháp bỏ được. Vì sao? Vì tất cả pháp chẳng lấy, chẳng bỏ.

– Bạch Đức Thế Tôn! Đối với những pháp nào mà Bát-nhã ba-la-mật chẳng lấy, chẳng bỏ?

– Này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật là đối với sắc chẳng lấy, chẳng bỏ, đối với thọ, tưởng, hành, thức chẳng lấy, chẳng bỏ, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng lấy, chẳng bỏ.

– Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao chẳng lấy sắc cho đến chẳng chấp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

– Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát chẳng nhớ nghĩ sắc cho đến chẳng nhớ nghĩ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó gọi là chẳng chấp sắc cho đến chẳng chấp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu chẳng nhớ nghĩ sắc cho đến chẳng nhớ nghĩ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì làm sao tăng ích được căn lành. Căn lành chẳng thêm ích thì thế nào trọn vẹn được các Ba-la-mật. Nếu các Ba-la-mật chẳng trọn vẹn thì làm sao được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

– Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát chẳng nhớ nghĩ sắc cho đến

chẳng nghĩ nhớ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chính lúc đó căn lành được tăng ích. Do căn lành tăng ích nên trọn vẹn các Ba-la-mật. Do trọn vẹn các Ba-la-mật nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao? Vì lúc chẳng nghĩ nhớ sắc cho đến chẳng nghĩ nhớ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì chính là lúc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vậy.

–Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao lúc chẳng nghĩ nhớ sắc cho đến chẳng nghĩ nhớ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

–Này Tu-bồ-đề! Vì nhớ nghĩ mà tham đắm ba cõi: Dục, Sắc và Vô sắc. Vì chẳng nhớ nghĩ nên không tham đắm. Thế nên Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng nên có chỗ tham đắm.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, Đại Bồ-tát trụ vào chỗ nào?

–Này Tu-bồ-đề! Hành như vậy, Đại Bồ-tát chẳng trụ vào sắc, cho đến chẳng trụ Nhất thiết chủng trí.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao Đại Bồ-tát chẳng trụ vào sắc, cho đến chẳng trụ vào Nhất thiết chủng trí?

–Này Tu-bồ-đề! Vì chẳng tham đắm nên chẳng trụ. Vì sao? Vì Bồ-tát này chẳng thấy có pháp nào để đắm, để trụ. Như vậy, Đại Bồ-tát dùng chẳng đắm, chẳng trụ vào pháp để thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

–Này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nghĩ rằng làm được như vậy, tu được như vậy đó là thực hành Bát-nhã ba-la-mật, ta đang tu Bát-nhã ba-la-mật. Nếu Bồ-tát chấp lấy tướng như vậy thì chính là xa lìa Bát-nhã ba-la-mật. Nếu xa lìa Bát-nhã ba-la-mật thì chính là xa lìa Bồ-thí ba-la-mật cho đến Nhất thiết chủng trí.

Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật không có chỗ đắm, tự tánh là không.

Nếu Bồ-tát chấp tướng như vậy thì lìa khỏi Bát-nhã ba-la-mật. Nếu lìa Bát-nhã ba-la-mật thì lìa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng được thọ ký.

Nếu Bồ-tát nghĩ rằng trụ Bát-nhã ba-la-mật này sẽ sinh ra Bồ thí ba-la-mật cho đến sinh ra đại Bi. Nghĩ như vậy thì mất Bát-nhã ba-la-mật. Mất Bát-nhã ba-la-mật thì chẳng sinh được Bồ thí ba-la-mật cho đến chẳng sinh được đại Bi.

Nếu Bồ-tát nghĩ rằng các Đức Phật vì biết các pháp không thọ, không tưởng nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu Bồ-tát giảng nói khai thị dạy bảo như vậy thì mất Bát-nhã ba-la-mật.

Vì sao? Vì đối với các pháp, các Đức Phật không hề biết, không hề được, cũng không có pháp nói được, huống chi là có chỗ được, không bao giờ có như vậy.

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật làm thế nào không bị lỗi lầm đó?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật nghĩ rằng các pháp vô sở hữu, chẳng thật có. Nếu pháp đã không thật có, không chấp được thì không có chỗ nắm bắt. Thực hành như vậy chính là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Nếu Bồ-tát chấp trước pháp vô sở hữu thì xa lìa Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật không có pháp “chấp trước”.

–Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật có xa lìa Bát-nhã ba-la-mật chăng? Bồ thí ba-la-mật có xa lìa Bồ thí ba-la-mật chăng? Cho đến Nhất thiết chủng trí có xa lìa Nhất thiết chủng trí chăng?

Nếu như vậy thì làm sao Bồ-tát có được Bát-nhã ba-la-mật cho đến Nhất thiết chủng trí?

–Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát không quan niệm về sắc: đây là sắc, là sắc gì? Cho đến không quan niệm Nhất thiết chủng trí: đây là Nhất thiết chủng trí, Nhất thiết chủng trí gì? Như vậy là Bồ-tát đó thường sinh ra được Bát-nhã ba-la-mật cho đến thường sinh được Nhất thiết chủng trí.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng quán sắc là thường hay vô thường, là khổ hay lạc, là ngã hay vô ngã, là không hay bất không, là lìa hay chẳng lìa.

Vì sao? Vì tự tánh chẳng sinh được tự tánh.

Cho đến đối với Nhất thiết chủng trí cũng giống như vậy.

Nếu thực hành Bát-nhã ba-la-mật mà quán sắc cho đến quán Nhất thiết chủng trí như vậy, thì Bồ-tát sinh ra được Bát-nhã ba-la-mật cho đến sinh được Nhất thiết chủng trí.

Như Chuyển luân thánh vương đến chốn nào thì bốn binh chủng đều đi theo.

Cũng giống như vậy, Bát-nhã ba-la-mật đến đâu thì năm pháp Ba-la-mật đều theo, đến trụ trong Nhất thiết chủng trí.

Như giở đánh xe bốn ngựa chẳng lạc khỏi đường bằng phẳng thì sẽ đến chỗ muốn.

Cũng giống như vậy, Bát-nhã ba-la-mật ngồi trên năm pháp Ba-la-mật chẳng mất chánh đạo cho đến Nhất thiết chủng trí.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là đạo, thế nào là phi đạo của Đại Bồ-tát?

–Này Tu-bồ-đề! Đạo Thanh văn, đạo Bích-chi-phật chẳng phải là đạo của Bồ-tát. Đạo của Nhất thiết trí là đạo của Bồ-tát, đó gọi là đạo và phi đạo của Đại Bồ-tát.

–Bạch Đức Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát vì việc lớn mà phát khởi Bát-nhã ba-la-mật: đó là hiển bày là đạo, là phi đạo.

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Vì việc lớn mà Bát-nhã ba-la-mật phát khởi: đó là hiển bày là đạo, là phi đạo.

Này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật vì độ vô lượng chúng sinh mà phát khởi, vì lợi ích vô số chúng sinh mà phát khởi.

Dầu làm sự lợi ích đó mà Bát-nhã ba-la-mật chẳng thọ sắc, chẳng thọ thọ, tưởng, hành, thức, cũng chẳng thọ hàng Thanh văn, Bích-chi-phật.

Này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật là người dẫn đường của các Đại Bồ-tát, chỉ bày Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hay làm cho xa lìa hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, an trụ vào Nhất thiết chủng trí. Vì Bát-nhã ba-la-mật không sinh, không diệt, các pháp thường trụ.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Bát-nhã ba-la-mật không sinh, không diệt thì các Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật vì sao

lại phải bố thí, phải trì giới, phải nhẫn nhục, phải tinh tấn, phải thiền định? Sao lại phải tu trí tuệ?

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát nhớ nghĩ Nhất thiết chủng trí phải bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ. Đại Bồ-tát đem công đức đó cùng với tất cả chúng sinh hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hồi hướng như vậy thì trọn vẹn sáu pháp Ba-la-mật và tâm từ bi cùng các công đức.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát chẳng xa lìa sáu pháp Ba-la-mật thì chẳng lìa Nhất thiết chủng trí.

Thế nên, Đại Bồ-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải học, phải thực hành sáu pháp Ba-la-mật.

Đại Bồ-tát hành sáu pháp Ba-la-mật thì đầy đủ tất cả các căn lành, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thế nên, Đại Bồ-tát phải thực hành sáu pháp Ba-la-mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát phải thực hành sáu pháp Ba-la-mật thế nào?

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải quán như thế này:

Sắc chẳng hợp, chẳng tan. Thọ, tưởng, hành và thức chẳng hợp, chẳng tan. Cho đến vĩ Nhất thiết chủng trí chẳng hợp, chẳng tan. Đó gọi là Đại Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải nghĩ rằng: Ta chẳng nên trụ trong sắc, ta chẳng nên trụ trong thọ, tưởng, hành, thức. Cho đến ta chẳng nên trụ trong Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì sắc không chỗ trụ, vì thọ, tưởng, hành, thức không chỗ trụ, cho đến Nhất thiết chủng trí không chỗ trụ.

Đại Bồ-tát dùng pháp vô trụ thực hành sáu pháp Ba-la-mật thì sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Như có người muốn ăn trái am-la, trái ba-na-bà thì phải gieo hạt của nó, rồi siêng năng tưới bón vun vén, cây đó lần lần lớn lên, đến thời tiết hòa hợp thì có trái để được.

Cũng giống như vậy, Đại Bồ-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác phải học sáu pháp Ba-la-mật: dùng Bố thí để nhiếp lấy chúng sinh, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ để

nhiep lấy chúng sinh, độ chúng sinh thoát khỏi sinh tử. Đại Bồ-tát thực hành như vậy sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thế nên, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát muốn chẳng theo lời người thì phải học Bát-nhã ba-la-mật, muốn thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, muốn ngồi đạo tràng, muốn chuyển pháp luân thì phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Đối với tất cả pháp Đại Bồ-tát muốn được tự tại thì phải học Bát-nhã ba-la-mật. Học Bát-nhã ba-la-mật này thì được tự tại đối với tất cả pháp.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đối với tất cả pháp, Bát-nhã ba-la-mật là lớn nhất. Như biển cả là rộng lớn nhất trong muôn dòng sông. Thế nên người muốn cầu Thanh văn, Bích-chi-phật và đạo Bồ-tát thì phải học Bát-nhã ba-la-mật cho đến Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bồ-đề! Như người bắn giỏi, tay cầm cung tên như ý thì chẳng sợ kẻ thù.

Cũng giống như vậy, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì ma và thiên ma chẳng phá hoại được.

Thế nên, Đại Bồ-tát muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật này được các Đức Phật ở mười phương che chở.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là các Đức Phật mười phương che chở Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật?

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật, thì các Đức Phật ở mười phương đều che chở, lúc thực hành Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật thì các Đức Phật mười phương đều che chở.

Che chở thế nào?

Bồ thí không thật có, trì giới cho đến Nhất thiết chủng trí đều không thật có.

Nếu Đại Bồ-tát chẳng chấp trước các pháp như vậy thì các Đức Phật đều che chở Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Các Đức Phật chẳng vì sắc, chẳng vì

thọ, tướng, hành, thức mà niệm, cho đến chẳng vì Nhất thiết chủng trí mà niệm.

– Bạch Đức Thế Tôn! Sở học của Đại Bồ-tát rất nhiều, thật ra không có sở học.

Vì sao? Vì sở học các pháp của Đại Bồ-tát đều không thật có.

– Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Sở học của Đại Bồ-tát rất nhiều, thật ra không có sở học.

– Bạch Đức Thế Tôn! Lời nói pháp hoặc lược, hoặc rộng của Đức Phật. Đối với các pháp đó, các Đại Bồ-tát muốn cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với sáu pháp Ba-la-mật hoặc lược, hoặc rộng phải thọ trì, đọc tụng, rồi suy gẫm chánh quán, vì tâm và tâm sở chẳng hiện hành.

– Này Tu-bồ-đề, đúng vậy! Đại Bồ-tát học sáu pháp Ba-la-mật hoặc lược, hoặc rộng thì phải biết tướng lược, tướng rộng của tất cả pháp.

– Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát biết tướng lược, rộng của tất cả pháp như thế nào?

– Này Tu-bồ-đề! Biết tướng Như của sắc, biết tướng Như của thọ, tướng, hành, thức, cho đến biết tướng Như của Nhất thiết chủng trí. Đó là biết được tướng lược và rộng của tất cả pháp.

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là tướng Như của sắc, thế nào là tướng Như của thọ, tướng, hành, thức, cho đến tướng Như của Nhất thiết chủng trí?

– Này Tu-bồ-đề! Như của sắc là: không sinh, không diệt, không trụ, không dị, đó gọi là tướng Như của sắc. Cho đến Như của Nhất thiết chủng trí là: không sinh, không diệt, không trụ, không dị, đó gọi là tướng Như của Nhất thiết chủng trí. Trong đây Đại Bồ-tát cần phải học.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc biết thật tế của các pháp, đó là biết tướng lược và rộng của tất cả pháp.

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là thật tế của các pháp?

– Này Tu-bồ-đề! Không thật tế gọi là thật tế. Bồ-tát học thật tế này thì biết tướng lược, rộng của tất cả pháp.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát biết pháp tánh của các pháp thì biết được tướng lược, rộng của tất cả pháp.

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là pháp tánh của các pháp?

– Này Tu-bồ-đề! Sắc tánh gọi là Pháp tánh.

Tánh đó không phải phần, không phải phi phần. Vì biết pháp tánh mà Bồ-tát biết tướng lược, rộng của tất cả pháp.

– Bạch Đức Thế Tôn! Lại phải thế nào thì biết tướng lược, rộng của tất cả pháp?

– Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát biết tất cả pháp chẳng hợp, chẳng tan.

– Bạch Đức Thế Tôn! Pháp nào chẳng hợp, chẳng tan?

– Này Tu-bồ-đề! Sắc chẳng hợp, chẳng tan. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng hợp, chẳng tan. Cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng hợp, chẳng tan. Tánh hữu vi, tánh vô vi chẳng hợp, chẳng tan.

Vì sao? Vì các pháp đó tự tánh không thì làm sao có hợp, có tan! Nếu các pháp là tự tánh không thì thuộc về phi pháp. Pháp và phi pháp chẳng hợp, chẳng tan. Phải biết tướng lược, rộng của tất cả pháp như vậy.

– Bạch Đức Thế Tôn! Đó gọi là lược nhiếp Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Bạch Đức Thế Tôn! Trong lược nhiếp Bát-nhã ba-la-mật này, các Bồ-tát mới phát tâm cần phải học, cho đến Đại Bồ-tát Địa thứ mười cũng phải học.

Đại Bồ-tát học lược nhiếp Bát-nhã ba-la-mật này thì biết tướng lược, rộng của tất cả pháp.

Bạch Đức Thế Tôn! Pháp môn này, các Đại Bồ-tát lợi căn có khả năng nhập được.

– Này Tu-bồ-đề! Các Bồ-tát độn căn cũng nhập được pháp môn này. Bậc Bồ-tát trung căn và Bồ-tát tán tâm cũng nhập được pháp môn này.

Pháp môn này không trở ngại.

Nếu Đại Bồ-tát nhất tâm học, đều nhập được pháp môn này.

Người biếng nhác ít tinh tấn, vọng nhớ nghĩ loạn tâm thì chẳng

nhập được. Người tinh tấn chẳng biếng nhác, ghi nhớ nhiếp tâm thì vào được.

Người muốn trụ ở địa vị không thoái chuyển, người muốn đến Nhất thiết chủng trí thì vào được.

Các Bồ-tát này phải học đúng như Bát-nhã ba-la-mật-đa nói, cho đến phải học đúng như Bồ thí ba-la-mật nói.

Đại Bồ-tát này sẽ được Nhất thiết chủng trí.

Đại Bồ-tát này thực hành Bát-nhã ba-la-mật, có bao nhiêu việc ma vừa phát sinh thì liền diệt mất.

Vì thế nên Đại Bồ-tát muốn có năng lực phương tiện thì phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Nếu Đại Bồ-tát thực hành, tập và tu Bát-nhã ba-la-mật như vậy thì được các Phật hiện tại trong vô lượng, vô số thế giới che chở.

Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật này sinh ra các Đức Phật quá khứ, các Đức Phật vị lai và các Đức Phật hiện tại.

Thế nên, Đại Bồ-tát phải nghĩ rằng pháp của các Đức Phật ba đời chứng được, tôi cũng sẽ được như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải tập Bát-nhã ba-la-mật. Nếu tập Bát-nhã ba-la-mật như vậy, thì mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Do đó nên Bồ-tát thường chẳng được xa lìa tâm Nhất thiết chủng trí.

Nếu Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy dù chỉ trong thời gian búng ngón tay cũng được phước đức rất nhiều.

Nếu có người giáo hóa chúng sinh trong cõi đại thiên bố thí không hạn chế, dạy họ trì giới, thiền định, trí tuệ, dạy họ được giải thoát, giải thoát tri kiến, dạy họ được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả Bích-chi-phật, vẫn chẳng bằng Bồ-tát này tu Bát-nhã ba-la-mật chỉ trong thời gian búng ngón tay.

Vì sao? Vì trong Bát-nhã ba-la-mật này sinh ra bố thí đến trí tuệ, sinh ra quả Tu-đà-hoàn đến quả Bích-chi-phật.

Các Đức Phật hiện tại ở khắp mười phương đều từ trong Bát-nhã ba-la-mật mà sinh ra.

Các Đức Phật quá khứ, các Đức Phật vị lai cũng đều từ trong Bát-nhã ba-la-mật mà sinh ra.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát dùng tâm của Nhất thiết chủng trí mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật, hoặc trong khoảng thời gian búng ngón tay, hoặc nửa ngày hay một ngày, một tháng, trăm ngày, một năm, hoặc trăm năm, một kiếp, trăm kiếp, cho đến vô lượng, vô biên, vô số kiếp. Bồ-tát đó tu Bát-nhã ba-la-mật này mà được phước đức rất nhiều, hơn là dạy chúng sinh trong hằng sa thế giới ở mười phương bố thí, trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả Bích-chi-phật.

Vì sao? Vì các Đức Phật sinh ra từ Bát-nhã ba-la-mật giảng nói bố thí cho đến giải thoát tri kiến, giảng nói quả Tu-đà-hoàn cho đến quả Bích-chi-phật.

Nếu có Đại Bồ-tát an trụ đúng như Bát-nhã ba-la-mật nói, phải biết đó là vị Bồ-tát không thoái chuyển được các Đức Phật che chở.

Năng lực phương tiện như vậy thành tựu, phải biết Bồ-tát đó gần gũi cúng dường vô lượng ngàn muôn ức các Đức Phật, gieo trồng căn lành, theo sát các bậc Thiện tri thức, từ lâu đã thực hành sáu pháp Ba-la-mật, từ lâu đã tu mười tám không, bốn Niệm xứ đến tám Thánh đạo, mười Trí lực cho đến Nhất thiết chủng trí. Phải biết Đại Bồ-tát đó trụ ở địa vị Pháp vương tử, đầy đủ các hạnh nguyện, thường chẳng lìa các Đức Phật, chẳng lìa căn lành, từ một cõi Phật đến một cõi Phật. Phải biết Bồ-tát đó biện tài vô tận, đầy đủ Đà-la-ni, thân sắc đầy đủ, thọ ký đầy đủ, vì chúng sinh mà thọ thân. Phải biết Bồ-tát đó giỏi về văn tự, khéo biết chẳng phải văn tự. Khéo nói, khéo chẳng nói. Khéo nói một lời, hai lời và nhiều lời. Khéo biết tiếng nữ, tiếng nam. Khéo biết sắc cho đến thức. Khéo biết tánh thế gian, tánh Niết-bàn. Khéo biết các pháp tướng. Khéo biết tướng hữu vi, tướng vô vi, khéo biết pháp hữu, pháp vô. Khéo biết tự tánh, tha tánh. Khéo biết pháp hợp, pháp tan. Khéo biết pháp tương ứng, pháp chẳng tương ứng. Khéo biết Như và chẳng như. Khéo biết pháp tánh, pháp vị. Khéo biết duyên và không duyên. Khéo biết ấm, nhập và giới. Khéo biết bốn đế, khéo biết mười hai nhân duyên. Khéo biết

bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng và bốn Định vô sắc. Khéo biết sáu pháp Ba-la-mật, bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết chủng trí. Khéo biết tánh hữu vi, tánh vô vi. Khéo biết tánh có, tánh không. Khéo biết quán sắc, quán thọ, tưởng, hành, thức, cho đến quán Nhất thiết chủng trí. Khéo biết sắc tướng không của sắc, cho đến Bồ-đề tướng không của Bồ-đề. Khéo biết xả đạo và chẳng xả đạo. Khéo biết sinh và diệt. Khéo biết trụ và dị. Khéo biết dục, sân, si. Khéo biết chẳng dục, chẳng sân, chẳng si. Khéo biết kiến và bất kiến. Khéo biết tà kiến và chánh kiến. Khéo biết tất cả kiến. Khéo biết danh, khéo biết sắc, khéo biết danh sắc, khéo biết nhân duyên, thứ đệ duyên, duyên duyên, tăng thượng duyên. Khéo biết hành tướng, khéo biết khổ, khéo biết tập, khéo biết diệt, khéo biết đạo. Khéo biết địa ngục và đường đến địa ngục, khéo biết ngạ quỷ và đường đến ngạ quỷ, khéo biết súc sinh và đường đến súc sinh. Khéo biết người và đường đến cõi người, khéo biết trời và đường đến cõi trời. Khéo biết Tu-đà-hoàn, quả Tu-đà-hoàn và đạo Tu-đà-hoàn. Khéo biết Tư-đà-hàm, quả Tư-đà-hàm và đạo Tư-đà-hàm. Khéo biết A-na-hàm, quả A-na-hàm và đạo A-na-hàm. Khéo biết A-la-hán, quả A-la-hán và đạo A-la-hán. Khéo biết Bích-chi-phật, khéo biết Phật, Nhất thiết chủng trí và đạo của Nhất thiết chủng trí. Khéo biết các căn và đầy đủ các căn. Khéo biết tuệ, tuệ nhanh chóng, tuệ có năng lực, tuệ bén nhạy, tuệ xuất ly, tuệ thông đạt, tuệ rộng khắp, tuệ sâu xa, tuệ rộng lớn, tuệ không gì bằng, tuệ chân thật. Khéo biết đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại. Khéo biết phương tiện, khéo biết thuận chúng sinh. Khéo biết tâm, thâm tâm. Khéo biết nghĩa, khéo biết ngữ, khéo biết phải biết ba thừa.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, sinh Bát-nhã ba-la-mật, tu Bát-nhã ba-la-mật được những lợi ích như vậy.

M

Phẩm 70: BA TUỆ

Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thế nào? Sinh ra Bát-nhã ba-la-mật thế nào? Tu Bát-nhã ba-la-mật thế nào?

Phật dạy:

– Này Tu-bồ-đề! Vì sắc vắng lặng, vì sắc không, vì sắc luống dối, vì sắc chẳng bền chắc nên phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy.

Như lời ông hỏi, sinh Bát-nhã ba-la-mật như thế nào? Vì như hư không sinh, nên sinh Bát-nhã ba-la-mật.

Như lời ông hỏi, tu Bát-nhã ba-la-mật như thế nào? Vì tu các pháp phá hoại, nên tu Bát-nhã ba-la-mật.

– Bạch Đức Thế Tôn! Thực hành Bát-nhã ba-la-mật, sinh ra Bát-nhã ba-la-mật, tu tập Bát-nhã ba-la-mật phải có bao nhiêu thời gian?

– Này Tu-bồ-đề! Từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng nên thực hành, nên sinh ra, nên tu tập Bát-nhã ba-la-mật.

– Bạch Đức Thế Tôn! Tâm niệm nào nên thực hành Bát-nhã ba-la-mật?

– Này Tu-bồ-đề! Thường chẳng lìa bỏ tâm của Nhất thiết chủng trí, chẳng cho tâm niệm khác xen vào, đó là thực hành Bát-nhã ba-la-mật, là sinh ra Bát-nhã ba-la-mật, là tu tập Bát-nhã ba-la-mật. Nếu tâm và tâm sở chẳng hiện hành, đó là thực hành, là sinh ra, là tu tập Bát-nhã ba-la-mật.

– Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát tu Bát-nhã ba-la-mật có được Nhất thiết chủng trí chăng?

– Này Tu-bồ-đề, không!

– Bạch Đức Thế Tôn! Chẳng tu Bát-nhã ba-la-mật có được Nhất thiết chủng trí hay chăng?

– Này Tu-bồ-đề, không!

– Bạch Đức Thế Tôn! Có vừa tu vừa chẳng tu mà được Nhất thiết chủng trí chăng?

– Này Tu-bồ-đề, không!

– Bạch Đức Thế Tôn! Chẳng phải tu, chẳng phải chẳng tu mà được Nhất thiết chủng trí chăng?

– Này Tu-bồ-đề, không!

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu không như vậy thì làm thế nào để được Nhất thiết chủng trí?

– Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát được Nhất thiết chủng trí như tướng như.

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là như tướng như?

– Này Tu-bồ-đề, như thật tế!

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là như thật tế?

– Này Tu-bồ-đề, như pháp tánh!

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là như pháp tánh?

– Này Tu-bồ-đề! Như tánh của ngã, tánh chúng sinh, tánh thọ mạng.

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là tánh ngã, tánh chúng sinh, tánh thọ mạng?

– Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Pháp, ngã, chúng sinh, thọ mạng có thật có chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn, chẳng thật có!

– Này Tu-bồ-đề! Nếu ngã, chúng sinh, thọ mạng chẳng thật có thì sao lại nói là có tánh ngã, tánh chúng sinh, tánh thọ mạng.

Nếu trong Bát-nhã ba-la-mật chẳng nói tất cả pháp thì sẽ được Nhất thiết chủng trí.

– Bạch Đức Thế Tôn! Chỉ có Bát-nhã ba-la-mật là chẳng thể nói, còn Thiên ba-la-mật cho đến Bố thí ba-la-mật có phải cũng chẳng thể nói hay chăng?

– Này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật chẳng thể nói, Bố thí ba-la-mật cho đến tất cả pháp hoặc hữu vi, vô vi, hoặc pháp Thanh văn, pháp Bích-chi-phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật cũng đều chẳng thể nói.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp chẳng thể nói, sao lại nói là địa ngục, là nạ quý, là súc sinh, là người, là trời, là Tu-đà-hoàn, là Tư-đà-hàm, là A-na-hàm, là A-la-hán, là Bích-chi-phật, là Bồ-tát, là các Đức Phật?

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Tên gọi của chúng sinh thật có chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không thật có!

–Này Tu-bồ-đề! Nếu chúng sinh đã không thật có thì làm sao lại nói là có địa ngục cho đến các Đức Phật?

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật phải nên học tất cả pháp không thể nói.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật phải học sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cho đến phải học Nhất thiết chủng trí.

–Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát phải học sắc chẳng thêm, chẳng bớt, cho đến phải học Nhất thiết chủng trí chẳng thêm, chẳng bớt.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là học sắc chẳng thêm, chẳng bớt cho đến thế nào là học Nhất thiết chủng trí chẳng thêm, chẳng bớt?

–Này Tu-bồ-đề! Vì bất sinh, bất diệt nên học.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là học bất sinh, bất diệt?

–Này Tu-bồ-đề! Vì chẳng khởi, chẳng tác các hành nghiệp, hoặc có hoặc không.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là chẳng khởi, chẳng tác các hành nghiệp hoặc có hoặc không?

–Này Tu-bồ-đề! Vì quán các pháp tự tánh không.

–Bạch Đức Thế Tôn! Phải quán các pháp tự tánh không như thế nào?

–Này Tu-bồ-đề! Phải quán sắc, tướng sắc là không. Phải quán thọ, tưởng, hành, thức, tướng của thọ, tưởng, hành, thức là không. Phải quán nhãn, tướng nhãn là không. Cho đến phải quán ý thức giới, tướng của ý thức giới là không. Phải quán nội không, tướng của

nội không là không. Cho đến phải quán vô pháp hữu pháp không, tướng của vô pháp hữu pháp không là không. Phải quán bốn Thiền, tướng của bốn Thiền là không. Cho đến phải quán định diệt thọ tướng, tướng của định diệt thọ tướng là không. Phải quán bốn Niệm xứ, tướng của bốn Niệm xứ là không. Cho đến phải quán Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tướng của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là không.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát phải quán tự tướng các pháp là không.

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu sắc, tướng sắc là không, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tướng của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là không, thì Đại Bồ-tát sao lại phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật?

– Này Tu-bồ-đề! Chẳng hành, đó gọi là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào chẳng hành mà gọi là thực hành Bát-nhã ba-la-mật?

– Này Tu-bồ-đề! Vì Bát-nhã ba-la-mật là không thật có, nên Bồ-tát không thật có, hành cũng không thật có, vì người hành, pháp hành, chỗ hành đều không thật có. Đó gọi là Đại Bồ-tát hành, chẳng thực hành Bát-nhã ba-la-mật, vì tất cả các hý luận đều không thật có.

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu chẳng thực hành là Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, thì Bồ-tát mới phát tâm thực hành Bát-nhã ba-la-mật là thế nào?

– Này Tu-bồ-đề! Từ lúc mới phát tâm đến nay, Bồ-tát phải học pháp không thật có.

Vì Bồ-tát này dùng pháp không có sở đắc mà bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cho đến dùng pháp không có sở đắc để tu Nhất thiết chủng trí.

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào gọi là có sở đắc? Thế nào gọi là không sở đắc?

– Này Tu-bồ-đề! Các pháp có hai là có sở đắc, không có hai là không có sở đắc.

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là có hai là có sở đắc? Thế nào là không hai là không có sở đắc?

– Này Tu-bồ-đề! Nhãn và sắc là hai, ý và pháp là hai, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và Phật là hai. Đó gọi là hai.

– Bạch Đức Thế Tôn! Từ có sở đắc mà không có sở đắc, hay từ không sở đắc mà không có sở đắc?

– Này Tu-bồ-đề! Chẳng từ có sở đắc mà không có sở đắc, cũng chẳng từ không có sở đắc mà không có sở đắc.

Này Tu-bồ-đề! Có sở đắc và không sở đắc bình đẳng, ở đây gọi là không sở đắc.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đối với pháp có sở đắc và không sở đắc cần phải học bình đẳng.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật như vậy thì gọi là người có sở đắc, người không lầm lỗi.

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật mà chẳng thực hành có sở đắc, chẳng thực hành không có sở đắc thì làm sao từ một bậc lên một bậc để đến được Nhất thiết chủng trí?

– Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng từ có sở đắc để từ một bậc lên một bậc.

Vì sao? Vì từ có sở đắc thì không thể từ một bậc lên được một bậc. Vì sao? Này Tu-bồ-đề, không sở đắc là tướng của Bát-nhã ba-la-mật, không sở đắc cũng là tướng của người thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Đại Bồ-tát phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy.

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Bát-nhã ba-la-mật không thật có, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không thật có, người thực hành Bát-nhã ba-la-mật không thật có, thì làm sao các Đại Bồ-tát phân biệt các pháp tướng: là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức, cho đến là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

– Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng thấy có sắc, cho đến chẳng thấy có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng thấy có sắc, cho đến chẳng thấy có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, làm sao đầy đủ được sáu pháp Ba-la-mật vào địa vị Bồ-tát. Vào xong, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh được Nhất thiết chủng trí. Được Nhất thiết chủng trí xong, chuyển pháp luân làm Phật sự, độ chúng sinh thoát khỏi sinh tử.

– Nay Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát chẳng vì sắc mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật, cho đến chẳng vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

– Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát vì việc gì mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật?

– Nay Tu-bồ-đề! Vì không có sở hành mà Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Vì sao? Vì tất cả pháp không có sở hành, không có sở tác, Bát-nhã ba-la-mật cũng không có sở hành, không có sở tác, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng không có sở hành, không có sở tác, Đại Bồ-tát cũng không có sở hành, không có sở tác.

Như vậy, nay Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật không có sở hành, không có sở tác.

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các pháp không có sở hành, không có sở tác thì chẳng nên phân biệt có ba thừa: thừa Thanh văn, thừa Bích-chi-phật và Phật thừa.

– Nay Tu-bồ-đề! Đối với các pháp không có sở hành, không có sở tác thì không có phân biệt. Đối với có sở hành, có sở tác thì có phân biệt.

Vì sao? Vì phạm phu ngu nhân chẳng nghe Thánh pháp, chấp đắm năm ấm: sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Họ chấp đắm Bồ thí ba-la-mật cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Kẻ ngu này quan niệm có sắc và được sắc đó, cho đến có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát nghĩ rằng: “Ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta sẽ độ chúng sinh thoát khỏi sinh tử.”

Nay Tu-bồ-đề! Ta dùng năm loại mắt quan sát còn chẳng thấy có sắc cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hướng chỉ là kẻ

ngu không có mắt mà muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác độ chúng sinh thoát khỏi sinh tử.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đức Phật dùng năm loại mắt quan sát chẳng thấy kẻ được độ trong các chúng sinh bị sinh tử, vì sao ngày nay Đức Thế Tôn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phân biệt chúng sinh có ba nhóm: chánh định, tà định và bất định.

–Này Tu-bồ-đề! Ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vốn chẳng thấy có chúng sinh ba nhóm: chánh định, tà định, bất định.

Này Tu-bồ-đề! Vì chúng sinh đối với không pháp mà tưởng có pháp, để dứt trừ sự luống dối chấp đấm pháp thế tục của họ nên ta nói có được, chứ chẳng phải là Đệ nhất nghĩa.

–Bạch Đức Thế Tôn! Chẳng phải đối với Đệ nhất nghĩa mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác phải không?

–Này Tu-bồ-đề, không!

–Bạch Đức Thế Tôn! Đối với điên đảo mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác phải không?

–Này Tu-bồ-đề, không!

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu chẳng đối với Đệ nhất nghĩa mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì cũng chẳng từ điên đảo được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác; phải chẳng là không có Thế Tôn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

–Này Tu-bồ-đề, không phải như vậy! Ta thật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không trụ vào tướng hữu vi, vào tướng vô vi.

Này Tu-bồ-đề! Như hóa nhân do Phật biến hóa ra đó, chẳng trụ vào tướng hữu vi, vô vi, mà hóa nhân cũng có đến, đi, ngồi, đứng.

Này Tu-bồ-đề! Hóa nhân đó hoặc hành sáu pháp Ba-la-mật, thực hành bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, thực hành định vô sắc, năm thứ thần thông, thực hành bốn Niệm xứ đến tám Thánh đạo, nhập Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô tác, thực hành nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không, hành tám Bội xả, chín Định thứ đệ, thực hành mười Trí lực, bốn Vô úy, bốn Vô ngại,

đại Từ, đại Bi, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chuyển pháp luân. Hóa nhân đó biến hóa vô lượng chúng sinh có ba nhóm.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Hóa nhân đó có thực hành Bồ thí ba-la-mật cho đến có ba nhóm chúng sinh chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn, không!

– Này Tu-bồ-đề! Đức Phật cũng giống như vậy. Đức Phật biết các pháp như hóa. Như hóa nhân hóa độ chúng sinh. Không có chúng sinh thật để độ.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, thực hành như hóa nhân thực hành như vậy.

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp đều như hóa, thì Phật và hóa nhân có gì khác nhau?

– Này Tu-bồ-đề! Phật và hóa nhân không khác. Vì sao? Vì Phật làm được việc, hóa nhân cũng làm được sự việc.

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu không Phật, chỉ có hóa nhân thì làm được việc chăng?

– Này Tu-bồ-đề! Chỉ có hóa nhân thì cũng làm được việc.

– Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao không có Phật mà hóa nhân vẫn làm được việc?

– Này Tu-bồ-đề! Như thuở quá khứ có Đức Phật hiệu là Tu-phiến-đa, vì muốn độ các Bồ-tát mà hiện ra hóa Phật, rồi tự diệt độ. Hóa Phật đó trụ thế nửa kiếp làm Phật sự, thọ ký cho các Bồ-tát xong rồi diệt độ. Tất cả chúng sinh thế gian đều cho là Phật thật diệt độ. Nhưng này Tu-bồ-đề, Hóa nhân thật không sinh, không diệt.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, phải tin và biết rằng tất cả pháp như huyễn hóa.

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đức Phật và hóa nhân do Đức Phật biến hóa ra đó không khác nhau, thì làm sao khiến người bố thí thanh tịnh?

Như có người cúng dường Đức Phật, người này cho đến lúc nhập Niết-bàn Vô dư được phước đức chẳng cùng tận.

Nếu có người cúng dường hóa Phật, có được phước đức chẳng cùng tận như vậy chăng?

–Này Tu-bồ-đề! Đức Phật dùng thật tướng các pháp mà làm ruộng phước cho trời, người và tất cả chúng sinh. Hóa Phật cũng dùng thật tướng các pháp mà làm ruộng phước cho trời, người và tất cả chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Gác việc hóa Phật và gieo phước đức vào chỗ hóa Phật đó lại, nếu có thiện nam, thiện nữ nào thành tâm cung kính niệm Phật. Nhân duyên gốc lành này mãi đến giải thoát, phước đức của thiện nam, thiện nữ ấy vẫn chẳng cùng tận.

Gác sự thành tâm cung kính niệm Phật đó lại, nếu có thiện nam, thiện nữ nào rải một bông hoa trên hư không mà niệm Phật, người này mãi đến lúc giải thoát, phước đức đó chẳng cùng tận.

Gác sự thành tâm cung kính niệm Phật và rải hoa niệm Phật đó lại, nếu có người chỉ một lần xưng Nam-mô Phật, người này mãi đến lúc giải thoát, phước đức ấy vẫn chẳng cùng tận.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Gieo gốc lành trong ruộng phước Phật, được phước vô lượng. Vì thế nên biết rằng Đức Phật và hóa Phật không khác nhau. Vì pháp tướng của các pháp không khác.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nhập vào thật tướng các pháp như vậy. Thật tướng các pháp đó chẳng hư hoại, đó gọi là tướng Bát-nhã ba-la-mật, cho đến là tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng hư hoại.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu thật tướng các pháp chẳng hư hoại, vì sao Đức Phật lại hoại các pháp tướng, mà dạy rằng đây là sắc, là thọ, tướng, hành và thức, là nội pháp, là ngoại pháp, là pháp thiện, là pháp bất thiện, là hữu lậu, là vô lậu, là thế gian, là xuất thế gian, là pháp hữu tránh, là pháp vô tránh, là pháp hữu vi, là pháp vô vi... vậy Đức Thế Tôn không hoại tướng các pháp hay chăng?

–Này Tu-bồ-đề, không! Vì dùng tướng danh tự để chỉ bày các pháp muốn cho chúng sinh được hiểu nên Đức Phật chẳng hoại pháp tướng các pháp.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu vì dùng tướng danh tự để chúng sinh được hiểu mà nói các pháp, nếu các pháp không danh, không tướng thì làm sao dùng danh tướng hiển bày mà muốn cho chúng sinh được hiểu?

–Này Tu-bồ-đề! Theo pháp thế tục có danh tướng chớ thật ra thì không có chỗ chấp đắm.

Này Tu-bồ-đề! Như người phàm phu nghe nói khổ liền chấp lấy danh tướng. Còn các Đức Phật và các thánh đệ tử thì chẳng chấp lấy danh tướng. Này Tu-bồ-đề! Nếu danh chấp danh, tướng chấp tướng thì lẽ ra hư không cũng chấp hư không, vô tướng cũng chấp vô tướng, vô tác cũng chấp vô tác, thật tế cũng chấp thật tế, pháp tánh cũng chấp pháp tánh, tánh vô vi cũng chấp tánh vô vi.

Này Tu-bồ-đề! Tất cả pháp đó chỉ có danh tướng, pháp đó chẳng thuộc về danh tướng.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát ở trong danh tướng phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật, đối với danh tướng đó cũng chẳng nên chấp.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp hữu vi chỉ có danh tướng, thì Đại Bồ-tát vì ai mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chịu nhiều sự khổ nhọc? Lúc Bồ-tát hành đạo, Bồ-tát bố thí, trì giới, nhẫn nhục, siêng tinh tấn, nhập thiền định, tu trí tuệ, hành bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo, hành không, vô tướng, vô tác, thực hành mười Trí lực cho đến đại Từ, đại Bi?

–Này Tu-bồ-đề! Như lời Tu-bồ-đề vừa nói, nếu tất cả pháp hữu vi chỉ có danh tướng thì Đại Bồ-tát vì ai mà thực hành đạo Bồ-tát?

Này Tu-bồ-đề! Nếu pháp hữu vi chỉ có danh tướng, đồng với danh tướng đó, danh tướng cũng không. Vì thế nên Đại Bồ-tát hành đạo Bồ-tát được Nhất thiết chủng trí, chuyển pháp luân, dùng pháp ba thừa độ thoát chúng sinh.

Danh tướng đó không sinh, không diệt, không trụ, không dị.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đức Thế Tôn nói Nhất thiết chủng trí phải không?

–Này Tu-bồ-đề! Ta nói Nhất thiết chủng trí.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đức Phật nói Nhất thiết trí, nói Đạo chủng trí, nói Nhất thiết chủng trí. Ba trí đó khác nhau thế nào?

–Này Tu-bồ-đề! Nhất thiết trí là trí của tất cả Thanh văn và Bích-chi-phật, Đạo chủng trí là trí của Đại Bồ-tát, Nhất thiết chủng trí là trí của các Đức Phật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao mà Nhất thiết trí là trí của Thanh văn và Bích-chi-phật?

–Này Tu-bồ-đề! Danh từ nhất thiết là nói pháp nội, pháp ngoại, là pháp mà hàng Thanh văn, Bích-chi-phật biết được, chẳng thể dùng nhất thiết để nói Nhất thiết chủng trí.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao Đạo chủng trí là trí của các Đại Bồ-tát?

–Này Tu-bồ-đề! Đối với nhất thiết đạo, hoặc đạo Thanh văn, đạo Bích-chi-phật, đạo Bồ-tát Bồ-tát, Đại Bồ-tát phải biết đầy đủ. Cũng phải dùng đạo này để độ chúng sinh, cũng chẳng làm thật tế để chứng.

–Bạch Đức Thế Tôn! Như lời Đức Phật dạy: Đại Bồ-tát phải đầy đủ các đạo mà chẳng nên lấy đạo này làm thật tế để chứng. Vì sao?

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát này chưa thanh tịnh cõi Phật, chưa thành tựu chúng sinh, lúc này chẳng nên chứng lấy thật tế.

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát trụ trong đạo chứng thật tế chẳng?

–Này Tu-bồ-đề, không!

–Bạch Đức Thế Tôn! Trụ trong phi đạo có chứng thật tế chẳng?

–Này Tu-bồ-đề, không!

–Bạch Đức Thế Tôn! Trụ trong đạo và phi đạo có chứng thật tế chẳng?

–Này Tu-bồ-đề, không!

–Bạch Đức Thế Tôn! Trụ trong chẳng phải đạo, chẳng phải phi đạo có chứng thật tế chẳng?

–Này Tu-bồ-đề, không!

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát trụ chỗ nào thì chứng thật tế?

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Người trụ trong đạo, vì chẳng thọ các pháp nên lậu tận, tâm có được giải thoát phải chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Người trụ phi đạo mà lậu tận, tâm có được giải thoát chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Người trụ trong đạo và phi đạo mà lậu tận tâm có giải thoát chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Người trụ trong chẳng phải đạo chẳng phải phi đạo mà lậu tận tâm có giải thoát chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Con không có chỗ trụ, chẳng thọ các pháp, lậu tận, tâm được giải thoát.

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát cũng giống như vậy, không chỗ trụ chứng thật tế.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là tướng của Nhất thiết chủng trí?

–Này Tu-bồ-đề! Vì tướng duy nhất mà gọi là Nhất thiết chủng trí, đó là tướng tất cả pháp vắng lặng.

Lại những hành loại, tướng mạo, danh tự thể hiện lời nói, Đức Phật đều biết đúng như thật, thế nên gọi là Nhất thiết chủng trí.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nhất thiết trí, Đạo chủng trí và Nhất thiết chủng trí, ba trí đó về đoạn kết sử có khác nhau, có hết hẳn và có thừa không?

–Này Tu-bồ-đề! Phiền não dứt không khác nhau. Tập khí phiền não, các Phật đều dứt hẳn tất cả, Thanh văn và Bích-chi-phật chẳng dứt hết hẳn.

–Bạch Đức Thế Tôn! Những người đó chẳng được pháp vô vi có dứt được phiền não chăng?

–Này Tu-bồ-đề, không!

–Bạch Đức Thế Tôn! Trong pháp vô vi có được khác nhau chăng?

–Này Tu-bồ-đề, không!

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu trong pháp vô vi không thể khác nhau được, vì sao nói người này phiền não tập khí dứt hẳn, người này chẳng dứt hẳn?

–Này Tu-bồ-đề! Tập khí chẳng phải phiền não. Hàng Thanh

văn, Bích-chi-phật, thân và miệng có những tướng dạng tướng tự dâm dục, sân hận và ngu si mà kẻ phàm phu vì đó mắc phải tội, đó là tập khí của ba độc. Chư Phật không có như vậy.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu đạo không pháp, Niết-bàn cũng không có pháp, tại sao lại phân biệt nói là Tu-đà-hoàn, là Tư-đà-hàm, là A-na-hàm, là A-la-hán, là Bích-chi-phật, là Bồ-tát, là Phật?

–Này Tu-bồ-đề! Đó đều do pháp vô vi mà có phân biệt khác nhau như vậy.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thật do pháp vô vi mà phân biệt có Tu-đà-hoàn cho đến Phật chăng?

–Này Tu-bồ-đề! Do lời nói của thế gian mà có khác nhau như vậy, chớ chẳng phải Đệ nhất nghĩa. Trong Đệ nhất nghĩa không có phân biệt lời nói. Vì sao? Vì trong Đệ nhất nghĩa không có lời nói. Vì kết sử đoạn dứt mà nói giai đoạn sau.

–Bạch Đức Thế Tôn! Trong các pháp tự tướng là không, đoạn trước còn không thật có, hướng chi là nói có giai đoạn sau.

–Này Tu-bồ-đề, đúng như vậy! Trong tự tướng không của các pháp, giai đoạn trước còn chẳng có, hướng chi là có giai đoạn sau.

Này Tu-bồ-đề! Vì chúng sinh chẳng biết tự tướng không của các pháp nên nói là giai đoạn trước, nói là giai đoạn sau. Trong tự tướng không của các pháp thì đoạn trước, đoạn sau đều không thật có.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải đối với tự tướng không của các pháp mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Nếu Đại Bồ-tát thực hành pháp tự tướng không, thì không có chỗ chấp, hoặc nội pháp hoặc ngoại pháp, hoặc pháp hữu vi, hoặc pháp vô vi, hoặc pháp Thanh văn, pháp Bích-chi-phật, hoặc pháp Phật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thường nói Bát-nhã ba-la-mật, do nghĩa gì mà Bát-nhã ba-la-mật gọi là Bát-nhã ba-la-mật?

–Này Tu-bồ-đề! Được Đệ nhất nghĩa vượt qua tất cả pháp đến bờ kia, do nghĩa trên đây mà gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Chư Phật, Bồ-tát, Bích-chi-phật và A-

la-hán dùng Bát-nhã ba-la-mật này để đến bờ kia, do nghĩa này mà gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Phân biệt, tính lường, phá hoại tất cả pháp cho đến bụi nhơ, trong đó chẳng có sự bền chắc, do nghĩa này mà gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Các pháp như, pháp tánh và thật tế đều vào trong Bát-nhã ba-la-mật, do nghĩa này mà gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật này không có pháp hoặc hợp hoặc tan, hoặc có sắc hoặc không sắc, hoặc thấy được hoặc chẳng thấy được, hoặc có đối hoặc không đối, hoặc hữu lậu hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật này không sắc, không hình, không đối, một tướng duy nhất, đó là vô tướng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật này sinh tất cả pháp, tất cả biện tài, tất cả sáng tỏ.

Này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật này, tất cả ma hoặc thiên ma, hoặc người cầu Thanh văn, Bích-chi-phật, cùng các ngoại đạo, Phạm chí, kẻ thù, người ác chẳng thể phá hoại được Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Vì sao? Vì những hạng người đó, đối với Bát-nhã ba-la-mật đều không thật có.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải thực hành đúng nghĩa Bát-nhã ba-la-mật như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát muốn thực hành nghĩa Bát-nhã ba-la-mật, phải thực hành nghĩa vô thường, nghĩa khổ, nghĩa không, nghĩa vô ngã. Cũng phải thực hành nghĩa khổ trí, nghĩa tập trí, nghĩa diệt trí, nghĩa đạo trí, nghĩa pháp trí, nghĩa tỷ trí, nghĩa thế trí, nghĩa tha tâm trí, nghĩa tận trí, nghĩa không sinh trí, nghĩa như thật trí.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát vì nghĩa Bát-nhã ba-la-mật mà phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đối với Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này, nghĩa và phi nghĩa đều không nắm bắt được, tại sao Đại Bồ-tát lại

vì nghĩa Bát-nhã ba-la-mật sâu xa mà phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật?

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát vì nghĩa Bát-nhã ba-la-mật sâu xa nên nghĩ: Tham dục là phi nghĩa, nghĩa như vậy chẳng nên thực hành, sân hận và ngu si là phi nghĩa, nghĩa như vậy chẳng nên hành, tất cả tà kiến là phi nghĩa, nghĩa như vậy chẳng nên thực hành. Vì sao? Vì tướng như của ba độc không có nghĩa, không có phi nghĩa, tướng Như của tất cả tà kiến không có nghĩa, không có phi nghĩa.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải nghĩ: “Sắc chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa, cho đến thức chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa, Bồ thí ba-la-mật cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa.” Vì sao?

Này Tu-bồ-đề! Lúc Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không có pháp để được, hoặc nghĩa hoặc phi nghĩa.

Này Tu-bồ-đề! Có Phật hay không Phật, các pháp, pháp tướng thường trụ không có nghĩa, không có phi nghĩa.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật phải lìa nghĩa và phi nghĩa.

–Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao Bát-nhã ba-la-mật chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa?

–Này Tu-bồ-đề! Tất cả pháp hữu vi không tướng vô tác, vì lẽ đó mà Bát-nhã ba-la-mật chẳng phải nghĩa, chẳng phải phi nghĩa.

–Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả Thánh hiền như Phật và đệ tử Phật đều lấy vô vi làm nghĩa, tại sao Đức Phật nói Bát-nhã ba-la-mật không có nghĩa và phi nghĩa?

–Này Tu-bồ-đề! Dầu tất cả Thánh hiền đều lấy vô vi làm nghĩa, cũng chẳng phải vì thế mà vô vi thêm, cũng chẳng vì thế mà bớt.

–Này Tu-bồ-đề! Ví như hư không như, chẳng làm lợi ích cho chúng sinh, cũng chẳng làm tổn hại chúng sinh. Cũng vậy, Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát cũng không thêm, không bớt.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát chẳng học vô vi Bát-nhã ba-la-mật có được Nhất thiết chủng trí chăng?

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát học vô vi Bát-nhã ba-la-mật này

sẽ được Nhất thiết chủng trí, vì chẳng có hai pháp.

– Bạch Đức Thế Tôn! Pháp chẳng hai có thể được pháp chẳng hai chẳng?

– Này Tu-bồ-đề, không!

– Bạch Đức Thế Tôn! Hai pháp có thể được pháp chẳng hai chẳng?

– Này Tu-bồ-đề, không!

– Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát không lấy hai pháp, không lấy chẳng hai pháp thì làm sao được Nhất thiết chủng trí?

– Này Tu-bồ-đề! Không sở đắc tức là đắc, bởi đắc này là không sở đắc.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 22

Phẩm 71: CÂY CHÁNH ĐẠO

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật này rất sâu xa. Các Đại Bồ-tát chẳng thấy có chúng sinh mà vì chúng sinh cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đây là việc rất khó. Như người muốn trồng cây giữa hư không thì rất khó.

Bạch Đức Thế Tôn! Cũng giống như vậy, Đại Bồ-tát vì chúng sinh mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chúng sinh cũng không thật có.

Phật dạy:

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Việc làm của các Đại Bồ-tát rất khó: vì chúng sinh mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cứu độ chúng sinh điên đảo chấp ngã, ngã sở.

Này Tu-bồ-đề! Như người trồng cây chẳng biết gốc, thân, cành, lá, bông, trái mà yêu quý vun bón xới tưới. Cây ấy lớn dần, hoa, lá, trái hạt đều thành tựu nên được thọ hưởng.

Cũng giống như vậy, các Đại Bồ-tát vì chúng sinh cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dần dần thực hành sáu pháp Ba-la-mật, được Nhất thiết chủng trí, thành tựu cây giác ngộ, đem hoa, trái, lá hạt làm lợi ích chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là lá cây làm lợi ích chúng sinh?

Chúng sinh nhờ Đại Bồ-tát mà được lìa khỏi ba đường ác, đó là lá lợi ích.

Thế nào là hoa lợi ích chúng sinh?

Nhờ Đại Bồ-tát mà chúng sinh được sinh làm người dòng họ

giàu sang, được sinh lên tầng trời Tứ Thiên, cho đến tầng trời Phi phi tướng, đó là hoa lợi ích.

Thế nào là quả lợi ích chúng sinh?

Đại Bồ-tát đó được Nhất thiết chủng trí làm cho chúng sinh được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả Phật, chúng sinh này dần dần dùng pháp ba thừa nhập vào Đại Niết-bàn Vô dư y, đó là quả lợi ích chúng sinh.

Đại Bồ-tát đó chẳng thấy thật có chúng sinh để độ mà độ chúng sinh, khiến lìa chấp ngã điên đảo. Đại Bồ-tát nghĩ: “Trong tất cả các pháp không có chúng sinh, ta vì chúng sinh mà cầu Nhất thiết chủng trí, chúng sinh đó không thật có.”

–Bạch Đức Thế Tôn! Phải biết rằng Bồ-tát đó giống như Phật.

Vì sao? Vì nhờ Bồ-tát đó mà dứt tất cả hạt giống địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, dứt tất cả mầm giống các nạn, nghèo cùng thấp kém, dứt tất cả hạt giống cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc.

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Phải biết rằng Bồ-tát đó giống như Phật.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát chẳng phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì thế gian không có các Đức Phật quá khứ, vị lai, hiện tại, thế gian cũng không có Bích-chi-phật, A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn. Cũng không lúc nào chấm dứt ba đường ác và ba cõi.

Này Tu-bồ-đề! Đúng như lời ông nói, Đại Bồ-tát đó giống như Phật.

Vì sao? Vì Như mà gọi là Như Lai. Vì Như mà gọi là Bích-chi-phật, A-la-hán và tất cả Hiền thánh. Vì Như mà gọi là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Vì Như mà gọi là tất cả pháp, cho đến tánh hữu vi, tánh vô vi. Các Như đó đều như thật, không khác nhau, vì thế mà gọi là Như.

Các Đại Bồ-tát học Như đó được Nhất thiết chủng trí, được gọi là Như Lai.

Do nhân duyên đó, do hành tướng đó mà nói rằng phải biết Đại Bồ-tát giống như Phật. Vì là tướng Như.

Này Tu-bồ-đề! Thế nên Đại Bồ-tát phải học Như Bát-nhã ba-la-mật.

Bồ-tát học Như Bát-nhã ba-la-mật thì sẽ học được tất cả pháp Như. Học tất cả pháp Như thì được đầy đủ tất cả pháp như. Được đầy đủ tất cả pháp Như rồi thì trụ tất cả pháp Như được tự tại. Trụ tất cả pháp Như, được tự tại rồi thì khéo biết căn cơ của tất cả chúng sinh. Khéo biết căn cơ của tất cả chúng sinh rồi thì khéo biết căn cứ của tất cả chúng sinh và khéo biết nghiệp nhân duyên của tất cả chúng sinh.

Biết nghiệp nhân duyên của tất cả chúng sinh rồi thì được nguyện trí đầy đủ. Được nguyện trí đầy đủ rồi thì trí tuệ ba đời thanh tịnh. Trí tuệ ba đời thanh tịnh rồi thì làm lợi ích tất cả chúng sinh. Lợi ích tất cả chúng sinh rồi thì làm thanh tịnh cõi Phật. Thanh tịnh cõi Phật rồi thì được Nhất thiết chủng trí. Được Nhất thiết chủng trí rồi thì chuyển pháp luân. Chuyển pháp luân rồi thì an lập chúng sinh trong ba thừa khiến nhập Niết-bàn Vô dư y.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát muốn được tất cả công đức lợi mình, lợi người thì phải phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa đúng như lời dạy thì tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la phải nên đánh lễ.

–Này Tu-bồ-đề! Đúng vậy, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa đúng như lời dạy thì tất cả thế gian Trời, Người, A-tu-la phải nên đánh lễ.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát mới phát tâm vì chúng sinh mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được bao nhiêu phước đức?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu chúng sinh trong tiểu thiên quốc độ đều phát tâm Thanh văn, Bích-chi-phật, ý ông nghĩ sao, phước đức của họ có nhiều chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, nhiều vô lượng!

–Này Tu-bồ-đề! Phước của họ sánh với phước đức của Bồ-tát mới phát tâm chẳng bằng một phần trăm, một phần ngàn, phần

muôn ức, cho đến tính số thí dụ cũng vẫn không bằng được. Vì sao? Vì phát tâm Thanh văn, Bích-chi-phật đều từ Bồ-tát mà ra, còn Bồ-tát không bao giờ do Thanh văn, Bích-chi-phật mà ra.

Đối với trung thiên nhị thiên quốc độ và tam thiên đại thiên quốc độ so sánh cũng giống như vậy. Và để chúng sinh trong tam thiên đại thiên quốc độ phát tâm Thanh văn, Bích-chi-phật lại. Cứ như chúng sinh trong tam thiên đại thiên quốc độ đều trụ vào địa vị Càn tuệ địa, Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạc địa, Ly dục địa, Dĩ biên địa, Bích-chi-phật địa, tất cả phước đức đó nếu muốn sánh với Bồ-tát mới phát tâm thì vẫn chẳng bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần muôn ức, cho đến tính số thí dụ đều chẳng bằng được.

Này Tu-bồ-đề! Các Bồ-tát mới phát tâm trong đại thiên quốc độ chẳng bằng Bồ-tát nhập pháp vị. Các Bồ-tát nhập pháp vị trong đại thiên quốc độ chẳng bằng Bồ-tát hướng về Phật đạo. Các Bồ-tát hướng về Phật đạo trong đại thiên quốc độ chẳng bằng công đức của Phật, một phần trăm, phần ngàn, phần muôn ức, cho đến tính số thí dụ đều chẳng bằng được.

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát mới phát tâm nên nhớ nghĩ những pháp nào?

–Này Tu-bồ-đề! Nên nhớ nghĩ Nhất thiết chủng trí.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Nhất thiết chủng trí? Những duyên gì, tăng thượng gì, hành loại gì, tướng mạo gì của Nhất thiết chủng trí?

–Này Tu-bồ-đề! Nhất thiết chủng trí không thật có, không niệm, không sinh, không hiển bày.

Như Tu-bồ-đề hỏi về các duyên, các tăng thượng, các hành, các tướng của Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bồ-đề! Nhất thiết chủng trí không có pháp, duyên niệm làm tăng thượng, vắng lặng làm hành, vô tướng là hướng. Đó gọi là duyên, tăng thượng, hành và tướng của Nhất thiết chủng trí.

–Bạch Đức Thế Tôn! Chỉ có Nhất thiết chủng trí là pháp không, hay là sắc, thọ, tướng, hành, thức cho đến hữu vi tướng, vô vi tướng cũng là không pháp?

–Này Tu-bồ-đề! Sắc cho đến tướng hữu vi, tướng vô vi cũng là không pháp.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao Nhất thiết chủng trí là pháp không, sắc cho đến tướng hữu vi, tướng vô vi cũng là pháp không?

–Này Tu-bồ-đề! Vì Nhất thiết chủng trí tự tánh không, nếu pháp tự tánh không thì gọi là pháp không. Sắc cho đến tướng hữu vi, tướng vô vi cũng giống như vậy.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao tự tánh các pháp là không?

–Này Tu-bồ-đề! Các pháp hòa hợp nhân duyên sinh, trong pháp không tự tánh, nếu không tự tánh thì gọi là pháp không.

Vì thế nên Đại Bồ-tát phải biết tất cả pháp không tánh. Vì sao? Vì tất cả pháp tánh là không.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không tánh, Bồ-tát mới phát tâm dùng năng lực phương tiện gì để thực hành Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, để thực hành bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo, ba Tam-muội, tám Bội xả, chín Định thứ đệ, mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy, bốn Trí vô ngại, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, Nhất thiết chủng trí, thanh tịnh cõi nước, thành tựu chúng sinh?

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát có thể học tánh không của các pháp cũng có thể thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, biết cõi nước và chúng sinh cũng không tánh, đó chính là năng lực phương tiện.

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đó thực hành sáu pháp Ba-la-mật tu học Phật đạo, cho đến thực hành Nhất thiết chủng trí tu học Phật đạo, cũng biết Phật đạo không tánh. Đại Bồ-tát này thực hành sáu pháp Ba-la-mật, tu học Phật đạo, cho đến chưa thành tựu mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy, bốn Trí vô ngại, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, Nhất thiết chủng trí, đó là tu học Phật đạo, khi đã đầy đủ nhân duyên Phật đạo rồi thì dùng một niệm tương ứng tuệ được Nhất thiết chủng trí, đồng thời tất cả phiền não tập khí dứt hẳn, vì chẳng sinh.

Bấy giờ, dùng Phật nhãn nhìn cõi đại thiên, thấy pháp không, còn không thật có, hướng chi là có pháp.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải thực hành không tánh Bát-nhã ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Đó gọi là năng lực phương tiện của Đại Bồ-tát, pháp không còn không thật có, hướng chi là có pháp.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát này lúc bố thí, người thọ và tâm Bồ-tát, vô pháp không còn chẳng thể biết được, hướng chi là có pháp. Cho đến Nhất thiết chủng trí: người được, pháp được và chỗ được, pháp không còn chẳng thể biết được, hướng chi là có pháp.

Vì sao? Vì tất cả pháp bản tánh như vậy. Chẳng phải do Phật làm, chẳng phải do Thanh văn, Bích-chi-phật hay người khác làm. Vì tất cả pháp không có tác giả.

–Bạch Đức Thế Tôn! Các pháp, tánh các pháp là lìa chẳng?

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Các pháp, tánh các pháp là lìa.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các pháp tánh các pháp là lìa, thì làm sao pháp lìa lại biết được pháp lìa, hoặc có hoặc không?

Vì sao? Vì pháp không chẳng biết được pháp không, pháp có chẳng biết được pháp có, pháp không chẳng biết được pháp có, pháp có chẳng biết được pháp không.

Bạch Đức Thế Tôn! Như vậy thì tất cả các pháp không có tướng, vì sao Đại Bồ-tát lại phân biệt pháp đó là có hay không?

–Này Tu-bồ-đề! Do thế tục đế mà Đại Bồ-tát vì chúng sinh nói có hoặc không, chớ chẳng phải là Đệ nhất nghĩa đế.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế tục đế và Đệ nhất nghĩa đế có khác nhau chẳng?

–Này Tu-bồ-đề! Thế tục đế và Đệ nhất nghĩa đế không khác nhau. Vì sao? Vì Như của thế đế tức là Như của Đệ nhất nghĩa. Bởi chúng sinh chẳng thấy, chẳng biết Như này nên Đại Bồ-tát dùng thế tục đế dạy chúng sinh mà nói có hoặc không.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì chúng sinh đối với năm ấm có chấp lấy tướng mà chẳng biết là không thật có. Vì dạy chúng sinh đó mà Đại Bồ-tát nói có hoặc không, khiến chúng sinh biết không thật có.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải nên thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy.

M

Phẩm 72: HẠNH BỒ-TÁT

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đức Thế Tôn nói hạnh Bồ-tát. Thế nào là hạnh Bồ-tát?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Hạnh Bồ-tát là vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà thực hành, đó gọi là hạnh Bồ-tát.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát vì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà thực hành, gọi đó là hạnh Bồ-tát?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát thực hành không về sắc, thực hành không về thọ, tưởng, hành, thức, thực hành không về nhãn cho đến ý, thực hành không về sắc cho đến pháp, thực hành không về nhãn giới cho đến ý thức giới, thực hành Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, thực hành nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, Đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, rốt ráo không, vô thủ không, tán không, các pháp không, tánh không, tự tướng không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không, thực hành Thiền thứ nhất cho đến Thiền thứ tư, thực hành Từ, Bi, Hỷ, Xả, thực hành hư không vô biên xứ cho đến phi tưởng phi phi tưởng xứ, thực hành bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám phần Thánh đạo, thực hành Tam-muội Không, Tam-muội Vô tác, Tam-muội Vô tướng, hành tám Bội xả, hành chín Định thứ đệ, thực hành mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, thực hành mười tám pháp Bất cộng, thực hành đại Từ đại bi, thực hành tịnh cõi Phật, thực hành thành tựu chúng sinh, thực hành các thứ biện tài, thực hành văn tự, thực hành không văn tự, thực hành các môn Đà-la-ni, thực hành tánh hữu vi, thực hành tánh

vô vi, tất cả hành đều như Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác duy nhất, chẳng thực hành có thứ khác nhau.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy gọi là hạnh Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đây là hạnh Bồ-tát.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đức Thế Tôn nói Phật có nghĩa gì mà gọi là Phật?

–Này Tu-bồ-đề! Biết thật nghĩa của các pháp nên gọi là Phật. Được thật tướng của các pháp nên gọi là Phật. Thông đạt nghĩa thật nên gọi là Phật. Biết tất cả các pháp đúng như thật nên gọi là Phật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Có nghĩa gì mà gọi là Bồ-đề?

–Này Tu-bồ-đề! Nghĩa Không là nghĩa Bồ-đề, nghĩa Như, nghĩa Pháp tánh, nghĩa Thật tế là nghĩa Bồ-đề.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Danh tướng, ngôn thuyết là nghĩa Bồ-đề.

Này Tu-bồ-đề! Thật nghĩa của Bồ-tát chẳng hoại được, chẳng phân biệt được, đó là nghĩa Bồ-đề.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Thật tướng của các pháp chẳng luống dối, chẳng dị diệt là nghĩa Bồ-đề. Vì thế nên gọi là Bồ-đề.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-đề là sở hữu của các Đức Phật nên gọi là Bồ-đề.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Chánh biến tri của các Đức Phật nên gọi là Bồ-đề.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát vì Bồ-đề mà thực hành sáu pháp Ba-la-mật cho đến thực hành Nhất thiết chủng trí, đối với các pháp, gọi là được, là mất, là thêm, là bớt, là sinh, là diệt, là nhơ, là sạch?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát vì Bồ-đề mà thực hành sáu pháp Ba-la-mật cho đến thực hành Nhất thiết chủng trí, đối với các pháp không được, không mất, không thêm, không bớt, không sinh, không diệt, không nhơ, không sạch.

Vì sao? Vì Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, chẳng vì được, mất, thêm, bớt, sinh, diệt, nhơ, sạch mà phát khởi.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng vì được, mất, thêm, bớt, sinh, diệt, như, sạch mà phát khởi, thì Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật làm sao giữ lấy được Bố thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, làm sao thực hành nội không đến vô pháp hữu pháp không, làm sao thực hành bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, làm sao thực hành bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo, làm sao thực hành ba môn Giải thoát không, vô tướng, vô tác, làm sao thực hành mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, làm sao thực hành mười địa của Bồ-tát, làm sao hơn hàng Thanh văn, Bích-chi-phật, nhập vào địa vị Bồ-tát?

–Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát vì chẳng dùng hai pháp mà thực hành sáu pháp Ba-la-mật cho đến vì chẳng dùng hai pháp mà thực hành Nhất thiết chủng trí.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát chẳng dùng hai pháp mà thực hành sáu pháp Ba-la-mật, cho đến chẳng dùng hai pháp mà thực hành Nhất thiết chủng trí, thì Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đến tâm rốt ráo sau cùng làm sao thêm lớn căn lành?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu dùng hai pháp mà thực hành thì căn lành chẳng thêm lớn được.

Vì sao? Vì tất cả phàm phu đều nương vào hai pháp mà chẳng thêm lớn được căn lành. Đại Bồ-tát chẳng dùng hai pháp mà thực hành nên từ sơ tâm đến hậu tâm, căn lành được thêm lớn. Vì thế nên tất cả thế gian, trời, người, A-tu-la đều không thể phục, không thể hoại được căn lành của Đại Bồ-tát làm cho rơi vào hàng Thanh văn, Bích-chi-phật và các pháp ác bất thiện đều không thể chế ngự Đại Bồ-tát khiến chẳng thể thực hành sáu pháp Ba-la-mật để thêm lớn căn lành.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải như vậy mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Có phải Đại Bồ-tát vì căn lành mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật?

–Này Tu-bồ-đề! Không phải vì căn lành, cũng chẳng phải chẳng vì căn lành, và cũng chẳng phải vì chẳng phải căn lành mà

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Vì sao? Nay Tu-bồ-đề! Vì theo pháp Đại Bồ-tát, chưa cúng dường các Đức Phật, chưa đầy đủ căn lành, chưa được chân Thiện tri thức, thì chẳng thể được Nhất thiết chủng trí.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát cúng dường các Đức Phật, đầy đủ căn lành, được chân Thiện tri thức, được Nhất thiết chủng trí?

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cúng dường các Đức Phật, mười hai bộ kinh của các Đức Phật giảng nói: Tu-đa-la cho đến luận nghị, Đại Bồ-tát đó nghe, thọ trì, tụng thuộc, suy gẫm, thấu rõ. Vì thấu rõ nên được Đà-la-ni. Vì được Đà-la-ni nên phát sinh trí vô ngại. Vì phát sinh trí vô ngại nên sinh về đâu, cho đến khi được Nhất thiết trí chẳng bao giờ quên mất. Đại Bồ-tát cũng ở chỗ các Đức Phật gieo trồng căn lành. Do thiện căn đó hộ trì mà chẳng bao giờ bị đọa vào đường ác, các nạn. Nhờ thiện căn đó mà được thân tâm thanh tịnh. Vì được thân tâm thanh tịnh nên thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh. Nhờ thiện căn đó che chở nên thường chẳng xa lìa Thiện tri thức, đó là các Đức Phật, các Đại Bồ-tát và các Thanh văn hay khen ngợi Phật, Pháp, Tăng.

Như vậy, nay Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải cúng dường các Đức Phật, vun trồng căn lành, gần gũi chân Thiện tri thức.

M

Phẩm 73: GIEO TRỒNG THIỆN CĂN

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát chẳng cúng dường chư Phật, chẳng đầy đủ căn lành, chẳng được chân Thiện tri thức, sẽ được Nhất thiết chủng trí chăng?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát cúng dường các Đức Phật, vun trồng căn lành, được chân Thiện tri thức còn khó được Nhất thiết chủng trí, huống chi không cúng dường Phật, chẳng vun trồng căn

lành, chẳng được chân Thiện tri thức.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát cúng dường các Đức Phật, vun trồng căn lành, được chân Thiện tri thức tại sao lại khó được Nhất thiết chủng trí?

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đó xa lìa năng lực phương tiện, chẳng theo các Phật để nghe năng lực phương tiện, vun trồng căn lành chẳng đầy đủ, chẳng thường theo sự chỉ dạy của chân Thiện tri thức.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là năng lực phương tiện mà Đại Bồ-tát thực hành theo đó để được Nhất thiết chủng trí?

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm thực hành Bồ thí ba-la-mật, đúng theo tâm của Nhất thiết trí mà bố thí cho Phật, hoặc Bích-chi-phật, hoặc Thanh văn, hoặc người hay chẳng phải người. Đại Bồ-tát lúc ấy chẳng sinh tư tưởng bố thí, chẳng sinh tư tưởng người lãnh thọ. Vì sao? Vì quán tự tướng tất cả pháp là không, không sinh, không có tướng nhất định, không có chỗ chuyển mà thể nhập vào thật tướng các pháp, đó là tướng vô tác, vô khởi của tất cả pháp. Đại Bồ-tát đó dùng năng lực phương tiện này làm cho thiện căn thêm lớn. Vì thiện căn thêm lớn mà thực hành Bồ thí ba-la-mật, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, bố thí chẳng thọ hưởng quả báo thế gian. Đại Bồ-tát đó chỉ vì muốn cứu độ tất cả chúng sinh mà thực hành Bồ thí ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm thực hành Trì giới ba-la-mật, đúng theo tâm của Nhất thiết chủng trí mà trì giới, chẳng rơi vào dâm, nộ, si, cũng chẳng rơi vào sự trói buộc của phiền não, và các pháp phá đạo, bất thiện như tham lam, phá giới, sân hận, biếng nhác, loạn ý, ngu si, mạn, đại mạn, mạn mạn, ngã mạn, tăng thượng mạn, bất như mạn, tà mạn, hoặc có tâm Thanh văn, hoặc có tâm Bích-chi-phật.

Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đó quán tất cả pháp tự tướng là không, không sinh, không có tướng nhất định, không bị chuyển mà nhập vào thật tướng các pháp, đó là tướng vô tác, vô khởi của các pháp. Vì Đại Bồ-tát đó thành tựu năng lực phương tiện này nên căn lành thêm lớn, vì căn lành thêm lớn nên thực hành Trì giới ba-la-mật, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, trì giới chẳng thọ hưởng quả báo

thế gian, chỉ vì muốn cứu độ tất cả chúng sinh mà thực hành Trì giới ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật, đúng theo tâm của Nhất thiết trí, nhờ năng lực phương tiện thực thành tựu nên hành đạo kiến đế và đạo tư duy, nhưng chẳng chấp quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đó biết các pháp tự tướng là không, không sinh, không tướng nhất định, không bị chuyển. Đại Bồ-tát đó đầu thực hành các pháp trợ đạo mà hơn hàng Thanh văn, hàng Bích-chi-phật. Đó gọi là pháp Nhẫn vô sinh của Đại Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm thực hành Tinh tấn ba-la-mật, nhập Thiền thứ nhất đến Thiền thứ tư, nhập bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc. Dầu xuất nhập các thiền mà chẳng thọ quả báo. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đó thành tựu năng lực phương tiện, biết các thiền định tự tướng không, không sinh, không có tướng nhất định, không bị chuyển, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, tinh tấn mà chẳng thọ hưởng quả báo thế gian. Chỉ vì muốn cứu độ tất cả chúng sinh mà thực hành Tinh tấn ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm thực hành Thiền định ba-la-mật, đúng với tâm của Nhất thiết trí nhập vào tám Bội xả, chín Định thứ đệ, cũng chẳng chứng quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đó biết các pháp tự tướng là không, không sinh, không có tướng nhất định, không bị chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm thực hành Bát-nhã ba-la-mật, học mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, cho đến chưa được Nhất thiết chủng trí, chưa thanh tịnh cõi Phật, chưa thành tựu chúng sinh, trong giai đoạn đó phải học như vậy. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đó biết các pháp tự tướng là không, không sinh, không có tướng nhất định, không bị chuyển.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng thọ hưởng quả báo như vậy.

M

Phẩm 74: HỌC KHẮP

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát đó thành tựu trí tuệ rộng lớn, thực hành pháp rất sâu đó mà cũng chẳng thọ hưởng quả báo.

Phật dạy:

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thành tựu trí tuệ rộng lớn thực hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa đó cũng chẳng thọ quả báo. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đó bất động đối với tánh các pháp.

–Bạch Đức Thế Tôn! Bất động đối với tánh của các pháp nào?

–Này Tu-bồ-đề! Đối với tánh vô sở hữu bất động, đối với tánh sắc bất động, đối với tánh thọ, tưởng, hành, thức bất động, đối với tánh Bồ thí ba-la-mật bất động, đối với tánh Trì giới ba-la-mật cho đến tánh Bát-nhã ba-la-mật bất động. Đối với tánh Tứ thiền, tánh bốn Tâm vô lượng, tánh Định vô sắc bất động. Đối với tánh bốn Niệm xứ cho đến tánh tám phần Thánh đạo bất động. Đối với tánh Tam-muội, tánh đại Từ, đại Bi bất động.

Vì sao? Vì các pháp tánh đó chính là không thật có. Vì pháp không thật có chẳng thể được pháp thật có.

–Bạch Đức Thế Tôn! Pháp thật có có thể được pháp thật có hay chẳng?

–Này Tu-bồ-đề, không!

–Bạch Đức Thế Tôn! Pháp thật có có thể được pháp không thật có chẳng?

–Này Tu-bồ-đề, không!

–Bạch Đức Thế Tôn! Pháp không thật có có thể được pháp không thật có chẳng?

–Này Tu-bồ-đề, không!

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu pháp không thật có chẳng có thể được pháp thật có, pháp thật có chẳng thể được pháp thật có, pháp thật có chẳng thể được pháp không thật có, pháp không thật có chẳng thể được pháp không thật có, vậy lẽ nào Đức Thế Tôn chẳng được đạo?

–Này Tu-bồ-đề! Có được, chẳng do bốn câu đó.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là có được?

–Này Tu-bồ-đề! Chẳng phải thật có, chẳng phải không thật có, không có các hý luận, đó gọi là được đạo.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là hý luận của Đại Bồ-tát?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát cho rằng sắc là thường hoặc là vô thường, đó là hý luận. Cho rằng thọ, tưởng, hành, thức là thường hoặc vô thường, đó là hý luận. Cho rằng sắc là khổ hoặc lạc, đó là hý luận. Cho rằng thọ, tưởng, hành, thức là khổ hoặc lạc, đó là hý luận. Cho rằng sắc là ngã, là vô ngã, đó là hý luận. Cho rằng thọ, tưởng, hành, thức là ngã, là vô ngã, đó là hý luận. Cho rằng sắc là vắng lặng hoặc chẳng vắng lặng, đó là hý luận. Cho rằng thọ, tưởng, hành, thức vắng lặng hoặc chẳng vắng lặng, đó là hý luận. Cho rằng khổ Thánh đế phải thấy, tập Thánh đế phải dứt, diệt Thánh đế phải chứng, đạo Thánh đế phải tu, đó là hý luận. Cho rằng phải tu bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, đó là hý luận. Cho rằng phải tu bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác chi, tám phần Thánh đạo, đó là hý luận. Cho rằng phải tu môn giải thoát không, môn giải thoát vô tướng, môn giải thoát vô tác, đó là hý luận. Cho rằng phải tu tám Bội xả, chín Định thứ đệ, đó là hý luận. Cho rằng ta phải hơn quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi-phật, đó là hý luận. Ta phải trọn vẹn mười địa của Bồ-tát, đó là hý luận. Ta phải nhập Bồ-tát vị, đó là hý luận. Ta phải thanh tịnh cõi Phật, đó là hý luận. Ta phải thành tựu chúng sinh, đó là hý luận. Ta phải phát sinh mười Lực của Phật, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, mười tám pháp Bát cộng của Phật, đó là hý luận. Ta sẽ được Nhất thiết chủng trí, đó là hý luận. Ta sẽ dứt tập khí tất cả phiền não, đó là hý luận.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đó lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng hý luận được nên chẳng hý luận.

Vì sao? Tánh chẳng hý luận tánh, vô tánh chẳng hý luận vô tánh, ngoài tánh và vô tánh không còn pháp gì để được gọi là kẻ hý

luận, là pháp hý luận và chỗ hý luận.

Thế nên, này Tu-bồ-đề! Sắc cho đến Nhất thiết chủng trí không hý luận. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật vô hý luận.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là sắc chẳng hý luận được, cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng hý luận được?

–Này Tu-bồ-đề! Sắc tánh là không, cho đến Nhất thiết chủng trí tánh không. Nếu pháp tánh không tức là không hý luận. Vì thế nên sắc cho đến Nhất thiết chủng trí chẳng hý luận được.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát thường thực hành Bát-nhã ba-la-mật được vô hý luận như vậy thì liền được nhập vào địa vị Bồ-tát.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu pháp không có tánh, Bồ-tát thực hành đạo gì mà nhập vào địa vị Bồ-tát? Dùng đạo Thanh văn, đạo Bích-chi-phật hay dùng Phật đạo?

–Này Tu-bồ-đề! Chẳng dùng đạo Thanh văn, chẳng đạo Bích-chi-phật, chẳng dùng Phật đạo mà được vào địa vị Bồ-tát. Đại Bồ-tát học khắp các đạo mà được vào địa vị Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Như hàng Bát nhân trước học các đạo rồi mới vào chánh vị, chưa được quả mà sinh đạo của quả trước.

Cũng vậy, Bồ-tát trước học khắp các đạo rồi mới nhập địa vị Bồ-tát, chưa được Nhất thiết chủng trí mà sinh khởi Tam-muội kim cang trước. Bấy giờ dùng một niệm tương ứng tuệ được Nhất thiết chủng trí.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát học khắp các đạo, nhập địa vị Bồ-tát, vậy thì bậc Bát nhân, hưởng Tu-đà-hoàn được Tu-đà-hoàn, hưởng Tư-đà-hàm được Tư-đà-hàm, hưởng A-na-hàm được A-na-hàm, hưởng A-la-hán được A-la-hán, đạo Bích-chi-phật, Phật đạo. Các đạo như vậy đều khác nhau.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát học khắp các đạo rồi mới nhập vào địa vị Bồ-tát, Bồ-tát này nếu sinh Bát đạo lẽ ra phải làm bậc Bát nhân, nếu sinh kiến đạo lẽ ra phải làm Tu-đà-hoàn, nếu sinh tư duy đạo lẽ ra phải thành Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, nếu sinh Bích-chi-phật đạo lẽ ra phải làm Bích-chi-phật.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát mà làm Bát nhân rồi mới nhập Bồ-tát vị thì không bao giờ có. Chẳng nhập địa vị Bồ-tát mà được Nhất thiết chủng trí thì cũng không bao giờ có. Nếu Đại Bồ-tát mà thành Tu-đà-hoàn cho đến thành Bích-chi-phật rồi mới nhập địa vị Bồ-tát vị cũng không bao giờ có. Chẳng nhập địa vị Bồ-tát mà được Nhất thiết chủng trí cũng không bao giờ có.

Bạch Đức Thế Tôn! Con nên hiểu thế nào về Đại Bồ-tát học khắp các đạo để được nhập địa vị Bồ-tát?

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát phải thành Bát nhân, được quả Tu-đà-hoàn cho đến được quả A-la-hán, được quả Bích-chi-phật rồi mới nhập địa vị Bồ-tát thì không bao giờ có. Chẳng nhập Bồ-tát vị mà được Nhất thiết chủng trí cũng không bao giờ có.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm thực hành sáu pháp Ba-la-mật, dùng trí quán tám địa. Tám địa đó là Càn tuệ địa, Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạc địa, Ly dục địa, Dĩ biện địa và Bích-chi-phật địa, dùng Đạo chủng trí nhập vào địa vị Bồ-tát. Sau khi đã nhập địa vị Bồ-tát, dùng Nhất thiết chủng trí dứt tất cả tập khí phiền não.

Này Tu-bồ-đề! Hoặc là trí, hoặc là đoạn của hàng Bát nhân, của Tu-đà-hoàn, cho đến hoặc là trí hoặc là đoạn của A-la-hán, của Bích-chi-phật đều là pháp Nhẫn vô sinh của Bồ-tát đó.

Bồ-tát đó học đạo Thanh văn, đạo Bích-chi-phật như vậy, dùng Đạo chủng trí nhập vào địa vị Bồ-tát. Nhập vào địa vị Bồ-tát rồi, dùng Nhất thiết chủng trí dứt tất cả tập khí phiền não, được Phật đạo. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát học khắp các đạo đầy đủ thì được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi thì lợi ích tất cả chúng sinh.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đạo của Đức Thế Tôn giảng nói là đạo Thanh văn, đạo Bích-chi-phật và Phật đạo. Thế nào là Đạo chủng trí của Bồ-tát?

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải sinh khởi tất cả tịnh Đạo chủng trí.

Thế nào là tịnh Đạo chủng trí?

Như tướng mạo các pháp, các pháp có công năng hiển bày

được, Bồ-tát phải có chánh tri. Đã chánh tri rồi vì người khác mà giảng nói, mở bày, làm cho chúng sinh được hiểu.

Đại Bồ-tát này phải hiểu tất cả âm thanh ngôn ngữ, dùng âm thanh đó mà nói pháp cùng khắp thế giới đại thiên như tiếng vang.

Vì thế, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trước phải học đầy đủ tất cả đạo. Đạo trí đầy đủ rồi phân biệt biết thâm tâm của chúng sinh. Đó là chúng sinh đường địa ngục, đường súc sinh, đường ngạ quỷ. Nhân của địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ; quả của địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Bồ-tát phải biết, phải ngăn. Nhân và quả của rồng thần, A-tu-la, tám bộ, Bồ-tát phải biết, phải ngăn. Nhân và quả của trời, người, Bồ-tát phải biết. Nhân và quả bốn Niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo Bồ-tát phải biết. Nhân và quả của ba môn Giải thoát không, vô tướng, vô tác, mười Lục của Phật, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, mười tám pháp Bát cộng, đại Từ, đại Bi, Bồ-tát phải biết.

Bồ-tát dùng đạo này làm cho chúng sinh nhập vào quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, nhập đạo Bích-chi-phật và đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Đó gọi là thanh tịnh Đạo chủng trí của Đại Bồ-tát.

Bồ-tát học Đạo chủng trí này rồi nhập vào tướng thâm tâm của chúng sinh. Vào xong, tùy theo tâm của chúng sinh mà nói pháp đúng chỗ, lời nói chẳng uổng phí.

Vì sao? Vì Đại Bồ-tát đó khéo biết căn tướng của chúng sinh, khéo biết tâm và tâm sở của tất cả chúng sinh, sống chết đi về đâu.

Này Tu-bồ-đề! Phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy.

Vì sao? Vì tất cả pháp hành, tất cả pháp trợ đạo đều nhập vào Bát-nhã ba-la-mật mà các Đại Bồ-tát, các Thanh văn, các Bích-chi-phật phải thực hành.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu bốn Niệm xứ cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả pháp đó đều chẳng hợp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, là nhất tướng, đó là vô tướng, thì các pháp trợ đạo đó làm sao chứng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Bạch Đức Thế Tôn! Pháp nhất tướng chẳng hợp, chẳng tan,

không sắc, không hình, không đối, đó là pháp vô tướng, không chấp lấy, không chỗ bỏ, như hư không, không lấy không bỏ.

–Này Tu-bồ-đề, đúng vậy! Các pháp tự tướng không, không chấp lấy, không buông bỏ.

Này Tu-bồ-đề! Có các chúng sinh chẳng biết các pháp tự tướng là không. Vì những chúng sinh đó mà hiển bày pháp trợ đạo làm cho họ đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bao nhiêu pháp: sắc, thọ, tưởng, hành, thức, sáu độ, mười tám không, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm xứ đến tám phần Thánh đạo, ba môn Giải thoát, tám Bội xả, chín Định thứ đệ, mười Lực của Phật, bốn Vô úy, bốn Trí vô ngại, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, Nhất thiết chủng trí, trong những Thánh pháp này đều không hợp, không tan, không hình, không sắc, không đối, là nhất tướng, đó là vô tướng.

Vì dùng pháp thế tục giảng nói cho chúng sinh được hiểu, chớ chẳng phải dùng Đệ nhất nghĩa.

Này Tu-bồ-đề! Đối với tất cả pháp này, Đại Bồ-tát phải dùng trí thấy biết mà học. Học xong, phân biệt các pháp nên dùng hay chẳng nên dùng.

–Bạch Đức Thế Tôn! Những pháp nào Bồ-tát phân biệt rồi nên dùng hay chẳng nên dùng?

–Này Tu-bồ-đề! Pháp Thanh văn, pháp Bích-chi-phật, Bồ-tát phân biệt biết nhưng chẳng nên dùng.

Nhất thiết chủng trí, Bồ-tát phân biệt biết và nên dùng.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đối với các Thánh pháp đó, phải học Bát-nhã ba-la-mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao gọi là Thánh pháp và thế nào là Thánh pháp?

–Này Tu-bồ-đề! Các Thanh văn, Bích-chi-phật, Đại Bồ-tát và các Đức Phật đối với tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến chẳng hợp, chẳng tan, đối với sân hận, dục nhiễm chẳng hợp, chẳng tan, đối với sắc nhiễm, vô sắc nhiễm, trao cử, tán loạn, vô minh chẳng hợp, chẳng tan, đối với Thiền thứ nhất cho đến Thiền thứ tư chẳng hợp,

chẳng tan, đối với Từ, Bi, Hỷ, Xả đến phi phi tướng xứ chẳng hợp, chẳng tan, đối với bốn Niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo chẳng hợp, chẳng tan, đối với nội không cho đến đại Bi, hữu vi, vô vi tánh chẳng hợp, chẳng tan.

Vì sao? Vì tất cả pháp đó đều không có sắc, không có hình, không có đối, nhất tướng, đó là vô tướng.

Pháp vô sắc và pháp vô sắc không hợp, không tan. Pháp vô hình và pháp vô hình chẳng hợp, chẳng tan. Pháp vô đối và pháp vô đối chẳng hợp, chẳng tan. Pháp nhất tướng và pháp nhất tướng chẳng hợp, chẳng tan. Pháp vô tướng và pháp vô tướng chẳng hợp, chẳng tan.

Này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật vô sắc, vô hình, vô đối, nhất tướng, đó là vô tướng, các Đại Bồ-tát phải học, học xong, chẳng được các tướng của pháp.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát chẳng học tướng sắc, tướng thọ, tướng, hành, thức chằng?

Chẳng học tướng nhãn cho đến tướng ý, chẳng học tướng sắc cho đến tướng pháp, chẳng học tướng địa chủng cho đến tướng thức chủng ư?

Chẳng học tướng Bồ thí ba-la-mật cho đến tướng Bát-nhã ba-la-mật ư?

Chẳng học tướng nội không cho đến tướng vô pháp hữu pháp không ư?

Chẳng học tướng bốn Thiên, tướng bốn Tâm vô lượng, tướng bốn Định vô sắc ư?

Chẳng học tướng bốn Niệm xứ đến tướng tám phần Thánh đạo ư?

Chẳng học tướng không, tướng vô tướng, tướng vô tác ư?

Chẳng học tướng tám Bội xả, tướng chín Định thứ đệ ư?

Chẳng học tướng mười Lực đến tướng đại Từ, đại Bi ư?

Chẳng học tướng bốn đế, tướng thuận nghịch của mười hai nhân duyên ư?

Chẳng học tướng của tánh hữu vi, tánh vô vi ư?

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu chẳng học tướng các pháp thì Đại Bồ-tát làm sao lại học tướng các pháp để vượt hơn hàng Thanh văn, Bích-chi-phật?

Nếu chẳng vượt hơn hàng Thanh văn, Bích-chi-phật thì làm sao nhập vào địa vị Bồ-tát? Nếu chẳng nhập vào địa vị Bồ-tát thì làm sao mới được Nhất thiết chủng trí? Nếu chẳng được Nhất thiết chủng trí thì làm sao sẽ chuyển pháp luân? Nếu chẳng chuyển pháp luân thì làm sao dùng ba thừa độ chúng sinh thoát khỏi sinh tử?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu các pháp thật có tướng thì Bồ-tát nên học tướng đó.

Này Tu-bồ-đề! bởi tất cả pháp thật không có tướng, không có sắc, không có hình, không có đối, là nhất tướng, đó là vô tướng. Vì thế nên Đại Bồ-tát chẳng học tướng, chẳng học vô tướng. Vì sao? Vì có Phật hay không Phật, các pháp vẫn là nhất tướng, vẫn là tánh thường trụ.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các pháp chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, thì Đại Bồ-tát làm sao tu Bát-nhã ba-la-mật? Nếu chẳng tu Bát-nhã ba-la-mật thì chẳng vượt hơn hàng Thanh văn, Bích-chi-phật. Nếu chẳng vượt hơn hàng Thanh văn, Bích-chi-phật thì chẳng nhập địa vị Bồ-tát. Nếu chẳng nhập địa vị Bồ-tát thì chẳng được pháp Nhẫn vô sinh. Nếu chẳng được pháp Nhẫn vô sinh thì không thể được các thứ thần thông của Bồ-tát. Nếu chẳng được thần thông của Bồ-tát thì không thể thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh. Nếu chẳng thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh thì không thể được Nhất thiết chủng trí. Nếu chẳng được Nhất thiết chủng trí thì không thể chuyển pháp luân. Nếu chẳng chuyển pháp luân thì không thể làm cho chúng sinh được các quả: Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, đạo Bích-chi-phật và Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cũng chẳng thể làm cho chúng sinh được phước bố thí, trì giới, phước tu thiền định.

–Này Tu-bồ-đề! Đúng như vậy. Các pháp vô tướng là chẳng phải nhất tướng, dị tướng. Tu vô tướng là tu Bát-nhã ba-la-mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là tu vô tướng là tu Bát-nhã ba-la-mật?

–Này Tu-bồ-đề! Tu các pháp hư hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là tu các pháp hư hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật?

–Này Tu-bồ-đề! Tu sắc bị hoại, thọ, tưởng, hành, thức bị hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tu nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý bị hoại; tu sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp bị hoại; tu quán bất tịnh bị hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tu Thiền thứ nhất, Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư bị hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tu Từ, Bi, Hỷ, Xả bị hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tu Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi hữu tướng phi vô tướng xứ hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tu niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm xả, niệm Thiên, niệm A-na-bát-na hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tu tướng vô thường, tướng khổ, tướng vô ngã, tướng không, tướng tập, tướng nhân, tướng sinh, tướng duyên, tướng đế, tướng diệt, tướng diệu, tướng xuất, tướng đạo, tướng chánh, tướng tích, tướng lìa đều hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tu mười hai nhân duyên hoại, tu tướng ngã nhân, chúng sinh, thọ giả, cho đến tướng người biết, người thấy hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tu tướng thường lạc, ngã, tịnh hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tu bốn Niệm xứ cho đến tu tám phần Thánh đạo hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tu Tam-muội không, Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô tác hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tu Tam-muội Hữu giác hữu quán, Tam-muội Vô giác hữu quán, Tam-muội Vô giác vô quán hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tu khổ Thánh đế, tập Thánh đế, diệt Thánh đế, đạo Thánh đế hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tu Khổ trí, Tập trí, Diệt trí, Đạo trí hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tu Tận trí, Vô sinh trí hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tu Pháp trí, Tỷ trí, Thế trí, Tha tâm trí hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tu sáu pháp Ba-la-mật hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tu nội không hoại cho đến vô pháp hữu pháp không hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tu mười Lực của Phật, cho đến pháp Bất cộng hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tu quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi-phật hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tu Nhất thiết trí hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Tu dứt hẳn tập khí tất cả phiền não hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào gọi là tu sắc hoại cho đến tu dứt hẳn tập khí tất cả phiền não hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật?

–Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng cho rằng có sắc pháp, có thọ, tưởng, hành, thức pháp, cho đến chẳng cho rằng có dứt hẳn tập khí tất cả phiền não về pháp, đó là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Vì sao? Vì người cho rằng có pháp là chẳng tu Bát-nhã ba-la-mật. Người quan niệm có pháp là chẳng tu Bồ thí ba-la-mật cho đến chẳng tu Bát-nhã ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Vì người đó chấp trước các pháp, chẳng thực hành Bồ thí ba-la-mật đến Bát-nhã ba-la-mật. Người chấp trước như vậy, không có giải thoát, không có đạo, không có Niết-bàn.

Tu tám Bội xả, chín Định thứ đệ hoại là tu Bát-nhã ba-la-mật.

Người cho rằng có pháp, chẳng tu bốn Niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo, chẳng tu Tam-muội không cho đến Nhất thiết chủng trí. Vì người đó chấp trước pháp.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là có pháp? Thế nào là không pháp?

–Này Tu-bồ-đề! Hai là có pháp, không hai là không pháp.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là hai?

–Này Tu-bồ-đề! Tướng sắc cho đến tướng thức là hai. Tướng

nhãn cho đến tướng ý là hai. Tướng sắc cho đến tướng của pháp là hai. Tướng Bồ thí ba-la-mật cho đến tướng Phật là hai. Tướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho đến tướng vô vi tánh là hai.

Này Tu-bồ-đề! Tất cả tướng là hai, tất cả hai đều là có pháp.

Vừa có pháp thì liền có sinh tử.

Vừa có sinh tử thì liền chẳng lìa được những việc sinh, già, bệnh, chết, lo buồn khổ não.

Này Tu-bồ-đề! Vì thế phải biết tướng có hai pháp thì không có Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, không có đạo, không có quả, cho đến không có thuận nhẫn, huống chi thấy tướng sắc cho đến thấy tướng Nhất thiết chủng trí.

Nếu không tu tập đạo hạnh thì làm sao được quả Tu-đà-hoàn cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi-phật, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và dứt hẳn tập khí tất cả phiền não!



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 23

Phẩm 75: LÀM THEO BA LẦN

Lúc ấy, Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có tướng của pháp thì còn chẳng thuận với nhãn, huống chi là đắc đạo.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu không có tướng của pháp thì có thuận với nhãn chẳng? Thì sẽ được các bậc này chẳng? Hoặc Càn tuệ địa, hoặc Tánh địa, hoặc Bát nhân địa, hoặc Kiến địa, hoặc Bạc địa, hoặc Ly dục địa, hoặc Dĩ biện địa, hoặc Bích-chi-phật địa, hoặc Bồ-tát địa, hoặc Phật địa, hoặc tu đạo, do tu đạo này có dứt được phiền não chẳng? Vì các phiền não ấy nên chẳng vượt hơn bậc Thanh văn, bậc Bích-chi-phật để nhập địa vị Bồ-tát. Nếu chẳng nhập vào địa vị Bồ-tát thì chẳng được Nhất thiết chủng trí. Nếu chẳng được Nhất thiết chủng trí thì chẳng dứt được tất cả tập khí phiền não.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu không có tướng của pháp thì các đạo pháp ấy chẳng phát sinh. Nếu chẳng phát sinh các đạo pháp ấy thì chẳng thể được Nhất thiết chủng trí.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Đúng vậy, nếu người không có pháp thì sẽ thuận với nhãn cho đến dứt tất cả tập khí phiền não.

– Bạch Đức Thế Tôn! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát có pháp tướng chẳng? Đó là tướng sắc đến tướng thức, tướng nhãn cho đến tướng ý, tướng sắc cho đến tướng pháp, tướng nhãn giới cho đến tướng ý thức giới, tướng bốn Niệm xứ cho đến tướng Nhất thiết chủng trí, tướng sắc, tướng sắc dứt cho đến tướng thức, tướng thức dứt, tướng mười hai xứ, tướng mười hai xứ dứt, tướng mười tám giới, tướng mười tám giới dứt, tướng mười hai nhân

duyên, tướng mười hai nhân duyên dứt, tướng tham dục, tướng tham dục dứt, tướng sân, tướng sân dứt, tướng si, tướng si dứt, tướng bốn đế, tướng bốn đế dứt, cho đến tướng Nhất thiết chủng trí, tướng dứt tất cả tập khí phiền não.

–Không, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát không có tướng pháp và tướng phi pháp, chính đây là thuận nhãn. Nếu không có tướng pháp và tướng phi pháp thì là tu đạo, là đạo quả.

Này Tu-bồ-đề! Đối với Đại Bồ-tát, có pháp là đạo Bồ-tát, không pháp là quả Bồ-tát. Vì như vậy nên phải biết tất cả pháp đều không có tánh.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không có tánh, thì làm sao Đức Phật do biết tất cả pháp không tánh mà được thành Phật, có năng lực tự tại đối với tất cả pháp?

–Này Tu-bồ-đề! Đúng vậy! Tất cả pháp không có tánh.

Ngày trước, lúc hành đạo Bồ-tát, ta tu sáu pháp Ba-la-mật, là các ái dục, là các pháp ác bất thiện, có giác, có quán, là dục ái, sinh hỷ lạc, nhập Thiền thứ nhất cho đến nhập Thiền thứ tư. Đối với các thiền ấy và các chi thiền, ta chẳng chấp lấy tướng của nó, ta chẳng nghĩ là có các thiền ấy, ta chẳng thọ hưởng thiền vị, cũng chẳng thấy được thiền, ta thực hành bốn Thiền mà vẫn thanh tịnh không nhiễm đắm. Đối với các thiền ấy ta chẳng nhập lấy quả báo. Y trụ vào bốn Thiền, ta phát khởi năm Thần thông: Thiên nhãn thông, Thiên nhĩ thông, Túc mạng thông, Tha tâm thông và Thần túc thông. Đối với các Thần thông ấy ta chẳng chấp lấy tướng, chẳng nghĩ là có Thần thông ấy, chẳng thọ hưởng Thần thông vị, chẳng thấy được Thần thông, đối với năm Thần thông ấy ta chẳng phân biệt.

Này Tu-bồ-đề! Khi ấy ta dùng một niệm tương ưng tuệ được Vô thượng Chánh giác, đó là khổ Thánh đế, tập Thánh đế, diệt Thánh đế, đạo Thánh đế, thành tựu mười Trí lực, bốn Vô úy, bốn Trí vô ngại, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, được thành Phật, biết rõ ba nhóm chúng sinh: nhóm chánh định, nhóm tà định và nhóm bất định

– Bạch Đức Thế Tôn! Đối với các pháp không có tánh, làm sao Đức Thế Tôn phát khởi bốn Thiền, năm Thần thông? Chúng sinh cũng không có, làm sao phân biệt làm ba nhóm?

Này Tu-bồ-đề! Nếu các pháp dục ác bất thiện có tánh tự, tánh tha thì lúc thực hành Bồ-tát trước kia, ta không thể quán các pháp dục ác bất thiện là không có tánh để nhập Sơ thiền.

Bởi các pháp dục ác bất thiện không có tánh tự, tánh tha, đều là không có tánh, nên lúc thực hành hạnh Bồ-tát trước kia, ta lìa bỏ các pháp dục ác bất thiện, nhập Thiền thứ nhất cho đến nhập Thiền thứ tư.

Này Tu-bồ-đề! Nếu các Thần thông có tánh tự, tánh tha thì ta không thể biết được các Thần thông là không có tánh để chứng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bởi các Thần thông không có tánh tự, tánh tha, đều không có tánh, cho nên các Đức Phật đối với các Thần thông biết là không có tánh mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát biết các pháp không có tánh, do bốn Thiền và năm Thần thông mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, thì hàng Bồ-tát tân học đối với các pháp không có tánh, làm sao theo thứ lớp tu hành, thứ lớp học hỏi, thứ lớp hành đạo, rồi do thứ lớp hành, thứ tự học và thứ tự đạo mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

– Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát lúc ban đầu hoặc từ các Đức Phật mà được nghe, hoặc từ sự cúng dường nhiều Đức Phật, các Bồ-tát mà được nghe, hoặc từ các A-la-hán, các A-na-hàm, các Tư-đà-hàm, các Tu-đà-hoàn mà được nghe, vì được không thật có nên là Phật, vì được không thật có nên là A-la-hán, là A-na-hàm, là Tư-đà-hàm, là Tu-đà-hoàn. Vì tất cả Hiền thánh đều không thật có nên có danh hiệu. Tất cả pháp hữu vi tạo tác đều không có tánh, cho đến không có mảy may chừng như đầu sợi lông.

Bồ-tát đó được nghe như vậy rồi nghĩ rằng nếu tất cả pháp đều không có tánh, vì được tánh không thật có nên thành Phật, vì được tánh không thật có nên thành A-la-hán, là A-na-hàm, là Tư-đà-hàm, là Tu-đà-hoàn.

Ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nếu ta chẳng được tất cả pháp thường, không có tánh. Tại sao ta không phát tâm được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, tất cả chúng sinh sống trong tướng có, ta sẽ làm cho họ trụ trong không thật có.

Này Tu-bồ-đề! Nghĩ như vậy rồi, Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, để độ tất cả chúng sinh, việc làm theo thứ lớp tu hành, thứ tự học và thứ tự đạo của Bồ-tát đó đúng như việc làm của các Bồ-tát ở quá khứ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Hàng Bồ-tát tân học đó nên học sáu pháp Ba-la-mật: Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, và Bát-nhã ba-la-mật.

Bồ-tát lúc đó thực hành Bố thí ba-la-mật: tự bố thí, cũng khuyên người bố thí, khen ngợi công đức bố thí và vui mừng khen ngợi người làm việc bố thí.

Do nhân duyên bố thí ấy mà Bồ-tát rất được giàu có. Bồ-tát này lia bỏ tâm bồn sển, đem đồ uống ăn, y phục, đồ nằm, phòng nhà, đèn đuốc, hương hoa, chuỗi ngọc, các vật dụng sinh sống đều cung cấp cho tất cả chúng sinh.

Bồ-tát này thực hành bố thí, trì giới như vậy nên sinh lên cõi trời, cõi người, thì làm bậc tôn quý. Do bố thí, trì giới như vậy nên được các thiền định. Do bố thí, trì giới, thiền định như vậy nên được các trí tuệ, các giải thoát, các giải thoát tri kiến, vượt hơn hàng Thanh văn, Bích-chi-phật mà bước lên bậc Bồ-tát. Bước lên bậc Bồ-tát rồi được thanh tịnh cõi Phật. Được thanh tịnh cõi Phật rồi thì được thành tựu chúng sinh. Được thành tựu chúng sinh rồi thì được Nhất thiết chủng trí. Được Nhất thiết chủng trí rồi chuyển pháp luân, đem pháp ba thừa độ chúng sinh thoát khỏi sinh tử.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát dùng việc bố thí ấy mà theo thứ lớp tu hành, thứ tự học, thứ tự đạo đều không thật có. Vì sao? Vì tất cả pháp không có tự tánh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đến nay, tự trì giới, cũng dạy người trì giới, khen công đức trì giới, vui mừng

khen ngợi người trì giới. Do nhân duyên trì giới nên sinh lên cõi trời, cõi người, được sự tôn quý, thấy người nghèo cùng ban cho của cải, thấy người chẳng trì giới dạy họ trì giới, thấy người loạn tâm dạy họ thiền định, thấy người si mê dạy họ trí tuệ, thấy người không giải thoát dạy họ giải thoát, thấy người không giải thoát tri kiến dạy họ giải thoát tri kiến. Do sự trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến nên vượt hơn hàng Thanh văn, Bích-chi-phật mà bước vào bậc Bồ-tát. Vào bậc Bồ-tát rồi được thanh tịnh cõi Phật. Được thanh tịnh cõi Phật rồi thì thành tựu chúng sinh. Thành tựu chúng sinh rồi được Nhất thiết chủng trí. Được Nhất thiết chủng trí rồi chuyển pháp luân, dùng pháp ba thừa độ chúng sinh thoát khỏi sinh tử.

Này Tu-bồ-đề! Dùng trì giới ấy, Bồ-tát theo thứ lớp tu hành, thứ tự học, thứ tự đạo như vậy. Việc đó đều không thật có. Vì sao? Vì tất cả pháp không có tự tánh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ lúc mới phát tâm, tự thực hành Nhẫn nhục, cũng dạy người Nhẫn nhục, khen ngợi công đức Nhẫn nhục, vui mừng khen ngợi người Nhẫn nhục. Lúc thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật như vậy, Bồ-tát bố thí cho chúng sinh được đầy đủ, dạy họ trì giới, dạy họ thiền định, dạy họ trí tuệ, dạy họ giải thoát, dạy họ giải thoát tri kiến. Do nhân duyên bố thí, trì giới, thiền định, trí tuệ như vậy nên vượt hơn hàng Thanh văn, Bích-chi-phật mà bước lên địa vị Bồ-tát. Bước lên bậc Bồ-tát rồi được thanh tịnh cõi Phật. Được thanh tịnh cõi Phật rồi, thành tựu chúng sinh. Thành tựu chúng sinh rồi được Nhất thiết chủng trí. Được Nhất thiết chủng trí rồi chuyển pháp luân, dùng pháp ba thừa độ chúng sinh thoát khỏi sinh tử.

Này Tu-bồ-đề! Dùng Nhẫn nhục ba-la-mật, Bồ-tát theo thứ lớp tu hành, thứ tự học, thứ tự đạo như vậy. Việc đó đều không nắm bắt được. Vì sao? Vì tất cả pháp không có tự tánh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát lúc mới phát tâm đến nay, tự thực hành Tinh tấn ba-la-mật, cũng dạy người tinh tấn, khen ngợi công đức tinh tấn, vui mừng khen ngợi người tinh tấn. Lúc thực hành Tinh tấn ba-la-mật như vậy, Bồ-tát bố thí cho chúng sinh được

đầy đủ, dạy họ trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Do nhân duyên đó nên vượt hơn hàng Thanh văn, Bích-chi-phật mà bước lên bậc Bồ-tát. Vào bậc Bồ-tát rồi được thanh tịnh cõi Phật, thanh tịnh cõi Phật rồi, thành tựu chúng sinh. Thành tựu chúng sinh rồi được Nhất thiết chủng trí. Được Nhất thiết chủng trí rồi chuyển pháp luân, dùng pháp ba thừa giáo hóa chúng sinh thoát khỏi sinh tử.

Này Tu-bồ-đề! Dùng Tinh tấn ba-la-mật, Bồ-tát theo thứ tự tu hành, thứ tự học, thứ tự đạo như vậy. Việc đó đều không thật có. Vì sao? Vì tất cả pháp không có tự tánh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đến nay, tự nhập thiền, tự nhập tâm vô lượng, nhập định Vô sắc, cũng dạy người nhập thiền định, khen ngợi công đức nhập thiền định, vui mừng khen ngợi người nhập thiền định. Trụ những thiền định, Bồ-tát bố thí cho chúng sinh được đầy đủ, dạy họ trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Do nhân duyên đó nên vượt hơn hàng Thanh văn, Bích-chi-phật mà bước lên bậc Bồ-tát. Bước lên bậc Bồ-tát rồi được thanh tịnh cõi Phật, thanh tịnh cõi Phật rồi, thành tựu chúng sinh. Thành tựu chúng sinh rồi được Nhất thiết chủng trí. Được Nhất thiết chủng trí rồi chuyển pháp luân, dùng pháp ba thừa độ chúng sinh thoát khỏi sinh tử.

Này Tu-bồ-đề! Dùng Thiền định ba-la-mật, Bồ-tát theo thứ tự tu hành, thứ tự học, thứ tự đạo như vậy, việc đó đều không thật có. Vì sao? Vì tất cả pháp không có tự tánh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đến nay, tự thực hành Bát-nhã ba-la-mật, bố thí cho chúng sinh được đầy đủ, dạy họ trì giới, thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, Bồ-tát tự thực hành sáu pháp Ba-la-mật, cũng dạy người thực hành sáu pháp Ba-la-mật, khen ngợi công đức người thực hành sáu pháp Ba-la-mật, vui mừng khen ngợi người thực hành sáu pháp Ba-la-mật. Bồ-tát do nhân duyên Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật như vậy và năng lực phương tiện nên vượt hơn hàng Thanh văn, Bích-chi-phật mà vào

bạc Bồ-tát. Vào bậc Bồ-tát rồi được thanh tịnh cõi Phật, thanh tịnh cõi Phật rồi thành tựu chúng sinh. Thành tựu chúng sinh rồi được Nhất thiết chủng trí. Được Nhất thiết chủng trí rồi chuyển pháp luân, dùng pháp ba thừa độ chúng sinh thoát khỏi sinh tử.

Này Tu-bồ-đề! Dùng sáu pháp Ba-la-mật, Bồ-tát theo thứ tự tu hành, thứ tự học, thứ tự đạo như vậy. Việc đó đều không thật có. Vì sao? Vì tất cả pháp không có tự tánh.

Đó gọi là Bồ-tát lúc mới phát tâm theo thứ tự hành, thứ tự học, thứ tự đạo.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đến nay, do tâm tương ứng với Nhất thiết chủng trí, tin hiểu các pháp không có tánh mà tu sáu niệm. Đó là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Xả và niệm Thiên.

Thế nào là Bồ-tát tu niệm Phật?

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát niệm Phật chẳng dùng sắc để niệm, chẳng dùng thọ, tưởng, hành, thức để niệm. Vì sao? Vì sắc không có tự tánh, thọ, tưởng, hành, thức không có tự tánh. Nếu pháp không có tự tánh thì đó là không thật có. Vì sao? Vì vô niệm đó là niệm Phật.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát niệm Phật chẳng dùng ba mươi hai tướng để niệm, cũng chẳng dùng thân vàng ròng, chẳng dùng vàng hào quang, chẳng dùng tám mươi vẻ đẹp tùy thân để niệm. Vì sao? Vì thân Phật đó không có tự tánh. Nếu pháp không có tánh, đó là không thật có. Vì sao? Vì vô niệm đó là niệm Phật.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Chẳng nên dùng các giới để niệm Phật. Chẳng nên dùng các định, các tuệ, các giải thoát, các giải thoát tri kiến để niệm Phật. Vì sao? Vì các giới... ấy không có tự tánh. Nếu pháp không có tự tánh, đó là không thật có. Vì sao? Vì vô niệm đó là niệm Phật.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Chẳng nên dùng mười Trí lực, bốn Vô sở úy, bốn Vô ngại trí, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi để niệm Phật. Vì sao? Vì không có tự tánh. Nếu pháp không có tự tánh, đó là không thật có. Vì sao? Vì vô niệm là niệm Phật.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Chẳng nên dùng mười hai nhân duyên để niệm Phật. Vì sao? Vì pháp nhân duyên không có tự tánh, nếu

pháp không có tự tánh, đó là không thật có. Vì sao? Vì không niệm là niệm Phật.

Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát phải nên niệm Phật như vậy.

Đây là Bồ-tát lúc mới phát tâm theo thứ tự hành, thứ tự học, thứ tự đạo.

Bồ-tát đó trụ trong thứ tự hành, thứ tự học, thứ tự đạo, đầy đủ bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám phần Thánh đạo, tu hành Tam-muội không, vô tướng, vô tác cho đến Nhất thiết chủng trí, vì các pháp không có tự tánh, Bồ-tát đó biết các pháp không có tánh, trong ấy không có tánh có, không có tánh không.

Thế nào là Bồ-tát tu niệm Pháp?

Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát chẳng nhớ nghĩ pháp thiện, chẳng nhớ nghĩ pháp bất thiện, chẳng nhớ nghĩ pháp ký, chẳng nhớ nghĩ pháp vô ký, chẳng nhớ nghĩ pháp thế gian, chẳng nhớ nghĩ pháp xuất thế gian, chẳng nhớ nghĩ pháp tịnh, chẳng nhớ nghĩ pháp bất tịnh, chẳng nhớ nghĩ pháp Thánh, chẳng nhớ nghĩ pháp phàm, chẳng nhớ nghĩ pháp hữu lậu, chẳng nhớ nghĩ pháp vô lậu, chẳng nhớ nghĩ pháp thuộc cõi Dục, thuộc cõi Sắc, thuộc cõi Vô sắc, chẳng niệm pháp hữu vi, pháp vô vi. Vì sao? Vì các pháp ấy không có tự tánh. Nếu pháp không có tự tánh, đó là không thật có. Vì sao? Vì vô niệm đó là niệm Pháp. Vì học trong pháp không có tánh nên sẽ được đầy đủ bốn Niệm xứ cho đến sẽ được Nhất thiết chủng trí. Lúc Bồ-tát này được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được các pháp không có tánh. Trong không có tánh ấy: chẳng phải tướng có, chẳng phải tướng không.

Bồ-tát phải nên tu niệm Pháp như vậy. Đối với pháp ấy, dù chút niệm cũng không, huống chi là niệm Pháp.

Thế nào là Bồ-tát tu niệm Tăng?

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát niệm Tăng, vì pháp vô vi nên phân biệt có chúng đệ tử Phật. Trong đó, cho đến không có chút niệm, huống là niệm Tăng. Bồ-tát phải niệm Tăng như vậy.

Thế nào là Bồ-tát tu niệm giới?

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến nay phải nên niệm Thánh giới: giới không thiếu, giới không hở, giới không dấu vết, giới không đục, giới không vương, giới tự tại, giới mà người trí khen ngợi, giới cụ túc, giới theo chánh định. Phải niệm giới đó không có tự tánh, cho đến không có chút niệm, hướng chi là niệm giới.

Thế nào là Bồ-tát tu niệm xả?

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đến nay phải niệm xả: hoặc niệm xả với mình, hoặc niệm xả với người, hoặc xả tài, hoặc xả pháp, hoặc xả phiến não, vì quán sự xả ấy không thật có, cho đến không có chút niệm, hướng chi là niệm xả.

Thế nào là Bồ-tát tu niệm Thiên?

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nghĩ rằng các tầng trời Tứ Thiên vương có tín, giới, thí, vãng, tuệ. Ở đây chết sinh lên tầng trời ấy. Ta cũng có tín, giới, thí, vãng, tuệ đó. Cho đến trời tầng Tha hóa, trời Tự tại có các tín, giới, thí, vãng, tuệ. Ở đây chết sinh lên tầng trời ấy. Tôi cũng có tín, giới, thí, vãng, tuệ đó. Bồ-tát phải nên nhớ nghĩ trên các tầng trời không có tự tánh, còn không có chút niệm, hướng chi là niệm Thiên.

Bồ-tát thực hành sáu niệm như vậy thì gọi là theo thứ tự hành, thứ tự học, thứ tự đạo.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không có tánh, đó là niệm sắc không có tánh, thọ, tưởng, hành, thức không có tánh, nhãn đến ý, sắc cho đến pháp đều không có tánh, nhãn giới cho đến ý thức giới không có tánh, Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, nội không cho đến vô pháp hữu pháp không đều không có tánh, bốn Niệm xứ cho đến Nhất thiết chủng trí đều không có tánh.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không có tánh thì không có đạo, không trí, không có quả phải chăng?

–Này Tu-bồ-đề! Người thấy tánh sắc đó thật có hay chẳng? Cho đến tánh của Nhất thiết chủng trí đó thật có hay chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không thấy có!

–Này Tu-bồ-đề! Ông chẳng thấy các pháp thật có, sao lại hỏi như vậy?

–Bạch Đức Thế Tôn! Ở đây con không dám có nghi ngờ, mà chỉ vì đời sau những Tỳ-kheo cầu đạo Thanh văn, đạo Bích-chi-phật, đạo Bồ-tát sẽ cho rằng: Nếu tất cả pháp không có tánh thì ai nhớ, ai sạch, ai trói buộc, ai giải thoát? Vì chẳng hiểu biết, họ có thể phá giới, phá kiến, phá oai nghi, phá tịnh mạng. Vì phá như vậy, nên họ bị đọa vào ba đường ác.

Bạch Đức Thế Tôn! Sợ đời sau sẽ có sự tệ hại như vậy nên con thưa hỏi Đức Phật.

Bạch Đức Thế Tôn! Đối với pháp không có tánh, con tin hiểu, không nghi ngờ, không ăn năn.

M

Phẩm 76: NHẤT NIỆM

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không có tánh, thì Bồ-tát thấy những lợi ích gì mà vì chúng sinh khai phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Vì tất cả pháp không thật có nên Bồ-tát vì chúng sinh mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao? Vì những ai có được có chấp thì khó được giải thoát.

Này Tu-bồ-đề! Người có được tướng thì không có đạo, không có quả, không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

–Bạch Đức Thế Tôn! Người không được tướng thì có đạo, có quả, có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

–Này Tu-bồ-đề! Không có được tức là đạo, tức là quả, tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì pháp tánh chẳng hoại diệt.

Nếu pháp không thật có mà muốn được đạo, muốn được quả, muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó là muốn hoại pháp tánh.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu pháp không có được tức là đạo, tức là quả, tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sao lại có Bồ-tát

Địa thứ nhất cho đến Địa thứ mười, sao lại có pháp Nhẫn vô sinh, sao lại có quả báo được thần thông, sao lại có quả báo được Bồ thí, Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ, an trụ trong các quả báo đặc ấy có thể thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, cúng dường các Đức Phật các thứ y phục, uống ăn, hoa hương, chuỗi ngọc, phòng nhà, giường nệm, đèn đuốc, những vật dụng cần để sống, cho đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng dứt mất phước đức đó, cho đến sau khi nhập diệt, xá-lợi và đệ tử được cúng dường?

–Này Tu-bồ-đề! Vì các pháp không có tướng nên được Bồ-tát Sơ địa đến Thập địa, có quả báo đặc năm phép thần thông, sáu pháp Ba-la-mật, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, cũng do nhân duyên thiện căn mà làm lợi ích chúng sinh, cho đến sau khi nhập diệt, xá-lợi và đệ tử được cúng dường

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các pháp không có tướng thì sáu pháp Ba-la-mật, năm phép thần thông có gì khác nhau?

–Này Tu-bồ-đề! Đối với pháp không có tướng, bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, các thần thông không có khác nhau. Do chúng sinh chấp có bồ thí cho đến các thần thông nên phân biệt mà nói thôi.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là đối với pháp không có tướng, bồ thí cho đến các loại thần thông không có khác nhau?

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, người thí, kẻ thọ đều không thật có mà thực hành bồ thí, không được giới mà trì giới, không được nhẫn mà hành nhẫn nhục, không được tinh tấn mà hành tinh tấn, không được thiền mà hành thiền, không được trí tuệ mà hành trí tuệ, không được thần thông mà hành thần thông, không được bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo mà thực hành bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo, không được ba Tam-muội mà thực hành ba Tam-muội, chẳng được chúng sinh mà thành tựu chúng sinh, không được thanh tịnh cõi Phật mà thanh tịnh cõi Phật, không được các pháp Phật mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải nên thực hành Bát-nhã ba-la-

mật không có được như vậy. Lúc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật không có được này, thì ma hay thiên ma không phá hoại được.

–Bạch Đức Thế Tôn! Lúc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, làm sao trong một niệm mà đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo, ba môn Giải thoát, mười Trí lực, bốn Vô úy, bốn Trí vô ngại, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp tùy thân?

–Này Tu-bồ-đề! Khi thực hành bố thí, Bồ-tát chẳng xa lìa Bát-nhã ba-la-mật, khi tu trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ chẳng xa lìa Bát-nhã ba-la-mật, cho đến tám mươi vẻ đẹp chẳng xa lìa Bát-nhã ba-la-mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào Đại Bồ-tát vì chẳng xa lìa Bát-nhã ba-la-mật nên trong một niệm thực hành đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật cho đến tám mươi vẻ đẹp?

–Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát có thực hành bố thí chẳng xa lìa Bát-nhã ba-la-mật, chẳng thấy có hai tướng, lúc trì giới cũng chẳng thấy có hai tướng, cho đến tám mươi vẻ đẹp cũng chẳng thấy có hai tướng.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào Đại Bồ-tát lúc bố thí cho đến lúc tu tám mươi vẻ đẹp chẳng thấy có hai tướng?

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật muốn đầy đủ Bố thí ba-la-mật, trong Bố thí ba-la-mật bao gồm hết các Ba-la-mật và bốn Niệm xứ cho đến tám mươi vẻ đẹp.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát lúc bố thí bao gồm hết các pháp vô lậu?

–Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát an trụ tâm vô lậu mà bố thí. Trong tâm vô lậu chẳng thấy tướng ai thí, ai thọ và vật thí. Do tâm vô tướng, tâm vô lậu này dứt trừ tâm ái nhiễm, tâm xan tham mà thực hành bố thí. Bấy giờ, chẳng thấy bố thí cho đến chẳng thấy pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát này dùng tâm vô tướng, tâm vô lậu mà trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, chẳng thấy là giới, là nhẫn nhục, là

ting tấn, cho đến chẳng thấy pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát này dùng tâm vô tướng, tâm vô lậu mà tu bốn Niệm xứ, chẳng thấy là bốn Niệm xứ cho đến chẳng thấy tám mươi vẻ đẹp.

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các pháp vô tướng, vô tác, thì làm sao đầy đủ Bồ thí ba-la-mật cho đến đầy đủ tám mươi vẻ đẹp?

– Nay Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng tâm vô tướng, tâm vô lậu mà hành bố thí: người cần ăn cho ăn, cho đến cần dùng đến thứ gì đều cung cấp cho tất cả, hoặc vật ngoài thân, vật trong thân, hoặc cắt xẻ thân thể, hoặc quốc thành, vợ con đều bố thí cho chúng sinh.

Nếu có người đến bảo: Cần chi phải bố thí như vậy, không có lợi ích gì.

Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật này nghĩ rằng dầu người này đến trách tôi bố thí nhưng ta vẫn không hối hận, ta phải siêng năng bố thí, chẳng nên chẳng ban cho, bố thí xong cùng với tất cả chúng sinh hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cũng chẳng thấy có những tướng người thí, người thọ, vật thí, người hồi hướng; pháp hồi hướng, chỗ hồi hướng là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đều không thấy có các tướng đó. Vì sao? Vì tất cả pháp do nội không nên không, do ngoại không nên không, do nội ngoại không nên không, do không không, hữu vi không, vô vi không, rốt ráo không, vô thủ không, tán không, tự tướng không nên không. Lúc quán như vậy nghĩ rằng: “Ai hồi hướng? Hồi hướng về chỗ nào? Dùng pháp gì để hồi hướng?” Đó gọi là chánh hồi hướng.

Bấy giờ, Bồ-tát thường thành tựu cho chúng sinh, thường thanh tịnh cõi Phật, làm đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, ba Tam-muội cho đến mười tám pháp Bát cộng.

Bồ-tát này đầy đủ Bồ thí ba-la-mật mà chẳng thọ hưởng quả báo thế gian.

Ví như cõi trời Tha hóa tự tại tại hễ cần dùng thứ gì đều được tùy ý. Cũng như vậy, tâm Bồ-tát nguyện những gì liền được như ý. Do quả báo bố thí đó, Đại Bồ-tát cúng dường các Đức Phật, cũng hay ban đầy đủ cho tất cả chúng sinh trời, người, A-tu-la.

Bồ-tát này dùng Bồ thí ba-la-mật che chở chúng sinh. Dùng năng lực phương tiện đem pháp ba thừa cứu độ chúng sinh thoát khỏi sinh tử.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đối với các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác mà đầy đủ Bồ thí ba-la-mật như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Đại Bồ-tát đối với các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác mà đầy đủ Trì giới ba-la-mật?

Lúc thực hành Trì giới ba-la-mật, Đại Bồ-tát trì các thứ giới. Đó là giới vô lậu của bậc Thánh, thể nhập tám phần Thánh đạo, giới tự nhiên đắc, giới do quả báo đắc, giới do thọ mà đắc, giới do tâm sinh, tất cả các giới này đều chẳng thiếu, chẳng phá, chẳng xen lẫn, chẳng ô trược, chẳng chấp. Là giới tự tại, là giới được người trí khen ngợi. Dùng giới này mà không chỗ chấp lấy, hoặc sắc, hoặc thọ, tưởng, hành, thức, hoặc ba mươi hai tướng, hoặc tám mươi vẻ đẹp, hoặc dòng lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ, hoặc trời Tứ vương, trời Dao-lợi, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa tự tại, trời cõi Sắc, trời cõi Vô sắc, hoặc quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật hoặc Chuyển luân thánh vương hoặc Thiên vương. Chỉ vì tất cả chúng sinh mà cùng họ hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bởi vô tướng, vô đắc, không hai mà hồi hướng là pháp thế tục, chẳng phải Đệ nhất thật nghĩa.

Bồ-tát này đầy đủ Trì giới ba-la-mật, dùng năng lực phương tiện phát khởi bốn Thiên, vì không tham mê thiên nên được năm phép thần thông. Nhờ bốn Thiên mà được Thiên nhãn. Bồ-tát này có hai thứ Thiên nhãn: do tu tập mà đắc và do quả báo mà đắc.

Được Thiên nhãn rồi, Bồ-tát này thấy các Đức Phật hiện tại ở phương Đông cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, với chín phương kia cũng đều thấy như vậy. Những việc đã thấy không sai, không quên.

Bằng Thiên nhĩ thanh tịnh hơn hẳn tai thường, Bồ-tát này nghe các Đức Phật mười phương nói pháp. Điều được nghe không sai, không quên, làm lợi ích mình và người.

Dùng Tha tâm trí, Bồ-tát này biết tâm của các Đức Phật ở

mười phương và biết tâm của tất cả chúng sinh, cũng làm lợi ích tất cả chúng sinh.

Dùng Túc mạng trí, Bồ-tát này biết những nghiệp nhân quá khứ, vì nghiệp nhân duyên chẳng mất nên chúng sinh đổ sinh về nơi nào đều biết rõ.

Dùng Lưu tận trí, Bồ-tát này giúp cho chúng sinh chứng được các quả Tu-đà-hoàn đến A-la-hán, Bích-chi-phật. Chỗ nào, nơi nào cũng đều có khả năng làm cho chúng sinh đi vào trong pháp lành.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đối với các pháp không tướng, không đắc, không tác mà đầy đủ Trì giới ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát đối với các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác mà đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật?

– Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát này từ lúc mới phát tâm đến nay, mãi đến lúc ngồi đạo tràng, trong thời gian đó có bất luận chúng sinh nào đến đánh đập, chém giết, Bồ-tát này chẳng sinh tâm giận hờn dầu chỉ một ý niệm.

Bồ-tát phải tu hai thứ nhẫn.

1. Chẳng sinh tâm giận thù đối với bất luận chúng sinh nào đến mắng chửi, đánh đập, chém giết.

2. Tất cả pháp không sinh.

Pháp Nhẫn vô sinh của Bồ-tát là khi bị người đến mắng chửi, đánh đập, phải nghĩ: “Mắng ta là ai? Ai chê, ai đánh, ai đập? Ai chịu đựng? Bồ-tát phải suy gẫm thật tánh các pháp, đó là rốt ráo không, không pháp, không chúng sinh. Các pháp còn không thật có, hống chi chúng sinh mà có. Lúc quán sát như vậy, Bồ-tát chẳng thấy người mắng, chẳng thấy người chém giết. Lúc quán sát như vậy, Bồ-tát này liền được pháp Nhẫn vô sinh.

Thế nào gọi là pháp Nhẫn vô sinh? Vì biết các pháp tướng thường chẳng sinh, các phiền não từ xưa đến giờ cũng thường chẳng sinh.

An trụ trong hai thứ nhẫn này, Đại Bồ-tát sẽ đầy đủ bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, đầy đủ bốn Niệm xứ cho đến

tám Thánh đạo, ba môn Giải thoát, mười Trí lực, bốn Vô úy, bốn Trí vô ngại, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi.

Bồ-tát này an trụ pháp Thánh vô lậu xuất thế, chẳng cùng với tất cả các Thanh văn, Bích-chi-phật, đầy đủ thần thông của bậc Thánh.

An trụ trong thần thông của bậc Thánh, Bồ-tát này dùng Thiên nhãn thấy các Đức Phật ở phương Đông, liền được Tam-muội niệm Phật cho đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phương kia cũng giống như vậy.

Dùng Thiên nhĩ, Bồ-tát này nghe pháp của các Đức Phật ở mười phương giảng nói, rồi đem chỗ đã được nghe dạy lại chúng sinh.

Bồ-tát này cũng biết tâm các Đức Phật, biết tâm niệm của tất cả chúng sinh. Biết tâm của chúng sinh rồi theo tâm của họ mà nói pháp.

Dùng Túc mạng trí, Bồ-tát này biết căn lành đời trước của tất cả chúng sinh rồi vì chúng sinh mà nói pháp cho họ vui mừng.

Dùng thần thông lậu tận, Bồ-tát này giáo hóa chúng sinh cho họ được Thánh quả ba thừa.

Đại Bồ-tát này thực hành Bát-nhã ba-la-mật dùng năng lực phương tiện thành tựu chúng sinh, đầy đủ Nhất thiết chủng trí, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chuyển pháp luân.

–Này Tu-bồ-đề! Đối với pháp vô tướng, vô đắc, vô tác đầy đủ Nhãn nhục ba-la-mật như vậy.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào đối với pháp vô tướng, vô đắc, vô tác, Đại Bồ-tát sẽ đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật?

–Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát thành tựu thân tinh tấn, tâm tinh tấn, nhập Thiền thứ nhất cho đến Thiền thứ tư, được các thứ thần thông, phân một thân thành nhiều thân, cho đến tay sờ đến mặt trời, mặt trăng.

Vì thành tựu thân tinh tấn, Bồ-tát này bay đến vô lượng trăm ngàn muôn ức thế giới cúng dường các Đức Phật đủ tất cả vật dụng cần thiết, cho đến lúc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác,

phước đức quả báo vẫn chẳng dứt hết.

Lúc Bồ-tát này được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả trời và người ở thế gian đến hết lòng cúng dường y phục, thức ăn, đồ uống, cho đến sau khi nhập Niết-bàn, xá-lợi và đệ tử được cúng dường, cũng do năng lực thần thông ấy được đến chỗ Phật để nghe, lãnh giáo pháp, cho đến lúc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác trọn chẳng hề trái, chẳng hề mất.

Bồ-tát này lúc tu Nhất thiết chủng trí, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát thành tựu thân tinh tấn, làm cho đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát thành tựu tâm tinh tấn, làm cho hay đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật?

Đại Bồ-tát tâm tinh tấn, dùng tâm tinh tấn Thánh vô lậu này nhập vào tám phần Thánh đạo, chẳng cho nghiệp bất thiện của thân hay miệng được vào, cũng chẳng chấp lấy các pháp tướng là thường hay vô thường, là khổ hay vui, là ngã hay vô ngã, là hữu vi hay vô vi, là cõi Dục, cõi Sắc hay cõi Vô sắc, là tánh hữu lậu hay tánh vô lậu, là Thiền thứ nhất cho đến hay là Thiền thứ tư, là Từ, là Bi hay là Hỷ, là Xả, là hư không vô biên xứ cho đến Phi tưởng phi phi tưởng xứ, là bốn Niệm xứ, là bốn Chánh cần, là bốn Như ý túc, là năm Căn, là năm Lực, là bảy Giác phần, là tám phần Thánh đạo, là không, vô tướng, vô tác, là mười Trí lực cho đến mười tám pháp Bát cộng.

Bồ-tát này chẳng chấp lấy tướng là thường hay vô thường, là khổ hay vui, là ngã hay vô ngã, là quả Tu-đà-hoàn, là quả Tư-đà-hàm, là quả A-na-hàm, là quả A-la-hán, là đạo Bích-chi-phật, là đạo Bồ-tát, là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là vị Tu-đà-hoàn, là vị Tư-đà-hàm, là vị A-na-hàm, là vị A-la-hán, là vị Bích-chi-phật, là vị Bồ-tát, là vị Phật.

Bồ-tát này chẳng chấp lấy tướng do chúng sinh này dứt kết sử ba cõi nên được quả Tu-đà-hoàn, vì chúng sinh này dần mỏng ba độc nên được quả Tư-đà-hàm, vì chúng sinh này dứt kết tập cõi Dục nên được quả A-na-hàm, vì chúng sinh này dứt kết tập cõi trên nên được

quả A-la-hán, vì chúng sinh này dùng đạo Bích-chi-phật nên được quả Bích-chi-phật, vì chúng sinh này thực hành Đạo chủng trí nên gọi là Bồ-tát.

Cũng chẳng chấp lấy các pháp tướng này. Vì sao? Vì chẳng nên dùng tánh chấp lấy tướng, vì là tánh không.

Dùng tâm tinh tấn này, Bồ-tát làm lợi ích rộng lớn cho chúng sinh, cũng chẳng thấy có chúng sinh ấy.

Đây là Bồ-tát do đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật mà đầy đủ các pháp, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, vì không thật có.

Vì thành tựu thân tinh tấn và tâm tinh tấn, Bồ-tát này nhận lấy tất cả pháp lành, và vì cũng chẳng chấp lấy các pháp lành này, Bồ-tát đi từ một cõi Phật đến một cõi Phật, làm lợi ích chúng sinh, hiện các thần thông tùy ý vô ngại: hoặc mưa hoa, mưa hương, hoặc trời các thứ kỹ nhạc, hoặc làm rung chuyển mặt đất, hoặc phát ra ánh sáng, hoặc hiện thế giới bảy báu trang nghiêm, hoặc hiện nhiều thứ thân hình, hoặc phát ra ánh sáng đại trí tuệ, làm cho chúng sinh biết Thánh đạo, làm cho chúng sinh lìa bỏ sát sinh cho đến tà kiến, hoặc dùng việc bố thí để lợi ích chúng sinh, hoặc dùng trì giới, hoặc đem thân thể chia xẻ, hoặc đem vợ con, quốc thành, hoặc đem chính thân mình để cấp cho, tùy phương cách tiện lợi làm lợi ích cho chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Thực hành Bát-nhã ba-la-mật đối với các pháp vô tướng, vô đắc, vô tác, Đại Bồ-tát dùng thân và tâm tinh tấn, làm cho đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là đối với pháp vô tướng, vô đắc, vô tác, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thường làm cho đầy đủ Thiền ba-la-mật?

–Này Tu-bồ-đề! Trừ các thiền định của Phật, Đại Bồ-tát đều sẽ đầy đủ tất cả các thiền định.

Bồ-tát này xa lìa các dục nhiễm, các pháp bất thiện, các pháp ác, do lìa dục mà hỷ lạc, có giác, có quán, nhập Thiền thứ nhất cho đến Thiền thứ tư.

Bồ-tát này dùng tâm Từ, Bi, Hỷ, Xả trùm khắp tất cả thế gian mười phương.

Bồ-tát này qua khỏi tất cả tướng của sắc, dứt tướng có đối đãi, vì chẳng nghĩ nhớ tướng khác biệt mà nhập vào Vô biên hư không xứ, cho đến nhập vào Phi tướng phi phi tướng xứ.

Trụ trong Thiên ba-la-mật, Bồ-tát này thuận và nghịch nhập tám Bội xả, chín Định thứ đệ, nhập vào Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô tác, hoặc có lúc nhập Tam-muội Điện quang, hoặc có lúc nhập Tam-muội Thánh chánh, hoặc có lúc nhập Tam-muội Như kim cang.

Trụ trong Thiên ba-la-mật, Bồ-tát này tu ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, dùng Đạo chủng trí nhập vào tất cả thiên định, vượt qua Càn tuệ địa, Tánh địa, Bát nhân địa, Kiến địa, Bạc địa, Ly Dục địa, Dĩ biện địa và Bích-chi-phật địa mà vào địa vị Bồ-tát, khi đã nhập địa vị Bồ-tát rồi thì đầy đủ Phật địa, đi trong các địa ấy cho đến lúc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, chẳng bao giờ chấp lấy đạo quả giữa chừng.

Trụ trong Thiên ba-la-mật, Bồ-tát này từ một cõi Phật đến một cõi Phật cúng dường các Đức Phật, ở chỗ chư Phật gieo trồng căn lành, thanh tịnh cõi Phật, từ một cõi Phật đến một cõi Phật làm lợi ích chúng sinh, hoặc dùng bố thí giúp đỡ chúng sinh, hoặc dùng trì giới, hoặc dùng Tam-muội, hoặc dùng trí tuệ, hoặc dùng giải thoát, hoặc dùng tri kiến giải thoát giúp đỡ chúng sinh, giáo hóa chúng sinh khiến cho họ được pháp lành của quả Tu-đà-hoàn cho đến đạo Bích-chi-phật, đều có khả năng dạy cho chúng sinh đắc đạo.

Trụ trong Thiên ba-la-mật, Bồ-tát này thường phát sinh tất cả môn Đà-la-ni, được bốn Trí vô ngại, được các thần thông có được do quả báo.

Bồ-tát này chẳng bao giờ vào bào thai người mẹ, chẳng bao giờ thọ năm dục, thường không sinh bất sinh, dầu có sinh cũng chẳng bị phát sinh làm ô nhiễm. Vì sao? Vì Bồ-tát này thấy tất cả pháp như huyễn ảo mà làm lợi ích chúng sinh, cũng không thấy có chúng sinh và tất cả pháp, để được giáo hóa chúng sinh, khiến họ được vô sở đắc vì là pháp thế tục, chẳng phải thật nghĩa đệ nhất.

Trụ Thiên ba-la-mật, Bồ-tát này thực hành tất cả thiên định, giải thoát, Tam-muội, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác

chẳng bao giờ xa lìa Thiền ba-la-mật.

Lúc thực hành Đạo chủng trí như vậy, Bồ-tát này được Nhất thiết chủng trí, dứt tất cả tập khí phiền não. Dứt xong, tự lợi ích cho mình đồng thời cũng lợi ích cho người. Đã tự lợi và lợi tha rồi làm ruộng phước cho tất cả trời, người, A-tu-la trong đời.

Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát làm cho đầy đủ vô tướng Thiền ba-la-mật như vậy.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là trụ trong pháp vô tướng, vô tác, vô đắc lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật làm cho Đại Bồ-tát tu tập đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật?

–Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát đối với các pháp chẳng thấy tướng quyết định thật. Bồ-tát này thấy sắc bất định chẳng phải thật tướng, cho đến thấy thức bất định chẳng phải thật tướng, chẳng thấy sắc sinh cho đến chẳng thấy thức sinh.

Nếu chẳng thấy sắc sinh, cho đến chẳng thấy thức sinh thì đối với tất cả pháp hữu lậu hay vô lậu đều chẳng thấy chỗ đến, chỗ đi, cũng chẳng thấy chỗ tập học. Lúc quán sát như vậy, Bồ-tát chẳng thấy có sắc tánh cho đến thức tánh, cũng chẳng thấy có tánh pháp hữu lậu và tánh pháp vô lậu.

Bồ-tát này lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật tin hiểu tất cả pháp không có tướng. Tin hiểu như vậy rồi, Bồ-tát thực hành nội không cho đến thực hành vô pháp hữu pháp không, đối với các pháp từ sắc cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không chấp lấy.

Thực hành Bát-nhã ba-la-mật không thật có, Bồ-tát này thường đầy đủ đạo Bồ-tát, đó là sáu pháp Ba-la-mật cho đến ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười Trí lực, bốn Vô úy, bốn Trí vô ngại, mười tám pháp Bất cộng, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp.

Bồ-tát này trụ trong Phật đạo rộng rang thanh tịnh, đó là sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, dùng các pháp này làm lợi ích cho chúng sinh: nên dùng bố thí để giúp đỡ thì dạy họ bố thí; nên dùng trì giới để giúp đỡ thì dạy họ trì giới, nên dùng thiền định, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến để giúp đỡ thì dạy họ thiền định, trí tuệ, giải thoát và giải thoát tri kiến; nên dùng các

đạo pháp để dạy thì dạy họ được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán và đạo Bích-chi-phật; nên dùng Phật đạo để giáo hóa thì dạy họ được đạo Bồ-tát, đầy đủ Phật đạo. Tùy theo chỗ nên giáo hóa chúng sinh, khiến cho họ đều được sự lợi ích đáng được.

Lúc hiện những thứ năng lực thần thông như vậy, Bồ-tát đi qua vô lượng hằng sa cõi nước độ chúng sinh ra khỏi sinh tử, cung cấp những đồ cần dùng cho chúng sinh được đầy đủ, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, thấy cõi nước thanh tịnh nhiệm mầu để tự trang nghiêm cõi nước mình.

Như trên tầng trời Tha hóa tự tại, những đồ cần dùng tùy ý hiện đến, cũng như các tịnh độ xa lìa cầu dục, Bồ-tát trang nghiêm cõi mình cũng như vậy.

Do phước báo này, Bồ-tát được Bồ thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật, năm thần thông do quả báo được, hành đạo Bồ-tát, Đạo chủng trí, thành tựu tất cả công đức, sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bấy giờ, vị Bồ-tát này chẳng thọ sắc cho đến chẳng thọ thức, chẳng thọ tất cả pháp lành hay chẳng lành, thế gian hay xuất thế gian, hữu lậu hay vô lậu, hữu vi hay vô vi, tất cả pháp như vậy đều chẳng thọ.

Lúc Bồ-tát này được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tất cả đồ vật cần dùng sinh sống trong nước đều không có chủ. Vì sao? Vì Bồ-tát này thực hành chẳng thọ tất cả pháp, đều không thật có.

Này Tu-bồ-đề! Đối với pháp vô tướng, Đại Bồ-tát thường đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật.

M

Phẩm 77: SÁU VÍ DỤ

Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là đối với các pháp vô tướng tự

tướng là không, chẳng phân biệt mà tu trọn vẹn sáu pháp Ba-la-mật, là Thí ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tiến ba-la-mật, Thiên ba-la-mật và Bát-nhã ba-la-mật?

Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là đối với pháp không khác nhau mà phân biệt nói tướng khác nhau?

Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật bao gồm cả thí, giới, nhẫn, tiến và thiên?

Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là thực hành pháp có tướng khác nhau rồi dùng đạo một tướng mà đắc quả?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ trong năm ấm như mộng, như tiếng vang, như hình bóng, như sóng nắng, như huyễn, như hóa mà thực hành bố thí, trì giới, mà tu nhẫn nhục, tinh tấn, mà nhập vào thiền định, mà rèn luyện trí tuệ, biết năm ấm này như mộng, như tiếng vang, như hình bóng, như sóng nắng, như huyễn, như hóa, biết năm ấm là vô tướng, như mộng, cho đến biết năm ấm là vô tướng như hóa.

Vì sao? Vì mộng không có tự tánh, tiếng vang, hình bóng, sóng nắng, huyễn, hóa, đều không tự tánh. Nếu pháp không tự tánh là pháp vô tướng. Nếu pháp vô tướng là pháp một tướng, đó là Vô tướng.

Này Tu-bồ-đề! Do nhân duyên như vậy nên biết Bồ-tát bố thí vô tướng: người thí vô tướng, người thọ cũng vô tướng. Có thể biết bố thí như vậy thì đầy đủ được Bố thí ba-la-mật cho đến đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật, đầy đủ bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo, đầy đủ nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, đầy đủ Tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác, đầy đủ tám Bội xả, chín Định thứ đệ, năm thần thông, năm trăm môn Đà-la-ni, đầy đủ mười Trí lực, bốn Vô úy, bốn Trí vô ngại, mười tám pháp Bất cộng.

Bồ-tát này trụ trong quả báo này được pháp vô lậu, bay đến vô lượng cõi nước ở phương Đông, cho đến bay đến vô lượng cõi nước ở mười phương, cúng dường các Đức Phật, làm lợi ích chúng sinh. Chúng sinh nào nên dùng bố thí để giúp đỡ thì dùng bố thí giúp đỡ họ, nên dùng trì giới để giúp đỡ thì dùng trì giới để dạy họ, nên dùng

nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ để giúp đỡ thì dạy họ nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, cho đến dùng các pháp lành để giúp đỡ thì dùng các pháp lành để giúp đỡ họ.

Bồ-tát này thành tựu tất cả pháp lành như vậy, thọ thân thế gian chẳng bị sinh tử ở thế gian làm ô nhiễm. Vì chúng sinh nên Bồ-tát ở trên cõi trời, trong loài người thọ hưởng sự tôn quý giàu vui, dùng sự tôn quý giàu vui này giúp đỡ chúng sinh.

Vì Bồ-tát này biết tất cả pháp là vô tướng, nên biết quả Tu-đà-hoàn mà chẳng trụ trong đó, biết quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi-phật mà chẳng trụ trong đó. Vì sao? Vì Bồ-tát này dùng Nhất thiết chủng trí biết tất cả pháp, rồi sẽ được Nhất thiết chủng trí nên chẳng đồng với hàng Thanh văn, Bích-chi-phật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát biết tất cả pháp là vô tướng như vậy rồi, biết sáu pháp Ba-la-mật là vô tướng, cho đến biết tất cả Phật pháp là vô tướng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ năm ấm như mộng, như tiếng vang, như hình bóng, như sóng nắng, như huyễn, như hóa thì hay đầy đủ được Giới ba-la-mật vô tướng. Giới này chẳng thiếu, chẳng hư, chẳng tạp, chẳng chấp, là giới vô lậu mà bậc Thánh khen ngợi đi vào tám phần Thánh đạo. Trụ trong giới này trì tất cả giới, đó là giới danh tự, giới tự nhiên, giới luật nghi, giới tác, giới vô tác, giới oai nghi, giới phi oai nghi.

Đại Bồ-tát này thành tựu các giới, chẳng nguyện cầu sinh vào dòng họ lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ, cũng chẳng nguyện cầu sinh vào nhà Tiểu vương hay Chuyển luân thánh vương, chẳng nguyện cầu sinh lên các cõi trời, chẳng nguyện cầu được quả Thanh văn, đạo Bích-chi-phật. Vì sao? Vì tất cả pháp vô tướng đó là một tướng, pháp vô tướng không thể được pháp vô tướng, pháp hữu tướng không thể được pháp hữu tướng, pháp hữu tướng không thể được pháp vô tướng, pháp vô tướng không thể được pháp hữu tướng.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát này lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy được đầy đủ Giới ba-la-mật mà nhập vào địa vị Bồ-tát, vào đại vị Bồ-tát rồi được pháp Nhẫn vô sinh, thực hành Đạo chủng trí,

được quả báo đắc năm phép thân thông, trụ trong năm trăm môn Đà-la-ni, được bốn Trí vô ngại, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, cúng dường các Đức Phật, thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật, dầu vào trong năm đường chúng sinh mà không bị nghiệp báo sinh tử làm nhiễm ô được.

Này Tu-bồ-đề! Ví như hóa Chuyển luân thánh vương dầu ngồi, nằm, đi, đứng chẳng thấy chỗ đến, chẳng thấy chỗ đi, chẳng thấy chỗ đứng, chỗ ngồi, chỗ nằm mà thường làm lợi ích chúng sinh, cũng chẳng thấy có chúng sinh. Bồ-tát này cũng giống như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Ví như Đức Phật Tu-phấn-đa được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác vì ba thừa mà chuyển pháp luân, không có ai được thọ ký Bồ-đề, nên hóa thành Phật rồi xả thọ mạng, nhập Niết-bàn Vô dư. Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật cũng giống như vậy, đầy đủ Giới ba-la-mật. Đầy đủ Giới ba-la-mật thì bao gồm tất cả pháp lành.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát trụ trong năm ấm như mộng, như tiếng vang, như hình bóng, như sóng nắng, như huyễn, như hóa, đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật vô tướng.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ trong hai thứ nhẫn thì sẽ đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật, đó là sinh nhẫn và pháp nhẫn. Từ lúc mới phát tâm đến lúc ngồi đạo tràng, nếu bất luận có chúng sinh nào đến mắng chửi, đánh đập, chém giết Bồ-tát, Bồ-tát này vì muốn đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật nên chẳng sinh tâm giận thù, dầu chỉ một niệm.

Bồ-tát này nghĩ: “Ai mắng ta? Ai đánh ta? Ai chém ta?” Vì sao? Vì Bồ-tát này đối với tất cả pháp được nhẫn vô tướng, nên chẳng bao giờ nghĩ rằng người đó mắng ta, hại ta.

Nếu thực hành như vậy, Đại Bồ-tát này sẽ đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật. Do đầy đủ Nhẫn nhục ba-la-mật nên được pháp Nhẫn vô sinh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là pháp Nhẫn vô sinh? Nhẫn này dứt trừ những gì và biết những gì?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Được pháp nhãn, dù cho mảy may pháp chẳng lành cũng chẳng sinh nên gọi là Vô sinh nhãn. Tất cả phiền não phải dứt của Bồ-tát đều hết, đó gọi là dứt trừ. Dùng trí tuệ biết tất cả pháp chẳng sinh, đó gọi là biết.

–Bạch Đức Thế Tôn! Pháp Nhãn vô sinh của hàng Thanh văn, Bích-chi-phật pháp Nhãn vô sinh của Bồ-tát có gì khác nhau?

–Này Tu-bồ-đề! Hoặc trí hoặc đoạn của Tu-đà-hoàn gọi là nhãn của Bồ-tát, hoặc trí hoặc đoạn của Tư-đà-hàm gọi là nhãn của Bồ-tát, hoặc trí hoặc đoạn của A-na-hàm gọi là nhãn của Bồ-tát, hoặc trí hoặc đoạn của A-la-hán gọi là nhãn của Bồ-tát, hoặc trí hoặc đoạn của Bích-chi-phật gọi là nhãn của Bồ-tát, đó là khác nhau.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thành tựu nhãn này hơn cả hàng Thanh văn, Bích-chi-phật.

An trụ trong quả báo do được Vô sinh nhãn này, Đại Bồ-tát thực hành đạo Bồ-tát đầy đủ Đạo chủng trí. Vì đầy đủ Đạo chủng trí nên thường chẳng lìa ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cho đến Tam-muội Không, Vô tướng, Vô tác, thường chẳng lìa năm phép thần thông. Vì chẳng lìa năm phép thần thông nên thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật, sẽ được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đầy đủ Nhãn nhục ba-la-mật bằng vô tướng như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát an trụ trong năm ấm vô tướng như mộng, như tiếng vang, như bóng, như sóng nắng, như huyễn, như hóa, mà thực hành thân tinh tấn và tâm tinh tấn.

Do thân tinh tấn mà phát khởi thần thông. Do phát khởi thần thông mà đến các thế giới ở mười phương cúng dường các Đức Phật, lợi ích chúng sinh. Dùng năng lực của thân tinh tấn mà giáo hóa chúng sinh cho họ trụ trong ba thừa.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, được đầy đủ Tinh tấn ba-la-mật vô tướng như vậy.

Bồ-tát này nhờ tâm tinh tấn, tinh tấn vô lậu của bậc Thánh mà thể nhập vào tám phần Thánh đạo, làm cho đầy đủ Tinh tấn ba-la-

mật, Tinh tấn ba-la-mật này bao gồm tất cả pháp lành, đó là bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám Thánh đạo, bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, tám Bội xả, chín Định thứ đệ, mười Trí lực, bốn Vô úy, bốn Trí vô ngại, mười tám pháp Bất cộng. Bồ-tát thực hành những pháp lành trong đây phải đầy đủ Nhất thiết chủng trí. Đầy đủ Nhất thiết chủng trí rồi, dứt tất cả tập chủng phiền não, đầy đủ ba mươi hai tướng, thân phát ra vô lượng, vô số tia sáng. Phát ra ánh sáng rồi chuyển ba lần mười hai hành pháp luân. Do chuyển pháp luân nên đại thiên thế giới rung chuyển sáu cách, ánh sáng chiếu khắp đại thiên thế giới. Chúng sinh trong đại thiên thế giới nghe âm thanh nói pháp đều nhờ ba thừa mà được độ thoát.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ trong Tinh tấn ba-la-mật làm lợi ích lớn cho chúng sinh, được đầy đủ Nhất thiết chủng trí như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát trụ trong năm ấm vô tướng như mộng, như tiếng vang, như bóng, như sóng nắng, như huyễn, như hóa, được đầy đủ Thiên ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát nhập Thiên thứ nhất cho đến nhập Thiên thứ tư, nhập bốn Tâm vô lượng Từ, Bi, Hỷ, Xả, nhập Không vô biên xứ cho đến nhập Phi tướng phi phi tướng xứ, nhập Tam-muội Không, cho đến nhập Tam-muội Vô tướng, Vô tác, nhập Tam-muội Như Điện quang, nhập Tam-muội Như Kim cang, nhập Tam-muội Thánh chánh. Trừ Tam-muội của các Đức Phật, các Tam-muội khác, hoặc các Tam-muội cùng đồng với Thanh văn, Bích-chi-phật thì Bồ-tát này đều chứng, đều nhập. Dầu nhập nhưng cũng chẳng thọ mùi vị Tam-muội, cũng chẳng thọ quả Tam-muội.

Vì sao? Vì Bồ-tát này biết các Tam-muội ấy vô tướng, không tánh thật có thì có đâu ở trong pháp không tướng mà thọ mùi vị pháp không tướng, ở trong pháp không thật có mà thọ mùi vị pháp không thật có.

Nếu chẳng thọ mùi vị thì chẳng theo năng lực thiền định mà sinh lên cõi trời Sắc hay cõi Vô sắc.

Vì sao? Vì Bồ-tát này chẳng thấy hai cõi ấy, cũng chẳng thấy

thiền định ấy, cũng chẳng thấy người nhập định, cũng chẳng thấy người dùng pháp ấy nhập định, chẳng thấy chỗ nhập của định.

Nếu khi đối với pháp ấy mà chẳng thật có thì Bồ-tát liền được đầy đủ vô tướng Thiền định ba-la-mật.

Bồ-tát đối với vô tướng Thiền định ba-la-mật này sẽ vượt hơn hàng Thanh văn, Bích-chi-phật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát do đầy đủ vô tướng Thiền định ba-la-mật mà vượt hơn hàng Thanh văn, Bích-chi-phật.

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát này khéo học nội không, khéo học ngoại không, cho đến khéo học vô pháp hữu pháp không. Đối với các thứ không ấy, không có pháp để làm chỗ trụ, như hoặc là quả Tu-đà-hoàn, hoặc là quả Tư-đà-hàm, cho đến Nhất thiết chủng trí. Các pháp không này cũng không.

Đại Bồ-tát thực hành những pháp không như vậy được nhập vào hàng Bồ-tát.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là bậc Đại Bồ-tát? Thế nào là chẳng phải bậc Bồ-tát?

–Này Tu-bồ-đề! Tất cả thật có sở đắc là chẳng phải bậc Bồ-tát. Tất cả không sở đắc là bậc Bồ-tát.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là có sở đắc? Thế nào là không sở đắc?

–Này Tu-bồ-đề! Sắc là có sở đắc, thọ, tưởng, hành, thức là có sở đắc. Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý là có sở đắc, cho đến Nhất thiết chủng trí là có sở đắc, đó chẳng phải là bậc Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Bậc Bồ-tát là các pháp ấy chẳng chỉ bày được, chẳng nói phô được.

Các pháp nào chẳng chỉ bày được, chẳng nói phô được? Đó là sắc cho đến Nhất thiết chủng trí.

Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì Tánh sắc là chẳng chỉ ra được, chẳng nói ra được, cho đến tánh Nhất thiết chủng trí là chẳng chỉ ra được, chẳng nói ra được. Như thế gọi là Bồ-tát.

Bồ-tát nhập vào bậc Bồ-tát rồi, tất cả thiền định Tam-muội còn chẳng theo năng lực của thiền định để sinh ra, huống chỉ trụ trong

tham, sân, si, để sinh khởi những tội nghiệp ư.

Bồ-tát trụ trong pháp như huyễn lợi ích cho chúng sinh, nhưng cũng chẳng thấy có chúng sinh, cũng chẳng thấy có huyễn. Nếu tất cả không thấy thật có thì thường làm cho thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật.

Này Tu-bồ-đề! Như thế gọi là Bồ-tát đầy đủ Thiên ba-la-mật vô tướng hay chuyển pháp luân, đó là pháp luân không thật có.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật biết tất cả pháp như mộng, như tiếng vang, như bóng, như sóng nắng, như huyễn, như hóa.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát biết tất cả pháp ấm như mộng, như tiếng vang, như bóng, như sóng nắng, như huyễn, như hóa?

–Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng thấy mộng, chẳng thấy người nằm mộng, chẳng thấy tiếng vang, chẳng thấy người nghe tiếng vang, chẳng thấy bóng, chẳng thấy người thấy bóng, chẳng thấy sóng nắng, chẳng thấy người thấy sóng nắng, chẳng thấy huyễn, chẳng thấy người thấy huyễn, chẳng thấy hóa, chẳng thấy người thấy hóa.

Vì sao? Vì các thứ mộng, tiếng vang, bóng, sóng nắng, huyễn và hóa ấy là pháp điên đảo của kẻ phàm, người ngu.

A-la-hán chẳng thấy mộng, chẳng thấy người nằm mộng, cho đến chẳng thấy hóa, chẳng thấy người thấy hóa.

Bích-chi-phật, Đại Bồ-tát và các Đức Phật đều cũng chẳng thấy mộng, chẳng thấy người nằm mộng, cho đến chẳng thấy hóa, chẳng thấy người thấy hóa.

Vì sao? Vì tất cả pháp không có tánh thật có, chẳng sinh, chẳng định.

Nếu là pháp không có tánh thật có chẳng sinh, chẳng định thì làm thế nào Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật lại ở trong ấy chấp lấy tướng sinh, tướng định! Việc ấy chẳng đúng.

Vì sao? Vì các pháp nếu có ít nhiều tánh, có sinh, có định thì chẳng gọi là Bát-nhã ba-la-mật.

Thật vậy, này Tu-bồ-đề! Thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát chẳng chấp đắm vào sắc cho đến chẳng chấp trước vào thức, chẳng chấp trước ba cõi Dục, Sắc, Vô sắc, chẳng chấp đắm các thiên, các Tam-muội giải thoát, chẳng chấp trước bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo, chẳng chấp đắm Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô tác, chẳng chấp đắm Bồ thí ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật.

Vì chẳng chấp nên được đầy đủ Địa thứ nhất của Bồ-tát, đối với Địa thứ nhất cũng chẳng chấp đắm.

Vì sao? Vì Bồ-tát này còn chẳng thấy có được địa vị ấy, huống chi là sinh tâm chấp trước, cho đến Địa thứ mười cũng vậy.

Đại Bồ-tát này thực hành Bát-nhã ba-la-mật cũng chẳng thấy có được Bát-nhã ba-la-mật.

Nếu lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng thấy có được Bát-nhã ba-la-mật, thì lúc ấy thấy tất cả pháp đều nhập vào Bát-nhã ba-la-mật, cũng chẳng thấy có được các pháp ấy. Vì các pháp ấy và Bát-nhã ba-la-mật không hai, không khác.

Vì sao? Vì các pháp nhập vào như, pháp tánh, thật tế nên không phân biệt.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các pháp không tướng, không phân biệt thì sao lại nói là thiện, là bất thiện, là hữu lậu, là vô lậu, là thế gian, là xuất thế gian, là hữu vi, là vô vi?

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Đối với thật tướng các pháp, có pháp nào nói được là thiện, là bất thiện, cho đến hữu vi, vô vi chẳng? Có pháp nào nói được là quả Tu-đà-hoàn, cho đến A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, chẳng nói được!

–Này Tu-bồ-đề! Vì nhân duyên như vậy nên phải biết tất cả pháp không tướng, không phân biệt, không sinh, không định, chẳng chỉ bày, chẳng nói năng được.

Này Tu-bồ-đề! Ngày trước, lúc ta thực hành đạo Bồ-tát, cũng không có pháp nào có tánh được, hoặc là sắc, hoặc là thọ, tướng, hành, thức, cho đến hoặc là hữu vi hoặc là vô vi, hoặc là quả Tu-đà-hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật từ lúc mới phát tâm đến lúc thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác phải khéo học các pháp tánh.

Vì khéo học các pháp tánh nên gọi là đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thực hành đạo ấy được đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật.

Trụ trong pháp ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, dùng pháp ba thừa độ thoát chúng sinh, cũng chẳng chấp đắm pháp ba thừa.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát dùng pháp vô tướng để học Bát-nhã ba-la-mật như vậy.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 24

Phẩm 78: BỐN NHIẾP

Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các pháp như mộng, như tiếng vang, như bóng, như sóng nắng, như huyễn, như hóa, không có thật, không có tánh, tự tướng rỗng không thì làm sao phân biệt là pháp lành, pháp chẳng lành, pháp thế gian, pháp xuất thế, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp làm cho được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, pháp làm cho được đạo Bích-chi-phật, là pháp làm cho được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đối với kẻ phàm, người ngu thì có mộng, có người nằm mộng, cho đến có hóa, có người thấy hóa. Do đó, họ phát khởi thân, khẩu, ý gây nghiệp thiện, nghiệp bất thiện, nghiệp vô ký, nghiệp phước, nghiệp tội, nghiệp bất động.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật trụ trong hai thứ không: rỗng ráo không và vô thủ không, vì chúng sinh mà nói pháp:

–Này các chúng sinh! Sắc, thọ, tưởng, hành, thức rỗng không, không có thật, mười hai nhập, mười tám giới rỗng không, chẳng có thật.

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức, mười hai nhập, mười tám giới là mộng, là tiếng vang, là bóng, là sóng nắng, là huyễn, là hóa.

Trong đó không có năm uẩn, mười hai nhập, mười tám giới, không có mộng, cũng không có người nằm mộng, không có tiếng vang, cũng không có người nghe tiếng vang, không có bóng, cũng

không có người thấy bóng, không có sóng nắng, cũng không có người thấy sóng nắng, không có huyễn, cũng không có người thấy huyễn, không có hóa cũng không có người thấy hóa.

Tất cả pháp không có căn bản, tánh không thật có.

Con người đối với không có ấm lại thấy có ấm, không có nhập lại thấy có nhập, không có giới lại thấy có giới.

Tất cả pháp ấy đều từ nhân duyên hòa hợp mà sinh, do tâm điên đảo mà khởi, thuộc về nghiệp quả báo.

Vì sao các người đối với các pháp rỗng không, không có căn bản mà lại chấp lấy tướng căn bản?

Bấy giờ Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật dùng năng lực phương tiện đối với pháp xan tham mà cứu thoát chúng sinh ra, dạy họ thực hành Bồ thí ba-la-mật, giữ gìn công đức bồ thí này được phước báo lớn. Từ phước báo lớn cứu thoát ra, dạy họ trì giới, nương công đức trì giới, được sinh chỗ tôn quý trên cõi trời. Rồi lại cứu thoát ra, dạy họ trụ vào Thiền thứ nhất, do công đức Thiền thứ nhất, sinh lên cõi trời Phạm thiên, cho đến dạy họ Trụ vào Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư, Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi phi tưởng xứ cũng giống như vậy.

Đối với chúng sinh thực hành bồ thí ấy và quả báo bồ thí, trì giới và quả báo trì giới, thiền định và quả báo thiền định, Bồ-tát từ nơi đó mà cứu thoát họ, đặt họ vào Niết-bàn Vô dư, và trong đạo Niết-bàn đó là bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám phần Thánh đạo, ba môn Giải thoát không, vô tướng, vô tác, tám Bội xả, chín Định thứ đệ, mười Trí lực, bốn Vô úy, bốn Vô ngại trí, mười tám pháp Bất cộng.

Bồ-tát làm an ổn chúng sinh, cho họ an trụ trong pháp vô lậu của bậc Thánh, không sắc, không hình, không đối.

Ai có khả năng được quả Tu-đà-hoàn, thì Bồ-tát an ổn giáo hóa họ, giúp cho họ trụ quả Tu-đà-hoàn.

Ai có khả năng được quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi-phật thì Bồ-tát an ổn giáo hóa, giúp cho họ trụ vào quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi-phật.

Ai có khả năng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì

Bồ-tát an ổn giáo hóa, giúp cho họ trụ vào Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

– Bạch Đức Thế Tôn! Các Đại Bồ-tát rất là hy hữu khó sánh bằng. Các ngài có khả năng thực hành Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này. Các pháp không có tánh là rốt ráo không, vô thủ không, mà các ngài phân biệt các pháp là thiện, là bất thiện, là hữu lậu, là vô lậu, cho đến là hữu vi, là vô vi.

– Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Các Đại Bồ-tát rất là hy hữu, khó sánh bằng, thực hành được Bát-nhã ba-la-mật sâu xa này. Các pháp không có tánh, rốt ráo không, vô thủ không, mà các ngài phân biệt các pháp.

Này Tu-bồ-đề! Nếu các ông biết pháp của Đại Bồ-tát này rất hy hữu, khó sánh bằng, thì biết rằng tất cả hàng Thanh văn, Bích-chi-phật chẳng thể có được, huống chi là người khác.

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là pháp là hy hữu, khó sánh bằng của Đại Bồ-tát mà tất cả hàng Thanh văn, Bích-chi-phật không thể có được?

– Này Tu-bồ-đề! Hãy nhất tâm lắng nghe. Có Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật trụ trong sáu pháp Ba-la-mật quả báo đắc, và trụ trong năm thân thông do quả báo đắc, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, các Đà-la-ni, các trí vô ngại, đi đến các cõi nước ở mười phương, có ai nên độ bằng bố thí thì dùng bố thí giúp đỡ họ, có ai nên độ bằng trì giới thì dùng trì giới giúp đỡ họ, có ai nên độ bằng nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ thì dùng nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ để giúp đỡ họ. Có ai nên độ bằng Thiền thứ nhất thì dùng Thiền thứ nhất để giúp đỡ họ. Có ai nên độ bằng Thiền thứ hai, Thiền thứ ba cho đến Phi phi tướng xứ thì theo chỗ thích ứng mà giúp đỡ họ. Có ai nên độ bằng Từ, Bi, Hỷ, Xả thì dùng Từ, Bi, Hỷ, Xả để giúp đỡ họ. Có ai nên độ bằng bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám phần Thánh đạo, Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô tác thì theo chỗ thích ứng để giúp đỡ họ.

– Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát dùng bố thí lợi ích chúng sinh như thế nào?

–Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát bố thí tùy theo chúng sinh cần dùng thứ gì mà cung cấp tất cả thứ ấy cho họ, như là thức ăn, thức uống, y phục, xe ngựa, hương hoa, anh lạc... đồng như cúng dường các Đức Phật hay Bích-chi-phật, A-la-hán, A-na-hàm, Tư-đà-hàm, Tu-đà-hoàn không khác. Hoặc bố thí cho người đã nhập chánh đạo, người phàm, dưới đến chim thú đều không phân biệt khác nhau, bố thí bình đẳng.

Vì sao? Vì tất cả pháp chẳng khác, chẳng phân biệt nên Bồ-tát này không khác, không phân biệt.

Bố thí như vậy thì sẽ được quả báo của pháp không phân biệt, đó là Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát thấy kẻ ăn xin mà nghĩ: Phật là ruộng phước, ta nên cúng dường, chim thú chẳng phải ruộng phước, ta chẳng nên bố thí thì chẳng phải là pháp của Bồ-tát.

Vì sao? Đại Bồ-tát phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì chẳng nghĩ: “Chúng sinh này nên bố thí vì được lợi ích, chúng sinh kia chẳng nên bố thí, vì bố thí chúng sinh này được sinh dòng lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ, cho đến vì bố thí nên dùng pháp ba thừa độ họ vào Niết-bàn Vô dư.”

Nếu có chúng sinh đến xin, Bồ-tát chẳng sinh tâm phân biệt khác nhau, nên cho người này, không nên cho người kia.

Vì sao? Bồ-tát vì các chúng sinh này mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nếu còn phân biệt chọn lựa thì rơi vào chỗ quả trách của các Đức Phật, Bồ-tát, Bích-chi-phật, Thanh văn và tất cả trời, người, thế gian.

Ai thỉnh ông cứu độ tất cả chúng sinh! Ông là nhà của tất cả chúng sinh, là chỗ cứu giúp tất cả chúng sinh, là chỗ nương tựa của tất cả chúng sinh mà lại phân biệt, lựa chọn nên cho, không nên cho.

Lại nữa, lúc Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, hoặc có người hay chẳng phải người đến muốn cầu xin thân thể, tay chân của Bồ-tát, bấy giờ Bồ-tát không nên sinh hai ý nghĩ: “Nên cho, không nên cho.”

Vì sao? Vì Đại Bồ-tát vì chúng sinh mà thọ thân, nay chúng

sinh đến lấy sao lại không cho. Bồ-tát phải nghĩ rằng ta vì lợi ích chúng sinh mà thọ thân này, chúng sinh không xin còn phải cho họ, huống chi họ xin mà lại không cho!

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật phải học như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu thấy có người đến xin, Đại Bồ-tát phải nghĩ rằng: Trong đây, ai cho, ai nhận, gì là vật cho? Tất cả pháp ấy đều không có tự tánh, vì là rốt ráo không. Pháp không tướng thì không có cho, không có nhận. Vì sao? Vì là rốt ráo không, là nội không, là ngoại không, là nội ngoại không, là đại không, là đệ nhất nghĩa không, là tự tướng không. Trụ trong các thứ không ấy mà bố thí thì đầy đủ Bố thí ba-la-mật. Vì đầy đủ Bố thí ba-la-mật nên nếu bị đâm chém, hay bị cướp giựt tài vật, Bồ-tát này liền nghĩ rằng: “Chém chặt ta là ai? Cướp giựt của ta là ai?”

Này Tu-bồ-đề! Đức Như Lai dùng mắt Phật thấy phương Đông có hằng sa Đại Bồ-tát, vào đại địa ngục làm cho tắt lửa, nước sôi lạnh, dùng ba việc để giáo hóa: một là thần thông, hai là biết tâm niệm kẻ khác, ba là nói pháp.

Bồ-tát này dùng năng lực thần thông làm cho trong đại địa ngục tắt lửa, nước sôi lạnh, biết tâm niệm kẻ khác, dùng Từ, Bi, Hỷ, Xả tùy ý nói pháp. Các chúng sinh ấy đối với Bồ-tát sinh tâm thanh tịnh, thoát khỏi địa ngục rồi lần lần do pháp Ba thừa mà được hết khổ sinh tử.

Như phương Đông, ở chín phương kia cũng như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Đức Như Lai dùng mắt Phật quan sát trong hằng sa cõi nước ở mười phương, thấy các Bồ-tát hầu hạ các Đức Phật, cung cấp đồ cần dùng, kính mến các Đức Phật. Nếu các Đức Phật có dạy bảo thì các Bồ-tát ấy đều thọ trì tất cả cho đến lúc thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng bao giờ quên sót.

Này Tu-bồ-đề! Đức Như Lai dùng mắt Phật quan sát hằng sa cõi nước khắp mười phương, thấy các Bồ-tát vì súc sinh mà xả thân phân tán các nơi, Súc sinh nào ăn thịt Đại Bồ-tát ấy đều sinh tâm kính mến. Do có tâm kính mến Bồ-tát nên thoát khỏi loài súc sinh, được gặp các Đức Phật, nghe pháp tu hành, do ba thừa Thanh văn, Bích-chi-phật và Phật pháp mà nhập Niết-bàn Vô dư.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Các Đại Bồ-tát làm lợi ích chúng sinh rất nhiều, giáo hóa chúng sinh khiến phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đúng pháp tu hành cho đến nhập Niết-bàn Vô dư.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đức Như Lai dùng mắt Phật thấy các Đại Bồ-tát trong hằng sa cõi nước khắp mười phương trừ diệt các khổ đói khát của nga quý. Các nga quý này đều kính mến Bồ-tát. Do sự kính mến Bồ-tát này mà được thoát lìa nga quý, gặp Phật nghe pháp, tu hành đúng pháp, lần lần do ba thừa Thanh văn, Bích-chi-phật, Phật thừa mà nhập Niết-bàn Vô dư.

Đại Bồ-tát vì độ chúng sinh mà thực hành đại Bi như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đức Như Lai dùng mắt Phật thấy các Đại Bồ-tát ở trên tầng trời Tứ Thiên vương nói pháp. Cũng nói pháp tại cõi trời Đao-lợi, trời Dạ-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa lạc, trời Tha hóa. Các vị trời nghe Bồ-tát nói pháp, lần lần do ba thừa mà được diệt độ.

Này Tu-bồ-đề! Trong các vị trời này, nếu có ai say mê năm dục, Bồ-tát hiện lửa đốt cháy cung điện họ rồi nói pháp cho họ nghe: Này các vị trời, tất cả pháp hữu vi đều vô thường, đâu có an ổn.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đức Như Lai dùng mắt Phật thấy các Phạm thiên trong hằng sa cõi nước ở các thế giới mười phương chấp lấy tà kiến. Các Bồ-tát dạy họ xa lìa tà kiến mà bảo: Sao các vị đối với các pháp luống dối vô tướng mà lại sinh tà kiến!

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ tâm đại Từ vì chúng sinh mà nói pháp.

Này Tu-bồ-đề! Đó là pháp hy hữu khó sánh bằng của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đức Như Lai dùng mắt Phật thấy các Đại Bồ-tát trong hằng sa cõi nước ở các thế giới mười phương dùng bốn việc để giúp đỡ chúng sinh. Đó là Bố thí, Ái ngữ, Lợi ích, Đồng sự.

Thế nào là Bồ-tát dùng bố thí để giúp đỡ chúng sinh?

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát dùng hai thứ bố thí để cứu giúp chúng sinh. Đó là tài thí và pháp thí.

Thế nào là tài thí cứu giúp chúng sinh?

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát dùng các thứ vật báu: vàng, bạc, lưu ly, pha lê, châu báu, kha bối, san hô..., hoặc đem đồ uống ăn, y phục, mền gối, phòng xá, đèn đuốc, hoa hương, anh lạc, hoặc con trai, con gái, hoặc bò, dê, voi, ngựa, xe cộ, hoặc đem thân mình mà cung cấp cho chúng sinh. Bồ-tát bảo chúng sinh: Các người nếu có cần dùng gì thì đến lấy như đến lấy vật của mình, chớ có nghi ngại. Bồ thí xong, Bồ-tát này dạy cho họ pháp ba quy y: quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Hoặc dạy cho họ thọ năm giới, thọ tám trai giới, hoặc dạy Thiên thứ nhất, cho đến định Phi tưởng phi phi tưởng, hoặc dạy Từ, Bi, Hỷ, Xả, hoặc dạy niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Xả, niệm Thiên, hoặc dạy quán bất tịnh, quán hơi thở ra vào, hoặc tướng, hoặc xúc, hoặc dạy bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám phần Thánh đạo, Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô tác, tám Bội xả, chín Định thứ đệ, mười Lực, bốn Vô úy, bốn Trí vô ngại, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hoặc dạy quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, đạo Bích-chi-phật, hoặc dạy Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát dùng năng lực phương tiện giáo hóa chúng sinh: tài thí xong lại dạy cho họ được Niết-bàn an ổn vô thượng. Đó gọi là pháp hy hữu khó sánh kịp của Đại Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Bồ-tát dùng pháp thí cứu giúp chúng sinh?

Này Tu-bồ-đề! Pháp thí có hai thứ: một là thế gian, hai là xuất thế gian.

Thế nào là pháp thí thế gian?

Trình bày dạy rõ pháp thế gian như quán bất tịnh, quán hơi thở ra vào, bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc. Các pháp thế gian như vậy và pháp thực hành của phàm phu, thì gọi là pháp thí thế gian.

Bồ-tát này bằng pháp thí thế gian như vậy, dùng nhiều cách

giáo hóa cho họ xa lìa pháp thế gian. Xa lìa pháp thế gian rồi, Bồ-tát dùng năng lực phương tiện làm cho họ được pháp vô lậu của bậc Thánh và quả vô lậu của bậc Thánh.

Thế nào là pháp vô lậu của bậc Thánh?

Thế nào là quả vô lậu của bậc Thánh?

Pháp vô lậu của bậc Thánh là ba mươi bảy phẩm Trợ đạo và ba môn Giải thoát.

Quả vô lậu của bậc Thánh là quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi-phật, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp Thánh vô lậu của Đại Bồ-tát còn có trí tuệ trong quả Tu-đà-hoàn cho đến trí tuệ trong quả A-la-hán, trí tuệ trong đạo Bích-chi-phật, trí tuệ trong ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, trí tuệ trong sáu pháp Ba-la-mật, cho đến trí tuệ trong đại Từ, đại Bi.

Tất cả pháp như vậy, hoặc pháp thế gian, xuất thế gian, trí tuệ, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi hoặc vô vi, Nhất thiết chủng trí trong pháp ấy thì gọi là pháp Thánh vô lậu của Đại Bồ-tát.

Thế nào là quả Thánh vô lậu?

Dứt tất cả hạt giống tập khí phiền não thì gọi quả Thánh vô lậu.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát có được Nhất thiết chủng trí hay chăng?

–Này Tu-bồ-đề, đúng vậy! Đại Bồ-tát được Nhất thiết chủng trí.

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát và Phật có gì khác nhau?

–Này Tu-bồ-đề, có khác! Đại Bồ-tát được Nhất thiết chủng trí thì gọi là Phật.

Vì sao? Vì tâm Bồ-tát và tâm Phật không khác nhau.

Bồ-tát trụ trong Nhất thiết chủng trí, đối với tất cả pháp không pháp nào chẳng soi sáng.

Đây gọi là pháp thí thế gian của Đại Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát nhờ pháp thí thế gian mà được pháp thí xuất thế gian.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát giáo hóa chúng sinh cho họ được pháp thế gian, dùng năng lực phương tiện dạy cho họ được pháp xuất thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là pháp xuất thế gian của Bồ-tát? Các pháp chẳng đồng với pháp phàm phu. Đó là bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám phần Thánh đạo, ba môn Giải thoát, tám Bội xả, chín Định thứ đệ, mười Lực, bốn Vô úy, bốn Trí vô ngại, mười tám pháp Bất cộng, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, năm trăm môn Đà-la-ni, đó gọi là pháp xuất thế gian.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là bốn Niệm xứ?

Đại Bồ-tát quán nội thân theo thân mà quán sát, quán ngoại thân, theo thân mà quán sát, siêng năng tinh tấn, dùng nhất tâm trí tuệ quán, quán tập nhân của thân do nhân duyên sinh, quán thân diệt, quán hành sinh diệt của thân tập, đạo này không chỗ nương tựa, đối với thế gian không thọ nhận. Đó là thân niệm xứ.

Thọ niệm xứ, tâm niệm xứ, pháp niệm xứ cũng giống như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là bốn Chánh cần?

1. Các pháp ác bất thiện chưa sinh, vì chẳng để cho sinh nên siêng năng tinh tấn.

2. Các pháp ác bất thiện đã sinh, vì dứt trừ nên siêng năng tinh tấn.

3. Các pháp lành chưa sinh, vì làm cho sinh khởi nên siêng năng tinh tấn.

4. Các pháp lành đã sinh, vì làm cho thêm lớn đầy đủ nên siêng năng tinh tấn. Đó gọi bốn Chánh cần.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là bốn Như ý túc?

1. Tam-muội nguyện muốn quyết định thực hành cho thành tựu.

2. Tam-muội tinh tấn quyết định thực hành cho thành tựu.

3. Tam-muội nhất tâm quyết định thực hành cho thành tựu.

4. Tam-muội tư duy quyết định thực hành cho thành tựu.

Đó gọi là bốn Như ý túc.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là năm Căn? Đó là Tín căn, Tinh tấn

căn, Niệm căn, Định căn và Tuệ căn.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là năm Lực? Đó là Tín lực, Tinh tấn lực, Niệm lực, Định lực và Tuệ lực.

Thế nào là bảy Giác phần? Đó là Giác phần niệm, Giác phần trạch pháp, Giác phần tinh tấn, Giác phần hỷ, Giác phần khinh an, Giác phần định và Giác phần xả.

Thế nào là tám phần Thánh đạo? Đó là Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn, Chánh niệm và Chánh định.

Thế nào là ba Tam-muội? Đó là môn Tam-muội không, môn Tam-muội vô tướng, môn Tam-muội vô tác.

Thế nào là Tam-muội không? Dùng tu hành không và tu hành vô ngã để nhiếp tâm, gọi là Tam-muội không.

Thế nào là Tam-muội vô tướng? Dùng tu hành Tam-muội và tu hành xa lìa để giữ tâm gọi là Tam-muội vô tướng.

Thế nào là Tam-muội vô tác? Dùng tu hành vô thường và tu hành về khổ để nhiếp tâm, gọi là Tam-muội vô tác.

Thế nào là tám Bội xả?

Trong không tướng sắc, ngoài quán sắc là bội xả thứ nhất. Trong có tướng sắc, ngoài quán sắc là bội xả thứ hai. Tịnh bội xả là bội xả thứ ba. Qua khỏi tất cả tướng sắc, diệt tướng có đối ngại, vì chẳng nghĩ đến tất cả tướng khác nhau mà quán hư không vô biên, thể nhập vô biên hư không xứ, là bội xả thứ tư. Cho đến vượt qua Phi hữu tướng Phi vô tướng xứ, thể nhập bội xả diệt thọ tướng, là bội xả thứ tám.

Thế nào là chín Định thứ đệ?

Hành giả xa lìa pháp ái dục, ác bất thiện, có giác, có quán, lìa dục, sinh hỷ lạc, nhập Thiền thứ nhất, cho đến vượt qua Phi phi tướng xứ, nhập định diệt thọ tướng, gọi là chín Định thứ đệ.

Thế nào là mười Trí lực của Phật?

1. Năng lực trí tuệ biết đúng như thật về chỗ đúng, chỗ sai.
2. Năng lực trí tuệ biết đúng như thật về các nghiệp, các tuổi thọ, biết chỗ tạo nghiệp, biết nhân duyên, biết quả báo suốt thưở

quá khứ, hiện tại và vị lai của chúng sinh.

3. Năng lực trí tuệ biết đúng như thật tất cả thiên định, giải thoát Tam-muội.

4. Năng lực trí tuệ biết đúng như thật về căn tánh thượng, trung, hạ của tất cả chúng sinh.

5. Năng lực trí tuệ biết đúng như thật các tri kiến hiểu biết và chỗ ưa thích của tất cả chúng sinh.

6. Năng lực trí tuệ biết đúng như thật những cảnh giới sai khác của tất cả chúng sinh.

7. Năng lực trí tuệ biết đúng như thật chỗ đến được của tất cả đạo hạnh.

8. Năng lực trí tuệ biết đúng như thật đời trước của tất cả chúng sinh từ một kiếp đến vô lượng kiếp.

9. Năng lực trí tuệ biết đúng như thật, dùng Thiên nhãn thấy chúng sinh sinh về đường lành, đường dữ, cho đến nhập Niết-bàn.

10. Năng lực trí tuệ biết đúng như thật về tâm vô lậu giải thoát.

Đây là mười Trí lực của Phật.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Thế nào là bốn Vô sở úy?

Phật dạy:

– Ta là Bạc Nhất Thiết Chánh Trí. Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn, hoặc các Thiên, Ma vương, Phạm vương, hoặc hội chúng khác bảo rằng ta chẳng biết pháp ấy. Ta cũng chẳng thấy dù cho chút tướng sợ sệt. Vì thế nên ta được an ổn, được không chỗ sợ, trụ trong chỗ của bậc Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống như sư tử, chuyển pháp luân thanh tịnh, mà tất cả chúng khác, hoặc Sa-môn hay Bà-la-môn, các Thiên, Ma, Phạm chẳng chuyển được. Đây là vô úy thứ nhất.

Phật nói:

– Nơi ta tất cả tập khí, lậu hoặc đã hết sạch. Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn, hoặc các vị trời hay Ma vương, Phạm vương, hoặc các hội chúng khác nói rằng: Ta chẳng hết tập lậu, ta cũng chẳng

thấy dù cho có chút tướng sợ sệt. Vì thế nên ta được an ổn, được không sợ sệt, trụ trong chỗ của bậc Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống như sư tử, chuyển pháp luân thanh tịnh, mà các Sa-môn hay Bà-la-môn hoặc các Thiên, Ma vương, Phạm vương hoặc các chúng sinh khác chẳng chuyển được. Đây là vô úy thứ hai.

Đức Phật nói:

–Ta nói đây là pháp chương đạo. Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn, hoặc các vị trời hay Ma vương, Phạm vương, hoặc các hội chúng khác nói rằng: thọ pháp ấy chẳng chương đạo, ta cũng chẳng thấy dù cho có chút tướng sợ sệt. Vì thế nên ta được an ổn, được không sợ sệt, trụ trong chỗ của bậc Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống như sư tử, chuyển pháp luân thanh tịnh, mà các Sa-môn, hay Bà-la-môn hoặc các vị trời, Ma vương, hoặc những chúng khác chẳng thể chuyển được. Đây là vô úy thứ ba.

Phật nói:

–Thánh đạo của ta nói có công năng ra khỏi thế gian, thực hành theo đây thì sẽ hết khổ. Nếu có Sa-môn hay Bà-la-môn, hoặc các vị trời, hay Ma vương, Phạm vương, hoặc các chúng khác lại nói hành đạo ấy chẳng thể ra khỏi thế gian, chẳng thể hết khổ. Ta cũng chẳng thấy dù cho có chút tướng sợ sệt. Vì thế nên ta được an ổn, được không sợ sệt, trụ trong chỗ của bậc Thánh chúa, ở giữa đại chúng cất tiếng rống như sư tử, chuyển pháp luân thanh tịnh, mà các Sa-môn Bà-la-môn, hoặc các vị trời, Ma vương, Phạm vương, hoặc các chúng khác chẳng thể chuyển được. Đây là vô úy thứ tư vậy.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là bốn Trí vô ngại?

1. Trí vô ngại về nghĩa.
2. Trí vô ngại về pháp.
3. Trí vô ngại về từ.
4. Trí vô ngại về giảng nói.

Trí tuệ duyên vào nghĩa là vô ngại về nghĩa.

Trí tuệ duyên vào pháp là vô ngại về pháp.

Trí tuệ duyên vào ngôn từ là vô ngại về ngôn từ.

Trí tuệ duyên vào giảng nói thông suốt là vô ngại về giảng nói.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là mười tám pháp Bất cộng?

Ở các Đức Phật có:

1. Thân không lỗi.
2. Miệng không lỗi.
3. Niệm không lỗi.
4. Không có tư tưởng xen tạp.
5. Không có tâm chẳng định.
6. Không có việc chẳng biết mà bỏ.
7. Nguyện dục không bớt.
8. Tinh tấn không bớt.
9. Niệm không bớt.
10. Tuệ không bớt.
11. Giải thoát không bớt.
12. Giải thoát tri kiến không giảm.
13. Tất cả thân nghiệp hành động theo trí tuệ.
14. Tất cả khẩu nghiệp hành động theo trí tuệ.
15. Tất cả ý nghiệp hành động theo trí tuệ.
16. Trí tuệ biết đời quá khứ vô ngại.
17. Trí tuệ biết đời vị lai vô ngại.
18. Trí tuệ biết đời hiện tại vô ngại.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là ba mươi hai tướng tốt?

1. Lòng bàn chân bằng phẳng.
2. Lòng bàn chân có hình bánh xe ngàn căm.
3. Ngón tay và ngón chân dài hơn người khác.
4. Tay và chân mềm mại hơn chỗ khác trên thân.
5. Gót chân no tròn.
6. Các ngón tay, ngón chân có màng lưới mỏng trong suốt liền nhau, đẹp hơn người khác.
7. Mu bàn chân cao bằng, tương xứng với gót chân.
8. Bắp chân thon đẹp như bắp chân của nai đầu đàn.

9. Đứng thẳng hai tay dài quá đến gối.
 10. Tướng âm tàng ẩn kín như ngựa đầu đàn, voi đầu đàn.
 11. Thân ngang rộng như cội cây Ni-câu-lô.
 12. Mỗi lỗ chân lông mọc một sợi lông màu xanh dịu mềm xoắn về phía phải.
 13. Lông hướng lên màu xanh dịu mềm mà xoắn về phía phải.
 14. Thân màu vàng ròng, màu đẹp hơn vàng Diêm-phù-đàn.
 15. Ánh sáng từ thân chiếu xa một trượng.
 16. Da mỏng mịn trơn chẳng dính bụi, ruồi muỗi chẳng đậu được.
 17. Bảy chỗ trên thân no đầy: hai lòng bàn chân, hai lòng bàn tay, hai vai và cổ.
 18. Dưới hai nách no đầy.
 19. Phần thân trên như sư tử.
 20. Thân hình ngay thẳng.
 21. Vai tròn đẹp.
 22. Có bốn mươi chiếc răng.
 23. Răng trắng bằng khí và chân rất sâu.
 24. Bốn răng nanh rất trắng và lớn.
 25. Hai má vuông bầu như má sư tử.
 26. Trong cổ họng có hai chỗ rịn nước tân dịch, vị ngọt ngon trên các vị ngọt ngon.
 27. Lưỡi lớn mỏng mềm le ra có thể che trùm đến mí tóc và tai.
 28. Âm thanh trong trẻo vang xa như tiếng chim ca-lăng-tần-già.
 29. Màu mắt sáng như vàng ròng.
 30. Lông nheo như lông nheo của trâu đầu đàn.
 31. Giữa hai đầu chân mày có sợi lông trắng mềm mại như bông.
 32. Xương trên đỉnh đầu nhô cao thành búi.
- Thân Phật thành tựu đủ ba mươi hai tướng này, ánh sáng chiếu

khắp cõi đại thiên. Nếu lúc muốn chiếu rộng thì chiếu khắp vô lượng, vô số thế giới ở mười phương. Vì chúng sinh nên Đức Phật thọ thân ánh sáng một trượng. Nếu phát ra vô lượng ánh sáng thì không còn có thời tiết, năm tháng, ngày giờ.

Âm thanh của Đức Phật vang khắp cõi đại thiên. Nếu lúc muốn tiếng lớn thì vang khắp vô lượng, vô số thế giới ở mười phương. Tùy theo số chúng sinh nhiều ít, âm thanh của Đức Phật đều khắp đến họ cả.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là tám mươi vẻ đẹp tùy thân?

1. Đỉnh đầu không thể thấy.
2. Mũi thẳng cao đẹp và lỗ kín.
3. Chân mày như vành trăng mới mọc và màu ngọc lưu ly biếc.
4. Vành tai lớn đầy.
5. Thân vóc vững chắc như Na-la-diên.
6. Đầu xương mọc nhau như móc xích.
7. Lúc xoay mình lại giống như voi đầu đàn.
8. Lúc đi bàn chân cách đất bốn tấc mà dấu chân lại hiện trên đất.
9. Móng tay màu đồng đỏ, mỏng mà láng bóng.
10. Xương đầu gối cứng chắc tròn đẹp.
11. Toàn thân sạch sẽ.
12. Thân mềm dịu.
13. Thân chẳng cong vẹo.
14. Ngón tay dài nhọn tròn.
15. Chỏ tay trang nghiêm.
16. Mạch máu ẩn sâu.
17. Mắt cá chẳng lộ.
18. Thân trơn láng.
19. Thân tự giữ ngay, đi chẳng xiên.
20. Thân đầy đủ.
21. Biết đầy đủ.

22. Dung nghi đầy đủ.
23. Luôn an ổn không gì làm loạn động được.
24. Oai đức chấn động tất cả.
25. Tất cả đều thích nhìn.
26. Khuôn mặt chẳng lớn dài.
27. Chánh dung mạo chẳng đổi sắc.
28. Khuôn mặt đầy đủ.
29. Màu môi đỏ như trái tần-bà.
30. Ba mươi, âm thanh vắng sâu.
31. Lỗ rún sâu tròn đẹp.
32. Lông xoắn về phía phải.
33. Tay chân đều bằng đầy.
34. Tay chân như ý.
35. Chỉ tay thẳng sáng.
36. Chỉ tay rõ ràng.
37. Chỉ tay chẳng đứt.
38. Tất cả chúng sinh có tâm ác khi nhìn thấy đều hòa vui.
39. Gương mặt rộng rất đẹp.
40. Gương mặt đầy sạch như mặt trăng.
41. Tùy theo ý chúng sinh mà hòa vui cùng nói chuyện.
42. Chân lông thoảng ra hơi thơm.
43. Miệng thoảng ra hơi thơm vô lượng.
44. Nghi dung như sư tử.
45. Đi đứng như voi đầu đàn.
46. Cách đi như ngỗng đầu đàn.
47. Đầu như trái ma-đà-na.
48. Tiếng nói rõ ràng đầy đủ.
49. Răng bén.
50. Lưỡi màu đỏ.
51. Lưỡi mỏng.
52. Lông màu hồng.
53. Lông sạch sẽ.

54. Mắt rộng dài.
 55. Tướng các lỗ đầy đủ.
 56. Tay chân trắng đỏ như màu hoa sen hồng.
 57. Rún chẳng lộ.
 58. Bụng chẳng lộ.
 59. Bụng nhỏ.
 60. Thân chẳng nghiêng động.
 61. Thân vững nặng.
 62. Thân phần lớn.
 63. Thân cao lớn.
 64. Tay chân mềm dịu sạch sẽ.
 65. Từ thân ánh sáng chiếu xa một trượng.
 66. Khi đi có ánh sáng chiếu thân.
 67. Nhìn bình đẳng chúng sinh.
 68. Chẳng khinh thường chúng sinh.
 69. Tùy theo chúng sinh, âm thanh chẳng thêm bớt.
 70. Nói pháp chẳng thấp.
 71. Tùy theo ngôn ngữ của chúng sinh mà nói pháp cho họ.
 72. Phát âm đúng các âm thanh.
 73. Thứ lớp theo nhân duyên mà nói pháp.
 74. Tất cả chúng sinh không ai có thể thấy hết các tướng trên thân Phật.
 75. Người nhìn ngắm không nhàm chán.
 76. Tóc dài đẹp.
 77. Tóc chẳng rối.
 78. Tóc xoắn đẹp.
 79. Tóc màu như ngọc xanh.
 80. Tay chân có tướng phước đức.
- Này Tu-bồ-đề! Thân Phật có đủ tám mươi vẻ đẹp tùy thân như vậy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát giáo hóa chúng sinh: Này thiện nam! Phải khéo phân biệt các

chữ, cũng khéo biết một chữ cho đến bốn mươi hai chữ. Tất cả ngôn ngữ đều nhập vào mẫu tự đầu tiên. Tất cả ngôn ngữ cũng nhập vào mẫu tự thứ hai, cho đến mẫu tự thứ bốn mươi hai, tất cả ngôn ngữ đều nhập vào trong đó. Một chữ đều nhập trong bốn mươi hai chữ, bốn mươi hai chữ cũng nhập vào một chữ.

Chúng sinh phải khéo học bốn mươi hai chữ ấy. Khéo học bốn mươi hai chữ rồi có thể khéo giảng nói pháp có chữ. Khéo giảng nói pháp có chữ rồi khéo giảng nói pháp không chữ.

Này Tu-bồ-đề! Như Đức Phật khéo biết pháp, khéo biết chữ, khéo biết không chữ, vì pháp không chữ mà nói pháp có chữ. Vì sao? Vì vượt qua tất cả pháp về tên và chữ nên gọi là Phật pháp. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát dùng hai thứ bố thí cứu giúp chúng sinh, đó là tài thí và pháp thí.

Đây là việc hy hữu khó sánh bằng của hàng Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Đại Bồ-tát cứu giúp bằng ái ngữ chúng sinh? Đại Bồ-tát dùng sáu pháp Ba-la-mật, vì chúng sinh pháp rằng: Các vị thực hành sáu pháp Ba-la-mật bao gồm tất cả pháp lành.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Đại Bồ-tát bằng lợi hành giúp đỡ chúng sinh? Đại Bồ-tát thường giáo hóa chúng sinh, bảo họ thực hành sáu pháp Ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Đại Bồ-tát cứu giúp bằng đồng sự chúng sinh? Do dùng năng lực sáu thứ thần thông, Đại Bồ-tát biến hóa nhiều cách vào trong sáu loài, đồng sự, rồi dùng bốn Nhiếp pháp mà giúp đỡ họ.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu chúng sinh hoàn toàn không thật có, pháp cũng không thật có, pháp tánh cũng không thật có, vì hoàn toàn không, vô tử không. Đại Bồ-tát làm sao lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Bố thí ba-la-mật lại hành bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười tám không; lại thực hành Tam-muội không, vô tướng và vô tác, tám Bội xả, chín Định thứ đệ, lại thực hành mười Lực của Phật, bốn Vô

úy, bốn Trí vô ngại, mười tám pháp Bất cộng, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp?

Làm sao lại trụ vào năm thần thông quả báo đặc mà vì chúng sinh nói pháp; chúng sinh không thật có vì chúng sinh không thể nắm bắt. Sắc không thể nắm bắt, cho đến thức không thể nắm bắt, vì năm ấm không thể nắm bắt. Sáu pháp Ba-la-mật, cho đến tám mươi vẻ đẹp đều không thể nắm bắt. Trong các thứ không thật có ấy, không thật có chúng sinh, không có sắc, cho đến không thật có tám mươi vẻ đẹp.

Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, vì chúng sinh mà nói pháp?

Bạch Đức Thế Tôn Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát còn không thật có, huống chi là có pháp của Bồ-tát!

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy, đúng như lời ông nói. Vì chúng sinh không thật có nên biết là nội không, ngoại không, nội ngoại không, không không, đại không, đệ nhất nghĩa không, hữu vi không, vô vi không, rỗng ráo không, vô tử không, tán không, các pháp không, tánh không, tướng không, không thể nắm bắt không, vô pháp không, hữu pháp không, vô pháp hữu pháp không.

Vì chúng sinh không thật có nên biết là năm ấm không, mười hai nhập không, mười tám giới không, mười hai nhân duyên không, bốn đế không, ngã, chúng sinh thọ mạng đều không, người sinh, người dưỡng, người giáo dục đều không, người, người làm, người sai làm đều không, người phát khởi, người khiến phát khởi, người nhận, người sai nhận đều không, người biết, người thấy đều không.

Vì chúng sinh không thật có nên biết bốn Thiên là không, bốn Tâm vô lượng là không, bốn Định vô sắc là không, nên biết ba mươi bảy pháp Trợ đạo là không; không, vô tướng, vô tác đều không, tám Bội xả không, chín Định thứ đệ là không.

Vì chúng sinh không thật có nên biết mười Lực của Phật là không, bốn Vô úy là không, bốn vô ngại là không, mười tám pháp Bất cộng là không. Nên biết quả Tu-đà-hoàn là không, quả Tư-đà-hàm là không, quả A-na-hàm là không, quả A-la-hán là không, đạo

Bích-chi-phật là không. Nên biết địa vị của Bồ-tát là không, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là không.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thấy tất cả pháp không như vậy, vì chúng sinh nói pháp mà chẳng mất các tướng không.

Bồ-tát này lúc quán như vậy biết rõ tất cả pháp vô ngại. Biết tất cả pháp vô ngại rồi chẳng phá hoại các tướng của pháp, chẳng thấy khác, chẳng phân biệt, chỉ vì chúng sinh mà nói pháp đúng như thật.

Ví như hóa nhân do Đức Phật biến hóa ra, hóa nhân này lại hóa ra làm vô lượng ngàn trăm ức người, có người dạy bố thí, có người dạy trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, có người dạy bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Hóa nhân do Đức Phật biến hóa ra đó có phân biệt, phá hoại các pháp chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn! Hóa nhân đó không có tâm, không có tâm sở, đâu có phân biệt, phá hoại các pháp.

–Này Tu-bồ-đề! Thế nên phải biết Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật vì chúng sinh mà nói pháp đúng chỗ đáng nói, dắt chúng sinh ra khỏi chỗ điên đảo, giúp cho chúng sinh được đến chỗ an trụ, vì pháp chẳng trói, chẳng mở.

Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì sắc chẳng trói, chẳng mở. Thọ, tưởng, hành, thức chẳng trói, chẳng mở.

Sắc không trói, không mở, chẳng phải sắc. Thọ, tưởng, hành, thức không trói, không mở, chẳng phải thọ, tưởng, hành, thức.

Vì sao? Vì sắc rốt ráo thanh tịnh. Vì thọ, tưởng, hành, thức cho đến tất cả pháp hoặc hữu vi hoặc vô vi cũng đều rốt ráo thanh tịnh.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát vì chúng sinh nói pháp cũng chẳng thật có chúng sinh và tất cả pháp. Vì tất cả pháp không thật.

Bồ-tát vì chẳng trụ vào pháp nên trụ vào các pháp tướng, đó là sắc không, cho đến pháp hữu vi, pháp vô vi không.

Vì sao? Vì sắc cho đến pháp hữu vi, pháp vô vi tự tánh không thật có nên không có chỗ trụ. Pháp không thật có chẳng trụ vào pháp

không thật có. Pháp tự tánh chẳng trụ vào pháp tự tánh. Pháp tha tánh chẳng trụ vào pháp tha tánh.

Vì sao? Vì tất cả pháp ấy đều không thật có. Pháp không thật có sẽ trụ vào chỗ nào?

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng các pháp không ấy có thể nói pháp như vậy.

Thực hành Bát-nhã ba-la-mật như vậy, đối với các Đức Phật và hàng Thanh văn, Bích-chi-phật không có lỗi.

Vì sao? Vì các Đức Phật, các Bồ-tát và Bích-chi-phật cùng A-la-hán được pháp này rồi vì chúng sinh nói pháp cũng chẳng chuyển đổi các pháp tướng. Vì Như, pháp tánh, thật tế chẳng chuyển đổi được. Vì sao? Vì các pháp không có tánh.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Pháp tánh, Như, thật tế chẳng chuyển thì sắc và pháp tánh có khác nhau chăng? Sắc và Như, thật tế có khác nhau chăng? Thọ, tưởng, hành, thức cho đến pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu lậu, pháp vô lậu có khác nhau chăng?

–Không, này Tu-bồ-đề! Sắc chẳng khác pháp tánh, chẳng khác như, chẳng khác thật tế. Thọ, tưởng, hành, thức cho đến hữu lậu, vô lậu cũng chẳng khác nhau.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu sắc chẳng khác pháp tánh, chẳng khác như, chẳng khác thật tế, thọ, tưởng, hành, thức cho đến hữu lậu, vô lậu chẳng khác nhau thì làm sao phân biệt pháp ác có quả báo ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, pháp lành có quả báo lành là người và trời? Làm sao phân biệt pháp ác, pháp lành có quả báo ác, quả báo lành; pháp không ác, không thiện có báo không ác, không thiện là quả Tu-đà-hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

–Này Tu-bồ-đề! Vì là thế đế nên phân biệt nói có quả báo, chẳng phải trong Đệ nhất nghĩa đế. Trong Đệ nhất nghĩa đế chẳng thể nói nhân duyên, quả báo. Vì sao? Vì Đệ nhất nghĩa đế thật không có tướng, không có phân biệt, cũng không có ngôn thuyết. Đó là vì sắc cho đến pháp hữu lậu, vô lậu, bất sinh, bất diệt, chẳng như, chẳng sạch, rốt ráo không, vô thủ không.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu do thế đế mà phân biệt nói có quả báo chớ chẳng phải Đệ nhất nghĩa đế, thì tất cả người phàm lẽ ra có quả Tu-đà-hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

–Này Tu-bồ-đề! Ý của ông nghĩ sao? Người phàm có biết là thế đế, có biết Đệ nhất nghĩa đế chẳng? Nếu biết thì người phàm ấy lẽ ra đã đắc quả Tu-đà-hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Bởi người phàm thật chẳng biết thế đế, chẳng biết Đệ nhất nghĩa đế, chẳng biết đạo, chẳng biết phân biệt đạo quả thì làm sao có được các quả.

Này Tu-bồ-đề! Bạc Thánh biết thế đế, biết Đệ nhất nghĩa đế, có đạo, có tu đạo, thế nên bạc Thánh có các quả khác nhau.

–Bạch Đức Thế Tôn! Tu đạo có được quả chẳng?

–Không. Này Tu-bồ-đề, Tu đạo chẳng được quả, chẳng tu đạo cũng chẳng được quả, cũng chẳng lìa đạo mà được quả, cũng chẳng trụ trong đạo mà được quả.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát vì chúng sinh mà phân biệt các quả, cũng chẳng phân biệt là tánh hữu vi, tánh vô vi.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu chẳng phân biệt tánh hữu vi, tánh vô vi mà được các quả thì tại sao Đức Phật lại nói vì ba kết sử hết nên gọi là quả Tu-đà-hoàn, vì tham, sân, si mỏng nên gọi là Tư-đà-hàm, vì tham, sân, si, mạn, nghi cõi Dục hết nên gọi là quả A-na-hàm, vì tham, sân, si, mạn, nghi cõi Sắc, cõi Vô sắc hết nên gọi là quả A-la-hán, bao nhiêu pháp tập nhân đều diệt tan thì gọi là đạo Bích-chi-phật, vì tất cả tập chủng phiền não dứt hẳn nên gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Đức Thế Tôn! Con phải phân biệt tánh hữu vi, tánh vô vi như thế nào để được các quả?

–Này Tu-bồ-đề! Ông cho rằng quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi-phật, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là hữu vi hay vô vi?

–Bạch Đức Thế Tôn, đều là vô vi!

–Này Tu-bồ-đề! Trong pháp vô vi có phân biệt chẳng?

– Bạch Đức Thế Tôn, không!

– Này Tu-bồ-đề! Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thông đạt tất cả pháp, hoặc hữu vi hoặc vô vi là một tướng, đó là vô tướng, thì có phân biệt là hữu vi hay vô vi chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn, không!

– Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát vì chúng sinh nói pháp chẳng phân biệt các pháp. Đó là nội không cho đến là vô pháp hữu pháp không.

Bồ-tát ấy tự mình được pháp không có sự chấp trước rồi, cũng dạy người khác pháp không có sự chấp trước: hoặc là sáu pháp Ba-la-mật, hoặc là bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, hoặc là ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, cho đến Nhất thiết chủng trí. Vì Bồ-tát này tự mình chẳng chấp trước, nên cũng dạy người khác chẳng chấp trước.

Vì không có chỗ chấp trước nên không có chỗ ngại.

Ví như hóa nhân Đức Phật biến hóa ra, có bố thí mà chẳng thọ quả báo bố thí, chỉ vì độ chúng sinh. Cho đến thực hành Nhất thiết chủng trí chẳng thọ quả báo của Nhất thiết chủng trí.

Cũng vậy, Đại Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật cho đến thực hành tất cả pháp, hoặc hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, Đại Bồ-tát chẳng trụ, cũng chẳng thọ quả báo, chỉ vì độ chúng sinh. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát ấy thông đạt hoàn toàn tất cả pháp tướng.

M

Phẩm 79: KHÉO LÉO THÔNG ĐẠT

Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Bồ-tát khéo léo thông đạt tướng các pháp?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Ví như hóa nhân chẳng hành động theo tham, sân, si, chẳng hành động theo sắc, thọ, tưởng, hành, thức, chẳng hành động theo nội ngoại pháp, chẳng hành động theo phiền não kết sử, chẳng hành

động theo pháp hữu lậu, pháp vô lậu, pháp thế gian, pháp xuất thế gian, pháp hữu vi, pháp vô vi, cũng không có quả Thánh.

Cũng giống như vậy, Bồ-tát không có những việc ấy, cũng chẳng phân biệt pháp ấy. Đó gọi là thông đạt các pháp tướng.

–Bạch Đức Thế Tôn! Hóa nhân tu đạo như thế nào?

–Này Tu-bồ-đề! Hóa nhân tu đạo chẳng nhơ, chẳng sạch, cũng chẳng ở trong năm thứ sinh tử.

Ý ông nghĩ sao, này Tu-bồ-đề! Hóa nhân do Đức Phật biến hóa ra có căn bản thật sự, có nhơ, có sạch chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Hóa nhân do Đức Phật biến hóa ra không có sự thật căn bản, cũng không có nhơ, cũng không có sạch, cũng chẳng ở trong năm loài sinh tử.

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát khéo thông đạt các pháp tướng cũng giống như vậy.

–Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả sắc, thọ, tưởng, hành, thức như biến hóa phải chẳng?

–Này Tu-bồ-đề! Tất cả sắc như biến hóa, tất cả thọ, tưởng, hành, thức như biến hóa.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả sắc như biến hóa, tất cả thọ, tưởng, hành, thức cho đến tất cả pháp như biến hóa, hóa nhân không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức, không nhơ, không sạch, không ở trong năm loài sinh tử, cũng không có chỗ giải thoát, thì Bồ-tát có những công dụng gì?

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, lúc Đại Bồ-tát thực hành đạo Bồ-tát, các vị có thấy chúng sinh từ trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời được giải thoát chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn! Các Ngài không thấy có.

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát chẳng thấy có chúng sinh từ ba cõi được giải thoát. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát thấy biết tất cả pháp như huyễn, như hóa.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát thấy biết tất cả pháp như huyễn, như hóa, vì việc gì mà Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thực hành bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, thực hành bốn Định vô sắc,

hành ba mươi bảy pháp Trợ đạo cho đến hành đại Từ, đại Bi, làm thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu chúng sinh tự biết các pháp như huyễn, như hóa thì Đại Bồ-tát chẳng bao giờ ở trong vô số kiếp vì chúng sinh mà hành đạo Bồ-tát.

Bởi chúng sinh chẳng tự biết các pháp như huyễn, như hóa nên Đại Bồ-tát ở trong vô lượng, vô số kiếp thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thành tựu chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp như mộng, như tiếng vang, như bóng, như sóng nắng, như huyễn, như hóa thì chúng sinh bị lệ thuộc chỗ nào để được Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật cứu vớt?

–Này Tu-bồ-đề! Chúng sinh bị lệ thuộc bởi danh tướng, luống dối, ước tưởng, phân biệt, vì thế nên Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật từ trong danh tướng, luống dối cứu vớt chúng sinh ra.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là danh? Thế nào là tướng?

–Này Tu-bồ-đề! Danh ấy chỉ là gượng giả đặt ra: này là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức; này là nam, là nữ, là lớn, là nhỏ; này là địa ngục, là ngạ quỷ, là súc sinh, là người, là trời; này là hữu vi, là vô vi; này là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi-phật; này là Phật đạo.

Này Tu-bồ-đề! Tất cả pháp hòa hợp đều là giả danh. Dùng danh giữ lấy các pháp nên gọi là danh. Tất cả pháp hữu vi chỉ có danh tướng. Người phạm đối với danh tướng đó sinh ra chấp đắm.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, vì dùng năng lực phương tiện nên đối với danh tự, dạy cho họ xa lìa mà bảo: Này các chúng sinh, danh ấy chỉ có tên suông, phát sinh từ trong luống dối, nhớ tưởng, phân biệt. Các người chớ chấp trước luống dối, nhớ tưởng. Việc ấy xưa nay đều không có, vì tự tánh rỗng không, người trí chẳng chấp trước.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng năng lực phương tiện vì chúng sinh mà nói pháp. Đó là Danh.

Thế nào là Tướng?

Này Tu-bồ-đề! Có hai thứ tướng là chỗ mà phàm phu chấp trước:

1. Tướng của sắc.
2. Tướng của vô sắc.

Thế nào gọi là tướng của sắc? Những thứ thuộc về sắc, hoặc thô, hoặc tế, hoặc tốt, hoặc xấu, đều là rỗng không. Đối với các pháp rỗng không ấy nhớ tướng, phân biệt để tâm chấp lấy tướng. Đó gọi là tướng của sắc.

Thế nào là tướng của vô sắc?

Đối với các pháp không phải sắc mà nhớ tướng, phân biệt để tâm chấp lấy tướng nên sinh ra phiền não. Đó gọi là tướng của vô sắc.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng năng lực phương tiện dạy chúng sinh xa lìa sự chấp đắm tướng ấy. Đối với pháp vô tướng khiến họ xa lìa hai pháp, đó là tướng và vô tướng.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật dạy chúng sinh xa lìa tướng, khiến họ trụ trong tánh vô tướng.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp chỉ có danh tướng, thì làm sao Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật có thể tự lợi ích, cũng dạy người khác khiến họ được lợi ích tốt đẹp? Làm sao Bồ-tát đầy đủ các địa vị: tự một địa vị này đến một địa vị khác, cũng dạy chúng sinh khiến họ được Ba thừa?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu các pháp quyết định là có thật mà chẳng phải chỉ là danh tướng, thì Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng có thể tự lợi ích, cũng chẳng thể lợi ích cho người khác.

Này Tu-bồ-đề! Vì các pháp không thật có mà chỉ có danh tướng, nên Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật sẽ đầy đủ Thiên ba-la-mật, Tiến ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Giới ba-la-mật, Thí ba-la-mật, vì là vô tướng. Sẽ đầy đủ bốn Thiên ba-la-mật, bốn Tâm vô lượng ba-la-mật, bốn Định vô sắc ba-la-mật, vì là vô tướng, sẽ đầy đủ bốn Niệm xứ ba-la-mật, cho đến tám phần Thánh đạo ba-la-mật. Sẽ đầy đủ Nội không ba-la-mật cho đến Vô pháp hữu pháp không ba-la-mật, vì là vô tướng, sẽ đầy đủ Giải thoát ba-la-mật, chín Định

thứ đệ ba-la-mật, vì là vô tướng. Sẽ đầy đủ mười Lực của Phật cho đến mười tám pháp Bát cộng ba-la-mật, vì là vô tướng. Vì vô tướng, nên Bồ-tát tự mình đầy đủ các pháp lành, cũng giáo hóa người khác khiến họ đầy đủ pháp lành, vì là vô tướng.

Này Tu-bồ-đề! Nếu các pháp tướng mà thật có chừng cực nhỏ, thì lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng biết được các pháp vô tướng, vô niệm để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng dạy chúng sinh khiến họ được pháp vô lậu. Vì sao? Vì tất cả pháp vô lậu đều vô tướng, vô niệm.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật dùng pháp vô lậu lợi ích chúng sinh.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp là vô tướng, vô niệm, sao lại cho là pháp Thanh văn, là pháp Bích-chi-phật, là pháp Bồ-tát, là pháp Phật?

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, pháp vô tướng và pháp Thanh văn có khác nhau chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không khác nhau!

–Này Tu-bồ-đề! Pháp vô tướng và pháp Bích-chi-phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật có khác nhau chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không khác nhau!

–Này Tu-bồ-đề! Pháp vô tướng có phải là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, pháp Bích-chi-phật, pháp Bồ-tát, pháp Phật hay chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, đúng vậy!

–Này Tu-bồ-đề! Vì lẽ ấy nên biết tất cả pháp đều vô tướng. Này Tu-bồ-đề, Đại Bồ-tát học tất cả pháp vô tướng này thì được thêm lớn pháp lành, đó là sáu pháp Ba-la-mật, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm xứ, cho đến mười tám pháp Bát cộng. Vì sao? Bồ-tát chẳng cho các pháp khác quan trọng bằng ba môn Giải thoát. Vì tất cả pháp tự tướng không, đó gọi là môn Giải thoát không. Vì tất cả pháp vô tướng, đó gọi là môn giải thoát vô tướng. Vì tất cả pháp vô tác, vô khởi, đó gọi là môn giải thoát vô tác. Nếu Đại Bồ-tát học ba môn Giải thoát thì sẽ học được tướng năm ấm, có thể học tướng mười hai nhập, có thể học tướng mười tám

giới, có thể học tướng bốn Thánh đế, có thể học mười hai nhân duyên, có thể học nội không, cho đến vô pháp hữu pháp không, có thể học sáu pháp Ba-la-mật cho đến mười tám pháp Bát cộng.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật có thể học tướng năm ấm như thế nào?

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật biết tướng của sắc, biết sự sinh diệt của sắc, biết Như của sắc.

Thế nào là biết tướng của sắc?

Biết sắc rất ráo là không, phân tích thành phần của nó thì hư giả không thật như bọt nước, không bền chắc. Đó là biết tướng của sắc.

Thế nào là biết sự sinh diệt của sắc?

Lúc sinh khởi, sắc không từ đâu đến, cũng không đi về đâu. Nếu biết chẳng đến, chẳng đi, đó là biết sự sinh diệt của sắc.

Thế nào là biết Như của sắc?

Như ấy của sắc chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng thêm, chẳng bớt, chẳng nhơ, chẳng sạch, đó là biết Như của sắc.

Này Tu-bồ-đề! Như đó là nói như thật chẳng dối. Như đó là trước sau và ở giữa cũng như vậy, thường chẳng đổi khác. Đó là biết Như của sắc.

Thế nào là biết tướng thọ? Thế nào là biết sự sinh diệt của thọ? Thế nào là biết Như của thọ?

Bồ-tát biết tướng của các thọ như bong bóng nước; một cái khởi, một cái diệt. Đó là biết tướng của thọ.

Biết thọ không từ đâu đến, không đi về đâu. Đó là biết sự sinh diệt của thọ.

Như ấy của thọ chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng thêm, chẳng bớt, chẳng nhơ, chẳng sạch. Đó là biết Như của thọ.

Thế nào là biết tướng của tưởng? Sinh diệt của tưởng? Như của tưởng?

Về tưởng, Bồ-tát biết như sóng năng, chẳng thật có, mà vọng

tướng là nước. Đó là tướng của tướng.

Tướng ấy không từ đâu đến, không đi về đâu. Đó là biết sự sinh diệt của tướng.

Như ấy của tướng chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng thêm, chẳng bớt, chẳng nhơ, chẳng sạch, chẳng thay đổi thật tướng. Đó là biết như của tướng.

Thế nào là biết tướng của hành? Sinh diệt của hành? Như của hành?

Bồ-tát biết hành như cây chuối, lột bỏ từ bẹ từ bẹ, chẳng có lõi cứng chắc, đó là biết tướng của hành.

Các hành sinh khởi không từ đâu đến, không đi về đâu. Đó là biết sự sinh diệt của hành.

Các hành chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng thêm, chẳng bớt, chẳng nhơ, chẳng sạch. Đó là biết Như của hành.

Thế nào là biết tướng của thức? Sinh diệt của thức? Như của thức?

Bồ-tát biết thức như nhà ảo thuật, huyền hóa ra bốn binh chủng, không có thật. Đó là biết tướng của thức.

Thức ấy lúc phát sinh không từ đâu đến, đi không về đâu. Đó là biết sự sinh diệt của thức.

Thức như ấy chẳng sinh, chẳng diệt, chẳng đến, chẳng đi, chẳng thêm, chẳng bớt, chẳng nhơ, chẳng sạch. Đó là biết Như của thức.

Thế nào là biết mười hai nhập?

Bồ-tát biết nhãn căn, tánh không của nhãn căn, cho đến ý căn, tánh không của ý căn, biết sắc, tánh không của sắc, cho đến pháp, tánh không của pháp.

Thế nào là biết mười tám giới?

Bồ-tát biết nhãn giới tánh không của nhãn giới, cho đến ý thức giới, tánh không của ý thức giới.

Thế nào là biết bốn Thánh đế?

Lúc biết Khổ thánh đế, Bồ-tát xa lìa quan niệm khác nhau, thấy có hai pháp mà biết Khổ đế chẳng hai, chẳng khác.

Đối với Tập, Diệt và Đạo cũng giống như vậy.

Thế nào là biết mười hai nhân duyên?

Bồ-tát biết mười hai nhân duyên chẳng có tướng sinh.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nếu Đại Bồ-tát phân biệt riêng tướng phần để biết các pháp, lẽ nào không do sắc tánh mà phá hoại pháp tánh, cho đến do tánh của Nhất thiết chủng trí mà phá hoại pháp tánh chẳng?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu ngoài pháp tánh còn có pháp thì mới phá hoại pháp tánh.

Ngoài pháp tánh, chẳng thể có pháp nên chẳng hoại. Vì sao? Này Tu-bồ-đề, vì Phật và đệ tử của Phật biết ngoài pháp tánh, chẳng thể có pháp. Vì pháp chẳng thể có nên chẳng thể nói ngoài pháp tánh có pháp.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật phải học pháp tánh.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát nếu học pháp tánh phải chẳng là không có sở học?

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát học pháp tánh thì học tất cả pháp. Vì sao? Vì tất cả pháp là pháp tánh.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao tất cả pháp là pháp tánh?

–Này Tu-bồ-đề! Tất cả pháp đều thể nhập vào tánh vô vi vô tướng. Vì thế nên học pháp tánh thì học tất cả pháp.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp là pháp tánh, tại sao Đại Bồ-tát học sáu pháp Ba-la-mật, bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc? Tại sao Bồ-tát học ba mươi bảy pháp Trạo đạo, ba môn Giải thoát, tám Bội xả, chín Định thứ đệ, mười Trí lực của Phật, cho đến mười tám pháp Bát cộng? Tại sao học sáu thần thông, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp? Tại sao Bồ-tát thọ sinh vào nhà đại tộc, các tầng trời? Tại sao Bồ-tát học địa phát tâm thứ nhất đến Địa thứ mười? Tại sao Bồ-tát học địa Thanh văn, địa Bích-chi-phật, vị Bồ-tát? Tại sao Bồ-tát học thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật, các môn Đà-la-ni, giảng nói lưu loát? Tại sao Bồ-tát học Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác, học xong được Nhất thiết chủng trí biết tất cả pháp?

Bạch Đức Thế Tôn! Trong pháp tánh của các pháp không có sự khác nhau ấy.

Bạch Đức Thế Tôn! Phải chăng Bồ-tát đi vào phi chánh đạo. Vì sao? Vì trong pháp tánh không có sự khác nhau ấy. Trong pháp tánh không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Pháp tánh cũng chẳng xa lìa sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Sắc tức là pháp tánh, pháp tánh tức là sắc. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy, tất cả pháp cũng như vậy.

–Này Tu-bồ-đề, đúng vậy! Đúng như lời ông nói: sắc tức là pháp tánh, thọ, tưởng, hành, thức tức là Pháp tánh.

Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nếu Đại Bồ-tát thấy có pháp ngoài pháp tánh thì chẳng phải cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát biết tánh của tất cả các pháp là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì thế nên lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát biết tất cả pháp là pháp tánh rồi đối với pháp không danh tướng để giảng nói, đó là sắc, là thọ, tưởng, hành, thức, cho đến là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Ví như nhà ảo thuật ở trước công chúng dùng huyền thuật biến ra các thứ hình sắc, nào là gái, trai, voi, ngựa, nào là vườn rừng xinh tươi và các nhà cửa. Nào là suối chảy, ao tắm, xiêm y, hoa hương, anh lạc, đồ uống, món ăn, nào là hòa ca tấu nhạc để giúp vui mọi người.

Nhà ảo thuật này lại dùng huyền thuật biến ra người rồi bảo bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ.

Nhà ảo thuật lại dùng huyền thuật biến ra dòng đại tộc, các tầng trời, các Thánh Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm thực hành sáu pháp Ba-la-mật, thực hành Địa thứ nhất cho đến Địa thứ mười, nhập vào địa vị Bồ-tát, được du hý thần thông, thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật, du hý trong các thiền định giải thoát Tam-muội, thực hành

mười Lực của Phật cho đến thân Phật đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp.

Nhà ảo thuật dùng huyền thuật làm ra như vậy cho mọi người xem.

Trong các khán giả, người không hiểu biết hết sức khen ngợi sự tài giỏi của nhà ảo thuật. Người hiểu biết thì suy gẫm: thật chưa từng có, trong ấy không có sự thật mà có thể dùng pháp không thật có để làm vui lòng mọi người, từ chỗ không hình tướng khiến có hình tướng, không có sự việc làm cho có sự việc.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát chẳng thấy có pháp lìa ngoài pháp tánh. Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, vì năng lực phương tiện, Đại Bồ-tát đầu chẳng thấy chúng sinh mà tự bố thí, cũng dạy người khác bố thí, khen ngợi bố thí, vui mừng khen ngợi người bố thí. Cho đến tự tu trí tuệ, cũng dạy người tu trí tuệ, vui mừng khen ngợi người tu trí tuệ.

Đại Bồ-tát tự thực hành mười pháp lành, năm giới, tám giới, bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, ba mươi bảy pháp Trợ đạo, cho đến tự thực hành mười tám pháp Bất cộng, khen ngợi mười tám pháp Bất cộng, vui mừng khen ngợi người thực hành mười tám pháp Bất cộng.

Này Tu-bồ-đề! Nếu pháp tánh trước, sau và giữa có khác nhau thì Đại Bồ-tát chẳng thể do năng lực phương tiện để hiển bày pháp tánh, thành tựu chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Vì pháp tánh trước, sau và giữa không khác nhau, thế nên Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật vì sự lợi ích chúng sinh mà thực hành đạo Bồ-tát.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 25

Phẩm 80: THẬT TẾ

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu chúng sinh rớt ráo không thật có thì Bồ-tát vì ai mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát vì thật tế mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Nếu thật tế khác với cùng chúng sinh tế thì Bồ-tát chẳng thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Nhưng vì thật tế, chúng sinh tế chẳng khác nhau nên Đại Bồ-tát vì lợi ích chúng sinh mà thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát vì chẳng phá hoại thật tế mà an lập chúng sinh trong thật tế.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu thật tế tức là chúng sinh tế thì Bồ-tát kiến lập thật tế ở thật tế.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu kiến lập thật tế ở nơi thật tế tức là kiến lập tự tánh ở tự tánh.

Bạch Đức Thế Tôn! Chẳng được kiến lập tự tánh ở tự tánh.

Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát kiến lập chúng sinh ở thật tế?

–Này Tu-bồ-đề! Thật tế chẳng thể kiến lập ở thật tế, tự tánh chẳng thể kiến lập ở tự tánh.

Nay Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật vì năng lực phương tiện nên kiến lập chúng sinh ở thật tế.

Thật tế chẳng khác chúng sinh tế, thật tế cùng chúng sinh tế không hai, không khác.

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là năng lực phương tiện của Đại Bồ-tát? Dùng năng lực phương tiện ấy, Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật an lập chúng sinh ở thật tế, cũng chẳng phá hoại tướng thật tế.

– Nay Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát vì năng lực phương tiện nên an lập chúng sinh ở bố thí. An lập xong, Bồ-tát nói bố thí rất ráo rỗng không: Bố thí như vậy trước, sau, chặng giữa đều rỗng không, người thí rỗng không, quả báo bố thí rỗng không, người thọ nhận cũng rỗng không. Nay các người, trong thật tế, tất cả pháp ấy đều không thật có. Các người chớ cho rằng bố thí khác, người thí khác, quả báo bố thí khác, người thọ nhận khác. Nếu các người chẳng cho rằng khác nhau thì bố thí sẽ đưa đến mùi vị cam lộ, được quả mùi vị cam lộ. Vì bố thí như thế nên các vị chớ chấp trước sắc, chớ chấp trước thọ, tưởng, hành, thức. Vì sao? Vì Bố thí ấy, tướng bố thí rỗng không. Người thí thì người thí rỗng không. Quả báo thí thì quả báo thí rỗng không. Kẻ thọ nhận thì kẻ thọ nhận rỗng không. Trong rỗng không mà bố thí thì bố thí không thật có, người thí không thật có, quả báo bố thí không thật có, kẻ thọ nhận không thật có. Vì sao? Vì các pháp ấy rất ráo tự tánh là rỗng không.

Lại nữa, nay Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát dùng năng lực phương tiện dạy chúng sinh trì giới, bảo họ rằng các người dứt bỏ sát sinh cho đến dứt bỏ tà kiến. Vì sao? Vì pháp mà các vị phân biệt không có tánh như vậy. Các vị nên suy nghĩ kỹ: thế nào là chúng sinh muốn giết chết? Dùng những vật gì để giết chết? Cho đến đối với tà kiến cũng suy nghĩ kỹ như vậy.

Nay Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát dùng năng lực phương tiện như vậy mà thành tựu chúng sinh.

Đại Bồ-tát này vì chúng sinh mà nói quả báo bố thí, trì giới. Quả báo bố thí, trì giới ấy tự tánh rỗng không.

Biết quả báo bố thí, trì giới tự tánh rỗng không rồi, trong ấy chẳng chấp đắm. Vì chẳng chấp đắm nên tâm chẳng tán loạn thường sinh ra trí tuệ. Dùng trí tuệ ấy dứt trừ tất cả kết sử phiền não, nhập Niết-bàn Vô dư.

Trên đây là pháp thế tục, chẳng phải Đệ nhất thật nghĩa. Vì sao? Vì trong rỗng không, chẳng có diệt, cũng chẳng có kẻ diệt, các pháp rốt ráo không, đó chính là Niết-bàn.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thấy chúng sinh có tâm phiền não giận hờn nên dạy: Người thiện nam đến đây! Người nên tu hạnh nhẫn nhục, làm người nhẫn nhục, người nên ưa thích nhẫn nhục. Sân hận của người, tự tánh là rỗng không. Người nên suy nghĩ kỹ: tôi đối với pháp nào mà giận? Ai là người giận? Người bị giận là ai? Pháp ấy đều không. Pháp tánh không ấy không có lúc nào chẳng rỗng không. Rỗng không ấy chẳng phải do Phật, Bồ-tát, Thanh văn, Bích-chi-phật làm ra, cũng chẳng phải do các vị trời hay quỷ thần làm ra.

Người nên suy nghĩ kỹ: Giận ai? Ai là người giận? Thế nào là sự giận? Tất cả pháp ấy tự tánh rỗng không. Pháp rỗng không chẳng có việc giận.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát dùng pháp nhân duyên ấy an lập chúng sinh trong tánh không, thứ lớp lần lần chỉ dạy cho họ được lợi ích vui mừng, cho họ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác pháp thế tục này chẳng phải Đệ nhất thật nghĩa. Vì sao? Vì trong tánh không ấy không có người được, không có pháp được, không có chỗ được.

Này Tu-bồ-đề! Đó gọi là pháp thật tế tánh không.

Đại Bồ-tát vì chúng sinh mà hành pháp ấy.

Chúng sinh ấy cũng không thật có. Vì sao? Vì tất cả pháp lìa tướng chúng sinh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát vì năng lực phương tiện nên thấy chúng sinh lười biếng, dạy cho họ thân tinh tấn, tâm tinh tấn, bảo họ: Này các người! Trong tánh không của các pháp không có lười biếng, không có người lười biếng, không có sự lười biếng, tánh của tất cả pháp này đều không, không gì vượt hơn tánh không. Các người hãy phát khởi thân tinh tấn, tâm tinh tấn. Vì sinh pháp lành nên chớ có lười biếng. Đây là pháp lành: hoặc bố thí, hoặc trì giới, hoặc nhẫn nhục, hoặc tinh tấn, hoặc thiền định, hoặc trí tuệ, hoặc các thiền định, giải

thoát Tam-muội, hoặc bốn Niệm xứ cho đến tám Thánh đạo, hoặc ba môn giải thoát không, vô tướng, vô tác đến mười tám pháp Bất cộng, chớ có lười biếng.

Này các người! Trong tánh không của tất cả pháp ấy phải biết không có tướng đối đãi. Trong pháp không đối đãi ấy, không có người lười biếng, không có pháp lười biếng.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát dạy chúng sinh cho họ trụ trong tánh không, chẳng rơi vào pháp có hai. Vì sao? Vì trong tánh không ấy không có hai, không có khác nhau. Pháp không hai ấy không có chỗ chấp đắm.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật và tánh không, Đại Bồ-tát dạy cho chúng sinh tinh tấn, bảo: Này các người! Phải siêng năng tinh tấn hoặc bố thí, hoặc trì giới, hoặc nhẫn nhục, hoặc tinh tấn, hoặc thiền định, hoặc trí tuệ, hoặc thiền định giải thoát Tam-muội, hoặc bốn Niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo, hoặc ba môn Giải thoát không, vô tướng, vô tác, hoặc mười Lực Phật, hoặc bốn Vô úy, hoặc bốn Vô ngại trí, hoặc mười tám pháp Bất cộng, hoặc đại Từ, đại Bi. Với các pháp ấy các người chớ cho là tướng hai, cũng chớ cho là tướng chẳng hai.

Vì sao? Vì tánh các pháp ấy đều không, pháp tánh không này, chẳng nên cho là tướng hai, cũng chẳng nên cho rằng tướng chẳng hai.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát nhờ năng lực phương tiện nên thành tựu chúng sinh. Thành tựu chúng sinh xong, thứ lớp dạy cho họ được quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi-phật, nhập địa vị Bồ-tát, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát thấy chúng sinh loạn tâm nên dùng năng lực phương tiện, vì lợi ích chúng sinh, nên bảo họ: Này các người! Phải tu thiền định, các người chớ sinh loạn tưởng, phải sinh nhất tâm. Vì sao? Tánh của các pháp ấy đều là tánh không. Trong tánh rỗng không ấy không có các pháp để được, hoặc là tán loạn, hoặc là nhất tâm. Các người trụ trong Tam-muội ấy, có các tác nghiệp hoặc là thân, là khẩu, là ý,

hoặc bố thí, trì giới, nhẫn nhục, hoặc siêng năng tinh tấn, thực hành thiền định, tu trí tuệ, hoặc thực hành bốn Niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo, hoặc thực hành các giải thoát, các định theo thứ lớp, hoặc thực hành mười Lực của Phật cho đến đại Từ, đại Bi, hoặc thực hành ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, hoặc đạo Thanh văn, đạo Bích-chi-phật, đạo Bồ-tát, Phật đạo, hoặc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, hoặc đạo Bích-chi-phật, hoặc Nhất thiết chủng trí, hoặc thành tựu cho chúng sinh, hoặc làm thanh tịnh cõi Phật. Các người phải tùy theo sở nguyện của mình mà thực hành để được trụ trong tánh không.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật dùng năng lực phương tiện vì làm lợi ích cho chúng sinh nên từ khi bắt đầu phát tâm chẳng bao giờ lười bỏ, thường cầu pháp lành để lợi ích chúng sinh, từ một cõi Phật đến một cõi Phật, cúng dường các Đức Phật, theo các Đức Phật nghe pháp, bỏ thân thọ thân cho đến khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng bao giờ quên mất.

Các Bồ-tát ấy thường được các Đà-la-ni, các căn đầy đủ, đó là thân căn, ngữ căn và ý căn.

Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này thường tu Nhất thiết chủng trí. Vì tu Nhất thiết chủng trí nên tất cả đạo hạnh đều tu, hoặc đạo Thanh văn, đạo Bích-chi-phật, hoặc là thần thông rộng lớn của Bồ-tát. Lúc thực hành đạo thần thông, Bồ-tát thường lợi ích chúng sinh chẳng bao giờ quên mất. Bồ-tát ấy trụ trong nơi thần thông do quả báo đặc, làm lợi ích chúng sinh, vào trong năm loài sinh tử mà chẳng bao giờ quên mất.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, trụ trong tánh không, dùng thiền định lợi ích chúng sinh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, trụ trong tánh không, vì năng lực phương tiện nên lợi ích chúng sinh, bảo họ:

–Này các người! Phải quán tất cả pháp tánh không, các người nên thực hành các nghiệp: hoặc thân nghiệp, hoặc khẩu nghiệp, hoặc ý nghiệp hướng đến mùi vị cam lộ, được quả cam lộ. Trong

tánh không chẳng có pháp thoát lui. Vì sao? Tánh không chẳng có thoát lui, cũng không có người thoát. Bởi tánh không chẳng phải là pháp, cũng chẳng phải là phi pháp, ở trong pháp không thật có làm sao có thoát!

Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát dạy bảo chúng sinh như vậy, thường chẳng lìa bỏ.

Bồ-tát này tự thực hành mười điều lành, cũng dạy người khác thực hành mười điều lành. Với năm giới, tám trai giới cũng giống như vậy.

Bồ-tát này tự thực hành bốn Thiên, cũng dạy người khác thực hành bốn Thiên. Thường tự thực hành Từ, Bi, Hỷ, Xả, tự thực hành bốn Định vô sắc, tự thực hành bốn Niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo, tự thực hành mười Lực của Phật cho đến mười tám pháp Bất cộng, cho đến tám mươi vẻ đẹp, cũng dạy người khác thực hành từ tâm cho đến tám mươi vẻ đẹp như vậy.

Bồ-tát này ở trong quả Tu-đà-hoàn sinh trí tuệ nhưng chẳng trụ trong quả ấy, cũng dạy người khác được quả Tu-đà-hoàn, cho đến A-la-hán cũng vậy.

Bồ-tát này tự mình ở trong đạo Bích-chi-phật sinh trí tuệ nhưng chẳng trụ trong đó, cũng dạy người được đạo Bích-chi-phật.

Bồ-tát này tự mình đến đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng dạy người khác đến đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nhờ năng lực phương tiện nên chẳng bao giờ lìa bỏ.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các pháp thường không. Trong tánh thường rỗng không ấy, chúng sinh không không thật có, pháp và phi pháp cũng không thật có thì Đại Bồ-tát làm sao cầu Nhất thiết chủng trí?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng vậy, đúng vậy! Đúng như lời ông nói, tánh các pháp đều không. Trong tánh không ấy, chúng sinh không thật có, pháp và

phi pháp cũng không thật có.

Này Tu-bồ-đề! Nếu tất cả pháp tánh chẳng không thì Đại Bồ-tát chẳng y cứ tánh không thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và vì chúng sinh nói pháp tánh không.

Này Tu-bồ-đề! Tánh của sắc rỗng không, tánh của thọ, tưởng, hành, thức rỗng không. Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát nói pháp năm ấm tánh không, pháp mười hai nhập tánh không, pháp mười tám giới tánh không, pháp bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc tánh không, pháp bốn Niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo tánh không, pháp ba môn Giải thoát, tám Bội xả, chín Định thứ đệ, mười Trí lực, bốn Vô úy, bốn Trí vô ngại, mười tám pháp Bát cộng, đại Từ, đại Bi, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp đều là tánh không.

Đại Bồ-tát nói các pháp quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi-phật, Nhất thiết chủng trí dứt tập chủng phiền não đều tánh không.

Này Tu-bồ-đề! Nếu nội không cho đến vô pháp hữu pháp không mà tánh chẳng không thì phá hoại tánh không.

Này Tu-bồ-đề! Tánh không ấy chẳng thường, chẳng đoạn. Vì sao? Vì tánh không ấy không chỗ trụ, cũng không từ đâu đến, cũng không đi về đâu. Đó gọi là tướng pháp trụ. Trong đây không có pháp, không có trụ, không có tán, không có thêm, không có bớt, không có sinh, không có diệt, không có nhớ, không có sạch. Đây là các pháp tướng.

Đại Bồ-tát trụ trong các pháp tướng ấy phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng thấy pháp có chỗ phát, không có phát, không có trụ. Đó gọi là tướng pháp trụ.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát ấy thấy tất cả pháp tánh không, chẳng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy chẳng thấy có pháp làm chướng ngại thì từ chỗ nào mà sinh nghi. Đó gọi là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tánh không ấy chẳng có chúng sinh, chẳng có ngã, chẳng có nhân, chẳng có thọ, chẳng có mạng, cho đến chẳng có người biết, người thấy.

Trong tánh không ấy, sắc không thật có, thọ, tưởng, hành, thức không thật có, cho đến tám mươi vẻ đẹp không thật có.

Này Tu-bồ-đề! Ví như Đức Phật hóa ra bốn chúng: Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, rồi vì bốn chúng này mà thường nói pháp trong ngàn muôn ức kiếp chẳng dứt. Ý ông nghĩ sao, hóa chúng ấy sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Vì sao? Vì các hóa chúng ấy không thật có, tất cả pháp tánh không, cũng không chân thật, thì có những chúng sinh nào được quả Tu-đà-hoàn cho đến được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

–Này Tu-bồ-đề! Cũng giống như vậy, Đại Bồ-tát vì chúng sinh nói pháp tánh không. Chúng sinh ấy không thật có. Vì chúng sinh rơi vào trong điên đảo nên cứu vớt chúng sinh, khiến họ trụ nơi chẳng điên đảo. Điên đảo tức là không điên đảo. Điên đảo và không điên đảo đều là một tướng, mà có nhiều điên đảo, có ít chẳng điên đảo. Ở trong không điên đảo thì không có ngã, không có chúng sinh, cho đến không có người biết, người thấy. Ở trong không điên đảo cũng không có sắc, không có thọ, tưởng, hành, thức, không có mười hai nhập, cho đến không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó gọi là các pháp tánh không.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát trụ trong đây, ở trong tướng chúng sinh điên đảo mà cứu vớt chúng sinh.

Đó là từ trong tướng không chúng sinh, có chúng sinh mà cứu vớt ra. Cho đến từ trong tướng người biết, người thấy mà cứu vớt ra. Ở trong tướng không sắc, thọ, tưởng, hành, thức, có sắc, thọ, tưởng, hành, thức mà cứu vớt chúng sinh. Mười hai nhập, mười tám giới, cho đến tất cả pháp hữu lậu cũng giống như vậy.

Này Tu-bồ-đề! Cũng có các pháp vô lậu. Đó là bốn Niệm xứ, bốn Chánh cần, bốn Như ý túc, năm Căn, năm Lực, bảy Giác phần, tám phần Thánh đạo. Các pháp ấy đều là pháp vô lậu, cũng chẳng bằng tướng Đệ nhất nghĩa.

Tướng Đệ nhất nghĩa ấy vô tác, vô vi, không sinh, vô tướng, vô thuyết. Đó gọi là Đệ nhất nghĩa, cũng gọi là tánh không, cũng gọi là

Phật đạo. Trong ấy, chúng sinh không thật có, cho đến người biết, người thấy không thật có, sắc, thọ, tưởng, hành, thức không thật có, cho đến tám mươi vẻ đẹp cũng không thật có.

Vì sao? Vì Đại Bồ-tát chẳng phải vì đạo pháp mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đại Bồ-tát vì thật tướng tánh không của các pháp mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tánh không ấy, ở khoảng trước, sau và giữa đều là tánh không! Thường là tánh không, chẳng có lúc nào chẳng là tánh rỗng không.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật với tánh không, vì các chúng sinh chấp trước tướng chúng sinh, muốn cứu vớt họ mà cầu Đạo chủng trí.

Lúc cầu Đạo chủng trí, Đại Bồ-tát thực hành khắp tất cả đạo như là đạo Thanh văn, đạo Bích-chi-phật, đạo Bồ-tát. Đại Bồ-tát ấy đầy đủ tất cả đạo, cứu vớt chúng sinh ra khỏi tà tướng, chấp trước, thanh tịnh cõi Phật xong, tùy theo tuổi thọ mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Thuở quá khứ, đạo của các Đức Phật trong mười phương là tánh không. Thuở vị lai, thuở hiện tại, đạo của các Đức Phật ở mười phương là tánh không. Rời tánh không, thế gian không có đạo, không có quả. Phải gần gũi các Đức Phật nghe dạy các pháp tánh không này, thực hành pháp này chẳng mất Nhất thiết chủng trí.

–Bạch Đức Thế Tôn, rất là hy hữu! Các Đại Bồ-tát thực hành pháp tánh không ấy mà cũng chẳng phá hoại tướng tánh không. Đó là sắc khác với tánh không, thọ, tưởng, hành, thức khác với tánh không, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác khác với tánh không.

–Này Tu-bồ-đề! Sắc tức là tánh không, tánh không tức là sắc. Cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác tức là tánh không, tánh không tức là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Nếu sắc khác với tánh không, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác khác với tánh không thì Đại Bồ-tát chẳng thể được Nhất thiết chủng trí.

Nay, sắc chẳng khác tánh không, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng khác tánh không. Thế nên Đại Bồ-tát biết tất cả pháp tánh không, phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao? Vì trong ấy không có pháp nào là thật, hoặc là thường, chỉ vì các phàm phu chấp trước sắc, thọ, tưởng, hành, thức, chấp lấy tướng sắc, thọ, tưởng, hành, thức, có tâm chấp ngã tham đắm nội pháp, ngoại pháp, nên thọ thân năm ấm sắc, thọ, tưởng, hành, thức kế sau. Vì lẽ ấy mà chẳng thoát được sinh, già, bệnh, chết, sầu bi khổ não, qua lại trong năm đường.

Cho nên Đại Bồ-tát thực hành tánh không Bát-nhã ba-la-mật, chẳng phá hoại sắc thọ... tướng các pháp là không hoặc bất không.

Vì sao? Vì tánh không của tướng sắc chẳng phá hoại sắc, đó là sắc, là không, là thọ, tưởng, hành, thức, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng giống như vậy.

Ví như hư không chẳng phá hoại hư không. Nội hư không chẳng phá hoại ngoại hư không, ngoại hư không chẳng phá hoại nội hư không.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Sắc chẳng phá hoại tướng không của sắc. Tướng không của sắc chẳng phá hoại sắc. Vì sao? Vì hai pháp ấy không có tánh để bị phá hoại, đó là không và chẳng phải không. Cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng giống như vậy.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp rỗng không, không phân biệt, tại sao Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đến nay phát nguyện rằng tôi sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp không phân biệt, tại sao Bồ-tát phát tâm rằng ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu phân biệt các pháp thì chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát thực hành hai tướng thì không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu phân biệt làm hai phần thì không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu chẳng hai, chẳng phân biệt các pháp thì là Vô thượng Chánh đẳng

Chánh giác. Bồ-đề là tướng không hai, là tướng bất hoại.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-đề ấy chẳng thực hành trong sắc, chẳng thực hành trong thọ, tưởng, hành, thức. Cho đến Bồ-đề chẳng hành trong Bồ-đề. Vì sao? Vì sắc tức là Bồ-đề, Bồ-đề tức là sắc, chẳng hai, chẳng phân biệt. Cho đến mười tám pháp Bát cộng cũng giống như vậy.

Bồ-đề chẳng phải vì lấy mà thực hành, chẳng phải vì bỏ mà thực hành.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát, đối với Bồ-đề chẳng phải vì lấy mà thực hành, chẳng phải vì bỏ mà thực hành, vậy Đại Bồ-tát, đối với chỗ nào của Bồ-đề mà thực hành?

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như hóa nhân do Đức Phật biến hóa ra thì thực hành ở chỗ nào, là thực hành trong lấy hay là thực hành trong bỏ?

–Bạch Đức Thế Tôn! Chẳng phải thực hành trong lấy, chẳng phải thực hành trong bỏ.

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-đề của Đại Bồ-tát cũng giống như vậy, chẳng phải thực hành trong lấy, chẳng phải thực hành trong bỏ.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? A-la-hán ở trong chiêm bao, Bồ-đề thực hành chỗ nào? Là thực hành trong lấy hay là thực hành trong bỏ?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! chẳng phải thực hành trong lấy, chẳng phải thực hành trong bỏ. Vì sao? Vì A-la-hán rất ráo không ngủ thì làm sao có chiêm bao, Bồ-đề là thực hành trong lấy hay là thực hành trong bỏ.

–Này Tu-bồ-đề! Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác Đại Bồ-tát cũng giống như vậy. Chẳng phải thực hành trong lấy, chẳng phải thực hành trong bỏ, đó là thực hành trong sắc, cho đến thực hành trong Nhất thiết chủng trí.

–Bạch Đức Thế Tôn! Phải chăng Đại Bồ-tát chẳng thực hành mười địa, chẳng thực hành sáu pháp Ba-la-mật, chẳng thực hành ba mươi bảy pháp Trợ đạo, chẳng thực hành mười tám không, chẳng thực hành các thiền giải thoát Tam-muội, chẳng thực hành mười Trí lực, cho đến, chẳng thực hành tám mươi vẻ đẹp, trụ trong năm thân

thông, thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Đúng như lời ông nói. Đối với Bồ-tát, dầu Bồ-đề không có chỗ thực hành, nhưng nếu chẳng đầy đủ mười địa, sáu pháp Ba-la-mật, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm xứ, cho đến tám mươi vẻ đẹp, hạnh thường xả, pháp chẳng luống dối, pháp chẳng sai lầm, chẳng đầy đủ các pháp ấy thì chẳng bao giờ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đại Bồ-tát ấy trụ trong tướng của sắc, trụ trong tướng của thọ, tướng, hành, thức, cho đến trụ trong tướng của Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ đầy đủ mười Địa, cho đến được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tướng ấy thường vắng lặng, không có pháp có thêm, có bớt, có sinh, có diệt, có nhớ, có sạch, có thể đắc đạo, có thể đắc quả. Vì pháp thế tục đế mà Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chớ chẳng phải Đệ nhất thật nghĩa. Vì sao? Vì trong Đệ nhất nghĩa không có sắc, cho đến không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng không có người thực hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tất cả pháp ấy đều nói theo thế tục đế, chớ chẳng phải Đệ nhất nghĩa.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm đến nay, thực hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà Bồ-đề cũng chẳng tăng thêm, chúng sinh cũng chẳng giảm bớt, Bồ-tát cũng không thêm bớt.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu người lúc mới đắc đạo trụ trong Tam-muội vô gián, được căn vô lậu thành tựu, hoặc quả Tu-đà-hoàn, hoặc quả Tư-đà-hàm, hoặc quả A-na-hàm, hoặc quả A-la-hán. Lúc bấy giờ, ông có sự chứng đắc, hoặc là mộng, hoặc là tâm, hoặc là đạo, hoặc là đạo quả chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không có!

–Này Tu-bồ-đề! Làm thế nào biết người được đạo A-la-hán?

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì thế tục đế nên phân biệt gọi là đạo A-la-hán.

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Vì thế tục đế nên gọi là Bồ-tát, nên gọi là sắc, thọ, tướng, hành, thức cho đến Nhất thiết chủng trí.

Trong Bồ-đề không có pháp để được, hoặc thêm, hoặc bớt. Bởi vì các pháp tánh không.

Các pháp tánh không còn không thật có, hướng chi là có được tâm Địa thứ nhất, cho đến tâm Địa thứ mười, hướng chi có sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy pháp Trợ đạo, cho đến tất cả Phật pháp!

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được pháp Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác lợi ích chúng sinh như vậy.

M

Phẩm 81: CỤ TỨC

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát thực hành sáu pháp Ba-la-mật, mười tám không, ba mươi bảy phẩm Trợ đạo, mười Trí lực, bốn Vô úy, bốn Vô ngại, mười tám pháp Bất cộng mà chẳng đầy đủ đạo Bồ-tát, chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vậy Đại Bồ-tát phải làm thế nào để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nếu Đại Bồ-tát nhờ năng lực phương tiện nên thực hành Bồ thí ba-la-mật: chẳng thấy có vật bố thí, chẳng thấy có người thí, chẳng thấy có người thọ, cũng chẳng xa lìa các pháp ấy mà thực hành Bồ thí ba-la-mật. Đây là soi sáng đạo Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nhờ năng lực phương tiện nên đầy đủ đạo Bồ-tát như vậy. Đầy đủ xong thì sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ cho đến mười tám pháp Bất cộng cũng giống như vậy.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát tu tập Bát-nhã ba-la-mật như thế nào?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Nếu Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, thì năng lực phương tiện nên chẳng phá hoại sắc, chẳng tùy theo sắc. Vì sao? Vì sắc tánh không, nên chẳng phá hoại, chẳng thuận theo. Cho đến thọ, tưởng, hành, thức cũng giống như vậy.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, vì năng lực phương tiện nên thực hành Bồ thí ba-la-mật chẳng phá hoại, chẳng thuận theo. Vì sao? Vì Bồ thí ba-la-mật tánh không, nên chẳng phá hoại, chẳng thuận theo. Cho đến mười tám pháp Bất cộng cũng giống như vậy.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các pháp không có tự tánh phá hoại được, có thể thuận theo được, thì làm thế nào Đại Bồ-tát có thể tu tập Bát-nhã ba-la-mật và các học xứ của các Đại Bồ-tát? Vì sao? Vì Đại Bồ-tát nếu chẳng học Bát-nhã ba-la-mật thì chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

–Này Xá-lợi-phất! Như lời ông nói, Bồ-tát chẳng học Bát-nhã ba-la-mật thì chẳng có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì chẳng lia năng lực phương tiện nên có thể được.

Này Xá-lợi-phất! Nếu Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật mà có một pháp tánh để nắm bắt được thì mới nên lấy, còn nếu không thể nắm bắt thì sẽ lấy chỗ nào? Như Bát-nhã ba-la-mật, đối với Thiền định ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Bồ thí ba-la-mật, sắc, thọ, tưởng, hành, thức cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng giống như vậy.

Này Xá-lợi-phất! Bát-nhã ba-la-mật ấy chẳng chấp lấy tướng được, cho đến tất cả Phật pháp chẳng chấp lấy tướng được.

Này Xá-lợi-phất! Đó gọi là không chấp Bát-nhã ba-la-mật cho đến Phật pháp, là chỗ phải nên học của Đại Bồ-tát.

Lúc Đại Bồ-tát học, đối với tướng học còn không thật có hướng chỉ là Bát-nhã ba-la-mật, pháp Phật, pháp Bồ-tát, pháp Bích-chi-phật, pháp Thanh văn, pháp phàm phu.

Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Các pháp không một pháp nào có tánh.

Các pháp không có tánh như vậy thì thế nào là phàm phu, là

Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát, Phật!

Nếu không có các bậc Hiền thánh ấy thì làm sao có pháp, vì biết pháp ấy nên phân biệt nói là phàm phu, là Tu-đà-hoàn, cho đến Phật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các pháp không có tánh, không thật, không căn bản thì làm sao biết là phàm phu cho đến biết là Phật?

–Này Xá-lợi-phất! Chỗ phàm phu chấp trước như sắc... có tánh, có thật chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Chỉ do tâm điên đảo mà thôi.

–Này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát nhờ năng lực phương tiện, thấy các pháp không có tánh, không có căn bản nên có thể phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát nhờ năng lực phương tiện, vì thấy các pháp không có tánh, không có cội gốc nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

–Này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng thấy cội gốc các pháp nên không đối với đó mà thoái mất, sinh tâm biếng nhác.

Này Xá-lợi-phất! Nay cội gốc các pháp thật không có ngã, không có tánh sở hữu, thường rỗng không. Chỉ vì điên đảo ngu si nên chúng sinh chấp giữ lấy ấm, nhập, giới.

Đại Bồ-tát lúc này thấy các pháp không thật có, thường rỗng không, tự tướng không, nên thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tự đặt mình như nhà ảo thuật vì chúng sinh mà nói pháp.

Với người xan tham, Bồ-tát vì họ nói pháp bố thí. Với người phá giới, nói pháp trì giới. Với người sân hận, nói pháp nhẫn nhục. Với người lười biếng, nói pháp tinh tấn. Với người tán loạn, nói pháp thiền định. Với người ngu si, nói pháp trí tuệ.

Bồ-tát nói pháp giúp cho chúng sinh an trụ Bố thí, Trì giới,

Nhấn nhục, Tinh tấn, Thiên định, Trí tuệ. Rồi sau đó vì họ mà nói Thánh pháp để ra khỏi khổ. Theo pháp ấy có thể được quả Tu-đà-hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát có được chúng sinh không thật có ấy, dạy họ bố thí cho đến trí tuệ, rồi mới nói Thánh pháp có công năng giúp ra khỏi khổ. Vì nhờ pháp ấy nên được quả Tu-đà-hoàn, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

–Này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát không có lỗi có chỗ nắm bắt.

Vì sao? Này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát chẳng có được chúng sinh, chỉ vì pháp rộng không nối nhau mà gọi là chúng sinh.

Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát trụ trong hai đế mà vì chúng sinh nói pháp, đó là thế đế và Đệ nhất nghĩa đế.

Này Xá-lợi-phất! Trong hai đế, đầu chúng sinh không thật có, Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật nhờ năng lực phương tiện nên thuyết pháp cho chúng sinh.

Chúng sinh nghe pháp ấy đối với ngã, ngã sở đời nay còn không thật có, hướng chi người sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và pháp dùng để tu tập!

Này Xá-lợi-phất! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát nhờ năng lực phương tiện nên nói pháp cho chúng sinh như vậy.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát ấy tâm rộng lớn, không có pháp thật có hoặc là tướng một, hoặc là tướng khác, hoặc là tướng phân biệt mà có thể đại trang nghiêm như vậy. Vì dùng sự trang nghiêm ấy nên chẳng sinh cõi Dục, chẳng sinh cõi Sắc, chẳng sinh cõi Vô sắc.

Bồ-tát ấy chẳng thấy tánh hữu vi, tánh vô vi mà ở trong ba cõi độ thoát chúng sinh, cũng chẳng có được chúng sinh. Vì sao? Vì chúng sinh chẳng trói, chẳng mở. Vì chúng sinh chẳng trói, chẳng mở nên không nhớ, không sạch. Vì không nhớ, không sạch nên không phân biệt năm loài. Vì không phân biệt năm loài nên không nghiệp, không phiền não. Vì không nghiệp, không phiền não nên chẳng có quả báo. Vì quả báo ấy mà sinh trong ba cõi.

–Đúng vậy, này Xá-lợi-phất! Như lời ông nói, nếu chúng sinh là trước có sau không thì các Đức Phật, Bồ-tát có lỗi. Các pháp, năm đường sinh tử cũng giống như vậy, nếu trước có sau không thì các Đức Phật, các Bồ-tát có lỗi.

Này Xá-lợi-phất! Bất luận có Phật hay không Phật, các tướng pháp vẫn thường trụ không khác nhau. Trong tướng pháp ấy còn không có ngã, không có chúng sinh, người sống cho đến không có người biết, người thấy, hưởng chi có sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Nếu không có các pháp ấy thì làm sao có năm đường luân hồi và chỗ cứu vớt chúng sinh ra.

Này Xá-lợi-phất! Các pháp ấy, tánh nó thường không. Cho nên các Đại Bồ-tát từ nơi các Đức Phật quá khứ nghe tướng pháp ấy mà phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trong ấy không có pháp gì để ta được, cũng không có chỗ mà chúng sinh bị lệ thuộc. Nên chẳng thể ra khỏi, chỉ vì chúng sinh điên đảo nên chấp lấy. Bởi thế mà Đại Bồ-tát phát đại trang nghiêm, thường chẳng thoái chuyển Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát này chẳng nghi ngờ rằng ta sẽ chẳng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Chắc chắn ta sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sau khi được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, dùng thật pháp lợi ích chúng sinh, giúp họ ra khỏi điên đảo.

Này Xá-lợi-phất! Ví như nhà ảo thuật, hóa thành trăm ngàn muôn ức người, cho thức uống ăn no đủ. Những người này vui mừng hô lên rằng tôi được phước lớn, tôi được phước lớn. Ý ông nghĩ sao, trong ấy có người nào ăn uống no đủ chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát từ khi mới phát tâm trở đi, thực hành sáu pháp Ba-la-mật, bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm xứ cho đến mười tám pháp Bát cộng, đầy đủ đạo Bồ-tát, thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật. Nhưng không có pháp chúng sinh nào để độ.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là đạo Bồ-tát? Đại Bồ-tát thực hành đạo ấy có thể thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật.

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm trở đi, thực hành Bồ thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiên định ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật, cho đến thực hành mười tám pháp Bát cộng, thành tựu chúng sinh, thanh tịnh cõi Phật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát thực hành Bồ thí ba-la-mật để thành tựu chúng sinh?

–Này Tu-bồ-đề! Có Đại Bồ-tát lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật, tự mình bố thí, dạy người khác bố thí, bảo họ rằng các vị chớ chấp lấy bố thí, nếu chấp lấy bố thí thì sẽ phải thọ thân nữa. Vì phải thọ thân nữa nên phải chịu nhiều sự khổ. Này các người, đối với tướng các pháp không có vật bố thí, không có người bố thí, không có người nhận lãnh. Ba thứ ấy đều là tánh rỗng không. Pháp tánh rỗng không ấy chẳng thật có. Tướng không thật có là tánh rỗng không.

Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật, Đại Bồ-tát bố thí cho chúng sinh, trong ấy chẳng được vật bố thí, chẳng có người thí, chẳng có người nhận. Vì sao? Vì không thật có Ba-la-mật gọi là Bồ thí ba-la-mật.

Vì Bồ-tát ấy chẳng có được ba pháp ấy nên có thể dạy chúng sinh cho họ được quả Tu-đà-hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật, Đại Bồ-tát thành tựu chúng sinh. Bồ-tát ấy tự mình thực hành bố thí, cũng dạy người bố thí, khen ngợi pháp bố thí, vui mừng khen ngợi người bố thí.

Bố thí như vậy xong, Bồ-tát ấy sinh vào nhà của dòng lớn Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ, hoặc làm Tiểu vương, hoặc làm Chuyển luân thánh vương. Bấy giờ dùng bốn việc cứu giúp chúng sinh. Đó là Bố thí, Ái ngữ, Lợi hành, Đồng sự.

Dùng bốn việc ấy cứu giúp chúng sinh rồi, chúng sinh dần dần an trụ nơi giới, bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm xứ, cho đến tám phần Thánh đạo, ba pháp môn giải thoát, được vào chánh vị, được quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, hoặc được đạo Bích-chi-phật. Hoặc dạy cho họ được Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác, bảo họ rằng các người nên phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ấy rất dễ được. Vì sao? Không có pháp nhất định nào làm chỗ để chúng sinh chấp lấy, chỉ vì điên đảo nên chúng sinh chấp lấy thôi. Thế nên các người tự mình xa lìa sinh tử, cũng phải dạy người khác xa lìa sinh tử. Các người phải phát tâm làm lợi ích cho mình, cũng sẽ lợi ích cho người.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải thực hành Bồ thí ba-la-mật như vậy. Do thực hành Bồ thí ba-la-mật mà từ khi mới phát tâm trở đi, Bồ-tát chẳng bao giờ đọa vào cõi ác, thường làm Chuyển luân thánh vương. Vì sao? Vì tùy theo nhân đã gieo mà được quả báo lớn nhỏ.

Lúc Bồ-tát ấy làm Chuyển luân thánh vương, thấy có người đến xin, nghĩ rằng: “Ta chẳng vì việc gì khác mà nhận ngôi Chuyển luân thánh vương, mà chỉ vì lợi ích tất cả chúng sinh.” Nghĩ xong, bảo người đến xin rằng đây là vật của nhà ngươi, nhà ngươi tự lấy đi chớ ngại, ta không tiếc đâu. Ta vì chúng sinh mà chịu lấy sinh tử, vì thương xót các người mà ta đầy đủ tâm đại Bi.

Bồ-tát thực hành đại Bi làm lợi ích cho chúng sinh, cũng chẳng có tướng thật của chúng sinh mà chỉ giả danh nên gọi là chúng sinh. Danh tự ấy cũng rỗng không, như tiếng vang, thật chẳng thể nói tướng thật.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải thực hành Bồ thí ba-la-mật như vậy, đối với chúng sinh không tiếc gì cả, cho đến chẳng tiếc da thịt của chính mình, huống chi là vật ngoài thân. Do pháp này mà cứu vớt được chúng sinh ra khỏi sinh tử. Pháp này là gì? Đó là Bồ thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật, cho đến mười tám pháp Bất cộng, dùng những pháp ấy làm cho chúng sinh thoát khỏi sinh tử.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ trong Bồ thí ba-la-mật, bồ thí xong bảo: Này các vị, các vị đến đây giữ giới, tôi sẽ cung cấp cho các vị không để thiếu hụt. Những đồ uống ăn, y phục, đồ nằm, cho đến tất cả đồ dùng trong đời sống tôi sẽ cung cấp cho các vị. Vì

thiếu đói mà các người phá giới, tôi sẽ cung cấp đầy đủ đồ dùng cho các người không thiếu hụt, hoặc là món ăn, thức uống cho đến bảy chất báu. Các người trụ trong giới luật nghi này, lần lần sẽ được hết khổ, nương vào ba thừa mà được giải thoát, hoặc thừa Thanh văn, hoặc thừa Bích-chi-phật, hoặc Phật thừa.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát an trụ trong Bồ thí ba-la-mật, nếu thấy chúng sinh sân hận thì bảo họ: Này các vị, vì sao mà các vị giận hờn? Tôi sẽ cấp đồ dùng cho các vị. Các vị muốn vật gì cứ lấy ở tôi, tôi sẽ cung cấp đầy đủ để các vị khỏi thiếu thốn.

Bồ-tát này trụ trong Bồ thí ba-la-mật, dạy chúng sinh nhẫn nhục, bảo họ rằng: Trong tất cả pháp, không có pháp nào chắc thật, sự tức giận của các vị chỉ là nhân duyên rỗng không, chẳng thật có, đều từ nhớ tưởng, luống dối mà sinh. Các người bị sân hận không có nơi chốn, phá hoại nơi tâm mà ác khẩu mắng nhiếc, dùng dao gậy hại nhau, cho đến giết chết. Các người chớ vì pháp luống dối ấy mà sinh tâm sân hận để rồi phải đọa vào trong địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, chịu vô lượng khổ. Các người chớ vì các pháp luống dối không thật mà gây tội nghiệp. Vì tội nghiệp ấy thì thân người còn chẳng được, huống chi là được sinh vào thời có Phật. Này các vị, đời có Phật khó gặp, thân người khó được. Các vị chớ để mất dịp tốt, nếu mất dịp tốt thì chẳng cứu được.

Đại Bồ-tát ấy giáo hóa chúng sinh như vậy. Tự mình thực hành nhẫn nhục, cũng dạy người khác thực hành nhẫn nhục, khen ngợi pháp nhẫn nhục, vui mừng khen ngợi người thực hành nhẫn nhục.

Bồ-tát ấy làm cho chúng sinh an trụ trong nhẫn nhục, dần dần do ba thừa mà được hết khổ.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ trong Bồ thí ba-la-mật, làm cho chúng sinh trụ vào nhẫn nhục.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Đại Bồ-tát trụ Bồ thí ba-la-mật làm cho chúng sinh tinh tấn?

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thấy chúng sinh biếng nhác, bảo họ: Các vị sao lại biếng nhác? Chúng sinh thưa: “Vì có ít điều kiện.” Bồ-tát bảo mọi người rằng tôi sẽ giúp cho các vị đầy đủ điều kiện: hoặc bố

thí, hoặc trì giới, hoặc nhẫn nhục, những điều kiện như vậy làm cho các vị đều đầy đủ. Các chúng sinh ấy được Bồ-tát làm cho có nhân duyên lợi ích nên họ được thân tinh tấn, miệng tinh tấn, tâm tinh tấn. Vì ba nghiệp tinh tấn nên đầy đủ tất cả pháp lành, tu pháp Thánh vô lậu. Vì tu pháp Thánh vô lậu nên được quả Tu-đà-hoàn cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật, an trụ Tinh tấn ba-la-mật để cứu giúp chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Đại Bồ-tát lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật, giáo hóa chúng sinh, khiến họ tu Thiền ba-la-mật?

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thấy chúng sinh loạn tâm, bảo họ rằng các người nên tu thiền định. Chúng sinh thưa chúng tôi chẳng có đủ điều kiện. Bồ-tát bảo: Ta sẽ làm cho các người có đủ điều kiện, các người tâm chẳng theo giác quán, tâm chẳng tán loạn. Do có điều kiện ấy, chúng sinh dứt giác quán, nhập Thiền thứ nhất, Thiền thứ hai, Thiền thứ ba, Thiền thứ tư, hành Từ, Bi, Hỷ, Xả. Do thiền và tâm vô lượng ấy mà chúng sinh có thể tu bốn Niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo. Lúc tu ba mươi bảy pháp Trạo đạo ấy, chúng sinh lần nhập vào Ba thừa mà được Niết-bàn, chẳng bao giờ mất đạo.

Này Tu-bồ-đề! Đúng vậy, lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật, Đại Bồ-tát dùng Thiền ba-la-mật cứu giúp chúng sinh, khiến họ thực hành Thiền ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Đại Bồ-tát thực hành Bồ thí ba-la-mật, dùng Bát-nhã ba-la-mật cứu giúp chúng sinh?

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thấy chúng sinh ngu si, không có trí tuệ, bảo họ rằng: vì sao các người không tu trí tuệ? Chúng sinh thưa vì không đầy đủ điều kiện. Bồ-tát ấy bảo những điều kiện mà các người cần để được đầy đủ trí tuệ có thể lấy ở ta, đó là bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định. Khi các nhân duyên ấy đã đầy đủ, các vị phải suy nghĩ như vậy: Lúc suy nghĩ Bát-nhã ba-la-mật, có pháp gì để được chẳng? Những gì là ngã, chúng sinh, thọ mạng, cho đến người biết, người thấy có thật được chẳng? Những thứ sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy pháp Trạo đạo, quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-

na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi-phật, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác có thật được chăng?

Lúc suy nghĩ như vậy, đối với Bát-nhã ba-la-mật, chúng sinh ấy không có pháp nào thật được, có thể chấp lấy.

Nếu chẳng chấp lấy các pháp, bấy giờ chúng sinh ấy chẳng thấy pháp có sinh, có diệt, có nhớ, có sạch, chẳng phân biệt là địa ngục, là súc sinh, là ngạ quỷ, là A-tu-la, là người, là trời, là trì giới, là phá giới là Tu-đà-hoàn, là Tư-đà-hàm, là A-na-hàm, là A-la-hán, là Bích-chi-phật, là Phật.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát dùng Bát-nhã ba-la-mật cứu giúp chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là Đại Bồ-tát trụ trong Bồ thí ba-la-mật dùng Giới ba-la-mật, Nhẫn ba-la-mật, Tiến ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật, cho đến ba mươi bảy pháp Trợ đạo cứu giúp chúng sinh?

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ trong Bồ thí ba-la-mật, đem đồ cấp dưỡng lợi ích cho chúng sinh. Do nhân duyên làm lợi ích này, chúng sinh có thể tu bốn Niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo. Chúng sinh thực hành ba mươi bảy phẩm Trợ đạo ấy được ra khỏi sinh tử.

Như vậy, Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát dùng Thánh pháp vô lậu cứu giúp chúng sinh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc Đại Bồ-tát giáo hóa chúng sinh, nên bảo họ: Này các vị! Các vị đến chỗ ta mà lấy những vật cần dùng, đó là đồ uống ăn, y phục, đồ nằm, hương hoa cho đến bảy chất báu. Từ nay các người mãi mãi được lợi ích an vui. Các người chớ nghĩ rằng những vật này chẳng phải sở hữu của mình. Từ lâu, thường ta vì chúng sinh mà tập hợp các vật ấy, các vị nên lấy những vật ấy như vật của mình không khác.

Bồ-tát giáo hóa chúng sinh khiến họ thực hành bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ, cho đến khiến họ được ba mươi bảy pháp Trợ đạo, mười Trí lực cho đến mười tám pháp Bất cộng, cũng khiến họ được các pháp vô lậu, đó là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi-phật,

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Như vậy, lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật, Đại Bồ-tát giáo hóa chúng sinh cho họ được thoát khỏi ba đường ác và tất cả sự khổ qua lại trong sinh tử.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trụ trong Trì giới ba-la-mật giáo hóa chúng sinh, bảo họ: Các vị thiếu điều kiện gì mà phá giới? Ta sẽ cấp cho các vị để đầy đủ điều kiện, đó là bố thí, cho đến trí tuệ và các vật dùng trong cuộc sống.

Đại Bồ-tát này trụ trong Trì giới ba-la-mật làm lợi ích chúng sinh, khiến họ thực hành mười điều lành, xa lìa mười điều bất thiện.

Các chúng sinh ấy trì các giới, chẳng phá giới, chẳng thiếu giới, chẳng nhớ giới, chẳng tạp giới, chẳng chấp giới, lần lần do ba thừa mà được hết khổ.

Trì giới ba-la-mật dẫn đầu cũng như Bồ thí ba-la-mật.

Bốn Ba-la-mật kia cũng giống như vậy.



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 26

Phẩm 82: THANH TỊNH CỐI PHẬT

Bấy giờ Tu-bồ-đề nghĩ: “Thế nào là đạo của Đại Bồ-tát?”

Bồ-tát trụ trong đạo ấy có thể đại trang nghiêm như vậy bằng thế nguyện rộng lớn.

Đức Phật biết tâm niệm của Tu-bồ-đề liền dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Sáu pháp Ba-la-mật là đạo của Đại Bồ-tát, ba mươi bảy pháp Trợ đạo là đạo của Đại Bồ-tát, tám Bội xả, chín Định thứ đệ là đạo của Đại Bồ-tát, mười Trí lực cho đến mười tám pháp Bất cộng là đạo của Đại Bồ-tát, tất cả pháp cũng là đạo của Đại Bồ-tát.

Này Tu-bồ-đề! Có pháp nào Bồ-tát chẳng học mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

Này Tu-bồ-đề! Không có pháp nào mà Bồ-tát chẳng học. Vì sao? Vì nếu Bồ-tát chẳng học tất cả pháp thì chẳng thể được Nhất thiết chủng trí.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp là không, sao lại nói Bồ-tát học tất cả pháp. Phải chăng Đức Thế Tôn đối với không hý luận mà làm hý luận ư, đó là cái này, cái kia, là pháp thế gian, là pháp xuất thế gian, là hữu lậu, là vô lậu, là hữu vi, là vô vi, là pháp phàm phu, là pháp A-la-hán, là pháp Bích-chi-phật, là pháp Phật.

–Đúng như vậy, này Tu-bồ-đề! Tất cả pháp thật rỗng không! Này Tu-bồ-đề, nếu tất cả các pháp chẳng rỗng không thì Đại Bồ-tát chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Nay vì tất cả pháp thật rỗng không nên Đại Bồ-tát có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Như lời ông nói, nếu tất cả pháp rỗng không,

phải chằng Đức Phật đối với không hý luận mà làm hý luận, đó là phân biệt đây kia, là pháp thế gian, là pháp xuất thế gian cho đến là Phật pháp.

Này Tu-bồ-đề! Nếu chúng sinh ở thế gian biết tất cả pháp là không thì Đại Bồ-tát chằng học tất cả pháp để được Nhất thiết chủng trí.

Nay vì chúng sinh chằng biết tất cả pháp không nên Đại Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi phân biệt các pháp, giảng nói cho chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Đối với đạo Bồ-tát này, từ lúc đầu đến nay phải suy nghĩ như vậy: Trong tất cả pháp không có tánh nhất định, chỉ từ nhân duyên hòa hợp mà sinh khởi, nên được gọi là các pháp, tôi phải suy nghĩ các pháp không có thật tánh, không thể chấp lấy, hoặc là sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy pháp Trợ đạo, hoặc là quả Tu-đà-hoàn, cho đến quả A-la-hán, đạo Bích-chi-phật, Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao? Vì tất cả pháp, tất cả pháp tánh là rỗng không, không chằng chấp lấy không, không còn chằng thật có, hướng chi là đối với không mà chấp lấy.

Này Tu-bồ-đề! Suy nghĩ như vậy, Bồ-tát chằng chấp lấy tất cả pháp mà học tất cả pháp.

Bồ-tát trụ trong sự học ấy, quán sát tâm hoạt động của chúng sinh: tâm chúng sinh này hoạt động ở chỗ nào?

Bồ-tát biết tâm chúng sinh hoạt động trong luồng đối chằng thật, nên nghĩ rằng chúng sinh ấy chấp lấy pháp luồng đối chằng thật, rất dễ cứu độ.

Bấy giờ, Đại Bồ-tát trụ trong Bát-nhã ba-la-mật, dùng năng lực phương tiện nên giáo hóa chúng sinh: Này các vị, nên thực hành bố thí sẽ được nhiều của cải, cũng chằng nên cậy quả báo bố thí mà tự cống cao. Vì sao? Vì trong ấy không có pháp chắc thật.

Giáo hóa họ trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cũng giống như vậy. Chúng sinh thực hành pháp ấy sẽ được quả Tu-đà-hoàn, cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nhưng chớ nghĩ là có pháp ấy.

Giáo hóa như vậy thì gọi là hành đạo Bồ-tát, vì đối với các pháp có không chỗ chấp lấy, vì các pháp ấy không chắc thật. Vì sao? Vì tất cả pháp không có tướng chấp lấy, bởi là tánh không có, là tánh rỗng không.

Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành đạo Bồ-tát như vậy, Đại Bồ-tát không có chỗ trụ.

Bồ-tát ấy vì pháp chẳng trụ, nên thực hành Bồ thí ba-la-mật, cũng chẳng trụ trong ấy, thực hành Trì giới ba-la-mật cũng chẳng trụ trong ấy, thực hành Nhẫn nhục ba-la-mật cũng chẳng trụ trong ấy, thực hành Tinh tấn ba-la-mật cũng chẳng trụ trong ấy, thực hành Thiền định ba-la-mật cũng chẳng trụ trong ấy, thực hành Bát-nhã ba-la-mật cũng chẳng trụ trong ấy, thực hành bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, tám Bội xả, chín Định thứ đệ cũng chẳng trụ trong ấy. Vì sao? Vì Thiền thứ nhất, Thiền thứ nhất tánh là rỗng không, người hành thiền... cũng rỗng không, pháp được dùng cũng rỗng không. Được quả Tu-đà-hoàn, cho đến được đạo Bích-chi-phật cũng chẳng trụ trong ấy.

–Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao chẳng trụ trong ấy?

–Này Tu-bồ-đề! Do hai nhân duyên mà chẳng trụ trong ấy:

1. Các đạo quả tánh rỗng không, không có chỗ trụ, cũng không có pháp được dùng, cũng không có người trụ.

2. Chẳng lấy chút ít làm đủ. Bồ-tát nghĩ rằng: “Ta chẳng nên chẳng được quả Tu-đà-hoàn, ta chắc chắn sẽ được quả Tu-đà-hoàn, chẳng nên trụ trong quả ấy cho đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chẳng nên an trụ trong ấy.” Vì sao? Vì từ lúc mới phát tâm trở đi, ta không còn có tâm nào khác, chỉ nhất tâm hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát ấy trụ trong nhất tâm như vậy có công năng sinh ra đạo giác ngộ.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp bất sinh thì làm sao Đại Bồ-tát sinh ra đạo Bồ-đề?

–Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Tất cả pháp không sinh! Vì sao không sinh? Vì không có chỗ làm, không có chỗ khởi nên tất cả pháp bất sinh.

– Bạch Đức Thế Tôn! Có Phật hay không có Phật, pháp tướng của các pháp vẫn thường trụ ư?

– Đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Có Phật hay không có Phật, pháp tướng của các pháp vẫn thường trụ.

Bởi chúng sinh chẳng biết pháp ấy trụ vào pháp tướng, nên Đại Bồ-tát vì chúng sinh mà sinh ra đạo Bồ-đề. Bồ-tát dùng đạo ấy cứu giúp chúng sinh ra khỏi sinh tử.

– Bạch Đức Thế Tôn! Dùng đạo sinh có được Bồ-đề chăng?

– Không.

– Bạch Đức Thế Tôn! Dùng đạo không sinh có được Bồ-đề chăng?

– Không.

– Bạch Đức Thế Tôn! Dùng đạo không sinh, chẳng phải không sinh có được Bồ-đề chăng?

– Không.

– Bạch Đức Thế Tôn! Làm sao mới được Bồ-đề?

– Này Tu-bồ-đề! Chẳng phải dùng đạo mà được Bồ-đề, cũng chẳng phải dùng phi đạo mà được Bồ-đề.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-đề tức là đạo, đạo tức là Bồ-đề.

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Bồ-đề tức là đạo và đạo tức là Bồ-đề, thì lúc này Bồ-tát chưa thành Phật lẽ ra đã được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sao lại nói chư Phật, Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười Trí lực, bốn Vô úy, bốn Trí vô ngại, mười tám pháp Bất cộng, đại Từ, đại Bi?

– Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Đức Phật có được Bồ-đề chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn! Đức Phật không có được Bồ-đề. Vì sao? Vì Phật tức là Bồ-đề, Bồ-đề tức là Phật.

– Này Tu-bồ-đề! Như lời hỏi của Tu-bồ-đề, lúc làm Bồ-tát lẽ ra cũng được Bồ-đề.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát ấy đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, ba mươi bảy pháp Trợ đạo, đầy đủ mười Trí lực, bốn Vô úy, bốn Trí vô

ngại, mười tám pháp Bát cộng, trụ trong Tam-muội như kim cang, dùng một niệm tương ứng với tuệ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, bấy giờ gọi là Phật, đối với tất cả pháp được tự tại.

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát làm thanh tịnh cõi nước Phật?

– Nay Tu-bồ-đề! Có Bồ-tát từ lúc mới phát tâm trở đi tự trừ nghiệp thô nơi thân, trừ nghiệp thô nơi miệng, trừ nghiệp thô nơi ý, cũng làm sạch ba nghiệp thô của người khác.

– Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là nghiệp thô của thân, nghiệp thô của miệng, nghiệp thô của ý?

– Nay Tu-bồ-đề! Những nghiệp bất thiện như sát sinh cho đến tà kiến gọi là ba nghiệp thô của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Tâm tham lam, tâm phá giới, tâm giận hờn, tâm biếng nhác, tâm tán loạn, tâm ngu si gọi là ý nghiệp thô của Bồ-tát.

Giới chẳng thanh tịnh gọi là nghiệp thô của thân, khẩu, ý.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát xa lìa hạnh bốn Niệm xứ thì gọi là nghiệp thô của Bồ-tát, xa lìa bốn Chánh cần cho đến tám phần Thánh đạo, tám môn giải thoát cũng gọi là nghiệp thô của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát tham quả Tu-đà-hoàn cho đến tham quả A-la-hán, đạo Bích-chi-phật thì gọi là nghiệp thô của Bồ-tát.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát có tướng sắc, thọ, tưởng, hành, thức, có tướng nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, có tướng sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, tướng nam, tướng nữ, có tướng cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, có tướng pháp lành, pháp chẳng lành, hữu vi, vô vi thì gọi là nghiệp thô của Bồ-tát.

Đại Bồ-tát đều xa lìa các tướng nghiệp thô như vậy, tự mình bố thí, cũng dạy người khác bố thí: cần thức ăn cho thức ăn, cần y phục cho y phục, cho đến cần các thứ vật dụng trong cuộc sống đều cấp cho tất cả. Cũng dạy người khác thực hành bố thí như vậy. Đem phước đức ấy cùng với tất cả chúng sinh hồi hướng làm thanh tịnh cõi nước Phật. Trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ cũng giống như vậy.

Đại Bồ-tát ấy hoặc đem châu báu đầy cả cõi đại thiên cúng dường Tam bảo, phát nguyện rằng do nhân duyên căn lành này khiến cho cõi nước ta đều được làm bằng bảy báu.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đem âm nhạc cõi trời trỗi trước Phật và tháp Phật, phát nguyện rằng do nhân duyên căn lành này làm cho ở cõi nước ta thường nghe nhạc trời.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đem hương trời đầy đủ cả cõi đại thiên cúng dường các Đức Phật và tháp Phật, phát nguyện rằng do nhân duyên căn lành này làm cho cõi nước ta thường có hương trời.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát dùng trăm thức uống ăn cúng dường Phật và Tăng, phát nguyện rằng do nhân duyên căn lành này làm cho chúng sinh trong cõi nước ta đều được trăm thức uống ăn.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát dùng hương trời cúng dường Phật và Tăng, phát nguyện rằng do nhân duyên căn lành này làm cho chúng sinh trong cõi nước ta, tất cả đều thọ hương trời.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Tùy ý dùng năm dục cúng dường Phật và tăng cùng tất cả chúng sinh, phát nguyện rằng do nhân duyên căn lành này làm cho trong cõi nước tôi, hàng đệ tử và tất cả chúng sinh đều được năm dục tùy ý, cùng tất cả chúng sinh đồng hồi hương, thanh tịnh cõi nước Phật, nguyện rằng lúc ta thành Phật, trong cõi nước tôi có năm dục như cõi trời ứng theo tâm hiện đến.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát nguyện rằng ta sẽ tự mình nhập Thiền thứ nhất, cũng dạy cho chúng sinh nhập Thiền thứ nhất, Thiền thứ hai, cho đến ba mươi bảy phẩm Trợ đạo cũng giống như vậy.

Đại Bồ-tát ấy cũng nguyện: Lúc ta được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, ta sẽ làm cho chúng sinh chằng xa lìa bốn Thiền cho đến ba mươi bảy phẩm Trợ đạo.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát này có thể thanh tịnh cõi nước Phật.

Bồ-tát ấy với ngần ấy thời gian thực hành đạo Bồ-tát, đầy đủ các nguyện.

Bồ-tát ấy tự thành tựu tất cả pháp lành, cũng làm cho tất cả chúng sinh thành tựu pháp lành.

Bồ-tát ấy tự thọ thân hình xinh đẹp, các chúng sinh được hóa độ cũng xinh đẹp. Vì sao? Vì nhân duyên phước đức sâu dày.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát nên thanh tịnh cõi nước Phật như vậy.

Trong cõi nước ấy cho đến không có danh từ ba đường ác, cũng không có danh từ tà kiến, ba độc, hai thừa Thanh văn và Bích-chi-phật. Tai chẳng nghe tiếng vô thường khổ không, cũng không có ngã và ngã sở, cho đến không có tên gọi các kết sử phiền não, cũng không có tên các quả khác nhau.

Trong cõi nước ấy, gió thổi cây bầy báu, tùy theo chỗ đáng được độ mà vang ra âm thanh, như là âm thanh vô tướng, vô tác, thật tướng các pháp, có Phật hay không có Phật, tất cả pháp, tất cả pháp tướng đều không, trong rỗng không ấy không có tướng, trong không có tướng thì không có tác, phát ra pháp âm như vậy. Hoặc ngày hoặc đêm, hoặc nằm, hoặc ngồi, hoặc đứng, hoặc đi, thường nghe pháp âm ấy.

Lúc Bồ-tát ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, các Đức Phật trong các cõi nước ở mười phương đều khen ngợi. Chúng sinh nghe danh hiệu các Đức Phật ấy chắc chắn sẽ đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc Bồ-tát ấy được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi nói pháp. Chúng sinh nghe pháp, không ai chẳng tin mà sinh nghi nói rằng: đúng pháp, chẳng đúng pháp. Vì sao? Vì đối với thật tướng các pháp đều đúng pháp, không có chẳng đúng pháp.

Có những người phước mỏng, chẳng gieo căn lành đối với các Đức Phật và các đệ tử Phật, chẳng theo Thiện tri thức, chìm trong ngã kiến, cho đến chìm trong tất cả kiến chấp, rơi vào biên kiến, hoặc đoạn hoặc thường. Kẻ ấy vì tà kiến nên chẳng phải Phật nói cho là Phật, nói là Phật nói lại cho là chẳng phải Phật nói. Kẻ ấy đối với phi pháp nói là pháp, pháp lại nói là phi pháp. Vì pháp pháp nên kẻ ấy khi thân hoại, chết đi phải đọa vào đường ác như địa ngục...

Lúc các Đức Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thấy các chúng sinh ấy luân hồi trong năm loài, nên làm cho họ rời khỏi nhóm tà, an lập họ trong nhóm chánh định. Chúng sinh ấy không còn tâm tạp uế, hoặc pháp thế gian, hoặc pháp xuất thế gian, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, hoặc hữu vi, hoặc vô vi cho đến làm cho chúng sinh trong cõi nước ấy, chắc chắn đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Đây là Đại Bồ-tát lành thanh tịnh cõi nước Phật.

M

Phẩm 83: QUYẾT ĐỊNH

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát ấy đã quyết định hay chưa quyết định?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát ấy đã quyết định, không phải chưa quyết định.

–Bạch Đức Thế Tôn! Quyết định nơi đâu? Trong đạo Thanh văn, trong đạo Bích-chi-phật hay trong Phật đạo?

–Đại Bồ-tát chẳng phải quyết định trong đạo Thanh văn, Bích-chi-phật mà quyết định trong Phật đạo.

–Bạch Đức Thế Tôn! Là Bồ-tát ở chỗ mới phát tâm quyết định hay là Bồ-tát ở thân cuối cùng quyết định?

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát mới phát tâm quyết định, Bồ-tát không thoái quyết định, Bồ-tát tối hậu thân quyết định.

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát đã quyết định có đọa vào đường ác chăng?

–Không. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Hoặc bậc Bát nhân, hoặc Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật có đọa trong đường ác chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Cũng như vậy. Nay Tu-bồ-đề! Từ lúc mới phát tâm trở đi, Đại Bồ-tát bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, hành thiền, trí tuệ, dứt tất cả nghiệp bất thiện, không bao giờ còn đọa đường ác, hoặc không bao giờ sinh vào cõi trời Trường thọ, hoặc sinh ở chỗ chẳng được tu pháp làm lành, hoặc sinh biên địa, hoặc sinh nhà ác, tà kiến, ở các địa phương nghe hiệu Phật, không nghe tên Pháp, không nghe tên Tăng. Bồ-tát ấy không bao giờ còn sinh vào những nơi đó.

Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát mới phát tâm đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không bao giờ có tâm gây ra mười điều ác.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Đại Bồ-tát có thiện căn công đức thành tựu như vậy thì sẽ chẳng thọ lấy quả báo bất thiện.

Như Đức Phật tự nói về đời trước của Ngài chịu lấy quả báo bất thiện. Lúc đó thiện căn công đức ở đâu?

–Nay Tu-bồ-đề! Vì lợi ích cho chúng sinh, Đại Bồ-tát tùy theo đó mà thọ lấy thân, rồi dùng thân ấy làm lợi ích cho chúng sinh.

Nay Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát lúc làm súc sinh có năng lực phương tiện rộng lớn. Nếu bị kẻ thù muốn tìm giết hại, Bồ-tát dùng năng lực nhẫn nhục vô thượng, dùng tâm từ bi vô thượng bỏ thân mà chẳng não hại kẻ thù. Thanh văn, Bích-chi-phật các ông có năng lực phương tiện ấy chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không có!

–Nay Tu-bồ-đề! Vì lẽ ấy nên phải biết rằng Đại Bồ-tát muốn có tâm đại Bi, vì thương xót lợi ích cho chúng sinh mà làm thân súc sinh.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát trụ trong các căn lành gì mà làm các thân như vậy?

–Nay Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát từ lúc mới phát tâm cho đến lúc ngồi đạo tràng thành Phật, trong khoảng thời gian ấy không có căn lành nào mà chẳng đầy đủ, đầy đủ rồi sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì thế nên từ lúc mới phát tâm, Đại Bồ-tát phải học đầy đủ tất cả căn lành. Học căn lành rồi sẽ được Nhất thiết chủng trí, sẽ dứt tất cả tập khí phiền não.

– Bạch Đức Thế Tôn! Tại sao Đại Bồ-tát thành tựu pháp lành vô lậu như vậy mà lại đọa vào loài đờng ác, súc sinh?

– Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Đức Phật có thành tựu pháp lành vô lậu chẳng?

– Bạch Đức Thế Tôn! Tất cả pháp lành vô lậu Đức Phật đều đã thành tựu.

– Này Tu-bồ-đề! Nếu Đức Phật tự hóa thành thân súc sinh để làm Phật sự độ chúng sinh thì có phải là thật súc sinh chẳng?

– Bạch Đức Thế Tôn, không phải!

– Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát cũng giống như vậy, thành tựu pháp lành vô lậu, vì độ chúng sinh mà làm thân súc sinh, dùng thân ấy để giáo hóa chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Như A-la-hán có khả năng biến hóa ra các thứ thân để làm cho chúng sinh vui mừng chẳng?

– Bạch Đức Thế Tôn, có khả năng!

– Này Tu-bồ-đề! Đúng vậy! Đại Bồ-tát dùng pháp lành vô lậu ấy tùy theo chỗ cần làm mà thọ thân, dùng thân ấy làm lợi ích chúng sinh, cũng chẳng bị đau khổ.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Như nhà ảo thuật, hóa ra các thứ thân hình, nào là voi, ngựa, bò, dê, nam, nữ... để biểu diễn cho người vui.

Này Tu-bồ-đề! Các vật và người hóa ra ấy có thật chẳng?

– Bạch Đức Thế Tôn! Chẳng thật.

– Này Tu-bồ-đề! Cũng như vậy, Đại Bồ-tát thành tựu pháp lành vô lậu hiện làm các thứ thân, dùng các thứ thân ấy làm lợi ích cho tất cả chúng sinh, cũng chẳng bị các sự khổ.

– Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát được trí tuệ Thánh vô lậu tùy theo thân hình nào thích ứng để độ chúng sinh thì hiện các thứ thân hình ấy.

Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát trụ vào pháp lành nào để làm những phương tiện như vậy mà chẳng bị ô nhiễm?

– Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát dùng Bát-nhã ba-la-mật làm năng lực phương tiện như vậy, ở trong hằng hà sa cõi nước ở khắp mười

phương làm lợi ích cho chúng sinh, cũng chẳng tham lấy các thân ấy.

Vì sao? Vì kẻ nắm lấy, phương pháp lấy và chỗ lấy, cả ba thứ ấy đều không thật có, vì tự tánh là rỗng không. Không chẳng lấy không. Trong không chẳng có kẻ lấy, cũng chẳng có chỗ lấy. Vì sao? Vì tướng là rỗng không, trong rỗng không, không thể chấp lấy.

Này Tu-bồ-đề! Đó gọi là không của không thật có. Bồ-tát trụ trong đây có thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

–Bạch Đức Thế Tôn! Bồ-tát chỉ trụ trong Bát-nhã ba-la-mật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chứ chẳng trụ trong pháp khác phải không?

–Này Tu-bồ-đề! Có pháp nào chẳng thuộc về Bát-nhã ba-la-mật chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu Bát-nhã ba-la-mật tự tánh là không, thì tại sao tất cả pháp đều thuộc về Bát-nhã ba-la-mật.

Bạch Đức Thế Tôn! Trong không chẳng có pháp thuộc về hay chẳng thuộc về?

–Này Tu-bồ-đề! Tất cả pháp, tất cả tướng của pháp có không hay chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, đều không cả!

–Này Tu-bồ-đề! Nếu tất cả pháp, tất cả pháp tướng là không, sao ông lại nói tất cả pháp chẳng thuộc về không.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, trụ trong tất cả pháp không mà có thể phát khởi thần thông ba-la-mật. An trụ trong thần thông ba-la-mật ấy, đi đến hằng hà côi nước ở khắp mười phương cúng dường các Phật hiện tại, nghe các Phật nói pháp, ở chỗ các Đức Phật vun trồng căn lành?

–Này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát xem hằng hà sa côi nước ở mười phương đều không. Các Đức Phật trong cõi nước ấy cũng là tánh không, chỉ vì giả danh tự nên các Phật hiện thân. Giả danh tự ấy cũng không.

Nếu cõi nước trong mười phương và các Phật tánh chẳng không, thì lẽ ra không ấy có nghiêng lệch.

Bởi không ấy chẳng nghiêng lệch nên tất cả pháp, tất cả pháp tướng không. Vì lẽ ấy nên tất cả pháp, tất cả pháp tướng là không. Thế nên Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật dùng năng lực phương tiện sinh ra Thần thông ba-la-mật, phát khởi Thiên nhãn, Thiên nhĩ, như ý túc, biết tha thâm, biết túc mạng, biết sinh tử của chúng sinh.

Nếu lia Thần thông ba-la-mật, Bồ-tát chẳng thể làm lợi ích chúng sinh, cũng chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thần thông ba-la-mật ấy của Đại Bồ-tát là làm lợi ích cho Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Vì sao? Vì dùng Thiên nhãn ấy tự thấy các pháp lành của mình và cũng dạy người khác được các pháp lành. Đối với pháp lành ấy cũng chẳng chấp lấy, vì là tự tánh không. Rỗng không chẳng có chỗ chấp lấy. Nếu chấp lấy thì thọ mùi vị, trong rỗng không chẳng có mùi vị.

Đại Bồ-tát ấy lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật thường hay sinh ra Thiên nhãn như vậy. Dùng Thiên nhãn ấy thấy tất cả pháp rỗng không.

Thấy pháp rỗng không ấy chẳng chấp tướng, chẳng tác nghiệp, và cũng nói pháp ấy cho người, cũng chẳng thấy có tướng chúng sinh, chẳng thấy có danh từ chúng sinh.

Đại Bồ-tát ấy vì dùng pháp không thật có nên phát khởi thần thông ba-la-mật.

Dùng thần thông ba-la-mật ấy, bao nhiêu việc mà thần thông làm được, Bồ-tát ấy đều làm được.

Bồ-tát dùng Thiên nhãn vượt hơn mắt người, thấy các cõi nước ở khắp mười phương. Thấy rồi, Bồ-tát ấy bay đến mười phương làm lợi ích chúng sinh: hoặc dùng bố thí, hoặc dùng trì giới, hoặc dùng nhẫn nhục, hoặc dùng tinh tấn, hoặc dùng thiền định, hoặc dùng trí tuệ làm lợi ích chúng sinh. Hoặc dùng ba mươi bảy pháp Trợ đạo, các thiền giải thoát Tam-muội, hoặc dùng pháp Thanh văn, pháp Bích-chi-phật, pháp Bồ-tát, hoặc dùng pháp Phật lợi ích chúng sinh.

Bồ-tát vì kẻ tham lam mà nói pháp như sau: Các vị nên bố thí, nghèo cùng là sự khổ não, người nghèo cùng tự lợi ích còn chẳng được, làm sao lợi ích người khác được, vì thế nên các vị phải siêng năng bố thí. Bố thí thì tự mình được vui sướng, cũng làm cho kẻ khác vui sướng. Chớ vì nghèo cùng mà ăn nuốt, trộm cắp lẫn nhau, để rồi chẳng thoát khỏi ba đường ác.

Bồ-tát vì kẻ phá giới mà nói pháp: Nay các vị, sự phá giới rất là khổ não. Người phá giới tự mình còn chẳng lợi ích, làm sao có thể lợi ích người khác. Sự phá giới phải chịu quả báo khổ: hoặc ở địa ngục, hoặc ở ngạ quỷ, hoặc ở súc sinh. Các người phá giới bị đọa trong ba đường ác còn chẳng tự cứu được, làm sao cứu được người khác. Vì thế nên các người chớ nên chịu theo tâm niệm phá giới, đến lúc chết sẽ hối hận.

Với những người tức giận, cãi cọ nhau, Bồ-tát nói pháp: Các vị chớ nên giận nhau. Sự tức giận làm cho rối loạn lòng người, chẳng thuận với pháp lành. Nay các người giận nhau làm loạn tâm, sẽ bị đọa địa ngục, ngạ quỷ hoặc súc sinh. Vì thế nên các vị chẳng nên sinh một niệm giận thù, huống chi là nhiều. Với những người biếng nhác, Bồ-tát nói pháp làm cho họ tinh tấn. Với những người loạn tâm, Bồ-tát nói pháp làm cho họ được thiền định. Với những người ngu si, Bồ-tát nói pháp cho họ được trí tuệ. Với kẻ làm việc dâm dục, dạy họ quán bất tịnh. Với kẻ giận hờn, dạy họ quán từ bi. Với kẻ ngu si, dạy họ quán mười hai nhân duyên. Chúng sinh thực hành tà đạo, dạy họ nhập vào chánh đạo, là đạo Thanh văn, đạo Bích-chi-phật, Phật đạo.

Vì chúng sinh ấy, Bồ-tát nói pháp: Theo như việc chấp trước của các vị, pháp lành ấy tánh nó rỗng không. Trong pháp tánh rỗng không ấy chẳng nên chấp trước. Tướng chẳng chấp trước là rỗng không.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát trụ trong Thần thông ba-la-mật làm lợi ích chúng sinh.

Này Tu-bồ-đề! Nếu xa lìa thần thông, Bồ-tát chẳng thể thuận theo ý của chúng sinh để khéo nói pháp.

Này Tu-bồ-đề! Thế nên lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại

Bồ-tát phải phát khởi thần thông.

Này Tu-bồ-đề! Ví như chim kia không có cánh chẳng bay cao được.

Cũng như vậy, không có thần thông thì Bồ-tát chẳng thể giáo hóa chúng sinh theo ý mình.

Này Tu-bồ-đề! Vì thế nên lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát phải phát khởi các thần thông, phát khởi thần thông rồi, nếu muốn lợi ích chúng sinh thì sẽ làm được tùy ý.

Bồ-tát ấy dùng Thiên nhãn thấy hằng hà sa cõi nước, cũng thấy chúng sinh trong các cõi nước ấy. Thấy rồi dùng sức thần thông đến các nơi ấy, biết rõ tâm chúng sinh rồi theo chỗ thích ứng mà nói pháp cho họ được lợi ích. Hoặc nói bố thí, hoặc nói trì giới, hoặc nói nhẫn nhục, hoặc nói tinh tấn, hoặc nói thiền định, hoặc nói trí tuệ, cho đến hoặc nói pháp Niết-bàn.

Dùng Thiên nhĩ, Bồ-tát ấy nghe hai thứ âm thanh: của người và của chẳng phải người.

Dùng Thiên nhãn, Bồ-tát ấy nghe các Đức Phật mười phương nói pháp, nghe rồi đều có thể thọ trì. Bồ-tát ấy theo đúng như chỗ đã được nghe, đem dạy cho chúng sinh.

Bồ-tát ấy dùng Tha tâm trí biết rõ tâm chúng sinh rồi tùy theo chỗ thích ứng để nói pháp, hoặc nói bố thí, cho đến hoặc nói pháp Niết-bàn.

Bồ-tát ấy dùng Túc mạng trí nhớ biết các đời trước của mình, cũng nhớ biết những đời trước của người khác.

Dùng Túc mạng trí, Bồ-tát ấy nhớ biết danh hiệu các Đức Phật và Thánh chúng thuở quá khứ cùng các nơi ấy.

Có chúng sinh nào tin ưa túc mạng, Bồ-tát ấy vì họ mà hiện các việc đời trước để nói pháp cho họ, hoặc nói bố thí, cho đến hoặc nói pháp Niết-bàn.

Dùng năng lực như ý thần thông, Bồ-tát ấy đến vô lượng cõi nước của các Đức Phật, cúng dường các Đức Phật, theo các Đức Phật gieo căn lành rồi trở về cõi mình.

Dùng Lưu tận trí chứng thông, Bồ-tát này tùy theo chỗ thích

ứng mà nói pháp cho chúng sinh. Hoặc nói bố thí, cho đến nói pháp Niết-bàn.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát phải phát khởi các thứ thần thông như vậy.

Do tu các thần thông ấy nên Bồ-tát tùy ý thọ thân, những việc khổ vui chẳng quấy nhiễu được.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát du hý trong thần thông như vậy thì sẽ thanh tịnh cõi Phật, thành tựu chúng sinh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát chẳng thanh tịnh cõi Phật, chẳng thành tựu chúng sinh thì chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì chẳng đầy đủ nhân duyên nên chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là nhân duyên đầy đủ, nhờ đó Đại Bồ-tát được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

–Này Tu-bồ-đề! Tất cả pháp lành là nhân duyên Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Đại Bồ-tát.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là pháp lành, nhờ các pháp lành ấy nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát từ lúc mới phát tâm trở đi, Bố thí ba-la-mật là nhân duyên pháp lành, trong ấy chẳng phân biệt người thí, kẻ nhận, vì tánh là rỗng không.

Bằng Bố thí ba-la-mật này, Bồ-tát có thể tự lợi ích và lợi ích chúng sinh, cứu họ ra khỏi chốn sinh tử, cho họ được Niết-bàn. Các pháp lành ấy đều là nhân duyên Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Đại Bồ-tát. Thực hành đạo ấy, các Đại Bồ-tát ở quá khứ, vị lai, hiện tại được ra khỏi sinh tử, đã ra khỏi, đang ra khỏi, sẽ ra khỏi.

Trì giới ba-la-mật cho đến Bát-nhã ba-la-mật, bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm xứ cho đến tám phần Thánh đạo, mười tám không cho đến mười tám pháp Bất cộng, những công đức như vậy đều là đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Đó gọi là pháp lành. Đại Bồ-tát đầy đủ các

pháp lành ấy rồi sẽ được Nhất thiết chủng trí. Được Nhất thiết chủng trí rồi, Đại Bồ-tát sẽ chuyển pháp luân độ tất cả chúng sinh.

M

Phẩm 84: TỬ ĐẾ

Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các pháp ấy là pháp của Bồ-tát thì thế nào là pháp của Phật?

Phật dạy:

– Này Tu-bồ-đề! Như ông hỏi, những pháp ấy là pháp của Bồ-tát thì thế nào là pháp của Phật?

Này Tu-bồ-đề! Pháp của Bồ-tát cũng là pháp của Phật. Nếu biết Nhất thiết chủng trí là được Nhất thiết chủng trí, dứt tất cả tập khí phiền não, Bồ-tát sẽ được pháp ấy. Đức Phật do một niệm tương ứng với tuệ biết tất cả pháp nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Đó là sự khác nhau giữa Đức Phật và Bồ-tát. Ví như hương đạo khác với đặc quả. Hai người ấy đều là bậc Thánh mà có hương và đặc khác nhau.

Này Tu-bồ-đề! Người đi trong đạo vô ngại thì gọi là Đại Bồ-tát. Trong đạo giải thoát không còn tất cả tối tăm chướng ngại thì gọi là Phật.

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp tự tướng rỗng không thì trong pháp tướng rỗng không ấy, sao lại có sự khác nhau về địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời, bậc Càn tuệ, bậc Tánh địa, bậc Bát nhân địa, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, là Bồ-tát, là Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác? Bạch Đức Thế Tôn! Như người không có sở đắc, thì nghiệp nhân duyên cũng không thật có, quả báo cũng không thật có.

– Này Tu-bồ-đề! Đúng như lời ông nói, trong tự tướng không của pháp chẳng có chúng sinh, chẳng có nghiệp nhân duyên, chẳng có quả báo.

Này Tu-bồ-đề! Chúng sinh chẳng biết các pháp tự tướng là không. Chúng sinh ấy gây tạo nghiệp làm nhân duyên, hoặc thiện hoặc ác, hoặc nghiệp bất động.

Do tội nghiệp làm nhân duyên mà chúng sinh ấy đọa vào ba đường ác, do phước nghiệp làm nhân duyên mà sinh vào loài người hay các tầng trời cõi Dục, do nghiệp bất động làm nhân duyên mà sinh vào cõi Sắc hay Vô sắc.

Đại Bồ-tát lúc thực hành Bồ thí ba-la-mật cho đến mười tám pháp Bất cộng, thọ trì thực hành hết các pháp trợ đạo ấy, vào Tam-muội Kim cương, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, làm lợi ích cho chúng sinh. Vì sự lợi ích ấy thường chẳng mất nên chẳng đọa vào sáu đường sinh tử.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đức Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi, có bị sinh tử trong sáu đường chăng?

–Này Tu-bồ-đề! Đức Phật không bị sinh tử trong sáu đường.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đức Phật có nghiệp ác, nghiệp thiện, nghiệp vô ký chăng?

–Này Tu-bồ-đề, không có!

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu không có, sao Đức Phật lại nói là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trời, người; lại nói là Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Bồ-tát và các Đức Phật?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu chúng sinh biết các pháp tự tướng là không thì Đại Bồ-tát chẳng cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng cứu giúp chúng sinh trong ba đường ác, cho đến luân hồi sinh tử trong sáu đường.

Này Tu-bồ-đề! Bởi chúng sinh thật chẳng biết các pháp tự tướng là không, nên chẳng thoát được sinh tử sáu đường. Bồ-tát ấy ở chỗ các Đức Phật, nghe các pháp tự tướng là không, phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Các pháp chẳng phải như hàng phàm phu chấp đắm. Các chúng sinh ấy đối với pháp không thật có lại điên đảo vọng tưởng phân biệt có được pháp.

Không có chúng sinh lại tưởng là có chúng sinh, không có sắc, thọ, tưởng, hành, thức lại tưởng là có sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Cho đến tất cả pháp hữu vi, đều không thật có, lại dùng tâm điên đảo vọng tưởng gây ra các nghiệp: thân, khẩu, ý rồi luân hồi sinh tử trong sáu đường chẳng thoát ra được.

Đại Bồ-tát ấy lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tất cả pháp lành đều được bao gồm trong Bát-nhã ba-la-mật, hành đạo Bồ-tát, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi vì chúng sinh mà nói pháp bốn Thánh đế: khổ Thánh đế, khổ tập Thánh đế, khổ diệt Thánh đế, khổ diệt đạo Thánh đế. Chỉ bày rành rẽ tất cả pháp lành trợ đạo đều bao gồm trong bốn Thánh đế. Vì nhờ pháp lành trợ đạo ấy nên phân biệt có Tam bảo là: Phật bảo, pháp bảo và Tăng bảo. Vì chẳng tin và đối nghịch với Tam bảo nên chẳng thoát được sinh tử sáu đường.

–Bạch Đức Thế Tôn! Có phải là dùng khổ Thánh đế được độ, dùng khổ trí được độ, dùng tập Thánh đế được độ, dùng tập trí được độ, dùng diệt Thánh đế được độ, dùng diệt trí được độ, dùng đạo Thánh đế được độ, dùng đạo trí được độ hay chăng?

–Này Tu-bồ-đề! Chẳng phải do khổ Thánh đế được độ, cũng chẳng phải do khổ trí được độ, cho đến chẳng phải do đạo Thánh đế được độ, cũng chẳng phải do đạo trí được độ.

Này Tu-bồ-đề! Vì bốn Thánh đế bình đẳng, nên ta nói tức là Niết-bàn. Chẳng dùng khổ Thánh đế cho đến chẳng dùng đạo Thánh đế, cũng chẳng dùng khổ trí cho đến chẳng dùng đạo trí mà được Niết-bàn.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là tướng bình đẳng của bốn Thánh đế?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu không có khổ, không có khổ trí, không có tập, không có tập trí, không có diệt, không có diệt trí, không có đạo, không có đạo trí thì gọi là tướng bình đẳng của bốn Thánh đế.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như của bốn Thánh đế chẳng khác với pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế. Có Phật hay không có Phật, pháp tướng vẫn thường trụ. Vì sao? Vì chẳng hư, chẳng mất.

Đại Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, vì thông đạt thật tế nên thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là Đại Bồ-tát vì thông đạt thật tế nên thực hành Bát-nhã ba-la-mật? Như vì thông đạt thật tế nên chẳng rơi vào địa vị Thanh văn, địa vị Bích-chi-phật mà thẳng vào địa vị Bồ-tát.

–Này Tu-bồ-đề! Nếu Đại Bồ-tát đúng như thật thấy các pháp. Thấy rồi được pháp không thật có. Được pháp không thật có rồi thấy tất cả pháp không đều bao gồm trong bốn Thánh đế. Các pháp chẳng bao gồm trong bốn Thánh đế cũng đều không. Nếu thấy như vậy, thì lúc ấy nhập vào địa vị Bồ-tát. Đó là Bồ-tát trụ trong tánh địa chẳng theo đảnh đọa. Vì sao? Vì đảnh đọa ấy thì rơi vào địa vị Thanh văn, địa vị Bích-chi-phật. Bồ-tát ấy trụ trong Tánh địa làm phát sinh bốn Thiên, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc.

Bồ-tát ấy trụ trong định Địa thứ nhất, phân biệt tất cả các pháp, thông đạt bốn Thánh đế: biết khổ, chẳng sinh tâm duyên khổ, cho đến biết đạo, chẳng sinh tâm duyên đạo, chỉ thuận theo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà quán tướng các pháp như thật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là quán tướng các pháp như thật?

–Này Tu-bồ-đề, là quán các pháp không!

–Bạch Đức Thế Tôn! Thế nào là quán không?

–Này Tu-bồ-đề, là Tự tướng không! Bồ-tát ấy dùng trí tuệ như vậy mà quán tất cả pháp không, không có pháp tánh để thấy được, trụ trong pháp tánh ấy mà được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì tướng vô tánh là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tướng vô tánh ấy chẳng phải do các Đức Phật làm ra, chẳng phải do Bích-chi-phật làm ra, chẳng phải do A-la-hán làm ra, cũng chẳng phải do hàng Hưởng đạo làm ra, cũng chẳng phải hàng đắc quả làm ra, cũng chẳng phải Bồ-tát làm ra. Chỉ vì chúng sinh chẳng biết, chẳng thấy các pháp như thật tướng, nên Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, dùng năng lực phương tiện mà nói pháp cho chúng sinh nghe.

Phẩm 85: BẢY VÍ DỤ

Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các pháp tánh không thật có, chẳng do Phật làm ra cho đến chẳng phải do Bồ-tát làm ra, thì sao lại phân biệt có các pháp khác nhau như địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, người, trời, những là do nghiệp làm nhân duyên mà biết có kẻ đọa địa ngục, có kẻ đọa ngạ quỷ, có kẻ đọa súc sinh, do nghiệp làm nhân duyên mà biết có kẻ sinh lên làm người, sinh lên các cõi trời, cho đến trời Phi tưởng Phi phi tưởng, do nghiệp làm nhân duyên mà biết có người được Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, do nghiệp làm nhân duyên mà biết các Đại Bồ-tát, do nghiệp làm nhân duyên mà biết Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bạch Đức Thế Tôn! Trong pháp vô tánh không có nghiệp dụng, sao lại có vì gây nghiệp làm nhân duyên mà đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, hoặc sinh lên cõi trời, hoặc được quả Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi-phật, Đại Bồ-tát hành đạo Bồ-tát sẽ được Nhất thiết chủng trí, vì được Nhất thiết chủng trí nên có thể cứu độ chúng sinh ra khỏi sinh tử?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Đúng thế, đúng thế! Trong pháp vô tánh không có nghiệp, không có quả báo.

Này Tu-bồ-đề! Phạm phu chẳng nhập Thánh pháp, chẳng biết các pháp không có tánh tướng. Vì điên đảo ngu si nên họ khởi các nghiệp làm nhân duyên.

Các chúng sinh ấy, theo nghiệp mà có thân, hoặc thân địa ngục, thân ngạ quỷ, thân súc sinh, thân người, thân trời.

Pháp vô tánh ấy không có nghiệp, không có quả báo. Thường của vô tánh là vô tánh.

Như Tu-bồ-đề nói, nếu tất cả pháp vô tánh, sao lại có Tu-đà-hoàn cho đến các Phật được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Đạo có phải là vô tánh chăng?

Quả Tu-đà-hoàn cho đến các Phật, Nhất thiết chủng trí có phải là vô tánh chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn! Đạo vô tánh, quả Tu-đà-hoàn cũng vô tánh, cho đến các Phật, Nhất thiết chủng trí cũng vô tánh.

–Này Tu-bồ-đề! Pháp vô tánh có được pháp vô tánh chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn! Pháp vô tánh không thể được pháp vô tánh.

–Này Tu-bồ-đề! Pháp hữu tánh có được pháp hữu tánh chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn! Pháp hữu tánh không thể được pháp hữu tánh.

–Này Tu-bồ-đề! Pháp vô tánh và đạo, tất cả pháp ấy đều chẳng hợp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, là nhất tướng, đó là vô tướng.

–Bạch Đức Thế Tôn! Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát dùng năng lực phương tiện thấy chúng sinh vì điên đảo chấp đắm năm ấm, trong vô thường thấy là thường, trong khổ thấy là lạc, trong bất tịnh thấy là tịnh, trong vô ngã thấy là ngã. Chấp đắm chỗ không thật có.

Bồ-tát ấy vì dùng năng lực phương tiện, ở trong không thật có cứu thoát chúng sinh.

–Bạch Đức Thế Tôn! Chỗ chấp đắm của phàm phu có thật chăng? Có khác nhau chăng? Vì chấp đắm nên khởi nghiệp, vì nghiệp nhân duyên nên ở trong năm đường sinh tử chẳng ra khỏi được.

–Này Tu-bồ-đề! Chỗ chấp trước khởi nghiệp của phàm phu không có một sự thật như đầu sợi lông. Chỉ vì điên đảo thôi.

Này Tu-bồ-đề! Nay sẽ vì ông mà nói ví dụ. Người hiểu biết do ví dụ mà được hiểu.

Này Tu-bồ-đề! Như những điều thấy trong chiêm bao, người thọ hưởng năm dục có thật việc ấy chăng?

–Bạch Đức Thế Tôn! Chiêm bao còn là luống dối không thật có, huống chi là người ở trong chiêm bao thọ hưởng năm dục mà có thật hay sao?

–Này Tu-bồ-đề! Các pháp, hoặc hữu lậu vô lậu, hoặc hữu vi vô vi, và có pháp gì chẳng như chiêm bao chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn! Các pháp, hoặc hữu lậu vô lậu, hoặc hữu vi vô vi, không có pháp gì chẳng như chiêm bao.

–Này Tu-bồ-đề! Trong chiêm bao có sinh tử luân hồi năm đường chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không!

–Này Tu-bồ-đề! Trong chiêm bao có tu đạo, do sự tu đạo này hoặc cấu nhiễm, hoặc thanh tịnh chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Vì sao? Vì chiêm bao không có sự thật, chẳng thể nói là nhơ, là sạch được.

–Này Tu-bồ-đề! Hình tượng trong gương có sự thật chẳng? Có thể tạo nghiệp, rồi do nghiệp ấy làm nhân duyên mà đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, hoặc sinh trong loài người, trên cõi trời chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Hình tượng ấy không có sự thật, chỉ có gạt được trẻ con thôi. Hình tượng ấy làm sao có gây nghiệp làm nhân duyên, rồi do nghiệp ấy làm nhân duyên sẽ đọa địa ngục cho đến sinh trong loài người, trên cõi trời!

–Này Tu-bồ-đề! Hình tượng trong gương ấy có tu đạo, do sự tu ấy mà bị cấu hay tịnh chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Vì sao? Vì hình tượng ấy rỗng không chẳng có sự thật, nên không thể nói là nhơ, là sạch.

–Này Tu-bồ-đề! Như trong khe sâu có tiếng vang. Tiếng vang ấy gây nghiệp, rồi do nghiệp ấy làm nhân duyên hoặc đọa địa ngục cho đến sinh trong loài người, trên cõi trời hay chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Tiếng vang ấy rỗng không, chẳng có âm thanh thật thì làm sao có nghiệp rồi do nghiệp ấy làm nhân duyên mà đọa địa ngục cho đến sinh trong loài người, trên cõi trời.

–Này Tu-bồ-đề! Tiếng vang ấy có tu đạo, do tu đạo ấy mà có nhiễm, có tịnh chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Vì sao? Vì tiếng vang ấy không có sự thật nên chẳng thể nói là nhơ, là sạch.

–Này Tu-bồ-đề! Như sóng nắng chẳng phải nước mà như dáng

nước, chẳng phải sông mà như dáng sông. Sóng nằng ấy có gây nghiệp, rồi do nghiệp ấy làm nhân duyên mà đọa địa ngục, cho đến do có tu đạo mà có nhơ, có sạch chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Trong sóng nằng chẳng bao giờ có nước, chỉ gạt được mắt kẻ vô trí thôi. Sóng nằng ấy không có sự thật, làm sao có được nghiệp, cho đến chẳng thể nói là nhơ, là sạch.

–Này Tu-bồ-đề! Như thành Càn-thát-bà, lúc mặt trời mọc thấy thành Càn-thát-bà. Không có thành mà kẻ vô trí tưởng có thành. Thành Càn-thát-bà ấy có gây nghiệp, rồi do nghiệp ấy làm nhân duyên hoặc đọa địa ngục, cho đến do sự tu đạo mà có nhơ, có sạch chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Thành Càn-thát-bà ấy hoàn toàn không có, chỉ gạt được mắt kẻ vô trí thôi, thì làm sao có được nghiệp cho đến có thể nói được là nhơ, là sạch.

–Này Tu-bồ-đề! Nhà ảo thuật, hóa ra các vật, như là voi, ngựa, bò, dê, nam, nữ. Huyền ảo ấy có nghiệp, rồi do nghiệp ấy làm nhân duyên mà đọa địa ngục, cho đến do có tu đạo mà có nhơ, có sạch chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn! Vật huyền ảo ấy rỗng không, chẳng có sự thật thì làm sao có được nghiệp, cho đến có thể nói là nhơ, là sạch.

–Này Tu-bồ-đề! Như hóa nhân do Đức Phật biến hóa ra. Hóa nhân ấy có nghiệp, do nghiệp ấy làm nhân duyên mà đọa địa ngục, cho đến có nhơ, có sạch chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Hóa nhân ấy không có sự thật thì làm sao có nghiệp ấy làm nhân duyên mà đọa địa ngục, ngã quý, súc sinh, hoặc sinh trong loài người, trên cõi trời, làm sao có được sự tu đạo ấy mà có nhơ, có sạch.

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Ở trong tướng rỗng không ấy có kẻ nhơ, có kẻ sạch chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, không! Trong ấy không thật có, không có kẻ bị nhơ, không có kẻ được sạch.

–Này Tu-bồ-đề! Như không có kẻ bị nhơ, không có kẻ được sạch thì cũng không có nhơ, sạch. Vì sao? Vì chúng sinh ở trong ngã

và ngã sở nên có nhớ, có sạch.

Người thấy thật thì chẳng nhớ, chẳng sạch. Như người thấy thật chẳng nhớ, chẳng sạch nên cũng không có nhớ, sạch.

M

Phẩm 86: BÌNH ĐẲNG

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Người thấy sự thật thì chẳng nhớ, chẳng sạch. Người thấy sự bất thật cũng chẳng nhớ, chẳng sạch. Vì sao? Vì tất cả pháp tánh không thật có.

Bạch Đức Thế Tôn! Trong không thật có không có nhớ, không có sạch. Trong thật có cũng không có nhớ, không có sạch.

Bạch Đức Thế Tôn! Trong không thật có, trong thật có cũng không có nhớ, không có sạch.

Bạch Đức Thế Tôn! Vì sao người nói như thật chẳng nhớ, chẳng sạch, người nói chẳng như thật cũng chẳng nhớ, chẳng sạch?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Tương các pháp bình đẳng ta nói là sạch.

Này Tu-bồ-đề! Thế nào là các pháp bình đẳng? Đó là như, không khác, không đối, pháp tướng, pháp tánh, pháp trụ, pháp vị, thật tế. Có Phật hay không Phật, pháp tánh vẫn thường trụ, đó gọi là sạch.

Đây là nói theo Thế đế, chớ chẳng phải Đệ nhất nghĩa. Đệ nhất nghĩa vượt qua tất cả ngữ ngôn, luận nghị, âm thanh.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp rỗng không, chẳng thể nói được như mộng, như tiếng vang, như sóng nắng, như bóng, như huyễn, như hóa, thì tại sao Đại Bồ-tát lại dùng các pháp như mộng, như tiếng vang, như sóng nắng, như bóng, như huyễn, như hóa; làm sao phát được tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà nguyện: Ta sẽ đầy đủ sáu pháp Ba-la-mật, ta sẽ đầy đủ Thần thông ba-la-mật, ta sẽ đầy đủ Trí ba-la-mật, ta sẽ đầy đủ bốn Thiền, bốn Tâm vô lượng, bốn Định vô sắc, bốn Niệm xứ cho đến tám phần Thánh

đạo, ta sẽ đầy đủ ba môn Giải thoát, tám Bội xả, chín Định thứ đệ, ta sẽ đầy đủ mười Trí lực cho đến đầy đủ mười tám pháp Bất cộng, ta sẽ đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp tùy thân, ta sẽ đầy đủ các môn Đà-la-ni, các môn Tam-muội, ta sẽ phát ra ánh sáng chiếu khắp mười phương, biết tâm niệm của chúng sinh mà nói pháp thích ứng?

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Các pháp của ông nói có như tiếng vang, như sóng nắng, như bóng, như huyễn, như hóa chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn, có! Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tất cả pháp như mộng cho đến như hóa, thì làm sao Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật? Như mộng cho đến như hóa là luống dối chẳng thật, chẳng nên dùng pháp luống dối chẳng thật để được đầy đủ Bồ thí ba-la-mật cho đến mười tám pháp Bất cộng.

–Này Tu-bồ-đề, đúng vậy! Pháp luống dối chẳng thật chẳng thể được đầy đủ Bồ thí ba-la-mật cho đến mười tám pháp Bất cộng. Thực hành pháp luống dối chẳng thật ấy chẳng thể được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này Tu-bồ-đề! Tất cả pháp ấy đều là pháp do tạo tác nhờ tưởng tư duy. Dùng pháp tạo tác nhờ tưởng tư duy ấy chẳng thể được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bồ-đề! Tất cả pháp ấy có thể trợ giúp đạo pháp mà chẳng thể tăng ích cho quả, các pháp ấy không có sinh, không có xuất, không có tướng.

Từ lúc mới phát tâm cho đến nay, Đại Bồ-tát thực hành nghiệp lành như Bồ thí ba-la-mật cho đến Nhất thiết chủng trí. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát ấy biết các pháp như mộng cho đến như hóa, các pháp như vậy chẳng có được Bồ thí ba-la-mật cho đến Nhất thiết chủng trí, chẳng thành tựu cho chúng sinh được, chẳng thanh tịnh cõi nước Phật được, chẳng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đại Bồ-tát ấy thực hành nghiệp lành Bồ thí ba-la-mật cho đến Nhất thiết chủng trí, biết như mộng cho đến biết như hóa, cũng biết tất cả chúng sinh như sống trong mộng, cho đến như sống trong hóa. Đại Bồ-tát ấy chẳng chấp lấy Bát-nhã ba-la-mật là pháp có. Vì

chẳng chấp lấy như vậy nên được Nhất thiết chủng trí, biết các pháp như mộng, không có chỗ chấp lấy, cho đến biết các pháp như hóa, không chỗ chấp lấy. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật không thể chấp lấy tướng, Thiền ba-la-mật cho đến mười tám pháp Bát cộng chẳng thể chấp lấy tướng.

Đại Bồ-tát biết tất cả pháp là chẳng thể chấp lấy tướng, sau đó phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Tất cả pháp chẳng thể chấp lấy tướng, không có sự thật nhất định, vì như mộng cho đến như hóa.

Dùng pháp chẳng thể chấp lấy tướng, không thể có được pháp chẳng thể chấp lấy tướng. Chỉ vì chúng sinh chẳng biết, chẳng thấy các pháp tướng như vậy, nên Đại Bồ-tát ấy vì chúng sinh mà cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác!

Từ lúc mới phát tâm đến nay, Đại Bồ-tát ấy có bố thí là vì tất cả chúng sinh, cho đến có tu trí tuệ đều vì tất cả chúng sinh, chẳng phải vì bản thân mình. Cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Đại Bồ-tát chẳng vì việc khác mà chỉ vì tất cả chúng sinh.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát thấy chúng sinh không thật có chúng sinh mà trụ trong tướng chúng sinh, cho đến không có người biết, không có người thấy mà trụ trong tướng biết, tướng thấy. Đại Bồ-tát ấy làm cho chúng sinh xa lìa điên đảo, xa lìa rồi an trí chúng sinh trụ trong pháp tánh cam lộ không có tướng lống dối, đó là không có tướng chúng sinh cho đến không có tướng người biết, tướng người thấy.

Bấy giờ, Bồ-tát ấy lìa bỏ tất cả tâm động, tâm có niệm, tâm hý luận mà thường thực hành tâm chẳng động, tâm chẳng niệm, tâm chẳng hý luận.

Này Tu-bồ-đề! Do năng lực phương tiện như vậy, lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát tự mình được không chỗ chấp lấy, cũng dạy tất cả chúng sinh cho họ không có chỗ chấp lấy. Đó là thế để chớ chẳng phải Đệ nhất nghĩa đế.

–Bạch Đức Thế Tôn! Lúc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, Đức Thế Tôn được các Phật pháp, đó là do Thế đế mà được hay do Đệ nhất nghĩa đế mà được?

–Này Tu-bồ-đề! Do thế đế mà nói Đức Phật được pháp ấy. Trong pháp ấy không có pháp gì để gọi là người ấy được pháp ấy. Vì sao? Vì người ấy được pháp ấy là có sở đắc. Nếu dùng pháp hai kia không có đạo, không có quả.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu thực hành pháp hai thì không có đạo, không có quả, còn thực hành pháp không hai thì có đạo, có quả chẳng?

–Này Tu-bồ-đề! Thực hành pháp hai, không đạo, không quả, hành pháp không hai cũng không đạo, không quả.

Nếu không có pháp hai, không có pháp không hai tức là đạo, tức là quả. Vì sao? Dùng pháp như vậy đắc đạo, đắc quả, dùng pháp như vậy chẳng đắc đạo, chẳng đắc quả, đó là hý luận. Trong các pháp bình đẳng không có hý luận. Tướng không có hý luận là các pháp bình đẳng.

–Bạch Đức Thế Tôn! Các pháp không có tánh, trong đó thế nào là bình đẳng?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu chẳng pháp có, chẳng pháp không, cũng chẳng nói các pháp tướng bình đẳng, trừ bình đẳng không còn pháp nào khác rời khỏi tất cả pháp tướng bình đẳng. Tướng bình đẳng ấy, hoặc phàm phu, hoặc bậc Thánh đều không thể đi được, không thể đến được.

–Bạch Đức Thế Tôn! Cho đến Đức Phật cũng chẳng thể đi, chẳng thể đến ư?

–Này Tu-bồ-đề! Các pháp bình đẳng ấy tất cả bậc Thánh đều chẳng thể đi, chẳng thể đến, dầu là Phật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Đức Phật có năng lực tự tại đi trong tất cả pháp, sao lại nói Đức Phật cũng chẳng thể đi, cũng chẳng thể đến?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu các pháp bình đẳng khác với Phật thì nên hỏi như vậy. Nay hàng phàm phu bình đẳng, các bậc Thánh Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Đại Bồ-tát, các Phật và Thánh pháp đều bình đẳng, là bình đẳng duy nhất, không có hai.

Nghĩa là các phàm phu, Tu-đà-hoàn, cho đến các Đức Phật ấy

ở trong tất cả pháp bình đẳng đều không thật có.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu đối với các pháp bình đẳng đều chẳng có phạm phu cho đến Phật, thì các phạm phu, Tu-đà-hoàn cho đến Phật không có khác nhau ư?

–Này Tu-bồ-đề, đúng vậy! Trong các pháp bình đẳng không có khác nhau, là phạm phu, là Tu-đà-hoàn cho đến là Phật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Nếu không có phạm phu, là Tu-đà-hoàn cho đến Phật khác nhau, thì làm sao phân biệt có Tam bảo xuất hiện ở thế gian?

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo bình đẳng hay khác với các pháp?

–Bạch Đức Thế Tôn! Như con được nghe ý nghĩa từ Đức Phật dạy thì Tam bảo và các pháp bình đẳng không khác nhau.

Bạch Đức Thế Tôn! Phật bảo, Pháp bảo và Tăng bảo tức là bình đẳng. Pháp ấy đều chẳng hợp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, là nhất tướng, nghĩa là vô tướng.

Đức Phật bằng trí lực ấy có khả năng phân biệt được các pháp vô tướng như phạm phu, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Đại Bồ-tát, các Đức Phật.

–Này Tu-bồ-đề, đúng vậy! Ý ông nghĩ sao? Nếu các Phật được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chẳng phân biệt các pháp thì sẽ biết là địa ngục, là ngạ quỷ, là súc sinh, là người, là trời, là trời Tứ Thiên vương, cho đến trời Phi tướng phi phi tướng, là bốn Niệm xứ cho đến là tám phần Thánh đạo, là nội không cho đến vô pháp hữu pháp không, là mười Lực của Phật cho đến mười tám pháp Bất cộng chướng?

–Bạch Đức Thế Tôn, sẽ chẳng biết!

–Này Tu-bồ-đề! Vì thế nên biết rằng Đức Phật có ân lực rộng lớn, đối với các pháp bình đẳng chẳng động mà phân biệt các pháp.

–Bạch Đức Thế Tôn! Như Đức Phật đối với các pháp bình đẳng chẳng động, người phạm phu đối với các pháp bình đẳng cũng động, Tu-đà-hoàn cho đến Bích-chi-phật đối với các pháp bình đẳng cũng chẳng động.

Bạch Đức Thế Tôn! Nếu tướng các pháp bình đẳng tức là tướng phàm phu, tức là tướng Tu-đà-hoàn cho đến các Đức Phật, tức là tướng bình đẳng.

Bạch Đức Thế Tôn! Nay các pháp đều có tướng riêng. Nghĩa là tướng sắc khác, tướng thọ, tướng, hành, thức khác, tướng nhĩ, thiệt, thân, ý khác, tướng đất khác, tướng thủy, hỏa, phong, không, thức khác, tướng tham khác, tướng sân, si khác, tướng tà kiến khác, tướng thiên khác, tướng tâm vô lượng khác, tướng định Vô sắc khác, tướng bốn Niệm xứ khác, cho đến tướng tám phần Thánh đạo khác, tướng Bồ thí ba-la-mật khác, cho đến tướng Bát-nhã ba-la-mật khác, tướng ba pháp môn giải thoát khác, tướng mười tám không khác, tướng mười Lực của Phật khác, tướng bốn Vô úy khác, tướng bốn Trí vô ngại khác, tướng mười tám pháp Bất cộng khác, tướng pháp hữu vi khác, tướng pháp vô vi khác.

Tướng phàm phu khác, cho đến tướng Phật khác, các pháp đều có tướng riêng khác như vậy, làm thế nào lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát đối với các tướng nhau khác mà chẳng sinh phân biệt. Nếu chẳng sinh chẳng phân biệt thì chẳng thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Nếu chẳng thể thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì chẳng thể từ một địa này đến một địa khác. Nếu chẳng thể từ một địa này đến một địa khác thì chẳng thể vào địa vị Bồ-tát. Vì chẳng thể vào địa vị Bồ-tát nên chẳng thể vượt qua địa vị Thanh văn, địa vị Bích-chi-phật nên chẳng đầy đủ Thần thông ba-la-mật. Vì chẳng đầy đủ Thần thông ba-la-mật nên chẳng đầy đủ Bồ thí ba-la-mật, cho đến chẳng đầy đủ được Bát-nhã ba-la-mật, từ một cõi Phật này đến một cõi Phật khác, cúng dường các Đức Phật, ở chỗ các Đức Phật gieo trồng các căn lành, dùng căn lành ấy thành tựu các chúng sinh, làm thanh tịnh cõi Phật.

–Này Tu-bồ-đề! Như lời ông hỏi, các pháp tướng ấy cũng là tướng phàm phu, cũng là Tu-đà-hoàn cho đến Phật.

–Bạch Đức Thế Tôn! Các pháp ấy đều có tướng riêng, nghĩa là tướng sắc khác, cho đến tướng pháp hữu vi, tướng pháp vô vi khác, làm sao Đại Bồ-tát quán được một tướng chẳng sinh khởi phân biệt?

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Tướng sắc ấy có rỗng không

chăng? Cho đến tướng các Đức Phật có rỗng không chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn, thật rỗng không!

– Này Tu-bồ-đề! Trong rỗng không, các pháp tướng có thật có hay chăng? Nghĩa là tướng sắc cho đến tướng Phật có thật có hay chăng?

– Bạch Đức Thế Tôn, chẳng thật có!

– Này Tu-bồ-đề! Vì lẽ ấy nên phải biết rằng đối với các pháp bình đẳng chẳng phải phàm phu, cũng chẳng lìa phàm phu, cho đến chẳng phải Phật, cũng chẳng lìa Phật.

– Bạch Đức Thế Tôn! Bình đẳng là pháp hữu vi hay pháp vô vi?

– Này Tu-bồ-đề! Chẳng phải pháp hữu vi, chẳng phải pháp vô vi. Vì sao? Lìa pháp hữu vi thì chẳng có pháp vô vi, lìa pháp vô vi thì chẳng có pháp hữu vi.

Này Tu-bồ-đề! Tánh hữu vi, tánh vô vi, cả hai pháp ấy chẳng hợp, chẳng tan, không sắc, không hình, không đối, là một tướng, nghĩa là vô tướng.

Đức Phật cũng dùng Thế đế để nói chớ chẳng phải dùng Đệ nhất nghĩa. Vì sao? Trong Đệ nhất nghĩa không có nghiệp về thân, không có nghiệp về khẩu, không có nghiệp về ý, cũng chẳng lìa nghiệp thân, khẩu, ý mà có được Đệ nhất nghĩa. Tướng bình đẳng của các pháp hữu vi, vô vi, tức là Đệ nhất nghĩa.

Lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật, Đại Bồ-tát đối với Đệ nhất nghĩa chẳng động mà làm việc Bồ-tát lợi ích cho chúng sinh.

M

Phẩm 87: NHƯ HÓA

Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thế Tôn! Nếu các pháp bình đẳng không có tạo tác, làm ra, thì làm sao Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật đối với pháp bình đẳng chẳng động mà làm việc Bồ-tát để Bố thí, Ái ngữ, Lợi ích, Đồng sự?

Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề, đúng vậy! Đúng như lời ông nói, các pháp bình đẳng ấy không có tạo tác.

Nếu chúng sinh tự biết các pháp bình đẳng, thì Đức Phật chẳng dùng thần lực đối với các pháp bình đẳng chẳng động mà cứu giúp họ ra khỏi tướng ngã, tướng ngã sở, cho đến tướng người biết, tướng người thấy, do rộng không mà ra khỏi sinh tử năm đường, ra khỏi tướng sắc, cho đến tướng thức, ra khỏi tướng mắt cho đến tướng ý, ra khỏi tướng địa chủng cho đến tướng thức chủng. Làm cho họ xa lìa tánh tướng hữu vi để được tánh tướng vô vi. Tánh tướng vô vi tức là rộng không.

–Bạch Đức Thế Tôn! Dùng những thứ không gì mà tất cả pháp không?

–Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát xa lìa tất cả pháp tướng. Vì dùng không ấy nên tất cả pháp không. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu có hóa nhân làm ra hóa nhân. Hóa nhân ấy có là thật chẳng phải rộng không hay chẳng?

–Bạch Đức Thế Tôn! Hóa nhân ấy không có thật, đều là rộng không.

–Này Tu-bồ-đề! Không và hóa nhân, hai việc ấy chẳng hợp, chẳng tan, vì không nên không, chẳng nên phân biệt là không, là hóa. Vì sao? Vì hai việc ấy đối với không đều chẳng có là không, là hóa. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì sắc tức là hóa, thọ, tưởng, hành, thức là hóa, cho đến Nhất thiết chủng trí tức là hóa.

–Bạch Đức Thế Tôn! Pháp thế gian là hóa, còn pháp xuất thế có phải là hóa chăng?

–Này Tu-bồ-đề! Tất cả pháp đều là hóa. Ở trong pháp ấy, có pháp Thanh văn biến hóa, có pháp Bích-chi-phật biến hóa, có pháp Đại Bồ-tát biến hóa, có pháp do các Đức Phật biến hóa, có pháp do phiền não biến hóa, có pháp do nghiệp nhân duyên biến hóa.

Này Tu-bồ-đề! Vì lẽ ấy nên tất cả pháp đều là biến hóa.

–Bạch Đức Thế Tôn! Các phiền não dứt trừ, nghĩa là quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, đạo Bích-chi-phật, Phật đạo, dứt bỏ tập chủng các phiền não có phải đều là biến hóa chăng?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu có pháp tướng sinh diệt thì đều là biến hóa.

–Bạch Đức Thế Tôn! Các pháp gì không phải biến hóa?

–Này Tu-bồ-đề! Nếu là pháp không sinh, không diệt thì không phải biến hóa.

–Bạch Đức Thế Tôn! Pháp gì không sinh, không diệt mà không phải biến hóa?

–Này Tu-bồ-đề! Niết-bàn không có tướng lưỡng đối là chẳng phải biến hóa.

–Bạch Đức Thế Tôn! Như Đức Phật tự nói, các pháp bình đẳng chẳng phải do Thanh văn làm ra, chẳng phải Bích-chi-phật làm ra, chẳng phải Đại Bồ-tát làm ra, chẳng phải các Phật làm ra. Có Phật hay không có Phật, tánh các pháp vẫn thường không. Tánh không tức là Niết-bàn, sao Đức Phật lại nói một pháp Niết-bàn chẳng phải biến hóa?

–Này Tu-bồ-đề, đúng vậy! Các pháp bình đẳng chẳng phải Thanh văn làm ra, cho đến tánh không tức là Niết-bàn. Nếu Bồ-tát mới phát tâm, nghe tất cả pháp đều rốt ráo tánh không cho đến Niết-bàn cũng đều như hóa thì tâm rất kinh sợ. Đó là vì mới phát tâm nên Bồ-tát ấy còn phân biệt pháp sinh diệt thì như hóa, pháp chẳng sinh diệt thì chẳng như hóa.

–Bạch Đức Thế Tôn! Làm sao dạy Bồ-tát mới phát tâm biết được tánh không?

–Này Tu-bồ-đề! Có phải các pháp là trước có mà nay là không hay chẳng?



KINH MA-HA BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 27

Phẩm 88: TÁT-ĐÀ-BA-LUÂN

Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát cầu Bát-nhã ba-la-mật phải như Bồ-tát Tát-đà-ba-luân. Đại Bồ-tát ấy hiện nay ở chỗ Phật Đại lôì âm mà thực hành đạo Bồ-tát.

Tôn giả Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đại Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cầu Bát-nhã ba-la-mật như thế nào?

–Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát Tát-đà-ba-luân trước kia, lúc cầu Bát-nhã ba-la-mật chẳng tiếc thân mạng, chẳng màng danh lợi.

Khi vị ấy ở trong rừng vắng, nghe trên hư không có tiếng bảo:

–Này thiện nam! Người từ đây đi qua phương Đông chớ nghĩ đến mỗi một, chớ nghĩ đến ngủ nghỉ, chớ nghĩ đến uống ăn, chớ nghĩ đến ngày đêm, chớ nghĩ đến lạnh nóng, chớ nghĩ đến trong ngoài. Khi đi người chớ nhìn hai bên, khi đi người chớ phá hoại tướng thân, chớ phá hoại tướng sắc, tướng thọ, tướng, hành, thức. Vì sao? Vì nếu phá hoại các tướng ấy thì đối với Phật pháp có trở ngại. Nếu đối với Phật pháp có trở ngại thì sinh tử qua lại năm đường, cũng chẳng được Bát-nhã ba-la-mật.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đáp:

–Tôi sẽ y theo lời dạy. Vì sao? Tôi muốn vì tất cả chúng sinh mà làm ánh sáng rực rỡ, tôi muốn tập hợp pháp của tất cả các Đức Phật, tôi muốn được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trên hư không lại có tiếng nói:

–Lành thay, lành thay! Người nên có tâm kính tin pháp không,

vô tướng, vô tác. Đem tâm lia tướng mà cầu Bát-nhã ba-la-mật: lia tướng ngã, cho đến lia tướng người biết, người thấy. Người phải xa lia ác tri thức, phải gần gũi cúng dường Thiện tri thức.

Ai là Thiện tri thức? Là người có khả năng giảng nói pháp không, vô tướng, vô tác, không sinh, không diệt và Nhất thiết chủng trí, làm cho người nghe, tâm họ thâm nhập vui mừng tin ưa, đó là Thiện tri thức. Nếu người đi như vậy không lâu sẽ được nghe Bát-nhã ba-la-mật, hoặc được nghe từ trong kinh này, hoặc được nghe từ Bồ-tát nói.

Chỗ mà người theo đó được nghe Bát-nhã ba-la-mật, người phải xem nơi ấy như Phật. Người phải biết ân, phải nghĩ rằng đó tức là Thiện tri thức của mình. Do nghe pháp Bát-nhã ba-la-mật ấy, ta sẽ chóng được chẳng thoái chuyển Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được gần các Phật, thường sinh trong nước có Phật, xa lìa các chướng nạn, được đầy đủ chỗ không chướng nạn.

Người phải suy lường công đức ấy, phải ở chỗ được nghe pháp xem như Phật. Người chớ sinh tâm vì lợi dưỡng thế gian mà theo bên Pháp sư, mà chỉ vì ưa thích chánh pháp, chỉ vì kính trọng chánh pháp nên theo Bồ-tát Pháp sư. Lúc bấy giờ người phải cảnh giác biết rõ những việc ma.

Nếu ác ma giả vì pháp mà đem năm dục đến dâng cho Bồ-tát Pháp sư thì Bồ-tát Pháp sư nhập vào pháp như thật, với năng lực công đức nên thọ nhận lấy, nhưng không hề nhiễm năm dục ấy.

Bồ-tát Pháp sư lại vì ba việc nên nhận lấy năm dục ấy: một là vì năng lực phương tiện, hai là vì muốn cho chúng sinh gieo trồng căn lành, ba là vì muốn đồng sự với chúng sinh.

Đối với việc ấy, người chớ sinh tâm chẳng kính tin mà phải sinh tâm kính tin, nghĩ rằng: “Tôi chưa được trí phương tiện. Đại sư vì độ chúng sinh nên dùng pháp phương tiện cho họ được phước đức, nên Đại sư mới nhận lấy năm dục ấy, Bồ-tát có trí tuệ vẫn không lệ thuộc, không bị chướng ngại, chẳng bị năm dục làm nhiễm ô.”

Người phải quán thật tướng các pháp, nghĩa là tất cả pháp chẳng nhớ, chẳng sạch. Vì sao? Tất cả pháp tự tánh rỗng không, không có chúng sinh, không có ngã, không có người. Tất cả pháp

như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như hình bóng, như sóng năng, như biến hóa. Người quán thật tướng các pháp ấy rồi phải theo Pháp sư, không lâu người sẽ thành tựu Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, người phải cảnh giác biết việc ma. Nếu Bồ-tát Pháp sư thấy người muốn học Bát-nhã ba-la-mật mà chẳng để ý đến thì người chớ sinh tâm thù ghét. Người chỉ nên vì pháp mà sinh tâm cung kính, chớ có ý chán lười, phải thường theo bên Pháp sư.

Sau khi được nghe lời chỉ bảo từ trên hư không, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đi về phương Đông không bao lâu chợt nghĩ rằng vì sao ta không hỏi tiếng trên hư không phải đi đến nơi nào, xa hay gần, sẽ phải theo ai để được nghe Bát-nhã ba-la-mật.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân liền đứng lại, buồn bã khóc than, nghĩ rằng: “Tôi ở lại đây chẳng nghĩ đến mỗi nhọc, cho đến chẳng nhớ đến đói khát, lạnh nóng, nếu chẳng được nhân duyên nghe học Bát-nhã ba-la-mật thì tôi quyết chẳng rời khỏi nơi đây.”

Này Tu-bồ-đề! Như người chỉ có một đứa con trai, đứa con ấy chợt chết đi, người ấy buồn bã đau khổ, trong lòng chỉ buồn khổ chớ chẳng nghĩ gì khác.

Cũng như vậy, lúc ấy Bồ-tát Tát-đà-ba-luân không nghĩ gì khác ngoài việc mong muốn biết được bao giờ mình được nghe Bát-nhã ba-la-mật, vì sao ta không hỏi âm thanh trên hư không:

–Tôi phải đến nơi nào, xa hay gần, sẽ theo ai để học Bát-nhã ba-la-mật.

Lúc Bồ-tát Tát-đà-ba-luân buồn nghĩ như vậy, trên hư không có Đức Phật bảo rằng:

–Lành thay, lành thay! Này thiện nam, các Đức Phật quá khứ lúc hành đạo Bồ-tát, cầu Bát-nhã ba-la-mật cũng như người này nay. Người giữ gìn tâm siêng năng tinh tấn, ưa thích chánh pháp ấy mà đi qua phương Đông cách đây năm trăm do-tuần, có ngôi thành tên là Chúng hương. Thành ấy có bảy lớp, bảy chất báu trang nghiêm, nhà cửa tường thành đều trang sức bằng bảy chất báu, ánh sáng bảy báu, hàng cây bảy báu bao quanh bảy vòng. Ngôi thành ấy rộng mỗi bề mười hai do-tuần, giàu vui an ổn, dân chúng đông đúc, có năm trăm thị xã, đường xá tương đối đẹp tốt như tranh vẽ. Cầu cống rộng rãi

sạch sẽ như đất bằng. Trên bảy lớp thành đều có lầu đài, cây báu bảy hàng, nhánh là bằng vàng ròng, bạc trắng, xa cừ, mã não, san hô, lưu ly, pha lê và chân châu màu hồng. Dây báu kết giăng, linh lưới bằng vàng trùm lên thành. Gió thổi linh khua vang tiếng hòa nhã làm vui lòng người nghe, năm thứ âm nhạc khéo hòa tấu rất vui vẻ, tiếng lưới vàng và linh báu cũng giống như vậy. Bốn phía thành có ao nước chảy trong sạch, lạnh ấm vừa ý thích. Trong ao có những chiếc thuyền bằng bảy báu. Đó là do nghiệp đời trước của chúng sinh nơi ấy tạo nên. Họ ngồi thuyền báu ấy qua lại vui chơi. Trong nước ao có các loại hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng và nhiều thứ hoa khác che khắp mặt ao. Bao nhiêu thứ hoa trong cõi đại thiên đều có trong ấy. Bốn phía thành lại có năm trăm khu vườn nhà bảy báu trang nghiêm rất đáng ưa thích. Trong mỗi khu vườn ấy đều có năm trăm ao nước. Mỗi ao rộng mỗi bề mười dặm cũng bằng bảy chất báu nhiều màu trang nghiêm. Trong ao nước ấy cũng có hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng xen đầy mặt nước. Hoa sen ấy lớn như bánh xe: màu xanh ánh sáng xanh, màu vàng ánh sáng vàng, màu đỏ ánh sáng đỏ, màu trắng ánh sáng trắng. Mặt nước ao lại có nhiều loại chim: chim le, chim nhạn, chim uyên ương kêu tiếng hòa nhau. Các vườn nhà ấy không thuộc riêng ai. Đó là do nghiệp lành đời trước của chúng sinh nơi ấy tạo nên, họ mãi tin ưa chánh pháp sâu xa và thực hành Bát-nhã ba-la-mật nên thọ hưởng quả báo ấy.

Này thiện nam! Trong thành Chúng hương có tòa đài cao, cung điện của Đại Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ở trên đài ấy. Cung ấy rộng một do-tuần, bằng bảy chất báu nhiều màu trang nghiêm rất đáng ưa thích. Tường rào bảy lớp cũng bằng bảy báu, tường thành bảy báu, lầu gác bảy báu, hào có bảy báu lớp cũng bằng bảy báu, chồng chất xây thành, bảy lớp hàng cây, nhánh lá bảy báu, bảy lớp vườn rừng bao quanh. Trong cung điện ấy có bốn khu vườn vui chơi: một khu vườn tên Thường hỷ, khu thứ hai tên Ly ưu, khu thứ ba tên Hoa sức, khu thứ tư tên Hương sức. Trong mỗi khu vườn có tám ao: ao thứ nhất tên Hiền, ao thứ hai tên Hiền thượng, ao thứ ba tên Hoan hỷ, ao thứ tư tên Hỷ thượng, ao thứ năm tên An ổn, ao thứ sáu tên Đa an ổn, ao thứ bảy tên Viễn ly, ao thứ tám tên Không thoái chuyển. Bốn bên

ao, mỗi mặt là một thứ báu riêng: vàng ròng, bạc trắng, lưu ly và pha lê. Ngọc mai khôi làm đáy ao, trên trải cát vàng ròng. Cạnh mỗi ao đều có thêm bậc bằng các thứ báu. Khoảng giữa thêm bậc có hàng cây bằng vàng Diêm-phù-đàn. Trong tất cả ao đều có hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng che trên mặt nước. Bốn bên các ao đều có cây hoa đẹp, gió thổi hoa rơi vào trong nước ao. Nước ao có đủ tám công đức, thơm như Chiên-đàn, đầy đủ màu sắc và mùi vị, vừa nhẹ vừa mềm mại.

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt cùng sáu muôn tám ngàn thể nữ, đầy đủ năm dục, cùng chung vui hưởng. Người dân trong thành cùng vào các vườn Thường hỷ và ao Hiền..., đầy đủ năm dục, cùng chung vui hưởng.

Này thiện nam! Sau khi cùng các thể nữ dạo chơi vui thú xong, mỗi ngày ba thời Bồ-tát Đàm-vô-kiệt giảng nói Bát-nhã ba-la-mật. Nam nữ lớn nhỏ trong thành Chúng hương chọn nơi đông người nhóm họp, lập pháp tòa lớn. Bốn chân pháp tọa ấy hoặc bằng vàng ròng, hoặc bằng bạc trắng, hoặc bằng lưu ly, hoặc bằng pha lê, trên trải nệm êm dày nhiều màu thông những tua tui, dùng lụa trắng đẹp trùm lên trên, rải những hoa đẹp hương thơm. Pháp tòa ấy cao năm dậm, giảng trường gắn ngọc trắng. Bốn phía khoảng đất ấy trải hoa năm màu, đốt những hương thơm, nước thơm tưới trên đất. Đó là để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật.

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ngồi trên pháp tòa ấy giảng nói Bát-nhã ba-la-mật. Dân chúng trong thành ấy cúng dường cung kính Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để nghe Bát-nhã ba-la-mật.

Đại hội ấy có trăm ngàn muôn chúng, các vị trời cùng người thế gian hòa hợp một chỗ. Trong đó có người lắng nghe, có người lãnh thọ, có người giữ gìn, có người niệm tụng, có người ghi chép, có người chánh quán, có người thực hành đúng theo lời dạy.

Bấy giờ, do nhân duyên ấy nên chúng sinh đều chẳng đọa vào đường ác, chẳng thoái chuyển Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này thiện nam! Người qua đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sẽ được nghe Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt là Thiện tri thức trong nhiều đời trước của người, thường dạy cho người Vô thượng

Chánh đẳng Chánh giác, chỉ dạy cho người được lợi ích vui mừng.

Thuở trước, lúc Bồ-tát Đàm-vô-kiệt cầu Bát-nhã ba-la-mật cũng như người ngày nay. Người đi chợ kể ngày đêm, chợ e ngại, không lâu người sẽ được nghe Bát-nhã ba-la-mật.

Khi nghe lời chỉ bảo trên hư không, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân rất vui mừng nghĩ rằng bao giờ ta sẽ được thấy vị Thiện tri thức ấy để được nghe Bát-nhã ba-la-mật.

–Này Tu-bồ-đề! Ví như có người trúng phải tên độc, trong lòng người ấy không nghĩ gì khác, chỉ nghĩ rằng lúc nào gặp được thầy thuốc nhổ tên độc ra, chữa khỏi nạn khổ cho tôi. Cũng vậy, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân không còn nghĩ gì khác, chỉ tâm nguyện lúc nào tôi được thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, cho tôi được nghe Bát-nhã ba-la-mật, dứt hết tâm chấp có.

Ở tại chỗ cũ ấy, khi Tát-đà-ba-luân nhớ nghĩ đến Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, thì đối với tất cả pháp được thấy biết vô ngại, liền được vô lượng môn Tam-muội hiện tiền, đó là: Tam-muội Chư pháp tánh quán, Tam-muội Chư pháp tánh quán không thật có, Tam-muội Phá các pháp vô minh, Tam-muội Chư pháp bất dị, Tam-muội Chư pháp bất hoại tự tại, Tam-muội Chư pháp năng chiếu minh, Tam-muội Chư pháp ly ám, Tam-muội Chư pháp vô dị tương tục, Tam-muội Chư pháp không thể nắm bắt, Tam-muội Tán hoa, Tam-muội Chư pháp vô ngã, Tam-muội Như huyễn oai thế, Tam-muội Đắc như cảnh tượng, Tam-muội Đắc nhất thiết chúng sinh ngữ ngôn, Tam-muội Nhất thiết chúng sinh hoan hỷ, Tam-muội Nhập phân biệt âm thanh, Tam-muội Đắc chủng chủng ngữ ngôn tự cú trang nghiêm, Tam-muội Vô úy, Tam-muội Tánh thường mặc nhiên, Tam-muội Đắc vô ngại giải thoát, Tam-muội Ly trần cấu, Tam-muội Danh tự ngữ cú trang nghiêm, Tam-muội Kiến các pháp, Tam-muội Chư pháp vô ngại đảnh, Tam-muội Như hư không, Tam-muội Như kim cang, Tam-muội Bất úy trước sắc, Tam-muội Đắc thắng, Tam-muội Chuyển nhãn, Tam-muội Tất pháp tánh, Tam-muội Năng giữ an ổn, Tam-muội Sư tử hống, Tam-muội Thắng nhất thiết chúng sinh, Tam-muội Hoa trang nghiêm, Tam-muội Đoạn nghi, Tam-muội Đoạn nhất thiết kiên cố, Tam-muội Xuất các pháp

đắc thân thông lực vô úy, Tam-muội Năng đạt các pháp, Tam-muội Chư pháp tài ấn, Tam-muội Chư pháp vô phân biệt kiến, Tam-muội Ly các kiến, Tam-muội Ly nhất thiết ám, Tam-muội Ly nhất thiết tướng, Tam-muội Giải thoát nhất thiết tướng, Tam-muội Trừ nhất thiết giải đãi, Tam-muội Đắc thâm pháp minh, Tam-muội Chẳng thể đoạt, Tam-muội Phá ma, Tam-muội Bất trước tam giới, Tam-muội Khởi quang minh, Tam-muội Kiến chư Phật.

An trụ trong các Tam-muội ấy, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân liền thấy vô lượng, vô số các Đức Phật mười phương, vì các Đại Bồ-tát mà nói Bát-nhã ba-la-mật.

Lúc ấy, các Đức Phật mười phương an ủi Bồ-tát Tát-đà-ba-luân rằng: Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Thuở trước lúc chúng ta hành đạo Bồ-tát cầu Bát-nhã ba-la-mật được các Tam-muội ấy cũng như chỗ được của người hiện nay. Được các Tam-muội ấy rồi chúng ta khéo nhập vào Bát-nhã ba-la-mật, thành tựu năng lực phương tiện, trụ không thoái chuyển.

Chúng ta quán tánh các Tam-muội ấy chẳng thấy có pháp gì xuất Tam-muội, nhập Tam-muội, cũng chẳng thấy ai thực hành Phật đạo, cũng chẳng thấy ai được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Này thiện nam! Đó gọi là Bát-nhã ba-la-mật, nghĩa là chẳng quan niệm có các pháp ấy.

Này thiện nam! Chúng ta an trụ trong pháp vô sở niệm mà được thân màu vàng ròng rất sáng chói này, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, trí tuệ chẳng thể nghĩ bàn được, giới vô thượng, Tam-muội Vô thượng, trí tuệ vô thượng của Phật, tất cả công đức thấy đều đầy đủ. Đã đầy đủ tất cả công đức mà Đức Phật còn chẳng thể dùng tướng nói hết được, huống chi là hàng Thanh văn, Bích-chi-phật và những người khác!

Này thiện nam! Vì lẽ ấy nên ở trong Phật pháp này phải càng cung kính yêu mến, sinh tín tâm thanh tịnh, đối với Thiện tri thức phải xem như Phật. Vì sao? Vì nhờ Thiện tri thức che chở mà Bồ-tát mau được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc ấy, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân bạch các Đức Phật mười phương:

– Ai là Thiện tri thức của con để gấn gũi cúng dường.

Các Đức Phật mười phương bảo Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

– Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đã nhiều đời giáo hóa Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho người thành tựu. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt che chở người, dạy cho người năng lực phương tiện Bát-nhã ba-la-mật, Bồ-tát ấy là Thiện tri thức của người.

Dù người có cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt hoặc một kiếp, hai kiếp, ba kiếp cho đến hơn trăm kiếp, đầu đội cung kính, đem tất cả vật sắc, thanh, hương, vị, xúc, ưa thích trong cõi đại thiên cúng dường hết cũng chưa đáp được ân Phật trong khoảnh khắc. Vì sao? Vì do nhân duyên của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt làm cho người được các Tam-muội như vậy, được năng lực phương tiện Bát-nhã ba-la-mật như vậy.

Các Đức Phật an ủi giáo hóa Bồ-tát Tát-đà-ba-luân như vậy, làm cho vị ấy vui mừng xong, bỗng nhiên biến mất. Ra khỏi Tam-muội, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân chẳng còn thấy các Đức Phật nên nghĩ rằng: “Các Đức Phật ấy từ đâu đến, đi về đâu?”

Vì chẳng thấy các Đức Phật nên vị ấy buồn rầu chẳng vui: “Ai sẽ dứt hết sự nghi ngờ của tôi?”

Vị ấy lại nghĩ rằng: “Bồ-tát Đàm-vô-kiệt từ lâu đã thường thực hành Bát-nhã ba-la-mật, được năng lực phương tiện và các Đà-la-ni, được tự tại đối với pháp Bồ-tát, cúng dường nhiều các Đức Phật quá khứ, nhiều đời làm thầy ta, thường làm lợi ích cho ta. Ta sẽ hỏi Bồ-tát Đàm-vô-kiệt: Các Đức Phật từ đâu đến, đi về đâu?”

Lúc ấy, đối với Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân sinh tâm cung kính, tôn trọng, ưa mến, nghĩ rằng: “Ta phải lấy gì cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt?”

Hiện nay, ta nghèo cùng, không có hoa hương, vàng bạc, châu báu. Không có các vật để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và Pháp sư Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Ta không nên đi tay không đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Nếu ta đi tay không thì khó sinh tâm mừng rỡ. Vì Bát-nhã ba-la-mật, ta phải bán thân để có tài vật cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

Từ nhiều đời ta đã mất vô số thân, trong sinh tử vô tử hoặc

chết, hoặc bán, hoặc vì dục vọng mà nhiều đời chịu vô lượng khổ não ở trong địa ngục, chưa bao giờ vì pháp thanh tịnh, vì Pháp sư mà mất thân.

Giữa đường, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân vào một ngôi thành, đến giữa chợ rao rằng:

– Ai cần người! Ai cần người! Ai muốn mua người?

Bấy giờ, ác ma nghĩ rằng, vì mền chánh pháp mà Tát-đà-ba-luân này tự bán thân, vì Bát-nhã ba-la-mật mà cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Ông ấy sẽ thành chánh vấn Bát-nhã ba-la-mật và năng lực phương tiện: Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thế nào để chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Ông ấy sẽ được đầy đủ học rộng như nước biển cả, lúc đó chẳng thể ngăn trở phá hoại được. Ông ấy sẽ đầy đủ tất cả công đức lợi ích của các Đại Bồ-tát đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, qua khỏi cảnh giới của ta, và cũng dạy những người khác ra khỏi cảnh giới của ta để được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ta phải phá hoại công việc của ông ấy.

Bấy giờ, ác ma che tai các vị Bà-la-môn, Cư sĩ chẳng nghe tiếng rao bán thân của Bồ-tát Tát-đà-ba-luân, chỉ trừ một nữ trưởng giả, vì nhân duyên đời trước nên ác ma chẳng che được.

Tát-đà-ba-luân rao bán thân chẳng ai hỏi mua, nên buồn bã khóc lóc, đứng lại một nơi, rơi lệ nghĩ rằng: “Vì ta có tội lớn nên bán thân mà chẳng ai mua, vì Bát-nhã ba-la-mật mà tôi tự bán thân để cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.”

Bấy giờ, trời Đế Thích nghĩ rằng Bồ-tát Tát-đà-ba-luân ưa mền chánh pháp mà tự bán thân, vì Bát-nhã ba-la-mật nên muốn cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, ta sẽ thử ông ấy coi có phải thật vì thâm tâm mền pháp mà xả chân chẳng?

Trời Đế Thích liền hóa thành người Bà-la-môn đi ngang qua chỗ Tát-đà-ba-luân, đứng hỏi rằng:

– Vì sao người đứng đây khóc than buồn rầu, đáng vẻ tiêu tụy như vậy?

– Thưa Bà-la-môn, tôi kính mền chánh pháp. Vì Bát-nhã ba-la-mật nên tôi bán thân để cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nhưng

không ai mua. Tôi nghĩ mình phước mỏng không có của báu, muốn bán thân cũng chẳng ai mua. Tôi lấy gì cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

Vị Bà-la-môn nói:

–Tôi chẳng cần người, hiện giờ tôi muốn tế trời, cần có tim, máu và tủy người. Ông có thể bán những vật ấy cho tôi không?

Tát-đà-ba-luân nghĩ rằng: “Tôi được lợi lớn, được lợi bậc nhất, nay tôi vì đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật, năng lực phương tiện nên được người mua tim, máu và tủy.”

Nghĩ xong, Tát-đà-ba-luân trong lòng rất vui mừng không còn buồn rầu, bảo Bà-la-môn:

–Tôi bằng lòng trao cho ông tất cả những vật ông muốn dùng.

Bà-la-môn hỏi:

–Ông lấy giá bao nhiêu?

Tát-đà-ba-luân đáp:

–Tùy ý ông cho bao nhiêu cũng được.

Nói đoạn, Tát-đà-ba-luân tay mặt cầm dao bén đâm vào cánh tay trái máu tuôn ra, rồi cắt thịt bấp vế bên mặt, muốn chặt xương để lấy tủy.

Khi ấy, có một nữ trưởng giả ở trên gác cao thấy Tát-đà-ba-luân tự cắt thân, chẳng tiếc mạng sống, muốn biết duyên do, liền xuống gác, đến hỏi Tát-đà-ba-luân rằng:

–Người ơi, sao lại tự hủy thân khốn khổ như vậy. Dùng tim, máu, tủy này để làm gì?

Tát-đà-ba-luân đáp:

–Tôi muốn bán cho vị Bà-la-môn này, để có tiền vật cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

Nữ trưởng giả hỏi:

–Ông muốn đem bán tim, máu và tủy để cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sẽ được công đức gì?

Tát-đà-ba-luân đáp:

–Bồ-tát Đàm-vô-kiệt học đầy đủ về Bát-nhã ba-la-mật và năng lực phương tiện. Ngài sẽ giảng dạy tôi việc phải làm của Bồ-

tát và hành đạo của Bồ-tát. Tôi học pháp ấy, đạo ấy, lúc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm nơi y chỉ cho chúng sinh sẽ được thân màu vàng ròng đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp sáng chói vô lượng, đại Từ, đại Bi, đại Hỷ, đại Xả, bốn Vô úy, bốn Trí vô ngại, mười Lực của Phật, mười tám pháp Bát cộng, sáu thần thông chẳng thể nghĩ bàn, giới định tuệ thanh tịnh, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đối với các pháp được thấy biết không còn gì ngăn ngại, đem Pháp bảo vô thượng phân bố cho tất cả chúng sinh. Những công đức lợi ích như vậy, tôi sẽ được từ nơi Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

Nữ trưởng giả nghe Phật pháp sâu màu ấy lòng rất vui mừng kinh ngạc nổi ốc nói:

–Rất là hy hữu! Điều ông nói thật nhiệm mầu khó được nghe. Vì mỗi công đức pháp ấy đáng xả cả hằng sa thân mạng. Điều ông nói rất là nhiệm mầu! Nay ông cần gì, tôi sẽ cung cấp hết. Những thứ vàng bạc, châu báu, hoa hương, phước lọng, y phục, nhạc khí, tôi sẽ cấp cho ông tất cả để ông cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Ông chớ nên hủy hoại thân thể. Tôi cũng sẽ giúp ông đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt cùng ông vun trồng căn lành để được pháp nhiệm mầu như lời ông nói đó.

Lúc ấy, trời Đế Thích hiện lại nguyên hình khen ngợi:

–Lành thay, lành thay! Ông chịu đựng sự đau khổ như vậy mà chẳng động tâm. Các Đức Phật quá khứ lúc hành đạo Bồ-tát cũng giống như vậy mà cầu Bát-nhã ba-la-mật và năng lực phương tiện nên được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tôi thật chẳng dùng tim, máu, tủy người, chỉ đến để thử ông thôi, ông cầu mong điều gì, tôi sẽ giúp cho!

Tát-đà-ba-luân nói:

–Tôi cầu mong Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Trời Đế Thích nói:

–Điều ấy sức tôi không làm được. Đó là cảnh giới chư Phật. Nhưng tôi quyết phải báo đền, vậy ông nên cầu việc khác.

Tát-đà-ba-luân nói:

–Nếu như vậy, xin thân thể tôi bình phục như cũ.

Liên đó, thân thể Tát-đà-ba-luân bình phục không còn thương tích, y như trước không khác.

Trời Đế Thích bỗng nhiên biến mất.

Nữ trưởng giả bảo Tát-đà-ba-luân:

–Người đến nhà tôi, cần thứ gì tôi sẽ xin cha mẹ tôi cấp cho. Tôi cũng sẽ từ giã cha mẹ rồi mang theo kẻ hầu hạ cùng người đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để cúng dường và cầu pháp.

Tát-đà-ba-luân liền đến đứng ngoài cửa nhà nữ trưởng giả. Nàng vào thưa cha mẹ xin đủ đồ dùng để cúng dường và xin phép cha mẹ cho nàng mang theo năm trăm thị nữ vốn là kẻ hầu hạ cùng đi với Tát-đà-ba-luân đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát ấy sẽ vì chúng con mà nói pháp. Con sẽ thực hành đúng theo và sẽ được pháp của chư Phật.

Cha mẹ nàng hỏi:

–Tát-đà-ba-luân là ai?

Nàng thưa:

–Người ấy hiện đứng ở ngoài cửa. Người ấy dùng thâm tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, muốn độ tất cả chúng sinh khỏi vô lượng khổ sinh tử. Vì cầu pháp mà người ấy tự bán thân mình để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật. Bát-nhã ba-la-mật được gọi là đạo phải học của Bồ-tát. Vì cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và Bồ-tát Đàm-vô-kiệt mà Tát-đà-ba-luân ở giữa chợ rao lớn: Ai muốn cần người, ai muốn mua người? Bán thân không ai hỏi mua, người ấy đứng một chỗ buồn bã khóc than. Trời Đế Thích hóa thành người Bà-la-môn đến thử thách hỏi duyên cớ. Tát-đà-ba-luân nói: “Tôi muốn bán thân để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, nhưng vì phước mỏng nên chẳng ai hỏi mua.” Bà-la-môn nói: “Tôi chẳng cần người, tôi muốn tế trời, phải dùng tim, máu và tủy người. Ông có bán được không?” Tát-đà-ba-luân nghe nói hết buồn bã, vui mừng chịu bán không cần giá cả. Lúc ấy Tát-đà-ba-luân tay mặt cầm dao bén đâm vào cánh tay trái lấy máu, rồi cắt thịt bấp vế bên phải, muốn chẻ xương lấy tủy. Con ở trên gác ngó thấy vội xuống hỏi duyên cớ. Khi biết rõ duyên do, con hứa cung cấp đủ đồ cúng dường và ngăn người ấy hủy hoại thân thể. Con cũng hứa sẽ

xin phép cha mẹ cùng đi với người ấy đến cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

Cha mẹ nàng nói:

–Thật là hy hữu khó được. Người ấy tinh tấn vì pháp và rất ưa thích pháp tướng. Những Phật pháp ấy chẳng thể suy nghĩ bàn, là tối thượng Đệ nhất trên tất cả thế gian, là nhân duyên an vui của tất cả chúng sinh. Vì pháp ấy mà người ấy trang nghiêm bằng thế nguyện rộng lớn. Cha mẹ cho phép con đến gặp Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để gần gũi cúng dường. Vì con đã phát tâm rộng lớn muốn được Phật pháp. Con tinh tấn như vậy lẽ nào chẳng được vui vẻ cho phép.

Được cha mẹ cho phép, nữ trưởng giả rất vui mừng, liền trang nghiêm năm trăm cỗ xe bảy báu. Đích thân nàng cùng năm trăm thị nữ sắm sửa đồ cúng dường, đem các thứ hoa tươi và hoa vàng, hoa bạc, những thứ y phục châu báu, chuỗi ngọc, hương thơm đặc biệt, đồ ăn uống thơm ngon, rồi cùng Tát-đà-ba-luân và năm trăm thị nữ, mỗi người ngồi một xe, cung kính trang trọng đi lần về phương Đông, thấy thành Chúng hương trang nghiêm bằng bảy báu, bảy lớp vây quanh, hào bằng bảy báu, hàng cây bảy báu cũng đều bảy lớp. Thành ấy rộng mười hai do-tuần, giàu thanh an tĩnh, rất là vui sướng. Trong thành người dân đông đảo, có năm trăm thị xã, đường sá tương đối đẹp đẽ như tranh vẽ. Cầu kỳ bằng phẳng, rộng rãi, sạch sẽ.

Khi vào trong thành, họ thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ngồi trên pháp tòa giữa đài cao đang nói pháp cho vô lượng trăm ngàn muôn ức thính chúng cung kính vây quanh.

Lúc thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, tâm Tát-đà-ba-luân rất vui mừng như Tỳ-kheo nhập Thiền thứ ba, nhiếp tâm an tĩnh, tự nghĩ rằng: “Theo nghĩa thì chúng ta chẳng nên ngồi xe đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.” Suy nghĩ xong họ liền xuống xe đi bộ. Nữ trưởng giả cùng năm trăm thị nữ cũng xuống xe đi bộ.

Bấy giờ, Tát-đà-ba-luân cùng nữ trưởng giả và năm trăm thị nữ với châu báu trang nghiêm cung kính vây quanh, đồng đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt.

Chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt có đài bằng bảy chất báu và trang nghiêm với ngưu đầu chiên-đàn đỏ, màn lưới kết ngọc quý che trùm phía trên, bốn góc đều treo châu báu ma-ni để làm đèn sáng và có bốn lò hương báu thường đốt hương thơm để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật.

Trong đài có giường lớn bảy báu, giường nhỏ bốn báu đặt trên giường lớn. Bát-nhã ba-la-mật được biên vào lá bằng vàng ròng và thờ trên trang nhỏ. Các thứ phướn lọng trang nghiêm giăng che phía trên.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cùng những người nữ thấy đài báu thờ Bát-nhã ba-la-mật ấy có các châu báu trang nghiêm. Lại thấy trời Đế Thích cùng vô lượng trăm ngàn muôn các vị trời dùng hoa trời Mạn-đà-la, Chiên-đàn nghiền bột các thứ báu rải trên đài. Trên hư không trỗi âm nhạc trời để cúng dường đài báu ấy.

Tát-đà-ba-luân hỏi trời Đế Thích:

–Này Kiều-thi-ca! Vì sao ngài dùng vô lượng trăm ngàn các vị trời đem hoa hương trời và âm nhạc trời cúng dường đài ấy như vậy?

Trời Đế Thích đáp:

–Ngài chẳng biết ư! Đây là Ma-ha Bát-nhã ba-la-mật, là mẹ của các Đại Bồ-tát, sinh ra các Đức Phật và che chở Bồ-tát. Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật ấy thì thành tựu tất cả công đức, được các Phật pháp và Nhất thiết chủng trí.

Tát-đà-ba-luân liền vui mừng hỏi trời Đế Thích:

–Này Kiều-thi-ca! Bát-nhã ba-la-mật ấy là mẹ các Đại Bồ-tát, hay sinh các Phật và che chở Bồ-tát. Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật ấy thành tựu tất cả công đức, được các Phật pháp và Nhất thiết chủng trí nay ở chỗ nào?

Trời Đế Thích đáp:

–Trong đài cao ấy có giường lớn bằng bảy báu, trên giường lớn đặt giường nhỏ bằng bốn chất báu, Bát-nhã ba-la-mật được viết trên lá bằng vàng ròng tôn trí trên giường nhỏ ấy. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt dùng ấn bảy báu ấn lên. Chúng ta không thể mở được để cho người xem.

Lúc ấy Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cùng nữ trưởng giả và năm trăm thị nữ đem đồ cúng dường như hoa hương, chuỗi ngọc, phướn lọng chia làm hai phần: một phần cúng dường Bát-nhã ba-la-mật, một phần cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đang ngồi trên pháp tọa.

Sau khi cúng dường Bát-nhã ba-la-mật xong, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cùng các người nữ đem phần cúng dường thứ hai đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ngồi trên pháp tọa, liền vì pháp dâng đồ cúng dường lên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Các đồ cúng dường ấy hiện lên hư không, phía trên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, hóa thành đài hoa, tướng báu, lọng báu, bốn phía lọng báu treo thòng những phướn báu.

Tát-đà-ba-luân và các người nữ thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt biến hóa như vậy lòng rất vui mừng nghĩ rằng: “Thật chưa từng có. Công đức thần thông của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt là như vậy. Lúc hành đạo Bồ-tát mà năng lực thần thông đã được như vậy huống chi là lúc được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Nữ trưởng giả và năm trăm thị nữ với lòng tin thanh tịnh kính trọng Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đồng nguyện rằng:

–Như Bồ-tát Đàm-vô-kiệt được các pháp sâu xa của Bồ-tát, như Bồ-tát Đàm-vô-kiệt cúng dường Bát-nhã ba-la-mật, như Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ở trong đại chúng hiển bày giảng nói nghĩa Bát-nhã ba-la-mật, như Bồ-tát Đàm-vô-kiệt được năng lực phương tiện Bát-nhã ba-la-mật, thành tựu thần thông, đối với công việc của Bồ-tát được tự tại, chúng tôi cũng sẽ được như vậy.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và các người nữ cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và Bồ-tát Đàm-vô-kiệt rồi, đồng đánh lễ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, sau đó cùng đứng qua một phía.

Đứng qua một phía xong, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân bạch với Bồ-tát Đàm-vô-kiệt:

–Ngày trước, lúc tôi cầu Bát-nhã ba-la-mật, ở trong rừng vắng vẻ nghe tiếng nói trong không dạy rằng: “Này thiện nam, từ đây người đi về phương Đông sẽ được nghe Bát-nhã ba-la-mật.” Tôi theo lời đi về phương Đông. Chẳng bao lâu tôi nghĩ rằng sao tôi chẳng hỏi

tiếng nói trong hư không: “Tôi phải đi đến xứ nào, xa gần, nghe pháp với ai?” Tôi buồn bã khóc lóc, ở lại đó bảy ngày đêm, vì quá buồn bã nên tôi không màng ăn uống, chỉ nghĩ rằng lúc nào mình được nghe Bát-nhã ba-la-mật. Lúc tôi đang buồn bã nhất tâm niệm Bát-nhã ba-la-mật như vậy thì thấy Đức Phật hiện thân trên hư không bảo rằng: “Người chớ buông bỏ tâm đại nguyện, đại tinh tấn. Dùng tâm đại nguyện, đại tinh tấn ấy, người đi về phương Đông cách đây năm trăm do-tuần có ngôi thành tên Chúng hương, trong thành ấy có Đại Bồ-tát tên Đàm-vô-kiệt, người sẽ được nghe Bát-nhã ba-la-mật với Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, Bồ-tát ấy là Thiện tri thức nhiều đời của người, thường che chở nhà người.”

Được Đức Phật chỉ bảo xong, tôi đi về phương Đông, trong lòng chẳng nghĩ gì khác, chỉ tâm niệm bao giờ mình được thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt vì ta mà nói Bát-nhã ba-la-mật?

Lúc ấy, tôi dừng lại giữa đường, đối với tất cả pháp, tôi được sự thấy biết vô ngại, được các Tam-muội Quán các pháp tánh... hiện ra trước. Tôi trụ trong các Tam-muội ấy, thấy vô lượng, vô số chư Phật mười phương giảng nói Bát-nhã ba-la-mật. Chư Phật khen tôi: “Lành thay, lành thay! Này thiện nam! Thuở trước, lúc cầu Bát-nhã ba-la-mật, ta được các Tam-muội cũng như người hôm nay. Được các Tam-muội ấy rồi thì được các Phật pháp.” Chư Phật nói pháp và an ủi tôi xong, bỗng nhiên biến mất.

Khi xuất định, tôi nghĩ: “Chư Phật từ đâu đến và đi về đâu?” Vì không thấy chư Phật nên tôi rất buồn bã.

Tôi lại nghĩ rằng: “Bồ-tát Đàm-vô-kiệt trước đây đã cúng dường chư Phật, gieo trồng căn lành, từ lâu thực hành Bát-nhã ba-la-mật và năng lực phương tiện, đối với đạo Bồ-tát đã được tự tại, là Thiện tri thức của tôi, che chở tôi.” Tôi sẽ hỏi Bồ-tát Đàm-vô-kiệt việc ấy: “Chư Phật từ đâu đến và đi về đâu?”

Nay tôi hỏi Đại sư: “Các Đức Phật ấy từ đâu đến và đi về đâu?” Đại sư vì tôi nói chỗ Các Phật đến và đi cho tôi được biết. Tôi biết rồi cũng thường chẳng rời việc gặp các Đức Phật.

M

Phẩm 89: ĐÀM-VÔ-KIỆT

Lúc ấy, Đại Bồ-tát Đàm-vô-kiệt bảo Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Này thiện nam! Chư Phật không từ đâu đến, cũng không đi về đâu. Vì sao? Vì Như của các pháp, tướng chẳng động. Như của các pháp tức là Phật.

Pháp không sinh không đến, không đi, pháp không sinh tức là Phật.

Pháp không diệt không đến, không đi, pháp không diệt tức là Phật.

Pháp thật tế không đến, không đi, pháp thật tế tức là Phật.

Pháp không không đến, không đi, pháp không là Phật.

Pháp không nhiễm không đến, không đi, pháp không nhiễm là Phật.

Pháp vắng lặng không đến, không đi, pháp vắng lặng là Phật.

Tánh hư không chẳng đến, chẳng đi, tánh hư không là Phật.

Này thiện nam! Lìa các pháp ấy không còn có Phật. Như của chư Phật, Như của các pháp là một như, không khác nhau.

Này thiện nam! Như ấy thường một, không có hai, không có ba, ngoài các pháp số, vì không thật có.

Ví như tháng cuối xuân, giữa ngày lúc nắng nóng, có người thấy ánh nắng dợn sóng bèn đuổi theo mong tìm được nước. Ý ngài nghĩ sao? Nước ấy từ ao nào, núi nào, suối nào chảy đến, nay chảy về đâu, hoặc là chảy về biển Đông, biển Tây, biển Nam hay biển Bắc?

Tát-đà-ba-luân thưa:

–Thưa Đại sư! Trong sóng nắng còn không có nước, làm sao có được chỗ nước đến, nước đi!

–Này thiện nam! Kẻ ngu vô trí bị sự khát ép ngặt, thấy sóng nắng dợn nên tưởng là nước.

Này thiện nam! Nếu có người phân biệt chư Phật có đến có đi, phải biết các người ấy đều là kẻ ngu.

Vì sao? Này thiện nam! Chư Phật chẳng thể dùng sắc thân mà thấy được. Pháp thân chư Phật không đến, không đi, cũng không chỗ đến, chỗ đi.

Này thiện nam! Ví như nhà ảo thuật, hóa ra các thứ như voi, ngựa, bò, dê, nam, nữ. Ý ngài nghĩ sao? Việc huyền ấy từ chỗ nào đến, đi về đâu?

–Thưa Đại sư! Việc huyền không thật, làm sao có chỗ đến, chỗ đi.

–Này thiện nam! Người nào phân biệt Phật có đến, có đi cũng giống như vậy.

Này thiện nam! Ví như chiêm bao thấy voi, ngựa, bò, dê, nam, nữ. Ý ngài nghĩ sao? Cảnh vật thấy trong chiêm bao có chỗ đến chỗ đi chẳng?

–Thưa Đại sư! Cảnh vật thấy trong chiêm bao đều là luống dối, làm sao có đến, có đi.

–Này thiện nam! Nếu người phân biệt Phật có đến, có đi cũng giống như vậy.

Này thiện nam! Đức Phật nói các pháp như chiêm bao. Nếu chúng sinh nào chẳng biết pháp nghĩa ấy, cho danh tự sắc thân là Phật, thì người ấy phân biệt các Phật có đến, có đi.

Vì chẳng biết tướng thật tế của các pháp, nên đều là hạng ngu phu vô trí. Các người ấy mãi luân hồi trong năm đường, xa lìa Bát-nhã ba-la-mật, xa lìa các Phật pháp.

Này thiện nam! Đức Phật nói các pháp như huyền, như mộng. Nếu có chúng sinh nào biết đúng như thật, thì người ấy chẳng phân biệt các pháp, hoặc đến, hoặc đi, hoặc sinh, hoặc diệt. Nếu chẳng phân biệt các pháp hoặc đến, hoặc đi, hoặc sinh, hoặc diệt thì sẽ biết được thật tướng các pháp mà Đức Phật đã nói. Người ấy thực hành Bát-nhã ba-la-mật gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, gọi là đệ tử Phật chân chính, ăn dùng của tín thí chẳng uổng phí. Người ấy đáng nhận cúng dường, là ruộng phước thế gian.

Này thiện nam! Ví như biển lớn, các châu báu trong nước chẳng từ phương Đông đến, chẳng từ phương Nam đến, chẳng từ phương Tây đến, chẳng từ phương Bắc đến, cũng chẳng từ bốn góc

và trên dưới. Vì do căn lành của các chúng sinh mà biến sinh châu báu ấy. Châu báu ấy cũng chẳng phải không có nhân duyên mà sinh. Châu báu ấy đều từ nhân duyên hòa hợp mà sinh. Nếu châu báu ấy bị diệt mất, nó cũng chẳng đi đến mười phương. Các duyên hòa hợp thì có, các duyên lìa tan thì diệt.

Này thiện nam! Thân các Đức Phật cũng vậy, từ bản nghiệp nhân duyên quả báo mà sinh. Lúc sinh chẳng từ mười phương đến, lúc diệt cũng chẳng đi về mười phương. Chỉ các duyên hợp thì có, các duyên lìa thì diệt.

Này thiện nam! Ví như đàn không hầu, lúc tiếng phát ra không chỗ đến, lúc tiếng diệt không chỗ đi. Vì các duyên hòa hợp nên có tiếng. Có thùng, có da, có dây, có trụ, có cần, có người dùng tay khảy, các duyên ấy hòa hợp mà có âm thanh. Âm thanh cũng chẳng từ thùng đàn cho đến chẳng từ tay người phát ra. Các duyên hòa hợp thì có âm thanh. Lúc các duyên lìa tan, âm thanh cũng không có chỗ đi.

Này thiện nam! Thân chư Phật cũng giống như vậy, từ vô lượng công đức nhân duyên sinh ra, chẳng từ một nhân, một duyên, một công đức sinh, cũng chẳng phải không nhân duyên mà có. Vì các duyên hòa hợp nên có. Thân chư Phật chẳng riêng từ một việc mà thành. Đến không từ đâu, đi không về đâu.

Này thiện nam! Phải biết tướng đến, tướng đi của chư Phật là như vậy.

Này thiện nam! Cũng phải biết tất cả pháp không có tướng đến, đi. Nếu ông biết chư Phật và các pháp không có tướng đến, đi, sinh, diệt thì sẽ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng là thực hành Bát-nhã ba-la-mật và năng lực phương tiện.

Lúc ấy, trời Đế Thích trao hoa Mạn-đà-la cõi trời cho Bồ-tát Tát-đà-ba-luân mà nói rằng:

–Nhân giả dâng hoa này cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, tôi sẽ che chở cúng dường Nhân giả. Vì sao? Vì Nhân giả mà hôm nay có sự lợi ích lớn cho trăm ngàn muôn ức chúng sinh, khiến họ được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thưa Nhân giả! Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ấy rất khó được gặp. Vì

lợi ích cho tất cả chúng sinh mà Đại Bồ-tát ấy chịu những sự nhọc nhằn khổ sở trong vô lượng, vô số kiếp.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nhận lấy hoa Mạn-đà-la rải trên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và bạch rằng:

–Thưa Đại sư! Từ ngày hôm nay, thân tôi thuộc về Đại sư dùng để phục vụ cúng dường.

Lúc ấy, nữ trưởng giả và năm trăm thị nữ thưa với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân rằng:

–Từ nay thân chúng tôi cũng thuộc về ngài. Do gốc lành nhân duyên này, chúng tôi sẽ được pháp, cũng như ngài đã được. Chúng tôi cùng ngài đời đời cúng dường chư Phật, đời đời thường cúng dường ngài.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân bảo các người nữ:

–Các vị với tâm chí thành muốn thuộc về tôi, tôi sẽ nhận các vị.

Các người nữ thưa:

–Chúng tôi chí thành xin thuộc về ngài, tùy ngài dạy bảo.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và các người nữ đem các vật báu trang nghiêm cùng năm trăm cỗ xe bảy báu dâng lên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt mà bạch:

–Tôi đem năm trăm người nữ này cung cấp cho Đại sư, năm trăm cỗ xe này tùy Đại sư dùng.

Trời Đế Thích liền khen:

–Lành thay, lành thay! Nay Nhân giả, Đại Bồ-tát thí xả tất cả sở hữu phải như vậy. Bố thí như vậy sẽ chóng được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Cúng dường người nói pháp như vậy sẽ được nghe Bát-nhã ba-la-mật và năng lực phương tiện. Chư Phật quá khứ, lúc hành đạo Bồ-tát cũng trụ trong sự bố thí như vậy mà được nghe Bát-nhã ba-la-mật và năng lực phương tiện rồi mới được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lúc ấy, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt muốn cho Bồ-tát Tát-đà-ba-luân được căn lành đầy đủ nên nhận lấy năm trăm cỗ xe, năm trăm thị nữ

và nữ trưởng giả. Sau khi nhận lấy, vị ấy đem cho lại Bồ-tát Tát-đà-ba-luân.

Sau khi nói pháp đến khi mặt trời lặn, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt rời khỏi pháp tọa vào cung.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nghĩ: “Ta vì pháp mà đến đây, vậy ta chẳng nên ngồi nằm. Ta phải dùng hai oai nghi: hoặc đi, hoặc đứng để chờ Pháp sư từ nội cung ra nói pháp.”

Lúc ấy, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt suốt bảy năm nhất tâm nhập trong vô lượng a-tăng-kỳ Tam-muội của Bồ-tát và thực hành Bát-nhã ba-la-mật và năng lực phương tiện.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cũng trọn bảy năm đi kinh hành, hoặc đứng, chẳng ngồi, chẳng nằm, không có ngủ nghỉ, không tham dự giận hờn phiền não, lòng chẳng say đắm mùi vị, chỉ nhớ nghĩ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt bao giờ xuất định ra nói pháp.

Quá bảy năm, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nghĩ rằng: “Ta phải vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt mà lập bày pháp tọa để Ngài ngồi trên đó nói pháp. Ta phải rửa nước, quét dọn sạch sẽ, rải các thứ hoa, trang nghiêm chỗ nói pháp, vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sẽ nói Bát-nhã ba-la-mật và năng lực phương tiện.”

Lúc ấy, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cùng nữ trưởng giả và năm trăm thị nữ đặt giường bảy báu. Năm trăm người nữ đều cõi thượng y của mình trải trên pháp tọa, với ý nghĩ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sẽ ngồi trên pháp tọa này thuyết Bát-nhã ba-la-mật và năng lực phương tiện. Sắp đặt pháp tọa xong, họ tìm nước rửa đất mà không tìm được. Vì sao? Vì ác ma ngăn che làm cho nước chẳng có.

Ma nghĩ rằng: “Bồ-tát Tát-đà-ba-luân tìm nước chẳng được, đối với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác nếu sinh khởi một niệm yếu kém thì trí tuệ chẳng chiếu, căn lành chẳng lớn thêm, sẽ chậm trễ Nhất thiết trí.”

Lúc ấy, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nghĩ rằng: “Ta phải tự đâm mình lấy máu rửa đất để bụi không bay làm dơ bẩn Đại sư. Ta còn cần gì thân thể này, vì nó sẽ hư hoại. Từ vô thủy đến nay, tôi thường mất mạng mà chưa từng được pháp.”

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân liền tự đâm dao bén vào thân, dùng máu

rưới đất. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cùng nữ trưởng giả và năm trăm thị nữ đều không có tâm niệm khác, ma cũng không có dịp hại được.

Trời Đế Thích nghĩ rằng: “Thật chưa từng có, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân yêu mến chánh pháp đến như vậy. Tự đâm thân mình dùng máu rưới đất. Bồ-tát ấy cùng các người nữ tâm chẳng dao động. Ác ma Ba-tuần chẳng phá hư được căn lành của họ. Tâm họ vững chắc, phát đại trang nghiêm, chẳng tiếc thân mạng, dùng tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, sẽ độ tất cả chúng sinh khỏi vô lượng khổ sinh tử.”

Trời Đế Thích khen ngợi Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Này thiện nam! Ngài có năng lực tinh tấn bền chắc khó lay động, chẳng thể nghĩ bàn. Ngài yêu mến chánh pháp, cầu được chánh pháp rất là vô thượng.

Này thiện nam! Chư Phật thuở quá khứ cũng giống như vậy, dùng tâm tâm yêu pháp, tiếc pháp, trọng pháp, nhóm họp các công đức, được Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nghĩ rằng: “Ta đã vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt lập bày pháp tọa, quét rưới đất sạch sẽ rồi, ta phải tìm ở đâu để được hoa đẹp thơm để trang nghiêm chỗ nói pháp này. Và lúc Bồ-tát ngồi trên pháp tòa nói pháp, tôi còn phải rải hoa cúng dường.”

Biết tâm niệm Bồ-tát Tát-đà-ba-luân, trời Đế Thích liền trao ba ngàn giỏ hoa Mạn-đà-la cõi trời cho Bồ-tát Tát-đà-ba-luân.

Được hoa rồi, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân dùng phân nửa số hoa rải đất, còn phân nửa số hoa chờ lúc Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ra ngồi thuyết pháp sẽ cúng dường.

Lúc ấy, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nhập Tam-muội quá bảy năm mới xuất, vì nói Bát-nhã ba-la-mật nên cùng vô lượng trăm ngàn muôn chúng cung kính vây quanh đến ngồi trên pháp tòa.

Lúc thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân rất vui mừng như Tỳ-kheo nhập vào Thiền thứ ba, nên cùng nữ trưởng giả và năm trăm thị nữ đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt rải hoa cúng dường, đầu mặt đánh lễ, rồi ngồi qua một phía.

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt thấy đại chúng đã ngồi, bèn bảo Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Này thiện nam, lắng nghe và ghi nhận kỹ! Vì ông tôi sẽ nói tướng Bát-nhã ba-la-mật. Này thiện nam! Vì các pháp bình đẳng nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng bình đẳng. Vì các pháp lia nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng lia. Vì các pháp bất động nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng bất động. Vì các pháp vô niệm nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô niệm. Vì các pháp không sợ hãi nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng không sợ hãi. Vì các pháp một vị nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng một vị. Vì các pháp vô biên nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên. Vì các pháp không sinh nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng không sinh. Vì các pháp không diệt nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng không diệt. Vì hư không vô biên nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên. Vì nước biển lớn vô biên nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên. Vì núi Tu-di trang nghiêm nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng trang nghiêm. Vì hư không chẳng phân biệt nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng chẳng phân biệt. Vì sắc vô biên nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên. Vì thọ, tướng, hành, thức vô biên nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên. Vì địa chủng vô biên nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên. Vì thủy chủng, hỏa chủng, phong chủng vô biên nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên. Vì không chủng vô biên nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô biên. Vì như Kim cang bình đẳng nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng bình đẳng. Vì các pháp không phân biệt nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng không phân biệt. Vì các tánh không thật có nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng không thật có. Vì các pháp không thật có bình đẳng nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng không thật có, bình đẳng. Vì các pháp vô tác nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng vô tác. Vì các pháp không thể nghĩ bàn nên phải biết Bát-nhã ba-la-mật cũng không thể nghĩ bàn.

Liền lúc ấy, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân ở tại chỗ ngồi được các Tam-muội, đó là Tam-muội Chư pháp đẳng, Tam-muội Chư pháp ly, Tam-muội Chư pháp vô úy, Tam-muội Chư pháp nhất vị, Tam-muội Chư pháp vô biên, Tam-muội Chư pháp không sinh, Tam-muội Pháp không diệt, Tam-muội Hư không vô biên, Tam-muội Đại hải thủy

vô, Tam-muội Tu-di núi trang nghiêm biên, Tam-muội Hư không không phân biệt, Tam-muội Sắc vô biên, Tam-muội Thọ, tướng, hành, thức vô biên, Tam-muội Địa chủng vô biên, Tam-muội Thủy, hỏa, phong không chủng vô biên, Tam-muội Như kim cương đẳng, Tam-muội Chư pháp vô phân biệt, Tam-muội Chư pháp chẳng thể nghĩ bàn. Được sáu trăm vạn môn Tam-muội như vậy.

Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Như hôm nay trong tam thiên đại thiên thế giới ta có các vị Tăng Tỳ-kheo vây quanh, lấy tướng mạo ấy, lấy hiện tượng ấy, lấy danh tự ấy mà nói Bát-nhã ba-la-mật.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân được sáu trăm muôn môn Tam-muội ấy, thấy trong đại thiên thế giới ở khắp mười phương hằng sa chư Phật cùng các vị Tăng Tỳ-kheo cung kính vây quanh, lấy tướng mạo như vậy, lấy hiện tượng như vậy, lấy danh tự ấy nói mà được đại Bát-nhã ba-la-mật ấy, cũng giống như vậy.

Từ thuở ấy về sau, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân học rộng trí tuệ chẳng nghĩ bàn được như nước trong biển lớn, thường chẳng lìa các Đức Phật, sinh ở cõi nước có Phật, cho đến trong giấc mơ cũng chẳng có lúc nào chưa từng thấy Phật, tất cả các nạn thủy đều dứt, được sinh về cõi Phật tùy theo nguyện.

Này Tu-bồ-đề! Phải biết nhân duyên Bát-nhã ba-la-mật ấy có công năng thành tựu tất cả công đức cho Đại Bồ-tát, được Nhất thiết chủng trí.

Này Tu-bồ-đề! Vì thế nên các Đại Bồ-tát nếu muốn học sáu pháp Ba-la-mật, muốn thâm nhập trí tuệ của các Đức Phật, muốn được Nhất thiết chủng trí thì phải thọ trì Bát-nhã ba-la-mật ấy, đọc tụng ghi nhớ kỹ, vì người mà giảng nói rộng và biên chép kinh này, tôn trọng khen ngợi cúng dường hương hoa cho đến âm nhạc. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật là mẹ của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại ở mười phương. Chư Phật mười phương đều tôn trọng Bát-nhã ba-la-mật.

M

Phẩm 90: CHÚC LỤY

Bấy giờ, Phật bảo Tôn giả A-nan:

–Này A-nan! Ý ông nghĩ sao? Đức Phật có phải là Đại sư của ông chăng? Còn ông có phải là đệ tử của Phật chăng?

Tôn giả A-nan thưa:

–Bạch Đức Thế Tôn! Đức Phật là Đại sư của con. Đấng Thiện Thệ là Đại sư của con, con là đệ tử của Phật.

–Đúng vậy, Đức Phật là Đại sư của ông, ông là đệ tử của Phật. Nếu như việc phải làm của đệ tử thì ông đã làm rồi.

Này A-nan! Ông dùng nghiệp thân, khẩu, ý nhân từ cúng dường, hầu hạ Phật, cũng thường đúng theo ý Phật, không có trái lỗi.

Này A-nan! Đối với thân ta trong hiện tại, ông đã ái kính, cúng dường, cung cấp, hầu hạ, tâm ông thường thanh tịnh. Sau khi ta diệt độ, tất cả sự yêu kính, cúng dường, cung cấp ấy ông phải dành cho Bát-nhã ba-la-mật. Cho đến lần thứ hai, lần thứ ba, Đức Phật chúc lụy Bát-nhã ba-la-mật cho ông.

Này A-nan! Ông chớ có quên, chớ để mất, chớ làm người cuối cùng dứt mất hạt giống giác ngộ.

Này A-nan! Chừng nào Bát-nhã ba-la-mật còn ở thế gian thì phải biết là chừng ấy còn có Phật ở đời nói pháp.

Này A-nan! Nếu có ai biên chép Bát-nhã ba-la-mật, rồi thọ trì, đọc tụng, ghi nhớ, rộng giảng nói cho người nghe, dùng các thứ hoa hương, phướn lọng, vải quý, đèn đuốc, cung kính, tôn trọng, khen ngợi, cúng dường, phải biết người ấy thường thấy Phật, thường nghe pháp, thường ở gần Phật.

Phật nói Bát-nhã ba-la-mật rồi, các Đại Bồ-tát như Bồ-tát Di-lặc..., Tuệ mạng Tu-bồ-đề, Tuệ mạng Xá-lợi-phất, Đại Mục-kiền-liên, Ma-ha Ca-diếp, Phú-lâu-na Di-đa-la-ni Tử, Ma-ha Câu-si-la, Ma-ha Ca-chiên-diên, A-nan... cùng tất cả đại chúng và tất cả thế gian, các vị Trời, Người, Càn-thát-bà, A-tu-la... nghe lời Phật dạy đều rất vui mừng.



SỐ 224

KINH ĐẠO HÀNH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

*Hán dịch: Đời Hậu Hán, Tam tạng Pháp sư Chi-lâu-ca-sám,
người nước Nhục Chi.*

QUYỂN 1

Phẩm 1: ĐẠO HÀNH

Đức Phật ngự trong núi Kỳ-xà-quật gần thành La-duyệt-kỳ cùng với các vị đại Tỳ-kheo đông không kể xiết. Các đệ tử như Tôn giả Xá-lợi-phất, Tu-bồ-đề... và vô số các vị Đại Bồ-tát như Bồ-tát Di-lặc, Bồ-tát Văn-thù-sư-lợi...

Bấy giờ nhằm ngày rằm thuyết giới, Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Hôm nay là ngày hội lớn của Bồ-tát, ông hãy thuyết pháp Bát-nhã ba-la-mật cho các Bồ-tát để họ tu học.

Xá-lợi-phất thâm nghĩ: “Hôm nay nếu Tôn giả Tu-bồ-đề thuyết pháp Bát-nhã ba-la-mật cho các Bồ-tát thì đó là do tự sức của Tôn giả hay là nhờ oai thần của Phật?”

Tu-bồ-đề biết ý nghĩ của Xá-lợi-phất, liền nói với Xá-lợi-phất:

–Đệ tử của Phật đâu dám tự ý thuyết pháp, pháp được tuyên thuyết đều nhờ vào oai thần của Phật. Vì sao? Vì pháp Phật nói, y vào đó tu học đều có chứng đắc. Rồi đều y theo pháp ấy lần lượt truyền dạy cho nhau để đều được chứng đắc. Trong Chánh pháp, không bao giờ có tranh cãi. Vì sao? Vì lúc nghe thuyết pháp không

ai tự cảm thấy không thích thú. Thiện nam, thiện nữ nên theo đó mà tu học.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Phật bảo con thuyết pháp Bát-nhã ba-la-mật cho các Bồ-tát. Bồ-tát phải theo pháp này tu học để được thành tựu. Phật bảo con nói với Bồ-tát nhưng với Bồ-tát mà có danh tự tức là chấp trước vào Bồ-tát. Có danh tự tức chẳng phải là danh tự, thì làm sao trong pháp này có danh tự gọi là Bồ-tát, mà thật ra hoàn toàn không thấy có pháp gọi là Bồ-tát. Pháp Bồ-tát và danh tự Bồ-tát hoàn toàn không có, cũng không thấy có Bồ-tát, cũng không thấy có pháp của Bồ-tát thì làm sao có Bồ-tát để dạy Bát-nhã ba-la-mật! Bồ-tát nghe nói pháp Bát-nhã ba-la-mật này mà tâm không chán ngán, không kinh, không khiếp, không ghét, không sợ thì Bồ-tát phải nghĩ là học như thế, phải nghĩ là trụ như thế. Hễ người vào trong pháp này, thì tâm chẳng nên nghĩ mình là Bồ-tát. Vì sao? Vì có tâm tức là chẳng phải tâm.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

– Vì sao có tâm tức là chẳng phải tâm?

Tu-bồ-đề đáp:

– Vì tâm cũng chẳng có, cũng chẳng không, cũng chẳng thật có, cũng chẳng biết được chỗ trụ.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

– Vì sao tâm cũng chẳng có, cũng chẳng không, cũng chẳng thật có, cũng chẳng biết được chỗ trụ. Như vậy cũng chẳng có, cũng chẳng không, cũng chẳng có “có tâm”, cũng chẳng không “không tâm”?

Tu-bồ-đề nói:

– Đúng thế, cũng chẳng có “có tâm”, cũng chẳng không “không tâm”.

Xá-lợi-phất khen:

– Hay thay, Tu-bồ-đề! Người học vì muốn thành Phật mà học Phật thì không thể không nghe nói đến bậc trụ trí tuệ thân không (Tu-bồ-đề), vì Tôn giả là người bậc nhất thuyết pháp về trí tuệ thân không. Bồ-tát từ trong pháp này được không thoái chuyển (A-đuy-

việt trí). Người nào học pháp Không này thì chẳng bao giờ còn đánh mất Bát-nhã ba-la-mật. Như vậy là do Bồ-tát đã trụ trong Bát-nhã ba-la-mật. Người muốn học pháp A-la-hán thì phải nghe Bát-nhã ba-la-mật, phải học tập, phải thọ trì. Người muốn học pháp Bích-chi-phật thì phải nghe Bát-nhã ba-la-mật, phải học tập, phải thọ trì. Người muốn học pháp Bồ-tát thì phải nghe Bát-nhã ba-la-mật, phải học tập, phải thọ trì. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu nên Bồ-tát cần phải học.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Con nghĩ kỹ, vì tâm của Bồ-tát chẳng thật có, cũng chẳng thể biết chỗ trụ, cũng chẳng thể thấy nó ở đâu, cho nên Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát chẳng thể nói, danh tự Bồ-tát cũng chẳng thể nói. Bồ-tát không có chỗ trụ, hoàn toàn không thật có, cũng không ra, cũng không vào, cũng không trụ, cũng không dừng. Vì sao? Vì danh tự Bồ-tát hoàn toàn không thật có, không trụ, không dừng. Bồ-tát nghe nói Bát-nhã ba-la-mật-đa như thế, tâm không chán ngán, không kinh, không khiếp, không ghét, không sợ. Vì bước vào quả vị không thoái chuyển nên biết không còn lui sụt.

Bồ-tát tu thực hành Bát-nhã ba-la-mật không trụ trong sắc, không trụ trong thống dương (thọ), tư tưởng, sinh tử (hành), thức. Vì sao? Vì trụ trong sắc là tu hành bằng vọng thức, trụ trong thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức là tu hành bằng vọng thức. Chẳng nên tu hành bằng vọng thức. Nếu trụ trong đó, nghĩa là chẳng tuân theo lời dạy của Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì tu hành bằng vọng thức, nên chẳng tu thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát chẳng tu thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì chẳng đắc trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát phải tu thực hành Bát-nhã ba-la-mật như thế nào để đắc Bát-nhã ba-la-mật?

Tu-bồ-đề đáp:

–Bồ-tát tu thực hành Bát-nhã ba-la-mật không chấp sắc, không chấp thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức. Chẳng chấp sắc tức là không sắc, chẳng chấp thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức tức là không có thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức. Cả Bát-nhã ba-la-mật

cũng không chấp. Vì sao không chấp? Vì như bóng không thật có, không thật có nên không chấp. Bồ-tát tu thực hành Bát-nhã ba-la-mật, không chấp tất cả danh tự, vì thế Tam-muội không có hai bên, không có chính giữa. Các bậc A-la-hán, Bích-chi-phật không thể sánh bằng.

Lại nữa Xá-lợi-phất! Bồ-tát không chấp trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì Bồ-tát không nên mang ý tưởng thấy trí Nhất thiết trí, dù nghĩ muốn thấy cũng không bao giờ thấy được, thì cũng như đạo nhân khác chẳng tin trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì họ chấp có thân. Giả sử vị đạo nhân ấy tin Phật. Tin Phật rồi, phản lại tiểu đạo để vào trong Phật đạo. Hễ vào trong Phật đạo rồi thì người ấy chẳng còn chấp, nghĩa là chẳng chấp sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức. Chẳng chấp rồi nhưng cũng chưa hiểu, vẫn chưa thành tựu, cũng chẳng thấy trí này, nghĩa là chẳng thấy trí này ở nơi sắc bên trong, cũng chẳng thấy trí này ở nơi sắc bên ngoài, cũng chẳng thấy trí này ở chỗ khác, cũng chẳng thấy trí này ở nơi thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức bên trong, cũng chẳng thấy trí này ở nơi thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức bên ngoài, cũng chẳng thấy trí này ở chỗ khác, cũng chẳng nhờ pháp khác mà được giải thoát. Vì học được Phật pháp mới rõ biết là nhờ pháp này mà được giải thoát, rồi cho rằng: Pháp này đồng với Nê-hoàn. Bồ-tát chớ làm như thế, đừng thấy pháp từ bên trong, bên ngoài, rồi nói là đồng với Bát-nhã ba-la-mật. Tất cả đều không nhận theo thì ai là người đắc pháp, không nắm không buông, cũng không có ý tưởng về Nê-hoàn, vì thế Bồ-tát cũng không chấp cả Bát-nhã ba-la-mật, cũng không chấp sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức, cũng chẳng ở giữa chừng mà Bát-nê-hoàn thì ắt đầy đủ mười Lực, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng của Phật. Bồ-tát đã tu thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì phải thấy điều gì? Và Bát-nhã ba-la-mật này trụ ở đâu? Pháp Bát-nhã ba-la-mật này hoàn toàn không thật có, hoàn toàn không thể biết chỗ trụ, thế nên Bồ-tát phải nghĩ rằng: “Bồ-tát nào nghe Bát-nhã ba-la-mật này mà không chán ngán, không kinh, không hãi, không ghét, không sợ thì biết Bồ-tát ấy không lừa Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát cần phải biết rõ như vậy.”

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát do đâu hiểu Bát-nhã ba-la-mật? Có phải là do sắc là ngay nơi sắc; thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức là ngay nơi thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức; Bát-nhã ba-la-mật là chính Bát-nhã ba-la-mật hay không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Đúng thế!

Xá-lợi-phất khen:

–Hay thay, Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát là các pháp ấy thì liền tự đạt đến trí Nhất thiết trí.

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng thế! Bồ-tát là các pháp ấy liền tự đạt đến trí Nhất thiết trí. Vì sao? Vì trí Nhất thiết trí không từ đâu sinh, cũng không từ đâu ra. Bồ-tát như vậy mau gần thành Phật. Bồ-tát tu thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì không ngăn cách với trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi-phất nói:

–Vị Bồ-tát tinh tấn nói như vậy: Nếu như hành sắc tức là hành tướng (chấp tướng), sinh sắc hành tức là hành tướng, quán sắc hành tức là hành tướng, diệt sắc hành tức là hành tướng, không sắc hành tức là hành tướng, thức hành lập ra vì muốn thủ đắc, ấy là hành tướng, hành thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức tức là hành tướng, sinh thức hành tức là hành tướng, quán thức hành tức là hành tướng, diệt thức hành tức là hành tướng, không thức hành tức là hành tướng. Bồ-tát này vì hành tướng và chấp lấy cái hành ấy nên chẳng thấu giữ được Bát-nhã ba-la-mật, nghĩa là chẳng thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Nếu Bồ-tát muốn thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì đừng có hành tướng (chấp tướng).

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật như thế nào?

Tu-bồ-đề đáp:

–Chẳng hành sắc, chẳng sinh hành, chẳng quán sắc hành, chẳng diệt sắc hành, chẳng không sắc hành, chẳng hành thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng sinh thức hành, chẳng quán thức

hành, chẳng diệt thức hành, chẳng không thức hành. Chẳng hành sắc, chẳng hành sắc tưởng, chẳng hành sắc sinh, chẳng hành sắc quán, chẳng hành thức diệt, chẳng hành thức không, cũng không chấp, cũng không hành, cũng không chấp hành, không chấp không hành, không cũng không hành, cũng không đình chỉ hành, như vậy là không chấp. Vì sao? Vì tất cả pháp không từ đâu đến cũng không bị mang đi đâu. Đại Bồ-tát không chấp danh tự đối với tất cả pháp danh tự, vì thế Tam-muội không có hai bên, không có chính giữa, các vị A-la-hán, Bích-chi-phật không thể biết đến. Đại Bồ-tát tu theo Tam-muội này chóng được thành Phật.

Tu-bồ-đề nương nhờ oai thần của Phật nói lời này:

–Bồ-tát đều được mang danh tự không thoái chuyển, được Đức Phật quá khứ thọ ký thành Phật, tu theo Tam-muội này, nhưng cũng chẳng chấp Tam-muội, cũng chẳng có ý tưởng về Tam-muội, cũng chẳng cho là Tam-muội, cũng chẳng nhớ về Tam-muội, cũng chẳng nghĩ là trụ Tam-muội, cũng chẳng nói là Tam-muội của tôi. Người đã tu theo pháp này thì không có nghi.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Làm thế nào để tu theo Tam-muội này? Bồ-tát đã được mang danh tự không thoái chuyển, được Đức Phật quá khứ thọ ký thành Phật có thể thấy được chỗ trụ của Tam-muội này không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Không thể thấy được. Nay Xá-lợi-phất! Thiện nam tử cũng chẳng biết cũng chẳng hiểu.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Vì sao chẳng biết, chẳng hiểu?

Tu-bồ-đề đáp:

–Cũng không đắc Tam-muội, cũng không có Tam-muội, cũng không có danh tự Tam-muội.

Đức Phật dạy:

–Hay thay, này Tu-bồ-đề! Như ta đã nói ông là người khéo trụ nơi trí tuệ thân không. Ông nói như thế là vì các Bồ-tát, là vì thuận theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát học như thế tức là học Bát-nhã ba-la-mật.

Xá-lợi-phất bạch Đức Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bồ-tát học như thế tức là học Bát-nhã ba-la-mật.

Xá-lợi-phất hỏi Đức Phật:

–Học như thế là học pháp nào?

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát học như thế là học pháp không có gì để học. Vì pháp vô sở đắc, đừng ngu si như trẻ con học.

Xá-lợi-phất thưa:

–Ai có thể đắc pháp này?

Đức Phật dạy:

–Không có đắc, do thế mà đắc pháp vô sở đắc. Đừng ngu si như trẻ con học, cho rằng có giả danh thì chẳng thể đắc mà muốn học tập pháp này thì đúng là mang hai lớp ngu si, cũng chẳng biết, cũng chẳng hiểu, cũng chẳng rõ pháp. Vì sao? Vì học danh tự cũng là sắc, vì muốn đắc pháp này thế nên không rõ pháp sở niệm, cũng chẳng chứng pháp này, vì không hiểu, không tin nên không trụ trong pháp này, rồi nói là có thân, vì thế ngu si như trẻ con học.

Xá-lợi-phất bạch Đức Phật:

–Bồ-tát học như thế là chẳng học pháp nào cả!

Đức Phật dạy:

–Học như thế là chẳng học pháp nào cả! Phật chẳng học như thế mới chính là học, nên Phật được thành Phật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nếu có người hỏi: Người huyễn hóa có tu học thì họ có thể chứng đắc Phật quả và thành Phật không? Hoặc hỏi phải lấy pháp nào để chỉ dạy họ?

Đức Phật dạy:

–Ta hỏi lại ông, tùy ý ông đáp. Nay Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, huyễn cùng sắc có khác nhau không, huyễn cùng với thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức có khác nhau không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, vâng! Huyễn không khác sắc.

Sắc là huyễn, huyễn là sắc. Huyền không khác thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức.

Đức Phật dạy:

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông thế nào, có phải là theo năm ấm khởi vọng tưởng không đúng pháp đặt ra giả danh Bồ-tát không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng thế, bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bồ-tát tu học muốn thành Phật chỉ cần học huyễn mà thôi. Vì sao? Vì người huyễn phải tu học pháp huyễn, nghĩa là phải tu học năm ấm sắc thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức như huyễn, sáu suy (sáu căn) như huyễn, nói là chỉ có giả danh, gọi là năm ấm, sáu suy.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Có Bồ-tát mới học nào nghe lời dạy này mà không sợ hãi chẳng?

Đức Phật dạy:

–Nếu Bồ-tát mới học mà gặp phải thầy ác và theo học với thầy ác thì có sợ hãi. Còn nếu Bồ-tát mới học gặp được thầy lành và theo học với thầy lành thì không sợ hãi.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Ai là thầy ác của Bồ-tát? Và làm sao biết được?

Đức Phật dạy:

–Thầy ác là người không tôn trọng Bát-nhã ba-la-mật, bảo người lìa bỏ tâm Bồ-tát, trở lại dạy học các tạp kinh, ưa thích các tạp kinh, còn dạy học các kinh nói về đạo pháp A-la-hán, Bích-chi-phật và khuyến khích đọc tụng. Hoặc nói việc ma, ma, nhân đó làm hư hỏng Bồ-tát. Hoặc đem những nỗi nhọc nhằn khổ sở trong sinh tử nói ra để chứng tỏ đạo Bồ-tát không thật có.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Ai là thầy lành của Bồ-tát? Làm sao biết được?

Đức Phật dạy:

–Thầy lành là người tôn trọng Bát-nhã ba-la-mật, luôn luôn dạy người khiến cho việc học thành tựu và nói việc ma để Bồ-tát hiểu biết mà phòng hộ.

Tu-bồ-đề thưa hỏi Phật:

– Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì sao gọi là Bồ-tát? Thế nào là đúng nghĩa Bồ-tát?

Đức Phật dạy:

– Người nào học và hiểu biết các kinh pháp, biết rõ hết các kinh pháp, thì được gọi là Bồ-tát.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Người hiểu biết rành rẽ hết các kinh pháp nên được gọi là Bồ-tát. Vì sao còn gọi là Ma-ha-tát?

Đức Phật dạy:

– Ma-ha-tát nghĩa là bậc cao quý nhất trong hàng trời, người.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Con cũng thích nghe nói vì sao gọi là Ma-ha-tát?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

– Nếu ông thích nghe, Phật sẽ vì ông nói. Ma-ha-tát nghĩa là người tự thấy rõ hết, tự biết rõ hết mọi điều ở khắp mười phương của người trong thiên hạ, biết tuổi thọ của người, biết có ác hay không ác, vui hay không vui, có chí hay không chí, hiểu rõ căn tánh của họ mà thuyết pháp nhưng không chấp trước, thế nên gọi là Ma-ha-tát.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Con xin hỏi về Ma-ha-tát. Vì sao gọi là Ma-ha-tát? Giả sử tâm Bồ-tát này không có ai sánh bằng, không có tâm nào có thể bì kịp thì tâm của các vị A-la-hán, Bích-chi-phật không thể sánh bằng. Tâm Phật cũng vậy, là tâm không chấp trước, tâm không ra, không vào. Nếu tâm Phật không ra, không vào là tâm không chấp trước, nên được gọi là Ma-ha-tát, cao tột không có ai sánh bằng.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

– Vì sao tâm của Bồ-tát không chấp trước?

Tu-bồ-đề đáp:

– Vì tâm không sinh nên không chấp trước?

Bân-kỳ-văn-đà-phất (Mãn Từ Tử) bạch Phật:

– Vì sao gọi Bồ-tát vì mọi người mà mặc áo giáp đại công đức phát tâm hướng đến Đại thừa?

Phật nói:

–Đúng thế! Bồ-tát vì mọi người mà mặc áo giáp đại công đức, phát tâm hướng đến Đại thừa.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Vì sao Bồ-tát vì mọi người mà mặc áo giáp đại công đức? Do đâu mà biết Đại Bồ-tát vì mọi người mà mặc áo giáp đại công đức?

Đức Phật dạy:

–Tâm của Đại Bồ-tát nghĩ thế này: “Ta phải độ vô lượng, vô biên người khiến cho họ đều Bát-nê-hoàn. Bát-nê-hoàn như thế mà trong pháp ấy không thấy có một người nào được Bát-nê-hoàn. Vì sao? Vì vốn là không. Ví như nhà huyền thuật biến hóa ra hai tòa thành lớn ở chỗ đất trống và biến hóa ra người đầy trong thành, rồi chặt đầu hết những người được biến hóa ra ấy. Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao, trong hai thành đó, có người bị tử thương chăng?”

Tu-bồ-đề đáp:

–Bạch Thế Tôn, không!

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát độ vô lượng, vô biên người, khiến họ đều Bát-nê-hoàn mà không thấy có một người nào được Bát-nê-hoàn. Bồ-tát nào nghe lời nói này mà không kinh, không sợ, không giận, không bỏ đi theo đạo khác, thì biết đó là Bồ-tát vì mọi người mà mặc áo giáp đại công đức.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Như con đã được nghe lời Phật dạy, con nghĩ: “Bồ-tát không vì mọi người mà mặc áo giáp đại công đức. Vì sao? Bồ-tát làm như thế, vì trí Nhất thiết trí không tạo tác, mọi người cũng không tạo tác, thì Bồ-tát vì ai mà mặc áo giáp đại công đức! Sắc không nhiễm, không buộc, không mở.

Bân-kỳ-văn-đà-phát hỏi Tu-bồ-đề:

–Sắc không nhiễm, không trói, không mở; thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng không nhiễm, không trói, không mở là nghĩa gì?

Tu-bồ-đề đáp:

– Sắc không nhiễm, không trói, không mở; thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng không nhiễm, không trói, không mở.

Bân-kỳ-văn-đà-phất hỏi:

– Thế nào là sắc không nhiễm, không trói, không mở? Thế nào là thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng không nhiễm, không trói, không mở?

Tu-bồ-đề nói với Bân-kỳ-văn-đà-phất:

– Vì sắc như huyễn nên không nhiễm, không trói, không mở. Vì thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức như huyễn nên không nhiễm, không trói, không mở. Vì vô biên nên không nhiễm, không trói, không mở, ví như hư không không nhiễm, không trói, không mở. Thế nên Đại Bồ-tát mặc áo giáp đại công đức.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Vì sao phát tâm hướng đến Đại thừa? Thế nào là Đại thừa? Đại thừa trụ ở đâu? Đại thừa từ đâu ra? Ai là người thành tựu Đại thừa?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Đại thừa không có chính giữa, không có hai bên.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

– Con muốn biết Đại thừa từ đâu ra? Từ ba cõi mà ra và trụ vào trí Nhất thiết trí hay cũng không từ trong ba cõi sinh ra, không có sinh ra lại ở vị lai. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì sao?

Đức Phật dạy:

– Nếu đã sinh ra rồi mà vị lai còn sinh lại nữa thì thành ra có hai pháp. Giả sử có hai pháp thì không thật có pháp Đại thừa. Nếu không đắc pháp Đại thừa thì do pháp nào mà đi ra khỏi ba cõi.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đại thừa có nghĩa là người nào trụ trong ấy thì trong trời người không có ai sánh bằng. Đại thừa rộng lớn bằng hư không. Như hư không che chở vô lượng, vô số người, Đại thừa cũng che chở vô lượng, vô số người, nên gọi là Đại thừa. Đại thừa nghĩa là chẳng thấy có đến, cũng chẳng thấy có đi, cũng chẳng thấy chỗ trụ, cũng chẳng thấy có chính giữa và hai bên, cũng

chẳng thuộc thấy nghe, cũng không phải là đối tượng để thấy, cũng không thấy ở ba cõi. Bạch Đức Thiên Trung Thiên, vì thế cho nên gọi là Đại thừa.

Đức Phật dạy:

–Hay thay, này Tu-bồ-đề! Vì thế gọi là Đại thừa.

Bân-kỳ-văn-đà-phất bạch Phật:

–Đức Phật bảo Tôn giả Tu-bồ-đề thuyết Bát-nhã ba-la-mật, nhưng nay vì sao Tôn giả lại nói Đại thừa?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Tu-bồ-đề nói các nghĩa của Đại thừa phải chẳng không trái với Bát-nhã ba-la-mật?

Đức Phật dạy:

–Nếu nói các nghĩa Đại thừa không trái với Bát-nhã ba-la-mật là nói đúng với Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bồ-tát cũng không nghĩ quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì sắc vô biên nên Bồ-tát cũng vô biên. Sắc cùng với Bồ-tát không thể nắm, không thể bắt. Tất cả Bồ-tát không thể nắm, không thể bắt, thì chỗ nào là Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát? Phải từ đâu mà nói Bồ-tát đều không thể thấy, cũng không thể biết chỗ nơi? Phải từ đâu mà nói Bát-nhã ba-la-mật khiến Bồ-tát được gọi trở lại là Bồ-tát?

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Tại sao nghĩ rằng chỉ là giả danh mà thôi? Thế nào là ý? Ý không có chỗ nơi, ý không có hình tướng hay ý vốn là pháp có hình tướng. Thế nào là sắc? Sắc chẳng thể được thấy, cũng không có thân thì trong pháp này chỗ nào có sắc! Thống dương, tứ tượng, sinh tử, thức chẳng thể được thấy, Bồ-tát cũng chẳng thể được thấy. Bồ-tát và thức (năm ấm) hoàn toàn không biết chỗ nơi cũng chẳng thể thấy. Tất cả Bồ-tát hoàn toàn không có chỗ nơi, hoàn toàn không thể thấy, thì chỗ nào là Bát-nhã ba-la-mật của Bồ-tát? Như vậy nói Bồ-tát đều chẳng thể được thấy, cũng chẳng thể biết chỗ nơi, hoàn toàn không thật có thì phải từ trong pháp nào mà thuyết Bát-nhã ba-la-mật, thế nên giả danh gọi là Bồ-tát.

–Đúng thế, đúng thế! Tưởng về giả danh cũng không có, giả danh cũng không có tưởng thì chỗ nào là ý? Cái gì được đặt tên là ý? Đến chỗ gốc thì ý này sinh, ý thì không có tưởng, do đâu mà biết thức không thật có. Nắm đến gốc thì cũng không có đối tượng bị nắm thì do đâu có thức? Tưởng của pháp như thế, tưởng cũng không có gốc. Nếu như tưởng không có gốc thì pháp cũng không có ai tạo tác, cũng không có gốc. Pháp vốn không có gốc thì từ đâu mà thuyết pháp. Bát-nhã ba-la-mật cũng không khác, cũng không có gốc. Pháp của Bồ-tát cũng vô sở đắc. Nếu có người nào hành đạo Bồ-tát, nghe lời nói này mà không kinh, không sợ, không ghét, thì biết đó chính là người thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Người thực hành Bát-nhã ba-la-mật cần phải suy nghĩ chín chắn như vậy. Ngay lúc ấy chẳng nhập vào sắc. Vì sao? Vì sắc không sinh tức là chẳng phải sắc. Nếu như vậy chẳng phải sắc tức là không có sắc, cũng không có sinh. Từ trong pháp này mà vô sở đắc thì gọi là bốn vô (chân như) ở trong pháp sắc. Bốn vô này là pháp mà Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật phải nhận thấy, là pháp mà Bồ-tát phải tư duy thâm nhập. Bấy giờ Bồ-tát cũng không nhập vào thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức. Vì sao? Vì thức không sinh tức là chẳng phải thức, cũng chẳng ra từ trong thức, cũng chẳng vào từ trong thức. Pháp này hoàn toàn không thật có.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Tôi nghe Tôn giả thuyết pháp, nói rằng Bồ-tát hoàn toàn chẳng sinh. Nếu Bồ-tát hoàn toàn chẳng sinh thì Bồ-tát đâu cần tu các hạnh khổ của đạo Bồ-tát, đâu cần vì mọi người ở khắp mười phương mà tu các hạnh khổ khó làm?

Tu-bồ-đề đáp lời Xá-lợi-phất:

–Tôi cũng không cho rằng có Bồ-tát tu các hạnh khổ khó làm. Lúc hành đạo Bồ-tát, Bồ-tát tự nghĩ: “Ta không xem đây là hạnh khổ khó làm.” Vì sao? Vì tâm Bồ-tát chẳng nên nghĩ rằng: “Ta nhẫn chịu các khổ khó làm.” Tâm Bồ-tát chưa từng có ý nghĩ như thế và cũng đừng nên nghĩ như thế. Vì muốn làm cho vô lượng, vô số người an ổn nên nghĩ họ như cha, như mẹ, như con, như bản thân không khác, thường nên xót thương nghĩ đến họ. Bồ-tát phải gìn

giữ tâm như thế. Tất cả Bồ-tát chẳng thấy, cũng chẳng biết chỗ nơi. Pháp bên trong, pháp bên ngoài cũng vậy. Phải nghĩ như thế, phải làm như thế. Bồ-tát làm như thế chẳng cho là nhẫn chịu các khổ. Nay Xá-lợi-phất, giả sử nói như thế, thì chẳng thấy Bồ-tát có sinh, vì Bồ-tát thì không sinh.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Giả sử Bồ-tát không sinh, trí Nhất thiết trí cũng không sinh.

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng thế, trí Nhất thiết trí không sinh.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Giả sử nói như thế về Bồ-tát, nghĩa là Bồ-tát chẳng thấy sinh vì Bồ-tát không sinh.

Xá-lợi-phất nói tiếp với Tu-bồ-đề:

–Giả sử Bồ-tát không sinh thì trí Nhất thiết trí cũng không sinh.

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng thế, trí Nhất thiết trí không sinh.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Giả sử trí Nhất thiết trí không sinh cho đến đắc Thiền cũng không sinh.

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng thế, cho đến đắc Thiền cũng không sinh.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Trong pháp này, Bồ-tát không sinh. Vì Bồ-tát không sinh nên trí Nhất thiết trí cũng không sinh. Vì pháp trí Nhất thiết trí không sinh, nên cho đến đắc Thiền đầy đủ cũng không sinh. Cho đến đắc pháp Thiền cũng không sinh, ấy là Bồ-tát vô sở đắc, là trí Nhất thiết trí vô sở đắc.

Tu-bồ-đề nói:

–Pháp không sinh đắc không sinh, cũng đắc pháp không sinh, cũng chẳng phải không đắc không sinh.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Giả sử chẳng phải không có không sinh đắc pháp không sinh, vì thế nên đắc pháp không sinh.

Tu-bồ-đề nói:

–Giả sử pháp không sinh mà sinh thì lại chẳng phải là không sinh, vì thế nên đấng không sinh.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Giả sử không sinh chẳng phải là không sinh, thế nên, thưa Tôn giả, không sinh mới là không sinh.

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất:

–Không sinh là không sinh khởi sự thích nghe. Này Xá-lợi-phất! Không sinh sự ưa thích nên gọi là thích.

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất:

–Không khởi sự sinh nghe tức là nghe.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Nghe lời nói đó.

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất:

–Chẳng phải không có lời nói, ấy là nói mà không nói, ấy là thích mà không thích, cho nên nói, cho nên thích.

Xá-lợi-phất khen:

–Hay thay, này Tu-bồ-đề! Tôn giả là người bậc nhất trong hàng đệ tử thuyết pháp. Vì sao? Vì Tôn giả Tu-bồ-đề đã tùy theo câu hỏi mà đáp.

Tu-bồ-đề nói với Xá-lợi-phất:

–Việc thuyết pháp khắp mười phương của đệ tử Phật cũng không biết người được giáo hóa từ đâu lại, cứ tùy theo điều hỏi mà giải đáp. Vì sao? Vì pháp trong mười phương cũng không biết từ đâu sinh.

Xá-lợi-phất nói:

–Hay thay, này Tu-bồ-đề! Tôn giả từ trong pháp nào độ Bồ-tát?

Tu-bồ-đề đáp:

–Từ trong Bát-nhã ba-la-mật-đa sinh. Khi nghe nói pháp này hoặc khi được đọc pháp này, Bồ-tát tin hiểu, không nghi. Bồ-tát phải biết dù có theo thì pháp này cũng chẳng thêm, hay dù không theo thì pháp này cũng chẳng giảm.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Theo thì pháp này cũng chẳng thêm, không theo thì pháp này cũng chẳng giảm. Theo pháp này dạy mọi người. Ai theo pháp này thì đều trở thành Đại Bồ-tát không sót người nào. Vì sao? Vì mọi người đều học pháp này mà pháp này vẫn tiếp tục như cũ.

Tu-bồ-đề nói:

–Hay thay! Tôn giả Xá-lợi-phất! Việc lý giải này đúng như lời Tôn giả nói, không khác. Vì sao? Vì phải quán niệm kỹ càng về thân người, phải thấu rõ như vậy: Thân người có ngần ấy thứ rỗng không thì ý niệm cũng có ngần ấy thứ rỗng không. Biết thân người thật khó biết rõ thì ý niệm của nó cũng thật khó biết rõ.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát cần phải học như thế, cần phải hành như thế.

M

Phẩm 2: NẠN VẤN

Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân và bốn vạn Thiên tử cùng nhau đến ngồi trong pháp hội. Tứ Thiên vương và hai vạn Thiên tử cùng nhau đến ngồi trong pháp hội. Phạm thiên Ca-di và một vạn Thiên tử cùng nhau đến ngồi trong pháp hội. Phạm thiên Đa Hội và năm ngàn Thiên tử cùng nhau đến ngồi trong pháp hội. Do phước đức đời trước nên hào quang của các Thiên tử được chiếu sáng.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Thưa Hiền giả Tu-bồ-đề! Ngần ấy ngàn vạn Thiên tử tập họp muốn nghe Hiền giả nói Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát trụ trong Bát-nhã ba-la-mật như thế nào?

Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Nếu ngần ấy ngàn vạn Thiên tử muốn nghe, tôi sẽ nói.

Tu-bồ-đề nương nhờ sức oai thần của Phật nói với các Thiên tử một cách đầy đủ về Bát-nhã ba-la-mật. vị Thiên tử nào chưa hành đạo Bồ-tát, hôm nay đều nên hành. Người đã đắc đạo Tu-đà-hoàn

thì không thể nào đắc đạo Bồ-tát. Vì sao? Vì người ấy đã đóng chặt đường sinh tử. Giả sử, người ấy hành đạo Bồ-tát, tôi sẽ mừng thay cho người đó, tôi không bao giờ đoạn dứt pháp công đức. Tôi khiến cho họ muốn tu học đạo pháp chân thật vô thượng, bước lên ngôi vị Phật.

Đức Phật dạy:

–Hay thay, Tu-bồ-đề! Khuyên bảo các Bồ-tát là phải như vậy đó.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Con phải báo ân, con chẳng được báo ân. Vì sao? Vì các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ đều sai các đệ tử vì các Bồ-tát mà thuyết Bát-nhã ba-la-mật. Trước kia, Đức Như Lai cũng học pháp này, nhờ pháp này mà được thành Phật, vì thế phải báo ân Phật. Hôm nay con cũng lại thuyết như thế về Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát cũng phải họ trì pháp Bồ-tát! Con lại khuyên bảo họ. Con đã thọ trì và đã khuyên bảo rồi, do đó Bồ-tát mau chóng được thành Phật.

Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Hãy nghe tôi đáp điều ông đã hỏi: “Bồ-tát trụ trong Bát-nhã ba-la-mật như thế nào?” Bồ-tát thọ trì pháp không, đó là trụ trong Bát-nhã ba-la-mật.

Này Câu-dực! Đại Bồ-tát mặc áo giáp đại công đức phát tâm hướng đến Đại thừa chẳng nên trụ sắc; chẳng nên trụ thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức; chẳng nên trụ Tu-đà-hoàn, chẳng nên trụ Tư-đà-hàm, chẳng nên trụ A-na-hàm, chẳng nên trụ A-la-hán, chẳng nên trụ Bích-chi-phật, chẳng nên trụ nơi Phật; chẳng nên trụ nơi có sắc, không sắc, chẳng nên trụ nơi có thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức, không thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức; chẳng nên trụ nơi có Tu-đà-hoàn, không Tư-đà-hàm; chẳng nên trụ nơi có Tư-đà-hàm; không Tư-đà-hàm; chẳng nên trụ nơi có A-na-hàm, không A-na-hàm, chẳng nên trụ nơi có A-la-hán, không A-la-hán; chẳng nên trụ nơi có Bích-chi-phật, không Bích-chi-phật; chẳng nên trụ nơi có Phật, không Phật; chẳng nên trụ nơi sắc chẳng phải vô thường, chẳng nên trụ nơi thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức

chẳng phải vô thường; chẳng nên trụ nơi sắc hoặc khổ hoặc vui; chẳng nên trụ nơi thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức hoặc khổ hoặc vui, chẳng nên trụ nơi sắc hoặc tốt hoặc xấu; chẳng nên trụ nơi thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức hoặc tốt hoặc xấu; chẳng nên trụ nơi sắc thuộc về ngã, chẳng thuộc về ngã; chẳng nên trụ nơi thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức thuộc về ngã, chẳng thuộc về ngã; chẳng nên trụ vào sự thành tựu bất động (Thiền định) của đạo Tu-đà-hoàn, chẳng nên trụ nơi đạo Tu-đà-hoàn đã thành tựu. Vì sao? Vì đạo Tu-đà-hoàn còn bảy lần sinh tử mới Bát-nê-hoàn, vì thế chẳng nên trụ nơi đạo Tu-đà-hoàn.

Chẳng nên trụ vào sự thành tựu bất động của đạo Tư-đà-hàm, chẳng nên trụ nơi đạo Tư-đà-hàm đã thành tựu. Vì sao? Vì đạo Tư-đà-hàm có một lần sinh tử nữa mới Bát-nê-hoàn, vì thế chẳng nên trụ nơi đạo Tư-đà-hàm.

Chẳng nên trụ vào sự thành tựu bất động của đạo A-na-hàm, chẳng nên trụ nơi đạo A-na-hàm đã thành tựu. Vì sao? Vì đạo A-na-hàm thành tựu rồi thì sinh lên trời mới Bát-nê-hoàn, vì thế chẳng nên trụ nơi đạo A-na-hàm.

Chẳng nên trụ nơi sự thành tựu bất động của đạo A-la-hán, chẳng nên trụ vào đạo A-la-hán đã thành tựu. Vì sao? Vì đạo A-la-hán thành tựu rồi thì không còn qua lại ở thế gian nữa, ở trong Nê-hoàn Bát-nê-hoàn, vì thế chẳng nên trụ nơi đạo A-la-hán.

Chẳng nên trụ nơi sự thành tựu bất động của đạo Bích-chi-phật. Vì sao? Vì đạo Bích-chi-phật thành tựu rồi thì hơn đạo A-la-hán mà không bằng Phật đạo và ở trong khoảng giữa ấy Bát-nê-hoàn, vì thế chẳng nên trụ nơi đạo Bích-chi-phật.

Chẳng nên trụ nơi Phật đạo. Vì sao? Vì tạo lợi lạc cho không thể tính kể vô số người nên tạo tác công đức, ta đều làm cho không thể tính kể vô số người đều Bát-nê-hoàn, chính là trụ vào ngôi vị Phật, vì thế chẳng nên trụ nơi Phật đạo.

Xá-lợi-phất thầm nghĩ: “Phật phải trụ như thế nào?”

Tu-bồ-đề biết ý nghĩ của Xá-lợi-phất, bèn hỏi Xá-lợi-phất:

– Ý Tôn giả nghĩ sao? Phật trụ ở chỗ nào?

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Phật không trụ nơi nào cả. Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tâm không trụ nơi nào cả, không trụ nơi động (hữu vi), cũng không trụ nơi không động (vô vi).

Tu-bồ-đề nói:

–Đúng thế, đúng thế! Bồ-tát phải học như thế, như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trụ cũng chẳng thể trụ, phải trụ như thế, chính là học không có chỗ trụ.

Bấy giờ các vị Thiên tử thâm nghĩ: “Các ý nghĩ của hàng Dạ-xoa chúng ta đều biết, lời nói hoặc to, hoặc nhỏ của hàng Dạ-xoa chúng ta đều biết, nhưng những điều của Tôn giả Tu-bồ-đề nói ra thì chúng ta lại hoàn toàn không biết.”

Tu-bồ-đề biết ý nghĩ này của các Thiên tử, nên nói với các Thiên tử:

–Lời này khó hiểu, cũng chẳng thể nghe, cũng chẳng thể biết.

Các Thiên tử lại thâm nghĩ: “Lời nói này phải được lý giải, vì Tôn giả Tu-bồ-đề hiểu sâu, biết sâu.”

Tu-bồ-đề biết ý nghĩ của các Thiên tử, mới nói với các Thiên tử:

–Người đã chứng đắc đạo Tu-đà-hoàn, nếu trụ trong đó thì không thích lìa khỏi cái nhân (Vô sinh pháp nhẫn) này. Người đã chứng đắc đạo Tư-đà-hàm, nếu trụ ở trong đó thì không thích lìa khỏi cái nhân này. Người đã chứng đắc đạo A-na-hàm, nếu trụ ở trong đó thì chẳng thích lìa khỏi cái nhân này. Người đã chứng đắc đạo A-la-hán, nếu trụ ở trong đó thì chẳng thích lìa khỏi cái nhân này. Người đã chứng đắc đạo Bích-chi-phật, nếu trụ ở trong đó thì chẳng thích lìa khỏi cái nhân này. Người đã chứng đắc đạo quả Phật, nếu trụ ở trong đó thì chẳng thích lìa khỏi cái nhân này.

Các Thiên tử lại thâm nghĩ: “Lời của Tôn giả Tu-bồ-đề là như thế, thì phải còn tìm ở đâu vị Pháp sư thuyết pháp như Tu-bồ-đề.”

Tu-bồ-đề biết ý nghĩ của các Thiên tử, mới nói với các Thiên tử:

–Pháp sư như huyễn, muốn theo tôi nghe pháp, cũng không có pháp được nghe, cũng không chứng đắc.

Các Thiên tử lại thâm nghĩ: “Pháp nào làm cho người nghe phải như vậy?”

Tu-bồ-đề biết ý nghĩ của các Thiên tử, mới nói với họ:

–Huyền như người, người như huyền. Tôi nói đạo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật đều như huyền, thậm chí Phật đạo, cũng nói như huyền.

Các Thiên tử nói với Tu-bồ-đề:

–Thậm chí Phật đạo cũng nói là như huyền.

Tu-bồ-đề nói:

–Thậm chí Nê-hoàn hữu dư, Nê-hoàn vô dư và Nê-hoàn vô trụ đều cũng như huyền sao?

Tu-bồ-đề nói với các Thiên tử:

–Giả sử có một pháp nào hơn cả Nê-hoàn, tôi cũng nói như huyền. Vì sao? Vì Nê-hoàn của người huyền thì rỗng lặng như hư không không thật có.

Xá-lợi-phất, Bân-kỳ-văn-đà-phất, Ma-ha Câu-tư, Ma-ha Ca-chiên-diên hỏi Tu-bồ-đề:

–Thế nào là tướng của Bát-nhã ba-la-mật? Và từ pháp này sinh ra pháp nào?

Tu-bồ-đề đáp:

–Từ pháp này sinh ra Bồ-tát không thoái chuyển, đó là tướng của Bát-nhã ba-la-mật. Cũng như các đệ tử nghe pháp đều đầy đủ mau chóng thành A-la-hán.

Tu-bồ-đề nói tiếp:

–Nói về tướng của Bát-nhã ba-la-mật là như thế, từ trong này không thật có, không nghe, không đắc. Tỳ-kheo đúng như pháp thì không nghe pháp, không đắc pháp, từ trong pháp này không có thọ nhận.

Thích Đề-hoàn Nhân thâm nghĩ: “Lời thuyết pháp của Tôn giả Tu-bồ-đề là mưa pháp bảo. Ta nên biến hóa ra hoa để rải lên Tôn giả Tu-bồ-đề.”

Thích Đề-hoàn Nhân biến hóa ra hoa, rải lên Tu-bồ-đề. Tâm Tôn giả Tu-bồ-đề rõ biết, nói:

–Hoa này chẳng sinh từ trên trời Đao-lợi, tôi đã từng thấy hoa này. Hoa này rải lên trên tôi là hoa do biến hóa ra mà thôi. Hoa này là hoa được hóa ra, không từ cây cối sinh ra. Thích Đề-hoàn Nhân hóa ra hoa này rải lên trên tôi là từ cây tâm sinh ra, chẳng từ cây cối sinh ra.

Thích Đề-hoàn Nhân nói với Tu-bồ-đề:

–Hoa này không từ đâu sinh ra. Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề, hoa này cũng chẳng từ cây tâm sinh ra.

Tu-bồ-đề nói:

–Như lời Câu-dực nói, hoa này không từ đâu sinh ra, cũng chẳng từ cây tâm sinh, thì chẳng phải hoa.

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Tôn giả Tu-bồ-đề biết một cách sâu sắc nên nói pháp không tăng, không giảm. Tôi nói như thế là theo lời dạy của Tôn giả Tu-bồ-đề. Bồ-tát cần phải học như vậy.

Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Lời này không sai. Bồ-tát học như vậy là đi sâu vào pháp này. Bồ-tát học như vậy là không học đạo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, mà là học Phật đạo, học đạo trí Nhất thiết trí, học như vậy là học không thể tính kể vô số quyển kinh, chẳng học về sắc, chẳng học về thống dương, tứ tưởng, sinh tử, thức, không học lấy pháp khác, cũng không học lấy, cũng không học bỏ; không học lấy, bỏ, tức là học trí Nhất thiết trí, tức là sinh ra trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Học pháp này cũng là học không lấy không bỏ, là học trí Nhất thiết trí, là sinh ra trí Nhất thiết trí chẳng?

Tu-bồ-đề đáp:

–Đúng thế, Xá-lợi-phất! Học như thế cũng là học không lấy không bỏ. Học như thế là học trí Nhất thiết trí, là sinh ra trí Nhất thiết trí.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật như thế nào?

Xá-lợi-phất đáp:

–Ông nên hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Tôn giả Tu-bồ-đề:

–Nhờ ân oai thần của ai mà có thể học và hiểu?

Tu-bồ-đề đáp:

–Nhờ ân oai thần của Phật mà có thể học và hiểu. Nay Câu-dực, ông hỏi Bồ-tát phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật như thế nào? Cũng chẳng thể từ sắc hành, cũng chẳng thể lìa sắc hành, cũng chẳng thể từ thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức hành, cũng chẳng thể lìa thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức hành. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật cũng chẳng phải là sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức. Bát-nhã ba-la-mật cũng chẳng lìa sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi:

–Ma-ha ba-la-mật vô lượng, vô biên là Ba-la-mật như thế nào?

Tu-bồ-đề đáp:

–Này Câu-dực! Ma-ha ba-la-mật vô biên là Ba-la-mật vô lượng. Ma-ha ba-la-mật hoàn toàn chẳng thật có. Ba-la-mật vô biên hoàn toàn không thể thấy. Ba-la-mật vô lượng hoàn toàn không thể đo lường. Người vô lượng lại cũng chẳng phải vô lượng, vô lượng lại cũng chẳng phải vô lượng, Ba-la-mật vô lượng lại cũng chẳng phải vô lượng. Ba-la-mật vô lượng lại cũng chẳng phải vô lượng, cũng không có ở giữa hay hai bên, cũng không có trước sau, hoàn toàn không thể lường, hoàn toàn không thể biết.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi:

–Thưa Tôn giả Tu-bồ-đề! Ý Tôn giả nghĩ sao, vì sao người vô lượng nên Ba-la-mật vô lượng?

Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Việc này đều không thể tính kể, giả sử tính gấp bội lại gấp bội, người vô lượng nên Ba-la-mật vô lượng.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi:

–Do đâu mà Tôn giả nói người vô lượng nên Ba-la-mật vô lượng?

Tu-bồ-đề đáp:

– Ý ông Câu-dực nghĩ sao! Ở trong pháp nào dạy người vốn được sinh ra?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

– Không có pháp dạy như thế, cũng không có pháp dạy trụ chỉ như thế. Giả sử có nói ra đi nữa cũng chỉ là giả danh mà thôi, giả sử có trụ chỉ cũng chỉ là giả danh mà thôi. Chỉ là dùng giả danh để gọi mà thôi. Hễ có chỗ trụ chỉ thì chỉ là giả danh, hoàn toàn không thật có, chỉ là dùng giả danh để gọi mà thôi. Người trở lại chỗ của người, gốc ngọn vốn không, không thật có.

Tu-bồ-đề nói:

– Ý ông Câu-dực nghĩ sao người có thể được thấy chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

– Người, không thể được thấy!

Tu-bồ-đề nói:

– Này Câu-dực! Vì sao có người nghĩ đến chỗ nào là giới hạn của loài người? Giả sử Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác tuổi thọ với số kiếp như cát ở bờ sông Hằng độ người, mọi người lại lần lượt độ nhau, sự sinh ra của họ có lúc đoạn tuyệt chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

– Không có lúc đoạn tuyệt. Vì sao? Vì người không có lúc tận.

Tu-bồ-đề nói:

– Người vô lượng nên Bát-nhã ba-la-mật vô lượng. Người học đạo Bồ-tát phải hiểu và phải biết rằng thực hành Bát-nhã ba-la-mật là như thế.



KINH ĐẠO HÀNH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 2

Phẩm 3: CÔNG ĐỨC

Bấy giờ các vị trời Đế-thích, Phạm thiên, Phạm phụ, Đại tự tại và các Thiên nữ đồng thời nói lời ngợi khen pháp này ba lần:

–Pháp Bát-nhã ba-la-mật mà Hiền giả Tu-bồ-đề tuyên thuyết rất sâu xa, các Đức Như Lai đều từ pháp này sinh. Người nào nghe pháp này rồi hoặc đọc tụng, hoặc tu hành thì được chúng con cung kính coi như Đức Như Lai. Chúng con cung kính người thọ trì Bát-nhã ba-la-mật như vị Đại Bồ-tát.

Phật bảo chư Thiên:

–Đúng thế, đúng thế! Thuở xưa, ta ở trước Đức Phật Nhiên Đăng đắc pháp Bát-nhã ba-la-mật. Ta được Đức Phật Nhiên Đăng thọ ký: “Về sau sẽ đắc trí tuệ Phật, làm bậc Đạo sư trong loài người. Sau vô số a-tăng-kỳ kiếp, ông sẽ thành Phật hiệu Thích-ca Văn, là bậc tôn quý hơn hết trong hàng Trời, người, chánh pháp rực rỡ soi sáng thế gian, tôn hiệu là Phật.”

Các Thiên đồng thanh bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, hay thay! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật tự đạt đến trí Nhất thiết trí.

Lúc ấy Đức Phật ngồi trong chúng hội, giữa chư Thiên. Đức Phật bảo Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di:

–Nay đây bốn chúng hãy làm chứng, chư Thiên cõi Dục, chư Thiên cõi Sắc là Phạm thiên, Quang âm thiên đều chứng biết.

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Nếu có thiện nam, thiện nữ học Bát-nhã ba-la-mật hoặc thọ trì hoặc đọc tụng, thì ma hoặc thiên ma không bao giờ có cơ hội

thuận tiện để phá hại. Nay Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ này không bị chết oan.

Này Câu-dực! Chư Thiên trên cung trời Đao-lợi, nếu vị nào tu hành Phật đạo mà chưa được gặp Bát-nhã ba-la-mật, hoặc chưa học, hoặc chưa tụng thì các vị trời ấy đều nên qua đến chỗ của thiện nam, thiện nữ này thọ học. Nay Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ học Bát-nhã ba-la-mật hoặc thọ trì, hoặc đọc tụng, hoặc ở chỗ rảnh rang, hoặc ở nơi vắng vẻ thì cũng không kinh, không sợ, không hãi.

Tứ Thiên vương bạch Phật:

–Chúng con tự nguyện cùng nhau ủng hộ thiện nam, thiện nữ học Bát-nhã ba-la-mật hoặc thọ trì hoặc đọc tụng.

Phạm thiên vương và chúng Phạm thiên cũng đều bạch Phật:

–Chúng con tự nguyện cùng nhau ủng hộ thiện nam, thiện nữ học Bát-nhã ba-la-mật hoặc thọ trì, hoặc đọc tụng.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Con tự nguyện ủng hộ thiện nam, thiện nữ học Bát-nhã ba-la-mật hoặc thọ trì, hoặc đọc tụng.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch tiếp:

–Thật khó có ai bì kịp với người học Bát-nhã ba-la-mật, vì thiện nam, thiện nữ này tâm không lay động, vì người thọ trì Bát-nhã ba-la-mật tức là thọ trì đủ cả sáu pháp Ba-la-mật.

Đức Phật dạy:

–Đúng thế, nay Câu-dực! Người thọ trì Bát-nhã ba-la-mật tức là thọ trì đủ cả sáu pháp Ba-la-mật.

Lại nữa, nay Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ hãy lắng nghe ta nói về việc học tập, thọ trì, đọc tụng Bát-nhã ba-la-mật. Nay Câu-dực, ta nói lời trước cũng thiện, lời giữa cũng thiện, lời sau cũng thiện, vậy ông phải nên lắng nghe lời ta nói.

Thích Đề-hoàn Nhân sẵn sàng lắng nghe và tiếp nhận giáo pháp của Phật.

Đức Phật nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Đối với giáo pháp của ta, nếu có người muốn khuấy nhiễu, có người muốn phá hoại, có người muốn làm loạn, những kẻ ấy vừa

khởi ác ý muốn đi đến phá hoại, họ đang đi giữa đường chưa đến đã tiêu tan ác ý. Bọn họ về sau không bao giờ được làm như ý muốn. Vì sao? Vì thiện nam, thiện nữ này học Bát-nhã ba-la-mật, nhờ thọ trì, đọc tụng, khiến cho bọn người mang ác ý kia chưa đến nơi đã quay về, cuối cùng không được như ý.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ học Bát-nhã ba-la-mật, hoặc thọ trì, hoặc đọc tụng, hễ làm điều gì cũng đều tự thể hiện pháp này. Ví như có cây thuốc tên là Ma-thỉ, có con rắn đói đang bò đi tìm thức ăn, giữa đường gặp con trùng, rắn muốn ăn con trùng, nhưng mùi của cây thuốc Ma-thỉ xông đến chỗ của con trùng. Con rắn ngửi thấy mùi thuốc, liền bò đi. Vì sao? Vì công năng của thuốc là làm tiêu tan nọc độc loài rắn, làm cho loài rắn phải bỏ đi.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ học Bát-nhã ba-la-mật, hoặc thọ trì, hoặc đọc tụng, nếu có người muốn hại thì ác ý của họ tự tiêu tan là do bị sức oai thần của Bát-nhã ba-la-mật-đầy lui, là do bị sức oai thần của Bát-nhã ba-la-mật làm cho họ bỏ đi.

Đức Phật dạy:

–Giả sử có người mưu toan phá hoại, thì người ấy đang trên đường đi tự mất ác ý, việc ác không thành. Tứ Thiên vương đều ủng hộ thiện nam, thiện nữ thâm nhập Bát-nhã ba-la-mật hoặc suy nghĩ làm mọi việc một cách tự tại, lời nói như cam lộ, lời nói không khinh bạc, không sinh giận hờn, không tự kiêu ngạo. Tứ Thiên vương đều ủng hộ thiện nam, thiện nữ học Bát-nhã ba-la-mật hoặc thọ trì, hoặc đọc tụng, thì lời nói không có sai ngoa, lời nói như cam lộ, lời nói không khinh bạc, không sinh giận hờn, không tự kiêu ngạo cao mạn. Vì sao? Vì học Bát-nhã ba-la-mật nên chẳng tự giận hờn, chẳng tự kiêu ngạo, chẳng tự ý thị. Thiện nam, thiện nữ tự nghĩ: “Nếu có sự đấu tranh nổi dậy, ta phải tránh xa, vì ta không thích việc ấy.” Đổ mắt xấu hổ tự nghĩ: “Ta không nên gần gũi bọn người ác này.” Tự nghĩ: “Ta cầu Phật đạo không nên nghe theo lời nói giận dữ khiến cho tâm ta trở nên hiếu thắng.” Thiện nam, thiện nữ làm việc gì cũng đều tự thể hiện là người khéo học Bát-nhã ba-la-mật, khéo thọ trì, khéo đọc tụng.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bát-nhã ba-la-mật hay vượt lên trên các điều ác, làm điều gì cũng đều tự tại, không pháp nào sánh bằng.

Đức Phật nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Lại nữa, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ học Bát-nhã ba-la-mật hoặc thọ trì, hoặc đọc tụng, hoặc dù phải trải qua hoạn nạn nguy kịch nhưng vẫn không sợ hãi, giả sử vào trong quân trận cũng chẳng bị đao binh làm tổn hại. Lỡ ta nói không bao giờ sai.

Này Câu-dực! Đúng như Phật dạy là không có thể hại được. Thiện nam, thiện nữ đang lúc hoặc đọc tụng, hoặc thọ trì, hoặc quán niệm Bát-nhã ba-la-mật, giả sử cái chết đang tới, nếu ở trong chánh niệm Bát-nhã ba-la-mật mà chết thì dấu cho oan gia ngay lúc ấy muốn cũng không hãm hại được.

Thiện nam, thiện nữ trụ trong pháp này không bao giờ chết oan, giả sử ở trong quân trận hoặc bị bắn, bị đâm cũng không bao giờ bị trúng vào thân. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật này là đại thần chú, là thần chú mãnh liệt trong loài người. Thiện nam, thiện nữ nào học thần chú này thì không tự nghĩ đến điều ác, cũng không nghĩ đến điều ác của người khác, tất cả đều không nghĩ, được làm bậc tôn quý trong loài người, tự tiến tới thành Phật cứu vớt mọi người cho đến các loài bò bay máy cựa. Do đó người học thần chú này mau chóng thành Phật đạo.

Lại nữa, này Câu-dực! Người tuy đã biên chép kinh Bát-nhã ba-la-mật nhưng không thể tu học, không thể đọc tụng thì nên mang kinh điển này theo bên mình, dù người hay quỷ thần cũng không thể làm hại, trừ phi người ấy có tội nghiệp đời trước, nay phải đền trả.

Này Câu-dực! Ví như nơi Phật mới thành đạo, bốn phía nếu có người từ một phía nào đi vào, thì quỷ thần hay cầm thú cũng không thể hại người này. Dù là quỷ thần hay cầm thú muốn đến khuấy nhiễu, muốn đến hại người này cũng không thể nào được. Vì sao? Vì nơi Phật thành đạo có sức oai thần của Phật bảo vệ. Các Đức Phật Thiên Trung Thiên quá khứ, hiện tại, vị lai đều là bậc tôn quý trong loài người. Các Ngài đều ở nơi ấy thành Phật. Cũng vậy, nếu ở đời vị lai, người cầu Phật đạo đều phải nhờ pháp Bát-nhã ba-la-mật này

mà đắc Phật đạo. Nếu người nào đi vào nơi này thì không kinh, không hãi, không lo, không sợ, vì nhờ oai lực của Bát-nhã ba-la-mật. Chỗ nào có kinh Bát-nhã ba-la-mật thì hàng Trời, Người, A-tu-luân, Quỷ, Thần, Rồng, đều phải lễ bái, cung kính, hộ trì. Vì thế nên người nào đến nơi này đều được sức oai thần của Bát-nhã ba-la-mật bảo hộ.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nếu có người biên chép, thọ trì kinh Bát-nhã thì phải hương về người ấy đánh lễ phụng sự, cúng dường bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu. Nếu lại có người, sau khi Phật Bát-nê-hoàn, xây tháp phụng thờ xá-lợi Phật, tự đến đánh lễ, phụng sự, cúng dường bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu. Như vậy, phước của người này có nhiều chăng?

Đức Phật dạy:

–Này Câu-dực! Ta nay hỏi ông, tùy ý đáp lại. Này Câu-dực, thế nào là trí Nhất thiết trí của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nương vào thân này mà xuất hiện? Như Lai học pháp nào mà chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Đức Như Lai học Bát-nhã ba-la-mật mà chứng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Không do thân xá-lợi mà do trí Nhất thiết trí được thành Phật. Như Lai được sinh ra từ Bát-nhã ba-la-mật. Đúng thế, này Câu-dực! Trí Nhất thiết trí nương vào thân này, từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra. Trí Nhất thiết trí của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nương vào thân. Thân làm chỗ nương tựa cho trí Nhất thiết trí, mà được gọi là thân Phật. Xá-lợi sau khi ta Bát-nê-hoàn từ trí Nhất thiết trí sinh nên cũng được cúng dường như thân Phật.

Này Câu-dực! Nếu có thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-la-mật rồi thọ trì, đọc tụng, tu hành, tự hương về đánh lễ, phụng sự, cúng dường bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa,

hương tổng hợp, lựa là, cờ phướn, lọng báu tức là cúng dường trí Nhất thiết trí.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ biên chép rồi, cúng dường kinh này như thế ắt được công đức không gì sánh bằng. Vì sao? Vì đã cúng dường trí Nhất thiết trí.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Nếu người trong châu Diêm-phù-lợi này chẳng cúng dường, phụng sự Bát-nhã ba-la-mật nghĩa là họ chẳng biết sự cao quý của pháp này. Còn nếu người nào cúng dường Bát-nhã ba-la-mật thì phước của người ấy to tát không gì sánh bằng, do đó cần phải cúng dường Bát-nhã ba-la-mật.

Đức Phật hỏi Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Trong châu Diêm-phù-lợi này, có được bao nhiêu người tin Phật, tin Pháp, tin Tỳ-kheo Tăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Có rất ít người trong châu Diêm-phù-lợi này tin Phật, tin Pháp, tin Tỳ-kheo Tăng, còn người hành đạo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật cho đến hành Phật đạo thì càng ít hơn nữa!

Đức Phật dạy:

–Này Câu-dực, đúng thế, rất ít! Dù cho người cầu Phật đạo, người hành Phật đạo tuy rất nhiều nhưng cuối cùng thành Phật thì rất ít. Như vậy không thể tính kể vô số người từ lúc bắt đầu cầu Phật đạo đến cuối cùng trong số người này chỉ có một, hai người trụ được địa vị không thoái chuyển.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ tu hành cầu Phật đạo về sau thành Phật đạo là như thế đó!

Phật dạy tiếp:

–Thiện nam, thiện nữ học Bát-nhã ba-la-mật hoặc thọ trì hoặc đọc tụng, các ông phải đảnh lễ, phụng sự cúng dường họ. Vì sao? Vì nhờ hiểu các điều dạy trong Bát-nhã ba-la-mật mà biết thuở quá khứ ít có Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Các Bồ-tát thuở xưa hành Phật đạo đều do học Bát-nhã ba-la-mật mà thành. Đến thời ta, các

ông cũng nên cùng nhau học pháp này. Sau khi Như Lai Bát-nê-hoàn, các Đại Bồ-tát đều nên thọ trì Bát-nhã ba-la-mật.

Này Câu-dực! Sau khi Như Lai Bát-nê-hoàn, có thiện nam, thiện nữ xây tháp bảy báu cúng dường xá-lợi, suốt đời tự hưởng về đánh lễ, phụng sự, đem hoa đẹp cõi trời, hương bột cõi trời, hương xoa cõi trời, hương tổng hợp cõi trời, lụa là cõi trời, cờ phướn cõi trời, lọng báu cõi trời để cúng dường đó. Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ ấy được phước có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều!

Phật nói:

–Không đúng, thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-la-mật, tự hưởng về đánh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu được phước mới nhiều.

Đức Phật dạy:

–Hãy gác việc xây tháp bảy báu lại. Nếu có tháp xây bằng bảy chất liệu quý báu đầy cả châu Diêm-phù-lợi, thiện nam, thiện nữ suốt đời tự hưởng về đánh lễ, phụng sự, cúng dường bằng các thứ như hoa đẹp cõi trời, hương bột cõi trời, hương xoa cõi trời, hương tổng hợp cõi trời, lụa là cõi trời, cờ phướn cõi trời, lọng báu cõi trời. Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ này được phước có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều!

Phật nói:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-la-mật rồi hưởng về đánh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu được phước mới nhiều.

Đức Phật dạy:

–Hãy gác việc tạo tháp bảy báu khắp một châu Diêm-phù-lợi. Này Câu-dực! Tháp bảy báu đầy khắp bốn châu thiên hạ, nếu có

Thiện nam, thiện nữ suốt đời tự hương về đánh lễ, phụng sự, cúng dường bằng các thứ như hoa đẹp cõi trời, hương bột cõi trời, hương xoa cõi trời, hương tổng hợp cõi trời, lụa là cõi trời, cờ phướn cõi trời, lọng báu cõi trời. Phước của người ấy có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều!

Phật nói:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ nào biên chép Bát-nhã ba-la-mật rồi tự hương về đánh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu được phước mới nhiều.

Đức Phật dạy:

–Hãy gác việc cúng dường tháp bảy báu khắp một tứ thiên hạ lại. Nay Câu-dực! Ví như một tứ thiên hạ rồi lại một tứ thiên hạ, như vậy lên đến một ngàn tứ thiên hạ đều kiến tạo đầy tháp bảy báu. Nếu có thiện nam, thiện nữ suốt đời tự hương về đánh lễ, phụng sự, cúng dường bằng các thứ như hoa đẹp cõi trời, hương bột cõi trời, hương xoa cõi trời, hương tổng hợp cõi trời, lụa là cõi trời, cờ phướn cõi trời, lọng báu cõi trời. Nay Câu-dực! Người ấy được phước có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều!

Phật bảo:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-la-mật rồi tự hương về đánh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu được phước mới nhiều.

Đức Phật dạy:

–Hãy gác lại việc cúng dường tháp bảy báu một ngàn tứ thiên hạ lại. Nay Câu-dực! Cũng vậy, trong hai ngàn tứ thiên hạ đều kiến tạo đầy tháp bảy báu. Nếu có thiện nam, thiện nữ suốt đời tự hương về đánh lễ, phụng sự, cúng dường bằng các thứ như hoa đẹp cõi trời, hương bột cõi trời, hương xoa cõi trời, hương tổng hợp cõi trời, lụa là

cõi trời, cờ phướn cõi trời, lọng báu cõi trời. Nay Câu-dực! Phước của người ấy có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều!

Phật nói:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-la-mật rồi tự hưởng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu được phước mới nhiều.

Đức Phật dạy:

–Hãy gác việc cúng dường tháp bảy báu khắp hai ngàn tứ thiên hạ lại. Nay Câu-dực! Trong ba ngàn tứ thiên hạ đều kiến tạo đầy tháp bảy báu. Nếu có thiện nam, thiện nữ suốt đời tự hưởng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường bằng các thứ như hoa đẹp cõi trời, hương bột cõi trời, hương xoa cõi trời, hương tổng hợp cõi trời, lụa là cõi trời, cờ phướn cõi trời, lọng báu cõi trời. Nay Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ này được phước có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều!

Phật nói:

–Không đúng, thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-la-mật rồi tự hưởng về đảnh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu được phước mới nhiều.

Đức Phật dạy:

–Hãy gác việc cúng dường tháp bảy báu đầy khắp ba ngàn tứ thiên hạ lại. Nay Câu-dực! Nếu tất cả hữu tình trong khắp tam thiên đại thiên thế giới đều được sinh trong loài người, đều được làm người, mỗi người đều làm tháp bảy báu. Những người này suốt đời cúng dường bằng các thứ kỹ nhạc, hoa đẹp, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu. Rồi lại còn đem các thứ hoa đẹp cõi trời, hương bột cõi trời, hương xoa cõi trời, hương tổng hợp cõi trời, lụa là cõi trời, cờ phướn cõi trời, lọng báu cõi trời cúng

dường. Các hữu tình này và các hữu tình trong tam thiên đại thiên thế giới thấy đều dựng tháp bảy báu, đều dùng kỹ nhạc... cúng dường. Nay Câu-dực! Công đức phước đức của họ có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều!

Phật bảo:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-la-mật rồi tự hướng về đánh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu được phước mới nhiều.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, đúng thế! Chúng con phải tự hướng về đánh lễ, phụng sự, cúng dường Bát-nhã ba-la-mật cực kỳ an ổn này. Chúng con phải tự hướng về lễ bái, phụng sự, cúng dường trí Nhất thiết trí của chư Phật Thiên Trung Thiên quá khứ, hiện tại, vị lai. Chúng con vì cúng dường mà đến.

Đức Phật dạy:

–Hãy gác việc dựng tháp bảy báu khắp tam thiên đại thiên thế giới lại. Lại như cõi nước Phật nhiều như số cát sông Hằng, mỗi một hữu tình đều xây tháp bảy báu, đều cúng dường một kiếp hoặc hơn một kiếp bằng các thứ như hoa đẹp cõi trời, hương bột cõi trời, hương xoa cõi trời, hương tổng hợp cõi trời, lụa là cõi trời, cờ phướn cõi trời, lọng báu cõi trời, các thứ kỹ nhạc trong cõi trời người đều đem cúng dường. Nay Câu-dực! Như vậy công đức phước đức của các hữu tình ấy có nhiều không?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều!

Phật nói:

–Không đúng, thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-la-mật, tự hướng về đánh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu được phước mới nhiều.

Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Như vậy, này Câu-dực, không đúng! Thiện nam, thiện nữ từ trong pháp này được phước rất nhiều, không thể tính, không thể bàn, không thể cân, không thể lường, không thể cùng. Vì sao? Vì từ trong Bát-nhã ba-la-mật sinh ra trí Nhất thiết trí của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Như thế, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-la-mật rồi tự hưởng về danh lễ, phụng sự, cúng dường quyến kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu. Như vậy, này Câu-dực! Công đức đạt được, phước đức đạt được và công đức đời trước đạt được, phước đức của Phật đạt được đem nhân lên một trăm lần phước đức của hữu tình trong cõi nước Phật nhiều như số cát sông Hằng đều dựng tháp bảy báu thờ xá-lợi Phật cũng không sao tính được! Đem chúng nhân lên một ngàn lần cũng không sao tính được! Đem chúng nhân lên trăm ngàn lần cũng không sao tính được! Đem chúng nhân lên vạn ức lần cũng không sao tính được! Đem chúng nhân lên vô số lần vẫn không sao so tương với phước đức cúng dường Bát-nhã ba-la-mật!

Bấy giờ bốn vạn Thiên nhân cùng Thích Đề-hoàn Nhân đến đại hội. Các Thiên nói với Thích Đề-hoàn Nhân.

–Ngài nên thọ trì Bát-nhã ba-la-mật, phải nên phúng tụng Bát-nhã ba-la-mật.

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Ông nên học Bát-nhã ba-la-mật, nên thọ trì, nên phúng tụng kinh này. Vì sao? Vì trong tâm A-tu-luân khởi ý muốn đấu tranh với trời Đao-lợi thì A-tu-luân liền khởi binh đánh lên Thiên cung. Lúc ấy Câu-dực nên tụng niệm Bát-nhã ba-la-mật, thì binh của A-tu-luân lập tức thoái lui.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật là cực đại chú, Bát-nhã ba-la-mật là cực tôn chú, Bát-nhã ba-la-mật là vô đẳng đẳng chú.

Đức Phật dạy:

–Đúng thế, này Câu-dực! Bát-nhã ba-la-mật là cực đại chú, Bát-nhã ba-la-mật là cực tôn chú, Bát-nhã ba-la-mật là vô đẳng

đăng chú. Đây Câu-dực! Người trì chú này sẽ được thành Phật như các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ đều từ chú này mà được thành Phật, các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đời vị lai cũng đều do học chú này mà thành Phật, mười phương chư Phật hiện tại cũng từ chú này mà thành Phật.

Này Câu-dực! Chú này vốn sinh ra mười giới công đức (thập thiện) soi sáng thiên hạ, bốn Thiên, bốn Đế, bốn Thần túc, năm Thần thông soi sáng thế gian. Đại Bồ-tát từ trong Bát-nhã ba-la-mật sinh ra mười giới công đức đến khắp thế gian, bốn Thiên, bốn Đế, bốn Thần túc, năm Thần thông soi sáng thế gian. Nay đây, Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chưa xuất hiện nơi thế gian, thì Bồ-tát soi sáng thế gian bằng bốn Thiên, bốn Đế, bốn Thần túc, năm Thần thông như mặt trăng ngày rằm soi sáng các ngôi sao giữa hư không. Cũng vậy, này Câu-dực, công đức của Bồ-tát cũng trọn vẹn đầy đủ như thế. Lúc Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chưa xuất hiện nơi thế gian thì Bồ-tát xuất hiện soi sáng thế gian. Đại Bồ-tát đều từ trong phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật sinh ra. Ông cần phải biết như thế.

Lại nữa, này Câu-dực! Nếu thiện nam, thiện nữ học tập, trì tụng Bát-nhã ba-la-mật thì được phước đức đầy đủ.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Phật:

–Bách Đức Thiên Trung Thiên! Sao gọi là phước đức đầy đủ?

Đức Phật dạy:

–Người này không bao giờ bị trúng độc chết, không bị chết chìm, không bị chết vì binh đao. Lúc đến cửa quan, nếu bị quan huyện đánh đập oan ức, nên tụng Bát-nhã ba-la-mật trong lúc ngồi hoặc đi thì quan huyện không thể hãm hại được. Vì sao? Vì được Bát-nhã ba-la-mật ủng hộ. Nếu gặp những việc khác, cũng nên tụng niệm Bát-nhã ba-la-mật như là đến chỗ nhà vua, thái tử, đại thần thì được họ nói lời thân mật, rồi cùng nhau luận đàm, cùng nhau tươi cười vui vẻ. Vì sao? Vì học Bát-nhã ba-la-mật nên người này niệm thiện, nghĩ thiện đem tâm Từ bi thương xót tất cả mọi người cho đến các loài bò bay máy cựa. Vì thế nên ai thấy người ấy cũng đều đứng dậy nghênh đón. Đây Câu-dực! Nếu có kẻ nào tìm cách hãm hại

cũng không thể nào hãm hại được người này.

Bấy giờ có kẻ dị đạo từ xa thấy Phật ngồi trong đại hội. Ông ta chậm rãi đi đến muốn phá rối pháp hội. Lúc ông ta đi gần đến chỗ Phật thì Thích Đề-hoàn Nhân nghĩ: “Phải làm thế nào khi ta suốt đời thường ở bên Phật thọ trì, phúng tụng Bát-nhã ba-la-mật? Kẻ dị đạo kia muốn gây rối, ta phải ngăn chặn lại”. Thích Đề-hoàn Nhân liền phúng tụng Bát-nhã ba-la-mật-đã được nghe từ Đức Phật. Kẻ dị đạo liền từ xa nhiễu quanh Phật ba vòng rồi theo đường tắt ra đi.

Xá-lợi-phất thầm nghĩ: “Trong việc này, tại sao khiến cho kẻ dị đạo kia theo đường tắt ra đi?”

Đức Phật biết ý nghĩ của Xá-lợi-phất, bèn nói:

–Thích Đề-hoàn Nhân tụng niệm Bát-nhã ba-la-mật khiến cho kẻ dị đạo kia phải đi ra. Kẻ dị đạo không có thiện ý đến, vì mang ác ý đến.

Lúc ấy, ma tặc ác nghĩ: “Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ngồi chung với bốn chúng đệ tử, Đế Thích, Phạm thiên và Thiên chúng cũng đều có mặt trong pháp hội, không có kẻ dị đạo, thì Đại Bồ-tát đến nhóm họp sẽ được Phật thọ ký làm vị tướng soái trong loài người, tự tiến lên thành Phật. Ta phải đến phá rối họ.” Ma tặc đi xe tứ mã từ từ tiến tới chỗ Phật. Thích Đề-hoàn Nhân nghĩ: “Ma tặc đi xe tứ mã muốn đến chỗ Phật. Xe tứ mã này của ma tặc tuy không khác, nhưng không phải là loại xe tứ mã của quốc vương Bình-sa, cũng không phải là loại xe tứ mã của quốc vương Ba-tư-nặc, cũng không phải là loại xe tứ mã của dòng họ Thích, cũng không phải là loại xe tứ mã của Tùy-xá-lợi (Sát-đế-lợi), mà xe tứ mã này do ma tặc biến hóa ra. Ngày đêm ma tặc thường tìm cơ hội phá rối Phật, thường nhiễu loạn người ở thế gian.” Thích Đề-hoàn Nhân luôn luôn nguyện: “Ta phải niệm Bát-nhã ba-la-mật, tâm thường niệm thường trì, tụng niệm rất ráo.” Lúc trong tâm Thích Đề-hoàn Nhân tụng niệm Bát-nhã ba-la-mật gần xong thì ma tặc theo lối cũ quay về.

Thiên đế Câu-dục ở cõi trời Đao-lợi đem hoa trời bay đến đứng trên hư không rải lên Đức Phật và bốn phía rồi nói:

–Bát-nhã ba-la-mật-đã đoạn tuyệt từ lâu, đến nay người ở châu Diêm-phù-lợi này mới được nghe, mới được gặp.

Thiên đế lại còn đem ngân ấy hoa trời từ bốn phía rải lên Đức Phật.

Đức Phật dạy:

–Người nào thực hành Bát-nhã ba-la-mật, thọ trì Bát-nhã ba-la-mật thì chẳng bị ma và bè đảng của ma phá rối.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Người nghe Bát-nhã ba-la-mật được phước đức, công đức chẳng nhỏ, hà huống học tập, thọ trì, đọc tụng. Học rồi, trì rồi, tụng rồi, lấy cái học ấy dùng làm pháp để an trụ. Người này đời trước đã từng gặp Phật nghe thuyết pháp Bát-nhã ba-la-mật, hà huống là học tập, thọ trì, đọc tụng. Học rồi, trì rồi, tụng rồi hành đúng như lời dạy, an trụ đầy đủ nơi pháp này, chính là đã cúng dường Như Lai. Công đức của người này là như vậy đó! Vì sao? Vì trí Nhất thiết trí do thực hành Bát-nhã ba-la-mật mà ra.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ví như muốn được châu báu quý giá thì phải tìm từ trong biển cả, còn muốn được trân bảo trí Nhất thiết trí để thành Đấng Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thì phải tìm từ trong Bát-nhã ba-la-mật.

Phật nói:

–Đúng thế! Từ trong Bát-nhã ba-la-mật sinh ra trí Nhất thiết trí của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

A-nan bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, vì sao không có ai nói Bồ thí ba-la-mật, cũng không nói Trì giới ba-la-mật, cũng không nói Nhẫn nhục ba-la-mật, cũng không nói Tinh tấn ba-la-mật, cũng không nói Thiền định ba-la-mật, cũng không nói đến danh tự của chúng mà chỉ cùng nhau nói Bát-nhã ba-la-mật?

Đức Phật hỏi A-nan:

–Vì Bát-nhã ba-la-mật tôn quý hơn các Ba-la-mật kia. Nay A-nan! Bồ thí mà không hồi hướng đến trí Nhất thiết trí thì có phải là Bồ thí ba-la-mật không? Trì giới mà không hồi hướng đến trí Nhất

thiết trí thì có phải là Trì giới ba-la-mật không? Nhẫn nhục mà không hồi hướng đến trí Nhất thiết trí thì có phải là Nhẫn nhục ba-la-mật không? Tinh tấn mà không hồi hướng đến trí Nhất thiết trí thì có phải là Tinh tấn ba-la-mật không? Nhất tâm mà không hồi hướng đến trí Nhất thiết trí thì có phải là Thiền định ba-la-mật không? Trí tuệ mà không hồi hướng đến trí Nhất thiết trí thì có phải là Bát-nhã ba-la-mật không?

A-nan đáp:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bồ thí mà không hồi hướng đến trí Nhất thiết trí thì không phải là Bồ thí ba-la-mật. Trì giới mà không hồi hướng đến trí Nhất thiết trí thì không phải là Trì giới ba-la-mật. Nhẫn nhục mà không hồi hướng đến trí Nhất thiết trí thì không phải là Nhẫn nhục ba-la-mật. Tinh tấn mà không hồi hướng đến trí Nhất thiết trí thì không phải là Tinh tấn ba-la-mật. Nhất tâm mà không hồi hướng đến trí Nhất thiết trí thì không phải là Thiền định ba-la-mật. Trí tuệ mà không hồi hướng đến trí Nhất thiết trí thì không phải là Bát-nhã ba-la-mật.

Đức Phật dạy:

–Đúng thế, này A-nan! Bát-nhã ba-la-mật thì tôn quý hơn năm pháp Ba-la-mật kia. Ví như gieo hạt giống xuống đất thì đồng thời sẽ mọc lên cây to. Cũng vậy, này A-nan! Bát-nhã ba-la-mật là đất, năm pháp Ba-la-mật kia là hạt giống. Năm pháp Ba-la-mật kia từ Bát-nhã ba-la-mật sinh. Trí Nhất thiết trí từ Bát-nhã ba-la-mật thành. Như vậy, này A-nan! Đối với năm pháp Ba-la-mật thì Bát-nhã ba-la-mật được gọi là tôn quý hơn hết.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói không hết về công đức của thiện nam, thiện nữ học Bát-nhã ba-la-mật, thọ trì, đọc tụng là sao?

Đức Phật nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Ta không thể nào nói hết công đức của người thực hành Bát-nhã ba-la-mật, mà ta nói thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-la-mật rồi tự hướng về đánh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương

tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu. Ta chỉ nói về công đức cúng dường mà thôi.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bản thân con sẽ ủng hộ thiện nam, thiện nữ nào biên chép Bát-nhã ba-la-mật rồi tự hướng về đánh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu. Con chỉ ủng hộ công đức cúng dường mà thôi.

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Thiện nam, thiện nữ đọc tụng Bát-nhã ba-la-mật nếu có ngần ấy ngàn vị chư Thiên đến chỗ người trì kinh nghe pháp mà không hiểu. Chư Thiên vừa muốn hỏi Pháp sư về pháp này thì Thiên thần nói với họ rằng: “Do lòng Từ trong pháp này, vị Pháp sư kia sẽ lập tức tự thông hiểu và giảng giải được những điều chư Thiên không hiểu.” Công đức của thiện nam, thiện nữ này tạo ra, ông cần phải tự thấy biết!

Lại nữa, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-la-mật, chư Thiên trên cõi trời như Tứ Thiên vương, có vị đang cầu Phật đạo liền đến chỗ người trì kinh này thưa hỏi lắng nghe, thọ nhận pháp Bát-nhã ba-la-mật, lễ bái, nhiễu quanh xong rồi lui về. Chư Thiên trên cõi trời Đạo-lợi có vị đang cầu Phật đạo cũng đến chỗ người trì kinh này thưa hỏi lắng nghe pháp Bát-nhã ba-la-mật, lễ bái, nhiễu quanh xong rồi lui về. Chư Thiên trên cõi trời Diệm (Diệm-ma) có vị đang cầu Phật đạo cũng qua đến chỗ người trì kinh này thưa hỏi lắng nghe, thọ nhận pháp Bát-nhã ba-la-mật, lễ bái, nhiễu quanh xong rồi lui về.

Thiện nam, thiện nữ nên biết các Trời, Rồng, A-tu-luân, các Quỷ, Thần, Dạ-xoa, Ca-lâu-la, Chân-đà-la, Càn-đà-la, Ma-hầu-lạc, Người và hàng phi nhân trong vô số cõi nước Phật ở mười phương đều đi đến chỗ người trì kinh này để thưa hỏi, lắng nghe, thọ nhận pháp Bát-nhã ba-la-mật, lễ bái, nhiễu quanh rồi mỗi người đều tự lui về, họ đều được công đức như nhau.

Chư Thiên trên cõi trời Đâu-thuật-đà, có vị cầu Phật đạo qua đến chỗ của người trì kinh này thưa hỏi, lắng nghe, thọ nhận pháp

Bát-nhã ba-la-mật, lễ bái, nhiễu quanh xong rồi lui về. Chư Thiên ở cõi trời Hóa lạc, có vị cầu Phật đạo qua đến chỗ của người trì kinh này thưa hỏi, lắng nghe, thọ nhận pháp Bát-nhã ba-la-mật, lễ bái, nhiễu quanh xong rồi lui về. Chư Thiên trên cõi trời Tha hóa tự tại, có vị cầu Phật đạo qua đến chỗ của người trì kinh này thưa hỏi, lắng nghe, thọ nhận pháp Bát-nhã ba-la-mật, lễ bái, nhiễu quanh xong rồi lui về.

Chư Thiên cõi Sắc ở các cõi Phạm thiên, Phạm phụ, Phạm chúng, Đại phạm, Quang phiến, Thiếu quang, Vô lượng quang, Quang âm, Tịnh thiên, Thiếu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh, Nghiêm sức, Tiểu nghiêm sức, Vô lượng nghiêm sức, Nghiêm sức quả thật, Vô tướng, Vô tạo, Vô nhiệt, Thiện kiến, Đại thiện kiến, Sắc cứu cánh, có các vị cầu Phật đạo đều qua đến chỗ của người trì kinh này thưa hỏi, lắng nghe, thọ nhận pháp Bát-nhã ba-la-mật, lễ bái, nhiễu quanh xong rồi mỗi người tự lui về. Thậm chí các vị trời Sắc cứu cánh hãy còn đi xuống vào trong hàng ngũ chư Thiên, hướng chi Câu-dục. Chư Thiên cõi Dục, chư Thiên cõi Sắc trong tam thiên đại thiên thế giới đều đến thưa hỏi, lắng nghe, thọ nhận pháp Bát-nhã ba-la-mật, lễ bái, nhiễu quanh xong rồi mỗi người tự lui về.

Thiện nam, thiện nữ này ở chỗ nào cũng luôn được an ổn vững vàng, không bị khuấy nhiễu, trừ phi do nghiệp đời trước, nay phải đền trả, ngoài ra đều không thể làm động đến được. Chư Thiên đến đây hôm nay phải biết công đức của thiện nam, thiện nữ này đạt được là như thế!

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Làm thế nào thiện nam, thiện nữ biết rằng chư Thiên đến chỗ của mình lắng nghe, thọ nhận pháp Bát-nhã ba-la-mật, đánh lễ, thừa sự? Đức Phật đáp:

–Thiện nam, thiện nữ phải biết thế này! Chư Thiên đến thọ nhận pháp Bát-nhã ba-la-mật, đánh lễ, thừa sự. Do đâu có chư Thiên đến? Nếu lúc ấy thiện nam, thiện nữ vui mừng hơn hở. Lúc trong lòng vui vẻ thì biết là chư Thiên đến, đã biết rồi thì phải buông bỏ.

Hoặc Trời, hoặc Rồng, hoặc quỷ thần Dạ-xoa, hoặc quỷ thần

Chân-đà-la đến chỗ của thiện nam, thiện nữ kia. Lại nữa, này Câu-dực, thiện nam, thiện nữ nghe mùi hương của quý thần như là đã từng biết rồi. Đại quý thần đến chỗ của thiện nam, thiện nữ thì tiểu quý phải tránh đi.

Lại nữa, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ thường nên giữ thân thể sạch sẽ. Vì quý thần đều rất thích thân thể sạch sẽ. Tiểu thiên thấy Đại thiên đến thì liền tránh đi. Oai thần của Đại tôn thiên vọi vọi, hào quang rực rỡ từ từ an tường đi đến, vị trời này đi đến chỗ có kinh. Vào đến chỗ có kinh rồi thì thiện nam, thiện nữ cảm thấy vui mừng hơn hở. Chỗ của thiện nam, thiện nữ ở thường sạch sẽ thì không bị mắc bệnh, chỗ ở thường yên ổn, chưa từng có ác mộng, trong mộng không thấy chi khác, chỉ thấy Phật, chỉ thấy tháp, chỉ thấy, nghe Bát-nhã ba-la-mật, chỉ thấy các đệ tử của Phật, chỉ thấy sự vượt qua sinh tử, chỉ thấy Phật ngồi, chỉ thấy Phật thuyết pháp, chỉ thấy lúc Phật sắp thành đạo, chỉ thấy chư Phật đã thành Phật, chỉ thấy Phật chuyển pháp luân lần đầu tiên, chỉ thấy ngàn ấy Bồ-tát, chỉ thấy sáu pháp Ba-la-mật và các pháp giải thoát, chỉ thấy Phật sẽ thành, chỉ thấy các cõi Phật khác, chỉ thấy Phật, Tôn pháp và các bậc không ai sánh bằng (Thánh Tăng), chỉ thấy Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở một phương nào đó có ngàn ấy trăm đệ tử, có ngàn ấy ngàn đệ tử, có ngàn ấy vạn đệ tử. Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đang ở trong chúng đệ tử ấy thuyết pháp.

Này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ mộng thấy như thế rồi an ổn thức dậy cảm thấy thân thể trong sạch nhẹ nhàng, không còn nghĩ đến ăn uống, thân tự no đủ. Này Câu-dực! Ví như Tỳ-kheo đắc Thiền, từ trong Thiền định dậy, cảm thấy no đủ, tâm không còn nghĩ đến ăn uống. Cũng vậy, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ tỉnh giấc rồi, không nghĩ đến ăn uống, tự cảm thấy no đủ. Vì sao? Vì khí lực mạnh mẽ nên quý thần chẳng dám đến gần. Người muốn thành Phật thì công đức của người ấy tự thể hiện. Người muốn thành Phật phải học Bát-nhã ba-la-mật, cần phải thọ trì, đọc tụng. Giả sử không học, không trì, không tụng thì thiện nam, thiện nữ chỉ cần biên chép rồi tự hướng về đánh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các

thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, long báu.

Lại nữa, này Câu-dực! Nếu có người đem xá-lợi của Như Lai đầy trong châu Diêm-phù-lợi hoặc kinh điển Bát-nhã ba-la-mật-đa biên chép xong ban cho, thì ông chọn lấy phần nào?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Con thà chọn Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Con không dám không kính xá-lợi, vì từ trong đó sinh ra sự cúng dường xá-lợi. Bát-nhã ba-la-mật sinh ra xá-lợi, rồi từ trong đó được cúng dường. Như con có lúc cùng ngồi với chư Thiên ở trên cõi trời trên tòa đặc biệt. Khi con tự ngồi vào tòa, chưa ngồi, các Thiên nhân cũng đều đánh lễ và nhiễu quanh tòa của con rồi lui ra. Tòa ấy tôn quý vì Thích Đề-hoàn Nhân ngồi trên đó thuyết pháp nên chư Thiên ở cõi trời Đạo-lợi đều đánh lễ. Cũng vậy, bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật sinh ra xá-lợi của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, trí Nhất thiết trí và cũng từ pháp này sinh ra thân Phật. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì thế trong hai phần, con chọn lấy Bát-nhã ba-la-mật, chứ không chọn lấy xá-lợi của Như Lai đầy khắp trong châu Diêm-phù-lợi.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Giả sử xá-lợi Phật đầy trong tam thiên đại thiên thế giới là một phần, kinh Bát-nhã ba-la-mật là một phần. Trong hai phần đó, con chọn lấy Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì từ trong Bát-nhã ba-la-mật sinh ra xá-lợi để cúng dường.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ví như người mắc nợ nhưng được ở bên cạnh vua, cùng vua ra vào, được nhà vua rất mực kính trọng, không ai dám hỏi đến và người ấy cũng không còn sợ. Vì sao? Vì người ấy ở bên cạnh nhà vua nên có oai lực. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Từ trong Bát-nhã ba-la-mật sinh ra xá-lợi, từ trong pháp này sinh ra sự cúng dường. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Kinh này như vua. Bát-nhã ba-la-mật ví như nhà vua hùng mạnh đáng được cung phụng. Xá-lợi của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác từ trong trí Nhất thiết trí sinh ra đáng được cúng dường. Cũng vậy, bạch Đức Thiên Trung Thiên! Trí Nhất thiết trí của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra. Vì biết như

thế nên trong hai phần con chọn lấy Bát-nhã ba-la-mật.

Người thọ trì Bát-nhã ba-la-mật ví như châu ma-ni vô giá. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Người có châu báu này thì không ai dám bằng. Nếu cầm bảo châu này đi đến đâu thì quỷ thần cũng không dám rình rập, nên chẳng bị quỷ thần làm hại. Nếu thiện nam, thiện nữ đeo bảo châu ma-ni trên thân, quỷ thần liền bỏ đi. Nếu trúng nhiệt, đeo bảo châu ma-ni trên thân thì nhiệt ấy liền được trừ khử. Nếu trúng phong, đeo bảo châu ma-ni trên thân thì phong ấy chẳng thêm thêm, liền được trừ khử. Nếu trúng hàn, đeo bảo châu ma-ni trên thân thì hàn ấy chẳng thêm thêm, liền được trừ khử. Ban đêm, đeo bảo châu ma-ni thì trong tối liền sáng. Lúc nóng, đeo bảo châu ma-ni thì đi đến đâu ở đó liền mát mẻ. Lúc lạnh, đeo bảo châu ma-ni đi đến đâu thì ở đó liền ấm áp. Đến đâu, các chất độc đều chẳng hoành hành, những điều khác cũng vậy. Nếu có người bị rắn cắn, thiện nam, thiện nữ đưa châu ma-ni cho người ấy thấy thì độc liền trừ.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Như vậy châu ma-ni cực kỳ tôn quý. Nếu người có bệnh mắt, hoặc mắt đau nhức, hoặc mắt mù lòa, đưa bảo châu ma-ni đến gần mắt, bệnh mắt liền lành. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Như vậy châu ma-ni vôi vọi tự tại, mang để vào trong nước thì nước liền có màu sắc của châu ma-ni, lấy lụa bọc châu ma-ni để vào trong nước, nước liền có màu sắc như màu của châu ma-ni. Giả sử đem ngần ấy các thứ lụa màu khác nhau bọc châu ma-ni lại để vào trong nước, nước cũng có màu của châu ma-ni. Nước đục liền trở thành trong, đặc tánh của châu ma-ni không gì sánh bằng.

A-nan hỏi Thích Đề-hoàn Nhân:

–Thưa Câu-dực! Có phải trên trời và châu Diêm-phù-lợi cũng đều có châu ma-ni chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp lời Tôn giả A-nan:

–Trên trời và châu Diêm-phù-lợi cũng đều có châu ma-ni, điều này không cần phải nói. Nhưng tôi muốn nó đến chỗ khác nhau là châu ma-ni trên trời thì nhẹ và đặc tánh của nó quý gấp mười, gấp trăm, gấp ngàn, gấp vạn, gấp ức ức vạn châu ở châu Diêm-phù-lợi.

Tôi nói, chỗ nào có châu ma-ni này như để nó trong tráp hoặc trong hộp, thì ánh sáng của nó phát ra gấp bội, giả sử đem châu đi nơi khác rồi mà tráp hộp ấy vẫn tiếp tục sáng như cũ. Công đức của trí Nhất thiết trí Bát-nhã ba-la-mật là đến lúc Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác Bát-nê-hoàn rồi xá-lợi vẫn được cúng dường như cũ. Xá-lợi của Đấng có trí Nhất thiết trí được phân bố khắp thiên hạ để cúng dường như cũ.

Lại nữa, này A-nan! Thiện nam, thiện nữ muốn thấy chư Phật hiện tại trong vô số cõi Phật ở khắp mười phương thì phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật, phải thọ trì Bát-nhã ba-la-mật.

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Đúng vậy, này Câu-dực! Các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ đều từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra, là vị tướng soái trong loài người, tự tiến lên thành Phật. Các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời vị lai cũng đều từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra, là vị tướng soái trong loài người, tự tiến lên thành Phật. Chư Phật hiện tại ở trong vô số cõi Phật khắp cả mười phương cũng từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra, làm vị tướng soái trong loài người, tự tiến lên thành Phật.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Tâm của tất cả mọi người cho đến các loài bò bay máy cựa niệm Bát-nhã ba-la-mật, Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhờ Bát-nhã ba-la-mật mà đều biết rõ hết.

Đức Phật dạy:

–Vì thế nên Đại Bồ-tát ngày đêm thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Các vị chỉ thực hành Bát-nhã ba-la-mật chứ không hành các Ba-la-mật khác sao?

Đức Phật dạy:

–Các Đại Bồ-tát đều hành đủ cả sáu pháp Ba-la-mật. Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật là bậc tôn quý hơn hết trong hàng Bồ-tát. Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật tôn quý hơn Bồ-tát

hành Bồ thí. Bồ-tát hành Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Nhất tâm (thiền định), truyền bá kinh điển dạy người không bằng Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Này Câu-dực! Ví như các loài cây mọc trên đất của châu Diêm-phù-lợi dù màu sắc khác nhau, dù lá khác nhau, dù hoa khác nhau, dù trái khác nhau, dù nhánh khác nhau, nhưng bóng của chúng thì như nhau. Cũng giống như vậy, này Câu-dực! Năm pháp Ba-la-mật kia từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra, Bát-nhã ba-la-mật sinh ra trí Nhất thiết trí. Các pháp ấy lần lượt đáp đối sinh ra từ trong Bát-nhã ba-la-mật không có khác.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đức của Bát-nhã ba-la-mật hết sức tôn quý. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đức của Bát-nhã ba-la-mật không thể tính kể. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Không có pháp nào sánh bằng Bát-nhã ba-la-mật. Nếu có người biên chép Bát-nhã ba-la-mật rồi tự hưởng về đánh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu. Lại nếu có người biên chép kinh này đem cho người khác, phước của người này có nhiều chăng?

Đức Phật dạy:

–Này Câu-dực! Ta nay hỏi ông, tùy ý ông đáp. Nếu có người tự cúng dường xá-lợi của Như Lai, rồi lại còn chia cho người khác để cúng dường, so với người chỉ tự cúng dường không chia xá-lợi cho người khác cúng dường thì người nào phước nhiều hơn?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Thiện nam, thiện nữ tự cúng dường xá-lợi còn chia xá-lợi cho người khác cúng dường thì phước nhiều hơn.

Đức Phật dạy:

–Cũng vậy, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-la-mật rồi tự hưởng về đánh lễ, phụng sự, cúng dường quyển kinh này bằng các thứ như hoa quý, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, lụa là, cờ phướn, lọng báu, lại còn truyền bá cho người khác thì phước của thiện nam, thiện nữ này rất nhiều.

Lại nữa, này Câu-dực! Pháp sư đến bất cứ chỗ nào hễ thuyết kinh pháp thì phước đức rất nhiều, rất nhiều.

Lại nữa, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ giáo hóa cho mọi người ở châu Diêm-phù-lợi đều thọ trì mười giới (thập thiện). Này Câu-dực, phước của thiện nam, thiện nữ này có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-la-mật, đem quyển kinh này cho người khác rồi dạy họ biên chép hoặc đọc cho họ nghe thì phước của thiện nam, thiện nữ này nhiều gấp bội phước của người đã kể trên.

Lại nữa, này Câu-dực! Hãy gác việc ở tứ thiên hạ lại. Thiện nam, thiện nữ giáo hóa mọi người trong tiểu thiên thế giới, một ngàn đại thiên thế giới, hai ngàn đại thiên thế giới, tam thiên đại thiên thế giới, cõi nước Phật như số cát sông Hằng đều thọ trì mười giới. Ý ông nghĩ sao? Phước thiện nam, thiện nữ này có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-la-mật, đem quyển kinh này cho người khác rồi dạy họ biên chép hoặc đọc cho họ nghe thì phước của thiện nam, thiện nữ này nhiều gấp bội phước của người kể trên.

Lại nữa, này Câu-dực! Thiện nam, thiện nữ đều giáo hóa cho mọi người ở châu Diêm-phù-lợi thực hành bốn Thiện, bốn Đế, bốn Thần túc, năm Thần thông. Ý ông nghĩ sao, phước của thiện nam, thiện nữ này có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-la-

mật, rồi đem quyển kinh này cho người khác và dạy họ biên chép hoặc đọc cho họ nghe thì phước của thiện nam, thiện nữ này nhiều gấp bội phước của người kể trên.

Lại nữa, này Câu-dực! Hãy gác việc giáo hóa người ở Diêm-phù-lợi lại. Người trong tứ thiên hạ, tiểu thiên thế giới, trung thiên thế giới, một ngàn đại thiên thế giới, hai ngàn đại thiên thế giới, tam thiên đại thiên thế giới, cõi nước Phật như số cát sông Hằng, thiện nam, thiện nữ đều giáo hóa họ thực hành bốn Thiền, bốn Đế, bốn Thần túc, năm Thần thông và đều làm cho họ chứng đắc các pháp ấy. Ý ông nghĩ sao? Phước của thiện nam, thiện nữ này có tăng thêm nhiều gấp bội chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-la-mật, rồi đem quyển kinh này cho người khác và dạy họ biên chép hoặc đọc cho họ nghe thì phước của thiện nam, thiện nữ này còn nhiều gấp bội người kể trên.

Lại nữa, này Câu-dực! Người đem quyển kinh Bát-nhã ba-la-mật này trao cho người khác và bảo họ biên chép hoặc dạy họ học hoặc tự mình học thì phước của người này nhiều gấp bội.

Lại nữa, này Câu-dực! Nếu có người tự học và hiểu đúng nghĩa Bát-nhã ba-la-mật thì phước của người này nhiều gấp bội.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thế nào là học và hiểu đúng nghĩa Bát-nhã ba-la-mật thì được phước nhiều gấp bội?

Đức Phật dạy:

–Thiện nam, thiện nữ chẳng hiểu việc học Bát-nhã là vì sao? Vì ở đời vị lai, có thiện nam, thiện nữ muốn đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng giác ưa thích học Bát-nhã ba-la-mật, lại gặp phải hạng ác tri thức dạy Bát-nhã ba-la-mật càn nhánh.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Phật:

–Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật càn nhánh?

Đức Phật dạy:

–Tỳ-kheo đời vị lai muốn học Bát-nhã ba-la-mật, lại bị hạng ác tri thức dạy cho học sắc vô thường, hành sắc vô thường rồi cho như thế là học và thực hành Bát-nhã ba-la-mật; học thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức vô thường và hành chúng vô thường, rồi cho như thế là học và thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Nay Câu-dực! Đó là Bát-nhã ba-la-mật cành nhánh.

Đức Phật dạy tiếp:

–Người thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng hoại sắc mà quán vô thường, chẳng hoại thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức mà quán vô thường. Vì sao? Vì vốn là không. Nay Câu-dực! Học một ít tuệ Bát-nhã ba-la-mật này thì phước kia đã nhiều gấp bội.

Nay Câu-dực! Nếu thiện nam, thiện nữ làm cho mọi người ở châu Diêm-phù-lợi, tam thiên đại thiên thế giới, cõi Phật như số cát sông Hằng đều đắc quả Tu-đà-hoàn. Thế nào, nay Câu-dực! Phước của thiện nam, thiện nữ này có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-la-mật, đem quyển kinh này cho người khác và bảo họ biên chép hoặc đọc cho họ nghe thì phước của thiện nam, thiện nữ này nhiều gấp bội người đã kể trên. Vì sao? Vì quả Tu-đà-hoàn đều từ trong Bát-nhã ba-la-mật sinh ra.

Lại nữa, nay Câu-dực! Nếu thiện nam, thiện nữ giáo hóa người trong cõi Diêm-phù-lợi làm cho đều đắc quả Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán. Thế nào, nay Câu-dực! Phước của thiện nam, thiện nữ này có nhiều gấp bội chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-la-mật, đem quyển kinh này cho người khác và bảo họ biên chép hoặc

đọc cho họ nghe thì phước của thiện nam, thiện nữ này nhiều gấp bội người đã kể trên. Vì sao? Vì đức của trí Nhất thiết trí tạo thành đức của pháp, tất cả đều học từ trong Bát-nhã ba-la-mật mà thành Phật; lại sinh ra các quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật.

Này Câu-dực! Hãy gác việc của người ở châu Diêm-phù-lợi lại. Nếu thiện nam, thiện nữ làm cho mọi người ở tam thiên đại thiên thế giới, cõi Phật như số cát sông Hằng đều đắc các quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật. Thế nào, này Câu-dực! Phước của thiện nam, thiện nữ này có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Không đúng! Thiện nam, thiện nữ biên chép Bát-nhã ba-la-mật, đem quyển kinh này cho người khác và bảo họ biên chép hoặc đọc cho họ nghe thì phước của thiện nam, thiện nữ này nhiều gấp bội người đã kể trên. Vì sao? Vì tất cả đều học từ trong Bát-nhã ba-la-mật mà được thành tựu trí Nhất thiết trí tạo thành đức của pháp. Do diệu dụng như thế nên thành Phật, sinh ra các quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật; cho nên phước của thiện nam, thiện nữ này càng nhiều gấp bội phần.

Lại nữa, này Câu-dực! Người ở châu Diêm-phù-lợi đều hành Phật đạo, đã vào Phật đạo rồi, tâm học Phật đạo đã phát sinh. Nếu thiện nam, thiện nữ đem quyển kinh Bát-nhã ba-la-mật cho họ và bảo họ biên chép quyển kinh này để trao cho Bồ-tát không thoái chuyển, vì vị ấy sẽ theo đây học thì có khả năng thâm nhập vào trong Bát-nhã ba-la-mật, học trí tuệ Bát-nhã ba-la-mật ngày càng tăng tiến cho đến thành tựu viên mãn trí tuệ vô cực, thì phước của thiện nam, thiện nữ này càng nhiều gấp bội.

Này Câu-dực! Hãy gác việc của người ở châu Diêm-phù-lợi lại. Nếu mọi người trong tam thiên đại thiên thế giới và cõi Phật nhiều như số cát sông Hằng đều hành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều phát tâm hành Phật đạo. Nếu thiện nam, thiện nữ đem quyển kinh Bát-nhã ba-la-mật cho họ và bảo họ biên chép hoặc

dạy họ học hoặc vì họ mà giảng nói, thậm chí biên chép quyển kinh này rồi trao cho Bồ-tát không thoái chuyển, vì vị ấy sẽ theo đây học thì có khả năng thâm nhập vào trong Bát-nhã ba-la-mật, học trí tuệ Bát-nhã ba-la-mật ngày càng tăng tiến cho đến thành tựu viên mãn Trí tuệ vô cực, thì phước của người này nhiều gấp bội.

Lại nữa, này Câu-dực! Người ở châu Diêm-phù-đề đều hành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đều phát tâm cầu thành Phật. Nếu thiện nam, thiện nữ đem quyển kinh Bát-nhã ba-la-mật cho họ và bảo họ biên chép, vì họ giảng nói về trí tuệ trong đó, dạy cho họ học, thậm chí đem quyển kinh này trao cho Bồ-tát không thoái chuyển để khiến cho vị ấy nhập vào trong trí tuệ, thì phước của thiện nam, thiện nữ này càng nhiều gấp bội.

Hãy gác việc của người ở châu Diêm-phù-lợi lại! Người trong tam thiên đại thiên thế giới cho đến cõi Phật nhiều như số cát sông Hằng đều hành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều phát tâm cầu thành Phật. Nếu thiện nam, thiện nữ đem quyển kinh Bát-nhã ba-la-mật cho họ và bảo họ biên chép, dạy họ học tập thâm nhập vào trí tuệ hoặc đem quyển kinh Bát-nhã ba-la-mật-đã biên chép trao cho vị ấy và bảo học trí tuệ ở trong ấy, thì phước của thiện nam, thiện nữ này càng nhiều gấp bội.

Lại nữa, này Câu-dực! Người trong châu Diêm-phù-lợi đều khiến cho họ hành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Bồ-tát không thoái chuyển. Nếu có thiện nam, thiện nữ dạy họ nhập vào trong Bát-nhã ba-la-mật. Thế nào, này Câu-dực! Phước của thiện nam, thiện nữ này có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Trong số các vị Bồ-tát này, nếu có một vị nói: “Tôi muốn mau thành Phật.” Giả sử muốn mau thành Phật, nếu có người đem quyển kinh Bát-nhã ba-la-mật-đã biên chép trao cho vị ấy, thì phước của người này càng nhiều gấp bội.

Hãy gác việc của người trong châu Diêm-phù-lợi lại. Người trong tam thiên đại thiên thế giới cho đến cõi nước Phật nhiều như số

cát sông Hằng đều khiến cho họ hành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác của Bồ-tát không thoái chuyển. Nếu có thiện nam, thiện nữ dạy họ nhập vào trong Bát-nhã ba-la-mật. Thế nào, này Câu-dực! Phước của thiện nam, thiện nữ ấy có nhiều chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

– Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

– Nếu có một vị Bồ-tát trong đó, bước ra nói: “Tôi muốn mau thành Phật.” Giả sử muốn mau thành Phật, nếu có người đem quyển kinh Bát-nhã ba-la-mật-đã biên chép trao cho vị ấy, thì phước của người này càng nhiều gấp bội.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

– Đúng thế, bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nếu có người đem Bát-nhã ba-la-mật giảng dạy hoặc truyền trao cho Đại Bồ-tát cực kỳ an ổn mau chóng gần thành Phật thì phước của người này càng nhiều gấp bội. Vì sao? Bạch Đức Thiên Trung Thiên?

Đức Phật dạy:

– Vì người đắc Bát-nhã ba-la-mật mau gần thành Phật là người ở gần tòa Phật.

Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

– Lành thay, lành thay, này Câu-dực! Ông là đệ tử của Phật, ông phải làm những việc đáng làm, đó là hộ trì các vị Đại Bồ-tát như thế để cho các vị ấy mau chóng thành Phật. Nếu như trong số đệ tử Phật có người không cầu Phật đạo thì Đại Bồ-tát không nên theo người ấy học. Người không học sáu pháp Ba-la-mật thì không thể thành Phật, còn nếu theo pháp này học thì mau đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.



KINH ĐẠO HÀNH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 3

Phẩm 4: PHƯƠNG TIỆN THIÊN XẢO KHUYẾN TRỢ

Bấy giờ Bồ-tát Di-lặc nói với Tu-bồ-đề:

–Nếu có Đại Bồ-tát khuyến trợ làm phước nghiệp thì phước khuyến trợ của Đại Bồ-tát này hơn phước của người bố thí, trì giới tự thu hoạch được! Vì thế nên biết phước đức khuyến trợ là vô cùng cao quý, không phước nào hơn. Đó là phước đức khuyến trợ của Đại Bồ-tát.

Tu-bồ-đề hỏi Bồ-tát Di-lặc:

–Lại có Đại Bồ-tát tạo các công đức ở chỗ các Đức Phật trong vô số cõi nước, mỗi mỗi cõi nước có các Đức Phật nhiều không kể xiết đã Bát-nê-hoàn. Công đức của các Đức Phật từ lúc phát tâm tu tập tự tiến lên Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho đến Nê-hoàn vô dư. Sau khi Đức Phật Bát-nê-hoàn cho đến lúc chánh pháp diệt tận, công đức chúng sinh gieo trồng trong khoảng thời gian ấy vô cùng vô cực. Và phước của các vị Thanh văn tu hạnh bố thí, trì giới thu hoạch được, rồi từ công đức hữu dư tự tiến đến vô dư. Công đức của các vị đạt đến Nê-hoàn có đầy đủ tịnh giới thân (giới uẩn), Tam-muội thân (định uẩn), trí tuệ thân (tuệ uẩn), dĩ thoát thân (giải thoát uẩn), thoát tuệ sở hiện thân (giải thoát tri kiến uẩn). Vì Phật pháp rất thảm thương, nên không kể xiết các Đức Phật Thiên Trung Thiên thuyết pháp, công đức của người có được do học pháp này và công đức tạo ra sau khi Đức Phật Bát-nê-hoàn đem tập hợp lại thì công đức khuyến trợ mới là cao quý. Trong các công đức thì công đức khuyến trợ là hơn hết. Sự khuyến trợ ấy mới đúng là khuyến trợ. Khuyến trợ rồi đem hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, nguyện nhờ công

đức này sẽ đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát này được ghi nhận là người có công đức vì đã phát tâm cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế. Bồ-tát phát tâm như thế là muốn có sở đắc chăng?

Bồ-tát Di-lặc bảo Tu-bồ-đề:

–Người không phát tâm cầu như thế mới là có sở đắc. Người khởi tưởng phân biệt là người không sáng suốt, sinh ra ý tưởng là do vì tư tưởng hối hoàn (tưởng điên đảo), tín hối hoàn (kiến điên đảo). Chỉ vì không sáng suốt nên người ấy rơi vào bốn thứ điên đảo: vô thường cho là hữu thường, khổ cho là vui, trống không cho là có thật, không có thân (vô ngã) cho là có thân (ngã), vì thế nên tư tưởng hối hoàn, tâm hối hoàn (tâm điên đảo), tín hối hoàn. Bồ-tát chẳng nên nghĩ tâm có sở cầu như thế. Vì sở cầu không có chỗ nơi thì làm sao cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác!

Bồ-tát Di-lặc nói tiếp:

–Không nên nói lời vừa rồi cho Bồ-tát mới học. Vì sao? Vì lời nói này sẽ khiến cho họ đánh mất niềm tin, hoặc mất niềm vui, hoặc mất nỗi mừng, hoặc bỏ việc tu, rồi từ đó mà bị đọa lạc. Phải nên vì Đại Bồ-tát không thoái chuyển mà thuyết pháp khuyến trợ này. Nếu Đại Bồ-tát là người đã gần gũi bậc thầy lành từ lâu thì nên vì vị này mà thuyết. Vị này nghe qua pháp này ắt không kinh, không sợ, không hãi. Đại Bồ-tát này có khả năng khuyến trợ thì phải phát tâm hồi hướng trí Nhất thiết trí. Khuyến trợ như thế thì tâm cũng tận diệt, vô sở hữu, vô sở kiến, vậy tâm nào là tâm hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Phải dùng tâm nào để hồi hướng? Tâm không có hai, tâm không phân biệt mới có thể hồi hướng.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát mới học nghe pháp khuyến trợ này hoặc kinh hoặc sợ. Nếu Đại Bồ-tát muốn tạo tác công đức thì phải khuyến trợ phước đức kia hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác như thế nào?

Tu-bồ-đề nói với Bồ-tát Di-lặc:

–Phải hộ trì vị Đại Bồ-tát đang khuyến trợ đối với công đức của chư Phật trong vô số cõi nước Phật đang phá các điều ác bằng

cách đoạn trừ ái dục, thực hiện bình đẳng như nhau, hàng phục chúng ma, trút bỏ gánh nặng, siêng tu khổ hạnh, dứt hết các khổ, biết tâm đã giải thoát cho đến Bát-nê-hoàn. Công đức của các Đức Phật ấy và công đức của hàng Thanh văn tạo ra đều đem tập hợp lại thì công đức khuyến trợ của Đại Bồ-tát mới là cao quý. Trong các công đức, không có công đức nào hơn công đức khuyến trợ. Sự khuyến trợ ấy mới đúng là khuyến trợ. Khuyến trợ rồi đem hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Thế nào là Đại Bồ-tát tướng bất hối hoàn, tâm bất hối hoàn, tín bất hối hoàn? Nếu Đại Bồ-tát phát tâm hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà tâm vị ấy không có tướng (chấp tướng) thì tâm của Đại Bồ-tát này được hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu tâm khởi niệm chấp tâm này là tâm hồi hướng thì đó là tướng hối hoàn, tâm hối hoàn, tín hối hoàn. Nếu Đại Bồ-tát có tâm phân biệt thì phải giác biết tâm này tận diệt tướng, vô sở hữu. Giác biết tâm này tận diệt tướng thì nắm giữ tâm nào? Có khuyến trợ thì phải rõ biết phát tâm, tâm sở nào có khuyến trợ đối với pháp? Khuyến trợ đúng như pháp nghĩa là tùy thuận pháp thì mới được gọi là khuyến trợ đúng, tức là chẳng phải khuyến trợ sai lầm. Đó là sự khuyến trợ của Đại Bồ-tát.

Nếu có Đại Bồ-tát đối với công đức của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại hoặc công đức của Thanh văn cho đến phàm phu tạo tác hoặc súc sinh nghe pháp hoặc hàng Trời, Rồng, Dạ-xoa, Kiện-đà-la, A-tu-luân, Câu-lâu-la, Chân-đà-la, Ma-hầu-lặc, loài Người, chẳng phải nhân nghe pháp, phát tâm làm các công đức và người bắt đầu học đạo Bồ-tát. Đem tất cả các công đức ấy tập hợp lại, tích lũy lại thì công đức khuyến trợ là vượt lên trên. Sự khuyến trợ ấy mới đúng là sự khuyến trợ cực kỳ cao quý, trong tất cả các công đức thì không có công đức nào hơn công đức khuyến trợ này. Thế nên khuyến trợ nghĩa là pháp nào đáng khuyến trợ thì khuyến trợ. Đem công đức khuyến trợ này hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu Bồ-tát biết các pháp đều tận diệt nghĩa là các pháp không sinh, không diệt, không xứ sở. Đem pháp không sinh hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì không trái với pháp dùng để hồi hướng

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Người này không có Tướng hồi hoàn, Tâm hồi hoàn, Tín hồi hoàn. Không có sự mong muốn như thế thì không ai bì kịp. Đó là hồi hưởng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Nếu có Đại Bồ-tát không hiểu kỹ, không biết rõ người tạo ra phước đức là vì sao? Vì bản thân mù mờ (chấp tướng) nên đối với khuyến trợ phước đức cũng mù mờ. Bồ-tát rõ biết thì sự mù mờ không có, đó là Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát. Nếu đối với chư Phật Bát-nê-hoàn mà tạo tác công đức. Dem công đức này muốn làm đối tượng để cầu thì trí không phân biệt ấy có thể hồi hưởng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sự thấy biết của chư Phật Thiên Trung Thiên không chấp tướng, quá khứ đã diệt cũng không có tướng, cũng không khởi tướng. Người khởi tướng thì không có công đức.

Đại Bồ-tát phải học phương tiện thiện xảo. Người chưa đắc Bát-nhã ba-la-mật thì chẳng được vào, người đắc Bát-nhã ba-la-mật mới được vào. Đừng vì thân mà khởi thức tướng, vì nó có diệt, thế nên không có thân. Người chấp có công đức, có tướng phân biệt thì bị chướng ngại, trở lại vào trong đau khổ. Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không công nhận sự khuyến trợ công đức chấp tướng này. Vì sao? Vì khuyến trợ ấy không đúng. Thấy Phật Bát-nê-hoàn rồi, lại chấp tướng, vì thế làm chướng ngại công đức khuyến trợ, là chẳng được lợi ích, trái lại còn bị đau khổ. Người không khởi tướng phân biệt mới là người có công đức của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Còn người khởi tướng phân biệt thì ví như tạp độc, vì sao? Như dọn thức ăn ngon có trộn thuốc độc, tuy màu sắc hấp dẫn, mùi vị thơm tho, không ai không thích, nhưng không biết trong thức ăn ấy có độc. Kẻ ngu si ăn một cách thích thú no nê, đến khi thức ăn tiêu hóa, chẳng bao lâu thân bị tổn hại. Người không biết khuyến trợ phước đức thì rất là khó, chẳng hiểu hộ trì, chẳng hiểu đọc tụng, chẳng hiểu đúng sự việc, chẳng thể hiểu nghĩa. Người khuyến trợ phước đức như vậy thì như thức ăn có độc.

Theo lời Phật dạy, thì thiện nam, thiện nữ khuyến trợ công đức của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đầy đủ trì giới thân, Tam-muội

thân, trí tuệ thân, dĩ thoát thân, thoát tuệ sở hiện thân và công đức của Thanh văn, Bích-chi-phật tạo tác. khuyến trợ rồi, đem phước đức này hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu khởi tưởng chấp tướng về sự khuyến trợ này thì ví như tạp độc. Đại Bồ-tát phải học như thế.

Thế nào là công đức của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại? Phải khuyến trợ làm phước nghiệp như thế nào để thành tựu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Bồ-tát theo lời dạy của Như Lai biết công đức của Phật được sinh ra từ tự tánh và biết thật tướng của các pháp, rồi đem phước đức này làm khuyến trợ. Nhân sự khuyến trợ như thế thì không có pháp nào hơn, không bao giờ xa lìa Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Khuyến trợ như thế thì chẳng phải là tạp động, lời của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói ra đều rất thành thật.

Lại nữa Đại Bồ-tát phải khuyến trợ như thế này, nghĩa là như tịnh giới, như Tam-muội, như trí tuệ, như dĩ thoát, như thoát tuệ sở hiện thân, không có cõi Dục, không có cõi Sắc, không có cõi Vô sắc, cũng không có quá khứ, vị lai, hiện tại cũng vô sở hữu, công đức khuyến trợ cũng vô sở hữu. Công đức khuyến trợ đúng như pháp, pháp cũng vô sở hữu. Khuyến trợ như thế là khuyến trợ không có tạp độc. Nếu khuyến trợ khác đi, tức là khuyến trợ sai trái. Đại Bồ-tát khuyến trợ đúng như pháp, Đức Phật Thiên Trung Thiên biết sự khuyến trợ này là hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật nói:

–Hay thay, hay thay, này Tu-bồ-đề! Khuyến trợ như Phật, đó là sự khuyến trợ của Bồ-tát. Phước đức của mọi người trong tam thiên đại thiên thế giới phát tâm bình đẳng từ bi hộ niệm chúng sinh cũng không vượt lên trên phước đức khuyến trợ của Đại Bồ-tát, vì phước đức khuyến trợ là cao quý hơn hết.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu mọi người trong tam thiên đại thiên thế giới đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, khiến cho mọi người trong các cõi nước Phật nhiều như số cát sông Hằng đều cúng dường các vị Bồ-tát này y phục thích hợp, thức

uống ăn, giường nệm, thuốc thang, trải qua số kiếp nhiều như số cát sông Hằng cúng dường theo sở thích của các vị ấy. Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao, phước cúng dường này có nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

– Phước của công đức khuyến trợ vượt hơn phước đức nói trên không thể tính kể.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Vì cõi nước Phật nhiều như số cát sông Hằng cũng không thể dung chứa hết phước đức khuyến trợ này.

Phật nói:

– Hay thay, hay thay, này Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát thọ trì Bát-nhã ba-la-mật thì phước đức khuyến trợ của Bồ-tát này hơn phước đức của người bố thí kể trên gấp trăm lần, ngàn lần, vạn lần, ức lần, vạn ức lần.

Bấy giờ hai vạn chư Thiên trên cõi trời Tứ Thiên vương đánh lễ dưới chân Phật và bạch:

– Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sự khuyến trợ cực kỳ vĩ đại, chỉ bậc Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo mới có thể thực thi sự khuyến trợ này. Công đức khuyến trợ này rất lớn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này học Bát-nhã ba-la-mật và khuyến trợ từ trong pháp ấy.

Chư Thiên trên cõi trời Đạo-lợi đem hoa trời, danh hương, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, hương đốt, lụa trời, lọng báu, cờ phướn, kỹ nhạc cúng dường Đức Phật. Cúng dường xong, chư Thiên đều bạch Phật:

– Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sự khuyến trợ cực kỳ vĩ đại, chỉ bậc Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo mới có thể thực thi sự khuyến trợ này. Công đức khuyến trợ này rất lớn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật và khuyến trợ từ trong pháp ấy.

Chư Thiên trên cõi trời Viêm (Diêm-ma) đem hoa trời, danh hương, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, hương đốt, lụa trời, lọng báu, cờ phướn, kỹ nhạc cúng dường Đức Phật. Cúng dường

xong, chư Thiên đều bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sự khuyến trợ cực kỳ vĩ đại, chỉ bậc Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo mới có thể thực thi sự khuyến trợ này. Công đức khuyến trợ này rất lớn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật và khuyến trợ từ trong pháp ấy.

Chư Thiên trên cõi trời Đâu-thuật đem hoa trời, danh hương, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, hương đốt, lụa trời, lọng báu, cờ phướn, kỹ nhạc cúng dường Đức Phật. Cúng dường xong, chư Thiên đều bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sự khuyến trợ cực kỳ vĩ đại, chỉ bậc Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo mới có thể thực thi sự khuyến trợ này. Công đức khuyến trợ này rất lớn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật và khuyến trợ từ trong pháp ấy.

Chư Thiên trên cõi trời Hóa lạc đem hoa trời, danh hương, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, hương đốt, lụa trời, lọng báu, cờ phướn, kỹ nhạc cúng dường Đức Phật. Cúng dường xong, chư Thiên đều bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sự khuyến trợ cực kỳ vĩ đại, chỉ bậc Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo mới có thể thực thi sự khuyến trợ này. Công đức khuyến trợ này rất lớn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật và khuyến trợ từ trong pháp ấy.

Chư Thiên trên cõi trời Tha hóa tự tại đem hoa trời, danh hương, hương bột, hương xoa, hương tổng hợp, hương đốt, lụa trời, lọng báu, cờ phướn, kỹ nhạc cúng dường Đức Phật. Cúng dường xong, chư Thiên đều bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sự khuyến trợ cực kỳ vĩ đại, chỉ bậc Đại Bồ-tát có phương tiện thiện xảo mới có thể thực thi sự khuyến trợ này. Công đức khuyến trợ này rất lớn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật và khuyến trợ từ trong pháp ấy.

Chư Thiên trên các cõi trời Phạm thiên, Phạm phụ, Phạm chúng, Đại phạm, Quang thiên, Thiếu quang, Vô lượng quang, Quang âm, Tịnh thiên, Thiếu tịnh, Vô lượng tịnh, Biến tịnh, Nghiêm sức, Tiểu nghiêm sức, Vô lượng nghiêm sức, Nghiêm sức quả thật, Vô tướng, Vô tạo, Vô nhiệt, Thiện kiến, Đại thiện kiến, Sắc cứu

cánh đều cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật và thưa rằng:

– Bạch Đức Thiên Trung Thiên, lành thay! Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật có công đức khuyến trợ rất lớn. Vì sao? Vì Đại Bồ-tát này học Bát-nhã ba-la-mật và khuyến trợ từ trong pháp ấy.

Đức Phật nói với chư Thiên ở cõi trời Tịnh cư:

–Hãy gác việc của Đại Bồ-tát trong tam thiên đại thiên thế giới lại. Nếu mọi người trong cõi nước Phật nhiều như số cát sông Hằng đều phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Lại có mọi người ở trong cõi nước Phật nhiều như số cát sông Hằng khác đều cùng cúng dường các Đại Bồ-tát này các thứ áo chần thích hợp, thức uống ăn, giường nệm, thuốc thang, cúng dường như thế trải qua số kiếp nhiều như cát sông Hằng tùy theo sở thích của người thọ nhận. Hoặc cúng dường hơn thế nữa, công đức cũng không bằng vị Đại Bồ-tát thực thi sự khuyến trợ. Công đức của tịnh giới thân, Tam-muội thân, trí tuệ thân, dĩ thoát thân, thoát tuệ sở hiện thân của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại và công đức của hàng Thanh văn tạo ra, đều đem tập hợp lại cũng không bằng công đức khuyến trợ. Nếu khuyến trợ thì cao quý vô cùng, không có công đức nào hơn, vì thế cần phải thực thi sự khuyến trợ này. Khuyến trợ rồi, đem hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Như lời Đức Thiên Trung Thiên vừa nói, tất cả các công đức tập hợp lại, cực tôn quý thì không công đức nào hơn công đức khuyến trợ. Do đó, Đại Bồ-tát đều vì tất cả các công đức kia mà khuyến trợ. Khuyến trợ xong thì Đại Bồ-tát được thế nào?

Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát là người đạo đức thường biết các pháp quá khứ, vị lai, hiện tại không nắm giữ, cũng không xả bỏ, cũng không chỗ hiểu biết, cũng không có chứng đắc. Pháp ấy là pháp không sinh, pháp không diệt, cũng là pháp không từ đâu sinh ra, cũng không diệt mất đi đâu. Ở trong pháp không sinh thì rõ ràng là pháp không từ đâu sinh, cũng không có chỗ diệt, đó là thật tướng của pháp. Ta vì pháp ấy mà khuyến trợ thì mới đúng là khuyến trợ. Người khuyến trợ như thế mau chóng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thế

nên, này Tu-bồ-đề! Sự khuyến trợ của Đại Bồ-tát rất là cao quý.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát ở chỗ chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại vì người hành bố thí mà khuyến trợ, vì người trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, trí tuệ mà khuyến trợ, vì người dĩ thoát mà khuyến trợ, vì người thoát tuệ sở hiện thân mà khuyến trợ. Sự giải thoát ấy chính là bố thí. Sự giải thoát ấy chính là trì giới. Sự giải thoát ấy chính là nhẫn nhục. Sự giải thoát ấy chính là tinh tấn. Sự giải thoát ấy chính là nhất tâm. Sự giải thoát ấy chính là trí tuệ. Sự giải thoát ấy chính là thoát tuệ. Sự giải thoát ấy chính là thoát tuệ sở hiện thân. Sự giải thoát ấy chính là dĩ thoát. Sự giải thoát ấy chính là vì sự khuyến trợ kia.

Sự giải thoát ấy chính là pháp. Thế nên tương lai sẽ có người giải thoát như thế. Nay trong vô số cõi nước, chư Phật Thiên Trung Thiên hiện đang có mặt thì người được giải thoát là chư Phật và đệ tử Phật. Người đã được giải thoát là chư Phật và đệ tử ở quá khứ. Người đang được giải thoát là chư Phật và đệ tử hiện tại. Ở trong pháp ấy không chấp trước, không trói, không mở. Pháp như thế, đem hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Từ trong pháp này khuyến trợ thì không có công đức nào hơn, không ai có thể phá hoại được. Thế nên, này Tu-bồ-đề! Sự khuyến trợ của Đại Bồ-tát là cao quý.

Nếu các Bồ-tát trong cõi nước Phật nhiều như số cát sông Hằng có tuổi thọ hằng hà sa số kiếp được số người trong cõi nước Phật nhiều như số cát sông Hằng cúng dường áo chăn thích hợp, thức uống ăn, giường nệm, thuốc thang trong hằng hà sa số kiếp. Này Tu-bồ-đề, và công đức của người trì giới thành nhẫn nhục, tinh tấn không biếng nhác, thiền định đắc Tam-muội trăm lần, ngàn lần, vạn lần, ức lần, ngàn ấy ức vạn lần cũng không bằng công đức khuyến trợ. Phước đức khuyến trợ cao quý hơn hết, vượt lên trên phước thực hành năm pháp Ba-la-mật kể trên.

Phẩm 5: ĐỊA NGỤC

Xá-lợi-phất bạch Phật:

– Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật mang lại nhiều sự thành tựu.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Do Bát-nhã ba-la-mật mà không pháp nào không được mệnh danh là Ba-la-mật.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật là cực kỳ sáng chói.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật là trừ khử tối tăm.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật là không chấp trước.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật là cực kỳ cao quý.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật làm con mắt cho người không có mắt.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật là người dẫn đường cho kẻ lạc lối.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Trí Nhất thiết trí tức là Bát-nhã ba-la-mật.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật là mẹ của Đại Bồ-tát.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Không sinh, không diệt tức là Bát-nhã ba-la-mật.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Chuyển đầy đủ ba hành mười hai pháp luân tức là chuyển Bát-nhã ba-la-mật.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật làm cho người khốn khổ được an ổn.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật làm người cứu hộ trong biển sinh tử.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật là thật tướng của các pháp.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đại Bồ-tát phải trụ trong Bát-nhã ba-la-mật như thế nào?

Đức Phật nói với Xá-lợi-phất:

–Đại Bồ-tát nhờ Bát-nhã ba-la-mật mà trụ thì phải kính lễ Bát-nhã ba-la-mật như kính lễ Phật.

Thích Đề-hoàn Nhân thâm nghĩ: “Tôn giả Xá-lợi-phất vì sao đặt câu hỏi này.” Thích Đề-hoàn Nhân liền hỏi Xá-lợi-phất:

–Vì sao Tôn giả hỏi như thế?

Xá-lợi-phất đáp Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Bát-nhã ba-la-mật là pháp hộ trì của Bồ-tát. Nhân công đức khuyến trợ pháp này, đem hồi hướng đến trí Nhất thiết trí, thì vượt lên trên công đức của Bồ-tát thực hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định. Ví như hoặc người mới sinh ra đã mù hoặc trăm người hoặc ngàn người hoặc vạn người hoặc ngàn vạn người vừa sinh ra đã mù, lại không có người dẫn đường mà muốn đi đến thành ấp thì những người ấy không biết phải đi như thế nào.

Cũng vậy, này Câu-dực! Năm pháp Ba-la-mật kia cũng như người mù không thấy đường, nếu lìa Bát-nhã ba-la-mật mà muốn đạt đến trí Nhất thiết trí thì không biết phải làm thế nào. Bát-nhã ba-la-mật là pháp hộ trì của năm pháp Ba-la-mật kia, đem lại đôi mắt cho năm pháp Ba-la-mật kia. Bát-nhã ba-la-mật là pháp hộ trì khiến cho năm pháp Ba-la-mật kia được mệnh danh là Ba-la-mật.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Phải làm thế nào để thể nhập vào trong Bát-nhã ba-la-mật?

Đức Phật đáp Xá-lợi-phất:

–Chẳng thấy sắc là đối tượng để nhập, chẳng thấy thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức là đối tượng để nhập. Chẳng thấy năm ấm là đối tượng để nhập tức là thể nhập vào Bát-nhã ba-la-mật.

Xá-lợi-phất hỏi Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Người như thế là người thể nhập Bát-nhã ba-la-mật. Thể nhập như thế thì sẽ hoàn thành pháp gì?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Không thành pháp nào hết tức là Bát-nhã ba-la-mật.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bát-nhã ba-la-mật không thành trí Nhất thiết trí, cũng không thật có. Nếu đặt câu hỏi: Bát-nhã ba-la-mật không đắc trí Nhất thiết trí, cũng không được thành, cũng không có danh tự gọi là thành. Đối với sinh tử cũng không có danh tự gọi là thành. Đối với sinh tử cũng không có thành. Bạch Thế Tôn! Vậy phải thế nào mới là thành?

Đức Phật dạy:

–Vì không thành nên mới là thành.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Hy hữu thay! Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nếu Bát-nhã ba-la-mật đối với các pháp không sinh, không đắc thì chỗ trụ là vô sở trụ.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Nếu Bồ-tát nghĩ như thế tức là xa lìa Bát-nhã ba-la-mật.

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Nếu như Bồ-tát có nhân duyên với Bát-nhã ba-la-mật thì quán niệm Bát-nhã ba-la-mật, biết Bát-nhã ba-la-mật là không, vô sở hữu, không gần, không xa. Đó là Bát-nhã ba-la-mật của Đại Bồ-tát.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Tin Bát-nhã ba-la-mật là tin pháp nào?

Đức Phật đáp Tu-bồ-đề:

–Người tin Bát-nhã ba-la-mật là không tin sắc, không tin thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức là có, không tin quả vị Tu-đà-hoàn, không tin các quả vị Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật và Phật đạo là có.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đại Ba-la-mật chính là Bát-nhã ba-la-mật.

Phật hỏi Tu-bồ-đề:

–Tại sao biết Đại Ba-la-mật chính là Bát-nhã ba-la-mật?

Tu-bồ-đề đáp:

–Đối với sắc không có lớn, không có nhỏ, chẳng lấy sắc làm chứng đắc, chẳng vì sắc mà chứng đắc. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng không có lớn, không có nhỏ, chẳng lấy thức làm chứng đắc, chẳng vì thức mà chứng đắc, thì đối với mười Lực của Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác không còn yếu kém. Trí Nhất thiết trí thì không rộng, không hẹp. Vì sao trí Nhất thiết trí không rộng, không hẹp biết là vô sở hành đối với Bát-nhã ba-la-mật? Vì Bát-nhã ba-la-mật vô sở hữu, nếu đối với pháp này có sở cầu nghĩa là có sở hữu, thì đó là một sai lầm lớn. Vì sao? Vì chúng sinh không sinh nên Bát-nhã ba-la-mật và chúng sinh đều không sinh, Bát-nhã ba-la-mật không nên chấp tướng chúng sinh, mà chúng sinh cũng không diệt. Bát-nhã ba-la-mật cũng giống như vậy. Chúng sinh như Bát-nhã ba-la-mật nghĩa là đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì chúng sinh có năng lực nên Như Lai hiện có năng lực.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật rất thâm diệu! Nếu có Đại Bồ-tát tin sâu Bát-nhã ba-la-mật, chẳng nói chỗ kém dở, cũng chẳng hồ nghi pháp này. Người này từ chỗ nào sinh đến đây? Người này là người đã hành đạo Bồ-tát, đã nghe và hiểu pháp Bát-nhã ba-la-mật, rồi theo lời dạy trong đó mà sinh vào chỗ này.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Từ cõi Phật phương khác đến sinh ở đây. Đại Bồ-tát này ở phương khác cúng dường Phật xong, vì muốn được học hỏi pháp Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu nên khi được nghe nói đến Bát-nhã ba-la-mật, liền tự nghĩ: “Ta gặp Bát-nhã ba-la-mật như gặp Phật, không khác.”

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bát-nhã ba-la-mật có thể được thấy nghe chăng?

Phật đáp:

–Không thể được thấy nghe.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát tu hành theo Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu từ trước đến nay đã được nghe pháp này bao nhiêu lần?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Các vị Bồ-tát ấy không phải cùng tu học như nhau, mà mỗi người đều có hạnh riêng. Hoặc có người đã cúng dường ngàn ấy trăm, ngàn ấy ngàn Đức Phật, đã gặp được pháp Bát-nhã ba-la-mật rồi đều tu hành giới thanh tịnh. Hoặc có người ở trong chúng nghe Bát-nhã ba-la-mật mà bỏ đi, vì chẳng kính pháp của Đại Bồ-tát, nay nghe Phật nói pháp Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, người này cũng bỏ đi, không muốn nghe. Vì sao? Vì người này ở đời trước cũng đã từng nghe thuyết pháp Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu mà bỏ đi. Tâm tâm chẳng yên là do tội nghiệp vô tri gây ra. Vì tội nghiệp này nên hoặc nghe nói đến pháp Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu lại ngăn người khác không cho họ nói. Người ngăn Bát-nhã ba-la-mật tức là ngăn trí Nhất thiết trí. Người ngăn trí Nhất thiết trí là người ngăn Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Do vì tội đoạn pháp này mà sau khi chết đi bị đọa vào đại địa ngục ngàn ấy trăm ngàn năm, ngàn ấy ức ngàn vạn năm, còn phải ở trong ngàn ấy địa ngục chịu đủ các sự đau khổ không thể nói hết. Hết tuổi thọ ở địa ngục này lại sinh qua đại địa ngục ở phương khác, hết tuổi thọ ở đó lại sinh qua đại địa ngục ở phương khác nữa.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Tội ấy như tội ngũ nghịch.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Tội ấy dù muốn ví dụ cũng không thể so sánh được. Nếu lúc người ấy được nghe đọc tụng, giảng nói Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu thì tâm người ấy nghi ngờ pháp này mà chẳng chịu học, nghĩ rằng: “Chẳng phải là pháp của Như Lai thuyết”, rồi nói lời ngăn cản người khác: “Đừng học pháp này”. Đó là tự làm hỏng mình còn làm hỏng người khác, tự mình uống thuốc độc rồi lại còn cho người khác uống thuốc độc. Hạng người này tự bỏ mất mình, còn bỏ mất người khác, tự chẳng hiểu biết Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, lại còn làm hại người khác. Bồ-tát chẳng nên gần gũi hạng người này.

Này Xá-lợi-phất! Bồ-tát chẳng nên sinh hoạt chung với hạng người này. Vì sao? Vì hạng người này là hạng phỉ báng pháp, tự ở trong chỗ tối tăm, còn lôi kéo người khác vào trong chỗ tối tăm. Họ không khác gì người tự uống thuốc độc hại thân chết. Lời của kẻ đoạn pháp cũng có người tin. Người nào tin lời kẻ ấy nói thì tội cũng đồng như kẻ ấy. Vì sao như thế? Vì phỉ báng lời Phật dạy. Người phỉ báng Bát-nhã ba-la-mật chính là đã phỉ báng các pháp.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Con xin được nghe nói về kẻ phỉ báng. Kẻ ấy thọ thân như thế nào, chẳng biết thân lượng thế nào?

Phật nói với Xá-lợi-phất:

–Kẻ phỉ báng pháp này, nếu được nghe nói đến thân lượng của họ, thì họ sẽ mưa máu hoặc sợ hãi mà chết vì bị đau đớn quá. Kẻ ấy nghe qua sẽ bị sự buồn rầu nung nấu mà chết ví như ngắt bông hoa để ngoài ánh nắng mặt trời thì phải bị khô héo.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Cúi xin Ngài vì mọi người mà nói về thân lượng của kẻ phỉ báng pháp như thế nào để làm gương cho đời sau. Người nào được nghe qua sẽ sợ hãi tự nghĩ: “Ta không nên phỉ báng và đoạn pháp như người kia.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đây là vì làm gương cho mọi người. Do nhân duyên tội nghiệp mà thọ thân rất xấu xí, đau khổ ở chỗ hôi hám không thể nói hết. Kẻ ấy đau khổ lớn lao và lâu dài. Thiện nam, thiện nữ nghe lời này rồi không còn dám phỉ báng.

Đức Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thiện nam, thiện nữ thường phải gìn giữ thân, khẩu, ý. Người chỉ ngồi không, lời nói ở cửa miệng làm cho mang tội này.

Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Người ngu si này ở trong pháp của ta làm Sa-môn trở lại phỉ báng Bát-nhã ba-la-mật tức là ngăn Phật, Bồ-tát. Ngăn Phật, Bồ-tát tức là đoạn trí Nhất thiết trí của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Đoạn trí Nhất thiết trí tức là đoạn pháp. Đoạn pháp tức là đoạn Tỳ-

kheo Tăng. Đoạn Tỳ-kheo Tăng thì phải chịu tội vô số không thể kể xiết.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nếu có người đoạn Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu thì do mấy nguyên nhân?

Đức Phật đáp Tu-bồ-đề:

–Một là bị ma sai khiến, hai là không tin không ưa pháp thâm diệu. Do hai nguyên nhân này nên thiện nam, thiện nữ đoạn Bát-nhã ba-la-mật.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người đoạn Bát-nhã ba-la-mật còn có bốn nguyên nhân. Thế nào là bốn nguyên nhân do nghe theo lời thầy ác nói? Một là không học theo diệu pháp, hai là không phụng hành diệu pháp, ba là chủ trương phỉ báng, bốn là tìm chỗ kém dở của người để tự đề cao mình.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Hiếm có người tin Bát-nhã ba-la-mật vì họ không hiểu nổi pháp này.

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Đúng thế, đúng thế! Hiếm có người tin Bát-nhã ba-la-mật vì họ không hiểu nổi pháp này.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu thế nào mà ít có người tin hiểu?

Đức Phật đáp Tu-bồ-đề:

–Sắc không dính mắc, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì chân tánh của sắc là sắc. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức không dính mắc, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì chân tánh của thức là thức. Sắc quá khứ không dính mắc, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì chân tánh của sắc quá khứ là sắc. Sắc vị lai không dính mắc, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì chân tánh của sắc vị lai là sắc. Sắc hiện tại không dính mắc, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì chân tánh của sắc hiện tại là sắc. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức quá khứ không dính mắc, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì chân tánh của thức quá khứ là

thức. Thức vị lai không dính mắc, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì chân tánh của thức vị lai là thức. Thức hiện tại không dính mắc, không trói buộc, không cởi mở. Vì sao? Vì chân tánh của thức hiện tại là thức. Thế nên, này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu ít có người tin hiểu.

M

Phẩm 6: THANH TỊNH

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bát-nhã ba-la-mật ít có người hiểu phải chăng là do vì chưa quen?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đúng thế, đúng thế! Bát-nhã ba-la-mật ít có người hiểu là do vì chưa quen. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì sắc thanh tịnh thì đạo quả cũng thanh tịnh, nên nói sắc thanh tịnh thì đạo quả cũng thanh tịnh. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng thanh tịnh nên nói đạo quả thanh tịnh, thế nên thức cũng thanh tịnh thì đạo quả cũng đồng thanh tịnh.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì sắc thanh tịnh thì trí Nhất thiết trí cũng thanh tịnh, nên nói trí Nhất thiết trí thanh tịnh thì sắc cũng thanh tịnh, thế nên sắc thanh tịnh thì trí Nhất thiết trí cũng đồng thanh tịnh, không khác. Nay chẳng đoạn pháp trước, pháp trước chẳng đoạn pháp sau, cho nên không hoại, vì thế pháp trước không bị đoạn. Nói thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức thanh tịnh, thì trí Nhất thiết trí thanh tịnh. Trí Nhất thiết trí thanh tịnh thì thức cũng đồng thanh tịnh không khác. Nay chẳng đoạn pháp trước, pháp trước chẳng đoạn pháp sau, cho nên không hoại, vì thế pháp trước không bị đoạn.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thanh tịnh thì thâm diệu.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thanh tịnh thì rất sáng.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thanh tịnh không có như bản.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thanh tịnh không có tỳ vết.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thanh tịnh vô sở hữu.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thanh tịnh thì đối với dục mà vô dục.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thanh tịnh thì đối với sắc mà vô sắc.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vô sở sinh thì vô sắc rất thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ở nơi hữu trí mà vô trí thì rất thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ở nơi trí mà không có biết (phân biệt) thì rất thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đối với sắc mà có trí nhưng không có biết (phân biệt) thì rất thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đối với thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức mà có trí nhưng không có biết (phân biệt) thì rất thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật rất thanh tịnh thì trí Nhất thiết trí không tăng, không giảm.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật rất thanh tịnh thì không chấp thủ đối với các pháp.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ngã thanh tịnh thì sắc cũng thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

– Vốn thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ngã thanh tịnh thì thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

– Vốn thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ngã thanh tịnh thì đạo quả cũng thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

– Vốn thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ngã thanh tịnh thì trí Nhất thiết trí cũng thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

– Vốn thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ngã thanh tịnh thì không có manh mối.

Đức Phật dạy:

– Vốn thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ngã thanh tịnh vô biên thì thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng vô biên.

Đức Phật dạy:

– Vốn thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật cũng chẳng bờ bên này, cũng chẳng bờ bên kia, cũng chẳng ở giữa dòng.

Đức Phật dạy:

–Vốn thanh tịnh.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Đại Bồ-tát biết như thế tức là thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Người có tướng (phân biệt chấp tướng) là đã lìa xa Bát-nhã ba-la-mật rồi.

Đức Phật dạy:

–Hay thay, hay thay! Nay Tu-bồ-đề! Hễ có danh tự thì có tướng, vì thế sinh ra chấp trước.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Hy hữu thay! Như Lai khéo nói pháp Bát-nhã ba-la-mật giải quyết một cách ổn thỏa đối với chấp trước.

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Thế nào là chấp trước?

Tu-bồ-đề đáp:

–Phân biệt sắc với không, đó là chấp trước. Phân biệt thống dương, tứ tướng, sinh tử, thức với không, đó là chấp trước. Đối với pháp quá khứ thì phân biệt pháp quá khứ, đó là chấp trước. Đối với pháp vị lai thì phân biệt pháp vị lai, đó là chấp trước. Đối với pháp hiện tại thì phân biệt pháp hiện tại, đó là chấp trước. Người đứng như pháp phát tâm Bồ-tát rồi cho là có công đức lớn thì đó là chấp trước.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Tu-bồ-đề:

–Tại sao việc ấy bị gọi là chấp trước?

Tu-bồ-đề đáp:

–Này Câu-dực! Vì người ấy phân biệt tâm này hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thiện nam, thiện nữ nên lìa bỏ sự chấp trước để chỉ ra bản thể (thật tướng của pháp).

Đức Phật dạy:

–Hay thay, hay thay! Nay Tu-bồ-đề! Ông khiến cho Đại Bồ-tát biết bản thể chính là giác biết sự chấp trước.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Có sự chấp trước rất vi tế. Nay ta sắp

giảng nói, ông hãy lắng nghe. Lời của Như Lai nói trước, sau, giữa đều thiện.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Con mong muốn được nghe.

Đức Phật dạy:

–Thiện nam, thiện nữ muốn tưởng niệm Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, vì theo ý tưởng nên có chấp trước. Các Đức Phật Thiên Trung Thiên quá khứ, vị lai, hiện tại vì pháp vô dư mà khuyến trợ, đó là khuyến trợ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì đối với pháp mà vô pháp nên nói không có quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì thế không thể có sở tác, cũng không thể có tưởng, cũng không thể làm nhân duyên, không thể thấy nghe như tâm có thể phân biệt.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Cội nguồn ấy rất thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Rất thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Nay con tự quy hướng về Bát-nhã ba-la-mật.

Đức Phật dạy:

–Vì pháp vô tác nên đấng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề thưa:

–Các pháp thật vô tác là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Không có hai pháp vì nói vốn thanh tịnh cho nên nói là một. Sự thanh tịnh ấy là đối với tất cả pháp không có người tạo tác.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Thế nên lìa các chấp trước là để chỉ ra bản thể.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật rất khó hiểu.

Đức Phật dạy:

–Như Lai không có đấng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật không thể tính lường.

Đức Phật dạy:

– Đúng thế, này Tu-bồ-đề! Chẳng phải là đối tượng nhận biết của tâm.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì không có người tạo tác.

Đức Phật dạy:

– Vì không có người tạo tác nên không chấp trước.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

– Bồ-tát phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật như thế nào?

Đức Phật dạy:

– Chẳng tưởng (chấp trước) sắc mà hành tức là thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Chẳng tưởng thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức mà hành tức là thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Chẳng thỏa mãn sắc mà hành tức là thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Chẳng thỏa mãn thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức mà hành tức là thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Sắc chẳng thỏa mãn là chẳng phải hành sắc, tức là thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng thỏa mãn là chẳng phải hành thức, tức là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Hy hữu thay! Như Lai ở trong các chấp trước mà thuyết không chấp trước thì sự chấp trước này mới thật là chẳng chấp trước.

Đức Phật dạy:

– Chẳng chấp sắc mà hành tức là thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Chẳng chấp thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức mà hành tức là thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Đây là Đại Bồ-tát hành nơi sắc không chấp trước, hành nơi thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng không chấp trước, hành nơi đạo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, Phật đạo cũng không chấp trước. Vì sao? Vì đã vượt

qua chấp trước nên còn thoát ra khỏi sự chấp trước trí Nhất thiết trí. Đó là Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Pháp của Như Lai tuyên thuyết rất thâm diệu hiểm có, dù Như Lai có nói thì pháp cũng không tăng, không nói thì pháp cũng không giảm.

Đức Phật dạy:

–Đúng thế, đúng thế! Này Tu-bồ-đề! Ví như Như Lai suốt đời ngợi khen hư không thì hư không cũng không tăng, nếu chẳng ngợi khen hư không thì hư không cũng không giảm. Ví như ngợi khen thì người huyễn hóa cũng không tăng, nếu chẳng ngợi khen thì người huyễn hóa cũng không giảm, vì nghe khen cũng không mừng, nghe chê cũng không giận. Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Đối với pháp, được mọi người phúng tụng, pháp cũng không tăng, không giảm.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Đại Bồ-tát rất siêng năng tinh tấn thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Hoặc có vị thọ trì Bát-nhã ba-la-mật không biếng nhác, không lo, không sợ, không động, không thoái lui. Vì sao? Vì thọ trì Bát-nhã ba-la-mật như là thọ trì hư không. Mọi người đều nên đánh lễ vị Đại Bồ-tát này. Đại Bồ-tát vì tất cả chúng sinh mà mặc áo giáp đại công đức chiến đấu với hư không. Bạch Đức Thiên Trung Thiên, vị Đại Bồ-tát này rất dũng mãnh, vì pháp là không, nên tự đạt đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được thành Phật. Có một vị Tỳ-kheo khác thâm nghĩ: “Ta phải kính lễ Bát-nhã ba-la-mật, vì đó là pháp không sinh, cũng là pháp không diệt.”

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Tu-bồ-đề:

–Nếu Bồ-tát tu học pháp Bát-nhã ba-la-mật thì phải tu học pháp nào?

Tu-bồ-đề đáp:

–Phải tu học pháp không.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi:

–Thế nào là tu học pháp Không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Người muốn tịch tĩnh là Đại Bồ-tát, vì người ấy biết Bát-nhã ba-la-mật.

Thích Đề-hoàn Nhân thưa:

–Con sẽ giữ gìn người tu học Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề hỏi Thích Đề-hoàn Nhân:

–Thế nào? Nay Câu-dực! Ông thấy có pháp để giữ gìn chăng, mà nói là muốn giữ gìn?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Không có.

Tu-bồ-đề nói:

–Người trụ nơi pháp Bát-nhã ba-la-mật tức là đã được giữ gìn. Dù người hay chẳng phải người cũng không thể rình rập hãm hại được.

Tu-bồ-đề nói tiếp:

–Nếu Đại Bồ-tát giữ gìn Không tức là tu học Bát-nhã ba-la-mật rồi. Nay Câu-dực! Ý ông nghĩ sao, có thể giữ gìn tiếng vang được chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Không thể.

Tu-bồ-đề nói:

–Nay Câu-dực! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì pháp ấy cũng như tiếng vang. Vì biết như thế nên không còn tưởng. Vì không có tưởng niệm tức là thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Do oai thần của Đức Phật, các vị Tứ Thiên vương, Đế Thích, Phạm vương và các vị trời tôn quý khác đều đến chỗ Phật, trước tiên đánh lễ Phật rồi nhiễu quanh ba vòng, mỗi vị đều đứng qua một bên. Các vị Tứ Thiên vương, Đế Thích, Phạm vương và các vị trời tôn quý khác đều thừa oai thần của Phật nghĩ là ngàn Đức Phật đều là Phật Thích-ca Văn, Tỳ-kheo của các Ngài đều tên Tu-bồ-đề và người thưa hỏi pháp Bát-nhã ba-la-mật đều là Thích Đề-hoàn Nhân.



KINH ĐẠO HÀNH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 4

Phẩm 7: KHEN NGỢI

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát Di-lặc lúc thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cũng sẽ ở tại nơi này thuyết pháp Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Tại sao Đại Bồ-tát Di-lặc cũng ở tại nơi này thuyết pháp Bát-nhã ba-la-mật?

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Lúc Đại Bồ-tát Di-lặc ở nơi này thành Đẳng chánh giác chẳng chấp nhận sắc mà thuyết Bát-nhã ba-la-mật, cũng chẳng phủ nhận sắc mà thuyết Bát-nhã ba-la-mật. Chẳng chấp nhận thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức mà thuyết Bát-nhã ba-la-mật, cũng chẳng phủ nhận thức mà thuyết Bát-nhã ba-la-mật. Cũng chẳng cởi mở sắc mà thuyết Bát-nhã ba-la-mật, cũng chẳng trói buộc sắc mà thuyết Bát-nhã ba-la-mật. Cũng chẳng cởi mở thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức mà thuyết Bát-nhã ba-la-mật, cũng chẳng trói buộc thức mà thuyết Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật rất thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Sắc cũng thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Cho nên Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng thanh tịnh.

Tu-bồ-đề thưa:

–Cho nên Bát-nhã ba-la-mật thanh tịnh.

Đức Phật dạy:

–Sắc thanh tịnh không có tỳ vết, Bát-nhã ba-la-mật cũng giống như vậy. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức thanh tịnh không có tỳ vết, Bát-nhã ba-la-mật cũng giống như vậy.

Phật dạy tiếp:

–Như hư không không có tỳ vết cho nên Bát-nhã ba-la-mật cũng thanh tịnh.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Người thọ trì, đọc tụng Bát-nhã ba-la-mật không bao giờ bị chết oan, ngàn ấy trăm vị trời, ngàn ấy ngàn vị trời thường theo bảo hộ. Nếu thiện nam, thiện nữ làm Pháp sư, mỗi tháng vào các ngày mồng tám, mười bốn, rằm thuyết pháp thì được công đức không thể kể xiết.

Đức Phật dạy:

–Đúng thế, đúng thế! Này Tu-bồ-đề! Người ấy được công đức không thể kể xiết. Nếu có người giữ gìn Bát-nhã ba-la-mật thì công đức còn hơn cả người kia. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Vì Bát-nhã ba-la-mật tức là trân bảo, đối với pháp, không có người tạo tác cũng không có người đắc pháp, cũng không có người thọ trì. Vì sao? Vì pháp này rất thâm diệu, cũng không thể thấy, cũng không thật có, cũng không có người đắc. Này Tu-bồ-đề! Cũng chẳng thấy Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Cũng chẳng thể đặt tên, cũng không có thấy. Người đắc Bát-nhã ba-la-mật tìm cầu cũng không thật có, cũng không thể thấy. Bát-nhã ba-la-mật rất thâm diệu như vậy cũng không có chỗ sinh ra. Bát-nhã ba-la-mật không có chỗ hành mà cũng không có chỗ nào chẳng hành. Bát-nhã ba-la-mật cũng không có người thọ trì pháp, cũng không có người giữ gìn pháp, như hư không không có chỗ thủ, không có chỗ trì, không chỗ thấy mà cũng không có chỗ nào chẳng thấy.

Các vị Thiên tử trong tam thiên đại thiên thế giới bay ở trên

quan sát đồng thanh khen ngợi:

–Ồ châu Diêm-phù-lợi, lại thấy bánh xe pháp chuyển lần thứ hai.

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Không có bánh xe pháp chuyển lần thứ hai cũng đừng nghĩ có bánh xe pháp chuyển lần thứ nhất. Chẳng chuyển bánh xe pháp tức là Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, đúng thế! Rất an ổn là Bát-nhã ba-la-mật. Đối với Đại Bồ-tát không có pháp ngăn ngại Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không có pháp thành Vô Thượng Giác thì bánh xe pháp nào chuyển, không thấy pháp mới là chuyển, pháp không hoàn diệt tức là chuyển, cũng không có pháp có sợ hãi, không có pháp có lo âu. Vì sao? Nếu có hai pháp thì chẳng thể được. Pháp nào là pháp lo âu? Cũng không có pháp chuyển, cho nên các pháp như hư không không có chuyển, cũng không có pháp có hoàn diệt thậm chí các pháp cũng đều không thật có.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Không thì không bị chuyển, cũng không có lưu chuyển và hoàn diệt, cũng vô tướng, vô nguyện, cũng không có sinh tử, cũng không từ đâu sinh, cũng không có lưu chuyển, cũng không có hoàn diệt. Người thuyết như thế chính là thuyết pháp. Không có người thuyết, cũng không có đắc, cũng không có chứng. Thuyết như thế, pháp cũng chẳng Bát-nê-hoàn. Thuyết như vậy pháp cũng không có tận.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ba-la-mật vô cực vì như hư không không có cùng tận.

1. Ba-la-mật bình đẳng vì đối với các pháp đều bình đẳng.
2. Ba-la-mật mịt mù là vì bản không.
3. Ba-la-mật vô thượng vì đối với các pháp không chấp trước.
4. Ba-la-mật vô nhân vì không có thân.
5. Ba-la-mật vô sở khứ vì không có chỗ đến.

6. Ba-la-mật vô sở hữu vì không nắm giữ.
7. Ba-la-mật vô hữu tận vì không cùng tận.
8. Ba-la-mật không từ đâu sinh ra vì không có diệt.
9. Ba-la-mật vô tác vì không có người tạo tác.
10. Ba-la-mật chẳng biết (phân biệt) vì vô sở đắc.
11. Ba-la-mật vô sở chí vì không có chỗ đến.
12. Ba-la-mật vô cấu vì thanh tịnh.
13. Ba-la-mật không chấp trước vì vô sở đắc.
14. Ba-la-mật như mộng vì không có ngã.
15. Ba-la-mật thanh tịnh vì không có tỳ vết.
16. Ba-la-mật chẳng thể thấy vì không có nơi chốn.
17. Ba-la-mật định vì chẳng dao động.
18. Ba-la-mật vô niệm vì thấy đều bình đẳng.
19. Ba-la-mật chẳng lay động vì pháp không di chuyển.
20. Ba-la-mật vô dục vì bản vô.
21. Ba-la-mật vô sở sinh vì không có chỗ hướng đến.
22. Ba-la-mật tịch tĩnh vì không có tướng.
23. Ba-la-mật không ngăn ngại vì không có giới hạn.
24. Ba-la-mật vô nhân vì vốn không.
25. Ba-la-mật chẳng quán sát vì pháp không từ đâu sinh khởi.
26. Ba-la-mật chẳng đến biên giới vì không có chỗ dừng.
27. Ba-la-mật chẳng mục nát vì không có hư hỏng.
28. Ba-la-mật không chỗ nào chẳng nhập vào vì đó là chỗ mà các vị A-la-hán và Bích-chi-phật không thể đến.
29. Ba-la-mật chẳng loạn vì không bị bất cứ việc gì làm lụy.
30. Ba-la-mật chẳng thể lường vì không có pháp nhỏ.
31. Ba-la-mật không có hình tướng vì đối với các pháp không có ngăn ngại.
32. Ba-la-mật không thật có vì không sinh.
33. Ba-la-mật không có vô thường vì chẳng có hoại diệt.
34. Ba-la-mật không có khổ vì các pháp chẳng xâm lấn lẫn nhau.

35. Ba-la-mật không có ngã vì đối với các pháp không có mong cầu.
36. Ba-la-mật không vì đối với các pháp chẳng thật có.
37. Ba-la-mật không có tướng vì đối với các pháp không có sinh ra.
38. Ba-la-mật sức lực vì đối với các pháp thì chiến thắng.
39. Ba-la-mật không thể tính kể Phật pháp vì đối với các pháp vượt ra ngoài sự tính toán.
40. Ba-la-mật tự nhiên (tự tánh) chính là Bát-nhã ba-la-mật-đa.
41. Vì đối với các pháp cũng không có tự nhiên (tự tánh).

M

Phẩm 8: TRÌ

Thích Đề-hoàn Nhân thâm nghĩ: “Người nghe Bát-nhã ba-la-mật đều là người của thời Phật quá khứ hà huống là học tập, thọ trì, đọc tụng. Họ học tập, thọ trì, đọc tụng, sống đúng như lời Phật dạy. Những người ấy đời trước đã từng cúng dường biết bao Đức Phật, hôm nay lại được nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, học tập, thọ trì, phụng tụng, sống đúng như lời Phật dạy. Người ấy đã từng thưa hỏi pháp này từ thời Phật quá khứ. Thiện nam, thiện nữ đó vì đã gặp Đức Phật quá khứ đã được nghe Bát-nhã ba-la-mật nên không còn nghi ngờ, không còn lo âu, sợ hãi.”

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Đại Bồ-tát tín thọ Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, thì phải được xem như bậc không thoái chuyển. Vì sao? Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu phải dùng tinh tấn để tin nhận Bát-nhã ba-la-mật. Giả sử có người khinh thường Bát-nhã ba-la-mật thì người này đời trước cũng đã từng khinh thường Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì không tin ưa Bát-nhã ba-la-mật, vì không thưa hỏi Phật và đệ tử của Phật về pháp này. Vì vậy cần phải biết các lý do đã gây nên.

Thích Đề-hoàn Nhân nói với Tôn giả Xá-lợi-phất:

–Bát-nhã ba-la-mật rất là thâm diệu hy hữu. Nếu có người nghe thuyết Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu mà chẳng tin thì đó là người chưa hành đạo Bồ-tát thành ra thọ trì khó khăn. Còn người tự lễ kính Bát-nhã ba-la-mật là người đã tự lễ kính trí Nhất thiết trí.

Xá-lợi-phất nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Đúng thế, đúng thế! Này Câu-dực! Người tự lễ kính trí Nhất thiết trí tức là tự lễ kính Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì từ trong pháp này sinh ra trí Nhất thiết trí của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Trí Nhất thiết trí là ánh sáng chiếu soi của Bát-nhã ba-la-mật. Người trụ trong Bát-nhã ba-la-mật thì hiểu được trí này.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật như thế nào? Trụ trong Bát-nhã ba-la-mật như thế nào? Hiểu thế nào về trí Nhất thiết trí trong Bát-nhã ba-la-mật?

Đức Phật dạy:

–Hay thay, hay thay! Này Câu-dực! Ông đặt câu hỏi như thế đều là nhờ oai thần của Phật. Nếu Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì chẳng trụ trong sắc, nếu chẳng trụ trong sắc tức là hành. Chẳng trụ trong thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức. Nếu chẳng trụ trong thức tức là hành. Ở trong sắc chẳng rốt ráo. Như sắc chẳng rốt ráo vì thế chẳng trụ trong sắc. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng rốt ráo vì thế chẳng trụ trong thức.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật rất thâm diệu. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật rất khó thấy bờ bến.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Sắc thâm diệu cũng chẳng trụ. Nếu chẳng trụ sắc thâm diệu thì người chẳng trụ sắc thâm diệu như thế tức là hiểu thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức thâm diệu chẳng trụ. Nếu chẳng trụ thức thâm diệu thì người chẳng trụ thức thâm diệu như thế tức là hiểu sắc thâm diệu cũng chẳng tùy theo. Người chẳng tùy theo sắc thâm diệu tức là chẳng trụ sắc thâm diệu. Nếu chẳng trụ sắc thâm diệu tức là chẳng

tùy theo sắc thâm diệu. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức thâm diệu chẳng tùy theo, người chẳng tùy theo thức thâm diệu như thế tức là chẳng trụ thức thâm diệu. Người chẳng trụ thức thâm diệu như thế tức là chẳng tùy theo thức thâm diệu.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, phải nên đời trước Bồ-tát không thoái chuyển thuyết pháp này. Các vị ấy nghe pháp trí tuệ này chẳng nghi, cũng chẳng chán.

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Xá-lợi-phất:

–Có gì khác chẳng khi thuyết pháp này với các vị Đại Bồ-tát chưa được thọ ký?

Xá-lợi-phất đáp:

–Các Bồ-tát đó từ khi cầu Phật đạo đến nay đã lâu lắm rồi. Họ là người đã được thọ ký. Nếu người chưa được thọ ký mà nghe thuyết pháp này chỉ chẳng bao lâu cũng được thọ ký hoặc gặp một Đức Phật hoặc gặp hai Đức Phật thì được thọ ký thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đại Bồ-tát chưa được thọ ký nghe pháp này sợ hãi bỏ đi.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đúng thế, đúng thế! Đại Bồ-tát cầu Phật đạo từ trước đến nay đã lâu lắm rồi hoặc đã được thọ ký hoặc chưa được thọ ký đều nghe thuyết pháp Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu này.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Con cũng muốn nói về pháp này để cho người thích nghe được an vui.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Nếu ông thích thì cứ nói.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ví như Đại Bồ-tát trong giấc mộng tự thấy ngồi tòa Phật thì biết là hiện đang gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thành Phật. Bạch Đức Thiên Trung Thiên, cũng vậy, Đại Bồ-tát được nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu là Đại Bồ-tát học từ trước đến nay đã lâu lắm rồi, nay chẳng còn bao lâu

nữa sẽ được thọ ký, công đức của vị ấy sắp thành tựu viên mãn. Đại Bồ-tát nên biết như vậy: “Người đắc Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu là người công đức sắp thành tựu viên mãn.”

Đức Phật dạy:

–Hay thay, hay thay! Này Xá-lợi-phất! Ông nói được lời như thế đều nhờ oai thần của Phật.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thiện nam đi một vạn dặm hoặc mấy vạn dặm đến nơi trống trải. Người này từ xa trông thấy kẻ chặn bò, người chặn dê hoặc thấy địa giới hoặc thấy nhà cửa hoặc thấy ruộng vườn, nghĩ rằng: “Sắp đến quận, sắp đến huyện, sắp đến xóm làng.” Nếu muốn đến thì nên nghĩ rằng: “Từ từ đi tới thì sẽ đến gần, không còn sợ giặc cướp.” Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đại Bồ-tát đắc Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu cũng giống như vậy, nay chẳng còn bao lâu nữa sẽ được thọ ký cũng chẳng sợ rơi vào quả vị của đạo A-la-hán, Bích-chi-phật. Vì sao? Vì trước đó đã có ý tưởng thấy nghe đến Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ví như thiện nam muốn thấy biển cả, liền đi về hướng biển cả. Hoặc thấy cây nghĩ về cây, hoặc thấy núi nghĩ về núi, chẳng biết là biển cả hãy còn xa. Người này từ từ đi về phía trước, đến lúc chẳng thấy cây chẳng nghĩ về cây, chẳng thấy núi cũng chẳng nghĩ về núi, trong lòng nghĩ không bao lâu sẽ đến biển. Trên đường đi không còn thấy có cây, cũng không nghĩ về cây, không còn có núi cũng không nghĩ về núi, thiện nam này tuy chưa thấy biển cả nhưng biết rằng sắp đến. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đại Bồ-tát này phải biết như vậy: Nếu ai nghe được Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, tuy chẳng thấy được Phật thọ ký nhưng biết từ nay cho đến ngày thành Phật không còn xa.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ví như cây cối mùa xuân từ từ đâm chồi nảy lộc chẳng bao lâu sẽ ra hoa kết trái. Vì sao? Vì những dấu hiệu này của cây cho biết chẳng bao lâu cây sẽ ra lá rồi sinh hoa trái, người ở châu Diêm-phù-lợi đều rất vui mừng từng nhìn thấy cây này, thì biết chẳng bao lâu hoa trái sẽ chín. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Cũng thế, Đại Bồ-tát được nghe thấy Bát-nhã ba-la-mật thâm

diệu thì công đức của người ấy sắp thành tựu viên mãn, nay ở trong Bát-nhã ba-la-mật tự đạt đến thành tựu. Đại Bồ-tát này phải biết đó là do lúc ở đời quá khứ đã học Bát-nhã ba-la-mật nên công đức ấy sắp thành tựu viên mãn. Vì sao? Vì hiện tại lại được nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu. Chư Thiên trên trời đều vì người ấy mà vui mừng nghĩ đến lúc thấy các Đại Bồ-tát quá khứ được thọ ký thì biết Đại Bồ-tát này hôm nay cũng được thọ ký, chẳng bao lâu sẽ thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ví như người đàn bà có thai, bụng dần dần to, thân thể nặng nề không như trước kia, làm việc gì cũng bất tiện, ăn uống ít đi, đi đứng khó khăn, dần dần cảm thấy đau, nói năng chậm chạp, nằm ngồi không yên, đau đớn dớn đập thì biết người đàn bà này chẳng bao lâu sẽ sinh. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Cũng vậy, Đại Bồ-tát công đức sắp thành tựu viên mãn, nếu được nghe thấy Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, vị ấy tưởng niệm tu hành thì phải biết vị Đại Bồ-tát ấy hôm nay được thọ ký, chẳng bao lâu được thành tựu đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật dạy:

–Hay thay, hay thay! Nay Xá-lợi-phất! Ông nói được như thế là đều nhờ oai thần của Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Hy hữu thay! Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đều biết trước về Đại Bồ-tát này.

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát ngày đêm xót thương nghĩ đến thế gian, muốn làm cho trời, người đều được yên ổn. Vì thế lúc tự đạt đến đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thành Phật, họ vì hàng trời, người mà thuyết pháp.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Như vậy Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật phải hành thế nào để được thành tựu?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng thấy lỗi của

sắc là thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Chẳng thấy lỗi của thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức là thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Chẳng thấy sắc không lỗi là thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Chẳng thấy thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức không lỗi là thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Chẳng thấy pháp đúng là thực hành Bát-nhã ba-la-mật, cũng chẳng thấy pháp sai là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Điều Thế Tôn nói ra chẳng thể nghĩ bàn.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Sắc cũng chẳng thể nghĩ bàn thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng phân biệt sắc là thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Chẳng phân biệt thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Ai sẽ tin đây là hạnh của Đại Bồ-tát?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Cái gì là hạnh? Giả sử hạnh của Đại Bồ-tát thì cũng chỉ là giả danh. Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật đối với mười Lực cũng không gần, đối với bốn Vô sở úy cũng không gần, đối với Phật pháp cũng không gần, đối với trí Nhất thiết trí cũng không gần. Vì sao? Vì mười Lực chẳng thể nghĩ bàn bốn Vô sở úy cũng chẳng thể kể xiết, Phật pháp cũng chẳng thể nghĩ bàn, trí Nhất thiết trí cũng chẳng thể nghĩ bàn, sắc cũng chẳng thể nghĩ bàn, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng chẳng thể nghĩ bàn, các pháp cũng chẳng thể nghĩ bàn, tâm cũng chẳng thể nghĩ bàn. Nếu Đại Bồ-tát hành như thế tức là vô sở hành, đó là thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Giả sử làm hạnh như thế cũng chỉ là giả danh mà thôi.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật là vua trong các loại trân bảo. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật là vua trong các vị đại tướng. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã

ba-la-mật chiến đấu cùng hư không, không ai có thể thắng. Từ trong pháp này không bị đoạn tuyệt.

Đức Phật dạy:

–Đúng thế, đúng thế! Này Tu-bồ-đề! Người muốn biên chép nhanh chóng kinh này cũng phải đến một năm mới xong. Vì sao? Vì đối với kinh trân bảo này có nhiều nhân duyên nổi lên khiến cho việc biên chép của thiện nam, thiện nữ nửa chừng bị đứt đoạn.

Tu-bồ-đề thưa:

–Ở trong Bát-nhã ba-la-mật! Đám ma tặc ác thường khiến cho muốn làm đứt đoạn.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Giả sử đám ma tặc ác muốn làm đứt đoạn kinh này thì cũng sẽ không thể thắng được Đại Bồ-tát.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Nhờ oai thần của ai mà đám ma tặc ác không thể làm đứt đoạn nửa chừng?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đều nhờ oai thần của Phật và của chư Phật hiện tại trong vô số cõi nước ở khắp mười phương. Lại nhờ ân của oai thần, chư Phật đều cùng thương tưởng, đều cùng truyền trao, đều cùng ủng hộ người này. Này Xá-lợi-phất! Đại Bồ-tát này là người đã được Phật ủng hộ nên đám ma tặc ác không thể giữa chừng làm đứt đoạn. Vì sao? Vì chư Phật hiện tại trong vô số thế giới ở khắp mười phương đều cùng ủng hộ Bát-nhã ba-la-mật. Nếu có người tụng niệm giảng nói hoặc có người học tập, thọ trì, biên chép đều là do oai thần của chư Phật.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Đại Bồ-tát hoặc có người tụng niệm hoặc có người học tập, thọ trì, biên chép là đã được oai thần của chư Phật ủng hộ.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Đều là ân đức oai thần của chư Phật. Đại Bồ-tát này học Bát-nhã ba-la-mật nên biết đó là sự ủng hộ của chư Phật.

Xá-lợi-phất thưa:

–Nếu có người học tập, trì tụng Bát-nhã ba-la-mật, Phật dùng Phật nhãn thấy biết người ấy.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Như Lai dùng Phật nhãn nhìn thấy người học tập, trì tụng Bát-nhã ba-la-mật. Sau cùng nếu có người biên chép gìn giữ quyển kinh, phải biết những người này đều đã được Như Lai dùng Phật nhãn nhìn thấy.

Phật nói tiếp với Xá-lợi-phất:

–Bồ-tát là người chí đức. Người học tập, thọ trì kinh này là Đại Bồ-tát đang ở gần tòa Phật sắp thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Sau cùng, nếu có người biên chép gìn giữ quyển kinh thì những người cao quý này được công đức rất lớn. Nay Xá-lợi-phất! Như vậy sau khi Như Lai diệt độ, Bát-nhã ba-la-mật này sẽ ở tại Nam Thiên trúc, pháp này có người học rồi, từ Nam Thiên trúc sẽ chuyển đến Tây Thiên trúc, pháp này có người học rồi, sẽ từ Tây Thiên trúc chuyển đến Bắc Thiên trúc, pháp này cũng có người học.

Phật nói tiếp với Xá-lợi-phất:

–Về sau lúc kinh pháp này sắp đoạn tuyệt, ta đều biết người thọ trì Bát-nhã ba-la-mật. Nếu sau cùng có người biên chép, Đức Phật đều dự kiến người ấy sẽ ngợi khen và thuyết giảng kinh này.

Xá-lợi-phất hỏi Phật:

–Cuối cùng Bát-nhã ba-la-mật sẽ đến Bắc Thiên trúc chăng?

Đức Phật dạy:

–Sẽ đến Bắc Thiên trúc. Người ở tại đó sẽ nghe Bát-nhã ba-la-mật và còn thưa hỏi về pháp này thì ông phải biết là Đại Bồ-tát này đã hành Bát-nhã từ trước đến nay đã lâu lắm rồi, vì thế bây giờ họ lại thọ trì Bát-nhã ba-la-mật.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bắc Thiên trúc sẽ có bao nhiêu Đại Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Bắc Thiên trúc tuy có rất nhiều Đại Bồ-tát nhưng ít có người học Bát-nhã ba-la-mật. Nếu có người nghe thuyết pháp Bát-nhã

ba-la-mật mà không kinh, không hãi, không sợ thì đó là người đời trước đã từng nghe Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thuyết pháp này. Bồ-tát này là người chí đức trì tịnh giới đầy đủ, muốn độ thoát tất cả mọi người. Như Lai biết những người cầu Phật đạo này là thiện nam, thiện nữ hiện nay đang gần trí Nhất thiết trí. Người học pháp này sinh ra ở đâu cũng thường học pháp này, tiếp tục đi đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thiện nam, thiện nữ này là người cực kỳ tôn quý, ma không bao giờ làm gì được, chẳng thể lay động làm cho bỏ đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thiện nam, thiện nữ nghe Bát-nhã ba-la-mật này thì đã được cực kỳ tôn quý. Công đức khuyến trợ Đại thừa làm cho họ mau gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Thiện nam, thiện nữ này tuy chẳng thấy ta nhưng đời sau học đắc Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu là đã tận mắt thấy Phật. Nói lời Bát-nhã ba-la-mật cũng không sai khác, đây là hạnh Bồ-tát cần phải thực hành. Nếu có ngần ấy trăm người, ngần ấy ngàn người cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì phải giáo hóa họ, phải khuyến trợ họ, phải thuyết pháp cho họ nghe để họ đều hoan hỷ học Phật đạo.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Ta khuyến trợ thiện nam, thiện nữ chí đức đó học đạo Bồ-tát. Nếu người nào dạy như thế tức là đem sự sáng suốt của tâm này chuyển đến tâm kia. Thiện nam, thiện nữ nếu vì người khác mà khuyến trợ thì những người muốn hành đạo Bồ-tát này có đến hàng trăm người, hàng ngàn người cầu đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, phải nên giáo hóa họ, phải nên khuyến trợ khiến cho họ hoan hỷ học Phật đạo. Trong lòng các thiện nam, thiện nữ này hơn hỷ vui mừng nguyện sinh về cõi Phật phương khác. Đã được sinh về phương khác rồi, liền tận mắt thấy Phật thuyết pháp, nghe lại pháp Bát-nhã ba-la-mật đều thông hiểu tất cả rõ ràng. Lại ở trong cõi Phật kia giáo hóa hàng trăm, hàng ngàn người đều hành Phật đạo.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

–Hy hữu thay! Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vì pháp quá khứ, vị lai, hiện tại không pháp nào chẳng hiểu, vì biết hết hạnh của Đại Bồ-tát ở đời vị lai nên khiến cho họ không lười nhác mà lại tinh tấn

học, rồi đi sâu vào trong sáu pháp Ba-la-mật.

Đức Phật dạy:

–Thiện nam, thiện nữ này nếu có người nào hành pháp đó thì những điều mong cầu đều được như ý hoặc điều chẳng cầu cũng tự được. Đó là do bản nguyện của thiện nam, thiện nữ nên chẳng lìa pháp này. Tuy họ không có chỗ mong cầu mà tự được sáu pháp Ba-la-mật.

Xá-lợi-phất hỏi Phật:

–Từ trong Ba-la-mật này có thể sinh ra kinh quyển được chăng?

Phật bảo Xá-lợi-phất:

–Thiện nam, thiện nữ này thâm nhập Bát-nhã ba-la-mật thì từ trong pháp này tự lý giải ra mỗi một pháp thâm diệu là một quyển kinh. Vì sao? Đây Xá-lợi-phất! Nếu người nào dạy đúng như đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì có thể dạy mọi người, khuyến trợ họ, vì họ thuyết pháp, đều khiến họ hoan hỷ học Phật đạo. Thiện nam, thiện nữ lại tự học pháp này, vì thế sinh ra nơi nào cũng đều được sáu pháp Ba-la-mật.

M

Phẩm 9: GIÁC MA

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Thiện nam, thiện nữ học pháp này sẽ có hiệu nghiệm. Bạch Đức Thiên Trung Thiên, làm thế nào để phát hiện biết đó là hành vi của ma?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Người tâm không ưa thích pháp này thì phải nhận biết đó là hành vi của ma. Đại Bồ-tát tâm chột vọng khởi thì phải nhận biết đó là hành vi của ma. Lúc Đại Bồ-tát biên chép kinh này nếu có sấm chớp sợ hãi thì phải nhận biết đó là hành vi của ma. Lúc Đại Bồ-tát biên chép kinh này mà bị trêu ghẹo thì phải nhận biết đó là hành vi của ma. Khi Đại Bồ-tát biên chép kinh này mà bị chê cười

thì phải nhận biết đó là hành vi của ma. Khi Đại Bồ-tát biên chép kinh này mà nhìn trái nhìn phải (tán loạn) thì phải nhận biết đó là hành vi của ma. Khi Đại Bồ-tát biên chép kinh này tâm khởi niệm tà vạy, không tập trung thì phải nhận biết đó là hành vi của ma. Đại Bồ-tát tâm không để trên kinh mà luôn luôn từ chỗ ngồi đứng dậy thì phải nhận biết đó là hành vi của ma. Đại Bồ-tát tự nghĩ: “Ta chưa được thọ ký trong Bát-nhã ba-la-mật”, rồi tâm tán loạn, đứng dậy bỏ đi thì phải nhận biết đó là hành vi của ma. Đại Bồ-tát tự nghĩ: “Tên tuổi của ta không ở trong Bát-nhã ba-la-mật”, lòng cảm thấy không vui thì phải nhận biết đó là hành vi của ma. Đại Bồ-tát tự nghĩ: “Làng xóm, quận huyện, đất nước của ta không được nghe Bát-nhã ba-la-mật và sinh vào chỗ nào cũng đều không được nghe pháp này.” Lòng của vị này muốn hối tiếc bèn bỏ đi. Người này về sau phải trải qua nhiều kiếp mới có sở đắc. Trong bao kiếp ở đời vị lai thích học kinh khác, chẳng trụ trí Nhất thiết trí, bỏ Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu. Người học các kinh khác là người bỏ gốc lấy ngọn. Có người học Bát-nhã ba-la-mật cũng biết pháp thế tục và pháp xuất thế gian nhưng lại bỏ Bát-nhã ba-la-mật thì ví như con chó được chủ nhà cho ăn mà chẳng chịu ăn lại chạy theo kẻ đầy tớ xin ăn. Cũng như thế, này Tu-bồ-đề! Vào thời vị lai có Đại Bồ-tát bỏ Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu lại đi tìm cầu cành nhánh nghĩa là theo học các kinh khác bèn rơi vào quả vị của đạo Thanh văn, Bích-chi-phật. Ví như có người thấy con voi mà chẳng chịu nhìn, lại đi tìm dấu chân voi. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao? Người ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Người ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát là người có đức. Trong hai hạng người này, có hạng người bỏ Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, lại đi tu học kinh khác để đắc đạo A-la-hán, Bích-chi-phật. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ thế nào, Bồ-tát ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bồ-tát ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Như thế, phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ví như có người muốn thấy biển cả mà chưa từng thấy biển cả, cho nên nếu thấy ao hồ bên nói đó là biển cả. Nay Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, người ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Người ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Cũng vậy, Bồ-tát là người có đức mà bỏ Bát-nhã ba-la-mật lại đi học kinh khác để rơi vào đạo Thanh văn, Bích-chi-phật. Nay Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao, Đại Bồ-tát ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đại Bồ-tát ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát ấy phải nhận biết đó là hành vi của ma. Ví như có một kiến trúc sư tài ba có khả năng xây dựng cung điện, ý muốn làm một cung điện cao như cung điện Nhật nguyệt, ai đứng đâu cũng đều trông thấy. Nay Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, người ấy có thể làm được không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Cung điện Nhật nguyệt rất cao không ai có thể làm được.

Đức Phật dạy:

–Nay Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, người ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Người ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Cũng vậy, nay Tu-bồ-đề! Vào thời vị lai sẽ có người hành đạo Bồ-tát được nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu không vừa ý bèn bỏ đi, lại đi học pháp Thanh văn, Bích-chi-phật để cầu trí Nhất thiết trí ở trong các pháp ấy. Nay Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, Bồ-tát ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Người ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát ấy phải nhận biết đó là hành vi của ma. Ví như có người muốn thấy Chuyển luân thánh vương, nhưng chưa từng thấy qua, lại thấy tiểu vương rồi ghi nhớ kỹ càng hình dung, y phục của vị ấy rồi cho đó là Chuyển luân thánh vương. Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, người ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Người ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Vào thời vị lai sẽ có Bồ-tát được nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu lại không vừa ý bèn bỏ đi, lại vào trong pháp Thanh văn để cầu trí Nhất thiết trí. Này Tu-bồ-đề, ý ông nghĩ sao, Bồ-tát ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bồ-tát ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát ấy phải nhận biết đó là hành vi của ma. Ví như có người rất đói, được thức ăn ngon mà chẳng chịu ăn, lại đi ăn thức ăn dở. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, người ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Người ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Vào thời vị lai sẽ có Đại Bồ-tát được nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu mà không vừa ý bèn bỏ đi, lại vào trong pháp Thanh văn để cầu trí Nhất thiết trí, muốn được thành Phật. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, Đại Bồ-tát ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đại Bồ-tát ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát ấy phải nhận biết đó là hành vi của ma. Ví như có người được viên châu ma-ni vô giá mà lại cho viên châu này đồng

giá trị với thủy tinh. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, người ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Người ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Cũng vậy, vào thời vị lai sẽ có người hành đạo Bồ-tát được nghe Bát-nhã ba-la-mật, lại đem so sánh với pháp Thanh văn, rồi ở trong pháp Thanh văn muốn đắc trí Nhất thiết trí, thành Phật. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, Đại Bồ-tát ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đại Bồ-tát ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Đại Bồ-tát ấy phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người đang biên chép Bát-nhã ba-la-mật, nếu nghe nói đến tiền của, lợi lộc mà bỏ việc biên chép này. Đó là Bồ-tát tự tạo chướng nạn cho mình.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Người như vậy có thể biên chép xong Bát-nhã ba-la-mật chăng?

Đức Phật dạy:

–Người ấy không thể biên chép xong. Người ấy cần phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Phật dạy tiếp:

–Này Tu-bồ-đề! Người biên chép được chút ít kinh này rồi tự nói rằng: “Ta biên chép Bát-nhã ba-la-mật”, ở trong pháp này nghĩ rằng chắc chắn sắp có sở đắc thì phải nhận biết đó là hành vi của ma. Vì người khởi ý tưởng mong cầu thì bị rơi vào cảnh giới ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Lúc biên chép Bát-nhã ba-la-mật nếu nghĩ đến quê hương hoặc nghĩ đến phương khác hoặc nghĩ đến nước khác hoặc nghĩ đến vua hoặc nghĩ đến giặc, hoặc nghĩ đến binh lính hoặc nghĩ đến chiến đấu hoặc nghĩ đến cha mẹ, anh em, chị em thân thuộc. Hoặc có những ý nghĩ khác, mà càng làm gia tăng thêm các niệm ấy để loạn tâm Bồ-tát, gây ra chướng nạn thì phải

nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu có tiền của, lợi lộc, y phục thích hợp, thức uống ăn, giường nệm, thuốc men chữa bệnh dôi dào được mang đến, Bồ-tát nghe qua tâm rối loạn không thể học tập, trì tụng, biên chép được Bát-nhã ba-la-mật thì phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Có bọn ma theo Phật kinh thâm pháp lần lượt làm rối loạn khiến Đại Bồ-tát không còn muốn đắc phương tiện thiện xảo, nên chẳng bằng lòng thưa hỏi về Bát-nhã ba-la-mật.

Đức Phật dạy:

–Ta đã giảng nói nhiều về việc của Đại Bồ-tát, nếu ai muốn học phương tiện thiện xảo thì phải tìm cầu từ Bát-nhã ba-la-mật. Nếu họ không vừa lòng Bát-nhã ba-la-mật mà bỏ đi lại tìm cầu phương tiện thiện xảo trong đạo Thanh văn. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, người ấy có sáng suốt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Người ấy không sáng suốt.

Đức Phật dạy:

–Như vậy, Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu người thọ kinh muốn nghe Bát-nhã ba-la-mật mà gặp phải lúc thân Pháp sư bất an thì Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp sư vừa yên ổn muốn truyền dạy Bát-nhã ba-la-mật, nhưng người thọ kinh lại muốn đi nơi khác, hai bên chẳng hòa hợp nên cũng chẳng biên chép được Bát-nhã ba-la-mật. Như vậy, Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người học kinh muốn thọ Bát-nhã ba-la-mật, lòng họ vui thích, nhưng Pháp sư lại muốn đi đến phương khác. Như vậy, hai bên chẳng hòa hợp nên cũng chẳng biên chép được Bát-nhã ba-la-mật. Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp sư muốn có được các thứ như y phục, tiền của, lợi lộc mà người thọ kinh lại không có tâm cúng

dường. Hai bên không hòa hợp nên cũng không học được Bát-nhã ba-la-mật. Như vậy, Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Người thọ kinh cúng dường không tiếc, muốn vật gì cũng đều chịu ý, nhưng Pháp sư có kinh quyển mà không chịu đưa ra, cũng không chịu giảng giải, khiến cho người thọ kinh không vui. Hai bên chẳng hòa hợp nên học tập, biên chép Bát-nhã ba-la-mật cũng chẳng được. Như vậy, Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp sư vừa muốn thuyết pháp, nếu người thọ kinh chẳng muốn nghe pháp. Như vậy, hai bên chẳng hòa hợp nên cũng chẳng được nghe Bát-nhã ba-la-mật. Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp sư nếu thân thể mỏi mệt, nằm không muốn dậy, không thích thuyết pháp, còn người thọ kinh thì muốn nghe pháp. Như vậy, hai bên chẳng hòa hợp thì cũng chẳng được nghe Bát-nhã ba-la-mật. Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu lúc sắp biên chép Bát-nhã ba-la-mật hoặc lúc muốn thuyết pháp này thì lại có người vào trong chúng nói lời phỉ báng, cho rằng học hạnh Bồ-tát phải chịu nhiều cực khổ, nói sự khổ ở địa ngục, cầm thú, ngạ quỷ rất lớn, cho nên cần phải sớm chặt đứt gốc sinh tử. Như vậy, Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu lúc sắp biên chép Bát-nhã ba-la-mật hoặc lúc muốn thuyết pháp này, có người đến ngồi trong chúng ca tụng khoái lạc ở cõi Trời, dục lạc của Đế vương đều có thể tự thỏa mãn. Nếu người tu Thiền định thì được sinh vào cõi trời Sắc, nếu người niệm không tịch thì được sinh vào cõi trời Vô sắc. Đó đều là pháp vô thường, khổ, chi bằng cầu đạo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán không còn sinh tử nữa. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp sư nghĩ rằng: “Ta là tôn quý, nếu có người đến cung kính đánh lễ ta. Ta sẽ truyền dạy cho Bát-nhã ba-la-mật. Nếu kẻ nào chẳng cung kính đánh lễ ta thì ta không truyền dạy.” Người thọ kinh tự hướng đến vị ấy cung kính đánh lễ chẳng chút ngại ngùng. Nhưng lòng của Pháp sư hối tiếc không muốn truyền dạy kinh cho đệ tử. Nghe nói ở nước khác lúa gạo đất đỏ vị ấy mới nói với người thọ kinh rằng: “Thiện nam tử có biết chăng, có thể đi cùng ta đến xứ ấy chăng? Hãy suy nghĩ đừng để về sau hối hận”. Đệ tử nghe lời nói ấy, lòng rất buồn rầu, tự nghĩ: “Ta đã thấy kinh rồi mà thầy chẳng chịu truyền cho ta, phải làm sao đây!” Như vậy, hai bên chẳng hòa hợp nên học tập, biên chép Bát-nhã ba-la-mật chẳng được. Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp sư muốn đến chỗ cực kỳ hiểm nguy, nói với người thọ kinh: “Thiện nam tử có biết chăng, chỗ ấy không có lúa gạo mà có nhiều cọp sói, giặc cướp, đồng không mông quạnh, ta muốn qua đến xứ đó. Ông hãy suy nghĩ xem có thể đi theo ta để chịu sự khốn khổ ấy chăng?” Lại còn dùng lời ngon ngọt cùng chung chuyện trò khiến cho đệ tử đắm ra chán nản, lòng không còn ưa thích, dần dần thoái lui. Này Tu-bồ-đề! Như vậy là gây ra chướng ngại chẳng học được Bát-nhã ba-la-mật. Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Pháp sư mạnh khỏe đi khát thực có nhiều thí chủ, nhưng lại không muốn truyền cho đệ tử kinh, còn muốn đệ tử chán nản bỏ đi, mới nói với người thọ kinh rằng: “Thiện nam tử biết chăng, ta có thí chủ cần phải đến thăm viếng.” Như vậy, hai bên chẳng hòa hợp nên học tập, biên chép Bát-nhã ba-la-mật chẳng được. Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bọn ma tặc ác thường tìm cơ hội khuấy nhiễu, không muốn có người học tập, thọ trì, đọc tụng Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

– Vì sao đám ma tặc ác thường tìm cơ hội khuấy nhiễu không muốn có người học tập, thọ trì, đọc tụng Bát-nhã ba-la-mật?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đám ma tặc chủ yếu là làm việc phỉ báng cho rằng đây chẳng là Ba-la-mật và nói: “Ta có một kinh thâm diệu hay không thể nói được! Đó mới là Ba-la-mật.” Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đám ma tặc chủ yếu là làm việc phỉ báng khiến cho Bồ-tát mới học tâm sinh hồ nghi chẳng còn muốn học tập, biên chép kinh này. Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Việc ma một khi khởi lên khiến cho người học sâu đạo Bồ-tát lấy bản tế làm sở chứng liền rơi vào trong Thanh văn, đắc đạo Tu-đà-hoàn. Như vậy, Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma.



KINH ĐẠO HÀNH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 5

Phẩm 10: CHIẾU MINH

Đức Phật dạy:

–Trong Bát-nhã ba-la-mật hay khởi ra nhiều nhân duyên ma đến nổi khiến cho bị đoạn tuyệt.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Như lời Đấng Thiên Trung Thiên nói, nếu Bồ-tát có nhiều nguy hại là sở dĩ vì sao? Vì cực kỳ tôn quý, vì hy hữu cho nên đến nỗi mang hại. Bát-nhã ba-la-mật cũng giống như vậy hay khởi ra nhiều nhân duyên và người mới phát tâm học hiểu biết rất ít về nó, nên tâm họ không vào được pháp Đại thừa, cũng chẳng đọc tụng Bát-nhã ba-la-mật. Người ấy đã bị ma chi phối.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như lời ông nói, người mới phát tâm thì sự hiểu biết của họ rất ít, tâm họ chẳng vào được pháp Đại thừa, cũng chẳng đọc tụng Bát-nhã ba-la-mật. Đó là họ đã bị ma chi phối, tự khởi nhân duyên ma làm cho Bát-nhã ba-la-mật bị đoạn tuyệt.

Thiện nam, thiện nữ thọ trì, tu học Bát-nhã ba-la-mật mà đọc tụng đều là nhờ oai thần của Phật. Vì sao? Vì đám ma tặc ác không thể chi phối khiến cho đoạn tuyệt. Đó là do sự chế ngự, hộ trì của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác.

Ví như người mẹ lần lượt sinh con từ vài đứa cho đến mười đứa. Con bà hãy còn nhỏ, nếu bà mẹ bị bệnh thì không thể bảo vệ, trông nom chúng. Nếu bà mẹ yên ổn không bệnh, thì bà tự nuôi nấng con khiến chúng được sống còn. Gặp lúc ấm lạnh, khô ướt, chúng đều được chăm sóc. Đây là sự thị hiện của thế gian.

Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác niệm Bát-nhã ba-la-mật. Nếu người nào thọ trì hoặc người nào đọc tụng, biên chép thì được hộ trì. Lại nữa, chư Phật hiện tại ở khắp mười phương thường niệm Bát-nhã ba-la-mật. Đó tức là Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối với trí Nhất thiết trí mà thị hiện. Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác từ trong pháp này tự đạt được trí Nhất thiết trí. Nếu có người đã thành Phật hoặc chưa thành Phật hay sẽ thành Phật đều từ Bát-nhã ba-la-mật mà tự đạt đến Vô thượng giác. Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác là do đạt đến sự chiếu sáng của trí Nhất thiết trí đều từ Bát-nhã ba-la-mật, vì thế nên thị hiện ở thế gian.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác ở trong Bát-nhã ba-la-mật chiếu sáng thế gian. Sao gọi là Bát-nhã ba-la-mật chiếu sáng thế gian? Như Lai lấy gì để thị hiện ở thế gian?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như Lai lấy năm ấm để thị hiện ở thế gian.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Trong Bát-nhã ba-la-mật thị hiện năm ấm như thế nào? Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật thị hiện ở năm ấm?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Vì không bị hoại diệt nên được thị hiện, cũng chẳng phải không hoại diệt mà thị hiện. Không thì không hoại diệt, cũng không có hoại. Vô tướng, vô nguyện cũng không hoại diệt, cũng không có hoại, vì thế nên thị hiện ở thế gian.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Thậm chí người nhiều không kể xiết, tâm nhiều không thể kể xiết, Như Lai biết rõ hết họ đều chính là người tự nhiên (tự tánh). Người tự nhiên như thế, đúng vậy, này Tu-bồ-đề! Như Lai dùng Bát-nhã ba-la-mật để biết rõ người nhiều không thể kể xiết, tâm nhiều không thể kể xiết. Như Lai dùng Bát-nhã ba-la-mật thị hiện hộ trì thế gian.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Nếu tâm tật đố, tâm tán loạn Như Lai

đều biết. Vì sao nói Như Lai biết đó là tâm tật đố, tâm tán loạn? Vì gốc của pháp ấy không tật đố, không tán loạn, thế nên Như Lai biết.

Sao gọi là biết tật đố, biết tán loạn? Nếu tâm nào cần phải diệt tận thì đã diệt tận, vì thế nên Như Lai biết. Nếu có tâm ái dục thì biết đó là tâm ái dục. Nếu có tâm giận hờn thì biết đó là tâm giận hờn. Nếu có tâm ngu si thì biết đó là tâm ngu si. Biết gốc của tâm ái dục thì không có tâm ái dục. Biết gốc của tâm giận hờn thì không có tâm giận hờn. Biết gốc của tâm ngu si thì không có tâm ngu si.

Này Tu-bồ-đề! Chính điều đó khiến ta đắc trí Nhất thiết trí tức là đắc Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì Như Lai không có tâm ái dục. Do không có tâm ái dục nên biết gốc của tâm ấy cũng không có tâm ái dục, vì thế tâm Như Lai không có ái dục. Vì sao? Vì Như Lai không có tâm giận hờn. Do không có tâm giận hờn nên biết gốc của tâm ấy cũng không có tâm giận hờn, vì thế tâm Như Lai không có giận hờn. Vì sao? Vì Như Lai không có tâm ngu si. Do không có tâm ngu si nên biết gốc của tâm ấy cũng không có tâm ngu si, vì thế tâm Như Lai không có ngu si. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nhân nơi Bát-nhã ba-la-mật thị hiện hộ trì thế gian.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như Lai vì mọi người nên nhân nơi Bát-nhã ba-la-mật mà tâm của Ngài rộng lớn không điều gì không biết. Tại sao nói Như Lai vì mọi người nên nhân nơi Bát-nhã ba-la-mật mà tâm Ngài rộng lớn không điều gì không biết? Vì tâm ấy cũng không rộng, cũng không lớn, cũng không đến, cũng không đi, thế nên Như Lai vì mọi người nên nhân nơi Bát-nhã ba-la-mật mà tâm của Ngài rộng lớn không điều gì không biết.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như Lai vì mọi người nên nhân nơi Bát-nhã ba-la-mật mà tâm của Ngài rộng lớn không điều gì chẳng biết. Tại sao nói Như Lai vì mọi người nên nhân nơi Bát-nhã ba-la-mật mà tâm Ngài rộng lớn không điều gì không biết? Vì tâm ấy cũng không từ đâu đến, cũng không có chỗ trụ. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Như Lai vì mọi người nên nhân nơi Bát-nhã ba-la-mật mà

tâm của Ngài rộng lớn không điều gì không biết.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như Lai vì không thể kể xiết người, không thể kể xiết tâm nên nhân nơi Bát-nhã ba-la-mật mà không điều gì không biết. Tại sao nói Như Lai vì không thể kể xiết người, không thể kể xiết tâm, nên nhân nơi Bát-nhã ba-la-mật mà không điều gì không biết. Vì tâm ấy không có chỗ trụ, cũng không từ đâu đến diệt tận (Nê-hoàn). Vì chứng Nê-hoàn vô dư nên không điều gì không biết. Tâm ấy như hư không, nên biết không thể kể xiết người, không thể kể xiết tâm. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Như Lai nhờ cái biết của Bát-nhã ba-la-mật mà biết hết không thể kể xiết người, không thể kể xiết tâm.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như Lai vì mọi người nên nhờ cái biết của Bát-nhã ba-la-mật mà biết hết tâm không thể thấy. Sao gọi là Như Lai vì mọi người nên nhờ cái biết của Bát-nhã ba-la-mật mà biết hết tâm không thể thấy? Vì tâm ấy vốn thanh tịnh nên cũng không có tướng. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Như Lai vì mọi người nên nhờ cái biết của Bát-nhã ba-la-mật mà biết hết tâm chẳng thể thấy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như Lai vì mọi người nên nhờ cái biết của Bát-nhã ba-la-mật mà biết hết tâm chẳng thể thấy. Tại sao nói Như Lai vì mọi người nên nhờ cái biết của Bát-nhã ba-la-mật mà biết hết tâm chẳng thể thấy? Vì tâm ấy không thể dùng mắt thấy nó từ đâu đến. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Như Lai vì mọi người nên nhờ cái biết của Bát-nhã ba-la-mật mà biết hết tâm chẳng thể thấy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như Lai vì mọi người nên nhờ cái biết của Bát-nhã ba-la-mật mà biết hết sự muốn được thế thì sẽ đạt đến thế. Tại sao nói Như Lai vì mọi người nên nhờ cái biết của Bát-nhã ba-la-mật mà biết hết sự muốn được thế thì sẽ đạt đến thế? Vì biết tất cả sắc từ chẳng thật có mà sinh ra sinh; thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng từ chẳng thật có mà sinh ra sinh. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Tại sao Như Lai biết sự muốn được thế là nguyên nhân để đạt đến thế? Vì từ tử (chết) đến tử, đó chính là sắc. Từ tử đến bất tử, đó cũng là sắc. Từ bất tử đến bất tử, đó cũng là sắc. Cũng chẳng có tử, cũng chẳng có không tử, đó cũng là sắc. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức từ tử đến tử, đó cũng là sắc. Thức từ tử đến bất tử, đó

cũng là sắc. Thức từ bất tử đến bất tử, đó cũng là sắc. Thức cũng chẳng có tử, cũng chẳng không tử, đó cũng là sắc. Thức có nhân, không có ngã, thế gian, đó cũng là sắc. Không có nhân, có ngã, thế gian, đó cũng là sắc. Có mong cầu, không mong cầu, không có ngã, thế gian, đó cũng là sắc. Cũng chẳng có mong cầu, cũng chẳng không mong cầu, cũng không có ngã, thế gian, đó cũng là sắc. Có mong cầu, có ngã có thế gian, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức, đó cũng là sắc. Không mong cầu, không ngã, không thế gian, không thức cũng là sắc. Cũng chẳng không mong cầu, cũng chẳng có mong cầu, cũng không có ngã, thức, đó cũng là sắc. Thủ đắc ngã, thế gian, cũng không có thế gian, đó cũng là sắc. Ngã, thế gian, chẳng thế cùng cực, đó cũng là sắc. Ngã, thế gian có cùng cực, không cùng cực, đó cũng là sắc. Ngã và thế gian cũng chẳng có cùng cực cũng chẳng không cùng cực, đó cũng là sắc. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng vậy. Ngã cùng thế gian, thức cũng chẳng thế cùng cực, đó cũng là sắc. Ngã cùng thế gian, thức có cùng cực, không cùng cực, đó cũng là sắc. Ngã cùng thế gian, thức cũng chẳng có cùng cực, cũng chẳng không cùng cực, đó cũng là sắc. Mạng ấy là thân, đó cũng là sắc. Chẳng phải mạng, chẳng phải thân, đó cũng là sắc. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng vậy.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Như Lai biết sự muốn được thế là nguyên nhân để được thế. Tại sao nói Như Lai biết sự muốn được thế là nguyên nhân để đạt được thế? Như Lai biết sắc vốn là không là biết đúng như thật sắc vốn là không. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng vậy. Tại sao nói là biết thức? Biết thức vốn là không. Cái gì là vốn là không? Chính cái muốn có sở đắc này là cũng vốn là không. Như Lai cũng vốn là không, nhân trí tuệ mà trụ chân như. Tại sao nói là vốn là không? Thế gian cũng là vốn là không. Cái gì là vốn là không? Tất cả các pháp cũng vốn là không. Như các pháp vốn là không, đạo Tu-đà-hoàn cũng vốn là không, đạo Tư-đà-hàm cũng vốn là không, đạo A-na-hàm cũng vốn là không, đạo A-la-hán, đạo Bích-chi-phật cũng vốn là không. Như Lai cũng vốn là không, tất cả đều cùng vốn là không không có sai khác, không chỗ nào chẳng vào, đều biết hết tất cả.

Này Tu-bồ-đề! Như thế, Bát-nhã ba-la-mật tức vốn là không, Như Lai nhân Bát-nhã ba-la-mật mà tự chứng đắc thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chiếu sáng, hộ trì thế gian, đó là thị hiện. Đức Như Lai nhân nơi Bát-nhã ba-la-mật biết hết thế gian vốn là không, không có sai khác. Đúng thế, này Tu-bồ-đề! Như Lai biết tất cả đều vốn là không, vì thế được tôn hiệu là Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Pháp vốn đều không ấy rất sâu. Đó là pháp chư Phật, Bồ-tát đều tự liễu ngộ, ai sẽ là người tin được pháp ấy. Chỉ có người đắc đạo A-la-hán hoặc Bồ-tát không thoái chuyển và Như Lai thành Vô thượng giác mới có thể nói được pháp ấy.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Pháp vốn là không ấy, không có lúc tận, pháp Như Lai thuyết cũng không có cùng tận.

Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân cùng một vạn chư Thiên cõi Dục, trời Phạm thế cùng hai vạn Thiên tử đều đi đến chỗ Phật, cúi đầu đánh lễ dưới chân Phật rồi đứng qua một bên.

Chư Thiên tử cõi Dục và cõi Phạm đều bạch với Phật:

–Pháp của Thiên Trung Thiên rất thâm diệu. Cái gì làm tướng của nó?

Đức Phật bảo chư Thiên tử:

–Nếu chấp nhận cái gì làm tướng thì đã là chấp trước rồi. Vô tướng, vô nguyện, không có sinh tử phát sinh, vô sở hữu, vô sở trụ là tướng của nó. Tướng của nó như hư không. Tướng mà Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác trụ, thì chư Thiên, A-tu-luân, quỷ thần chẳng thể lay động di dời được. Vì sao? Vì tướng ấy chẳng thể dùng tay làm ra. Sắc chẳng thể làm ra tướng ấy. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng chẳng thể làm ra tướng ấy.

Đức Phật hỏi chư Thiên tử:

–Nếu nói hư không này có người làm ra thì có thể tin được không?

Chư Thiên tử bạch Phật:

–Không thể tin có người làm ra hư không. Vì sao? Vì không ai có thể làm ra hư không.

Đức Phật dạy:

–Cũng giống như vậy, này chư Thiên tử, tướng ấy thường trụ, có Phật hay không Phật, tướng ấy vẫn trụ như vậy. Vì trụ như thế nên Như Lai thành Đẳng Chánh Giác. Danh xưng là Như Lai tức là Như Lai vốn là không.

Các vị Thiên tử bạch Phật:

–Tướng ấy rất thâm diệu. Như Lai do đó mà thành Đẳng Chánh Giác. Đức Như Lai biết trí tuệ vô ngại đều từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra. Đó là kho tàng của Phật.

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như Lai nhân nơi Bát-nhã ba-la-mật thị hiện hộ trì thế gian. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Như Lai cung kính phụng sự pháp này, cho đến thành Phật cũng đều từ Bát-nhã ba-la-mật. Thế nên, Bát-nhã ba-la-mật được Như Lai cung kính, vì Như Lai nhờ pháp này mà thành Phật. Đó là báo ân.

Sao gọi đó là sự báo ân của Như Lai? Như Lai từ pháp Đại thừa này mà đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thành Đấng Vô thượng giác. Các Ngài đều từ pháp Đại thừa này mà thành Bạc Vô Sở Trước. Vì thế nên thể hiện sự báo ân.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Như Lai biết các pháp vô tác do đó thành Đẳng chánh giác. Biết chúng cũng chẳng phải vô tác nên thành Đẳng chánh giác. Đây là vì Như Lai báo ân nên thị hiện Bát-nhã ba-la-mật. Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác đối với các pháp không có mong cầu, đều từ Bát-nhã ba-la-mật, vì thế Ngài thị hiện hộ trì thế gian.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Các pháp chẳng thể biết, chẳng thể thấy thì tại sao nói là Bát-nhã ba-la-mật sinh ra Như Lai thị hiện hộ trì thế gian?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nói các pháp đều chẳng thể biết, chẳng thể thấy, có nghĩa là các pháp đều không, vì thế chẳng thể biết, các pháp chẳng thể hộ trì,

vì thế chẳng thể thấy. Các pháp chẳng thể biết, chẳng thể thấy đều từ Bát-nhã ba-la-mật. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Các pháp chẳng thể biết, chẳng thể thấy, vì từ Bát-nhã ba-la-mật sinh ra. Như Lai thành Đẳng chánh giác thị hiện hộ trì thế gian, nên sắc chẳng thể thấy, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng chẳng thể thấy. Chính đó là Bát-nhã ba-la-mật thị hiện hộ trì thế gian.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sao gọi là sắc chẳng thể thấy? Sao gọi là thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng thể thấy?

Đức Phật dạy:

–Chẳng thấy nhân duyên của sắc sinh ra thức, cũng chẳng thấy nhân duyên của thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức sinh ra thức, vì thế thức thành chẳng thể thấy. Như sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng thấy, thế gian này cũng chẳng thấy tướng của nó, cũng chẳng thấy thế nào thuộc về thế gian này thị hiện, chúng đều từ Bát-nhã ba-la-mật. Tại sao nói Bát-nhã ba-la-mật thị hiện hộ trì thế gian? Nếu lo cho thế gian thì đó cũng là không. Nếu lo cho thế gian thì đó cũng là mù mờ (ly tướng). Nếu lo cho thế gian thì đó cũng là tịch. Nếu lo cho thế gian thì đó cũng là tịnh. Đó tức là thế gian thị hiện.

M

Phẩm 11: CHẴNG THỂ TÍNH KẾ

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bát-nhã ba-la-mật cực đại rốt ráo, rốt ráo chẳng thể kể, rốt ráo chẳng thể lường, rốt ráo không có gì bằng, rốt ráo không có giới hạn.

Đức Phật dạy:

–Bát-nhã ba-la-mật cực đại rốt ráo, rốt ráo chẳng thể kể, rốt ráo chẳng thể lường, rốt ráo không có gì bằng, rốt ráo không có giới hạn. Bát-nhã ba-la-mật an ổn rốt ráo chẳng thể kể là trí Nhất

thiết trí vô sư của Như Lai, vì thế Bát-nhã ba-la-mật rất ráo chẳng thể kể.

Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật rất ráo chẳng thể lường? Chẳng thể lường là trí Nhất thiết trí vô sư của Như Lai chẳng thể bàn, chẳng thể nói, vì thế Bát-nhã ba-la-mật rất ráo chẳng thể lường.

Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật rất ráo an ổn không có gì bằng? Không ai có thể hơn Đức Như Lai, vì thế Bát-nhã ba-la-mật rất ráo không có gì bằng.

Thế nào là Bát-nhã ba-la-mật rất ráo không có giới hạn? Trí Nhất thiết trí vô sư của Như Lai không có giới hạn, vì thế Bát-nhã ba-la-mật rất ráo không có giới hạn.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Vì sao trí Nhất thiết trí của Như Lai chẳng thể kể, chẳng thể lường, không có giới hạn?

Đức Phật dạy:

–Sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng thể kể. Các pháp cũng chẳng thể kể. Các pháp hoàn toàn không thật có, ngay ở trong đó không thể kể.

Sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng thể lường. Các pháp cũng chẳng thể lường.

Sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức không có giới hạn. Các pháp cũng không có giới hạn. Sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức không có giới hạn hoàn toàn không thật có. Giới hạn của các pháp hoàn toàn không thật có. Vì sao? Vì sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức không có giới hạn. Các pháp không giới hạn. Sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức giới hạn hoàn toàn chẳng thật có, không có chỗ cùng tận. Các pháp giới hạn hoàn toàn chẳng thật có, không có chỗ cùng tận. Vì sao? Vì sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức, các pháp hoàn toàn chẳng thật có. Lúc giới hạn không có chỗ cùng tận thì thế nào?

Đức Phật dạy:

–Hư không có thể kể là có cùng tận chẳng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Hư không không thể nào kể là có cùng tận.

Đức Phật dạy:

–Các pháp chẳng thể kể, chẳng thể nói, không có giới hạn. Vì thế, pháp của Như Lai cũng không thể kể, không thể nói, không có giới hạn. Như Lai phát tâm học chẳng thể kể, chẳng thể nói, không có giới hạn, vốn vô tâm, vô niệm, ví như hư không vô tâm, vô niệm. Có tâm, có niệm, theo đó mà sinh tử không có giới hạn. Pháp của Như Lai như hư không, không có giới hạn. Pháp ấy như hư không chẳng thể kể nên nói là chẳng thể kể, chẳng thể nói, không có giới hạn.

Lúc Phật thuyết kinh này, năm trăm Tỳ-kheo Tăng, ba mươi Tỳ-kheo-ni đều đắc A-la-hán, sáu mươi Ưu-bà-tắc, ba mươi Ưu-bà-di đều đắc đạo Tu-đà-hoàn, ba mươi Bồ-tát chứng đắc Vô sở tùng sinh pháp lạc (Vô sinh pháp nhẫn) sẽ được thọ ký thành Phật trong kiếp Hiền này.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu cực đại rốt ráo an ổn!

Đức Phật dạy:

–Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu cực đại rốt ráo an ổn! Trí Nhất thiết trí, đạo Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật đều từ kinh này sinh ra. Ví như nhà vua đã được quán đánh hiện đang tại vị thì tất cả quần thần, đất nước nhân dân đều thuộc nhà vua, cũng không còn điều gì lo lắng nữa! Các pháp như A-la-hán, Bích-chi-phật, Phật đều từ trong Bát-nhã ba-la-mật sinh ra, đều từ kinh này thành lập.

Đức Phật dạy tiếp:

–Sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng thọ, chẳng nhập. Các quả vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật, trí Nhất thiết trí chẳng thọ, chẳng nhập.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Thế nào là trí Nhất thiết trí chẳng thọ? Thế nào là trí Nhất thiết trí chẳng nhập?

Đức Phật dạy:

–Thế nào, này Tu-bồ-đề! Ông thấy có pháp A-la-hán để nhập chẳng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Con chẳng thấy có pháp ấy để nhập.

Đức Phật dạy:

–Lành thay, này Tu-bồ-đề! Ta cũng chẳng thấy có pháp Như Lai để nhập. Như ta, Như Lai không có nhập, trí Nhất thiết trí cũng không có nhập.

Chư Thiên tử cõi Dục và cõi Sắc đều bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu rất khó hiểu. Những người đã tạo công đức từ thời Phật quá khứ, thuở ấy đã được nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu rồi tin. Giả sử người trong tam thiên đại thiên thế giới đều tin pháp này. Tin rồi tu hành trải qua một kiếp, thậm chí chỉ cần quán niệm Bát-nhã ba-la-mật trong một ngày thôi thì công đức của người này nhiều hơn người kia vô lượng.

Phật nói với chư Thiên tử cõi Dục và cõi Sắc:

–Giả sử có người nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu mà được chứng Nê-hoàn, thì công đức của người tin rồi tu trong một kiếp không thể nào bằng công đức của người ấy.

Chư Thiên tử cõi Dục và cõi Sắc đều tiến đến đánh lễ dưới chân Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi lui ra, đi một quãng xa bỗng nhiên ẩn thân về Thiên cung khen ngợi Phật thuyết về công đức.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Nếu có Bồ-tát tin Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu thì vị này từ chỗ nào sinh đến đây?

Đức Phật dạy:

–Người có niềm tin như thế, tâm không chút nghi ngờ, ưa thích nghe pháp này không biết chán, trong lòng không muốn xa lìa vị Pháp sư thuyết kinh. Ví như con trâu ghé mới sinh, lòng không bao giờ muốn xa lìa mẹ nó. Bồ-tát này từ trong loài người sinh đến đây đều là người đời trước đã học pháp này, hôm nay đến đây lại được

học Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu nên tin ưa không muốn xa lìa.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Nếu có Bồ-tát muốn chóng hoàn thành công đức nên từ cõi nước Phật ở phương khác đến cúng dường Phật. Vậy có người như thế từ phương ấy sinh đến đây không?

Phật dạy:

–Có, Bồ-tát ấy từ cõi nước Phật phương khác đến cúng dường Phật, lại từ phương ấy sinh đến đây, nhờ công đức ấy mà chóng đắc Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu.

Nếu có Bồ-tát từ trên cõi trời Đâu-thuật sinh đến đây, hoặc họ đã từng nghe Bồ-tát Di-lặc thuyết về trí tuệ trong kinh thâm diệu này. Nay sinh đến đây nhờ công đức ấy chóng đắc Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu.

Nếu có Bồ-tát đời trước gặp Phật được nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu mà không thưa hỏi về trí tuệ ở trong pháp ấy thì sinh đến đây nghe pháp Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu tiếp tục nghi ngờ, không tin ưa, không thưa hỏi về trí tuệ trong pháp ấy. Vì sao? Vì đời trước họ có nghi ngờ.

Nếu có Bồ-tát đời trước đã được nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, thưa hỏi về trí tuệ ở trong pháp ấy từ một ngày, hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày, nhờ công đức ấy mà hôm nay chóng đắc Bát-nhã ba-la-mật, thường ưa nghe thích hỏi rồi tin nhận.

Nếu có Bồ-tát có lúc muốn nghe, tâm của vị ấy rối loạn luôn luôn lay động như cán cân lúc cao lúc thấp. Đó là người mới học chưa phát tuệ cho nên lòng tin kém cõi chẳng thích đắc Bát-nhã ba-la-mật, chán ngán không muốn học rồi bỏ đi. Người như vậy không thể nào thành tựu Phật đạo mà bị rơi vào trong đạo A-la-hán, Bích-chi-phật.

Phẩm 12: THÍ DỤ

Đức Phật dạy:

– Ví như đang đi trong biển cả, thuyền bỗng vỡ, thì biết rằng người trong thuyền sẽ bị rơi xuống biển chết chìm, không thể qua biển được. Nhưng trong thuyền ấy có ván, có cột buồm, nếu người nào mạnh mẽ vớ được nó, cỡi trên các vật ấy thuận theo dòng nước được đến bờ thì phải biết là người đó nhất định chẳng chết chìm trong nước. Vì họ nhờ vớ được ván hoặc cột buồm. Nếu Bồ-tát có tin ưa, có hạnh quyết định, có tinh tấn, muốn đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chẳng được nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, chẳng được học phương tiện thiện xảo thì Bồ-tát ấy bị rơi vào trong các quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật. Nếu Bồ-tát có tin ưa, có hạnh quyết định, có tinh tấn, muốn đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, được học phương tiện thiện xảo thì Bồ-tát này không bao giờ lười biếng giữa chừng mà vượt qua khỏi các quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật, trụ ngay nơi đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ví như có người mang chiếc bình đất sét chưa nung đi lấy nước, thì biết là chiếc bình ấy chẳng bao lâu sẽ bị vỡ giữa đường. Vì sao? Vì chiếc bình này chưa hoàn thành. Nếu Bồ-tát có tin ưa, có hạnh quyết định, có tinh tấn, muốn đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chẳng được nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, chẳng được học phương tiện thiện xảo thì Bồ-tát ấy không thể nào đắc trí Nhất thiết trí, giữa chừng lại đâm ra chán nản mà bị rơi vào trong các quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật.

Ví như có người mang chiếc bình đã hoàn thành đi lấy nước, thì biết là sẽ yên ổn mang được nước trở về. Vì sao? Vì chiếc bình đã hoàn thành. Nếu Bồ-tát có tin ưa, có hạnh quyết định, có tinh tấn, muốn đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, được học phương tiện thiện xảo thì biết là Bồ-tát này không bao giờ cảm thấy lười biếng dừng nghỉ giữa chừng mà tiến thẳng lên đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Ví như chèo chiếc thuyền hư cũ không được sửa chữa vào trong biển cả, đem của cải chất vào thuyền ấy muốn chở đến một nơi nào đó, thì biết thuyền này chẳng thể nào đến nơi, dọc đường đắm chìm, tiêu tan của cải. Nếu Bồ-tát có tin ưa, có hạnh quyết định, có tinh tấn, muốn đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà không được nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, không được học phương tiện thiện xảo thì Bồ-tát ấy giữa chừng sẽ chán nản rồi đánh mất của báu quý giá, lại còn bỏ đại trân bảo đi. Cái gì là đại trân bảo? Đó chính là Phật. Bồ-tát này giữa chừng rơi vào các quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật.

Ví như có người sáng suốt kéo chiếc thuyền hư cũ lên bờ sửa chữa xong mới cho hạ thủy, chất của cải xuống thuyền chở đến nơi muốn đến, thì biết là thuyền này không bị tan vỡ giữa đường mà chắc chắn an toàn đến nơi. Nếu Bồ-tát có tin ưa, có hạnh quyết định, có tinh tấn, muốn đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được học phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, thì biết là Bồ-tát ấy không bao giờ lười biếng đời giữa chừng mà đang an trụ trong đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì sao? Vì Bồ-tát ấy một lòng có tin ưa, có hạnh quyết định, có tinh tấn nên không bao giờ còn rơi vào trong quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật, mà hướng thẳng đến cửa Phật.

Ví như có người một trăm hai mươi tuổi, quá già thân thể bất an hoặc bệnh hàn, bệnh nhiệt nằm liệt giường. Người ấy có thể tự đứng dậy được chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Không thể được. Vì sao? Vì người ấy quá già không còn sức lực. Giả sử lành bệnh đi nữa vẫn không thể tự đứng dậy bước đi.

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát có tin ưa, có hạnh quyết định, có tinh tấn, muốn đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà chẳng được học phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật thì không thể nào đến Phật đạo, sẽ giữa chừng dừng nghỉ, rơi vào trong quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật. Vì sao? Vì người ấy không được học phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu.

Đức Phật dạy tiếp:

–Nhưng nếu người ấy lành bệnh phong hàn thân thể khỏe lại, ý muốn đứng dậy đi, có hai người mạnh khỏe, mỗi người đỡ một bên nách hoặc nắm tay dắt đi từ từ. Họ nói với người bệnh: “Cứ yên tâm đừng sợ, chúng tôi sẽ đưa đến nơi muốn đến, nghĩa là không bỏ ở giữa đường.” Như vậy, người bệnh ấy có thể đến nơi muốn đến được chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Người ấy có thể đến nơi.

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát có tin ưa, có hạnh quyết định, có tinh tấn, muốn đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác được nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, được học phương tiện thiện xảo thì Bồ-tát ấy không bao giờ lùi biếng ở giữa chừng, mà có thể đạt đến cứu cánh là đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

M

Phẩm 13: PHÂN BIỆT

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát mới phát tâm phải học Bát-nhã ba-la-mật như thế nào?

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát mới phát tâm cần phải gần gũi Thiện tri thức, kính mến Thiện tri thức, có thiện ý tuân theo lời giáo huấn của Bát-nhã ba-la-mật. Thế nào là tuân theo lời giáo huấn của Bát-nhã ba-la-mật? Đó là nếu khi Bố thí thì Bồ-tát phải hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không được chấp sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức. Vì sao? Vì trí Nhất thiết trí của Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu không có chấp trước. Nếu Trì giới, Nhẫn nhục, Tinh tấn, Thiền định, Trí tuệ thì phải đem hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, không được chấp sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức. Vì sao? Vì trí Nhất thiết trí không có chấp trước, không được ưa thích đạo A-la-hán, Bích-chi-phật. Bồ-tát mới

phát tâm phải học Bát-nhã ba-la-mật như thế.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bồ-tát chịu khổ vì muốn đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát yên ổn chịu khổ là vì ở thế gian hộ, vì thế gian tự quy, vì thế gian xá, vì thế gian độ, vì thế gian đài, vì thế gian đạo.

Thế nào là Bồ-tát vì thế gian hộ? Thế gian tử sinh khổ sở, Bồ-tát đều cứu hộ, giáo hóa, độ thoát. Đó là thế gian hộ.

Thế nào là thế gian tự quy? Sinh, già, bệnh, chết thảy đều độ thoát. Đó là thế gian tự quy.

Thế nào là thế gian xá? Bồ-tát đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, được mệnh danh Như Lai, lúc ấy vì thế gian thuyết kinh không có chấp trước, đó là thế gian xá. Thế nào là không có chấp trước? Sắc không có dính mắc, không có trói buộc, sắc ấy không từ đâu sinh, không diệt về đâu. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng vậy. Các pháp cũng không có dính mắc, không có trói buộc như vậy.

Thế nào là thế gian độ? Sắc ấy chẳng phải là sắc thì đó là độ. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức ấy chẳng phải là thức thì đó là độ. Độ là chẳng chấp các pháp.

Tu-bồ-đề thưa:

–Như lời Phật dạy, độ là các pháp đắc Vô thượng giác. Vì sao? Vì không chấp trước chẳng?

Đức Phật dạy:

–Đúng thế, vì không chấp trước, Bồ-tát chịu khổ quán niệm pháp không biết mỗi một đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thành Phật, nhân đó thuyết kinh. Đó cũng là thế gian độ.

Thế nào là thế gian đài? Ví như cái đài trong nước, nước kia bị tách làm hai. Sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức, quá khứ, vị lai, hiện tại bị đứt đoạn làm hai. Cũng giống như vậy, các pháp cũng đứt đoạn. Giả sử các pháp đoạn thì đó là cam lộ, đó là Nê-hoàn. Bồ-

tát quán niệm pháp không biết mỗi một đấng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là thế gian đời.

Thế nào là thế gian đạo? Bồ-tát đấng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác bèn thuyết sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức không. Thuyết các pháp không, pháp ấy cũng không từ đâu đến cũng không đi về đâu. Các pháp không, các pháp không có tướng, các pháp không có xứ sở, các pháp không có thức, các pháp không từ đâu sinh ra. Các pháp không, các pháp như mộng, các pháp như nhất, các pháp như huyễn, các pháp không có giới hạn, các pháp không thật có, đều như nhau không có khác.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Ai là người hiểu được Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu?

Đức Phật dạy:

– Bồ-tát cầu pháp này đã từ lâu, đó cũng là người đã tạo công đức từ thời Phật quá khứ đến nay. Chỉ có những người như thế mới hiểu được Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu.

Tu-bồ-đề thưa:

– Thế nào là cầu pháp này đã từ lâu?

Đức Phật dạy:

– Lìa bỏ sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức không còn có nữa thì mới hiểu biết Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu này.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bồ-tát này vì thế gian đạo chăng?

Đức Phật dạy:

– Bồ-tát này đấng Vô thượng giác làm bậc thầy dẫn đường cho không thể kể xiết vô số người.

Tu-bồ-đề thưa:

– Bồ-tát chịu khổ mặc áo giáp đại công đức vì thế mặc áo giáp đại công đức không trói buộc; sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức không trói buộc, cũng chẳng trụ ở A-la-hán, Bích-chi-phật, cũng chẳng chấp trí Nhất thiết trí. Vì các pháp không trói buộc, nên mặc áo giáp đại công đức.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bồ-tát cầu Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu chẳng nên tìm cầu ở ba cõi.

Đức Phật hỏi:

–Vì sao Bồ-tát cầu Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu chẳng nên tìm cầu ở ba cõi?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu cũng chẳng có người nắm giữ, cũng chẳng không người nắm giữ. Từ trong Bát-nhã ba-la-mật vì không có pháp được sinh ra, nên nắm giữ Bát-nhã ba-la-mật là nắm giữ không, nắm giữ Ba-la-mật là nắm giữ các pháp, nắm giữ Ba-la-mật là nắm giữ không sở hữu, nắm giữ Bát-nhã ba-la-mật là nắm giữ sự không chấp trước.

Đức Phật dạy:

–Trong Bát-nhã ba-la-mật, phải biết Bồ-tát không thoái chuyển ấy đối với Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu không chấp trước, không bao giờ nghe theo lời người khác, tâm không sợ hãi, không biếng nhác. Bồ-tát ấy đã từng thưa hỏi về trí tuệ trong kinh thâm diệu này từ thời Phật quá khứ, hôm nay được nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, tâm tiếp tục không sợ hãi, không biếng nhác.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Nếu Bồ-tát nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu tâm không sợ hãi, không biếng nhác, vì sao cần phải quán Bát-nhã ba-la-mật?

Đức Phật dạy:

–Tâm hướng đến trí Nhất thiết trí, đó là quán Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

–Thế nào là tâm hướng đến trí Nhất thiết trí?

Đức Phật dạy:

–Tâm hướng đến không, đó là quán trí Nhất thiết trí. Quán trí Nhất thiết trí, đó là chẳng quán chẳng thể kể trí Nhất thiết trí, như chẳng thể kể sắc tức là chẳng phải sắc, như chẳng thể kể thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức tức là chẳng phải thức. Cũng chẳng vào, cũng chẳng ra, cũng chẳng đắc, cũng chẳng biết, cũng chẳng

có biết, cũng chẳng không biết, cũng không sinh, cũng không diệt, cũng không có người tạo tác, cũng không từ đâu đến, cũng không đi về đâu, cũng không sở kiến, cũng không sở tại. Như vậy, không chẳng thể hạn lượng, chẳng thể kể trí Nhất thiết trí, chẳng thể kể không có người làm Phật, không có người đắc Phật, không có người từ trong sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức đắc Phật, cũng không có người từ Bồ thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền định ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật-đắc Phật.

Chư Thiên tử cõi Dục và cõi Sắc bạch Phật:

–Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, khó hiểu, khó rõ, khó biết.

Đức Phật bảo chư Thiên tử:

–Bát-nhã ba-la-mật rất thâm diệu, khó hiểu, khó rõ, khó biết. Đức Như Lai yên ổn chứng ngộ rất sâu kinh này, nên biết Vô thượng Chánh giác không có tạo tác, Vô thượng Chánh giác cũng không có Vô thượng Chánh giác. Kinh này như hư không sâu thẳm, không có kinh nào sánh bằng như các pháp không từ đâu đến cũng không đi về đâu.

Chư Thiên tử cõi Dục và cõi Sắc đều bạch Phật:

–Hiếm có người ở thế gian tin kinh thâm diệu này! Người thế gian tham đắm các dục, vì xót thương họ nên Phật thuyết kinh thâm diệu này.

Đức Phật dạy:

–Đúng thế! Nay chư Thiên tử, hiếm có người thế gian tin kinh thâm diệu này! Họ tham đắm các dục, vì xót thương người thế gian nên Phật thuyết kinh thâm diệu này.

M

Phẩm 14: VỐN LÀ KHÔNG

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Các pháp theo thứ lớp mà không chấp trước. Các pháp không có tướng như hư không. Kinh này không từ đâu sinh ra. Các pháp tìm cầu không có đắc.

Các Thiên tử cõi Dục và cõi Sắc bạch Phật:

–Đệ tử Tu-bồ-đề thuyết pháp như thế là theo lời dạy của Như Lai, chỉ thuyết về không tuệ.

Đức Phật dạy:

–Đúng thế, này các Thiên tử! Đó là theo lời dạy của Như Lai.

Chư Thiên tử hỏi Phật:

–Thế nào là theo lời dạy của Như Lai? Như nói pháp không từ đâu sinh thì có phải là theo lời dạy của Như Lai chăng?

Đức Phật dạy:

–Đúng thế, này các Thiên tử! Các pháp không từ đâu sinh là theo lời dạy của Như Lai. Theo lời dạy của Như Lai thì chính là không. Các pháp vốn không cũng không từ đâu đến cũng không đi về đâu. Như Lai vốn không thì các pháp cũng vốn không. Các pháp vốn không thì Như Lai cũng vốn không, không có vốn không khác. Này Tu-bồ-đề! Như vậy theo vốn không chính là Như Lai vốn không. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Trụ Như Lai vốn không là trụ theo lời dạy của Như Lai.

Như Lai vốn không không khác là vốn không không khác. Các pháp chính là không khác, không khác Như Lai vốn không không ngăn ngại nên các pháp vốn không không ngăn ngại. Như Lai vốn là không nên các pháp vốn không ngại. Một vốn không như nhau không có vốn không khác. Không có người tạo tác, tất cả đều vốn không, cũng lại không vốn không. Như vậy Như Lai vốn không không hư hoại cũng không mục nát, các pháp chẳng thật có. Này Tu-bồ-đề, theo các pháp dạy: Như Lai vốn không, các pháp vốn không như nhau không khác ở trong pháp chân thật vốn không.

Này Tu-bồ-đề! Theo lời dạy của Như Lai thì Như Lai vốn

không không có quá khứ, vị lai, hiện tại. Các pháp vốn không có quá khứ, vị lai, hiện tại.

Này Tu-bồ-đề! Theo lời dạy của Như Lai thì Như Lai vốn không, Như Lai quá khứ vốn không, Như Lai vị lai vốn không, Như Lai hiện tại vốn không như nhau không khác. Sự như nhau không khác này là chân thật vốn không. Bồ-tát đắc cái chân thật vốn không thì được gọi là Như Lai.

Khi đó đất đai chấn động sáu cách, Đức Như Lai giảng nói tiếp về vốn không:

–Này Tu-bồ-đề! Theo lời dạy của Như Lai thì chẳng thọ sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức, chẳng thọ Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật. Này Tu-bồ-đề! Như vậy là theo lời dạy của Như Lai.

Xá-lợi-phất thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Vốn không này rất thâm diệu.

Đức Phật dạy:

–Vốn không này rất thâm diệu, rất thâm diệu!

Lúc Phật thuyết pháp vốn không này, hai trăm Tỳ-kheo Tăng đều đắc đạo A-la-hán, năm trăm Tỳ-kheo-ni đều đắc đạo Tu-đà-hoàn. Năm trăm vị trời đều đắc Vô sở tùng sinh pháp lạc (Vô sinh pháp nhẫn). Trong số đó, có sáu mươi vị Bồ-tát mới học đều đắc đạo A-la-hán.

Đức Phật dạy:

–Sáu mươi vị Bồ-tát này vào thời quá khứ đều đã cúng dường năm trăm Đức Phật. Họ bố thí chấp trước, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn chấp tướng; thiên chẳng biết không, lìa không; chẳng được phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật cho nên hôm nay họ đều thủ đắc quả vị A-la-hán. Bồ-tát có tu đạo Bồ-tát thì đắc Không, đắc Vô tướng, đắc Vô nguyện, nhưng nếu Bồ-tát ấy chẳng đắc phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật thì ở giữa chừng đắc quả vị A-la-hán, không quay trở lại đạo Bồ-tát nữa.

Ví như có một con chim lớn, thân nó dài tám ngàn dặm hoặc hai vạn dặm, nhưng lại không có cánh, từ trên trời Đao-lợi nó tự

gieo mình xuống châu Diêm-phù-lợi, rơi chưa đến đất, nó bỗng hồi hận, muốn ở giữa chừng quay trở lên trời Đao-lợi, có thể được không?

Xá-lợi-phất thưa:

–Không thể quay trở lên được!

Đức Phật dạy:

–Con chim này rơi xuống châu Diêm-phù-lợi, mà muốn cho thân nó đừng đau, có thể nào khiến cho nó không đau được chăng?

Xá-lợi-phất thưa:

–Không thể được! Con chim này rơi xuống đất thân nó chẳng thể nào không đau hoặc chết giấc hoặc chết hẳn. Vì sao? Vì thân nó to lớn, lại không có cánh.

Đức Phật dạy:

–Giả sử Bồ-tát ấy trong số kiếp nhiều như cát sông Hằng bố thí chấp trước, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn chấp tướng, thiền cũng chẳng nhập vào không, chẳng đắc phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật, khởi tâm muốn cầu Phật đạo, tất cả họ đều muốn làm Phật nhưng giữa chừng đắc quả A-la-hán, Bích-chi-phật. Bồ-tát ấy ở chỗ Phật quá khứ, vị lai, hiện tại trì giới, tinh tấn, Tam-muội, trí tuệ, nghe nói đến trí Nhất thiết trí của Phật đều nghĩ chấp tướng cầu thì đó là chẳng trì giới, tinh tấn, Tam-muội, trí tuệ của Như Lai, chẳng hiểu biết trí Nhất thiết trí, chỉ tưởng như nghe tiếng mà thôi, bèn muốn từ đó thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì chẳng thể được, mà ở giữa chừng đắc quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật. Vì sao? Vì chẳng đắc phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật.

Xá-lợi-phất thưa:

–Như lời Phật dạy, vì trong ý niệm mà tuệ Bồ-tát lìa phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật nên mới đắc đạo A-la-hán, Bích-chi-phật. Nếu có Bồ-tát thật sự nghiêm túc muốn đắc đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì cần phải học phương tiện thiện xảo của Bát-nhã ba-la-mật.

Chư Thiên tử cõi Dục và cõi Sắc bạch Phật:

–Bát-nhã ba-la-mật khó hiểu, khó rõ, khó biết, do đó muốn cầu

Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác khó đắc.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bát-nhã ba-la-mật rất thâm diệu khó hiểu, khó rõ, khó biết. Như con nghĩ dùng trí tuệ trong pháp Bát-nhã ba-la-mật cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì dễ đắc. Vì sao? Vì vô sở hữu thì do đâu mà đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác! Các pháp đều không thì cầu pháp cũng hoàn toàn chẳng thật có, sẽ thành Vô thượng Chánh giác. Cầu pháp vô sở đắc thì không có người thành Vô thượng Chánh giác, cũng không có người đắc Vô thượng Chánh giác. Nếu có nghe các pháp không thì cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác dễ đắc.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Như lời của Tôn giả Tu-bồ-đề nói thì Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là khó đắc. Vì sao? Vì không, cho nên chẳng nghĩ ta sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Pháp không này khiến cho dễ đắc. Vì sao? Vì Bồ-tát nhiều như số cát sông Hằng đều đắc.

Tu-bồ-đề hỏi:

–Thế nào, Tôn giả Xá-lợi-phất! Dùng sắc để đắc chăng?

–Không!

–Lìa sắc để đắc chăng?

–Không!

–Dùng thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức để đắc chăng?

–Không!

–Sắc vốn không có đắc chăng?

–Không!

–Lìa sắc vốn không, có pháp đắc chăng?

–Không!

–Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức vốn không có đắc chăng?

–Không!

–Lìa thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức vốn không có pháp đắc chăng?

–Không!

–Vốn không này có khiến cho đắc chăng?

–Không!

–Lìa vốn không có pháp khiến cho đắc chẳng?

–Không!

–Giả sử pháp ấy không thật có, thì pháp nào khiến cho đắc?

Xá-lợi-phất nói:

–Như pháp của Tôn giả Tu-bồ-đề thuyết, không có Bồ-tát là người đắc. Đức Phật nói ba hạng người có đức là người cầu A-la-hán, Bích-chi-phật và Phật. Ba hạng người này chẳng tính là ba, vì như Tôn giả Tu-bồ-đề nói thì chỉ là một đạo mà thôi.

Bân-mạn-đa-ni-phất (Mãn Từ Tử) nói với Xá-lợi-phất:

–Tôn giả nói một đạo, điều này cần phải hỏi lại!

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Tôn giả Tu-bồ-đề nói một đạo, vì thế tôi xin hỏi.

Tu-bồ-đề nói:

–Thế nào, ở trong vốn không có thấy ba đạo chẳng?

Xá-lợi-phất nói:

–Chẳng thấy! Vì sao? Vì từ trong vốn không, chẳng thật có ba việc.

Tu-bồ-đề nói:

–Vốn không, một việc có thủ đắc được không?

–Không!

–Thế nào, trong vốn không có thủ đắc một đạo được không?

–Không!

–Giả sử, điều ấy thật sự chẳng thật có, cho nên nói A-la-hán, Bích-chi-phật, Phật là đạo vốn không, không có khác. Nếu Bồ-tát nghe thuyết về vốn không mà tâm không biếng nhác thì Bồ-tát ấy sẽ được thành Phật.

Đức Phật dạy:

–Đúng như lời Tu-bồ-đề nói, đều là nhờ oai thần của Phật khiến cho ông ấy nói như thế. Bồ-tát nghe thuyết về các pháp vốn không như nhau không khác mà tâm không biếng nhác thì sẽ được thành Phật.

Xá-lợi-phất thưa:

– Thế nào là Bồ-tát thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Bồ-tát cần phải thành tựu những điều gì?

Đức Phật dạy:

– Bồ-tát phải bình đẳng tiếp xúc với tất cả mọi người, phải có lòng lành, không được có ý tổn hại, thường nên có lòng từ, không được buông lời giận dữ, luôn luôn phải có lòng tốt và tâm ngay thẳng.



KINH ĐẠO HÀNH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 6

Phẩm 15: KHÔNG THOÁI CHUYỂN

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát không thoái chuyển phải lấy gì so sánh? Phải lấy gì để xét công hạnh của vị ấy? Phải nhờ tướng trạng nào để biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển?

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát không thoái chuyển nếu chứng đắc thiền thì chẳng lay chuyển như A-la-hán, Bích-chi-phật địa, Phật địa. Phật địa ấy như pháp vốn không không bao giờ lay chuyển. Nghe Phật nói vốn không, vị ấy không nói là sai. Không chính là từ trong pháp này, vốn không nhập vốn không. Vốn không được nhập vào này phải là vốn không, cũng chẳng nói là sai. Nhập vào trong đó như thế, nhập vào trong rồi, nghe nói về vốn không ấy rồi, nếu qua đến xứ khác nghe nói đến vốn không, tâm hoàn toàn không nghi ngờ, cũng chẳng nói là sai. Vốn không như thế phải trụ vốn không. Lời nói của vị ấy không khinh mạn, không nói điều dở của người khác, chỉ nói điều hay của người khác, không dòm ngó đến việc làm của người khác. Nhờ vào sự so sánh ấy, tướng trạng ấy, công hạnh ấy đầy đủ mà biết vị ấy là Bồ-tát không thoái chuyển. Bồ-tát không thoái chuyển không bao giờ mang hình tướng của Sa-môn ngoại đạo và diện mạo Bà-la-môn, chẳng cúng tế quỳ lạy trời, chẳng cắm hoa hương cúng trời, cũng không bảo người khác làm. Thân họ không sinh vào chỗ ác, không thọ thân người nữ, thường gìn giữ mười giới là không sát sinh, trộm cắp, dâm dật, nói lời gây chia rẽ, uống rượu, ác khẩu, nói dối, nói lời thêu dệt, không tật đố, giận hờn, mắng chửi, chẳng chút nghi ngờ cũng chẳng dạy người khác

làm. Thân tự giữ gìn mười giới không chút nghi ngờ, còn dạy người khác gìn giữ mười giới. Trong chiêm bao cũng tự gìn giữ mười giới, ở trong mộng cũng vẫn tự thấy mười giới tại trước mặt.

Tâm của Bồ-tát không thoái chuyển lúc nghe thuyết kinh điển thâm diệu không bao giờ nghi ngờ, chẳng nói chẳng tin cũng chẳng sợ hãi, lời nói dịu dàng, vi diệu mật thiết, ít ngủ nghỉ, đi đứng ra vào, tâm yên tịnh, không loạn. Lúc bước đi chậm rãi nhìn thẳng phía trước, áo quần tốt đẹp sạch sẽ, không dính bụi bẩn, không có rận rệp, trong thân không có tám mươi loại vi trùng. Công đức đạt được dần dần đầy đủ và cảm thấy rất thanh tịnh. Công đức của vị ấy vượt hơn thế gian.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Tâm Bồ-tát thanh tịnh như thế nào? Và làm sao biết?

Đức Phật dạy:

– Công đức của Bồ-tát này tạo tác ngày càng thêm nhiều thì tâm của vị ấy tiến lên đến chỗ tột cùng là tự tại vô ngại. Đạt được công đức ấy thì tâm rất thanh tịnh. Thanh tịnh hơn người đắc đạo A-la-hán, Bích-chi-phật.

Như vậy nếu có người đến cúng dường, Bồ-tát không thoái chuyển không thọ dụng mà chỉ vui mừng vì người cúng dường đã xả bỏ được tâm bồn sển tham lam. Lúc thuyết kinh thâm diệu chưa từng chán nản, mệt mỏi giữa chừng, mà ngay trong trí tuệ thâm nhập. Ngoài ra, nếu có người muốn thừa hỏi kinh thâm diệu thì đem Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu này thuyết cho họ nghe. Nếu có người theo đạo khác không được chân chánh thì đem Bát-nhã ba-la-mật để làm cho họ chân chánh. Pháp được sinh ra từ trong kinh này cũng đều dùng sự tướng vô thường để nói với họ. Những điều kinh sách thế gian không thể giải thích được thì đem Bát-nhã ba-la-mật này để giải thích. Vì thế nên ma tặc ác đến bên cạnh Bồ-tát, biến ra tám địa ngục lớn, trong mỗi địa ngục ấy có biết bao ngàn, trăm ngàn Bồ-tát cũng do ma biến hóa ra, rồi ma chỉ vào các Bồ-tát ấy và nói:

– Những người này đều là Bồ-tát không thoái chuyển được Phật thọ ký, hiện nay đều đọa vào địa ngục. Phật thọ ký cho các Bồ-tát này như là thọ ký địa ngục mà thôi. Nếu như làm Bồ-tát được thọ ký

không thoái chuyển thì phải mau mau nói lời hối hận: “Tôi chẳng phải không thoái chuyển”. Nếu nói lời hối hận như thế thì không còn bị đọa vào trong địa ngục, sẽ được sinh lên cõi trời.

Đức Phật dạy:

–Giả sử Bồ-tát ấy tâm chẳng lay chuyển thì biết đó là không thoái chuyển?

Ma tặc ác lại biến hóa làm vị thầy đáp y đi đến chỗ Bồ-tát nói lời dối trá: “Những điều ông nghe nhận được của ta trước kia, nay hãy bỏ hết đi! Đó đều là điều không thể dùng được. Nếu tự hối lỗi, chấp nhận sự hối hận đó mà theo lời nói của ta thì hằng ngày ta đến thăm ông, còn ông không theo lời ta thì ta không bao giờ đến nhìn ông nữa. Thôi, đừng nói đến những điều ấy nữa, ta không còn muốn nghe. Vì như thế thì chẳng phải là điều Phật nói, chỉ là điều thừa bên ngoài mà thôi. Bây giờ ông hãy nghe lời ta, lời nói của ta nói đều là lời nói của Phật.”

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát nghe lời ấy mà tâm lay chuyển đó là người không được Phật quá khứ thọ ký, chưa lên hàng Bồ-tát, chưa vào quả vị không thoái chuyển. Nếu Bồ-tát tâm không lay chuyển thì biết là do pháp không của kinh thâm diệu này mà được, nghĩ như thế thì không bao giờ tin theo lời kẻ khác. Ví như vị Tỳ-kheo đắc đạo quả A-la-hán không còn nghe theo lời người khác, thấy rõ chứng đạo là do pháp không trong kinh này mà được thì nhất định không thể lay chuyển. Như pháp phải quán niệm của A-la-hán, Bích-chi-phật không bao giờ còn quay trở lại, vị Bồ-tát ấy đang trụ ở quả vị không thoái chuyển, hưởng thẳng vào cửa Phật không bao giờ ở quả vị không thoái chuyển, hưởng thẳng vào cửa Phật không bao giờ còn quay trở lại. Đó là sự cứu cánh tột cùng. Nhờ sự so sánh ấy, tướng trạng ấy, công hạnh ấy đầy đủ mà biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Lại có ma tặc ác làm người lạ đi đến chỗ Bồ-tát và nói:

–Nếu phát tâm cầu đạo Bồ-tát chỉ là cầu sự cực khổ mà thôi, chứ chẳng phải cầu Phật pháp. Nếu lống không tức là uống công chịu khổ. Ông lấy sự khó khăn khổ sở ấy làm điều mong cầu

chăng? Nếu nói ở trong đường ác thì từ trước đến nay đã ở lâu lắm rồi, bây giờ được làm người, chẳng nên nghĩ muốn vào trong đó nữa, chẳng đáng tự chán ghét hay sao mà còn muốn thọ thân ở nơi nào nữa! Sao ông không sớm chọn lấy quả vị A-la-hán mà lại đi chọn quả vị Phật để cầu.” Bồ-tát ấy tâm không lay chuyển thì biết đó là bậc không thoái chuyển. Ma tặc ác không làm lay chuyển được bèn bỏ đi.

Ma tặc ác lại tìm cách biến hóa ra nhiều vị Bồ-tát đứng bên cạnh Bồ-tát ấy, rồi chỉ các vị này và nói:

–Ông có thấy chăng? Các vị này đều là Bồ-tát đã cúng dường chư Phật nhiều như số cát sông Hằng đầy đủ các thứ y phục, thức uống ăn, giường nệm, thuốc men. Các vị này đã đều theo chư Phật nhiều như số cát sông Hằng tu học, mọi việc làm của họ đều đúng như pháp, mọi mong cầu của họ đều đúng như pháp. Họ đều học tập, thọ trì, thực hành đúng như pháp mà còn không thể được thành Phật. Nếu ông từ trước đến nay cũng tu học như thế thì làm sao được thành Phật!

Bồ-tát nghe lời này mà tâm vẫn không lay chuyển. Ma tặc ác bỏ đi không bao xa lại biến hóa ra các vị Tỳ-kheo và chỉ các vị ấy, nói:

–Các vị này đều là bậc A-la-hán. Các vị này vào thời quá khứ đều cầu đạo Bồ-tát mà không thể thành Phật. Nay đều đã đắc đạo A-la-hán. Như vậy, Tỳ-kheo phải tu theo pháp nào để được thành Phật!

Bồ-tát nghe lời ấy mà tâm không lay chuyển thì phải nhận biết đó là do ma làm.

Đức Phật dạy:

–Học như thế, cầu như thế, hành như thế là trụ trong Bát-nhã ba-la-mật, nên tâm không lay chuyển. Do sự so sánh như thế, tướng mạo như thế, thực hành như thế đầy đủ thì biết đó là bậc không thoái chuyển.

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát phải học như thế, cầu như thế, hộ trì giáo pháp này thọ nhận lời Phật dạy, phải nghĩ rằng dù đi đến phương khác nghe ma

nói lời như thế tâm cũng không lay chuyển, không thể đổi dời, biết rõ là ma làm. Bồ-tát học như thế mà không thành Phật thì lời Phật nói là có sai khác. Lời Phật nói không bao giờ lừa dối.

Ma tặc ác lại đi đến chỗ Bồ-tát nói lời dối trá rằng:

–Phật như hư không, kinh này không dạy đến nơi đến chốn, không thể đến chỗ triệt để. Ta đã biết rồi, trong kinh này ta đã biết rồi, đều rỗng không mà thôi. Nếu siêng năng cực khổ tu học kinh này mà chẳng nhận biết là do ma làm ra việc ấy. Ma làm ra kinh này thì làm sao tu học kinh này mà thành Phật được! Kinh ấy chẳng phải do Phật nói.

Bồ-tát cần phải nhận biết kỹ càng đó là do ma làm.

Bồ-tát tuy tu Tam-muội Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên để tiến đến không thoái chuyển nhưng không duyên theo bốn bậc Thiên này, chỉ lấy Thiên này làm Tam-muội mà sinh vào cõi Dục để độ người. Bồ-tát ấy nhất định không tuân theo lời dạy của bốn Thiên thì công đức của Bồ-tát ấy vượt lên trên công đức bốn Thiên. Bồ-tát ấy nếu được người ngợi khen không vui mừng, chẳng được ngợi khen cũng không buồn bực. Tâm của vị ấy không bao giờ loạn động, thường nghĩ đến mọi người ở thế gian khéo ra vào, bước đi, ngồi xuống, đứng lên thường đoan chính tâm ý, ý ít dâm dật. Ở tại nhà, lòng không ưa thích gặp gỡ phụ nữ và thường mang tâm lo sợ. Nếu giao tiếp với phụ nữ, thì quán niệm họ như nhớp không sạch sẽ, chẳng phải là pháp của ta mong cầu, suốt đời ta chẳng còn muốn gần gũi họ nữa, cần phải thoát khỏi đồ như nhớp ấy. Ví như có người đi trong chỗ rất hoang vắng sợ bọn giặc cướp, thầm nghĩ: “Ta phải mau mau ra khỏi con đường nguy hiểm này.” Bồ-tát phải lìa bỏ dâm dật ấy, sợ nó như đi trong chỗ rất hoang vắng, nhưng cũng chẳng nói người phụ nữ kia ác. Vì sao? Vì mọi người ở thế gian đều muốn được an ổn.

Đức Phật dạy:

–Như vậy, Bồ-tát phước đầy đủ. Đó đều là sức oai thần của Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu khiến cho quỷ thần nghĩ rằng: “Đó là Bồ-tát”. Thần chấp Kim Cang biến hóa ra các quỷ thần theo sau bảo vệ khiến cho các quỷ thần khác không dám đến gần Bồ-tát. Bồ-tát

chẳng bao giờ đánh mất ý chí hành đạo, tâm chẳng khởi vọng, thân thể hoàn chỉnh, không có ghẻ lác, tuy rất mạnh mẽ nhưng không bao giờ dụ dỗ vợ con của người khác. Chính mình không làm các việc như điều chế chất độc, phù chú, thuốc thang và cũng không bảo người khác làm, thấy người khác làm thì tâm không vui, không bao giờ nói các việc trai gái, cũng không nói điều trái đạo lý, cũng không sinh sống ở chỗ hung ác. Nhờ sự so sánh ấy, tướng trạng ấy, công hạnh ấy đầy đủ mà biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Vì sao Bồ-tát được gọi là không thoái chuyển?

Đức Phật dạy:

– Bồ-tát không làm việc cùng nhà vua hoặc người thế tục trong thành quách xóm làng, không làm việc cùng với hạng giặc cướp hoặc quân đội, binh lính, không làm việc cùng kẻ nam, người nữ, không làm việc cùng với ngoại đạo hoặc cúng tế quỷ thần bằng rượu thịt cơm gạo, không làm các nghề xoa hương, đốt hương hoặc làm tơ lụa năm sắc và làm các nghề hát xướng để thu lợi, không làm nghề tìm châu báu trong biển hoặc các điều ham muốn, không làm việc cùng với kẻ tệ ác không biết hối hận, thích nã loạn người, mà chỉ làm theo Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu. Tâm không bao giờ xa lìa trí Nhất thiết trí. Thường thích chánh pháp, không thích phi pháp. Thường ngợi khen ý nguyện cao thượng của bậc Hiền thiện. Thường theo bậc Thiện tri thức, không theo kẻ ác tri thức. Thường cầu Phật pháp nguyện sinh về cõi nước Phật ở phương khác. Vì thế nên thường gặp Phật để cúng dường. Từ cõi Dục, cõi Sắc, cõi Không (Vô sắc) sinh vào nơi có nền văn minh rực rỡ, thường sinh vào trong hạng người lành thông tuệ, sinh vào hàng trí thức thông hiểu kinh sách. Thường không thích tham dự vào việc thế tục, suốt đời không phạm pháp. Thường sinh ra trong nước lớn, không sinh vào chốn biên địa. Nhờ những điều so sánh ấy, tướng trạng ấy, hành vi ấy đầy đủ vì thế được gọi là Bồ-tát không thoái chuyển. Bồ-tát ấy không bao giờ nói ta chính là không thoái chuyển, cũng không nói ta chẳng phải là không thoái chuyển, cũng chẳng nghi ta chẳng phải là bậc không thoái chuyển, cũng chẳng nói ta là bậc không thoái chuyển.

Ví như có người đắc quả Tu-đà-hoàn, ở tại quả vị ấy không bao giờ nghi ngờ việc ma, vừa khởi việc ma, lập tức nhận biết, ma từ từ đến, không nghe theo nó. Ở quả vị không thoái chuyển không bao giờ nghi ngờ, biếng nhác.

Ví như có người làm điều nghịch ác suốt đời tâm không thể chuyển khiến cho làm thiện, chẳng nghĩ ác. Tâm ác này đến chết cũng không thôi. Bồ-tát ấy trụ ngay, ở tại quả vị không thoái chuyển, tâm không thể lay chuyển, cả mười phương cũng không bao giờ có thể làm lay chuyển tâm của vị ấy. Tự có quả vị của đạo, chẳng bao giờ nghi không có A-la-hán, Bích-chi-phật. Tâm không nghĩ là Phật thì khó đắc. Tâm lớn vô cùng, trụ vững vàng an ổn nơi quả vị của mình, không ai có thể hàng phục được. Trụ như thế ma tặc ác buồn khổ nói: “Bồ-tát ấy tâm như gang thép không thể lay chuyển”. Rồi nó biến hóa ra hình dáng Phật đến nói với Bồ-tát: “Tại sao không sớm ngay bây giờ chứng đến quả vị A-la-hán? Hoặc chưa được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, hoặc chẳng được sự so sánh ấy, chẳng được tướng trạng ấy. Dẫu cho Bồ-tát nhờ sự so sánh ấy, nhờ hình tướng ấy đầy đủ, như vậy mà vẫn không được thành Phật. Nếu thế thì phải do đâu mà được thành Phật!”

Đức Phật dạy:

–Nếu Bồ-tát ấy nghe lời của ma mà tâm không lay chuyển thì đó là Bồ-tát đã được Đức Như Lai ở thời quá khứ thọ ký đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vì thế nhận biết ma biến thành hình dáng Phật đến. Bồ-tát ấy nói: “Đó chẳng phải là Phật, chỉ là ma mà thôi. Ma muốn khiến tâm ta lay chuyển, nhưng tâm ta không thể nào làm lay chuyển được.”

Đức Phật nói tiếp:

–Bồ-tát ấy tâm không thể lay chuyển là người đã được Đức Như Lai thời quá khứ thọ ký, truyền trao đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, trụ nơi quả vị không thoái chuyển. Vì sao? Vì nhờ vào sự so sánh ấy, tướng trạng ấy, công hạnh ấy đầy đủ mà biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Người đắc pháp đều tu hành chân chánh, hiện đời chẳng tiếc thân mạng. Bồ-tát ấy đều thọ nhận được hết tất cả pháp, pháp của

các Đức Phật quá khứ, vị lai, hiện tại hôm nay đều được thọ trì. Vì thế sẽ vì Phật pháp không tiếc thân mạng chưa từng biếng nhác, không bao giờ chán nản, nghe Đức Như Lai và các đệ tử của Ngài thuyết kinh này, tâm không bao giờ nghi, cũng không nói là chẳng phải lời của Phật nói, nghe nói Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu tâm không có nghi, cũng không nói là chẳng phải. Như thế, Bồ-tát đắc pháp Vô sở tùng sinh và ưa thích an lập trong đó mà công đức đầy đủ. Nhờ sự so sánh ấy, tướng trạng ấy, công hạnh ấy mà biết đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

M

Phẩm 16: ƯU-BÀ-DI ĐÁT-KIỆT

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát không thoái chuyển từ công đức lớn lao đã thành tựu mà thuyết pháp thâm diệu dạy Bồ-tát tiến sâu vào pháp ấy.

Đức Phật dạy:

–Lành thay, lành thay! Này Tu-bồ-đề! Nếu là pháp bên trong mà Bồ-tát phải vào sâu thì đó là những pháp thâm diệu nào? Không là pháp thâm diệu, vô tướng, vô nguyện, vô thức, không sinh, không diệt. Nê-hoàn chính là giới hạn.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Nê-hoàn chính là giới hạn, chẳng phải chính là các pháp.

Đức Phật dạy:

–Các pháp rất thâm diệu. Sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức rất thâm diệu. Vì sao sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức rất thâm diệu? Vì như pháp vốn không, sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức cũng vốn không, thế nên rất thâm diệu.

Tu-bồ-đề thưa:

–Hy hữu thay! Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức hư vọng tiêu tan thì đó là Nê-hoàn.

Đức Phật dạy:

–Pháp thâm diệu, tương ứng với Bát-nhã ba-la-mật, cần phải

nên tư duy ghi nhớ và học tập. Bồ-tát phải theo đúng lời dạy của Bát-nhã ba-la-mật mà tu hành. Thường tư duy ghi nhớ theo đúng lời dạy trong đó tu hành dù một ngày, Bồ-tát ấy cũng trừ bỏ được mấy kiếp sinh tử. Ví như người dâm dật có hẹn hò với cô gái xinh đẹp mà người ấy rất mực yêu thương. Nhưng cô gái này không được tự do nên đã lỗi hẹn không đến. Vậy người ấy có nghĩ nhớ đến cô ta chăng?

Tu-bồ-đề đáp:

–Người ấy có ý nghĩ rằng chẳng bao lâu cô ta sẽ đến, gặp nhau, bên nhau, ngồi, đứng, nói, cười.

Đức Phật dạy:

–Lúc cô ta chưa đến thì người ấy có bao nhiêu ý nghĩ?

Tu-bồ-đề thưa:

–Có rất nhiều ý nghĩ.

Đức Phật dạy:

–Cũng vậy, Bồ-tát quán niệm Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu một ngày tâm không lay chuyển thì trừ bỏ được biết bao kiếp sinh tử. Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật tư duy, quán niệm như lời dạy trong đó, như lời nói trong đó, rồi theo đó tu hành một ngày cũng diệt ác trừ tội. Nếu có Bồ-tát xa lìa Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, giả sử bố thí trải qua số kiếp nhiều như số cát sông Hằng cũng không bằng Bồ-tát tu hành một ngày theo lời dạy của Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu. Công đức của Bồ-tát này hơn Bồ-tát kể trên.

Nếu lại có Bồ-tát sống lâu bằng số kiếp nhiều như cát sông Hằng bố thí như trước cúng dường các vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật và Phật, nhưng chẳng có được Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu. Nếu lại có Bồ-tát tu hành theo lời dạy trong Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu thì công đức của Bồ-tát này hơn Bồ-tát kể trên.

Nếu lại có Bồ-tát sống lâu bằng số kiếp nhiều như số cát sông Hằng bố thí cúng dường giống như trước lại còn thêm trì giới đầy đủ. Nếu lại có Bồ-tát cầu Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, theo ý niệm khởi lên mà thuyết kinh, thì công đức của Bồ-tát này hơn Bồ-tát kể trên.

Nếu lại có Bồ-tát đem kinh này bố thí, thì công đức của vị ấy càng hơn, sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát đem kinh bố thí ấy từ trước đến nay đã vào sâu trong pháp này, đã vâng theo lời dạy của pháp này, nên công đức của Bồ-tát này hơn Bồ-tát kể trên.

Nếu lại có Bồ-tát đem kinh này bố thí, mà chẳng thâm nhập vào trong pháp này thì công đức không bằng Bồ-tát thâm nhập.

Nếu lại có Bồ-tát đem kinh này bố thí, lại còn thâm nhập vào trong pháp này, chưa từng có lúc rời xa, được Bát-nhã ba-la-mật hộ trì, thì công đức của Bồ-tát này rất nhiều, rất nhiều.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Hễ có nhận thức là có chấp trước, qua sự phân biệt này thì công đức nào là nhiều?

Đức Phật dạy:

–Qua sự nhận thức của Bồ-tát, nếu cầu Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, ưa thích không, ưa thích vô sở hữu, ưa thích khổ tận (Nê-hoàn), ưa thích vô thường và quán niệm các pháp ấy tức là chẳng lìa Bát-nhã ba-la-mật thì Bồ-tát được công đức vô số chẳng thể tính kể.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Chẳng thể tính kể còn nói là vô số nữa, thì có gì khác chăng?

Đức Phật dạy:

–Vô số là số của nó chẳng thể cùng tận. Còn chẳng thể tính kể là không thể tính lường được nó, hoàn toàn không có bờ bến. Vì thế nói là vô số chẳng thể tính kể.

Tu-bồ-đề thưa:

–Phật nói chẳng thể tính kể có phải là nói sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng thể tính kể chăng?

Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như lời ông hỏi nghĩa là phải có cái nhân nào đó khiến cho sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng thể tính, chẳng thể lường.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

– Thế nào là chẳng thể lường?

Đức Phật dạy:

– Kể Không là chẳng thể lường; Vô tướng, Vô nguyện cũng kể là chẳng thể lường.

Tu-bồ-đề thưa:

– Kể không thì pháp ấy chẳng thể tính kể.

Phật nói:

– Thế nào? Ta thường chẳng nói các pháp không chẳng?

Tu-bồ-đề thưa:

– Đúng là Đức Như Lai nói các pháp thảy đều không.

Đức Phật dạy:

– Các pháp đều không, chẳng thể cùng tận, chẳng thể tính kể. Kinh không có riêng từng loại trí tuệ, không có từng thứ khác biệt. Đức Như Lai chỉ phân biệt mà nói vậy. Không chẳng thể cùng tận, chẳng thể lường. Tùy theo sự ưa thích của người học mà giải nói, mà thị hiện chỉ dạy về tướng ấy, về nguyện ấy, thức ấy, sinh ấy, dục ấy, diệt ấy, Nê-hoàn ấy. Đức Như Lai thuyết pháp là như vậy!

Tu-bồ-đề thưa:

– Hy hữu thay! Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Kinh vốn không mà thôi. Tại sao lại ở trong không thuyết kinh thì kinh ấy chẳng thật có? Như con hiểu lời Phật dạy, các pháp chẳng thật có.

Đức Phật dạy:

– Đúng thế! Các pháp chẳng thật có, chỉ là không mà thôi. Không thì chẳng thật có.

Tu-bồ-đề thưa:

– Đúng như lời Phật đã nói, vốn là không thì chẳng thật có. Ngài giải thích về trí tuệ chẳng thật có phải chẳng là có tăng, có giảm?

Đức Phật dạy:

– Chẳng phải vậy!

Tu-bồ-đề thưa:

– Nếu trí tuệ chẳng thật có có tăng, có giảm thì Bồ thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật,

Thiền ba-la-mật, Bát-nhã ba-la-mật chẳng thêm, chẳng giảm. Nếu Ba-la-mật chẳng thêm thì Bồ-tát nhân vào đâu để gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, do duyên gì chứng đắc Vô thượng Chánh giác? Giả sử Ba-la-mật chẳng giảm thì Bồ-tát nhân vào đâu để gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và do duyên gì được ngồi gần Vô thượng Chánh giác?

Đức Phật dạy:

–Trí tuệ chẳng thật có này chẳng thêm, chẳng giảm, Bồ-tát cầu Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu nếu nắm giữ trí tuệ ấy thì đó là Bồ-tát có phương tiện thiện xảo chẳng nghĩ Bồ thí ba-la-mật là tăng, cũng chẳng nghĩ là giảm. Lại nghĩ đó chỉ là giả danh Bồ thí ba-la-mật, nghĩ đem công đức bồ thí này hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Cũng vậy, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật, Bồ-tát cầu Bát-nhã ba-la-mật nếu giữ các hạnh ấy thì được phương tiện thiện xảo, chẳng nghĩ Bát-nhã ba-la-mật có tăng có giảm, đó chỉ là giả danh Bát-nhã ba-la-mật. Người cầu Bát-nhã ba-la-mật nếu thọ trì pháp ấy thì nên phát tâm đem công đức này hồi hướng về Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Cái gì là Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật dạy:

–Đó là pháp vốn không. Pháp vốn là không này chẳng thêm, chẳng giảm, thường theo pháp này quán niệm chẳng rời tức là ngồi gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, là pháp chẳng thật có, là trí tuệ chẳng thật có. Nếu Bát-nhã ba-la-mật đều chẳng thêm, chẳng giảm, Bồ-tát quán niệm pháp ấy chẳng rời tức là tiếp cận với Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát dùng tâm trước hay tâm sau để tiếp cận Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật dạy:

–Tâm trước, tâm sau, cả hai tâm này không có đi đôi.

Tu-bồ-đề hỏi:

– Tâm trước, tâm sau không có đi đôi thì công đức làm sao được tăng trưởng?

Phật hỏi:

– Ví như đốt tim đèn, ngọn lửa trước đốt sáng tim đèn hay ngọn lửa sau đốt sáng tim đèn?

Tu-bồ-đề thưa:

– Chẳng phải ngọn lửa trước đốt sáng tim đèn, cũng chẳng là ngọn lửa trước, cũng chẳng phải ngọn lửa sau đốt sáng tim đèn, cũng chẳng là ngọn lửa sau.

Đức Phật hỏi Tu-bồ-đề:

– Thế nào, có phải đúng như vậy chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thiên Trung Thiên, đúng như vậy!

Đức Phật dạy:

– Bồ-tát chẳng dùng tâm trước đấng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng là tâm trước đấng, cũng chẳng dùng tâm sau đấng, cũng chẳng là tâm sau đấng.

Đức Phật nói tiếp:

– Thế nào, có phải như vậy là đấng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

Tu-bồ-đề thưa:

– Vô thượng Chánh giác rất thâm diệu! Nhân duyên đó, Bồ-tát chẳng dùng tâm trước đấng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, cũng chẳng là tâm trước đấng, cũng chẳng dùng tâm sau đấng, cũng chẳng là tâm sau đấng.

Đức Phật dạy:

– Có phải tâm trước diệt rồi tâm sau sinh không?

Tu-bồ-đề thưa:

– Chẳng phải.

Đức Phật dạy:

– Tâm trước sinh có thể diệt không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Có thể diệt.

Đức Phật hỏi:

–Đang lúc diệt có thể nào khiến cho chẳng diệt được không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Chẳng được.

Đức Phật dạy:

–Pháp vốn không có thể khiến cho trụ được không?

Tu-bồ-đề thưa:

–Muốn trụ pháp vốn không, phải như pháp vốn không mà trụ.

Đức Phật dạy:

–Giả sử trụ ở trong pháp vốn không thì có cách nào làm cho trụ vững chãi không? Pháp vốn không có hữu tâm, vô tâm chẳng? Chẳng lia pháp vốn không có hữu tâm chẳng? Thấy pháp vốn không được chẳng? Cầu như thế có phải là cầu một cách sâu sắc chẳng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Cầu như thế là không cầu gì cả. Vì sao? Vì pháp ấy hoàn toàn không thật có, cũng chẳng thể thấy.

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát cầu Bát-nhã ba-la-mật là cầu cái gì?

Tu-bồ-đề thưa:

–Là cầu không.

Đức Phật dạy:

–Giả sử chẳng có cái không thì cầu cái gì?

Tu-bồ-đề thưa:

–Là cầu tướng.

Đức Phật dạy:

–Thế nào, có trừ khử tướng được không?

–Không.

–Bồ-tát ấy chẳng trừ khử tướng chẳng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Chẳng cầu như thế là quên tướng. Vì sao? Vì cầu tướng hết. Giả sử tướng diệt tức là có thể được diệt độ liền đắc đạo quả A-la-hán. Đó là phước tiện thiện xảo của Bồ-tát, chẳng diệt tướng mà được chứng, đã không có tướng tức là tuân theo lời dạy này.

Xá-lợi-phất nói với Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát có ba sự việc hưởng đến ba môn Tam-muội, nắm giữ ba môn Tam-muội. Đó là Không, Vô tướng, Vô nguyện. Ba môn Tam-muội này tăng tiến đối với Bát-nhã ba-la-mật. Chẳng những ban ngày có tăng tiến mà ban đêm trong mộng cũng có tăng tiến. Vì sao? Vì Phật nói, ban ngày và ban đêm trong mộng như nhau không khác.

Tu-bồ-đề nói:

–Nếu Bồ-tát ban ngày có tăng tiến đối với Bát-nhã ba-la-mật thì ban đêm trong mộng cũng có tăng tiến.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Thế nào, nếu ở trong mộng có tạo tác thì có sở đắc không? Phật thuyết kinh như việc làm ở trong mộng chẳng?

Tu-bồ-đề đáp:

–Làm việc thiện trong mộng, thức dậy rất vui là tăng tiến, trong mộng làm việc ác, thức dậy không vui là có tổn giảm.

Xá-lợi-phất nói:

–Giả sử trong mộng giết người, tâm người ấy vui, thức dậy nói: “Tôi giết người đó, sướng quá!” Như vậy là sao?

Tu-bồ-đề đáp:

–Không đúng! Như thế đều có nhân duyên, tâm chẳng không thì như thế sẽ có nhân duyên. Như thấy, như nghe, như niệm đều là nhân duyên, vì thế nên biết mà thôi. Từ trong đó khiến tâm có chấp trước nay khiến tâm người không chấp trước. Đó là chẳng quên, vì như thế đều có nhân duyên.

Xá-lợi-phất nói:

–Việc làm đều không thì do đâu mà tâm có nhân duyên?

Tu-bồ-đề nói:

–Ý tướng nhân duyên, thế nên tâm nhân duyên theo đó khởi.

Xá-lợi-phất hỏi:

–Bồ-tát trong mộng bố thí đem công đức bố thí này hồi hướng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như vậy là có bố thí hay không?

Tu-bồ-đề nói:

–Bồ-tát Di-lặc sắp được bổ Phật xứ, hiện đang ở đây, ông nên hỏi ông ấy.

Xá-lợi-phất bạch Bồ-tát Di-lặc:

–Điều tôi thưa hỏi, Tôn giả Tu-bồ-đề nói Bồ-tát Di-lặc có thể giải đáp.

Di-lặc nói:

–Như tên ta là Di-lặc phải giải đáp chăng? Hay phải đem sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức để giải đáp? Hay đem thân này ra để giải? Nếu đem không hoặc đem sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức để giải đáp thì sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức rỗng lạng không có năng lực. Pháp cần phải giải đáp là pháp hoàn toàn không thể thấy và cũng không thấy có người phải giải đáp. Pháp ấy hoàn toàn chẳng thấy có người sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Xá-lợi-phất nói:

–Pháp Bồ-tát Di-lặc nói là pháp được chứng ?

Di-lặc nói:

–Không! Pháp tôi nói là pháp chẳng được chứng.

Xá-lợi-phất liền nghĩ: “Bồ-tát Di-lặc nhập vào trí tuệ rất sâu. Vì sao? Vì Bồ-tát thường thực hành Bát-nhã ba-la-mật-đã lâu lắm rồi.”

Phật hỏi Xá-lợi-phất:

–Thế nào, có khi nào ông tự thấy mình thành A-la-hán không?

Xá-lợi-phất thưa:

–Con chẳng thấy.

Đức Phật dạy:

–Cũng vậy, Bồ-tát chẳng nghĩ mình được thọ ký, phải ở trong pháp đó đắc Vô thượng Chánh giác, cũng không có người đắc Vô thượng Chánh giác. Bồ-tát hành như thế chính là cầu Bát-nhã ba-

la-mật, không bao giờ sợ mình chẳng đắc Vô thượng Chánh giác. Bồ-tát theo lời dạy trong pháp đó cầu Bát-nhã ba-la-mật vì thế không chút sợ hãi, thâm nghĩ: “Giả sử chúng ăn thịt ta thì ta sẽ bố thí để thực hành Bố thí ba-la-mật hầu tiếp cận Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nguyện sau khi ta thành Phật, trong cõi nước ta không có loài cầm thú.”

Lúc Bồ-tát gặp đám giặc cướp cũng không sợ hãi, thâm nghĩ: “Giả sử ta chết ở đây, thân ta trước sau gì rồi cũng phải bỏ. Nếu như ta bị đám giặc cướp giết chết, ta không nên có tâm giận hờn, thực hiện đầy đủ nhân nhục để thành tựu Nhân nhục ba-la-mật hầu tiếp cận Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nguyện sau khi thành Phật, trong cõi nước ta không có giặc cướp.”

Bồ-tát đến chỗ không có nước uống, cũng không sợ hãi, tự nghĩ: “Người không có đức khiến cho nơi đó không có nước. Nguyện sau khi thành Phật, trong cõi nước ta đều có nước, khiến cho dân chúng trong cõi nước ta đều được nước tám vị của trí Nhất thiết trí.”

Bồ-tát lúc đến chỗ lúa gạo đất đỏ, tâm không sợ hãi, tự nghĩ: “Ta sẽ tinh tấn tu hành thành Phật, trong cõi nước ta không bao giờ lúa gạo đất đỏ, dân chúng trong cõi nước ta được thức uống ăn hiện ra trước mặt tùy theo ý muốn như thức ăn trên cung trời Đao-lợi.”

Bồ-tát gặp lúc dịch bệnh, thâm nghĩ: “Ta không kinh sợ, giả sử thân ta chết đi trong lúc này, ta sẽ tu hành tinh tấn chóng được thành Phật để cho trong cõi nước ta không có mất mùa, dịch bệnh. Ta chắc chắn sẽ hàng phục ma bè lũ của chúng.”

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát nghe nói Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đó phải tu hành lâu lắm mới được thành Phật, tâm không sợ hãi, từ lúc bắt đầu phát tâm học đến nay không cho là lâu, coi như khoảnh khắc của sự chuyển đổi một ý niệm mà thôi. Vì sao? Vì không có chỗ bắt đầu.

Lúc Đức Phật thuyết pháp này, có một vị Ưu-bà-di từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến chỗ Phật, đánh lễ, quỳ bạch Phật:

–Con nghe pháp ấy không kinh, không sợ thì ắt hàng phục được

sự sợ hãi. Con cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đấng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác rồi con sẽ thuyết kinh.

Đức Phật mỉm cười, miệng phóng ra hào quang kim sắc. Ưu-bà-di liền rải hoa vàng lên trên Đức Phật, nhờ oai thần của Phật hoa đều không rơi xuống đất.

A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy sửa lại ca-sa, đảnh lễ, quỳ xuống hỏi Phật:

–Đức Phật không cười vô cớ. Ngài đã cười thì sẽ có điều gì sắp nói ra.

Đức Phật dạy:

–Ưu-bà-di Đát-kiệt này vào kiếp Tinh tú ở đời vị lai sẽ thành Phật hiệu là Kim Hoa. Ưu-bà-di này đời sau sẽ bỏ thân nữ, thọ thân nam sinh vào cõi Phật A-súc, rồi từ cõi Phật A-súc sinh đến một cõi nước Phật khác, từ một cõi nước Phật lại sinh đến một cõi nước Phật cứ như vậy không cùng tận. Ví như Chuyển luân thánh vương từ một đền đài này đến một đền đài khác, từ lúc sinh ra cho đến lúc chết chân không dẫm xuống đất. Vị Ưu-bà-di này từ một cõi nước Phật đến một cõi nước Phật, chưa từng chẳng thấy Phật.

A-nan thâm nghĩ: “Như các hội Bồ-tát ở cõi Phật A-súc, đó là Phật hội.

Đức Phật biết ý nghĩ của A-nan nên Phật dạy:

–Các hội Bồ-tát ấy đều đã thoát hẳn sinh tử rồi. Ưu-bà-di này về sau sẽ thành Phật Kim Hoa độ chẳng kể xiết A-la-hán khiến Bát-nê-hoàn. Lúc đó, trong cõi nước Phật ấy không có cầm thú, giặc cướp, không thiếu nước uống hoặc lúa gạo đất đá, không có dịch bệnh và các việc hung ác đều không có.

A-nan hỏi Phật:

–Vị Ưu-bà-di này đã tạo công đức từ thời Đức Phật nào?

Đức Phật dạy:

–Vị Ưu-bà-di này đã tạo công đức từ thời Phật Nhiên Đăng. Lúc mới phát tâm cầu thành Phật, vị Ưu-bà-di này cũng đã đem hoa vàng rải lên trên Đức Phật Nhiên Đăng và nguyện: “Đem công đức này hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.”

Đức Phật nói tiếp:

–Như ta đã đem năm cành hoa cúng dường Phật Nhiên Đăng mà được đứng vào trong pháp lạc Vô sở tùng sinh và được Phật thọ ký: “Sau vô số kiếp sẽ thành Phật hiệu Thích-ca Văn”. Vị Ưu-bà-di này lúc đó thấy ta được Phật thọ ký, trong lòng thầm nghĩ: “Tôi cũng sẽ được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, như Bồ-tát ấy được thọ ký.”

Đức Phật bảo A-nan:

–Ưu-bà-di Đát-kiệt này bắt đầu phát tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ở chỗ Đức Phật Nhiên Đăng,

A-nan bạch Phật:

–Ưu-bà-di Đát-kiệt này đã đạt được điều mong ước?

Đức Phật dạy:

–Đã đạt được rồi!



KINH ĐẠO HÀNH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 7

Phẩm 17: THỦ KHÔNG

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật phải nhập không như thế nào? Thủ Tam-muội Không như thế nào?

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật phải quán sắc, thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức là không. Nhất tâm quán như thế thì chẳng thấy pháp. Như vậy chẳng thấy pháp thì ở trong pháp chẳng chứng đắc.

Tu-bồ-đề thưa:

–Đức Phật đã nói, chẳng ở trong không chứng đắc. Tại sao Bồ-tát trụ trong Tam-muội, ở trong không chẳng được chứng đắc?

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát đầy đủ công đức quán niệm không chẳng được chứng đắc. Quán như thế thì chẳng chấp chứng đắc. Quán như thế là quán chỗ nhập. Vừa muốn hưởng đến thì ngay lúc ấy chẳng chấp chứng đắc, chẳng nhập Tam-muội, tâm không chấp trước. Lúc ấy Bồ-tát chẳng đánh mất pháp Bồ-tát, chẳng chứng đắc Nê-hoàn giữa chừng. Vì sao? Vì bản nguyện xót thương cứu hộ hữu tình rất là tha thiết. Bồ-tát tự nghĩ: “Ta tuy đầy đủ công đức, nhưng lúc ấy ta không thủ chứng Nê-hoàn.” Bồ-tát đắc Bát-nhã ba-la-mật đạt được công đức rất lớn và sức mạnh của trí tuệ, ví như người mạnh mẽ đẩy lui được quân địch, là người tuần tú khỏe mạnh không việc gì không làm được, thông hiểu binh pháp, sáu mươi bốn môn quyền biến đều đã luyện tập, được mọi người kính ngưỡng. Người đó đi đến đâu mọi người đều được bảo hộ, thu hoạch được lợi lạc nào cũng chia sớt cho

mọi người, trong lòng người ấy hoan hỷ. Nếu có việc cùng đi với cha mẹ, vợ con ngang qua đường hiểm nguy, ách nạn thì bảo vệ cha mẹ yên ổn và nói với vợ con: “Đừng sợ, chúng ta sẽ ra khỏi chốn hiểm nạn này.” Ra khỏi được rồi, đưa cha mẹ, vợ con về quê, chẳng gặp hạng côn đồ hung dữ, đến nhà ai nấy đều vui mừng. Vì sao? Vì người ấy mạnh mẽ và có trí tuệ sáng suốt.

Bồ-tát ấy thực hiện lòng thương yêu rộng lớn, nghĩ đến hữu tình khắp cả mười phương, lúc đó đem lòng thương yêu ban cho mọi người. Bồ-tát ấy đã vượt qua quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật, trụ trong Tam-muội, xót thương hữu tình mà không thấy có hữu tình được độ, ở trong pháp ấy cũng chẳng thủ chứng Nê-hoàn, nhập vào không một cách sâu xa mà chẳng thành A-la-hán. Lúc Bồ-tát tu hành như thế tức là hành Tam-muội Không, không có ý tưởng hướng đến cửa Nê-hoàn, chẳng nhập vào không để thủ chứng Nê-hoàn. Ví như chim bay trong hư không chẳng có trở ngại. Bồ-tát tu hành thì muốn hướng đến không, đến không rồi thì hướng đến vô tướng. Nhưng chẳng lọt vào Không, chẳng lọt vào vô tướng thì sẽ đầy đủ các pháp của Phật.

Ví như người bắn mũi tên vào không trung, mũi tên trước còn ở trên không, mũi tên sau trúng mũi tên trước, cứ như thế bắn mãi, mũi tên sau cứ trúng mũi tên trước. Người bắn tên muốn mũi tên trước rơi thì nó mới được rơi. Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật được phương tiện thiện xảo hộ trì, từ quả vị của mình chẳng ở giữa chừng thủ chứng Nê-hoàn để bị rơi vào quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật, đem công đức này hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, công đức đầy đủ thì được thành Phật. Bồ-tát quán niệm theo lời dạy trong kinh, chẳng giữa chừng thủ chứng Nê-hoàn.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát chịu cực khổ học như thế thì chẳng giữa chừng thủ chứng Nê-hoàn!

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát ấy vì bảo hộ hữu tình giữ gìn Tam-muội Không hướng đến cửa Nê-hoàn nên tâm niệm phân biệt. Thế nào là phân biệt? Thủ Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô nguyện

chính là phân biệt phương tiện thiện xảo khiến Bồ-tát ấy chẳng giữa chừng thủ chứng Nê-hoàn. Vì sao? Vì được phương tiện thiện xảo hộ trì, cho nên tâm nghĩ đến tất cả hữu tình. Vì mang ý niệm này nên đấng phương tiện thiện xảo chẳng ở giữa chừng thủ chứng Nê-hoàn. Nếu Bồ-tát quán sâu vào việc thủ Tam-muội Không hưởng đến cửa Nê-hoàn, Tam-muội Vô tướng hưởng đến cửa Nê-hoàn, Tam-muội Vô nguyện hưởng đến cửa Nê-hoàn, thì Bồ-tát phân biệt biết được người lâu nay do nhân duyên ở trong tướng mà cầu đấng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bồ-tát vì họ thuyết kinh thì phải làm cho họ bỏ cái nhân duyên ấy mà thủ Tam-muội Không, thủ Tam-muội Vô tướng, giữ gìn Tam-muội Vô nguyện hưởng đến cửa Nê-hoàn mà không ở giữa chừng thủ chứng. Bồ-tát nghĩ như vậy, nhưng mọi người từ lâu cứ tưởng rằng có thường, có an vui (lạc) có thân (ngã) có tốt đẹp (tịnh), rồi họ căn cứ vào ngã để hồi hưởng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Vì họ nên Bồ-tát thuyết kinh để khiến cho họ đoạn trừ các tướng về thường, lạc, ngã, tịnh.

Câu đoạn cái gì? Cái thường này là vô thường, cái lạc này đều là khổ, cái thân (ngã) này là phi thân (vô ngã), cái tốt đẹp (tịnh) này đều là nhơ xấu (bất tịnh). Bồ-tát thâm nghĩ: “Vì đấng phương tiện thiện xảo thủ Không, thủ Vô tướng, thủ Tam-muội Vô nguyện hưởng đến cửa Nê-hoàn mà không giữa chừng thủ chứng. Nếu có Bồ-tát tâm nghĩ rằng người ở thế gian từ trước đến nay cầu nhân duyên, cầu tướng, cầu dục tướng, cầu tụ tướng, cầu không tướng. Cầu các tướng đó đều hiện tại thì Bồ-tát nói:

–Ta nhất thiết muốn khiến cho thế gian không có như vậy”. Vì nghĩ đến người ở thế gian như vậy cho nên được phương tiện thiện xảo. Pháp ấy quán phạm vi của không, tướng, nguyện, thức, vô sở tùng sinh (không sinh). Bồ-tát ấy chẳng giữa chừng thủ chứng. Phải biết như thế về pháp.

Bồ-tát cầu Bát-nhã ba-la-mật như thế nào? Phải hiểu rằng tu pháp ấy thì tâm phải cầu các duyên nào? Và tâm phải nhập như thế nào? Thủ Tam-muội Không, thủ Tam-muội Vô tướng, thủ Tam-muội Vô nguyện hưởng đến cửa Nê-hoàn đều không giữa chừng thủ

chứng. Thủ Tam-muội Vô thức, thủ Tam-muội Vô sở tùng sinh (không sinh) thì Bồ-tát ấy chẳng được thọ ký. Thủ Tam-muội Không, Tam-muội Vô tướng, Tam-muội Vô nguyện, Tam-muội Vô thức, Tam-muội Vô sở tùng sinh, Bồ-tát nghĩ về các Tam-muội đó, có người đến hỏi mà Bồ-tát ấy chẳng tức thời đem tấm lòng không thể kể vì họ giảng giải thì biết Bồ-tát ấy chẳng phải là Bồ-tát không thoái chuyển. Vì sao? Vì tâm của Bồ-tát không thoái chuyển thì biết được nhiều vô số. Qua sự so sánh ấy, thấy công hạnh của Bồ-tát ấy chẳng đầy đủ thì biết vị Bồ-tát ấy chưa được không thoái chuyển.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Nếu Bồ-tát có khả năng giảng giải đáp lại những điều ấy thì đó là Bồ-tát không thoái chuyển?

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu hoặc chẳng nghe mà vẫn có thể giảng giải thì đó là Bồ-tát không thoái chuyển.

Tu-bồ-đề thưa:

–Có biết bao nhiêu người cầu đạo Bồ-tát nhưng ít có người có khả năng giảng giải?

Đức Phật dạy:

–Người có khả năng giảng giải là người đã được thọ ký, đã ở trong công đức ấy, là người hiểu biết giáo pháp một cách sâu sắc mà các vị A-la-hán, Bích-chi-phật không thể sánh bằng, chư Thiên, Nhân, A-tu-luân, Long, Quỷ, Thần không thể sánh bằng, đó chính là tướng trạng của không thoái chuyển.

M

Phẩm 18: XA LÌA

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát ở trong mộng cũng không vào quả vị A-la-hán, chẳng vào quả vị Bích-chi-phật, chẳng thích cầu pháp đó, cũng chẳng dạy người cầu pháp đó, tâm cũng chẳng nghĩ đến các pháp đó. Trong mộng cũng thấy chẳng chứng đắc các pháp đó, thì tâm của

Đại Bồ-tát ấy thường hướng đến Phật. Nay Tu-bồ-đề! Như vậy Đại Bồ-tát không thoái chuyển phải biết đó là tướng mạo của không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát ở trong mộng ngồi giữa hàng trăm đệ tử trong pháp hội hoặc hàng ngàn đệ tử hoặc hàng trăm ngàn đệ tử nghe Phật thuyết giảng kinh. Bồ-tát cùng với Tỳ-kheo Tăng theo nhau thì ở tại vị trí đầu tiên nhất. Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thuyết giảng kinh thì ai nấy đều thấy như vậy. Nay Tu-bồ-đề, Đại Bồ-tát không thoái chuyển phải biết đó là tướng mạo của không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không thoái chuyển ở trong mộng ngồi rất cao trong hư không thuyết kinh cho các Tỳ-kheo Tăng nghe, tự hiện hào quang chiếu xa bảy thước, tự tại biến hóa, ở nơi khác làm Phật sự như Phật thuyết giảng kinh. Đại Bồ-tát ở trong mộng làm như thế cũng giống như Phật. Nay Tu-bồ-đề, Đại Bồ-tát không thoái chuyển phải biết đó là tướng trạng của không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không thoái chuyển ở trong mộng không kinh, không hãi, không ghét, không sợ. Trong mộng hoặc thấy giặc giã đánh nhau trong quận huyện hoặc lửa dậy hoặc thấy cạp sói, sư tử và các loại thú dữ khác hoặc thấy cảnh chặt đầu người, cũng như các sự biến hóa khác như là người khốn khổ, kẻ bần cùng, người đói, kẻ khát đều cho đó là ách nạn, nhưng tâm Bồ-tát ấy vẫn không lo, không sợ, không kinh, không động. Bồ-tát thấy các việc ấy ở trong mộng rồi, tỉnh giấc ngồi dậy, nghĩ rằng: “Những việc thấy trong mộng đều có ở ba cõi này. Lúc ta thành Phật, đều vì hữu tình trong ba cõi mà thuyết kinh để giáo hóa họ.” Nay Tu-bồ-đề, Đại Bồ-tát không thoái chuyển phải biết đó là tướng trạng của không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Do đâu mà biết là Đại Bồ-tát đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác lúc thành Phật, trong cõi nước của vị ấy tất cả mọi người không có tâm ác? Nay Tu-bồ-đề! Lúc ấy, Đại Bồ-tát ở trong mộng hoặc thấy súc sinh ăn nuốt lẫn nhau hoặc thấy dân chúng bị bệnh dịch, trong tâm dần dần phát sinh ý nguyện và

ngĩ rằng: “Ta sẽ thành Phật, lúc ta thành Phật, cõi nước ta không có tất cả mọi điều ác.” Vì thế nên biết Đại Bồ-tát ấy cũng được như vậy. Nay Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không thoái chuyển phải biết các điều ác trừ hết tức là tướng trạng của không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát không thoái chuyển từ trong mộng thức dậy hoặc thấy thành quách bốc cháy, bèn nghĩ: “Ta đã thấy trong mộng rồi.” Do sự so sánh này, do tướng trạng này nên cảm thấy không sợ. Do sự so sánh này, do tướng trạng này mà biết công hạnh đầy đủ. Đại Bồ-tát ấy phải biết đó là tướng trạng của không thoái chuyển. Nhờ sự so sánh ấy, nhờ tướng trạng ấy mà biết công hạnh đầy đủ thì đó là Đại Bồ-tát không thoái chuyển. “Nay ta xét kỹ thì điều vừa xảy ra không khác chi trong mộng, hiện tại thành quách đang bốc cháy, do oai lực ý nghĩ của ta mà đều phải tắt, phải tiêu, không còn cháy nữa.”

Phật nói tiếp:

–Này Tu-bồ-đề! Nếu như lửa tắt, lửa tiêu, lửa hết cháy thì biết đó là Đại Bồ-tát đã được Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác và biết đó là tướng trạng của không thoái chuyển. Còn nếu như lửa không tắt, không tiêu, không hết thì biết Đại Bồ-tát ấy chưa được thọ ký.

Này Tu-bồ-đề! Nếu như thân lửa đốt nhà này mà chữa lại nhà kia hoặc đốt làng này mà chữa làng kia thì biết người bị cháy nhà ấy là do đời trước có tội phá hoại kinh pháp. Người ấy tự thấy quả báo của việc làm đời trước nên việc làm ác đời trước từ nay đều được tiêu trừ. Từ nay về sau tai ương còn sót lại do tội phá hoại kinh pháp đều hết, nghiệp ác đời trước đều tiêu. Nay Tu-bồ-đề! Như vậy, biết Đại Bồ-tát ấy chưa đắc không thoái chuyển nơi quả vị Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Do sự so sánh ấy, do tướng trạng ấy mà biết công hạnh đầy đủ, Đại Bồ-tát phải thấy rằng nên đem sự so sánh ấy, đem tướng mạo ấy giảng nói cho họ biết.

Này Tu-bồ-đề! Nếu kẻ nam, người nữ bị quỷ thần ám hoặc bị quỷ thần dựa, Bồ-tát ấy nghĩ rằng: “Hoặc ta được thọ ký như Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ đã thọ ký ta thành

Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Tâm niệm của các Bạc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác đều thanh tịnh, nếu như ta được thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì tâm niệm của ta cũng thanh tịnh. Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác từ bỏ tâm A-la-hán, từ bỏ tâm Bích-chi-phật. Nếu như từ bỏ tâm A-la-hán, tâm Bích-chi-phật rồi mà chỉ dùng tâm Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì sẽ thành Phật, chẳng được chẳng thành Phật. Các Đức Phật hiện tại ở trong vô số cõi nước khắp cả mười phương không vị nào chẳng biết, không vị nào chẳng thấy, không vị nào chẳng chứng. Hôm nay Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác biết rõ ý niệm của ta, ta chắc chắn sẽ thành Phật Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác quả đúng như lời ta nói, quả đúng như điều ta làm. Quả đúng như lời ta nói thì do oai lực của lời ta nói mà quỷ thần bỏ đi.” Bồ-tát bèn nói: “Kẻ nam người nữ này bị quỷ thần nào dựa đây!” Quỷ thần liền bỏ đi. Nếu như quỷ thần chẳng bỏ đi lúc Đại Bồ-tát nói lời ấy, thì biết là Đại Bồ-tát ấy chưa được thọ ký nghĩa là Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ chẳng thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác cho Bồ-tát đó.

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Người ấy thật chí thành, ma tặc qua đến chỗ của Đại Bồ-tát ấy và nói rằng:

–Nếu ông ở đây, nếu ông tên đó, nếu được thọ ký, thì ta sẽ nhiều loạn ông.

Lúc đó vị Bồ-tát ấy phải nói:

–Ta là người chân thành, quỷ thần phải nghe theo lời của ta, ta thật sự được thọ ký đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Nếu quả thật ta là người chí thành thì quỷ thần ấy phải bỏ đi.” Ma tặc ác nghĩ rằng: “Ta sẽ bảo quỷ thần bỏ đi.” Vì sao? Vì ma tặc có thế lực lớn hơn quỷ thần, nên quỷ thần chẳng dám cãi lệnh.” Ma nghĩ: “Do oai thần của ma nên quỷ thần mới bỏ đi.” Cũng vậy, Bồ-tát nghĩ: “Do oai thần của ta nên quỷ thần mới bỏ đi.”

Đức Phật nói tiếp:

–Bồ-tát chẳng biết do oai thần của ma mà quỷ thần bỏ đi, rồi tự cho là do oai thần của mình, cho nên tự kiêu ngạo coi thường mọi

người, cười chê mọi người, không trọng tài đức của người, nói với mọi người rằng: “Tôi ở chỗ Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ đã được thọ ký còn những người khác đều chưa được thọ ký.” Vì thế nên Bồ-tát ấy tự phụ, tự cao, trở lại giận dữ, giận dữ nổi lên càng ngày càng nhiều thì cách trí Nhất thiết trí càng xa, đánh mất trí Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Những Bồ-tát ấy không có phương tiện thiện xảo, giận dữ càng phát sinh thì sẽ rơi vào hai quả vị là A-la-hán và Bích-chi-phật. Này Tu-bồ-đề! Những Bồ-tát ấy hành trì đạo Bồ-tát chẳng thành tựu. Đại Bồ-tát ấy phải nhận biết đó là hành vi của ma.

Bồ-tát bỏ Thiện tri thức, không nói chuyện với Thiện tri thức, cũng không làm việc với Thiện tri thức, cũng không trọng tài đức của Thiện tri thức. Vì thế nên biết là Bồ-tát ấy bị ma trói chặt. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát phải nhận biết đó là hành vi của ma. Vì sao phải nhận biết việc ấy? Vì biết ma đến trước Bồ-tát. Ma luôn luôn thay đổi dạng đến chỗ Bồ-tát, nói thế này: “Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ đã thọ ký cho ông đấng Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác với tên là gì đó, mẹ tên gì đó, cha tên gì đó, anh tên gì đó, chị tên gì đó, em tên gì đó, bà con thân thích tên gì đó, Thiện tri thức tên gì đó, bác tên gì đó, tổ tiên bảy đời tên gì đó, bên ngoại họ gì đó, bên nội họ gì đó, sinh ở thành nào đó, sinh ở nước nào đó, sinh ở quận nào đó, sinh ở huyện nào đó, sinh ở làng nào đó Nếu Bồ-tát thường nói lời dụ dàng hoặc hiện đang nói lời dụ dàng thì ma bèn nói là ở đời trước Bồ-tát ấy cũng đã nói lời dụ dàng đó. Nếu thấy Bồ-tát có tài cao thì ma nói Bồ-tát đời trước cũng đã có tài cao đó.” Hoặc thấy tên của mình hoặc thấy khát thực hoặc lúc nhất tọa thực, hoặc lúc ăn uống tiết lượng, hoặc lúc ăn rau quả từ khước ăn cơm, hoặc lúc ở gò mả, hoặc lúc ở nơi đất trống, hoặc lúc ngồi dưới gốc cây, hoặc lúc có nhận lời mời, hoặc lúc chẳng nhận lời mời, hoặc lúc nhận chút ít vừa đủ, hoặc lúc không xoa thân bằng dầu mè, hoặc lúc nói hay, hoặc lúc luận khéo. Ma thấy như thế rồi dựa vào đó mà nói lời dối trá rằng: “Đời trước ông cũng luận đàm như thế, đời trước ông cũng lập hạnh như thế, nên hôm nay mới được như thế. Vì sao? Vì

đời trước ông tu hành thanh tịnh như thế, nên hôm nay mới được như thế. Vì đời trước ông tu hành thanh tịnh có công đức nên hôm nay ông mới đạt được công đức ấy. Nếu ở đời trước làm con của nhà nào đó hoặc tộc nào đó, đời trước có công hạnh đó nên bây giờ cũng được hạnh thanh tịnh đó.” Tâm của Bồ-tát ấy nghĩ rằng: “Ta được như thế!” Ma tặc liền nói:

–Ông đã được Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ thọ ký không thoái chuyển rồi, cho nên ông được thanh tịnh.

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Những điều ta nói về không thoái chuyển Bồ-tát phải đem sự so sánh ấy, đem tướng trạng ấy, đem công hạnh ấy dùng để chiêm nghiệm. Những điều ta đã nói mà Bồ-tát chẳng được đầy đủ mà lại tự cho là đầy đủ thì phải biết Bồ-tát ấy nhất định chẳng thành tựu, phải biết là bị sự phá hoại của ma. Vì sao? Vì qua sự so sánh ấy, tướng trạng ấy, Đại Bồ-tát không thoái chuyển biết là hoàn toàn chẳng được. Vì ma nói công đức của Bồ-tát ấy, danh tự của Bồ-tát ấy, Bồ-tát đó nghe lời của ma nói trong lòng mừng rỡ, tự cho là đúng như vậy, rồi có thái độ chê cười mọi người, khinh dễ bạn đồng học, tự kiêu ngạo. Bồ-tát ấy do chấp nhận lời của ma mà đánh mất bốn hạnh, rơi vào lưới ma.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Vì chấp nhận lời của ma nên Đại Bồ-tát chẳng nhận biết đó là hành vi của ma, trở lại tự cho là đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Ma còn nói:

–Ông sẽ đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, lúc thành Phật sẽ có danh hiệu là gì đó.” Vị ấy nghĩ: “Ta được như thế! Trước đây ta cũng nghĩ như vậy. Ta vốn đã có ý đó, ta vốn đã nghĩ như thế!”

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát ấy như vậy là đã ở trong tình trạng kém trí tuệ. Bồ-tát ấy không có phương tiện thiện xảo, lại nghĩ: “Lời nói về danh hiệu của ta lúc thành Phật cũng đúng như ý nghĩ trước đây của ta. Ta nhất định sẽ thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác với danh hiệu như thế.”

Đức Phật dạy:

–Hoặc làm theo lời dạy của ma hoặc cộng tác với Thiên ma, qua đó đủ biết là Bồ-tát ấy bị ma mê hoặc.

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát được ta công nhận là do sự so sánh ấy, tướng trạng ấy, ta chẳng dạy họ làm như thế. Điều ta dạy là hoàn toàn chẳng được quên sự so sánh ấy, tướng trạng ấy. Ngược lại, do danh hiệu kia nên tự nghĩ rằng: “Ta là không thoái chuyển”, rồi khinh dễ các Bồ-tát khác. Do sự khinh dễ đó mà xa lìa Phật, xa lìa trí Nhất thiết trí, xa lìa trí Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, xa lìa phương tiện thiện xảo, quên đi Bát-nhã ba-la-mật, quên đi Thiện tri thức mà lại gặp pháp ác tri thức. Bồ-tát đó sẽ rơi vào trong đạo A-la-hán, Bích-chi-phật. Nếu về sau trải qua thời gian rất dài siêng năng cầu Phật đạo, nhờ ân Bát-nhã ba-la-mật sẽ đắc đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, tự tiến đến thành Phật.

Đức Phật dạy:

–Lúc Bồ-tát phát khởi ý nghĩ chấp nhận danh hiệu ấy mà chẳng giác biết, chẳng hối cải, như vậy sẽ bị rơi vào trong đạo A-la-hán, Bích-chi-phật.

Phật nói tiếp:

–Nếu có Tỳ-kheo thọ bốn giới trọng rồi, nếu vì lý do nào đó mà phạm bốn giới trọng này thì chẳng còn là Sa-môn, chẳng còn là Phật tử. Vị Bồ-tát hư hỏng kể trên tội còn hơn Tỳ-kheo phạm bốn giới trọng kia. Bồ-tát ấy nói: “Tôi sẽ sinh ra ở làng đó, huyện đó, quận đó, nước đó.” Lúc khởi lên ý nghĩ như thế thì tội rất nặng, Bồ-tát cần phải biết như vậy.

Hãy gác bốn tội trọng lại mà nói đến năm tội nghịch ác, lúc khởi lên ý nghĩ đó thì mang tội nặng ấy. Vì Bồ-tát chấp nhận danh hiệu đó, trong lòng tin rồi sinh ra ý nghĩ đó nên đắc tội lớn, Bồ-tát cần phải biết như vậy.

Như vậy, này Tu-bồ-đề! Do cái danh hiệu ấy mà bị ma đưa vào tội sâu nặng.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Ma tặc thấy Đại Bồ-tát có hạnh xa lìa, bèn đến nói:

–Pháp xa lìa là chánh đáng. Đó là pháp được Đức Như Lai

Ứng Chánh Đẳng Giác khen ngợi.

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Ta chẳng nói pháp xa lìa dạy Đại Bồ-tát ở một mình, ở dưới gốc cây, ở chỗ nhàn tịnh (A-luyện-nhã).

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thế nào, Đại Bồ-tát xa lìa chỗ nào? Lại có pháp xa lìa khác nữa chẳng? Cũng chẳng ở riêng một mình? Cũng chẳng ở dưới gốc cây? Cũng chẳng ở chỗ nhàn tịnh? Thế nào là pháp xa lìa khác?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Giả sử mọi người đều nghĩ có A-la-hán hành pháp xa lìa. Mọi người đều nghĩ có Bích-chi-phật hành pháp xa lìa. Mọi người đều nghĩ có Đại Bồ-tát ở ngoài thành đang hành pháp xa lìa. Các Đại Bồ-tát hành pháp xa lìa thì chẳng phạm tất cả mọi điều ác. Các Bồ-tát hành pháp xa lìa hoặc phải ở riêng một mình hoặc ở dưới gốc cây hoặc ở chỗ nhàn tịnh hiển nhiên là đang hành pháp xa lìa của Đại Bồ-tát. Ta thích dạy họ thực hành pháp ấy, chứ không dạy họ lánh xa mọi người, ở chỗ không một bóng người. Đại Bồ-tát thọ trì pháp xa lìa ấy phải ngày đêm thực hành, phải luôn luôn thực hành, thế nên Đại Bồ-tát phải thực hành pháp xa lìa ở bên thành thị. Lấy đây suy ra thì Đại Bồ-tát phải thực hành hạnh xa lìa ở khắp mọi nơi hoặc ở riêng một mình hoặc ở dưới gốc cây hoặc ở chỗ nhàn tịnh. Ta nói Đại Bồ-tát phải hành pháp xa lìa như thế.

Bấy giờ ma tặc sẽ đến dạy hành pháp xa lìa, nó nói: “Hoặc ở riêng một mình hoặc ở dưới gốc cây hoặc ở chỗ nhàn tịnh, phải thực hành như vậy.” Bồ-tát ấy nghe theo lời dạy của ma bèn quên mất pháp xa lìa của Phật dạy. Lời của ma nói: “Các đạo như nhau, ông nên chọn lấy pháp A-la-hán, nghĩ rằng không có gì khác và nên theo đó mà tu hành, đạo Bích-chi-phật nghĩ rằng không có gì khác, cũng nên theo đó mà tu hành, đạo Bồ-tát nghĩ rằng không có gì khác, cũng nên theo đó mà tu hành. Bát-nhã ba-la-mật khó hiểu nhập, nếu đang tu các hạnh đó thì phải xả bỏ Bát-nhã ba-la-mật.”

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát ấy chưa đạt được sở nguyện, ngược lại tu theo hạnh

của ma dạy. Vì chưa hiểu rõ chánh pháp nên Bồ-tát ấy trái lại tự dùng pháp ấy, khinh dễ các Bồ-tát khác, tự nghĩ: “Đâu ai có thể hơn ta!”, khinh dễ các Bồ-tát tu hành ở bên thành thị. Bồ-tát tu hành bên thành thị tỏ rõ tâm thanh tịnh, nghĩ rằng: “Không vào trụ trong pháp A-la-hán, không vào trụ trong pháp Bích-chi-phật, không thọ nhận tâm ác, thiền vượt thoát tứ khí định (Tứ thiền), ở trong Tam-muội Đạt được sở nguyện đầy đủ.

Đức Phật dạy tiếp:

–Bồ-tát không có phương tiện thiện xảo giả sử đi trong chỗ hoang vắng trăm ngàn do-tuần, chỗ cấm thú không đến, chỗ giặc cướp không đến, chỗ quỷ La-sát không đến và dừng trụ ở đó hoặc trăm năm hoặc trăm ngàn năm hoặc trăm ngàn vạn năm hoặc hơn nữa, mà chẳng hiểu pháp xa lìa này thì cũng vô ích. Bồ-tát ấy chẳng đầy đủ pháp xa lìa, tự nghĩ, tự dùng, tự cho là đắc, vì hoàn toàn chẳng tự biết là đánh mất pháp xa lìa, lại tự cho là trụ trong pháp xa lìa. Đó là chỉ nói lời lưỡng thiệt mà chẳng được xa lìa. Ta không thích tâm của Bồ-tát ấy như thế. Ta đã nói Đại Bồ-tát xa lìa thì chẳng như thế. Đó là không biết đầy đủ về pháp xa lìa, lúc đó ở trong xa lìa hoàn toàn chẳng được, như vậy là đánh mất pháp xa lìa.

Ma tặc bay đến đứng trong hư không, nói:

–Hay thay, thiện nam! Đó là pháp chân thật xa lìa do Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác nói, cần phải tu theo hạnh xa lìa ấy thì mau chóng đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác”. Bồ-tát ấy nghe lời này mừng rỡ liền từ chỗ xa lìa đứng dậy đi đến chỗ của Bồ-tát tu hạnh xa lìa ở bên thành thị, vị Bồ-tát này là người có đức, nhưng lại đến nói lời khinh dễ hoặc nói vị Bồ-tát này tu hành chẳng đúng.

Đức Phật dạy:

–Cũng vậy, trong các nhân giả, có người rõ ràng đang tu hành theo pháp xa lìa của Đại Bồ-tát, mà ngược lại họ bị nói là chẳng đúng. Trong số các nhân giả cũng có người hành trái với pháp xa lìa của Đại Bồ-tát mà cho là đúng. Người chẳng đáng kính mà lại kính. Người đáng được kính, trở lại giận ghét. Họ nói với Bồ-tát ấy rằng: “Tôi hành xa lìa, có người bay đến nói với tôi: ‘Hay thay, hay

thay! Nếu quả thật là pháp xa lìa thì phải nên theo đó tu hành, vì thế nên tôi đến nói với ông.’ Nay nếu ông tu hành theo tôi, tu như tôi thì không ai sánh bằng. Nếu như ông tu hành ở bên thành thị, thì đâu có ai đến nói hoặc đâu có ai đến bảo hoặc khen: ‘Hay thay, hay thay!’.”

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát ấy là người có đức, mà trái lại bị khinh dễ như thế.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát phải biết như vậy. Như hạng khiêng thây chết (Chiên-đà-la) không có trung thực, họ nói Bồ-tát ấy có khuyết điểm. Họ là oan gia của Bồ-tát. Họ là kẻ ghét Bồ-tát. Họ là kẻ giặc của thế gian. Giả sử họ có đáp y như Sa-môn cũng vẫn không khác kẻ giặc. Họ dù sống lẫn lộn trong hàng ngũ của Bồ-tát có đức, cũng vẫn là kẻ giặc. Này Tu-bồ-đề, không nên làm việc chung với hạng người này, cũng không nên nói chuyện với họ, cũng không nên cung kính coi trọng họ. Vì sao? Vì kẻ nhiều giận dữ làm hỏng lòng tốt của người chính là họ. Các ông cần phải biết!

Này Tu-bồ-đề, vì sao Đại Bồ-tát chẳng xả trí Nhất thiết trí, chẳng bỏ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác? Sở dĩ Đại Bồ-tát chẳng xả trí Nhất thiết trí, chẳng bỏ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác là vì mục đích cứu hộ hữu tình. Hạng phá hoại Đại Bồ-tát ấy, thì chẳng nên làm việc chung, chẳng nên cung kính, chẳng nên hội họp với họ, mà Đại Bồ-tát cần phải giữ gìn chánh pháp, phải tự kiên trì, thường phải gấp rút hộ trì, giữ tâm thanh tịnh, tâm có thói xấu thường phải dè chừng, thường phải giữ tâm chân chánh, thường phải biết sợ, không được vào ba cõi là chỗ mà đấm phá hoại Bồ-tát đang ở tại đó. Đại Bồ-tát thường phải đem lòng từ hướng đến họ, thường phải xót thương nghĩ cách làm cho họ an ổn, thường tự giữ tâm niệm của mình khiến cho không sinh tâm niệm ác, nghĩ: “Nhất thiết khiến tâm ta không có tỳ vết. Nếu như ta có tâm bất thiện thì phải liền buông bỏ.”

Này Tu-bồ-đề, ông cần phải biết Đại Bồ-tát có hạnh tu cao cả như thế!

M

Phẩm 19: THIỆN TRI THỨC

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát đang tu hành muốn đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác thì Đại Bồ-tát ấy cần phải phục vụ Thiện tri thức, cung kính, hầu hạ Thiện tri thức.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Làm thế nào để biết đó là Thiện tri thức của Đại Bồ-tát?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đức Phật, Thiên Trung Thiên chính là Thiện tri thức của Đại Bồ-tát. Nếu có người thuyết Bát-nhã ba-la-mật dạy người nhập vào trong kinh này thì người đó chính là Thiện tri thức của Đại Bồ-tát. Sáu pháp Ba-la-mật chính là Thiện tri thức của Đại Bồ-tát. Phải biết sáu pháp Ba-la-mật là Đại sư, sáu pháp Ba-la-mật là đạo của Bồ-tát, sáu pháp Ba-la-mật là hộ, sáu pháp Ba-la-mật là nhất, sáu pháp Ba-la-mật là vị tướng soái. Các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời quá khứ đều được sinh ra từ Bát-nhã ba-la-mật. Các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác thời vị lai đều được sinh ra từ Bát-nhã ba-la-mật. Các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hiện tại trong vô số cõi nước ở khắp mười phương cũng đều được sinh ra từ Bát-nhã ba-la-mật, thành tựu trí Nhất thiết trí. Các Ngài đều từ trong bốn nhiếp mà đắc đạo, rồi dùng bốn nhiếp pháp này cứu hộ hữu tình. Thế nào là bốn nhiếp pháp? Một là bố thí cho người, hai là nói điều khiến cho mọi người vui vẻ (ái ngữ), ba là làm lợi ích cho mọi người (lợi hành), bốn là tham dự như nhau (đồng sự).

Này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật đối với Đại Bồ-tát chính là đại sư, là cha, là mẹ, là nhà, là đền, là đò, là chỗ tựa nương về, là người dẫn đường. Sáu pháp Ba-la-mật ấy chính là pháp cứu độ hữu tình.

Vì sao Đại Bồ-tát phải học sáu pháp Ba-la-mật? Vì muốn chặt đứt gốc nghi cho tất cả mọi người nên các Đại Bồ-tát đều phải học Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Cái gì là tướng Bát-nhã ba-la-mật?

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

– Vô ngại là tướng Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề thưa:

– Tướng vô ngại của Bát-nhã ba-la-mật cũng là tướng của các pháp chẳng?

Đức Phật dạy:

– Đúng thế, này Tu-bồ-đề! Tướng vô ngại là tướng Bát-nhã ba-la-mật cũng chính là tướng của các pháp. Vì sao? Này Tu-bồ-đề, vì các pháp tuy khác nhau nhưng các pháp đều rỗng không. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Các tướng đều rỗng không là tướng của Bát-nhã ba-la-mật. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Tướng Bát-nhã ba-la-mật rỗng không, theo tướng ấy mà có các pháp cũng đều rỗng không.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

– Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Nếu như các pháp đều rỗng không thì tại sao con người muốn có sinh mà không có lúc chết, không có lúc diệt, không có lúc đến chỗ cùng tận. Nhưng rỗng không thì không có tăng, rỗng không thì không có dứt, các pháp rỗng không nên không có Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác ở trong đó. Các pháp rỗng không, vì thế nên chẳng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Làm thế nào để hiểu đúng pháp ấy?

Đức Phật dạy:

– Có người ngày đêm muốn được cái nhân đó để đạt đến pháp đó, nên họ cầu như thế.

Tu-bồ-đề thưa:

– Đúng thế! Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Có người ngày đêm muốn được cái nhân đó để đạt đến pháp đó, nên họ cầu như thế.

Đức Phật dạy:

– Thế nào, này Tu-bồ-đề! Ông có thấy ta muốn đắc pháp không đó chẳng?

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thiên Trung Thiên, con không thấy!

Đức Phật dạy:

–Đúng là không, này Tu-bồ-đề! Tự làm như thế có đắc pháp không đó chẳng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng thế! Bạch Đức Thiên Trung Thiên, không!

Đức Phật dạy:

–Thế nào, này Tu-bồ-đề! Chỉ vì cố ấy, nghĩa là vì muốn được cái nhân đó để đạt đến pháp đó nên có người vì thế mà nhọc nhằn khổ sở không có lúc thảnh thơi.

Tu-bồ-đề thưa:

–Đúng thế! Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Người đang an ổn vì muốn được cái nhân đó để đạt đến pháp đó mà phải nhọc nhằn khổ sở không có lúc nghỉ ngơi.

Đức Phật dạy:

–Đúng thế, này Tu-bồ-đề! Con người vì ham muốn nên sinh chấp trước. Phải biết, con người được sinh ra vốn là từ sự ham muốn đó mà sinh. Từ trong đó không thật có. Không thật có thì không cho là đắc. Điều đó hoàn toàn không thật có. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Không có lúc diệt tận. Từ trong đó hoàn toàn không có tăng thêm cái sinh, người hiểu biết như thế chính là Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Người hiểu biết như thế là Đại Bồ-tát vì chẳng cầu sắc, chẳng cầu thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức. Người hiểu biết như thế là Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật vì đều hành bình đẳng, các A-la-hán, Bích-chi-phật không thể sánh bằng. Đạo tu hành của bậc có đức vượt lên trên các vị kia, mà người thích có sở đắc không thể bì kịp. Đại Bồ-tát ấy phải nghĩ rằng, được Bát-nhã ba-la-mật rồi phải hành như thế này, nghĩa là Đại Bồ-tát ngày đêm tu hành thì chóng đến gần Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật dạy:

–Thế nào? Tu-bồ-đề! Người trong châu Diêm-phù-lợi và tất cả các loài bò bay máy cửa khắp bốn phương đều khiến cho chúng được làm người. Mọi loài ấy đều được sinh vào loài người rồi, đều

khiến cho họ cầu Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Họ đã phát tâm cầu Phật đạo, họ suốt đời tu hạnh bố thí, rồi đem phước bố thí ấy hồi hướng đến Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, Đại Bồ-tát ấy bố thí như vậy, phước đức có nhiều chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

– Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều!

Đức Phật dạy:

– Phước bố thí của Đại Bồ-tát ấy chẳng bằng phước của Đại Bồ-tát được Bát-nhã ba-la-mật rồi, thọ trì một ngày. Nếu như chỉ trong một ngày mà theo đúng như lời dạy trong Bát-nhã ba-la-mật mà tu hành thì phước của Đại Bồ-tát này hơn phước của người vừa kể trên. Hoặc có lúc Đại Bồ-tát được Bát-nhã ba-la-mật rồi, tu hành theo đúng pháp ấy thì vị ấy là bậc cực kỳ tôn quý trong chúng. Vì sao? Vì những người khác không ai bì kịp người có lòng từ mẫn ấy, trừ chư Phật ra, không có ai sánh bằng vị Đại Bồ-tát ấy. Thiệt nam ấy thâm nhập vào trong trí, hiểu rõ trí ấy một cách đầy đủ, thấy hết những người nhọc nhằn khổ sở của thế gian bấy giờ thật đáng xót thương. Đạo nhân thấy thấu suốt hết không xiết kể hữu tình nên Bồ-tát không có lúc nào lười nhác, vì không lười nhác nên được cái hạnh ấy. Ngay lúc ấy hết sức thương cảm nghĩ đến hữu tình nhưng chẳng dùng tướng này để trụ và cũng chẳng trụ nơi tướng khác.

Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát trí tuệ rất sáng suốt. Tuy chưa đắc đạo quả Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác mà sáng suốt như vậy. Các Bồ-tát tu theo hạnh ấy, được tất cả các cõi tôn sùng. Các Bồ-tát đang tiến lên Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không bao giờ thoái lui.

Đại Bồ-tát nếu nhận của bố thí đầy đủ áo chần, thức uống ăn, giường nệm, thuốc men của người, tâm của Bồ-tát đứng vững trong Bát-nhã ba-la-mật, thì có thể báo ân bố thí và cũng tiếp cận trí Nhất thiết trí. Như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát nhận của bố thí không có tội, mà còn có ích cho hữu tình, vì chỉ con đường chân tịnh cho họ. Trí tuệ của Đại Bồ-tát vô biên, vô cùng chiếu soi đến các hữu tình trong chốn địa ngục khiến cho họ được độ thoát. Đại Bồ-tát muốn chỉ

bày đạo nhãn cho các hữu tình chính là pháp trong Bát-nhã ba-la-mật, để họ nhớ thực hành và tuân theo lời dạy ấy. Do nhớ thực hành pháp ấy tức là nhập vào Bát-nhã ba-la-mật, tu hành chẳng động, tu hành chẳng lay, đừng niệm tưởng, đừng nghĩ khác, dự nhập vào trong Bát-nhã ba-la-mật. Phải hành như thế, ngày đêm nhập vào trong Bát-nhã ba-la-mật, đừng lười biếng, ngừng nghỉ.

Này Tu-bồ-đề! Ví như thiện nam được viên ngọc ma-ni, trước kia chưa được, về sau được ngọc ma-ni ấy, mừng rỡ hơn hở. Được ngọc ma-ni ấy rồi, sau đó lại làm mất đi, vì thế rất đau buồn, đứng ngồi lo rầu nghĩ tưởng như mất bảo báu, nghĩ rằng: “Tại sao ta lại làm mất trân bảo này!” Cũng giống như vậy, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát muốn cầu trân bảo thường phải kiên trì, tâm không được đánh mất trí Nhất thiết trí thường phải vào trong trí Nhất thiết trí ấy mà quán niệm Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Nếu như quán niệm được sử dụng thì thân (ngã) mất, vậy tại sao Đại Bồ-tát quán niệm mà trí Nhất thiết trí chẳng mất?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Nếu như Đại Bồ-tát biết rằng vô vi thì không đánh mất Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Này Tu-bồ-đề! Bát-nhã ba-la-mật rộng không. Bát-nhã ba-la-mật ấy cũng chẳng thêm, cũng chẳng giảm.

Tu-bồ-đề thưa:

–Bát-nhã ba-la-mật ấy rộng không thì làm sao sinh ra Đại Bồ-tát thành tựu hạnh Bát-nhã ba-la-mật tiếp cận Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật dạy:

–Không phải! Này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát cũng chẳng thêm chẳng giảm. Giả sử lúc Đại Bồ-tát nghe thuyết kinh này mà chẳng sợ chẳng hãi thì nên biết vị ấy đang thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Như vậy có phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật là hành không chẳng?

Đức Phật dạy:

–Chẳng phải! Đây Tu-bồ-đề! Có ai lìa Bát-nhã ba-la-mật mà hành không được chẳng? Đây Tu-bồ-đề! Lìa không, có hành được chẳng? Đây Tu-bồ-đề! Hoại sắc có hành được chẳng? Đây Tu-bồ-đề! Hoại thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức có hành được chẳng? Đây Tu-bồ-đề! Lìa thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức, có hành được chẳng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên! Thế nào là thực hành Bát-nhã ba-la-mật?

Phật hỏi:

–Thế nào? Đây Tu-bồ-đề! Ông có thấy pháp ấy chẳng? Có pháp để thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, con chẳng thấy!

Phật hỏi:

–Đây Tu-bồ-đề! Ông thấy có pháp Bát-nhã ba-la-mật để Đại Bồ-tát hành chẳng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, con chẳng thấy!

Đức Phật hỏi:

–Đây Tu-bồ-đề! Ông có thấy Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, con chẳng thấy!

Đức Phật hỏi:

–Đây Tu-bồ-đề! Ông chẳng thấy pháp có chỗ sinh chẳng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, con chẳng thấy!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát đắc pháp lạc Vô sở tùng sinh (Vô sinh pháp nhãn). Đại Bồ-tát đắc pháp lạc Vô sở tùng sinh đầy đủ thì được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác. Đó là chỗ đạt đến của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, không còn lo sợ, tất cả đều phải

hộ trì. Đại Bồ-tát phải cầu như thế, hành như thế, nỗ lực như thế thì đạt đến trí tuệ Phật, trí tuệ cực đại, trí tuệ tự tại, trí tuệ Nhất thiết trí, trí tuệ Như Lai, nếu như không được thành Phật thì lời Phật nói là không đúng.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Có phải người đắc các pháp Vô sở tùng sinh thì được thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác không?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Chẳng phải vậy!

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Thế nào là Đại Bồ-tát đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Ông thấy có pháp thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác chăng?

Tu-bồ-đề thưa:

–Con chẳng thấy có pháp thọ ký Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đức Phật dạy:

–Đúng thế! Này Tu-bồ-đề! Các pháp như thế không từ trong đó mà đắc. Bồ-tát chẳng nghĩ rằng nhờ pháp ấy mà được thọ ký hay chẳng được thọ ký.



KINH ĐẠO HÀNH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 8

Phẩm 20: THÍCH ĐỀ-HOÀN NHÂN

Thích Đề-hoàn Nhân ở trong đại chúng bạch Phật:

–Bát-nhã ba-la-mật rất thâm diệu, khó rõ khó biết. Người nghe chút ít, người biên chép, người thọ trì, người tu học Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu ấy, họ được công đức có nhiều chăng?

Phật nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Thế nào, này Câu-dực! Nếu dân chúng ở Diêm-phù-lợi đều tu trì đầy đủ cả mười giới (thập thiện), công đức của họ có nhiều chăng? Đem công đức đó nhân lên trăm lần, ngàn lần, vạn lần, ức vạn lần, nhiều ức vạn lần cũng chẳng bằng thiện nam, thiện nữ nghe Bát-nhã ba-la-mật này rồi biên chép, thọ trì, tu học.

Bấy giờ trong đại chúng, có một thầy Tỳ-kheo khác hỏi Thích Đề-hoàn Nhân:

–Công đức của thiện nam, thiện nữ này có hơn Câu-dực chăng?

Thích Đề-hoàn Nhân đáp:

–Người đó chỉ trong khoảnh khắc phát tâm thôi, công đức cũng còn hơn tôi, huống chi người đó nghe Bát-nhã ba-la-mật rồi biên chép, thọ trì, tu học. Người nghe Bát-nhã ba-la-mật rồi, theo pháp ấy, theo lời dạy ấy mà an trụ thì đều vượt lên trên chư Thiên, A-tu-luân, dân chúng ở thế gian. Họ là bậc cực kỳ tôn quý trong hàng chư Thiên, A-tu-luân, dân chúng ở thế gian. Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng những vượt lên trên chư Thiên, A-tu-luân, dân chúng ở thế gian mà còn vượt lên trên cả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Bích-chi-phật. Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng những vượt lên trên A-la-hán, Bích-chi-phật mà còn vượt lên trên hàng Bồ-tát hành Bồ thí ba-la-mật

mà không có Bát-nhã ba-la-mật, không có phương tiện thiện xảo. Chẳng những vượt lên trên Bồ-tát tu Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật nhưng mất Bát-nhã ba-la-mật, mất phương tiện thiện xảo.

Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nếu như Đại Bồ-tát hành thuần thực Bát-nhã ba-la-mật thì công đức của tất cả chư Thiên, A-tu-luân, nhân dân ở thế gian họp lại cũng không thể hơn công đức của Đại Bồ-tát ấy. Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, nếu như trong đó quen kiên trì Bát-nhã ba-la-mật thì Đại Bồ-tát ấy chóng gần trí Nhất thiết trí. Đại Bồ-tát ấy cách danh hiệu Như Lai chẳng xa. Đại Bồ-tát ấy giữ gìn như thế thì cách chỗ ngồi của Phật chẳng xa. Đại Bồ-tát ấy không còn sinh tâm biếng trễ. Đại Bồ-tát học như thế chính là học Phật, chẳng học pháp A-la-hán, chẳng học pháp Bích-chi-phật. Đại Bồ-tát học như thế thì Tứ Thiên vương sẽ qua thăm viếng và nói:

–Hãy mau học pháp ấy thì bốn chúng đệ tử sẽ được độ, sẽ ngồi ở trên tòa Phật, thành Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác.

Đại Bồ-tát học như thế thường được Tứ Thiên vương đến thăm viếng hưởng chi các vị Thiên tử khác. Đại Bồ-tát ấy được Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác hộ niệm. Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì phải hành như thế. Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật dù ở thế gian gặp lúc bệnh tật khổ đau, nhưng chính bản thân Đại Bồ-tát không hề oán than. Đó là Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

A-nan thâm nghĩ: “Ông Thích Đề-hoàn Nhân tự dùng trí của mình nói nay là nhờ oai thần của Phật mà nói.”

Thích Đề-hoàn Nhân biết tâm niệm của A-nan, nên nói với A-nan:

–Tôi nhờ oai thần của Phật mà nói.

Đức Phật dạy:

–Đúng thế, này A-nan! Thích Đề-hoàn Nhân nói pháp là nhờ oai thần của Phật đấy!

Này A-nan! Ngay trong lúc đó hoặc Đại Bồ-tát quán niệm sâu sắc Bát-nhã ba-la-mật, hành hạnh Bát-nhã ba-la-mật, học Bát-nhã

ba-la-mật. Bấy giờ đám ma tặc ác trong tam thiên đại thiên thế giới trong lòng chúng đều buồn thảm muốn cùng nhau đến khuấy phá Đại Bồ-tát ấy. Chúng bàn bạc với nhau: “Phải làm gì để cho Bồ-tát ấy ở giữa chừng chấp chặt nơi việc chứng quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật, đừng để cho Bồ-tát ấy thành Phật.”

M

Phẩm 21: KIÊU NGẠO

Đức Phật bảo A-nan:

–Bồ-tát tùy thời học Bát-nhã ba-la-mật, tùy pháp muốn thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Lúc ấy đám ma tặc ác trong một cõi nước Phật đều kinh hãi, tự nghĩ: “Muốn khiến cho Bồ-tát đời giữa chừng đắc quả A-la-hán, đừng chóng đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đừng chóng thành Phật.”

Lại nữa, này A-nan! Đám ma tặc ác sầu thảm lo âu khi thấy Bồ-tát tu thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Bấy giờ đám ma tặc ác phóng hỏa bốn phía để nhằm uy hiếp vị Bồ-tát ấy. Nếu Bồ-tát kinh sợ, lông tóc dựng đứng thì tâm thoái lui, càng thêm loạn niệm.

Đức Phật dạy A-nan:

–Ma chẳng phải làm não loạn mọi Bồ-tát, mà có Bồ-tát bị não loạn, có Bồ-tát không bị não loạn.

A-nan bạch Phật:

–Bồ-tát nào bị ma não loạn?

Đức Phật bảo A-nan:

–Nếu Bồ-tát nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu mà chẳng thích thì bị ma đến làm não loạn. Lại nữa, này A-nan! Nếu Bồ-tát nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu mà tâm hồ nghi tự nghĩ không biết là có hay không có Bát-nhã ba-la-mật, như vậy thì ma có cơ hội làm não loạn Bồ-tát ấy.

Lại nữa, này A-nan! Nếu Bồ-tát xa lìa thầy lành chính là Bồ-tát không muốn nghe pháp Bát-nhã ba-la-mật, cũng chẳng hiểu, cũng chẳng biết, thì do đâu mà giữ gìn Bát-nhã ba-la-mật, vì thế ma

có cơ hội làm náo loạn Bồ-tát ấy.

Lại nữa, này A-nan! Nếu Bồ-tát theo làm việc cho thầy ác, do đó đám ma tặc có dịp náo loạn Bồ-tát ấy. Bồ-tát còn nói:

–Vị này chính là thầy lành, sẽ giúp tôi thành tựu sở nguyện, các vị Bồ-tát khác chẳng phải là người thân thiện với tôi. Vì cơ ấy đám ma tặc có dịp náo loạn Bồ-tát ấy.

Lại nữa, này A-nan! Khi nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, Bồ-tát dạy Bồ-tát khác: “Dùng pháp này học tập, dùng pháp này biên chép, tôi còn không rõ việc đó, ông có rõ được chăng?” Nếu Bồ-tát này nói lời khinh dễ Bồ-tát khác: “Tôi tu hành đúng, còn ông tu hành sai”, thì lúc ấy đám ma tặc vui mừng hơn hở. Ma bèn thay hình đổi dạng đến khen Bồ-tát: “Ông sẽ sinh vào nước nào đó, dòng họ nào đó.” Bồ-tát ấy nghe lời đó rồi thì bèn khinh dễ Bồ-tát khác đã thành tựu hạnh chẳng kiêu mạn. Bồ-tát kiêu ngạo ấy thì công đức ít ỏi, không có tướng trạng không thoái chuyển. Bồ-tát ấy ở trong không thoái chuyển công đức ít, tự kiêu ngạo khinh các Bồ-tát khác: “Ông tu hành chẳng bằng ta.” Vì thế ma tặc rất mừng rỡ nói:

–Hiện nay, người bị đọa vào địa ngục, cầm thú, ngạ quỷ chẳng ít.” Ma tặc dùng thần lực trợ giúp khiến cho Bồ-tát ấy nói điều gì cũng được nhiều người dùng. Người nào nghe qua cũng đều tuân theo, nhưng những người học theo lời dạy đó thì càng thêm giận hờn, tâm sinh điên đảo, vì thế việc làm của ba nghiệp thân, khẩu, ý trái ngược nhau. Do đó, người ấy càng thêm tội ở chốn địa ngục, cầm thú, ngạ quỷ. Vì vậy, ma tặc rất vui mừng hơn hở vô cùng.

Nếu người cầu đạo Bồ-tát tranh cãi với người cầu đạo A-la-hán, lúc ấy, ma tặc thầm nghĩ: “Bồ-tát lìa trí Nhất thiết trí, dù xa lìa mà xa cũng chẳng phải là rất xa.” Bồ-tát lại cùng với Bồ-tát tranh cãi, lúc ấy ma tặc thầm nghĩ: “Cả hai Bồ-tát ấy lìa Phật rất xa.”

Đức Phật bảo A-nan:

–Bồ-tát chưa đắc quả vị không thoái chuyển tranh cãi với Bồ-tát không thoái chuyển, mắng chửi Bồ-tát không thoái chuyển. Bồ-tát ấy mắng chửi rồi theo điều tâm đã nghĩ mà càng thêm giận hờn,

tùy theo mỗi niệm là một kiếp. Bồ-tát tuy có niệm ác nhưng chẳng xả bỏ trí Nhất thiết trí thì qua vô số kiếp tận đời vị lai mới phát tâm lại.

A-nan bạch Phật:

– Tâm khởi niệm ác có thể ở trong đó sám hối được chăng? Hay phải trải qua số kiếp như thế?

Đức Phật dạy A-nan:

– Ở trong pháp của ta, tội cực kỳ lớn lao cũng được sám hối.

Đức Phật dạy tiếp:

– Nếu Bồ-tát niệm ác, có giận hờn, tự thích thú còn khoe với người khác nữa, thì Bồ-tát ấy không còn khiến cho sám hối được.

Nếu có Bồ-tát đã chửi mắng, giận hờn nhưng tự nghĩ: “Ôi điều ta đã làm là không tốt, sau này ta không dám làm như vậy nữa.” Rồi tự trách một cách nghiêm khắc rằng: “Sinh được làm người là khó, vì thế ta phải nhường nhịn người hướng chi lại đi tranh cãi với người. Ta phải làm cây cầu cho mọi người khắp mười phương dẫm đạp lên ta mà đi qua. Ta đã có ý này thì đâu còn lòng dạ nào tranh cãi với người. Đứng yên như con dê điếc, các điều hung ác ập đến, ta đều nhẫn nhịn, tâm không phạm các điều ác. Lúc ta thành Phật sẽ đưa mọi người ở khắp mười phương an trụ nơi Bát-nê-hoàn. Ta không còn tranh cãi, giận hờn với người khác, do vì họ dùng đạo A-la-hán.”

A-nan bạch Phật:

– Phép tắc của Bồ-tát ở chung với Bồ-tát là như thế nào?

Đức Phật bảo A-nan:

– Bồ-tát với Bồ-tát phải coi nhau như Phật, tâm nghĩ: “Chúng ta cùng chung một thầy, chung một thuyền, chung một đường. Pháp Bồ-tát ấy học, ta cũng phải học. Như vậy, nếu có các Bồ-tát khác muốn thích học đạo A-la-hán, Bích-chi-phật hoặc cùng họ làm việc. Nếu có người như thế thì ta không nên làm việc với họ. Còn như nếu có người đời muốn cầu Phật đạo thì ta phải theo họ học, nghĩa là cùng học chung một pháp.

M

Phẩm 22: HỌC

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát học vô thường là học trí Nhất thiết trí chăng? Học vô sở sinh là học trí Nhất thiết trí chăng? Học lia bỏ dâm là học trí Nhất thiết trí chăng?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như lời ông hỏi: “Người học vô thường là học trí Nhất thiết trí?” Nay Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, Như Lai bỏn vô tùy nhân duyên chứng đắc Như Lai, danh tự “bổn vô” có lúc tận chăng?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Không có lúc tận.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Học như thế là học Bát-nhã ba-la-mật, học như thế là học Như Lai địa, là học mười Lực, là học bốn Vô sở úy, là học các pháp của Phật. Bồ-tát học như thế là hành hết các pháp. Đại Bồ-tát học như thế thì ma và bè đảng của ma không thể ở giữa chừng phá hoại được. Bồ-tát học như thế thì chóng được không thoái chuyển. Bồ-tát học như thế thì mau gần thành Phật. Bồ-tát học như thế là học hết Phật đạo. Bồ-tát học như thế là học tập pháp. Bồ-tát học như thế là Từ bi rất lớn. Bồ-tát học như thế là học tâm bình đẳng. Bồ-tát học như thế là chuyển ba hợp mười hai pháp luân. Bồ-tát học như thế là học diệt độ mọi người ở khắp mười phương. Bồ-tát học như vậy là học pháp môn cam lộ.

Đức Phật nói tiếp:

–Người không lười biếng mới có thể học được như thế. Học như thế là học ở trong loài người khắp cả mười phương. Bồ-tát học như thế thì không bị đọa vào các chỗ địa ngục, cầm thú, ngạ quỷ. Bồ-tát học như thế nhất định chẳng sinh nơi biên địa. Học như thế chẳng còn sinh vào trong hạng ngu si bần cùng. Học như thế thì không còn bị đui điếc câm ngọng. Học như thế là chẳng phá hủy mười giới (thập thiện). Học như thế là chẳng theo bói toán giải trừ vận hạn. Học như thế là xa lìa người chẳng trì giới. Bồ-tát học như

thế thì chẳng nguyện sinh lên cõi trời Trường thọ. Vì sao? Vì Bồ-tát có phương tiện thiện xảo Bát-nhã ba-la-mật. Thế nào là phương tiện thiện xảo? Từ trong Bát-nhã ba-la-mật sinh ra phương tiện thiện xảo, dùng oai thần của phương tiện thiện xảo nhập thiền mà chẳng tùy theo pháp thiền. Bồ-tát học như thế thì được sức thanh tịnh, được sức vô sở úy, được sức thanh tịnh của Phật pháp.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Các pháp của Phật vốn đều thanh tịnh. Thế nào là Bồ-tát được pháp thanh tịnh?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát học như thế là học pháp thanh tịnh vô sở đắc. Các pháp thanh tịnh, đúng thế, này Tu-bồ-đề! Lúc Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật mà chẳng hối tiếc chẳng chán nản thì chính là thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Người chưa đắc đạo ngu si chẳng hiểu pháp ấy, chẳng thấy việc ấy. Bồ-tát vì mọi người nên thường tinh tấn. “Mọi người thấy ta cũng sẽ bắt chước ta mà tinh tấn.” Vì thế Bồ-tát được sức tinh tấn vô sở úy. Bồ-tát học như thế thì biết hết tâm niệm của mọi người trong thiên hạ ở khắp mười phương, không có ai có thể hơn được.

Ví như trên quả đất này ít có chỗ khai thác được vàng bạc. Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Ít có người tu học theo lời dạy của pháp Bát-nhã ba-la-mật.

Ví như ít có người tìm được xứ sở của Chuyển luân vương mà phần nhiều tìm thấy xứ sở của tiểu quốc vương. Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Ít có người tu học theo lời dạy của pháp Bát-nhã ba-la-mật, mà phần nhiều họ tìm cầu quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật. Có Bồ-tát mới phát tâm nhưng ít có người tu học theo lời dạy của Bát-nhã ba-la-mật. Đã có Bồ-tát tu học Bát-nhã ba-la-mật nhưng ít có người được không thoái chuyển. Bồ-tát phải nghĩ như vậy: “Ta phải nỗ lực tu học để đạt đến không thoái chuyển.”

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng giận hờn người khác, chẳng tìm điều dở của người, tâm không bồn sển, tham lam, tâm không phá giới, tâm không hờn giận, tâm không biếng nhác, tâm không mê loạn, tâm không ngu si. Lúc

Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thì các Ba-la-mật khác đều nằm ở trong đó. Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật là soi sáng các Ba-la-mật vì đều nhập vào các Ba-la-mật. Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật là đầy đủ các Ba-la-mật khác. Ví như có người nói sáu mươi hai kiến chấp bên ngoài đều thuộc thân kiến (ngã sở). Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thì bao gồm hết các Ba-la-mật khác. Này Tu-bồ-đề, ví như lúc người chết mạng tận, các căn đều hoại diệt. Cũng vậy, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật thì gồm hết các Ba-la-mật khác. Bồ-tát muốn học hết các Ba-la-mật thì cần phải học Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát muốn học Bát-nhã ba-la-mật là học vô cực. Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, số người ở trong một cõi nước Phật có nhiều không?

Tu-bồ-đề đáp:

–Rất nhiều!

Đức Phật dạy:

–Nếu có Bồ-tát suốt đời cúng dường tất cả mọi người như thế trong một cõi Phật thì phước của Bồ-tát ấy có nhiều chăng?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Rất nhiều!

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Phước đức ấy chẳng bằng phước đức của Bồ-tát thọ trì Bát-nhã ba-la-mật trong khoảng khắc búng ngón tay.

Đức Phật dạy tiếp:

–Bát-nhã ba-la-mật cực kỳ tôn quý, nhờ pháp này mà chóng được thành Phật. Này Tu-bồ-đề! Như vậy Bồ-tát muốn đắc Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác làm Đấng tôn quý bậc nhất trong mọi người ở khắp mười phương, cấp thí cho mọi người nghèo nàn ở khắp mười phương. Bồ-tát muốn cầu cảnh giới Phật, ưa thích muốn được trí tuệ Phật, muốn thuyết pháp được như sư tử rống, muốn được đến chỗ Phật. Bồ-tát muốn được tất cả các điều kể trên thì phải học Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát học Bát-nhã ba-la-mật là học tất cả các pháp khác.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bồ-tát có còn phải học pháp A-la-hán nữa không?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Tuy biết pháp A-la-hán, nhưng Bồ-tát không thích, không học. Công đức do A-la-hán tạo tác, thì đâu cần phải đắc! Bồ-tát tuy biết hết các việc tu hành của A-la-hán nhưng không học, không hành, không trụ trong pháp ấy. Bồ-tát học như thế thì mọi người trong thiên hạ không ai hơn được, vượt lên trên cả A-la-hán, Bích-chi-phật. Bồ-tát học như thế là gần với trí Nhất thiết trí. Bồ-tát học như thế là chẳng lìa Bát-nhã ba-la-mật, là thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát học như thế là ở trong pháp trí Nhất thiết trí chẳng thêm chẳng giảm, lìa đạo A-la-hán, Bích-chi-phật. Bồ-tát nếu lại nghĩ rằng: “Thọ trì Bát-nhã ba-la-mật này sẽ đắc trí Nhất thiết trí”. Có một chút xiu tư tưởng ấy thì tức là chẳng thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Thực hành Bát-nhã ba-la-mật cũng chẳng nghĩ tưởng đến Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát phải duy trì được trí Nhất thiết trí, cũng không niệm, cũng không thấy, cũng không có sở tưởng. Đó là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

M

Phẩm 23: GIỮ GÌN VÀ HÀNH TRÌ

Bấy giờ Thích Đề-hoàn Nhân đang ngồi trong pháp hội, thâm nghĩ: “Bồ-tát đang thực hành Bát-nhã ba-la-mật mà người trong thiên hạ ở khắp mười phương không ai hơn được huống chi là tự tiến đến quả Phật! Được sinh vào trong loài người ở trong mười phương là khó, đã được sống lâu an ổn mà có một người phát tâm tu hành Phật đạo là khó, hà huống chí tâm tu hành Phật đạo! Người làm kẻ đứng đầu dẫn dắt mọi người trong thiên hạ ở khắp mười phương, khó có được người như thế.”

Lúc ấy Thích Đề-hoàn Nhân biến hóa ra hoa Văn-đà-la rải lên trên Đức Phật. Rải hoa xong nói:

–Người hành đạo Bồ-tát là người hướng đến Phật đạo thì sở nguyện chắc chắn thành tựu. Tôi sẽ ở bên cạnh ủng hộ người tu hạnh

này vì họ chắc chắn thành Phật. Các pháp nói trong kinh như pháp trí Nhất thiết trí, pháp Như Lai thấy đều đầy đủ, pháp không thoái chuyển cũng vậy.

Thích Đề-hoàn Nhân nói:

–Người có lòng chí thành cầu Phật đạo, một khi nghĩ nhớ đến pháp Bát-nhã ba-la-mật này thì không bao giờ xa lìa Phật đạo.

Thích Đề-hoàn Nhân nói tiếp:

–Tôi muốn cho người trong pháp này càng nghĩ nhớ chẳng chán nổi khổ sinh tử. Tất cả thế gian đều khổ, họ vì mọi người cho nên phải tu các hạnh khổ khó làm, tâm nghĩ: “Những người chưa độ, ta cần phải độ họ, những người chưa giải thoát, ta cần phải giải thoát cho họ. Những người sợ hãi, ta cần phải làm cho họ an ổn. Những người chưa Bát-nê-hoàn, phải làm cho họ đều Bát-nê-hoàn.”

Thích Đề-hoàn Nhân hỏi Phật:

–Người tùy hỷ công đức Bồ-tát mới phát tâm thì được bao nhiêu phước? Người tùy hỷ công đức đang theo các giai vị tiến lên thì được bao nhiêu phước? Người tùy hỷ công đức Bồ-tát không thoái chuyển cho đến Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ thì được bao nhiêu phước?

Đức Phật nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Cân nủi Tu-di còn có thể biết được trọng lượng, còn phước của người tùy hỷ công đức Bồ-tát mới phát tâm thì không thể cân lường.

Một cội nước Phật (tam thiên đại thiên thế giới) còn có thể cân lường, còn phước của người tùy hỷ công đức Bồ-tát đang theo các giai vị tiến lên thì không có hạn lượng.

Lấy một phần trăm sợi tóc nhúng cho cạn hết biển cả trong một cội nước Phật, còn có thể đếm được số giọt nước trên đầu sợi tóc ấy, còn phước của người tùy hỷ công đức Bồ-tát không thoái chuyển thì không thể đếm được.

Lấy một học, nửa học, một đấu, nửa đấu, một thăng, nửa thăng đem đong lường hư không của vô số cội nước Phật còn có thể đong biết hư không là bao nhiêu, còn phước của người tùy hỷ công đức Bồ-tát Nhất sinh bổ xứ thì không cùng tận.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Người bị ma làm mê loạn nghe pháp này thì không tùy hỷ. Người thuộc bè đảng ma nghe pháp này thì không tùy hỷ. Người từ cung ma trên trời xuống đây nghe pháp này thì không tùy hỷ. Vì sao? Vì người này dù có phát tâm cầu Phật đạo, nhưng trong lòng vẫn còn mang cảnh giới của ma. Cho nên phải tùy hỷ công đức đối với người phát tâm cầu Phật đạo, dù người ấy trong lòng còn mang cảnh giới ma, phải tùy hỷ công đức đối với người mà tâm chẳng lìa Phật, chẳng lìa Kinh, chẳng lìa Tỳ-kheo Tăng.

Đức Phật bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Đúng như lời Thích Đề-hoàn Nhân đã nói, người tùy hỷ công đức thì gần với Phật. Nhờ công đức tùy hỷ ấy mà đời đời sinh ra chỗ nào cũng được mọi người muốn cúng dường không khi nào nghe lời nói xấu, chẳng sợ bị đọa vào đường ác, thường sinh lên trời, thường được mọi người tôn trọng. Vì sao? Vì người này tùy hỷ công đức Bồ-tát, vì người này hay ủng hộ mọi người. Vì sao? Vì Bồ-tát mới phát tâm tiến tu dần dần đến quả vị Phật, thành Phật rồi sẽ độ thoát mọi người trong thiên hạ ở khắp mười phương.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Tâm như huyền thì do đâu mà được thành Phật?

Đức Phật hỏi Tu-bồ-đề:

–Này Tu-bồ-đề! Ý ông nghĩ sao, ông có thấy huyền chẳng?

Tu-bồ-đề đáp:

–Con chẳng thấy?

Đức Phật hỏi:

–Huyền hóa cũng chẳng thấy. Tâm huyền lìa, huyền hóa lìa. Tâm huyền tuy lìa, nhưng thấy pháp khác thì sẽ đắc Phật đạo chẳng?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Không!

Phật dạy:

–Thấy cũng chẳng lìa huyền hóa. Lìa tâm huyền cũng chẳng thấy sẽ đắc Phật đạo, cũng không có pháp, cũng không có thấy thì sẽ nói pháp này là đắc hay không đắc? Pháp ấy vốn không có xa lìa,

cũng vốn không có đắc hay không đắc, vốn không sinh, cũng không có người thành Phật. Giả sử không có pháp thì cũng không được thành Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Giả sử như thế, Bát-nhã ba-la-mật lia gốc (rốt ráo lia, hoàn toàn lia) thì không có pháp đối đãi. Lia gốc thì không có đối đãi, không có chứng đắc, cũng không có giữ gìn, cũng không có tu hành, cũng không có pháp sẽ được chứng đắc. Vì sao? Vì lia Bát-nhã ba-la-mật vốn không có hình tướng, vốn không xa lia thì tại sao phải ở trong Bát-nhã ba-la-mật mà đắc Phật đạo? Phật thì lia gốc, không có sở hữu. Đã không có sở hữu thì làm sao mà được thành Phật.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Như lời Tôn giả nói vừa rồi, lia gốc thì không có Bát-nhã ba-la-mật, lia gốc thì không có trí Nhất thiết trí.

Đức Phật nói tiếp:

–Tuy biết lia gốc thì Bát-nhã ba-la-mật vốn cũng không từ đâu sinh ra. Tôn giả phải suy nghĩ như vậy: “Thâm nhập, giữ gìn pháp ấy thì lia gốc, không có sở hữu, nên được thành Phật.”

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Tuy biết lia gốc thì không có Bát-nhã ba-la-mật, đó là chẳng giữ gìn Bát-nhã ba-la-mật, nhưng người chẳng hành đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật thì chẳng được thành Phật.

Đức Phật dạy:

–Như lời Tu-bồ-đề đã nói, vì chẳng chấp nơi việc chứng đắc Bát-nhã ba-la-mật nên được thành Phật, cũng chẳng do lia hay không lia Bát-nhã ba-la-mật mà được thành Phật, cũng chẳng thể lia Bát-nhã ba-la-mật mà được thành Phật. Người chẳng đắc Bát-nhã ba-la-mật thì chẳng được thành Phật.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu thật là hy hữu.

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Ông đã nói: “Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu thật là hy hữu.” Còn Bồ-tát thì nói: “Siêng tu hạnh khổ khó làm, siêng tu pháp thâm diệu nhưng chẳng phải vì muốn chứng Nê-hoàn.”

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Nói như thế, Bồ-tát chẳng cho là mình siêng tu hạnh khổ khó làm. Vì sao? Vì không có người chứng, cũng không có Bát-nhã ba-la-mật được chứng, cũng không có kinh pháp được chứng. Bồ-tát nào nghe nói như thế mà không lo, không sợ, không chán, không ghét thì đó là Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Tuy hành như thế mà chẳng thấy hành, đó là thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Tuy gần Phật mà cũng chẳng thấy, đó thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Tuy xa lìa A-la-hán, Bích-chi-phật mà cũng chẳng thấy, cũng chẳng nghĩ, đó là thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Ví như hư không chẳng nghĩ là hoặc có gần, hoặc có xa. Vì sao? Vì hư không vốn không có hình tướng. Thực hành Bát-nhã ba-la-mật không có cách Phật gần. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật không có hình tướng.

Ví như nhà ảo thuật làm ra hóa nhân. Người được biến hóa ra ấy chẳng nghĩ là nhà ảo thuật cách ta gần hay cách ta xa. Vì sao? Vì người được biến hóa ra ấy không có hình tướng. Cũng vậy, Bát-nhã ba-la-mật chẳng nghĩ các quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật cách ta xa, Phật đạo cách ta gần. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật không có hình tướng.

Ví như bóng hiện trong nước chẳng nghĩ do đâu mà bóng hiện trong nước. Nếu người ở gần cũng chẳng nghĩ là gần, nếu người ở xa cũng chẳng nghĩ là xa. Vì sao? Vì bóng không có hình tướng. Cũng vậy, Bát-nhã ba-la-mật cũng không nghĩ là quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật là xa, Phật đạo là gần. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật không có hình tướng. Bát-nhã ba-la-mật vừa không yêu, vừa không ghét. Đức tánh của Như Lai không nơi chấp trước, không chỗ xuất sinh. Bát-nhã ba-la-mật cũng vậy, cũng không sở sinh, vô sở trước.

Ví như Đức Như Lai biến hóa ra người. Người được biến hóa ra ấy chẳng nghĩ rằng các quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật cách ta xa,

cũng chẳng nói Phật đạo cách ta gần. Vì sao? Vì người được biến hóa ra ấy không có hình tướng. Bát-nhã ba-la-mật cũng chẳng nghĩ quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật cách ta xa, cũng chẳng nghĩ Phật đạo cách ta gần. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật không có hình tướng.

Ví như người thợ thông minh chế tạo ra người máy. Người máy chẳng thể tự hoạt động, mà do được điều khiển. Người máy không nghĩ rằng: “Ta phải cử động co duỗi, cúi ngược để cho người tham quan hoan nghênh”. Vì sao? Vì người máy vốn không có ý nghĩ. Cũng vậy, Bát-nhã ba-la-mật tùy theo người tu hành mà mỗi người tự chứng đắc. Tuy vậy, nhưng Bát-nhã ba-la-mật cũng không có hình tướng, cũng không có niệm phân biệt.

Ví như thuyền to được đóng để đưa các khách buôn vượt biển, thuyền cũng không nghĩ: “Ta phải đưa khách qua biển”. Vì sao? Vì thuyền vốn không có ý nghĩ. Cũng vậy, Bát-nhã ba-la-mật tùy theo người tu hành mà mỗi người tự chứng đắc. Tuy vậy, nhưng Bát-nhã ba-la-mật cũng không có hình tướng, cũng không có niệm phân biệt.

Ví như đất đai đồng nội sinh ra vạn vật cây cỏ, trăm giống lúa, nhưng đất cũng không nghĩ: “Ta phải sinh hay không sinh.” Bát-nhã ba-la-mật sinh ra các kinh pháp mà chẳng nghĩ: “Từ trong ta sinh ra hay không sinh ra”. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật vốn không có hình tướng.

Ví như châu ma-ni sinh ra các châu báu khác, Bát-nhã ba-la-mật sinh ra các kinh pháp khác để truyền dạy. Tuy vậy, nhưng Bát-nhã ba-la-mật cũng không có niệm phân biệt.

Ví như mặt trời chiếu khắp bốn châu thiên hạ, nhưng ánh sáng của nó không nghĩ: “Ta phải chiếu khắp”. Bát-nhã ba-la-mật chiếu soi hết các kinh pháp. Tuy vậy, nhưng Bát-nhã ba-la-mật cũng không có niệm phân biệt.

Ví như nước chảy không đâu không tới, nhưng nước không nghĩ: “Ta phải có chỗ chảy tới”. Bát-nhã ba-la-mật đến với các kinh pháp. Tuy vậy, nhưng Bát-nhã ba-la-mật cũng không có niệm phân biệt.

Ví như gió không đâu không tới, nhưng gió cũng không nghĩ: “Ta phải có chỗ tới”. Cũng vậy, Bát-nhã ba-la-mật thành tựu các

kinh pháp. Tuy vậy, nhưng Bát-nhã ba-la-mật cũng không có niệm phân biệt.

Ví như đỉnh núi Tu-di dùng trời Đao-lợi làm trang sức, nhưng núi Tu-di cũng không nghĩ: “Trên đỉnh ta phải dùng trời Đao-lợi để trang sức”. Bát-nhã ba-la-mật thành tựu trí Nhất thiết trí. Tuy vậy, nhưng Bát-nhã ba-la-mật cũng không có niệm phân biệt.

Ví như biển cả sinh ra hầu hết các báu vật trân kỳ, nhưng biển cả chẳng nghĩ: “Ta phải sinh ra các thứ trân bảo”. Cũng vậy, Bát-nhã ba-la-mật sinh ra tất cả các kinh pháp. Tuy vậy, nhưng Bát-nhã ba-la-mật cũng không có niệm phân biệt.

Ví như Đức Phật sinh ra các công đức, đem tâm bình đẳng che chở mọi người khắp cả mười phương. Cũng vậy, Bát-nhã ba-la-mật thành tựu đối với các kinh pháp.

M

Phẩm 24: CƯỜNG NHƯỢC

Xá-lợi-phất hỏi Tu-bồ-đề:

–Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật là cao hạnh chăng?

Tu-bồ-đề đáp:

–Tôi được nghe Đức Phật nói Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật là chẳng phải cao hạnh.

Ngần ấy trăm ngàn chư Thiên cõi Dục suy nghĩ: “Chúng ta phải đánh lễ các vị phát tâm tu hành đạo Bồ-tát ở khắp mười phương. Vì sao? Vì các vị Bồ-tát ấy thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng giữa chừng Bát-nê-hoàn. Các vị Bồ-tát ấy tu hạnh khổ khó làm, chẳng ở trong pháp này giữa chừng rơi vào sự chấp chặt việc chứng đắc.”

Tu-bồ-đề nói với chư Thiên:

–Tuy chẳng giữa chừng rơi vào sự chấp chặt việc chứng đắc và chẳng cho đó là hạnh khổ khó làm, nhưng Bồ-tát vẫn siêng năng vì vô số không thể kể xiết người mà mặc áo giáp đại công đức độ họ được Bát-nê-hoàn mới là hạnh khổ khó làm. Người được

độ thì vốn không, vốn không thì chẳng thật có. Bồ-tát ấy nghĩ rằng: “Vì muốn độ người, độ mọi người, vì muốn độ không.” Vì sao? Vì không cũng không có xa, cũng không có gần, cũng không thật có. Vì thế nên Bồ-tát siêng tu hạnh khổ khó làm. Bồ-tát tìm người vốn không có, muốn độ người là độ hư không, mặc áo giáp đại công đức là vì người. Bồ-tát mặc áo giáp đại công đức muốn qua độ người, thế nên Bồ-tát vì mọi người mà mặc áo giáp đại công đức. Như lời Phật dạy, người không có gốc, biết rõ người không thật có, đó là độ người. Bồ-tát nào nghe lời nói này mà không kinh, không sợ thì đó là Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Là người vì vốn không có người; lia sắc vì vốn không có sắc; lia thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức vì vốn không có thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức; lia các kinh pháp vì vốn không có các kinh pháp. Bồ-tát nào nghe lời nói này mà không sợ hãi, không biếng nhác thì đó là Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Đức Phật hỏi Tu-bồ-đề:

– Vì sao Bồ-tát không sợ hãi, không biếng nhác?

Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Vì vốn không nên không sợ hãi, vì vốn tịnh nên không biếng nhác. Vì sao? Vì tìm sự biếng nhác vốn không có, nguyên nhân biếng nhác cũng không có. Bồ-tát nào nghe lời nói này mà không sợ hãi, không biếng nhác thì đó là Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Lúc Bồ-tát hành pháp ấy thì được chư Thiên kính lễ, các Phạm thiên đều kính lễ.

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

– Chẳng những chư Thiên, các Phạm thiên kính lễ Bồ-tát ấy mà cả đến chư Thiên các cõi trời Cực quang tịnh, Biến tịnh, Quảng quả thậm chí chư Thiên cõi trời Sắc cứu cánh cũng đều kính lễ vị Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Vô số không thể kể xiết chư Phật hiện tại ở khắp mười phương đều hộ niệm Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, biết là Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật chẳng thoái chuyển. Giả sử mọi người trong số cõi nước Phật nhiều như số cát sông Hằng thấy đều là ma, mỗi ma đều biến hóa ra số người nhiều như số cát sông Hằng làm bè đàng. Giả sử số ma ấy và số bè đàng

của chúng muốn cùng nhau hại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì chúng cũng chẳng thể hại Bồ-tát ở giữa chừng, cũng chẳng thể khuấy nhiễu ở giữa chừng.

Bồ-tát có hai pháp thì thực hành Bát-nhã ba-la-mật ở giữa chừng đấm ma đó không thể khuấy nhiễu. Hai pháp ấy là gì? Một là thấy các kinh pháp đều không, hai là chẳng bỏ mọi người ở khắp mười phương, trái lại còn ủng hộ họ. Đó là hai pháp.

Bồ-tát có hai pháp khiến ma chẳng thể làm động. Hai pháp ấy là gì? Một là chẳng quên mất bản nguyện, hai là được chư Phật ở khắp mười phương hộ niệm. Đó là hai pháp.

Lúc Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, chư Thiên đến chỗ Bồ-tát thưa hỏi về kinh pháp sâu xa. Chư Thiên ngợi khen Bồ-tát: “Hôm nay Bồ-tát tu theo giáo pháp này thì chẳng bao lâu sẽ thành Phật. Người tu theo giáo pháp này thì cứu hộ được những kẻ khổ cần được cứu hộ, làm chỗ nương tựa cho kẻ chưa có chỗ nương tựa. Bồ-tát vì mọi người mà làm ngôi nhà chánh pháp, làm cho kẻ không có mắt thì có được mắt sáng. Bồ-tát theo Bát-nhã ba-la-mật tu hành theo pháp này thì được vô số không thể kể xiết chư Phật hiện tại ở khắp mười phương ủng hộ. Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì được các Đức Phật nói công đức của họ cho bốn bộ chúng đệ tử trong cõi nước của mình nghe.” Các Đức Phật đều ngợi khen Bồ-tát ấy.

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

– Ví như hôm nay ta khen ngợi Đức Phật La-lân-na Trượng-na.

Đức Phật còn nói:

– Các Bồ-tát hôm nay đang thực hành Bát-nhã ba-la-mật trong cõi nước ta, các Đức Phật ở khắp mười phương hôm nay cũng đang ngợi khen Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, cũng giống như thế.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

– Chư Phật đều ngợi khen các Bồ-tát như thế chẳng?

Phật dạy:

– Chư Phật ngợi khen chẳng hết lời!

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Có người hành đạo Bồ-tát chưa được không thoái chuyển, chư Phật cũng còn ngợi khen.

Tu-bồ-đề hỏi Phật:

–Những ai là người hành đạo Bồ-tát được Phật khen ngợi?

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Có Bồ-tát đời trước theo Phật A-súc lúc Phật làm Bồ-tát tu hành và có Bồ-tát đời trước theo Phật La-lân-na Trường-na lúc Phật làm Bồ-tát tu hành. Có Bồ-tát theo lời dạy đó, vì thế chư Phật ở khắp mười phương ngợi khen Bồ-tát ấy.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật tin các pháp vốn không từ đâu sinh ra. Bồ-tát ấy vẫn còn chưa đắc pháp lạc Vô sở tùng sinh. Ở trong đó xây dựng niềm tin các pháp vốn không, Bồ-tát ấy tuy chưa được không thoái chuyển nhưng tin các pháp vốn không, như Nê-hoàn. Bồ-tát ấy tuy chưa được vào quả vị không thoái chuyển nhưng tu hành theo giáo pháp này thì sẽ mau chóng được không thoái chuyển. Có Bồ-tát hành theo pháp này vì thế chư Phật ở khắp mười phương cùng nhau ngợi khen Bồ-tát ấy. Bồ-tát vì độ người ở quả vị của đạo A-la-hán, Bích-chi-phật để họ hưởng đến Phật đạo. Nếu có Bồ-tát hành theo Bát-nhã ba-la-mật được chư Phật ngợi khen thì biết rằng Bồ-tát ấy chẳng bao lâu sẽ đứng vào quả vị không thoái chuyển.

Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, tin, không hồ nghi. Bồ-tát nghĩ: “Như điều Phật đã nói thì chắc chắc không khác” thì Bồ-tát ấy về sau sẽ được ở chỗ Đức Phật A-súc nghe Bát-nhã ba-la-mật và điều các Bồ-tát khác được nghe cũng giống vậy. Bồ-tát tin Bát-nhã ba-la-mật như thế là đã đứng vào quả vị không thoái chuyển. Nếu có người nghe Bát-nhã ba-la-mật mà tin thì phước đức đó rất lớn, hà huống Bồ-tát tu hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật. Người tu hành theo giáo pháp này thì chóng nhập vào trí Nhất thiết trí.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Giả sử lìa ngay nơi pháp vốn không thì chẳng có pháp để đắc, vậy thì do pháp nào mà có người thành Phật? Do pháp nào mà nói có người thuyết kinh?

Đức Phật dạy:

–Nếu như lia ngay nơi pháp vốn không thì chẳng có pháp nào để đắc được, vậy thì do pháp nào mà có người thành Phật? Cũng không có người nói kinh pháp! Pháp vốn không đó vốn là không thì làm sao ở trong pháp vốn không mà kiến lập người không, tu pháp vốn không để đắc thành Phật đạo, cũng không có bổn pháp để có người thành Phật. Pháp vốn không không có, người thuyết kinh cũng chẳng thật có.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Bát-nhã ba-la-mật rất sâu, Bồ-tát siêng tu hạnh khổ khó làm mới được thành Phật. Vì sao? Vì không có tên gọi của pháp không sở đắc được xác lập ở trong pháp vốn không, cũng không có pháp sẽ thành Phật, cũng không có người thuyết kinh. Bồ-tát nghe lời nói này thì không kinh, không sợ, không nghi, không chán.

Tu-bồ-đề nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Như lời Thích Đề-hoàn Nhân nói: Bồ-tát siêng năng tu hạnh khổ khó làm nghe Bát-nhã ba-la-mật thâm diệu, tin, không nghi, không chán.

Tu-bồ-đề bảo Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Các kinh pháp đều không, tại sao có hoài nghi, chán ghét?

Thích Đề-hoàn Nhân nói với Tu-bồ-đề:

–Như Tôn giả Tu-bồ-đề nói: Tất cả pháp nói là không thì đều không dính mắc. Ví như bắn tên vào hư không thì không dính mắc. Tôn giả Tu-bồ-đề thuyết kinh cũng vậy, hoàn toàn không dính mắc.

Thích Đề-hoàn Nhân bạch Phật:

–Như lời con đã nói phải chăng là vâng theo lời dạy của pháp do Phật nói chẳng? Có thêm bớt gì không?

Đức Phật nói với Thích Đề-hoàn Nhân:

–Này Câu-dực! Giáo pháp của Phật nói ra đều như nhau không khác. Như lời Tôn giả Tu-bồ-đề nói là chỉ nói về pháp không. Tu-bồ-đề cũng chẳng thấy pháp Bát-nhã ba-la-mật, cũng

không thấy người thực hành Bát-nhã ba-la-mật, cũng không thấy người được thành Phật, cũng không thấy trí Nhất thiết trí, cũng không thấy người đắc trí Nhất thiết trí, cũng không thấy Như Lai, cũng không có người đắc Như Lai, cũng không thấy có pháp Vô sở tùng sinh, cũng không thấy có người chứng đắc Vô sở tùng sinh, cũng không thấy mười Lực, cũng không thấy bốn Vô sở úy, cũng không thấy người cầu bốn Vô sở úy.

Kinh pháp vốn tịnh cũng không sở đắc. Tu-bồ-đề tu hành theo lời dạy vô sở đắc. Như vậy, tuy Tu-bồ-đề là người tu hành theo lời dạy vô sở đắc nhưng vẫn không bằng một phần trăm, một phần ngàn, một phần vạn công đức của vị Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật trừ quả vị Phật đạo ra thì quả vị của đạo A-la-hán, Bích-chi-phật không thể nào bằng quả vị của đạo Bồ-tát ấy. Bồ-tát là người được mọi người trong thiên hạ đặc biệt tôn kính. Ông cần phải hành theo giáo pháp của Phật.

Bấy giờ mấy ngàn vạn Thiên tử của cõi trời Đao-lợi cầm hoa Văn-đà-la được biến hóa ra, rải lên trên Đức Phật. Rải hoa rồi, chư Thiên thưa:

–Chúng con cũng phải hành đúng theo giáo pháp.

Trong pháp hội, một trăm sáu mươi thầy Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh sửa lại y phục rồi đánh lễ Phật. Đánh lễ xong, trong tay mỗi thầy đều có hoa Văn-đà-la được biến hóa ra, đem hoa này rải lên trên Đức Phật. Rải hoa xong, các thầy đều nói:

–Chúng con cũng phải hành theo giáo pháp.

Lúc ấy Đức Phật mỉm cười, từ miệng phóng ra hào quang nhiều màu sắc, ánh sáng chiếu đến các cõi nước Phật ở khắp mười phương. Hào quang ấy quay về nhiều quanh Phật ba vòng rồi nhập vào trong đỉnh đầu của Phật.

A-nan từ chỗ ngồi đứng dậy, chỉnh sửa y phục, quỳ thẳng chấp tay lễ Phật và hỏi:

–Bạch Thế Tôn! Thường Phật không cười suông. Ngài đã cười thì phải có ý?

Đức Phật bảo A-nan:

–Một trăm sáu mươi vị Tỳ-kheo này và chư Thiên sẽ được thành Phật ở trong kiếp Ba-la (Tinh tú) đồng một danh hiệu là Âu Thần Na-câu-ni-na (Tán Hoa). Lúc thành Phật, số chúng Tỳ-kheo của các vị Phật này đều bằng nhau, tuổi thọ của các vị Tỳ-kheo này cũng bằng nhau đó là mười vạn tuổi. Các vị Tỳ-kheo này tuần tự dần dần sẽ thành Phật. Lúc các vị thành Phật, thế giới của các vị đều có mưa hoa năm sắc màu.



KINH ĐẠO HÀNH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 9

Phẩm 25: DẶN DÒ, ỦY THÁC GIÁO PHÁP

Đức Phật nói với A-nan:

–Bồ-tát lập hạnh như thế thì không ai hơn được. Lập hạnh như thế là lập hạnh như Phật, lập hạnh như thế thì không có ai làm thầy, đó là lập hạnh trí Nhất thiết trí. Người muốn lập hạnh như thế thì phải theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật. Phải biết người thực hành Bát-nhã ba-la-mật là người từ trong loài người đến hoặc từ trên cõi trời Đâu-thuật lại. Người này hoặc từ trong loài người hoặc từ trên cõi trời đã nghe qua Bát-nhã ba-la-mật, hoặc từ trong loài người hoặc từ trên cõi trời đã hành qua Bát-nhã ba-la-mật. Vì sao? Vì sau khi Phật Bát-nê-hoàn hoặc thấy Bát-nhã ba-la-mật ở khắp mười phương hoặc thấy pháp ấy ở trên cõi trời Đâu-thuật có người thực hành Bát-nhã ba-la-mật hoặc biên chép thì chư Phật đều trông thấy và hộ trì họ. Bồ-tát ấy còn đem ra dạy người khác khiến họ tùy hỷ pháp này, thì biết Bồ-tát ấy từ trước đến nay đã cúng dường biết bao Đức Phật. Người chẳng làm các công đức thuộc phẩm loại A-la-hán, Bích-chi-phật thì biết người đó là Bồ-tát từ trước đến nay đã cúng dường biết bao Đức Phật. Người học Bát-nhã ba-la-mật này mà không kinh, không sợ hoặc có người thọ nhận Bát-nhã ba-la-mật này, hoặc có người học, hoặc có người trì, hoặc có người hiểu những điều dạy trong pháp này, hoặc có người tu theo, thì biết những Bồ-tát ấy như được diện kiến Đức Phật không khác. Bồ-tát ấy chẳng đĩnh chỉ cũng chẳng bài báng Bát-nhã ba-la-mật thì biết Bồ-tát đã cúng dường biết bao Đức Phật từ trước đến nay.

Đức Phật nói với A-nan:

–Tuy có người ở chỗ Đức Phật tạo tác công đức mà lại đem

dùng để cầu A-la-hán, Bích-chi-phật, nhưng rồi họ cũng sẽ được thành Phật. Nếu có Đại Bồ-tát nào thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì thường phải nên xa lìa đạo A-la-hán, Bích-chi-phật.

Đức Phật nói với A-nan:

–Ta đem Bát-nhã ba-la-mật này ủy thác cho ông. Đây A-nan! Pháp ta thuyết cho ông nghe trừ Bát-nhã ba-la-mật, Ma-ha Ấu-hòa câu-xa-đa-la (Đại phương tiện thiện xảo) và các Ma-ha Duy-viết-la, còn những kinh khác của ta nói ra ông ghi nhớ hoặc có lúc quên mất thì tội còn ít, nhưng ông theo Phật nghe Bát-nhã ba-la-mật mà nếu như quên mất thì tội rất lớn.

Đức Phật nói với A-nan:

–Ta lại ủy thác cho ông phương pháp thọ học, thọ trì Bát-nhã ba-la-mật. Thọ học thì phải học cho kỹ, thọ trì thì phải thọ trì cho đầy đủ, đọc tụng thì không để thiếu sót một chữ. Kinh tạng của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại vẫn như nhau, không khác. Đây A-nan! Ông phải nghĩ rằng: “Chớ làm cho Bát-nhã ba-la-mật thiếu sót.” Vì sao? Vì Đức Phật hiện tại hôm nay có lòng từ và ân đức của Phật. Người muốn báo ân Phật thì phải cúng dường đầy đủ. Ông nếu như có lòng từ hiếu đối với Phật thì phải thọ trì Bát-nhã ba-la-mật, phải cung kính đảnh lễ cúng dường. Nếu ông làm như thế là ông đã cúng dường báo ân Phật, là ông đã cung kính chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại rồi. Ông đã từ hiếu đối với Phật, nhưng cung kính nhớ ân đối với Phật cũng chẳng bằng cung kính đối với Bát-nhã ba-la-mật. Ông hãy thận trọng chớ để quên mất một câu.

Đức Phật bảo A-nan:

–Ta ủy thác cho ông Bát-nhã ba-la-mật để làm tin. Nếu có người chẳng muốn lìa Phật, lìa kinh, lìa Tỳ-kheo Tăng, cũng chẳng muốn lìa chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại thì chẳng nên xa lìa Bát-nhã ba-la-mật. Đó là lời Phật dạy.

Đức Phật bảo A-nan:

–Nếu có người thọ trì Bát-nhã ba-la-mật thì đó là thọ trì giáo pháp của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại. Vì sao? Vì chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều được sinh ra từ Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát

muốn đắc Phật đạo cần phải học sáu pháp Ba-la-mật. Vì sao? Vì sáu pháp Ba-la-mật là mẹ của các Đại Bồ-tát.

Đức Phật bảo A-nan:

–Ta ủy thác cho ông sáu pháp Ba-la-mật. Sáu pháp Ba-la-mật là tạng kinh pháp chẳng thể cùng tận của Phật. Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều được sinh ra từ sáu pháp Ba-la-mật.

Đức Phật bảo A-nan:

–Ông hằng ngày dạy người, tất cả mọi người trong một cõi nước Phật, ông đều giáo hóa khiến họ đắc đạo A-la-hán, tuy ông giáo hóa như vậy nhưng vẫn còn chưa báo được ân Phật, chẳng bằng nói đầy đủ Bát-nhã ba-la-mật cho Bồ-tát nghe. Những người được ông giáo hóa đều đắc đạo A-la-hán, họ tạo công đức trì giới, tinh tấn giữ đạo. Giáo hóa mọi người như thế, phước đó có nhiều chăng?

A-nan bạch Phật:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, rất nhiều, rất nhiều!

Đức Phật nói với A-nan:

–Chẳng bằng đem Bát-nhã ba-la-mật nói đầy đủ cho Bồ-tát nghe. Dù chẳng thể nhiều, một ngày cũng được, dù không thể một ngày, thì trong thời gian một bữa ăn cũng được. Dù chẳng thể dài như thời gian một bữa ăn thì nói trong khoảnh khắc cũng được, phước đó còn hơn phước độ người đắc đạo A-la-hán. Đại Bồ-tát tự quán niệm các việc trong Bát-nhã ba-la-mật thì công đức của Bồ-tát ấy vượt lên trên các A-la-hán, Bích-chi-phật. Tuy chỉ quán niệm về các việc trong ấy, nhưng sẽ đắc không thoái chuyển với điều kiện chẳng ở giữa chừng lui sụt.

Lúc thuyết Bát-nhã ba-la-mật, bốn bộ đệ tử, chư Thiên, A-tu-luân và quỷ thần trong một cõi nước Phật, nhờ oai thần của Đức Phật Thích-ca Văn, tất cả họ đều thấy Đức Phật A-súc và chúng Tỳ-kheo đông không kể xiết đều là bậc A-la-hán, các Bồ-tát cũng nhiều vô số. Từ đó về sau, họ không còn thấy nữa.

Phật bảo A-nan:

–Ví như thấy người trong cõi nước đó, nhưng lại chẳng thấy

Đức Phật A-súc và các Bồ-tát, A-la-hán, cũng như mắt chẳng thấy được các kinh pháp. Pháp chẳng thấy pháp, pháp chẳng niệm pháp. Vì sao? Vì các kinh pháp không niệm, chẳng thấy, cũng không có ích.

Đức Phật dạy A-nan:

–Các kinh pháp đều không, không được thọ trì, cũng chẳng thể niệm. Ví như nhà ảo thuật biến hóa ra người, các kinh pháp cũng vậy, không niệm cũng không đau. Vì sao? Vì vô hình. Bồ-tát hành như vậy là thực hành Bát-nhã ba-la-mật, học như vậy là học Bát-nhã ba-la-mật. Người muốn đắc sáu pháp Ba-la-mật thì phải học Bát-nhã ba-la-mật. Học như thế là hơn hết trong các việc học, không có cái học nào bằng, là gấp trăm, gấp ngàn, gấp vạn cái học khác. Đó là vì làm an ổn mọi người trong thiên hạ mà học như thế, khiến cho kẻ khổ ách đều được cứu giúp. Đó là học theo pháp Phật. Người vâng theo lời Phật dạy học như thế dùng tay nhắc một cội nước Phật dời đến địa phương khác rồi mà mọi người ở trong đó vẫn không hề hay biết.

Đức Phật bảo A-nan:

–Đức Phật do học Bát-nhã ba-la-mật này mà thành Phật, các pháp trí tuệ không ngăn ngại của chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đều từ Bát-nhã ba-la-mật mà thành tựu đầy đủ. Muốn được giới hạn của Bát-nhã ba-la-mật là muốn được giới hạn của hư không. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật chẳng thể cùng tận. Mọi sự việc ở mười phương đều có tính kể, việc của Bát-nhã ba-la-mật thì không thể tính kể.

Đức Phật bảo A-nan:

–Việc của Bát-nhã ba-la-mật không thể tính kể, không thể cùng tận. Bát-nhã ba-la-mật vốn tịnh. Vì sao? Vì không thể kể xiết các Đức Phật thời quá khứ đều từ pháp này mà được thành Phật mà Bát-nhã ba-la-mật cũng chẳng thêm cũng chẳng bớt. Không thể kể xiết các Đức Phật thời vị lai đều từ Bát-nhã ba-la-mật mà được thành Phật mà Bát-nhã ba-la-mật cũng chẳng thêm cũng chẳng bớt. Không thể kể xiết các Đức Phật hiện tại ở khắp mười phương đều từ Bát-nhã ba-la-mật mà được thành Phật mà Bát-nhã ba-la-mật

cũng không thêm cũng không bớt. Thế nên Bát-nhã ba-la-mật không thể cùng tận, hư không cũng chẳng thể cùng tận.

M

Phẩm 26: CHẴNG THỂ CÙNG TẬN

Bấy giờ Tu-bồ-đề nghĩ: “Bát-nhã ba-la-mật do Đức Phật nói rất sâu. Ta cần phải thưa hỏi.”

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Bát-nhã ba-la-mật chẳng thể cùng tận ví như hư không chẳng thể cùng tận thì Bồ-tát phải nhân vào đâu mà tư duy Bát-nhã ba-la-mật?

Đức Phật bảo Tu-bồ-đề:

–Sắc chẳng thể cùng tận, phải tư duy Bát-nhã ba-la-mật như thế. Thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức chẳng thể cùng tận, phải tư duy Bát-nhã ba-la-mật như thế. Mười hai nhân duyên chẳng thể cùng tận, phải tư duy Bát-nhã ba-la-mật như thế.

Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Bồ-tát phải tư duy Bát-nhã ba-la-mật như thế. Bồ-tát tư duy như thế thì mười hai nhân duyên chỉ đặc trong đó. Lúc Bồ-tát mới ngồi dưới cội cây tư duy mười hai nhân duyên không cùng chung với quả vị Bích-chi-phật thì lúc đó trí tuệ Nhất thiết trí đều đầy đủ.

Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Nếu có Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật tư duy mười hai nhân duyên chẳng thể cùng tận. Tư duy như thế thì vượt hơn quả vị A-la-hán, Bích-chi-phật, trụ ngay Phật đạo. Nếu Bồ-tát không tư duy thực hành Bát-nhã ba-la-mật như thế mà tư duy mười hai nhân duyên chẳng thể cùng tận thì sẽ ở giữa chừng đắc A-la-hán, Bích-chi-phật. Bồ-tát chẳng lui sụt ở giữa chừng đắc A-la-hán, Bích-chi-phật. Bồ-tát chẳng lui sụt ở giữa chừng là nhờ tư duy thực hành Bát-nhã ba-la-mật, tư duy hành Ma-ha Ân-hòa-câu-xá-la (Đại phương tiện thiện xảo).

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Lúc Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì tư duy quán mười hai nhân duyên chẳng thể cùng tận. Quán mười hai nhân duyên như thế thì thấy pháp sinh, pháp diệt đều do nhân duyên. Pháp cũng không có người tạo tác. Tư duy mười hai nhân duyên như thế lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì chẳng thấy sắc, chẳng thấy thống dương, tứ tưởng, sinh tử, thức, chẳng thấy cõi nước Phật, không có pháp sở nhân để thấy cõi nước Phật. Đó là Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật.

Nếu có Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, lúc ấy ma rất buồn khổ ví như cha mẹ mới chết, khóc lóc, buồn khổ, ưu tư. Lúc Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật, ma buồn khổ như thế đó.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Chỉ một ma buồn khổ hay những ma khác cũng lại buồn khổ?

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Ma trong cõi nước Phật, các ma đó đều bất an ở nơi trú xứ của chúng. Lúc Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật thì các hàng Trời, A-tu-luân, Rồng, Quỷ thần, Người hoặc chẳng phải người chẳng thể làm hại Bồ-tát. Nếu có Bồ-tát muốn đắc Phật đạo thì phải thực hành Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật là hành đầy đủ Bố thí ba-la-mật, Trì giới ba-la-mật, Nhẫn nhục ba-la-mật, Tinh tấn ba-la-mật, Thiền ba-la-mật. Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật là hành đầy đủ Âu-hòa-câu-xá-la (phương tiện thiện xảo) và các Ba-la-mật. Đại Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật nếu có việc ma khởi lên thì liền hay biết, khiến nó chẳng đến. Bồ-tát muốn được hết Âu-hòa-câu-xá-la và các Ba-la-mật thì phải hành trì Bát-nhã ba-la-mật, phải giữ gìn Bát-nhã ba-la-mật. Nếu có Bồ-tát hành trì Bát-nhã ba-la-mật, giữ gìn Bát-nhã ba-la-mật thì bấy giờ Bồ-tát đó tư duy bốn hạnh của vô số không thể kể xiết chư Phật hiện tại ở khắp mười phương lúc hành đạo Bồ-tát, các Tôn giả đều được sinh ra từ Bát-nhã ba-la-mật. Bồ-tát nghĩ rằng: “Ta cũng sẽ được hết kinh pháp như chư Phật đã được.” Như vậy lúc Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật khởi ý niệm đó trong khoảnh khắc như búng ngón tay, nếu có Bồ-tát bố thí đầy đủ nhiều

như số cát sông Hằng cũng chẳng bằng Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật trong khoảnh khắc như búng ngón tay đó. Bồ-tát hành như thế là trụ vào quả vị không thoái chuyển. Bồ-tát ấy được chư Phật hộ niệm, không còn trở lại với đạo khác, sẽ được thành Phật, không bao giờ đọa vào ba đường ác. Lúc Bồ-tát ấy chưa từng lìa chư Phật, Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật trong khoảnh khắc như búng ngón tay có công đức như vậy, huống là một ngày tuân thủ Bát-nhã ba-la-mật. Thực hành Bát-nhã ba-la-mật phải như Bồ-tát Càn-đà-ha-trú (Hương Tượng). Bồ-tát Càn-đà-ha-trú là bậc tối tôn đệ nhất ở cõi nước của Đức Phật A-súc.

M

Phẩm 27: TÙY

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Vì sao Bồ-tát vâng theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật?

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Các kinh pháp, không ai có thể hủy hoại được, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Hư không chẳng thể cùng tận, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Năm ấm vốn vô hình, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Bốn đại vốn vô hình, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Sáu việc Sa-la-y-đàn (Lục nhập) vốn rỗng không vô hình, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Người phát tâm hành Phật đạo thì không ai sánh bằng, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Phát tâm hạnh nguyện rộng lớn, tâm Bồ-tát bình đẳng đối với mọi người ở khắp mười phương không có cùng tận.

Phật có bốn việc không hộ trì, mỗi việc đều khác nhau vô

cùng, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Bồ-tát thì che chở cứu hộ không kể xiết các hàng Trời, A-tu-luân, Rồng, Quỷ thần, Chân-đà-la, Ma-hầu-lạc, Người và chẳng phải người. Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Cái mà mọi người trong thiên hạ ở khắp mười phương gọi là ngã sở, thật ra chẳng phải là ngã sở, do đó đều phải đoạn trừ. Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Tiếng vang trong hư không không vô hình, Bồ-tát thực hành Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Ví như biển cả không thể dùng đấu đong lường, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Ví như trần bảo trên đỉnh núi Tu-di, mỗi mỗi đều khác nhau, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Đế-thích, Phạm thiên, mỗi vị đều tự có giáo pháp riêng, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Ví như mặt trăng đầy đặn đẹp đẽ, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Ví như mặt trời soi sáng khắp nơi, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Các kinh pháp chỉ có văn tự mà thôi, không có xứ sở, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Bát-nhã ba-la-mật vốn vô hình, chỉ có danh tự mà thôi, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Bát-nhã ba-la-mật vốn không từ đâu sinh ra, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Bát-nhã ba-la-mật bình đẳng không có sai khác, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Huyễn hóa và sóng nắng chỉ có tên gọi chứ không có hình, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Đất, nước, lửa, gió, bốn đại này vô biên, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Thân tướng Phật vốn không có hình sắc, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Cõi nước của chư Phật đều như rỗng không, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Phật vốn không nói, không dạy các kinh, Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật phải biết như vậy.

Nếu có Bồ-tát lúc thực hành Bát-nhã ba-la-mật thì phải tùy thuận như thế, phải quán niệm như thế, phải thâm nhập như thế, phải nhìn thấy như thế, liả bỏ dua nịnh, liả bỏ kiêu ngạo, liả bỏ hùng hổ, liả bỏ phi pháp, liả bỏ tự dụng, liả bỏ của cải, liả bỏ cầu may, liả bỏ thế sự, quên mình chẳng tiếc tánh mạng, vừa không có tham cầu, chỉ nghĩ đến việc làm của Phật mà an ổn. Bồ-tát hành như vậy thì chẳng bao lâu sẽ thành Phật, chẳng bao lâu sẽ được hết công đức của trí Nhất thiết trí. Nhưng Bồ-tát như thế chẳng nên gọi là Bồ-tát mà phải gọi là Phật. Vì sao? Vì chẳng bao lâu nữa thành Phật. Nếu có Bồ-tát hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật thì vào đời vị lai sẽ được gọi là Phật, dù Phật tại thế cũng phải hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật sau khi Phật Bát-nê-hoàn cũng phải hành theo giáo pháp Bát-nhã ba-la-mật.

M

Phẩm 28: BỒ-TÁT TÁT-ĐÀ-BA-LUÂN

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Người muốn chóng thành Phật cầu Bát-nhã ba-la-mật phải như Bồ-tát Tát-đà-ba-luân (Phổ Từ). Hiện nay ở phương trên, qua sáu trăm ba mươi ức cõi Phật, có Đức Phật hiệu Kiên-đà-la-ba (Hương Tích), nước tên Ni-già-kiền-đà-ba-vật (Chúng Hương), Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đang ở trên đó.

Tu-bồ-đề bạch Phật:

–Nhân duyên Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cầu Bát-nhã ba-la-mật là như thế nào?

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Đời quá khứ cách nay rất xa, có vị Bồ-tát tên Tát-đà-ba-luân, nhờ công đức đã tạo tác từ đời trước mà bản nguyện được thành tựu. Do đời đời tạo tác các công đức và đời trước đã cúng dường hàng ngàn vạn ức Phật, cho nên lúc Bồ-tát ngủ, có vị Trời đến trong giấc mộng nói: “Ông nên đi tìm cầu đại pháp.” Lúc thức dậy, Bồ-tát đi tìm cầu nhưng không được, nên lòng buồn bực không vui. Bồ-tát muốn được gặp Phật, muốn được nghe pháp nhưng tìm mãi vẫn không được, cũng không có pháp tắc của Bồ-tát thực hành. Vì thế, rất âu sầu. Bồ-tát vừa đi vừa khóc ví như người đắc tội với triều đình, tài sản bị sung công, cha mẹ và bản thân bị giam cầm trong ngục thất. Người ấy buồn rầu khóc lóc không thể nói, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cũng buồn rầu khóc lóc như vậy.

Bấy giờ Thiên nhân ở cõi trời Đao-lợi giáng xuống hư không thấy Bồ-tát ngày nào cũng khóc lóc. Thiên nhân thấy Bồ-tát hết lòng than khóc, liền tìm hiểu Bồ-tát qua cha mẹ, anh em, thân thuộc, bạn bè mới biết Bồ-tát tên là Tát-đà-ba-luân. Lúc đó, ở thế gian có Đức Phật tôn hiệu là Đàm-vô-kiệt A-chúc-kiệt-la từ khi Phật Bát-nê-hoàn đến nay rất lâu, chẳng còn nghe kinh, chẳng thấy Tỳ-kheo Tăng. Bấy giờ trong mộng, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nghe Thiên nhân của cõi trời Đao-lợi nói: “Đời trước có Đức Phật danh hiệu là Đàm-vô-kiệt A-chúc-kiệt-la.” Bồ-tát trong mộng nghe danh hiệu Phật liền tỉnh dậy. Dậy rồi vui mừng hơn hở, liền từ bỏ gia đình đi vào trong núi sâu vắng vẻ, quên mình không chút tham tiếc, lớn tiếng gào khóc và tự nghĩ: “Do ta đã tạo nghiệp ác cho nên hôm nay chẳng thấy Phật, chẳng nghe kinh, chẳng được pháp của Bồ-tát thực hành.” Lúc đó Bồ-tát Tát-đà-ba-luân khóc thì trong hư không có tiếng nói:

–Này thiện nam, thôi đi! Chớ gào khóc nữa! Có đại pháp tên là Bát-nhã ba-la-mật, nếu người nào thực hành hay có người nào giữ gìn thì người đó mau chóng thành Phật. Ông nên cầu đại pháp này. Ông nghe pháp này rồi hoặc thực hành hoặc giữ gìn thì ông sẽ được hết các công đức của Phật, ông sẽ được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Phật. Ông sẽ đem kinh pháp này dạy mọi người trong thiên hạ ở khắp mười phương.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân hỏi:

–Làm thế nào để được Bát-nhã ba-la-mật? Phải đi về hướng nào để cầu? Phải dùng phương tiện gì để được?

Tiếng trong hư không đáp:

–Từ đây đi về hướng Đông không được ngơi nghỉ. Lúc ông đi, chớ nghĩ trái, chớ nghĩ phải, chớ nghĩ trước, chớ nghĩ sau, chớ nghĩ trên, chớ nghĩ dưới, chớ nghĩ đi. Lúc đi chớ nghĩ đến sợ, chớ nghĩ đến mừng, chớ nghĩ đến ăn, chớ nghĩ đến uống, chớ nghĩ đến ngồi, chớ nghĩ đến đang đi trên đường, chớ nghĩ đến dừng lại giữa đường, chớ nghĩ đến đêm, chớ nghĩ đến nộ, chớ nghĩ đến si, chớ nghĩ đến thủ, chớ nghĩ có sở đắc, chớ nghĩ trong, chớ nghĩ ngoài, chớ nghĩ đến sắc, chớ nghĩ đến thống dương, tư tưởng, sinh tử, thức; chớ nghĩ đến mắt, chớ nghĩ đến tai, chớ nghĩ đến mũi, chớ nghĩ đến miệng, chớ nghĩ đến thân, chớ nghĩ đến tâm ý, chớ nghĩ đến đất, nước, lửa, gió; chớ nghĩ đến không, chớ nghĩ đến nhân, chớ nghĩ đến ngã, chớ nghĩ đến mạng, chớ nghĩ đến có pháp không, chớ nghĩ đến không có pháp không, chớ nghĩ đến hành đạo Bồ-tát, chớ nghĩ đến có Kinh, chớ nghĩ đến không có Kinh, chớ nghĩ sinh lên trời, chớ nghĩ sinh ở thế gian, chớ nghĩ Bồ-tát thiện, chớ nghĩ Bồ-tát ác. Đoạn trừ hết tất cả niệm đang hướng đến, không còn dính mắc.

Từ đây đi về hướng Đông đoạn hết các niệm. Người thực hành như thế không thiếu sót thì chẳng bao lâu sẽ đắc Bát-nhã ba-la-mật. Chư Phật quá khứ lúc hành đạo Bồ-tát, các Ngài cầu Bát-nhã ba-la-mật cũng giống như vậy mà đắc Bát-nhã ba-la-mật. Người hành theo giáo pháp này thì chóng được thành Phật. Người tu hành tinh tấn như thế sẽ mau được thành Phật.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nghe lời dạy trong hư không thì rất vui mừng, nên nghe theo lời dạy của Thiên nhân.

Tiếng trong hư không lại bảo: “Chớ quên lời dạy này”. Nói xong, không còn nghe tiếng nữa. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nghe lời chỉ dạy ấy càng phấn khởi vui mừng. Ông tuân theo lời dạy đi về hướng Đông, tâm không dính mắc. Đang đi dọc đường, Bồ-tát thâm nghĩ: “Còn cách đây bao xa nữa mới gặp được Bát-nhã ba-la-mật.” Nghĩ xong rồi đứng lại gào khóc to hơn nữa. Lúc Bồ-tát Tát-đà-ba-luân

gào khóc, trên hư không có vị Hóa Phật đứng nói rằng: “Hay thay, hay thay! Người cầu đạo như thế thật hiếm có, người tinh tấn như ông thì chẳng bao lâu sẽ được Bát-nhã ba-la-mật.”

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân chấp tay ngược nhìn Hóa Phật thấy Phật thân màu vàng ròng, thân phóng mười ức hào quang, thân có ba mươi hai tướng. Thấy rồi mừng rỡ chấp tay bạch Hóa Phật:

–Xin Phật vì con mà thuyết kinh pháp, con theo Phật nghe kinh. Nghe kinh rồi, con đều muốn được hết kinh pháp của chư Phật.

Hóa Phật nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Đã thọ nhận giáo pháp của ta thì phải thọ trì. Các kinh vốn không nên không sợ hãi, vốn tịnh nên không trụ đầu mối. Các kinh pháp, tất cả không ngăn ngại, đầu mối không trụ sở nhân. Các kinh pháp vốn không nên không nói đến trụ đầu mối sở nhân. Các kinh pháp là giáo pháp không được nói, như hư không vô hình, vốn không có đầu mối. Như Nê-hoàn không có khác, các kinh pháp cũng như Nê-hoàn, không có khác, không từ đâu sinh, không trụ hình tướng. Các kinh pháp không từ đâu sinh ra, kể như vô hình, như huyễn vô hình. Như thấy bóng trong nước, các kinh pháp như bóng hiện trong nước không khác. Như thấy việc trong mộng, các kinh pháp như thấy việc trong mộng không khác. Tiếng Phật thuyết pháp đều thấy như vậy. Ông phải nên vâng theo lời dạy của kinh pháp này.

Này thiện nam! Ông phải giữ gìn ý niệm như thế, từ đây đi qua hướng Đông cầu Bát-nhã ba-la-mật, cách đây khoảng hai vạn dặm, có nước tên Kiên-đà-việt, nhà vua cai trị nước ấy giàu có hưng thịnh an vui, nhân dân đông đúc. Kinh thành ngang dọc bốn trăm tám mươi dặm, đều dùng bảy báu xây thành. Thành ấy có bảy lớp, khoảng giữa đều có cây lạ bảy báu. Trên thành đều có bảy báu. Lụa là bóng mượt màu hồng che phủ trên thành, nơi ấy có xen bảy báu, nơi ấy có treo chuông rung. Bên ngoài bốn cửa thành đều có nhà hát. Quanh thành có bảy lớp ao nước. Trong nước có đủ thứ hoa như hoa sen Ưu-bát, hoa Câu-văn-la, hoa Bất-na-lợi, hoa Tu-kiền-đề, hoa Mạt-nguyên-kiền-đề... Chúng đều mọc ở trong ao nước. Trên đất liền thì có hoa Chiêm-bặc... những loài hoa như vậy, số đến hàng ngàn, hàng trăm chủng loại. Trong ao ấy có nhiều giống chim lạ như le le, nhạn,

uyên ương..., các loài chim lạ khác, số nhiều đến hàng ngàn, hàng trăm loại. Trong ao có thuyền bằng bảy thứ báu, người trong thành ấy ngồi thuyền vui chơi trong ao. Trong thành, cờ phướn năm màu sắc đều sắp thành hàng lối, lại còn treo cờ phướn năm màu sắc, lại có lọng hoa đủ màu bày la liệt. Đường cái, đường hẻm trong thành đều dẫn đến khắp nơi. Ví như cung điện của Đế Thích ở trên cõi trời Đao-lợi, treo cờ phướn, trổ âm nhạc đến hàng ngàn hàng trăm loại suốt ngày chẳng dứt. Ví như nhà hát Nan-đà-hoàn trên cõi trời Đao-lợi, trong đó có tiếng âm nhạc, vui sướng chẳng dứt, sự vui sướng trong thành ấy cũng giống như vậy. Trong thành không có loại người nào khác mà đều là Bồ-tát. Trong đó có người thành tựu, trong đó có người mới phát tâm, họ đều ở chung trong thành đó, vui sướng không thể nói. Phục sức của người trong thành đó màu sắc quý lạ không thể kể được.

Trong nước đó có vị Bồ-tát tên Đàm-vô-kiệt, ông có quả vị cao nhất trong chúng Bồ-tát. Ông có sáu trăm tám mươi vạn phu nhân, thế nữ cùng nhau vui sướng. Các Bồ-tát trong nước Kiên-đà-việt thường cùng nhau cung kính Đàm-vô-kiệt. Ở trung ương nước đó có bày tòa cao, rồi theo thứ tự trở xuống mà đặt tòa ngồi. Trong đó có tòa ngồi bằng vàng ròng, tòa ngồi bằng bạc trắng, tòa ngồi bằng lưu ly, tòa ngồi bằng thủy tinh. Trên các tòa ngồi đều có hoa văn đủ màu viền quanh. Nơi tòa ngồi đều rải đủ loại hương hoa. Trên tòa ngồi đều bày tán lọng kết bằng các thứ châu báu. Trong ngoài giáp vòng đều đốt hương thơm danh tiếng. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt thường ngồi trên tòa cao vì các Bồ-tát thuyết giảng Bát-nhã ba-la-mật. Trong đó có người nghe, có người chép, có người học, có người phúng tụng, có người thọ trì.

Ông từ đây đi đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt tại nước Kiên-đà-việt, tự vị ấy sẽ vì ông mà thuyết giảng Bát-nhã ba-la-mật, sẽ vì ông làm thầy dạy ông. Vì sao? Vì hàng ngàn ức đời trước vị ấy thường làm thầy ông. Đó là vị thầy từ lúc ông mới phát tâm. Lúc ông đi đến chỗ của thầy hoặc thấy hoặc nghe, ông không được nói lỗi của thầy, cũng chớ nghĩ đến lỗi của thầy. Nếu như ông thấy thì hãy thận trọng chớ nghi, chớ chán. Vì sao? Vì ông chưa hiểu phương tiện thiện xảo,

ông cần phải tỉnh giác biết về việc của ma.

Này thiện nam! Hãy thận trọng chớ tin theo lời dạy của ma và chớ dùng. Thầy ở tại thâm cung tôn quý. Kính thầy như kính Phật không có khác. Ông phải dụng tâm theo kinh pháp, chớ nghĩ đến tiền của lợi lộc, lòng nghĩ ý tham, mọi sở hữu phải đem dâng cho thầy, phải ưa thích cung kính đối với thầy. Ông làm hạnh ấy chẳng thiếu sót thì chẳng bao lâu sẽ được nghe Bát-nhã ba-la-mật.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nghe lời dạy đó từ vị Hóa Phật thì vui mừng hớn hở. Do vui mừng hớn hở nên liền được thấy mười phương chư Phật đang trụ Tam-muội. Lúc ấy mười phương chư Phật đều ngợi khen: “Hay thay, hay thay! Thiện nam tử! Lúc ta còn là Bồ-tát nhờ tinh tấn nên được nghe Bát-nhã ba-la-mật mà thành tựu được trí Nhất thiết trí, cũng lại sẽ được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười Lực, bốn Vô sở úy, bốn việc chẳng hộ trì, mười tám pháp Bất cộng. Lúc ta được các Tam-muội ấy, chư Phật cũng ngợi khen ta như vậy. Ông tu hành cũng phải như ta. Ông tu hành như vậy thì sẽ được đầy đủ hết các công đức của Bồ-tát.”

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân từ Tam-muội xuất, nghĩ rằng: “Chư Phật từ đâu đến, rồi đi về đâu?” Ông suy nghĩ như vậy rồi, lại cất tiếng khóc lớn. Ông lại nghĩ: “Chư Phật dạy ta đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt”. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân liền từ đây ra đi, giữa đường gặp một nước. Nước đó tên là Ma sở nhạo. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nghỉ qua đêm trong một khu vườn ở ngoại thành. Ông tự nghĩ: “Kinh pháp của Phật khó đạt được, huống chi là nghe! Ta phải tận lực cúng dường Thầy.” Hôm nay ta có một thân một mình lại thêm nghèo nàn, cũng không có vật tốt trân kỳ và hoa hương để đem cúng dường Thầy. Như ta không có của cải thì xin tự bán thân để đem cúng dường Thầy. Nghĩ rồi, ông liền vào thành, đến ngã tư đường la lên rằng:

–Có ai muốn mua tôi không?

Bấy giờ ma đang ở ngoài thành vui chơi cùng với năm vạn thể nữ từ xa thấy Bồ-tát đang tự rao bán mình ở ngã tư đường, mà liền tự nghĩ: “Đây là Bồ-tát Tát-đà-ba-luân tự bán thân, muốn cúng dường

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để cầu thành Phật. Người này sẽ ra khỏi cảnh giới của ta, giải thoát cho nhiều người. Hôm nay ta phải phá ông ấy.” Lúc đó Bồ-tát Tát-đà-ba-luân không bán được thân liền tự nằm lăn lộn dưới đất khóc lóc, kêu lớn:

–Tôi muốn tự bán thân để cúng dường Thầy mà hoàn toàn không có người mua.

Thích Đề-hoàn Nhân từ trên trời, từ xa trông thấy Bồ-tát Tát-đà-ba-luân tinh tấn như vậy, thầm nghĩ: “Ta phải xuống thử ông ấy để biết ông ấy có chí thành cầu Phật đạo không, hay chỉ dua nịnh?” Thích Đề-hoàn Nhân đi xuống hóa làm một vị Bà-la-môn hỏi Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Này thiện nam! Vì sao ông phải chịu khổ sở đến thế? Vì sao ông lăn lộn khóc lóc?

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đáp:

–Chẳng cần hỏi!

Đạo nhân Bà-la-môn hỏi như thế đến lần thứ ba, ông muốn Bồ-tát nói ra chí nguyện của mình, nên nói:

–Tôi muốn trợ giúp ông.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nói:

–Đạo nhân muốn biết ư! Tôi tự bán thân vì muốn cúng dường Thầy.

Bà-la-môn nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Ông muốn cúng dường Thầy. Này thiện nam! Hôm nay tôi muốn cúng tế lớn, muốn có được thịt người, muốn có được tủy người, muốn có được tim người. Nếu như ông có thể cho tôi thì tôi trả cho ông nhiều tiền.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân rất vui mừng đáp:

–Tôi sẽ cho ông.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân liền lấy dao tự đâm vào hai cánh tay, máu chảy ra nhiều đem cho vị Bà-la-môn. Lại cắt thịt hai đùi về đem cho, lại tự đập bể xương đem cho. Ông vừa định tự mổ ngực thì ở trên lầu đài có người con gái của ông Trưởng giả từ xa trông thấy ông, thương xót vô cùng. Tức thời con gái của ông Trưởng giả cùng

các kỹ nhân, thể nữ những năm trăm người theo nhau đi đến chỗ Bồ-tát Tát-đà-ba-luân, hỏi:

–Này thiện nam! Tuổi ông còn trẻ, đẹp trai như thế, tại sao ông lại tự chặt cắt thân thể của mình?

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đáp lại:

–Tôi muốn cúng dường Thầy. Vì thế nên tôi muốn đem bán máu, thịt, tủy để cúng dường Thầy.

Người con gái của ông trưởng giả hỏi Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Nếu như cúng dường cho thầy thì ông có thể được những phước gì? Thầy ông là ai? Tên gì? Ở đâu?

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đáp:

–Thầy tôi ở phương Đông, Thầy tên là Đàm-vô-kiệt sẽ vì tôi mà thuyết Bát-nhã ba-la-mật. Tôi nghe rồi sẽ hành trì kinh đó thì sẽ mau được thành Phật. Thân tôi được ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười Lực, bốn sự bất hộ, bốn Vô sở úy, mười tám pháp Bất cộng, sẽ được chuyển pháp luân, sẽ độ thoát người trong thiên hạ ở khắp mười phương.

Người con gái của ông trưởng giả nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Như lời thiện nam tử nói thì trong hàng trời người không ai sánh bằng. Ông chớ tự làm khổ đến thế. Tôi sẽ tự cho ông vàng bạc, trân bảo, vật quý. Tôi tự cùng năm trăm thể nữ đi theo ông. Tôi cũng muốn tự cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và muốn nghe kinh nữa.

Lúc ấy vị Bà-la-môn nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Hay thay, hay thay! Này thiện nam! Tinh tấn như thế thật khó bì kịp! Ông muốn biết tôi chẳng? Này thiện nam! Tôi là Thiên vương Thích Đề-hoàn Nhân cố đến thử ông mà thôi! Ông muốn tìm cầu thế nào cứ xin, tôi sẽ cho ông.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nói với Thiên vương Đế-thích:

–Thiên vương muốn thương tôi thì hãy làm cho thân thể tôi bình phục như cũ.

Thân thể của Bồ-tát liền bình phục như cũ. Thích Đề-hoàn

Nhân liền tự biến mất. Lúc đó con gái của ông Trưởng giả nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Hãy cùng tôi đi về nhà cha mẹ tôi xin vàng bạc, trân bảo, vật quý, đồng thời thưa với cha mẹ để ra đi.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân liền theo đến nhà cha mẹ cô. Người con gái về đến nơi, đem sự việc đó thuật lại đầy đủ với cha mẹ. Cha mẹ cô liền nói:

–Những điều con nói ta rất thích, hiếm khi mà được nghe! Ta cũng muốn đi cùng với con, nhưng tự nghĩ, tuổi già chẳng thể tự đi được! Ý muốn của con như thế nào hãy tự nói ra đi!

Người con gái nói:

–Con muốn được vàng bạc, trân bảo, vật quý.

Cha mẹ cô nói:

–Con cứ tự ý lấy đi!

Người con gái liền tự lấy vàng bạc, đủ thứ châu báu trân kỳ, đồ vật tốt đẹp đựng đầy bột thơm Chiên-đàn danh tiếng và các loại bột thơm, nước thơm khác. Tất cả được chở trên năm trăm xe tải. Năm trăm người gái hầu tự mình ghé theo xe.

Lúc đó năm trăm thị nữ đều đi báo cho cha mẹ của người con gái ông Trưởng giả là muốn hầu hạ người con gái quý theo Bồ-tát ra đi. Báo xong, họ liền theo nhau cùng ra đi. Khi ấy Bồ-tát Tát-đà-ba-luân cùng năm trăm người con gái theo đường cái tuần tự tiến bước. Xa xa thấy nước Kiền-đà-việt có cờ phướn, ví như cờ phướn treo trên cõi trời Dao-lợi. Xa xa nghe tiếng âm nhạc của nước Kiền-đà-việt. Lại xa xa thấy trên thành của nước Kiền-đà-việt có bảy lớp lụa là thất bảo, bên dưới thành có bảy lớp thất bảo xen nhau, mỗi lớp đều có treo chuông rung. Giáp vòng bên ngoài thành có bảy lớp cây thất bảo. Bên ngoài thành đều có nhà hát mà con trai, con gái đang dạo chơi vui sướng ở trong đó. Có người đi xe tự vui chơi. Có người đi bộ tự vui chơi. Gió thơm tứ tán phân bố cùng khắp không đâu mà chẳng nghe thơm, ví như hương trời. Vì thế nên gọi là nước Kiền-đà-việt. Lúc đó Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái đều từ xa thấy như vậy. Họ thấy rồi đều rất vui mừng phấn khởi, tự nghĩ: “Về đạo nghĩa, chúng ta chẳng thể ngồi ở

trên xe, phải xuống đi bộ vào nước đó!”

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái đồng đi vào thành từ cửa Tây. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân qua khỏi cửa thành thì xa xa thấy ngôi đài cao, hoa văn chạm trổ bằng vàng bạc, mài giữa ngũ sắc huyền hoàng ánh sáng rực rỡ. Bốn mặt bốn góc của đài, các nóc nhọn đều hướng lên trời, treo chuông rung, cờ, lọng, âm nhạc hòa nhau. Xa xa thấy rồi, họ hỏi người trong thành đi ra rằng:

–Đó là đài gì mà thất bảo xen nhau trang sức đẹp đẽ đến thế?

Người ấy đáp:

–Hiền giả chẳng biết sao? Trong thành này có Bồ-tát tên là Đàm-vô-kiệt, là đấng tối cao trong mọi người, không ai mà chẳng cúng dường, lễ bái. Bồ-tát ấy vì Bát-nhã ba-la-mật mà dựng cái đài này. Trong đài ấy có cái hộp bảy báu. Dùng vàng ròng tử ma làm chất liệu để chếp Bát-nhã ba-la-mật-đặt vào trong hộp đó. Trong hộp có hàng trăm thứ danh hương. Bồ-tát Đàm-vô-kiệt mỗi ngày cúng dường. Ông đem đủ loại hoa, danh hương, thắp đèn, treo cờ phướn, lọng hoa, đủ các loại báu, hàng trăm thứ âm nhạc để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật cũng giống như vậy. Chư Thiên trên cung trời Đao-lợi ngày đêm sáu lần đem hoa Văn-đà-la, hoa Ma-ha Văn-đà-la để cúng dường Bát-nhã ba-la-mật như thế.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái cúng dường Bát-nhã ba-la-mật xong liền đi đến chỗ đại hội có tòa cao của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Họ cùng nhau đi chẳng bao xa thì đã thấy xa xa Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ngồi trên tòa cao là một người trẻ tuổi dung mạo đẹp đẽ, hào quang chiếu sáng, đang thuyết Bát-nhã ba-la-mật cho hàng ngàn hàng ức người nghe. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt rồi, họ đều rất vui mừng hơn hờ đem đủ thứ hoa hương tung lên trên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, lại đem biết bao thứ báu tung lên trên Bồ-tát, lại đem hàng trăm thứ áo trân bảo đủ màu dâng lên Bồ-tát. Họ đánh lễ và nhiễu quanh Bồ-tát tám trăm vòng rồi, thưa:

–Chúng con cũng sẽ đạt được tôn kính! Cũng sẽ lại như vậy!

Bấy giờ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đem lời hay trong kinh thâm diệu nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái:

–Chúc mừng các người đã đến! Các người không mệt mỗi chứ! Các người hãy nói lên những điều các người muốn được đi! Chớ tự nghi nan! Ta chính là thầy độ các người, thật không có điều đáng tiếc.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân bạch Bồ-tát Đàm-vô-kiệt:

–Trước kia, lúc con đang tìm cầu Bát-nhã ba-la-mật, ở trong núi vắng kêu gào khóc lóc thì ở trong hư không có vị Hóa Phật xuất hiện. Thân Ngài có ba mươi hai tướng, thân màu vàng tử ma phóng ra ngàn ức tia sáng. Bấy giờ Hóa Phật ngợi khen con: “Hay thay, hay thay! Người tìm cầu Bát-nhã ba-la-mật phải như thế đó!” Rồi, nói với con: “Cách đây hơn hai vạn dặm về hướng Đông có nước tên Kiền-đà-việt, ngang dọc bốn trăm tám mươi dặm, trân bảo xen nhau trang hoàng ví như cung điện trên cõi trời Đao-lợi, có Bồ-tát tên Đàm-vô-kiệt là bậc tối tôn trong mọi người ở đây thường cặn kẽ dạy người. Ông hãy đi đến đó thì sẽ được nghe Bát-nhã ba-la-mật. vị Bồ-tát ấy từ hàng ngàn vạn ức đời trước thường làm Thầy của ông, là vị Thầy lúc ông mới phát tâm.” Lúc ấy nghe đến tên của Thầy, con rất vui mừng hơn hở không thể tự kiềm chế được. Vì vui mừng hơn hở nên liền thấy mười phương chư Phật đang trụ Tam-muội. Khi ấy chư Phật đều ngợi khen con: “Hay thay, hay thay! Người tìm cầu Bát-nhã ba-la-mật phải như vậy đó! Trước kia chúng tôi cầu Phật đạo, cầu Bát-nhã ba-la-mật cũng giống như vậy. Người được Bát-nhã ba-la-mật thì sẽ tự tiến đến thành Phật.” Các Đức Phật ấy thuyết kinh cho con nghe xong, thì không còn thấy nữa. Con tự nghĩ: “Phật từ đâu lại và đi về đâu?” Con đem việc này bạch với Thầy, xin Thầy giảng giải về việc Đức Phật từ đâu lại và đi về đâu?

Bấy giờ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đáp:

–Này Hiền giả, hãy lắng nghe!

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân thưa:

–Vâng, con sẵn sàng lắng nghe.

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói:

–Không vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, Phật cũng giống như vậy.

Vô tướng vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, Phật cũng giống như vậy.

Vô xứ sở vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, Phật cũng giống như vậy.

Vô sở tùng sinh vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, Phật cũng giống như vậy.

Vô hình vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, Phật cũng giống như vậy.

Huyễn vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, Phật cũng giống như vậy.

Sóng nắng vốn không từ đâu tới cũng không đi về đâu, Phật cũng giống như vậy.

Người trong chiêm bao vốn không từ đâu tới cũng không đi về đâu, Phật cũng giống như vậy.

Nê-hoàn vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, Phật cũng giống như vậy.

Tưởng tượng vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, Phật cũng giống như vậy.

Không có sinh, không có tướng vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, muốn biết Phật cũng giống như vậy.

Vô sở thích vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, muốn biết Phật cũng giống như vậy.

Hư không vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, muốn biết Phật cũng giống như vậy.

Kinh quả vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, muốn biết Phật cũng giống như vậy.

Đầu mối gốc vốn không từ đâu lại cũng không đi về đâu, muốn biết Phật cũng giống như vậy.

Lúc đó Bồ-tát Tát-đà-ba-luân được nghe giáo pháp thâm diệu của Phật, so sánh như vậy thì chẳng thể kể, chẳng thể nghĩ, chẳng thể lường. Đại pháp này là như vậy đó!

Ngay khi đó, tại chỗ ngồi, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đắc sáu vạn Tam-muội. Đó là những môn Tam-muội nào? Tam-muội Vô xứ sở,

Tam-muội Vô khủng cụ y mao bất khởi, Tam-muội Thoát các ma trung bất khủng cụ, Tam-muội Thoát ư ái dục chi bản, Tam-muội Thoát xuất cách chiến ly hoạn, Tam-muội Bất khả kế hưởng nhập, Tam-muội Thí như đại hải bất khả lượng đa tuệ sở nhập, Tam-muội Tại Tu-di sơn công đức trang sức, Tam-muội Ngũ ấm lục suy vô hình quán, Tam-muội Nhập chư Phật giới, Tam-muội Tất kiến chư Phật, Tam-muội Bồ-tát thủ đạo, Tam-muội Các kinh pháp bốn vô hình hiện thuyết, Tam-muội Trân bảo trang sức, Tam-muội Tất học trân bảo sở nhập, Tam-muội Tất niệm chư Phật, Tam-muội Bồ-tát thượng cao, Tam-muội Chân-a-đuy-việt-trí cập pháp luân vị chuyển, Tam-muội Trang nghiêm Phật công đức, Tam-muội Vô hà uest tất cập tịnh, Tam-muội Sở văn chúng sự như đại hải, Tam-muội Vô sở hữu quá, Tam-muội Nhạo kinh âm thanh biến chí, Tam-muội Kinh pháp chương hiển kỳ phan, Tam-muội Đát-tát-a-kiệt (Như Lai) thân vô hình, Tam-muội chư kinh pháp vô hình biến thị, Tam-muội Bồ-tát ấn phong, Tam-muội Chiếu minh Phật cảnh giới sở nguyện cụ túc, Tam-muội Giải thập phương nhân nạn, Tam-muội Lâm thành Phật trang nghiêm, Tam-muội Chủng chủng tạp hoa dị sắc, Tam-muội Đa trân bảo, Tam-muội Pháp luân thường chuyển, Tam-muội Chư âm thanh viển văn nhập yếu, Tam-muội Nhập thập phương nhân bản vô, Tam-muội Chư tam giới tất biến chí, Tam-muội Thành chư công đức, Tam-muội Vô hữu năng quá lục Ba-la-mật, Tam-muội Đát-tát tọa thọ hạ thời hoại dư ngoại đạo la võng, Tam-muội Đát-tát-a-kiệt hiện phi, Tam-muội Bất khả phục kế công đức đặc trang nghiêm, Tam-muội Chư trân bảo trí tuệ công đức, Tam-muội Tất-vân-nhã địa, Tam-muội Tất tịnh nhân, Tam-muội Tất biến chiếu, Tam-muội Tất nhập thập phương nhân sinh tử chi căn trí tuệ xuất trung, Tam-muội Quá khứ vị lai hiện tại tất đẳng. Những so sánh như thế, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đắc sáu vạn môn Tam-muội như vậy. Lúc đó, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đứng dậy đi vào cung.



KINH ĐẠO HÀNH BÁT-NHÃ BA-LA-MẬT

QUYỂN 10

Phẩm 29: BỒ-TÁT ĐÀM-VÔ-KIỆT

Bấy giờ Bồ-tát Tát-đà-ba-luân từ Tam-muội xuất cùng với năm trăm người con gái đến ngoài cửa cung của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đứng ngoài cửa thăm nghĩ: “Hôm nay ta vì kinh pháp mà đến đây, thầy đã vào trong cung theo đạo nghĩa thì ta chẳng nên nằm, chẳng nên ngồi, chờ thầy ta ra, bước lên tòa cao thuyết Bát-nhã ba-la-mật, lúc đó ta mới nên ngồi.” Năm trăm người con gái cũng đều bắt chước Bồ-tát Tát-đà-ba-luân mà đứng.

Lúc đó Bồ-tát Đàm-vô-kiệt vừa dạy các cô gái trong điện, nói kinh pháp xong, Bồ-tát tắm rửa rồi bèn mặc áo mới bước lên tòa Bát-nhã ba-la-mật ngồi tư duy nhập vào hết các thứ Tam-muội, như vậy suốt bảy năm không động không lay. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái cũng lại thường kinh hành bảy năm chẳng ngồi chẳng nằm. Sau bảy năm đó, Thiên nhân ở trong hư không nói với họ: “Bảy ngày sau, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sẽ từ Tam-muội xuất.”

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nghe tiếng nói của Thiên nhân, tự nghĩ: “Hôm nay chúng ta nên vì Thầy mà bày tòa ngồi, rưới nước, quét dọn.” Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái đồng đi đến chỗ nói kinh. Đến rồi, họ đặc biệt vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt mà bày tòa cao. Lúc đó năm trăm người con gái, mỗi người đều tự lấy áo mặc của mình trải lên trên tòa ngồi. Ngay khi ấy ma tặc tự nghĩ: “Chưa từng có điều đó, chưa từng thấy việc đó! Bồ-tát Tát-đà-ba-luân này vì Bồ-tát Đàm-vô-kiệt mà bày tòa ngồi cao, đặc biệt cung kính là để tìm cầu Phật đạo. Ông ấy tinh tấn dũng mãnh không ngừng nghỉ, không biếng nhác. Đắc được đạo thì ông ấy sẽ

ra khỏi cõi của ta và độ thoát nhiều người không kể xiết. Hôm nay ta phải phá hoại ông ấy giữa chừng.”

Lúc ấy ma tặc ác phá hoại hết các tòa ngòai của các Bồ-tát, đều làm cho chúng cong queo. Ma tặc làm mưa cát, sỏi đá, gai góc, xương khô. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái thấy tòa ngòai cong queo, lấm lem bùn đất, họ tự nghĩ: “Hôm nay Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sẽ ngòai thuyết pháp và các đệ tử đều đến nghe. Chúng ta phải quét dọn chĩnh đốn chỗ ngòai lại.” Họ liền cùng nhau quét dọn chĩnh đốn các tòa ngòai, rồi họ tự nghĩ: “Hôm nay mặt đất đầy bụi bặm, sợ bụi làm bẩn Thầy và các Bồ-tát, chúng ta phải cùng rửa nước.” Họ đi khắp nơi tìm nước nhưng không thể tìm được. Vì sao? Vì do ma làm ra tình cảnh đó. Họ lại thầm nghĩ: “Hôm nay chúng ta tìm nước mà không thể tìm được, chúng ta phải tự lấy máu của mình rửa lên đất mà thôi.” Bấy giờ Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái đều tự lấy dao cắt khắp thân mình ra máu đem rửa lên đất. Do họ từ hiếu đối với kinh pháp nên Thích Đề-hoàn Nhân tự nghĩ: “Ở thế gian có người như vậy sao? Vì họ tinh tấn cung kính từ hiếu đối với Thầy dạy kinh!”

Khi ấy Thích Đề-hoàn Nhân đến chỗ Bồ-tát Tát-đà-ba-luân ngòai khen rằng:

–Hay thay, hay thay! Hiền giả tinh tấn thật khó ai bì kịp. Do tinh tấn từ hiếu đối với Thầy nên chẳng bao lâu nữa sẽ được nghe Bát-nhã ba-la-mật. Hiền giả có điều gì sai bảo xin cứ nói với chúng tôi, những người như ông, chúng tôi đều sẽ giúp đỡ, những điều muốn được thì chúng tôi sẽ cho.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nói:

–Những điều tôi muốn được thì Thích Đề-hoàn Nhân phải tự biết thôi.

Thích Đề-hoàn Nhân liền biến đất thành lưu ly, trên đó có cát bằng vàng. Thích Đề-hoàn Nhân khiến cho thân thể của Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái trở lại bình thường khỏe mạnh như cũ. Bốn phía chỗ ngòai hóa làm ao nước lưu ly. Giáp vòng bờ ao đều có lan can và thêm ao bảy báu. Hai bên thêm đều có cây trân bảo. Ngần ấy trăm thứ bày la liệt đẹp đẽ.

Lúc Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái rưới nước thì trời mưa xuống hoa Văn-đà-la, hoa Mạn-thù-nhan, hoa Ma-ha Mạn-thù-nhan. Trời mưa đủ các thứ hoa nhiều đến bốn ngàn thạch (đơn vị đo lường). Thích ĐỀ-hoàn Nhân lấy hoa ấy đem cho Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và bảo:

–Ông hãy đem những bông hoa đó cúng dường Bát-nhã ba-la-mật và tung lên trên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và các Bồ-tát và đem năm trăm chiếc áo trời dâng lên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt ngồi trên tòa.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân liền nhận hết các thứ đó rồi chú nguyện cho họ.

Lúc đó Bồ-tát Đàm-vô-kiệt sau bảy năm từ Tam-muội xuất, đến trên tòa cao, cùng ngồi chung với bốn vạn ức Bồ-tát. Số người ngồi đời trước họ rất đông. Khi ấy Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái đều tung hoa, đồng thời đem bột thơm Chiên-đàn, bột thơm mật và đủ thứ trân bảo mịn tung lên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và các Bồ-tát. Trước các vị trên, họ đem đầu mặt lạy sát chân, rồi đi nhiều quanh ba vòng, lùi về đứng yên. Họ chăm chú nhìn Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Lúc ấy, quanh đại hội của Bồ-tát Đàm-vô-kiệt vuông vức bốn mươi dặm đều đầy cả người trong đó. Khi ấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt xoay bốn hướng nhìn những người đến dự hội thì thấy Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái vì muốn được kinh pháp nên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đã vì Bồ-tát Tát-đà-ba-luân mà giảng nói Bát-nhã ba-la-mật.

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói:

–Thiện nam tử, ông hãy lắng nghe! Các kinh pháp đều bình đẳng, Bát-nhã ba-la-mật cũng đều bình đẳng như vậy.

Các kinh pháp trước sau không thể kể, Bát-nhã ba-la-mật trước sau cũng không thể kể như vậy.

Trí tuệ Như Lai không có gì ngăn ngại, Bát-nhã ba-la-mật cũng không có gì ngăn ngại như vậy.

Ví như người do ảo thuật biến ra thì vô hình, Bát-nhã ba-la-mật cũng vô hình như vậy.

Ví như gió không có gì ngăn ngại, Bát-nhã ba-la-mật cũng không có gì ngăn ngại như vậy.

Các pháp trước sau không thể kể xiết, Bát-nhã ba-la-mật cũng không thể kể xiết như vậy.

Tất cả ngã sở đều đoạn trừ hết nên vốn tịnh, Bát-nhã ba-la-mật cũng vốn tịnh như vậy.

Ví như trong chiêm bao cùng người con gái liếc mắt đưa tình vốn không, Bát-nhã ba-la-mật cũng vốn không như vậy.

Đối tượng được đặt tên vốn không, Bát-nhã ba-la-mật cũng vốn không như vậy.

Nê-hoàn của A-la-hán là không, là không sinh, Bát-nhã ba-la-mật cũng là không, cũng là không sinh như vậy.

Như Lai Bát-nê-hoàn vốn bình đẳng không có khác, Bát-nhã ba-la-mật cũng vốn bình đẳng, không có khác như vậy.

Ví như đốt lửa, lửa tức thời diệt vốn không từ đâu lại và đi cũng không có chỗ đến, Bát-nhã ba-la-mật cũng vốn không từ đâu lại và đi cũng không có chỗ đến như vậy.

Ví như trong chiêm bao thấy núi Tu-di vốn không, Bát-nhã ba-la-mật cũng vốn không như vậy.

Ví như Phật hiện không thật có, Bát-nhã ba-la-mật hiện cũng không thật có như vậy.

Đời trước, vui sướng với nhau ở trong ái dục kể ra không thật có, Bát-nhã ba-la-mật kể ra cũng không thật có như vậy.

Tên người và tiếng tăm không thật có, Như Lai cũng không thật có. Đối với việc thấy đời trước là sở tác của ý niệm rồi nhân đó mà thấy. Sở tác ý niệm của Bát-nhã ba-la-mật cũng vốn không thật có như vậy.

Ví như nhà ảo thuật hóa ra hình tượng vốn không thật có, Bát-nhã ba-la-mật cũng vốn không thật có như vậy.

Ví như hư không chính là không chỗ trụ, Bát-nhã ba-la-mật cũng chính là không chỗ trụ như vậy.

Ví như huyền sư học biến hóa thì không điều gì mà không thấu đáo, Bát-nhã ba-la-mật cũng không điều gì mà không thấu đáo như vậy.

Quá khứ, vị lai, hiện tại cũng chẳng thể hợp làm một, Bát-nhã

ba-la-mật không có quá khứ, vị lai, hiện tại, phải biết rằng danh vốn vô hình, tự vốn vô hình, Bát-nhã ba-la-mật cũng không có chỗ nào chẳng đến, cũng không có chỗ nào chẳng vào, cũng không chỗ đến, cũng không chỗ vào. Vì sao? Vì Bát-nhã ba-la-mật thì không, không thật có.

Ví như hư không không chỗ nào chẳng đến, không chỗ nào chẳng vào, mà cũng không có chỗ đến, cũng không có chỗ vào. Vì sao? Vì hư không vốn không có hình tướng, Bát-nhã ba-la-mật cũng vậy. Bát-nhã ba-la-mật là như thế.

Bát-nhã ba-la-mật cũng vào với đất, cũng vào với nước, cũng vào với lửa, cũng vào với gió, cũng vào với không, cũng vào với kia, cũng vào với đây, cũng vào với sắc, cũng vào với thống dương, cũng vào với tư tưởng, cũng vào với sinh tử, cũng vào với thức, cũng vào với người, cũng vào với thọ mạng, cũng vào với sinh, cũng vào với có đức, cũng vào với không đức, cũng vào với dục, cũng vào với chẳng dục, cũng vào với có, cũng vào với không, cũng vào với tướng, cũng vào với vô tướng, cũng vào ở trong nguyện, cũng vào ở trong vô nguyện, cũng vào ở trong sinh, cũng vào ở trong bất sinh, cũng vào với mặt trời, cũng vào với mặt trăng, cũng vào với tinh tú, cũng vào với A-tu-luân, cũng vào với Rồng, cũng vào với Quỷ thần, cũng vào với Kiện-đa-la, cũng vào với Ca-lưu-lặc, cũng vào với Chân-đà-la, cũng vào với Ma-hầu-lặc, cũng vào với La-sát, cũng vào với Cừu-viên (loài quỷ thần thân to lớn), cũng vào với Bệ-lê (ngạ quỷ), cũng vào với cầm thú, cũng vào với Nê-lê (địa ngục), cũng vào với loài bò bay, cũng vào với loài máy cưa, cũng vào với loài kỳ hành (bò bằng bụng), cũng vào với hơi thở, cũng vào với nghèo hèn, cũng vào với giàu sang, cũng vào với Hiền giả, cũng vào với Tiên nhân, cũng vào với Tu-đà-hoàn, cũng vào với Tư-đà-hàm, cũng vào với A-na-hàm, cũng vào với A-la-hán, cũng vào với Bích-chi-phật, cũng vào với Bồ-tát, cũng vào với Phật, cũng vào với Nê-hoàn, cũng vào với bốn Ý chỉ, cũng vào với bốn Ý đoạn, cũng vào với năm Căn, cũng vào với bảy Giác ý, cũng vào với tám Thánh đạo, cũng vào với hữu trí, cũng vào với vô trí, cũng vào với mười Lực, cũng vào với bốn Vô sở úy, cũng vào với kinh Phật, cũng vào

với kinh sách thế gian, cũng vào với đồng bóng, cũng vào với chẳng đồng bóng, cũng vào với tức mạng, cũng vào với sở hành, cũng vào với không sở hành, cũng vào ở trong sinh tử luân hồi, cũng vào với khổ sở, cũng vào với chẳng khổ sở, cũng vào với tự tại, cũng vào với chẳng tự tại, cũng vào với độ thoát, cũng vào với chẳng độ thoát, cũng vào ở trong tốt, cũng vào ở trong chẳng tốt, cũng vào ở trong thiện, cũng vào ở trong bất thiện, cũng vào ở trong thông tuệ, cũng vào ở trong chẳng thông tuệ, cũng vào ở trong sáng suốt, cũng vào ở trong chẳng sáng suốt, cũng vào với quá khứ, cũng vào với vị lai, cũng vào với hiện tại hôm nay, cũng vào với khả kiến, cũng vào với bất khả kiến, cũng vào với giáo, cũng vào với pháp, cũng vào với hữu, cũng vào với vô sở hữu, cũng vào với tất cả hữu hình, cũng vào với tất cả vô hình.

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–So sánh như thế, Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân về chỗ vào của Bát-nhã ba-la-mật. Nói như vậy bảy ngày đêm, nhưng người nghe kinh vẫn cảm thấy như chừng thời gian một bữa ăn. Vì sao? Vì ân huệ của thần lực Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nghe giảng nói Bát-nhã ba-la-mật thì rất vui mừng hơn hở và năm trăm người cùng đem áo trời và tám trăm thạch đủ các thứ châu báu dâng lên cúng dường Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Thích Đề-hoàn Nhân đem hoa Ma-ha Văn-đà-la tung lên trên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và các Bồ-tát để tăng thêm công đức. Bảy giờ tất cả cây cối trong một cõi nước của chư Phật như cây làm thuốc, cây ăn trái, các cây đủ thứ báu thấy đều nghiêng gập thân lại lễ bái Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Trời mưa hoa mật hương. Mùi hương hoa này nghe được trong cả một cõi nước của chư Phật. Tất cả mọi người nghe hương của hoa này, mỗi người đều từ xa thấy Bồ-tát Đàm-vô-kiệt đang ngồi trên tòa cao giảng nói kinh. Đồng thời họ còn thấy Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái. Lòng của mọi người đều vui vẻ dịu hiền, họ đều đánh lễ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt từ xa, khắp trong đất nước đó đều chấn động. Bảy giờ mấy ngàn ức vạn người đều được vô số kinh pháp, chẳng thể kể xiết Bồ-tát đều đắc quả vị không thoái chuyển.

Con gái của ông trưởng giả và năm trăm người con gái đều bạch với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Chúng tôi nguyện làm tội tử cho Bồ-tát. Nguyện đem thân mạng này tự hưởng về Bồ-tát. Nguyện làm kẻ sai khiến của Bồ-tát. Cùng nhau đem năm trăm cỗ xe chở trên bảo của mình dâng lên cho Bồ-tát. Vì sao? Vì hôm nay Bồ-tát vì chúng tôi nên rất khổ sở. Chúng tôi cúng dường Bồ-tát như Phật, không có khác. Chúng tôi nhờ ân lớn của Bồ-tát mới được nghe những lời hay của tôn kinh không có một chút hoài nghi dù là lớn bằng sợi lông, cộng tóc. Hôm nay chúng tôi đem thân này làm kẻ sai khiến của Bồ-tát như thế, trải qua số kiếp mấy ngàn ức vạn kiếp còn chưa đủ để báo đền ân Bồ-tát trong chốc lát được nghe tôn kinh.

Lúc ấy Bồ-tát Tát-đà-ba-luân nhận hết năm trăm người con gái và năm trăm cỗ xe chở trên bảo. Vì đạo đức nên thọ nhận xong, Bồ-tát Tát-đà-ba-luân muốn đem dâng lên cho Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Ông bạch với Bồ-tát Đàm-vô-kiệt:

–Xin nguyện đem thân này tự dâng lên và đem năm trăm người con gái cùng năm trăm cỗ xe chở trên bảo dâng lên cho Đại sư. Xin Bồ-tát thương xót chúng con mà thọ nhận, sẽ khiến cho chúng con được công đức.

Khi đó Bồ-tát Đàm-vô-kiệt muốn cho Bồ-tát Tát-đà-ba-luân thành tựu công đức nên nhận hết năm trăm người con gái và năm trăm cỗ xe chở trên bảo. Bồ-tát nhận xong, đem trao trở lại cho Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và nói:

–Ông hãy nhận lấy năm trăm người con gái làm kẻ sai khiến và năm trăm cỗ xe chở trên bảo.

Chư Thiên trên cõi trời Đao-lợi đều ngợi khen:

–Hay thay, hay thay! Những sở hữu của Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đều dâng hết cho Thầy. Ý đó khó được!

Bấy giờ hàng trăm ngàn vạn ức Thiên nhân cùng đến chỗ Bồ-tát Đàm-vô-kiệt để nghe kinh. Lúc đó Bồ-tát Tát-đà-ba-luân rất vui mừng hơn hở, liền ở ngay tại trên chỗ ngồi đắc sáu vạn môn Tam-muội.

Những Tam-muội đó là gì?

Tam-muội Nguyên lạc, Tam-muội Oai nghi, Tam-muội Khuyến đức, Tam-muội Nguyệt mãn, Tam-muội Nhật quang diễn, Tam-muội Như Lai hạnh, Tam-muội Tất niệm Phật, Tam-muội Bồ-tát sở hành, Tam-muội Nhạo trí tuệ, Tam-muội Độ thoát kiên trụ, Tam-muội Chư cảnh giới trung vô sở trụ, Tam-muội Quốc độ chủng chủng nghiêm nhập, Tam-muội Như Lai tướng vô tướng nhập, Tam-muội Thập phương nhân vô hình ấn phong, Tam-muội Như Lai xuất tọa, Tam-muội Vô sở úy lạc, Tam-muội Khí quyển trần bảo, Tam-muội Như Lai lực trang nghiêm, Tam-muội Chư kinh pháp tất minh lạc, Tam-muội Thuyết vô sở từng lai giải sự, Tam-muội Tịnh như phạn nhân, Tam-muội Quá khứ vị lai hiện tại tất đẳng nhập, Tam-muội Bốn đoa đương lai đoa vô sở trụ, Tam-muội Trang nghiêm Phật tạng, Tam-muội Phật âm thanh hưởng tất thành. Ông đã đắc sáu vạn môn Tam-muội Như thế. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân từ Tam-muội xuất thì đắc trí tuệ lực, nhập hết vào trong kinh pháp của các Bồ-tát.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân bạch với Bồ-tát Đàm-vô-kiệt:

–Xin Bồ-tát thuyết giảng về âm thanh của Phật sẽ do đâu mà biết được?

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói với Bồ-tát Tát-đà-ba-luân:

–Này Hiền giả! Ông hãy nghe cho rõ! Ví như cây đàn không hầu chẳng phải do một việc mà thành được. Nó phải có cây, có trụ, có dây tơ và có người động tay gảy lên. Âm diệu hay của nó tự tại, muốn gảy khúc điệu nào mà chẳng được.

Này Hiền giả! Ông muốn biết âm thanh của Phật thì cũng như thế. Bồ-tát bắt đầu phát tâm rồi đời đời tu hành, tạo tác công đức, đời đời giáo thọ, đời đời hỏi Phật sự... tập hợp các việc đó lại mới thành thân Phật. Âm thanh của Phật cũng giống như vậy. Những pháp ấy đều từ nhận duyên khởi, cũng chẳng thể từ hạnh Bồ-tát mà được, cũng chẳng thể từ thân Phật mà được, cũng chẳng thể lìa thân Phật mà được. Này Hiền giả! Muốn biết âm thanh của thân Phật thì hợp chung các việc đó thì mới đắc Phật.

Lại nữa, này Hiền giả! Ví như người giỏi thổi ống sáo dài. Âm diệu hay của ống sáo ấy cùng lời ca hòa nhập với nhau. Ống sáo ấy

vốn làm bằng trúc, rồi có người khéo thổi, các việc ấy hợp lại thì tiếng sáo kia mới bi ai. Thành được thân Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác chẳng chỉ do một việc, chẳng do hai việc mà thành. Thành được thân đó là do ngần ấy hàng trăm hàng ngàn việc hoặc do nhiều đời tạo tác công đức. Bản nguyện đã đạt được cũng lại do nhiều đời dạy bảo cho người. Vì thế nên thành thân tướng của Phật và các vẻ đẹp hiện ra hết như vậy. Ví như sau khi Phật Bát-nê-hoàn, có người tạo hình tượng Phật. Mọi người thấy hình tượng Phật không ai chẳng quỳ lạy cúng dường vì tượng ấy đoan chính đẹp đẽ y như Đức Phật không có khác. Mọi người trông thấy, không ai chẳng xưng tán, không ai chẳng đem hương, hoa, lụa là năm màu sắc cúng dường. Hiền giả nói có thần ở trong bụng Phật ấy chẳng?

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đáp:

–Chẳng có thần ở trong bụng đó. Sở dĩ tạo tượng Phật là chỉ muốn cho mọi người được phước mà thôi. Chẳng do một việc mà thành tượng Phật, cũng chẳng do hai việc mà thành. Có vàng, có người thông tuệ, hoặc có người thấy Phật lúc còn tại thế, sau khi Phật Bát-nê-hoàn vì nghĩ nhớ đến Phật nên làm ra tượng, muốn khiến cho ở thế gian cúng dường để đạt phước.

Bồ-tát Tát-đà-ba-luân thưa với Bồ-tát Đàm-vô-kiệt:

–Sau khi Phật Bát-nê-hoàn nên tạo tượng vậy!

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói:

–Theo lời Hiền giả nói, thành thân Phật cũng giống như vậy chẳng do một việc, cũng chẳng do hai việc, mà do hàng trăm ngàn việc. Có người khi xưa vì cầu thành Phật nên tu hạnh Bồ-tát. Người đó hoặc thường thấy Phật và làm các công đức vì thế nên thành tựu được thân Phật, trí tuệ biến hóa, phi hành và thành các tướng tốt, thành Phật là như thế!

Này Hiền giả! Ông hãy nghe nữa. Ví như tiếng trống chẳng do một việc, chẳng do hai việc làm thành, phải có thợ, có da thuộc, có dùi, có người đánh thì mới phát ra tiếng.

Này Hiền giả! Muốn biết Phật chẳng do một việc, hai việc mà phải do ngần ấy ngàn vạn việc mới thành. Có người mới phát tâm có sáu hạnh Ba-la-mật, hiểu biết các pháp vốn không, pháp vốn không

là việc không từ đâu sinh ra. Ngồi dưới cội cây hàng phục chúng ma, các kinh pháp thủy đều hiểu biết như huyễn không có khác vì thế nên thành tựu thân Phật.

Này Hiền giả! Ông hãy nghe nữa. Ví như vẽ người thì phải có vách, có màu, có họa sĩ, có bút, hợp các việc đó lại mới vẽ thành hình người được. Muốn biết thân Phật, chẳng do một việc, hai việc mà phải do trăm ngàn việc mới thành. Bồ-tát có bốn hạnh bố thí, có trì giới chẳng vi phạm mười việc thiện thường theo thầy lành, thường có tâm bình đẳng nghĩ đến mọi người ở khắp mười phương, không có người nào có thể phá hoại được, đời đời thấy Phật, nghe việc làm của hạnh Bồ-tát kiên trì chẳng quên, đời đời chẳng dua nịnh, thường hành chí thành. Này Hiền giả! Muốn biết thành thân Phật là như vậy đó!

Này Hiền giả! Ông hãy nghe nữa. Ví như chỗ dừng nghỉ của trời Sắc cứu cánh là Quán điện, ánh sáng của nó chiếu khắp trên trời hết sức đẹp đẽ. Điện ấy như điện xá trên trời cũng chẳng tự làm, cũng không có người đem lại, cũng không có người tạo tác, vốn không từ đâu lại, cũng không đi đến đâu, do nhân duyên sinh. Những Thiên nhân ấy vốn tạo công đức mà đạt được. Do họ ở thế gian này bố thí nên được sinh lên cõi ấy, dừng nghỉ tại trong điện xá. Do đó các vị ấy được hưởng dụng Thiên cung.

Này Hiền giả! Muốn biết nhân duyên sinh ra thân Phật thì do người thế gian muốn được thấy Phật, người ấy đời trước có công đức nên không bị sinh vào chỗ tám ác (bát nạn) mà người ấy còn được thông tuệ, tin Phật.

Này Hiền giả! Muốn biết thành thân Phật thì thân Phật vốn không từ đâu lại cũng không chỗ đến, không có người tạo tác, cũng không có người đem đến, vốn không có hình, cũng không có dính mắc như cung điện trên trời Sắc cứu cánh. Sở dĩ Phật hiện thân là vì muốn độ thoát mọi người ở thế gian.

Này Hiền giả! Ông hãy nghe nữa. Ví như tiếng vang trong núi chẳng do một việc, chẳng do hai việc có thể thành, mà phải có núi, có người, có tiếng gọi, có tai nghe, tập hợp các việc ấy lại mới thành tiếng vang.

Này Hiền giả! Muốn biết thành thân Phật thì cũng giống như vậy, không có hình, cũng không có dính mắc, do nhân duyên sinh, đời đời thấu hiểu nghĩa không, tu tập về không. Tất cả sinh tử, không sinh tử đều là nhân duyên. Trí tuệ Phật hiểu rõ vốn không có sinh tử, vốn cũng không có Bát-nê-hoàn. Phật thị hiện ở thế gian này thuyết pháp như thế. Này Hiền giả! Muốn biết thân Phật là như thế đó.

Này Hiền giả! Ông hãy nghe nữa. Ví như nhà ảo thuật hóa ra một người đoan chánh đẹp đẽ như là Chuyển luân thánh vương không có khác. Mọi người nghe lời vua nói, không ai là không hân hoan. Nếu có người cầu xin vàng bạc thì vua cho vàng bạc với lòng thương yêu quý trọng, người cần áo chăn thì cho áo chăn. Thánh vương ở trong mọi người, vua ngồi, đứng, bước đi đều an tường. Mọi người nhìn thấy không ai chẳng cung kính lễ bái. Người do ảo thuật hóa ra chẳng do một việc, hai việc làm thành mà phải có chú thuật, có người tụ hội, theo sự vui thích của người mà hóa hiện. Trong số đó có người thông tuệ đều biết đó là người được biến hóa ra. Sự hóa hiện này không từ đâu lại cũng không chỗ đến. Biết nó vốn không chỉ do biến hóa làm ra. Người thông tuệ tuy cung kính lễ bái mà chẳng đắm trước.

Này Hiền giả! Muốn biết thành thân Phật là do nhân duyên làm ra như vậy, do hàng trăm ngàn việc hợp chung mà thành. Có hạnh Bồ-tát, có công đức, có tùy hỷ công đức khiến cho mọi người ở khắp mười phương được an ổn, đầy đủ nguyện của Bồ-tát. Muốn biết thành thân Phật là như vậy đó.

Này Hiền giả! Muốn biết Đức Phật vì người nên đã phân bố kinh, trao cho vô số người mà mỗi mỗi đều khiến họ hành thiện Tam-muội, tư duy phân biệt. Phật vì người mà thuyết kinh mỗi mỗi đều khiến cho họ học. Như vậy chư Thiên, nhân dân nghe pháp không ai chẳng vui mừng. Trong số đó có người kiêu ngạo, có người chẳng biết hổ thẹn, có người dâm loạn, có người tham lam keo kiệt, có người ngoan cố, có người tự dụng, có người ưa chiến đấu, có người chẳng chịu nghe lời can gián, có người bị dâm, nộ, si che phủ, có người làm ác chẳng thể kể xiết. Đức Phật đoan chánh

đẹp đẽ ở giữa mọi người ngồi, đứng, bước đi an ổn. Đức Phật là bậc đã dứt hết các điều ác, chỉ có các đức. Đức Phật đều khiến cho mọi người được an ổn. Đức Phật cũng tự làm Phật sự. Đức Phật vốn tự rỗng không, không có đấng trước. Như người do ảo thuật hóa ra, cũng vậy, Bồ-tát hiện thân đoan chánh đẹp đẽ, tuy thấy đó mà không đấng trước, cũng không có các ý tưởng, tuy biết đó không thật mà vẫn cung kính lễ bái, cúng dường không cùng cực.

Này Hiền giả! Muốn biết chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại hôm nay đều từ hàng ngàn vạn việc, mỗi mỗi đều do nhân duyên sinh. Bồ-tát phải nghĩ như thế, phải tu tập như thế, phải giữ gìn như thế. Bồ-tát hành như thế thì mau được thành Phật.

Lúc Bồ-tát Đàm-vô-kiệt nói về thân Phật thì bốn vạn tám ngàn Bồ-tát liền hiểu được hạnh tận tín, trăm ức Bồ-tát đều được các pháp Đà-lân-ni, hai trăm ức Bồ-tát được khả năng giải đáp mọi nghi vấn không chút ngần ngại, bốn trăm ức Bồ-tát đều đắc Bồ-tát không thoái chuyển, tám vạn ức Bồ-tát đều đắc A-xà-phù hành trụ pháp. Bấy giờ trời mưa hoa Văn-đà-la, hoa Ma-ha Văn-đà-la lên trên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và các Bồ-tát.

Bồ-tát Đàm-vô-kiệt vận dụng oai thần khiến cho các thứ âm nhạc trong khắp cả cõi nước Phật đều tự trở lên. Hàng ngàn vạn Thiên nhân từ trong hư không tung thiên y như mưa lên trên Bồ-tát Đàm-vô-kiệt và các Bồ-tát. Chư Thiên trong hư không trở âm nhạc chung với Bồ-tát Đàm-vô-kiệt. Rất nhiều Thiên y ngay hàng thẳng lối che trùm cả cõi nước Phật. Hương mật cõi trời được đốt lên phân tán khắp nơi. Đất đai trong một cõi nước Phật đều rung động. Các Bồ-tát đều thấy vô số Đức Phật ở khắp mười phương. Đồng thời chư Phật từ xa ngợi khen Bồ-tát Đàm-vô-kiệt rằng: “Hay thay, hay thay!”

Lúc đó các Đức Phật thọ ký cho Bồ-tát Tát-đà-ba-luân sẽ được thành Phật ở đời vị lai, hiệu là Ca-ma-ca-đề-pha-la-da Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Khi vị ấy thành Phật chính hiệu là như vậy. Năm trăm người con gái về sau dần dần cũng được thành Phật. Như vậy thì vào đời Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, năm trăm người con gái liền hóa thành nam tử. Về sau, họ đời đời được sinh ra chẳng

lìa cõi nước chư Phật. Bồ-tát Tát-đà-ba-luân và năm trăm người con gái đời đời thường có tài cao thường giáo hóa người trong thiên hạ.

Đức Phật nói với Tu-bồ-đề:

–Nếu có Bồ-tát đang muốn được thành Phật hoặc thấy Đức Phật đang tại thế hoặc sau khi Phật Bát-nê-hoàn mà muốn tìm cầu Bát-nhã ba-la-mật thì phải thường tinh tấn, phải thường cung kính Bát-nhã ba-la-mật, phải như Bồ-tát Tát-đà-ba-luân đó.

M

Phẩm 30: CHÚC LỤY

Đức Phật lấy tay vỗ vai A-nan ba lần và nói với A-nan:

–Ta chúc lụy cho ông Bát-nhã ba-la-mật, hãy ghi nhớ kỹ càng. Này A-nan! Bát-nhã ba-la-mật này đã chúc lụy cho ông. Ông phải ghi nhớ kỹ càng tỏ rõ từng chữ, ghi chép kỹ càng tỏ rõ chỗ để thiếu sót. Lúc biên chép phải nhìn kỹ, chớ ngó tả hữu. Tất cả đều e sợ đang lúc làm việc này có trở ngại. Hãy kỹ càng đừng để kinh này bị thiếu sót một chữ.

Này A-nan! Ta chúc lụy cho ông Bát-nhã ba-la-mật này. Vì sao? Này A-nan! Vì kinh này là kinh tạng vô tận của các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ, vị lai, hiện tại. Kinh này trấn các pháp, các kinh khác đều từ kinh này sinh ra. Này A-nan! Các Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác quá khứ, vị lai, hiện tại hôm nay đã vì mọi người giảng nói kinh, đã làm ra kinh quyển chẳng thể kể xiết và đủ thứ trí tuệ khác. Bao nhiêu thứ kinh điển mà mọi người thấy được thì đem lại bấy nhiêu sự hoan hỷ, mỗi người đều theo đó tu hành. Những điều nói về con đường vào trí tuệ của mọi người là những điều Đức Phật quá khứ, vị lai, hiện tại hôm nay nói. Tất cả những kinh pháp ấy đều xuất phát từ trong tạng Bát-nhã ba-la-mật.

Này A-nan! Ngần ấy thứ tướng được thấy, đủ thứ sở hành, ngần ấy thứ căn cơ, ngần ấy thứ thông minh, ngần ấy thứ ngu si,

ngân ấy thứ trí tuệ. Tất cả mọi sự mong cầu cho đến sự mong cầu về trí tuệ của mọi người, Như Lai đều biết là từ trong Bát-nhã ba-la-mật sinh ra.

Này A-nan! Bát-nhã ba-la-mật là mẹ của Đức Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác. Các trí tuệ sáng suốt đó, thân ta đó đều từ trong Bát-nhã ba-la-mật sinh ra.

Đức Phật bảo A-nan:

– Ông kính lời của ta. Nếu kính ái thừa sự ta thì tự thân ông đã cung kính đối với Phật, ông có lòng kính yêu đối với Phật, ông có lòng hiếu thuận đối với Phật. Mọi sự cung kính đối với Phật, ông đem lòng kính yêu hiếu thuận này cung kính đối với Bát-nhã ba-la-mật. Như vậy, này A-nan! Ông cung kính pháp này tức là đã cúng dường chư Phật rồi.

Này A-nan! Ta đem pháp này phó chúc cho ông. Những điều ông phải làm đều đã làm rồi. Thân ông cũng có kính yêu, miệng ông cũng có kính yêu, tâm ông cũng có kính yêu. Ông có lòng hiếu thuận đối với Phật, chẳng nói không có hiếu thuận. Thân ông thường được gặp Phật đúng lúc, chẳng nói chẳng đúng lúc. Miệng ông thường nói đúng như pháp, chẳng nói chẳng đúng như pháp. Tâm ông thường tịnh khiết không có vết nhơ. Ông thấy Phật, chẳng nói chẳng thấy Phật, như vậy là ông đã báo ân Phật rồi. Ta nói với ông, này A-nan! Ở trong Bát-nhã ba-la-mật này quên mất một chữ, mà ông bỏ, ông buông đi chẳng chép thì ông không có lòng hiếu thuận đối với Phật. Ông chẳng còn được thấy ta nữa.

Này A-nan! Ông đã không còn vâng theo lời Phật dạy. Này A-nan! Ông đã chẳng còn thừa sự ta nữa.

Đức Phật nói với A-nan:

– Sự cung kính của ông đối với Phật từ trước đến nay hoàn toàn không còn là cúng dường Phật nữa. Nếu như từ trong Bát-nhã ba-la-mật mà quên mất một câu, một lời rồi bỏ qua thì đã là bội ân Phật.

Đức Phật bảo A-nan:

– Ông phải ghi nhớ kỹ càng Bát-nhã ba-la-mật này, phải đem lòng kính yêu hiếu thuận đối với Phật mà đối với giáo pháp này.

Ông phải vì tất cả giáo pháp của các Đấng Thiên Trung Thiên quá khứ, vị lai, hiện tại mà cúng dường. Nếu các Bồ-tát thực hiện lòng thương rộng lớn đối với các hữu tình thì ông phải coi các vị ấy như Phật. Ông cung kính pháp của chư Phật là ông đã gần gũi hộ trì Phật tạng. Ông phải ghi nhớ kỹ càng như thế đối với Bát-nhã ba-la-mật. Ông phải nắm lấy kỹ càng chớ để sót mất một chữ. Sau khi Phật Bát-nê-hoàn, ông phải hộ trì kinh này chớ để thiếu sót. Ông phải đem trao Kinh tạng của chư Phật này cho Đại Bồ-tát.

Này A-nan! Chính tay ta giao phó cho ông. Ông phải đem trao cho Đại Bồ-tát thọ trì pháp này.

Này A-nan! Công đức của Bồ-tát tạo ra phá tan lao ngục sinh tử đau khổ. Những kẻ vô tri bị trói buộc đều được giải cứu. Các ma và bè lũ của chúng đều bị hàng phục. Các pháp thuộc về dục đều bị trừ khử. Vị ấy chính thức bước lên chỗ ngồi của Phật làm Đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đã thành Phật đạo thì khai giải cho kẻ không mù tối, kẻ ngu si.

Đức Phật nói với A-nan:

–Đó là đại đạo chính yếu bậc nhất, không có cái đạo chính yếu thứ hai, đó là trí tuệ Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, đó là yếu quyết Bát-nhã ba-la-mật.

Đức Phật nói với A-nan:

–Sau khi ta Bát-nê-hoàn, ông giáo hóa hết dân chúng trong khắp tam thiên đại thiên thế giới vào trong kinh pháp, đều khiến họ thành tựu được đạo A-la-hán. Mỗi ngày ông giáo hóa số người như thế trải qua một kiếp hoặc một trăm kiếp. Ông vì họ giảng nói kinh pháp khiến cho họ được Bát-nê-hoàn. Tuy thế, ông thường chẳng thừa sự đầy đủ đối với ta, chẳng bằng ông đem một câu trong Bát-nhã ba-la-mật dạy Bồ-tát học. Ông làm như thế là thừa sự Phật đầy đủ, là cúng dường đầy đủ.

Đức Phật dạy:

–Hôm nay ở đây ta khen ngợi ông, chúc lụy Bát-nhã ba-la-mật đến một kiếp, trăm kiếp cũng chẳng thể nói hết. Ta nay chỉ nói đại khái mà thôi.

Đức Phật nói với A-nan:

–Hôm nay ta hỏi ông, ông phải trả lời.

Đức Phật từ trong ca-sa đưa ra cánh tay sắc vàng. Ngài đưa bàn tay hữu đặt lên đầu A-nan, xoa đầu A-nan rồi đặt tay lên vai A-nan và nói:

–Này A-nan! Thế nào, ông có lòng kính yêu đối với Phật chăng?

A-nan thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, tự Ngài phải biết!

Hỏi đáp như vậy đến ba lần.

Đức Phật lại hỏi A-nan:

–Này A-nan! Thế nào, ông có lòng hiếu thuận đối với Phật chăng?

A-nan thưa:

–Bạch Đức Thiên Trung Thiên, tự Ngài phải biết!

Hỏi đáp như vậy đến ba lần.

Đức Phật bảo:

–Đúng vậy, này A-nan! Ông có lòng kính yêu đối với Phật. Vì để báo ân Phật, này A-nan! Ông phải hết sức tôn trọng cung kính Bát-nhã ba-la-mật. Ông phải kính yêu đối với từng câu kinh này. Từng câu ghi nhớ trong lòng phải thật rõ ràng. Những ý nghĩ khác ở trong lòng đều phải bỏ hết. Hãy đặt hết tâm ý vào Bát-nhã ba-la-mật mà chép kinh này ngay từ chữ đầu tiên. Khi có người thọ trì, người học tập thì ông phải truyền trao kỹ càng cho Đại Bồ-tát. Ông phải trao cho họ kinh quyển bằng giấy lụa bền đẹp, chép khéo, câu kinh trên dưới tương xứng. Lúc biên chép phải chọn bút tốt, chép trên giấy lụa đẹp. Phải tự hường về kinh quyển thừa sự, lễ bái, cúng dường bằng hương bột thơm quý, hương tạp, trạch hường, lụa là năm màu sắc, lọng đẹp, cờ phướn... Tất cả như hương của cõi trời hòa lẫn trong dầu mè. Dầu mè tinh khiết, bắc đèn tốt, tự hường về Bát-nhã ba-la-mật rồi cúi lạy đầu mặt sát đất, rồi lui về thấp đèn lên, càng thêm cung kính, lễ bái, thừa sự.

Khi nói kinh Bát-nhã ba-la-mật này, Đức Phật ngồi ở chính giữa các đệ tử trong núi Kỳ-xà-quật gần thành La-duyệt-kỳ.

Đức Phật thành đạo năm ba mươi tuổi, ngày rằm tháng chạp, sau bữa ăn, Ngài nói kinh xong, các đệ tử, các Bồ-tát, chư Thiên, các A-tu-luân, các Rồng, Quỷ thần, các dân chúng đều rất hân hoan đánh lễ Phật rồi lui về.

